

NGUYỄN ĐÌNH NHAN



ĐẾ VƯƠNG
TRUNG HÓA

Mục lục

LỜI NÓI ĐÂU

TAM HOÀNG NGŨ ĐỆ

NHÀ HÀ

NHÀ THƯƠNG

TÂY CHU

ĐÔNG CHU

THỜI KỲ XUÂN THU

THỜI KỲ CHIẾN QUỐC

NHÀ TÂM

TÂY HÁN

ĐÔNG HÁN

TAM QUỐC

THỤC HÁN

NGÔ QUỐC

TÂY TÂM

ĐÔNG TÂM

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - TIỀN TRIỆU

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - HẬU TRIỆU

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - NHIỄM NGUY

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - THÀNH HÁN

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - TIÊN YÊN

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - HẬU YÊN

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - BẮC YÊN

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - NAM YÊN

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - TÂY YÊN

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - TIÊN LUƠNG

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - HẬU LUƠNG

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - NAM LUƠNG

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - TRIỀU BẮC LUƠNG

THẬP LỤC QUỐC (MUỜI SÁU NƯỚC) - TRIỀU TÂY LUƠNG

TIÊN TÂM

HẬU TÂM

TÂY TÂM

ĐẠI QUỐC

ĐẠI HẠ

NHÚ NHIÊN

NAM BẮC TRIỀU

TRIỀU TÊ

TRIỀU LUƠNG

TRIỀU TRÂM

BẮ́C TRIỀ́U - BẮ́C NGUY

BẮ́C TRIỀ́U - TRIỀ́U ĐÔNG NGUY

BẮ́C TRIỀ́U - TRIỀ́U TÂY NGUY

BẮ́C TRIỀ́U - TRIỀ́U BẮ́C TẾ

BẮ́C TRIỀ́U - TRIỀ́U BẮ́C CHU

TRIỀ́U TÙY

TRIỀ́U ĐƯỜNG

TRIỀ́U THỔ PHIÊN

TRIỀ́U NAM CHIỀ́U

TRIỀ́U ĐẠI ĐẠI TRƯỜNG HÒA

NUỐC ĐẠI THIÊN HƯNG

TRIỀ́U ĐẠI LÝ (TIỀ́N LÝ)

NUỚC ĐẠI TRUNG

TRIỀ́U HẬU LÍ

TRIỀ́U HỘ́I HỘ́

NGŨ ĐẠI THẬP QUỐ́C

TRIỀ́U HẬU LƯƠNG

TRIỀ́U HẬU ĐƯỜNG

TRIỀ́U HẬU TẤN

TRIỀ́U HẬU HÁN

TRIỀ́U HẬU CHU

TRIỀU NGÔ

NUỚC SỞ

NUỚC MÂN

NUỚC TIỀN THỰC

NUỚC HẬU THỰC

TRIỀU NAM BÌNH

TRIỀU NAM ĐƯỜNG

TRIỀU BẮC HÁN

TRIỀU NAM HÁN

TRIỀU BẮC TÔNG

TRIỀU NAM TÔNG

TRIỀU LIÊU

TRIỀU BẮC LIÊU

TRIỀU TÂY LIÊU

TRIỀU KIM

TÂY HẠ

TRIỀU NGUYÊN

TRIỀU BẮC NGUYÊN

TRIỀU MINH

TRIỀU NAM MINH

TRIỀU THANH

NHỮNG CÁI NHẤT CỦA CÁC ĐẾ VƯƠNG TRUNG QUỐC

LỜI NÓI ĐẦU

"Lịch sử 5.000 năm phong kiê n của Trung Quô c là lịch sử đâ u tranh quyê n lực giûa các triê u đai liên tục thay đỗi. Đại biếu cho nhûng thê lực â y là người đứng đâ u các vương triê u: các đê vương. Hâ u hê t đê vương, bâ t kĕ xuâ t thân ra sao, vương triê u dài ngă n thê nào, đê u có nhûng đặc điểm chung là ham thích quyê n lực tuyêt đô i, mê đă m hưởng lạc và tha thiê t muô n sô ng vĩnh viễn.

Kể lại chuyện các vua chúa Trung Quô c xưa trong cuô n sách nhô này, chúng tôi có tham khảo nhiê u giai thoại, truyê n thuyê t nhưng tâ t cả các chi tiê t hoặc niên đại trong sách đê u dựa vào chính sử Trung Quô c. Và dĩ nhiên, chúng tôi còn được kê thura nhiê u tư liệu phong phú của các sử gia Trung Quô c hiện đại.

Tuy vậy, tùy thuộc vào tư liệu có thể có, chúng tôi chỉ chọn lọc một vài chuyện hâ p dẫn, qua một sô triê u đai nổi tiê ng trong lịch sử phong kiê n hàng ngàn năm của Trung Quô c để kể cho các bạn".

TAM HOÀNG NGŨ ĐẾ

(THỜI ĐẠI TRUYỀN THUYẾT)

Tam hoàng ngũ đế thuộc những đế vương sớm nhất trong truyền thuyết Trung Quốc. Họ là những thủ lĩnh bộ tộc, bộ lạc, liên minh bộ lạc, không phải là đế vương trong ý nghĩa hiện đại.

Từ xưa đến nay, Tam hoàng ngũ đế do các nhà khảo cổ Trung Quốc ở Sơn Khu phía tây tỉnh Liêu-ninh đã khai quật đàn tế miếu nữ thần và quân thể gia đình được tạc bằng đá, cách ngày nay hơn 5000 năm.

Căn cứ theo điều tra số hộ ban đầu, nơi đây hơn 5000 năm trước đã có một xã hội văn minh nguyên thủy theo mô hình quốc gia phát hiện quan trọng này, khẳng định một đế ư, cách đây hơn 1000 năm trước. Truyền thuyết Tam hoàng ngũ đế là căn cứ vào sự thật. Họ dám khẳng định. Theo đá của những văn vật đã khai quật được. Bộ mặt của các vị Tam hoàng ngũ đế ngày càng hiện ra rõ nét, và thần thoại truyền thuyết đã đan dệt thêm thắt làm cho mọi người nghi hoặc, làm rõ bộ mặt chân thật của họ, làm những nhân vật làm mưa làm gió Tiên Vũ đài lịch sử Trung Quốc. Vậy Tam hoàng ngũ đế là những ai? Trong lịch sử Trung Quốc có nhiều cách nói khác nhau? Ở đây chỉ đưa ra cách nói trong quyển đế vương thế kỷ và quyển Thê bản của Tôn Thị Hỗng, thắt ng được tam hoàng là Thái Hạo Phục Hi Thị, viêm đế Thân nông Thị Hoàng đế. Ngũ đế là Thiệu Hạo Chuyên Húc) Cao tân (đế khổ) Đường Nghiêu Ngu Thuận.

8 nhân vật trên theo truyền thuyết, một người vì dân ném thú cây thuộc bị độc chết, một người hóa thành rồng bay vè trời, một người sau khi chết đã hóa thành nửa người, nửa cá (Người cá), một

người bị chết trên đường đi tuấn ở phương Nam, 4 người còn lại chết ở nhà do bệnh già.

THÁI HẠO PHỤC HI THỊ

Thái Hạo Phục Hi Thị họ Phong, theo truyến thuyết ông ta trị vì 150 năm, chết ở huyện Trấn - nay là (huyện Hoài Dương tỉnh Hà Nam) táng ở phía bắc. Cách thành Hoài Dương 3 km (nay là phía Tây Nam, huyện Hoài Dương, tỉnh Hà Nam).

Thái Hạo Phục Hi Thị. Trong truyến thuyết ông ta là thủ lĩnh nổi tiếng của dân tộc Đông Di thời cổ đại, sinh ra ở Thành Kế (nay là phía bắc huyện Trấn An, tỉnh Cam Túc). Sống ở huyện Trấn. Ông ta là mình rắn - đấu người. Do ông ta làm thủ lĩnh nên đã chọn rống-rắn làm vật thờ cúng.

Tương truyến ông ta căn cứ vào đạo lý biến đổi ánh sáng sáng tạo ra bát quái, dùng 8 loại phù hiệu giản đơn, mà lại có dụng ý sâu xa bao quát vạn vật, vạn chuyện trên trời dưới đất. Ông mô phỏng cách thức con nhện chăng tơ để làm lưới đánh bắt cá, chỉ giáo bộ tộc đánh cá, săn thú - trống trọt, ông còn chế tạo ra loại nhạc cụ gọi là đàn. Sáng tác ra sáo nhạc "giá biến" Điếu đó cho thấy thời đó bắt đấu có ánh sáng bình minh cho nến văn hóa của nhân loại.

Thành thử trong Thư Tịch cổ thời Hán ở quyển Hoài Nam Tử Thiên Văn Huấn nói: vế sau Thái Hạo Phục Hi Thị trở thành thiên đế ở phương Đông. Người giúp đỡ ông ta là Mộc Thấn Bao Mang. Trong tay ông ta nắm hết mọi việc, quản cả thời tiết xuân sắp đến, mặt đất hối xuân, vạn vật trường sinh. Các học giả thời cổ đại đã lấy 5 loại vật chất Kim-Mộc-Thủy-Hỏa-Thổ. Để giải thích sự khởi nguyên và biến hóa của sự vật. Các đế vương thường lấy 1 trong 5 loại vật chất đó làm đối tượng thờ cúng. Trong "Lã Thị Quân Thu. Mạnh xuân ký". Ông Cao Tú Uông nói: Thái Hạo sinh ra đã chọn Mộc Đức để trị vì thiên hạ. Sau khi ông ta chết đã cúng tế ở phương Đông, trở thành Thiên Đế của Mộc Đức. Trong đạo giáo cũng nói ông ta là thiên đế của phương Đông.

Theo truyền thuyết Thái Hạo và Phục Hi là 2 người Tử quyết n "Thê Bản". Trong sách sử từ thời tiên Tân đã đem gộp 2 người làm một.

Sau khi ông ta chết. Con cháu ông men theo phía bắc bờ sông Hoài-tiền xuông phía đông, và tiến xuông hạ lưu sông Hoàng Hà, không chê một giải vùng hạ lưu, thời Xuân Thu xây dựng được 4 vương quốc nhỏ. Tổng cộng 15 đời.

VIÊN ĐÊ THÀN NÔNG THỊ

Viên Đê Thàn Nông Thị. Ông ta họ Khương hiệu là: Liệt Sơn Thị. Theo truyền thuyết ông ta trị vì 140 năm từng ném qua các loại hoa cỏ, vì ném phải cỏ độc nên đứt ruột chết, táng ở Trà Lăng (nay là huyện Trà Lăng tỉnh Hồ Nam). Viêm Đê Thàn Nông Thị, theo truyền thuyết ông ta là thủ lĩnh nổi tiếng của bộ lạc Khương, thời cổ đại hiệu là: Liệt Sơn Thị (một truyền khác nói là: Lê Sơn Thị). Một số bộ lạc này cư trú ở lưu vực Khương Thủy, Mẽ Đói Sinh ở thị trấn Bắc Lệ Sơn. Thành phố Tùy Châu tỉnh Hồ Bắc ngày nay. Đầu tiên cư trú ở huyện Trấn, về sau xuông dời hướng đông và định cư ở Khúc Phụ (nay là phía đông bắc huyện Khúc Phụ Tỉnh Sơn Đông).

Theo truyền thuyết ông ta là người đầu trâu. Do ông làm thủ lĩnh bộ lạc, nên chọn con trâu là vật thờ cúng. Ông ta dùng gỗ làm các công cụ trong nông nghiệp như: Cày, bừa - lanh đạo nhân dân làm các việc trồng trọt, lại tìm ra các cây thuốc chữa bệnh cho người, được tôn khiêm là người sáng chế ra thuốc Bắc và nông nghiệp. Ông ta chia giới tuyến đường đi ở bản Tuyênn (nay là phía đông nam huyện Trắc Lộc tỉnh Nam Hà) nảy sinh xung đột lớn với Hoàng đế. Đánh nhau bị thua trận, bắt tay hòa bình. Sau đó dẫn đầu trong việc mở rộng dân cư xuông hạ lưu sông Hoàng Hà Mẽ Đói và Hoàng đế liên minh bộ lạc với nhau tạo thành một bộ phận chính yếu của bộ tộc Hoa Hạ. Bộ tộc Hoa Hạ về sau lại phát triển thành dân tộc Hán. Vì vậy con cháu của dân tộc Hán về sau này được gọi là "Con cháu của Mẽ Đói".

Trong truyề`n thuyê`t Mẽ Đói - thâ`n y là 2 người vê` sau trích từ Quyê`n (thê` bản) chỉ nói là một người "Hoài Nam Tử Tư phục biên". Mẽ Đói thâ`n nông nghiệp có một chiê`c roi thâ`n, tên của nó là Giả tiên. Dùng cái roi này nhô` thuô`c hoa cỏ, biê`t được cây thuô`c đó có độc hay không? Công hiệu như thâ`n, ngoài tính lạnh - nó còn có tính nóng. Ông ta còn dùng hoa cỏ chữa bệnh cho người. Ngày nay ở núi Thành Dương tỉnh Sơn Đông còn có một ngọn núi nhỏ, có tên là: Thâ`n nông nguyên (còn có một tên khác là Dược cỏ sơn).

Theo truyề`n thuyê`t mỗi năm Mẽ Đói thâ`n nông nghiệp thường đê`n đây dùng roi thâ`n để thử hoa cỏ cây thuô`c. Ông ta còn tự mình nê`m thử mùi vị của trăm loại hoa cỏ. Biê`t được công hiệu của chúng ra làm sao? Có một lâ`n ông ta nê`m thử 70 loại cỏ giải trừ tính độc của nó, chuyển nguy thành an. Vê` sau ông ta lại nê`m thử một loại thuô`c làm đứt ruột không có cách gì cứu chữa được. Cuô`i cùng ông bị đứt ruột chê`t. Ngày nay ở thành phô` Thái Nguyên tỉnh Sơn Đông còn có một cái đinh nê`m thuô`c của Mẽ Đói.

Nhân Chu An (đời Minh) trong quyển "Khai Bích hành nhích" hô`i thứ 13 có nói: Trong truyề`n thuyê`t dân gian ở khu vực tứ xuyên Mẽ Đói thâ`n nông nghiệp nê`m được một con sâu có 100 chân, sau khi nuô`t nó vào bụng, nó biê`n thành những con sâu nhỏ không có cách gì cứu chữa. Cuô`i cùng bị chê`t.

Truyề`n thuyê`t này cũng tương tự truyề`n thuyê`t nê`m phải cỏ độc. Đিলu đó nói rõ Mẽ Đói là thâ`n nông nghiệp có tâ`m lòng nhân ái, sẵn sàng xả thân vì người khác.

Sau khi Mẽ Đói thâ`n nông nghiệp chê`t, con cháu của ông ta truyề`n đê`n 8 đời mới bị tuyệt tự. Tổng cộng kéo dài 560 năm.

HOÀNG ĐÊ`

Hoàng Đê`! Ông ta mang họ Kê - một truyề`t khác nói là họ Công Tôn hiệu: Hiên Niên Thị - là một thủ lĩnh bộ lạc liên minh ở lưu vực sông Hoàng Hà cách đây hơn 4000 (ngàn) năm, được tôn khiêm là tổ tiên cộng đồng của dân tộc Hoa Hạ.

Theo truyề́n thuyề́t sống đến 100 tuổi hóa thành rống bay vế trời, lại có truyề́n thuyề́t nói - Ông ta trị vì 100 năm, sống đến 111 tuổi, chết ở Kinh Sơn (nay thuộc phía nam thị trấn Văn Hương, huyện Linh Bảo, tỉnh Hà Nam) táng ở núi Kiếu quận Thượng (nay núi Kiếu phía Tây Bắc huyện Hoàng Lăng tỉnh Thiểm Tây).

Hoàng Đế ! Sinh ở Hiên Viên (nay là Tây Bắc huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam) Lúc đấ u cư trú ở Hữu Hùng (nay là Tây Bắc huyện Tân Trịnh, tỉnh Hà Nam) vế sau đổi tên là Vân. Bộ lạc của ông ta và bộ lạc của Mẽ Đói chung sống ở cao nguyên Tây Bắc, cùng sinh ra ở Thiếu Điến Thị phân chia ranh giới, đánh bại Mẽ Đói và vế sau hợp nhất với Mẽ Đói tạo thành bộ lạc liên minh.

Theo truyề́n thuyề́t thủ lĩnh tộc Cửu Lê (tên bộ lạc Nam phuong thời cổ đại) là Trùng Uuu hung bạo ngang ngược thường xâm lược các bộ lạc khác, Mẽ Đói bị ông ta đánh bại. Đến cùu cứu Hoàng Đế . Hai người hợp sức với nhau đánh một trận quyé́t chiến với Trùng Uuu ở ngoại ô Lộc Giả. Hoàng Đế dẫn đấ u 6 bộ lạc chọn: gấu, hổ, con tè (một loài dã thú trong sách cổ) sói vàng tè hưu, gấu ngựa làm tó tom, đánh nhau với Trùng Uuu.

Trùng Uuu có 81 anh em đế u mìnđống da sắt hung ác vô cùng. Các thuộc hạ dùng vũ khí lợi hại như: Dao, cung, khiên... chiến đấ u oanh liệt, cuộc chiến diễn ra gay gắt, khó phân thắng bại, Trùng Uuu giờ sở trường của mình ra: từ lỗ mũi phun ra một trận mây khói. Lúc này trời đất hồn độn, mưa to gió lớn, sấm chớp đùng đùng, kéo dài như vậy 3 ngày, quân của Trùng Uuu chiến đấ u hung dữ. Quân của Mẽ Đói lạc phuong hướng, lòng quân dao động, Hoàng Đế ra lệnh làm một cái xe la bàn. Trên xe có một người nhỏ bắng sắt, giơ tay chỉ hướng nam, từ đó nhận được biết phuong hướng, xông ra chiến đấ u - đánh bại được tộc Cửu Lê, gié́t Trùng Uuu. Sau chuyện này, Hoàng Đế được chọn làm thủ lĩnh của bộ lạc liên minh.

Thời Hoàng Đế ! có rất nhiếu phát minh quan trọng. Ví dụ: nuôi tắm dệt lụa, đóng xe, làm nhà, viết chữ, đính số lịch pháp, vṹ khí ra đời... Người đời sau tôn ông ta là "Người có tài phát minh ra trăm vật".

Bắt đấu từ hậu kỳ Xuân Thu, ông ta được tôn là tổ tiên tộc Hán.

Trong quyển "Bao Bấc Tử cập ngôn biên" dẫn ra trong "liệt tiên truyện" có nói "Hoàng Đế vào những năm cuối đời tự mình tiên đoán được ngày chết. Đến ngày này ông ta cáo biệt với quân thấn rối chết, táng ở núi Kiếu. Không lâu trên mộ núi Kiếu bỗng chối nén, nhưng trong mộ không có thi thể - chỉ có kiế́m và giấy của ông ta. "Sử ký phong đơn thư" cũng có truyề́n thuyề́t nói: Hoàng Đế sống đến 100 tuổi, đi lên núi Đô Dương đúc một cái đình đống. Sau khi đúc xong có một con rống bay xuống đón ông ta. Ông ta cùng rống bay về trời, rất nhiếu quấn thấn muốn vế trời cùng ông ta, liếu mạng túm đuôi rống không dám thả và bị rơi rất nhiếu người.

Sử ký Ngũ đế bản ký nói: Hoàng Đế sống đến 100 tuổi thì chết. Lăng mộ Hoàng đế có rất nhiếu ở Thiểm Tây - Cam Túc - Hà Nam - Hà Bắc, trong đó ngôi mộ ở núi Kiếu thuộc huyện Hoàng Kỳ tỉnh Thiểm Tây là nổi tié́ng nhất. "Quốc ngũ phô ngũ" nói: Hoàng Đế có 25 người con cháu, trong đó có 14 người hợp thành 12 họ tộc Đế vương ở 3 đời Hạ Thương Chu đếu là hậu duệ của ông ta.

THIẾU HẠO

Thiếu Hạo, họ Dĩ, hiệu Kim Thiên Thi, một hiệu khác: Cùng Tang Thị Thanh Dương Thị. Sống đến 100 tuổi, trị vì 84 năm, chết ở Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông, táng ở núi Văn Dương (nay thuộc phía Tây Nam huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông).

*

Thiếu Hạo là thủ lĩnh bộ lạc Đông Di, đấu tiên cư trú ở Cùng Tang (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông), sau di cư xuống Thanh Dương (nay thuộc huyện Thanh Dương tỉnh An Huy), tương truyề́n là hậu duệ của hoàng đế, mẹ ông ta là Luy Tô, bộ lạc ông ta chọn chim làm tòtem. Phượng hoàng là tên chúa quan lớn nhất, người xử lý các hình phạt gọi là chim ưng, người quản lý quân đội gọi là diếu hâu, ngoài ra còn có các chức vụ quản quản lý

nông nghiệp, quan quản lý công nghiệp, chia ra quản lý nông nghiệp và thủ công nghiệp.

Bộ lạc của Thiế u Hạo có 24 thị tộc, chọn Yêm làm trung tâm, sinh sôi ng ở bán đảo Sơn Đông ngày nay, nơi đó gọi là vương quố c của Thiế u Hạo.

Hoài Nam Tử thời tắc biến ghi chép sau này Thiế u Hạo cử một người con trai là Bao Mang làm trợ thủ cho Thái Hạo Phục Hi Thị, sai một người con khác là Nhũ Thụ đến phương Tây làm thiên đế, quản lý 12 năm.

Sau khi Thiế u Hạo chết, con cháu ông ta từ bán đảo Sơn Đông tràn xuống lưu vực sông Giang Hoài, nước Đàm thời Xuân Thu và đế vương triếu Chu là hậu duệ của ông ta.

CHUYÊN HÚC

Chuyên Húc họ Cơ, hiệu Cao Dương Thị, sống đến 98 tuổi, trị vì 78 năm, táng ở phía Đông Nam huyện Bố Dương tỉnh Hà Nam, chết hóa thành ngư phụ" (nửa người nửa cá).

Chuyên Húc, trong truyến thuyết là thủ lĩnh bộ lạc liên minh Mẽ́ Đói - Hoàng Đế, cư trú ở Cao Dương (nay thuộc phía Tây huyện Dĩ tỉnh Hà Nam), trong "Sơn Hải Kinh, Ngũ Tàng Sơn Kinh và Quố c Ngũ Sở Ngũ" nói ông ta là con cháu của Xương Ý (đời thứ hai của Hoàng Đế) mẹ là con gái của tộc Dao Sơn, tên là Xương Bố c, ông ta sinh ở Nhược Thủy (thuộc huyện Vinh Kinh tỉnh Tứ Xuyên), cư trú ở Đế Khâu (nay thuộc Tây Nam huyện Bắc Dương tỉnh Hà Nam), từ nhỏ đã cùng chú đi tới vương quố c của Thiế u Hạo, 10 tuổi giúp cha quản lý việc chính trị, 20 tuổi làm thủ lĩnh. Lúc đó tộc Cửu Lê bị hoàng đế chinh phục vẫn tôn thờ Vu Giáo, sùng bái quý thấn, sau khi nêu ngôi thủ lĩnh, bắt tội Cửu Lê theo giáo hóa của Hoàng Đế, ông coi trọng hiến tài tích cực phát triển nông nghiệp.

Lúc này hậu duệ của Mẽ́ Đói là Cung Cung tranh chức thủ lĩnh với ông, hai bên đánh nhau quyết liệt, đánh từ trên trời xuống đến đất, từ phương Đông sang phương Tây, đánh đến chân núi Bất Chu ở phương Tây Bắc. Cung Cung không thắng, tức giận húc đấu

và cột trụ trên núi Bất Chu, cây cột bị gãy. Vùng Đông Nam thủng một lỗ lớn, nước ở các sông đê` u chảy vê` đó, tạo ra biển lớn.

Trong quyển "Thượng Thư Lã hình" nói Chuyên Húc lo xuất hiện Trùng Uu thứ hai đê` n xúi giục dân phản lại ông ta. Người và thâ`n hợp sức với nhau, thiên hạ sê`n xảy ra họa lớn, nguy hại đê`n sự thô`ng trị. Ông ra lệnh cho Trọng và Lê dùng sức lực phân chia ranh giới giñra trời và đâ`t, không cho người và thâ`n tự do đi lại, từ đó trời và đâ`t râ`t cách xa nhau, chặng được con đường thông giñra trời và đâ`t, khiê`n người và thâ`n phân li chỉ có thâ`n mới xuô`ng được trâ`n gian còn con người không có cách gì lên trời. Sai Trọng quản lý phía Nam, trông coi việc tê` trời, Lê quản lý phía Bă`c, trông coi dân sự. Truyê`n thuyê`t này cho thâ`y, thời đó đã phân chia chức vị giñra thâ`n và người. Tôn giáo nguyên thủy đã hướng vê` thâ`n quyê`n.

Chuyên Húc thích âm nhạc, chú ông ta đã làm một cây đàn tặng ông ta.. Sau này, ông phỏng theo âm thanh của các loại đàn sáo, sai người soạn ra khúc ca "Thùa Van".

Lăng mộ của Chuyên Húc có ở nhiê`u nơi "Sơn Hải Kinh. Đại Hoang Tây Kinh" nói: Khi Chuyên Húc chê`t, gió lớn từ phương Bă`c thổi đê`n, dưới đâ`t lộ ra một dòng nước lớn ră`n biê`n hê`t thành cá. Thân thể ông ta biê`n ra nửa người nửa cá, một nửa thân hình là cá vẫn còn sô`ng, còn nửa thân là người thì chê`t.

ĐÊ` KHÔ`

Đê` Khô`, họ Cơ, tên là Tuâ`n, hiệu Cao Tân Thị, sô`ng đê`n 100 tuổi, trị vì 70 năm, táng ở Bă`c Dương tỉnh Hà Nam, một thuyê`t khác nói táng ở phía Tây Nam huyện Thanh Phong tỉnh Hà Nam.

*

Đê` Khô`, là thủ lĩnh của bộ lạc liên minh Mẽ Đói - Hoàng Đê` , là hậu duệ của Huyê`n Khí con trưởng của Hoàng Đê` , tổ phụ là Thiê`u Hạo, cha tên là Kiê`u Cập, là người thân của Chuyên Húc, lúc 15 tuổi đi theo Chuyên Húc, được phong đâ`t ở Tân, làm thô`ng lĩnh bộ lạc do 8 thị tộc hợp thành, 30 tuổi làm thủ lĩnh, dời đê`n cư trú ở Bă`c

(nay thuộc tỉnh Hà Nam), tranh chức vị thủ lĩnh với Cung Cung và đã đánh bại ông ta.

"Đại đới lẽ. Ngũ đế đức" nói: Vào mùa xuân ông ta hóa thành rống, mùa thu hóa thành ngựa, có thể sai khiến được chim phượng. Ông giúp con trai đi bắt sao Thương và sao Thân, vế sau lại hóa Kháng thành hai ngôi sao nhỏ, thả mỗi ngôi một phượng vĩnh viễn không cho chúng gặp nhau. Phi tử của ông ta có thể nuốt chửng mặt trời, mỗi lấn nuốt lại sinh hạ một người con trai. Phi tử Khuong Nguyên sinh ra Hậu Quý trở thành tổ tiên của tộc Chu, phi tử Giai sinh ra Khiết là tổ tiên của tộc Thương, phi tử Khánh Đê sinh ra Nghiêu, phi tử Thường Nghĩa sinh ra Chí.

Sau khi Đế Khố chết, Chí tiếp nhận chức vụ thủ lĩnh. Chí hoang dâm vô độ, không chú trọng công việc trị quốc bị các thủ lĩnh bộ tộc phế bỏ, em trai của Chí là Nghiêu được bấu làm thủ lĩnh.

Tả truyến Văn Công năm thứ 18 có nói: thời Nghiêu có 8 người con tài giỏi, đếu là con cháu Đế Khố, hiệu gọi là "bất nguyên" (8 tộc), và đếu có danh tiếng, thuấn cù họ làm chủ quản giáo hóa.

Truyến thuyết Đế Khố thao túng các ngôi sao đã phản ánh được thời đó đã nắm vững thời gian quan sát giản đơn và phương pháp quan sát khí hậu để chỉ đạo sản xuất nông nghiệp.

NGHIÊU

Nghiêu, họ Kỳ, hiệu Dao Đường Thị, còn gọi là Đường Nghiêu, là một quân tử nhân đúc thọ 118 tuổi, trị vì 98 năm, táng ở Tế Âm (nay thuộc huyện Hà Tắc tỉnh Sơn Đông), một thuyết khác nói: những năm cuối đời bị Thuấn đoạt ngôi, giam ở Bình Dương (nay thuộc huyện Lâm Phấn tỉnh Sơn Tây).

*

Nghiêm làm thủ lĩnh bộ lạc liên minh thuộc hậu kỳ xã hội thị tộc phụ hệ. Năm 13 tuổi được phong đất ở Dao (nay thuộc gò Nam Dao huyện Hà Tắc tỉnh Sơn Đông). 16 tuổi được bấu làm thủ lĩnh, dời đô đến Bình Dương, ông ta nhân đúc thật thà tiết kiệm. Làm việc

nghiêm minh, săn sàng xả thân vì nhân dân, ông trọng những người hiền tài. Ví dụ sai Hậu Quý trông nom nông nghiệp, Thuân trông coi công nghiệp, Cao Dao trông coi tư pháp, Quy trọng coi lễ nhạc, Thuân quản lý giáo dục, Khiết quản lý quân đội. Vì vậy thiên hạ thái bình trăm họ đê u an cư lạc nghiệp. Ông ta am hiểu thiên văn, làm ra lịch, thường trung cùu ý kién của các thủ lĩnh bộ lạc 4 phương, sai Côn trùi thủy. Những năm cuô i đòi chọn Thuân kê vị, lo ngại con trưởng là Đan Thát không bă ng lòng liê n sai anh ta đê n vùng Đan Thủy thuộc phương Nam, ra lệnh cho Hậu Quý giám sát Đan Thát. Vé sau, Đan Thát nghe lời Tam Miêu xúi giục đã dẫn quân vê kinh làm loạn. Nghiêu đích thân đi dẹp loạn. Cuộc chién đâ u diễn ra ác liệt, máu chảy thành sông. Cuô i cùng bă t được Đan Thát, anh ta xin tha mạng, Nghiêu nói: "Cha không thể lâ y đau khổ của thiên hạ để đổi lâ y ích lợi cho con", sai người gié t Đan Thát và nhường ngôi cho Thuân, phương thức lựa chọn người kế vị trong sử gọi là "nhường ngôi". "

"Thượng thư Nghiêu điển" nói: Nghiêu được bà con trăm họ mê n yêu, bị bệnh ché t ở Dương Thành (nay thuộc phía Đông Nam huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam), khi ông ché t họ thương tiê c như chính cha mẹ mình.

"Sơn hải kinh. hải nội nam tinh" lại nói: Nghiêu vào những năm cuô i đòi tính tình thay đổi, ông nhường ngôi cho Đan Thát, Thuân không phục đã nổi dậy phản đô i. "Sử kí. Ngũ đê bản kí" nói: "Thuân giam giữ Nghiêu, còn cám Đan Thát gặp mặt cha". "

"Sử Thông Nghi Cổ Biên" nói "Thuân giam Nghiêu ở Bình Dương, rô i đoạt ngôi vị".

THUÂN

Thuân, họ Phiêu, tên là Trọng Hoa, sử sách gọi là Ngu Thuân, là một người nhân đức, trị vì 50 năm, trên đường đi tuân ở phương Nam bị ché t ở Thương Đô ng (nay thuộc phía Đông Nam huyện Thủ Nguyên tỉnh Hồ Nam) thọ 100 tuổi, táng ở núi Cửu Nghi (nay thuộc huyện Thủ Nguyên, một thuyết khác nói do đoạt ngôi, bị giam và ché t ở Thương Đô ng).

*

Thuấn là trưởng thị bộ lạc Ngu. "Mãnh Tử Lý Nữ biên" nói: ông ta quy thuận người Đông Di, cư trú ở Ngu (nay thuộc phía bắc huyện Ngu Thành tỉnh Hà Nam).

Thuấn là con một nông dân bình thường, cha mắt kém, mẹ mắt sóm, cha lấy vợ và sinh được một em trai tên là Tương và em gái tên là Khỏa Thư. Cha mờ hó`m mê muội, yêu quý mẹ ghê và em gái, không thích Thuấn, mẹ ghê tâm địa lang sói, em trai tính tình hung ác, họ thường ngược đái Thuấn. Sau khi trưởng thành, Thuấn không thể sô`ng chung với họ, đã bỏ nhà và đi đê`n núi Lịch Sơn (nay thuộc Sơn Tây) lợp một ngôi nhà cỏ, khai hoang trô`ng ruộng. Thuấn thương người, tính tình hòa nhã, luôn giúp đỡ mọi người, được dân chúng tin yêu, dâ`n dâ`n họ dọn đê`n ở gâ`n Thuấn không bao lâu nơi đây trở thành khu vực tập trung dân cư đông đúc.

Nghiêu tuổi cao sức yếu, quyết định không triệu tập các thủ lĩnh bộ lạc bảo chọn người kế` vì ông ta. Mọi người biết tài đức của Thuấn đê`u nhâ`t loạt bình chọn Thuấn. Vua Nghiêu qua thử thách, cuô`i cùng rất hài lòng vê` Thuấn đã gả con gái: Nga Tình và Nữ Anh cho Thuấn, còn tặng một kho lương và một đàn dê.

Mẹ ghê và em trai thấy vậy sinh lòng ghen ghét đã xúi giục cha nghĩ cách hại Thuấn để cướp tài sản.

Một lâ`n, cha sai Thuấn đi sửa nhà kho, đợi Thuấn trèo lên đinh nhà, Tượng chặt đứt thang rô`i cùng cha mẹ châm lửa đố`t định thiêu chê`t Thuấn. Ông chợt nhớ ra vợ vừa đưa cho hai chiê`c nón lá, ông câ`m mỗi tay một cái mở rộng hai chân, trông giô`ng như chim giương cánh bay, nhảy xuô`ng đô`ng cỏ khô gâ`n đó bình yên vô sự.

Mưu kế` không thành. Tượng nghĩ ra mưu khác. Một ngày, cha sai Thuấn đi vét giê`ng, Thuấn mang dụng cụ dùng dây thừng leo xuô`ng đáy giê`ng. Ông vừa xuô`ng đó, em trai và cha că`t đứt dây thừng, dùng đâ`t đá lâ`p giê`ng lại. Họ quay vê` nhà Thuấn định cướp tài sản không ngờ Thuấn đã bình an trở vê`. Hai cha con kinh

ngạc mặt mày thất sấc, lui thuỷ bỏ đi. Hóa ra, Thuấn sớm đoán được ý định của họ, nên đã đào sẵn một lối đi lên mặt đất.

Vài ngày sau, Tượng lại đến và nói: "Hai lấn trước thật có lỗi với anh, hôm nay em làm rượu thịt mời anh đến ăn để chuộc lỗi".

Em gái Khỏa Thư biết bố mẹ và em trai muốn hâm hại Thuấn, cô ta rất thương xót. Cô ta biết lấn này, Tượng đợi Thuấn uống say sẽ chém chết ông ta. Cô ta lén lút âm thấm đến nói cho Thuấn và chị dâu biết. Chị dâu lấy một túi thuốc bảo Thuấn đeo vào người rối hãy đi dự tiệc. Nhân lúc họ chén to chén nhỏ chuốc rượu, Thuấn nhanh chóng đổ rượu vào túi, thấy rượu thịt đã tàn mà Thuấn không hế say, Tượng tức giận nhìn Thuấn quay vê` nhà.

Mặc dù bị họ đối đai như vậy, Thuấn không hế hận họ, vẫn giữ tròn chữ hiếu với cha mẹ, yêu mè́n anh em, tặng cho họ nhiếu đồ vật quý báu.

Nghiêu thấy Thuấn sống trong một gia đình như vậy vẫn giữ tròn đạo hiếu thì nhất định trị vì tốt việc quốc gia, liến nhường ngôi cho Thuấn. Sau khi kế vị, Thuấn trở về nhà bái kiến cha mẹ và phong đất cho Tượng ở Bí (nay thuộc huyện Linh Lăng tỉnh Hô` Nam). Cha và em trai Thuấn tâm địa quý quyết bị lòng nhân từ của Thuấn làm cảm hóa, nên đã thay đổi tính nết.

Sau khi trị vì, Thuấn thường xuyên đi tuấn ở bốn phương, loại bỏ những mối nguy hiểm như: Cung Cung, Tam Miêu trọng dụng nhân tài. Ví dụ: sai Vũ trị thủy, Khiết quản chính trị, Ích nắm quân đội, Dao nắm nông nghiệp và chọn Cô n kế vị.

Vào những năm cuối đời, người Miêu ở phương Nam làm loạn, ông đích thân dẫn quân đi dẹp, đưa Nga Tinh, Nữ Anh xuống Nam H  . Đến Tương Thủy để hai người vợ ở lại, còn mình dẫn quân tiến về` phía trước. Đến Thương Ngô đột nhiên bị bệnh và chết, an táng ở núi Cửu Nghị. Nga Tinh và Nữ Anh nhận được tin dữ khóc mãi không thôi, họ m  n theo bờ sông Tương Thủy, khóc đến nỗi máu chảy trong m  t, nước m  t máu rượu b  n lên những cây trúc ở bờ

sông điểm thành những vế t lấ m tấ m. Người đời sau gọi trúc này là trúc Tương Phi, trúc đố m.

Cuố i cùng quá đau khổ, cả hai cùng nhảy xuố ng sông Tương Thủy tự vẫn. Người đời sau lập miế u bên bờ sông để cúng tế́ họ. Tương truyế n, hai người đế u là thủy thấ n của sông gọi là Tương Quân-Tương Phu nhân.

Em trai Thuấ n biế t tin, từ xa lặn lội đế n quỳ trước mộ khóc lóc hố i hận, sau này biế n thành một đấ u voi lớn đứng canh mộ, người đời sau xây cạnh mộ ông tòa "Tị ĐÌnh" để tưởng nhớ ông.

"Sử kí Hạ bản kí" và "Mãnh Tử Vạn Chương" lại nói: Vào những năm cuố i đời, Thuấ n không lấ y đúc làm trọng, truyế n ngôi cho con là Thương Vận (một người chỉ biế t ăn chơi hưởng lạc). Vũ không phụ, dùng thủ đoạn ép Thuấ n đế n Thương Ngô, giam Thương Vận ở Dương Thành còn mình đoạt ngôi vị.

NHÀ HẠ

(Từ thế kỷ 21 TCN - đến thế kỷ 16 TCN)

Nhà HẠ là thời kỳ hình thành xã hội nô lệ ở Trung Quốc cũng là triều đại đầu tiên thực hiện chế độ cha truyề́n con nối, nhà HẠ có tổng cộng 17 vị vua do tài liệu sử bị mâu t ché t 13 người bị bệnh ché t, một người do mâu t nước đi lưu vong bị đói ché t, một người đi chinh phạt bị ché t, một người ché t do lao động quá vất và một người bị gié t.

Còn có Hậu Nghệ và Hán Chúa bị gié t.

VŨ (NHÀ HẠ)

Vũ, họ Tự, tên là Văn Minh, ngoài ra còn gọi là Đại Vũ, Hạ Vũ, Đế Vũ, năm sinh năm mâu t không rõ (được Thuân nhuờng ngôi cho), là người được triều HẠ tôn kính. Trị vì được 8 năm, do lao động quá vất và nên ché t, thọ 100 tuổi, táng ở núi Hội Kê (nay thuộc huyện Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang).

*

Vũ, con trai của Cỗn (tộc trưởng bộ lạc HẠ) theo truyề́n thuyề́t là cháu của Chuyên Húc. Cỗn ché t do trị thủy thâ t bại. Thuân ra lệnh cho Vũ tiếp tục công việc trị thủy, Vũ thông minh chăm chỉ đôn đốc xử với mọi người rát hòa nhã, sẵn sàng hi sinh bản thân mình. Ông ta lây bài học của cha làm gương, trải qua kinh nghiệm thực tế, dùng phương pháp khơi dòng, ông đích thân chỉ đạo công việc dãi nắng dầm mưa, tính theo lịch là 13 năm cuối cùng cũng ngăn chặn được nước lũ. Trong 13 năm này, ông đi qua nhà 3 lần mà không vào. Lần thứ nhát, đúng lúc vợ ông đang sinh con nghe tiếng trẻ khóc, thuộc hạ khuyên ông vào nhà xem tình hình ra sao, nhưng ông không vào vì sợ lỡ công việc trị thủy, lần thứ hai qua nhà, vợ ông đang bế con định trao cho ông bế, ông chỉ vuốt má đứa nhỏ rồi ra đi. Lần

thứ ba, con trai ông giữ ông lại, ông giải thích vì công việc chưa xong không thể ở nhà được.

Tinh thần và thành tích của Vũ được mọi người tôn trọng, họ tôn ông là truyên nhân của bộ lạc liên minh Mẽ Đói - Hoàng Đê.

Sau khi Thuân chê t, ông lên kế vị. Còn có một truyền thuyết khác cho rằng: Hai cha con Cỗn - Vũ đều dùng phương pháp khơi dòng để trị thủy, cách thức của phương pháp này do Cỗn nghĩ ra, nhưng mức độ thông minh của hai người lại khác nhau, do vậy người thành công, người thất bại. Sở dĩ Cỗn chê t, Vũ có thể tiếp tục nhiệm vụ của ông ta là do nhân tố về chính trị. Ngoài ra chê độ xã hội thị tộc phụ hệ đã phát triển đến giai đoạn cuối. Trong giai đoạn lịch sử lúc đó Ngu Thuân đại diện cho thế lực bảo thủ. Cỗn đại diện cho tư tưởng tiến bộ. Cách làm của Cỗn phá hoại phong tục tập quán cũ kỹ của xã hội thị tộc, kỳ thật ông ta dùng bạo lực bắt nhường chỗ cho chê độ dân chủ ý định đó đã làm cho Nghiêu tức giận và sai Thuân giết Cỗn.

Vũ giành bài học đau thương từ cha rút kinh nghiệm cho bản thân mình, phục tùng mọi mệnh lệnh của Thuân, giành được lòng tin của Thuân và được Thuân nhường ngôi.

Sau khi lên ngôi, Vũ chú trọng nông nghiệp, thế lực chính trị của ông cũng rất mạnh từ lưu vực sông Hoàng Hà kéo đến lưu vực sông Trường Giang, ông định cư ở Dương Dịch (nay thuộc huyện Vũ tỉnh Hà Nam).

Căn cứ vào sử ký thời đó đã có thế lực cộng đồng như: quân đội, quan lại... nói rõ đã xuất hiện bộ máy chính quyền.

Theo truyền thuyết để kỷ niệm ngày chiến thắng nạn lụt, Vũ đã sai đúc 9 cái đình săt đại diện cho 9 châu, khắc trên đá nhiều hoa văn, cầm thú tượng trưng cho chính quyền quốc gia vĩnh sau này.

Những năm cuối đời, Vũ hay trưng cung ý kiến của các bộ lạc, chọn Cao Dao kế nhiệm, không may Cao Dao chết yểu, ông lại chọn con trai của Cao Dao là Bá Ích kế vị.

Vũ trị vì được 8 năm, từng triệu tập các thủ lĩnh bộ lạc để đê n hội họp ở miêu Sơn (nay là huyện Thị Hưng, tỉnh Triết Giang) mọi người đê u hội họp tặng cho Vũ rât nhiê u báu vật quý và góp những ý kiê n quan trọng. Vũ ra lệnh cho Hạ Thiên ghi lại rõ ràng. Từ đó đổi tên miêu Sơn Thành là Kê Sơn. Lâ n hội họp đó chỉ có thủ lĩnh bộ lạc Phỏng Phương Thị (là một bộ lạc ở phương nam) không đê n (nay là huyện Đức Sơn tỉnh Triết Giang).

Vũ tức giận, công thêm vào đó Phỏng Phong Thị không biê t sơ đi xâm phạm người khác, liê n bị Vũ bă t lại kê ra hàng loạt vũ trạng, sau đó kê t vào tội chê t.

Sau khi kê t thúc đại hội Vũ do bị lao động vát và nên đã lâm bệnh, trong lúc ô m Vũ vẫn điê u hành công việc. Tháng 8 năm đó ngã bệnh và chê t ở Hội Kê. Thuộc hạ của ông ta theo tác phong của ông ta: khiêm tốn tiê t kiệm chỉ dùng có 3 lĩnh vải và một quan tài mỏng an táng ông ta ở núi Hải Kê.

KHẢI

Sử ký gọi là Hạ Khải. Hạ hậu Khải năm sinh và năm mât không rõ ràng, con của Vũ sau khi chê t nhường ngôi cho trị vì được 9 năm, bị bệnh mà chê t. Tán ở gâ n An â p (nay là thôn Tây Chỉ Hạ huyện Hạ tỉnh Sơn Tây).

Khải mẹ là Đỗ Sơn Thị ghi chép trong quyển "Thiên môn" của Khuâ t Nguyên. Vũ trong lúc đi tuâ n tra vê việc tri thủy, đi khă p 4 phương, có một lâ n gặp gỡ thị nữ của Đô Sơn ở Đài Trang nhưng vì công việc nên phải phân li. Thị Nữ của Đô Sơn mang thai, do đau thương đê n khi sinh Khải thì chê t. Vì vậy Khải sinh ra đã mât mẹ, lại là 1 đứa trẻ rât đáng thương. Sau khi Vũ chê t, Khải rât là ngang ngược không ai bảo được. Tự mình kê vị lập ra nhà Hạ đâ u tiên của lịch sử Trung Quô c. Từ đó tuyên bô kêt thúc xã hội nguyên thủy, mở ra một xã hội nô lệ. Khải cũng trở thành vị Hoàng đế đâ u tiên trong lịch sử Trung Quô c (cũng có nhà sử học cho ră ng Vũ là vị vương đâ u tiên trong lịch sử Trung Quô c) anh ta rời bỏ Dương dịch từ phía tây dời xuô ng đại Hạ nay là lưu vực thôn hội, đóng đô ở An â p (nay là phía Tây huyện Hạ tỉnh Sơn Tây). Sau khi Khải cướp ngôi

đã hạ lệnh giết Bá Ích người được Vũ chọn kế vị. Khải cùng với bộ lạc Hữu Hội thế không đội trời chung. Khải đã sai quân đánh họ, bị Hộ phi đánh cho thua trận. Đέ lấy lòng dân Khải rất nghiêm túc trong việc trị quân. Ông ta còn tôn trọng những người già yếu, trẻ nhỏ, dùng những người có tài. Sau khi được sự giúp đỡ của nhân dân, ông ta lại xuất quân đi đánh Hữu Hộ phi, củng cô Vương Quyến. Sau lấn đó tính cách của ông ta lại trở về như cũ, càng ngày càng xấu đi, suốt ngày uống rượu nghe hát.

Có truyến thuyết nói ông ta sáng tác khúc nhạc "Cửu âm".

Những năm cuối đời của Khải, những người con trai của ông ta tranh nhau đòi kế vị. Người con út Thành Quan hung ác nhất. Khải liến sai người đem nó đến Hà Tây (nay là Thiền tây) Thành Quan tụ tập nhiếu người hòng làm loạn. Khải liến sai đại tướng Bá Thọ đến đánh và sai người bắt giải Thành Quan vế cung. Anh ta đành nhận tội. Không lâu sau Khải bị bệnh chết.

THÁI KHANG

Thái Khang năm sinh và năm mất không rõ ràng, là con trưởng của Khải. Kế vị Khải sau khi ông ta chết. Thực tế́ trị vì trong 2 năm (trên danh nghĩa lên ngôi từ năm 29 tuổi) vì không lo liệu việc dân sự. Trong lúc đi du lâm săn bắn ở bờ bắc sông Lạc Thủy, bị Hậu Nghệ cướp ngôi. Do vậy, ốm chết, táng ở Dương Hạ (nay thuộc phía Tây huyện Thái Khang tỉnh Hà Nam).

Thái Khang từ lúc nhỏ đã được hưởng lạc cùng với cha. Sau khi lên ngôi ông ta còn ăn chơi trác táng hơn cha mình rất nhiếu. Suốt ngày chỉ nghe đàn ca múa hát săn bắn, không lo liệu việc trị nước.

Có một lấn ông ta mang gia nhân cùng đi săn bắn du lâm ở bờ bắc sông Lạc Thủy, đi hơn 3 tháng mà chưa trở về, buông lỏng mọi công việc triếu chính, nhân dân oán thán, bị Hậu Nghệ thủ lĩnh bộ lạc Hữu Cùng của dân tộc Đông Di (nay là phía tây Đức Châu tỉnh Sơn Đông) khởi binh chiếm đánh thành An ấp. Lúc nà́ Thái Khang đi săn phấn khởi trở về. Đi đến bờ Lạc Thủy, thấy có quân lính đứng đó, vội sai người qua sông hỏi han tình hình mới biết Hậu Nghệ

không cho ông ta vào thành. Các thủ lĩnh bộ lạc đê`u không bă`ng lòng vê` hành vi phóng đặng của Thái Khang, và lại sợ thê` lực của Hậu Nghệ, không ai muô`n giúp đỡ Thái Khang. Lúc này ông ta hô`i hận cũng đã muộn, đành phải cư trú ở Dương Hạ.

5 người em của Thái Khang thâ`y anh trưởng không vê` thành An Â`p nên thường cùng mẹ đê`n bờ nam sông Lạc Thủy ngóng đợi. Cuô`i cùng cũng bị thâ`t vọng.

5 anh em họ liê`n sáng tác ra một ca khúc để` tưởng nhớ đê`n công tích và phẩm đức của tổ tiên. Tính tình của ca khúc râ`t lâm li bi đát. Ca khúc này là "lời ca của 5 anh em" râ`t nỗi tiê`ng trong Thượng Thư - đại ý của lời ca là: "Tổ tiên của chúng ta, từng giáo dục con cháu. Dân chúng là gô`c rễ. Chỉ câ`n gô`c rễ vững chă`c thì quô`c gia yên ổn. Quân vương phải chú ý tới việc trị quô`c, dùng tâm để` trị vì thiên hạ, đừng ham mê tưu să`c, ham muô`n đi chơi, phải hê`t lòng vì là con trăm họ, cung cô` việc quân. Có vậy mới không mâ`t lòng tin trong dân chúng, không bị mâ`t nước. Tổ tiên chúng ta trước đây luôn hê`t mình vì dân chúng ai cũng lo toan việc quân việc nước, đòi sô`ng nhân dân ổn định phô`n vinh. Như vậy mới là một quân vương tài giỏi. Còn ngày nay Thái Khang của chúng ta đã đi ngược với lời dạy của tổ tông, làm hỏng mọi chuyện, làm khô`n khổ bà con trăm họ, làm bại hoại tổ tiên, đưa chúng ta rơi vào tình cảnh mâ`t nước, nhà tan. Thái Khang ơi? Anh đã mă`c tội lớn - làm chúng em râ`t đau lòng."

(Sau 27 năm ông ta chê`t ở Dương Hạ).

TRỌNG KHANG

Trọng Khang, năm sinh và năm mâ`t không rõ ràng, là em trai của Thái Khang. Sau khi Hậu Nghệ phê` truâ`t Thái Khang, đã lập ông ta làm vua trên danh nghĩa ông ta lên ngôi từ năm 13 tuổi. Nhưng do Hậu Nghệ nă`m quyê`n, ông ta không can tâm làm bù nhìn trong tay Hậu Nghệ, một lòng muô`n cướp lại chính quyê`n. Ông ta sai Tử Mã Dận mang quân đi chinh phạt. Hi Hòa (là vây cánh của Hậu Nghệ) lực lượng râ`t mạnh. Cuô`i cùng Trọng Khang thua trận, giam

lỏng. Buôn râu uất hận, sinh bệnh mà chết, táng ở gần An Ấp (nay là thôn Tây Chí Hạ, huyện Hạ, tỉnh Sơn Tây).

TƯƠNG

Tương là con trai Trọng Khang, năm sinh và năm mả t không rõ ràng. lên kế vị Trọng Khang, sau khi ông ta chết, trị vì được 28 năm. Bị con trai của Hàn Trọc là Thiệu Tiễn đánh nên tự vẫn chết, táng ở Đê Khâu (nay là huyện Bộc Dương tỉnh Hà Nam).

Lúc Tương lên kế vị, tuổi còn rất nhỏ, nhưng vì Hậu Nghệ mang quân tiễn đánh, đành phải chạy về Đê Khâu (nay là huyện Bộc Dương, tỉnh Hà Nam) rồi chạy đến Châm Quán (nay là phía đông huyện Thọ Quang, tỉnh Sơn Đông). Năm thứ 8 ông ta lên kế vị. Trợ thủ Hậu Nghệ là Hàn Trọc cùng con trai Hậu Nghệ là Bàng gia đã chỉ huy quân lính giết Hậu Nghệ.

Sau đó sai con trai mình là Thiệu đem quân tiễn đánh

Châm Quán. Tương thê lực yếu kém, đành phải chạy về Đê Khâu. Lúc này, Tương đã từng đem quân đánh bại các bộ lạc Hoài Di - Phan Di - Hoàng Di... nên khi Tương chạy về nó gặp mặt phục tùng Tương.

Năm thứ 2 Thiệu lại tiễn đánh Đê Khâu. Buổi tối tiễn đánh vào thành. Tương thấy tình cảnh rất khó thoát thân, đành dùng dao tự vẫn chết.

Tương chết. Hàn Trọc tự phong vương kéo dài được 40 năm.

HẬU NGHỆ

Hậu Nghệ! tên gọi là Nghệ Họ Vân. Năm sinh và năm mả t không rõ, là thủ lĩnh bộ lạc Hữu Cùng, tộc Đông Di, nóm chính quyến ở triều Hạ 27 năm, bị em trai là Bàng Gia dùng gậy gỗ đập chết.

Hậu Nghệ vẫn là thủ lĩnh thị tộc bộ lạc: Hữu Cùng, dân tộc Đông Di. Theo truyền thuyết ông ta là một tay xạ thủ cù khôi, thời đó có 10 mặt trời, đã nung đốt cây cối khô héo, khô cằn, dân số ngất

khổ cực. Ông ta đã dùng tên bắn rơi 9 mặt trời, còn dùng tên bắn rất nhiếu thú dữ, rắn độc. Ông vì dân loại trừ tai họa. Vé́ sau ông ta nhân cơ hội Thái Khang đi săn đã đánh chiế́m đô thành Ấp An. Lập Trọng Khang làm vương, nhưng thực chất ông ta thao túng quyến hành. Sau khi Trọng Khang chết, ông ta tự mình kế vị.

Sau khi Hậu Nghệ lên nắm chính quyến, chìm đắm trong tưu sắc, du lâm, không lo liệu việc nước, bài trừ những người chính nghĩa, chính trực, dùng những người như Hàn Trọc.

Theo truyến thuyết vợ của ông ta là Hắng Nga vì không hài lòng với tác phong của ông ta nên đã lấy trộm thuốc tiên mà Tây Vương mẫu đã cho Hậu Nghệ bay vế cung trăng.

Hàn trọc có dã tâm cướp quyến nên đã cùng vây cánh của em Hậu Nghệ là Bàng gia tiến đánh 1 ngày.

Hậu Nghệ sau khi đã săn Quang vế cung, rượu say túy lúy, bị Bàng gia dùng cây gậy gỗ đào đập chết.

Một truyến thuyết khác cho rắng Hắng Nga lúc đó là một người đẹp, tóc đen nỗi tiếng, được mệnh danh là (người vợ có mái tóc đen) Cô ta được gả cho Nhạc Chính Hậu Quỳ, sinh được 1 người con trai. Hậu Nghệ nghe tiếng cô ta đẹp sắc nước nghiêng thành. Đem quân tiến đánh Hậu Quỳ, cướp cô ta làm vợ, gọi cô ta là Hắng Nga - Thiên Nga. Cô ta gắng gượng vui cười, thực ra trong lòng rất hận Hậu Nghệ. Hàn Trọc là người gian trá đã nhìn ra tâm tưởng của cô ta, dùng trăm phương ngàn kế́ xúi giục cô ta lũng loạn Hậu Nghệ. Cô ta đã hợp mưu cùng Bàng gia giết chết Hậu Nghệ.

Sau khi Hậu Nghệ chết, Hàn Trọc sai người đem thi thể bắm nhỏ ra rán thành miếng, bắt Hắng Nga và con trai của cô ta ăn hết. Đứa trẻ sợ hãi không dám ăn bị Hàn Trọc giết chết. Lúc này Hắng Nga mới nhìn thấy rõ bộ mặt gian trá và dã tâm độc ác của Hàn Trọc, vội lấy trộm thuốc tiên bay vế cung trăng.

HÀN TRỌC

Hàn Trọc năm sinh và năm mā́t không rõ ràng, là thị dân của tộc Đông Di. Sau khi giḗt Hậu Nghệ đã tự xưng vương tri vì được 40 năm. Sau đó bị Thiế u Khang giḗt ché́t.

Hàn Trọc là thị dân của tộc Đông Di (nay ở Đông Bắc thành phố uy Phương tỉnh Sơn Đông) Vì tām thuật không đúng đắn, dự định xấu xa, chuyên đặt điếu gây chuyện, bị thủ lĩnh bộ lạc đuổi đi. Sau đó Hậu nghệ thu nhận ông ta. Ông ta nịnh bợ, lũng đoạn Hậu Nghệ, được lòng tin ở Hậu Nghệ nên được ủy thác cho quản lý việc nước. Vé sau ông ta dùng thế lực giḗt ché́t Hậu Nghệ cướp ngôi, lại sai quân tiến đánh Châm Quán và Châm Tấm (nay thuộc Tây Nam thành phố Duy Phương tỉnh Sơn Đông). Sau này là bộ lạc của triếu Hạ, làm cho triếu Hạ gặp khó khăn.

Sau khi ông ta lên ngôi, đam mê tưu sǎ́c, bà con trăm họ khốn khố, nhân dân oán hận, vế sau con trai cả của Tương là Thiế u Khang Trương Thành, dưới sự trợ giúp của quân thấn đã tiến đánh thành An Ấp.

Quân lính của Hàn Trọc tām lý hoang mang, không đánh mà hàng, nhân dân mở cửa thành nghênh đón quân của Thiế u Khang vào. Thiế u Khang đánh thắng vào cung bắt giữ Hàn Trọc. Sau khi kể tội trạng của Hàn Trọc đã khép ông ta tội ché́t.

THIẾ U KHANG

Thiế u Khang còn có tên khác là Đỗ Khang, năm sinh và năm mā́t không rõ ràng, con trai của Tương tấn công và giḗt ché́t Hàn Trọc khôi phục lại triếu Hạ, trị vì được 21 năm do bị bệnh ché́t, táng ở Dương Hạ.

Thiế u Khang là cốt nhục của Tương, lúc Tương bị truy đuổi khép vào tội ché́t, Thiế u Khang vẫn chưa ra đời, mẹ là Hậu Mai Thị. Lúc đó, kèm nỗi đau thương, bỏ đi sự tôn nghiêm của một vương hậu, vội vàng theo cung nữ đào 1 rách ngách chui ra ngoại chạy đến thị bộ lạc lương gia Hữu (nay ở phía đông nam thành phố Tấ Nam tỉnh Sơn Đông) Năm thứ 2 sinh hạ được Thiế u Khang.

Tù nhở Thiế u Khang là người thông minh lanh lợi. Sau khi ông ta hiểu được chuyện, mẹ ông ta nói cho ông ta biết chuyện tổ tiên bị mâu t nước, khuyên ông ta phải báo thù khôi phục lại triề́ u Hạ. Từ đó ông ta nuôi chí phục thù, quyết tâm giành lại thiên hạ. Ông ta đã tập hợp quân lính, tích trữ lương thực, tập trận chiế n, luôn luôn đê phòng quan sát sợ Hàn Trọc gié́ t hại mình. Không lâu sau con của Hàn Trọc là Thiêu đem quân tiế n đánh ông ta. Thiế u Khang chạy trố n được đế n bộ lạc Hữu Ngu Thị (nay ở phía đông thành Ngan tỉnh Hà Nam).

Thủ lĩnh Hữu Ngu Thị cho ông ta làm quan, quản lý về lương thực, còn dạy ông ta học tập võ nghệ, và gả con gái cho ông ta, đấ t đai và 500 binh lính để phục vụ việc quân lấ y lại thiên hạ. Lúc này Thiế u Khang đã có căn cứ và quân đội, ông ta khố luyện việc quân, quyết chí khôi phục lại công đức của tổ tiên cố gắ ng tranh cướp lại ngôi vị khôi phục triề́ u Hạ, ông triệu tập quấ n thấ n cũ đế n hội họp.

Lúc này còn có một người tên là Mị vố n là hạ thấ n cũ của Tương. Sau khi Hàn Trọc cướp ngôi, ông ta chạy đế n bộ lạc Hữu Cát Thị (nay ở huyện Đức Bình tỉnh Sơn Đông) triệu tập những người lưu vong, tích trữ lương thực nuôi quân, đợi thời cơ khôi phục lại triề́ u Hạ. Ông ta hưởng ứng lời kêu gọi của Thiế u Khang, họp quân ở Hữu Cát Thị, hội họp ở Châm Quán, Châm Tấ m, tôn phục Thiế u Khang làm vua.

Thiế u Khang sai con trai là Quý Trữ tấ n công đánh con của Hàn Trọc là Dặc Ý để thăm dò lực lượng lại sai tướng Quân Nữ Nghĩa đi xem xét thực lực của quân Thiêu. Tấ t cả đế u chuẩn bị chu đáo, nhấ t loạt xuấ t binh thế lực mạnh như thác đổ. Muru sát Hàn Trọc, đoạt lại ngôi vị, khôi phục lại triề́ u Hạ.

Thiế u Khang từ nhỏ đã khố cực vấ t vả. Sau khi phục quố c rấ t chăm lo việc nước, chọn dùng người tài. Dưới sự quản lý của ông ta thiên hạ thái bình, đấ t nước phố n vinh, các bộ lạc đế u tâm phục ông ta, triề́ u Hạ phố n vinh cực độ. Trong sử gọi là "Thiế u Khang trung hưng"

Vào những năm cuối đời Thiệu Khang chọn Việt (nay ở Thiệu Hưng, tỉnh Triết Giang) làm nơi cúng tế tổ tiên. Nơi đây là khởi điểm của nước Việt.

Sau 21 năm Thiệu Khang bị ôm chê t.

TRŨ

Trũ vừa có tên là Quỹ Trũ vừa là Trũ, năm sinh và năm matur không rõ, là con trai của Thiệu Khang, nên kế vị sau khi Thiệu Khang chê t, trị vì được 17 năm, bị bệnh chê t, táng ở An Ấp.

Trũ là người tinh nhanh nǎng nở, từng trợ giúp cha diệt thê lực Hán Thị, phục hưng nhà Hạ. Trong thời gian kế vị, ông ta nghĩ ra cách dùng da thực làm áo giáp. Binhsĩ mặc vào có thể tránh được cung tên, đao kiêm của kẻ địch. Sức chiến đấu được bảo vệ rất tốt.

Ông ta cùng các bộ lạc Đông Di, tiếp tục tranh đấu một lòng tiến đến biên giới Đông Hải, mở rộng thêm cương vị nhà Hạ. Cuối cùng thu phục được tộc Đông Di. Ông ta được triều đình Hạ coi là vị vua nổi tiếng, xứng đáng được kế nghiệp sự nghiệp nhà Hạ.

Trũ dời đô đi đền Nguyên (nay gần huyện Ký Nguyên tỉnh Hà Nam) và lão Khâu (nay là huyện Trấn Lưu, tỉnh Hà Nam) trị vì được 17 năm ôm chê t.

HÒE

Hòe còn có tên khác là Đê Phân. Năm sinh và năm matur không rõ ràng, là con trai của Trũ, lên trị vì ngay sau khi Trũ matur. Hòe trị vì được 26 năm, bị bệnh chê t, táng ở An Ấp.

Hòe lên trị vì đã chinh phục được 9 bộ lạc, trú ở giữa Tù Thủy và Hoài Thủy. Viết dù Khuyển Di - Vu Di - Phương Di - Hoàn Di - Bạch Di - Huyền Di - Phong Di - Dương Di - Xích Di mở rộng mạnh mẽ thê lực nhà Hạ.

MANG

Mang năm sinh và năm mâm t không rõ ràng, là con trai của Hòe, kê vị khi Hòe chê t, trị vì được 18 năm, ôm chê t, táng ở gân An Âp.

TIÊT

Tiết còn có tên khác là Đế Giáng. Năm sinh và năm mâm t không rõ ràng, là con trai của Mang, kê vị sau khi Mang chê t, trị vì được 16 năm, bị ôm chê t, táng gân An Âp.

Tiết trong thời gian trị vì đã sai sứ giả đền 6 tộc như Đông Di, Tây Khuong... đền triều đình yết kién. 6 tộc Di đền tiệp thu mệnh lệnh của Tiết. Điều đó nói rõ tộc Di đã thừa nhận sự thống trị của thiên hạ.

BÁT GIÁNG

át Giáng năm sinh và năm mâm t không rõ, là con trai của Tiết, lên kê vị sau khi cha chê t, trị vì được 18 năm, bị ôm chê t, táng ở gân An Âp.

Bát Giáng vào những năm cuối đời, vì con trai là Khổng Giáp Tinh ngang ngạnh, lo con con trai không thể quản lý được quóc gia, quyết định sửa đổi chế độ cha truyền con nối, đã truyền ngôi cho em trai là Quýnh. Cách thức nhường ngôi cho em trong sử gọi là "Nội Thiện" (nhường ngôi cho người trong nhà) Sau khi Bát Giáng nhường ngôi cho em, sống được 11 năm thì chê t.

QUÝNH

Quýnh năm sinh và năm mâm t không rõ, là con trai của Bát Giáng. Nhận lời của anh lên kê vị, trị vì 21 năm bị bệnh chê t, táng ở gân An Âp.

CẬN

Cận còn có tên khác là Giáp. Năm sinh và năm mâm t không rõ là con trai của Quýnh, kê vị sau khi cha chê t, trị vì 21 năm, bị bệnh ôm chê t, táng ở gân An Âp. Trong thời gian Cận trị vì, thế lực nhà Thương đã nổi lên, nhà Hạ suy yếu dần, phải lui xuông khu

vực Tây Hà (nay là giữa thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam và huyện Hoa Âm tỉnh Thiểm Tây).

KHỔNG GIÁP

Khổng Giáp sinh và mā́t không rõ, là con trai của Bất Giang, cháu của Quýnh, sau khi con trai của Quýnh là Cận lên ngôi rối ché́t. Ông ta tự lên kế vị, trị vì được 31 năm, ốm chết, táng ở núi Hà Sơn, phía đông Bắc huyện Diên Khánh, thành phố Bắc Kinh ngày nay. Khổng Giáp tính tình ngang ngạnh, vua lo cho ông ta không trị vì được quốc gia, đã không truyến ngôi, mà lại nhường ngôi cho em trai mình. Sau khi Quýnh ché́t nhường ngôi cho con trai là Cản Cận ché́t - Khổng Giáp mới được kế vị.

Từ khi trị vì, Khổng Giáp ăn chơi sa đọa, suốt ngày ham mê tưu sá́c. Truyến thuyết nói ông ta là người sáng tác ra khúc nhạc đồ́ng âm. Ông ta là người ma lanh quý quyết, các thủ lĩnh bộ lạc liên tiếp rời bỏ triếu đình. Triếu Hạ rơi vào thế yếu, vì vậy trong quốc ngũ, Chu Ngữ nói Khổng Giáp làm rối loạn triếu đình Hạ, 4 đời bị đứt đoạn.

Sử ký (Hạ bản ký) và "Liệt Tiên Truyến" nói: Khổng Giáp thích nuôi rống. Anh ta nuôi 2 con rống hung dữ, lại còn tìm 1 người sa cơ thất thế tên là Lưu Lũy đặt biệt hiệu cho anh ta là "Ngự Long Thị" sai anh ta nuôi dưỡng 2 con rống đó.

Lưu Lũy không biết cách nuôi rống, không lâu sau một con rống cái đã ché́t. Anh ta can đảm đem con rống đã ché́t rán lên đưa cho Khổng Giáp ăn. Sau khi ăn, ông ta khen món ăn đó hết lời. Sau chuyện này Khổng Giáp không thấy con rống cái nữa. Con rống đực cũng buốn rấu sinh bệnh, rối nổi giận lôi đình, Lưu Lũy sợ hãi chạy trốn mā́t, Khổng Giáp không biết làm sao lại tìm được 1 cao thủ nuôi rống tên là Sư Môn. Sư Môn đem con rống đó vỗ vế khiến tinh thấn nó hoạt bát, thấn sắc nó nhanh nhẹn. Khổng Giáp rất vui mừng, nhưng Sư Môn tính bộc trực, hoàn toàn bác bỏ những lời Khổng Giáp vỗ vế việc nuôi dưỡng rống, khiến cho Khổng Giáp rất tức giận. Cuối cùng sai người giết ché́t anh ta, chôn anh ta ở ngoại thành. Không lâu sau sấm to, gió lớn, sau khi

sấ m sét chấ m dứt, rùng núi ở ngoại thành bỗng cháy đùng đùng.
Khổng Giáp tin là có ma quỷ, một mặt cho rắng đó là linh hốn Lưu
Lũy tác oai tác quái, vội vàng lên xe ngựa, chạy đến nơi, chôn Lưu
Lũy tạ lõi. Trên đường trở về cung, đi được nửa đường thì chết trên
xe ngựa.

CAO

ao! Năm sinh năm mất không rõ, là con trai của Khổng Giáp lên
kế vị sau khi Khổng Giáp chết, trị vì 11 năm, bị bệnh ốm chết,
táng ở Cảnh Nội, huyện Cách Ninh, tỉnh Hà Nam.

Cao! Trong thời gian trị vì dời đô đến Miễn Chì (nay gấn phía
tây huyện Miễn Chì tỉnh Hà Nam).

PHÁT

Phát con trai Cao! kế vị sau khi cha ông chết, trị vì 18 năm, bị
bệnh chết, táng ở gấn An Ấp.

KIỆT

Kiệt còn có tên là Đăng (Lữ Đăng) năm sinh năm mất không rõ
ràng. Con trai Phát kế vị, sau khi cha chết là một người hôn quân
nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, trị vì 53 năm. Nước mất bị đưa
đi đày và bị đói chết, táng ở núi Ngọa Ngư (Nam Sào) nay núi Ngọa
Ngư, huyện Sào, tỉnh An Huy.

Kiệt có sức khỏe vô cùng. Anh ta có thể nâng được cái mâm sắt,
tính khí dã man, thường sát hại bà con trăm họ, phá hoại sản xuất
nông nghiệp, thường đi chinh phạt các nước.

Năm thứ 33 sau khi lên ngôi, đem quân đi chinh phạt Hữu Thi
Thị.

Hữu Thi Thị xin anh ta tha tội chết, rối đem cống cho anh ta
một mỹ nữ tên là Muội Hỷ - Kiệt si mê cô ta, nên sai làm cho cô ta
nhà đẹp - Đài ngọc, giường ngọc. Có người đem dâng cho anh ta 2 bản
nhạc hoang dâm vô sỉ, tất cả những thứ đó đếu đổ lên đấu bà con

trăm họ. Nhân dân cực khổ vô cùng, phẫn nộ mà không dám kêu than.

Kiệt trọng những người vô dụng lèo mép, làm hại những công thần trung lương, giết hại công dân. Kiệt rất đáng bị trừng phạt. Năm thứ 37, sau khi ông ta lên ngôi, thủ lĩnh bộ lạc Thương ở phương Đông, cử một người có đức có tài tên là Y Doãn đi gặp Kiệt. Y Doãn dùng lời lẽ hợp lý nhân đức, khuyên nhủ Kiệt, khi vua nghe ông ta, hiểu nỗi khổ của bà con trăm họ, dùng tâm để trị vì thiên hạ. Kiệt không nghe và đuổi Y Doãn đi, vào những năm cuối đời Kiệt càng hoang dâm vô độ, Kiệt sai đào một cái đầm gọi là quan đầm. Anh ta thường tụ tập nam nữ ca hát ở trong đầm một tháng không thiêú triều. Thái Sứ Chung Cỗ khóc lóc gấp, anh ta nhất định không gặp, mãi ngang nhiên Chung Cỗ như chuyện. Chung Cỗ biết Kiệt không cứu cùn văn được, liền hỏi bộ lạc Thương. Đại thần Quan Long Phụng khuyên ông ta. Bệ hạ nên thức tỉnh và nghe những lời xem trọng. Quản thân nên giữ gìn sức khỏe và chú trọng việc nước thì thiên hạ mới an yên, vương triều mới ổn định. Nếu bệ hạ ăn chơi xa xỉ, giết hại bách tính, thì sẽ bị diệt vong. Bệ hạ đã làm mất lòng tin trong nhân dân. Nay giờ bệ hạ hãy sửa đổi tâm tính mới có thể làm thay đổi lòng người. Kiệt nghe xong rất giận quan Long Phụng và ra lệnh chém anh ta.

Như vậy Kiệt càng làm mất lòng tin của những quân thần nhân nghĩa.

Lúc này dưới sự lãnh đạo của Thang bộ lạc Thương ngày càng mạnh mẽ, Kiệt lo lắng bộ lạc Thương sang xâm hại mình, liền mượn cớ cầm tù Thang ở Hạ Đài (nay là Hà Nam) không lâu sau Thang có mưu kế khiến Kiệt phải phóng thích anh ta.

Sau đó dưới sự tham mưu của Y Doãn, đã đem quân đi đánh Kiệt. Đầu tiên diệt những đóng đắp của Kiệt, tận công hồn Ngô quoc, sau đó bao vây tuyênn đường quan trọng (nay ở phía tây huyện An Ấp, tỉnh Sơn Tây).

Kiệt biết tin sai quân đến đảo Điêu. Hai bên tranh đấu, Kiệt đã lên đỉnh núi gần đó quan sát trận đấu, bỗng nhiên trời đổ mưa

lớn. Kiệt vội vàng chạy xuông ng tránh mưa, quân nhà Hạ vẫn không muôn vì Kiệt mà liê u mạng lúc này cũng nhân cơ hội đó tản mát hé t.

Cuối cùng không đi khô ng ché được, đành phải trốn chạy vào trong thành. Quân Thương ở đây sau đuổi gáp, Kiệt không dám ở đó lâu vội vàng mang mọi thứ báu vật quý và một con thuyền nhỏ chạy trốn qua sông chạy đến Nam Sào. Sau đó bị Thang đuổi bắt được, đã giam cầm tại nơi đây.

Lúc này Kiệt hối hận và đã phải than thở "Thật đáng tiếc giá như lúc đó mình giết Thang ở Hạ Đài thì có tốt không?" Kiệt đã quen sống sung túc, ở đây lại hoang vu, không có người phục vụ, bản thân lại không quen lao động, bị đói chét ở núi Ngoru. Một sách khác nói là chết ở núi Lịch Dương (nay ở huyện Hòa Bình An Huy) Cũng có sách sử nói rằng: Kiệt không bị quân Thương bắt giam, chạy đến Nam Sào bị ôm chết, triều Hạ bị diệt vong.

Tội ác của Kiệt không thể nào tha thứ. Người đời sau tranh luận có người khẳng định, có người còn hoài nghi Ôn Lặc Tát (triều Tống cho rằng) rất nghiêm túc tội ác Kiệt không phải do Kiệt làm, mà do hậu thế đem những tội ác chát lên mình người cuối cùng triều Hạ, tạo nận anh ta thành 1 hòn quân điên hùng mà thôi.

NHÀ THƯƠNG

(Từ thế kỷ 16 trước Công Nguyên đến n)

Nhà Thương là thời kỳ xã hội nô lệ ở Trung Quốc, là cơ sở định cho văn minh Trung Quốc vê sau này. Văn hóa đỗng thau do nhân dân 2 triều Thương sáng tạo rât huy hoàng. Trong nênn văn minh cổ đại thế giới chiếm 1 địa vị quan trọng.

Đời Thương có 30 vị vua, trong đó có 28 người bị bệnh chết, 1 người mất nước tự thiêu, 1 người chết trận.

THANG

Thang họ Tù tên thật là Lã, còn gọi là Võ Thang- Võ Vương Thiên Ât - Thành Thang - Thành Đường.

Trong giáp cốt văn gọi là Đường Đại Ât - Cao Tổ Ât. Năm sinh và năm mất không rõ, là thủ lĩnh bộ lạc Thương, diệt nhà Hạ và lên ngôi vua, trị vì 13 năm bị bệnh chết. Sống đênn 100 tuổi, táng ở ngoại thành (nay ở phía Bắc huyện Thương Khâu tỉnh Hà Nam).

Thang theo truyền thuyết là con cháu Đế Khết làm thủ lĩnh bộ lạc Thương triều Hạ vào những năm cuối đời. Tộc Thương dần dần phát triển mạnh, tận mắt chứng kiến vua Kiệt hung bạo tàn ác, làm mất lòng tin nhân dân, Thang quyết định diệt Hạ. Kiệt lo lắng thế lực Thang mạnh mẽ và tổn hại đênn thế lực của mình liền cho gọi Thang vào triều, rồi giam cầm ở Hạ Đài. Tộc Thương đem vàng bạc đền công hiến cho Kiệt, giành được lòng tin giữa Kiệt và Thang và được phỏng thích.

Vợ của Thang có nô bộc tên là Y Doãn. Thang cho anh ta làm việc ở bêp. Y Doãn rất có tài năng để Thang chú ý đênn mình, cô ý làm thức ăn có lúc hợp khẩu vị, có lúc mặn, có lúc ngọt. 1 lần Thang triệu anh ta ra hỏi, anh ta nhận cơ hội đã nói ý nghĩ của mình về việc trị nước. Thang rất kinh ngạc, biết anh ta là một nhân tài hiếu có

lên bái bỏ chức vị nô bộc cho anh ta, phong anh ta làm tể tướng. Từ đó dưới sự tham mưu của Y Doãn, Thang nung náu ý định diệt Hạ.

Thang lây sự nhân từ, trung hậu thu phục lòng tin của nhân dân, tranh thủ sự ủng hộ của quân dân. Có 1 lần anh ta đi du lịch, nhìn thấy một nông dân treo một chiêc lưới đánh cá trên cành cây, sau đó than rắng: Cho dù là chim ở trên trời hay thú ở dưới đất, phàm là chim chóc ở 8 phương 4 hướng đều bay vào chiêc lưới này. Thang nói với anh ta: Anh thật quá đáng, làm sao anh dùng chiêc lưới này để bắt thú, bắt chim được. Anh phải triệt tiêu 3 mặt, giữ lại một mặt thì mới được. Người nông dân làm theo cách đó. Thang nói tiếp: Các anh sống bên trái thì ở bên trái, sống bên phải thì ở bên phải, chỉ có chim không nghe lời tôi mới bay vào chiêc lưới này. Chuyện Thang mở lưới 3 mặt ân huệ với muông thú được truyền đi muôn nơi, dân đều khen anh ta có lòng nhân từ với bà con trăm họ, đều ủng hộ anh ta.

Thang liệt kê vô số sự hung bạo vô đạo của Kiệt, kêu gọi những nước nhỏ, phụ thuộc vào Hạ, bây giờ quay lưng với Kiệt, quay về với nhà Thương, trị vì 23 năm, bị bệnh chết, táng ở Lịch Thành (nay là thành phố Tế Nam tỉnh Sơn Đông).

Thái Giáp! luôn được Y Doãn trợ giúp, chỉ giáo cho Thái Giáp những phép tắc của tổ tiên. Dưới sự giúp đỡ của Y Doãn Thái Giáp 2 năm đầu kề vị thực hiện rất nghiêm túc, nhưng từ năm thứ 3 trở đi không làm theo lời của Y Doãn. Thái Giáp tùy ý đưa ra những mệnh lệnh, suốt ngày hưởng lạc, mưu hại nhân dân, triều chính hỗn loạn, còn phá hoại những quy chế do tổ tông đưa ra. Y Doãn khuyên giải nhưng ông ta không nghe lời. Y Doãn đành mang ông ta tới ở Đông Quan, gần mộ của Thang (nay là phía Tây Nam huyện Yên Sơ Hà Nam) một thuyền khác nói ở Đông Bắc huyện Yên Thành tỉnh Hà Nam) để ông ta tự thức tỉnh. Trong sử ký gọi là Y Doãn thả Thái Giáp.

Thái Giáp sống ở Đông Quan, bái tổ phụ Thang là "Quân vương khai quốc" vậy mà mộ tổ rất đơn giản và xáu xí. Đọc những dòng chép ở mộ lão nhân giữ mộ được rất nhiều sự

nghiệp sáng lạn của tổ phụ, ôn lại chuyện cũ đố i chiê u nhũng hành vi, nhũng việc làm của mình, cảm nhận đó quả là không được và càng thâ y áy nay trong lòng, quyết tâm sửa đổi tâm tính. Bă t đâ u ở Đông Quan, quan tâm chú ý sự cô quạnh, Tôn Thư pháp chê vì nhân dân mà làm việc thiện. 3 năm sau, Y Doãn thâ y Thái Giáp thực sự hô i hận râ t vui mừng, hạ lệnh cho đại thâ n văn võ mang quâ n áo mũ mao đê vương, đê n đón anh ta về Bă c Đô, trả lại ngôi vị cho anh ta. Từ đó Thái Giáp lâ y bài học của bản thân mình trong quá khứ để làm gương thiê t triê u, bàn bạc với các đại thâ n yêu dân, tuân thủ pháp luật của Thang đặt ra, việc trị vì thiên hạ ngày càng tô t. Triê u Thương dâ n dâ n phô n vinh.

Quâ n thâ n Thái Giáp trở thành một minh quân, trong lòng râ t vui mừng và viê t một bài "Thái Giáp Hoàn" (bài học của

Thái Giáp) để ca ngợi anh ta gọi anh ta là Thái tông. Có một thuyê t khác nói: Sau khi Trọng Nhân chê t Y Doãn lên ngôi rõ i mới đê n Thái Giáp. 7 năm sau Thái Giáp quay về.

Y DOÃN

Y Doãn tên là Doãn Y, là trọng thâ n khai quô c phục vụ 5 đời vua Thương. Theo truyê n thuyê t sô ng đê n 100 tuổi, chê t già, táng ở Bă c, một thuyê t khác vì đoạt ngôi nên bị giê t chê t.

Y Doãn vào nhũng năm cuô i triê u Hạ, Y Doãn là gia nô của bộ lạc Tân Thị (nay thuộc phía bă c huyện Tào tỉnh Sơn Đông, một thuyê t khác nói thuộc phía Đông Nam thành phô Khai Phong tỉnh Hà Nam). Ông ta là một người tài giỏi, ông ta đi theo hâ u hạ con gái của Tân Thị tới nhà Hạ Thang, Thang cho ông làm đâ u bê p, ông nhờ tài trí mà gây được lòng tin của Thang, Thang sai ông đê n triê u Hạ khuyên nhủ Kiệt tận mă t chứng kiê n cảnh ăn chơi sa đọa của Kiệt ông đoán chă c triê u Hạ sẽ bị diệt vong, ông quay vê triê u Thương nói rõ tình hình, Thang đã cử ông làm tể tướng. Ông vạch ra nhũng mưu lược kẽ hoạch cuô i cùng mở cuộc chinh chiê n tiêu diệt nhà Hạ một lòng một dạ phục vụ triê u Thương. Sau khi Thang chê t, ông lại giúp con cháu của Thang như Ngoại Bích, Trọng Nhâm, Thái Giáp... Khi Thái Giáp lên ngôi, ông đã lâ y công đức của Thang và bài

học Kiệt là hôn quân nên mâu tước để nhã c nhở Thái Giáp chuyên tâm vào việc nước, trị vì tôt quoc gia. Không lâu sau, Thái Giáp lơ đãng công việc trị quoc, ông khuyên nhủ nhiê u lâ n nhưng Thái Giáp không nghe, ông đành phải mang Thái Giáp để n Đông Quan để suy ngẫm về bản thân, còn ông tự mình nhiê p chính giải quyết công việc quoc gia.

Ba năm sau, Giáp tinh ngộ, ông chưa vê cung và trả lại ngôi vị, còn mình vẫn làm tể tướng, tận trung báo quoc.

Sau khi Giáp chê t, Y Doãn còn phụ giúp Ôc Đinh (con trai Thái Giáp). Để vương thê ký nói Y Doãn phục vụ trieu Thuong để n đời Ôc Đinh mới chê t thọ 100 tuổi. Ông ta chê t cả nước để tang 3 ngày. Ôc Đinh để báo đáp công ơn của Y Doãn cả đời vì dân vì nước nên đã lâ y nghi thức thiêng tử để an táng ông.

Người đời sau thâ y Y Doãn giúp Thang loại trừ vua Kiệt, sáng lập trieu Thuong, cải tạo Thái Giáp (không làm hỏng một vị vua ăn chơi sa đọa mà nhân cơ hội cướp ngôi, trước sau đê u một lòng một dạ phục vụ trieu Thuong. Vì vậy, tôn ông là tể tướng trung kiên đâ u tiên trong lịch sử Trung Quoc, sánh ông ngang hàng với Chu Công, Quản Trọng, Khuong Thái Công...

Niệm Giám Vũ Đê Tự Mã đời Thái Khang (Tây Tâ n): trong mô Ngụy thời chiê n quoc phát hiện một bộ thư tịch cổ "trực thư kí niên" có nói Thời Trọng Nhâm xảy ra chuyện Y Doãn cho Thái Giáp làm tể tướng, còn mình làm vua. Ông trị vì dưới 7 năm, Thái Giáp thoát khỏi Đông Quan và giê t Y Doãn, nhưng vẫn trọng dụng con trai của Y Doãn, cung cắp cho anh ta nhà cửa ruộng vườn. Do vậy Y Doãn vẫn là trọng thâ n trung quân báo quoc.

Có người cho ră ng: Những sự việc ghi chép trong "Trúc thư kí niên" rât đáng tin bởi giá trị tài ba lịch sử cao Thái Giáp giê t Y Doãn là chuyện đáng tin, còn Y Doãn giúp Giáp châ p chính chỉ là thuyê t pháp của Đạo Gia.

Ông Thôi Thuật "Triệu Thanh" trong "Thuong khảo tín lục" cũng có nói Thái Giáp không giê t Y Doãn. Trong "Mạnh Tử" nói Thái Giáp

hô i hận, ăn năn hô i lỗi, giam mình trong Đông Quan 3 năm, ngô i suy nghĩ về những điều u nhân nghĩa, Thái Giáp quyết sửa đổi tâm tính làm lại cuộc đời.

Trong "Tả truyện" có nói: "Y Doãn giam Thái giáp và ông ta vẫn làm tể tướng", còn Thái Giáp quay về đô thành vẫn tin tưởng Y Doãn, đô i xứ với ông râ t t. Điều đó nói rõ Thái Giáp không giê t Y Doãn.

Trong "Thượng thư ở Chương Ô c Đinh" có cả công đức của Y Doãn, điều đó thấy rõ Y Doãn là người trung thực. Vì thế những ghi chép trong "Trúc thư ký niên" là sai.

Một số sách Thanh thư thời Chiê n Quô c có nói chuyện quâ n thâ n giê t vua đoạt ngôi, họ đê u thâ y lợi mà quên nghĩa, chịu sự ảnh hưởng này nên Trúc thư ký niên mới nói Y Doãn giê t vua đoạt ngôi. Ông Thôi Thuật kiên quyết cho rằng Y Doãn là đại thâ n trung lương

Ô C ĐINH

Ô c Đinh, năm sinh năm mâm t không rõ. Con của Thái Giáp, kế vị sau khi cha chê t, trị vì 39 năm, bị bệnh chê t, táng ở Địch Tuyê n (nay thuộc Lạc Dương, tỉnh Hà Nam).

THÁI CANH

Thái Canh, năm sinh năm mâm t không rõ. Con Thái Giáp, em trai Ô c Đinh, trị vì 25 năm, bị bệnh chê t, táng ở Địch Tuyê n.

TIỀU GIÁP

Tiểu Giáp, năm sinh năm mâm t không rõ. Con Thái Canh "thê biếu" lại nói là em Thái Canh, kế vị sau khi Thái Canh chê t, trị vì 17 năm, táng ở Địch Tuyê n.

UNG KỈ

Ung Kỉ, năm sinh năm mâm t không rõ. Con của Thái Canh, em của Tiểu Giáp, kế vị sau khi Tiểu Giáp chê t, trị vì 12 năm, bị bệnh chê t,

táng ở Địch Tuyê`n.

THÁI MẬU

Thái Mậu, năm sinh năm mâm t không rõ. Con của Thái Canh, em trai Ung Kỉ. Trong giáp cô t vẫn gọi ông ta là Đại Mậu, Thiên Mậu, kê` vị khi Ung Kỉ chê` t, trị vì 75 năm, bị bệnh chê` t, táng ở Nội Diễn (cách 30 dặm về` phía Nam huyện Nội Diễn tỉnh Hà Nam).

Lúc Thái Mậu trị vì, đã cho Y Chê` (con của Y Doãn) và Vu Hầm làm tể tướng. Việc nước thuận lợi, các nước nhỏ liên tục quy thuận, triều` u Thương hưng thịnh trở lại.

TRUNG ĐINH

Trung Đinh, năm sinh năm mâm t không rõ, còn có tên là Trọng Đinh, con của Thái Mậu, kê` vị khi Thái Mậu chê` t, trị vì 13 năm, bị bệnh chê` t, táng ở Địch Tuyê`n.

*

Trung Đinh cho dời đô đê`n Ngao (nay gâ`n thành phô` Trịnh Châu tỉnh Hà Nam), một thuyê`t khác nói thuộc phia Đông Bă`c huyện Vinh Dương tỉnh Hà Nam. Thời đó, tộc Di ở phia Đông Nam đã hưng thịnh, trong đó có Lan Di tâ`n công triều`u đình, Trung Đinh xuất quân đi đánh.

Sau khi Trung Đinh chê` t, anh em tranh cướp ngôi vị, tạo ra cuộc hỗn chié`n liên tiê`p trong 9 đời triều`u Thương dâ`n đi tới suy tàn.

NGOẠI NHÂM

Ngoại Nhâm, năm sinh năm mâm t không rõ, em của Trung Đinh, kê` vị khi Trung Đinh chê` t, trị vì 15 năm, bị bệnh chê` t, táng ở Địch Tuyê`n.

HÀ ĐẨM GIÁP

Hà Đẩm Giáp năm sinh và năm mâm t không rõ, em của Ngoại Nhâm, kê` vị khi Ngoại Nhâm chê` t, trị vì được 9 năm, bị bệnh chê` t.

Theo truyề`n thuyê`t táng ở 3 nơi + Tường (nay thuộc huyện Nội Diễn tỉnh Hà Nam) + Thang Âm (nay thuộc huyện Thang Âm tỉnh Hà Nam) + Yên (nay thuộc phía Nam Sông Hoàng Thùy)

*

Lúc Hà Đám Giáp trị vì, triề`u Thương đã đi tới suy vong. Ông dời đô đê`n Tương, mang quân đi chinh phạt tộc Lan Di và tộc Ban Phương.

TÔ Â`T

Tô Â`t, năm sinh năm mâm t không rõ, con của Trung Đinh, một thuyê`t khác nói là con của Hà Đám Giáp, kê` vị sau khi Hà Đám Giáp chê`t, trị vì 75 năm, bị bệnh chê`t ở Địch Tuyê`n.

*

Tô Â`t cho dời đô đê`n Hình (nay là phía Đông huyện Ôn tỉnh Hà Nam).

Đã vài lâ`n mang quân đi đánh tộc Lan Di, Ban Phương, giải trừ mọi nguy hại, vận mệnh triề`u Thương lại đi lên.

TÔ TÂN

Tô Tân, năm sinh năm mâm t không rõ, con của Tô Â`t, kê` vị sau khi Tô Â`t chê`t, trị vì 16 năm, bị bệnh chê`t, táng ở Địch Tuyê`n.

Ô`C GIÁP

Ô`c Giáp, năm sinh và năm mâm t không rõ, em trai của Tô Tân, kê` vị khi Tô Tân chê`t, trị vì 25 năm, bị bệnh chê`t, táng ở Địch Tuyê`n.

TÔ ĐINH

Tô Đinh, năm sinh và năm mâm t không rõ, con của Tô Tân, cháu của Ô`c Giáp, kê` vị khi Ô`c Giáp chê`t, trị vì 39 năm, bị bệnh chê`t, táng ở Địch Tuyê`n.

NAM CANH

Nam Canh, năm sinh và năm mā́t không rõ, con của Ốc Giáp, em họ của Tô Đinh, kḗ vị khi Tô Đinh chế t, trị vì 25 năm, bị bệnh chế t, táng ở Địch Tuyến.

Lúc Nam Canh trị vì, vận mệnh triế u Thương lại đi tới suy vong, dời đô đến Yểm (nay thuộc huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông).

DUONG GIÁP

Ương Giáp, năm sinh năm mā́t không rõ, con của Tô Đinh, kḗ vị khi cha chế t, trị vì 7 năm, bị bệnh chế t, táng ở Địch Tuyến.

BÀN CANH

Bàn Canh, năm sinh năm mā́t không rõ, con của Tô Đinh, em của Dương Giáp, kḗ vị sau khi Dương Giáp chế t, trị vì 28 năm, bệnh chế t táng ở làng Tiểu Đốn huyện An Dương tỉnh Hà Nam.

*

Thời Bàn Canh trị vì, triế u Thương mā́y lấn xây ra nội chiến, chính trị suy đối, quý tộc xa xỉ, vương thất mâu thuẫn gay gắt, cộng thêm vào đó thiên tai xảy ra liên miên, đối mặt với những nguy cơ nghiêm trọng đó, Bàn Canh quyé́t định dời đô đến Yên (là một nơi hoang vu) nhắm ngăn chặn sự ăn chơi xa xỉ của quý tộc phản đối mâu thuẫn giai cấp. Các quý tộc phản đối kịch liệt chuyện dời đô, Bàn Canh phát thông cáo bắt họ thực hiện mệnh lệnh nghiêm chỉnh. Sau khi dời đô ông chọn biện pháp cứng rắn chặn ý đố quay vế đô thành cũ của bọn quý tộc. Ông đếra chủ trương tiết kiệm, giảm bớt xung đột, cuối cùng cũng làm yên được cục diện. Dân dã đô thành Yên trở thành một đô thị phốn vinh từ đó vế sau hơn 270 năm, đô thành của triế u Thương đặt luôn ở đây.

TIỀU TÂN

Tiểu Tân, năm sinh năm mā́t không rõ, con của Tô Đinh, em của Bàn Canh, kḗ vị khi Bàn Canh chế t, trị vì 21 năm, bị bệnh chế t,

táng ở Yên.

Sau khi kế vị, làm cho triều Thương suy vong.

TIỀU ÂT

Tiểu Ât, năm sinh năm mươi không rõ, con của Tô Đinh, em của Tiểu Tân, kế vị khi Tiểu Tân chết, trị vì 28 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên.

VŨ ĐINH

Vũ Đinh, năm sinh năm mươi không rõ, con của Tiểu Ât, kế vị khi cha chết, trị vì 59 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên, một thuyết khác nói táng ở Trường Bình huyện Thương Thủy tỉnh Hà Nam.

*

Cha của Vũ Đinh, vô n không được thừa nhận tư cách làm vua, liền đem con trai gửi vào dân dã. Vũ Đinh sống cùng với nô lệ, cày ruộng, chặt củi, do vậy ông ta có thói quen tiết kiệm thật thà. Ông có một người bạn làm nô lệ tên là Duyệt Thuyết. Duyệt Thuyết ham học có tài, Vũ Đinh học hỏi ở anh ta rất nhiều.

Sau khi Tiểu Ât chết, nên kế vị ông ta vẫn có thói quen tiết kiệm và không quên nỗi khổ của bà con trăm họ. Ông một lòng một dạ đưa triều Thương đi lên, ông hiểu rõ điều gì phải trọng dụng nhân tài, ông nghĩ ngay đến Duyệt Thuyết, Duyệt Thuyết đang là nô lệ bỗng chốc trở thành đại quan nên gấp phải sự phản đối mãnh liệt của quý tộc và chủ nô lệ. Vũ Đinh nghĩ ra một phương kế, trong 3 năm liền không đả động gì đến chuyện đó, sau đó mượn có nǎm mơ thấy Thang gửi cho ông một hòn tài, và sai người căn cứ vào sự mô phỏng của ông vẽ chân dung của Duyệt Thuyết đi tìm khắp nơi. Quan quân ở Duyệt Nham (nay thuộc Sơn Tây) phát hiện một người đang xây tường gióng hết người trong ảnh, liền đưa anh ta về kinh đô, người đó chính là Duyệt Thuyết. Vũ Đinh vui mừng, trước mặt quan tham tuyên bố bãi bỏ thân phận nô lệ cho anh ta và phong làm tể tướng. Quý tộc chủ nô mê tín tin

ră`ng có quý thâ`n, nghe nói Duyệt Thuyê`t là người mà Thang gửi cho Vũ Đinh, không ai dám phản đố`i.

Dưới sự trợ giúp của Duyệt Thuyê`t, Vũ Đinh giải quyé`t tô`t công việc quô`c gia, giải tỏa mâu thuận, sản xuâ`t phát triển, xã hội ổn định. Trên cơ sở đó, ông không ngừng thu phục các bộ lạc ở miê`n Tây Bă`c như Thổ Phương, Quy Phương, Hổ Phương mở rộng lãnh thổ phát triển thê` lực, chọn vùng đâ`t Canh Chủ làm nơi dựng binh, những điê`u đó khiê`n triê`u Thương phát triển thành một vương triê`u hưng thịnh.

TÔ CANH

Tô Canh, năm sinh năm mâ`t không rõ, con thứ hai của Tô Đinh, kê` vị khi Tô Đinh chê`t, trị vì được 7 năm, bị bệnh chê`t, táng ở Yên.

*

Anh trai Tô Canh tên là Tô Kỉ, bị mẹ kê` hăm hại vu cáo, nên cha đuôi khói kinh thành, vê` sau ngâm oan chê`t, em thứ ba là Tô Giáp do mẹ kê` sinh ra để biểu thị không muô`n tranh quyé`n đoạt vị với anh trưởng nên âm thâ`m rời bỏ cung điện. Vũ Đinh chê`t, Tô Canh lên kê`t vị.

TÔ GIÁP

Tô Giáp, năm sinh năm mâ`t không rõ, con thứ ba của Vũ Đinh, kê` vị khi Tô Canh chê`t, trị vì 33 năm, bị bệnh chê`t, táng ở Yên.

*

Tô Giáp không muô`n tranh quyé`n với anh cả, đã bỏ cung điện ra đi. Sau khi Vũ Đinh chê`t, Tô Canh lên kê` vị ông ta mới vê` cung.

LÃM TÂN

Lãm Tân, năm sinh năm mâ`t không rõ, con trai Tô Giáp, kê` vị khi Tô Giáp chê`t, trị vì 6 năm, bị bệnh chê`t, táng ở Yên.

*

Lãm Tân, trong thời gian trị vì luôn bị các bộ lạc: Ân Phương, Đê Phương, Bì Phương công kích, ông nhiều lần đem quân đi chinh phạt và nhờ các bộ lạc về hỗ trợ, đi trợ giúp nhưng không chinh phục được họ.

CANH ĐINH

Canh Đinh, năm sinh năm mươi không rõ, em trai của Lãm Tân, kế vị khi Lãm Tân chết, trị vì 21 năm, bệnh chết, táng ở Yên.

*

Trong thời gian trị vì, mang quân đi chinh phạt các bộ lạc Ân phương, Đê Phương, Bì Phương nhưng không thu phục được.

VŨ ÂT

Vũ Ât, năm sinh năm mươi không rõ. Con trai của Canh Đinh, kế vị khi cha chết, trị vì trong 4 năm bị sét đánh chết ở sông Vị Thủy, một thuyết khác nói chết trong lúc đi chinh phạt, táng ở Yên.

*

Trong thời gian Vũ Ât trị vì, thế lực của phái Vu Giác rất mạnh, thường giở muộn ý trời để kiểm soát hoạt động của vua Thương. Vũ Ât luôn nghĩ cách đánh đổ quyền lực của phái Vu Giác. Một lần, ông ra lệnh khắc một con tượng gỗ, diện mạo nghiêm túc, quan phục chỉnh tề, gọi nó là thiên thần. Và cùng thiên thần đánh bạc, ra lệnh cho một hạ thần thay thế thiên thần đánh bạc. Vì quan thần đó rất sợ Vũ Ât, luôn tìm cách thua bài. Vũ Ât chỉ vào thiên thần nói "Anh là thiên thần, vậy mà lại thua tôi" Như vậy không linh nghiệm, thật đáng tiếc khi gọi anh là thiên thần và sai người đánh tượng gỗ. Một lần khác, sai người may một chiếc túi da, bên trong đựng đầy máu thú, treo lên cành cây, rồi dùng cung tên bắn vào túi, máu bắn hết ra ngoài. Vũ Ât cười lớn nói: "Trời đã bị ta bắn thủng một lỗ."

Trải qua nhiều lần đấu tranh, thế lực của Vu Giác bị lung lay dần dần, vương quyền lại tăng lên.

Lúc đó, Đê Phương và Chi Phương liên kết với nhau công kích triều đình. Vũ Ất đưa quân đi chinh phạt, bắt được mấy nghìn tù binh.

Vũ Ất đi săn ở khu vực sông Hoàng Hà và Vị Thủy theo truyền thuyết nói bị sét đánh, một số học giả cho rằng: thuyết này do phái Vu Giáo bịa đặt ra để bôi xấu ông ta. Từ những tư liệu lịch sử thây rắng Vũ Ất thường mang quân đi chinh phạt các bộ lạc, ông bị chết trong cuộc chiến đấu với bộ lạc phương quan.

VĂN ĐINH

Văn Đinh, năm sinh năm mươi không rõ, còn gọi là Thái Đinh, con của Vũ Ất, kế vị khi cha chết, trị vì được 3 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên.

*

Trong thời gian trị vì, mang quân định chinh phạt tộc Quy (nay thuộc huyện Quy tỉnh Hồ Bắc).

ĐÊ ẤT

Đê Ất, năm sinh năm mươi không rõ, con của Văn Đinh, kế vị khi cha chết, trị vì 37 năm, bị bệnh chết, táng ở Yên.

Thời gian này, thế lực triều Thương đã lụi tàn, tộc Di đã phát triển mạnh mẽ tần công triều đình. Tháng 2 năm thứ 9 kể từ khi lên ngôi, ông đã mang quân đi chinh phạt tộc Di, nửa đường bị đánh chặn ở Mảnh Phương (nay gần huyện Hoài Bình Hà Nam). Tháng 9 năm thứ hai, đã đánh xuyên phía Nam và còn đền nước Du ở lĩnh vực sông Hoài Thủy. Đê Ất và vua Du hợp binh với nhau đánh tộc Di. Vào những năm cuối đời, dời đô đền Lãm (nay là làng Triệu Ca huyện Kỳ Bình Hà Nam).

TRỤ (ĐÊ TÂN)

Trụ, năm sinh năm mươi không rõ, con Đê Ất, kế vị khi cha chết, trị vì 33 năm, tự thiêu ở Triệu Ca, táng ở ngoại ô Bát Minh.

Trụ có thân hình cao lớn, diện mạo tuấn tú, sức khỏe vô biên, có thể đánh nhau tay không với mãnh thú, thông minh lanh lợi có tài thơ văn. Ông nhiế u lấn chinh phạt Đông Di, bắt nhiế u tù binh. Chiếm lĩnh vùng Đông Nam khiến nến văn hóa Trang Nguyên truyến tới lĩnh vực sông Hoài, Trương Giang.

Trụ là tên bạo chúa hoang dâm, sùng ái nàng Đát Kỷ, suốt ngày cùng Đát Kỷ uống rượu nghe nhạc. Ông sai đào một cái hố trong cung dưới đáy hố́, vách hố́ đế u lát đá cuội, trong hố́ đổ đấy rượu. Cây cối xung quanh hố́ đấy gấm vóc, treo trên cây thịt nướng. Ông ta cùng Đát Kỷ và tùy tùng vui chơi ca hát, khát thì múc rượu trong hố́ uống, đói thì ăn thịt treo trên cây. Để phục vụ vui của Đát Kỷ, ông ta tùy ý chặt đấu người, cắt chân cắt tay, thậm chí lấy cả thai nhi, hung ác cực độ.

Anh cùng cha khác mẹ với ông ta là Vi Tử Hổ nhiế u lấn khuyên giải, bị ông ta bỏ ngoài tai mọi lời khuyên và đòi giết anh, khiến Vi Tử Hổ phải trốn khỏi kinh thành. Chú ông ta là Tất Can đến khuyên nhủ, ông ta nói: "Nghe nói tim thánh nhân có 7 lỗ, tôi muốn xem tim chú có mấy lỗ" sai người giết Tất Can móc tim ra xem. Nghe lời Đát Kỷ, ông sai người đúc một cột đống rỗng bên trong đốt lửa, gọi là "cây đuốc", nếu quấn thấn nào trái ý ông ta, sẽ bị ông ta cởi bỏ quấn áo và thiêu chết trên cột đống.

Hành vi hung bạo của Trụ khiến nhân dân oán hận, người thân lìa xa. Vế sau quân của Chu Vũ Vương tấn công Trụ. Lúc này, Trụ và Đát Kỷ đang vui chơi ở Lộc Đài (Triếu Ca), biết tin đã sai 70 nô lệ ra nghênh chiến, hai đội quân đánh nhau ở Thụ Da (nay thuộc phía Nam huyện Kỳ tỉnh Hà Nam). Quân Chu chiến đấu dũng cảm, quân Thương vừa đánh đã chạy toán loạn. Trụ vội chạy vào thành Triếu Ca, biết không có cách cứu vãn, ông quyết định tự tử. Ông ta sợ sau khi chết nhân dân sẽ phanh thây ông ta, nên ra lệnh mang thuyến ngọc lên Lộc Đài, ăn mặc chỉnh tề́, đeo trang sức quý, dưới đất chất một đống cỏ, sau khi ăn xong hạ lệnh châm lửa.

Chu Vũ Vương được đón tiếp niếm nở, Chu vội vàng đến Lộc Đài, tìm được thi thể của Trụ đã cháy trụi, tuyên bố triếu Thương bị diệt vong.

Tội ác của Trụ có thật nghiêm trọng như vậy không? Đời sau có nhiều cuộc tranh luận, có người khẳng định, có người nghi ngờ. Ông Ôn Lão Tát (đời Tông) bàn luận đúng sai về Kiệt Trụ cho rằng: Những tội ác của Trụ như Tây Cung thất, làm hô rượu, rùng thịt, sủng ái mĩ nhân, hại quân tử cũng giông tội ác của Kiệt. Tội ác của hai người này giông nhau. Một số điều này là do mô phỏng.

Ông Lý Tư Danh (thời Tông) trong quyển "Nhật ký hoa đào" nói: "Tội ác của Trụ tàn bạo hơn bạo chúa của hậu thế". Ông Tử Cung trong Luận ngữ Tử hương nói: "hành vi tội ác của Trụ không nghiêm trọng như trong sách vở, đó là do hậu thế đem tội ác đó lên đàu cỗ nhân, khiên Kiệt và Trụ giông nhau, trở thành nhân vật tượng trưng cho tội ác, là điển hình cho hòn quân bạo chúa

TÂY CHU

(Thế kỷ 11 TCN - năm 771 TCN)

(Tổng cộng 300 năm)

Thời Chu chia làm hai thời kỳ Tây Chu và Đông Chu. Thời Tây Chu bắt đầu tính từ khi Chu Văn Vương diệt nhà Hạ, đóng đô ở Cảo (nay thuộc bờ đông sông Phong Thủy ở phía Tây Nam thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây) đến năm 771 TCN, Thân Hậu liên kết với Khuyển Nhung giết Chu U Vương. Thời Đông Chu bắt đầu từ năm 770 TCN Chu Bình Vương dời đô đến Lạc Ấp (nay thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), đến năm 256 bị nhà Tần diệt. Trong lịch sử gọi trước khi Chu Bình Vương dời đô là Tây Chu, từ đó về sau là Tây Chu.

Thời Tây Chu là thời kỳ phát đạt của xã hội nô lệ, tổng cộng có 12 vị vua, trong đó có 9 người chết do bệnh tật, một người bị giết do mâu thuẫn, một người bị nhân dân bạo động bắt làm tù binh đuổi ra khỏi đô thành nên chết, một người bị chết đuối do nhân dân làm đầm thuyên. Ngoài ra còn có Văn Vương và Chu Công bị bệnh chết.

VĂN VƯƠNG (CƠ XƯƠNG)

(TÂY CHU)

Văn Vương, tên là Cơ Xương, năm sinh năm mươi không rõ. Thời vua Trụ (Thương) làm tước bá, là người tôn định của Tây Chu. Cơ Xương làm thủ lĩnh của tộc Chu, thời vua Trụ (Thương) phong cho làm tước bá (tước thứ 3 trong 5 tước của phong kiến), còn gọi là Bá Xương. Trong quyển "Đế Vương thế kỷ" nói ông ta có tướng mạo oai hùng, thân cao 10 thóp, ngực có 4 vú. Từ nhỏ, ông ta tham gia lao động thu hoạch cùng với nông dân rất quan tâm tới nỗi thở khò khè của nhân dân. Sau khi nhận chức tước bá, ông ta rất coi trọng nhân tài, lễ hiến với kẻ sĩ xem trọng nhân tài thu phục được lòng dân, rất nhiều người tài đều đến nhờ cậy ông ta. Vua Trụ thấy lực của

Ông càng ngày càng mạnh mẽ n mượn cớ giam giữ ông ở Hữu (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Thang Dương tỉnh Hà Nam). Cơ Xương tỏ ra rất tự nhiên không hề oán hận, ngồi nhàn rỗi ông chú tâm nghiên cứu Bát Quái, diễn hóa thành 64 quẻ quan tâm chu đáo tới mọi chuyện trong thiên hạ, là người đầu tiên viết bộ kinh thư "Chu Dịch" trong lịch sử Trung Quốc. Ông phát minh ra cái đàn 7 dây, sáng tác khúc nhạc "Bao U Thao" và thường biểu diễn. Hạnh phúc của ông để mua sự tự do cho ông đã phải mang mỹ nữ, ngựa tốt, châu báu đắt tiền cõng vua trụ, cử ông Tân Tuyên Sinh mang lễ vật đắt tiền, còn vua Trụ nhìn thấy nhiều cõng vật, và lại thấy Cơ Xương không có thái độ tức giận, oán hận khi bị giam cầm nên đã thả Cơ Xương và vẫn cho nhận chức tước bá.

Sau khi được phong thích, ông quyết tâm xây dựng tộc Thương thành một tộc hưng thịnh không đợi thời cơ sẽ diệt trừ vua Trụ, rửa mồi nhục. Tuy trong tay có rất nhiều vũ tướng, nhân sĩ, nhưng vẫn thấy thiêú khuyết một người có tài văn võ để thống lĩnh toàn bộ và nung nấu tìm một người như vậy.

Có một lần, Cơ Xương đi ra ngoại thành du lâm săn bắn, đi đến Bàn Khê (nơi đây thuộc một nhánh của sông Vị Thủy) thấy một ông già khoảng 70, tóc điểm bạc đang ngồi câu cá, tuy ngồi câu cá nhưng ông già lại lầm bầm "Có người muôn câu cá, có người muôn câu cá". Cơ Xương rất ngạc nhiên liền đi đến ngồi nói chuyện với ông già đó. Ông già am hiểu thiên văn, thông thạo địa lý, hiểu biết tình hình trong thiên hạ mang trong lòng chí lớn, đúng là một người toàn tài cả văn lẫn võ. Cơ Xương vui mừng phán khởi, vội vàng mời ông già về cung lập làm Quốc sư và phong làm tể tướng, thống lĩnh toàn bộ về chính trị và quân sự. Ông già tên là Khuong Tử Nha hay còn gọi là Khuong Thái Công, Thái Công Vọng, Sư Thuượng Phụ.

Dưới những mưu sách kế hoạch của Khuong Tử Nha, tộc Thương đã chỉnh đốn lại nội bộ phát triển sản xuất, đề xướng lẽ nghĩa, khiêm cho quốc thái dân an, quân đội hùng mạnh. Sau đó đánh bại các bộ tộc như Khuyển Nhung, Mật Tu; tiêu diệt vây cánh của vua Trụ như: tộc Lê (ở phía Tây Nam thành phố Trường Trại tỉnh Sơn Tây ngày nay), tộc Hàn (nay ở phía Tây Bắc huyện Tân Dương tỉnh Hà Nam), tộc Sùng (nay ở phía Bắc huyện Tung tỉnh Hà Nam) và đã

chọn đất đai của tộc Sùng làm đô thành làm bàn đạp tiến công triếu Thương.

Cơ Xương vào những năm cuối đời đã giành được 2/3 đất đai trong thiên hạ, phía Tây kéo đến Thiểm Tây, Cam Túc; phía Đông Bắc kéo đến (Sơn Tây) Lê Thành, phía Đông kéo đến Tâm Dương (Hà Nam). Phía Nam lấn tới lĩnh vực sông Trường Giang, sông Hán Thủy, sông Nhũ Thủy, tạo ra một thế đất thuận tiện để tiến công đô thành Triếu Ca của nhà Thương, làm cơ sở vững chắc để tiêu diệt nhà Thương.

Lúc chuẩn bị chín mùi diệt nhà Thương, Cơ Xương lại bị bệnh nặng, ông ta biết mình không qua khỏi, sai gọi con trai là Cơ Phát đến dặn đúng 3 câu:

+ Câu thứ nhất là: "Nhìn thấy việc tốt, không được sao nhãng, phải tích cực làm ngay"

+ Câu thứ hai là: "Thời cơ đến, không được do dự, phải tóm bắt lấy ngay".

+ Câu thứ ba là: "Nhìn thấy việc xấu, phải tránh xa".

Vài ngày sau, ông ta từ giã cõi đời. Sau khi Cơ Xương chết, ông được lập thái miếu lấy hiệu là Văn Vương.

VŨ VƯƠNG (CƠ PHÁT)

(THỜI TÂY CHU)

Vũ Vương, tên là Cơ Phát, năm sinh năm mất không rõ, con trai thứ hai của Văn Vương nên kế vị sau khi cha mất. Trị vì được 3 năm bị bệnh chết, thọ 93 tuổi, táng ở Tất Nguyên.

*

Cơ Phát, do con trưởng của Văn Vương là Bá Ấp Khảo bị vua Trụ giết chết, vì vậy sau khi Văn Vương chết, Cơ Phát đã nên kế vị.

Sau khi nêng ngôi, Cơ Phát vẫn trọng dụng Khương Tử Nha và sai hai em là Chu Công Dán, Chiêu Công Thức phụ giúp mình, chỉnh đốn lại nội bộ, tăng cường quân lực, chuẩn bị lực lượng tiêu diệt vua Trụ.

Năm thứ hai, Cơ Phát mở đại hội sứ giả ở Manh Luật (nay thuộc huyện Mânh tỉnh Hà Nam), kiểm duyệt quân đội, để n tham gia đại hội có hơn 800 chư hùng của các vương quốc nhỏ, nhất loạt đồng tình diệt nhà Thương, do thời cơ chưa chín mùi, Vũ Vương không hạ lệnh xuất quân đánh nhà Hạ.

Hai năm sau, vào mùa xuân, thời cơ đã đến, Cơ Phát đích thân dẫn đầu 300 chiên xa, 45000 giáp binh, 3000 dũng sĩ, liên kết với quân đội của các nước nhỏ, cứ Manh Luật xuất phát tấn công đánh nhà Thương, sau khi diệt nhà Thương, xây dựng nhà Tây Chu, đặt đô ở Cao Kinh (nay là phía Tây Nam thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây), lây hiệu là Tông Chu.

"Vũ Vương diệt Trụ" là một chuyện lớn, có ý nghĩa xuyên thế kỷ trong lịch sử Trung Quốc. Nhưng câu chuyện này phát sinh từ thời gian nào? Các nhà sử học, thiên văn học từ thời Hán cho đến thời hiện đại đều có nhiều cách nói khác nhau tổng cộng phải đến 20 cách nói. Có một cách nhìn cho rõ ràng: "Hoài Nam Tử. Bình lược huân" nói: "Lúc Vũ Vương diệt Trụ, sao Mộc xuất hiện ở phương Đông, đồng thời còn xuất hiện sao chổi đầu hướng về phía Đông. Căn cứ vào sự xuất hiện của sao chổi Ha-Lây và thời gian nó quay về địa cầu ở thời kỳ nhà Thương, thấy 40 lần quay về trong một vòng, phát hiện được năm 1057 TCN, sao chổi Ha-Lây quay về địa cầu, hiện tượng thiên văn này hợp với ghi chép trong "Hoài Nam Tử, Bình Lược huân", vì vậy năm 1057 TCN là năm Vũ Vương diệt Trụ. Cách nói này được nhiều học giả đồng tình.

Cơ Phát cách vài ngày sau khi diệt xong vua Trụ đã nêng núi xem đô thành Triệu Ca, thấy kiến trúc của Triệu Ca rất hùng dũng, trong lòng nghĩ triều Thương hùng mạnh như vậy, kéo dài vô số năm, chỉ vì làm mất lòng tin của dân, trong chớp mắt đã bị diệt vong. Mà triều Tây Chu vừa mới lập, người phản đối, người coi thường còn rất nhiều, nguy cơ còn đe dọa, ông ta không ngăn được

những ưu tư trong lòng. Để củng cố và mở rộng thêm lực lượng Chu. Cơ Phát đã phong chức vị và đặt đai cho: Công, Hậu, Bá, Tử, Nam Ngũ, để họ lập các nước chư hầu, Khương Tử Nha phong đặt ở Doanh Khâu (nay thuộc tỉnh Sơn Đông) làm nước Tề, Chu Công Đán phong đặt ở Khúc Phụ làm nước Lỗ, Chiêu Công Thức phong đặt ở Kê Khâu (nay thuộc Bắc Kinh) làm nước Yên... Để thu phục những thế lực còn sót lại ở triều Thương, Cơ Phát đã phong cho con trai của vua Trụ là Vũ Canh làm Yên侯, giữ lại ở đô thành Yên sai anh em quản thúc, quan sát thái độ của Vũ Canh.

Năm thứ ba sau khi lập nhà Tây Chu tình hình thiên hạ tạm ổn định, ông ta đã bị bệnh chết ở Cảo Kinh.

Sau khi chết lập miếu lâm y hiệu là Vũ Vương.

THÀNH VƯƠNG (CƠ DŨNG)

(TÂY CHU)

Thành Vương, tên là Cơ Dũng, năm sinh năm mươi không rõ, con trai của Vũ Vương, kế vị sau khi cha chết. Trị vì 37 năm, bị bệnh chết, thọ 50 tuổi, táng ở Tát Nguyên.

*

Lúc Cơ Dũng kế vị chỉ có 13 tuổi, do chú là Chu Công Đán nhiệt p chính điều hành việc nước, an định đại cục. 7 năm sau mới chính thức điều hành việc nước, liên tiếp phong chư hầu, tăng cường việc chinh phục những vùng đất mới, củng cố sự thống trị, kiêm lập chế độ vương thất nhà Chu để làm lực lượng chính. Những năm cuối đời của ông ta, nền chính trị ổn định, nhân dân yên vui an cư lạc nghiệp khắp nơi đều ca ngợi ông ta.

Về sau, lúc bị bệnh biết khó lòng qua khỏi, lo lắng con trai là Cơ Chiêu không lo được việc nước, ông đã bắt Chiêu Công và Tát Công phải hứa sẽ dùng tâm dung đức để trợ giúp Cơ Chiêu. Từ đó, những lời ủy thác của đế vương lúc lâm chung được gọi là "cố lệnh" (mệnh lệnh bắt buộc); còn vương thất hoặc đại thần nào nhận lời

Ủy thác được gọi là "cô lệnh đại thán" (đại thán nhận mệnh lệnh bắt buộc).

Sau khi Cơ Dũng chết lập miêu lâ ý hiệu là Thành Vương.

CHU CÔNG (CƠ DÁN)

(THỜI TÂY CHU)

Chu Công, tên là Cơ Dán, năm sinh năm mươi không rõ, con trai thứ tư của Văn Vương. Nhiếp chính 7 năm, vì cung cô sự nghiệp của nhà Tây Chu đã có nhiều công hiệu quan trọng. Bị bệnh chết, táng ở Cảo Nhiếp Đông xã Trường An (nay là thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây).

*

Cơ Dán còn gọi là Thúc Dán, vì thái ấp ở Chu (nay là phía Bắc núi Kỳ Sơn tỉnh Thiểm Tây) nên gọi là Chu Công, ông ta tài đức kiêm toàn, đã giúp anh trai Vũ Vương diệt nhà Thương, lập nhiều chiến công lớn về sau nhận đất và làm chư hầu nước Lỗ ông đã để con trưởng là Bá Cảm đi đền đó, còn ông ở lại Cảo Kinh, trợ giúp Vũ Vương.

Vũ Vương bị bệnh nặng, thiên hạ chưa ổn định, đãt nước cần thiết phải có Vũ Vương, ông đã âm thầm đi cầu xin quý thần, hy vọng Vũ Vương thoát khỏi bệnh tật, còn mình tình nguyện chết thay. Sau khi Vũ Vương chết, ông dốc lòng phò trợ Thành Vương, đã nhiếp chính 7 năm.

Để cung cô vũng chặc triều đình Tây Chu, ông ngày đêm ngủ không yên lo lắng cho việc nước nhà. Ông trọng đại hiền tài, chiêu nạp nhân sĩ khắp nơi, lấy chủ trương "minh đức làm đầu".

Con trai thứ ba của Văn Vương là Quản Thúc Tiên và con trai thứ năm của Văn Vương là Thái Thúc Độ thày Chu Công thay thiên tử điều hành việc nước, nảy sinh lòng ghen ghét đồ kị, liên loan tin vu cáo, nói Chu Công có ý đồ đoạt ngôi vị. Tin xâm áu truyền đi khắp Cảo Kinh và đền tai Thành Vương, Khương Tử Nha, Chiêu Công

Thúc... ai cũng hoài nghi Chu Công. Con trai của vua Trụ là Vũ Canh nhân cơ hội này đã xúi giục Quản Thúc Tiên và Thái Thúc Độ hợp binh đi đánh triều đình. Độ i mặt với những nguy cơ nghiêm trọng, Chu Công một mặt giải thích với những người như Chiêu Công Thức, Khương Tử Nha, nói rõ mình không chính bởi tuổi tác của Thành Vương còn nhỏ chưa thể đảm nhận công việc quốc gia, thiên hạ chưa ổn định, ông một lòng một dạ vì giang sơn xã tắc chứ không phải có dã tâm đoạt ngôi. Lúc này mới cởi bỏ được mói hoài nghi của mọi người. Một mặt khác, ông bỏ ngoài tai những lời phỉ báng, thu thập lực lượng, xuất quân đi chinh chiến. Trải qua 3 năm chiến đấu gian khổ, cuối cùng giết được Quản Thúc Tiên và Vũ Canh, bắt giữ và giam cầm Thái Thúc Độ, từ đó dẹp yên được phản tặc.

Tiếp đó, Chu Công lại xây dựng ở phía Đông một đô thành gọi là Lạc Âp (nay là thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), đóng quân tại 8 điểm còn gọi là Thành Chu, cho những người dân sống ở thành nhà Yên Thương dời đến đó sinh sống, sai quân giám sát, lấy phương pháp dụ dỗ và đe dọa để thu phục họ.

Chu Công còn đặt mói quan hệ bang giao với các nước lân cận, phân chia ra 71 quận, bao gồm 55 người cùng họ (trong đó có 15 người là anh em với nhau), khác họ là 16 người, những người này đứng đầu các quận đó để bảo vệ vương thất. Trong mỗi quận lại đặt định chế độ trống ruộng, thống nhất quy hoạch về ruộng đất, cung cấp đầy mạnh mẽ kinh tế của Tây Chu.

Lúc Thành Vương 10 tuổi, ông đã trả lại ngôi vị cho cháu, còn mình vẫn tận tâm phục vụ, tinh tâm sáng lập ra chế độ điện chương lễ nhạc của triều Chu. Những đóng góp của Chu Công về phương diện: chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa... đã góp phần củng cố sự vững chắc của nền kinh tế, chính trị, văn hóa trong xã hội nô lệ Tây Chu và đưa nó ngày một phát triển hùng mạnh. Do ông có nhiều công tích và có nhân cách cao thượng trong lịch sử đã tôn ông làm thánh nhân sánh ngang hàng với: Nghiêm, Thuận, Vũ, Thang, Văn, Vũ, Tử...

Chu Công sau khi trả lại ngôi vị cho Thành Vương, được một thời gian thì lâm bệnh chết, sau khi chết là y hiệu là Văn.

KHANG VƯƠNG (CƠ CHIÊU)

(TÂY CHU)

Khang Vương, tên là Cơ Chiêu, năm sinh năm mâm t không rõ, con trai của Thành Vương nên kế vị sau khi Thành Vương chết. Trị vì 26 năm, bị bệnh chết, táng ở Tát Nguyện.

*

Lúc Cơ Chiêu kế vị, Chiêu Công, Tát Công tổ chức lễ đăng quang cho ông rapt long trọng. Chiêu Công, Tát Công còn dẫn đầu các chư hầu đưa Cơ Chiêu đến nổ miếu, nói cho Cơ Chiêu biết sự nghiệp huy hoàng của Văn Vương Vũ Vương. Đồng thời còn viết một bản tâu trình khuyên răn Cơ Chiêu cần phải tiết kiệm yêu dân, chú trọng quản lý quốc gia, giữ gìn sự nghiệp của tổ tiên.

Thời gian Cơ Chiêu trị vì, không ngừng đi chinh phạt các vùng đất: Quỷ Phương (nay thuộc phía Tây Bắc của tỉnh Thiểm Tây) và vùng đất Đông Nam, bắt giữ nhiều nô lệ, thu được nhiều đất đai ban thưởng cho các chư hầu, đại phu. Có một lần trong cuộc đại chiến, quân Chu đã bắt được hơn 13000 quân lính của Khuyển Nhung. Để chúc mừng thắng lợi, Cơ Chiêu đã tặng cho quý tộc Mạnh (người tham gia cuộc chiến) hơn 1700 tù binh, và đã sai các nô lệ đem chuyện chiến thắng khắc lên đỉnh đống. Chiếc đỉnh đồng này nặng hơn 500 cân, được khai quật vào trung kỳ triều Thanh, hiện nay được trưng bày ở viện bảo tàng lịch sử Trung Quốc (Bắc Kinh).

Trong thời gian Cơ Chiêu trị vì, quốc gia hùng mạnh, thiên hạ thô ng nhát, kinh tế văn hóa phồn vinh, xã hội ổn định, sử sách nói "hình phạt 4 phương trong 10 năm trời không cần dùng đền". Đạo gia gọi thời kỳ thô ng trị của Thành Vương những năm cuối và thời kỳ của Khang Vương là "sự thô ng trị của Thanh - Khang"

Sau khi Cơ Chiêu chết lập miếu gọi là Khang Vương.

CHIÊU VƯƠNG (CƠ HÀ)

(TÂY CHU)

Chiêu Vương, tên gọi là Cơ Hà, năm sinh năm mươi không rõ, con trai của Khang Vương, nên kế vị sau khi Khang Vương chết. Trì vì 19 năm vì mưu hại bà con trăm họ, bị chết đuối, táng ở núi Thiệu Thủ (nay là núi Thiệu Thủ huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam).

*

Cơ Hà từ nhỏ đã sống trong nhung lụa, sau khi ném ngôi thiêú những đại thần trung lương trợ giúp, vì vậy cuộc sống nhanh chóng xa vào con đường hư hỏng xa đọa. Ông ta rất yêu thích những loài hoa cỏ kỳ lạ chim muông cầm thú, không ít người thường dựa vào sở thích của ông ta, hôm nay có ng con chim này, mai tiễn con thú khác, dựa vào đó mà thăng quan tiễn chức. Có lúc, Cơ Hà nghe được ở nơi nào đó có những con chim lạ thú quý, lập tức đi tới đó săn bắt còn công việc triều chính cứ mặc kệ. Những điều đó đã làm lung lay nền chính trị, quốc gia đi tới suy vong, có một số chư hầu không còn nghe mệnh lệnh của ông ta, không có ng hién lễ vật. Chiêu Vương rất hờn, liên mang quân đi chinh phạt họ, làm hao tổn tiễn của.

Năm thứ 19 sau khi Cơ Hà ném ngôi, hạ thần của ông ta đang biểu nói: Bộ lạc Việt Thường Thị ở phương Nam có một loại chim quý: lông màu trắng, thịt của nó ăn rất thơm, con chim đó là chim bạch hạc.

Thời Thành Vương, bộ lạc Việt Thường thường mang đên cô ng tiễn, bây giờ nước Sở ở phương Nam có thế lực ngày càng mạnh không còn nghe lời của bệ hạ giao thông cản trở, bộ lạc Việt cũng không mang lễ vật đên cô ng tiễn. Cơ Hà tức giận vô cùng, lập tức dẫn quân đi chinh phạt nước Sở, trên đường đi, ông ta ép buộc nhân dân vận chuyển lương thực, dùng thùng kéo thuyền, lương thực và rượu thịt phải có ng cho quân đội, và ông ta toàn dùng thuyền của ngư dân để vận chuyển, sau khi dùng xong còn đánh chìm những chiếc thuyền đó. Nhân dân ai cũng oán thán ông ta.

Cơ Hà qua sông Hán Thủy, tiễn công đô thành Đan Dương của nước Việt (nay thuộc huyện Chi Giang tỉnh Hồ Bắc), nhiều lần tấn công mà không đánh thằng. Vừa hay, vua Sở lo lắng nên đánh không được Cơ Hà sẽ gặp hậu họa liền sai người đến xin nhận

tội. Cơ Hà mắng vua Sở một trận, thura cơ vơ vét tài sản nước Sở, ăn mừng chiến thắ́ng và quay vế cung.

Cơ Hà trên đường về` vừa du lâm vừa săn bắn vê` đến bờ sông Hán Thủy, lại ra lệnh cho quân lính cướp thuyền của ngư dân. Những ngư dân kín đáo chọn ra mô số thuyền, đục thủng rối dùng keo nước dán kín lại và còn dùng những hình vẽ nhiếu màu sắc trang trí thuyền, cho quân lính của Cơ Hà mang những chiếc thuyền đó đi. Quân của Cơ Hà dùng thuyền qua sông, chất nên thuyền rất nhiếu thứ: ngựa, xe, của cải. Thuyền đến giữa sông, keo nước bị bung ra, những miếng ván đóng thuyền cũng từ từ tan ra, thuyền từ từ chìm xuống. Cơ Hà và các tùy tùng chơi voi giữa dòng sông. Cơ Hà không biết bơi, ăn mặc lại lụng thụng, vãy vùng một hò́i rối cũng từ từ chìm xuống. Phu xe của ông ta may mắn hơn bơi được vào bờ, chạy đi gọi mọi người tới cứu. Trên mặt sông nổi nên rất nhiếu thứ: người, ngựa, vật chất... không dễ gì lọt qua những thứ đó để đến chỗ Cơ Hà, và khi kéo được ông ta vào bờ thì cũng không còn hy vọng gì. Các đại thấn thấy ông ta chết như vậy thì không có thể diện gì, không dám công bố́ rõ sự việc mang ông ta an táng công báo bị bệnh chết.

Sau khi chết lập miếu đặt hiệu là Chiêu Vương.

MỤC VƯƠNG (CƠ MÃN)

(TÂY CHU)

Mục Vương, tên là Cơ Mân, năm sinh năm mắt không rõ, con trai của Chiêu Vương, kế́ vị sau khi Chiêu Vương chết, trị vì 55 năm, thọ 105 tuổi, táng ở ngoại thành phía Tây Nam thành phố́ Tây An tỉnh Thiểm Tây.

*

Lúc Cơ Mân nêu trị vì đã 50 tuổi. Theo truyến thuyết Cơ Mân trong thời gian trị vì, ra lệnh cho Phủ Hậu đặt định ra bộ hình mới, lại xuất quân chinh phạt nước Sở. Về` sau lại liên minh với Sở đi tiêu diệt Khuyển Nhung bắt được 5 vương thất của Khuyển Nhung, bắt một số́ bộ lạc của Khuyển Nhung dời đến Thai Nguyên (nay thuộc

phía Tây Nam tỉnh Sơn Tây) mở ra con đường thông thương Tây BẮC.

Thư tịch cổ "Mục Thiên Tử truyề`n" đào được ở thời TÂ`N có ghi chép về` chuyện Cơ Mãn đi chinh phạt ở miê`n Tây.

Cơ Mãn chọn được con ngựa chạy nghìn dặm, mang 7 đội dũng sĩ, và thường châu báu ngọc ngà cho những ai có công, đi từ phía BẮC đế`n khu vực Nội Mông Cố rô`i hướng tới phía Tây, đi qua nhiều`u núi sông thuộc Tân Cương, đế`n được vương quô`c của Tây Vương Mẫu, được Tây Vương Mẫu đế`n tiê`p long trọng. Bà ta mở tiệc chiêu đãi, kê`t tình bă`ng hữu và dẫn ông ta lên núi Diễn ngă`m cảnh phuong xa. Ông ta đã khă`c trên đỉnh núi dòng chữ: "Vương quô`c của Tây Vương Mẫu", cùng với Tây Vương Mẫu trô`ng một cây Hòe làm kỷ niệm. Sau đó từ phía Tây tiê`n đế`n Cao nguyên Đại Khoáng, sau khi săn bă`t được nhiều`u chim muôn câ`m thú quý, quay về` phía Đông rô`i mới về` Cảo Kinh.

Lịch trình đi tuâ`n vê` miê`n Tây của Cơ Mãn là hơn 2 năm, đi được hơn 35000 dặm, trong lịch sử đây là chuyê`n đi lớn. Đi qua nhiều`u nước bang giao, được nhân dân đón tiê`p nhiệt tình chu đáo. Điều này nói rõ những địa vực của Trung Quô`c thời đó đã tương đố`i bao la. Dân tộc Hoa Hạ ở Trung Nguyên và các bộ lạc ở miê`n Tây râ`t sớm đã có mô`i quan hệ bạn bè, gă`n bó mật thiê`t cùng nhau sáng tạo ra văn minh Trung Quô`c.

Cơ Mãn bị bệnh chê`t ở Nam Trịnh (nay huyện Vị Nam tỉnh Thiểm Tây)

Sau khi chê`t lập miê`u đặt hiệu là Mục Vương.

CUNG VƯƠNG (CƠ Y HỘ)

(TÂY CHU)

Cung Vương, tên là Cơ Y Hộ, năm sinh năm mâm t không rõ, con trai của Mục Vương, nên kế`vì sau khi Mục Vương chê`t, trị vì 12 năm, bị bệnh chê`t, táng ở Tâ`t Nguyên.

*

Thời gian Cung Vương trị vì, quôc gia không còn giàu có kinh tế dânn dânn đi xuâng. Để biểu thị thường phạt phân minh, Cung Vương lây đât đai gân đô thành chia cho các chư hâu và đại phu, còn lãnh thổ của mình ngày càng ít đi, triều Chu bị suy thoái dânn.

Sau khi ông ta chêt lập miêu đặt hiệu là Cung Vương.

Ý VƯƠNG (CƠ KIÊN)

Ý Vương, tên là Cơ Kiên, năm sinh năm mât không rõ, con của Cung Vương, nên trị vì sau khi Cung Vương chêt, trị vì được 10 năm bị bệnh chêt, táng ở ngoại ô Bát Minh.

Cơ Kiên tính tình nhu nhược, sau khi kế vị làm cho nênn chính trị ngày càng thô i rữa, thê lực ngày càng suy tàn. Bị Khuyển Nhung tân công, ông ta phải dời đô đênn Hóe Lý (nay là phía Đông Nam huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây).

Sau khi ông ta chêt, lập miêu đặt hiệu là Ý Vương.

HIỀU VƯƠNG (CƠ TỊCH PHƯƠNG)

(TÂY CHU)

Hiếu Vương, tên là Cơ Tịch Phương, năm sinh năm mât không rõ, em trai của Cung Vương chú của Ý Vương, sau khi Ý Vương chêt đã đoạt ngôi, trị vì 10 năm, bị bệnh chêt, táng ở ngoại ô Bát Minh.

*

Ý Vương bị bệnh chêt, đáng lý ra phải do con trai ông ta là Cơ Nhiếp nên kế vị, nhưng Cơ Hạ nhu nhược bát tài, Cơ Tịch Phương nhân cơ hội liênn đoạt ngôi.

Sau khi Cơ Tịch Phương lên ngôi, một lòng một dạ phục hưng lại triều Tây Chu. Ông ta chỉnh đôn lại quân đội, ở giữa khu vực thảo nguyên Vạn Thủy và Vị Thủy mở ra một chợ lớn, chiêu mộ mọi người

quyên góp vàng bạc để nuôi ngựa, có một người khuyên góp tên là Phi Tử, đàn ngựa của anh ta béo to, đẹp mã, một năm lại đây, số ngựa tăng nên rất nhiều. Cơ Tịch Phương rất hài lòng, liền phong cho anh ta mây y dặm ở Tân (nay thuộc thành phố Thiên Thủy tỉnh Cam Túc) và cho làm quốc quân, đây là nơi phát nguyên ra triều Tân sau này thống nhât Trung Quốc. Nhưng lý tưởng của ông ta là phục hưng lại triều Tây Chu chưa thực hiện được thì bị bệnh chết.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Hiếu Vương.

DI VƯƠNG (CƠ NHIỆP)

(TÂY CHU)

Di Vương, tên là Cơ Nhiếp, năm sinh năm mạt không rõ, con của Ý Vương, cháu của Hiếu Vương nên kế vị sau khi Hiếu Vương chết, trị vì 30 năm, bị bệnh chết, táng ở ngoại ô Bát Minh.

*

Cơ Nhiếp là con của Ý Vương, sau khi Ý Vương chết, đúng ra phải do ông ta kế vị, nhưng vì nhu nhược bát tài bị chú cướp ngôi, Sau khi Hiếu Vương chết, các chư hầu mới chiêu theo di liệt của cha ông ta, lập ông ta làm vua.

Ông ta đói đái với các chư hầu rất tử tế, trước đây khi thiên tử đứng trên lề đường, các chư hầu phải quỳ lạy lề bái, nay ông ta đổi lại khi thiêng triều chỉ cần lui lại vài bước mà thôi.

Trong thời gian trị vì, Khuyển Nhung nhiếp lấn tần công ông ta, Cơ Nhiếp mang quân đi dẹp, đế không dẹp yên.

Năm thứ 30, sau khi nên kế vị, bị ôm đã lập Cơ Hô làm thái tử.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Di Vương.

LÊ VƯƠNG (CƠ HÔ)

(TÂY CHU)

Lê Vương, tên là Cơ Hô` (? TCN - 828 TCN) con của Di Vương, kế vị sau khi Di Vương ché` t, trị vì 37 năm. Trong cuộc nổi dậy của nhân dân, bị đuổi khỏi kinh đô, về sau do buô` n thảm mà ché` t ở Chê` (nay huyện Hoă` c tỉnh Sơn Tây).

Sau khi Cơ Hô` nêu kế` vị, cho ră` ng cha mình đô` i đai với các chư hâ` u đại phu quá khoan dung hòa nhã, ông ta quyết định dùng phương pháp cứng ră` n để châ` n chỉnh lại họ. Không lâu sau, ông ta mượn cớ thiêu ché` t Tê` Ai Công.

Cơ Hô` hám của thích lợi, tìm trăm nghìn cách bức hại nhân dân. Có một đại thâ` n tên là Vinh Di Công, theo lời giáo huâ` n của Lê Vương đã vơ vét tài sản của giang sơn xã tă` c, nhưng tài sản này mang trả Cơ Hô` , không hề quan tâm tới sự mưu sinh của nhân dân, Cơ Hô` râ` t hài lòng với cách làm của Di Công, và còn bă` t các đại thâ` n khác phải vơ vét tài sản nhân dân dâng cho ông ta.

Nhân dân bị bức hại, bô` n phương đê` u oán hận Cơ Hô` sai một viên quan đi giám sát, nơi nào dân không cō` ng nộp đủ thì giê` t ché` t. Vê` sau, những người dân nào dám kêu ca cũng bị giê` t, khiê` n cho bạn bè người thân đi ngoài đường cũng không dám chào nhau, khiê` n đô thành biê` n thành một nơi trâ` m mặc u ám. Cơ Hô` râ` t đă` c chí dương dương tự đă` c nói: "Tôi đã có cách dạy dỗ trăm họ khiê` n họ không dám phỉ báng tôi". Đại thâ` n Chiêu Công khuyên giải ông ta: "Bịp mô` m bịp miệng nhân dân như vậy giô` ng như lâ` p một cái hô` nước giô` ng như một cái đê vỡ sẽ tạo ra nạn lụt, mô` m của nhân dân bị bịt lại, nguy hiểm giô` ng như nước hô` . Trị thủy phải dùng phương pháp khơi dòng, trị dân cā` n phải cho họ tự do phát biếu, sau đó thu nạp những ý kiê` n tó` t Bệ hạ trị vì thiên hạ sẽ không gặp điê` u xâ` u". Cơ Hô` không nghĩ như vậy, ông ta nói: "Tôi đường đường là tiên tử, một sô` ngu dân đó không biê` t gì chỉ có thể tôn phục mệnh lệnh của tôi, làm sao có thể để họ tự do bàn luận".

Ông ta vẫn đàn áp nhân dân.

Một ngày năm 841 TCN, nhân dân trong đô thành cùng nhau nổi dậy, họ dùng gậy gỗ cuô` c xéng làm vũ khí, từ khă` p nơi đồ vê` hoàng cung đòn Cơ Hô` phải trả nợ máu. Nghe được tin này, ông ta tức giận

vô cùng, sai quân đi đàn áp. Các hạ thần quỳ lạy nói: "Quân lính Triệu Chu toàn làm nông nghiệp, nông dân chính là binh lính và binh lính chính là nông dân. Böyle giờ nông dân bạo động thì có thể tập hợp được ai". Cơ Hô biết lúc này là họa lớn roi vào đầu, hoang mang chạy trốn khỏi hoàng cung, men theo phía Đông Bắc sông Vị Thủy, ngày đêm không nghỉ chạy đến Trệ một nơi cách xa kinh thành, dựng một ngôi nhà sống ở đó.

Những cư dân trong đô thành dưới sự khuyên giải của Chu Công, Chiêu Công cuối cùng cũng nguôi giận tản đi hết. Chu Công và Chiêu Công theo lời đề nghị của các quý tộc, tạm thời điều hành việc nước những chức vụ quan trọng do sáu người đảm nhận chính thể này gọi là cộng hòa.

Cuộc bạo động của nhân dân, trong lịch sử Trung Quốc gọi là "quốc nhân bạo động" năm này trong lịch sử gọi là "cộng hòa nguyên niên". Từ đó, lịch sử Trung Quốc bắt đầu có niên đại chính xác để có thể tham khảo.

"Quốc dân bạo động" có sức đánh đổ được vương triều chênh lệch nô lệ Tây Chu, làm dao động sự thống trị của chủ nô lệ Tây Chu, Tây Chu càng nhanh chóng đi tới suy vong, dần dần lộ ra cục diện li tán.

Sau khi Cơ Hô chạy đến Trệ, sai Đơn Bá quay về kinh nghe ngóng tin tức. Thủ y bạo động đã được dẹp yên, chuẩn bị đón Cơ Hô về cung. Nhưng nhân dân rất hận Cơ Hô, nhất quyết không cho ông ta quay lại Chu Công, Chiêu Công Bả lại một lần nữa khuấy động nỗi hận của nhân dân, bạo động lại nỗi疼痛 phải tiêu tan ý nghĩ đón ông ta về cung. Đan Bá quay về Trệ nói rõ sự tình, Cơ Hô không còn cách gì đành phải định cư ở Trệ. Đầu Trệ ở bên bờ sông Phân vì thế người thời Chu còn gọi ông ta là Phân Vương. Cơ Hô đến đây làm ruộng, trong chòi lát mây đi chức vụ Thiên tử, mỗi năm Chu Công, Chiêu Công lại sai người mang quần áo, đồ dùng hàng ngày giúp ông ta sinh sống. Ông ta nghĩ lại những ngày sống xa hoa, buồn rầu quá độ, cuối cùng bị bệnh chết sau 14 năm sống ở đầu Trệ.

Sau khi ông ta ché t, lập miê u đặt hiệu là Lê Vương.

TUYÊN VƯƠNG (CƠ TĨNH)

Tuyên Vương, tên là Cơ Tĩnh (? TCN - 782 TCN) con của Lê Vương, kế vị sau khi Lê Vương ché t, trị vì 46 năm, bị trúng gió ché t, táng ở ngoại ô Bâ t Minh.

*

Cơ Tĩnh, con của Lê Vương, được ông ta phong cho làm thái tử. Lúc nhân dân bạo động, Cơ Tĩnh nghe tin phải trô n vào nhà Chiêu Công, nhân dân biê t được bao vây quanh nhà, yêu cầu Chiêu Công giao Cơ Tĩnh cho họ. Chiêu Công khuyên giải mọi người không nên gây phiê n hà cho thái tử, họ nhâ t định không nghe, xông vào nhà tìm giữ Cơ Tĩnh. Chiêu Công vội chạy vào phòng, ra lệnh cho con trai mình đổi quâ n áo cho thái tử đau khổ mang con trai giao cho nhân dân. Tâ t nhiên họ không biê t đây là Thái tử giả, liê n giê t ché t. Cơ Tĩnh nghe lời Chiêu Công đã trô n đi, sau khi Lê Vương ché t, Chu Công, Chiêu Công lợi dụng mê tín đã làm nguôi nổi phẫn nộ của dân, gọi Cơ Tĩnh nên kế vị.

Cơ Tĩnh xuâ t thân trong hoạn nạn, lâ y bài học của cha làm gương. Thời kỳ đâ u nêu tri vì ông ta khiêm tốn chân thật. Chú trọng vào công việc quô c gia. Trong chính trị không độc đoán chuyên quyê n, có việc gì đê u cùng các hạ thâ n bàn bạc. Trên cái đinh "Mac Công" được đúc bă ng đô ng còn ghi chép về ông ta, nói rõ những mệnh lệnh do ông ta đưa ra, tâ t phải có chữ ký của Mac Công mới được gửi đi. Ông ta chỉnh đố n chính trị, ra lệnh cho các quan sứ không được ham tài của, uô ng rượu, áp bức nhân dân. Trong kinh tế, ông bãi bỏ chính sách nộp thuế do cha ông đưa ra (thời cha ông còn sô ng), phóng khoáng đô i với sự khô ng ché giang sơn xã tă c. Ông tuyên bố phê bô ché độ ruộng đâ t của nô lệ, cho phép đem ruộng công chia cho nô lệ để họ cày ruộng và nộp thóc vác những vụ thu hoạch. Trong quân sự, để giải trừ những mô i nguy hiểm từ các dân tộc thiểu số, và cũng để trâ n giữ những tuyê n đường quan trọng, ông đã ra lệnh cho các đại thâ n: Quan Cát Phụ, Nam Trọng mang quân đi trâ n giữ những nơi hiểm trở ở Tây Bă c, chinh phạt:

Du Nhung ở phương Đông, Sở ở phương Nam và Nhụng ở phương Tây. Ông sai Chu Vũ Vương, Chu Thành Vương làm chư hầu bảo vệ vương thất. Ông giao đất cho em trai ở Trịnh (nay thuộc phía Đông huyện Hoa tỉnh Thiểm Tây), đây chính là nước Trịnh về sau này; giao đất cho Thân Bá ở tạ (nay thuộc huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam).

Một số biện pháp này tạm thời làm nguôi mâu thuẫn trong và ngoài, sự thống trị của vương triều Chu đã được củng cố, sử sách gọi là "Tuyên Vương trung hưng" (hưng thịnh thời Tuyên Vương). Kỳ thật, bên ngoài có vẻ được phục hưng lại, nhưng bên trong các mâu thuẫn trong nội bộ vẫn phát triển. Có chư hầu không còn bảo vệ vương thất. Có chư hầu dẫn quân làm loạn. Ghi chép trên đinh đồng thời đó có nói Ngạc Hầu là đại thần triều Chu đã liên hợp với Đông Di và Hoài Di tấn công nhà Chu, đánh đền gần Thành Chu (nay là thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), Cơ Tĩnh dốc toàn lực lượng ra ngăn chặn, quân nhà Chu chỉ đậm chân tại chỗ không đầy lui được quân địch, đành phải mượn lực lượng của một số chư hầu. Điều đó nói rõ sức chiến đấu của quân Chu đã suy yếu. Hiệu kỳ thời gian Cơ Tĩnh trị vì, chiến tranh với bên ngoài luôn bị thất bại. Năm 789 TCN quân Chu đánh Khương Nhụng, chiến đấu ở Thiên Miếu (nay phía Nam huyện Giới Hưu tỉnh Sơn Đông), quân Chu thất bại. Cơ Tĩnh suýt bị bắt.

Cơ Tĩnh vào những năm cuối đời, tính tình cô chảnh không chịu nghe những lời can gián, để thể hiện oai phong của mình, ông ép nước Lỗ phế trưởng lập thứ người Lỗ không chịu, ông xua quân đền đánh, làm nước Lỗ rơi vào tình thế hỗn độn. Hơn nữa phá hoại chế độ tông pháp của triều Thương là truyền ngôi cho con trưởng, gây ra sự bất hòa giữa những người thân với nhau, các chư hầu càng không hài lòng về Cơ Tĩnh. trong môi quan hệ vua tôi, ông ta cũng thường gây ra những chuyện vô lý. Có một lần, đại phu Đỗ Bá chỉ vì một chuyện nhỏ làm Cơ Tĩnh bức mình, ông ta ra lệnh giết Đỗ Bá. Bạn của Đỗ Bá là Tả Gia vội quỳ xuống xin ông ta tha cho Đỗ Bá. Ông ta càng tức giận, nói: "Nhà ngươi chỉ biết có bạn không biết có quân vương, đạo lý này là đạo lý gì vậy? Tả Gia trả lời: "Vua có lý của vua, quân thần phải phục tùng quân vương, bạn có lý của bạn, thần phải giúp đỡ bạn. Nay giờ, tội của Đỗ Bá không đáng phải chết, vì vậy

thâ`n xin đại vương đừng giê`t Đỗ Bá" Cơ Tĩnh càng tức giận gào nê: "Ta sẽ giê`t Đỗ Bá, xem người có thể làm gì được?" - Tả Gia trả lời: "Hạ thâ`n nguyễn cùng chê`t với Đỗ Bá". Cơ Tĩnh nói: "Ta không muô`n người chê`t, xem người làm cách gì để chê`t cùng Đỗ Bá". Nói xong sai lính chém chê`t Đỗ Bá. Tả Gia vừa tức vừa hận, vê` nhà tự vẫn. Cái chê`t của Đỗ Bá, Tả Gia gây ra sự hoang mang và hỗn loạn trong quâ`n thâ`n.

Sau chuyện này, Cơ Tĩnh bình tĩnh trở lại thâ`y mình làm như vậy thật quá đáng, ăn năn hô`i hận, nhưng không dám nói ra, tâm thâ`n bâ`t an, sinh bệnh trâ`m uâ`t. Không lâu sau, bệnh của ông ta đõ đi phâ`n nào, liê`n cùng quâ`n thâ`n đi du lâm. Trên đường đi, đột nhiên ông ta kêu to một tiê`ng, ngã ra đă`ng sau, hôn mê bâ`t tỉnh. Mọi người vội vàng đưa ông ta vê` cung, chạy chữa thuô`c men, vài ngày sau ông ta chê`t. Vê` sau, loan truyê`n một thuyê`t khác nói: Cơ Tĩnh lúc đi săn, đột nhiên nhìn thâ`y Đỗ Bá, đứng ở bên trái đường đi, mặc quâ`n áo, đội mũ màu đỏ, tay câ`m một chiê`c cung màu đỏ, giương tên bă`n Cơ Tĩnh. Điều này tâ`t nhiên là mê tín. Có thể Cơ Tĩnh chê`t do bị trúng gió, cũng có người nói Cơ Tĩnh do đi chinh phạt bị thâ`t bại buô`n râ`u mà chê`t.

Sau khi ông ta lập miê`u đặt hiệu là Tuyên Vương.

U VƯƠNG (CƠ CUNG NIÊ`T)

U Vương, tên là Cơ Cung Niê`t (? TCN - 771 TCN), con của Tuyên Vương, được lập làm thái tử, nên kế` vị sau khi Tuyên Vương chê`t. Trị vì 11 năm. Mâ`t nước, bị Khuyển Nhung đuổi và giê`t ở chân núi Li Sơn (nay thuộc phía Đông Nam huyện Lâm Đô`ng tỉnh Thiểm Tây) táng ở chân núi Li Sơn.

*

Cơ Cung Niê`t lúc lên kê` vị, cục diện chính trị không ổn định, cộng thêm vào đó là thiên tai xảy ra liên tiê`p, nhân dân sô`ng lang thang không chô`n nương thân, sản xuâ`t đình trệ, quô`c gia suy tàn. Cơ Cung Niê`t không quan tâm chú ý tới mô`i nguy hiểm đe dọa triê`u Chu, hung bạo cường quyê`n, thêm vào đó trọng dụng những

kẻ bá t tài như Quốc Thạch Phụ, hám hại nhân dân, đầy tăng thêm mâu thuẫn giai cấp, mang quân đi chinh phạt khuyến bị thất bại lớn.

Cơ Cung Niết sinh hoạt dâm ô, sủng ái quý phi Bao Tự. Bao Tự khi cô ng tién vào cung không hề nở một nụ cười, Cơ Cung Niết tìm đủ mọi cách mua được nụ cười của cô ta, ông ta trao giải thưởng, ai làm cho Bao Tự cười sẽ thưởng 2 nghìn lạng vàng. Quốc Thạch Phụ hám lợi đưa ra một kế đốt lửa báo động cho các chư hầu.

Hóa ra, triều Chu đê phòng bị sự xâm lược của Khuyển Nhung, ở trên núi Li Sơn có xây một đài lửa báo động, mỗi khi Khuyển Nhung tién đánh, sẽ châm lửa báo động, những đài lửa gần đó cũng được châm nên, báo cho các chư hầu xung quanh biết. Các chư hầu thấy lửa cháy biết kinh thành có biến thiên tử gấp khó khăn, sẽ mang quân đến cứu viện. Kế sách của Quốc Thạch Phụ được Cơ Cung Niết chấp nhận, khi đài lửa được đốt trên các chư hầu vội vàng xuất binh ứng cứu. Đến chân núi Li Sơn, không thấy bóng dáng quân Khuyển Nhung chỉ thấy Cơ Cung Niết và Bao Tự đang ngồi uống rượu nghe nhạc. Ông ta sai người giải thích cho các chư hầu nghe và bảo họ quay về nhà. Các chư hầu biết mình bị lôi ra làm trò đùa, tức giận vô cùng, vỗ tay cười lớn. Cơ Cung Niết vui mừng khôn xiết, thưởng vàng cho Quốc Thạch Phụ.

Không lâu sau, ông ta phế bỏ hoàng hậu và thái tử, lập Bao Tự và con trai cô ta nên làm hoàng hậu; và ra lệnh tước bộ địa vị của Thân Hầu (là cậu của thái tử) chuẩn bị mang quân đi đánh Thân Hầu. Thân Hầu liên kết với Khuyển Nhung ở miền Tây đầu tiên chỉ chưởng đỡ, về sau quyết định đánh vào Cảo Kinh. Cơ Cung Niết vội vàng đốt đài lửa báo động, các chư hầu lần trước bị mắng lừa, do vậy họ không muốn mang quân đến cứu. Quân lính ở Cảo Kinh vô hận Cơ Cung Niết hô đồ ngu muội và không bàng lòng với việc các tướng lĩnh thường bót xén lương thực, lúc này miễn cưỡng xung trận, sau một hồi cũng tán đi hết. Quân của Khuyển Nhung đại thăng xông vào thành. Cơ Cung Niết, Bao Tự và con trai vội vàng hoảng hốt chạy lẩn cửa sau, trốn trên núi Li Sơn. Lúc này, ông ta lại ra lệnh đốt lửa, lửa cháy bùng bùng nhưng vẫn không thấy bóng dáng các chư hầu đến cứu. Quân của Khuyển Nhung

đuối theo gấp rút, các thuộc hạ của Cơ Cung Niết đã chạy trốn hết, chỉ còn hơn 100 người chạy vào Li Cung. Cơ Cung Niết thu nạp ý kiến của quấn thấn, ra lệnh đốt lửa trước cửa cung, để gây mối nghi hoặc cho quân của Khuyển Nhung, còn mình theo lối cửa sau chạy trốn. Chạy không được bao xa, quân của Khuyển Nhung lại chặn ở trước mặt, một trận hỗn chiến xảy ra, cuối cùng chỉ còn lại ba vợ chống con cái Cơ Cung Niết, họ sợ hãi chết ngất trên xe, quân địch thấy Cơ Cung Niết mặc hoàng bào đội mũ thiên tử, biết đấy là vua Chu, liến chém chết ông ta và con trai. Chỉ tha mạng cho Bao Tự và bắt cô ta làm tù binh. (một thuyết khác nói. Bao Tự cũng bị giết). Tây Chu bị diệt vong. Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là U Vương.

ĐÔNG CHU

(Năm 770 TCN - 256 TCN, tổng cộng 515 năm)

Thời Đông Chu tính từ năm 770 TCN. Chu Bình Vương dời đô đê`n Lạc Â`p đê`n năm 256 TCN bị nhà Tâ`n diệt vong.

Thời Đông Chu chia làm hai thời kỳ:

+ Thời Xuân Thu tính từ năm đâ`u tiên của Chu Bình Vương (năm 770 TCN) đê`n năm 44 của Chu Kính Vương (476 TCN).

+ Thời Chiê`n Quô`c tính từ năm thứ nhâ`t của Chu Nguyên Vương (475 TCN) đê`n năm đâ`u tiên Tâ`n Thủy Hoàng (221 TCN) sau vài năm Đông Chu bị diệt vong (256 TCN).

Các vị vua thời Đông Chu (Xuân Thu Chiê`n Quô`c) có 25 người, trong đó 21 người chê`t vì bệnh tật, một người mấ`t nước đâ`u hàng đì bôn ba bị chê`t, một người do thương con chê`t yếu nén buô`n râ`u mà chê`t, 2 người chê`t trong nội chiê`n.

Ngoài ra còn có Vương Tử Cơ Hô` bị giê`t trong nội chiê`n.

Các chư hâ`u thuộc các nước chư hâ`u thời Đông Chu vì không thuộc phạm vi nê` không kể ra. Chỉ liệt kê ra Ngũ Bá thời Xuân Thu và Thâ`t Hùng thời Chiê`n Quô`c. Thời kỳ đâ`u thời Tây Chu phong 800 chư hâ`u đê`n thời Xuân Thu chỉ thâ`y trong thư tịch ghi là 140 người.

THỜI KỲ XUÂN THU

(Năm 770 TCN - 476 TCN, tổng cộng 295 năm)

Thời Xuân Thu là thời kỳ tan rã xã hội nô lệ. Đây là thời kỳ biến đổi vĩ đại. Lúc này cũng là thời kỳ mang thai xã hội phong kiến, vương thất nhà Chu suy vong dấn.

Thời này, vương triếu trải qua sự thống trị của nhà Hạ Thương, Tây Chu. Phải chia ra hàng trăm nước chư hấu, họ tranh nhau xung bá, đế phòng lẫn nhau, chiến tranh liên miên, mâu thuẫn trong nội bộ các nước chư hấu diễn ra gay gắt, khởi nghĩa, nô lệ liên tiếp nổ ra, đấu tranh giữa thế lực mới cũ rất mãnh liệt, xã hội dao động rõ rệt.

BÌNH VƯƠNG (CƠ Ý CŨU)

(ĐÔNG CHU)

Bình Vương, tên là Cơ Ý Cửu (? TCN - 720 TCN). Ông là con trai của U Vương. U Vương bị giết, ông ta được giúp làm vua. Trị vì 51 năm, chết ở Lac An (nay thuộc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam) mai táng ở Bình Khâu (nay thuộc thôn Kim Thôi huyện Thái Khang tỉnh Hà Nam).

*

Lúc U Vương trị vì đã lập Cơ Ý Cửu làm thái tử, sau khi U Vương sủng ái Bao Tự, đã phế Ý Cửu, lập Bá Phục làm thái tử.

Một hôm U Vương thấy Ý Cửu chơi trong vườn, ông thả một con hổ vào vườn, dự tính cho con hổ cắn chết Ý Cửu. Lúc ấy Ý Cửu rất bình tĩnh. con hổ định vố Ý Cửu, ông ta không sợ hãi chạy trốn mà tiến thảng đến phía trước, hét to, làm cho con hổ kinh hãi lùi lại vài bước nắm phục trên mặt đất quan sát động tĩnh. Ý Cửu ung dung bước đi. Ông ta biết đây là dất tâm của cha muốn hại chết mình, ông liến cùng với mẹ lén lút chạy tới chỗ cậu của ông ta là Thân hậu.

Khuyển Nhung tấn công vào thành Cảo Kính giết chết U Vương rối rút quân về` miề`n Tây. Các chư hâ`u như: Thân, Lỗ, Hứa lập Ý Cữu làm vua, năm 770 TCN làm lễ đăng quang ở đất Thân (nay thuộc phía Bắc thành phố Nam Dương tỉnh Hà Nam). Do thành Cảo Kinh bị chiến tranh tàn phá, không lâu sau Ý Cữu dưới sự hộ tống của nước Tâ`n đã dời đô tới Lạc Âp, các nước chư hâ`u như: Tâ`n, Trịnh phải phụ giúp miễn cưỡng nhường lại đất. Sử sách gọi là Đông Chu. Năm này là năm mở đấu của Đông Chu và cũng là mở màn thời Xuân Thu. Nên ngôi vua cùng lúc với Ý Cữu chư hâ`u Quốc Công Hàn cũng lập một người con khác của U Vương là Huê` Vương làm vua, do đó xuất hiện cục diện hai nước Chu cùng tô`n tại song song. Mười năm sau, Tâ`n Văn Hâ`u giúp Ý Cữu giết Huê` Vương, vương triê`u Chu lại thô`ng nhâ`t làm một. Vì Tâ`n Tương Công có công lớn trong việc giúp Ý Cữu dời đô nên Ý Cữu đã phong cho ông ta làm chư hâ`u và ban sá`c lệnh nói: "Người Nhung đánh chiếm Cảo Kinh và địa khu Kỳ Sơn, ngươi hãy đem quân đi đánh họ, đánh được nơi nào thì nơi đó sẽ thuộc về` nước Tâ`n". Không lâu sau, Tâ`n lâ`y được phía Tây của địa khu Kỳ Sơn, nước Tâ`n đó phát triển mạnh. Do đất của cô` hương bị mâ`t, vùng đất của Vương triê`u Đông Chu chỉ ngăn cách bởi phía Tây Bắc tỉnh Hà Nam, phía Đông đê`n Vĩnh Dương, phía Tây đê`n Lâm Quan, phía Nam đê`n Nhũ Thủy, phía Bắc chỉ đê`n bờ Nam sông Thủy, xung quanh chỉ có 600 dặm, đất hẹp người thưa, vô sô` nước chư hâ`u lớn vây xung quanh nó chỉ tương đương với một nước chư hâ`u hạng trung. Vương triê`u Chu suy bại. Các nước lớn như: Trịnh, Tâ`n, Tê` , Lỗ, Yên, Sở, Tô`ng... đê`u tranh nhau: đất đai dân sô` và quyê`n chi phô`i các nước chư hâ`u khác, chiê`n tranh cứ xảy ra liên miên, hình thành cục diện hỗn loạn chư hâ`u tranh bá, lịch sử Trung Quốc vào thời kỳ rối ren.

Trong thời gian Cơ Ý Cữu trị vì, đã giao phó cho Trịnh Trang Công giám sát triê`u đình, vê` sau nước Trịnh thê` lực hùng mạnh, Cơ Ý Cữu nhìn thâ`y Trịnh Trang Công có dã tâm, không muô`n triê`u đình bị Trịnh Trang Công thao túng. Nhân cơ hội nước Trịnh xảy ra nhiê`u chuyện, Trịnh Trang Công không có thời gian đê`n nhận chức Ý Cữu bãi bỏ chức vị của Trịnh Trang Công. Trịnh Trang Công biê`t tin lập tức đê`n Lạc Dương, gây áp lực với Ý Cữu. Cơ Ý Cữu đành phải đưa thái tử Cơ Qua đê`n Trịnh làm con tin. Để giữ thể diện cho Cơ Ý

Cứu các quâ`n thâ`n đưa ra kẽ` sách trao đổi con tin, con trai của Trịnh Trang Công cũng phải đê`n Lạc Â`p làm con tin. Họ thông báo với dân chúng và các chư hâ`u thái tử nước Chu sang nước Trịnh học tập. Từ đó có thể thâ`y, sau khi Cơ Ý Cửu dời đô, thê` lực vương thâ`t triê`u Chu đã suy tàn, vua Chu trên danh nghĩa là thiên tử, thực tê` chỉ là bù nhìn mà thôi. Năm 720 TCN, ông ta bị bệnh chê`t, lập miê`u đặt hiệu là Bình Vương.

HOÀN VƯƠNG (CƠ LÂM)

(ĐÔNG CHU)

Hoàn Vương, tên là Cơ Lâm (? TCN - 697 TCN) Ông là cháu của Bình Vương, kế` vị sau khi Bình Vương chê`t. Trị vì 23 năm, bị bệnh chê`t, táng trên núi Hoàn Dương huyện Mĩnh Trì tỉnh Hà Nam.

*

Cơ Lâm là con trai của Cơ Thê`. Bình Vương bị ô`m chê`t, thái tử Cơ Qua làm con tin ở nước Trịnh. Trịnh Bá và Chu Công Mặc Kiên đê`n nước Trịnh đón Cơ Qua về` kẽ` vị. Cơ Qua trên đường vì đau thương quá độ, vê` triê`u ô`m chê`t. Cơ Lâm được Trịnh Bá và Chu Công Mặc Kiên lập làm vua.

Thời kỳ Cơ Lâm trị vì, do Trịnh Bá có công giúp ông ta làm vua, vì thê` đã cho nước Trịnh phâ`n đâ`t ở Ôn nă`m ở phía Nam sông Tâ`t Thủy và bờ Bă`c sông Hoàng Hà, cương vực của Vương triê`u Chu lại thu hẹp lại.

Trước đây, Chư hâ`u chê`t, con của Chư hâ`u nên kẽ` vị và sau khi chịu tang xong, câ`n phải đê`n đô thành tiê`p nhận să`c phong của thiên tử, để có địa vị hợp pháp. Năm 712 TCN, Lỗ Hoàn Công mưu hại giê`t anh trai là Ân Công, tự lập làm quô`c quân, không tới kinh thành xin nhận să`c phong của thiên tử. Từ đó chê` độ nhận să`c phong do thiên tử ban bị phá bỏ. Năm 706 TCN, nước Sở dùng vũ lực đuổi quô`c quân của nước Tùy, muô`n quô`c vương nước Tùy tới chỗ Hoàn Vương đê` nghị nâng cao cấ`p bậc cho nước Sở. Cơ Lâm không đô`ng ý, quô`c vương nước Sở là Hùng Thông sau khi thoái mạ Cơ Lâm một trận, tự mình đê` cao đẳng cấ`p, và đổi tên là Sở Vũ

Vương. Cơ Lâm nhân được tin này, tức giận vô cùng, nhưng cũng không làm gì được.

Sau khi Cơ Lâm kê vị, Trịnh Trang Công vẫn tiếp tục chuyên quyền ở triều Chu. Cơ Lâm không cam tâm chịu sự khống chế của ông ta, liền đuổi Trịnh Trang Công về nước Trịnh. Sau khi về nước, Trịnh Trang Công càng gây rối, làm loạn an ninh của triều Chu, quan hệ của hai bên ngày càng căng thẳng. Không lâu sau, Trịnh Trang Công giả truyền thánh chỉ của Cơ Lâm, mang quân đi đánh Tông. Cơ Lâm tức giận, dứt khoát bãi bỏ chức vụ của ông ta. Trịnh Trang Công cũng không vừa, 5 năm liền không đến triều đình yết kiến, tỏ rõ sự coi thường Cơ Lâm. Cơ Lâm phẫn nộ vô cùng bỏ ngoài tai lời khuyên của quân thần. đích thân mang quân đi đánh Trịnh Trang Công. Trịnh Trang Công cũng xuất binh mã nghênh chiến. Hai bên gặp nhau ở đất Trường Cát; Cơ Lâm nóng lòng chiến thắng, sai người ra chửi bới khiêu chiến. Trịnh Trang Công bố trí thê trận, án binh bất động. Quân Chu chửi đênh buổi chiến vẫn không thấy quân Trịnh ra đánh, liền buông lỏng phòng ngừa. Quân Trịnh nhân cơ hội đó thừa thắng xông ra. Quân Chu không kịp trở tay bị giết ráo đầu. Cơ Lâm đành phải lui quân, còn mình ở lại chặn hậu. Tướng quân nước Trịnh là Chúc Đan bắn tên vào vai trái của Cơ Lâm, nhưng do Cơ Lâm mặc áo giáp bảo vệ nên vết thương không nghiêm trọng. Trịnh Trang Vương thấy cho Cơ Lâm một bài học như vậy là đủ lo sợ bộ hạ của mình giết chết Cơ Lâm, làm vậy sẽ bất lợi cho địa vị của ông ta. Trịnh Trang Vương vội vàng gia lệnh thu quân để lôi thoát cho Cơ Lâm quay về triều.

Sau chuyện này, Trịnh Trang Công trả vò ăn năn hối lỗi, sai hạ thần đến nhận tội với Cơ Lâm, nói rõ đây chỉ là phòng vệ không ngờ, bộ hạ của mình lại vi phạm kỷ luật, làm tổn thương đê thiêng tử. Cơ Lâm không còn cách gì đành phải tuyên bố miễn tội cho Trịnh Trang Công. Cuộc chiến ở Trường Cát đã làm Cơ Lâm mất mặt, từ đó các nước chư hầu ngày càng coi thường Cơ Lâm.

Tháng 3 năm 697 TCN, Cơ Lâm bị ôm nặng, ông ta truyền gọi Thu Công Hắc Kiên vào triều gấp mặt nói: "Làm theo tông pháp của tổ tiên ta đã lập con trưởng là Cơ Đà làm thái tử. Nhưng ta vô n yêu quý con thứ là Cơ Khắc. Hôm nay, ta sẽ giao Cơ Khắc cho

ngươi, nế u sau này Cơ Đà chế t, ngươi hãy lập Cơ Khắ c làm vua. Người nhấ t định phải hoàn thành tố t nhiệm vụ này".

Không lâu sau, Cơ Lâm chế t. Sau khi ông ta chế t, lập miế u đặt hiệu là Hoàn Vương.

TRANG VƯƠNG (CƠ ĐÀ)

(ĐÔNG CHU)

Trang Vương, tên ông ta là: Cơ Đà (?TCN-682 TCN). Là con trai cả của Hoàn Vương, kế́ vị sau khi Hoàn Vương chế t. Trị vì 15 năm, mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm thứ ba, sau khi Cơ Đà nêu kế vị, (694 TCN) Chu Công Hắ c Kiên tuân theo lời di huấ n của Hoàn Công trước khi chế t, đã nghĩ mưu giế t chế t Cơ Đà để lập Cơ Khắ c làm thiên tử. Tân Bá khuyên Chu Công Hắ c Kiên: "Con trưởng và con thứ khác nhau rõ ràng, phế trưởng lập thứ, tấ t sẽ là đấ u mố i dẫn đế n nội chiế n. Chu Công Hắ c Kiên không nghe lời nhấ t định tìm cách giế t hại Cơ Đà. Nhưng Tân Bá đã tấ u trình cho Cơ Đà bié́ t ý định của Chu Công Hắ c Kiên. Cơ Đà liế n sai người giế t Chu Công Hắ c Kiên. Vế phấ n Cơ Khắ c thấ y sự việc bị bại lộ vội vàng trố n chạy tới nước Yên. Câu chuyện này trong sử gọi là: "Cuộc tạo phản của Cơ Khắ c".

Mùa hè năm 693 TCN, đế lôi kéo vua Tế, Cơ Đà đã gả con gái cho vua Tế. Cơ Đà nhờ Lỗ Hoàn Công làm mố i vì vậy sai Đôn Bá Tiên đưa công chúa tới nước Lỗ cư trú tạm thời. Mùa đông năm đó, Cơ Đà sai Vinh Quyế n mang chiế u chỉ tới Lỗ đòi giế t anh trai của Lỗ Hoàn Công và lập Lỗ Hoàn Công lên ngôi. Lỗ Hoàn Công lập tức đưa công chúa Chu tới nước Tế. Trong thời gian Cơ Đà trị vì, vào năm 685 TCN, nước Tế trải qua nhiế u cuộc nội chiế n, công tử Tiêu Bạch được lập làm vua, và gọi là Tế Hoàn Công. Tiêu Bạch không tính toán tư thù, đã tiế p đón Quản Trọng từ nước Lỗ tới phong Quản Trạng làm tể tướng (mặc dù trước kia Quản Trọng, mấ y lấ n suýt bắ n chế t Tiêu Bạch). Dưới sự giúp đỡ của Quản Trọng, nước Tế tiế n hành sửa chữa nế n kinh tế́, chính trị... dấ n dấ n đấ t nước

hưng thịnh. Năm thứ hai, vì lập vua Lỗ từng cản trở việc lên ngôi, nên Tê` Hoàn Công mang quân đánh nước Lỗ bị quân Lỗ chặn lại ở đâ` t Trường Thược (nay là vùng Bâ` t Tường). Lỗ Trang Công thâ` y quân địch mạnh như vũ bão, nóng lòng muô` n chỉ huy quân lính công kích, nhưng Tào Quý khuyên giải ông ta, Lỗ Trạng Công nghe lời khuyên và đợi chờ cơ hội. Quân Tê` y vào sức mạnh liên tiê` p tâ` n công, đê` u không giành được chiê` n thắ` ng, lúc này khí thê` nhụt đi râ` t nhiê` u, sức lực cạn kiệt, lòng quân dao động. Tào Quý sử dụng chiê` n thuật "Địch mệt mỏi thì ta đánh", phát động binh lính đánh một trận và dẹp tan quân Tê`. Trong lịch sử trận chiê` n này được lọt vào cuộc chiê` n "yê` u thă` ng mạnh" và gọi là cuộc chiê` n trên đâ` t Trường Thược của hai nước Tê` -Lỗ".

Vào những năm cuô` i đời, Cơ Đà râ` t yêu quý thiê` u tử Tử Đô` i, muô` n lập Đô` i làm thái tử, nhưng ý định của Cơ Đà không thực hiện được, ngược lại còn dẫn đê` n cuộc tạo phản của Tử Đô` i.

Tháng 10/682 TCN, Cơ Đà bị bệnh chê` t. Sau khi Cơ Đà chê` t lập miê` u đặt hiệu là Trang Vương.

HỈ VƯƠNG (CƠ HÔ` TÊ`)

(CÔNG CHU)

Hỉ Vương (?TCN-677 TCN). Là con trai của Trang Vương, kế` vị sau khi Trang Vương chê` t, trị vì được 5 năm, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Trang Vương trị vì, Cơ Hô` Tê` được lập làm thái tử. Năm 681 TCN Cơ Hô` Tê` lên ngôi, Tê` Hoàn Công dưới sự giúp đỡ của Quản Trọng đã làm cho nước Tê` "quân mạnh nước giàu". Với danh nghĩa giúp đỡ vua Chu tranh bá với thiên hạ, Tê` Hoàn Công nghe lời khuyên của Quản Trọng đã lâ` y khẩu hiệu "tôn vương diệt di", tức là tôn trọng vua Chu, sẽ chinh phạt các dân tộc thiểu số` giúp vua Chu, đô` ng thời sai sứ thâ` n tới chúc mừng Cơ Hô` Tê` đăng quan ngôi vị mới. Cơ Hô` Tê` thâ` y nước Tê` cung kính như vậy râ` t hài lòng, lập tức triệu tập các sứ giả để thừa nhận Tô` ng Hoàng Công làm vua nước

Tống và sai Tê` Hoàn Công đến nước Tống thông báo. Tê` Hoàn Công mở đại hội sứ giả ở vùng Bắc Hoạt của nước Tê` (nay thuộc phía Bắc huyện Đông A tỉnh Sơn Tây) và Tê` Hoàn Công được bấu làm minh chủ.

Mùa đông năm 681 TCN, Tê` Hoàn Công lại thống lĩnh đại quân tiến đánh nước Lỗ, Lỗ Trang Công hoảng sợ phải đưa các điếu kiện xin hàng. Vua của hai nước Lỗ, Tê` hẹn gặp nhau ở đất Kha thuộc phạm vi nước Tê` (nay thuộc thị trấn A thành phía Đông Bắc huyện Thọ Trương tỉnh Sơn Đông). Lúc hai người chuẩn bị uống máu ăn thế, đột nhiên tướng quân Tào Mạt (người bảo vệ Lỗ Trang Công) rút ra một thanh đoản kiếm ép buộc Tê` Hoàn Công bắt trả lại nhũng phấn đất của nước Lỗ mà trước đây Tê` Hoàn Công cướp đi. Tê` Hoàn Công buộc lòng phải chấp nhận lời đê` nghị đó để thoát thân. Sau chuyện này, Tê` Hoàn Công phẫn nộ vô cùng, đòi giết chết Tào Mạt. Quản Trọng khuyên giải Tê` Hoàn Công "Chuyện thất tín, giết người, là một điếu cấm kỵ của người quân tử, đống thời sẽ làm mất đi sự tin tưởng của các chư hấu, xin bệ hạ hãy suy xét lại". Tê` Hoàn Công nghe lời Quản Trọng mang trả hết đất cho nước Lỗ. Chuyện này khiến các chư hấu đếu khâm phục Tê` Hoàn Công, liên tiếp đến cấu cạnh nước Tê` . Năm 679 TCN, Tê` Hoàn Công mở đại hội ở đất Quyên (thuộc lãnh thổ nước Vệ) (nay thuộc tỉnh Sơn Đông), đến tham gia đại hội có các nước như: Lỗ Trịnh, Tống Vệ, Trấn... minh chủ Tê` Hoàn Công chính thức trở thành bá vương đấu tiên trong thời kỳ Xuân Thu.

Năm 677 TCN, Cơ Hô` Tê` bị bịnh chết, sau khi chết lập miếu đặt hiệu Hỷ Vương.

HUỆ VƯƠNG (CƠ LÃNG)

(ĐÔNG CHU)

Huệ Vương, ông tên là Cơ Lãng (?TCN-652 TCN). Ông là con trai của Hỉ Vương, kế́ vị sau khi Hỉ Vương chết, trị vì 25 năm, mai táng ở đâu không rõ.

Mùa thu năm thứ hai (675 TCN) sau khi Cơ Lãng nêu ngôi, 5 đại phu là Vi Quốc, Biên Bá, Tử Cấm, Chúc Quy, Hứa Phụ do nhận lời ủy thác của Trang Vương lúc còn sống là Tử Đối (con thứ của Trang Vương) nêu ngôi, nên cũng không bắng lòng với việc Cơ Lãng nêu ngôi. Họ liên kêt với Phỏng Thị, ủng hộ Tử Đối làm phản, tiến đánh Cơ Lãng, cuối cùng bè cánh của Tử Đối bị đánh bại chạy biến hết. Tử Đối chạy đến đất Ôn (nay thuộc phía Tây Nam tỉnh Hà Nam), rối cùng với Phỏng Thị lại chạy đến nước Vệ. Vệ Huệ Công hận Chu Vương đã bắt giữ con trai mình là Kiếm Mâu trong cuộc chinh chiến, nên Vệ Công liên kêt với nước Yên giúp đỡ Tử Đối. Mùa đông năm 675, nước Vệ và nước Yên xuất binh đi đánh Cơ Lãng và lập Tử Đối làm thiên tử. Trịnh Vệ Công đứng ra giảng hòa cuộc hỗn chiến của vương thất nhà Chu nhưng không thành công. Trạng Phụ của vua nước Yên là Xuân Phù đã phải sắp xếp cho Cơ Lãng sống ở đô thành Nguyệt của nước Trịnh (nay thuộc Hà Nam) và phải mang những đồ dùng của vương thất chuyển đến đô thành Nguyệt cho Cơ Lãng dùng. Mùa xuân năm 673 TCN, Trịnh Lệ Công và Quắc Công gặp mặt nhau ở đất Nhị (nay thuộc huyện Mật tỉnh Hà Nam) cùng mang quân đi đánh Tử Đối. Liên quân Trịnh-Quắc nhanh chóng tiến công vào đô thành, Tử Đối và 5 đại phu đang uống rượu trót tay không kịp, bị quân lính gié́t chết. Trịnh Lệ Công và Quắc Công đón Cơ Lãng trở về đô thành, trả lại ngôi vị thiên tử cho Cơ Lãng. Cuộc nội chiến này trong lịch sử gọi là "Cuộc làm phản của Tử Đối". Để cảm ơn sự giúp đỡ của hai nước Trịnh, Quắc nêu Cơ Lãng đã cho nước Quắc vùng đất Tưu Tuyến (nay thuộc 1 dải phía đông tỉnh Thiểm Tây), đem cho nước Trịnh phía đông của vùng Hồ Lao (nay thuộc phía Tây Bắc thành phố Vinh Dương tỉnh Hà Nam). Như vậy cuộc chiến coi như tạm yên ổn, đất đai của vương triếu Chu lại bị thu hẹp lại.

Trong thời gian Cơ Lãng trị vì, nước Tê` liên tiếp đưa quân đi chinh phạt khắp nơi, thu phục các nước nhỏ, mở rộng lực lượng. Năm 670 TCN, quân Tê` diệt nước Quách (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), Tê` Hoàn Công hỏi các phụ lão sống ở lãnh thổ nước Quách: "Nước Quách làm sao bị diệt vong như vậy?" Các phụ lão trả lời: "Bởi vì vua của chúng tôi yêu mè́n người hiến tài mà không hận người xấu bụng", Tê` Hoàn Công lại hỏi "Theo lời nói của các vị thì vua của các

vì là một người tài đức, tại sao lại để mâu tước như vậy?" Các phụ lão trả lời: "Vua yêu người hiền mà không biết trọng dụng, ghét người xấu mà không biết loại bỏ, vì vậy dẫn đến mâu tước".

Lúc đó, Khánh Phụ (con của Lỗ Hoàn Công) đã giết vua Tử Thuyễn, Mẫn Công, gây ra cuộc đại loạn ở nước Lỗ. Những người sống thời đó nói "Khánh Phụ không ché t, nước Lỗ khó lòng giữ được". Lỗ Hỉ Công sau khi nêu ngôi cho giam giữ Khánh Phụ ở Cử Quốc (nay thuộc huyện Cửu Tỉnh Sơn Đông). Khánh Phụ biết tội trạng của mình không thể trốn chạy, đành tự tử ở đất Cử Quốc, cuộc nội chiến của nước Lỗ cũng tạm thời dẹp yên.

Lúc đó, Vệ Ý Công (vua của nước Vệ) rất thích nuôi chim hạc, Vệ Ý Công thích nhất chim hạc để trang trí, ăn chơi, hưởng lạc, nhân dân đều oán thán. Tháng 12/660 TCN, quân Nhang tiến công nước Vệ, Vệ Ý Công dận quân chặn đánh ở Vinh Tặc (nay thuộc tỉnh Đông Bắc huyện Vinh Dương tỉnh Hà Nam). Trước khi ra trận các tướng sĩ còn oán thán: "bình thường đại vương hậu đãi chim hạc, bây giờ sao không để chim hạc ra trận đi", lòng quân rối loạn bị đánh đại bại, Vệ Ý Công bị hồn quân giết chết trở thành tấm gương cho những người thích chơi bời lêu lổng.

Vào những năm cuối đời của Cơ Lãng, sủng ái Huệ Hậu (Công chúa nước Trân) đòi phế bỏ thái tử Trịnh, lập con của Huệ Hậu là Tử Đê làm thái tử. Mùa hè năm 655 TCN, Tề Hoàn Công mở đại hội ở Đô Chỉ (thuộc lãnh thổ nước Vệ) (nay là phía Đông Nam huyện Thái Bình Hà Nam) sai mời thái tử Trịnh mà những chư hầu như: Tông Hoàn Công, Lỗ Công, Trân Tuyên Công, Vệ Văn Công, Trịnh Văn Công, Hứa Công, Tào Chiêu Công... tuyên bố giúp đỡ thái tử Trịnh kế vị ngôi thiên tử.

Cơ Lãng rất tức giận, liền xúi giục Trịnh Văn Công bội ước, sai Trịnh Văn Công đi liên lạc với nước Sở, và sai người đi đến nước Tần liên lạc, dự định tập hợp liên minh 4 nước: Chu, Trịnh, Sở, Tần để đối phó với nước Tề. Nước Tề cho người đi không ché, sai quân đi đánh Trịnh, làm cho nước Trịnh phản Chu quay về với Tề, vì vậy kế hoạch của Cơ Lãng bị phá bỏ.

Tháng 12/652 TCN, Cơ Lãng ôm ché t, sau khi ông ta ché t lập triều miêu đặt hiệu là Huệ Vương.

TƯƠNG VƯƠNG (CƠ TRỊNH)

(ĐÔNG CHU)

Sau khi Huệ Vương ché t, Cơ Trịnh lo lắng Tứ Đế tranh chấp ngôi vị nên bí mật phát tang và sai người tới Tề Hoàn Công nhờ giúp đỡ. Tề Hoàn Công lập tức triệu tập đại hội sứ giả ở đât Thao (phía Tây huyện Quyên Thành tỉnh Sơn Đông), tuyên bố giúp Cơ Trịnh nắm ngôi Thiên Tử. Sau khi Cơ Trịnh nắm ngôi mới dám tuyên bố cái ché t của Huệ Vương.

Tứ Đế không can tâm thát bại, từ năm 648 TCN trở đi -vài lần cùng quân Nhung đi đánh vua Chu nhưng đều thát bại. Năm 639 TCN, Cơ Trịnh phát hiện vương hậu Quy Thị lén lút câu két với Tứ Đế. Cơ Trịnh lập tức phê truất vương hậu. Nhận được tin này, Tứ Đế lại dẫn quân Nhung đi đánh nước Chu, chiếm lĩnh được đô thành. Cơ Trịnh vội vàng chạy trốn và ẩn trốn ở vùng đât Tị của nước Trịnh (nay thuộc huyện Tương Thành tỉnh Hà Nam) và đi cầu cứu các nước chư hầu. Vào năm 635 TCN, Tần Văn Công mượn danh nghĩa thiên tử xuất quân đi đánh Tứ Đế lúc này đang cư trú tại đât Ôn và bắt giữ được Tứ Đế, sau đó đón Cơ Trịnh quay về đô thành, áp giải Tứ Đế vào cung và khép vào tội ché t, bình định được nội chiến. Cuộc nội chiến này trong sách gọi là "cuộc tạo phản của Tứ Đế".

Cơ Trịnh mở yến tiệc chiêu đãi Tần Văn Công. Tần Văn Công xin Cơ Trịnh cho hưởng một điều kiện (Nếu sau này Tần Văn Công ché t cho ông ta hưởng nghi lễ mai táng như một thiên tử), nhưng Cơ Trịnh đã khôn khéo chối từ điều kiện đó và phong cho Tần Văn Công 4 vùng đất: Dương, Phàn, Ôn, Nguyên và Toàn Mao. Ba năm trước, hai nước Tần, Tần đã tự tiện dời một chi nhánh của tộc Nhung đến vùng Y Xuyên thuộc phạm vi đất nhà Chu (nay thuộc Y Hà ở phía Nam thành phố Lạc Dương) chiếm cứ vùng đất này. Như vậy, địa bàn của nhà Chu chỉ còn 100 dặm.

Năm 651 TCN thời gian Cơ Trịnh trị vì, Tề` Hoàn Công cho mở đại hội liên minh ở đất Đặng Khâu của nước Tô` ng (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Lan Khải tỉnh Hà Nam), đến dự đại hội có Lỗ Hỉ Công, Tô` ng Tương Công, Vệ Văn Công, Trịnh Văn Công, Hứa Hỉ Công, Tào Cung Cảng... họ đếu nhất trí bấu Tề` Hoàn Công làm minh chủ. Để cảm ơn sự giúp đỡ của Tề` Hoàn Công, Cơ Lãng đã sai Chu Công Tề` Không tới tham gia đại hội và mang rượu thịt mà thiêu tử Chu đã cúng tế tổ tiên tặng cho Tề` Hoàn Công, và bảo Tề` Hoàn Công không cấn có lễ vật tạ ơn, Cơ Lãng làm vậy để tỏ ý công nhận chức vị bá chủ của Tề` Hoàn Công. Đại hội này trong sách sử gọi là "Đại hội ở Đặng Khâu", cuộc đại hội này làm cho tiếng tăm của Tề` Hoàn Công vang xa. 6 năm sau Tề tướng Quản Trọng bị bệnh và chết, hai năm sau nữa Tề` Hoàn Công cũng ốm chết, 5 người con của Tề` Hoàn Công tranh giành nhau kế vị, nội chiến xảy ra liên miên, sức lực trong nước suy yếu dấn, vù́ vạy nước Tề` mâýt đi địa vị bá chủ.

Người tiếp nhận địa vị bá chủ là Tô` ng Tương Công, ông ta là Chu hấu chỉ thích lý luận suông vê` nhân nghĩa đạo đức. Tháng 11/638 TCN, nước Sở tấn công nước Tô` ng, Tô` ng Tương Công dẫn đấu đại quân chặn đánh ở vùng đất Hà (nay thuộc Hà Nam) Tô` ng Tương Công bị thua trận.

Tháng 4/632 TCN, Tấn Văn Công thống lĩnh quân đội đi đánh quân Sở ở đất Bộc (nay thuộc huyện Bộc tỉnh Hà Nam), chiến thắ́ng lùng lẫy, Tấn Văn Công mang 1000 tù binh nước Sở và 100 chiến xe cống cho Cơ Lãng, Cơ Lãng tăng lại cho Tấn Văn Công 100 chiếc cung màu hống và 1000 chiếc cung màu đen, đống thời còn bắng lòng cho Tấn Văn Công đi chinh phạt các nước Chu hấu khác.

Mùa đông năm 632 TCN, Tấn Văn Công mở đại hội chư hấu ở đất Tiến Thổ thuộc địa phận nước Trịnh (nay thuộc phía Tây Nam Huyện Nguyên Dương tỉnh Hà Nam), Tề` Văn Công muốn tăng thêm danh vọng và tiếng tăm, nên âm thấm sai người đi mời Cơ Lãng tới tham gia đại hội. Cơ Lãng thấy đường đường là đấng thiêu tử vậy mà đi tham gia đại hội, quả thật rất khó xử, nhưng Cơ Lãng rất sợ uy lực của nước Tấn, suy đi tính lại cuối cùng Cơ Lãng phải

tới tham gia đại hội. Vé sau Khổng Tử viết về thời Xuân Thu đã viết về chuyện này là "Thiên Tử đi săn ở Hà Dương", làm vậy có thể giữ thể diện cho vua Chu. Tán Văn Công trở thành bá chủ uy hiếp Trung Nguyên.

Tiếp nhận chức vị bá chủ của Tán Công là Tân Mục Công. Tân Mục Công trọng dụng những người hiền tài như Bách Lí Hê, tăng cường sức mạnh trong nước. Vào năm 624 TCN, Tân Mục Công đã mang quân chinh phạt nước Tán giành được thắng lợi, uy danh vang lừng, hơn 20 nước nhỏ thuộc tộc Nhung và các bộ lạc đều quy thuận nước Tán, Tân Mục Công được tôn là bá chủ của tộc Nhung ở miền Tây. Thủ lực của nước Tán rất mạnh và phát triển xuống phía Đông được hơn 1000 dặm. Cơ Lãng sai sứ giả mang 12 chiếc trống đồng tặng vua Tán, điều đó cho thấy đã công nhận địa vị bá chủ của Tân Mục Công.

Tháng 8/619 TCN, Cơ Lãng ôm chết, sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Tương Vương.

KHOẢN VƯƠNG (CƠ NHẬM CỰ)

(ĐÔNG CHU)

Khoản Vương, ông tên là Cơ Nhận Cự (?TCN - 613 TCN) là con của Tương Vương, kế vị sau khi Tương Vương chết. Trị vì 6 năm. bị bệnh chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Khi Cơ Nhận Cự lên kế vị, nén tài chính của vương triều rất túng bấn, nên làm tang cho Tương Vương cũng không đủ, Cơ Nhận Cự đành phải sai Cơ Bá đi tới nước Lỗ vay tiền. Vua Lỗ sai Thúc Tôn Đắc Cự mang tiền tới đô thành, mới có tiền an táng cho Tương Vương. Thời gian đó là 14 tháng sau cái chết của Tương Vương.

Thời gian Cơ Nhận Cự trị vì có chư hầu của nước Trâu (nay là phía Đông nam huyện Trâu tỉnh Sơn Đông) là Trâu Văn Công. Năm 614 TCN, Trâu Văn Công chuẩn bị dời đô đến Dịch Sơn (nay thuộc phía nam huyện Trâu tỉnh Sơn Đông). Các cận thần khuyên Trâu

Văn Công "việc dời đô có lợi cho dân, nhưng lại có hại cho đại vương, sẽ làm tổn hại tới tuổi thọ". Thời đó, người ta rất tin vào bói toán, đê`u cản trở việc dời đô. Trâu Văn Công nói: "Quân vương phải lâ`y dân làm gô`c và quân vương do dân lập nên để thay họ tìm kê`m mưu sinh, nê`u như việc dời đô là có lợi cho dân thì chuyện đó nên làm". Trâu Văn Công nhâ`t định dời đô đê`n Dịch Sơn. Quả thật không lâu sau Trâu Văn Công bị bệnh chê`t, phù hợp với lời tiên đoán, mọi người đê`u ca ngợi công đức của Trâu Văn Công.

Mùa thu năm 613 TCN, Cơ Nhậm Cự ô`m chê`t, sau khi ông ta chê`t lập miê`u đặt hiệu là Khoảng Vương.

KHUÔNG VƯƠNG (CƠ BAN)

(ĐÔNG CHU)

Khuông Vương, tên ông là Cơ Ban (?TCN-607 TCN). Là con của Khoảnh Vương, kế` vị sau khi Khoảnh Vương chê`t, trị vị được 6 năm, bị bệnh chê`t, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Cơ Ban trị vì thời Chu không phát sinh chuyện gì nên không câ`n k`e` ra ở đây.

Thời đó quô`c quân của nước Tâ`n là Tô`ng Linh Công, trong cung điện của Tâ`n Linh Công xảy ra câu chuyện Triệu Kiên, một câu chuyện nổi tiê`ng trong lịch sử. Hóa ra, Tâ`m Linh Công là một người thích hưởng lạc, không chịu lo liệu quản lý quô`c gia. Ông ta râ`t thích làm những điê`u ác độc, ông ta thường dùng cung tên bă`n vào đâ`u người khác làm cho máu chảy ròng ròng thâ`y mọi người chạy đông chạy tây để ăn nâ`p ông ta râ`t thích thú vô cùng. Có một lâ`n, đâ`u bê`p không có món tay gâ`u rán để dâng cho ông ta ăn, Tâ`n Linh Công liê`n sai người giê`t chê`t đâ`u bê`p, dùng chiê`u đă`p và sai cung nǚ kéo đi. Đại thâ`n châ`p chính là Triệu Kiên nhiê`u lâ`n khuyên giải ông ta nhâ`t định không nghe, Tâ`n Linh Công liê`n sai võ sĩ Trù Ni đi mưu sát Triệu Kiên. Trù Ni đi đê`n nhà Triệu Kiên, nhìn thâ`y Triệu Kiên ngô`i quỳ ở cửa phòng, mặc triê`u phục, đang phủ phục đội Tâ`n Linh Công thiê`t triê`u. Thâ`y vậy Trù Ni râ`t

cảm động nói: "Đô i với quân vương không quên sự tôn kính, là một người tò tò thay dân điệu hành mọi chuyện. Nếu giết Triệu Kiên thì có lỗi với muôn dân, nếu không giết thì Linh Công sẽ không bỏ qua cho mình. Cả hai cách đều không được, chỉ bã ng tôi chọn cái chết". Trừ Ni treo cổ trên cây Hòe trong cung đình. Tán Linh Công thấy việc không thành, giả vờ mời Triệu Kiên ăn yến tiệc và mai táng cho Trừ Ni, lại tìm kế giết Triệu Kiên, không ngờ Triệu Kiên biết chuyện tìm cách trốn đi. Về sau, em của Triệu Kiên là Triệu Xuyên giết Tán Linh Công lúc đó Triệu Kiên mới dám quay về thành.

Tháng 10/607 TCN, Cơ Ban bị ôm chết. Sai khi ông ta chết lập miêu đặt hiệu là Khuông Vương.

ĐỊNH VƯƠNG (CƠ DU) (ĐÔNG CHU)

Định Vương tên ông ta là Cơ Du (?TCN - 586 TCN) là con của Khuông Vương, kế vị sau khi Khuông Vương chết, trị vì 21 năm. Tháng 11/586 TCN) bị ôm chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời gian Cơ Du trị vì, triều Chu cũng không có gì xảy ra nên cũng không cản kẽ. Lúc này, nước Sở dưới sự trị vì của Sở Trang Vương tình hình trong nước rất ổn định kinh tế giàu mạnh. Sở Trang Vương trong 3 năm đầu kế vị, không lo lắng việc nước, cuộc sống ngập sâu vào ăn chơi trụy lạc. Sau đó nghe lời khuyên giải của các cư thần, Sở Trang Vương dần dần tỉnh ngộ. Trang Vương bắt đầu chỉnh đốn triều đình thực hiện cải cách, mở rộng quân đội. Từ đó làm cho đất nước ngày một hưng thịnh, đi tiêu diệt một số nước nhỏ. Mùa xuân năm 613 TCN, Sở Trang Vương đem quân đi chinh phục tộc Nhung sống ở đất Hỗn (nay thuộc phía Bắc huyện Tung tỉnh Hà Nam). Sau chuyện này, quân Sở còn tổ chức duyệt binh ở biên giới nước Chu để tỏ rõ uy lực, khiến Cơ Du lo lắng sai đại thần Vương Tôn Mẫn đi hỏi thăm tình hình quân Sở. Sở Trang Vương còn hỏi thăm Vương Tôn Mẫn về trọng lượng của 9 cái đình đặt trong tông miếu của đô thành nhà Chu. 9 cái đình đó là tượng trưng cho

quyết lực của thiên tử. Hồi thăm trọng lượng của 9 cái đình đồ nghĩa với chuyện nhòm ngó đén quyết lực địa vị của thiên tử. Qua một hồi nói chuyện thương lượng, Sở Trang Vương mới lui quân đi. Câu chuyện này trong sách sử gọi là "Hồi thăm chiết c đình ở Trung Nguyên". Sau khi dẹp xong nội chiến Sở Trang Vương mang quân đi thu phục các nước nhỏ và hàng phục nước Trân, nước Tống. Năm 597 TCN trong trận chiến ở vùng đất Tát (nay thuộc phía Đông thành phố Trịnh Châu tỉnh Hà Nam). Sở Trang Vương chiến m giữ được 600 chiến xa của nước Tần và ông ta được tôn làm bá chủ (là một trong 5 bá chủ thời Xuân Thu).

Cùng lúc đó, Triệu Kiên (người nước Tần) bị ôm chết, con trai là Triệu Sóc nên thay quyết, phụ giúp Tần Cảnh Công. Sủng thần của Tần Linh Công là Đô Thiết Yêu vì muôn báo thù cho Tần Linh Công nên đã kích động xúi giục các tướng sĩ "Triệu Kiên là người phạm trọng tội, nên u như con trai của ông ta là đại thần của triều đình, thì làm sao chúng ta có thể hài lòng được" và mang quân lính bao vây nhà Triệu Sóc, giết chết cả nhà Triệu Sóc và giết Triệu Sóc. Vợ của Triệu Sóc chị gái của Tần Thành Công, tên là Trang Cơ được gặp may miễn tội chết. Lúc này Trang Cơ đang mang thai, ẩn trốn trong cung của Tần Cảnh Công, không lâu sau Trang Cơ sinh được một bé trai, biết tin Đô Thiết Yêu vào cung muôn giết đứa bé. Trang Cơ vội giấu đứa trẻ dưới hông và bảo đứa trẻ: "Nếu u hôm nay trời muôn diệt nhà họ Triệu thì con khóc, nếu u trời không muôn diệt nhà họ Triệu thì con đừng khóc". Đứa bé quả nhiên không khóc, cuối cùng cũng thoát được bàn tay của Đô Thiết Yêu. Triệu Sóc có một môn khách tên là Chử Cửu, Chử Cửu hỏi bạn của Triệu Sóc là Trình Anh: "Nuôi nàng đứa trẻ mõi cô này hay giết nó đi, hai điều đó đê u nào là dễ". Trình Anh trả lời: "Giết thì dễ, nuôi dũng trưởng thành mới là điều khó". Chử Cửu nói: "Tướng quân chịu trách nhiệm làm chuyện khó, tôi chịu trách nhiệm làm chuyện dễ, để tôi mang cái chết đi đă". Chử Cửu mang con trai mình trốn lên núi, sau đó để Trình Anh đi báo với Đỗ Thiết Yêu, nói con trai của Triệu Sóc đang trốn trên núi. Đỗ Thiết Yêu vui mừng khôn xiết, lập tức sai người theo Trình Anh lên núi giết chết Chử Cửu và con trai Chử Cửu. Như vậy, đứa con của Triệu Sóc được an toàn. Trình Anh mang đứa bé trốn vào trong núi, đặt tên cho nó là Triệu Vũ.

Tháng 11 năm 586 TCN, Cơ Du bị ôm chết. Sau khi Cơ Du chết, lập miếu đặt hiệu là Định Vương.

GIẢN VƯƠNG (CƠ DI)

(ĐÔNG CHU)

Giản Vương, tên ông ta là Cơ Di (? TCN -572 TCN) là con của Định Vương, kế vị sau khi Định Vương chết. Trị vì 14 năm, bị ôm chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Cơ Di trị vì, triều Chu không phát sinh chuyện gì, không cản kẽ ra.

Lúc này, Tần Cảnh Công đã dẹp yên phản loạn sai người đi tìm Trình Anh và Triệu Vũ, còn cho phép Trình Anh mang quân đi giáp Đỗ Thiệu Yêu và cả nhà Đỗ Thiệu Yêu để báo thù cho Triệu Vũ. Triệu Vũ sau khi trưởng thành lại kế nhiệm chức vụ của cha, là một trọng thần của nước Tần. Lúc này, Trình Anh từ biệt mọi người và nói với Triệu Vũ: "Điều khó trước đây cha nhận bây giờ đã hoàn thành, Cha chưa lây cái chết để tỏ lòng trung thực bởi vì muôn nuôi dưỡng con, giữ gìn giọt máu cho nhà họ Triệu. Bây giờ thù lớn con đã trả và con còn kế nghiệp được cha để của con. Cha đã báo đáp được ân huệ của cha con và hoàn thành tâm nguyện của Chú Chủ Cửu". Nói xong ông tự vẫn. Triệu Vũ rãt đau khổ, và chịu tang 3 năm, mỗi năm vào 2 mùa xuân thu đều đền mộ cúng tế.

Thời đó, ngoài cuộc hỗn chiến giữa các nước Tần, Sở, Tề, Tống, Trịnh, thì nước Ngô thuộc phía Đông Nam của nước Sở cũng hưng thịnh dần dần, vài lần đánh vào nước Sở và cũng được liệt vào cuộc hỗn chiến thời Xuân Thu.

Tháng 9/570 TCN, Cơ Di bị ôm chết, sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Giản Vương.

LINH VƯƠNG (CƠ TIẾT TÂM)

Linh Vương, ông tên là Cơ Tiết Tâm (? TCN-545 TCN) con của Giản Vương, kế vị sau khi Giản Vương chết. Vì thương con nhỏ chết yêu nên đau khổ mà chết, mai táng ở núi Chu (nay là núi Ba Đình nước Tây Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), một chuyện khác nói mai táng ở núi Linh Sơn (nay thuộc huyện Nghi Dương, tỉnh Hà Nam).

*

Tháng 7 năm 546 TCN vào thời gian Cơ Tiết Tâm trị vì, đại phu nước Tô ng gợi ý cho hai nước Tần, Sở mở đại hội ở Thượng Khâu (đô thành nước Tô ng) (nay thuộc thành phố Thượng Khâu tỉnh Hà Nam), điều đình về cuộc chiến giữa hai nước Tần, Sở; cho mời những đại phu có thê lực ở 10 nước: Tần, Sở, Tô ng, Lỗ, Vệ, Trân, Trịnh, Tào, Hứa, Thái... tham gia đại hội. Đại hội quyết định chấm dứt cuộc chiến tranh giữa các nước, tôn vua của hai nước Tần, Sở cùng làm bá chủ, phân chia quyền lợi, ai phá hoại hiệp nghị, các nước sẽ cùng trừng phạt. Đại hội này trong sử gọi là "Đại hội liên minh về những điều mật trong quân đội".

Hơn 10 năm sau đại hội liên minh do nước Sở mai lo đôn dò với nước Ngô, nước Tần chú ý mọi chuyện trong nước nên hai nước đó không còn binh lực để chinh chiến, do đó 10 quốc gia thuộc hội liên minh không phát sinh chiến tranh. Tuy vậy cuộc chiến tranh tranh quyền đoạt vị trong nội bộ các nước vẫn là một cái nhức nhối luôn luôn xảy ra các cuộc đánh đá. Đại hội liên minh chính là cột mốc phân chia hai giai đoạn thời Xuân Thu. Trước khi diễn ra đại hội lẫy sự thân tình giữa các nước chư hầu làm chính, sau đại hội lẫy sự thân tình giữa đại phu trong nội bộ các nước làm chính. Xã hội các nước đang chuẩn bị chuyển sang một trang mới, mâu thuẫn giai cấp ngày càng gay gắt. Năm 555 TCN ở nước Trịnh đại thần Tử Khổng lên chêp chính, ông ta rất chuyên quyền, nhân dân không bao giờ lòng và dưới sự chỉ huy của Tử Triển, Tử Tây quân lính đã giết chết Tử Khổng. Cùng năm đó, quốc quân của nước Cử là Tát Công bức hại nhân dân, bị mọi người căm ghét và vùng lên đánh giết chết ông ta. Năm 550 TCN, ở nước Trân, quý tộc Khánh Thị bắt ép thứ dân xây thành trì. Lúc xây thành trì, dùng hình phạt nghiêm khắc, đích thân Khánh Thị giám sát và đốc thúc chuyện

xây dựng, những thứ dân nào lười nhác hoặc không làm ông ta thường giết chết. Bị dồn ép quá nhiều, dân chúng nổi dậy, giết chết Khánh Hỗ và Khánh Đàn. Cuộc khởi nghĩa này làm cho quý tộc nước Trần kinh hãi, không dám chèn ép họ.

Con trưởng của Cơ Tiết Tâm tên là Cơ Tần vua rất thông minh rất thích thổi sáo, anh ta có thể thổi những khúc nhạc giống như tiếng chim phượng hoàng kêu. Làm cho người nghe say mê. Cơ Tiết Tâm rất yêu quý Cơ Tần đòi lập Cơ Tần làm thái tử. Không ngờ thái tử năm 17 tuổi bị bệnh chết, Cơ Tiết Tâm mặc đau thương khôn xiết, Truyền thuyết nói có người thấy Linh Vương bị thương như vậy, lo lắng sẽ tổn hại đến sức khỏe của Linh Vương, liền lợi dụng sự mê tín để khuyên giải ông ta: "Bây giờ thái tử đang ở trên Cầu Linh cưỡi hạc trả ngô thiêng sáo. Thái tử muôn nhanh với vua cha, không cần phải thương tiếc, thái tử đi theo các vị tiên cư trú trên núi, sống rất vui vẻ."

Không ngờ, nghe xong tin đó, Cơ Tiết Tâm càng nhớ thương con trai, ngày đêm khóc lóc, tinh thần suy sụp.

Vào một đêm của tháng 11/545 TCN, Cơ Tiết Tâm mơ mộng tỉnh tinh thấy con trai cưỡi hạc đón ông ta. Sau khi tỉnh dậy Cơ Tiết Tâm nói: "Con trai tôi đến đón tôi, tôi cần phải đi". Và truyền ngôi cho con thứ là Cơ Quý. Ông bị bệnh chết. Sau khi ông ta chết, lập miếu lâ'y hiệu là Linh Vương.

CẢNH VƯƠNG (CƠ QUÝ)

Cảnh Vương, ông tên là Cơ Quý (? TCN - 520 TCN). Ông là con thứ hai của Linh Vương. Kế vị sau khi Linh Vương chết. Trị vì 25 năm, bị ôm chết, mai táng ở Địch Tuyễn (nay thuộc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam)

*

Cơ Quý lên trị vì, nên tài chính khó khăn, các dụng cụ đắt dùng đắt phải đi xin xỏ ở các nước. Có một lần, ông ta mở tiệc rượu mời đại thần nước Tần là Tuân Lục đón dự, chỉ vào bình rượu nước Lỗ mang tặng nói: "Các nước đều có đồ vật tặng vương thất, tại sao

chỉ có nước Tấn là không tặng gì?". Viên quan tháp tùng Tuấn Lực tên là Tịch Đàm trả lời: "Lúc nước Tấn mới được thành lập, vương Triếu không tặng gì cả, bây giờ nước Tấn phải lo đối phó với tộc Nhungs nên không có lễ vật mang đến." Cơ Quý liệt kê ra những đô mà triếu Chu cho nước Tấn, châm biếm Tịch Đàm không hiểu rõ về những lịch sử của tổ tông. Đây chính là lai lịch của câu thành ngữ "Kẻ điên quên nguốn". Câu chuyện nà́y nói rõ, những năm đấu thời Xuân Thu vương triếu còn có đối đụng đê cho Chư hấu, thời này ngược lại phải dựa vào chư hấu xin xỏ đối dùng, uy lực của thiên tử đã bị sa sút ghê gớm.

Trong thời gian Cơ Quý trị vì, đại thấn chấp chính nước Trịnh là Tử Sản (còn gọi là Công Tôn Kiếu, tên tự là Tử Mĩ) ông cho thực hiện cải cách chỉnh đốn chế độ ruộng đất, thừa nhận ruộng đất tư hưu, biên chếnhà cửa cho nông dân, giảm nhẹ tô thuế́. Tử Sản còn đúc một cái đình sắt nặng hơn 200 kg ghi chép trên đó những văn chương chế định mới, thành quả trong cải cách, đặt chiếc đình đó ở cửa lớn của cung Vua, để bà con trăm họ đếu biết hình pháp mới. Chiếc đình này rất nổi tiếng trong lịch sử. Do những điếu lệ mới hạn chế hành vi của quý tộc, động chạm tới lợi ích của quý tộc, vì vậy các quý tộc liến sáng tác một ca khúc tỏ ý thương xót tài sản của họ, đại ý lời ca là: "Tôi phải đem cát giấu quấn áo đẹp đi và đem tài sản ruộng đất phân tán đi. Ai muốn đi giết Tử Sản, tôi nhất định ứng hộ".

Tử Sản nghe xong lời ca đã nói: "Chỉ cát n có lợi cho quốc gia, tôi chết cũng cam lòng, còn việc cải cách không thể bỏ dở giữa chừng". Vài năm sau, công việc cải cách đã có hiệu quả đáng mừng, nhân dân nước Trịnh đã dùng lời ca để cảm tạ Tử Sản, đại ý lời ca là: "Con cháu, anh em của chúng tôi đếu được Tử Sản dạy bảo, tài sản của chúng tôi đã được Tử Sản giúp tăng nên nhiếu lấn, nếu Tử Sản chết, không có ai tốt bắng ông ta".

Tử Sản chấp chính 20 năm giúp cho nội bộ nước Trịnh ổn định, sản xuất phát triển, vế mặt đối ngoại luôn giữ được uy tín với các chư hấu khác khiến cho các nước lớn không dám coi thường nước Trịnh là một nước nhỏ bé.

Năm 522 TCN, người chấp chính nước Trịnh là Tử Đại Thúc, ông ta áp bức nhân dân. Dô`n dân chúng đê`n tập trung ở đất Hoàn Phó (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Tử Đại Thúc cùng với quý tộc chỉ nô lệ mô ra cuộc đấu tranh vũ trang. Sau này dưới sự ép buộc của Tử Đại Thúc, những tay sai của ông ta bị chê`t hê`t trong cuộc chiê`n áp bức dân chúng.

Thời Cơ Quý trị vì, lập con trai của vợ cả làm thái tử, nhưng vê` sau Cơ Quý lại sủng ái con cả của vợ lẽ là Cơ Triê`u. Tháng 4/520 TCN Cơ Quý bị bệnh nặng, đã cho mời đại phu Mãnh Tân đê`n nhà và lập Cơ Triê`u lên ngôi. Cơ Triê`u chưa kịp đăng quang thì Cơ Quý đã chê`t.

Sau khi ông ta chê`t lập miê`u đặt hiệu là Cảnh Vương.

ĐIÊ`U VƯƠNG (CƠ MÃNH)

(ĐÔNG CHU)

Điê`u Vương, ông tên là Cơ Mãnh (? TCN -520 TCN) là con thứ ba của vợ cả Cảnh Vương, kế` vị sau khi Cảnh Vương chê`t. Trị vì 6 tháng thì ô`m chê`t, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Cảnh Vương trị vì, anh trưởng của Cơ Mãnh bị chê`t yêu, nên lập Cơ Mãnh làm thái tử nhưng vê` sau Cảnh Vương lại sủng ái con trưởng của vợ lẽ tên là Cơ Triê`u, vì vậy trong lúc bị bệnh nặng đã gọi đại phu Mãnh Tân, đê`n nhò và giúp Cơ Triê`u lên ngôi nhưng ý định chưa kịp thực hiện thì Cảnh Vương chê`t. Sau khi Cảnh Vương chê`t, hai quý tộc là Lưu Quyền và Đơn Kỳ đã gié`t chê`t Mãnh Tân và lập Cơ Mãnh làm vua.

Sau khi Cơ Mãnh lên ngôi, Cơ Triê`u râ`t ghen tức. Cơ Triê`u liê`n vút bỏ chức vị đi chỗ khác ở, không sô`ng trong cung và dẫn một số` binh sĩ làm phản tranh đoạt ngôi vua với anh. Lưu Quyền bị đánh bại phải chạy trô`n, Đơn Kỳ bảo vệ Cơ Mãnh ở trong cung. Vây cánh của Cơ Triê`u đột nhập vào cung, đuổi bă`t Cơ Mãnh. Đơn Kỳ đột phá vòng vây chạy thoát, vây cánh của Cơ Triê`u bă`t giữ được Cơ Mãnh nhưng không đuổi bă`t được Đơn Kỳ. Chạy được nửa đường, Đơn Kỳ

gặp Tịch Đàm và Tuân Lạc (do vua Tần sai đi) mang quân tới ứng cứu Cơ Mãnh, bảo vệ Cơ Mãnh về đất Vương Thành (nay thuộc phía Đông Bắc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Không lâu sau sai lính đón Cơ Mãnh về đô thành. Tháng 10 năm đó, Cơ Mãnh ôm chê t.

Sau khi ông ta chê t, lập miêu đặt hiệu là Diệu Vương.

VƯƠNG TỬ (CƠ TRIỀU)

(ĐÔNG CHU)

Vương Tử, ông tên là Cơ Triều (? TCN - 505 TCN). Cảnh Vương sủng ái con cả của vợ lẽ là Cơ Triều, sau khi Cảnh Vương chê t, Diệu Vương lên kế vị, Cơ Triều đã làm loạn. Diệu Vương chê t, Kính Vương kế vị. Cơ Triều lại đuổi Kính Vương, tự mình lên ngôi. Sau đó đã bị ám sát chê t, mai táng ở đâu không rõ.

*

Cơ Triều, Cảnh Vương lúc còn sô ng rát sủng ái, ông ta muôn lập Cơ Triều làm thái tử mà không thực hiện được dự định. Sau khi Cảnh Vương chê t, các quý tộc Lưu Quyền, Đơn Kỳ đã lập Cơ Mãnh làm vua. Cơ Triều liên kết với các đại thần và dẫn binh lính làm phản, bắt giữ Diệu Vương, chiếm giữ đô thành. Sau khi Diệu Vương chê t, Kính Vương lên kế vị, Cơ Triều lại bắt giữ Kính Vương, tự mình lên ngôi, người thời đó gọi ông ta là "Tây Vương".

Năm 516 TCN, Cơ Triều bị quân Tần đánh bại nên đã mang toàn bộ sách cổ và một số quý tộc chạy tới nước Sở. Mùa xuân năm 505, Kính Vương được nước Ngô giúp sức đã có cơ hội đánh nước Sở và Kính Vương sai quân ám sát Cơ Triều.

Trong sách sử gọi Cơ Triều là Vương Tử Triều.

KÍNH VƯƠNG (CƠ CÁI)

Kính Vương, ông tên là Cơ Cái (? TCN - 476 TCN). Con thứ của Cảnh Vương, em trai của Diệu Vương, kế vị sau khi Diệu Vương

chết, trị vì 44 năm, bị bệnh chết, mai táng ở Tam Nhâm Lăng (nay thuộc phía đông nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Sau khi Điéu Vương chết, Lưu Quyền, Đơn Kỳ đã lập Cơ Cái nên kế vị, cư trú ở Địch Tuyến, dân chúng gọi ông ta là Đông Vương.

Thời gian Cơ Kính trị vì, nước Ngô cũng hưng thịnh dấn dấn, nước Ngô tích cực tham gia vào cuộc chiến tranh giành chức vị bá chủ. Năm 515 TCN, con của Ngô Vương Chư Phàn là Công Tử Quang được sự giúp đỡ của Ngũ Tử Tư đã chạy trốn khỏi nước Sở, Công Tử Quang xúi giục các tướng sĩ giáp u quân giáo trong lòng thuyền đánh cá đợi cơ hội. Khi nào mở yến tiệc sẽ xông ra cướp lương thực, Công Tử Quang còn mưu sát em họ lúc đó đang là vua nước Ngô, đoạt quyền. Công Tử Quang đăng quang, trong sử sách gọi là Ngô Vương Hà Lừa.

Sau khi Hà Lừa làm vua, dưới những mưu kế của Ngũ Tử Tư đã đem quân đánh nước Sở, quân đội của nước Ngô rất mạnh khiến quân Sở phải đầu hàng vô điều kiện. Năm 500 TCN Hà Lừa đã cử Tôn Vũ (người nước Tấn) làm tướng quân dẫn lính đi chinh phạt nước Sở và bắt được vô số tù binh, đánh vào đô thành Ánh của nước Sở (nay thuộc phía Bắc thành phố Giang Lăng tỉnh Hà Bắc), khiến Sở Chiêu Vương phải chạy trốn. Đại thần của nước Sở là Giáp Bao Tự thấy vua Sở phải trốn chạy nên đã tới nước Tấn xin mang quân đánh giúp. Tấn Ai Công do dự không giúp khiến Giáp Bao Tự phải quỳ ngoài cửa cung khóc lóc 7 ngày 7 đêm, không ăn không uống, chuyện đó làm Tân Ai Công cảm động đã hạ lệnh xuất quân giúp nước Sở. Cuộc chiến kéo dài vài tháng, thêm vào đó nước Ngô lại xảy ra nội chiến do đó nước Sở mới đánh bại được nước Ngô. Sở Chiêu Vương quay về đô thành Ánh, lo sợ quân Ngô lại tấn công nên sai dời đô đến đất Nhược (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Nghi, tỉnh Hà Bắc). Trận chiến tranh giữa nước Ngô và Sở kéo dài hơn 10 tháng, trong sử gọi là "cuộc chiến ở kinh thành Ánh của hai nước Ngô Sở"

Năm 496 TCN, nhân cơ hội vua nước Việt chết, con trai là Câu Tiễn lên kế vị, mặc dù Ngũ Tử Tư đã khuyên can nhưng Hà Lừa vẫn mang quân đi đánh nước Việt, Câu Tiễn đã đưa quân đi chặn, quân lính hai bên đánh nhau ở đâ t Túy Quý (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Gia Hưng tỉnh Chiết Giang). Quân Ngô phòng thủ nghiêm chỉnh, Câu Tiễn hai lần cho đội quân cảm tử (dám chết) đi đánh xung phong nhưng đều bị thát bại, sau đó ông ta nghĩ ra một mưu mẹo ra lệnh cho 3 đội quân tự kẽ dao găm vào cổ mình hướng về phía mỗi binh lính trong đội quân Ngô hét: "Hai quân đánh trận, chúng tôi vì vi phạm quoc lệnh, không xứng làm một quân nhân, cần phải lây cái chết để thuộc tội". Hết xong, lần lượt tự vẫn. Cảnh tượng thương tâm này làm cảm động quân Ngô, khiến họ dao động tâm tư. Quân Việt thừa cơ xông ra chiến đấu khiến quân Ngô bị thát bại nặng nề, Hà Lừa cũng bị tướng lĩnh nước Việt chặt đứt một chân và chết trên đường về cung. Con trai của Hà Lừa là Phù Sai nên kế vị, Phù Sai thê báo thù cho cha. Cuộc chiến tranh này sử sách gọi là "Cuộc chiến trên đâ t Túy Quý của hai nước Ngô Việt".

Hai năm sau (497 TCN), Phù Sai cho Ngũ Tử Tư làm đại tướng, Bài Thát làm phó tướng, dốc toàn bộ quân đội không nghe lời khuyên của Phạm Lãi và Văn Chung, vẫn mang quân đi nghênh chiến, chặn đánh ở đâ t Phu Tiêu (Nay thuộc núi Thái Hồ Tiêu tỉnh Giang Tô), bị quân Ngô đánh cho đại bại. Câu Tiễn thô ng lính 5000 quân lính phòng thủ đô thành Hội Kê, bị quân Ngô bao vây. Lúc này Việt Vương Câu Tiễn đành nghe lời khuyên của Văn Chung, lây lễ vật cô ng tiễn xin đâ u hàng. Ngũ Tử Tư khuyên Phù Sai giết Câu Tiễn diệt nước Việt để trừ hậu họa về sau; Bá Thát do nhận của hối lộ của nước Việt nên cản trở ý định của Mã Tử Tư và nói với Phu Biệt tha mạng cho Câu Tiễn. Phù Sai chấp nhận yêu cầu của Bá Thát đồng ý cho vua nước Việt được bảo toàn mạng sống.

Sau khi nước Việt đâ u hàng, Câu Tiễn cùng vợ và hơn 300 quân thân bị giải đê n nước Ngô. Câu Tiễn bị bắt làm người chăn ngựa, còn vợ ông ta bị sai quét phòng thát. Họ sống trong phòng tối ăn đói mặc rách, khổ ái vô cùng. Qua 3 năm, Câu Tiễn được thả về nước Việt. Từ đó quâ n thâ n của Câu Tiễn vạch ra kế hoạch phục thù, họ đưa ra khẩu hiệu "10 năm ném mật 10 năm giáo huấn". Một mặt khác luôn mang mĩ nữ như Tây Thi, Trịnh Đán và châu báu đê n

cống hiến Phu Biệt, mục đích dùng phương pháp mỹ nhân kẽ́ để đánh đỗ́ Phù Sai; một mặt khác tích cực phát triển sản xuất, chỉnh đỗ́n nội chính, chiêu tập nhân tài, tăng cường quân đội, đợi chờ thời cơ đánh nước Ngô. Để làm gương cho mọi người Câu Tiễn sống cũng rất kham khổ; sống ở nhà cỏ, ăn cơm nhạt, uống nước sông, ở trước cửa nhà còn treo một mié́ng mật đắng, lúc đi ra đi vào đếu phải nếm đếnh nhắc nhở bản thân mình không được quên những những ngày khổ nhục và chí hướng phục quốc. Nước Việt dấn dấn được khôi phục, nến kinh tế́ ngày một phát triển.

Ngũ Tử Tư thấy Phù Sai thả Câu Tiễn đúng là "thả hổ vế rừng", lại khuyên can Phù Sai nên diệt nước Việt, giết Câu Tiễn. Nhưng Phu Biệt không nghe, thêm vào đó là những lời xu nịnh của Bá Thất, Phu Biệt bắt Ngũ Tử Tư tự vẫn, Ngũ Tử Tư ngửa mặt lên trời nói: "Sau khi tôi chết, hãy móc hai mắt của tôi treo ở cửa phía Tây thành Cô Tô (nay là thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô), tôi muốn nhìn quân Việt đánh vào thành Cô Tô".

Năm 482 TCN, Câu Tiễn lợi dụng cơ hội Phu Biệt đi đến Hoàng Chì (nay là phía Tây Nam huyện Phong Khâu tỉnh Hà Nam) dự đại hội liên minh với các nước: Tấn, Lỗ; Câu Tiễn đã dẫn 50000 đánh nước Ngô. Nghe được tin này Phù Sai vội vã quay vế cung, bị Câu Tiễn bắt phải giảng hòa.

4 năm sau, Câu Tiễn lại đánh nước Ngô, và một lấn nữa lại đánh được vào thành Cô Tô. Mùa đông năm 473 TCN, quân Việt 3 lấn đánh vào thành Cô Tô, Phù Sai bị bao vây trên núi Cô Tô (nay là phía Tây Nam thành phố Tô Châu huyện Giang Tô) và đành phải xin đấu hàng làm sứ thấn. Nhưng Phạm Lãi cản trở Câu Tiễn không đống ý với điếu kiện đó. Phù Sai quá hối hận và xấu hổ vì không nghe lời của Ngũ Tử Tư, và lại nước Việt không đống ý tha mạng nên đã tự sát.

Thời Cơ Cái trị vì, vào năm 478 TCN, các thợ thủ công nghiệp nước Vệ do không chịu nổi sự chèn ép của Vệ Trang Công, đã nổi dậy đấu tranh, bao vây cung vua. Vệ Trang Công cấu xin tha mạng nhưng không được, đành phải mang thái tử Tật và công tử Thanh nhảy qua tường trốn chạy ra ngoại bị gãy chân. Lúc người Nhung Châu sống

ở gâ`n đô thành nước Vệ nghe tin Vệ Trang Công bị thương cũng chạy đê`n muô`n giê`t chê`t thái tử Tật và công tử Thanh. Vệ Trang Công chạy vào nhà Dĩ Thị (người Nhung Châu), câ`u khẩn nói: "Hãy cứu giúp tôi, tôi sẽ mang vàng bạc tới tạ ơn anh". Vợ của Dĩ Thị một lâ`n bị Vệ Trang Công că`t mái tóc của cô ta đưa cho vợ mình làm tóc giả lúc này cũng tức giận hét lên: "Tôi sẽ giê`t chê`t ông", nói xong liê`n giê`t chê`t Vệ Trang Công. Cuộc bạo động của các thợ thủ công cũng đánh động vào sự thô`ng trị của quý tộc chủ nô lệ nước Vệ, làm cho bọn chúng sợ hãi kinh hoàng.

Thời Cơ Cái trị yì, nhà tư tưởng nhà giáo dục cổ đại Trung Quô`c là Khổng Tử cũng sô`ng ở thời kỳ này vào những năm trung tuổi ông râ`t bận rộn. Khổng Tử tên là Khâu, người Châu Â`p (nước Lỗ) (nay là phía Đông Nam huyện Khúc Phụ tỉnh Sơn Đông) Khổng Tử đê`ra chủ trương chính trị và những căn cứ lý luận để bảo vệ sự sụp đổ của chê`độ nô lệ. Vê` sau, tư tưởng bảo thủ của Khổng Tử đã bị giai câ`p thô`ng trị phong kiê`n lợi dụng trở thành công cụ tinh thâ`n bảo hộ chê`độ phong kiê`n và thô`ng trị nhân dân. Khổng Tử mở trường học tư, mở rộng đồ`i tượng giáo dục, trong tư tưởng giáo dục và phương pháp dạy học cũng tích lũy được nhiê`u kinh nghiệm có ích. Vào những năm cuô`i đời ông viê`t được những quyển sách quý như "Thượng Thư", "Xuân Thu", "Thơ Kinh" những bộ sách quý này là đóng góp quan trọng trong việc bảo tô`n và phát triển di sản văn hóa cổ đại Trung Quô`c.

Trong thời gian Kính Vương trị vì luôn luôn đánh nhau với Tây Vương Cơ Triê`u để giành giật ngôi vị. 6 năm sau, nhờ sự giúp đỡ của quân Tâ`n, Kính Vương đã đánh bại Cơ Triê`u, củng cố` được vương vị.

Sau khi Cơ Cái chê`t lập miê`u đặt hiệu là Kính Vương.

Phụ lục:

NĂM BÁ CHỦ THỜI XUÂN THU

(Năm 770 TCN - 476 TCN)

1. Tê` Hoàn Công

Tên ông ta là: Khuong Tiêu Bạch (? TCN - TCN). Là con trai của Tê` Li Công, em trai của Tê` Tương Công. Bị Tương mưu hại nhưng không thành. Hoàn Công phải trô`n chạy. Sau khi Tương Công bị giê`t mới dám quay về` nước Tê` cướp đoạt vương vị. Trị vì 43 năm, bị bệnh mâ`t vào tháng 12 năm 643 TCN. Năm người con của ông ta tranh nhau ngôi vị nên dẫn đê`n nội chiê`n, do đó ông ta chê`t 67 ngày mới được mai táng, thân thể có dòi, dòi bọ bò hê`t ra ngoài cửa. Mai táng ở ngoại ô Bâ`t Minh.

2. Tô`ng Tương Công

Tên ông ta là Từ Phụ (? TCN - 637 TCN), con trai của Tô`ng Hoàn Công. Kê`vị sau khi Tô`ng Hoàn Công. Trì vì 14 năm. Tùng cùng Tê` Hoàn Công tham gia đại hội liên minh cờ Đăng Khâu. Tê` Hoàn Công chê`t, nước Tê` xảy ra nội chiê`n, Tô`ng Hoàn Công mang quân đi can thiệp, có ý đô`thay thê`chức vị bá chủ, ngược lại trong đại hội thì Trịnh Thành Vương chiê`m ưu thê`. Sau khi giải thích lý do vì sao không được ngôi vị bá chủ ông ta mang quân đi chinh phạt nước Trịnh. Tháng 11 năm 638 TCN trong cuộc chiê`n ở sông Hoă`ng Thủy, do không có tài năng chỉ huy nên bị thua trận, bị thương rô`i chê`t. Mai táng ở Bâ`t Minh.

3. Tâ`n Văn Công

Tên ông ta là Cơ Trọng Nhĩ (697 TCN - 698 TCN). Là con trai của Tâ`n Hiê`n Công, là chú của Tâ`n Hoại Công. Ông ta bị mẹ ghẻ làm hại phải sô`ng lưu vong ở bên ngoài 19 năm. Vê` sau được Tâ`n Mục Công mang quân hộ tô`ng vê`nước Tâ`n lập làm quô`c quân. Trị vì được 9 năm. Ông ta đã trọng dụng những người như: Triệu Suy dẹp yên nội chiê`n, chỉnh đô`n pháp luật, dẹp loạn cho vương triê`u Chu. Trong trận chiê`n ở đâ`t Thành đánh bại quân Sở, mở đại hội chư hâ`u và xưng bá. Bị ô`m chê`t vào mùa đông năm 628 TCN, thọ 70 tuổi. Mai táng ở ngoại ô Bâ`t Minh.

4. Tâ`n Mục Công

Tên ông ta là: Doanh Nhậm hảo (? TCN - 621 TCN). Con của Tâ`n Thành Công. Kê`vị sau khi Tâ`n Thành Công chê`t. Trị vì được 39

năm. Ông ta trọng dụng những người như: Bách Lí Hê¹, lợi dụng quan hệ hôn nhân để can thiệp vào nội bộ nước Tâ²n, có ý đồ mở đường tranh chức vị bá chủ Trung Nguyên. Nhân cơ hội Tâ²n Văn Công chê³t đã mang quân tập kích nước Tâ²n, không ngờ gặp quân Tâ²n phục kích, bị thua lớn. Sau chuyện này chuyển đổi hướng tâ²n công sang phía Tây, mở rộng lãnh thổ, xưng bá ở Tây Nhung. Bị chê³t vào mùa hạ năm 621 TCN, mai táng ở Ung (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây).

5. Sở Trang Vương

Tên ông ta là: Mẽ Thu (? TCN - 591 TCN). Con của Sở Mục Vương, kế⁴ vị sau khi Sở Mục Vương chê³t, trị vì 23 năm, bị bệnh chê³t vào năm 591 TCN. Mai táng ở ngoại ô Bâ⁵t Minh.

6. Ngô Vương

Tên ông ta là: Lạc Hà, còn có một tên khác là Cơ Quang (? TCN - 496 TCN), con của Ngô Vương Chu Phàn, anh họ của Ngô Vương Liêu. Ông ta sai người mưu sát Liêu sau đó đoạt ngôi vị. Trị vì 19 năm. Năm 496 TCN trong trận chiê⁶n ở Túy Quý bị thương và chê³t.

7. Việt Vương

Tên là Câu Tiễn (? TCN - 469 TCN), con của Việt Vương Doãn Đường, kế⁷ vị sau khi cha chê³t. Trị vì 32 năm. Bị bệnh chê³t vào năm 465 TCN, mai táng ở ngoại ô Bâ⁵t Minh.

Chú ý:

Có thuyê⁸t nói Ngã Bá là Tê⁹ Hoàn Công, Tô¹⁰ ng Tương Công, Tâ²n Văn Công, Tâ²n Húa Công, Trịnh Trang Vương.

Có một thuyê⁸t khác nói Ngũ Bá là những người: Tê⁹ Hoàn Công, Tâ²n Văn Công, Trịnh Trang Vương, Ngô Vương, Việt Vương.

THỜI KỲ CHIẾN QUỐC

(Năm 475 TCN - năm 256 TCN, tổng cộng: 220 năm Thời chiến Quốc chỉ đến năm 221 TCN).

Thời Chiến Quốc là thời kỳ mở màn cho xã hội phong kiến. Trải qua thời kỳ xuân thu kéo dài đằng đẵng, khiến cho hàng trăm nước chư hầu bị thôn tính, thế lực của vương triều Chu ngày càng suy thoái. Thậm chí vào những năm đầu thời Chiến Quốc, số lượng các nước chư hầu đã không còn nhiều, chủ yếu có 7 nước: Tần, Tề, Yên, Sở, Triệu, Ngụy, Hán trong lịch sử gọi là "Thất hùng" (7 nước mạnh). Giai cấp địa chủ cũ mới trong các nước chư hầu đều tranh giành chính quyền, tiến hành cải cách, dần dần thiết lập nên chế độ phong kiến. Giữa 7 nước lại xảy ra cuộc chiến tranh thôn tính nhau. Nước Tần ở phía Tây đã sửa đổi cải cách, ngày càng hưng thịnh, trở thành nước chư hầu phong kiến tiên tiến nhất. Nước Tần vận dụng một loạt thủ đoạn trong: quân sự, chính trị, ngoại giao... trải qua sự cố gắng lâu dài cuối cùng đã diệt vong 6 nước kia, thống nhất Trung Quốc.

NGUYÊN VƯƠNG (CƠ NHÂN)

Nguyên Vương; tên của ông ta là Cơ Nhân (? TCN - 469 TCN). Con của Kính Vương. Kế vị sau khi Kính Vương chết. Trị vì 7 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở ngoại ô Bát Minh.

*

Năm mà Cơ Nhân lên kế vị (475 TCN), lịch sử Trung Quốc bước vào thời kỳ Chiến Quốc.

Trong thời gian Cơ Nhân trị vì, sau khi Việt Vương Câu Tiễn diệt vong nước Ngô, đã dẫn đại quân vượt qua sông Hoài Hà, mở đại hội liên minh ở đất Thư (nay thuộc tỉnh phía Nam huyện Đăk Nông, Sơn Đông), tham gia đại hội gồm có các nước: Tề, Tần, Lỗ, Tống. Sau đại hội, Câu Tiễn sai người mang công phẩm đền cho Cơ Nhân,

Cơ Nhân cũng tặng lại Câu Tiễn thịt để cúng tế tổ tiên và sắm phong cho Câu Tiễn làm bá, thừa nhận địa vị Câu Tiễn là có khả năng thống lĩnh các nước chư hầu và công nhận Câu Tiễn trở thành bá chủ.

Năm 469 TCN, các thợ thủ công ở nước Vệ lại chịu không nổi sự áp bức kìm kẹp, nên đã nổi dậy khởi nghĩa lần thứ hai, đánh bại Vệ Chu Triết, khiến Vệ Chu Triết phải sống lưu vong ở bên ngoài, cuối cùng chết ở nước Việt. Hai lần nước Vệ xảy ra bạo động, khiến cho hai vị quốc quân: một người bị giết, một người chạy trốn, dù cho thảm họa thống trị của chủ nô lệ săp bị sụp đổ. Sau khi Cơ Nhân chết lập miếu đặt hiệu là Nguyên Vương.

CHINH ĐỊNH VƯƠNG (CƠ GIỚI)

(ĐÔNG CHU)

Chinh Định Vương, tên của ông ta là Cơ Giới (? TCN - 441 TCN), là con của Nguyên Vương. Kế vị sau khi Nguyên Vương chết. Trị vì 28 năm, ôm chết, mai táng ở ngoại ô Bát Minh.

*

Vào năm 453 TCN, thời gian Cơ Giới trị vì, 3 đại phu nước Tần là Triệu Tương Tử, Hán Khang Tử, Ngụy Hoàn Tử lần lượt thôn tính loại bỏ các quý tộc khác và cùng nhau loại bỏ nhà quý tộc cuối cùng là Tri Bá, trên thực tế hình thành 3 quốc gia (Triệu, Hán, Ngụy), thực ra quốc quân nước Tần là U Công muôn phân chia ra như vậy để bắt 3 nước Triệu, Hán, Ngụy phải nộp công phẩm. Điều đó nói rõ: ở nước Tần thêm lực mới đã chiên thăng thêm lực cũ.

Mùa xuân năm 441 TCN, Cơ Giới ôm chết. Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Chinh Định Vương.

AI VƯƠNG (CƠ KHÚ TẬT)

(ĐÔNG CHU)

Ai Vương, tên ông ta là: Cơ Khú Tật (? TCN - 441 TCN) là con cả của Chinh Định Vương. Kế vị sau khi Chinh Định Vương chết. Trị vì

được 3 tháng, bị em trai là Cơ Thúc giết chết. Mai táng ở ngoại ô Bát Minh.

*

Sau khi Cơ Khứ Tật chết, lâ'y thụy hiệu là Ai Vương.

TU VƯƠNG (CƠ THÚC)

(ĐÔNG CHU)

Tư Vương, tên của ông ta là Cơ Thúc (? TCN - 441 TCN) là con của Chinh Định Vương, em của Ai Vương. Ông ta giết anh để đoạt ngôi. Trị vì được 5 tháng. Tháng 8/441 lại bị em trai là Cơ Nguy giết. Mai táng ở ngoại ô Bát Minh.

*

Sau khi Cơ Thúc chết lâ'y thụy hiệu là Tư Vương.

KHẢO VƯƠNG (CƠ NGUY)

(ĐÔNG CHU)

Khảo Vương, tên ông ta là Cơ Nguy (? TCN - 420 TCN). Con của Chinh Định Vương, giết anh để đoạt ngôi. Trị vì 15 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở ngoại ô Bát Minh.

*

Thời gian Cơ Nguy trị vì, phong cho em trai là Cơ Kiết đất ở Vương Thành. Làm chức vụ của Chu Công, trong lịch sử gọi Vương Thành là Chu Hoàn Công. Mọi người gọi nước này là "Tây Chu".

Chu Hoàn Công chết, truyền ngôi cho con là Uy Công. Uy Công chết truyền ngôi cho Cơ Huệ. Cơ Huệ là con trưởng của Uy Công trong lịch sử gọi Cơ Huệ là Tây Chu Công. Huệ Công chia đất cho em trai là Tử Ban ở vùng Cửng (nay thuộc phía Tây Nam huyện Cửng tỉnh Hà Nam), trong sử sách gọi Tử Ban là "Đông Chu". Như vậy trong

lãnh địa của vương thất nhà Chu lại thiết lập hai nước nhỏ là "Đông Chu" "Tây Chu"

Sau khi Cơ Nguy chết lập miếu đặt hiệu là Khảo Vương.

UY LIỆT VƯƠNG (CƠ NGƯU)

Uy Liệt Vương, tên ông ta là Cơ Ngưu (? TCN - 402 TCN), là con của Khảo Vương. Kế vị sau khi cha chết. Trị vì 24 năm, ốm chết. Mai táng ở thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

Năm 403, Cơ Ngưu đã sắc phong chư hấu cho 3 nước: Ngụy, Triệu, Yên.

Quốc quân của nước Ngụy là Ngụy Văn Chu Tư. Ông sai nhà chính Quý Tư tìm biện pháp sửa đổi nến chính trị, công cuộc cải cách đó làm cho nước Ngụy phục hó́i nhanh chóng và ngày một đi lên, trở thành một trong những nước mạnh thời Chiến Quốc.

Quốc quân nước Triệu là Liệt Chu cũng trọng dụng những người hiến tài, chỉnh đố́n nến chính trị, đế cao bộ máy thống trị, tiết kiệm tài chính... khiến nước Triệu cũng dấn dấn đi lên.

Năm 402TCN, Cơ Ngưu bị ốm chết. Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Uy Liệt Vương.

AN VƯƠNG (CƠ KIÊU)

An Vương: tên của ông ta là: Cơ Kiêu (? TCN - 376 TCN), là con của Uy Liệt Vương, kế vị sau khi cha chết. Trị vì 26 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở ngoại ô Bất Minh.

*

Trong thời gian Cơ Kiêu trị vì, năm 391 TCN thà́t tướng nước Tế là Điếm Hòa đã ép buộc quốc quân nước Tế là Khang Công tới Hải Thượng, chỉ giữ lại một phấn đất trong thành để làm kho lương thực cho Khang Công. Trên thực tế Điến Hòa trở thành quốc quân nước Tế. Năm 386 TCN, Cơ Kiêu phong cho Điến Hòa làm chư

hỗn nước Tề. Điều đó chứng tỏ thế lực phong kiến mới của nước Tề đã thay thế thế lực cũ.

Cùng lúc đó, quốc quân nước Sở là Điệu Vương. Vào năm 382, Điệu Vương đã trọng dụng Ngô Khởi (nước Vệ) là 1 nhà quân sự, chính trị có tài năng xuất chúng, theo kế sách của Ngô Khởi đưa ra, Điệu Vương đã cho chỉnh đốn nền chính trị, tăng cường chế độ tập quyền trung ương, cải thiện tài chính, tăng cường lực lượng quân sự. Những chuyện này đã đánh đổ thế lực cũ khiến tộc phát triển kinh tế của nước Sở ngày một đi lên, hơn nữa đã bắt tay hòa bình với nước Việt ở phía Nam, diệt hai nước Trà-n, Thái ở phía Bắc, đánh bại nước Ngụy. Nhưng năm thứ hai sau khi Sở Điệu Vương chết, bọn quý tộc cũ coi sự cải cách này là kẻ thù nên đã nổi lên làm loạn, và đã bắt chết Ngô Khởi, phế bỏ nền chính trị mới làm cho sự phát triển xã hội bị cản trở thậm chí ba nước Sở không đủ tư cách để thống nhất 6 nước, cuối cùng cũng bị nước Tâ-n diệt vong.

Năm 376 TCN, 3 nước là Hán, Triệu, Ngụy cùng nhau ép buộc quốc quân nước Tâ-n là Câu Tửu xuống làm thú dân, chỉ cho Câu Tửu một miếng đất nhỏ và tên tuổi của Câu Tửu bị lãng quên trong lòng nhân dân nước Tâ-n.

Cũng năm đó, Cơ Kiêu bị ôm chết.

Sau khi Cơ Kiêu chết, lập miếu lậy hiệu là An Vương.

LIỆT VƯƠNG (CƠ HỈ)

(ĐÔNG CHU)

Liệt Vương, tên của ông ta là Cơ Hỉ (? TCN - 369 TCN) là con của An Vương, kế vị sau khi cha chết. Trị vì 7 năm, bị ôm chết. An táng ở ngoại ô Bát Minh.

Thời gian Cơ Hỉ trị vì cũng là thời gian cuối cùng của Tâ-n Hiến Công trong công việc trị nước. Tâ-n Hiến Công trong thời gian trị vì đã phế bỏ chế độ tuẫn táng (chôn nô lệ, thiêp, của cải theo người chết), dời đô thành từ đât Ung chuyển về Lạc Dương (nay là thành phố Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây), và tiếp thu những ảnh

hướng văn hóa tiên tiến, bồi bổ những ảnh hưởng của thế lực quý tộc cũ, chỉnh đốn nội bộ, tăng cường quyết lực của vương thất. Ông ta còn chỉnh lý hộ tịch, chỉnh đốn quân đội, chú ý phát triển kinh tế. Năm 371 TCN, Tần Hiến Công mang quân đi đánh 6 tòa thành của nước Hàn, đây cũng là điểm mở đầu cho việc phát triển theo hướng Đông của nhà Tần.

Năm 369 TCN, Cơ Hỉ bị ôm chết. Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Liệt Vương.

HIẾN VƯƠNG (CƠ BIỂN)

Hiển Vương, tên của ông ta là: Cơ Hiển (? TCN - 321 TCN), là con của An Vương, em của Liệt Vương. Kế vị sau khi Liệt Vương chết. Trị vì 8 năm. Bị bệnh chết. Mai táng ở ngoại ô Bát Minh.

*

Cơ Biển trong thời gian trị vì, sự thay đổi pháp chế của các nước chư hầu đã phát triển đến đỉnh cao. Năm 356 TCN, Tề Chu Đienne Nhân đã trọng dụng những người có tài, ví dụ như Trâu Ki, Đienne Ki. Tề Chu thực hiện công cuộc cải cách quôc gia. Để mở rộng việc dân phê bình đóng góp ý kiến, Tề Chu đã ra lệnh cho dù là đại thần hay dân đen đều được chỉ ra lỗi lầm, những việc làm không đúng của Tề Chu, nếu nói đúng sẽ được trọng thưởng. Mệnh lệnh vừa ban ra, chỉ trong vài tháng đã có rất nhiều người đến đóng góp ý kiến khiên Tề Chu thu thập được nhiều ý kiến của bà con trăm họ. Để chỉnh đốn nền chính trị, Tề Chu nhiều lần hỏi các hạ thần: Các quan lại địa phương ai là người tốt, ai là người xấu? Không ít người nói đại phu ở huyện Hà (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Dương Dung tỉnh Sơn Đông) là vị quan tốt nhất, và quan ở huyện Hắc (nay thuộc phía Đông Nam huyện Bình Độ tỉnh Sơn Đông) là người hư hỏng nhất. Tề Chu sai người điều tra thực tế, hóa ra tình hình lại ngược lại: ruộng đất ở huyện Hà rất hoang vu, nhân dân ăn đói mặc rét, phần nợ mà không dám kêu than; ngược lại ở huyện Hắc tình hình trị an ổn định, lợn, trâu, dê, ngựa, gà, chó đầy chuồng, nhân dân an cư lạc nghiệp. Hóa ra, viên quan ở huyện Hà ức hiếp người dưới xiêm nịnh người trên, đưa hối lộ để các đại thần nói tốt

về minh lật đen thành tráng. Còn viên quan ở huyện Hắc công chính liêm minh không đưa hối lộ thường phi báng các quan lại. Tề Chu đã trách mắng nặng nề viên quan ở huyện Hà, khép ông ta và những người nhận hối lộ của ông ta và tội chém, tặng thưởng cho viên quan ở huyện Hắc, đưa cho ông ta bỗng lộc của một vạn hộ dân. Cách làm của Tề Chu rất được lòng dân khiến mọi người đều trung thành với nhiệm vụ, không dám làm điều xấu. Tề Chu còn tuyển chọn những người tài giỏi, săp xếp làm các nhiệm vụ quan trọng. Không lâu sau, nước Tề trở thành một quốc gia hùng mạnh có nền kinh tế, chính trị ổn định.

Trong thời gian Cơ Biển trị vì, nước Tề và nước Ngụy có hai chiến dịch nổi tiếng.

+ Chiến dịch 1 gọi là: "Chiến dịch Quế Lăng" xảy ra vào năm 353 TCN. Quân Ngụy dưới sự lãnh đạo của chủ tướng Bàng Quyên đã bao vây đô thành Hàm Đan của nước Triệu (nay là thành phố Hàm Đan tỉnh Hà Bắc). Nước Triệu phải cầu cứu nhờ nước Tề giúp đỡ. Tề Chu sai Diền Kị làm chủ tướng và nhà quân sự kiệt xuất là Tôn Tẫn làm quân sư, dẫn đại quân đi giúp nước Triệu. Quân Tề dưới những mưu sách kế hoạch của Tôn Tẫn bao vây cửa khẩu Tang Dương (nay thuộc huyện Hoài Bình tỉnh Hà Nam), một cửa khẩu quan trọng của đô thành Đại Lương của nước Ngụy (nay là thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam), quân Ngụy biết tin vội vàng lui binh quay về giải cứu, quân Tề mai phục ở Quế Lăng (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Hà Tranh tỉnh Sơn Đông) đánh quân Ngụy tan tác. Chiến thuật này, người đời sau gọi là: "vây Ngụy cứu Triệu".

+ Chiến dịch 2 gọi là: "Chiến dịch Mã Lăng" phát sinh vào năm 341 TCN. Chủ tướng Bàng Quyên dẫn quân đánh chiếm nước Hàn, nước Hàn đành nhờ nước Tề giúp đỡ. Vua Tề sai Diền Kị, Diền Nhi làm tướng, sai Tôn Tẫn làm quân sư, mang quân đi giải vây cho nước Hàn, lâ'y đô thành Đại Lương của nước Ngụy. Vua Ngụy sai thái tử Thân làm chủ tướng. Bàng Quyên làm phó tướng, thô'ng lĩnh đại quân công phá quân Tề. Tôn Tẫn để làm mê hoặc gây mồi nghi ngờ cho quân địch nên ra lệnh cho binh lính:

- Ngày đầu tiên đốt 10 vạn bê'p lửa.

- Ngày thứ hai đốt 5 vạn bê p lửa.

- Ngày thứ ba đốt 2 vạn bê p lửa.

Phương pháp mỗi ngày một giảm bớt bê p lửa để giả vờ quân Tề đã chạy trốn hết, phải cho quân Ngụy dẫn quân truy kích. Sau đó quân Tề mai phục ở Mã Lăng (nay thuộc phía Đông Nam huyện Đại Danh Hà Bắc) đánh bại quân Ngụy, giết Bàng Quyên bắt giữ thái tử Thân. Chiến thuật gây mồi nghi ngờ cho quân địch được người sau gọi là "tăng quân nhưng giảm bê p".

Năm thứ ba sau chiến dịch Quế Lăng nước Tề xung vương, trong sử sách gọi là "Tề Uy Vương". Trước đó nước Ngụy đã xung vương, tiếp đó các nước Tần, Hàn, Triệu, Yên cũng lần lượt xung vương, để tỏ ra mình cao hơn các chư hầu khác, cơ bản bọn họ coi thiên tử Chu không ra gì.

Sở dĩ nước Tề ngày một hưng thịnh là do trọng dụng nhân tài. Có một lần, Ngụy Huệ Vương khoe khang với Tề Uy Vương nói mình có một viên ngọc Minh Châu quý báu có thể chiếu sáng khắp nơi và Ngụy Huệ Vương hỏi Tề Uy Vương có quắc bảo gì. Tề Uy Vương chỉ tay vào một loạt văn tháp n võ tướng nói: "Đây chính là quắc bảo của nước tôi". Điều đó làm cho Ngụy Huệ Vương bẽ mặt không dám nói gì.

Lúc này ở nước Tần do Tần Hiếu Công chấp chính. Vào năm 359 TCN, Tần Hiếu Công sai ông Thương Ương (người nước Vệ) sửa đổi pháp chế. Trước khi sửa đổi pháp chế, Thương Ương muôn dân dân tin tưởng vào nhà nước, tuân thủ pháp chế mới nên Thương Ương ra lệnh cho binh lính dựng một cây gỗ ở cửa Nam của đô thành Ung (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) và treo giải 10 lạng vàng cho ai có thể chuyển cây gỗ về cửa phía Bắc. Dân chúng ai cũng nghĩ đây là một chuyện dễ làm, ai cũng đền thử nhưng đền không chuyển được. Thương Ương lại tăng phần thưởng lên 50 lạng vàng, có một người đem cây gỗ đó chuyển được đền cửa phía Bắc. Thương Ương liền sai phát thưởng cho người đó. Từ đó dân chúng rất tin tưởng vào bộ máy quan lại chính quyến. Tiếp đó, Thương Ương hai lần tuyên bố bỏ pháp chế mới, công bố phá bỏ chế độ cũ, phê bỏ ruộng đất

của chủ nô lệ, thừa nhận ruộng đất tư hữu, cho phép mua bán, coi trọng nông nghiệp, đồng thời cũng cổ vũ thương nghiệp, khuyến khích trồng trọt dệt lụa; thiết lập chế độ chính trị tập quyền trung ương và sự thống trị của giai cấp địa chủ. Những biện pháp này thực hiện được vài năm thì có hiệu quả đáng mừng, dân chúng tự cấp tự túc, xã hội ổn định, nếu như có sự tranh chấp cũng không dám gây ẩu đả mà phải nhờ tới chính quyền phân xử, nếu có chiến tranh đều dũng cảm ra trận, tranh nhau lập công.

Trong thời gian sửa đổi pháp chế, bọn quý tộc cũ nhanh chóng phản đối. Thái tử Đô i Đô u vi phạm pháp luật, để duy trì bảo vệ pháp chế mới, ThươngƯơng đã cất mũi thay giáo của thái tử vì tội dạy dỗ học trò không nên người, con cháu của quan lại hư hỏng thì lây mực đen thích chữ lên mặt, bảo đảm sự nghiêm minh của nền pháp chế mới. Vé sau Tần Hiếu Công chế t thái tử lên kế vị gọi là Tần Huệ Vương. Lúc này thế lực của bọn quý tộc cũ lại dội lên đầu tranh và bọn họ giết chết ThươngƯơng. Nhưng, nền pháp chế mới của ThươngƯơng đưa ra đã bám rẽ không thể sửa đổi, kinh tế của nước Tần ngày một đi lên, từ một quốc gia nghèo nàn lạc hậu trở thành một nước mạnh nhất trong 7 nước (về sau này diệt vong 6 nước kia thông nhất Trung Quốc).

Nước Hàn là một quốc gia yếu kém. Hàn Chiêu Chu thay các nước khác sửa đổi nền pháp chế để hưng thịnh, nền kinh tế một hùng mạnh nên cũng học hỏi theo họ. Vào năm 351 TCN, đã cử Thân Bát Hại (người nước Trịnh) làm tể tướng, thực hiện cải cách và dần dần nền kinh tế nước Hàn cũng giàu mạnh không kém gì các nước khác.

7 nước thời Chiêu Quoc đe u tiê n hành sửa đổi pháp chế, mở ra cuộc chiến tranh thôn tính mãnh liệt.

Năm 321 TCN, Cơ Biển bị ôm chết. Sau khi ông ta chết lập miếu lâ y hiệu là Hiển Vương.

THẬN KÍNH VƯƠNG (CƠ ĐỊNH)
(ĐÔNG CHU)

Thận Kính Vương, tên ông ta là: Cơ Định (? TCN - 315 TCN), con của Hiển Vương, kế vị sau khi Hiển Vương ché t. Trị vì được 6 năm, bị bệnh ché t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong thời gian Cơ Định trị vì, 7 nước đê u tự bảo tō n, đứng vững bă ng chính sức lực của mình, mỗi nước đê u tự tìm kiê m liên minh. Có lúc vài quô c gia nhỏ yê u liên kêt với nhau đánh một nước mạnh được gọi là: "Hợp tung", có lục một hoặc 2 nước mạnh liên kêt với nhau (thường là nước Tâ n và nước Tê) đánh một nước nhỏ yê u, được gọi là "Liên hành". Có một sô nhà diễn thuyê t nghiên cứu tình hình của thiên hạ đã đi tới các quô c gia, khuyên các quô c quân nên tiê n hành "hợp tung", hoặc "liên hành", trong lịch sử gọi họ là "nhà tung hành". Để loại bỏ sự đe dọa của nước Tâ n (lúc đó được coi là mạnh nhâ t) đô i với các nước khác nên vào năm 318 TCN, tướng công nước Ngụy là Tôn Diễn khởi xướng chiê n dịch: 5 nước hợp sức với nhau cùng đánh nước Tâ n, 5 nước đó là Ngụy, Triệu, Hàn, Sở, Yên và bâ u vua nước Sở làm chủ soái. Cũng vào năm đó, liên quân 5 nước tâ n công cửa ải Hàm Cô c (nay thuộc huyện Linh Bảo tỉnh Hà Nam), xuâ t quân chặn đánh, liên quân bị đánh tan tác. Năm thứ hai, quân Tâ n và liên quân 3 nước (Hàn, Triệu, Ngụy) lại đánh nhau ở Tu Ngư (nay thuộc phía Tây huyện Nguyên Dương tỉnh Hà Nam), quân Tâ n giê t được 80000 người, giành được chiê n thắ ng, đánh bại được sự liên hợp của liên quân năm nước.

Năm 316 TCN, quân Tâ n diệt vong được hai nước nhỏ là: nước Ba và nước Thục (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên), đón tiê p một sô lớn dân di cư và chiê m lĩnh hắn hai nước Ba và Thục, giành được ưu thế chiê n lược thuận lợi cho việc đánh chiê m nước Sở vê sau này, lãnh thổ nước Tâ n chạy từ phía Đông sông Trường Giang xuô ng hạ lưu sông Trường Giang.

Năm 315 TCN, Cơ Định bị ô m ché t, sau khi ông ta ché t lập miê u đặt hiệu là Thận Kính Vương.

NOÃN VƯƠNG (CƠ DIÊN)

(ĐÔNG CHU)

Noãn Vương: tên của ông ta là: Cơ Diên (? TCN - 256 TCN), con của Thận Kính Vương, kế vị sau khi Thận Kính Vương chết. Trị vì 59 năm, bị bệnh chết, mai táng ở bờ phía bắc sông Khai Khiên (nay thuộc tỉnh Hà Nam).

*

Thời gian Cơ Diên trị vì, nước Tần chuẩn bị mở các cuộc chinh phạt lớn, ở phía Nam tần công nước Sở, ở phía Đông tần công 3 nước (Hàn, Triệu, Ngụy), mở rộng khu vực Trung Nguyên.

Năm 306 TCN sau khi nước Sở diệt vong nước Việt, nước Sở hùng như đã chiếm giữ toàn bộ miền Nam Trung Quốc, trở thành một nước lớn nhất trong 7 nước về mặt địa lý, dân số và binh lực, có điều kiện thuận lợi tiêu diệt 6 nước kia thô ng nhất Trung Quốc. Tuy vậy do thất bại trong thay đổi pháp chế của Ngô Khởi, thế lực của bọn quý tộc cũ rất mạnh nên đã kìm hãm sự phát triển của nước Sở và bị trở thành đối tượng tiêu diệt của nước Tần. Để đối phó với nước Tần nên hai nước Sở và Tề liên kết với nhau. Để phá vỡ thế lực liên minh hai nước Sở - Tề, có cơ hội thanh toán từng nước một nên vào năm 313 TCN vua Tần đã sai nhà diễn thuyết Trương Nghị đi đền nước Sở và thương lượng với Sở Hoài Vương, nếu như Sở Hoài Vương phá vỡ mối quan hệ tương giao với nước Tề thì vua Tần sẽ cho nước Sở 600 dặm đất ở vùng Thương (nay thuộc Triết Xuyên tỉnh Hồ Nam). Sở Hoài Vương không nghe lời can gián của một số quan lại tướng sĩ như: Khuất Nguyên, Trần Đông, Chiêu Hoài... mà lại nghe lời phỉ nh(rep)nh của một số người như: Tử Lan, Trịnh Do... đồng ý với điều kiện của Trương Nghị đưa ra, sai sứ giả đi cùng với Trương Nghị quay về nước Tần nhận đất. Trương Nghị khi quay về nước Tần trả vì bị thương ở chân đóng cửa không tiếp khách. 3 tháng sau Trương Nghị biết tin Sở và Tề đã cắt đứt mối thâm giao mới tiếp sứ giả nước Sở và nói với sứ giả: "Đất đai của nước Tần không thể tùy tiện tặng cho người khác, lời hứa của tôi lần trước là sẽ đem 6 dặm đất trong đất đai của tôi tặng cho các anh". Sở Hoài Vương nghe được tin này, giận dữ vô cùng không cần nghe lời khuyên của Trần Đông với vã mang quân đánh Tần, vào năm

312 TCN đã đánh nhau với quân Tâ`n ở vùng đâ`t Đan Dương (nay thuộc phía bă`c Đan Giang tỉnh Hà Nam) "Quân Sở thua trận, chủ tướng Khuâ`t Cái và phó tướng cùng với hơn 70 người bị bă`t giữ, 80000 binh lính bị tử trận, quân Hán Trung bị nước Tâ`n chiê`m lĩnh. Sở Hoài Vương cay cú vô cùng dô`c toàn bộ lực lượng đi đánh Tâ`n, quân Tâ`n và quân Sở đánh nhau trên đâ`t Lam Điê`n (nay thuộc huyện Lam Điê`n tỉnh Thiểm Tây), quân Sở lại thua trận. Nhân cơ hội này nước Hán và nước Ngụy cũng xuất binh đánh nước Sở. Nước Sở bị tâ`n công dô`n ép từ hai phía, đành xin câ`u hòa với nước Tâ`n. Một thời gian sau, nước Tâ`n lại chuẩn bị binh lực tâ`n công 3 nước Hán, Triệu, Ngụy. Nước Sở tạm thời dẹp bỏ mô`i đe dọa từ nước Tâ`n, nhưng mâu thuẫn xã hội xảy ra gay gă`t, vào năm 301 TCN nước Sở nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân, làm cho giai câ`p thô`ng trị bị đánh đổ trâ`m trọng.

Vào năm 299 TCN, Tâ`n Vương lâ`y mô`i kê`t thân làm danh lợi, gặp Sở Hoài Vương ở Vũ Quan (nay thuộc huyện Thương Nam tỉnh Thiểm Tây). Một lâ`n nữa Sở Hoài Vương không nghe lời can trở của Khuâ`t Nguyên mà nghe lời xu nịnh của Tử Lan đã quyê`t định đi gặp vua Tâ`n, quả nhiên bị quân Tâ`n bă`t giữ giải về`đô thành Hàm Dương. Hai năm sau, ông ta chạy trô`n nhưng không thoát, do vậy buô`n râ`u mà chê`t ở nước Tâ`n. Trước khi ông ta chê`t quân Tâ`n đánh Sở, giê`t được 50000 lính Sở, cướp được 15 tòa thành.

Sau năm 280 TCN quân Tâ`n tập trung binh lực đánh chiê`m đâ`t Sở và năm 278 TCN vua Tâ`n sai tướng Bạch Khởi dẫn quân đánh vào đô thành Sính của nước Sở. Nước Sở không chô`ng đỡ được, cuô`i cùng bị diệt vong. Sau khi đô thành Sính bị chiê`m giữ, nhà thơ nhà chính trị yêu nước vĩ`đại là Khuâ`t Nguyên không chịu được khi nhìn cảnh tổ quô`c bị diệt vong nên nhảy xuô`ng sông Mịch La (nay thuộc phía bă`c huyện Tương Ân tỉnh Hồ` Nam) tự vẫn.

Cùng lúc tâ`n công nước Sở, nước Tâ`n còn tâ`n công 3 nước (Ngụy, Hán, Triệu). Vào năm 314 TCN, Tâ`n nhân cơ hội đánh nước Yên đã đánh luôn Ngụy, Hán, Triệu cướp được khá nhiê`u đâ`t đai. Vào năm 308 TCN, từ cửa ải Hàm Cô`c quân Tâ`n đánh vào vùng Nghị Dương của nước Hán tạo thành một địa thê` đẹp thuận lợi cho việc đánh các nước khác vê` sau này. Qua vài tháng chiê`n đâ`u ác

liệt, năm thứ hai quân Tâ`n mới chiế`m giữ được vùng Nghị Dương mở ra con đường lớn thông với trung nguyên. Vào năm 293 TCN, hai nước: Hàn, Ngụy liên kế`t với nhau đánh Tâ`n, hai bên đánh nhau ở Y Khuyê`t (nay là phía Nam thành phô` Lạc Dương tỉnh Hà Nam), quân Tâ`n dưới sự chỉ huy của tướng Bạch Khởi đã chiế`n thắ`ng quân địch diệt được 240000 quân, quân sô` của 2 nước Hàn, Ngụy bị tổn thâ`t nặng nê`. Sau đó, Tâ`n tiê`p tục đánh Hàn, Triệu, Ngụy cho đê`n năm 286 TCN, nước Tâ`n đã chiế`m được 1/2 đâ`t đai của Hàn, Triệu, Ngụy.

Nước Tâ`n ngày càng lớn mạnh làm cho Tâ`n Chiêu Vương không còn hài lòng với danh hiệu xưng "vương" mà muô`n xưng làm "đê'" để tỏ rõ sự tôn nghiêm, chuẩn bị thay thế` nhà Chu. Vào tháng 10/ năm 288 TCN Tâ`n Chiêu Vương đã hẹn gặp Tê` Mẫn Vương để cùng nhau đổi hiệu thành "đê'", Tâ`n là "Tây Đê'" còn Tê` là "Đông Đê'". Tháng 12, nhà diễn thuyê`t Tô đã phân tích: "Tê` Mẫn Vương lâ`y hiệu là "đê'", Tâ`n Chiêu Vương cũng lâ`y hiệu là "đê'". Hai nước mạnh cùng làm đê', họ lộ rõ ý đồ` sê` thôn tính 5 nước, chia đôi thiên hạ". Điều này khiê`n 5 nước vô cùng lo lă`ng, gây ra hai sự kiện lớn: 5 nước sê` cùng đánh Tâ`n với 6 nước sê` cùng đánh Tê`. Năm nước cùng tâ`n công Tâ`n là: Hàn, Triệu, Ngụy, Tê`, Yên, nhưng mỗi nước lại có mục đích khác nhau, khó thô`ng nhâ`t làm một, cuô`i cùng chưa đánh đâ`tan. Vào năm 284 TCN. Năm 284 TCN, vua Tâ`n tổ chức hội họp liên kế`t 6 nước (Yên, Tâ`n, Sở, Triệu, Ngụy, Hàn) cùng đánh Tê`, 6 nước đó quân Yên đã đánh bại quân Tê` đánh chiế`m được đô` thành Lâm Tri của nước Tê`, nước Tê` chỉ còn lại đúng hai tòa thành ở đâ`t: Cử và Hă`c, vua Tê` phải chạy đê`n đâ`t Cử. Năm năm sau, quân Tê` dưới sự chỉ huy của tướng Điê`n Đan bánh bại quân Yên, thu lại những vùng đâ`t bị mâ`t. Trải qua trận chiế`n này binh lực của nước Tê` bị suy yê`u, vê` sau không còn là đô`i thủ của nước Tâ`n.

Nước Sở và nước Tâ`n ngày một suy yê`u, ngược lại nước Triệu ngày một mạnh lên. Vào năm 307 TCN quô`c quân nước Triệu là Vũ Linh Vương cảnh báo với các nước: Yên, Đông Hô`, Lâm Hô`, Hàn... nê`u như binh lực không mạnh, tâ`t sê` diệt vong, nên ông ta quyê`t định phát triển binh lực, đura nước Triệu đi lên. Đô`i thủ chính của Triệu là nhă`m vào hình thê` của dân du mục Tây Hô`. Vũ Linh

Vương quyết định gây dựng một đội kị binh hùng mạnh. Lúc đó người Triệu hay mặc áo dài, ông tay rộng lưng hẹp, cổ hẹp, ăn mặc như vậy không phù hợp với việc cưỡi ngựa đánh trận. Vua Triệu cho sửa đổi phục trang để làm gương cho binh lính, ông ta mặc áo triều bào cũng mặc áo ngắn tay hẹp. Rất nhiều quý tộc lại cho rằng như thế là quay lưng vào lễ giáo, đại nghịch vô đạo. Triệu Vũ Linh Vương đã thuyết phục được Công tử Thành (là một người rất có ảnh hưởng trong giới quý tộc) mặc theo kiểu mới, sau đó hạ lệnh một cách nghiêm túc: tất cả thành dân đều phải mặc theo kiểu mới: áo ngắn, tay hẹp, cuối cùng ông cũng xây dựng được một đội kị binh cưỡi ngựa bắn tên rất hùng mạnh. Điều đó nói rõ các dân tộc của Trung Quốc học nhau cách bắn dài lẫy ngắn, phong tục tập quán cũng dần dần được tiếp cận và thay đổi. Nước Triệu ý vào quân kị binh nên liên tiếp xuất binh đánh trận đến năm 296, nước Triệu diệt vong nước Trung Sơn (nay là phía Bắc tỉnh Hà Bắc). Lãnh thổ được mở rộng, quân đội hùng mạnh, kinh tế đô i dào và nước Triệu trở thành một đô i thủ hùng mạnh của nước Tâ n.

Năm 262 TCN, nước Tâ n đánh nước Hàn, nước Hàn muộn giữ quận Thượng Đảng nên đầu hàng Triệu dâng cho Triệu 17 tòa thành. Hai năm sau, quân Tâ n mới lẫy được quận Thượng Đảng, sau đó tiến đánh Trường Bình (nay là huyện Cao Bình tỉnh Sơn Tây), tướng quân nước Triệu là Liêm Pha cô thủ không ra đánh chặn quân Tâ n. Quân Tâ n thây không đánh được Trường Bình bèn tung tin nhảm nhí nói xâ u Liêm Pha muộn đầu hàng Tâ n. Vua Triệu hốt hoảng tin vào lời đồn đòn nên sai Triệu Quát một người không có kinh nghiệm chiến trận lại kiêu căng, làm thô ng lĩnh thay thế Liêm Pha. Triệu Quát không theo chiến thuật của Liêm Pha cứ nhất định mang quân ra đánh với Tâ n. Quân Tâ n dưới sự chỉ huy của Bạch Khởi đã nhử Triệu Quát vào trận địa của họ, bao vây quân Triệu. Quân Triệu bị bao vây hơn 40 ngày, lương thảo cạn kiệt, Triệu Quát dẫn một đội quân tinh nhuệ đột phá vòng vây và bị bắn chết, quân Triệu hơn 400000 người phải đầu hàng Tâ n. Bạch Khởi lo sẽ xảy ra bạo động nên chỉ phỏng thích cho 240 đứa trẻ, còn lại đều giết hết. Chiến dịch này trong lịch sử gọi là "Trận chiến ở Trường Bình". Điều đó làm cho nước Triệu bị tổn thất nặng nề về quân số, khó lòng vực lại được. Triệu Quát không có tài cán đã gây ra sự diệt vong cho quân

đội và tổn hại đến bản thân mình và đây cũng là nguốn gốc câu thành ngữ "Bàn việc dụng binh trên già́y" tức là bàn luận vô căn cứ.

Thời gian Cơ Diên trị vì, vương thất nhà Chu cũng suy yếu, địa bàn thống trị của Chu chỉ có 30, 40 tòa thành, hơn 30000 dân. Đã thế lại còn chia ra "Đông Chu" do Đông Chu Công quản và "Tây Chu" do Tây Chu Công quản. Cơ Diên cư trú ở "Tây Chu" gọi là (Vương Thành). Lúc này nước Tấn đã chiế́m khá nhiếu đất đai của 3 nước: Hàn, Ngụy, Triệu và còn muốn thu phục triếu Chu. Cơ Diên sống trong lo âu sợ có ngày bị nước Tấn bắt giữ. Lúc này, nước Sở muốn ngăn chặn sự phát triển thế lực của nước Tấn nên đã sai sứ giả đến mòi Cơ Diên làm thiên tử (chỉ trên danh nghĩa mà thôi), hạ lệnh cho các nước hợp súc cùng đánh Tấn. Cơ Diên nhận được tin này vui mừng khôn xiết ra lệnh cho Tây Chu Công thành lập một đội quân gồ́m có 5000 người, nhưng quân đội lại thiếu vũ khí, lương thảo. Cơ Diên đành phải kêu gọi những gia đình giàu có cho mượn tạm tiến bạc, lương thực hứa hẹn sẽ trả lại sau khi đánh thắ́ng nước Tấn.

Năm 256 TCN, sau khi chuẩn bị đấy đủ Cơ Diên hạ lệnh cho Tây Chu Công làm đại tướng, dẫn quân đi đánh nước Tấn và hép gấp sú giả 6 nước ở Y Khuyết, cùng nhau tiến đánh Tấn. Không ngờ, chỉ có binh lính của hai nước Sở, Yên đến chố hẹn, còn lại 4 nước kia đếu không đến, tổng số́ binh lính hội họp ở Y Khuyết chỉ có vài vạn người kém xa quân số́ của quân Tấn và càng không phải là đối thủ của Tấn. Họ chờ mãi, chờ đến 3 tháng cũng không thấy binh mã của 4 nước đến do vậy khí thế của quân lính giảm sút, Tây Chu đành phải dẫn quân quay về`.

Các hộ giàu có thấy "Tây Chu" trở về` đếu liên tiếp đến đòi nợ Cơ Diên. Họ tập trung từ sáng đến tối, một mực đòi nợ. Cơ Diên hối hận thì đã muộn không có cách gì trả nợ đành phải trốn ở trên một cái đài cao ở sau cung điện. Người ở triếu Chu gọi cái đài này là "đài trốn nợ".

Sau đó, quân Tấn tấn công vùng Dương Thành (nay thuộc phía Nam huyện Đăk Phong tỉnh Hà Nam và vùng Phụ Thủ (nay thuộc phía Tây Nam huyện Đăk Phong tỉnh Hà Nam), tiếp đó tiến đánh

Vương Thành (triều Đông Chu) Cơ Diên hoảng hốt định chạy đê n nước Hàn hoặc nước Ngụy. Tây Chu Công khuyên giải nói "Tân đã thôn tính 6 nước, sức mạnh của Tân mạnh như vũ bão, nước Hàn, nước Ngụy cũng khó lòng tránh được, nếu như đại vương chạy đê n đó chẳng may bị bắt làm tù binh thì tình hình còn xấu hơn nhiều, chỉ bằng đà u hàng luôn kết quả sẽ khả quan hơn". Cơ Diên đành phải theo lời khuyên của "Tây Chu" và dẫn đầu các hạ thần, tông thất tết đê n cùng tế tổ tiên, xin lỗi vì không giữ được cờ nghiệp. Ba ngày sau đê n đà u hàng quân Tân. Tân Chiêu Tương Vương cho Cơ Diên làm Chu Công, ra lệnh cho Cơ Diên cư trú ở Lương Thành (nay là phía Nam huyện Hán Thành tỉnh Thiểm Tây), vua Tân còn lâ ý di "Cửu Đỉnh" bảo vật quý tượng trưng cho quyền lực quốc gia. Từ đó, Đông Chu tuyên bố bị diệt vong.

Cơ Diên lúc đó đã già, phải đi đà t Chu sang đà t Tân rồi sang đà t Lương, cuối cùng không chịu được vất vả nên đê n thành Lương không được 1 tháng thì ôm chết.

Sau khi ông ta chết lâ ý thụy hiệu là Noãn Vương.

NHỮNG QUỐC QUÂN QUAN TRỌNG TRONG 7 NƯỚC Ở THỜI CHIẾN QUỐC

(Năm 175 TCN - năm 256 TCN)

1. Ngụy Văn Chu

Tên của ông ta là Ngụy Tư (? TCN - 396 TCN). Là người sáng lập ra nước Ngụy. Trị vì được 50 năm, trong thời gian Ngụy Tư trị vì thường thu nạp nhân tài, ví dụ: ông đã cử Quý Lý làm tể tướng, Ngô Khởi làm tướng. Ông còn thực hiện cải cách, khuyễn khích, cày ruộng chú ý làm thủy lợi - Ở phía Tây chiêm được vùng đà t Hà Tây (của nước Tân) (vùng đà t nằm giữa sông Lạc Thủy và Hoàng Hà), ở phía Bắc diệt vong nước Trung Sơn (nay là 1 dải ở huyện Định Tỉnh Hà Bắc), đưa nước Ngụy trở thành một quốc gia hùng mạnh vào những năm đà u thời Chiến Quốc.

Năm 396 TCN, Ngụy Tư bị ôm chết, mai táng ở đâu không rõ.

Ngụy Tư trong sử gọi là Ngụy Văn Chư.

2. Ngụy Huệ Vương

Còn gọi là Lương Huệ Vương. Tên của ông ta là Ngụy Bảo (? TCN - 319 TCN). Cháu của Ngụy Văn Chư. Năm 370 Ngụy Vũ Chư bị bệnh chè t, ông ta lên kế vị. Trị vì được 51 năm. Trong những năm Ngụy Bảo trị vì, nước Ngụy rât hưng thịnh, ông ta dời đô từ An Ấp (phía Bắc huyện Hạ tỉnh Sơn Tây) đê n Đại Lương, từ đó trong lịch sử còn gọi nước Ngụy là nước Lương. Năm 344, Ngụy Bảo triệu tập đại hội chư h`u ở Phùng Trạch (nay là phía Đông Nam thành phô Khai Phong tỉnh Hà Nam), ông ta tự mình xưng vương. Sau khi ông ta xưng vương, các nước chư h`u đua nhau xưng vương. Trong trận chiê n ở Quê Lăng vào năm 353 TCN và trận chiê n ở Mã Lăng vào năm 341 TCN, nước Ngụy bị thua trận nặng nề, tổn thâ t nghiêm trọng, từ đó thê lực ngày càng suy y u.

Năm 319 TCN, Ngụy Ngọc bị ô m chè t, thọ 82 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

3. Tê Uy Vương

Tên của ông ta là Điê n Nhân Tê (còn có một tên khác là: Anh Tê) (? TCN - 320 TCN) Con của Tê Hoàn Công Điê n Hòa. Năm 357 TCN Tê Hoàn Công Điê n Hòa chè t, ông ta lên kế vị. Trị vì được 27 năm. Trong những năm Điê n Nhân Tê trị vì, ông ta đã chọn Trâu Kí làm tể tướng, chọn Điê n Kí làm tướng quân, Tôn Tẫn làm quân sư cải cách nê n chính trị, đâ t nước ngày một hưng thịnh. Trong trận chiê n ở Quê Lăng và ở Mã Lăng đã đánh bại quân Ngụy, và còn đánh bại nước Triệu, thu giữ được nhiê u đâ t đai.

Năm 334 TCN, hẹn gặp Ngụy Huệ Vương ở Từ Châu cùng nhau xưng vương. Từ đó, nước Tê trở thành một nước mạnh ở trung kỳ thời Chiê n Quô c.

4. Tê Tuyên Vương

Tên của ông ta là Điê n Bích Cương (? TCN - 301 TCN).

Ông là con của Tê` Uy Vương. Vào năm o TCN Tê` Uy Vương ché` t, ông ta lên kê` vị. Ông ta trị vì được 19 năm. Trong thời gian Đê`n Bích Cương trị vì, đã trọng dụng nhà nho học là Mạnh Tử làm khanh tướng. Năm 314 TCN, nhân cơ hội nội bộ nước Yên lục đục, Đê`n Bích Cương đã sai tướng quân Khuông Chương diệt vong nước Yên. Nhưng do quân Tê` lung lạc lại gặp sự phản kháng mạnh mẽ của nhân dân nước Yên nên vào năm 312 bị nước Yên đánh phải chạy về nước, nước Yên lại giành được độc lập.

Năm 301 TCN, Đê`n Bích Cương bị ô` m ché` t, mai táng ở đâu không rõ.

5. Tê` Mẫn Vương

Tên của ông ta là: Đê`n Địa (? TCN - 284 TCN), con của Tê` Hoàn Vương, kê` vị sau khi Tê` Hoàn Vương ché` t. Ông ta trị vì được 17 năm. Trong những năm Đê`n Địa trị vì, ông liên kê`t với nước Hán và nước Ngụy đánh nước Sở và nước Tâ`n, ông còn cùng với Tâ`n Chiêu Vương xung đê`. Ông tiêu diệt nước Tô`ng. Năm 284 TCN, vì nước Yên muô`n báo thù nên liên kê`t các nước: Tâ`n, Triệu, Ngụy, Hàn, Sở... đánh nước Tê`. Quân Yên thê` mạnh như thác đổ đã giành được hơn 70 tòa thành của nước Tê`, nước Tê` chỉ còn thừa lại hai tòa thành: Doanh và Hă`c. Đê`n Địa phải chạy đê`n thành Doanh. Tể tướng nước Tê` là Náo Xi (người nước Sở) nhân cơ hội này muô`n cùng nước Yên chia đôi giang sơn nước Tê` nên đã bă`t giữ Đê`n Địa, sau đó lột da rút gân Đê`n Địa.Đê`n Địa ché`t mai táng ở đâu không rõ.

Trong sử sách gọi Đê`n Địa là Tê` Mẫn Vương.

6. Yên Vương

Tên của ông ta là: Cơ Hội (? TCN - 312 TCN) Con của Yên Dịch Vương, năm 312 TCN Yên Dịch Vương ché`t, Cơ Hội lên kê` vị. Cơ Hội trị vì được 3 năm. Sau khi Cơ Hội lên ngôi, ông cho cải cách nê`n chính trị, vào năm 318 TCN nhường ngôi cho tể tướng Tử Chi, còn mình làm đại thâ`n. Năm 314 TCN, thái tử Hòa và tướng quân Thị dẫn quân làm loạn để phản đô`i việc Tử Chi lên ngôi, nhưng quân

lính của thái tử bị thất bại nặng nề́, tình hình nước Yên ngày một rối. Nhận cơ hội này, nước Tế mang quân đến đánh nước Yên chiếm giữ được vùng Đại Phiến sau đó tiến vào đô thành nước Yên bắt giു́ rối giു́t chết Cơ Hội và Tử Chi. Cơ Hội chết mai táng ở đâu không rõ.

7. Yên Chiêu Vương

Tên của ông ta là Cơ Chúc (? TCN - 279 TCN) Con thứ hai của Cơ Hội. Cơ Chúc sống lưu vong ở bên ngoài, năm 312 TCN được tướng quân Lạc Chì (người nước Triệu) hộ tống quay về nước Yên, được Lạc Chì giúp lên ngôi. Cơ Chúc trị vì được 33 năm. Trong những năm Cơ Chúc trị vì, ông cho cải cách chính trị, thu nạp nhân tài, tích lũy lương thực chuẩn bị lực lượng để tìm cách báo thù nước Tế. Năm 284 TCN, Cơ Chúc sai tướng quân Lạc Nghị thống lĩnh quân Yên chuẩn bị đi đánh Tế, Cơ Chúc còn liên kêt lực lượng quân đội với các nước. Tấn, Sở, Hàn, Triệu, Ngụy cùng nhau tấn công Tế. Trong sử sách gọi là: "6 nước cùng đánh Tế". Quân Yên chiếm giữ được hơn 70 tòa thành của nước Tế. Nước Yên lúc này phát triển đến giai đoạn cực thịnh.

Năm 279 TCN, Cơ Chúc bị ốm chết, mai táng ở đâu không rõ.

8. Triệu Liệt Chu

Tên của ông ta là: Triệu Tịch (? TCN - 387 TCN) Con của Triệu Hiến Chu. Vào năm 409 TCN Triệu Hiến Chu bị bệnh chết, Triệu Tịch lên kế́ vị. Năm 403 được thiêん Tử Chu phong làm chư hấu. Triệu Tịch trở thành người sáng lập ra nước Triệu. Triệu Tịch trị vì được 22 năm. Ông chọn Công Trọng Liên làm tể tướng, trọng dụng các nhân tài, ông còn thực hiện cải cách chính trị, chỉnh đốn nội bộ, sửa đổi cơ cấ́u thống trị, trong kinh tế cũng rât tiết kiệm, đưa nước Triệu ngày một hưng thịnh.

Năm 387 TCN, Triệu Tịch bị ốm chết, mai táng ở đâu không rõ.

9. Triệu Vũ Linh Vương

Tên của ông ta là Triệu Ung (? TCN - 311 TCN), là con trai của Triệu Túc Chu. Vào năm 326 TCN, Triệu Túc Chu bị bệnh ché́t, ông ta lên kế́ vị. Ông ta trị vì được 27 năm. Trong những năm trị vì Triệu Ung cho cải cách quân sự, thay đổi phục trang, huấn luyện binh lính cách cưỡi ngựa bắn tên, thiết lập được một đội kị binh hùng mạnh dũng cảm, diệt vong nước Trung Sơn, đánh hạ nến chính quyền của dân tộc thiểu số́ ở phương Bắc... Triệu Ung đưa nước Triệu trở thành một quốc gia hùng mạnh.

Vốn dĩ, Triệu Ung định lập con trưởng là Triệu Chương làm thái tử, nhưng vế sau ông ta sủng ái mĩ nữ Mân Diêu, và Mân Diêu sinh được người con tên là Triệu Hà. Nên vào năm 299 TCN, Triệu Ung tự xưng là "Vương phụ" (bố của vua). Sau khi Mân Diêu ché́t, Triệu Ung đã chia đôi nước Triệu, chia cho Triệu Chương và Triệu Hà do vậy đã gây ra cuộc tranh chấp nội bộ. Vào năm 295 TCN, chú của Triệu Ung giam giữ Triệu Ung ở SaKhâu (nay thuộc phía Nam huyện Cự Lộc tỉnh Hà Bắc), không cho Triệu Ung lương thực, Triệu Ung đành phải bắt chim hạc nuôi ở trong cung làm thức ăn sống qua ngày. Cuộc sống cứ kéo dài như vậy được hơn 3 tháng thì cạn kiệt lương thực, cuối cùng ông ta bị ché́t đói. Mai táng ở đâu không rõ.

10. Hán Chiêu Chu

Tên của ông ta là Bất Tường (? TCN - 333 TCN) Con của Hàn Trang Chu. Vào năm 359 Hàn Trang Chu bị ốm ché́t, Bất Tường lên kế́ vị. Bất Tường trị vì được 26 năm.

Trong những năm Bất Tường trị vì, tận mắt nhìn thấy các nước chư hấu đếu thực hiện cải cách. Bất Tường cho rắng nếu không cải cách thì đất nước sẽ bị diệt vong, vì vậy vào năm 354 TCN, Bất Tường đã cho cải cách nến kinh tế́, chính trị, xã hội, đế cao pháp luật, chú trọng nông nghiệp. Qua một thời gian cải cách, cuối cùng Bất Tường cũng đưa nước Hán đi lên đủ sức sánh vai với các nước chư hấu khác.

Năm 333 TCN, Hán Chiêu Chu bị bệnh ché́t, mai táng ở đâu không rõ.

11. Sở Đế Vua Vương

Tên ông ta là Hùng Nghi (? TCN - 381 TCN), là con trai của Sở Thanh Vương. Vào năm 402 TCN ở nước Sở xảy ra bạo động, Sở Thanh Vương bị giết chết, Hùng Nghi lên kế vị. Hùng Nghi trị vì được 21 năm. Trong thời gian Hùng Nghi lên trị vì: ông bị sức ép từ bên ngoài và bên trong, bên ngoài thì bị Hàn, Triệu, Ngụy chèn ép, bên trong thì các quý tộc làm loạn, tài chính cạn kiệt, quân đội suy yếu. Hùng Nghi quyết định cải cách, ông trọng dụng nhà quân sự, nhà chính trị nổi tiếng là Ngô Khởi. Ông chỉnh đốn pháp luật, cải thiện tài chính tăng cường lực lượng quân đội, thực hiện chế độ tập quyền trung ương, áp đặt pháp luật mới cho bọn quý tộc cũ. Sau một thời gian cải cách nền kinh tế của nước Triệu đã ổn định, 3 nước Hàn, Ngụy, Triệu cũng không dám tấn công nước Triệu. Nước Sở chuyên đi tấn công các nước khác, ở phía Tây chinh phạt nước Tần, phía Nam đánh chiếm nước Việt, phía Bắc thôn tính nước Trà Vinh, nước Thái và dần trở thành một nước hùng mạnh ở miền Nam.

Năm 381 TCN, nước Sở đang trên đà phát triển thì đột nhiên Hùng Nghi bị bệnh chết, mai táng ở đâu không rõ.

Sau cái chết của Hùng Nghi, bọn quý tộc cũ nổi dậy làm loạn, giết Ngô Khởi, phế bỏ chính quyền mới. Do vậy cuộc cải cách của nước Sở bị thất bại làm cho nước Sở ngày một đi xuống.

12. Sở Hoài Vương:

Tên của ông ta là Hùng Hòe (? TCN - 296 TCN) Con của Sở Uy Vương. Vào năm 329 TCN Sở Uy Vương bị ôm chết, Hùng Hòe lên kế vị. Hùng Hòe trị vì được 30 năm. Trong thời gian Hùng Hòe trị vì đã diệt vong nước Việt, lãnh thổ được mở rộng, nhưng ông ta lại hô口号 phinh nịnh nghe lời của gian thần báu bỏ chủ trương cải cách của Khuất Nguyên. Do vậy nền kinh tế, chính trị tổn hại nghiêm trọng. Bị nước Tần và nước Tề đánh bại. Năm 299 TCN bị vua Tần giam giữ, ông ta tìm cách chạy trốn nhưng không thành công. Do vậy sinh ra ưu tư phiền muộn và chết vào năm 296 TCN. Mai táng ở đâu không rõ.

Hùng Hoè trong sử gọi là Sở Hoài Vương.

13. Tâ`n Hiê`u Công

Tên của ông ta là Doanh Cù Lương (381 TCN - 338 TCN) là con của Tâ`n Hiê`n Công. Vào năm 362 TCN, Tâ`n Hiê`n Công ô`m chê`t, Doanh Cù Lương lên kế` vị. Doanh Cù Lương trị vì 24 năm. Trong những năm trị vì, ông ta quyê`t định làm cho dân giàu nước mạnh. Do đó, vào năm 359 TCN ông bãi bỏ chê`độ canh điê`n, cho phép dân chúng tự do buôn bán, khuyê`n khích cày ruộng dệt vải, xây dựng huyên lị, dời đô về` Hàm Dương. Sau khi thay đổi nê`n pháp chê`phê`bỏ chê`độ cũ, kinh tế` phong kiê`n ngày một phát triển, nước Tâ`n dâ`n dâ`n trở thành một quô`c gia mạnh nhâ`t trong 7 nước thời Chiê`n Quô`c, để làm cơ sở vê` sau này diệt vong 6 nước kia thô`ng nhâ`t thiên hạ`.

Năm 338 TCN, ông ta bị ô`m chê`t, thọ 44 tuổi, mai táng ở đâu không rõ.

14. Tâ`n Chiêu Vương

Tên của ông ta là Doanh Tă`c (324 TCN - 251 TCN) con của Tâ`n Vũ Vương. Doanh Tă`c bị bă`t làm con tin ở nước Yên, năm 307 Tâ`n Vũ Vương chê`t, ông ta lên kế` vị, ông ta trị vì 56 năm. Thời gian đâ`u Doanh Tă`c lên ngôi do thái hậu châ`p chính, bà ta râ`t trọng dụng Sơ Lý Tật (một người trong tâ`ng lớp quý tộc cũ) với ý đồ`phê`bỏ luật pháp mới, khôi phục chê`độ cũ. Năm 266 TCN, Doanh Tă`c chính thức lên nă`m chính quyê`n, ông cho Phạm Duy làm tể tướng, sử dụng chiê`n lược "kê`t giao với các chư hâ`u ở phương xa còn tâ`n công các nước chư hâ`u ở gâ`n", chiê`n lược này do tể tướng Phạm Duy vạch ra. Trong những năm trị vì lâ`y được đâ`t đai của nước Ngụy và liên kế`t với các nước đánh Tâ`, chiê`m được đô thành của nước Sở, và đánh bại quân Triệu trong trận chiê`n ở Trường Bình. Tâ`t cả những điê`u đó sẽ là điê`u kiện tố`t để thô`ng nhâ`t Trung Quô`c.

Năm 251 TCN, Doanh Tă`c ô`m chê`t, thọ 74 tuổi, mai táng ở Sài Dương (nay thuộc phía Đông huyện Trường An tỉnh Thiểm Tây)

Trong sử sách gọi Doanh Tắc là Tấn Chiêu Vương hay còn gọi là Tấn Chiêu Tương Vương.

NHÀ TÂN

(Năm 221 TCN - năm 206 TCN, tổng cộng 15 năm)

Nhà Tân là triều đại quan trọng trong lịch sử Trung Quốc, kế thừa được cục diện phân chia lãnh thổ, trở thành quốc gia phong kiến tập quyền trung ương, quốc gia phong kiến đa dân tộc, quốc gia phong kiến thống nhất... trong lịch sử Trung Quốc.

Triều Tân có 3 hoàng đế; trong đó có một người bị chết vì bệnh tật, một người bị giết trong đấu tranh nội bộ, một người bị giết khi mất nước.

Ngoài ra còn có phụ chú thêm về Tân Tương Vương, ông ta bị chết vì bệnh tật.

TRANG TƯƠNG VƯƠNG (DI NHÂN)

(Triều Tân)

Tân Trang Tương Vương: tên của ông ta là Dị Nhân (? TCN - 247 TCN), con của Tân Hiếu Văn Vương, lên kế vị sau khi cha chết. Tân Trang Tương Vương trị vì được 3 năm, bị ôm chết mai táng ở đất Thái.

*

Vào những năm trẻ tuổi, Doanh Dị Nhân bị bắt làm con tin, buộc phải sống ở đô thành Hàm Đan của nước Triệu, bởi nhanh lẹ lấn nước Tân tân công nước Triệu do vậy hoàn cảnh của ông ta rất khổ và khó khăn. Lúc này có một thương nhân người nước Vệ tên là Lã Bát Vi không hiểu rõ hoàn cảnh của Dị Nhân nên cho rằng: "Dị Nhân chỉ là một thứ hàng hóa lạ chỉ để ngắm nhìn mà thôi", Lã Bát Vi còn thử đánh một canh bạc chính trị nên tìm cách kết bạn với Dị Nhân, cuối cùng họ trở thành một đôi bạn thân thiết. Lã Bát Vi dùng vàng bạc mua chuộc vợ của Tân Hiếu Văn Vương, bà ta tên là Hoa Dương (một người được Tân Hiếu Văn Vương cực kỳ sủng ái), bà ta

nói ngon nói ngọt đế Tâ`n Hiê`u Văn Vương lập Dị Nhân làm thê` tử. Do canh bạc này điểm xuâ`t phát từ nước Sở và nhận được tin vui lại từ Hoa Dương nên Lã Bâ`t Vi đã khuyên Dị Nhân đổi tên là Tử Sở. Năm 250 TCN, Tâ`n Hiê`u Văn Vương sau khi lên tri` vì được 3 ngày đột nhiên trúng độc và chê` t, Dị Nhân lên kế` vị.

Sau khi Dị Nhân lên tri` vì, tôn Hoa Dương làm thái hậu, cho Lã Bâ`t Vi làm tể tướng. Dị Nhân còn cho Lã Bâ`t Vi được hưởng tô thuê` của 100000 hộ gia đình, và nă`m giữ quyê`n lực trong triê`u đình.

Lúc này, "Tây Chu" là một nước thuộc vương triê`u Đông Chu bị quân Tâ`n diệt vong vào năm 256 TCN. Noãn Vương bị bệnh chê` t Tây Chu Công dời đê`n Đám Hô` (nay thuộc phia Tây Bă`c huyện Lâm Nhữ tỉnh Hà Nam) như vậy "Đông Chu" - vẫn còn tò`n tại. Vào năm 249 TCN "Đông Chu" liên kê`t với các chư hâ`u vạch kê` hoạch đánh Tâ`n. Dị Nhân biê`t tin liê`n sai Lã Bâ`t Vi thô`ng lĩnh 100000 quân, tiêu diệt 7 â`p của "Đông Chu" và bă`t Đông Chu Công dời đê`n Dương Nhân (nay thuộc phia Tây huyện Lâm Nhữ tỉnh Hà Nam). Người cuô`i cùng trong vương triê`u Đông Chu cũng bị phê` bỏ. Sau đó quân Tâ`n lại liên tiê`p đánh Hàn, Ngụy, Triệu và thu được khá nhiê`u đâ`t đai.

Tháng 5 năm 247 TCN Dị Nhân ô`m chê`t. Sau khi ông ta chê`t lập miê`u đặt hiệu là Trang Tương Vương.

THỦY HOÀNG ĐÊ` (DOANH CHÍNH) (HOÀNG ĐÊ` THỦY HOÀNG) (TRIỀ`U TÂ`N)

Thủy Hoàng Đê` : tên của ông ta là Doanh Chính (259 TCN - 210 TCN), con của Tâ`n Trang Tương Vương. Kê` vị khi Tâ`n Trang Tương Vương chê`t. Sau khi diệt vong 6 nước thô`ng nhâ`t Trung Quô`c. Doanh Chính đã xưng là Hoàng đê`. Doanh Chính ở ngôi 25 nhưng tri` vì 12 năm bị ô`m chê`t, thọ 49 tuổi. Mai táng ở Lê Â`p. (nay thuộc phia Đông Bă`c huyện Lâm Đô`ng tỉnh Thiểm Tây).

Doanh Chính sinh tại nước Triệu nên còn gọi là Triệu Chính. Lúc Doanh Chính kế vị ngôi báu chỉ có 13 tuổi, do vậy mọi quyết hành đê u năm trong tay thừa tướng Lã Bát Vi và Lao Ái (một người được thái hậu rát yêu quý). Năm 238 TCN nước Tần mở cuộc tấn công mới, Lao Ái lợi dụng lúc Doanh Chính dẫn quân đi chinh chiến, Lao Ái giữ kinh thành định làm phản. Nhưng Doanh Chính kịp thời đập tan cuộc phản loạn đó và mưu sát Lao Ái và thái hậu. Năm sau Doanh Chính lại giết Lã Bát Vi, đoạt lại vương quyền.

Tiếp đó, Doanh Chính áp dụng sách lược của Quý Tư là dùng vàng bạc mua chuộc các đại thần của 6 nước, đồng thời còn li gián quan hệ giữa quân thần (vua và quan lại), kết giao với các nước ở xa và tấn công những nước ở gần. Trong khoảng 10 năm tức từ năm 230 TCN đến cuối năm 221 TCN. Doanh Chính diệt vong 6 nước (Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề) thống nhất Trung Quốc, ông ta sai đặt đô ở Hàm Dương (nay thuộc thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây); sáng lập ra quốc gia phong kiến tập quyền trung ương thống nhất đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Tần Doanh Chính thống nhất Trung Quốc kết thúc được cục diện các chư hầu tranh chấp nhau và chiến tranh hỗn loạn, đặc biệt rát có lợi cho sự ổn định trong đời sống sinh hoạt của nhân dân và sự phát triển trong sản xuất của xã hội. Do vậy nó rất phù hợp với tâm nguyện chung của nhân dân các dân tộc thời đó.

Sau khi Doanh Chính thống nhất Trung Quốc, ông ta quy định Hoàng đế là người có quyền lực cao nhất trong giai cấp thống trị, vì vậy mới gọi ông ta là "thủy hoàng đế" (hoàng đế Thủy Hoàng) làm như vậy ông ta mong sự thống trị của vương triều Tần sẽ kéo dài mãi đến muôn đời. Tần cả bộ máy chính quyền đều do Hoàng đế phân bổ, bộ máy trung ương thực hiện chế độ: "3 công thัnn 9 khanh tướng" để giúp đỡ hoàng đế xử lý các việc trong quân sự; tiến hành phân chia quận huyện, cả nước chia ra 36 quận, dưới các quận lại có các huyện, người đứng đầu các quận huyện do hoàng đế trực tiếp bổ nhiệm; thống nhất đơn vị đo lường, tiền tệ và văn tự, sửa đường xá để tạo ra một liên hệ giao thông thuận lợi giữa các địa phương. Tần Thủy Hoàng sử dụng một số biện pháp này nhằm củng cố sự thống nhất của quốc gia phong kiến, tăng cường sự thống trị đô i với nhân dân.

Năm 214 TCN, Doanh Chính lại sai quân đi đến phía Nam dẹp Bách Việt, xây dựng thêm 4 quận: Mãn Trung, Nam Hải, Quế Lâm, Tượng Quận. Cùng năm đó lại sai đại tướng Mông Điego đánh quân hung nô ở phía Bắc, thu phục được địa khu thuộc Hà Thao (Nội Mông Cổ), bắt ép dân xây dựng thành trì; khiến cho cương vực của Triệu Tấn được mở ra rộng rãi; phía Đông đến biển lớn, phía Tây kéo đến Lũng Tây, phía Bắc kéo dài đến Trường Thành, phía Nam kéo dài đến Tượng Quận, trở thành một quốc gia phong kiến đa dân tộc đấu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Vì vậy, Doanh Chính được tôn là một nhà chính trị có vai trò nhất định trong lịch sử đối với sự phát triển của Trung Quốc về sau này.

Nhưng, thời kỳ Doanh Chính thống trị chế độ lao dịch rất nặng nế, hình phạt nghiêm khắc. Nhân dân ngoài việc đóng 2/3 số́ tô thuế thu hoạch còn phải chịu trách nhiệm đi lính và làm lao dịch. Ông ta bắt hơn 700000 người đi xây dựng cung A Phòng (ở phía Nam sông Vị Thủy) và lăng Li Sơn; ông ta còn bắt ép dân chúng xây dựng Trường Thành ở phía Bắc 3 nước Tấn, Triệu, Yên, phía Đông phía Tây đếu chạy dài, xây dựng con đường tường thành: phía chạy đến Lâm Đào (nay thuộc tỉnh Cam Túc), phía Đông chạy đến Liêu Đông (nay thuộc phía Tây Bắc thành phố Liêu Dương tỉnh Liêu Ninh), đây chính là vạn lý Trường Thành vĩ đại. Nó là một công trình kiến trúc vĩ đại trong thời kỳ cổ đại của nhân dân Trung Quốc và cũng là sự kết tinh xương máu và trí tuệ của nhân dân lao động thời cổ đại. Thời đó, cả nước có hơn 150.0000 người bị bắt đi xây thành, nam giới không đủ còn bắt cả nữ giới đi chuyển lương thực. Rất nhiều người bị suy nhược, tổn hại sức khỏe mà chết. Về mặt pháp luật cũng rất tàn khốc. Để phòng trừ sự phản kháng của nhân dân, Thủy Hoàng ra lệnh cho nhân dân phải giao nộp binh khí và đem tiêu hủy số́ binh khí đó, còn quy định nếu một người phạm tội chết thì cả gia đình phải chết theo, kiểu hình phạt này gọi là "Tộc Chu"; một nhà pháp pháp thì những người cùng làng cũng bị chung tội, hình phạt này gọi là "liên tọa". Nhân dân bị chỉ trích và tố cáo phạm pháp, đếu bị trừng phạt làm lao dịch hoặc bị chặt chân, cắt mũi, hoặc bị giết, nói chung tất cả những người phạm tội bị giải đến công đường đếu phải chịu những hình phạt như vậy.

Để phục vụ cho những sở thích, ông tiêu phung phí tiền của, lãng phí vô cùng. Trong 12 năm trị vì Tần Doanh Chính đi tuân 5 lần, mỗi lần đi kéo theo một loạt quan lại và binh lính, dọc đường đi đều khắc công đức lên trên mặt đá để tỏ ra công tích của ông ta vô biên.

Doanh Chính thực hiện nghiêm chính sách bạo ngược, mâu thuẫn giai cấp bắt đầu nổ ra và xuất hiện các cuộc khởi nghĩa nông dân với quy mô nhỏ.

Năm 210 TCN, Doanh Chính thực hiện cuộc tuần tra cuối cùng, ông ta còn thừa tướng Quý Tư, đại quan quản lý các văn kiện tên là Triệu Cao và con trai Hỗ Hợi. Ông ta đi qua sông Tiền Đường, và đi thẳng đến Ngũ Trung thuộc quận Hội kê. Trên đường trở về cung điện ở Bình Nguyên thì ông ta bị ôm. Và đến Sa Khâu (nay thuộc huyện Quảng Tôn tỉnh Hà Bắc) bệnh của ông chuyển ra nguy kịch. Doanh Chính biết mình không sống được vội vàng hạ lệnh cho Quý Tư và Triệu Cao thảo chiêu thư chỉ định mang chiêu thư và quyết án giao cho con trưởng là Phù Tô, thúc giục Phù Tô quay về Hàm Dương để chủ trì tang lễ. Lúc Quý Tư thảo xong chiêu thư định đưa cho Doanh Chính xem lại thì Doanh Chính đã chết.

Phù Tô hay cản trở Doanh Chính làm những việc xấu, có lần bị Tần Thủy Hoàng đuổi ra khỏi kinh thành, sai làm nhiệm vụ giám sát quân lính trong đội quân của tướng Mông Điển ở quận Thượng. Mà Triệu Cao và Mông Điển lại có hiềm khích với nhau do vậy Triệu Cao lo lắng nêu Phù Tô lên ngôi thì Mông Điển được trọng dụng tất nhiên sẽ không có lợi cho địa vị của Triệu Cao. Vì thế Triệu Cao không phát chiêu thư mà cùng với Hỗ Hợi bàn mưu kế cướp đoạt ngôi vị. Triệu Cao còn đe dọa dụ dỗ thừa tướng Quý Tư, ép Quý Tư phải giữ kín chuyện tráo chiêu thư và vẽ cùng phe với bọn họ. Họ giả truyề́n chiêu thư chỉ trích Phù Tô ở bên ngoài không lập được công trạng gì, trái lại nếu hận phụ hoàng thì Phù Tô và Mông Điển nên tự vẫn. Mông Điển nghi ngờ chiêu thư giả nên không tự sát. Còn Phù Tô trung hậu thật thà tin rằng đó là di chiêu của cha nên tự vẫn.

Triệu Cao bí mật không phát tang, sai người đặt Doanh Chính trong xe ngựa, đóng cửa xe buông rèm để giả vờ các quan lại là Doanh

Chính vẫn còn số ng, hắng ngày đế u ở ngoài cửa xe tấ u trình, một mặt khác sai quân lính nhanh chóng hộ tó́ ng xe vế Hàm Dương. Do không khí nóng nực, thi thể của Doanh Chính bố c mùi. Triệu Cao liế n sai người mang một loạt cá muố i đế n, ra lệnh trên mỗi xe đặt một bao cá muố i, để làm lẩn với mùi thố i của cơ thể. Sau khi vế cung mới ra lệnh phát tang rố i lập Hố Hợi làm hoàng đế́.

Trong lịch sử thường gọi Tấn Thủy Hoàng là Thủy Hoàng Đế́ Doanh Chính.

NHỊ THẾ (HỐ HỢI)

(TẤN)

Tấn Nhị Thế tên của ông ta là: Hố Hợi (230 TCN - 207 TCN). Con thứ 26 của Tấn Thủy Hoàng. Sau khi Tấn Thủy Hoàng chế t, Nhị Thế cùng với Triệu Cao làm di chiế u giả để đoạt ngôi của anh trai. Nhị Thế trị vì được 3 năm thì bị Triệu Cao ép buộc phải tự vẫn chế t. Hướng dương 24 tuổi. Mai táng ở Nghi Xuân thuộc Đỗ Nam (nay là bờ phía nam đấm Khúc Giang thuộc phía Đông Nam thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây).

*

Mùa hè năm 210 TCN, Tấn Thủy Hoàng bị chế t trên đường đi tuấn tra, sau khi chuyển thi thể vế Hàm Dương, lúc đó thừa tướng Quý Tư và đại thấn Triệu Cao mới loan báo cái chế t của Thủy Hoàng. Họ còn làm giả di chiế u lập Hố Hợi làm thái tử và tháng 7 năm 210 TCN đưa Hố Hợi lên kế vị. Gọi Hố Hợi là "Hoàng đế Nhị Thế", trong sử sách gọi Hố Hợi là: "Tấn Nhị Thế".

Sau khi Hố Hợi lên ngôi, Triệu Cao xúi giục Hố Hợi giế t chế t: 22 anh chị em ruột, anh em nhà Mông Điến, Mông Nghị và rất nhiếu đại thấn. Năm thứ hai, lại tìm kế gán tội mưu phản cho thừa tướng Quý Tư và sai chu di tam tộc, Hố Hợi và Triệu Cao làm như vậy cố t để bịt đấu mối vế chuyện di chiế u giả.

Trong những năm Hố Hợi trị vì, ông ta toàn để cho Triệu Cao chuyên quyến lộng hành. Hố Hợi bắt ép 2000000 dân phu tiếp

tục xây dựng nốt cung A Phòng Lăng Li Sơn mà hối Tấn Thủy Hoàng còn sống vẫn chưa làm xong, ngoài ra còn bắt dân đi lính, cưỡng ép đóng thuế má, sử dụng các hình phạt hà khắc. Nếu so sánh mức độ ác độc trong nến thống trị thì Hố Hợi hơn cha rất nhiếu, việc đó gây ra mâu thuẫn giai cấ́p ngày càng tăng. Tháng 7 năm 209 TCN xảy ra cuộc khởi nghĩa nông dân của Trấn Thắng và Ngô Quang. Sau khi Trấn Thắng, Ngô Quang hi sinh, Hạng Vũ và Lưu Bang tiếp tục lãnh đạo nhân dân đứng lên chống Tấn.

Năm 207 TCN, trong trận chiến ở Cự Lộc (nay là huyện Cự Lộc tỉnh Hà Bắc) quân của Hạng Vũ đánh bại quân Tấn khiến quân Tấn phải đấu hàng, nhân dân thành Hàm Dương rất vui mừng. Lúc này mọi quyến hành đếu nắm trong tay Triệu Cao, do đó mọi tin tức đếu bị Triệu Cao giấu kín không cho Hố Hợi biết, Triệu Cao để Hố Hợi ở trong cung suốt ngày ăn chơi hưởng lạc.

Một hôm, Triệu Cao muốn thử xem trong quấn thấn ai phục ông ta và ai không phục ông ta, vì thế́ lúc lên triếu ông ta đã dắt một con hươu đến và nói: "Hạ thấn có một con ngựa muốn tặng bệ hạ". Hố Hợi nói: "Đây rõ ràng là một con hươu, tại sao khanh lại nói là ngựa. Có phải khanh muốn đùa với trẫm không?" Triệu Cao đổi nét mặt nhất định nói: "Thưa bệ hạ, đây là con ngựa. Xin mời mọi người chứng nhận cho". Rất nhiếu đại thấn sợ Triệu Cao nên đếu nói hùa theo đó là con ngựa, chỉ có vài đại thấn trung hậu không sợ ông ta thì nói đó là con hươu. Vài ngày sau, những đại thấn dám chỉ ra cái sai của ông ta bị giết hết. Đó chính là lịch sử câu chuyện "chỉ con hươu thành con ngựa". Từ đó không có ai dám nói sự thật cho Hố Hợi biết.

Không lâu sau, quân của Lưu Bang đánh phá vùng Vũ Quan (phía Đông Nam huyện Đan Phượng tỉnh Thiểm Tây) là một vùng đất gấn Hàm Dương. Hố Hợi biết tin nên hoang mang vô cùng, vội vàng sai người thúc giục Triệu Cao mang quân đi đánh trả. Triệu Cao thấy tình hình nguy cấ́p, khó lòng giành phấn thắng nên quyết định giết chết Hố Hợi (một tên hoàng đế ngu xuẩn, bất tài) để làm vật đàm phán với Lưu Bang.

Vào một đêm tháng 8, Triệu Cao phái em rể vào thành Hàm Dương đưa mật lệnh cho Diêm Lạc, bảo Diêm Lạc dẫn 1000 lính giả vờ trong hoàng cung có liên hoan, tìm cách đột nhập vào cung Vọng Di (nơi Hô Hợi ở). Em của Triệu Cao tên là Triệu Thắng làm nội ứng trong cung đã đưa Diêm Lạc vào trong điện. Diêm Lạc để gây thị uy đã bắn một mũi tên vào chỗ Hô Hợi ngồi. Hô Hợi thắt kinh vội vàng hô gọi thị vệ. Nhưng thị vệ thấy có biến loạn bỏ chạy tan tác hét. Hô Hợi đành phải chạy vào phòng ngủ. Hô Hợi quay đầu lại nhìn chỉ thấy có một thái giám chạy theo đằng sau, liền trách tinh hỏi anh ta "Tại sao ngươi không nói cho trẫm biết chuyện mưu phản". Viên thái giám trả lời: "Nếu hạ thần tâu với bệ hạ những chuyện đó thì bây giờ không ở cạnh bệ hạ mà đã bị giết từ lâu rồi".

Lúc này Diêm Lạc tiến vào phòng, quát mắng Hô Hợi: "Ngươi ngạo mạn vô đạo bất khống tránh khỏi tội chết, người trong thiên hạ đều phỉ nhổ ngươi, ngươi hãy nhanh chóng tự tìm cái chết đi". Hô Hợi hỏi: "Ai sai ngươi đến?" Diêm Lạc trả lời: "Thùa tướng" Hô Hợi yêu cầu gặp mặt Triệu Cao nhưng Diêm Lạc không đồng ý. Hô Hợi lại nói: "Xem ra, thừa tướng muốn ta thoái vị. Ta muôn thoái vị làm vương ở một quận, không cần làm hoàng đế". Diêm Lạc cũng không bัง lòng. Hô Hợi cầu khẩn nói: "Vậy thì, hãy cho ta quản lý 10000 dân". Diêm Lạc cũng không đồng ý. Lúc này Hô Hợi hoảng hốt thực sự, vừa khóc vừa van xin: "Mong thừa tướng hãy để cho ta một con đường sống, ta chỉ muôn cùng vợ con làm một người dân bình thường".

Diêm Lạc không còn nhẫn耐, trừng mắng quát "Tôi nhận lệnh của thừa tướng, để giết ông. Ông vang xin tôi cũng vô ích. Bởi tôi không dám trái lệnh thừa tướng". Nói xong hạ lệnh cho binh sĩ lâng kiêm đưa cho Hô Hợi. Hô Hợi đành dùng kiêm tự vẫn.

TỬ NHI

(TÂM)

Tử Nhi (? TCN - 206 TCN), ông ta là cháu của Tần Thủy Hoàng, cháu họ của Hô Hợi. Lên kế vị sau khi Hô Hợi tự vẫn. Trị vì được 46 ngày. Quân của Lưu Bang tần công đền Bá Thượng, Tử Nhi phải

đâ`u hàng. Vê` sau bị Hạng Vũ giê`t ở Hàm Dương, mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 207 TCN sau khi Triệu Cao ép Hô` Hợi tự sát, Triệu Cao muô`n tự mình xưng đê`, nhưng thâ`y mọi người không phục, đành phải lập Tử Nhi là con trai của Phù Tô (Phù Tô là con trai cả của Tâ`n Thủy Hoàng) làm vương, tước bô danh hiệu hoàng đê`. Đô`ng thời sai người đê`n doanh trại của Lưu Bang đàm phán, kê` sách của Triệu Cao là muô`n giê`t tôn thâ`t nhà Tâ`n.

Tử Nhi biê`t Triệu Cao muô`n loại bỏ tôn thâ`t nhà Tâ`n, vì vậy Tử Nhi quyê`t định giê`t Triệu Cao. Hôm đăng quang, tâ`t cả nghi lễ đê`u chuẩn bị xong xuôi đâ`y đủ, Tử Nhi lại chô`i từ bị mệt không đi được. Triệu Cao hoảng hô`t đích thân đê`n thúc giục. Nhân cơ hội đó, Tử Nhi sai bă`t giữ và giê`t chê`t Triệu Cao. Sau đó phái 50000 lính phòng thủ ở Diêu Quan (nay thuộc phía Bă`c Huyện Thương tỉnh Thiểm Tây), đê` phòng quân của Lưu Bang. Quân của Lưu Bang dùng kê` nghi binh nhử quân của Tử Nhi qua Diêu Quan, rô`i từ phía Đông Nam đột nhập vào, diệt hê`t quân phòng thủ, tiê`n vào Bá Thượng.

Tháng 10 năm 206 TCN Tử Nhi thâ`y tình hình khó cứu vãn liê`n dẫn quân thâ`n mang quô`c â`n, tới cửa thành Hàm Dương xin đâ`u hàng. Triê`u Tâ`n bị diệt vong, Lưu Bang sai người giam lỏng Tử Nhi trong thành Hàm Dương.

Tháng 12 năm 206 TCN Tử Nhi bị Hạng Vũ đem quân vào thành Hàm Dương giê`t chê`t.

TÂY HÁN

(202 TCN - 8 CN, tổng cộng 210 năm)

Nhà Hán có hai thời kỳ: Đông Hán và Tây Hán. Tây Hán hay còn gọi là triều Hán, tính từ năm 202 TCN Lưu Bang xưng làm hoàng đế cho đến năm 8 CN Vương Mãng xây dựng Tân Triều. Vì Đô thành Trường An (nay là thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây) nằm ở phía Tây của đô thành Lạc Dương thời Đông Hán nên mới gọi là Tây Hán.

Tây Hán là vương triều hùng mạnh trong thời kỳ đầu ở xã hội phong kiến Trung Quốc, thời Tây Hán đã thừa nhận và củng cố một quốc gia thống nhất nền kinh tế phồn vinh mà nền tảng của nó được bao phủ từ triều Tiên, vào thời Hán đã thống nước Trung Quốc cũng được gọi là một quốc gia hùng mạnh trên thế giới. Thời Hán có 14 đời hoàng đế (bao gồm cả Lữ Hậu và Xương Ấp Vương Lưu Hợp), trong đó có 10 người bị ôm chết, một người bị đầu độc chết, một người do mất nước bị phế bỏ và bị binh lính giết chết trong cuộc hôn chiến, một người bị tên bắn trúng sau đó vết thương tái phát mà chết, một người bị phế bỏ nhưng chết ra sao thì không tường tận lắm.

Ngoài ra còn có phụ chú thêm về Hoài Dương Vương Lưu Huyền, trong chiến trận bị thát bại đầu hàng rồi bị giết.

CAO TỐ (LUU BANG)

Cao Tổ: Tên của ông ta là Lưu Bang, tên tự là: Quý (256 TCN - 195 TCN) có một thuyết khác nói (247 TCN - 195 TCN). Là vị hoàng đế đầu tiên lập ra nhà Hán. Làm Hán Vương được 4 năm, trị vì được 8 năm, trong lúc đi dẹp phản loạn Anh Bô, đã bị trúng tên ở ngực, sau đó vết thương tái phát nên bị chết, hưởng thọ 53 tuổi. Mai táng ở Trường Lăng (nay cách 35 km về phía Đông thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

Lưu Bang là người ở huyện Bá (nay là huyện Bá tỉnh Giang Tô). Ông vốn là một viên quan nhỏ ở triều Tần. Có một lần, ông theo lệnh của hoàng đế dẫn một loạt dân phu đi xây lăng Li Sơn, trên đường đi dân phu chạy trốn khá nhiều. Ông biết rõ không có cách gì để giao nộp đủ số dân phu vì vậy ông cho thả hết dân phu, còn mình dẫn mười mấy người tự nguyện đi theo ông ta vào núi tập hợp được hơn 100 người và âm thầm liên kết với Tiêu Hà để dựng cờ khởi nghĩa.

Sau khởi nghĩa của Trần Thắng, Cơ Hà giết chết quan huyện sau đó đón Lưu Bang đến huyện Bá, tôn Lưu Bang làm thủ lĩnh, gọi là Bá Công. Không lâu sau đã dựa vào chú của Hạng Vũ là Công Lương. Sau khi Công Lương chết, Lưu Bang và Hạng Vũ cùng nhau lãnh đạo nghĩa quân chôn lại thế lực nhà Tần. Năm 206 TCN Lưu Bang thống lĩnh đại quân tấn công đô thành Hàm Dương và diệt vong nhà Tần.

Sau khi tiến vào thành Hàm Dương nhìn thấy vẻ đẹp hào hoa của cung A Phòng, Lưu Bang muôn sô ng ở cung đó.

Nhưng nhòe có Trương Thực nỗ lực cản ngăn nên Lưu Bang tinh ngộ dời bỏ thành Hàm Dương để tiến đánh thành Bá Thượng. Lưu Bang phê bỏ pháp luật hà khắc của Triệu Tần, đã cùng hội họp với các phụ lão về vấn đề pháp luật và đưa ra điều lệ: "giết người thì phải đền mạng, làm trọng thương Do cách xử lý của ông hợp tình hợp lý nên ráo được lòng dân.

Không lâu sau Hạng Vũ thống lĩnh 400000 quân tiến đến đóng quân ở Hỗng Môn (nay thuộc phía Đông huyện Lâm Đồng tỉnh Thiểm Tây). Hạng Vũ nghe lời quân sư Phạm Tàng, quyết định giết chết Lưu Bang. Chú của Hạng Vũ tên là Hạng Bá biết tin vội vàng đến nói cho Trương Thực biết. Sau khi Trương Thực và Lưu Bang bàn bạc, biết mình chỉ có 100000 người ngựa và chỉ cách chố của Hạng Vũ có 40 dặm nên như đánh nhau tất nhiên quân của Lưu Bang sẽ bị thua thiệt, cho nên cách tốt nhất là đền nhện tội với Hạng Vũ.

Ngày hôm sau Lưu Bang dẫn Trương Thực, Phàn Hội cùng với 100 tùy tùng đê`n Hô`ng Môn bái kiê`n Hạng Vũ. Thâ`y Lưu Bang dẫn tùy tùng đê`n Hạng Vũ cho mở tiệc chiêu đãi. Giữa buổi tiệc, Lưu Bang hạ thâ`p khẩu khí nói với Hạng Vũ là mình không có dã tâm tranh châ`p thiên hạ. Hạng Vũ thâ`y lời nói của Lưu Bang hợp tình hợp lý, và lại thái độ của Lưu Bang không có gì là muô`n tranh đoạt thiên hạ với mình nên đổi ý không còn muô`n giê`t Lưu Bang. Thâ`y ý của Hạng Vũ như vậy, Phạm Tăng mây lâ`n ra hiệu cho Hạng Vũ cản phải ra tay giê`t Lưu Bang nhưng Hạng Vũ tảng lờ như không trông thâ`y. Phạm Tăng vô cùng sô`t ruột đành sai Công Trang vào nhập tiệc, lâ`y vú điệu múa kiêm để chúc rượu rô`i đợi thời cơ thuận lợi sẽ giê`t Lưu Bang. Hạng Bá thâ`y Công Trang từ từ múa tiê`n gân Lưu Bang nên vội vàng đứng dậy múa đôi với Hạng Trang để tìm cách bảo vệ Lưu Bang. Thâ`y tình hình nguy hiểm, Trương Thực lâ`y cớ ra ngoài rô`i bảo Phàn Hội vào tham dự tiệc rượu để tìm cách yểm trợ cho Lưu Bang. Lưu Bang lâ`y cớ bị mệt xin phép Hạng Vũ ra ngoài, ông dẫn Phàn Hội dời doanh trại của Hạng Vũ đi tă`t qua con đường nhỏ quay về` trại của mình.

Trương Thực thâ`y Lưu Bang đi được khá xa liê`n mang lễ vật ra tặng Hạng Vũ và nói:

"Bá Công bị say rượu nên đã quay về` trại". Phạm Tăng giận tím mày tím mặt nhưng cũng không làm gì được đành phái bỏ tay. Như vậy quan hệ của Hạng Vũ và Lưu Bang tạm thời bình ổn. Đây chính là câu chuyện "tiệc rượu ở Bá Môn", một câu chuyện nổi tiê`ng trong lịch sử.

Tháng 12 năm đó, Hạng Vũ phong cho Lưu Bang làm Hán Vương và phân cho cai trị vùng Ba Thục và vùng Hán Trung. Không lâu sau, Lưu Bang dẫn quân tới Quan Trung đánh nhau với Hạng Vũ, "cuộc chiê`n tranh Sở - Hán" kéo dài tận 4 năm. Bản thân Lưu Bang không phải là tướng tài giỏi và lại cũng không có mưu lược cao siêu gì, nhưng ông ta lại chiêu hiê`n nạp sĩ trọng dụng nhân tài. Vì thê` nhờ những mưu sách kê` hoạch của Trương Thực, Phàn Hội và nhờ tài cám quân của Hàn Việt, Anh Bô` , Hàn tín,... cho nên vào năm 202 TCN đã đánh bại Hạng Vũ. Tháng 2 năm 202, tại thành Tự Thủy (nay thuộc huyện Vinh Dương tỉnh Hà Nam) nên ngôi hoàng đế` , sau đó

đặt đô ở Trường An, đặt hiệu của quốc gia là: Hán, trong sử sách gọi là: tiên hán, tây Hán.

Trong những năm Lưu Bang trị vì, ông cho sửa đổi lại pháp luật của nhà Tần đưa ra nền pháp luật của nhà Hán đặt ra pháp luật trong quân đội và phương thức đo lường. Phải đối mặt với cảnh quốc khốn khổ nghèo nàn nhân dân đói khổ nên ông cho phép dân chúng giảm nhẹ đóng góp, ổn định đời sống nhân dân, phát triển sản xuất, khôi phục nguyên khí, ông còn cho giải phóng nô lệ, cho binh sĩ được phục viên trở về quê nhà.

Năm 196 TCN, Lưu Bang trong lúc đi dẹp cuộc phản loạn của Anh Bô - đã bị trúng tên vào ngực nên bị thương. Tháng 3 năm sau, vết thương cũ tái phát, bệnh tình rất nghiêm trọng, biết mình không còn sống được bao lâu nên Lưu Bang cho triệu tập các quan thần, các chủ tướng để n cung điện, hạ lệnh cho tùy tùng giết một con ngựa trả ng, muốn các quan lại uống máu ăn thịt, tuyên thề răn: "từ nay về sau những ai không thuộc họ Lưu thì không được phong vương, những ai không có công thì không được làm chư hầu, nếu ai vi phạm lời thề này thì tất cả người trong thiên hạ sẽ phi nhổ loại bỏ người đó". Và ra lệnh cho Trần Bình phải lập tức đền đât Hình Dương để phụ trợ giúp đỡ Tang Nhi, để phòng các nước chư hầu lợi dụng việc tang gia đang bối rối để làm loạn. Sau đó triệu kiênn Lữ Hậu úy thác mọi chuyện về sau này. Lữ Hậu hỏi Lưu Bang: "Nếu như tướng quốc Tiêu Hà ché t thì ai có năng lực thay thế được ông ta". Lưu Bang đáp: "Hãy chọn Tào Tham". Lữ Hậu lại hỏi: "Nếu Tào Tham ché t thì chọn ai". Lưu Bang trả lời: "Nếu Tào Tham ché t hãy chọn Vương Lăng, nhưng phải để Trần Bình dùi đât Vương Lăng. Trần Bình là con người túc trí đa mưu, tuy nhiên nếu một mình Trần Bình thì không thể gánh vác được nhiệm vụ. Trần Bình trung hậu thật thà, văn hóa thấp, nhưng nếu sau này họ Lưu bình định được thiên hạ, bỏ ông ta đi cũng không được, nên để ông ta làm Thái Úy". Lữ Hậu hỏi đi hỏi lại mọi chuyện về sau, Lưu Bang lắc đầu nói: "Ta earsing có những chuyện về sau này, khanh không thể biết trước được".

Tháng 4 năm 195 TCN Lưu Bang từ giã cõi đời tại cung Trường Lạc thành Trường An.

Sau khi ông ta ché́t lập miếu đặt hiệu là Thái Tổ hay còn gọi là Cao Hoàng Đế́, còn trong lịch sử gọi ông ta là Hán Cao Tổ.

HUỆ ĐẾ (LUU DOANH)

Huệ Đế, tên của ông ta là Lưu Doanh (211 TCN - 188 TCN), là con trưởng của Cao Tổ. Nên kế́ vị sau khi Cao Tổ ché́t. Trị vì́ được 7 năm, bị bệnh ché́t, hưởng dương 24 tuổi. Mai táng ở An Lăng (nay cách 30 km về` phía Đông thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Lưu Doanh được Cao Tổ lập làm thái tử Lưu Doanh tính tình nhu nhược, có lúc Cao Tổ muốn phế bỏ địa vị thái tử của Lưu Doanh và muốn lập Lưu Như Ý làm thái tử. Nhưng ý định của Cao Tổ không thành bởi Trương Thực phản đố́ i kịch liệt. Lưu Doanh nên ngôi từ lúc 17 tuổi.

Tuy Lưu Doanh nên ngôi, nhưng mọi công việc đếu do mẹ đẻ là Lữ Hậu chấp chính, giải quyết công việc. Sau khi nắm quyết chấp chính, Lữ Hậu cho gọi Lưu Như Ý vào cung với ý đố sê hại ché́t. Lưu Doanh bié́t được dụng tâm của mẹ, nên đích thân dẫn Lưu Như Ý vào cung, cùng ăn cùng ngủ và luôn tìm cách phòng vệ cho Lưu Như Ý. Một hôm, Lưu Doanh ra ngoại thành luyện tập bắn cung thấy Lưu Như Ý vẫn đang ngủ say, không nỡ gọi Lưu Như Ý dậy, Lưu Doanh đành đi một mình. Khi Lưu Doanh quay vê` cung đã thấy Lưu Như Ý bị hại ché́t trên giường.

Ít lâu sau, Lữ Hậu lại sai chặt chân, đốt tai, chặt tay, móc mắt mẹ đẻ của Lưu Như Ý đem ngâm những bộ phận đó vào rượu và sai vứt bà ta vào chuống lợn", gọi là "nhân ché́" (món ăn làm từ thịt người), để cho mẹ của Lưu Như Ý cứ hao mòn mà ché́t. Lữ Hậu bắt buộc Lưu Doanh phải đi chứng kié́n cảnh đó, còn Lưu Doanh thấy ái phi của phụ hoàng bị roi vào tình cảnh bi thương, ông không cấm được lòng thương xót đã khóc hu hu, quay vê` cung sinh ra ô`m nặng. Ông sai người đi tâu trình với mẹ: "Chuyện này chẳng phải do mẹ muốn làm vua ư. Con là con trai của mẹ, nhưng không có bản

lĩnh để trị vị thiên hạ". Từ đó trở đi không quan tâm đến công việc triều chính.

Tháng 8 năm 188 TCN, Lưu Doanh mất tại cung Vị Uong đô thành Trường An. Sau khi chết là y hiệu là Huệ Đế.

LŨ HẬU (LŨ TRÍ)

ữ Hậu tên của bà ta là Lữ Trí (241 TCN - 180 TCN) là hoàng hậu của Hán Cao Tổ, nǎ́m quyề́n chấp chính sau khi Hán Cao Tổ chết, trị vị 16 năm. Bị bệnh chết, thọ 62 tuổi. Mai táng ở vườn phía Tây cạnh Trường Lăng (Lăng của Cao Tổ) (nay cách 35 km về phía Tây thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Lữ Trí tên tự của bà ta là: Nga Húa. Là một phụ nữ có mưu lược thường hay giúp Cao Tổ giải quyết mọi công việc trong triều đình. Vào những năm đầu của triều Hán, trong lúc Hán Cao Tổ mang quân đi dẹp cuộc phản loạn của Trân Hi, bà ta ở nhà bàn bạc với Tiêu Hà, âm mưu gié́t chết Hàn Tín.

Không lâu sau, Cao Tổ quay về Lạc Dương, có người nói với ông ta là: Bành Việt có ý đồ làm phản. Cao Tổ lập tức sai người bắt giữ Bành Việt muộn tạo phản, đành phạt giáng làm thường dân, sung vào quân đội của Ba Thục làm lính. Giữa đường Bành Việt gặp được Lữ Hậu, ông ta khóc lóc xin Lữ Hậu nói với Cao Tổ cho ông ta được về nhà dưỡng già. Lữ Hậu nhận lời giúp đỡ Bành Việt, gọi Bành Việt cùng bà ta trở về Lạc Dương. Sau khi quay về Lạc Dương, Lữ Hậu đi gặp Lưu Bang và bảo: "Bành Việt là một viên hổ tướng, bệ hạ cho ông ta vào quân Thục, khác gì thả hổ về rừng, chỉ bắc ng gié́t đi để trừ hại họa về sau này". Lưu Bang nghe lời bà ta liền sai người chém chết Bành Việt.

Sau khi Cao Tổ chết, Huệ Đế nên kế vị bà ta vẫn láy chức danh làm hoàng thái hậu để quản lý công việc triều chính, nǎ́m chắc quyề́n lực, tiếp tục duy trì các chính sách: coi trọng nông nghiệp, cỗ vũ thương nghiệp, giảm nhẹ tô thuế... Sau khi Huệ Đế chết, bà ta hai lần lập hai người làm thiếu đế́ (một người vốn là

con của một dân thường). Lữ Trí ép buộc hoàng hậu của Huệ Đế đi tìm con cái của một dân thường bắt vế hoàng cung giả vờ là con của Huệ Đế. Lữ Trí còn sai người giết chết mẹ đẻ của đứa trẻ; một người là: Thường Sơn Vương Lưu Nghĩa, Còn Lữ Trí tự mình lâm triếu kiểu cách lâm triếu của bà ta gọi là "chế" (tức là: làm trợ lý cho hoàng đế, lấy danh nghĩa của hoàng đế để điếu hành mọi việc, thực thi quyết lực của: Thái Úy Chu Bột, hữu thừa tướng Vương Lăng, và chính bản thân bà ta vi phạm vào lời thế với Lưu Bang "nếu không phải họ Lưu thì không được xưng vương", bà ta còn cho rất nhiếu người trong họ Lữ làm chư vương.

Tháng 3 năm 180 TCN, Lữ Trí bị bệnh nặng. Tháng 7 bệnh phát ra nguy kịch, bà ta vội vàng sắp xé́p mọi chuyện vế sau: cho cháu là Lữ Sản làm thừa tướng thống lĩnh quân đội phía Bắc; Lữ Lục làm thượng tướng quân thống lĩnh quân đội phía Nam và dặn dò hai cháu: "Cao Tổ trước lúc lâm chung có dặn các hạ thấn không phải họ Lưu mà xưng vương sẽ bị thiên hạ loại trừ". Bây giờ họ Lữ xưng vương, nắm giữ quyết hành nhưng các đại thấn đếu không phục, nếu sau này cô chết, có chính biến gì thì hai cháu nhất định phải nắm chắc quân đội, bảo vệ hoàng cung, không được dẫn lính đi ra ngoài. Nếu lúc đưa cô đi mai táng, hai cháu cũng không được phép rời hoàng cung, đếđế phòng tạo phản". Và bà ta còn lập con gái của Lữ Lục làm hoàng hậu, một lòng một dạ muốn họ Lữ làm chủ thiên hạ.

Ngày Tân Kỷ tháng 7 năm 180 TCN, bà ta tạ thế tại cung Vị Ương.

VĂN ĐẾ (LUU HĂ`NG)

(HÁN)

Văn Đế, tên ông ta là: Lưu Hă`ng (202 TCN - 157 TCN). Là con trai thứ 3 của Cao Tổ. Sau khi Huệ Đế chết, hoàng thái hậu Lữ Hậu không lập thiếu đế́ họ Lưu, mà tự mình nhiếp chính. Sau khi Lữ Hậu chết, Chu Bột giết Lữ Sản và lập Lưu Hă`ng làm hoàng đế́. Lưu Hă`ng trị vị 23 năm, bị ốm chết, thọ 46 tuổi. Mai táng ở Bá Lăng (nay cách 35 km vế phía Đông thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây).

*

Sau khi Cao Tổ đánh bại Trân Hi, dẹp yên phản loạn ở vùng đất Đại và phong cho Lưu Hăng làm Đại Vương. Cao Tổ chết, thái tử Huệ Đế lên kế vị bị Lữ Hậu chuyên quyền, giành quyền chấp chính. Sau khi Huệ Đế chết Lữ Sản, Lữ Lục năm giữ binh quyền. Không chê hoàng cung có ý đồ làm phản, cướp đoạt ngôi vị.

Nhưng nhờ có Trần Bình và Chu Bột dùng mưu trí khiến Lữ Lục đem binh quyền của quân đội phía Bắc giao cho Chu Bột. Chu Bột liền triệu tập binh lính rồi đọc lời kêu gọi: "Nếu như hôm nay họ Lữ có ý đồ đoạt vị, ai muôn theo nhà họ Lữ thì giơ tay phái, ai muôn theo họ Lưu thì giơ tay trái". Các tướng sĩ, binh lính đều nhảy loạt theo họ Lưu. Chu Bột liền điều động binh lính tiến vào cung Vị Uương giết chết Lữ Sản, để ngăn chặn có chính biến xảy ra cướp đoạt ngôi vị. Vào ngày Kỷ Dậu tháng 9 năm 180 TCN các đại thần lập Lưu Hăng làm hoàng đế.

Trong thời gian Lưu Hăng trị vì, ông ta thực hiện các chính sách nhằm cứu vãn tình hình quốc gia: giảm nhẹ tô thuế, phát triển sản xuất... Có hai lần, Lưu Hăng giảm 30% tô thuế cho nhân dân, thậm chí 12 năm liên miên thu thuê ruộng cho toàn quốc. Ông cho khởi công xây dựng thủy lợi, tăng cường tốc độ phát triển sản xuất nông nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm. Có một lần, ông định xây một cái sân phơi, khi tính toán ông thấy phải tiêu phí mươi 100 kg vàng (tương đương với giá sản của 10 gia đình nông dân), phải tiêu phí một số vàng lớn như vậy ông quyết định hủy bỏ kế hoạch xây sân phơi. Ông giảm nhẹ các hình phạt, bãi bỏ hình phạt cát mũi, chặt tay, thích chữ ném mặt. Đầu tiên giảm bỏ tất thê lực của chư hầu vương công, tăng cường chế độ tập quyền trung ương; sai quân trấn giữ phương Bắc, di chuyển dân chúng số ng ở vùng biên giới tới vùng đất khác, tăng cường lực lượng phòng vệ trấn giữ biên giới phía Bắc. Do có những biện pháp tích cực như vậy nên triều Hán đầu được yên ổn và quốc gia ngày một giàu có. Về sau này Cảnh Đế cũng tiếp tục duy trì những chính sách về kinh tế, chính trị, văn hóa... giống như ở thời Lưu Hăng. Vì vậy trong lịch sử mới gọi thời kỳ thống trị của Văn đế và Cảnh đế là: "Sự thống trị của Cảnh Đế và Văn Đế".

Tháng 6 năm 157 TCN, Lưu Hăng bị bệnh nặng. Ông biết bệnh tình khó lòng chữa khỏi liền sai triệu thái tử Lưu Khải đền dặn dò: "Chu Á Phu là một người quan trọng, có thể dựa dẫm được. Nếu sau này có biến loạn, con có thể yên tâm giao cho ông ta việc thống lĩnh quân đội".

Vào ngày Ất Hợi, Lưu Hăng đã tạ thế ở cung Vị Ương. Sau khi chết lập miếu đặt hiệu là Thái Tông Thụy Hiệu là Văn Đê.

CẢNH ĐÊ (LƯU KHẢI)

(HÁN)

Cảnh Đê : tên của ông ta là Lưu Khải (188 TCN - 141 TCN). Là con trai thứ ba của Văn Đê. Lên kế vị sau khi Văn Đê chết. Ông trị vì được 16 năm, bị ôm chết. Thọ 48 tuổi, mai táng ở Dương Lăng (nay cách 30 km về phía Tây Nam huyện Cao Lăng tỉnh Thiểm Tây).

*

Thời Văn Đê trị vì đã lập Lưu Khải làm thái tử. Tháng 6 năm 157 Văn Đê bị bệnh chết, sau khi mai táng Văn Đê một cách chu đáo đầy đủ, Lưu Khải lên ngôi trị vì thiên hạ.

Trong những năm Lưu Khải cai trị thiên hạ, ông vẫn sử dụng những chính sách từ thời Văn Đê, kinh tế xã hội ngày một phồn vinh, quốc gia giàu có, ngân khố đầy đủ. Theo truyền thuyết, thời đó tiềng trong kho xép thành núi, dây thừng để xâu tiềng đêu bị đứt hết, trong kho đầy ắp lương thực, không có chỗ để lương thực còn phải để ở ngoài trời, có bao lương thực còn bị mục.

Thời Lưu Khải, thê lực của vương công chư hầu rát hành trướng, uy hiếp tập quyết trung ương. Ông dung nạp kién nghị của khanh sứ đại phu Triệu Thác, thực hiện vè sách "tước bỏ thuộc địa". Ngô Vương Lưu Tát cho triệu tập chư hầu vương của 6 nước: Sở, Triệu, Giao Tây, Giao Đông, Tri Xuyên, Tề Nam... cùng nhau khởi binh làm loạn cướp đoạt ngôi vị đế vương Cảnh Đê ráo bõi rồi bởi họ bắt ép Cảnh Đê phải loại bỏ Triệu Tát. Cảnh Đê chiêu theo những yêu cầu của họ vậy mà Lưu Tát vẫn tần công

vào Trường An. Sau đó Cảnh Đê' nhờ có Chu Á Phu giúp sức đã đánh bại Lưu Tâ' t dẹp yên phản loạn, trong lịch sử gọi sự kiện này là "cuộc nội chiê' n của 7 nước". Sau chuyện này, Lưu Khải sai các chư hâ' u vương có quyê' n lực miễn quan quay về` trung ương tước bỏ bớt lực lượng của chư hâ' u vương.

Tháng 1 năm 141 TCN, Lưu Khải bị ô' m, bệnh của ông ngày càng trâ' m trọng. Biê' t mình không sô' ng được, ông hạ lệnh thường cho các chư hâ' u vương, liệt chư mỗi người 8 con ngựa, các đại thâ' n có công lớn mỗi người 2 cân vàng, tiểu sứ và dân chúng mỗi nhà 100 đồ' ng, thả các cung nữ vê` cung suô' t đời không phải đi phục vụ.

Ngày Giáp Ty, Lưu Khải tạ thê' tại cung Vị Ương. Sau khi chê' t đặt Thụy Hiệu là Cảnh Đê' .

VŨ ĐÊ' (LUU TRIET)

Vũ Đê' , tên ông ta là Lưu Triệt (156 TCN - 87 TCN). Ông là con trai thứ 3 của Cảnh Đê' , lên kêt' vị sau khi Cảnh Đê' chê' t. Trị vị năm, bị chê' t trên đường đi tuâ' n, thọ 71 tuổi. Mai táng ở Mậu Lăng (nay cách 17 km vê` phía Đông Bă' c huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Từ lúc 4 tuổi Lưu Triệt đã được phong làm giao đồng vương, lên 7 tuổi được làm hoàng thái tử.

Cảnh Đê' mât ngày Giáp ty tháng 1 năm 141 TCN. Lưu Triệt nên kế' vị cha. Sau khi lên ngôi ông lâ' y niên hiệu là "kiê' n nguyên". Từ đó, trong lịch sử Trung Quô' c bă' t đâ' u dùng niên hiệu để ghi năm.

Trong những năm Lưu Triệt trị vì, ông vẫn sử dụng những chính sách ở thời Cảnh Đê' , công bố' "Thôi Ôn Lệnh" (cho phép chư hâ' u vương mang ruộng đâ' t của mình chia cho anh em), ông còn bãi bỏ tước vị của nhiê' u vương công chư hâ' u. Giải quyê' t được mô' i đe' dọa của họ đô' i với chê' độ trung ương tập quyê' n.

Trong mặt tư tưởng ông chỉ cho phép truyề`n bá đạo nho, do vậy đã đưa đạo Nho trở thành một hệ tư tưởng thô`ng trị xã hội phong kiê`n Trung quô`c, từ đó đầy mạnh được tác dụng tích cực đô`i với chê`độ tập quyê`n trung ương.

Vê` kinh tê`, ở kinh đô đặt ra chức quan kiểm tra châ`t lượng, còn ở các địa phương đặt ra chức quan vận chuyển. Những công việc này do triê`u đình trực tiê`p kinh doanh vận chuyển và giao dịch để ổn định giá cả. Ông còn sai người sang sửa bờ Hoàng Hà, khởi công xây dựng công trình thủy lợi, dời dân đi khỏi những vùng hay gặp lũ nguy hiểm.

Trong quân sự: Nhiê`u lâ`n ông sai Vệ Thanh và đại tướng Hoă`c Khứ Bệnh mang quân đi đánh dẹp quân Hung Nô để giải trừ mô`i nguy hiểm, nhă`m đảm bảo sự phát triển kinh tê`, văn hóa ở các khu vực lưu vực sông Hoàng Hà. Tiêu diệt chính quyê`n cát cứ Nam Việt (1 nhánh thuộc người Việt ở PH) nhâ`t (tùy dựng thêm 2 quận Vân và quận Quý ở Lệnh thiên) làm cướp mô`i quan hệ giữa dân tộc Hàn và dân tộc thiểu số`.

Vê` ngoại giao, ông sai Trương Khiên đi sứ ở Tây Vực nhă`m thúc đâ`y mô`i giao lưu văn hóa kinh tê` giữa nhân dân Tây Vực và nhân dân Hán, mở ra con đường tơ lụa" từ Trường An tới đê` quô`c La Mã ở Châu Âu.

(Đây là thời kỳ hưng thịnh)

Những biện pháp do ông đưa ra khiê`n Tây Hán phát triển đê`n thời kỳ hưng thịnh.

Nhưng vào những năm cuô`i đời, ông cho quân đi chinh chiê`n liên miên lao dịch phu phen nhiê`u vô kể. Ông còn tăng thêm thuế má, thậm chí còn xảy ra cảnh mua bán chức cộng thêm vào đó là thiên tai hạn hán khiê`n cho nhiê`u gia đình bị phá sản sô`ng lưu vong dẫn đê`n nhiê`u cuộc khởi nghĩa nông dân. Đô`i mặt với nguy cơ của xã hội nên vào năm 90 TCN ông đã viê`t chiê`u "nhận tội" tỏ ra mình đã hô`i hận vê` các lỗi lâ`m đã gây ra, quyê`t tâm dừng việc lâ`y quân lính vào quân đội, mở rộng và sửa đổi những công cụ trong

nông nghiệp và kỹ thuật trong nông nghiệp, ông còn đi cày ruộng để tỏ ý từ nay về sau sẽ coi trọng sản xuất và chú trọng cuộc sống của nhân dân. Nhờ vậy, xã hội mới dần ổn định.

Tháng 2 năm 87 TCN, Lưu Triệt đi tuần tra ở bên ngoài. Đi đến Phù Phong (nay là huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây) ông bị bệnh phải nằm ở cung Ngũ Tộ, không về Trường An được, ông vội vàng ra lệnh kịp con trai Lưu Phất Lăng làm thái tử, sai Hoắc Quang làm đại tư mã đại tướng quân, Kim Nhật Đê làm đại tướng chỉ huy kị binh, ông muôn họ sẽ phụ giúp thái tử.

Sau khi ông mất lập miếu đặt triều là Thê Tông, lấy thụy hiệu là Vũ Đê.

CHIÊU ĐÊ (LUU PHAT LANG)

Chiêu Đê, tên ông ta là: Lưu Phất Lăng (94 TCN - 74 TCN). Là con trai của Vũ Đê, được kế vị khi Vũ Đê chết. Ông trị vì được 13 năm bị bệnh chết, thọ 22 tuổi. Mai táng ở Bình Lăng (nay cách 13 km về phía Tây Bắc thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Thời Vũ Đê trị vì. Ông ta lập Lưu Phất Lăng làm thái tử. Vũ Đê là người hay lo xa, ông sợ sau khi mình chết đất nước lại gặp cảnh "Lữ Hậu đoạt ngôi" cho nên sai giết mẹ của Lưu Phất Lăng (bà ta tên là Câu Di) để phòng trừ những điều không hay. Vũ Đê mất ngày Đinh Mão tháng 2 năm 87 TCN sau khi lo chu đáo chuyện mai chay, những đại thần trong triều như Hoắc Quang, Điện Kiến Thu... lập Lưu Phất Lăng làm hoàng đế, sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là "Thủy Nguyên".

Phat Lang lên ngôi từ năm 8 tuổi. Tuân theo di chiêu của Vũ Đê, ông để Hoắc Quang trợ giúp công việc triều chính.

Tôi tướng quân thượng quan Kiệt và Tang Dương hai người này không ưa Hoắc Quang họ nêu lấn nghĩ cách hãm hại Hoắc Quang. Năm 81 TCN, Hoắc Quang phải đi kiểm duyệt quân Vũ Lâm và dẫn 1 hiệu úy vào phủ của mình để bàn bạc việc quân. Thượng quan

Kiệt lợi dụng cơ hội này tung tin đồn nhầm sai người giả viết một bức thư của Yên Vương, rồi sai người bắt giữ sứ giả của Yên Vương giao cho Phat Lang, vu oan cho Hoac Quang có ý đồ tạo phản. Ngày hôm sau, Hoac Quang vào cung triệu kiến Phat Lang, lúc đó Hoac Quang mới biết được tin tức này, ông quỳ phục dưới đất để thanh minh với hoàng đế.

Phat Lang nói: "Khanh đi duyệt quân Vũ Lâm, do đó gấp gỡ bàn bạc với hiệu úy là chuyện cần thiết, thành Trường An cách xa phương Bắc như vậy. Yên Vương làm sao có thể biết chuyện này nhanh chóng như vậy được, giả sử có biết được thì thư cũng không thể gửi đến Trường An nhanh như vậy. Hơn nữa, nếu khanh có dã tâm tạo phản thì cũng không thể dựa vào một hiệu úy. Có người muôn hâm hại khanh nên với viết mạo bức thư, khanh không cần phải lo lắng, hãy đứng dậy đi". Hoac Quang và các đại thần khác nghe Phat Lang phân tích, đều khâm phục sự anh minh của vị hoàng đế trẻ tuổi.

Ít lâu sau, thượng quan Kiệt lại câu kết với Lưu Nhật muôn giết Hoac Quang và Phat Lang, để lập Lưu Nhật làm hoàng đế. Hoac Quang biết được liền báo cho Phat Lang, Phat Lang tức giận vô cùng, ông lập tức sai Dien Kien Thu mang quân đi giết Kiệt và ép buộc Lưu Nhật tự vẫn để tránh xảy ra chính biến.

Trong những năm Phat Lang trị vì, ông thực hiện những kế sách ở thời Vũ Đế, di dân ra khỏi vùng biên cương, sai quân đi đánh dân tộc Hung Nô, tộc Điêu HLang (là một nhánh của tộc Đông Hồ) nhằm bảo đảm sự an toàn ở vùng biên cương.

Phat Lang mất vào tháng 4 năm 74 TCN tại cung Vị Ương.

Sau khi chết, đặt Thụy Hiệu là Chiêu Đế.

XƯƠNG ÁP VƯƠNG (LƯU HẠ)

(HÁN)

Xuong Ap Vuong, tên ông ta là Lưu Hạ, năm sinh và năm mất không biết rõ. Là cháu của Vũ Đế, em họ của Chiêu Đế. Chiêu Đế

chết, không có con ông ta lên kế́ vị. Trị vì được 27 ngày, vì hoang dâm vô độ nên bị Hoắc Quang phế truất. Còn vế sau ra sao thì không rõ.

*

Lưu Hạ từ lúc 5 tuổi đã được phong làm Xương Ấp Vương. Tháng 4 năm 74 TCN Chiêu Vương bị bệnh chết, không có con, nên vào ngày Bính Dậu tháng 6 năm 74 TCN lập Lưu Hạ làm hoàng đế́.

Lưu Hạ là con nhà giàu sang phú quý, ông ta không có nǎng lực. Khi nhận ngôi vị hoàng đế́, ông ta dẫn hơn 200 người vào cung, ngày ngày cùng những người này uống rượu nghe nhạc, hoang dâm vô độ, ông ta nên ngôi trong vòng 27 ngày đã gây ra 1107 chuyện hoang đường khiến hoàng cung náo loạn, rơi vào cảnh hỗn độn.

Hoắc Quang thấy *Lưu Hạ* không thể đảm nhận được chức trách, sau khi Hoắc Quang cùng các đại thấn bàn bạc đã xin hoàng thái hấu hạ chỉ phế truất Lưu Hạ và đích thân Hoắc Quang hộ tó́ng *Lưu Hạ* trở về Xương Ấp (nay thuộc phía Đông Nam huyện Cự Dã tỉnh Sơn Đông), phế bỏ đi vương hiệu của Lưu Hạ đổi tên vùng đất đã phong cho Lưu Hạ thành quận Sơn Dương, chỉ cho Lưu Hạ hưởng tô thuế của 2000 hộ trong ấp.

Chuyện của Lưu Hạ vế sau ra sao không rõ lắm.

Trong sử sách gọi Lưu Hạ là Xương Ấp Vương.

TUYÊN ĐẾ (LUUU TUẤN)

Tuyên Đế, tên của ông ta là Lưu Tuấn (90 TCN - 49 TCN). Ông là chắt của Vũ Đế. Nên kế́ vị sau khi Xương Ấp Vương bị phế truất. Trị vì được 25 năm, bị bệnh chết, thọ 42 tuổi. Mai táng ở Đỗ Lăng (nay cách 15 km về́ phía Đông Nam thành phố́ Tây An tỉnh Thiểm Tây).

*

Lưu Tuâ`n, ông ta vô`n có tên là: Bệnh Kỉ, tự là: Thú khanh, là cháu của thái tử Lưu Cú, cha của Lưu Tuâ`n tên là Lưu Tiê`n. vô`n dĩ Lưu Cú bị Giang Sung vu oan hãm hại nên bị phu hoàng Vũ Đê` nghi ngờ. Lưu Cú bức tức mang quân tiê`n đánh Giang Sung, không ngờ Lưu Cú lại thâ`t bại và bị giê`t, cái chê`t của ông ta còn làm liên lụy đê`n cả nhà, những người thân đê`u bị phê` xuô`ng làm thường dân. Lưu Tuâ`n được bà nội mang vê` nuôi dưỡng, sô`ng ở dân gian, lúc nhỏ ông thường hay đi vào kinh thành, biê`t được nỗi khổ của nhân dân, Lưu Tuâ`n còn am hiểu học thuyê`t của hoàng lão. Tháng 6 năm 74 TCN Xương Â`p Vương bị phê` truâ`t, Hoă`c Quang và các đại thâ`n đón Lưu Tuâ`n vào cung phong làm Dương Vũ Chu. Tháng 7 ngày Canh Thân năm 74 TCN phong Lưu Tuâ`n làm hoàng đê`. Ông cho đổi niên hiệu là Bản Thủy".

Sau khi Lưu Tuâ`n nêu kẽ` vi, ông trọng dụng những người tài giỏi, giảm nhẹ tô thuế`, phát triển sản xuâ`t, mở rộng mô`i giao lưu văn hóa, đình chỉ các cuộc chinh phạt... tình hình trị an râ`t ổn định. Ông còn chinh phục được Tây vực khiê`n Tây vực chính thức trở thành một bộ phận của chính quyê`n tập quyê`n Trung Ương. Hàng phục được dân tộc Hung Nô khiê`n cho uy quyê`n của ông vang dội gâ`n xa. Mùa đông năm 49 TCN, Lưu Tuâ`n bị bệnh. Tháng 12 bệnh phát ra nguy kịch. Ông cử Sứ Cao làm đại tư mã kiêm tướng quân chỉ huy kị binh, Tiêu Vọng làm tiê`n tướng quân cùng phụ giúp thái tử Lưu Thích.

Vào ngày Giáp Tuâ`t, Lưu Tuâ`n tạ thê` tại cung Vị Ương. Sau khi Lưu Tuâ`n chê`t lập miê`u đặt hiệu là Trung Tôn, đặt Thụy Hiệu là Tuyên Đê`.

NGUYÊN ĐÊ` (LUU THÍCH)

Nguyên Đê`, tên ông ta là Lưu Thích (76 TCN - 33 TCN). Ông là con trai của Tuyên Đê`, nêu kẽ` vi sau khi Tuyên Đê` chê`t. Ông trị vì được 16 năm, bị bệnh chê`t, thọ 44 tuổi. Mai táng ở Vị Lăng (nay cách 12 km vê` phía Đông Bă`c thành phô` Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

Tuyên Đế lập Lưu Thích làm thái tử. Tuyên Đế mât ngày Giáp Tuất tháng 12 năm 49 TCN, sau khi mai táng Tuyên Đế chu đáo các đại thần lập Lưu Thích làm hoàng đế. Lưu Thích lên ngôi, cho đổi niên hiệu là "Sơ Nguyên".

Lưu Thích rárt chuông đạo Nho, vì vậy ông chọn các nho sinh làm quan. Lúc này, chính quyền trung ương tập quyền suy yếu, nguy cơ xã hội ngày càng nghiêm trọng, cường hào địa chủ luôn chèn ép dân chúng, vương triều Tây Hán ngày một suy vong.

Năm 33 TCN, tướng quân Đôn Vu (dân tộc Hung Nô) vào triều cướu thân, Lưu Thích cho triệu tập các cung nữ để chọn một người gả cho Đơn Vu. Cuối cùng đã chọn được Chiêu Quân. Lúc chuẩn bị từ biệt tiễn Chiêu Quân lên đường. Lưu Thích mới phát hiện Chiêu Quân rất đẹp, ông ta vô cùng hối hận. Hóa ra, cung nữ trong hoàng cung rất nhuệ, hoàng đế không có cách gì gặp mặt được tất cả bọn họ, do đó ông sai họa sĩ Mao Diên Thọ vẽ dung mạo của các cung nữ giao cho hoàng đế xem. Vương Chiêu Quân vì không muộn đút lót tiềng bạc cho họa sĩ, do đó Mao Diên Thọ vẽ chân dung cô ta rất xáu xí. Do vậy, khi Đơn Vu đền cướu hôn, Lưu Thích gả cô ta đi.

Sau khi Chiêu Quân đền tộc Hung Nô, cô ta khuyên Đơn Vu không nên tiêng công triều Hán mặt khác còn truyền bá văn hóa của dân tộc Hán khiêng cho hai dân tộc có mối giao dung văn hóa.

Lưu Thích mât vào ngày Nhâm Thìn tháng 5 năm 33 TCN tại cung Vị Uơng.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Nguyên Đế.

THÀNH ĐẾ (LUU NGAO)

Thành Đế, tên ông ta là Lưu Ngao (51 TCN - 7 TCN). Là con trai của Nguyên Đế, nên kế vị sau khi Nguyên Đế chết. Trị vì được 26 năm, bị bệnh chết, thọ 45 tuổi. Mai táng ở Diên Lăng (nay cách 15 km về phía Tây Bắc thành phố Lạc Dương tỉnh Thiểm Tây).

Thời Nguyên Đế́ trị vì đã lập Lưu Ngao làm thái tử. Tháng 5 năm 33 TCN Nguyên Đế́ ché́t và tháng 6 năm 33 TCN lập Lưu Ngao làm hoàng đế́. Sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là: "Kiến Thủy". Lưu Ngao lên ngôi, cuộc sống của ông ta rất xa xỉ, hoang dâm, ông ta sủng ái hai chị em Triệu Phi Yến, đặc biệt ông rất lười nhác trong công việc triề́u chính. Quyến lực triề́u đình dấn dấn rời vào tay người ngoài dòng họ (gia tộc của hoàng hậu hoặc hoàng thái hậu). 7 anh em nhà thái hậu Vương Chính quân đếu được phong làm chư hấu vương thâu tóm vương quyến.

Ngày Bính Tuất tháng 2 năm 7 TCN, Lưu Ngao đi chơi đến nửa đêm mới trở về cung Vị Ương, sáng hôm sau dậy lúc đang mặc áo, đột nhiên bị trúng gió lăn ra bất tỉnh và ché́t luôn tại chỗ.

Sau khi ông ta ché́t đặt Thụy Hiệu là Thành Đế.

AI ĐẾ (LUU HÂN)

Ai Đế, tên ông ta là: Lưu Hân (26 TCN - 1 TCN). Ông là con trai của Thành Đế, lên kế́ vị Thành Đế khi ông ta ché́t. Trị vì được 6 năm, bị bệnh ché́t. Hướng dương 26 tuổi. Mai táng ở Nghĩa Lăng (nay cách 8 km về phía Tây thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Lưu Hân là cháu thứ của Nguyên Đế́ và là con trai của Lưu Khang, Lưu Khang vốn được cha sủng ái nên phong làm Định Dao Vương,. Sau khi Thành Đế nêu ngôi nhận Lưu Hán làm con nuôi và lập làm thái tử. Sau khi Thành Đế ché́t, các đại thấn lập Lưu Hán làm hoàng đế́, lễ đăng quang được tổ chức vào ngày Bính Sứu tháng 4 năm 7 TCN. Sau khi nêu ngôi, ông đổi niên hiệu là "Kiến Bình". Khi nêu ngôi phải đối mặt với những nguy cơ của xã hội, ông đưa ra những phương án tối ưu như: ngăn chặn các hành vi phi pháp, hạn ché́ việc bóc lột sức lao động của nô lệ. Nhưng vế sau gấp phải sự phản đối của các quý tộc quan lại nên không thể duy trì các biện pháp đó.

Lưu Hân mā́t ngày Mậu Sửu tháng 6 năm 1 TCH tại cung Vị Uơng.

Sau khi chết đặt Thụy Hiệu là Ai Đế.

BÌNH ĐẾ (LUU KHÁN)

Bình Đế, tên ông ta là Lưu Khán (9 TCN - 5 CN). Là cháu của Nguyên Đế và là con trai của Lưu Hưng lên kế́ vị sau khi Ai Đế chết. Ông trị vì được 5 năm, có một thuyé́t nói là bị bệnh chết, 1 thuyé́t khác nói là bị đấu độc chết),, hưởng dương 14 tuổi. Mai táng ở Khang Lăng (nay cách 25 km về` phía Tây thành phố Hàm Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Cha của Lưu Khán được phong làm Trung Sơn Vương. Tháng 9 năm 1 TCN Lưu Khán được lập làm hoàng đế́ sau khi Ai Đế chết. Sau khi nêu ngôi ông cho đổi niên hiệu là "Nguyên Thủy".

Năm Lưu Khán nêu 9 tuổi đã làm hoàng đế́ do vậy Đại tư mã Vương Māng lộng hành trong triề́u. Tư MÃ mưu mô quyết, tham vọng đoạt ngôi ngày một cao. Để thuận lợi cho việc đoạt ngôi vị, Tư MÃ thường tìm cách li gián hai mẹ con Lưu Khán và gié́t cậu của Lưu Khán phòng trừ ông ta tranh quyé́n với Vương Mān.

Năm Lưu Khán nêu 14, mắt thấy tai nghe sự nham hiểm độc ác của Vương Māng, cho nên ông thường biểu lộ thái độ coi khinh và căm hận Vương Māng. Vương Māng lo lắng vô cùng, ông ta biết nếu Lưu Khán trưởng thành thì khó lòng制服 được, do vậy quyết định trừ bỏ Lưu Khán tháng 12 năm 5 CN, các đại thấn đến chúc mừng sinh nhật của Lưu Khán, nhân dịp này Vương Māng dâng chúc Lưu Khán một chén rượu độc, Lưu Khán nhận lấy và uống cạn hết. Đến buổi tôt i ông thấy ruột đau như cắt, ông vội gọi thái y nhưng không thấy ai đến cứu chữa, ông gào khóc đau đớn, cơn đau cứ kéo dài trong vài ngày. Cuố i cùng ông mắt vào ngày Bính Sửu năm 5 CN tại cung Vị Uơng.

Sau khi Lưu Khán chết, đặt Thụy Hiệu là Bình Đế.

NHỮ TỬ (LUU NHI)

Nhữ Tử tên ông ta là Lưu Nhi (5 CN - 25 CN). Ông là chúa của Tuyên Đế¹, sau khi Vương Mãng hạ độc giết Lưu Khán đã lập Nhữ Tử làm hoàng đế². Lúc lên ngôi Nhữ Tử mới có 3 tuổi và ông bị chém trong một cuộc hỗn chiến, hưởng dương 21 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Vương Mẫn sau khi hạ độc Bình Đế³, thay y cơ hội cướp quyền đoạt ngôi vẫn chưa chín muồi do vậy đã lập Nhữ Tử làm hoàng đế⁴.

Lên 2 tuổi đã làm hoàng đế⁵, do vậy Vương Mãng n้อม quyền nhiếp chính, ông ta đổi niên hiệu là "Cư Nhiếp⁶". Ít lâu sau, Vương Mẫn tự xưng là "Giả hoàng đế⁷" (thay hoàng đế⁸ xử lý công việc). Năm 8 CN, Vương Mãng đoạt ngôi và cho đổi niên hiệu là "Tân", ông ta phế⁹ truất Lưu Nhi, phong cho Lưu Nhi làm An Định Công bá¹⁰ Lưu Nhi phải sống ở Trường An. Nhà Tây Hán bị diệt vong.

Tháng 1 năm 25 CN, Phương Vọng dẫn Lưu Nhi dời khỏi thành Trường An. Mang Lưu Nhi đến Lâm Kinh lập Lưu hi làm hoàng đế¹¹. Tháng 2 Phương Vọng lật đổ được Vương Mẫn và giúp đỡ Lưu Huyê¹²n làm canh thủy đế¹³ và sai tướng Quý Tùng Đói đi đánh Vương Mãng. Trong cuộc hỗn chiến Lưu Nhi bị hỗn quân giết chết.

Trong sử sách gọi Lưu Nhi là Nhữ Tử.

HOÀI DƯƠNG VƯƠNG (LUU HUYÊN)

Hoài Dương Vương, tên ông ta là: Lưu Huyê¹⁴n, tên tự là: thành Công (? CN - 25 CN). Là dòng tộc nhà Tây Hán. Ông được phong làm thủy đế¹⁵ sau khi Vương Mẫn bị lật đổ. Sau khi Lưu Huyê¹⁶n đầu hàng quân Xích Mi đã được Lưu Tú phong làm Hoài Dương Vương. Ông ta trị vì được 3 năm, bị quân Xích Mi giết chết. Mai táng ở Bá Lăng.

*

Lưu Huyê`n quê ở Thái Dương (Nam Dương). Vào những năm cuối thời Tân Māng, Lưu Huyê`n khởi binh đánh Vương Māng, gia nhập vào quân đội của Bình Lâm và được phong làm Thủy Tướng quân. Sau này lại liên kêt với quân Lục Lâm. Vào tháng 2 ngày Tân Kỷ năm 23 CN, quân khởi nghĩa lập Lưu Huyê`n làm hoàng đế, đặt niên hiệu là "Canh Thủy". Không lâu sau, chính quyền Vương Māng bị lật đổ, Lưu Huyê`n cho dời đô đế n Trường An.

Sau khi đế n Trường An, Lưu Huyê`n cho ră`ng thiêu hạ đã ổn định, cho nên ông ta dǎn chơi trác táng, không quản lý công việc triều chính, cả ngày chìm đǎ`m trong tửu sǎ`c, ông ta còn dung túng thuộc hạ làm bậy. Những điều đó khiến quân lục lâm vô cùng thâ`t vọng. Tháng 9 năm 25 quân Xích Mi tâ`n công vào Trường An, chính quyền Canh Thủy bị tiêu diệt, Lưu Huyê`n phải đâ`u hàng, bị thượng tướng quân Lưu Bàn Tử phong làm Trường Sa Vương, sau đó lại bị Lưu Tú phong làm Hoài Dương Vương.

Tháng 12 năm 25 thủ lĩnh quân Xích Mi thâ`y đế Lưu Huyê`n sô`ng sót là một tai hại cho nên quyết định trừ bỏ. Vì thế đã ra lệnh cho tướng Tạ Lục mời Lưu Huyê`n đế n ngoại thành Trường An kiểm duyệt binh mã. Đe`n ngoại thành, Tạ Lục bă`t Lưu Huyê`n xuô`ng ngựa dùng dây thừng xiê`t cổ.

Ít lâu sau theo lệnh của Lưu Tú đã đem táng Lưu Huyê`n ở Bá Lăng.

Trong sử gọi Lưu Huyê`n là Canh Thủy Đế`.

TÂN TRIỀU

(8 CN - 23 CN, tổng cộng 16 năm)

Tân triều chỉ có một hoàng đế` đó là Vương Māng, sau này bị quân khởi nghĩa giétr ché`t.

VƯƠNG MĀNG (TÂN)

Vương Māng (45 TCN - 23 CN), ông ta là cháu họ của hoàng hậu (vợ của Hán Nguyên Đế`), làm quan đại tư mã. Vương Māng hại độc

giết Bình Đế để cướp ngôi. Ông trị vì được 16 năm, sau đó bị quân khởi nghĩa giết chết, thọ 68 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Vương Mãng là cháu của hoàng hậu Vương Chinh Quân (vợ của vua Hán Nguyên Đế - Thích). Cha của Vương Mãng bị chết sớm, gia cảnh rât túng bần. Ông ta sống trong cảnh thanh bần suýt ngày chỉ vùi đầu vào đọc sách, xử thế rât cẩn thận. Năm Vương Mãng 18 tuổi, anh em nhà hoàng hậu đều làm quan chức vị cao sang, Vương Phụng làm đại tư mã đại tướng quân, Vương Đàm, Vương Thương, Vương Lập, Vương Căn, Vương Phùng đều được phong làm chư hầu vương, thời đó gọi là "Ngũ Chu" bọn họ đều kiêu ngạo ngang ngược ăn chơi xa xỉ. Nê u so sánh họ với Vương Mãng quả thật khác xa một trời một vực, Vương Mãng cực kỳ tiết kiệm am hiểu lễ nghĩa, do đó giành được tình cảm tốt của hoàng hậu Vương Chinh Quân. Vương Mãng nhân cơ hội đó nói chuyện với cô mẫu và các thúc bá. Vương Phụng trong lúc bệnh tình hiểm nghèo Vương Mãng luôn ở bên cạnh túc trực phục vụ chu đáo, điều đó làm cho Vương Phụng vô cùng cảm động, do đó lúc Vương Phụng sắp già từ cõi đời đem gửi Vương Mãng cho hoàng hậu Vương Chinh Quân và Thành Đế. Nhờ sự giúp đỡ của hoàng hậu Vương Chinh Quân nên Vương Mãng được cử làm hoàng môn long chuyên đi phục vụ hoàng đế, truyền đạt các chiêu lệnh của hoàng đế. Về sau, Vương Mãng được cử làm hiệu úy chỉ huy quân sĩ xạ thủ. Nhờ sự giú đỡ của Vương Chinh Quân vua Thành Đế đã phong cho Vương Mãng làm tân đô chư, Vương Mãng làm tân đô chư, và dần dần Vương Mãng làm kỵ đô úy (đại thần cận vệ của hoàng đế). Từ đó, địa vị của Vương Mãng ngày một cao.

Thời đó, quan lại đều hư hỏng, bộ máy chính quyén thô i rữa, nê n chính trị đen tối, nhân dân khốn khổ, dân chúng trong nước đều mong có một vị hoàng đế anh minh để trị vì thiêng hạ giải quyết tốt công việc triều chính, sửa đổi lại tình trạng rối loạn trong xã hội Vương Mãng nhân dịp đó cũng nảy sinh ý định cướp quyền đoạt ngôi. Ông ta giả vờ sống thanh bạch tiết kiệm, không tham phú quý, biểu hiện vẻ bê ngoài giông như một thư sinh sống trong cảnh thanh bần. Có một lần trong một buổi tiệc lớn, ông ta

nhiều lâ n dời khỏi bàn tiệc nói dô i đi sá c thuô c cho mẹ đang bị bệnh, ông ta làm như vậy có t để tỏ ra mình hiê u lĕ". Ông ta còn đi đê n các học đường của con cháu hỏi thăm thă y giáo, thậm chí còn lâ y của cải của gia đình giúp đỡ những học sinh nghèo, do vậy lâ n dâ n giành được tiê ng khen của mọi người trong xã hội. Vào năm 8 TCN đã được cử làm Đại Tư Mã.

Năm 7 TCN, Thành Đê bị bệnh chê t, Ai Đê nê kê vi, Vương Mãng ngoài việc trợ giúp hoàng đế mới, ông ta còn được nhận đâ t phong và tiê p tục tìm cách lâ y lòng dân. Có một lâ n con trai của ông ta giê t chê t một nô tì, điê u đó vi phạm vào pháp luật. Vương Mãng bă t con trai mình phải tự vẫn và ông ta lâ y hê t tài sản phân phát cứu tê cho những gia đình nghèo và gia đình gặp thiên tai. Một lâ n nữa lại giành được lời khen của mọi người trong xã hội. Râ t nhiê u người trong giới thượng lưu muô n Vương Mãng quản lý công việc triê u chính. Năm 1 CN, Ai Đê bị bệnh chê t, nhờ có sự giúp đỡ của Vương Chinh Quân Vương Mãng lại là quan đại tư mã, theo lệnh của Vương Chinh Quân, thì Vương Mãng trợ giúp Lưu Khán làm Bình Đê , còn Vương Mãng nă m công việc triê u chính vạ được gọi là "Thái Phụ", hiệu là "An quô c Công", khô ng chê chính quyê n Tây Hán.

Tiê p đó, Vương Mãng còn phong chức vị chư hâ u cho con cháu của người thân tín với ông ta làm quý tộc. Ông ta còn cho triệu tập các sở tư trong thiên hạ đê n kinh thành và phong cho họ làm thái học sinh. Ông ta làm vậy, cō t để lâ y được sự ủng hộ của nhiê u người trong giai câ p thô ng trị. Để củng cō địa vị của mình, ông còn gả con gái (lúc đó mới 13 tuổi) cho Bình Đê để lập làm hoàng hậu, vì chuyện này hoàng đế Bình Đê đã cho Vương Mãng 25000 mẫu ruộng. Vương Mãng chô i từ không nhận, cũng vì chuyện này Vương Mãng một lâ n nữa được người trong xã hội khen ngợi.

Theo đà đđó, tiê ng tăm và quyê n thê của Vương Mãng ngày một nê cao. Ông ta tích cực chuẩn bị phê bô triê u Hán và tự nê ngô. - Năm 4 CN, ông ta tự xung là "Tân Hoành", tên này ghép bởi tên của Chu Công và Y Doãn (Chu Công có tên là Thái Tân, Y Doãn có tên là A Hoành). Năm 5 CN, nghe nói ông ta dùng rượu độc hại chê t Bình Đê và lập Nhữ Tử Nhi làm hoàng đế , còn Vương Mãng tự mình

nhiều p chín triều đình. Năm 6 CN, Vương Mãng tự xưng là giả hoàng đế (thay hoàng đế quản ý triều chính). Tháng 10 năm 8 CN, Vương Mãng thay thời cơ đoạt ngôi hoàng đế đã đế n, ông ta liền phế truất Nhữ Tử Nhi và ép buộc Vương Chinh Quân giao ân ngọc, rồi tự xưng làm hoàng đế, đổi quốc hiệu là "Tân" lấy niên hiệu là "Thủy kiê n quoc", lịch sử gọi là Tân Triều.

Sau khi Vương Mãng đoạt ngôi, để làm dịu những mâu thuẫn xã hội ông ta ra lệnh thay đổi chế độ pháp lệnh của nhà nước, đem toàn bộ ruộng đất trong nước đổi thành "vương điền" (ruộng của vua), cấm chỉ việc mua bán ruộng đất, hạn chế một người mà lại chiếm nhiều ruộng; nô tì được gọi là "tư thực" không cho phép việc mua bán lại các nô tì, hạn chế sự phát triển các ngành công thương nghiệp, tăng thuế thu; cải cách chế độ tiề n tệ". Nhưng do sự phá hoại của bọn quý tộc và cường hào, việc cải cách không làm dịu đi những mâu thuẫn mà ngược lại còn tăng thêm mâu thuẫn giai cấp và gấp phai sự phản đối kịch liệt của nhân dân. Để chuyển dời những mâu thuẫn, Vương Mãng phát động cuộc chiến tranh chinh phạt các dân tộc thiểu số ở vùng biên cương, bắt chay p hết thảy mọi thủ đoạn để trung dụng dân phu, ngang ngược hung bạo, pháp lệnh rât nghiêm khắc, cuối cùng làm dãy nên cuộc khởi nghĩa nông dân.

Năm 23 CN, xảy ra một cuộc chiến giữa quân lục lâm và quân của Vương Mãng tại Hòn Dương (nay thuộc huyện Diệp tinh Hà Nam), binh lực của Vương Mãng bị tiêu diệt, theo đó quân lục lâm đánh vào trường An. Vương Mãng lo lắng khùng hoảng, đành phải đưa cả những tội phạm vào hàng ngũ binh lính, sai họ ra đánh trận. Tháng 10 năm 23, quân lục lâm tấn công thành Trường An, đánh vào hoàng cung. Vương Mãng sấp chế t đê n nơi vây mà vẫn hô đê ngũ xuần mặc áo bào màu xanh hô ng, đeo ân tượng tay cầm đoàn kiếm, cầm u khăn thượng đê phù hộ. Ông ta nhất định cho rằng trời sẽ phù hộ ông ta, quân lục lâm sẽ không làm gì được.

Ngày hôm sau, quân lục lâm đột cung Vị Uơng nhân dân trong thành cũng tham gia tấn công hoàng cung, tướng Cao Giảm khuyên Vương Mãng đầu hàng, nhưng ông ta không nghe. Trong quân lính chạy đê n đài Tiêm là nơi an toàn nhất có thể ăn trộn... Quân khởi nghĩa vội vàng bao vây đài Tiêm bọc vây bên ngoài phải

đến vài trăm vòng. Đợi đến khi quân của Vương Mãng bắn hết tên quân khởi nghĩa liến xông lên đài Tiệm giết hết binh lính. Tướng Đỗ Ngô là người đấu tiên xông lên đài Tiệm, thấy Vương Mãng ăn mặc chỉnh tế, ngối đó mặt mày tái mét. Đỗ Ngô liến chém chết Vương Mãng. Tiếp đó, Đỗ Ngô sai một nghĩa quân chặt đấu Vương Mãng. Quân khởi nghĩa xông lên chặt thân thể Vương Mãng làm nhiếu đoạn. Thủ cấp của Vương Mãng được mang vê giao cho Canh Thủy Đế Lưu Huyến, ông ta ra lật treo đấu Vương Mãng trên tường thành cho mọi người xem. Dân chúng hận Vương Mãng tới tận xương tận tủy, họ lấy đá ném, có người còn cắt lưỡi của Vương Mãng, cắt ra nhiếu miếng nhỏ, đưa cho quấn chúng xem.

Vương Mãng là một hoàng đô` yêu khoa học. Năm thứ 3 Thiên Phùng (năm 16 CN), có một người tên là Vương Tôn Khánh bị xử tội chết, Vương Mãng ra lệnh cho thái y giải phẫu thân thể của Võng Tôn Khánh. Đây là việc giải phẫu thi thể sớm nhất niên đại được ghi chép trong lịch sử Trung quốc. Vương Mãng cũng từng thử nghiệm làm theo kiểu con chim bây. Năm 18 CN, Vương Mãng tấn công dân tộc Hung Nô, có một người hiến cho Vương Mãng phương pháp làm theo kiểu chim bay. Anh ta lấy lòng chim tết thành một đôi cánh, sau đó đeo vào người, nói có thể bay được khoảng 100 bước chân. Vương Mãng còn là nhà nghiên cứu thực phẩm. Thời kỳ ông ta trị vì, do thiên tai liên tiếp xảy ra, lương thực rất khan hiếm, Vương Mãng liến sai người đến các vùng đất kiểm tra những thực vật có thể ăn được, tiến hành kèm thực nghiệm váng sữa nhân tạo.

ĐÔNG HÁN

(năm 25 - năm 220, tổng cộng 196 năm)

Thời Đông Hán hay còn gọi là thời Hậu Hán. Tính từ năm 25 khi Lưu Tú xưng đế cho đế n năm 220 Tào Phi thay thế nhà Hán. Vì kinh đô Lạc Dương nay ở phía Đông của kinh thành Trường An của Tây Hán, do vậy sử sách gọi là Đôn Hán. Đông Hán là vương triều kế tiếp vương triều. Tây Hán, thời này quốc gia hùng mạnh, kinh tế phát triển. Cuối thời Đông Hán do thế lực của cường hào địa chủ rát bành trướng, gây ra cuộc hỗn chiến. Thời Đông Hán có 14 hoàng đế (kể cả thiêru Đế Lưu Ý), trong đó có 11 bị chết do bệnh tật, một người do mất nước bị phế bỏ nên sinh bệnh mà chết, một người bị quan thán phế truất rồi hạ độc chết; một người bị độc chết.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về thái hậu Đăng và thái hậu Lương, hai người này bị bệnh chết.

QUANG VŨ ĐẾ (LUU TU)

(ĐÔNG HÁN)

Quang Vũ Đế, ông ta tên là: Lưu Tú (6 CN - 57 CN), tên tự của ông ta là Văn Quyền. Ông ta là cháu đồi thứ 9 của Cao Tổ. Ông ta lật đổ Vương Mãng, Lưu Huyền rõ tự xưng làm hoàng đế. Trị vì được 33 năm. Bị bệnh chết, thọ 63 tuổi. Mai táng ở Nguyên Lăng (nay thuộc huyện Mân Lục tỉnh Hà Nam).

*

Lưu Tú là người ở Thái Dương huyện Nam Dương. Cuối thời Tân Mãng, dãy nên các cuộc khởi nghĩa nông dân, ông đã cùng với anh trai là Lưu Diễn gia nhập nghĩa quân, tham gia vào quân lục lâm.

Năm 23 CN, quân lục lâm đánh chiếm Hỗn Dương Vương Mãng phải 430.000 quân bao vây thành Hỗn Dương, tiến đánh quân Lục

Lâm mà lúc đó quân lục làm chỉ có 9000 người.

Trong tình hình nguy kịch, Lưu Tú đê` nghị cō` gă` ng thư chò cùu vien, theo yêu cầ` u của Lưu Tú đã cho Lưu Tú một sô` binh mã, cử Lưu Tú đê` n quận huyện Hà Bă` c. Sau khi Lưu Tú đê` n Hà Bă` c, đã phê` bỏ chê` độ chính trị của Vương Mãng, thả hē` t phạm nhân, khôi phục nê` n chính trị của nhà Hán, và được bọn địa chủ quan lại giúp đỡ râ` t nhiê` u. Nhưng quan hệ giữa Lưu Huyê` n và Lưu Tú lại vô cùng căng thẳng, Lưu Tú cā` m đâ` u cuộc khởi nghĩa nông dân, lực lượng phát triển râ` t nhanh. Ngày Kỷ Mùi tháng 6 năm 25, tại đô thành Hạo, Lưu Huyê` n tự xưng làm hoàng đế` , lâ` y quô` c hiệu là "Hán" đóng đô ở Lạc Dương, và lâ` y niên hiệu là "Kiê` n Vũ". Trong lịch sử gọi là Đông Hán, Hậu Hán.

Sau khi Lưu Tú xưng đê` , trâ` n an được quân Xích Mi, tiêu diệt các thê` lực nguy hiểm, vào năm 36 đã thô` ng nhâ` t Trung quô` c.

Trong những năm Lưu Tú trị vì, có tâ` t cả 9 lâ` n ông ban bô` việc phóng thích nô tì, cā` m mua bán nô tì, phóng thích phạm nhân, giảm nhẹ tô thuê` và lao dịch, phát triển kinh tế` , xây dựng các công trình thủy lợi, bãi bỏ đi hơn 400 huyện lị, giảm bớt sô` lượng quan lại, ông bỏ đi chức vị đô úy ở các địa phương. Tâ` t cả những điê` u đó nhâ` m củng cō` thê` chê` chính trị của tập quyê` n trung ương.

Ngày Mậu Tuâ` t tháng 2 năm 57, Lưu Tú bị bệnh chê` t tại cung Nam đô thành Lạc Dương. Trước khi chê` t để lại di chiê` u nói: "Trẫm không mang lại sự giàu sang cho muôn dân, cho nên tang lễ làm theo kiểu tang lễ của Chiêu Văn Đê` (Lưu Hă` ng thời Tây Hán), làm đơn giản không cā` n phải lãng phí" và còn dẫn đâ` u 12 kị binh cầm tử, buổi tó` i xông ra cửa thành phô` Nam giê` t quân lính trâ` n giữ ở đó để mở đường đi tìm quân cùu viện. Ông ta còn dẫn 3000 quân tinh nhuệ quay về` tâ` n công vào doanh trại địch, làm náo loạn doanh trại và ông ta đã giê` t chê` t thô` ng sứ Vương Tâ` m. Quân lục lâm ở trong thành cũng xông ra, trong đánh ra ngoài đánh vào, chẳng mâ` y chô` c đã tiêu diệt quân chủ lực của địch. Trận chiê` n này lâ` y ít thă` ng nhiê` u, nó là một trận chiê` n mang tính then chô` t để lật đổ chính quyê` n Vương Mãng. Từ đó, tiê` ng tăm của Lưu Tú vang vọng gâ` n xa.

Không lâu sau, Canh Thủy Đế Lưu Huyến lo lắng Lưu Diễn, Lưu Tú sẽ tranh quyề́n đoạt ngôi hoàng đế́, Lưu Huyến liến tìm cách gié́t Lưu Diễn. Lưu Tú bié́t tin, ông ta bié́t lực lượng của mình không đủ sức tấn công Lưu Huyến, do vậy Lưu Tú vội dẫn quân đến Uyên Thành (nay thuộc huyện Nam Dương tỉnh Hà Nam) để nhận tội với Lưu Huyến, nói tội của anh trai Lưu Diễn đáng phải xử tội chết. Lưu Tú không tỏ vẻ đau đớn khi anh trai chết, vẫn cười nói tự nhiên, uống rượu nghe nhạc, không hế đau khổ. Mọi người hỏi, tình hình của cuộc chiến ở thành Hỗn Dương, Lưu Tú nói đó là công lao của các tướng sĩ còn bản thân ông ta chẳng có chiến tích gì. Nhưng đến buổi tối, nắm trong phòng, ông lại khóc thương ai trưởng, oán hận Lưu Huyến vô tình vô nghĩa. Lưu Huyến không tìm được chứng cứ để loại bỏ Lưu Tú đành phong cho Lưu Tú làm đại tướng quân.

Sau khi chính quyề́n của Vương Mãng bị diệt vong, Lưu Huyến cho rắng thiên hạ ổn định và sau khi Lưu Tú chết lập miếu đặt hiệu là Thế Tô, đặt thụy hiệu là: Quang Vũ Đế.

MINH ĐẾ (LUU TRANG)

(ĐÔNG HÁN)

Minh Đế, tên ông ta là Lưu Trang (28 CN - 75 CN). Lúc đấu ông ta có tên là Lưu Dương. Ông ta là con trai thứ 4 của Quang Vũ Đế chết. Ông trị vì được 18 năm, bị bệnh chết, thọ 48 tuổi. Mai táng ở Hiển Tiết Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Thời Quang Vũ Đế trị vì đã phong cho Lưu Trang làm Đông Hải Công. Ngày Mậu Tuất tháng 2 năm 57 Lưu Trang lên ngôi kế́ vị ngay sau khi Lưu Tú chết. Sau khi nên ngôi ông ta đổi niên hiệu là "Vĩnh Bình".

Trong những năm Lưu Trang nắm trị vì, ông chú ý chỉnh đốn bộ máy quan lại, nghiêm trị những quan lại có hành vi phạm pháp, giảm nhẹ tô thuế và ít khi mang quân đi chinh phạt các dân tộc thiểu số́.

Điều đó khiến dân chúng có thời gian chăm lo sản xuất và không phải lo âu đi lao dịch. Các nhà sử học gọi thời kỳ này là "Thiên hạ thái bình, muôn dân giàu có".

Lưu Trang còn phái Thái Âm và Tần Cảnh đi Thiên Trúc lâ'y kinh. Năm 67 CN, Thái Âm và Tần Cảnh mới được Lui Sa Môn ở Thiên Trúc đón được Trung Quốc, dùng ngựa tră'ng chở tượng Phật và 42 chương kinh Phật mang về Lạc Dương. Lưu Trang cho xây dựng một ngôi chùa ở phía Đông thành Lạc Dương, kiểu cách của ngôi chùa đó giống như chùa ở Thiên Trúc, xây xong ngôi chùa Phật này, ông sai dẫn con ngựa tră'ng đón đó nuôi dưỡng, vì vậy ngôi chùa được đặt tên là "chùa Bạch Mã". Lưu Trang mất ngày Nhâm Tí tháng 8 năm 75 CN, tại điện Tiền cung Đông thành Lạc Dương. Ông để lại di chieu' là làm tang lễ đơn giản tránh lãng phí".

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Hiển Tông đặt Thụy Hiệu là Minh Đế'.

CHƯƠNG ĐỀ' (LUU ĐẢ) (ĐÔNG HÁN)

Thương Đế', ông tên là Lưu Đả (56 - 58). Ông là con trai thứ 5 của Minh Đế', nên kế vị sau khi Minh Đế' chết. Ông trị vì được 13 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở Kính Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương).

*

Thời Minh Đế' trị vì đã lập Lưu Đả làm thái tử. Ngày Nhâm Tý tháng 8 năm 75. Lưu Đả lên ngôi hoàng đế' ngay sau khi Minh Đế' mất. Sau khi đăng cơ ông đổi niên hiệu là "Kiến Sơ".

Trong những năm Chương Đế' trị vì, ông đã sửa đổi chính sách cai trị của Quang Vũ Đế' và Minh Đế' (trước đây Quang Vũ Đế' và Minh Đế' cấm hoạn quan và họ hàng nhà vợ tham gia công việc triều chính), Chương Đế' sủng ái hoàng hậu Đậu, trọng dụng anh trai của hoàng hậu (anh ta tên là Đậu Hiến) và ưu đãi các hoạn quan, điều này làm cho hoạn quan và họ ngoại từ đó được đặt chân lên vũ đài

chính trị của vương triều Đông Hán, chém giết lẫn nhau tranh quyền đoạt vị tình trạng đó kéo dài cho đến khi vương triều Đông Hán bị diệt vong, dẫn đến cục diện chính trị vô cùng đen tối.

Chương Đế mất ngày Nhâm Thìn tháng 2 năm 88 tại điện tiên cung Chương Đức thành Lạc Dương. Khi chết để lại di chiêu "Tang lễ làm theo tiên đế, phải tiết kiệm".

Sa khi ông chết, lập miếu đặt hiệu là Tiêu Tông, đặt Thụy Hiệu là Chương Đế.

HÒA ĐÊ

(LUU TRIỆU) (ĐÔNG HÁN)

Hòa Đế, tên ông ta là Lưu Triệu (79 - 105). Ông là con trai thứ 4 của Chương Đế, nên kế vị sau khi Chương Đế chết. Ông trị vì 17 năm. Bị bệnh chết, hưởng dương 27 tuổi.

Mai táng ở Thận Lăng (nay thuộc Đông am thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Thời Chương Đế đã lập Lưu Triệu làm thái tử. Ngày Nhâm Thìn tháng 2 năm 88. Lưu Triệu lên ngôi ngay sau khi Chương Đế chết. Sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Nguyên".

Lưu Triệu lên ngôi hoàng đế, lúc đó chỉ có 10 tuổi, do đó mọi công việc triều chính đều do thái hậu Đậu điều hành. Mọi quyền lực đều nằm trong tay Đậu Hiến, các chức vị quan lại trong triều và các quan lại địa phương đều thuộc về tay họ hàng thân thích nhà họ Đậu chức vị nhỏ nhất cũng làm huyện lệnh, nhà họ Đậu còn nuôi dưỡng nhiều khách để giết hại những quan lại không phục tùng họ. Nên chính trị thời Đông Hán bước vào thời kỳ đen tối.

Năm 92, lúc này Lưu Triệu đã 12 tuổi, ông hiểu rõ mọi chuyện. Ông không can tâm làm một con rối trong tay thái hậu, một lòng một dạ muốn cởi bỏ sự khống chế của nhà họ Đậu. Do trong triều

và ngoài triều u đế u có tay chân của Đậu Hiến nên Lưu Triệu chỉ có thể dựa vào viên hoạn quan hứa cậy. Sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với hoạn quan Trịnh Quán, Lưu Triệt đã giết chết Đậu Hiến, tiêu diệt thế lực nhà họ Đậu. Do Trịnh Quán có công lao giúp Lưu Triệt diệt thế lực nhà họ Đậu nên được phong làm chư hầu vương.

Lưu Triệu mất ngày Tân Mùi tháng 12 năm 105 tại điện Tiết cung Khuông Đức thành Lạc Dương.

Sau khi Lưu Triệu chết lập miếu đặt hiệu là Hòa Đế.

THÁI HẬU ĐẶNG (ĐẶNG TUY)

Thái hậu Đặng, tên bà ta là Đặng Tuy (81 - 121). Bà là vợ của Hòa Đế, bà ta chấp chính 16 năm sau khi Hòa Đế chết. Bà ta bị bệnh chết, thọ 41 tuổi. Mai táng ở cạnh Thận Lăng (cạnh mộ của Hòa Đế).

*

Đặng Tuy là người ở Tân Dã (Nam Dương) (nay phía Nam huyện Tân Dã tỉnh Hà Nam), là con gái của Đặng Huân. Bà ta rất thông minh, ham học hỏi, được Hòa Đế tuyển chọn làm quý nhân. Sau khi nhập cung, bà suốt ngày hầu hạ bên hoàng hậu, bà rất lễ phép, tuân theo nết nếp, bà đối xử với các phi tần cũng thân thiện hòa nhã nên mọi người rất quý mến bà. Nết u như các cung nữ có chuyện gì khó khăn bà đều giúp đỡ tận tình. Bà thu được tình cảm tốt đẹp của mọi người trong cung nên Hòa Đế cũng quý mến và hài lòng về Lưu Tuy. Tháng 6 năm 102, Hoàng hậu chẳng may bị ôm chết, tháng 10 Hòa Đế phong Đặng Tuy làm hoàng hậu. Sau hiên ngói bà ra lệnh cấm các quân mang lễ vật cô ng tiễn triều đình, mỗi năm chỉ cấm cô ng tiễn cho triều một ít giá y mực để biểu thị là có lễ tiễn điệu này đã giảm nhẹ gánh nặng cho các quận.

Tháng 12 năm 105 Hòa Đế bị bệnh chết. Hòa Đế lúc sinh thời để đề phòng các con trai bị hoạn quan, ngoại thích (họ hàng nhà vợ) mưu hại do đó đem các hoàng tử gửi vào dân gian. Sau khi Hòa Đế chết, Đặng Tuy sai đón các hoàng tử về cung. Do thái tử Lưu Thanh bị bệnh nặng, nên phải phong Lưu Long làm hoàng đế (lúc

này Lưu Long mới đẻ được 100 ngày), còn Đặng Tuy làm thái hậu, bà thường phải làm triều giải quyết công việc triều chính. Tháng 8 năm 106 Lưu Long bị bệnh chết, bà phải đón Lưu Hộ lên kế vị. Lúc đó Lưu Hộ mới có 13 tuổi, bà lại phải n้อม quyén nghiệp chính.

Thời gian Đặng Tuy châp chính, bà đã phong cho anh trai Đặng Chí làm tể tướng, n้อม giữ mọi quyền lực trong triều. Nhiều chức vị khác bà cũng để cho nhà họ Đặng của họ quản n้อม giữ, bà chuộng Nho học. Với nhân dân, bà chú ý giúp đỡ họ, mỗi khi gặp phải thiên tai bà đều giúp đỡ lương thực. Tháng 5 năm 108, bà đi xem xét nhà ngục ở Lạc Dương, thấy một phạm nhân nhìn bà với vẻ cău cù và thái độ muôn giải bày điều gì đó, do lính cai ngục đang đứng bên cạnh nên phạm nhân đó không dám mở mồm, bà liền cho gọi người phạm nhân đó để tra hỏi, hóa ra phạm nhân đó vô tội, bị vu oan là giết người và bị vào tội chết. Bà lập tức sai người điều tra rõ sự việc và trả lại tự do cho phạm nhân. Thời gian bà nghiệp chính, xã hội tương đối ổn định.

Tháng 3 năm 121 bà bị bệnh chết.

THƯƠNG ĐÊ (LUU LONG)

Thương Đê, ông ta tên là Lưu Long (105 - 106). Ông là con trai của Hòa Đê. Nên kế vị sau khi Hòa Đê chết. Ông ở ngôi vị hoàng đế không được 1 năm thì bệnh chết. Hướng dương 2 tuổi. Ông là một hoàng đế nhỏ tuổi nhất trong lịch sử Trung Quốc. Mai táng ở Khang Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Hòa Đê chết khi Lưu Long sinh được 100 ngày tuổi. Lúc đó vẫn nuôi dưỡng ở trong dân giặc, sau khi Hòa Đê chết, thái hậu Đặng sai người đón Lưu Long về cung lập làm thái tử và đưa lên kế vị vua cha, mọi công việc do thái hậu Đặng giải quyết. Sau khi Lưu Long lên ngôi hoàng đế, thái hậu Đặng cho đổi niên hiệu là "Diên Bình".

Lưu Long mấ́t ngày Tân Hợi tháng 8 năm 106. Lưu Long chết do bị bệnh phong hàn.

Sau khi Lưu Long chết đặt Thụy Hiệu là Thương Đế.

AN ĐẾ (LUƯU HỘ)

An Đế, tên ông ta là Lưu Hộ (94 - 125). Ông là cháu của Chương Đế, con của Lưu Khanh. Ông ta nên kế́ vị sau khi Thương Đế chết. Trị vì 19 năm, và bị chết trên đường đi tuấn ở phương Nam, thọ 32 tuổi. Mai táng ở Cung Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Lưu Hộ là con trai của Thanh Hà Vương Lưu Khanh. Sau khi Thương Đế chết, thái hậu Đặng đón Lưu Hộ về cung, phong cho ông ta làm Trường An Chư, sau đó lập Lưu Hộ làm hoàng đế́ và cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Sơ".

Lúc Lưu Hộ nêu ngôi hoàng đế́, ông ta chỉ có 13 tuổi, mọi công việc triề́u chính do thái hậu Đặng giải quyé́t và có thêm Đặng Trắc trợ giúp. Tháng 3 năm 125 thái hậu Đặng bị bệnh chết, Lưu Hộ chính thức nắm quyé́n diếu hành công việc triề́u chính, ông ta bàn mưu với hoạn quan Quý Nhận tiêu diệt thế lực nhà họ Đặng, giết Đặng Trắc.

Tháng 2 năm 125, Lưu Hộ cùng hoàng hậu và các quý tộc đi du lịch ở miến Nam, đi nửa đường Lưu Hộ bị bệnh, bệnh tình lúc nóng lúc lạnh, ông ra lệnh quay về cung. Vào ngày Đinh Mão tháng 3 đang trên đường trở về cung, lúc này đi tới huyện Diệp (tỉnh Hà Nam) bệnh phát ra nguy kịch. Ông muốn dặn dò chuyện về sau nhưng cấm khẩu không nói ra lời. Chỉ có thể ra hiệu bắng mã́t cho hoàng hậu, rõ i từ giã cõi đời.

Sau khi ông ta chết lấy Thụy Hiệu là An Đế.

THIỆ́ U ĐẾ (LUƯU Ý).

Thiế u Đế , tên ông ta là Lưu Ý (? CN - 125). Ông ta là cháu của Chương Đế , nên kế́ vị sau khi An Đế chế t. Trị vì chưa được 1 năm thì bị bệnh chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lưu Ý là con trai của Tê` Bắc Vương Lưu Thọ. Lúc An Đế còn số ng đã phong cho Lưu Ý làm Bắc Hương Chu. Tháng 3 năm 125 An Đế chế t trên đường đi tuấn, hoàng hậu sợ các đại thấn sẽ ủng hộ Tê` Dương Vương Lưu Bảo làm hoàng đế́ , do vậy bà ta bí mật không phạt tang, sau khi trở về` Lạc Dương mà thông báo việc đau buốn, vào ngày Ấ́t Dậu tháng 3 đón Lưu Ý vào cung phong làm hoàng đế́ .

Lúc đó Lưu Ý tuổi còn rất nhỏ (năm sinh không rõ lắ m), do vậy mọi công việc triế u chính đế u do hoàng hậu (vợ của An Đế) giải quyết họ hàng nhà hoàng hậu đế u nắ m giữ những chức vụ quan trọng, thao túng chính quyến, bà ta còn sai giết hoạn quan thân tín của An Đế nhắm nắm giữ chính quyến.

Lưu Ý mất ngày Tân Hợi tháng 10 năm 125, tại cung điện thành Lạc Dương.

Trong lịch sử gọi ông ta là Thiế u Đế .

THUẬN ĐẾ (LUUU BÀO)

Thuận Đế tên ông ta là Lưu Bảo (115 - 144). Là con trai của An Đế . Sau khi Thuận đế chế t, được hoạn quan giúp nêu ngôi hoàng đế . Ông trị vì được 19 năm, bị bệnh chế t, thọ 31 tuổi. Mai táng ở Hiến Lăng (nay cách 25 km về` phía Đông Bắc thành phố` Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Thời An Đế trị vì đã lập Lưu Bảo làm thái tử, sau An Đế nghe lời xúc xiểm của hoàng hậu Diêm nên đã phế bỏ thái tử và phong cho Lưu Bảo làm Tê` Dương Vương. Sau khi Thuận đế chế t, các hoạn quan trong triế u giuết thái hậu Diêm, tiêu diệt thế lực nhà họ

Diêm. Tháng 11 năm 125 họ lập Lưu Bảo làm hoàng đế¹. Sau khi nêu ngôi, Lưu Bảo cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Kiến".

Nên 11 tuổi, Lưu Bảo đã được làm hoàng đế¹. Ông ta phong cho các hoạn quan giúp ông ta nêu kê² vị (gồm có 19 người) làm chư, điệu³ đó khiê⁴n cho thê⁵ lực của các hoạn quan ngày càng mạnh. Các hoạn quan thao túng công việc triều⁶ chính. Họ còn có thể truyề⁷n chức thê⁵ lực của các hoạn quan và một số⁸ quan lại để mở ra cuộc đấu tranh quyết⁹ đoạt vị.

Lưu Bảo mất ngày Canh Ngọ tháng 8 năm 144 tại điện Tiết¹⁰ ở thành Lạc Dương.

Sau khi ông chết¹¹ đặt Thụy Hiệu là Thuận Đế¹².

LUƠNG THÁI HẬU (LUƠNG NỮ)

(ĐÔNG HÁN)

Lương Nữ là con gái của Lương Thương, bà quê ở Điệu¹³ u Thị (An Định) (nay ở phía Tây Bắc¹⁴ huyện Bình Kinh tỉnh Cam Túc). Bà ta được Thuận Đế¹² chọn làm quý nhân, tháng 1 năm 132 Thuận đế¹² đã lập bà ta làm hoàng hậu. Ít lâu sau cha của bà ta được phong làm đại tướng quân, thâu tóm quyề¹⁵n lực trong triều¹⁶. Sau khi Lương Thương chết¹⁷, anh trai của hoàng hậu nêu kê² nhiệm chức vụ của cha. Sau khi Thuận đế¹² chết¹⁷, thái tử Lưu Bích (lúc này mới có 2 tuổi) nêu kê² vị, mọi công việc trong triều¹⁶ đều do Lương thái hậu giải quyết. Tháng 1 năm 133, Lưu Bình mắng¹⁸c bệnh chết¹⁷. Bà ta lập Lưu Toản làm hoàng đế¹² và nă¹⁹m quyề¹⁵n nhiê¹⁶p chính. Tháng 6 năm 146 Lưu Toản bị bà ta hại chết¹⁷, bà ta lại đón Lưu Chi nêu kê² vị. Lại một lần nữa nă¹⁹m quyề¹⁵n nhiê¹⁶p chính.

Do thái hậu Lương có địa vị trong triều¹⁶, nên nhà họ Lương được thõm lây hiển hách một thời. Nhà họ Lương có 7 người được phong chư hâ¹⁷u, 3 người được lập làm hoàng hậu, 6 người được tâ¹⁸n phong làm quý tộc, 2 người làm đại tướng quân. Trong thời gian nă¹⁹m quyề¹⁵n châ¹⁶p chính, bà ta rât trọng dãi họ hàng, hoạn quan, trọng dụng những viên quan lại vê²⁰ hùa với bà ta. Bà ta còn biểu dương Nho

học triệu tập được 30.000 tái học sinh. Từ đó giành được sự giúp đỡ của bộ máy quan lại trong triều.

Bà ta mât vào tháng 2 năm 150.

XUNG ĐẾ (LUU BÍNH)

Xung Đế, ông ta tên là Lưu Bính (143 - 145). Ông là con trai của Thuận Đế, kế vị sau khi cha chết. Ở ngôi chưa được 6 tháng thì bị bệnh chết, hưởng dương 3 tuổi. Mai táng ở Hoài Lăng.

*

Thuận Đế lúc còn sống đã lập Lưu Bính làm thái tử. Ngày Canh Ngọ tháng 8 năm 144 Lưu Bính lên ngôi hoàng đế́ ngay sau khi cha chết. Và đổi niên hiệu là "Vĩnh Gia".

Lúc này Lưu Bính mới có 2 tuổi, do vậy thái hậu Lương nắm quyến nhiếp chính và anh trai của thái hậu nắm giữ binh quyến trong triều.

Lưu Bính mât ngày Mậu Tuát tháng 1 năm 145 tại điện tiến, lế đường Trung Ngọc đô thành Lạc Dương.

Sau khi Lưu Bính chết đặt Thụy Hiệu là Xung Đế.

CHẤT ĐẾ (LUU TOÁN)

hất Đế, tên ông ta là: Lưu Toản (138 - 146). Ông là cháu của Chuong Đế. Sau khi Xung Đế chết, được thái hậu Lương lập làm hoàng đế́. Ở ngôi chưa được một năm thì bị thái hậu Lương hạ độc chết hưởng dương 9 tuổi. Mai táng ở Tĩnh Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Lưu Toản là con trai của Bột Hai Vương Lưu Hống. Sau khi Xung Đế chết, thái hậu Lương và anh trai bà ta cùng bàn mưu tính kẽ́ dỗ́n Lưu Toản vào cung và phong làm Kiến Bình Lấu, vài ngày sau,

họ lập Lưu Toản làm hoàng đế¹. Sau khi Lưu Toản lên ngôi, cho đổi niên hiệu là "Bản Sô".

Lúc này, Lưu Toản mới có 8 tuổi, do vậy Lương Kí rất chuyên quyền. Tuy Lưu Toản nhỏ tuổi nhưng lại là người thông minh lanh lợi, Lưu Toản không bao giờ lòng vênh thái độ ngang ngược hờn hĩnh của Lưu Kí. Có một lần, Lưu Toản thiết triết mạn đàm với các công khanh, quan lại, ông chỉ tay vào Lưu Kí nói: "Đây là một tướng quân ngang ngược tàn ác". Lương Kí tức giận vô cùng mà không làm gì được. Lương Kí sợ rằng sau này Lưu Toản trưởng thành sẽ không điều khiển được do vậy quyết định hại chết Lưu Toản.

Ngày Giáp Thân tháng 6 năm 146, Lương Kí sai người Lâu lây một ít bánh sồi i tâm độc dâng cho Lưu Toản ăn. Lưu Toản ăn xong được vài canh giờ, ông thấy ruột gan cồn cào, bụng đau dữ dội liền cho gọi thái úy Quý Cố đê n và nói "Trẫm vừa ăn vài cái bánh, bây giờ thấy bụng rất chướng, môm khô và muôn uống nước, vậy có uống được không?" Lương Kí đứng bên cạnh đõi lời: "Uống nước xong có khi sẽ nôn được, đây chắc là bánh hỏng rồi". Lúc này, Lưu Toản càng đau dữ dội, ông lăn lộn trên mặt đất, kêu la thảm thiết. Một lúc sau, Lưu Toản chết.

Sau khi Lưu Toản chết lây Thụy Hiệu là Chất Đế².

HOÀN ĐẾ¹ (LUU CHÍ)

Hoàn Đế¹, tên ông ta là Lưu Chí (132 - 167). Ông là cháu của Chương Đế¹. Sau khi Chất Đế¹ chết Lương Kí lập Lưu Chí làm hoàng đế¹. Ông trị vì 21 năm, bị bệnh chết, thọ 36 tuổi. Mai táng ở Tuyên Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Lưu Chí là con trai của Lã Ngô Hầu Lưu Tang. Sau khi Chất Đế¹ chết, thái hậu Lương và Lương Kí bàn kế hoạch sẽ đưa Lưu Chí vào cung. Ngày Canh Dần tháng 6 năm 146 đã lập Lưu Chí làm hoàng đế¹ và đổi niên hiệu là "Kiến Hòa", về sau còn 6 lần đổi niên hiệu.

Lúc này, Lưu Chí nén 15 tuổi. Lương Kí lại n m giữ toàn bộ quyền hành. Lương Kí càng hung bạo ngang ngược bức hại nhân dân. Về sau khi Lưu Chí trưởng thành, hiểu mọi chuyện nên giữa Lưu Chí và Lương Kí luôn có mâu thuẫn. Lương Kí lén lút sai người giết mẹ của quý nhân Lương (một quý nhân được Lưu Chí vô cùng sủng ái), Lưu Chí tức giận mà không làm gì được Lương Kí đành ngâm bô hòn làm ngọt. Nhưng vào năm 159, Lưu Chí liên kết với một số hoạn quan, nhân cơ hội Lương Kí không chuẩn bị đã phát động hơn 1000 quân lục lâm bao vây phủ đệ của Lương Kí, giết chết Lương Kí, tiêu diệt hơn 300 đồng đảng. Sau khi dẹp yên vây cánh nhà họ Lương, Lưu Chí phong cho 5 viên hoạn quan làm chư, lúc này chính quyền lại rơi vào tay bọn hoạn quan.

Năm 166 CN, các quan viên, thái học sinh ngoại thích liên kết với nhau phản đối i bọn hoạn quan, Lưu Chí lập tức hạ chiếu sai bắt giữ hơn 200 người. Lưu Chí mất ngày Đinh Sửu tháng 12 năm 167 tại điện Đức Âm.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Hoàn Đế.

LINH ĐẾ (LUU HOANG)

sinh Đế, ông ta tên là Lưu Hoảng (166 - 189) là cháu 5 đời) và ông là con trai của Lưu Thường. Sau khi Hoàn Đế chết, hoàng hậu Đậu đã lập Lưu Hoảng làm hoàng đế. Ông trị vì được 22 năm, bị bệnh chết, thọ 34 tuổi. Mai táng ở Văn Lăng (nay thuộc phía Đông Bắc c thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Sau khi Hoàn Đế chết, Hoàng hậu Đậu đã lập Lưu Hoảng làm hoàng đế, lễ đăng quang được tổ chức vào ngày Canh Tí tháng 12 năm 167. Sau khi ông n n ngôi đã cho đổi niên hiệu là "Kiến Ninh".

12 tuổi Lưu Hoảng n n ngôi hoàng đế, vì vậy thái hậu Đậu phải l m triều giải quyết công việc triều chính, họ hàng nhà hoàng hậu cũng n m giữ công việc trong triều, Đậu Vũ được phong làm t  tướng. Đậu Vũ liên kết bè phái diệt bọn hoạn quan, nhưng Đậu Vũ chưa kịp ra tay thì đã gặp nạn. Năm 168 hoạn quan liên kết với nhau

giết chết Đậu Vũ, Trân Phan diệt vây cánh nhà họ Đậu... lúc này quyên lực của bọn hoạn quan đạt tới đỉnh cao. Tiếp đó bọn hoạn quan đã xúi bầy Lưu Hoảng bắt giam hơn 100 người (những người này thuộc bè phái nhà họ Đậu), bắt giữ hơn 700 thái học sinh. Năm 176, Lưu Hoảng viết chiêu phản là những đảng nhân môn sinh, cha con anh em... có liên quan tới nhà họ Đậu... đều không được làm quan trong lịch sử gọi đây là tai họa của bè phái".

Lưu Hoảng rát hoang dâm, ăn chơi xa xỉ, để kiêm chắc tiền của, ông ta rao bán chức tước ngay tại Tây Viên và còn cho phép những ai chưa đủ tiền có thể nợ ông ta, bao giờ có thì trả, nên chính trị thời rữa đèn cực điểm. Ngân khố của quốc gia trống rỗng, nhiều người dân phải sống lưu vong mọi gánh nặng đổ về vào đầu người nông dân. Cuối cùng không thể chịu được sự đe ép của Lưu Hoảng và quan lại đã nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân của Hoàng Cân.

Tháng 4 năm 189, Lưu Hoảng bị bệnh, ông ta nằm bếp trên giường không thể thiết triều, các quan phải dâng biểu nói ông ta sặc phong thái tử, nhưng ông ta cũng không thể ngồi dậy phê chuẩn được... Lưu Hoảng mất ngày Bính Tuất tại điện Gia Đức ở nội cung đô thành Lạc Dương.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Linh Đế.

THIẾU ĐẾ (LUU BIEN)

(ĐÔNG HÁN)

Thiếu Đế, ông ta tên là Lưu Biện (175 - 189). Ông nên kế vị sau khi Linh Đế chết. Ông ở ngôi chưa được 6 tháng thì bị Đồng Trác phê truất và hạ độc. Ông hưởng dương 15 tuổi. Mai táng ở gần thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

*

Lưu Biện là con trai của Linh Đế. Sau khi Linh Đế chết, các quan lại đã lập Lưu Biện làm hoàng đế và đổi niên hiệu là "Quang Hỉ".

14 tuổi Lưu Biện đã làm hoàng đế, do vậy thái hậu khôi phái nǎ́m quyến chấp chính, anh trai của thái hậu là Khả Tiến được phong làm tể tướng. Khả Tiến xuất thân trong một gia đình phú hộ, ông ta muốn dựa vào Đổng Trác để giết các hoạn quan. Nhưng các hoạn quan đã liên kêt với nhau giết Khả Tiến. Viên Triệu khởi binh giết chết hơn 2000 hoạn quan. Tháng 9 Đổng Trác mang quân đánh vào thành Lạc Dương đuổi bắt Viên Triệu, giết thái hậu Khả. Ngày Giáp Tuất, Đổng Trác đã phế truất Lưu Biện và phong cho ông ta làm Hoắng Y Vương.

Thế lực của hoạn quan và ngoại thích đã bị tiêu diệt hết. Vương triếu Đông Hán bị cuộc khởi nghĩa của Hoàng Cân đánh cho tan tác. Kết thúc được cục diện chém giết lận nhau. Từ đó vương triếu Đông Hán chỉ tó́n tại trên danh nghĩa mà thôi, bọn cường hào địa chủ mở ra một cuộc hỗn chiến đên cuống.

Tháng 1 năm 190, Lưu Biện bị hạ độc chết.

Trong sử sách gọi Lưu Biện là Thiếu Đế hay còn gọi là Hoắng Y Vương.

HIÉN ĐẾ (LUU HIỆP)

(ĐÔNG HÁN)

Hiến Đế, tên ông ta là Lưu Hiệp (181 - 234) tên tự là: Bác Hòa. Ông là con trai thứ 3 của Linh Đế, và là em trai của Thiếu Đế. Ông trị vì được 31 năm bị Tào Phi phế truất, sau đó bệnh chết. Thọ 54 tuổi. Mai táng ở Đơn Lãng (nay thuộc thôn Tiểu Phong huyện Tu Vũ tỉnh Hà Nam).

Lưu Hiệp được phong làm Trấn Lưu Vương. Tháng 9 năm 189 Đổng Trác phế bỏ Lưu Biện và lập Lưu Hiệp làm hoàng đế́. Ông cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Hán", tháng 12 lại đổi niên hiệu là "Trung Bình". Trước đó niên hiệu của Lưu Biện là "Quang Hỉ" sau đó lại đổi là "Chiêu Ninh". Như vậy trong một năm đổi niên hiệu 4 lấn, trong lịch sử năm này được coi là năm đổi niên hiệu nhiếu nhất trong thời kỳ Đông Hán.

Lưu Hiệp nên kế vị bị Đổng Trác thúc ép phải dời đô đến Trường An. Sau khi Đổng Trác bị Vương Sung giết, Lưu Hiệp lại được Quý Tước mang đi. Năm 196, Lưu Hiệp lại bị Tào Tháo đón về` và bắt dời đô đến thành Hứa (nay thuộc phía đông thành phố Hứa Xương tỉnh Hà Nam) và trở thành một con rối trong tay Tào Tháo.

Ngày Ấ́t Mão tháng 10 năm 220. Lưu Hiệp bị Tào Phi phế truất, giáng xuống làm Sơn Âm Công và phải cư trú ở Sơn Âm (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Tu Vũ tỉnh Hà Nam). Vương triếu Đông Hán bị diệt vong hoàn toàn. Hai người con gái của Lưu Hiệp còn bị Tào Phi cướp đi.

Lưu Hiệp mâm t ngày Canh Dấn tháng 3 năm 234.

Sau khi chết đặt Thụy Hiệu là Hiến Đế.

TAM QUỐC

(220 - 280, tổng cộng 60 năm)

Kết quả của cuộc hỗn chiến chinh phạt lẫn nhau xảy ra vào những năm cuối thời Đông Hán đã hình thành thời kỳ Tam Quốc: Ngụy, Thục, Ngô. Thời kỳ này là thời kỳ hội hợp các anh tài, phân hóa lực lượng, đua nhau tranh hùng. Cả 3 nước đều có ý đồ thống nhất Trung Quốc.

NGUY

(220 - 265, tổng cộng 46 năm)

Nước Ngụy có 5 hoàng đế, trong đó có 2 người bị bệnh chết, một người bị thuộc hạ giết, 2 người bị quân thù bắt truất.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về Tào Tháo. Ông ta bị bệnh chết.

VŨ ĐẾ (TÀO THÁO)

(NGUY)

Vũ Đế, tên ông ta là Tào Tháo (155 - 220) tên tự là Mạnh Đức,号 i nhỏ ông ta còn có tên là A Mân. Ông ta có ông nuôi là hoạn quan. Trên thực tế ông ta là người gây dựng nên nước Ngụy. Ông bị bệnh chết, thọ 66 tuổi. Mai táng ở ngoại ô Bát Minh

*

Tào Tháo quê ở Báu Quốc Kiêu (nay là huyện Hào tỉnh An Huy), xuất thân trong gia đình nghèo khổ, bố của Tào Tháo là con nuôi của một viên hoạn quan. Từ nhỏ Tào Tháo đã là người thông minh nhanh nhẹn, ông ta còn biết võ thuật. Hai mươi tuổi, ông ta làm Bác đố úy ở Lạc Dương, ít lâu sau được làm huyện lệnh huyện Đô n Khâu. Sau khi nổ ra cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân, ông ta lại nhậm chức kỵ đố úy, tiếp đó ông ta có công dẹp quân của Hoàng Cân nên được

phong làm Tế Nam Tướng. Năm 192 ông ta chiế m lĩnh đấ t Duyễn Châu (nay ở phía Tây Bắc huyện Kim Hương tỉnh Sơn Đông), ông ta mang quân đánh vào cứ địa Thanh Châu của Hoàng Cân, Tào Tháo chọn ra 300.000 quân tinh nhuệ gọi là "quân Thanh Châu", thế lực của ông ta bắt đấu lớn mạnh. Về sau, ông ta còn sử dụng nhiếu phương thức dựa dẫm hoặc mướn tay người khác để thống nhất miến bắc:

- Thứ nhất: Năm 196, ông ta đã bắt giữ Hán Hiến Đế đến vùng Hứa Xương "ép buộc thiên tử để ra lệnh cho các chư hấu" (khống chế hoàng đế, dùng danh nghĩa hoàng đế để ra lệnh), giành được ưu thế trong vũ đài chính trị.

- Thứ hai: Đối mặt và cục diện xã hội thối nát nghèo nàn, ông ta cho triệu tập các cư dân sống lưu vong, một sống ruộng hoang giao cho quân đội bắt họ phải tự cày ruộng để trống lúa, đây được gọi là "quân đô`n", khiến cho nến kinh tế́ của phương bắc dấn được khôi phục. Như vậy đã làm tăng thêm tiếm lực kinh tế́ của ông ta.

- Thứ 3: Chú ý chiêu nạp nhân tài, 3 lấn công bố sắc lệnh nói "ai có tài thì sẽ thu nhận", cho dù thuộc bất kỳ đẳng cấp nào, chỉ cấn có "chiến thuật trị nước phải dùng binh", đếu có thể làm quan. Điều đó giúp ông ta thu nạp được vô sốnhân tài.

Tào Tháo không chỉ coi trọng những quan lại có học mà còn chọn lựa con rể phải có tài, ham học hỏi, hiểu biết xã hội. Tào Tháo có một cô con gái rất đẹp, có rất nhiếu vương tôn công tử biết tiếng cô ta đếu đến cấu hôn. Tào Tháo thấy họ đếu thuộc con nhà giàu sang phú quý nên đã từ chối tất cả. Về sau, ông ta nghe nói có một thư sinh tên là Đinh Nghĩa, từ nhỏ anh ta đã là một người ham học, đã đọc rất nhiếu sách, nói chung là một con người có học vấn, chỉ có điếu diện mạo anh ta rất xấu xí. Tào Tháo quyết định gả con gái cho anh ta. Con trai ông ta là Tào Phi nghe thấy tin đó vội vàng chạy đến khuyên can cha nói: "Đinh Nghĩa tuy là người có học, nhưng diện mạo lại xấu xí, nếu để cho em gái đường đường là một công chúa phải lấy một người xấu xí, quả thật hạ́p thân phận". Tào Tháo trả lời một cách nghiêm túc "Chọn người phải chọn ai có tài, chọn con rể cũng phải chọn người có tài đức kiêm toàn. Đinh Nghĩa là

người có nhiều tài năng, tất nhiên diện mạo phải không đẹp. Con nêu nhớ, người trong thiên hạ không ai hoàn hảo về tất cả mọi mặt".

Không lâu sau, Tào Tháo sai người gọi Đinh Nghĩa để n phủ để thử học ván của anh ta. Đinh Nghĩa đã i đáp rất trôi chảy, nói chuyện lễ phép, tài hoa hơn người. Tào Tháo liền gả con gái cho anh ta. Vài ngày sau ông ta cho tổ chức hôn lễ.

Tào Tháo dựa vào một số điều kiện này bắt đầu phát động cuộc chiến tranh thống nhất miền Bắc. Chỉ trong vài năm đã tiêu diệt nhiều thế lực thống nhất miền Bắc.

Năm 208, Tào Tháo thống lĩnh đại quân đánh xuống phía Nam, có ý đồ thống nhất miền Nam trong trận chiến Xích Bích bị liên quân Tôn Quyền - Lưu Bị dùng hỏa công đánh bại, bị tổn thất nghiêm trọng phải dẫn quân về miền Bắc, tạo thành cục diện chân vạc 3 nước.

Năm 208, Tào Tháo được tấn phong làm thừa tướng. Năm 216 CN, ông ta được phong làm Ngụy Vương.

Tào Tháo rất giỏi dùng binh, am hiểu binh pháp. Ông ta cũng rất giỏi về thơ văn.

Tháng 1 năm 220, Tào Tháo bị bệnh nặng, ông ta dặn dò các thuộc hạ thân tín, sau khi ông ta chết phải làm 72 ngôi mộ giả để phòng bị đào bới lây xác. Tào Tháo mất ngày Canh Tí tại Lạc Dương.

Mộ của Tào Tháo nằm ở đâu? Đây là một bí mật rất khó giải đáp. Ông ta có tận 72 ngôi mộ giả, 72 ngôi mộ này nằm rải rác ở thành Giảng Vũ cho đến Tứ Châu. Những năm đầu thời dân quốc, một số ngôi mộ này được khai quật nhưng bên trong chỉ có mộ chí, rõ i đến một loạt mộ của các vương công đại thần thời Bắc Ngụy. Bắc Tề, cũng được khai quật, nhưng cũng không tìm thấy mộ Tào Tháo.

Có một số người cho rằng mộ thật của Tào Tháo hiện nay nằm ở nhà thờ Tây Môn Báo thị trấn Phong Lạc thuộc phía tây huyện Lâm Chương. Nhưng nhà thờ Tây Môn Báo được xây dựng từ năm 554, mà Tào Tháo lại chết vào năm 220.

Vào những năm đầu Thuận Trị, nước sông Chương Hà khô cạn. Một số người dân thấy trong lòng sông có một tảng đá lớn bên cạnh có một khe hở, họ rất ngạc nhiên. Họ liền tìm cách chui vào, vào bên trong có một phòng đá, trong phòng có một chiếc giường đá, trên giường có một người nằm, mặc trang phục của bậc đế vương. Ở giữa đặt một tấm bia, viết người nằm trên giường tên là Tào Tháo. Các cư dân liền chặt bỏ thi thể. Căn cứ vào điều đó, có người cho rằng: mộ Tào Tháo không phải xây trên mặt đất mà xây ở dưới đáy sông Chương Hà.

Căn cứ vào thư tịch cổ, cũng có thể biết được mộ thật của Tào Tháo nằm ở địa khu này. Vì tháng 2 Tào Tháo chết, Tào Phi theo lệnh của cha đã mang thi thể an táng tại đất Nghiệp (nay thuộc huyện Lâm Chương tỉnh Hà Nam).

Sau khi Tào Phi nêu ngôi hoàng đế, đã tôn Tào Tháo làm Vũ Đế.

VĂN ĐẾ (TÀO PHI)

Văn Đế, ông ta tên là Tào Phi (187 - 226), tên tự của ông ta là Tử Hạng. Ông là con thứ hai của Tào Phi. Sau khi Tào Phi bị bệnh chết, ông ta đã kế nhiệm chức vụ: Ngụy Vương, sau này ông ta phế bỏ Hán Hiến Đế và tự lập làm hoàng đế. Ông ta trị vì được 7 năm, bị bệnh chết, thọ 40 tuổi. Mai táng ở Thủ Dương Lăng (nay phía Nam núi Thủ Dương huyện Mênh Chì tỉnh Hà Nam).

*

Tào Phi từng làm đế n chức vụ Trung lang tướng, phó thừa tướng. Em trai của Tào Phi tên là Tào Thực. Tào Thực là một người thông minh phi phàm, nên 10 tuổi đã biết làm thơ viết văn Tào Tháo rất yêu quý Tào Thực và có ý định lập Tào Thực làm thái tử. Tào Phi rất ghen tức, luôn luôn tìm cách chiếm đoạt ngôi vị thái tử của Tào Thực.

Tào Phi luôn nghĩ ra mọi cách để hại Tào Thục, mặt khác Tào Phi còn kêu t thân với các nội thị và các đại thần, Tào Phi làm như vậy cốt để họ nói tốt với Tào Tháo. Một lần, Tào Tháo sai Tào Thục mang quân đi đánh trận không ngờ Tào Phi biết được tin này. Liền sai người mời Tào Thục đến uống rượu và chuộc cho Tào Thục uống say mèm, đúng lúc đó Tào Tháo sai người gọi Tào Thục đến, nhưng Tào Thục uống say ngủ li bì gọi mãi không tỉnh dậy. Tào Tháo tức giận liền tước bỏ tư cách thống lĩnh quân đội của Tào Thục, Tào Phi cho rằng Tào Thục buông thả không ràng buộc gì không có ý chí để làm việc lớn, do vậy đã từ bỏ ý định lập Tào Thục làm thái tử. Năm 217, Tào Tháo đã lập Tào Phi làm thái tử.

Sau khi Tào Phi chết, Tào Phi đã kế nhiệm chức vị thừa tướng, Ngụy Vương. Ngày Canh Sửu tháng 10 năm 220, Tào Phi đã phế truất Hán Hiến Đế và tự nêu ngôi hoàng đế, ông ta đặt quốc hiệu là "Ngụy", đặt đô ở Lạc Dương, đổi niên hiệu là "Hoàng Sơ". Trong lịch sử gọi là "Tào Ngụy".

Sau khi Tào Phi nêu ngôi hoàng đế, ông ta đã củng cố chế độ đặc quyền của bọn cường hào địa chủ trong nền chính trị.

Tào Phi rất thích văn học, ông ta thường cùng các văn nhân nổi tiếng uống rượu xướng họa, giao lưu mật thiết với nhau, và ông ta trở thành người đương đầu trong giới văn học. Tào Phi rất ghét tài văn thơ của Tào Thục, hơn nữa lại sợ Tào Thục biết chuyện tranh đoạt ngôi vị nên đã nghĩ kế hại Tào Thục. Một hôm, Tào Phi sai gọi Tào Thục đến trước mặt bá quan văn võ, ra lệnh cho Tào Thục đi 7 bước chân phải làm xong một bài thơ, nếu không được sẽ xử tội chết. Tào Thục ngẫm nghĩ một lúc, liền rảo bước, cứ đi một bước lại đọc một câu thơ, không đến 7 bước chân đã hoàn thành bài thơ:

"Dùng cành đậu nâu cây đậu
Đậu trong nồi ngọt i khóc
Vốn một mẹ sinh ra
Sao nâu nhau chín thê"

Tào Thực đã dùng mṓ i quan hệ giữa cành đậu và cây đậu để ám chỉ tình cảm anh em, cṓ ý nhắ c nhở anh trai không nên sát hại em trai. Tào Phi nghe xong rấ t hổ thẹn áy náy, hơn nữa lại bị mẹ trách mắ ng, ông đành phải miễn tội chế t cho Tào Thực, nhưng ông đưa Tào Thực ra khỏi Lạc Dương.

Tào Phi cũng làm được khá nhiế u thơ, lưu truyế n đế n ngày nay có khoảng 40 bài. Ông ta lại thiên về` tân văn, đặc biệt tinh thông về thư tín. Tác phẩm "Điển luận, luận văn" của ông ta, là một tác phẩm phê bình lý luận về` văn nghệ tương đố i sớm ở Trung quố c. Người ở thời Minh đã lấ y thơ văn của ông ta biên tập thành cuố n "Ngụy văn đế tập" và còn lưu truyế n đế n ngày nay.

Tháng 5 năm 226, Tào Phi bị bệnh nặng, ông bí mật hạ lệnh cho Đại tướng quân Tào Trực, tướng Trấ n Quân, Tư Mã Ý... phải giúp đỡ lập Tào Nhuệ nên kế vị. Ông mā́ t ngày Đinh Tị tại điện Trung Tho đô thành Lạc Dương.

Sau khi ông ta chế t đặt Thụy Hiệu là Văn Đế .

MINH ĐẾ (TÀO NHUỆ) (NGUYỄN)

Minh Đế , ông ta tên là Tào Nhuệ (205 - 239), tên tự của ông là Nguyên Trọng. Ông là con trai cả của Văn Đế , ông nên kế vị sau khi văn đế chế t. Ông ta trị vì được 13 năm thì bị bệnh chế t, thọ 35 tuổi. Mai táng ở Cao Bình Lăng (nay ở núi Đại Thạch phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Tào Nhuệ được phong những chức vụ như: Vũ Đức hấ u, Tê` Công, Bình Nguyên Vương... Lúc Văn Đế sắ p chế t đã lập ông ta làm thái tử. Sau khi Văn Đế chế t, ông đã nên ngôi hoàng đế . Sau khi nên ngôi đồi niên hiệu là "Thái Hòa.

Sau khi nên ngôi, ông ta cho xây dựng nhà cửa thành ấ p ông ta rấ t coi trọng các văn sĩ, ông cho triệu tập họ và cổ vũ việc nghiên cứu học thuật. Việc nấ y rấ t có lợi đố i với sự phát triển văn hóa. Ông ta

cũng giỏi về thơ văn và được tôn là tổ sư trong "Tam Tổ" ở thời Tào Ngụy, "Tam Tổ" gồm có 3 người: Tào Tháo, Tào Phi, Tào Nhuệ.

Tháng 1 năm 239, ông bị ôm nặng, ông vội vàng sấp xỉ p chuyện về sau, ông lập ái phi Quách làm hoàng hậu, và sai gọi Tư Mã Ý vào cung nhờ trợ giúp thái tử. Ngày Đinh Hợi, Tư Mã Ý nói: "Trẫm không thể qua khỏi được, mọi việc từ nay về sau phải nhờ khanh giúp đỡ" và còn chỉ vào đứa con trai 8 tuổi đang dung bên cạnh nói: "Đây chính 2 người kế vị trẫm khanh hãy nhìn cho rõ, kẻo không khéo lại làm hỏng việc". Rồi ông ra lệnh cho Tào Phương phải ôm cỗ Tư Mã Ý. Sau khi Tư Mã Ý hứa sẽ hé t lòng phò tá Tào Phương. Tào Nhuệ lại nói: "Như vậy thì tôi rõ i, trẫm mong khanh cùng với Tào Sảng cùng nhau giúp đỡ Tào Phương. Trước lúc lâm chung trẫm nhờ khanh làm được việc đó là trẫm có thể yên tâm nhãm mả t ra đi". Sau đó Tào Nhuệ cho triệu Tào Sảng đến (Tào Sảng làm đại tướng quân, đô đốc quản lý về quân sự, bắt Tào Sảng phải hứa sẽ cùng với Tư Mã Ý phụ giúp Tào Phương. Sau khi đã dặn dò các quan thần chu đáo, ông ra lệnh sắc phong cho Tào Phương làm thái tử.

Tào Nhuệ mất ngày Đinh Hợi tháng 1 năm 239 tại cung Gia Phú.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Minh Đế.

TÊ VƯƠNG (TÀO PHƯƠNG)

Tào Phương (232 - 274) tên tự của ông ta là: Lan Khanh. Ông là con nuôi của Minh Đế, nên kế vị sau khi Minh Đế chết. Ông trị vì được 15 năm, sau đó bị Tư Mã Sư phê truất - Bị bệnh chết, thọ 43 tuổi.

*

Tào Phương đã được Tào Nhuệ lập làm thái tử. Ngày Đinh Hợi, Tào Phương đã nêu ngôi hoàng đế. Sau khi nêu ngôi ông đổi niên hiệu là "Chính Thủy".

Thời kỳ Tào Phương trị vì, Tào Sảng và Tư Mã Ý cùng nhau nắm chính quyền. Tào Sảng lo thê lực của Tư Mã Ý ngày một mạnh, nên đã ngầm ngầm ám hại Tư Mã Ý, tìm cách tước bỏ binh quyền của

Tư Mã Ý. Tư Mã Ý giả vờ bị bệnh nặng, không thể vào yết kiết n hoàng đế, đây là cơ hội tốt nhất để ông ta thực hiện ý định của mình là nhầm tiêu diệt Tào Sảng.

Tết Nguyên Đán năm 249. Tào Phương và Tào Sảng cùng đi ra ngoại thành cùng tế và quét Lăng Cao Bình (lăng mộ của Tào Nhuệ). Tư Mã Ý nhân cơ hội đó chiếm giữ Lạc Dương và đã mượn danh nghĩa thái hậu để bãi miễn chức vụ Đại tướng quân của Tào Sảng. Ít lâu sau lại ghép Tào Sảng vào tội danh mưu phản để giết chết ông ta, như vậy chỉ có một mình Tư Mã Ý thâu tóm mọi quyền hành. Từ đó chính quyền Tào Ngụy thực sự rơi vào tay họ nhà Tư Mã.

Năm 251, sau khi Tư Mã Ý chết, 2 người con trai của ông ta là Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu đã thâu tóm mọi quyền hành trong triều. Hai người đó rất hung bạo ngang ngược, đại thần nào có lời dị nghị lập tức bị bọn họ trừ bỏ. Tào Phương hận anh em họ tới tận xương tủy đã nghỉ mưu mô bàn tính với thuộc hạ thân tín chuẩn bị tước bỏ binh quyền của hai anh em nhà Tư Mã. Không ngờ, sự việc lại bị tiết lộ. Tư Mã Tư đã sai người khống chế Tào Phương, sau đó lây di chiêu của thái hậu để phế bỏ địa vị hoàng đế của Tào Phương vào ngày Giáp Tuất tháng 9 năm 254, giáng Tào Phương làm Tề Vương và cho đền ở trong một ngôi nhà cũ và còn nói rằng nếu không có tuyên chiêu của hoàng đế thì Tào Phương không được phép vào cung. Tào Phương phải đành lòng từ biệt thái hậu, khóc cáo biệt các quan thần, đau lòng rời khỏi cung điện.

Về sau Tư Mã Viêm phế nhà Ngụy để lập nhà Tần, ông ta đã giáng Tào Phương làm Thiệu Lăng Công, chuyện về sau ra sao không rõ lắm.

Trong lịch sử gọi Tào Phương là Thiếu úy Đế.

CAO QUÝ HƯƠNG CÔNG (TÀO MAO)

Cao Quý Hương Công, tên ông ta là Tào Mao (241 - 260). Ông ta là cháu của Văn Đế và là con trai của Tào Sương. Sau khi Tào Phương bị phế truất, Tư Mã Sư đã lập Tào Mao làm hoàng đế. Ông ta trị vì được 7 năm thì bị Thành Tề là tay chân của Giả Sung (một

thuộc hạ của Tư Mã Triệu) gié́ t ché́ t, ông thọ 20 tuổi. Mai táng ở thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam ngày nay.

*

Tào Mao là con trai của Đông Hải Vương Tào Sương, do đó Tào Mao được phong làm Cao Quý Hương Công. Tháng 9 năm 254 Tư Mã Sư phế truá́ t Tào Phượng vào ngày Kỷ Sửu tháng 10 năm 254 đã lập Tào Mao làm hoàng đế́, đổi niên hiệu là Chấ t Nguyên.

Sau khi Tư Mã Sư bị bệnh ché́ t, em trai ông ta là Tư Mã Chiêu chuyên quyế n, ông ta còn hung bạo ngang ngược hơn anh trai rấ t nhiế u, hắ ng ngày Tư Mã Chiêu thường mặc long bào của hoàng đế́, có ý đố thay thế địa vị của Tào Mao.

Tào Mao không còn đủ sức nhẫn nại, ông ta không muố n làm một con rố i trong tay Tư Mã Chiêu. Ngày Kỷ Sửu tháng 5 năm 260 ông đã sai gọi 3 vị thượng thư mà ông cho là có thể tin tưởng vào cung và nói với họ: "Các khanh đế u biế t dã tâm của Tư Mã Chiêu, trẫm không thể ngố i đợi Tư Mã Chiêu phế truá́ t trẫm, do đó trẫm quyế t định một số ng một ché́ t với ông ta. Các khanh hãy cùng trẫm loại bỏ tên nghịch tặc đó", không ngờ, hai vị thượng thư đã đi mật báo cho Tư Mã Chiêu biế t ý định của Tào Mao.

Tào Mao không am hiểu về` việc quân lại không biế t mưu lược, ông ta triệu tập được vài trăm vệ binh, tôi tú, nô bộc... cùng xuấ t binh đi đánh Tư Mã Chiêu. Ông cấ m kiế m ngọc, dẫn đấ u đoàn quân tiế n thắng tới nhà Tư Mã Chiêu. Thuộc hạ ra chặn đánh. Hai bên đánh nhau, Tào Mao hô hào binh lính tiế n lên. Giả Sang thấ y hoàng đế xông đế n nên không dám tiế n lên phía trước. Thuộc hạ của Giả Sang là Thành Tế thấ y vậy vội hỏi: "Bây giờ phải làm gì" - Giả Sung nói: "Hàng ngày tướng công nuôi dưỡng các ngươi để làm gì, sao các ngươi còn hại gì nữa?" Thành Tế thấ y Giả Sang trả lời như vậy, liế n thúc ngựa xông đế n trước mặt Tào Mao. Tào Mao phẫn nộ hét nê: "Trẫm là thiên tử, tại sao nghịch tử lại dám vô lễ như vậy". Thành Tế không đáp, cấ m cái mâu lao thẳng đế n. Tào Mao vội vàng giơ kiế m chố ng đõ khiế n Thành Tế càng hung dữ, cấ m cái mâu đâm thẳng vào ngực Tào Mao khiế n ông ta ngã xuố ng xe.

Thành Tế thấ y Tào Mao bị ngã xuố ng liế n dùng mâu đâm chế t Tào Mao.

Sau chuyện đó, Tư Mã Chiêu thấ y quấ n thấ n dì nghị liế n giế t chế t Thành Tế . Tư Mã Chiêu còn lấ y danh nghĩa của thái hậu để công bố chiế u thư, liệt kê rấ t nhiế u tội của Tào Mao, hạ ông ta làm thú dân (mặc dù Tào Mao đã chế t) Tào Mao chế t không có thụy hiệu, trong lịch sử gọi ông ta là Cao Quý Hương Công.

NGUYÊN ĐẾ (TÀO HUÁN)

guyên Đế , ông ta tên là Tào Huán (240 - 302). Tên tự của ông ta là: Kinh Minh. Nên kẽ́ vị sau khi Tào Mao chế t. Ông trị vì được 6 năm, bị Tư Mã Viêm phế truấ t, sau đó bị bệnh chế t, thọ 57 tuổi. Mai táng ở ngoại ô Bấ t Minh.

*

Tào Huán là cháu của Vũ Đế , ông ta được phong làm Thường Đạo Hương Công. Sau khi Tư Mã Chiêu sai giế t Tào Mao, ngày Giáp Dấn tháng 6 năm 260 đã lập Tào Huán làm hoàng đế và ông ta đổi niên hiệu là "Cánh Nguyên".

Tuy Tào Huán làm hoàng đế nhưng không hê` có chút quyế n lực gì, nhấ t nhấ t đế u nghe lệnh của Tư Mã Chiêu. Ngày Nhâm Tuấ t tháng 12 năm 265 Tư Mã Viêm xưng làm hoàng đế (lúc đó Tư Mã Chiêu đã chế t), ông ta phế truấ t Tào Huán và giáng Tào Huán làm Trấn Lưu Vương và bị đuổi đế n số ng ở thành Kim Dung (nay thuộc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Vê` sau Tư Mã Viêm lại bắ t Tào Huán dời đế n đô thành Nghiệp.

Năm 302, Tào Huán bị bệnh chế t ở thành Nghiệp.

Sau khi chế t, ông ta được đặt thụy hiệu là Nguyên Đế . Các nhà sử học còn quen gọi ông ta là Thường Đạo Hương Công.

THỰC HÁN

(221 - 263, tổng cộng 43 năm)

Nước Thục có hai vị hoàng đế¹, trong đó một người bị bệnh ché²t, một người do mā³t nước nên đã đâ⁴u hàng cuô⁵i cùng cũng bị bệnh ché²t.

*

CHIÊU LIỆT ĐẾ¹ (LUU BỊ) (THỰC HÁN)

Chiêu Liệt đế¹, ông ta tên là Lưu Bị (161 - 223), tên tự của ông ta là Huyê²n Đức. Ông trị vì được 3 năm, bị bệnh ché²t, thọ 63 tuổi. Mai táng ở Huệ Lãng (nay thuộc ngoại thành phía Nam thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên).

*

Cha của Lưu Bị ché²t sớm do vậy hoàn cảnh gia đình râ³t túng bâ⁴n, mẹ ông phải tê⁵t dép cỏ và chiê⁶u mang đi bán để kiê⁷m sô⁸ng qua ngày. Ông ta không thích đọc sách mà chỉ thích nuôi báo nuôi ngựa, thích âm nhạc. Ông còn thích kê⁹t giao với các hào kiệt. Nhờ sự giúp đỡ của mọi người, trong một dịp đi chiêu bă¹⁰t mua ngựa, ông đã quen biê¹¹t và kê¹²t thân với hai tướng sĩ là Quan Vũ và Trương Phi. Lưu Bị thâ¹³y hai người đó có võ nghệ cao cường, lại cùng chung chí hướng với ông ta nên râ¹⁴t tâm phục. 3 người đó tình thâ¹⁵n như anh em, họ đã kê¹⁶t nghĩa làm anh em tại vườn đào, thê¹⁷sô¹⁸ng ché²t cùng nhau cùng chung sự nghiệp.

Sau khi Lưu Bị khởi binh, vì ông ta có công trong cuộc trâ¹⁹n áp²⁰ cuộc khởi nghĩa của Hoàng Cân nên được phong làm An Hỉ Úy. Vê²¹sau, ông ta dựa vào Công Tôn Toán nên đã thô²²ng lĩnh hai châu mục. Do lực lượng của Lưu Bị nhỏ bé nên phải dựa vào Tào Tháo, Lưu Biểu. Ông ta nhận thâ²³y ră²⁴ng nê²⁵u đứng riêng một ngọn cờ khai trương cục diện mới tâ²⁶t sẽ chiêu nạp được nhân tài. Ông ta nghe nói ở vùng Ngọa Long (Nam Dương) (nay thuộc Tây Nam thành phố²⁷ Nam

Dương tỉnh Hà Nam) có một nhân tài kiệt xuất tên là Gia Cát Lượng - sống ở ẩn cư tại Long Trung (nay thuộc phía Tây huyện Tang Dương tỉnh Hồ Bắc). Lưu Bị rất phán khởi vui mừng dẫn hai em: Quan Vũ và Trương Phi đến mời Gia Cát Lượng về trợ giúp. Gia Cát Lượng không muốn làm quan, biết tin Lưu Bị tới mời về làm quân sự nên ông ta đã ẩn trốn không muốn gặp mặt. Lưu Bị hai lần đi mời Gia Cát Lượng đều không gặp, lần thứ 3 Lưu Bị quyết tâm đứng ở cửa chờ gặp mặtばかり được mời về, tình cảm đó làm Gia Cát Lượng rất cảm động, cuối cùng đãばかり lòng gặp Lưu Bị.

Lưu Bị đã nói cho Gia Cát Lượng biết chí hướng của mình, hận mình không đủ tài sức để mở mang cục diện, ông mong Gia Cát Lượng chỉ giáo. Gia Cát Lượng phân tích chậm chạp nói rõ tình势 trong thiên hạ và cho rằng phương Bắc đã bị Tào Tháo thô ng nhât, Tào Tháo lại còn chuẩn bị đánh xuống phía Nam; Giang Đông lại bị Tôn Quyền chiếm giữ, chỗ dựa đã ổn định, chỉ có địa thế ở Kinh Châu và Ích Châu là có sản vật phong phú địa thế quân sự hiểm yếu, do vậy có thể đền chiêm lĩnh hai vùng đó, bọn Tào Tháo và Tôn Quyền cũng khó lòng đánh được. Sau đó Lưu Bị cần phải câu kết với Tôn Quyền, chỉnh đốn nội chính, củng cố địa bàn, thừa cơ xuất quân tiến đánh Tào Tháo. Điều này mới là mâu chốt quan trọng để tranh đoạt thiên hạ, phục hưng triều Hán.

Lưu Bị nghe Gia Cát Lượng phân tích cục diện rất tâm đắc và đã nhờ và Gia Cát Lượng giúp ông ta tranh đoạt thiên hạ. Còn Gia Cát Lượng thãy Lưu Bị nhiệt tình thành khẩn nênばかり lòng theo Lưu Bị xuống núi trợ giúp ông ta. Kiến giải của Gia Cát Lượng được gọi là Long Trung Đội, trở thành một phương châm chiêm lược để Lưu Bị tranh đoạt thiên hạ.

Nhờ những mưu lược kế sách của Gia Cát Lượng nên Lưu Bị đã chủ động câu kết với Tôn Quyền, hợp sức đánh Tào Tháo ở Xích Bích và thừa cơ chiếm Kinh Châu. Không lâu sau lại dẫn quân đánh chiếm Ích Châu và Hán Trung và tự xưng làm Hán Trung Vương. Tháng 4 năm 220 Tào Phi xưng làm hoàng đế, năm 221 Lưu Bị cũng xưng làm hoàng đế, đặt quốc hiệu là "Hán" và đặt đô ở Thành Đô, đặt niên hiệu là "Chương Vũ". Trong lịch sử gọi là Thục Hán hoặc Thục.

Sau khi Lưu Bị xung đê^ˊ đã làm theo chủ trương của Gia Cát Lượng cho chỉnh đố^ˊn nội bộ, thực hiện pháp trị, khiê^ˊn nước Thục dâ^ˋn dâ^ˋn yên ổn.

Năm 219, Quan Vũ bị Đông Ngô giê^ˊt hại, Lưu Bị nóng lòng muô^ˊn trả thù cho em nên đã không nghe lời khuyên của Gia Cát Lượng, tự mình dẫn đại quân tiê^ˊn đánh Đông Ngô. Trong trận chiê^ˊn ở Di Lăng (nay thuộc huyện Nghi Xương tỉnh Hô^ˋ Bă^ˊc) bị thô^ˊng sứ của Đông Ngô là Lục Tô^ˊn dùng hỏa công đánh bại, ông chạy đê^ˊn thành Bách Đê^ˊ, quân Thục hâ^ˋu như bị đại bại. Lưu Bị vừa hô^ˋi hận vừa bức tức do đó sinh bệnh.

Thánh 4 năm 223, Lưu Bị bị ô^ˊm nặng, ông vội vàng triệu tập thừa tướng Gia Cát Lượng, thượng thư Quý Sái đê^ˊn thành Bách Đê^ˊ, nhờ giúp đỡ mọi chuyện vê^ˋsau. Lưu Bị nói với Gia Cát Lượng "Tài năng của khanh giỏi gâ^ˊp 10 lâ^ˋn Tào Phi nhâ^ˊt định sẽ chinh phục được thiên hạ, làm nên việc lớn. Con trai của trẫm là A Đâ^ˊu nê^ˊu khanh thâ^ˊy có thể giúp đỡ nó được thì khanh hãy giúp, nê^ˊu khanh thâ^ˊy không giúp đỡ được thì khanh hãy tự xung đê^ˊ".

Gia Cát Lượng nghe thâ^ˊy Lưu Bị nói vậy, liê^ˋn khóc và nói với Lưu Bị: "thâ^ˋn sê nhâ^ˊt định trung thành với nhà họ Lưu". Lưu Bị ra lệnh cho Quý Sản thảo di chiê^ˊu để truyê^ˋn ngôi cho Lưu Thiê^ˋn. Sau đó còn sai gọi anh em Lưu Thiê^ˋn đê^ˊn rưng rưng nói: "Sau khi trẫm chê^ˊt, các con phải coi thừa tướng như cha đẻ". Ông còn cho gọi tướng quân Triệu Vân đê^ˊn nhờ giúp đỡ Lưu Thiê^ˋn.

Lưu Bị mâ^ˊt ngày Quý Tị tại thành Bạch Đê^ˊ. Sau khi ông ta chê^ˊt đặt thụy hiệu là Chiêu Liệt Đê^ˊ, các nhà sử học gọi ông là Lưu Tiên Chủ.

HẬU CHỦ (LUU THIÊ^ˋN)

(THỤC HÁN)

Ấu Chủ, ông ta tên là Lưu Thiê^ˋn (207 - 271), tên tự là Công Quý, hó^ˋi nhỏ tên là Đâ^ˊu. Ông là con trai của Lưu Bị. Lên kê^ˊvị sau khi Lưu Bị chê^ˊt. Trị vì 41 năm, mâ^ˊt nước do đâ^ˋu hàng quân Ngụy, sau đó bị bệnh chê^ˊt, thọ 64 tuổi. Mai táng ở ngoại ô Bâ^ˋt Minh.

*

Lưu Bị lập Lưu Thiên làm thái tử. Tháng 4 năm 223 Lưu Bị bị bệnh chết, tháng 5 năm 223 Lưu Thiến lên kế́ vị và cho đổi niên hiệu là "Kiến Hưng".

Lưu Thiến là một người vô dụng không có tài năng. Trong những năm trị vì ông ta toàn dựa vào Gia Cát Lượng và Khuong Duy để giải quyết công việc triề́u chính. Có vài lấn sai quân đi đánh nước Ngụy nhưng đếu thất bại. Vế sau ông ta sủng ái hoạn quan Hoàng Hạo do đó triề́u chính dấn bị suy bại.

Năm 263, tướng quân nước Ngụy là Đặng Ngải dẫn quân đi tắt qua con đường nhỏ tấn công vào nước Thục tiến đánh Thành Đô. Lúc này quân đội chủ lực của nước Thục do Khuong Duy thống lĩnh vẫn đóng quân ở Kiến Các không hế biết tin thành đã bị tấn công. Hậu Chủ nghe tin quân địch tiến đánh vội vàng triệu tập các đại thấn để bàn bạc. Các hạ thấn mỗi người một ý kiến: người thì nói chạy xuống phía Nam, người thì nói dựa vào quân Ngô, người thì nói đấu hàng quân Ngụy. Hậu Chủ quyết định đấu hàng quân Ngụy, ông ta đấu hàng Đặng Ngải và căn cứ vào mệnh lệnh của Đặng Ngải, Lưu Thiện đã ra lệnh cho toàn bộ quân Thục phải đấu hàng.

Tháng 3, Lưu Thiến bị giải đến Lạc Dương bị giáng xuống làm An Lạc Công. Nước Ngụy còn phong cho con cháu của Lưu Thiến và hơn 50 đại thấn làm chư hấu để vỗ vế lòng dân, ổn định được cục diện Thục - Hán. Còn Lưu Thiến lại cho rắng đấy là ân điển của nước Ngụy ban phát cho ông ta.

Có một lấn, Tư Mã Chiêu mở yến tiệc cho mời Lưu Thiến và các quấn thấn nước Thục. Ông ta ra lệnh cho nhạc công diễn tấu khúc nhạc của nước Thục. Các vũ nữ múa hát những bài ca của nước Thục. Các quấn thấn của nước Thục nghe nhạc đếu nghĩ tới cảnh mây tinh mà đau lòng, chỉ có Lưu Thiến ngồi i xem một cách vui sướng không hế nghĩ đến tình cảnh của mình. Vài hôm sau, Tư Mã Chiêu hỏi Lưu Thiến: "Ngươi có nhớ nước Thục không?" Lưu Thiến trả lời một cách vui vẻ: "Ở đây rất vui vẻ, tôi không muốn nhớ tới nước Thục". Đại thấn Khích đứng bên cạnh thấy xấu hổ vô cùng, cảm

thấy Lưu Thiê`n không biế́t hổ thẹn là gì. Lúc vê` phủ đại thâ`n Khích nói với Lưu Thiê`n: "Chư Công trả lời như vậy là không được. Nế u lâ`n sau, ông ta hỏi những câu tương tự, tướng công phải khóc và trả lời: "Mô` mảnh của tổ tiên ở nước Thục, làm sao mà tôi không nhớ được!".

Vê` sau, Tư Mã Chiêu lại hỏi Lưu Thiê`n có nhớ nước Thục không, Lưu Thiê`n trả lời y như lời đại thâ`n Khích đã dạy ông ta, dáng dâ`p làm ra vẻ râ`t đau thương chỉ có điê`u không chảy nước mă`t, ông ta đành nhă`m mă`t làm ra vẻ cõ` ngăn dòng nước mă`t. Tư Mã Chiêu thấy vậy, trong lòng sinh nghi đột nhiên nói: "Lời của người nói giô`ng như lời của đại thâ`n Khích".

Lưu Thiê`n nghe vậy mở choàng mă`t, vội vàng nói với Tư Mã Chiêu: "Đâ`y chính là lời của đại thâ`n Khích dạy tôi nói". Tư Mã Chiêu và các thuộc hạ đê`u cười phá lên vì sự ngu dô`t của Lưu Thiê`n. Còn Lưu Thiê`n hê`t nhìn bên nọ lại nhìn bên kia không hiểu họ cười cái gì.

Tư Mã Chiêu thấy Lưu Thiê`n là một người đâ`n độn, có giữ lại cũng không nguy hại gì nên không muô`n giê`t Lưu Thiê`n và đã để cho ông ta sô`ng tại Lạc Dương. Mãi đê`n năm 271 Lưu Thiê`n mới bị bệnh chê`t.

Trong sử gọi Lưu Thiê`n là Lưu Hậu Chư. Có người cho ră`ng: Lưu Thiê`n không phải là người vô dụng bâ`t tài, ông ta trọng dụng Gia Cát Lượng, Khuong Duy... mở mang được cương vực lãnh thổ, khiê`n nước Thục tô`n tại được hơn 40 năm. Thái độ nhu nhược của ông ta khi bị bă`t làm tù binh, chẳng qua ông ta muô`n bảo vệ mô` mả của tổ tiên mà thôi.

NGÔ QUỐC

(222 - 280, tổng cộng 59 năm)

Nước Ngô có 4 hoàng đế, trong đó có hai người bị bệnh ché t, một người do mât nước bị phế truất rồi ôm ché t, một người do nội chiến trong nước bị phế truất và sau ra sao không rõ lắm.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về Tôn Kiên và Tôn Sách. Tôn Kiên bị ché t do tên bẩn trong cuộc giao chiến, còn Tôn Sách bị ám sát.

TÔN KIÊN

(NGÔ)

Tôn Kiên (155 - 191). Tên tự của ông ta là Văn Đài. Là một trong những người xây dựng nên triều Đông Ngô. Bị ché t trong trận giao chiến với quân của Lưu Biểu, thọ 36 tuổi, mai táng ở ngoại ô Bát Minh.

*

Tôn Kiên quê ở huyện Phú Xuân quận Ngô (nay là huyện Phú Dương tỉnh Triết Giang). Thời trẻ làm huyện Lại, ông ta liên kết với địa chủ Vũ Trang trấn áp khởi nghĩa của Hứa Sinh. Năm 184 câu kết với Chu Tước để trấn áp quân của Hoàng Cân và được phong làm biệt bộ tư mã. Dần dần lực lượng của ông ta ngày một lớn mạnh.

Năm 191, ông ta đi đánh trận ở Kinh Châu tân công Lưu Biểu, hai bên đánh nhau ở Hiệp Sơn (nay thuộc phía Nam huyện Tang Dương tỉnh Hô Băc), Tôn Kiên đã bị trúng tên ché t.

TRƯỜNG SA HẮNG VƯƠNG (TÔN SÁCH)

(NGÔ)

Trường Sa Hăng Vương, tên ông ta là Tôn Sách (175 - 200), tên tự của ông ta là Bá Trúc. Ông là con trai của Tôn Kiên. Ông là một trong những người xây dựng nên vương triều Đông Ngô. Sau này bị môn nhân của thái thú Hứa Cõng sát hại, thọ 26 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tôn Sách là một người đẹp trai, tính cách rắn rỏi. Sau khi Tôn Kiên bị chém trận, Tôn Sách đã dẫn quân đội để nương tựa vào Viên Thuật. Năm 194, Viên Thuật đã sai Tôn Kiên thống lĩnh quân đội, tiến đánh xuống phía Nam, trên đường đi có rất nhiều người hội nhập với ông ta để đi đánh trận, ngay cả người bạn thân thiết với ông ta từ hồi nhỏ tên là Chu du cùng dẫn vài người và ngựa đến nhập hội. Năm 195 ông dẫn quân vượt qua sông Trường Giang và đã tước bỏ thế lực của chính quyền cát cứ ở vùng đất đó, chiếm cát cứ được 5 quận. Đơn Dương, Ngô, Hội, Kê... sau đó dựa vào sự giúp đỡ của bọn cường hào địa chủ, ông đã xây dựng chính quyền cát cứ ở khu vực Giang Đông.

Tôn Sách ra trận rất dũng mãnh, xây dựng kỉ luật quân đội nghiêm khắc nên được Tào Tháo coi trọng, Tào Tháo phong cho Tôn Sách là Ngô Hầu và cho giữ chức vụ tướng quân thảo nghịch.

Năm 200, thế lực của Tào Tháo và Viên Thiệu ngang bàng nhau. Tôn Sách nhân cơ hội này cũng chiêu nạp người tài giỏi và dưỡng ngựa tốt, tích lũy lương thảo. Có ý định chiếm giữ Hứa Xương và đền đài Hán Hiến Đế. Lúc này, môn khách của Hứa Cõng (Hứa Cõng là thái thú ở Ngô Quận) bị Tôn Sách giết trong lúc tấn công vào quận Ngô cũng đang tìm cơ hội trả thù cho chủ nhân. Một lần Môn Khách biết tin Tôn Sách sẽ xuống núi đi vào rừng săn bắn, do vậy Môn Khách liền mai phục trong rừng, đợi lúc Tôn Sách tiến vào rừng liền giương cung bắn, tên bắn trúng vào má Tôn Sách. Tôn Sách bị trọng thương, được thuộc hạ dùi về phủ đệ, sau khi gắp bỏ mũi tên, bác sĩ nói Tôn Sách cần phải nghỉ ngơi điều trị vết thương trong 100 ngày không được vận động mạnh, như vậy vết thương mới khỏi. Vài ngày sau, Tôn Sách soi gương thấy vết thương trên má tạo thành một vết sẹo điều đó làm cho dung mạo xanh đi

rất nhuê u. Bình thường, Tôn Sách rất chú trọng hình thức bên ngoài, do vậy không kìm nên được sự bực bội đã đánh tay xuông bàn, hét gọi thuộc hạ đê n: "Mặt của tôi như thế này thì làm sao mà ra trận được, làm sao mà gây dựng sự nghiệp được". Ông ta sai gọi tướng Trương Chiêu đê n nói: "Bây giờ chúng ta đã có đánh đai và binh lực, có thể so sánh lực lượng với người khác, quả nhân hy vọng các khanh trợ giúp em trai quả nhân là Tôn Quyê n". Nói xong, ông ta lại sai gọi Tôn Quyê n đê n giao ngọc ân và cẩn dặn em trai mọi việc. Sau đó lại nói: "Hai anh em ta cùng nhau bàn bạc chuyện đánh trận chí anh mạnh hơn em; nhưng luận bàn về tuyển chọn nhân tài, trọng dụng người hiê n thì em giỏi hơn anh. Sau khi anh chết, em nhất định phải bảo vệ được cơ nghiệp ở Giang Đông". Đêm đó, vêt thương của ông ta bị vỡ ra nên dẫn tới cái chết.

Ông Can Bảo (thời Tâ n) trong quyển "Tháp thâ n kí" có ghi chép: Thời đó có một người tên là Vu Cát, ông ta chuyên môn đi truyền bá môn giáo Thái Bình ở vùng Ngô quận và Hội Kê và đã dụ dỗ được rất nhiều người theo môn giáo đó, ngay cả mẹ của Tôn Sách và 2/3 tướng lĩnh và binh sĩ theo môn giáo Thái Bình và gọi Vu Cát là "người tiên". Tôn Sách muôn trừ bỏ sự mê tín nguy hiểm trong triều đình nên đã giết Vu Cát. Từ đó, mỗi khi Tôn Sách ngồi một mình, dường như đều nhìn thấy Vu Cát ở trước mặt. Sau khi Tôn Sách bị thương có lâ y gương ra soi, mỗi lần soi gương đều nhìn thấy Vu Cát, còn bỏ gương xuống thì lại không thấy, 3 lần liên như vậy, ông ta sợ hãi vứt gương và hét to do vậy vêt thương bị vỡ ra nên dẫn tới cái chết. Trong quyển "Tam quô c diễn nghĩa" có thêm thắt thêm nói: Tôn Sách bị Vu Cát đòi mệnh nên bị chết.

Sau khi Tôn Quyê n xung đê , đã lâ y thụy hiệu cho Tôn Sách là: Trường Sa Hă ng Vương.

ĐẠI ĐÊ TÔN QUYÊ N

(NGÔ)

Đại Đê , tên ông ta là Tôn Quyê n (182 - 252). Ông là con trai của Tôn Kiên và là em trai của Tôn Sách. Ông trị vì được 31 năm, bị bệnh

chết, thọ 71 tuổi. Mai táng ở Tưởng Lăng (nay cách 2 km về phía Nam huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tên tự của Tôn Quyền là Trọng Mưu. Ông là con trai của Tôn Kiên và là em trai của Tôn Sách. Khi Tôn Sách chết, lúc đó Tôn Quyền chỉ có 19 tuổi. Nhưng bình thường Tôn Sách thích kết giao bạn bè chú trọng chọn nhân tài nên rất được mọi người quý trọng. Do vậy, nhờ sự giúp đỡ của Trương Chiêu, Chu Du... nên Tôn Quyền đã bình ổn được bà con trăm họ, ổn định tình hình ở Giang Đông.

Sau khi Tôn Quyền lên nắm chính quyền ông ta đã dùng tâm để thu phục nhân tài, vì thế xung quanh ông có rất nhiều văn thần, vũ tướng, nhân tài... tất cả tụt đông đủ, cảnh tượng của đất nước rất hưng thịnh. Sau khi Tào Tháo bịt được thực lực và thế mạnh của Tôn Quyền, ông ta muôn lôi kéo Tôn Quyền nên đã lấy danh nghĩa của Hán Hiến Đế, phong cho Tôn Quyền làm tướng quân Chinh Lỗ kiêm chức vụ thái thú ở Hội Kê. Từ đó Tôn Quyền trở thành người thống trị ở Giang Đông.

Năm 208, Tôn Quyền liên kết với Lưu Bị, đã đánh bại Tào Tháo ở trận Xích Bích. Không lâu sau lại câu kết với Tào phản bội lại nước Thục, ông ta sai Lã Mông giết Quan Vũ (Quan Vũ là đại tướng của Lưu Bị), chiếm giữ Kinh Châu. Năm 222, đã sai Lục Tôn đem quân đánh chặn Lưu Bị ở Di Lăng, ở trận này Lưu Bị bị thiệt hại nặng nề. Năm 222, Tôn Quyền đã tự xưng làm hoàng đế ở trên đất Vũ Xương (nay thuộc huyện Ngạc Thành tỉnh Hồ Bắc), đặt quốc hiệu là "Ngô", trong lịch sử gọi là Đông Ngô. Không lâu sau dời đô đến đất Kiến Nghiệp (nay là thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô), đổi niên hiệu là "Hoàng Vũ".

Trong thời gian Tôn Quyền trị vì, vào năm 230 đã sai tướng quân Vệ Ôn thống lĩnh đội thuyền gỗ có 10000 vượt biển đến Di Châu (nay thuộc Đài Loan) nhằm tăng thêm mối liên hệ giữa Đài Loan và đại lục. Lại còn bắt cử các quan quản lý nông nghiệp, quản lý đồn điền... dần dần đã thúc đẩy sự khai phá ở vùng Giang Nam.

Tôn Quyết không chỉ chú trọng nhân tài mà còn chú ý đế cao bồi dưỡng thêm tri thức cho quân thั́n Danh tướng Lã Mông là người có võ nghệ cao cường, lập được nhiều chiến công lớn, chỉ có điều Lã Mông đọc sách không hiểu. Có một lần, Tôn Quyết nói với Lã Mông: "Trách nhiệm của tướng quân ngày một nặng nề, cần phải bớt chút thời gian xem sách thì tốt hơn".

Lã Mông lấy có do việc quân bận không có thời gian xem sách. Tôn Quyết nói: "Trẫm không yêu cầu khanh phải am hiểu kinh thư như các tiến sĩ chỉ cần khanh xem hiểu một số sách về binh pháp, về lịch sử. Công việc của trẫm còn bận hơn khanh rất nhiều, vậy mà trẫm vẫn có thời gian xem sách và học hỏi ở trong những cuốn sách đó rất nhiều". Lã Mông nghe lời khuyên của Tôn Quyết, hễ có thời gian rỗi là xem sách. Không lâu sau Lã Mông có thể bàn luận về phong tình thế thái trong nhân gian, lý giải rất sâu sắc, khiêm cho Lỗ Túc là người vô cùng coi thường Lã Mông cũng phải kinh ngạc và vô cùng khâm phục thật nên: "Tài nghệ của tướng quân mưu lược hơn người, không còn giôing với trước kia".

Tháng 8 năm 251, trời nổi gió lồ cát lớn, nước sông dâng lên, ngập lụt khắp nơi, những cây tùng cây bách trôi ở cạnh lăng mộ tổ tiên của Tôn Quyết cũng bị bật rẽ đổ hé lộ, nước ngập mênh mông ở cửa thành phía Nam của đô thành Kiến Nghiệp. Tôn Quyết kinh hãi nên sinh bệnh. Vài tháng sau, hoàng hậu Hương dự định sau khi Tôn Quyết chết, bà ta học hỏi theo Lữ Hậu cũng nắm quyết chắp chính. Bà ta là người hung ác, bình thường chỉ cần một chuyện nhỏ cũng có thể ra lệnh giết chết nô tỳ và nữ nô, cung nữ. Các cung nữ sợ bà ta lén nắm chính quyết sẽ hung ác hơn, do đó trong một đêm nhân lúc bà ta ngủ say, họ đã giết chết bà ta. Sau chuyện này Tôn Quyết sai người điều tra và biết được nguyên nhân sự việc, ông ta càng thêm đau lòng dẫn đến bệnh tình càng thêm nguy kịch. Tháng 1 năm 252, ông ta cho triệu tập thái tử, thái phó Gia Cát Khách để tiếp nhận di chúc sau đó từ trần tại cung Kiến Nghiệp.

Sau khi Tôn Quyết chết được tôn làm Đại Đế.

PHÊ ĐẾ (TÔN LUỢNG)

(Ngô)

Phế Đế, tên ông ta là Tôn Lượng (243 - 260). Ông ta là con của Tôn Quyến. Lên kế vị sau khi Tôn Quyến chết, ông ta trị vì được 7 năm, sau đó bị đại thấn Tôn Lãm phế truất. Ông ta tự vẫn, hưởng dương 18 tuổi. Mai táng ở Đinh Lăng (nay thuộc tỉnh An Huy).

*

Tôn Quyến đã lập Tôn Lượng làm thái tử Tháng 4 năm 252 Tôn Quyến bị bệnh chết, nhờ sự giúp đỡ của những người như Gia Cát Khách... Tôn Lượng đã lên kế vị, cho đỗi niên hiệu là: "Kiến hưng".

Tuy Tôn Lượng làm hoàng đế́, nhưng đại thấn Tôn Lãm rất chuyên quyến, hung bạo ngang ngược. Năm 258, Tôn Lượng âm mưu định giết Tôn Lãm đoạt lại quyến lực. Không ngờ âm mưu bị bại lộ Tôn Lãm đã sai người khống chế Tôn Lượng. Vào ngày Mậu Ngọ đã đem quân bao vây hoàng cung. Tôn Lượng muốn dẫn các thị vệ xông ra quyết chiến với Tôn Lãm, hoàng hậu Toàn và cận vệ Đô khuyên giải Tôn Lượng, nói rõ lực lượng của Tôn Lượng ít và yếu kém nếu xông ra đánh lại thì không khác gì lấy trứng chơi đá, Tôn Lượng đành phải ngối bó tay mặc cho Tôn Lãm muốn làm gì thì làm. Tôn Lãm khép cho Tôn Lượng vài tội trạng, sau đó Tôn Lãm sai người tới thái miếu cúng tếrối phế truất Tôn Lượng, giáng ông ta xuống làm Hội Kê Vương. Tôn Lãm còn sai trung thư lang Quý Sùng dẫn quân vào cung cướp ấn ngọc và đuổi vợ chống Tôn Lượng ra khỏi hoàng cung, ông ta sai đại tướng quân Tôn Cảnh áp giải vợ chống Tôn Lượng đến Hội Kê sinh sống, lúc đó Tôn Lượng chỉ có 16 tuổi. Năm 260, Tôn Lãm lại phạt Tôn Lượng làm hấu quan hấu và sai người áp giải đến đất Hấu. Trên đường đi tới đó Tôn Lượng đã tự sát.

Trong lịch sử gọi Tôn Lượng là Phế Đế hay còn gọi là Hội Kê Vương.

KINH ĐẾ (TÔN HƯU)

Kinh Đế, tên của ông ta là Tôn Hữu (235 - 264). Tên tự của ông ta là: Tử Liệt. Ông là con thứ sáu của Tôn Quyến. Sau khi Tôn Lượng bị

phê` truâ` t, Tôn Lãm đã đón Tôn Hưu làm hoàng đế` . Ông trị vì được 7 năm bị ô` m chê` t, thọ 30 tuổi. Mai táng ở Tuyên Lăng (nay cách 25km về` phía Đông thành phô` Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

*

Tôn Hưu đã được Tôn Quyê` n phong cho làm Lang Nha Vương. Tháng 9 năm 258 Tôn Lãm sau khi phê` truâ` t Tôn Lượng đã lập Tôn Hưu làm hoàng đế` , lễ đăng quang được tổ chức vào ngày Kỷ Mão tháng 10 năm 258, đổi niên hiệu là "Vĩnh An". Tôn Hưu làm ra vẻ mang ơn Tôn Lãm nhưng bên trong lại ngâ` m bàn mưu với đại thâ` n Trương Thị, Đinh Khiên tìm cách hãm hại Tôn Lãm. Tháng 12, Tôn Hưu cho mở yê` n tiệc thê` t đai và mưu giê` t Tôn Lãm. Loại bỏ thê` lực của Tôn Lãm.

Tháng 7 năm 264 Tôn Hưu bị bệnh nặng, ông vội vàng triệu tập thừa tướng Bộc Dương Hưng vào cung nhờ gửi con thơ. Lúc Bộc Dương Hưng vào cung Tôn Hưu đã bị câ` m khẩu, chỉ có thể dùng tay ra hiệu cho Bộc Dương Hưng, có ý nói hãy để cho thái tử Tôn Loan bái kiê` n ông ta và nhờ Bộc Dương Hưng trợ giúp. Tôn Hưu mây` t ngày Nhâm Ngọ trong cung Kiê` n Nghiệp.

Sau khi ông ta chê` t đặt thụy hiệu là Cảnh Đê` .

MẬT ĐÊ` (TÔN HẠO)

Mật Đê` , ông ta tên là Tôn Hao (242 - 283). Tên tự là Nguyên Tôn, ông ta còn có một tên khác là Bành Tổ tự là Hạc Tông. Ông ta là cháu của Tôn Quyê` n, con trai của Tôn Hòa. Ông ta lên kê` vị sau khi Tôn Hưu chê` t. Nước mây` t, ông ta đã` u hàng Tây Tâ` n, sau đó bị ô` m chê` t, thọ 42 tuổi. Mai táng ở Hòa Lăng (nay ở núi Tây Lăng huyện Ngô Hưng tỉnh Triết Giang).

*

Tôn Hao được phong làm điê` u trình hâ` u. Tháng 7 năm 264 Tôn Hưu bị ô` m chê` t, thừa tướng Bộc Dương Hưng thâ` y nước Ngụy đã tiêu diệt Thục Hán và đang có ý định tiêu diệt Đông Ngô. Ông lo lă` ng thái tử Tôn Loan tuổi còn nhỏ không thể gánh vác bảo vệ quô` c

gia, do đó đã lập Tôn Hạo làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Nguyên Hưng".

Tôn Hạo là người hung bạo ngang ngược, hoang dâm vô độ, vê sau ông ta còn trọng dụng Sâm Hôn (hắn là một tên nịnh quan suýt ngày bợ đỡ Tôn Hạo) suốt ngày Tôn Hạo chỉ uống rượu nghe nhạc, triều chính rât hỗn độn, nhân dân mât lòng tin.

Năm 280, lúc này Tây Tần đã chiếm lĩnh nước Ngụy, và còn chia làm 6 ngả tân công diệt Ngô, thế mạnh như thác, đổ bộ vào đất Ngô. Tôn Hạo ra lệnh cho tướng sĩ chống địch, các tướng sĩ trả lời ông ta: "Chúng tôi liêu mạng máu chảy đứt rời, còn Sâm Hôn gian trá lại ngồi đây ton hót, ngồi hưởng vinh hoa phú quý, làm sao để mọi người tâm phục được, các tướng sĩ làm gì có ý chí chiến đấu". Tôn Hạo nghe nói vậy, ông ta đáp một cách tự tin: "Nếu đúng như vậy, để bảo vệ giang sơn, trăm sẽ giết tên cẩu nô tài đó để tạ ơn trăm họ, an ủi lòng dân". Các tướng sĩ đều vui mừng với việc đi giết Sâm Hôn. Lúc này, Tôn Hạo đổi ý, ông lo lắng nếu Sâm Hôn chết sẽ không có ai cùng uống rượu nghe nhạc, nên sai người đi ngăn cản, nhưng Sâm Hôn đã bị các tướng sĩ chém chết.

Tháng 3, cánh quân nước Tần đi theo đường thủy đã tiến vào Kênh Nghiệp. Tướng lĩnh của Đông Ngô người thì chết trận, người thì đầu hàng nên không có người chỉ huy quân lính. Tôn Hạo lo lắng vò đầu bứt tai không nghĩ được kế sách gì. Về sau, để bảo toàn tính mạng, ông ta đã nghe lời của Hồ Trọng nên mang hộ tịch sách sắc phong của nước Ngô dẫn đầu văn võ quan ra khỏi thành đầu hàng quân Tần. Từ đó, triều Đông Ngô bị diệt vong, cục diện vạc 3 chân đã bị kết thúc, Trung Quốc lại được thống nhất.

Tôn Hạo bị quân Tần giải đến Lạc Dương. Tần Vũ Đế Tư Mã Viêm nhìn thấy Tôn Hạo đã mỏi Tần Hạo ngồi và nói: "Từ lâu tôi đã săp xếp chỗ ngồi này, để đợi người đại diện ngồi".

Tôn Hạo đáp: "Ở miền Nam hạ thấp cũng sắp xếp một chỗ, đợi bệ hạ đến ngồi". Giả Sùng hỏi Tôn Hạo: "Nghe nói, anh ở miền Nam thường móc măt người, lột da họ, hình pháp đó gọi là hình pháp gì?"

Tôn Hạo trả lời: "Hạ thâ`n chỉ dùng hình phạt đó với những người gian trá không trung thực".

Tư Mã Viêm cho Tôn Hạo làm Quy Mệnh Hâ`u và bă`t Tôn Hạo sô`ng ở Lạc Dương.

Năm 283, Tôn Hạo chê`t ở Lạc Dương.

Trong lịch sử gọi Tôn Hạo là Mạt Đê` và còn gọi là Quy Mệnh Hâ`u.

TÂY TẤN

(265 - 316, tổng cộng 52 năm)

Thời Tây Tấn kẽ́t thục cục diện 3 chấn vạc khiến cho lịch sử Trung Quốc lại được thống nhất.

Thời Tây Tấn có 4 hoàng đế́; trong có 1 người bị bệnh chết, 2 người làm mất nước bị bắt làm tù binh sau đó bị giết chết, một người bị hại độc chết trong cuộc nội chiến.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về` Giả Hậu, Giả Hậu bị chết trong cuộc nội chiến.

VŨ ĐẾ (TƯ MÃ VIÊM)

Vũ Đế, ông ta tên là Tư Mã Viêm (236 - 290). Ông ta có tên tự là Thế an. Ông là cháu của Tư Mã Ý, con của Tư Mã Chiêu. Ông ta đã phế bỏ Ngụy Văn Đế và tự xưng làm hoàng đế́. Ông trị vì được 26 năm, bị bệnh chết, thọ 55 tuổi. Mai táng ở Tuấn Dương Lâng (nay ở gấn thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Tư Mã Viêm quê ở huyện Ôn (Hà Nội, nay ở phía Tây Nam huyện Ôn tỉnh Hà Nam). Ông nội của ông ta là Tư Mã Ý, bác ông ta là Tư Mã Sư, bố ông ta là Tư Mã Chiêu. Ông ta lấn lượt tiêu diệt chính quyến nhà Tào, nhà Ngụy. Sau khi Tư Mã Chiêu chết, Tư Mã Viêm đã kế́ nhiệm chức vụ của cha là Lâm Tấn Vương, ông ta luôn khống chế công việc triề́u chính. Tháng 12 năm 265, ông ta ép buộc Nguyến Đế Táo Huán nhường ngôi. Ngày Bính Dấn ông ta xưng đế́, đặt quốc hiệu là "Tấn", đặt đô ở Lạc Dương, đổi niên hiệu là "Thái Thủy". Trong lịch sử gọi là Tây Tấn.

Sau khi Tư Mã Viêm lên ngôi, năm 280 diệt vong nhà Đông Ngô, thống nhất Trung Quốc. Sau đó cho dừng việc quân ở các chấn, quận ra lệnh cho các quận huyện phải giảng các buổi ngoại khóa về`

nông nghiệp, trồng dâu nuôi tằm, khiến cho xã hội dần được ổn định và phục hồi, các nhà sử gia gọi thời kỳ này là "Thái khang phồn vinh". Đông thời ông ta thực hiện chế độ chiết m ruộng, điều tra hộ tịch, tăng cường bóc lột phong kiền; ông ta cho phép các chư vương nắm giữ binh quyền, và sai con cháu trấn giữ các vị thê hiềm yếu. Những biện pháp của ông ta đã giúp cho thế lực của quan lại được bành trướng cao độ và là ngòi nổ gây nên "cuộc chiến loạn phản của 8 chư hầu".

Tháng 4 năm 240, Tư Mã Viêm bị bệnh nặng, ông cho truyền gọi Nhữ Nam Vương Tư Mã Lượng quay về cung phụ giúp công việc triều chính. Hoàng hậu Dương muôn cha mình là Dương Tuân độc quyền phụ giúp triều chính nên đã tìm mọi cách cản trở, cuối cùng bà ta còn giữ chiêu thư không chịu công bố, bà ta còn nguy tạo di chiêu phong Dương Tuân làm thái úy kiêm thái phụ của thái tử, thông lĩnh quân đội và làm tổng thượng thư, nắm toàn bộ công việc triều chính. Hoàng hậu Dương đưa di chiêu giả cho Tư Mã Viêm xem qua, ông ta mở mắt trừng trừng nhìn rất lâu vào tờ di chiêu rồi buông tay thả tờ di chiêu xuống đất. Hoàng hậu Dương đi ra ngoài. Lúc này Tư Mã Viêm đã đênh giờ phút hắp hối. Ông ta đang mê man bỗng tỉnh lại hỏi tá hữu: "Nhữ Nam Vương đã về cung chưa", thị vệ trả lời: "chưa thấy Nhữ Nam Vương đênh". Tư Mã Viêm thở dài không nói gì. Ông mất ngày Ất Dậu tại điện Hàm Chương cung Lạc Dương.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Thê Tổ, đặt thụy hiệu là Vũ Đế.

HUỆ ĐẾ (TƯ MÃ AI)

uệ Đế, ông ta tên là Tư Mã Ai (259 - 300) Ông là con trai thứ hai của Tư Mã Viêm, lên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 17 năm thì bị Đông Hải Vương Tư Mã Việt hại độc chết, thọ 48 tuổi. Mai táng ở Thái Dương Lăng (nay ở gần thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Vũ Đế đã lập Tư Mã Ai làm thái tử. Sau khi Vũ Đế chết, ông ta đã lên kế vị. Lễ đăng quang được tổ chức vào ngày Ất Dậu tháng 4 năm 290, ông cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Yên".

Tư Mã Ai là một hoàng đế đần độn, ngoài ham muôn hưởng lạc ra ông ta chẳng biết một cái gì. Sau khi ông ta được lập làm thái tử, có không ít đại thần khuyên Vũ Đế phế bỏ ông ta, do vậy Vũ Đế cũng rất do dự. Có một lần, Vũ Đế có một công văn cần phải gửi đi, nên đã hạ lệnh cho thái tử phải xem xét phê duyệt tờ công văn đó. Vũ Đế làm như vậy để thử xem thái tử có biết cách giải quyết công việc không. Vợ của thái tử là Giả Phi, cô ta là một người thông minh nhưng cũng rất hung hăng. Cô ta sai thái giám soạn đáp án rồi bảo Tư Mã Ai sao chép lại sau đó gửi đi. Vũ Đế xem qua, thấy lời phê chuẩn tương đối cẩn kẽ tuy vậy có chỗ cũng cần phải giải đáp thêm, Vũ Đế cho rằng thái tử quá là hơi ngô ngác. Nhưng cũng không phế bỏ.

Sau khi Tư Mã Ai lên kế vị, ông ta không hề có năng lực giải quyết công việc triều chính, mọi việc đều do bộ của thái hậu là Dương Tuân giải quyết, vì thế Dương Tuân độc quyết mọi quyết hành trong triều. Tư Mã Ai có một sở thích kỳ lạ. Ông ta thích bò trên tường của cung điện nghe tiếng cỏ nhái ở ngoài đầm kêu. Có một năm, các địa phương bị thiên tai, các đại thần tâu trình với ông ta là bà con trăm họ không có cơm ăn. Ông ta nghĩ đến bản thân mình nhiều lúc không muốn ăn cơm thì đổi món bằng cách ăn cháo thịt, do vậy ông ta phán: "Không có cơm ăn thì có thể ăn nhiều cháo thịt, như thế có được không?"

Chuyện đó làm cho các đại thần cười mỉa.

Tư Mã Ái lên trị vì thì Giả Phi được tôn làm hoàng hậu. Cô ta rất thông minh và có tài, cô ta không hài lòng việc Dương Tuân thao túng triều chính, vì thế cô ta đã liên kết với Nhữ Nam Vương Tư Mã Lượng và sợ Vương Tư Mã Vĩ giết chết Dương Tuân. Tiếp đó, cô ta lại tìm cách giết Tư Mã Lượng và Tư Mã Vĩ. Cô ta không sinh để được, lo lắng địa vị và quyền thế bị lung lay do vậy tìm cách hạ độc thái tử. Triệu Vương Tư Mã Luân vội vào chuyện hoàng hậu giết thái tử nên đã mang quân tiến vào kinh thành giết hoàng hậu Giả Phi,

phê truát Tư Mã Ai rõ i tự xưng làm hoàng đế. Những người như Văn Vương Tư Mã Quǎn, Thành Đô Vương Tư Mã Dĩnh, Hà Gia Vương Tư Mã Ưng... không phục. Do đó đã dẫn quân tién đánh Lạc Dương, mở ra một cuộc hỗn chién chém giết lẫn nhau giữa các vị vương trong hoàng tộc, trong lịch sử gọi là "loạn 8 vương". Cuộc hỗn chién này kéo dài 16 năm. Khién cho nhân dân bị tổn hại, hai tòa thành nổi tiếng là Lạc Dương và Trường An bị phá hoại nghiêm trọng, bách tính chết phải đén mây mươi vạn, vương triều Đông Tấn đi tới suy vong. Sau khi cuộc hỗn chién kết thúc, 7 vị vương bị chết, chỉ còn lại Đông Hải Vương Tư Mã Việt, do vậy ông ta tha hồ thao túng triều đình.

Trong cuộc hỗn chién này, Tư Mã Ai bị cướp đi cướp lại, lúc thì bị phê lúc thì được lập, ông ta bị khở sở vô cùng. Sau khi kết thúc chién loạn, Tư Mã Việt quyết định phê bỏ Tư Mã Ai và lập con thơ của Tư Mã Ai làm hoàng đế.

Ngày Canh Sửu tháng 11 năm 306, Tư Mã Việt bí mật sai người bỏ độc vào bánh đem dâng cho Tư Mã Ai ăn. Ông ta ăn được vài miếng bỗng thây ruột gan đau quặn, bò lê bò lết ở trên giường kêu la thảm thiết. Thái y đên châm thì ông ta đã bị trộn măt há móm, bát tinh nhân sự. Thái y sau khi băt mạch lắc đâu nói: "Không còn cứu vãn được nữa" rồi hỏi đi hỏi lại người hâu nguyên do của căn bệnh. Nghe xong ông ta nói "Bị trúng độc" và vội vàng lén đi.

Sau khi Tư Mã Ai chết đặt thụy hiệu là "Huệ Đế".

GIẢ HẬU (GIẢ NAM PHONG)

(TÂY TÂN)

Giả Hậu, tên bà ta là Giả Nam Phong (256 - 300) là hoàng hậu của Huệ Đế. Bà ta dùng mưu mẹo cướp đoạt được chính quyền thao túng được 10 năm. Sau đó bị Triệu Vương Tư Mã Luân hại độc chết, thọ 45 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Giả Nam Phong là con gái của Đại thâ`n Tây Tâ`n Giả Sung, bà ta là phi tử của Tư Mã Ai. Năm 290, Tư Mã Ai được lập làm hoàng đế` thì bà ta cũng được lập làm hoàng hậu. Bà ta có thân hình thâ`p bé dien mạo xâ`u xí và đen đui nhưng ngược lại bà ta râ`t thông minh và hung hân. Tận mă`t chúng kiê`n Huệ Đê` là một hoàng đê` ngu đâ`n, do đó bà ta không can tâm để quyê`n lợi và địa vị bị lung lay, một lòng một dạ quyê`t tâm tham gia vào công việc triê`u chính, nhiê`u lâ`n bà ta đã tìm cách khô`ng chê` thái hậu Dương và thái phụ Dương Tuâ`n. Tháng 3 năm 291 bà ta đã ra lệnh cho Sở Vương Tư Mã Vĩ vào kinh giê`t Dương Tuâ`n, phê` bỏ và giê`t thái hậu Dương, đây chính là một trong những đâ`u mô`i gây ra cuộc loạn 8 vương. Sau chuyện này, Nhữ Nam Vương Tư Mã Lượng làm thái tể và Vệ Tang làm Thái bảo, hai người này cùng nhau trợ giúp công việc triê`u chính. Tháng 6 năm 291, bà ta lâ`y danh nghĩa của Huệ Đê` đã ra lệnh cho Tư Mã Vĩ giê`t Tư Mã Lượng và Vệ Tang. Sau đó bà ta lại ghép cho Tư Mã Vĩ tội ngụy tạo di chiê`u và khép ông ta vào tội chê`t, mọi quyê`n hành trong triê`u đình do mình bà ta thâu tóm, bà ta sai Trương Hoa (là đại thâ`n có công dựng nước). Giả Mô... trợ giúp bà ta trong công việc triê`u chính.

Thời gian Giả Nam Phong nhiê`p chính, bà ta hoang dâm vô độ, hai mẹ con bà ta (mẹ bà ta tên là Quách Hòe) tùy tiện làm càn, đút lót cho những người có chức trách, do đó làm dâ`y nên các cuộc khởi nghĩa. Tháng 3 năm 300, Giả Nam Phong lại hạ độc giê`t thái tử Tư Mã Ngọc, Triệu Vương Tư Mã Luân đã vịn vào cớ này để mang quân tiê`n đánh kinh thành, phê` Giả Nam Vương làm thú dân, giam lỏng ở cung Kim Dung. Tháng 4, Tư Mã Luận giả truyê`n thánh chỉ, sai thánh chỉ bă`t ép bà ta uô`ng rượu độc chê`t.

HOÀI ĐÊ` (TƯ MÃ XÍ)

(TÂY TÂ`N)

Hoài Đê`, tên ông ta là Tư Mã Xí (264 - 313), tên tự của ông ta là Phong Độ. Ông là con thứ 25 của Vũ Đê`. Sau khi Tư Mã Việt hại độc chê`t Huệ Đê`, đã lập Tư Mã Xí làm hoàng đê`. Ông ta trị vì được 7 năm, bị Lưu Hán bă`t làm tù binh (Lưu Hán là quý tộc ở dân tộc

Hung Nô), sau đó bị Lưu Thông dùng rượu độc giết chết, thọ 50 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Huệ Đế trị vì phong Tư Mã Xí làm Hoàng Thái Đệ. Sau khi Huệ Đế chết, ngày Quý Dậu tháng 11 năm 306, Tư Mã Việt đã lập Tư Mã Xí làm hoàng đế và cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Gia".

Tháng 6 năm 311, Lưu Uyên xây dựng nên chính quyến quý tộc Hung Nô chính quyền dân chuyên chế nay tay con trai của Lưu Uyên, con trai ông ta tên là Lưu Thông thê lực của Lưu Uyên ngày càng mạnh. Ông ta ra lệnh cho Lưu Tước và Vương Di, thống lĩnh quân đội, chia quân làm mây ngả tiến vào Lạc Dương. Quân Tần thua trận liên tiếp, quân của Lưu Hán từ cửa Bình Xương tiến vào kinh thành, thế mạnh như thác đổ, bọn chúng tiến vào kinh vừa chém giết vừa cướp giật. Tư Mã Xí hoang mang với sai hạ thần mang thuyền để chuẩn bị xuông thuyền đi theo đường sông Lạc Thủy chạy xuông phía Đông. Nhưng thuyền chưa kịp mang đến đã bị quân lính Lưu Hán đánh bắt. Quân Lưu Hán chuyển hướng tấn công sang cửa Tuyên Dương; quân của Vương Di đột nhập vào hoàng cung, cướp báu ngọc ngà châu báu. Làm nhục hậu phi. Tư Mã Xí mang thái tử chạy trốn theo lối cửa vườn Hoa Lâm, chạy vòng qua đầm sen và dự định chạy trốn đến Trường An. Lưu Tước đánh vào cửa Tây Minh phát hiện thái tử Tư Mã Xí, và lập tức bắt giữ ông ta, giải đến cửa Vu Đoan. Sau khi quân Lưu Hán cướp phá hoàng cung, đã áp giải Tư Mã Xí đến Bình Dương (nay thuộc phía Tây Nam huyện Lâm Phân tỉnh Sơn Tây). Triều Lưu Hán giáng ông ta làm Bình A Công và sai lính giám sát ông ta.

Tết Nguyên Đán năm 313, Lưu Thông mở yến tiệc thết đãi quan thần tại điện Quang Cập ông ta đã sai Tư Mã Xí mặc áo xanh ngồi hì hò bên cạnh để rót rượu cho mọi người. Tư Mã Xí cảm thấy rất xáu hổ và nhục nhã. Hai đại thần cũ của ông ta là Vũ Dân và Vương Tuân thái tử chủ nhân bị làm nhục cũng không kìm được tiếng khóc. Lưu Thông tức giận vô cùng đã sai đuổi 3 bọn họ ra khỏi tiệc rượu. Sau chuyện này, Lưu Thông sợ giữ lại Tư Mã Xí sẽ nguy hại

về sau và cũng sợ xảy ra chính biến. Nên vào ngày Đinh Mùi tháng 1 đã sai người dùng rượu độc giết chết Tư Mã Xí.

Tư Mã Xí sau khi chết đặt thụy hiệu là "Hoài Đế".

MÂN ĐÊ (TƯ MÃ NGHIỆP)

(TÂY TÂN)

Mân Đê, tên ông ta là Tư Mã Nghiệp (270 - 316), tên tự của ông ta là Ngạn Kỳ. Ông ta là cháu của Vũ Đê và là con trai của Tư Mã Yến. Ông trị vì được 4 năm, về sau bị quân của Lưu Diệu bắt làm tù binh và bị Lưu Thông giết chết. Ông thọ 48 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tư Mã Nghiệp là con trai của Ngô Vương Tư Mã Yến, được phong làm Tần Vương, đóng giữ ở Trường An. Năm 311, Hoài Đê bị quân Lưu Hán bắt giữ, các quan thần đã lập Tư Mã Nghiệp làm thái tử. Tháng 1 năm 311 Hoài Đê bị hại độc, tin tức đó lan truyền đền tai các quan thần nên ngày Bính Ngọ tháng 4, 311 họ đã lập Tư Mã Nghiệp làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Kiến Hưng".

Tháng 8 năm 316, Lưu Tước bao vây thành Trường An. Đến tháng 11, lương thực trong thành cạn kiệt không có cách gì bảo vệ được đô thành. Tư Mã Nghiệp đành phải dẫn các quan thần đến đầu hàng quân địch. Các quan thần ngồi trên xe ngựa khóc hu hu, có người bò trên xe nắm giữ tay ông ta lại không muốn cho ông ta đi. Tư Mã Nghiệp lòng đau như cắt nhưng cũng không còn cách gì khác đành phải dẫn đầu quan thần đi đến doanh trại địch. Quân lính giải Tư Mã Xí đến Bình Dương và ông ta bị phế truất xuống làm Quang lục đại phu. Triều Tây Tần bị diệt vong.

Lưu Thông tìm mọi cách làm nhục Tư Mã Xí. Những lúc đi săn, Lưu Thông bắt Tư Mã Xí treo lên, nhân dân ở triều Tây Tần nhìn thê thảm cảnh tượng đó đều bật khóc. Tháng 12 năm 316, Lưu Thông cho mở yến tiệc chiêu đãi quan thần tại điện Quang Cập, ông ta cũng hành hạ Tư Mã Xí giống như đã hành hạ Hoài Đê, bắt Tư Mã

Xí mặc áo xanh ngô i rót rượu cho mọi người, rửa cô c, thậm chí lúc ông ta đi tiểu tiện còn bă t Tư Mã Xí phải đi mờ nă p thùng nước giải. Thượng thư Lang Hạnh Bình (người bị áp giải đi theo Tư Mã Xí) nhìn thâ y cánh hoàng thượng bị nhục mạ, ông ta vô cùng đau đớn xót thương đã phải bật khóc. Sau chuyện này, Lưu Thông lo sợ người nước Tâ n sẽ tìm cách phục quô c, khôi phục lại ngôi vị cho Tư Mã Xí. Do đó Lưu Thông đã quyê t định loại bỏ Tư Mã Xí. Ngày Mậu Tuâ t tháng 12 năm 316 Lưu Thông sai người gié t Tư Mã Xí.

Sau khi Tư Mã Xí chê t đặt thụy hiệu là Mân Đê .

ĐÔNG TẤN

(317 - 420, tổng cộng: 104 năm)

Vương triều Đông Tấn lập quôc ở Giang Nam trên cơ bản: xã hội tương đối ổn định, nền kinh tế và văn hóa khá phát triển.

Thời Tây Tần có 11 hoàng đế, trong đó có 7 người bị bệnh chết, một người bị mất nước bị phế bỏ nên buôn râu mà chết, một người bị giết, một người chết vì buôn giận, một người vì nói đùa trong tiệc rượu nên bị phi tử hại chết.

NGUYÊN ĐẾ¹ (TƯ MÃ XUÂN)

(ĐÔNG TẤN)

Nguyên Đế¹, tên ông ta là Tư Mã Xuân (276 - 322) tên tự của ông ta là Cảnh Văn. Ông là cháu của Tư Mã Ý, bố ông ta tên là Tư Mã Cận. Ông trị vì được 6 năm, do ưu tư buôn giận mà chết, thọ 47 tuổi. Mai táng ở Kiến Bình Lăng (nay thuộc núi Kê Lung huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Cha của Tư Mã Xuân được phong làm Lang Nha vương và làm chức tướng quân ở An Đông, làm đô úy ở vùng Giang Nam (Dương Châu), sau đó nhận được lệnh chuyển từ huyện Phi sang vùng Kiến Nghịệp (nay đổi thành Kiến Khang, nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô). Sau khi vương triều Tây Tần bị diệt vong, các đại thần đã lập ông ta làm Tần Vương, nghi lễ được tổ chức vào ngày Tân Mão tháng 3 năm 317, ông đổi niên hiệu là "Kiến Vũ". Ngày Bính Thìn tháng 3 năm 317 ông lên ngôi hoàng đế, đặt đô ở Kiến Khang. Trong lịch sử gọi là Đông Tần. Địa vị của Tư Mã Xuân trong hoàng tộc không nổi tiếng lầm, thế lực của ông ta lại đơn độc, tài năng của ông ta không giỏi, vì thế sau khi ông ta lên ngôi đã không nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ của các sĩ tộc ở hai miền Nam Bắc, địa vị không ổn định. Nhưng, ông ta rất coi trọng các nhà

chính trị trong hoàng tộc, ví dụ nhà chính trị Vương Đạo. Vương Đạo sử dụng các sách lược khién làm cho các sĩ tộc ở phương Nam phải ủng hộ và giúp đỡ Tư Mã Xuân, điều đó là động lực thúc đẩy các sĩ tộc ở phương Bắc chuyển đến phương Nam sinh sống, họ cũng ủng hộ và giúp đỡ ông ta, dần dần củng cố ổn định được chính quyền nhà Đông Tấn duy trì được cục diện an phận tại một chỗ. Tư Mã Xuân vô cùng cảm kích tài nghệ của Vương Đạo, phong Vương Đạo làm tể tướng, nắm giữ công việc triều chính, Tư Mã Xuân còn cho anh trai của Vương Đạo làm đô đốc quân sự quản lý 6 châu: Giang Châu, Dương Châu, Kinh Châu, Tương Châu, Giao Châu, Quảng Châu. Nắm giữ lực lượng quân đội. Các chức vị quan lại quan trọng cũng để cho gia tộc nhà Vương Đạo đảm nhiệm. Thật ra, chính quyền Đông Tấn do Vương Đạo và Tư Mã Xuân cùng điều hành và quản lý. Những lần đăng cơ đại lễ, có vài lần Tư Mã Xuân mời Vương Đạo cùng ngồi trên ngai vàng để nhận lễ chúc mừng của các đại thần, nhưng Vương Đạo đều tìm cách chối từ. Thời đó dân chúng thường truyền miệng nhau câu nói: "Họ Vương và họ Tư Mã cùng nhau trị vì thiên hạ".

Sau khi đã củng cố địa vị của mình, Tư Mã Xuân bắt đầu giờ mặt, ông ta không muộn "họ Vương và họ Tư Mã cùng trị vì thiên hạ", ông ta quay sang trọng dụng Lưu Quỳ, Điêu Hiệp và chọn họ làm những thuộc hạ tâm phúc, dần dần tước bỏ thế lực của Vương Đạo đồng thời bô trí lực lượng quân sự, có ý định loại bỏ thế lực của Vương Đạo. Vương Thục (anh trai của Vương Đạo) đã dẫn quân khống chế lực lượng, từ Vũ Xương đã dẫn quân tấn công Lưu Quỳ và tiến quân vào Kiến Khang, giết chết Điêu Hiệp. Nhưng nhờ sự khuyên giải của Vương Đạo nên Vương Thục mới lui quân về Vũ Xương, vì vậy chính quyền vẫn do Vương Đạo khống chế. Tư Mã Xuân thay không có cách gì lay chuyển thế lực của Vương Đạo, hơn nữa mình đường đường là thiên tử vậy mà không sai khién được các đại quan, dần dần ông ta sinh ra bệnh trầm uất nặm liệt trên giường. Ông ta thay trong các đại thần chỉ có Tư Đô Tuân Tô là tôn trọng và trung thành với mình, do đó ông đã phong Tư Đô Tuân Tô làm thái úy kiêm thái bảo của thái tử, dự định sẽ cho Tư Đô Tuân Tô tham gia vào công việc triều chính và nhầm hạn chế quyền lực của Vương Đạo. Không ngờ ít lâu sau, Tư Đô Tuân

Tổ bị bệnh ché́t, Tư Mã Xuân nhìn thấy cảnh tượng đó càng thêm buốn rấu, hậu quả dẫn đến bệnh tình ngày càng trấm trọng.

Buổi tôt i ngày Kỷ Sửu tháng 11 năm 322, Tư Mã Xuân đã tạ thế tại nội điện cung Kiến Khang. Ông ta viết di chiếu để lại muốn lập Tư Mã Thiệu làm hoàng đế.

Sau khi ông ta ché́t lập miếu đặt hiệu là Trung Tôn, đặt thụy hiệu là Nguyên Đế.

MINH ĐẾ (TƯ MÃ THIỆU)

Minh Đế, ông ta tên là Tư Mã Thiệu (299 - 335). Ông là con trai cả của Nguyên Đế, lên kế vị sau khi Nguyên Đế ché́t. Ông trị vì được 3 năm, bị bệnh ché́t, hưởng dương 27

*

Nguyên Đế đã lập Tư Mã Thiệu làm thái tử. Sau khi Nguyên Đế ché́t, ông ta đã lên kế vị, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Canh Dấn tháng 11 năm 322. Sau khi lên ngôi, ông đã đổi niên hiệu là "Thái Ninh".

Tư Mã Thiệu làm hoàng đế vẫn để Vương Đạo phụ giúp công việc triều chính. Vương Thục lợi dụng sự tín nhiệm, tìm mưu kế́ và chuẩn bị kế́ hoạch cướp ngôi. Năm 324, Vương Thục bị bệnh nặng, Tư Mã Thiệu nhân cơ hội đó đã sai quân đi chinh phạt Vương Thục. Tuy bị ốm đau nhưng Vương Thục vẫn sai người đi khống ché́ lực lượng, tiến quân vào thành Kiến Khang. Nhưng đã bị quân Tấn đánh bại. Không lâu sau, Vương Thục bị bệnh ché́t, nguy cơ bị cướp ngôi đã tạm lắng xuống.

Tháng 8 năm 325, Tư Mã Thiệu bị ốm nặng bệnh tình rất nguy kịch. Ông vội vàng sai gọi tể tướng, Tư Mã Dạng, Vương Đạo, thượng thư Biện Hố đến triệu kiến, ông muốn 3 người đó phụ giúp cho Tư Mã Diễn. Ngày hôm sau (ngày Mậu Tí), ông mả́t tại Đông Đường trong cung Kiến Khang.

Sau khi ông mā́t lập miếu đặt hiệu là Túc Tông đặt thụy hiệu Minh Đḗ.

THÀNH ĐḖ (TƯ MÃ DIỄN)

Thành Đḗ, tên ông ta là Tư Mã Diễn (321 - 342), tên tự của ông ta là Thế Cǎn. Ông là con trai cả của Minh Đḗ, lên kế́ vị sau khi Minh Đḗ chḗt. Ông trị vì được 17 năm, bị bệnh chḗt, hưởng dương 21 tuổi. Mai táng ở Hưng Bình Lăng (nay ở núi Kê Lung huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Thời Minh Đḗ, ông ta đã được lập làm thái tử. Ngày Kỷ Sửu tháng 8 năm 325 ông ta đã lên ngôi hoàng đḗ ngay sau khi Minh Đḗ chḗt, sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là "Hàm Hòa".

Trong thời gian trị vì, ông đã trọng dụng Dư Lượng (họ nhà vợ) chấp chính, và ý đṓ phế trừ Vương Đạo. Dư Lượng luôn luôn đṓ kị nghi ngờ các đại thấn, sau khi nhận chức ông ta tìm cách giḗt hại các đại thấn giữ các địa vị quan trọng, do vậy gây ra xung đột trong nội bộ của tập đoàn giai cά́p thống trị. Năm 327, tướng quân canh giữ trấn Lịch Dương đã liên kḗt với tướng quân canh giữ trấn Tô Tuấn và Thọ Xuân tìm cách giḗt Dư Lượng, họ dẫn quân làm tạo phản, tấn công vào thành Kiến Khang nhưng đã bị Dao Khán và Ôn Kiếu dẹp yên, lúc này Vương Đạo lại lên chấp chính. Vương triếu Đông Tấn một lấn nữa lại chuyển đổi từ nguy thành an.

Tháng 1 năm 342, Tư Mã Diễn bị bệnh. Đḗn tháng 6 bệnh phát ra nguy kịch. Biết mình khó lòng qua khỏi nên ông đã tuyên triều: trung thư lân Dư Bắng, trung thư Hà Sung, vū lăng vương Tư Mã Hi, hội kē vương Tư Mã Dục... ông tuyên bố lập lang nha vương Tư Mã Nhạc làm thái tử. 3 ngày sau ông mā́t tại Tây Đường cung Kiến Khang.

Sau khi ông mā́t lập miếu đặt hiệu là Hiển Tông, đặt thụy hiệu là Thành Đḗ.

*

KHANG ĐẾ (TƯ MÃ NHẠC)

(ĐÔNG TẤ N)

Khang Đế, ông ta tên là Tư Mã Nhạc (322 - 344), tên tự của ông ta là Thế Đố ng. Ông là con trai của Minh Đế và là em trai của Thành Đế. Ông lên kế vị sau khi Thành Đế chế t. Ông trị vì được 2 năm thì bị bệnh chế t. Hưởng dương 23 tuổi. Mai táng ở Sùng Bình Lăng (nay thuộc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tư Mã Nhạc được phong làm Ngô Vương, sau đó được phong làm Lang Nha Vương. Sau khi Thành Đế chế t, ông ta được lên kế vị, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Giáp Ngọ tháng 6 năm 342. Sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là "Kiế n Nguyên".

Trong những năm trị vì, ông đã trọng dụng Dư Vịnh và Dư Dực.

Tháng 9 năm 344, ông bị bệnh, bệnh tình ngày một nghiêm trọng. Lúc này ông không còn khả năng sức lực chỉ định người kế́ vị. Các đại thấn đành phải hỏi Dư Vịnh và Dư Dực, cả hai phải chọn ai làm thái tử, hai người đó cho rắng nên chọn một trong những thành viên của hoàng thất có tuổi tác lớn một chút làm người kế́ vị. Còn đại thấn Hà Sung lại cho rắng nên chọn con trai cả của Tư Mã Nhạc làm thái tử (con ông ta mới lên 2 tuổi). Ý kiến của Hà Sung được nhiều người ủng hộ. Việc đó ngoài tấm tay của Dư Vịnh và Dư Dực, do đó các đại thấn lập sá́c phong Tư Mã đơn làm thái tử. Tư Mã Nhạc mâút ngày Mậu Tuất tại điện Vũ Càn cung Kiến Khang.

Sau khi ông ta mâút đặt thụy hiệu là Khang Đế.

MỤC ĐẾ (TƯ MÃ ĐƠN)

Mục Đế, ông ta tên là Tư Mã Đơn (343 - 361) tên tự của ông ta là Bánh Tự. Ông là con cả của Khang Đế, lên kế vị sau khi Khang Đế chế t. Lúc đó ông mới lên 2 tuổi. Ông trị vì được 17 năm, bị bệnh chế t, ông hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Bình Lăng (nay

nắm ở phía Nam núi Mộ Phủ phía Tây Bắc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tư Mã Đơn được các đại thần lập làm thái tử. Vào ngày Kỉ Hợi Ông đã lên ngôi hoàng đế, ngay sau cái chết của Khang Đế. Sau khi lên ngôi đổi niên hiệu là "Vĩnh Hòa". 2 tuổi Tư Mã Đơn đã làm hoàng đế, mọi công việc do thái hậu Chử Lâm triều u để giải quyết trong những năm trị vì, ông trọng dụng Hăng Ôn nham loại bỏ thế lực nhà họ Dư. Dần dần thế lực của Hăng Ôn ngày một mạnh và có ý định cướp ngôi hoàng đế.

Ngày Đinh Tị tháng 5 năm 361, Tư Mã Đơn đã tạ thế tại cung điện Hiền Dương điện Kiến Khang.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Hiếu Tông, lâ'y thụy hiệu là Mục Đế.

AI ĐẾ (TƯ MÃ PHI)

i Đế, tên ông ta là Tư Mã Phi (341 - 365) tên tự của ông ta là Can Linh. Ông là con trưởng của Thành Đế, ông lên kế vị sau khi Mục Đế chết. Ông trị vì được 4 năm, bị bệnh chết, hưởng dương 25 tuổi. Mai táng ở An Bình Lăng (nay ở phía Nam núi Kê Lung huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tháng 5 năm 361 Mục Công bị bệnh chết, ông ta không có con nối dõi, nên hoàng hậu Chử và Hội Kê Vương Tư Mã Dục quyết định chọn Tư Mã Thát lên kế vị, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Canh Thân tháng 5 năm 361, sau khi lên ngôi lâ'y hiệu là "Long Hòa".

Tháng 2 năm 365, Tư Mã Thát bị bệnh nặng. Nghe tin đó, Tư Mã Dục vội vàng vào kinh thành với ý định cùng Tư Mã Thát bàn bạc chuyện chọn người kế vị. Nhưng khi ông ta vào đền kinh thành thì Tư Mã Thát đã băng hà.

Tư Mã Thát mât ngày Bính Thân tại Tây Đường cung Kiến Khang.

PHÊ ĐỀ (TƯ MÃ DỊCH)

Phê Đê, tên ông ta là Tư Mã Dịch (342 - 386), tên tự là Diên Linh. Con của Thành Đế, lên kế vị sau khi Ai Đế ché t. Ông trị vì được 6 năm, sau đó bị Hạng Ôn phế bỏ. Sau đó bị bệnh ché t, thọ 45 tuổi. Mai táng ở Ngô Lăng (nay thuộc huyện Ngô tỉnh Giang Tô).

*

Tư Mã Dịch được phong làm Đông Hải Vương. Ai Đế bị bệnh ché t vì không có con nối dõi nên thái hậu Chu và Tư Mã Dục quyết định lập ông ta làm hoàng đế, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Đinh Dậu tháng 2 năm 365. Sau khi lên ngôi, ông cho đổi niên hiệu là "Thái Hòa".

Trong những năm Tư Mã Dịch trị vì, Hạng Ôn rát chuyên quyền hung bạo ngang ngược, còn trong vương thất lại có Tư Mã Dục nắm giữ triều chính, do đó Tư Mã Dịch trở thành một con rô i trong tay bọn họ.

Tháng 11 năm 371, Hạng Ôn tìm cớ bắt ép thái hậu Chu phế truất Tư Mã Dịch, Hạng Ôn sai Lưu Hướng vào cung lây ân ngọc và đuổi Tư Mã Dịch ra khỏi hoàng cung. Lúc đó đang là mùa thu, thời tiết còn tương đối ấm áp, Tư Mã Dịch chỉ mặc một chiếc áo, ngồi trên xe đi theo lời của Thân Thú rời khỏi hoàng cung, các quan thán khóc lóc cáo biệt ông ta. Hạng Ôn ra lệnh cho thuộc hạ dẫn 100 binh lính áp giải Tư Mã Dịch quay về phủ Đông Hải Vương, giáng ông ta xuống làm Hải Tây Công.

Năm thứ hai, Tư Mã Dịch bị chuyển đền Tây Sài thuộc huyện Ngô cư trú và bị giám sát chặt chẽ. Thời đó dân chúng ráo thông cảm và thương xót ông, không ít người giả mượn danh nghĩa của ông, tụ tập dân chúng để phật cờ khởi nghĩa, phản đối triều đình.

Sau khi Tư Mã Dịch biết chuyện, ông ta chỉ ru rú ở một xó nhà, đóng cửa không tiếp khách, cẩn thận chú ý từng hành động nhỏ để

số ng qua ngày, tránh sự hiếm nghi của triếu đình. Một ngày đẹp trời vào tháng 11 năm 372, Lư Tùng sai Húra Long bí mật đến nhà Tư Mã Dịch, ông ta xưa là sứ giả của thái hậu đến đón Tư Mã Dịch về cung phục chức. Tư Mã Dịch nghe được chuyện đó, vô cùng phấn khởi và dự định sẽ đi cùng Húra Long. Đúng lúc đó, gia bộc của Tư Mã Dịch đến và khuyên can Tư Mã Dịch đừng đi, bởi e sợ có uẩn khúc bên trong, do đó ông ta đã chối từ lời đến nghị và đuổi Húra Long đi. Từ đó, ngày càng thu hẹp lại thân mình suốt ngày uống rượu giải buốn, cam chịu số phận, đế tránh tai họa chết người.

Tư Mã Dịch mât ngày Giáp Thân tháng 10 năm 386 tại huyện Ngô.

Trong lịch sử gọi Tư Mã Dịch là phế đế hay còn gọi là Hải Tây Công.

GIẢN VĂN ĐẾ (TƯ MÃ DỤC)

Giản Văn Đế, ông ta tên là Tư Mã Dục (320 - 372). Ông ta là thiếu tử của Nguyên Đế. Phế Đế bị phế truất, Hắng Ôn đã lập Tư Mã Dục làm hoàng đế. Ông trị vì được 2 năm, bị bệnh chết, thọ 53 tuổi. Mai táng ở Cao Bình Lăng (nay thuộc phía Tây Nam núi Tường huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tư Mã Dục được phong làm Lang Nha Vương sau đó được phong làm Hội Kê Vương.

Tháng 11 năm 371 Hắng Ôn đã phế bỏ Tư Mã Dịch và ngày Kỷ Dậu tháng 11 năm 371 đã lập Tư Mã Dục làm hoàng đế, sau khi ông lên ngôi cho đổi niên hiệu là "Ham An".

Sau khi ông ta lên ngôi, nhất nhất đếu nghe lệnh của Hắng Ôn và nghiêm nhiên trở thành một con rối trong tay Hắng Ôn. Tháng 7 năm 372, Tư Mã Dịch bị bệnh nặng, ông ta tuyên bố lập Xương Minh làm thái tử, và nội trong một ngày một đêm ông ta đã gửi đi 4 chiếu thư, mời Hắng Ôn lúc này đang trấn giữ ở Cơ Thục (nay thuộc huyện Từ tỉnh An Huy) quay về cung. Hắng Ôn không

thèm đế ý tới chiế u thư, tảng lờ không biế t chuyện. Tư Mã Dục đành phải viế t di chiế u, ủy thác cho Hắ ng Ôn được quyế n nhiế p chính, nế u thái tử không đáng được giúp đỡ thì Hắ ng Ôn có thể phế bỏ và tự lên ngôi hoàng đế́ . Lang Trung Vương Thân tiế p nhận chiế u thư đó liế n ra sức can ngăn và còn xé chiế u thư trước mặt Tư Mã Dục. Tư Mã Dục tự an ủi nói: Thiên hạ vố n dĩ đã bị người ta cướp đi, khanh hà tấ t gì phải lo lắ ng như vậy? Vương Thân hỏi vặn lại: "Thiên hạ là thiên hạ của Tuyên Đế , Nguyên Đế , bệ hạ làm sao có thể tư thông với người ngoài đêm vút bỏ đi". Tư Mã Dục trấ m ngâm hố i lâu, im lặng không nói gì, sau đó ra lệnh cho Vương Thân thảo một di chiế u khác: Việc quố c gia đại sự cấ n có một quân sư giúp đỡ, cấ n có trụ cột để dùn dắ t thái tử, do đó thái tử phải kính trọng Hắ ng Ôn giố ng như Lưu Bị trọng đai Gia Cát Lượng". Ngày hôm sau vào ngày Kỉ Mùi, Tư Mã Dục đã tạ thế tại cung Kiế n Khang.

Sau khi ông ta chế t lập miế u đặt hiệu là Thái Tông, lấ y thụy hiệu là Giản Văn Đế .

HIẾ U VŨ ĐẾ (TƯ MÃ DIỆU) (ĐÔNG TẤ N)

Hiế u Vũ Đế , tên ông ta là Tư Mã Diệu (362 - 398), tên tự của ông là Xương Minh. Ông là con của Giản Văn Đế , ông lên kế vị sau khi Giản Văn Đế chế t, trị vì 24 năm, vì lời nói đùa sau khi uố ng rượu nên bị Trương Quý nhân sai cung nữ hại chế t. Thọ 35 tuổi. Mai táng ở Long Bình Lăng (nay thuộc phía Tây Nam núi Tướng huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Thời Giản Văn Đế đã lập Tư Mã Diệu làm thái tử. Sau khi Giản Văn Đế chế t, Tư Mã Diệu đã lên kế vị, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Kỉ Mùi tháng 7 năm 372. Sau khi lên ngôi, ông đổi niên hiệu là Ninh Khang.

10 tuổi, Tư Mã Diệu đã làm hoàng đế́ . Mọi công việc đế u do thái hậu Chủ giải quyết. Nhưng sau khi lo việc ma chay cho Giản Văn Đế một cách hoàn tấ t, đột nhiên Lư Tùng thố ng lĩnh vài trăm người,

đột nhập vào cửa Vân Long xưng là sứ giả của Hải Tây Công Tư Mã Dịch vê triều đòi lại ngôi vị, Lư Tùng dẫn lính xông thẳng vào từ đường, nội cung cướp vũ khí chém giết lung tung. Sau đó bị Cảnh vê quân trấn áp, Lư Tùng bị giết chết. Không lâu sau, Hạng Ôn quay về đô thành, cả triều chính thất kinh lo sợ Hạng Ôn cướp đoạt ngôi vị. Nhưng không lâu sau, Hạng Ôn bị bệnh chết, khiến cho vương triều Đông Tấn lại vượt qua nguy cơ bị mất nước.

Thời gian Tư Mã Diệu kế vị, công việc triều chính do Tư Mã Đạo Tử và con trai của Hạng Ôn (con trai Hạng Ôn tên là Hạng Huyền) kế nhiệm chức vụ của cha. Tư Mã Diệu chìm đắm trong tấu sá c, suốt ngày ở trong cung hưởng lạc, công việc triều chính bỏ bê.

Ngày Canh Thân tháng 9 năm 396, Tư Mã Diệu cùng với quý nhân họ Trương ngồi uống rượu tại điện Thanh Thủ. Ông ta uống rượu liên tục và bắt ép quý nhân Trương cùng uống. Quý nhân Trương không thể uống được nữa nên một mực chống từ. Ông ta có vẻ không vui và nói đùa: "Hôm nay, nếu khanh dám trái lệnh trẫm, cự tuyệt không uống rượu, trẫm sẽ định tội khanh". Quý nhân Trương bức bối khoác áo đứng dậy và nói: "Thiếp nhât định không uống, xem bệ hạ quy thiếp tội gì". Tư Mã Diệu mỉm say lờ đờ, đứng dậy lạnh lùng nói: "Miệng lưỡi khanh quả là cứng rắn, năm nay khanh đã già 30 tuổi, có thể phê bớt được. Giai nhân của trẫm phải là một người trẻ tuổi và xinh đẹp, lẽ nào thiều một người như khanh lại không được". Nói đến đó ông ta nôn mửa vào dây tóc dây người quý nhân Trương. Thuộc hạ vội dùn ông ta về phòng, để ông ta nằm trên giường, ông ta ngủ mê mệt không biết gì.

Quý nhân Trương từ khi vào cung đên nay, được phục vụ hoàng đế nên sinh ra kiêu ngạo, cô ta chưa bao giờ bị nhục mạ, bị giáo huấn, cô ta lại có tính hay đố kị, hating ngày cô ta luôn lo sợ Tư Mã Diệu sủng ái người khác sẽ phê bớt cô ta. Lúc này nghĩ đên nhan sắc của mình đã bị phai tàn, Tư Mã Diệu sẽ bỏ rơi cô ta. Nhất thời, cô ta vừa tức vừa hận nên đã nảy sinh ý định giết chết Tư Mã Diệu. Sau khi đã tắm gội thay quần áo, cô ta truyềun gọi 1 thị nữ tâm phúc của mình đên ra lệnh cho á đó mưu hại Tư Mã Diệu. Cung nữ đó không dám làm. Cô ta cao giọng dọa nạt nêu không làm sẽ giết

chết cung nǚ đó, cung nǚ đành phải lén lút đến chổ Tư Mã Diệu, thấy ông ta đang ngủ say ả liến dùng chăn trùm lên mặt Tư Mã Diệu sau đó lại lấy những vật nặng đè lên người ông ta. Ông ta giãy giãu một hối, cuối cùng bị ngạt chết. Tư Mã Diệu là bậc đế vương trong thiên hạ, chỉ vì lời nói đùa khi uống rượu mà rước lấy cái chết.

Sau khi ông ta chết, lập miếu lấy hiệu là Liệt Tông, lấy thụy hiệu là Hiếu Vũ Đế.

AN ĐẾ (TƯ MÃ ĐỨC TÔNG)

(ĐÔNG TẤN)

An Đế, tên ông ta là Tư Mã Đức Tông (382 - 418), ông là con trưởng của Hiếu Vũ Đế, lên kế́ vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 22 năm, bị Lưu Dụ tư thông với hoạn quan

*

Thời Hiếu Vũ Đế đã lập Tư Mã Đức Tông làm thái tử. Sau khi Hiếu Vũ Đế bị hại chết, các trọng thấn đã loan cáo Hiếu Vũ Đế bị bệnh nặng nên đột ngột qua đời, ngày Tân Dậu tháng 9 năm 398 đã lập Tư Mã Đức Tông làm hoàng đế, ông cho đổi niên hiệu là "Long An".

Tư Mã Đức Tông là người hốđô` ngu xuẩn và bạc nhược, tuy ông ta làm hoàng đế nhưng công việc triếu chính lại do Tư Mã Đạo Tử và Tư Mã Đức Văn cùng nhau chỉ đạo. Tư Mã Đức Tông đương nhiên trở thành một con rối. Trong những năm ông ta trị vì đã nổ ra những cuộc khởi nghĩa của Tôn Ân và Lư Tuân. Năm 403, đại tướng Hắng Huyến trước đây được phong làm Sở Vương nay đã tự xưng làm hoàng đế, Hắng Huyến đã phế bỏ Tư Mã Đức Tông và giáng ông ta làm Bình Cố Vương và ra lệnh cho ông ta phải chuyển đến sống ở Tấm Dương (nay là thành phố Cửu Giang tỉnh Giang Tây). Vương triếu Đông Tấn đang bước vào thời kỳ bị diệt vong. Ít lâu sau đại tướng Lưu Dụ đã mang quân chinh phạt Hắng Huyến và đánh bại Hắng Huyến khiến Hắng Huyến phải chạy đến Tấm Dương. Ông ta đuổi Tư Mã Đức Tông đến Giang Lăng (nay là huyện Giang

Lăng tinh Hô` Bă`c). Năm 404, Hă`ng Huyê`n bị gié`t chê`t. Lúc đó An Đê` mới được phục hó`i ngôi vị.

Năm 418, đại tướng Lưu Dụ có ý đô` cướp quyê`n đoạt vị nên ông ta bí mật ra lệnh cho đô`ng đảng là Trung thư thị lang Vương Thiê`u phải tìm cách tư thông với người hâ`u của Tư Mã Đức Tông, tìm cơ hội để loại bỏ Tư Mã Đức Tông. Em trai của ông là Tư Mã Đức Văn lo lă`ng anh trưởng gặp nạn do vậy cả ngày đê`u ở cạnh anh để hâ`u hạ và bảo vệ điê`u đó làm cho Vương Thiêu khó lòng ra tay hạ thủ. Tháng 12, Tư Mã Đức Văn bị bệnh phải quay về` cung nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Ngày Mậu Dâ`n, Vương Thiêu đã lén vào hậu cung và sai người hâ`u của Đức Tông dùng áo làm thành sợi dây xiê`t cổ Đức Tông. Sau chuyện này, Lưu Dụ xưng làm hoàng đê`, sau này ông ta bị bệnh đột ngột và qua đời.

Sau khi Tư Mã Đức Tông chê`t, đặt thụy hiệu là An Đê`.

CUNG ĐÊ` (TƯ MÃ ĐỨC VĂN)

Cung Đê`, tên ông ta là Tư Mã Đức Văn (385 - 420), ông là con trai của Hiê`u Vũ Đê` và ông là em trai của An Đê`. Sau khi Lưu Dụ hại chê`t An Đê` nên đã lập Tư Mã Đức Văn làm hoàng đê`. Ông trị vì dưới 2 năm, sau đó bị Lưu Dụ phê` bỏ và Lưu Dụ còn sai người dùng chăn làm Đức Văn nghẹt thở chê`t. Ông hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Trọng Bình Lăng (nay thuộc phía Tây Nam núi Tướng huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tư Mã Đức Văn được phong làm Lang Nha Vương. Lưu Dụ sau khi gié`t An Đê`, thâ`y thời cơ đoạt ngôi vị vẫn chưa chín mùi do đó ông ta đã nguy tạo di chiê`u lập Tư Mã Đức Văn làm hoàng đê`. Sau khi lên ngôi, ông ta đổi niên hiệu là "Nguyên Hi".

Tháng 6 năm 419, Lưu Dụ thâ`y thời cơ đã đê`n, vào ngày Nhâm Tuâ`t ông ra lệnh cho đô`ng đảng là Phó Lượng thảo một chiê`u thư nhường ngôi và ép Tư Mã Đức Văn phải thoái vị. Tư Mã Đức Văn đành nói với các quâ`n thâ`n: "Hă`ng Huyê`n cướp ngôi. Lúc đó triê`u Tâ`n đã bị mâ`t nước, may mă`n thay Lưu Công (Lưu Dụ) đã

mang quân dẹp loạn khôi phục lại triều Tấn, nhờ vậy triều đình mới kéo dài gần được 20 năm. Chuyện nhường ngôi hôm nay là do trẫm hoàn toàn tự nguyện, không hề có sự oán giận". Nói xong, ông ta kí tên vào tờ chiếu thư nhường ngôi và đưa cho Phó Lượng. Sau đó, ông dẫn vợ con rời khỏi cung, ông ta bị Lưu Dụ giáng xuống làm Linh Lăng Vương, dời đến cư trú ở huyện Mạt Lăng (nay thuộc huyện Kinh Môn tỉnh Hố Bắc), tướng quân Lưu Tôn Khảo được sai đi giám sát ông ta. Triều Đông Tấn bị diệt vong.

Các anh trai của hoàng hậu (vợ của Tư Mã Đức Văn) là Chủ Tú Chi và Chủ Đạm Chi trước đây được phong làm thái đường khanh hòa thị trung. Nay giờ nhìn thấy cảnh em rể và em gái rơi vào hoàn cảnh khó khăn họ cũng quay lưng bỏ mặc, cam tâm làm chó săn cho Lưu Dụ, họ hứa với Lưu Dụ sẽ giám sát chặt chẽ hai em. Hoàng hậu Chủ sinh được một bé trai, anh trai bà ta là Lưu Tú Chi đã nghe theo lời của Lưu Dụ nên giết chết đứa bé. Lưu Dụ cũng muốn sát hại Tư Mã Đức Văn để trừ hậu họa. Tư Mã Đức Văn cũng đoán biết ý định của Lưu Dụ do đó ngày đêm lo sợ. Cả ngày chỉ ở một xó phòng cùng với vợ, mọi thức ăn đố uống đếu do hoàng hậu làm, điếu đó khiến Lưu Dụ không có cách gì sát hại được Đức Văn.

Tháng 9 năm 420, Lưu Dụ sai Lang nha thị trung Trương Vĩ mang một bình rượu độc đến Mạt Lăng ép Đức Văn uống. Trương Vĩ là một người trung hiếu, ông ta không nhẫn tâm hại chết Tư Mã Đức Văn do đó ông ta đã uống bình rượu độc đó và chết. Lưu Dụ biết tin vô cùng phẫn nộ. Ngày Đinh Sửu Lưu Dụ lại sai Chủ Đạm Chi lấy cớ đến thăm em gái, ra lệnh cho quân lính lén lút đi theo sau. Hoàng hậu Chủ nghe nói anh trai đến thăm, vội vàng đi ra ngoài gặp mặt. Bọn lính thùa cơ trèo tường vào phòng của Tư Mã Đức Văn, đặt một bình rượu độc trước mặt Đức Văn, ép buộc ông ta uống rượu. Tư Mã Đức Văn lắc đấu cự tuyệt nói: "Phật Giáo dạy rắng: Con người mà tự sát thì kiếp sau sẽ không được đấu thai làm người". Binh lính liến trói ông ta vào giường, lấy chăn chùm kín mặt sau đó dùng lực đè chết. Sau khi giết chết ông ta bọn chúng lại trèo tường trốn đi.

Sau khi ông ta chết, lấy thụy hiệu là Cung Đế.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

(305 - 439, tổng cộng 136 năm)

Triệu Tần bị diệt vong, triều Đông Tần dựng cơ nghiệp ở miền Nam, lúc này giai cấp thô ng trị các tộc ở lưu vực sông Hoàng Hà cũng xảy ra các cuộc hỗn chiến. Hơn 130 năm giai cấp thô ng trị các dân tộc miền Bắc đã xây dựng được nhiều quốc gia lớn nhỏ. Trong lịch sử có 15 quốc gia chủ yếu ở miền Bắc: Tiền Triệu, Hậu Triệu, Tiền Yên, Hậu Yên, Nam Yên, Bắc Yên, Tiền Tần, Hậu Tần, Tây Tần, Tiền Lương, Hậu Lương, Nam Lương, Tây Lương, Bắc Lương, Đại Hạ, ngay cả khu vực Tây Nam cũng tạo dựng một quốc gia, do đó có tất cả 16 quốc gia. Ngoài ra còn có chính quyền: Nhiễm Ngụy, Tây Yên, Đại, Nhu Nhiên. Thời kỳ này là thời kỳ Trung Quốc lại bị phân chia. Nửa sau thế kỷ 4 TCN, thời Tiền Tần đã thống nhất lưu vực sông Hoàng Hà, sau đó vì nôn nóng tiền xuông phía Nam tiêu diệt Đông Tần, và bị đại bại ở trận chiến Phí Thủy, giai cấp thô ng trị lại bị phân chia miền Bắc lại rơi vào tình trạng cát cứ phân liệt. Triều Đông Tần nhân cơ hội đó thu phục Hoàng Hà lây lại những vùng đất ở phía Nam mà trước kia đã bị mất, hình thành ra cục diện phân chia 2 miền Nam Bắc.

TIỀN TRIỆU

(304 - 329, tổng cộng 25 năm)

Tiền Triệu lúc đầu gọi là nước Hán, bởi vì do lưu Uyên sáng lập, nên trong sử gọi là Lưu Hán. Cuối thời kỳ đổi tên nước thành "Triệu", sử gọi là tiền Triệu.

Tiền Triệu có 5 vị hoàng đế (bao gồm cả thái tử Lưu Hòa), trong đó có 2 người chết trong nội chiến, một người bị giết trong cuộc chiến khi bị bắt làm tù binh, 2 người bị bệnh chết.

CAO TÔ (LUU UYÊN)

(TIÊ`N TRIÊ`U)

Cao Tổ, ông ta tên là Lưu Uyên (? - 310) ông ta có tên tự là Nguyên Hải. Ông là con trai của Lưu Báo (là Tả bộ sư của dân tộc Hung Nô, sau này Lưu Uyên tự xưng làm hoàng đế). Ông trị vì được 7 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở Vĩnh Quang Lăng).

*

Lưu Uyên là người của bộ tộc Hung Nô ở Tân Hưng. Cha của ông ta là Lưu Báo làm chức tả bộ sư (sau khi Tào Tháo thô`ng nhâ`t miê`n Bă`c, ông ta đã chia 30000 dân của bộ lạc Hung Nô thành 5 bộ tộc mỗi bộ tộc có một bộ sư). Thời trẻ Lưu Uyên thường đê`n Lạc Dương và giao du với các nho sinh và quan lại, ông ta tôn nho sinh Thôi Du làm thâ`y giáo, học các kinh điển của nho học như: "Thi Kinh" "Thượng Thư" "Di Kinh", ông ta còn đọc qua các tác phẩm như: "Xuân Thu tả thị truyê`n", "Binh pháp của Tôn Ngô" "Sử kí", "Hán thư"..., am hiểu văn hóa của tộc Hán. Ông có sức khỏe, lại có võ nghệ cao cường một mình ông có thể nhâ`c được cái cung nặng 300kg. Sau khi Lưu Báo chết, ông được kế` nhiệm chức vụ của cha. Vê` sau còn làm đô đốc thô`ng lĩnh 5 bộ tộc của Hung Nô và làm tướng quân ở triê`u Tâ`n trong "cuộc loạn ở 8 vương" Tâ`n Thành Đô Tư Mã Dĩnh đã sai Lưu Uyên quay về Tịnh Châu (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây) để điê`u động dân chúng ở 5 bộ tộc Hung Nô tham gia vào cuộc hỗn chiê`n. Ông ta thừa cơ hội hô hào dân trong bộ tộc khởi nghĩa, tháng 10 năm 304 ông đã dẫn quân phản lại triê`u Tâ`n, tự xưng là Đại Đon Vu Để nhận được sự giúp đỡ và ủng hộ của dân tộc Hán ông ta đã dựa dẫm vào lý do: triê`u Hán đã từng gả công chúa cho Đon Vu (người của tộc Hung Nô) và ông ta tự xưng là cháu họ ngoại của triê`u Hán, gọi là Hán Vương, đặt quô`c hiệu là "Hán", tỏ ý sẽ kế` thừa chính thô`ng của triê`u Hán. Đặt niên hiệu là "Nguyên Yên".

Sau khi Lưu Uyên xưng vương, ông đã dẫn quân đi tâ`n công các bộ lạc ở Tịnh Châu và các bộ lạc: Vương Di, Thạch Lặc... thê` lực ngày một phát triển mạnh. Tháng 10 năm 310 ông ta xưng làm hoàng đế, đổi niên hiệu là Vĩnh Phụng và sai đóng đô ở Bình Dương (nay thuộc phía Tây Bă`c huyện Lâm Phâ`n tỉnh Sơn Tây).

Sau khi ông ta xung đế, có hai lấn ông ta mang đại quân tiến xuống phía Nam để tấn công vào thành Lạc Dương với ý đồ` tiêu diệt Tây Tấn, nhưng nhờ sự chiến đấu dũng cảm của quân và dân ở triề́u đình Tây Tấn nên ông ta không thực hiện được mưu đồ` của mình.

Tháng 7 năm 310, Lưu Uyên bị bệnh nặng. Ông biết mình không qua khỏi nên đã triệu tập các đại thấn để xắp sếp mọi chuyện, ông cho Lưu Hoan Lạc làm thái tử, Lưu Tường làm thái phụ, Lưu Diên Hiên làm thái bảo, Lưu Thông làm đại tư mã đại đơn vu kiêm chức thượng thư; và sai bố trí đài Đơn Vu ở phía Tây thành Hàm Dương, sai Lưu Dụ làm đại tư mã chủ trì. Vài ngày sau, bệnh tình của ông chuyển ra nguy kịch, ông sai gọi Lưu Hoan Lạc và Lưu Tường vào cung để tiếp nhận di lệnh, ra lệnh phải lập thái tử Lưu Hòa làm hoàng đế. Ông mấ́t ngày Kỷ Mão tại điện Quang Cấp trong cung Bình Dương.

Sau khi ông chết, lập mưu đặt hiệu là Cao Tổ.

THÁI TỬ (LUU HÒA)

Lưu Hòa (? - 310), tên tự của ông ta là Huyến Thái. Ông là con trai của Lưu Uyên. Sau khi Lưu Uyên chết, ông đã lên ngôi kế vi. Chưa được một tháng đã bị em trai giết. Mai táng ở đâu, không rõ.

Lưu Hòa vừa mới lên ngôi hoàng đế, em trai của ông ta là Lưu Thông đã tiến quân bao vây kinh thành để tranh giành ngôi vị. Lưu Hòa bị thua trận, quân của Lưu Thông tiến vào kinh thành bắng lối cửa Tây Minh, tướng quân của Lưu Hòa là Lưu Nhuệ đã phải chạy vào cung ở phía Nam. Quân của Lưu Thông đuổi theo chém chết Lưu Nhuệ. Bọn chúng đi lùng sục Lưu Hòa và phát hiện thấy ông ta ẩn trốn trong phòng phía Tây của điện Quang Cấp, chúng bắt ông ta và chém chết.

Trong lịch sử gọi ông ta là thái tử Lưu Hòa.

VŨ ĐẾ (LUU THÔNG) (TIẾN TRIỆU)

Vũ Đế, ông ta tên là Lưu Thông (? - 318), tên tự của ông là Huyền Minh. Ông là con trai thứ 4 của Lưu Uyên. Sau khi Lưu Uyên chết, Lưu Hòa lên kế vị. Lưu Thông đã giết chết anh trai và tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 9 năm thì bị bệnh chết. Mai táng ở Tuyên Quang Lăng.

*

Lưu Thông được phong làm Sở Vương. Đại Đơn Vu Lộc Lãm Vương; Lúc Lưu Uyên sắp chết còn phong cho Lưu Thông nắm giữ quân đội chủ lực của triều đình. Ông ta am hiểu văn học Hán, nghe nói có thể thuộc lòng bộ binh pháp của Tôn Ngộ và ráo am hiểu những binh pháp đó để vận dụng vào những cuộc chiến. Có hai lần ông ta được lệnh phải thô lanh đại quân đi đánh thành Lạc Dương, nhưng cả hai lần đều thất bại. Sau khi ông giết anh là Lưu Hòa và đã tự xưng làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Quang Hưng".

Năm thứ hai sau khi Lưu Thông lên ngôi hoàng đế, ông ta đã sai Lưu Diệu, Thạch Lặc, Diên Yến thô lanh đại quân tiến đánh Lạc Dương. Lúc này ở triều đình Tây Tần đang có đấu tranh nội bộ, do vậy ông ta dễ dàng bắt được Tần Hoài Đế. Năm 316, ông lại sai Lưu Diệu tấn công vào Trường An bắt giữ Tần Mậu Đế, diệt vong triều Tây Tần.

Trong những năm ông ta trị vì, ông đã dùng nên chính trị của Ngụy Tần và Hung Nô. Ông ta vì nên chính trị mà bất chấp tất cả, sẵn sàng hy sinh sức lực của các tướng lĩnh và binh lính.

Tháng 7 năm 318, Lưu Thông bị bệnh nặng, ông vội vàng gọi thái tử Lưu Xán để nện triệu kién để dặn dò: "Hôm nay thiên hạ vẫn chưa thái bình, con không cần phải gò bó vào phong tục cũ là tổ chức tang lễ long trọng. Khi trẫm chết, con chỉ cần làm tang lễ đơn giản thôi".

Sau đó ông lại sai gọi Lưu Diệu và Thạch Lặc nhờ họ giúp đỡ thái tử, hai người đó lại cự tuyệt không dám nhận. Lưu Thông đành phải để Lưu Kinh làm thái tử, Lưu Kí làm đại tư mã, Lưu Chuyên làm thái sư, Chu Kỉ làm thái phụ, Diên Yến làm thái bảo kiêm thượng thư...

tất cả bọn họ cùng nhau phụ giúp thái tử. Vài ngày sau, Lưu Thông mấ́t tại cung điện Tuyên Quang.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Liệt Tông, đặt thụy hiệu là Vũ Đế.

LINH ĐẾ (LUU XÁN)

(TIÊ`N TRIỆU)

Linh Đế, ông ta tên là Lưu Xán (? - 318), tên tự của ông ta là Sĩ Quang. Ông là con trưởng của Lưu Thông, lên kế vị sau khi Lưu Thông chết. Ông ta trị vì được 3 tháng thì bị đại tướng quân Tiến Chuẩn gié́t chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 7 năm 318 Lưu Thông bị bệnh chết Lưu Xán đã được lên kế vị, ông cho đổi niên hiệu là "Hán Xương".

Sau khi ông ta làm hoàng đế́, suốt ngày chìm đắm trong nǔ sǎ́c, nghe lời của cung phi nên đã sai gié́t: Lưu Kinh, Lưu Kí, Lưu Chuyên, Lưu Sính, Lưu Lê... ông ta phó mặc công việc triề́u chính cho đại tướng quân Tiến Chuẩn. Tiến Chuẩn dựa vào quyề́n lực để ngụy tạo chiếu thư phong cho hai em là Tiến Minh và Tiến Khang làm tướng quân thống lĩnh vệ cấm quân trong triề́u. Một mặt khác Tiến Chuẩn âm thấm chuẩn bị lực lượng để tạo phản. Đại Phu Vương Diên biết được âm mưu của Tiến Chuẩn, ông đã vội vàng vào cung báo cho Lưu Xán biết, nhưng đi được nửa đường đã bị Tiến Khang bắt giữ. Tiến Chuẩn tiến quân vào cung, nhưng ở đó vắng tanh, ông ta liến tiến thăng đến điện Quang Cấp sai người vào hậu cung bắt giữ Lưu Xán. Lưu Xán đang ở trong cung uống rượu nghe nhạc với phi tấn, đột nhiên thấy quân lính xông vào, ông ta cho rắng tông thất vương đến báo thù. Ông ta sợ quá chui vào gấm giường nắm im thin thịt. Các tướng sĩ lừa ông ta, họ nói: "Tư Không (Tiến Chuẩn) có lệnh, mời bệ hạ thăng triề́u!" Lưu Xán nghe họ nói vậy, cho rắng không có chuyện gì to tát liến đi theo quân lính ra điện và thấy Tiến Chuẩn đang ngạo nghẽ ngối trên ngai vàng. Tiến Chuẩn thấy Lưu Xán đến nến to mốm ghép tội cho

Lưu Xán: "đam mê tảo sǎ́c, giḗt hại tông thất bỏ bê triề́u chính"... Lúc này Lưu Xán hoang mang thực sự ông ta quỳ mlop xuống xin tha tội. Tiến Chuẩn sai lính mang ông ta ra ngoài đấu đài chém chết, Tiến Chuẩn còn sai giết hết già trẻ họ hàng nam nữ nhà họ Lưu, sai khai quật lăng mộ của Lưu Uyên và Lưu Thông, đốt thi thể của Lưu Thông, phá bỏ tông miếu nhà họ Lưu... Tiến Chuẩn tự xưng làm đại tướng quấn Hán Thiên Vương và chiếm giữ đô thành.

Sau khi Lưu Xán chết đặt thụy hiệu là Linh Đế.

TẤN VƯƠNG (LUŪ DIỆU)

(TIẾN TRIỆU)

Tấn Vương, tên ông ta là Lưu Diệu (? - 329), tên tự của ông ta là Vĩnh Minh. Ông là cháu họ của Lưu Uyên. Sau khi Lưu Xán bị giết, ông ta đã tấn công và giết Tiến Chuẩn và xung làm hoàng đế́. Ông trị vì được 12 năm, bị quân của Thạch Lặc bắt giữ, sau đó bị giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lưu Diệu được phong làm Trung Sơn Vương Tấn Vương. Thời Lưu Uyên trị vì, ông được sai đi trấn thủ ở Trường An. Thời Lưu Xán trị vì đã cho ông làm tướng quốc nắm giữ binh quyến. Tháng 10 năm 318, ông tiến quân vào Bình Dương chinh phạt Tiến Chuẩn vì tội giết hoàng đế́ Lưu Xán, dọc đường đi ông xung làm hoàng đế́, ông cho đổi niên hiệu là "Quang Sơ". Tháng 12 ông giết chết Tiến Chuẩn, tiêu diệt hết họ Tiến và cho dời đô đế́n Trường An, ông cho đổi quốc hiệu là "Triệu" sử gọi là Tiến Triệu.

Sau khi lên ngôi, ông cho thực hiện phân chia chế độ chính trị của triề́u Hán và Hố và còn khôi phục nho học trong khu thống trị của người Hán, sử dụng phương thức loại bỏ tô thuế́ phong kiến.

Đấu năm 329, quân của Lưu Diệu đánh nhau với quân của Hậu Triệu Vương Thạch Lặc ở thành Lạc Dương. Lưu Diệu bao vây địa bàn quan trọng của Thạch Lặc ở Kim Dung (nay thuộc phía đông thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam), trải qua hơn 3 tháng vẫn không đánh

bại được địch. Từ nhỏ Lưu Diệu đã là một kẻ nát rượu, vê già càng say xưa hơn. Lúc này tuy ông ta sai binh lính trấn giữ ở dưới chân thành, vậy mà vẫn say rượu túy lúy, không hề thương xót quân sĩ. Thạch Lặc đích thân dẫn quân phá vòng vây. Buổi sáng trước khi ra trận, Lưu Diệu nhận được báo cáo: quân của Thạch Lặc sẽ chia làm hai ngả do tướng quân Thạch Hổ và Thạch Kham dẫn đầu tiến đánh, vậy mà Lưu Diệu cũng không để ý tới lời tâu trình, ông ta còn uống vài chén rượu rồi mới lên ngựa ra trận. Ngựa kinh sợ không dám tiến lên phía trước, Lưu Diệu đành phải thay một con ngựa nhỏ. Ông ta cho rắng không có rượu thì không có khí thế đánh địch, do vậy ông ta lại doanh trại uống rượu sau đó mới thúc ngựa ra trận, ông ta rượu say túy lúy chém giết tung tung ở cửa Tây Dương. Quân của Thạch Lặc đã chia làm hai cánh bao vây, quân của Lưu Diệu không có đường thoát bỏ chạy tán loạn. Lưu Diệu mơ hồ chạy theo hướng cửa Tây Dương. Thạch Lặc đã đón đầu ở đó, hô to "Lưu Diệu, ngươi hãy chịu chết", Lưu Diệu lúc này đã tỉnh ra phán nào, nhìn thấy quân lính thua trận, ông ta vội vàng thúc ngựa chạy theo hướng bờ sông Lạc Thủy. Thạch Kham nhìn thấy vội vàng đuổi theo và giương cung bắn. Lưu Diệu bị trúng 3 mũi tên, con ngựa của ông ta bị trúng tên cũng điên cuồng phi nước đại và ngã xuống vực. Lưu Diệu may mắn nhảy ra khỏi mình ngựa và rơi xuống sông Lạc Thủy và bị bắt làm tù binh.

Tháng 8 năm 329 Thạch Lặc bắt buộc Lưu Diệu phải viết thư cho thái tử Lưu Hi, khuyên anh ta đầu hàng. Trong thư Lưu Diệu lại khuyên Lưu Hi và các quan thần phải bảo vệ xã tắc không cần phải lo lắng tới sự sống chết của ông ta mà nhụt đi ý chí. Thạch Lặc xem lại thư tức giận vô cùng, ông ta liền sai đem Lưu Diệu đền thành Vĩnh Phong và giết chết. Tiền Triệu bị diệt vong.

Trong sử gọi Lưu Diệu là Tân Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

HẬU TRIỆU

(319 - 351, tổng cộng 33 năm)

Hậu Triệu có 7 hoàng đế, trong đó có 2 người bị bệnh ché t, 5 người bị giết trong nội chiém.

CAO TÔ (THẠCH LẶC)

(HẬU TRIỆU)

Cao Tô, tên ông ta là Thạch Lặc (274 - 333), tên tự của ông ta là Thê Long. Ông ta là người dân tộc Hạt. Ông ta là đại tướng quân thời Lưu Uyên, sau đó ông ta diệt vong nhà Tiê n Triệu và xưng làm hoàng đế. Ông trị vì 15 năm, bị bệnh ché t. Thọ 60 tuổi. Mai táng ở Cao Bình Lăng.

*

Thạch Lặc là người dân tộc Hạt, quê ở Vũ Xương (Thượng Đông, nay thuộc phía Bắc huyện Du Xã tỉnh Sơn Tây). Ông tổ của Thạch Lặc là thầy giáo của bộ lạc. Thời trẻ ông ta thường theo những người trong â p đi xuô ng Lạc Dương, làm thuê cuô c mướn, cuộc sô ng rât nghèo khổ. Năm 20 tuổi ông bị Tư Mã Đă ng Kinh (nhà Tây Tâ n) mua vê Sơn Đông làm nô lệ, ông không cam chịu cuộc đời nô lệ nên đã theo Cập Tang dâ y cờ khởi nghĩa phản đói nhà Tâ n. Cập Tang bị giết, ông lại chạy theo Lưu Uyên, sau này ông được phong làm đại tướng quân An Đông, dâ n dâ n được làm Triệu Công và dâ n dâ n trở thành thê lực cát cứ. Năm 319, ông xưng làm Triệu Vương ở Tương Quô c (nay thuộc phía Tây Nam huyện Hình Đài tỉnh Hà Bắc), ông xây dựng chính quyê n, đặt quô c hiệu là "Triệu", trong sử gọi là Hậu Triệu. Năm 328, ông lâ y niên hiệu là "Thái Hòa".

Năm 329, Thạch Lặc tiêu diệt nhà Tiê`n Triệu, khô`ng chê` một bộ phận lớn ở Trung Nguyên. Năm 330 xưng là Thiên Vương, không lâu sau ông ta xưng làm hoàng đê` , đổi niên hiệu là "Kiê`n Bình".

Trong những năm trị vì, ông ra sức đê` cao địa vị của dân tộc Hạt, ông trọng dụng Trương Tân (là một văn nhân dân tộc Hán), khôi phục tông thuê` . Ông đê` cao Nho học và tôn trọng Phật giáo, quô`c gia do ông cai trị ngày một hưng thịnh. Lãnh thổ của ông gô`m: phía Tây chạy đê`n tỉnh Thiểm Tây và tỉnh Cam Túc; phía Đông chạy đê`n phía Đông Bắc`c tỉnh Hà Bắc`c, phía Nam chạy đê`n tỉnh Hồ`Bắc`c và tỉnh An Huy, bao gô`m cả lãnh địa Trung Nguyên.

Trong giai cát`p thô`ng trị của 16 nước, Thạch Lặc là người tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân sĩ. Thạch Lặc không đọc sách và ông ta cũng không biết chữ, nhưng ông ta lại rất coi trọng tri thức văn hóa. Thời kỳ ông còn làm đại tướng quân An Đông, ông đã trọng dụng sĩ nhân Trương Tân (là người dân tộc Hán). Ông dựa vào mưu kêt` và tài năng của Trương Tân, dâ`n dâ`n đã khuê`ch trương được thế` lực. Ông ta còn tập hợp những người nghèo khổ ở miê`n Bắc`c thành một tổ chức gọi là "Quân Tư Doanh" và xê`p họ biên chê` vào trong quân đội. Sau khi xưng đê` , ông ra lệnh không được bắt giữ những nhân sĩ bị thương, mà phải mang họ đi chữa trị. Ông cho mở trường học, khuyê`n khích con em tướng sĩ đê`n học, ông lập ra chế` độ thi cử để tuyển chọn nhân tài. Nhờ vậy nê`n chính trị vào những năm đâ`u thời Hậu Triệu tương đố`i công minh, xã hội tương đố`i ổn định và phô`n vinh.

Ông râ`t thích đọc sách và học hỏi, ông cho mời thâ`y giáo đê`n dạy và giảng giải, sau khi nghe xong ông thường đê`ra các câu hỏi, phát biểu những kiê`n giải của mình. Có một lâ`n, thâ`y giáo giảng đê`n câu chuyện lịch sử: "Lưu Bang chuẩn bị phân 6 nước cho con cháu của quý tộc cũ" Ông râ`t tâm phục và thô`t lên: "Lưu Bang làm như vậy quả là không tố`i".

Thạch Lặc còn đê`xướng Phật Giáo, năm 312 ông phục hưng đạo Phật, ông cho xây dựng chùa miê`u và còn gửi con trai của mình vào chùa Phật để học kinh, bản thân ông ta cũng đi lễ Phật cát`u nguyện, cát`u mong đức Phật bảo vệ cho con cháu của ông.

Tháng 7 năm 333, trên đường đi tuân ở miền Tây giữa đường ông bị cảm nặng và phát sinh ra những bệnh khác. Sau khi về cung bệnh của ông càng nặng, ông đưa ra chỉ: sau khi ông chết 3 ngày mới được an táng, việc tang chỉ làm đơn giản và gọn nhẹ, các tướng sĩ ở các địa phương cũng không cần phải về kinh phúng viêng, phải trấn giữ cẩn mật những cửa ải quan trọng, và không cần phải để tang trong thời gian dài, không cần cấm quan dân dựng vợ gả chỗng cho con cái". Và ông còn dặn dò: "Hai anh em Thạch Hoảng và Thạch Vũ phải láy bài học huynh đệ nhà Tây Tần tàn sát lẫn nhau và láy cuộc loạn 8 vương để làm tấm gương, ông dặn họ phải đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Ông nhờ vả Trung Sơn Vương (Thạch Hổ) phải tận trung tận hiếu giúp đỡ thái tử. Nếu được như vậy, ông mới yên tâm nhầm mầm tatra đi". Nói xong, ông trút hơi thở cuối cùng tại Tây Các Tang Quoc. Tang lễ của ông do Thạch Hổ làm chủ trì. Nửa đêm, mới mang quan tài ra khỏi cửa thành mai táng ở trong sơn cốc, do đó địa điểm lăng mộ có vài thuyết nói khác nhau.

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Cao Tổ.

HẢI DƯƠNG VƯƠNG (THẠCH HOÀNG)

(HẬU TRIỀU)

Hải Dương Vương, tên ông ta là Thạch Hoảng (314 - 335). Ông là con trai thứ hai của Triệu Cao Tổ Thạch Lặc. Ông lên kế vị sau khi Thạch Lặc chết. Ông trị vì được một năm, bị Thạch Hổ phế truất và giết chết, hưởng dương 22 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Thạch Lặc trị vì đã lập Thạch Hoảng làm thái tử.

Tháng 7 năm 333 Thạch Lặc bị ôm chết. Sau khi lo việc tang lễ chu tất, Thạch Hổ liền ép Thạch Hoảng thiết triều, hạ chiếu nói muốn rời bỏ địa vị của mình và Thạch Hổ còn sai Tề Vương Thạch Tuệ vào cầm vệ cung, quản lý Thạch Hoảng. Thạch Hoảng là người nhu nhược, ông lo lắng không bảo vệ được tính mạng nên đã tình nguyện nhường ngôi cho Thạch Hổ. Thạch Hổ sợ các chư hầu

phản đố i nên không dám tiê p nhận. Do đó đã phải lập Thạch Hoă ng làm hoàng đế . Sau khi lên ngôi cho đổi niên hiệu là "Diên Hi".

Trong thời gian Thạch Hoă ng trị vì, Thạch Hổ râ t chuyên quyê n, thê lực vô cùng mạnh khiê n cho Thạch Hoă ng ngày đêm thâ p thом lo âu. Tháng 10 năm 334 Thạch Hổ đã phê truâ t Thạch Hoă ng giáng ông ta xuô ng làm Hải Dương Vương. Thạch Hổ còn áp giải thái hậu và Tâ n Vương Thạch Hô ng đê n cung Sùng Huâ n. Đâ u năm 335 Thạch Hổ âm thâ m sai người nửa đêm đột nhập vào cung Sùng Huâ n giê t hê t cả nhà Thạch Hoă ng.

Trong lịch sử gọi Thạch Hoă ng là Hải Dương Vương.

THÁI TÔ (THẠCH HỔ) (HẬU TRIỆU)

Thái Tô, ông ta tên là Thạch Hổ (295 - 349). Tên tự của ông là Quý Long, là cháu của Thạch Lặc. Sau khi ông ta phê truâ t Thạch Hoă ng đã tự xưng làm hoàng đế . Ông trị vì được 15 năm, bị bệnh chê t, thọ 55 tuổi. Mai táng ở Lăng Hiê n Nguyên.

*

Thời kỳ Hậu Triệu mới được sáng lập, Thạch Hổ được phong làm Đơn Vu Nguyên Phụ, thô ng lĩnh câ m vệ quân. Sau nhiê u lâ n chinh chiê n thực lực râ t mạnh. Tháng 10 năm 334, sau khi phê truâ t Thạch Hoă ng, ông đã tự xưng là Thiên Vương đặt niên hiệu là "Kiê n Vũ", dời đô đê n thành Nghiệp (nay thuộc huyện Từ tinh Hà Bă c). Năm 349, ông ta tự xưng làm hoàng đế , đổi niên hiệu là "Thái Ninh". Trong những năm ông ta trị vì, ông sử dụng hình phạt râ t hung bạo hà khă c, thuê má nặng nê , nhiê u lâ n phát triển mạnh công trình thô mộc tận dụng sức dân, lại bă t bó quân lính đi chinh phạt vô độ. Ông ta hoang dâm vô độ, từng đi cướp 100000 thiê u nữ trong dân gian vê hậu cung, khiê n cho nhân dân vô cùng khổ cực, ông ta còn lợi dụng các sĩ nhân dân tộc Hán, tuyên dương nho giáo và Phật pháp.

Thạch Hổ tính tình hung bạo. Có một lần, hoàng hậu Quách và ông ta cãi nhau, ông ta đã sai giết chết hoàng hậu. Đại phu Lộ Minh khuyên giải ông ta thả các thiếu nữ ở hậu cung cho họ về nhà để làm an lòng dân. Nghe Lộ Minh nói vậy, ông ta dùng dùng nỗi giận ra lệnh cho vệ binh giết Lộ Minh.

Năm 349, Thạch Hổ bị ôm nặng, ông ta vội vàng ra lệnh cho Thạch Tôn làm đại tướng quân trấn giữ Quan Hữu, Thạch Vũ làm thừa tướng kiêm thượng thư, Trương Sái làm trấn vệ đại tướng quân kiêm thượng thư sứ bộ... tất cả bọn họ phải trợ giúp thái tử. Trương Sái có quyền lực trong tay. Ông ta câu kết với hoàng hậu Lưu lừa đảo Thạch Hổ, sai bắt giữ Thạch Vũ; đồng thời Trương Sái còn sai lính đền Kinh Thâm bắt giải Thạch Tôn về Tù Châu. Thạch Hổ hỏi các thuộc hạ: "Thạch Tôn vẫn chưa đền à?" Thuộc hạ của ông ta trả lời: "Ông ta đã về từ lâu rồi". Thạch Hổ lại hỏi: "Lẽ nào không đền chỗ trẫm". Hơn 200 thuộc hạ của Thạch Hổ quỳ xuống cầu xin ông ta cho Thạch Vũ vào cung quản lý quân sự. Thạch Hổ nói một cách ngạc nhiên: "Thạch Vũ chẳng phải đang ở trong cung đó sao! Nhanh tuyêt triệu ông ta đền, trẫm muôn giao ái ngọc cho ông ta". Các thuộc hạ không dám nói cho ông ta biết việc Thạch Vũ bị Trương Sái áp giải. Lúc ông ta đang muôn gọi Thạch Vũ đền thì một cơn đau dữ dội lại nỗi lên, cuối cùng sức ông ta không chịu được nên đã chuyển ông ta về phòng ngủ. Trương Sái nhân cơ hội đó đã giả truyề́n chiêu thư, sai giết Thạch Vũ và tự xưng làm Thái Bảo và lũng đoạn triều đình. Tháng 4, Thạch Hổ mất tại điện Kim Hoa trong cung của đô thành Nghiệp.

Sau khi ông ta chết lập miếu lâ'y hiệu là Thái Tổ.

TIÊU VƯƠNG (THẠCH THẾ)

(HẬU TRIỆU)

Tiêu Vương, ông ta tên là Thạch Thế (339 - 349). Ông là thiếu tử của Hậu Triệu Thái Tổ Thạch Hổ. Sau khi cha chết, ông ta lên kế vị. Ông trị vì được 33 ngày thì bị anh trai là Thạch Tôn cướp ngôi và giết chết, thọ 11 tuổi. Mai táng ở ngoại ô Bát Minh.

*

Thời Thạch Hổ trị vì đã lập Thạch Thế làm thái tử. Tháng 4 năm 349 Thạch Hổ bị bệnh chế t, ông ta đã được lên kế vị, lúc đó ông mới 11 tuổi, mọi việc trong triề́ u do thái hậu Lưu quyế t định, Trương Sái được thế rấ t chuyên quyế n.

Thạch Thế lên ngôi được vài ngày, thì anh trai của ông ta là Thạch Tôn đã thố ng lĩnh đại quân từ Hà Nội quay về` Nghiệp thành, giế t chế t Trương Sái.

Thạch Tôn còn giả truyê` n ý chỉ của thái hậu Lưu nói: "Thạch Thế còn nhỏ tuổi, chưa đủ sức gánh vác công việc quố c gia, được lập hoàng đế chăng qua vì được tiên hoàng sủng ái mà thôi, nay lấ y việc quố c gia làm trọng, nên lệnh cho Thạch Tôn nên kế vị". Thạch Tôn phế truấ t Thạch Thế và cho làm Tiêu Vương, hưởng tô thuế́ của 10.000 hộ dân. Vài ngày sau, Thạch Tôn lại sai người hạ độc Thạch Thế và thái hậu Lưu.

Trong sử gọi Thạch Thế là Tiêu Vương.

BÀNH THÀNH VƯƠNG (THẠCH TÔN)

Bành Thành Vương, ông ta tên là Thạch Tôn (? - 349). Ông là con trai của Hậu Triệu Thái Tổ Thạch Hổ` . Sau khi ông ta phế truấ t Thạch Thế đã tự xưng làm hoàng đế . Ông trị vì được 183 ngày thì bị thuộc hạ của Nhiễm Mẫn chém chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thạch Tôn được phong làm Bành Thành Vương. Tháng 4 năm 349 sau khi phế truấ t Thạch Thế , ông ta đã tự nên ngôi hoàng đế .

Tháng 11 năm 349 Nghĩa Tô Vương Thạch Giám và Bắc Trung Lang tướng Nhiễm Mẫn đã làm phản, bọn họ đã sai Tô Hợi và Chu Thành dẫn quân vào hoàng cung. Lúc đó, Thạch Tôn đang cùng phi tử đánh cờ đột nhiên nghe tié́ ng hò hét náo loạn. Ông ta vội vàng chạy ra điện Côn Hoa ngóng tình hình, và va phải Tô Hợi và Chu Thành cũng đang đi đế n. Ông ta lấ y lại điện mạo và quát to:

"Các khanh đến đây làm gì, muôn tạo phản phải không?". Bình sĩ vội vàng đáp: "Đến để giết người đã cướp đoạt ngôi vị". Thạch Tôn kinh ngạc hỏi: "Ai dẫn đầu cuộc tạo phản". Chu Thành trả lời: "Nghĩa Dương Vương Thạch Giám dẫn đầu và ông ta sẽ nên ngôi kế vị" Thạch Tôn nói: "Đoạn kết cuộc đời trẫm còn bị như vậy, các khanh lập Thạch Giám làm hoàng đế́, liệu được hưởng phú quý bao lâu?" Chu Thành tức giận, sai lính bắt giữ và chém chết Thạch Tôn.

Trong lịch sử gọi ông ta là Bành Thành Vương.

NGHĨA DƯƠNG VƯƠNG (THẠCH GIÁM)

Nghĩa Dương Vương, ông ta tên là Thạch Giám (? - 350). Ông là con trai thứ 3 của Thạch Hổ. Ông nên kế vị sau khi Thạch Tôn chết. Ông trị vị được 100 ngày, sau đó bị Nhiễm Mẫn cướp ngôi vị và giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thạch Giám đã được Nhiễm Mẫn giúp đỡ để giết Thạch Tôn, tháng 11 năm 349 Thạch Giám đã nên ngôi hoàng đế́. Ông cho đổi niên hiệu là "Thanh Long".

Sau khi Thạch Giám nêu ngôi, vì Nhiễm Mẫn rá́t lộng hành do vậy Thạch Giám rá́t muôn loại bỏ Nhiễm Mẫn. Một hôm, ông sai 3 đại thấn là: Thạch Bao, Quý Công, Trương Tài đang đêm phải đi giết Nhiễm Mẫn. Không ngờ Nhiễm Mẫn đã có sự đế phòng, ông sai thuộc hạ tâm phúc mai phục ở trong điện, giết chết 3 người đó. Tương quân Tôn Phú Đô và Lưu Thủ đã triệu tập 3000 người dân tộc Hạt tiến vào hoàng cung vây đánh Nhiễm Mẫn giải nguy cho Thạch Giám.

Thạch Giám kinh ngạc, vội vàng ra lệnh cho thuộc hạ gọi Tôn Phục Đô đến và hỏi lý do tiến quân vào kinh. Tôn Phục Đô nói: "Nhiễm Mẫn, Quý Y mưu phản đã chiế́m giữ cửa Đông Dịch, hạ thấn dẫn quân giải cứu bệ hạ". Thạch Giám vui mừng vô cùng và khích lệ anh ta: "Khanh đúng là một đại thấn tận trung, đã vì trẫm mà xuất quân. Trẫm sẽ ở trên Bình Đài xem trận chiến, sau khi đã dẹp yên phản loạn, trẫm sẽ trọng thưởng cho khanh". Tôn Phục Đô dẫn quân đi

đánh Nhiễm Mẫn nhưng ông ta liên tiếp bị bại trận dưới tay Nhiễm Mẫn, do vậy phải lui quân về trấn giữ ở cửa Phụng Dương. Nhiễm Mẫn, Quý Y dẫn 1.000 lính đánh vào cửa Kim Minh tiến vào hoàng cung bắt giữ Thạch Giám. Thạch Giám đứng trên Bình Đài thấy tình hình như vậy, ông ta trở mặt và truyền tin cho Nhiễm Mẫn và Quý Y nói: "Tôn Phú Đô mưu phản, các khanh hãy nhanh đi bắt hắn". Nhiễm Mẫn và Quý Y sau khi đã tiêu diệt Tôn Phú Đô và 3000 cảm quân, đã ra lệnh cho thượng thư Vương Giản, thiếu úy phủ Vương Úc dẫn vài nghìn binh lính trấn giữ Long Quan, không cho Thạch Giám ra ngoài, lương thực do binh lính dùng móc câu đưa vào.

Tháng 1 năm 350, nhân cơ hội Nhiễm Mẫn và Quý Y dẫn 30.000 kị binh đi đánh Trương Hạ Độ, Thạch Giám liền sai hoạn quan viết một lá thư gửi cho Trương Hạ Độ muộn ông ta dẫn quân vào kinh giúp mình đoạt lại chính quyền. Viên hoạn quan không gửi thư cho Trương Hạ Độ mà lại đưa cho Nhiễm Mẫn và Quý Y. Bọn họ tức giận vô cùng liền sai lính giết chết Thạch Giám. Sau đó sai giết chết 38 người con cháu nhà Thạch Hổ, chuẩn bị xưng làm hoàng đế.

Trong lịch sử gọi Thạch Giám là Nghĩa Dương Vương.

TÂN HƯNG VƯƠNG (THẠCH CHI)

Tân Hưng Vương, ông ta tên là Thạch Chi (? - 351). Ông là con trai của Thạch Hổ. Sau khi Thạch Giám bị giết, ông ta biết tin liền xưng làm hoàng đế. Ông ta trị vì được 2 năm thì bị đại tướng quân Lưu Hiển giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thạch Chi được phong làm Tân Hưng Vương trấn giữ ở Tương Quốc, Ông nghe tin Thạch Giám bị giết nên vào tháng 3 năm 350 ông đã xưng làm hoàng đế và cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Ninh".

Sau khi Thạch Chi xưng đế, Nhiễm Mẫn sai quân đi đánh tấn công vào Tương Quốc nhưng đã bị Thạch Chi đánh bại.

Năm 351, Thạch Chi sai đại tướng quân Lưu Hiển dẫn 70.000 lính tiến đánh Nghiệp Thành, nhưng bị Nhiễm Mẫn đánh bại, chết hơn

30.000 lính và phải chạy đến Dương Bình (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Quán Dao tỉnh Hà Nam). Lưu Hiển sợ Thạch Chi luận tội, do vậy lén lút sai người đến đấu hàng Nhiễm Mẫn, bày tỏ sẽ giết Thạch Chi để làm lễ vật gấp mặt.

Táng 4, Lưu Hiển quay về Tương Quốc để tìm cơ hội giết Thạch Chi, sau đó mang thủ cônghip gửi cho Nhiễm Mẫn. Nhiễm Mẫn sai đem đấu của Thạch Chi treo trên đường lớn cho dân chúng xem.

Trong lịch sử gọi Thạch Chi là Tân Hưng Vương. Triệu Hậu Triệu bị diệt vong.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

NHIỄM NGUY
(350 - 352, tổng cộng có 2 năm)

Triệu Nhiễm Ngụy chỉ có một hoàng đế, sau đó bị Tiền Yên bắt làm tù binh và giết chết.

VŨ ĐIỀU THIÊN VƯƠNG (NHIỄM MÃN) (NHIỄM NGUY)

Vũ Điều Thiên Vương, ông ta tên là Nhiễm Mẫn (? - 352), ông còn có tên Thạch Mẫn, ông có tên tự là Vĩnh Tăng. Ông là cháu nuôi của Hậu Triệu Thái Tổ Thạch Hổ. Ông ta giết Thạch Giám và tự lập làm hoàng đế. Ông trị vì được 2 năm, sau đó bị Tiền Yên Mộ Dung Tuyển bắt làm tù binh và bị giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Nhiễm Mẫn là người ở nội hoàng quận Ngụy (nay thuộc Tây Bắc huyện Nội Hoàn tỉnh Hà Nam). Ông ta họ Nhiễm, cha của ông ta là Nhiễm Thiêm đã nhận Thạch Hổ làm bô nuô, Nhiễm Thiêm ráo giỏi chiêng trận vì thế đã được phong làm đại tướng. Năm 350 Nhiễm Mẫn giết Thạch Giám và tự xưng làm hoàng đế, ông cho đặt quốc hiệu là "Đại Ngụy", đặt đô ở đât Nghiệp, đặt niên hiệu là "Vĩnh Hưng", trong sử gọi là Nhiễm Ngụy".

Trong thời gian Nhiễm Mẫn châp chính, ông ta đã lợi dụng mâu thuẫn giữa người Hán và người Hô, kích động dân tộc khôi phục tinh thần, ông ta sai giết 200.000 người dân tộc Hạt bao gồm cả già lẫn trẻ, ông còn sai người đén Đông Tân, kích động người Hô ở miềnn Bắc kinh cho cuộc hỗn chiêng tiêu diệt Hậu Triệu Thạch Chi, thực lực quân sự của ông ta đã bị suy yếu rất nhiềuu.

Tháng 4 năm 352, Tiết n Yên Vương Mộ Dung Tuyển là người dân tộc Tiên Ti đã sai tướng quân Mộ Dung Cách thô^{ng} lĩnh đại quân tiêⁿ đánh Nhiễm Mẫn khiêⁿ cho Nhiễm Mẫn phải đích thân dẫn quân chặn đánh. Hai bên đánh nhau ở thành Ngụy Xương (nay thuộc phía Nam huyện Định Tỉnh Hà Bắc). Bộ tướng của Nhiễm Mẫn là Đồng Nhuận và Trương Ôn đưa ra ý kiêⁿ: "Quân Tiên Ti thà^t ng tâⁿ công, khí thê^t hăng hái, nhuệ khí sã^c bén không thể chô^t ng đỡ nổi, hơn nữa thê^t địch mạnh còn quân ta râ^t yê^u, nê^t u đánh nhau chúng ta râ^t dẽ bị thua trận, bây giờ đợi cho khí thê^t của chúng nhụt đi và chút bót kiêu ngạo đi, chúng ta tăng thêm lực lượng rõⁱ mới đánh chúng, lúc đó mới có thể giành được thă^t ng lợi. Nhiễm Mẫn hô hởi nói: "Từ khi trẫm cát m quân đê^t n nay, chưa bao giờ sợ kẻ địch. Ngày hôm nay trẫm lại đích thân ra trận, quyết tâm dẹp yên ở Từ Châu bă^t sô^{ng} Mộ Dung Tuyển. Bây giờ chỉ có mình Mộ Dung Cách cát m quân, trẫm việc gì phải lui quân, làm như vậy để cho người khác cười nhạo à?". Nói xong, ông ta thúc giục Đồng Nhuận và Trương Ôn dẫn quân ra trận.

Nhiễm Mẫn ra trận râ^t dũng mãnh, chỉ có 10.000 bộ binh, nhưng người nào cũng dũng mãnh đánh trận râ^t giỏi. Ông ta đánh trận với quân Yên mười trận thă^t ng cả mười trận, quân Yên đại bại phải lui quân. Quân lính của Nhiễm Mẫn là quân bộ binh còn quân Yên là quân kị binh, Nhiễm Mẫn lo lă^t ng vô cùng, đã dẫn toàn bộ tướng lính và quân lính vào rừng cây nghỉ ngơi. Mộ Dung Cách tạm thời không giành thă^t ng lợi do vậy ông ta một mặt vẫn cố vũ binh lính để tăng thêm dũng khí, một mặt khác ông ta sửa đổi chiêⁿ thuật, sai một số kị binh đứng ở ngoài bìa rừng chửi bới khiêu chiêⁿ. Nhiễm Mẫn tuy là người dũng cảm nhưng lại ít mưu, nhâ^t thời đã không chịu đựng được, nên đã chỉ huy thuộc hạ xông ra đánh. Quân Yên thâ^t y vậy liêⁿ quay ngựa bỏ chạy. Quân Yên làm như vậy chỉ là dẫn dụ Nhiễm Mẫn rơi vào trận địa đã bày sẵn.

Mộ Dung Cách chia quân làm 3 ngả, bài binh bố^t trận. Mộ Dung Cách đích thân dẫn một đội quân tinh nhuệ chỉ huy ở cánh giữa, phía trước có 500 kị binh dùng xích sã^t khóa thành một thê^t trận hình vuông, các kị sĩ râ^t giỏi băⁿ tên, từ từ nhử Nhiễm Mẫn vào thê^t trận. Nhiễm Mẫn cưỡi một con ngựa màu hò^{ng}, tên con ngựa đó là Chu Long, tay trái ông ta cát m một con dao 2 lưỡi, tay phải cát m một

chiết c câu liêm, một mình một ngựa ông ta xông thẳng vào quân Yên, tay trái vung dao đẽo những mũi tên bay đênh, tay phải dùng câu liêm đánh địch, ông ta giết được 300 quân Yên, sau đó rơi vào thế trận của quân Yên. Mộ Dung Cách ra lệnh cho binh lính triển khai thế trận, hai cánh tả hữu mai phục sẵn đã xông ra đánh trận - tướng và binh lính của Nhiễm Mẫn bị bao vây theo từng tầng, từng lớp quân bị suy yếu và xé lẻ. Nhiễm Mẫn thấy quân Yên càng ngày càng đông, còn thuộc hạ của mình càng đánh càng ít, ông ta đành phai mờ một con đường máu rút lui, điên cuồng chạy về hướng Đông, ông ta thúc ngựa chạy được hơn 20 dặm mới dừng lại nghỉ ngơi, thuộc hạ chạy theo ông ta chỉ có khoảng 100 người. Lúc này, quân Yên đã đuổi kịp, Nhiễm Mẫn vội vàng lên ngựa, mới chạy được hơn 1 dặm con Chu Long kiệt sức không chạy được nữa, Nhiễm Mẫn vung doi đánh nó, đánh liên tiếp không ngừng, con ngựa không chịu đựng được đã gục ngã chết. Quân Yên đuổi đênh và trói ông ta giải về thành gấp mặt Mộ Dung Tuyền, sau đó lại giải ông ta về Thành Long giam lỏng (nay thuộc huyện Càn Dương tỉnh Liêu Ninh).

Không lâu sau, Mộ Dung Tuyền giải ông ta về cung điện tổ miếu, rọi mang ông ta lên núi Át Hình chém chết.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Vũ Diệu Thiên Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

THÀNH HÁN
(303 - 347, tổng cộng 44 năm)

Thành Hán, sơ kỳ đặt quốc hiệu là "Thành hậu kỳ đặt quốc hiệu là "Hán", vì thế trong lịch sử gọi là Thành Hán.

Triếu đại Thành Hán có 5 hoàng đế́, trong đó có 2 người bị ốm chết, một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người bị bệnh chết sau khi bị phế truất do mất nước.

Ngoài ra còn phụ chú thêm vê` Lý Đặc và Lý Lưu, Lý Đặc bị chết trận, Còn Lý Lưu bị ốm chết.

CẢNH ĐẾ (LÝ ĐẶC)
(THÀNH HÁN)

Cảnh Đế, ông ta tên là Lý Đặc (? - 303) tên tự của ông ta là Huyến Hữu. Ông ta là người dân tộc Ba Thị, ông lãnh đạo cuộc khởi nghĩa dân lưu vong ở triếu Tây Tấn, là một trong những người xây dựng nên vương triếu nhà Thành Hán. Vê` sau ông bị giết. Mai ở đâu không rõ.

*

Lý Đặc là người dân tộc Ba Thị, thời trẻ ông làm quan sứ ở quận Châu. Niên giám Huệ Đế Nguyên Khang, khu vực Tấn Ung liên tiếp bị hạn hán, ông đã phải theo những người dân lưu vong chạy đến vùng Ba Thục. Vì không chịu đựng được chèn ép bức hại của triếu đình Tây Tấn nên ông đã lãnh đạo dân lưu vong khởi nghĩa, địa điểm khởi nghĩa tại Miên Trúc (nay thuộc phía Đông Nam huyện Miên trúc tỉnh Tứ Xuyên). Năm 302, ông tự xưng là đại tướng quân trấn Bắc và đô đốc sứ đặc tiết, trấn giữ ở Ích Châu.

Sau khi Lý Đặc khởi nghĩa, ông đã chia ước pháp làm 3 chương:

- + Khôi phục nê`n kinh tế` nghèò nàn.
- + Trọng dụng nhân tài.
- + Ràng buộc quan lại.

Kỷ luật của quân khởi nghĩa râ`t nghiêm minh do đó được nhân dân ủng hộ râ`t đông.

Lại sử của quận Ích Châu (triê`u Tây Tâ`n) là Lặc Thượng đã mây lâ`n mang quân đi trâ`n áp nhưng đê`u bị Lý Đặc đánh bại. Tháng 2 năm 303 Lặc Thượng lại mang quân đi đánh Lý Đặc. Lý Đặc lãnh đạo nghĩa quân ứng chiê`n mât 2 ngày, hai bên đánh nhau có lúc thă`ng lúc bại. Quân của Lý Đặc lui về` trâ`n giữ ở Tân Phô`n còn Lặc Thượng cũng lui quân. Lý Đặc nhân dịp đó muô`n đuổi theo, Lặc Thượng liê`n câu kêt với địa chủ, trong ngoài đê`u tâ`n công quân khởi nghĩa. Lý Đặc đuổi theo được 30 dặm thì thâ`y Nhậm Nhuệ mang quân ra đánh chặn. Nhậm Nhuệ vô`n là tông sự ở Ích Châu, đã câu kêt với Lặc Thượng để vây đánh Lý Đặc. Còn Lý Đặc thâ`y anh ta dẫn quân đê`n cứ nghĩ ră`ng đê`n để trợ giúp cho mình, không ngờ Nhậm Nhuệ đê`n trước mặt Lý Đặc liê`n vung dao chém; khiê`n Lý Đặc đâ`u lìa khỏi cỗ.

Sau khi Quý Hùng thành lập triê`u Thành Hán, đặt Thụy Hiệu cho Lý Đặc là Cảnh Đê`.

TÂ`N VĂN VƯƠNG (LÝ LU`U)

Tâ`n Văn Vương, ông ta tên là Lý Lưu (248 - 303), tên tự của ông ta là Huyê`n Thông. Là em trai thứ 4 của Thành Hán Cảnh Đê` Lý Đặc. Sau khi Lý Đặc bị giê`t, Lý Lưu tiê`p tục lãnh đạo quân khởi nghĩa, ông cũng là một trong những người gây dựng nên vương triê`u Thành Hán. Ông bị bệnh chê`t, thọ 56 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

Thời trẻ Lý Lưu làm Đông Khương Đô^c, ông từng theo Lý Đặc lãnh dao dân lưu vong chạy đê^dn Ba Thục. Sau khi Lý Đặc đứng lên dâ^ey cờ khởi nghĩa đã phong cho Lý Lưu làm tướng quân trâ^fn Đông, thô^gng lĩnh doanh trại phía Đông của quân khởi nghĩa và luôn luôn đôⁱ địch với Lặc Thượng. Năm 302 sau khi quân khởi nghĩa tâ^jn công vào tòa thành nhỏ ở Thành Đô (nay là thành phô^k Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên^l, thì có râ^t t nhiê^m u người đêⁿ quy thuận và dựa dẫm, vì vậy thành phâ^pn dân cư râ^r t hồn tạp, ông đã đê^s nghị lựa chọn ra con cháu anh em nhà địa chủ để^v dễ quản lý, đô^wng thời phải tăng cường lực lượng cho quân đội. Lý Đặc đã coi thường địch, không tiê^xp nhận ý kiê^yn của Lý Lưu, do đó mới bị Nhậm Nhuệ giê^zt chê^t. Sau chuyện này, Lý Lưu sai người trâ^un giữ các trọng điểm quan trọng và ông sai cháu là Lý Hùng và Lý Đăng tập hợp quâ^un chúng, quay về^u trâ^un thủ ở Xích Tô (nay thuộc phia^u Đông huyện Miên Trúc tỉnh Tứ Xuyên) và Quý Lưu xung làm đại tướng quân, đại đô^u đô^c, trâ^un giữ ở Ích Châu, liên tiê^up đôⁱ nghịch với Lặc Thượng, ông đã đánh bại Lặc Thượng và một lâ^un nữa lại bao vây Thành Đô.

Tháng 9 năm 303 Lý Lưu bị bệnh nặng, ông tập hợp các tướng sĩ nói: "Lý Hùng là người có mưu lược, anh ta chiê^un đâ^u râ^t anh dũng, sau này có thể làm nên việc lớn. Sau khi ta chê^t, các người có thể giúp anh ta làm vương, gọi là Thành Đô Vương". Không lâu sau, Lý Lưu bị bệnh chê^t ở Thành Đô.

Sau khi Lý Hùng xung đê^e, đã lâ^uy Thụy Hiệu cho Lý Lưu là Tâ^un Văn Vương.

VŨ ĐÊ^f (LÝ HÙNG) (THÀNH HÂN)

Vũ Đê^f, ông ta tên là Lý Hùng (274 - 334), tên tự của ông ta là Trọng Tuyền. Ông là con trai thứ ba của Lý Đặc và là cháu của Lý Lưu. Sau khi Lý Lưu chê^t, ông ta tiê^up nhận chức vị chủ sự quân khởi nghĩa, sau đó ông xung đê^e. Ông trị vì được 31 năm, sau đó chê^t do vê^ut thương bị tái phát. Thọ 61 tuổi, mai táng ở An Đô Lăng (nay là thành phô^k Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên).

Lý Hùng đã được nhận chức tiến tướng quân ngay từ thời Lý Đặc dấy cờ khởi nghĩa. Sau khi Lý Lưu bị bệnh chết, Lý Hùng đã được các thuộc hạ tôn làm chủ sự gọi là đại đô đốc, đại tướng quân, trấn giữ Ích Châu, ông lãnh đạo nghĩa quân chiến đấu rất dũng cảm, tiến đánh Lặc Thượng, chiếm giữ Thành Đô. Năm 304, ông đã xưng là Thành Đô Vương, đặt quốc hiệu là "Đại Thành", và đặt niên hiệu là "Kiến Hưng", ông cho đặt đô ở Thành Đô, trong lịch sử gọi là Thành Hán. Năm 306, ông xưng làm hoàng đế́.

Thời gian Lý Hùng trị vì ông sai phát triển sản xuất, mở trường học, ổn định mâu thuẫn, chung sống hòa bình, quốc gia do ông cai trị dấn dấn xuất hiện cảnh tượng phốn vinh, nhân dân Trung Nguyên đếu đến đô lánh nạn và cư trú. Những năm cuối đời do có một loạt thành phấn địa chủ nhập vào chính phủ do vậy chính quyến Thành Hán dấn dấn chuyển hóa thành chính quyến phong kiến.

Hơn 30 năm chinh chiến, thân thể ông dày đặc các vết thương, ở phấn đấu cũng có vài vết dao. Năm 334, vết thương do dao chém ở đấu ông đột nhiên tái phát, mưng mủ thối rữa, bệnh tình rất nguy kịch, ông vội gọi anh họ là Lý Thọ đến muốn Lý Thọ giúp cháu là Lý Bang làm người kế́ vị. Tháng 6 ông bị bệnh mã́t ở Thành Đô.

Sau khi ông chết, đặt Thụy Hiệu là Vũ Đế.

AI ĐẾ (LÝ BANG) (THÀNH HÁN)

Ai Đế, ông ta tên là Lý Bang (288 - 334) tên tự của ông là Thế Văn. Ông là cháu của Thành Hán Vũ Đế Lý Hùng. Nên kế́ vị sau khi Lý Hùng chết. Ông trị vì được 4 tháng thì bị anh họ là Lý Việt giết chết, thọ 47 tuổi, mai táng ở đâu không rõ.

*

Khi vết thương của Lý Hùng bị tái phát, hai con trai của ông là Lý Việt và Lý Kỳ sợ hãi thối bắn thiêu không dám đến chăm sóc, chỉ có mỗi mình Lý Bang ngày đêm hấu cận, hàng ngày Lý Bang thường

cho Lý Hùng uống thuốc và lau rửa vết thương, thậm chí dùng mṍm hút máu mủ ở vết thương. Lý Hùng thấy cháu quả là con người trung hậu hiếu thuận, do đó lúc lâm chung ông đã để lại di chiếu là cho Lý Bang nêu kế vị. Sau khi Lý Hùng chết, các đại thấn đã lập Lý Bang nêu ngôi hoàng đế́.

Khi Lý Bang được tiếp nhận ngôi vị đế́ vương, hai em họ là Lý Việt và Lý Kỳ không tâm phục luôn tìm mưu kế́ đoạt lại ngôi vị. Đại thấn Lý Ngũ để bảo vệ và thúc tinh Lý Bang luôn nhắc Lý Bang phải đế phòng bọn họ, do đó muốn đuổi hai anh em họ ra khỏi kinh thành. Lý Bang nghĩ đến tang lễ của Lý Hùng vẫn chưa cù hành, nên không nhẫn tâm đuổi bọn họ ra khỏi kinh thành, do đó đã không thu nạp kiến nghị đó. Một buổi tố́i tháng 10 Lý Bang đang than khóc ở linh đường. Lý Việt mang dao nháy vào linh đường thura lúc Lý Bang không đế phòng đã chém chết.

Sau khi Lý Thọ nêu ngôi, đã đặt Thụy Hiệu cho Lý Bang là Ai Đế.

PHẾ ĐẾ (LÝ KỲ) (THÀNH HÁN)

Phế Đế, ông ta tên là Lý Kỳ (314 - 338) tên tự của ông ta là Lý Viễn. Ông là con trai thứ tư của Thành Hán Vũ Đế Lý Hùng, là em họ của Lý Bang. Sau khi Lý Việt giết chết Lý Bang, Lý Kỳ đã nêu tiếp nhận ngôi vị. Lý Kỳ trị vì được 4 năm thì bị anh họ của Lý Hùng là Lý Thọ cướp đoạt ngôi vị nêu đã thắt cổ tự tử, hưởng dương 25 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi Lý Việt giết chết Lý Bang, đã cùng với anh trai là Lý Kỳ nêu kế vị. Lý Việt biết mình là con vợ lẽ còn Lý Kỳ là con vợ cả, nếu Lý Việt nêu ngôi sợ mọi người sẽ không tâm phục, hơn nữa Lý Kỳ lại có nhiếu tài nghệ, do vậy, Lý Việt đã để Lý Kỳ nêu tiếp nhận ngôi báu. Sau khi Lý Kỳ nêu ngôi đã cho đổi niên hiệu là "Ngọc Hắng".

Sau khi nêu ngôi, Lý Kỳ đã loại bỏ những đại thấn cũ ở thời Lý Hùng, ông ta chỉ trọng dụng những người thân tín. Ít lâu sau hai anh

trai của ông ta là Lý Sương và Lý Bảo bị chê t đột ngột, truyê n thuyê t thời đó nói hai người đó bị Lý Bảo hạ độc chê t, điê u đó làm cho mọi người trong vương thâ t hoảng loạn, các đại thâ n đê u tìm cách tự bảo vệ mình. Năm 338, Lý Kỳ lại đâ u độc Lý Du (Lý Du là em trai của Lý Thọ mà Lý Thọ là bác của Lý Kỳ), điê u đó làm cho tông thâ t càng thêm phẫn nộ.

Tháng 4 năm 338, Lý Thọ đã lâ y danh nghĩa là quân vương anh minh và khẩu hiệu "trù gian diệt bạo", đã dẫn quân tiê n đánh vào Thành Đô. Lý Kỳ không đê phòng, do vậy nhanh chóng bị đại bại. Con trai của Lý Thọ là Lý Thế ở trong thành làm nội ứng, nên đã dẫn quân bao vây hoàng cung. Lý Kỳ vội vàng sai thị trung đi dụ dỗ quân phản loạn nhưng Lý Thọ nói: "Tướng quô c Lý Việt, thượng thư Diê n Bao, thượng thư Cảnh Hân, Diêu Hoa... đê u là những đại thâ n làm loạn triê u đình, đáng phải xử tội chê t". Không câ n đợi Lý Kỳ đô ng ý, Lý Thọ đã chỉ huy binh sĩ giê t chê t một số tay chân thân tín của Lý Kỳ, sau đó tự xưng là có chiê u lệnh của thái hậu đã phê truâ t Lý Kỳ đã giáng ông ta làm thuyền công ở Hân Đô và sai người áp giải đê n đó.

Sau mâ y mươi ngày, Lý Kỳ than thở nói: "Ta đường đường là một đâ ng thiên tử vậy mà bị phong làm một huyện công nhỏ bé, sô ng như vậy thà chê t còn hơn". Nói xong, ông ta vào phòng lâ y dây lunge thă t cõi tự tử.

Trong lịch sử gọi Lý Kỳ là phê đê , còn bị Lý Thọ đặt Thụy Hiệu là U Công.

CHIÊU VĂN ĐÊ (LÝ THỌ) (THÀNH HÂN)

Chiêu Văn Đê , ông ta tên là Lý Thọ (300 - 343) tên tự của ông ta là Vũ Khảo. Ông là cháu của Thành Hán Cảnh Đê Lý Đặc, là con trai của Lý Tương. Sau khi Lý Thọ phê bỏ Lý Kỳ, ông đã tự xưng làm hoàng đê . Ông trị vì được 6 năm thì bị bệnh chê t, thọ 44 tuổi. Mai táng ở An Xương Lăng.

Sau khi Lý Hùng xưng đế đã phong cho Lý Thọ làm tiên tướng quân, tướng quân chinh đô phụ trách quân sự ở Ba Tây. Sau khi Lý Tương chết (Lý Tương là bô của ông ta), ông đã được phong làm đại tướng quân, đại đô đốc, thị trung, sau đó được phong làm phù phong công. Sau khi Lý Hùng chết, ông đã tiếp nhận cả lệnh phụ giúp công việc triều chính và được phong làm Hán Vương. Làm lại sứ ở Lương Châu. Sau khi ông phế truất Lý Kỳ và giết hết con cháu của Lý Hùng, ông đã tự xưng làm hoàng đế, đổi quốc hiệu là "Hán", đổi niên hiệu là "Hán Hưng".

Trong thời gian trị vì, ông cho tu sửa cung thất, ngôi i hưởng thụ, do vậy khiêu vũ người phải sống lưu vong. Ông ta còn sinh ra tính tàn bạo nếu quy thuận ông ta thì sống còn không quy thuận sẽ bị chém, không ít người cảm trở ông ta đã bị giết, tiếng kêu than vang nén khắp nơi. Chính quyền Thành Hán hoàn toàn chuyển hóa thành chính quyền phong kiến, hơn nữa thế nước ngày càng suy yếu.

Lý Thọ bị bệnh mất vào tháng 8 năm 343 tại Thành Đô

Sau khi ông chết đặt Thụy Hiệu là Chiêu Văn Đế.

HẬU CHỦ (LÝ THẾ) (THÀNH HÁN)

Hậu Chủ, ông ta tên Lý Thế (? - 361) tên tự của ông là: Tử Nhâm. Ông là con trưởng của Thành Hán Chiêu Văn Đế Lý Thọ, nên kế vị sau khi Lý Thọ chết. Ông trị vì được 4 năm sau đó bị Hán Ôn (triều Tây Tần) bao vây Thành Đô, ông thua trận phải đầu hàng, mất nước ông bị ôm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 343 Lý Thọ bị bệnh chết, Lý Thế đã nêu ngôi kế vị, ông cho đổi niên hiệu là "Thái Hòa".

Lý Thế rát tham lam thích tài sản. Sau khi nêu kế vị, chỉ cần ông ta thích tài sản hoặc vợ ai đó, ông ta liền giết họ để cướp tài sản hoặc vợ người ta. Rất nhiều đại thần vì bị ông ta chèn ép như vậy

nên đã tan vỡ gia đình và bị mây tơ mang. Ông ta ưa nịnh hót, trọng dụng các nịnh thâ`n và để cho bọn họ thao túng triều đình, còn bàn thân ông ta tại ở trong cung hưởng lạc ăn chơi xa xỉ, khiê`n cho nhân dân oán thán.

Năm 347, đại tướng Hăng Ôn (vương triều Đông Tâ`n) tâ`n công thực. Tháng 36 quân Đông Tâ`n vây hãm đô thành. Thuộc hạ của Lý Thê` đê`u tài hèn mọn, đánh trận nào thua trận đó. Quân Tâ`n đỗ`t của thành ở 4 mặt, Lý Thê` trong một ngày một đêm mới đột phá vòng vây chạy đê`n thành Gia Manh. Hăng Ôn sau khi chiê`m giữ Đô Thành đã sai quân đuổi theo. Lý Thê` biê`t mình thân cô thê` cô không ai giúp đỡ, ông ta đành sai thuộc hạ cùng mình đi đâ`u hàng. Ông ta bị giải đê`n Kiê`n Khang, phong làm Quy Nghĩa Hâ`u. Vương triều Thành Hán bị diệt vong.

Năm 361, Lý Thê` chê`t ở Kiê`n Khang.

Trong lịch sử gọi ông là Hậu Chủ.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

TIỀN YÊN
(337 - 370, tổng cộng 34 năm)

Trong 16 nước có tiề`n Yên, hậu Yên, bă`c Yên, Nam Yên, Tây Yên... Triề`u Tiề`n Yên là do Mộ Dung Quý người dân tộc Tiên Ti xây dựng nên bị tiên Tâ`n diệt vong. Triề`u Hậu Yên do Mộ Dung Thùy gây dựng, vê` sau bị Bă`c Yên tiêu diệt. Triề`u Bă`c Yên do Mộ Dung Hi xây dựng sau đó bị diệt vong. Triề`u Nam Yên vô`n do tể tướng của triề`u hậu Yên là Mộ Dung Đức sau khi hậu Yên bị Bă`c Yên tiêu diệt, ông đã di chuyển xuô`ng miê`n Nam gây dựng nên Nam Yên, và bị Đông Tâ`n diệt vong. Triề`u Tây Yên do Mộ Dung Trọng xây dựng nên, sau đó bị hậu Yên diệt vong.

Triề`u Tiề`n Yên có 4 hoàng đế` : trong đó 2 người bị bệnh chê`t, một người bị chê`t do ngã ngựa một người bị giê`t do mả`t nước đâ`u hàng tiên Tâ`n.

VŨ TUYÊN ĐẾ` (MỘ DUNG QUY)

Vũ Tuyên Đế` , ông tên là Mộ Dung Quy (269 - 333). Ông là người dân tộc Tiên Ti. Thời Đông Tâ`n được phong làm quận công Liêu Đông, ông xây dựng chính quyê`n cát cứ. Ông bị bệnh chê`t, thọ 65 tuổi. Mai táng ở Thanh Sơn.

*

Mộ Dung Quy là người dân tộc Tiên Ti, cư trú ở Cức Thành (Xuong Lê) (nay thuộc phía Tây Bă`c huyện Nghĩa tỉnh Liêu Ninh). Thời Tây Tâ`n Vũ Đế` đã thô`ng lĩnh bộ tộc di cư đê`n Cức Thành. Ông thu nạp dân lưu vong, phát triển nông nghiệp, sử dụng nê`n chính trị và phương thức quản lý giô`ng như triề`u Tây Tâ`n, ông tự xưng là Đại Đôn Vu. Tâ`n Mẫn Đế` cho ông làm đại tướng quân, làm quô`c công của 2 tỉnh: Xương Lê và Liêu Đông. Ông trọng dụng Bùi Nghi (là

người dân tộc Hán), Bùi Nghi đường đưa ra những kê sách và mưu đồ giúp ông trị lý việc công, và Mộ Dung Quy đã lập trên chính quyền cát cứ ở Liêu Đông, khiến dân số ở khu vực đó tăng lên 10 lần, sản xuất phát triển, đây là cơ sở tạo dựng nên vương triều Tiết Yên.

Sau khi Mộ Dung Tuyền xưng đế, đã đặt Thụy Hiệu cho ông là Vũ Tuyên Đế.

THÁI TÔ (MỘ DUNG HOÀNG) (TIẾN YÊN)

Thái Tô, ông ta tên là Mộ Dung Hoảng (297 - 348), tên tự của ông là Nguyên Trực, hối nhở tên tự của ông là Vạn Niên. Ông là con trai thứ 3 của Vũ Tuyên Đế Mộ Dung Quy. Sau khi cha chết, ông ta kế nhiệm chức vị quận công Liêu Đông, sau đó tự xưng là Yên Vương. Ông trị vì được 11 năm, ông chết do bị ngã ngựa. Thọ 52 tuổi. Mai táng ở Long Bình Lăng.

*

Sau khi Mộ Dung Quy bị chết, Mộ Dung Hoảng đã đứng lên lãnh đạo bộ tộc, ông được triều đình Đông Tấn phong làm đại tướng quân. Lại sử Bình Châu Đại Đôn Vu và tiếp tục kế nhiệm chức vụ quận công Liêu Đông. Năm 337, ông tự xưng là Yên Vương. Sau đó ông tấn công và đánh bại Thạch Triệu (Hậu Triệu), dời đô đền Long Thành, sau đó tiêu diệt bộ tộc Vũ Văn thuộc dân tộc Tiên Ti, thế lực ngày càng mạnh.

Tháng 9 năm 348, Mộ Dung Hoảng đi săn ở biên giới phía Tây. Một hôm, ông ta nhìn thấy một con thỏ trắng đang chạy trên đồng cỏ, ông ta vội vàng mang cung tên cưỡi ngựa đuổi theo, đột nhiên con ngựa bị vấp ngã khiến ông ta rơi từ lưng ngựa xuống bị thương rất nghiêm trọng, thuộc hạ vội vàng mang ông ta về thành. Ông biết mình không còn sống được bao lâu, vội vàng sai gọi con trai là Mộ Dung Tuyền vào gặp mặt, sau khi dặn dò xong ông nhắm mắt tại điện Thừa Càn trong cung Lạc Thành.

Sau khi Mộ Dung Tuyền xưng đế́ đã đặt Thụy Hiệu cho Mộ Dung Hoảng là Thái Tổ.

CẢNH ĐẾ (MỘ DUNG TUYỀN) (TIỀN YÊN)

Cảnh Đế, ông tên là Mộ Dung Tuyền (319 - 360) tên tự của ông là Tuyên Anh. Ông là con trai thứ hai của Tiết Yên Thái Tổ Mộ Dung Hoảng. Sau khi Mộ Dung Hoảng chết, ông nên kế vị chức vị Yên Vương, sau này ông xưng làm hoàng đế́. Ông trị vì được 12 năm, bị bệnh chết, thọ 42 tuổi. Mai táng ở Long Lăng (nay thuộc huyện Triều Dương tỉnh Liêu Ninh).

*

Tháng 9 năm 348, Mộ Dung Hoảng ôm chết, nên Mộ Dung Tuyền đã nên kế nhiệm chức vụ Yên Vương. Triều đình Đông Tấn phong ông ta làm đại tướng quân, Đại Đôn Vu trấn giữ ở Bình Tứ Châu.

Năm 352, ông dẫn quân xuông phía Nam tiêu diệt triều Nhiễm Ngụy, dời đô đền đát Kê (nay ở phía Tây Nam thành phố Bắc Kinh) tự xưng làm hoàng đế́, ông cho đổi niên hiệu là "Nguyên Tỉ". Và dời đô đền Nghịệp, Tiên Yên bước vào thời kỳ hưng thịnh.

Thời gian Mộ Dung Tuyền trị vì, ông đã u tranh phản đối việc đàn áp tàn khốc nhân dân trung nguyên, tiêu diệt thế lực cát cứ cường bạo thu phục bộ lạc hàn ngoại, và là đối tượng đối nghịch với Tiết Tán. Những năm cuối đời, thế lực quân đội của ông ta rất hùng mạnh, chuẩn bị xuông phía Nam tấn công Đông Tấn nhưng vì sự phản kháng của nhân dân trong nước, nên ông phải ngừng việc xuất quân đánh Đông Tấn.

Tháng 1 năm 360, Mộ Dung Tuyền mất tại điện Phú Thành trong cung Long Thành.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Cảnh Đế́.

U ĐẾ (MỘ DUNG VĨ) (TIỀN YÊN)

U Đế, ông ta tên là Mộ Dung Vĩ (336 - 384), tên tự của ông là Cảnh Mậu. Ông là con trai thứ 3 của Tiền Yên Cảnh Đế Mộ Dung Tuyền. Ông nên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 11 năm, sau đó đã u hàng triều Tiền Tần và bị giết chết. Ông thọ 49 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mộ Dung Vĩ được phong làm Trung Sơn Vương. Thời kỳ Mộ Dung Tuyền trị vì đã phong ông làm thái tử. Tháng 1 năm 360 Mộ Dung Tuyền chết, ông đã nên kế vị, ông cho đổi niên hiệu là "Kiến Hi".

Sau khi Mộ Dung Vĩ nên ngôi hoàng đế́, ông đã chọn Mộ Dung Cách làm trợ lý, liên tiếp mang quân đi chinh phạt, mở rộng lãnh thổ và chiếm giữ được những trấn quan trọng Lạc Dương, Huỳnh Dương. Năm 369, ông ta bị quân của triều đình Đông Tần do tướng Hạng Ôn chỉ huy đánh cho đại bại. Sau khi Mộ Dung Cách chết, nên chính trị dần dần suy sụp, đại thần Mộ Dung Bảo và Mộ Dung Thùy tranh nhau quyền lực, cuộc sống của Mộ Dung Vĩ đi vào con đường hư hỏng.

Năm 370, Tiền Tần Phù Kiên sai Vương Mãng thống lĩnh đại vúân tiến đánh Tiền Yên. Mộ Dung Vĩ sai hơn 200.000 quân nghênh chiến. Lực lượng quân đội của Tiền Yên tuy gấp đôi lực lượng của Tiền Tần, nhưng các binh lính Tiền Yên không có ý chí chiến đấu, đều muộn rời bỏ chiến trận, lúc chiến đấu đều đùn đẩy nhau tiến lên vì vậy đã bị bại trận, chạy trốn hơn 100.000 còn bị bắt làm tù binh 70.000. Quân của Vương Mãng bao vây thành Nghiệp. Tháng 11 Dư Úy làm phản, ông ta câu kết với Phù Dư, Cao Câu Lệ... bọn họ tập hợp được hơn 500 người, một buổi tối họ đã mở cửa phía Bắc, đón quân Tiền Tần vào thành. Mộ Dung Vĩ và Mộ Dung Bảo dẫn hơn 1000 lính kị binh chạy trốn khỏi Long Thành. Trên đường đi, quân kị binh liên tiếp bỏ trốn, cuối cùng Mộ Dung Vĩ bị quân Tiền Tần bắt giữ, áp giải về thành Nghiệp. Phù Kiên

sai Mộ Dung Vĩ dẫn đầu các quan lại đê n đánh hàng. Triều Tiê n Yên bị diệt vong.

Sau khi Mộ Dung Vĩ bị bắt làm tù binh ông ta bị giáng xuống làm Tân Hưng Hầu, và bị áp giải đê n Trường An cư trú cùng với hơn 40.000 vương công quý tộc.

Năm 383, Phù Kiên dẫn đại quân xuống phía Nam tiê n đánh triê u Đông Tâ n, Phù Kiên đã cử Phù Dung Vĩ làm tướng quân Bình Nam, cùng đi với các đô đốc khác tiê n xuống phía Nam. Sau khi bị thâ t bại trong trận chiê n Phì Thủy, Mộ Dung Vĩ lại phải theo Phù Kiên quay về Trường An. Lúc này thế lực của Tiê n Tâ n đã suy yếu, các thủ lĩnh dân tộc thiểu số dâ n dâ n dùng binh chiê m cứ một phương, những hoàng thâ t của Tiê n Yên như: Mộ Dung Thùy, Mộ Dung Trọng, Mộ Dung Hoă ng... cũng dâ y quân phản Tâ n. Sau khi Mộ Dung Hoă ng xung vương đâ viê t một bức thư gửi Phù Kiên nói: "Xin ông hãy đem hoàng đê Phù Dung Vĩ gửi trả chúng tôi, nước Yên chúng tôi sẽ lâ y Vũ Lao làm giới tuyê n phân chia hai nước, cùng nhau chia thiên hạ, vĩnh viễn kêt mô i giao bang". Phù Kiên xem xong thư tức giận vô cùng, ông ta bắt Phù Dung Vĩ viê t thư cho Mộ Dung Hoă ng phải lui binh. Phù Dung Vĩ một mặt viê t thư cho câ u của Phù Kiên, mặt khác ông ta âm thâ m viê t một mật thư cho Mộ Dung Hoă ng: "Sô Tâ n bây giờ đã tận nước Yên đê n thời kỳ phục hưng, bây giờ trẫm giô ng như chim ở trong lô ng, không có cách gì thoát thân. Khanh câ n phải tranh đâ u để gây dựng lại sự nghiệp của tổ tiên, hãy cho Ngô Vương làm tướng quô c, Trung Sơn Vương làm thái tê kiêm đại tư mã, khanh có thể làm đại tướng quân xây dựng chính quyê n. Nê u như trẫm chê t, khanh hãy xung làm hoàng đê , không câ n phải lo lă ng". Mộ Dung Hoă ng nhận được thư, liê n tiê n quân về Trường An, tìm cách liên hệ với Mộ Dung Thùy, hợp tác đánh trận.

Tông thâ t của Mộ Dung Vĩ sô ng ở Trường an chỉ có hơn 1000 người. Ông ta một lòng một dạ muô n đem họ chạy đê n Quan Đông, nhưng khổ một nỗi chưa có cơ hội. Năm 384 con trai thứ hai của ông chuẩn bị kêt hôn. Tông thâ t Mộ Dung Túc đưa ra ý kiê n, nhân cơ hội này sẽ mời Phù Kiên tham gia hôn lễ rô i tìm thời cơ giê t chê t, sau đó sẽ cùng Mộ Dung Thùy bao vây thành Nghiệp, nội ứng trong

ngoài cùng kết hợp, sẽ diệt vong triếu Tiến Tấn. Mô Dung Vĩ liến theo kếđó mời Phù Kiên tham gia hôn lễ, còn Phù Kiên cũng không chút nghi ngờ đã nhận lời đi dự hôn lễ. Không ngờ hôm cử hành hôn lễ trời lại mưa to gió lớn, Phù Kiên không đến được. Kế hoạch của Mô Dung Hoắng bị thất bại, ông ta liến tìm cách chạy trốn. Ông bí mật ra lệnh cho Tất Lặc Đắng âm thấm thông báo cho dân bộ tộc Tiên Ti, nói rõ ông ta sẽ theo lệnh của Phù Kiên sẽ đi ra ngoại thành, các thuộc hạ sẽ tùy nghi di tản cùng gấp mặt ông ta ở ngoại thành rối cùng nhau trốn đi. Thuộc hạ cũ của ông ta có một người tên là Đột Hiến biết được tin đó liến đi từ biệt em gái (em gái ông ta là vợ của tướng quân nước Tiến Tấn tên là Đậu Trọng). Đậu Trọng biết tin vội vàng đi hỏi Phù Kiên, Phù Kiên sai truyến Tất Lặc Đắng điến tra hỏi khiến ông ta phải khai hé́t sự việc. Phù Kiên phẫn nộ, tháng 11 liến sai giết Mô Dung Vĩ, Mô Dung Túc và quấn chúng thuộc dân tộc Tiên Ti.

Trong sử gọi Mô Dung Vĩ là U Đế.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

HẬU YÊN
(384 - 407, tổng cộng 24 năm)

Triệu Hậu Yên có 6 đế vương bao gồm cả Khai Phong Công Mô Dung Tường và Triệu Vương Mô Dung Lân) trong đó có một hoàng đế bị bệnh chết, còn 5 người bị giết trong cuộc nội chiến.

THẾ TÔ (MÔ DUNG THÙY)

Thế Tô, ông ta tên là Mô Dung Thùy (326 - 396), tên tự của ông ta là Đạo Minh. Ông là con trai thứ 5 của Tiết Yên Thái Tổ Mô Dung Hoảng. Sau khi Tiết Yên bị diệt vong ông ta phục quốc và xưng đế. Ông trị vì được 13 năm, bị bệnh chết, thọ 71 tuổi. Mai táng ở Tuyên Bình Lăng.

*

Mô Dung Thùy từng được phong làm Ngô Vương ông bị Hạng Ôn (triệu Đông Tân) đánh bại trong trận chiến ở Phương Đầu (nay thuộc phía Đông Nam huyện Kỳ Lừa Hà Nam). Ông bị đại thần ở triều Tiết Yên là Mô Dung Bảo đố kị ghen ghét, do vậy ông chạy tới đầu hàng Tiết Tân Tân nhận các chức vị: tướng quân quán quân. Năm 370, ông giúp đỡ Phù Kiên tiêu diệt Tiết Yên. Sau trận chiến Phì Thủy, triều đình Tiết Tân suy yếu, ông thống lĩnh bộ quân ở phía Bắc, có mưu đồ phục quốc, trên đường đi ông tự xưng là đại tướng quân, đại đô đốc Yên Vương. Năm 386 ông xưng làm hoàng đế, đặt đô ở Trung Sơn (nay thuộc huyện Định Lập Hà Bắc), đặt quốc hiệu là "Yên", trong sử gọi là Hậu Yên, đổi niên hiệu là "Kiến Hưng".

Trong thời gian Mô Dung Thùy trị vì, ông tiêu diệt những chính quyền nhỏ như Trạch Ngụy - Tây Yên. Tình hình trong nước tạm thời

đỗn định, ông lại giao chiến với Bắc Ngụy nhưng liên tục thất bại, quân lực trong nước hao tốn nặng nề́.

Năm 396, Mô Dung Thùy đích thân dẫn đại quân tiến đánh Bắc Ngụy. Ông ngẫm nghĩ lại trận chiến năm trước. Thái tử Mô Dung Bảo và quân Bắc Ngụy giao chiến, quân của thái tử người chết chất như núi, do vậy ông đã không ngăn được sự bi thương, hơn nữa hôm nay vẫn chưa đánh bại được quân Bắc Ngụy, ông nhất thời tức giận, thở ra một bâi máu lớn, hấu như hôn mê bất tỉnh. Thuộc hạ xin ông hãy tạm dời bỏ việc quân để tĩnh dưỡng, nhưng ông vẫn kiên quyết cho quân tiến đánh Bắc Ngụy. 10 ngày sau, bệnh tình phát ra nguy kịch, ông đành ra lệnh lui binh, đi đến Từ Dương (thuộc quận Thượng Cốc) thì sức lực ông cạn kiệt và từ giã cõi đời. Ông đế lại di chiếu nói: "Việc tang lễ phải làm đơn giản tiết kiệm, cấn phải phòng bị cẩn mật đế phòng quân Bắc Ngụy phản kích. Trên đường đi bí mật không phát tang, trở về kinh mới được khóc than và cử hành tang lễ".

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Thế Tô, đặt Thụy Hiệu là thấn vũ đế.

LIỆT TÔNG (MÔ DUNG BẢO) (HẬU YÊN)

Liệt Tông, ông ta tên là Mô Dung Bảo (355 - 398). Ông là con trai thứ 4 của Hậu Yên Thế Tô Mô Dung Thùy. Ông kế́ vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 3 năm thì bị Lan Can giết chết thọ 44 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Mô Dung Thùy trị vì đã lập Mô Dung Bảo làm thái tử. Năm 396 Mô Dung Thùy chết, ông ta nên kế́ vị, ông đã cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Khang".

Năm 397, đại quân triếu Bắc Ngụy đến tấn công Hậu Yên, còn Triệu Vương Mô Dung Lân ở trong đô thành Trung Sơn vài lấn có mưu đố đoạt ngôi vị, khiến cho Mô Dung Bảo vô cùng bế tắc vì phải lo dẹp yên cả trong lân ngoài, không có cách gì giải quyết nên

đang đêm ông phải dẫn 10.000 kị binh chạy về Thành Long. Không ngờ ở đây có binh biến, Thành Long đã bị Thúc Cốt chiếm giữ, ông đành dẫn quân chạy tới Thành Thạch. Năm 398, cậu của ông ta tên là Lan Can đang trấn giữ ở Thành Long, đã sai tả tướng quân là Tô Chiêu đến Thành Thạch mời Mộ Dung Bảo quay về Thành Long, thuộc hạ của ông lo lắng Lan Can có dã tâm nêu ra súc cản trở ông ta nhất định không nghe nhất quyết quay về Thành Long. Đi nửa đường, em trai của Lan Can là Gia Nan mang 500 lính đến đón. Dư Sùng thấy thấn sắc của Gia Nan không bình thường có vẻ lấm lét, nên đã khuyên Mộ Dung Bảo quay về Thành Thạch, ông ta vẫn một mực chối từ ý kiến của Dư Sùng. Lúc sắp đến gấn Thành Long, Gia Nan đột nhiên bắt giữ Dư Sùng và áp giải Mộ Dung Bảo vào thành, tó́ng giam ở cung cấm và sai lính giám sát.

Nửa đêm hôm đó Lan Can sai lính đột nhập vào cung giết chết Mộ Dung Bảo và sai giết hơn 100 người cùng đi với Mộ Dung Bảo, trong đó có cả thái tử Mộ Dung Sách.

Sau khi Mộ Dung Bảo chết lập miếu lấy hiệu là Liệt Tông, đặt Thụy Hiệu là Linh Đế.

KHAI PHONG CÔNG (MỘ DUNG TƯỜNG) (HẬU YÊN)

Khai Phong Công, ông ta tên là Mộ Dung Tường (? - 397). Ông là tông thất của Hậu Yên. Sau khi Mộ Dung Bảo chạy trốn ông đã xưng làm đế. Ông tri vì được 2 tháng thì bị Triệu Vương Mộ Dung Lân giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Hậu Yên Liệt Tông đã phong cho Mộ Dung Tường làm Khai Phong Công. Năm 397 quân lính triề́u Bắc Ngụy tiến đánh triề́u Hậu Yên. Mộ Dung Bảo chạy khỏi thành Trung Sơn ra lệnh cho Mộ Dung Tường ở lại trấn thủ. Tháng 5 năm 397, ông ta tự xưng làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Kiến Thủy".

Sau khi Mộ Dung Tường xưng đế, ông ta sống rất hoang dâm ăn chơi vô độ, lại còn thích giết chóc bùa bãi. Ông ta sai người đi

nghe ngóng xem xét hành vi của các quan lại, những ai dám bàn luận về công việc triều chính, ông ta không cản hỏi rõ trán giết chét họ. Ông ta nên ngôi được 1 tháng đã giết hơn 500 người.

Trong thành lại phát sinh thiên tai, bà con trăm họ đều đi ra ngoài thành tìm lương thực, nhưng ông ta lại nghiêm cấm dân chúng đi khỏi thành khién cho dân chúng chết đói phải đền hàng nghìn. Dân chúng oán thán căm ghét ông ta. Tháng 7 ông sai tướng quân Trương Tương dẫn 5000 binh lính đi đền núi Thường chuẩn bị lương thảo. Trước đây Mộ Dung Lân thừa cơ đánh úp khién Mộ Dung Tường phải chạy vào trong núi, quân lính của Trương Tương liên tục quy thuận Mộ Dung Lân. Mộ Dung Lân lập tức dẫn thuộc hạ và những binh lính đầu hàng xông thẳng vào thành Trung Sơn, cửa thành vẫn mở rộng. Đại quân tiến vào thành đã nhận được sự hoan nghênh nhiệt liệt của quân dân trong thành, những người thân tín của các đại thần bị giết cũng đền dẫn đường, đưa quân lính xông vào hoàng cung. Mộ Dung Tường đang say sưa túy lúy vẫn chìm vào giấc ngủ, bị quân lính bắt giải đền Mộ Dung Lân và bị chém chết.

Trong sử gọi Mộ Dung Tường là Khai Phong Công.

TRIỆU VƯƠNG (MỘ DUNG LÂN) (HẬU YÊN)

Triệu Vương, ông ta tên là Mộ Dung Lân (? - 398). Ông là con trai của Hậu Yên Thê Tổ Mộ Dung Thùy. Sau khi ông ta giết Mộ Dung Tường, ông đã tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 tháng, sau đó bị quân Bắc Ngụy đánh bại, ông ta đầu hàng dựa vào Mộ Dung Đức. Sau đó ông ta có ý định cướp lại ngôi vị nên bị Mộ Dung Đức bắt ép tự sát.

*

Mộ Dung Lân được phong làm Triệu Vương. Tháng 7 năm 397, ông ta giết Mộ Dung Tường và nên kế nhiệm ngôi vị hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Diên Bình".

Mộ Dung Lân xưng đế được vài ngày thì bị quân Bắc Ngụy vây đánh, đợt tấn công này quân Bắc Ngụy có 7000 người nhưng vẫn bị

Mộ Dung Lân đã`y lui. Không lâu sau, quân Bắc Ngụy lại vây thành Trung Sơn. Ở trong thành thiế u lương thực nghiêm trọng, lúa mả ở ngoại thành bị quân Bắc Ngụy cướp đi, Mộ Dung Lân không có cách gì cố thủ, đành phải dẫn 30000 người chạy đến Tân Thị. Quân Bắc Ngụy thừa thắng đuổi theo. Ông ta đành chạy đến Nghiệp Thành đấu hàng và dựa dẫm vào Mộ Dung Đức. Ông ta lại xúi bầy Mộ Dung Đức thống lĩnh 40.000 dân chúng dời xuống Cố́t Đái xung đế, lập nên chính quyến Nam Yên, Mộ Dung Lân được phong làm Tư Không. Lệnh Thượng Thư.

Năm 398, Mộ Dung Lân nghe nói ở sông thường có con lân xuất hiện, mà nó lại trùng hợp với tên ông ta, ông cho rắng đó là điếm tó́t lành cho việc giành lại ngôi vị, do đó ông bí mật phát động chính biến để đoạt lại ngôi vị hoàng đế. Không ngờ, sự việc bại lộ Mộ Dung Đức sai gié́t chết ông ta.

Trong sử gọi Mộ Dung Lân là Triệu Vương.

TRUNG TÔNG (MỘ DUNG THỊNH)

Trung Tông, ông ta tên là Mộ Dung Thịnh (373 - 401), tên tự của ông là Đạo Viễn. Ông là con trưởng của Hậu Yên Liệt Tông Mộ Dung Bảo. Sau khi Mộ Dung Bảo bị Lan Can gié́t, ông gié́t Lan Can và nêu ngôi hoàng đế. Ông trị vì được 4 năm, bị bộ hạ làm bị thương trong cuộc phản loạn, sau đó trọng thương mà chết - thọ 29 tuổi. Mai táng ở Hưng Bình Lăng.

*

Mộ Dung Thịnh được phong làm Trường Lạc Vương. Sau khi Lan Can gié́t Mộ Dung Bảo dự định sẽ gié́t Mộ Dung Thịnh nhưng con gái ông ta cầ́u xin cha tha chết cho chống (con gái của Lan Can là vợ của Mộ Dung Thịnh), nể tình con gái, Lan Can tha chết cho Mộ Dung Thịnh và bắt Mộ Dung Thịnh phải quy phục. Mộ Dung Thịnh một mặt tìm cách li gián quan hệ giữa anh em Lan Can, mặt khác sai thuộc hạ thân tín là Mộ Dung Kì âm thấm đi chiêu tập được vài nghìn người, chiếm cứ An Thành phản đốí Lan Can. Lan Can nghi ngờ chuyện này do Mộ Dung Thịnh đứng ở sau lưng chỉ đạo, ông ta

tuyên gọi Mộ Dung Thịnh đến để tìm cách loại bỏ. Mộ Dung Thịnh giả vờ bị bệnh, cáo lỗi không đến, đô`ng thời sai vợ đến chở mẹ vợ cù`u xin, Lan Can không thể làm gì được Mộ Dung Thịnh nên đành từ bỏ dã tâm.

Tháng 10, Mộ Dung Thịnh sai triệu tập thuộc hạ tâm phúc, nửa đêm đột nhập vào hoàng cung, gié́t ché́t cha con Lan Can và ném ngôi hoàng đế́, đổi niên hiệu là "Kiến Bình". Sau đó, ông bỏ đi vương hiệu đế tự xưng là thứ dân đại vương (đại vương của dân chúng).

Sau khi Mộ Dung Thịnh ném ngôi, ông ta đô`i đãi với các hạ thâ`n râ`t bạc bẽo vô ơn. Vì vợ ông ta là con gái của Lan Can, nên đã ra lệnh gié́t bỏ không hê`nghĩ đến trước đây cô ta cứu mình mây lâ`n. Nhờ sự khuyên can của các tông thâ`t và hạ thâ`n, Mộ Dung Thịnh mới miễn cho cô ta tội ché́t nhưng không lập làm hoàng hậu. Cận thâ`n Mộ Dung Kị cũng bị ông ta hại ché́t. Các quâ`n thâ`n đê`u chán nản và đê`u có tư tưởng làm phản. Tháng 8 năm 401 những người như: tá tướng quân Mộ Dung Quô`c, điện trung tướng quân Tâ`n Học, Giả Tán... cũng liên kêt với nhau bí mật cổ động cù`m quân nổi dậy gié́t Mộ Dung Thịnh. Nhưng sự việc bị bại lộ, cả 3 người đê`u bị gié́t và làm liên lụy tới hơn 500 người.

Vài ngày sau, con của Tâ`n Học là Tâ`n Hưng và con của Giả Tán là Giả Thái dẫn quân nửa đêm đột nhập vào hoàng cung và hò hét đòi gié́t Mộ Dung Thịnh. Ông ta sợ quá, liê`n thô`ng lịnh quân vệ binh chô`ng đỡ, đẩy lui được quân phản loạn. Đột nhiên trong đám quân phản loạn có một người vòng ra sau lưng ông ta giơ dao chém, Mộ Dung Thịnh vội vàng né tránh, nhưng vẫn bị thương chém vào chân. Quân phản loạn không bié́t chuyện này vẫn phải rút lui. Vết thương của ông ta râ`t nghiêm trọng khó lòng qua khỏi, ông liê`n sai gọi Quyê`n Phụ và Mộ Dung Hi đến để ủy thác công việc triê`u chính. Nhưng Mộ Dung Hi chưa kịp đến thì Mộ Dung Thịnh đã hôn mê bâ`t tỉnh không bao lâu thì ché́t.

Sau khi ông ta ché́t lập miê`u đặt hiệu là Trung Tông, đặt Thụy Hiệu là Chiêu Vũ Đê`.

CHIÊU VĂN ĐẾ (MỘ DUNG HI) (HẬU YÊN)

Chiêu Văn Đế, tên ông ta là Mộ Dung Hi (385 - 407), tên tự của ông ta là: Đạo Văn. Ông là thái tử của Hậu Yên Thế Tô Mộ Dung Thùy Sau khi Mộ Dung Thịnh chế t, thái hậu đã giúp ông ta làm hoàng đế. Ông trị vì được 7 năm, sau đó bộ hạ làm phản, ông ta thấ t bại nên bị giế t, hưởng dương 23 tuổi. Mai táng ở Huy Bình Lăng (nay ở phía bắc huyện Triệu Dương tỉnh Liêu Ninh).

*

Mộ Dung Hi được phong làm Hà Gian Công. Tháng 8 năm 401 Mộ Dung Thịnh chế t, thái hậu Đinh phế bỏ thái tử Mộ Dung Đinh và lập Mộ Dung Hi làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Quang Thủy".

Sau khi Mộ Dung Hi nén ngôi, ông ta số ng hoang dâm ăn chơi trác táng. Ông ta muốn làm đẹp làm hoàng hậu Phù do đó nhiế u lấn cùng bà ta đi du lâm. Có một lấn vào mùa đông bọn họ phải hộ tó́ng Mộ Dung Hi đi ra ngoài binh lính tùy tùng đi theo ông ta có 5000 người và họ đế u bị chế t cõng.

Tháng 7 năm 407, hoàng hậu Phù chế t. Mộ Dung Hi tổ chức tang lễ rất lớn, lúc đưa linh cữu đi chôn, ông ta đi chân đất đi phía trước linh cữu. Trung tướng quân Mã Bạt, tả vệ tướng quân Trương Hưng và những người khác, nhân cơ hội đó đã tôn dưỡng tử (con nuôi) của Mộ Dung Bảo là Mộ Dung Vân làm thủ lĩnh, dẫn 5000 người trấn giữ ở 4 cửa Thành Long, chiếm lĩnh hoàng cung, ngăn chặn không cho Mộ Dung Hi quay về. Mộ Dung Hi mang quân đánh trả nhưng không được đành lui về vườn thượng uyển Long Đắng (ngoại thành phía Bắc Thành Long).

Ngày hôm sau trong thành có một đám quân phản loạn chạy đến vườn thượng uyển xin quy thuận.

Mộ Dung Hi cho rắng đám phản loạn trong thành đến tấn công, ông ta sợ quá đành phải chạy một mình xông ra khỏi vườn thượng uyển, trốn một kênh nước. Đợi nửa ngày không thấy ai đến, lúc đó ông ta mới chui khỏi kênh nước, cởi bỏ quấn áo ướt

chạy vê` vườn. Vệ binh trong vườn thượng uyển không biết ông ta đi đâu nên họ cũng bỏ đi hết. Ông ta sống một thân một mình ở đó, cuối cùng cũng bị người trong thành phát hiện, họ bắt giữ và giải ông ta đến gặp Mộ Dung Vân. Sau đó Mộ Dung Vân kê một loạt tội trạng của ông ta đã khép ông ta vào tội chết.

Sau khi Mộ Dung Hi chết đã lấy Thụy Hiệu là Chiêu Văn Đế.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

BẮC YÊN
(407 - 436, tổng cộng 30 năm)

Triều Bắc Yên có 3 đế vương, trong đó có một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người chết do sơ hãi, một người bị giết ở Cao Câu Lộ.

HUỆ NGHI ĐẾ (CAO VÂN)

Huệ Nghi Đế, ông ta tên là Cao Vân (? - 409) tên tự của ông ta là Từ Vũ. Sau khi Mộ Dung Hi bị giết, ông đã được lập làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm thì bị bắt và bị quân hại chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Cao Vân là chi dưới của Cao Câu Lộ, Mộ Dung Hoảng tân công Cao Câu Lộ, ông ta theo cha chạy đến Thanh Sơn. Thời Mộ Dung Bảo trị vì, ông được phong làm thị khanh Lang, ông có công trong việc dẹp phản loạn Mộ Dung Hội nên được Mộ Dung Bảo nhận làm con nuôi, đổi tên là Mộ Dung Vân, phong cho làm Tịch Dương Công. Ông ta và Mã Bạt là bạn tốt của nhau. Tháng 7 năm 407 những người như: Mã Bạt đã khởi binh giết Mộ Dung Hi, tháng 7 năm 407 họ đã lập Mộ Dung Vân làm hoàng đế, gọi là Thiên Vương, ông cho đổi niên hiệu là "Chính Thủy", đặt quốc hiệu là "Yên" (trong lịch sử gọi là Bắc Yên), khôi phục lại dòng họ Cao.

Sau khi Cao Vân xưng đế thì Mã Bạt rất chuyên quyền. Để đế phòng bát trảc, Cao Vân đã chọn dũng sĩ gan dạ làm bảo vệ. Vệ sĩ đầu mục là Lí Bang và Diêu Nhân được sủng ái nhất, ngày đêm được kê cận bên ông ta, hàng tháng họ được nhận vô số tiền bạc, còn quần áo, lương thực và tùy tùng thì ngang bằng với Cao Vân. Nhưng sự đời thật khó lường, hai vệ sĩ chí cốt với ông ta, sinh lòng

ghen ghét, đã âm thầm lén lút chuẩn bị lực lượng mưu giết Cao Vân.

Tháng 11 năm 409, Lí Bang, Diêu Nhân bắt giùm kiêm trong người, giả vờ nói chuyện cảm tâu cáo. Cao Vân không hề nghi ngờ, liền đi đến điện. Diêu Nhân dâng một bản tâu trình. Cao Vân liền cảm thấy bản đó đọc. Lí Bang đột nhiên rút kiếm chém Cao Vân, nhưng ông ta tránh được, Diêu Nhân lại chém vào chân Cao Vân, Lí Bang cũng chém thêm một nhát, khiến Cao Vân chết ngay tại chỗ.

Sau khi ông ta chết, đặt Thụy Hiệu là Liệt Nghi Đế.

VĂN THÀNH ĐẾ (MÃ BẠT) (BẮC YÊN)

Văn Thành Đế, ông ta tên là Mã Bạt (? - 430) tên tự là Khởi Văn. Ông vốn làm trung vệ tướng quân, sau khi ông ta giết Mộ Dung Hi và xung làm Thiên Vương. Sau khi Cao Vân bị Lí Bang và Diêu Nhân giết chết, ông ta đã giết Lí Bang để tự lập làm thiên vương. Ông trị vì được 22 năm, con trai của ông là Mã Hoảng đã giết chết Tông Thị (Tông Thị là vợ của Mã Bạt), ông kinh hãi và sinh bệnh mà chết. Mai táng ở Trường Cốc Lăng.

*

Mã Bạt quê ở huyện Tín Đô huyện Trường Lạc. Tổ tiên của ông ta vì tránh loạn lạc nên đã đến sống ở Thượng Đảng, cha của ông ta là Mã An làm tướng quân ở triều đình Tây Yên. Triều đình Tây Yên bị diệt vong. Mã Bạt chạy đến cư trú ở huyện Trường Cốc tỉnh Hòa Long, thời Mộ Dung Bảo, Mã Bạt được phong làm trung vệ tướng quân. Sau khi Mộ Dung Hi lên ngôi, Mã Bạt bị người khác nói xấu, đày đi do đó phải dẫn con cháu chạy đến Sơn Trạch. Sau đó, ông lợi dụng cơ hội Mộ Dung Hi ra ngoại thành chôn cất vợ, nên Mã Bạt đã quay về kinh thành giết Mộ Dung và lập Cao Vân làm hoàng đế. Cao Vân bị Lí Bang và Diêu Nhân giết chết, Mã Bạt đã giết Lí Bang và tự xưng làm thiên vương, đổi niên hiệu là "Thái Bình" và quốc hiệu là "Yên" trong sử gọi là "Bắc Yên". Trong thời gian trị vì ông loại bỏ gian tham, giảm nhẹ tô thuế, phát triển nghề nông, khôi phục kinh tế, dần duy trì được cục diện ổn định.

Tháng 9 năm 430, Mã Bạt bị bệnh, hoàng hậu Tô^{ng} muôn^ín cho con trai mình nên kê^{vì} nên đã giả truyềⁿ thành chỉ, cám^m mọi người vào cùng thăm Mã Bạt. Phó tướng của cám^m vệ quân là Trung Hô^{bé}t chuyện liêⁿ đi báo cho em trai của Mã Bạt tên là Mã Hoă^{ng}, nhận được tin đó Mã Hoă^{ng} phẫn nộ vô cùng liêⁿ dẫn^m quân vào cung hỏi tội hoàng hậu Tô^{ng}. Bà ta sợ hãi sai đóng hét^t cửa sổ và cửa ra vào ở lầu các Đông Các. Gia đâ^u của Mã Hoă^{ng} là Đâ^u Đâ^u rât^t dũng cảm^m đã trèo tường xông vào lầu^m Đông Các chui^m vào phòng, giương^m cung bắn^m chét^t hoàng hậu. Mã Bạt nhìn thấy^m sợ hãi chét^t ngay tại chỗ.

Sau khi ông chét^t đặt Thụy Hiệu là Văn Thành Đê[’].

CHIÊU THÀNH ĐÊ[’] (MÃ HOĂ^{NG})

Chiêu Thành Đê[’], ông ta tên là Mã Hoă^{ng} (? - 436). Ông ta có tên tự là: Văn Thông, là thiê^u đệ^t của Bă^c Yên Văn Thành Đê[’] Mã Bá. Sau khi Mã Bạt chét^t, ông ta giết^t thái tử và tự lập làm hoàng đế[’]. Ông trị vì^t được 6 năm, bị triều^t Bă^c Ngụy diệt vong, ông ta chạy^t đêⁿ cù^m Cao Câu Lê thì bị giết^t. Mai táng^t ở đâu không rõ.

*

Thời Mã Bạt trị vì, Mã Hoă^{ng} được phong làm phiêu^m kỵ^m đại tướng^m quân. Tháng 9 năm 430, Mã Bạt chét^t, ông ta đã giết^t thái tử Mã Dực^m và^m nên^m ngôi^m hoàng đế[’], ông^t cho đổi^t niên hiệu là "Thái Hưng".

Đâ^u năm 436, vì^t Mã Hoă^{ng} không chịu khuất^t phục^t Bă^c Ngụy^m Thái Vũ Đế[’] Thác Bạt Đạo, do^t vậy^t Thác Bạt Đạo sai^t đại^t quân^t tiêⁿ đánh^t triều^t chính^t Bă^c Yên. Mã Hoă^{ng} liên^t tiê^p bị^t thua^t trận, tuy^t có^t nhờ^t quân^t Cao Câu Lê^t giúp đỡ^t nhưng^t vẫn^t không^t thay^t đổi^t được^t tình^t hình^t. Tháng 5^t năm 436^t ông^t dẫn^t dân^t chúng^t chạy^t tới^t tộc^t Cao Câu Lê^t,^t dân^t chúng^t xê^t p hàng dài^t tới^t 80 dặm^t, Cao Câu Lê^t Vương^t Cao Liễn^t sai^t người^t ra^t ngoại^t thành^t nghênh^t đón^t, nói^t: "đại^t vương^t từ^t xa^t đi^t đêⁿ,^t người^t và^t ngựa^t quả^t thật^t vát^t và^t". Mã Hoă^{ng} cho^t rã^t ng^t đó^t là^t lời^t châm^t biê^tm, vừa^t hận^t vừa^t tức^t, ông^t ta^t chui^t ra^t khỏi^t kiệu^t, sai^t người^t viết^t chiêu^t thư^t gửi^t tới^t Cao Liễn^t quở^t trách^t. Cao Liễn^t tức^t giận^t không^t cho^t Mã Hoă^{ng} vào^t thành^t mà^t bả^t Mã Hoă^{ng} định^t cư^t ở^t Bình Quách^t (nay thuộc^t phía^t Nam^t huyện^t Cái^t tỉnh^t Liêu Ninh),^t ít^t lâu^t sau^t lại^t bả^t ép^t

Ông ta dời đê n BẮC Phong (nay thuộc phía Tây BẮC thành phố Thẩm Dương tỉnh Liêu Ninh). Mã Hoàng đê n nông nỗi này vậy mà vẫn độc đoán chuyên quyền, phát hiệu lệnh, không tôn trọng Cao Liên. Cao Liên phẫn nộ sai người cướp thái tử và thị quan của Mã Hoàng. Triều BẮC Ngụy sai người tới chỗ Cao Liên đòi Mã Hoàng lién bị Cao Liên cự tuyệt. Lúc này, đã hình thành cục diện Nam BẮC triều, phía Nam Trung Quốc là thiên hạ của triều Tống (dòng họ Lưu). Mã Hoàng sai người đê n nhờ triều Tống giúp đỡ. Hoàng Đế Tống lién sai Vương Bạch Câu tới tộc Cao Câu Lệ đòi Mã Hoàng và còn đòi Cao Liên đền tién lop phí. Cao Liên càng bức mình lién sai hai đại tướng Cao Cửu và Tôn Lai dẫn vài trăm lính đi tới BẮC Phong giết Mã Hoàng và hơn 10 người con cháu của Mã Hoàng, báo với hoàng đế Tống tin Mã Hoàng đã chết. Triều BẮC Yên diệt vong.

Sau khi Mã Hoàng chết, Cao Liên lập Thụy Hiệu cho Mã Hoàng là Chiêu Thành Đế.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

NAM YÊN
(398 - 410, tổng cộng 13 năm)

Triệu Nam Yên có hai đế vương: trong đó một người bị bệnh ché t, một người mệt nước bị bắt làm tù binh nên bị giết.

HIÊN VŨ ĐẾ (MỘ DUNG ĐỨC)

Hiền Vũ Đế, ông ta tên là Mộ Dung Đức (336 - 405) tên tự của ông ta là Huyễn Minh. Ông là thiê u tử của Tiễn Yên thái tổ Mộ Dung Hoảng, là em trai của Hậu Yên thê t Mộ Dung Thùy. Hậu Yên bị chia làm hai triều đình, ông ta dời đế n miền Nam xung đế . Ông trị vì được 8 năm thì bị bệnh ché t, thọ 70 tuổi. Mai táng ở Đông Dương Lăng.

*

Mộ Dung Đức từng giúp đỡ Mộ Dung Thùy đánh bại quân của Hạng Ôn (triều Đông Tấn). Triều Tiễn Yên bị diệt vong, ông ta đánh hàng Phù Kiên (triều Tiễn Tấn), được cử làm thái thú Trường Dạ. Sau khi triều Hậu Yên được xây dựng, Mộ Dung Đức được nhận chức Tư Đô , phong làm Phạm Dương Vương trấn thủ ở thành Nghiệp. Năm 397 quân Bắc Ngụy công phá thành Trung Sơn, triều Hậu Yên bị chia làm hai. Ông dẫn dân chúng dời xuôi Cố t Đài (nay thuộc huyện Cố t tỉnh Hà Nam) tự xưng làm Yên Vương, lấy năm đó làm năm đầu tiên, trong sử gọi là Nam Yên. Năm 400, chiếm giữ Quảng Cố (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Ích Đô tỉnh Sơn Đông) và chọn nơi đây làm đô thành, tự xưng làm hoàng đế đổi niên hiệu là "Kiến Bình". Chiếm cứ 2 châu: Thanh Châu và Duyên Châu.

Tháng 11 năm 405, Mộ Dung Đức bị bệnh nặng, ông sai gọi hoàng hậu Giả và cháu làn Mộ Dung Siêu và công chúa vào dặn dò mọi

chuyện. Ông nắm tay Mộ Dung Siêu nói: "Nế u trã́m cò́n sống, trã́m sẽ́ ra lệnh cho các đại thấn lập khanh kế vị, được như vậy trã́m rất yên tâm". Mộ Dung Đức nhìn công chúa định nói vài câu nhưng lại thôi. Hoàng hậu Giả hỏi ông ta: "Bây giờ cho gọi Đống Trung Thư thảo chiếu thư, lập Mộ Dung Siêu làm thái tử, bệ hạ xem như vậy có được không?" Ông ta gật đấu đống ý. Tối hôm đó ông ta tạ thế tại cung Hiển An - đô thành Quảng Cố. Mộ Dung Siêu sai làm mười mây cỗ quan tài, chôn rải rác ở 4 cửa thành làm mộ giả và bí mật chôn cất Mộ Dung Đức ở trong Sơn Cố (gọi là lăng Đông Dương), người đời sau không biết rõ mố mả thật của Mộ Dung Đức.

Hiệu miếu của Mộ Dung Đức là Thế Tông, còn Thụy Hiệu của ông là Hiến Vũ Đế.

MẠT CHỦ (MỘ DUNG SIÊU) (NAM YÊN)

Mạt Chủ, ông ta tên là Mộ Dung Siêu (385 - 410) tên tự của ông ta là Tô Minh. Ông là cháu của Nam Yên Hiến Vũ Đế Mộ Dung Đức, ông nêu kế vị sau khi Mộ Dung Đức chết. Ông trị vì được 6 năm, bị Lưu Dụ (triếu Đông Tấn) bắt làm tù binh sau đó giết chết. Hướng dương 25 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mộ Dung Siêu là con trai của Bắc Hải Vương Mộ Dung Nạp. Do chiến tranh loạn lạc đành phải theo những dân lưu vong chạy đến Trường An, Mộ Dung Đức vế già không có con, vì thế đã đón Mộ Dung Siêu về́ Quảng Cố, trước khi chết lập Mộ Dung Siêu làm thái tử. Tháng 11 năm 405 khi Mộ Dung Đức chết, ông nêu kế vị, ông cho đổi niên hiệu là "Thái Thượng".

Tháng 4 năm 409, Lưu Dụ khởi binh tấn công triếu Nam Yên. Mộ Dung Siêu dẫn đấu 90.000 quân nghênh chiến, bị Lưu Dụ đánh bại trong trận chiến ở Lâm Cù (nay thuộc huyện Lâm Cù tỉnh Sơn Đông), Mộ Dung Siêu đành dẫn đám tàn quân chạy vế thành Quảng Cố. Quân Tấn đuổi theo bao vây đô thành. Linh Đài ra lệnh cho Trương Quang trả vò dưa vào thiên tượng để khuyên Mộ Dung Siêu đấu hàng quân Tấn, bị Trương Quang ngăn cản Mộ Dung Siêu rút

kiếm chém chết Trương Quang. Sáng hôm sau, ông ta nêu thành cỗ động các tướng sĩ kiên thủ giữ thành. Có một lấn, Mộ Dung Siêu cùng phu nhân Ngụy đứng trên thành nhìn ra xa, thấy quân Tấn thế lực mạnh mẽ, quân lính đông đúc, cả hai người không ngăn được dòng nước mắt khóc thương cho số phận của triếu Nam Yên. Đại thấn Hàn Xước khuyên can Mộ Dung Siêu: "Tình thế nguy cấp như vậy, bệ hạ phải vững tâm, lấy dũng khí để cỗ động binh lính, tại sao lại đứng đây khóc cùng với phu nhân để làm dao động quân sỹ", Mộ Dung Siêu chợt tỉnh ngộ và không khóc, ông ta cảm ơn Hàn Xước đã nhắc nhở. Sau vài tháng kiên quyết phòng thủ giữ thành, dân cư trong thành bị mắc bệnh thối chân, khó lòng đi lại được, Mộ Dung Siêu cũng mắc bệnh này, nhưng ông cố gắng lên thành chỉ huy binh lính phòng thủ. Trong các đại thấn có người khuyên ông đấu hàng để bảo toàn tính mạng. Mộ Dung Siêu bác bỏ ý kiến đó và nói: "Chuyện hưng thịnh hay suy vong là do ý trời, quả nhận nguyên chết vì chiến trận chứ không đấu hàng để tìm lấy sự sống".

Tháng 2 năm 410, dân chúng và binh lính trong thành Quảng Cô đếu bị đói. Lưu Dụ thừa cơ mở một cuộc tấn công lớn, trong thành có người làm phản đã mở cổng thành cho quân Tấn tiến vào. Mộ Dung Siêu dẫn một số kị binh chạy khỏi thành, ông ta chạy được vài dặm thì quân lính Tấn bắt được, Lưu Dụ mạt sát Mộ Dung Siêu thậm tệ, nhưng Mộ Dung Siêu không hế nói một câu khí phách rất hiên ngang, Mộ Dung Siêu nhờ Lưu Kính Tuyên trông nom mẹ già, còn ông chuẩn bị đón nhận cái chết. Lưu Dụ cho Mộ Dung Siêu nhập vào đám tàn quân, áp giải đến Kiến Khang và chém chết ông ta tại Vu Náo. Triếu Nam Yên diệt vong.

Trong sử gọi Mộ Dung Siêu là Mạt Chủ.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

TÂY YÊN
(384 - 394, tổng cộng 11 năm)

Triệu` u Tây Yên có 7 đế` vương: trong đó có 6 người bị ché` t trong cuộc nội chiê` n, một người bị giê` t do làm mâu` t nước.

TÊ` BĂ` C VƯƠNG HOĂ` NG
(TÂY YÊN)

Tê` Bă` c Vương, ông ta tên là Mộ Dung Hoảng (? - 384). Ông là con trai của Tiêu` u Yên Cảnh Đế` Mộ Dung Tuyễn, ông là em trai của U Đế` Mộ Dung Vĩ. Ông đã` u hàng Tiêu` n Tâ` n, sau đó tự xưng là Tê` Bă` c Vương. Ông trị vị được một năm bị hạ thâ` n giê` t ché` t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi Tiêu` n Yên bị diệt vong, Mộ Dung Hoảng đã cùng với anh trai là Mộ Dung Vĩ đã` u hàng quân Tiêu` n Tâ` n, được nhận chức Trường Sứ. Năm 384, Mộ Dung Thùy khởi binh phản lại triều` u Tâ` n, tâ` n công vào Nghiệp Thành, Mộ Dung Hoảng lo sợ Tâ` n Chủ Phù Kiên liên lụy đê` n mình do vậy bỏ chạy đê` n Quan Đông, ông ta tụ tập được vài nghìn người. Mộ Dung Hoảng cư trú ở Hoa Dương (nay thuộc Đô` ng Quan tỉnh Thiểm Tây) ông tự xưng là đô` đô` c đại tướng quân, Tê` Bă` c Vương... Tháng 4 năm 384, ông tiê` n vào Trường An, đặt niên hiệu là "Yên Hưng", quô` c hiệu là "Yên", trong sử gọi là "Tây Yên".

Cuô` i năm 384, do Mộ Dung Hoảng thi hành pháp luật rât` nghiêm khă` c khiê` n cho các thuộc hạ oán giận. Các đại thâ` n Cao Cái, Túc Bột Sùng quyê` t định lập Mộ Dung Trọng, làm hoàng đế` thay thê` Mộ Dung Hoảng, bọn họ dâ` y binh tạo phản, giê` t ché` t Mộ Dung Hoảng.

Trong sử gọi Mộ Dung Hoảng là Tế Bắc Vương.

UY ĐẾ (MỘ DUNG TRỌNG) (TÂY YÊN)

Uy Đế, ông ta tên là Mộ Dung Trọng (? - 386). Ông là em trai của Tây Yên Tế Bắc Vương Mộ Dung Hoảng. Mộ Dung Hoảng bị giết, ông được lập làm Hoàng Thái Đệ, sau đó ông tự xung đế. Ông trị vì được 2 năm, bị quân phản loạn giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mộ Dung Trọng là con trai của Tiến Yên Cảnh Đế Mộ Dung Tuyền, Mộ Dung Trọng được phong là Trung Sơn Vương. Sau khi Tiến Yên bị diệt vong, ông được Phù Kiên cho vào cung, vế sau phong làm Thái Thú Bình Dương. Năm 384 anh trai ông là Mộ Dung Hoảng dấy binh phản Tấn. Ông biết tin cũng dẫn quân đánh Tấn nhưng bị thất bại, ông bèn chạy đến Hoa Dương với anh trai. Triệu Bắc Yên xây dựng được ít lâu, Mộ Dung Hoảng bị Cao Cái giết, và Cao Cái đã lập Mộ Dung Trọng làm hoàng thái đệ. Cao Cái và Mộ Dung Trọng thống lĩnh đại quân đánh Tiến Tấn, chiếm được cung A Phòng tháng 1 năm 385, Mộ Dung Trọng xung đế, ông đổi niên hiệu là "Canh Thủy".

Sau khi ông ta xung đế, ông sống rất truy lạc, thường phật không công bắng, hiệu lệnh không nghiêm minh khiến quấn thấn oán giận. Đống thời, ông ta muốn định cư ở Trường An, còn binh lính thì nhớ quê hương da dié́t, mọi người đếu oán hận ông ta.

Một buổi tôtí tháng 2 năm 386, Mộ Dung Trọng đang ngối trong cung uống rượu, tả tướng quân Hàn Diên và tiến tướng quân Giả Tùy đã hô hào binh lính tiến vào cung giết chết ông ta.

Trong sử gọi Mộ Dung Trọng là Uy Đế.

YÊN VƯƠNG (GIẢ TÙY) (TÂY YÊN)

Yên Vương, ông ta tên là Giả Tùy (? - 386). Ông là tướng quân ở thời Mộ Dung Trọng. Ông ta và Hàn Diên mưu giết Mộ Dung Trọng, sau đó Hàn Diên Lập Giả Tùy làm Yên Vương. Ông nhận chức Yên Vương được một tháng thì bị thuộc hạ giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 2 năm 386 Hàn Diên và Giả Tùy cùng mưu giết Mộ Dung Trọng, sau đó đế lẫy sự uy hiếp đồi với bá quan nên Hàn Diên đã lập Giả Tùy làm Yên Vương, đổi niên hiệu là "Xương Bình".

Sau khi Giả Tùy nhận chức vị, Mộ Dung Vĩnh và Mộ Dung Hạng không đành lòng nhìn giang sơn rơi vào tay người ngoài, do vậy tháng 3 năm 386 bọn họ tập hợp thuộc hạ tấn công giết Giả Tùy.

Trong sử gọi Giả Tùy là Yên Vương.

YÊN VƯƠNG (MỘ DUNG Ỷ)

Yên Vương, ông ta tên là Mộ Dung Ỷ (? - 386). Ông là con trai của Trực Đô Vương Mộ Dung Hạng. Sau khi Giả Tùy bị giết, Mộ Dung Ỷ được lập làm vương. Nhưng ông ta trị vì chưa được một tháng đã bị em trai là Mộ Dung Dao giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Tiết Yên bị diệt vong, Trực Đô Vương Mộ Dung Hạng bị quân Tần giết, Mộ Dung Ỷ theo Mộ Dung Trọng vào cung, định cư ở Trường An. Mộ Dung Vĩnh và Mộ Dung Hạng (ông ta cùng họ tên với cha của Mộ Dung Ỷ) đã giết Giả Tùy, Hàn Diên sau đó đã lập Mộ Dung Ỷ làm vương, đổi niên hiệu là "Kiến Minh". Sau khi Mộ Dung Ỷ lên ngôi, ông ta đã thô lỗ lĩnh 400.000 nam nữ dân tộc Tiên Ti tiến xuống phía Đông. Đi đến Lâm Tần, ở nhà em trai của Mộ Dung Hạng là Mộ Dung Thao đã làm phản, và giết chết Mộ Dung Ỷ.

Trong sử gọi Mộ Dung Ỷ là Yên Vương.

YÊN VƯƠNG (MỘ DUNG DAO) (TÂY YÊN)

Yên Vương, ông ta tên là Mộ Dung Dao (? - 386). Ông ta còn có tên là Mộ Dung Vọng. Ông là con trai của Tây Yên Uy Đê Mộ Dung Trọng. Sau khi Mộ Dung Thao gié́t ché́t Yên Vương Mộ Dung Ý đã bị Mộ Dung Vĩnh đánh bại và Mộ Dung Vĩnh đã lập Mộ Dung Dao làm vương. Ông ta trị vì không được một tháng thì Mộ Dung Vĩnh làm phản gié́t ché́t Mộ Dung Dao. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 3 năm 386 Mộ Dung Ý bị gié́t, Mộ Dung Vĩnh và tướng quân Điêu Vân đã đánh bại Mộ Dung Thao, họ cùng với Mộ Dung Hắng lập Mộ Dung Dao làm vương, đổi niên hiệu là "Kiến Bình".

Sau khi Mộ Dung Dao nêu ngôi, các tướng sĩ không khâm phục những hành vi và việc làm của Mộ Dung Hắng, họ càng không bắng lòng việc Mộ Dung Dao làm vương, các tướng sĩ mong muốn Mộ Dung Vĩnh làm vương do đó họ làm phản và tấn công Mộ Dung Hắng. Mộ Dung Hắng sợ hãi phải bỏ trốn còn gié́t Mộ Dung Dao bị quân phản loạn gié́t.

Trong sử gọi Mộ Dung Dao là Yên Vương.

YÊN VƯƠNG (MỘ DUNG TRUNG) (TÂY YÊN)

Yên Vương, ông ta tên là Mộ Dung Trọng (? - 386). Ông là con trai của Tế Bắc Vương Mộ Dung Hoảng. Sau khi các tướng sĩ gié́t Mộ Dung Dao đã lập Mộ Dung Trung làm vương. Ông trị vì được 7 tháng, bị tướng Điêu Vân sát hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 386 tướng sĩ Tây Yên đã làm phản gié́t Mộ Dung Dao, sau đó họ muốn lập Mộ Dung Vĩnh làm đế́. Mộ Dung Vĩnh chỉ dám xưng là: Thế Hê Thái Viễn, ông thấy tư cách mình không đủ đế làm

hoàng đế¹ nên đã cảm ơn và cho² i từ, đổi lập Mộ Dung Trung làm đế³, và cho đổi niên hiệu là "Kiê⁴n Vũ".

Sau khi Mộ Dung Trung làm vương, đã phong cho Mộ Dung Vĩnh làm thừa tướng. Hà Đông Công, Mộ Dung Vĩnh thường thô¹ ng lĩnh quân đội đánh xuô² ng phía Đông. Có một lâ³n Mộ Dung Trung thô¹ ng lĩnh quân đội si xuô² ng phía Đông, trên đường đi nghe tin Mộ Dung Thùy đã kiê⁴n lập được triề⁵u Hậu Yên, ông ta sợ hãi không dám tiê⁴n vê⁶ phía trước. Ông liê⁷n cho binh lính sửa sang xây dựng lại đô thành Yên Hi tại huyện Văn Hỉ, tạm thời định cư ở đó.

Tháng 10 năm 386, tướng Diêu Vân đã làm phản và đã giê¹t Mộ Dung Trung.

Trong lịch sử Mộ Dung Trung cũng được gọi là Yên Vương.

HÀ ĐÔNG VƯƠNG (MỘ DUNG VĨNH) (TÂY YÊN)

Hà Đông Vương, ông ta tên là Mộ Dung Vĩnh (? - 394). Tên tự của ông là Quyê¹n Minh. Ông là em trai của Tiê²n Yên Vũ Tuyên Đế³ Mộ Dung Quy. Sau khi Diêu Vân giê⁴t chê⁵ t Mộ Dung Trọng đã lập Mộ Dung Vĩnh làm vương. Ông trị vì được 9 năm, bị quân Hậu Yên bă⁶t giữ và giê⁷ t hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mộ Dung Vĩnh là cháu của Mộ Dung Vận. Sau khi ông ta được lập làm vương, ông đã tự xưng là đại tướng quân đại đơn vu và chiê¹m lính được ở 4 châu: Ung Châu, Tâ²n Châu, Lương Châu, Kinh Châu... Kiêm chức vị Hà Đông Vương; ông cho đổi niên hiệu là: "Trung Hưng".

Sau khi nê¹n ngôi, ông cho dời đô đê²n Trường Tử (nay thuộc huyện Trường Tử tỉnh Sơn Tây).

Năm 394, Hậu Yên Mộ Dung Thùy thô¹ ng lĩnh đại quân tiê²n đánh Tây Yên, Mộ Dung Vĩnh dẫn quân đánh trả, hai bên đánh nhau tại Đài Bích, Mộ Dung Vĩnh bị thua trận phải chạy vê³ trâ⁴n thủ tại

Trường Tử. Quân Hậu Yên bao vây 4 mặt, họ dựng hàng rào bắc ngang gỗ, vây đánh Trường Tử. Hai bên đánh nhau hơn 40 ngày, lúc này tình hình trong thành rất khó khăn và nguy cấp. Mộ Dung Vĩnh sai Thường Sơn Công Mộ Dung Hoảng (người này trùng tên với Tề Bá) c Vương Mộ Dung Hoảng) và thái tử Mộ Dung Lượng dẫn quân đột phá vòng vây đi đến triều Đông Tần và triều Bắc Ngụy nhờ trợ giúp để tìm cách giải vây. Tướng quân của Bắc Ngụy là Thượng Mạt lập tức đến giải vây nhưng thái úy của Tây Yên là Miễn Đậu Quy và bộ tướng Đậu Thao đã quy hàng quân Hậu Yên, họ lén lút mở cửa thành dẫn quân Hậu Yên vào. Bị tấn công Mộ Dung Vĩnh cuồng quyt vô cùng ông vội vàng chạy theo lối cửa Bắc, nhưng quân Hậu Yên đã mai phục sẵn ở đó và bắt giữ ông ta. Sau đó bọn chúng chém chết ông ta. Triều Tây Yên bị diệt vong.

Vì triều Tây Yên chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn hơn nữa không có ảnh hưởng lớn, nên các nhà sử học không xếp triều Tây Yên vào trong số 16 nước.

Trong sử gọi Mộ Dung Vĩnh là Hà Đông Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

TIỀN LUƠNG
(317 - 376, tổng cộng 60 năm)

Nhà Lương có 5 triều đại: Tiền Lương, Hậu Lương, Nam Lương, Bắc Lương, Tây Lương... Sau khi triều Tây Tần bị diệt vong dòng họ Trương đã dựa vào thế lực ở Lương Châu để lập nên chính quyền cá t cứ Tiền Lương, sau này bị triều Tiên Tần diệt vong. Triều Hậu Lương do dòng họ Lã Kiến lập nên, mà người tạo dựng đầu tiên là Lã Quang, sau này triều Hậu Lương bị triều Hậu Tần diệt vong. Triều Nam Lương do Thủ Cự Phát Điều Cơ (người dân tộc Tiên Ti xây dựng), sau này bị Tây Tần diệt vong.

Triều Bắc Lương do Từ Cử Mông Tôn giúp đỡ Giả Nghiệp Kiến lập sau đó Mông Tôn lại cướp ngôi và bị triều Bắc Ngụy diệt vong. Triều Tây Lương do Quý Hiệu xây dựng chính quyền tại Đôn Hoàng vương sau bị triều Bắc Lương diệt vong.

Triều Tiền Lương có 10 vương, trong đó có 4 người bị bệnh chết, 3 người bị giết trong cuộc nội chiến, một người bị bệnh chết sau khi mất nước chạy về đê hàng Đông Tần, một người bị giết khi mất nước.

VŨ MỤC VƯƠNG (TRƯƠNG QUÝ) (TIỀN LUƠNG)

Vũ Mục Vương, ông ta tên là Trương Quý (255 - 314) tên tự của ông là Sĩ Sản. Thời Đông Tần ông ta được phong làm Tây Bình Công, ông được tôn là người có công lập nên triều Tiền Lương. Ông bị bệnh chết, thọ 60 tuổi. Mai táng ở Kiến Lăng.

Trương Quỹ quê ở Ô Thị (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Bình Kinh tỉnh Cam Túc). Lúc đầu ông làm chức quân ty chính Tây. Sau khi cuộc nổi loạn của 8 vương" bùng ra, ông có ý định lập chính quyền cá`t cứ ở Hà Tây, ông đã nhận chức hiệu úy và chức lại sứ ở Kinh Châu. Năm 303 ông được phong làm Tây Bình Công. Ông nhanh chóng áp các cuộc khởi nghĩa của dân tộc Tiên Ti, nhanh chóng binh cứu giúp triều đình, trọng trung với triều Tâ`n.

Trương Quỹ bảo vệ lãnh thổ, triệu nạp nhân tài, tận lực khôi phục nền kinh tế xã hội, mở trường học, đặt định ra chế độ tiề`n tệ, mở rộng và tu sửa lại đô thành Cô Tàng (nay thuộc huyện Võ Uy tỉnh Cam Túc), tại khu vực Kinh Châu đã xây dựng một xã hội trật tự phong kiê`n tương đố`i ổn định.

Ngày Ất Sử tháng 5 năm 314 Trương Quỹ đột nhiên bị trúng gió, bị câm khẩu, để di chiêu`u cho con trai ông là Trương Thời kế`nhiệm, việc tang lễ cũng phải làm đơn giản. Ông mất tại điện chính của đô thành Cô Tàng.

Sau khi cháu của ông là Trương Tộ xưng đế` , đã đặt Thụy Hiệu cho ông là Vũ Mục Vương.

CHIÊU VƯƠNG (TRƯƠNG THỜI) (TIỀ`N LUƯƠNG)

Chiêu Vương, ông ta tên là Trương Thời (271 - 320). Ông ta có tên tự là: An Tô`n. Ông là con trai của Tiề`n Lương Vũ Mục Vương Trương Quỹ. Sau khi cha ché`t, ông kế`nhiệm chức lại sứ Lương Châu. Ông trị vì được 7 năm, bị thuộc hạ giết hại. Thọ 50 tuổi, mai táng ở Ninh Lăng.

*

Trương Thời đã từng được phong làm Nguyên Công. Tháng 5 năm 314 Trương Quỹ bị bệnh ché`t, ông đã nên kế`nhiệm công việc của cha. Năm 317 ông xung là thái thú Lương Châu.

Tháng 6 năm 320, Lưu Hoà`ng (quê ở Lương Diêu) đã đi truyê`n đạo "Thiên Thê (đường nén trời), ông ta truyê`n bá trong phạm vi của

Tiê`n Lương và hun hút được hơn 1000 người theo đạo của ông ta, cận thị của Trương Thời cũng theo đạo này. Bộ tướng và nha môn của Trương Thời là Viên Sa và Triệu Khanh, hai người này là Đông Lương của Lưu Hoă`ng, bọn họ có mô`i quan hệ râ`t mật thiê`t. Lưu Hoă`ng nói với Viên Sa và Triệu Khanh: "Thượng đê` cho tôi làm Vương, tôi cầ`n phải làm chúa tể của Kinh Châu". Hai người đó mê muội tin đó là sự thật, họ coi Lưu Hoă`ng là thiên tử, quyê`t tâm giúp Lưu Hoă`ng làm vua, do đó họ bí mật liên kế`t với 10 cận thị, chuẩn bị sát hại Trương Thời. Không ngờ, tin đó đê`n tai Trương Thời, ông ta lập tức sai lính giê`t Lưu Hoă`ng. Viên Sa và Triệu Khanh lo lă`ng không yên sợ ră`ng một ngày nào đó Trương Thời sẽ diệt bọn họ. Vào một đêm tháng 6 họ đã đột nhập vào cung giê`t Trương Thời.

Trong sử gọi Trương Thời là Chiêu Công hay còn gọi là Chiêu Công. Trương Tô sau khi xưng đê` đã đặt Thụy Hiệu cho Trương Thời là Chiêu Vương.

THÀNH MẬU (TRƯƠNG MẬU) (TIÊ`N LUƯƠNG)

Thành Vương, ông ta tên là Trương Mậu (271 - 304). Tên tự của ông ta là Thành Tỗn. Ông là con trai của Tiê`n Lương Vũ Mục Vương Trương Quỹ và là em trai của Chiêu Công Trương Thời. Sau khi Trương Thời bị Viên Sa giê`t chê`t, Trương Mậu đã sát hại Viên Sa và nên kế` nhiệm. Ông trị vì được 5 năm, sau đó quy hàng Tiê`n Triệu Lưu Diệu, bị bệnh chê`t, thọ 53 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trương Mậu

Tháng 6 năm 320 Trương Thời bị Viên Sa và Triệu Khanh sát hại, Trương Mậu đã đem quân giê`t chê`t Viên Sa và Triệu Khanh, đô`ng thời dẹp yên phản loạn (đám phản loạn này gô`m hơn 100 người đi theo đạo Thiên Thê). Do con trai của Trương Thời tên là Trương Tuâ`n còn nhỏ tuổi, do đó Trương Mậu đã nên kế` nhiệm.

Năm 324 Tiê`n Triệu Lưu Diệu thô`ng lĩnh đại quân tâ`n công Kinh Châu, thê` lực của Trương Mậu yê`u ót không đủ sức chô`ng đỡ

do vậy đành phài đâ`u hàng Tiê`n Triệu. Sau đó Trương Mậu được Lưu Diệu phong cho làm Thái Sư Lương Vương.

Tháng 5 năm 324 Trương Mậu bị bệnh nặng, ông sai gọi cháu là Dương Tuâ`n đê`n bên giường dặn dò: "Tổ tiên của chúng ta đê`u tôn trọng chữ hiê`u, bạn bè nhìn thâ`y vậy đê`u phải kính trọng và tôn là Vu Thê` , từ đâ`u thời Hán đê`n nay, đời đời đê`u trung hiê`u. Nhìn xuô`ng thâ`y tộc Hoa Hạ đại loạn, hoàng quyê`n bị suy yê`u, nhưng sau khi cháu nêu kê` nhiệm, câ`n phải tôn trọng đạo hiê`u của quâ`n thâ`n không được thâ`t lẽ. Chú lưu lạc cũng thô`n, tiê`p tục kê` thừa đạo đức hiê`u lễ của tổ tiên, thô`ng lĩnh Lương Châu lâ`y an thân mà tiê`p nhận nhiệm vụ, một là không muô`n làm tồn hại nhà Tô`n, hai là muô`n bảo toàn tính mạng cho trăm họ. Sau khi chú chê`t, các cháu không câ`n mặc áo thượng chiê`u cho chú, chỉ câ`n mặc cho chú áo tră`ng rô`i khâm liệm là được, để tỏ rõ chú là người trung hiê`u". Ít lâu sau, Trương Mậu tạ thê` tại thành Cô Tàng.

Trong sử gọi ông là Thành Vương hay còn gọi là Thành Liệt Công.

VĂN VƯƠNG (TRƯƠNG TUÂ`N)

Văn Vương, ông ta tên là Trương Tuâ`n (307 - 346). Tên tự của ông là Công Định. Ông là con trai của Tiê`n Lương Chiêu Công Trương Thời và ông cũng là cháu của Thành Vương Trương Mậu. Ông nêu kê` vị sau khi Trương Mậu chê`t. Ông trị vì 23 năm bị bệnh chê`t, thọ 40 tuổi. Mai táng ở Đại Lăng.

*

Tháng 5 năm 324 Trương Mậu bị bệnh chê`t do vậy Trương Tuâ`n đã nêu kê` nhiệm, ông xưng là thái thú Lương Châu, Tây Bình Công, ông luôn luôn tận trung với triê`u Tâ`n. Ông tích cực mở rộng đô`i ngoại, khô`ng chê` một vùng từ Lũng Tây đê`n Tây Vực, ở vùng Thô` Lỗ Phiên lập thêm quận Cao Xương, như vậy toàn bộ lãnh thổ Trung Quô`c có 23 quận, triê`u Tiê`n Kinh bước vào gioai đoạn hưng thịnh nhâ`t. Năm 345, ông được gọi là đại đô đô`c, đại tướng quân. Giả Lương Vương.

Tháng 5 năm 346, Trương Tuân mất tại điện Chính Đức thành Cô Tàng.

Trong lịch sử gọi Trương Tuân là Văn Công. Trương Tộ sau khi nêu ngôi hoàng đế đã đặt Thụy Hiệu cho Trương Tuân là Văn Vương.

HÀNG VƯƠNG (TRƯƠNG TRỌNG HOA) (TIỀN LUƯƠNG)

Hàng Vương, ông ta tên là Trương Trọng Hoa (327 - 353), tên tự của ông là Thái Lâm. Ông là con trai thứ hai của Tiền Lương Văn Công Trương Tuân. Ông nêu kinh vị sau khi Trương Tuân chết. Ông trị vì được 8 năm, bị bệnh chết, hưởng dương 27 tuổi, mai táng ở Hiển Lăng.

*

Tháng 5 năm 346 Trương Tuân bị bệnh chết do vậy Trương Trọng Hoa nêu kinh vị, ông được triều đình tân phong làm thị trung, đô đốc, sau đó được phong làm Tây Bình Công.

Sau khi Trương Trọng Hoa nêu kinh vị, ông đã đẩy lui được đại quân của triều Tiền Triệu, bảo vệ được thành Lương Châu. Ông ta biết Trương Tộ (là con trưởng của mẹ ghê) và mẹ ông là Mã Thị có hành vi gây rối, vì thế ông muốn mưu hại Trương Tộ, nhưng sơ chuyện không thành mà lại gây họa do đó ông phân vân chưa đưa ra quyết định chính xác, cuối cùng sinh ra u uất. Lúc bệnh đến giai đoạn nguy kịch, ông vội vàng sai lập con trai là Trương Diệu Linh làm thừa tử. Tháng 11 năm 353 Trương Trọng Hoa mất tại điện Bình Chương đô thành Cô Tàng.

Trong lịch sử gọi Trương Trọng Hoa là Hàng Công, hay còn gọi là Hàng Vương. Sau khi Trương Tộ nêu ngôi, đã đặt Thụy Hiệu cho ông là Minh Vương.

AI CÔNG (TRƯƠNG DIỆU LINH) (TIỀN LUƯƠNG)

Ai Công, ông ta tên là Trương Diệu Linh (344 - 355). Tên tự của ông là Nguyên Thư. Ông là con trai của Tiết Lương Hạng Công Trương Trọng Hoa. Sau khi cha chết, ông ta tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được một tháng, bị chú là Trương Tộ phế truất, sau đó chém chết, hưởng dương 12 tuổi. Mai táng ở Sa Kháng trong Tây uyển (vườn thượng uyển) ở Lương Châu.

*

Khi Trương Trọng Hoa gặp bệnh tình nguy kịch đã lập Trương Diệu Linh làm Thủ Tử. Tháng 11 năm 353 Trương Trọng Hoa mất, Trương Diệu Linh đã nêu kế vị. Lúc đó ông mới 10 tuổi, do vậy bá phụ Trương Tộ ráo chuyên quyền. Trương Tộ tìm cách câu kết với sủng thần của Trương Trọng Hoa là Triệu Trường và Ủy Tập, họ đã ngụy tạo chiêu thư và phong cho Trương Tộ là tướng quân, phụ giúp công việc.

Tháng 12 năm 353, Trương Tộ nhờ sự giúp đỡ của bà nội Trương Diệu Linh là Mã Thị, đã sai khen Triệu Trường để xuất ý kiến, nói rõ thiên hạ phản loạn, cần phải có người dẫn dắt và chỉ đạo các thuộc hạ. Đồng thời Trương Tộ còn dẫn quân phế truất Trương Diệu Linh, giáng Trương Diệu Linh làm Ninh Lương侯, Trương Tộ cướp đoạt ngôi vị.

Tháng 8 năm 355, lại sứ Hà Châu là Trương Tương dâng binh chinh phạt Trương Tộ, tiến đánh Lương Châu, nói rõ muôn phế Trương Tộ, phục hồi chức vị cho Trương Diệu Linh. Trương Tộ gian giảo đã âm thầm sai tay chân thân tín là Dương Thu Hỗn Tây Uyển chém chết Trương Diệu Linh, để loại bỏ cớ xâm lược của Trương Tương.

Trong sử gọi Trương Diệu Linh là Ai Công.

UY VƯƠNG (TRƯƠNG TỘ) (TIẾT LƯƠNG)

Uy Vương, ông ta tên là Trương Tộ (? - 355) tên tự của ông ta là Thái Bá. Ông là con cả của vợ lẽ Trương Tuân, là chú của Ai Công Trương Diệu Linh. Ông phế bỏ Trương Diệu Linh và tự nêu kế

nhiệm, sau đó ông xưng đế. Ông trị vì được 2 năm, bộ hạ của ông phản bội đã sát hại ông. Mai táng ở Mẫn Lăng.

*

Trương Tộ được phong làm Trương Ninh Hầu. Sau khi Trương Diệu Linh nên kế nhiệm, Trương Tộ ráo chuyên quyền. Tháng 12 năm 353 ông ta phê truất Trương Diệu Ninh và tự xưng là đại đô đốc, đại tướng quân, quản lý ở Lương Châu, Lương Công. Năm 354 Trương Tộ xưng đế, đặt niên hiệu là "Hòa Bình".

Sau khi Trương Tộ cướp đoạt ngôi vị của cháu, ông ta sống như loài cầm thú, mất hết tính người, hoang dâm, giết hại tông thất, bạo ngược với dân chúng, làm cho dân chúng oán hận, người người đều có tư tưởng làm phản.

Năm 355, Trương Tương dẫn quân tới Phù Hán (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Lâm Hạ tỉnh Cam Túc) chinh phạt Trương Tộ. Tháng 9, tướng quân Tông Hỗn và em trai là Tông Đặng hướng ứng theo Trương Tương, cùng nhau hợp binh tiến đánh thành Cô Tàng. Sau khi Trương Tộ giết Trương Diệu Linh, điều đó càng thúc đẩy và thêm lý do do Tông Hỗn tấn công Trương Tộ, toàn bộ quân đội của Tông Hỗn đều để tang Trương Diệu Linh, họ đều cưỡi ngựa trống, mặc áo giáp trống và đeo cờ trống tiến thẳng về thành Cô Tàng.

Em trai của Trương Tương là Trương Cư và con trai của Trương Tương là Trương Sùng đều sống tại thành Cô Tàng. Trương Tộ chuẩn bị bắt giữ và giết bọn họ. Nhưng hai người đó biết tin vội vàng triệu tập đông đảng được vài trăm người, đi rêu rao khắp thành Cô Tàng: "Trương Tộ hoang dâm vô độ, Trương Tương đã tập hợp nghĩa quân, đã đền được phía đông thành Cô Tộ, ai dám giúp Trương Tộ làm điều ác vô cớ bắt giữ giết người thì sẽ bị chu di tam tộc". Sau khi quân dân trong thành nghe lời tuyên truyền đó, họ đều thu mình lại không nghe lệnh của Trương Tộ. Chú cháu Trương Cư thống lĩnh quân đội giết hơn 400 quân phòng thủ, mở cửa thành đón quân của Tông Hỗn vào. Trương Tộ nhận được tin báo vội vàng dẫn hai thuộc hạ thân tín là Sản Triển và Ngô Xước chạy trốn ở trên đài Phi

Loan. Trương Tương và Tống Hỗn sau khi hỏi tội bộ tướng của Trương Tộ là Triệu Trường và Trương Thọ Bá, đã vội vàng tới đón Khiêm Quang mời Mã Thị tới giúp lập em trai của Trương Diệu Linh là Trương Huyến Tĩnh làm Vương, mặt khác mở rộng cửa cung đón quân của Tống Hỗn vào. Quân của Tống Hỗn nghe nói đã lập vua mới, đế u đống thanh hô "vạn tuế". Trương Tộ trốn ở trên đài Phi Loan nghe thấy hô "vạn tuế", tưởng thuộc hạ của mình đã dẹp yên phản loạn, hộ báo cho ông ta biế́t, liến vội vàng chạy ra khỏi chỗ trốn. Vừa ra khỏi cửa nhìn thấy toàn quân lính của Tống Hỗn, ông ta mặt mày thất sấc, không có cách gì trốn chạy đành phải rút kiếm hô hào thuộc hạ quyết chiến. Thuộc hạ của ông ta không hế hưởng ứng, đế u bố chạy hết. Triệu Trường rút đao chém Trương Tộ, ông ta né tránh bị đao chém vào lưng, máu tươi chảy ròng ròng. Trương Tộ cṍ gắng chạy tới lấu Vạn Thu, ông ta đang chạy thì va phải đấu bếp Từ Hắc. Từ Hắc đang cầm dao trong tay liến chém chết Trương Tộ. Nhân dân còn chặt đấu của Trương Tộ treo nên, còn thân thể của ông ta bị vùi xuống lòng đường, người đi đường dùng gạch đá, bùn đất ném vào đấu ông ta cho hả giận.

Trong sử gọi Trương Tộ là Tiến Vương, hay còn gọi là Uy Vương.

XUNG VƯƠNG (TRƯƠNG HUYẾN TĨNH) (TIỀ́N LUƯƠNG)

Xung Vương, tên ông ta là Trương Huyến Tĩnh (350 - 363), tên tự của ông là: Nguyên An. Ông là thiếu tử của Tiến Lương Hắng Công Trương Trọng Hoa. Sau khi Trương Tộ bị giết, ông ta đã được lập làm Vương. Ông trị vì được 9 năm bị Trương Thiên Tích sai người sát hại, hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở Bình Lăng.

*

Tháng 9 năm 355 Trương Tương, Tống Hỗn... đã giết Trương Tộ sau đó lập Trương Huyến Tĩnh làm vua. Lúc đó ông ta mới có 7 tuổi, do đó mọi công việc triếu chính do Trương Tương giải quyết.

Năm 363 thiếu tử của Trương Tuấn là Trương Thiên Tích ỷ vào việc có công trong cuộc chiến, Trương Thiên Tích đã lấy danh nghĩa

là đại tướng quân để phế bỏ sự trợ giúp của Trương Tương, Trương Thiên Tích rất hung bạo ngang ngược. Mẹ của Huyê`n Tĩnh là Quách cùng đại tâ`n Trương Âm bí mật tìm cách loại bỏ Trương Thiên Tích. Không ngờ sự việc bị bại lộ, Trương Thiên Tích đã bắt giữ và gié́t Trương Âm. Tháng 8 năm 363 ông ta đã dẫn binh mã tiến vào cung, sai hữu tướng quân là Lưu Túc gié́t Trương Huyê`n Tĩnh, sau đó loan cáo Trương Huyê`n Tĩnh bị bệnh ché́t.

Trong sử gọi Trương Huyê`n Tĩnh là Xung Vương hay còn gọi là Xung Công hoặc Kính Điếu Công.

ĐIẾU CÔNG (TRƯƠNG THIỀN TÍCH) (TIÊ`N LUƯƠNG)

Điêu Công, ông ta tên là Trương Thiên Tích (343 - 403). Tên tự của ông là Đô`n Giả. Ông là con của Tiê`n Lương Văn Công Trương Tuâ`n. Ông trị vì được 14 năm, đấu hàng Tiê`n Tâ`n Phù Kiên sau đó chạy về với triê`u Đông Tâ`n. Ông bị bệnh ché́t, hưởng thọ 61 tuổi, Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 363 sau khi gié́t Trương Huyê`n Tĩnh, Trương Thiên Tích đã tự nêu ngôi tri vị dân chúng. Trong thời gian ông ta trị vì, suốt ngày chìm dắm trong tưu sắc, không lo công việc triê`u chính, ông ta phó mặc công việc triê`u chính cho tướng quân Lưu Túc và Lương Cảnh, làm cho tình hình chính trị vô cùng hỗn độn, thê` nước suy vong.

Tháng 8 năm 376, Tiê`n Tâ`n Phù Kiên sai Bao Trường tiê`n công Lương Châu. Trương Thiên Tích không chống đỡ được đã phải đấu hàng quân Tiê`n Tâ`n và bị áp giải đê`n Trường an, ông ta bị giáng xuô`ng làm thượng thư bắc bộ Quy nghĩa hâ`u. Năm 383 nhận chức tu mã, theo Phù Kiên xuô`ng phía Nam tiê`n đánh triê`u đình Đông Tâ`n. Trong trận chiến ở Phì Thủy quân của Tiê`n Tâ`n bị thua trận, Trương Thiên Tích nhân cơ hội này chạy đê`n Kiê`n Khang đấu hàng Đông Tâ`n, và ông ta được phong là Tây Bình Công, hữu bô`c xạ. Thời Hă`ng Huyê`n cướp quyê`n, để ngụy tạo làm an lòng dân

nên đã phong cho Trương Thiên Tích làm hiệu úy Hộ Khương, lại sử Lương Châu. Ít lâu sau, ông bị bệnh mà mất tại Kiến Khang.

Trong sử gọi Trương Thiên Tích là Hậu Vương hay còn gọi là Diệu Công

LUƠNG VƯƠNG (TRƯƠNG ĐẠI DỰ) (TIẾN LUƠNG)

Lương Vương, ông ta tên là Trương Đại Dự. (? - 386). Sau khi Trương Thiên Tích đã lui hàng quân Đông Tấn, Trương Đại Dự đã được chọn nên kế nhiệm. Ông trị vì chưa được một năm thì bị Lã Quang giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trương Đại Dự được Trương Thiên Tích lập làm thế tử. Lúc Trương Thiên Tích chạy theo quân Đông Tấn, Trương Đại Dự đã không kịp đuổi theo, do vậy ông ta sợ Phù Kiên luận tội nên đã tới chỗ hiệu úy Vương Mục. Trương Đại Dự và Vương Mục cùng chạy tới Hà Tây, ở đó nhờ sự giúp đỡ của Tề Túc, Trương Tề, Tiêu Công... ông ta đã được lập làm Vương, năm 386, quân của ông ta chiếm giữ Dương Ô, tự xưng là thái thú Lương Châu, Lương Vương.

Trương Đại Dự xưng vương được ít lâu, Tiến Tấn Lã Quang thô ng lĩnh quân đội tiến vào Lương Châu, sai quân chinh phạt Trương Đại Dự. Quân của Trương Đại Dự đánh bại quân của Lã Quang và thừa thắng xông vào thành Cố Tô. Vương Mục cho rằng thời thế chưa ổn định, cần phải tiến công và chiếm giữ được đất Lãnh Tây bổ sung thêm lực lượng, sau đó phải tiến xuông phía Đông, tranh cướp Lương Châu với Lã Quang. Trương Đại Dự nghe Vương Mục phân tích như vậy trong lòng vui sướng không chịu suy nghĩ cho kín kẽ, lập tức sai Vương Mục dẫn quân xuông Lĩnh Tây. Thái thú ở Kiến Khang tên là Quý Tập, đô úy ở Kỳ Liên tên là Sản Thôn... đều hướng ứng theo Trương Đại Dự, bộ tướng cũ của tộc Tiên Ti cũng sai người trợ giúp. Họ bao vây kinh thành Cố Tàng của Lã Quang. Nhân lúc đó i phượng lơi lỏng Lã Quang đã xông ra cửa phía Nam tiêu diệt hết binh lính của tộc Tiên Ti. Quân lính trở tay không kịp, thô ng

lính bị giế́t, quân lính tan tác. Binh lính của Vương Mục và Trương Đại Dự cũng bỏ chạy náo loạn. Trương Đại Dự đành phải chạy đến thành Quảng Vũ nhưng bị người Quảng Vũ bắt giữ, áp giải đến thành Cô Tàng giao cho Lã quang xử lý. Lã Quang liến sai chém chết Trương Đại Dự.

Trong sử gọi Trương Đại Dự là Lương Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

HẬU LUƠNG
(386 - 403, tổng cộng 18 năm)

Hậu Lương có 4 đế vương trong đó một người bị bệnh ché t, một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người bị ép tự sát, một người bị giết do mâu t nước đàu hàng quân Hậu Tần.

THÁI TÔ (LÃ QUANG)
(HẬU LUƠNG)

Thái Tô, ông ta tên là Lã Quang (337 - 399). Tên tự của ông là Thê Minh. Ông là một tướng quân dũng mãnh của triều Tiết Tần, sau đó ông tự lập làm Vương. Ông trị vì 14 năm, bị bệnh ché t, hưởng thọ 63 tuổi. Mai táng ở Cao Lăng.

*

Lã Quang là người dân tộc Lược Dương (nay thuộc phía Tây Nam huyện Trang Lãng tỉnh Cam Túc), ông sinh ra ở Phương Đê u (nay thuộc phía Đông Nam huyện Kỳ tỉnh Hà Nam). Thời Tiết Tần, ông ta nhận chức hiệu úy bộ binh, ông là một tướng quân dũng mãnh. Năm 383, Tần Phù Kiên sai ông đi tâ n công xuô ng Tây Vực, quy phục được hơn 30 bộ tộc. Trên đường trở về, Lã Quang biết tin Phù Kiên bị giết trong trận chiến Phì Thủy, nên ông ta tự lập chính quyền cát cứ, tự xưng là hiệu úy hộ Khương, lại sử Lương Châu. Năm 389, ông ta đánh bại quân của Lương Hi (Lương Hi là lại sử Lương Châu triều Tiết Tần), đánh chiếm thành Cô Tàng. Lúc này Lã Quang được gọi là Tam Hà Vương. Tháng 10 năm 386 ông tự xưng là Tứ Tuyết Công, ông cho đặt niên hiệu là "Thái An". Năm 396 ông tự xưng là Thiên Vương ở Đại Lương, trong sử gọi là Hậu Lương.

Tháng 12 năm 399, Lã Quang bị bệnh nặng, ông vội vàng truyê n ngôi cho thái tử Lã Thiệu, còn bản thân ông xung là thái thượng

hoàng, ông phong cho Lã Soạn làm thái úy (Lã Soạn là con cả của vợ lẽ), con thứ là Lã Hoă`ng làm Tư Đô`. Lã Quang dặn dò Lã Thiệu: "Bệnh của cha ngày một nguy kịch, xem ra khó lòng qua khỏi. Hiện nay 3 triê`u: Nam Lương, Bă`c Lương, Tây Tâ`n đê`u dòm ngó đâ`t đai của chúng ta, bọn họ đang tìm cơ hội tiêu diệt chúng ta, con nên ủy thác chức vị đại tướng cho Lã Soạn và Lã Hoă`ng, cho Lã Siêu thô`ng lĩnh quân đội, Lã Hoă`ng quản lý triê`u chính, có vậy mới bảo tô`n được quô`c gia. Con cᾶn phải an phận và cẩn thận, nê`u như anh em xích mích với nhau tâ`t sẽ gây ra nội chiê`n, vận mệnh quô`c gia coi như hỏng". Sau đó Lã Quang sai gọi Lã Siêu và Lã Hoă`ng đê`n nói: "Lã Thiệu không phải là người có gan làm phản, nhưng lại là con bà cả do vậy cha để Lã Thiệu kê` vị. Hiện tại, bên ngoài có địch mạnh, bên trong lòng dân chưa ổn định. Anh em các con hòa thuận giúp đỡ lẫn nhau, đô`ng tâm trị quô`c, có vậy vận mệnh quô`c gia mới bảo toàn. Còn ngược lại, tìm cách thanh toán nhau thì họa lớn sẽ rơi vào đâ`u". Ít lâu sau, Lã Quang mấ`t tại thành Cô Tàng.

Sau khi Lã Quang chê`t đặt hiệu miê`u là Thái Tổ, và đặt Thụy Hiệu là Vũ Đê`.

ÂN VƯƠNG (LÃ THIỆU) (TRIỀ`U HẬU LUƠNG)

Â`n Vương, ông ta tên là Lã Thiệu (? - 399). Tên tự của ông là Vĩnh Nghiệp. Ông là con trai vợ cả Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang. Ông nên kê` vị sau khi Lã Quang chê`t. Ông trị vì được 5 ngày bị anh là Lã Siêu cướp ngôi. Ông tự sát tại lâ`u Tử Các. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Lã Quang trị vì đã lập Lã Thiệu làm thái tử. Tháng 12 năm 399 Lã Quang bị bệnh chê`t, Lã Thiệu đứng ra tiê`p nhận ngôi báu.

Lã Thiệu nên ngôi được vài ngày, em họ ông là Lã Siêu khuyên nên loại bỏ anh trai Lã Soạn để trừ hậu họa. Nhưng Lã Thiệu phục tùng di chiê`u của phụ vương không muô`n gia đình rời vào cảnh cô`t nhục tương tàn, anh em chém giê`t lẫn nhau. Trong khi đó Lã Soạn và Lưu Hoă`ng bí mật làm phản cướp đoạt ngôi vị.

Một buổi tối, Lã Soạn thóng lĩnh thuộc hạ lén lút chui vào hoàng cung, chiếm giữ cửa Quảng Hạ trong nội cung, Lưu Hoảng dẫn lính chiếm giữ cửa Hông Phạm. Lã Thiệu vội sai trung lang tướng Lã Khai dẫn cá m vệ quân, chặn đánh ở cửa Đoan Môn còn bắn thân Lã Thiệu cũng dẫn quân trợ giúp. Nhưng Lã Soạn là người có uy lực, cầm vệ quân đê u sợ ông ta, do đó lúc lâm trận không đánh mà đã tan rã. Lã Quang tấn công vào cửa Thanh Giác, đăng quang ở điện Liêm Quang, còn Lã Thiệu một thân một mình tự vẫn ở trên lầu Tử Các. Còn Lã Siêu bỏ thành chạy tới thành Quảng Vũ.

Sau khi Lã Thiệu chết đặt Thụy Hiệu là Ân Vương.

LINH ĐÊ (LÃ SOẠN)
(HẬU LUƠNG)

Linh Đê, ông ta tên là Lã Soạn (? - 401). Tên tự là Vĩnh Giả. Ông là con cả của vợ lẽ Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang, là anh trai của Ân Vương Lã Thiệu. Sau khi bức tử Lã Thiệu, ông lên ngôi kế vị. Ông trị vì được 3 năm bị em họ là Lã Siêu sát hại. Mai táng ở Bạch Thạch Lăng.

*

Tháng 12 năm 399 Lã Soạn phát động binh biến và bức tử Lã Thiệu và tháng 12 năm đó ông ta lên ngôi kế vị ngôi báu, Ông cho đổi niên hiệu là "Hàm Ninh".

Lã Soạn xung đê không lâu, lo sợ là Hoảng có thể lực hùng mạnh sẽ tranh quyền đoạt vị. Còn Lã Hoảng cũng sợ là Soạn không dung nạp mình, cũng muốn tìm cách hạ thủ. Hai bên đê u dè chừng nhau, mâu thuẫn ngày càng sâu sắc Cuối cùng là Hoảng khởi bật làm phản tấn công vào cung thành nhưng bị Lã Soạn đánh bại và giết chết.

Lã Soạn trong thời gian trị vì, rất kiêu ngạo không biết lượng sức mình, Ông ta luôn xuất quân đi tấn công triều Nam Lương, Bắc Lương... nhưng lần nào cũng bị thua bại. Đã vậy, Ông ta còn đam mê tấu săc thường đi ra ngoài du lăm. Quản thânnhieulânn ngăn cản, can gián nhưng ông ta đê u bác bỏ không nghe.

Tháng 2 năm 401, Lã Siêu được cử làm thái thú Phiên Yêu. Ông ta tự ý dẫn quân chinh phạt Tư Bàn. Tư Bàn sai em trai là Khát Chân đê n thành CÔ Tàng nói cho Lã Soạn biết rõ tình hình. Lã Soạn sai gọi Phiên Yêu và Lã Siêu về đô nhầm hòa giải, nhưng Lã Siêu sợ là Soạn hỏi tội, nên âm thầm mua chuộc hoạn quan Đỗ Thượng làm tai măt, sau đó đi gặp Lã Soạn, bị Lã Soạn trách măng một trận:

"Khanh là em họ của trẫm, vậy mà dám coi thường trẫm, tự mình xuất quân. Trẫm đành phải giết khanh để làm yên lòng thiên hạ." Lã Siêu vội vàng quỳ gối nhận tội xin tha mạng. Lã Soạn đành cho ông ta thoát lui. Sau khi Lã Siêu ra khỏi hoàng cung ông ta hoang mang vô cùng, vừa may gặp lại anh ruột của mình là bắc bộ hộ quân Lã Long, Lã Long có việc vào kinh nên tình cờ gặp lại em trai. Lã Siêu vội tới nhà huynh trưởng để bàn bạc, hai anh em quyết định phát động binh biê n trừ bỏ Lã Soạn.

Ngày hôm sau, Lã Soạn cho mời anh em Lã Siêu và Tư Bàn vào cung dự tiệc, ông ta dự định hòa giải sự căng thẳng giữa Lã Siêu và Tư Bàn. Trong tiệc rượu Lã Siêu tỏ thái độ rất nhún nhường và tôn trọng Tư Bàn, hai bên gõ bỏ được mâu thuẫn, mọi người đều nâng cốc chúc mừng. Đến giữa buổi tiệc, Tư Bàn cáo từ xin về trước, còn lại hai anh em Lã Siêu ở lại chúc rượu Lã Soạn. Lúc này Lã Soạn say túy túy, ông ta né xe muộn đến vườn thượng uyển du lâm và sai Lã Siêu cùng đi. Xe đến được lầu Đông Các diện Hỗn Hoa thì dừng lại, bởi đường rất khó đi. Hộ vệ thân tín của Lã Soạn bỏ kiêm cạnh lê đường để đẩy xe Lã Siêu thura cơ cướp kiêm chém Lã Soạn. Kiêm bị vướng vào thành xe nên chém không trúng. Lúc này Lã Soạn tinh rượu hoảng hốt nhảy xuống xe đánh nhau với Lã Siêu. Lúc Lã Soạn không chú ý bị Lã Siêu chém một nhát vào ngực. Lã Siêu cắn răng chịu đau chạy vào lầu Tuyên Đức, hai hộ vệ của Lã Soạn định bắt giữ Lã Siêu nhưng bị ông ta chém chết. Hoàng hậu (vợ của Lã Soạn) nghe tin cấp báo, vội vàng sai cảm vệ quân đi bắt giữ Lã Siêu giải nguy cho Lã Soạn. Dẫn đầu cảm vệ quân lại chính là hoạn quan Đỗ Thượng, ông ta không nghe lệnh của hoàng hậu mà ngược lại đã dẫn cảm vệ quân đến lầu Tuyên Đức chém chết Lã Soạn và chặt thủ cấp. Người chém chết Lã Soạn là tướng quân Ngụy Đa, sau khi giết xong Lã Soạn, Ngụy Đa đừng trước toán quân tuyên bố: "Lã Soạn dám trái lệnh của tiên vương, giết hại thái tử, lại đam mê tử sác,

trọng dụng nịnh thâ`n, hâm hại người trung lương, coi thường bà con trãm họ. Hiện nay thái thú Lã Siêu lâ`y thân phận là tông thâ`t của hoàng thân, đứng lên loại bỏ Lã Soạn diệt trừ mô`i nguy, trước là làm yên làng tổ tiên, sau là báo thù cho thái tử. Chúng ta cᾶn phải hưởng ứng và ủng hộ cho Lã Siêu". Hoạn quan Đỗ Thượng đứng lẩn trong cᾶm vệ quân cao giọng hô to, khuyên bọn họ không nên do dự, nghe vậy cᾶm vệ quân đê`u hạ vũ khí, dẫn Lã Siêu nhập cung.

Lã Soạn sau khi chê`t lập thụy hiệu là Linh Đê`.

HẬU CHỦ (LÃ LONG) (HẬU LUƯƠNG)

Hậu Chủ, ông ta tên là Lã Long, tên tự là Vĩnh Cơ, năm sinh năm mât không rõ. Ông là cháu của Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang và là anh trai của Lã Siêu. Sau khi giê`t Lã Soạn, Lã Siêu đã ủng hộ giúp đỡ lập Lã Long làm hoàng đê`. Ông trị vì được 3 năm, đâ`u hàng quân Hậu Tâ`n, sau đó lại mưu phản và bị giê`t chê`t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lã Long được phong làm kiêm khang Công, và nhậm chức hộ quân bă`c bộ. Sau khi Lã Siêu giê`t Lã Soạn và ủng hộ giúp Lã Long làm đê`, đổi niên hiệu là "Thâ`n Đinh".

Tháng 8 năm 403, triê`u hậu lương hê`t bị Nam Lương tâ`n công lại bị Bă`c Lương tiê`n đánh. Lã Long không chô`ng đỡ nổi, đánh phải sai em trai là Lã Siêu tới đâ`u hàng Hậu Tâ`n chủ Diêu Hưng. Diêu Hưng lập tức sai tướng quân Tê` Hán dẫn 40.000 quân lính, tiê`n vào Hậu Lương tiê`p nhận đô thành. Lã Long ngô`i trên xe do ngựa tră`ng kéo, đê`n quỳ giữa đường nghênh đón đại quân, đô`ng thời sai quâ`n thâ`n tới tô miê`u lễ bái nói: "Chúng thâ`n không tôn sùng di huâ`n của thái tổ, cô`t nhục luôn tàn sát nhau, cuô`i cùng bị Bă`c Lương và Nam Lương tâ`n công không có cách gì chô`ng đỡ, đành phải đâ`u hàng quân Hậu Tâ`n. Böyle giờ, thâ`n phải đê`n Đông Kinh, vì vậy đê`n đây xin cáo biệt tổ tiên, mong tổ tiên xá tội". Lúc đó, Lã Long khóc lóc râ`t thảm thiê`t, đê`n nỗi tướng sĩ của

Hậu Tâ`n cõng khõng cã`m lòng đõ được đê`u khóc theo. Triê`u Hậu Lương bị diệt vong.

Lã Long đê`n Trường An bị Diêu Hưng phong làm tản kí thường thị. Vê` sau, Lã Long câu kê`t với thiê`u tử của Diêu Hưng định lật đổ Diêu Hưng. Nhưng sự việc bại lộ, nên ông bị Diêu Hưng giê`t chê`t.

Trong sử gọi Lã Long là Hậu Chủ.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

NAM LUƠNG
(377-414, tổng cộng 18 năm)

Triệu Nam Lương có 3 đế vương, trong đó có một người bị ôm chét, một người sau khi uống rượu bị ngã ngựa chết, một người bị mất nước đầu hàng quân Tây Tần sau đó bị giết.

*

VŨ UY VƯƠNG (THÔ C PHÁT ĐIỀU CÔ) (TRIỆU NAM LUƠNG)

Vũ Uy Vương, ông ta tên là Thô c Phát Điều Cô (?-399). Ông là thủ lĩnh của dân tộc Tiên Ti. Thời Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang phong cho ông làm Tả Hiền Vương, về sau ông tự xưng là Vũ Uy Vương. Ông trị vì được 3 năm. Ông chết do bị ngã ngựa. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thô c Phát Điều Cô là người dân tộc Tiên Ti (ở Hà Tây). Ông vốn là thủ lĩnh dân tộc Tiên Ti cư trú ở Liêm Xuyên (nay là phía Đông huyện Lạc Đô tỉnh Thanh Hải), bộ tộc của ông chú trọng ngành săn bắn và trồng sâu nuôi tằm, ông lại có mối quan hệ tốt đẹp với các bộ tộc bên cạnh, do vậy thế lực ngày một lớn mạnh.

Lúc đó, quân Tiên Tần bị quân Đông Tần đánh bại trong trận chiến Phì Thủy, vùng trung nguyên rơi vào cục diện phân chia tan rã, nhân cơ hội này Lã Quang chiếm cứ thành Cố Tàng và tự xưng là Tam Hà Vương, xây dựng nên triều Hậu Lương. Thô c Phát Điều Cô thâ ý thời cơ đã đền ông ta tích cực chuẩn bị tranh đoạt vùng Lương Châu với Lã Quang. Thô c Phát Điều Cô thu nạp ý kiến của thuộc hạ nên tạm thời không tiến công, mà tận lực tích lũy lương

thảo, dưỡng ngựa, sai quân luyện tập. Ngô i quan sát chính biê n ở trung nguyên. Ông ta còn vò tiê p nhận chức vị của Lã Quang phong làm "quán quân đại tướng quân, đại đô đô c dân tộc Tiên Ti ở Hà Tây". Để tích lũy lương thực, dưỡng ngựa, luyện binh, mở rộng địa bàn, ông ta đã dẫn quân tới đánh hai bộ tộc là Â t Phật và Thiệt Khuâ t để lâ y địa điểm tập kê t ông cho tu sửa đô thành Liên Xuyên, để tăng cường thê lực chính trị ông cho chiêu nạp nhân tài, trọng dụng những sĩ nhân dân tộc Hán...

Đê n năm 397, Thô c Phát Diểu Cô khô ng chê một sớ địa bàn: phía Đông chạy đê n Diêu Thủy, phía Tây chạy đê n Tây Bình, phía Bă c đê n Hô ng Chì Lãnh.

Lã Quang nhìn thâ y sự đe dọa Thô c Phát Diểu Cô đô i với bản thân mình, Lã Quang liê n chọn sách lược phát triển xuô ng hướng Nam, đổi chức vị của Thô c Phát Diểu Cô làm "Đại tướng quân, thái úy ích Châu, tá hiê n vương". Nhưng Thô c Phát Diểu Cô nhìn ra dụng tâm của Lã Quang, ông ta nói với sứ giả của Lã Quang: "Con cháu nhà họ Lã ít được lòng dân, làm cho xa gâ n đê u thù oán, tôi tuyệt đô i không thể nhận nhiệm vụ này, mà cān phải chiê u lòng nhân dân trừ bạo ngược".

Năm 397 Thô c Phát Diểu Cô tự xưng là đại đô đô c, đại tướng quân đại đơn vu. Tây Bình vương ông đặt niên hiệu là "Thái Sở", xây dựng triê u Nam Lương.

Sau khi xây dựng triê u Nam Lương, ông ta phát động chiê n tranh. Ngay khi lên ngôi ông sai tâ n công quận Kinh Thành của triê u hậu Kinh, năm sau ông lại chiê m giữ 3 quận: Lạc Đô (nay thuộc huyện Lạc Đô tỉnh Thanh Hải). Hoàng Hà (nay thuộc huyện Quý Đức tỉnh Thanh Hải). Kiêu Hà (nay thuộc huyện Quý Đức tỉnh Thanh Hải)... và ông tự xưng là: Vũ Uy Vương. Năm 399 Thô c Phát Diểu Cô cho xây dựng đô thành ở Lạc Đô. Lúc này dưới trướng ông ta có nhiê u nhân tài và ông ta dựa vào sự giúp đỡ của các địa chủ người Hán. Ông ta mở rộng thê lực vê mặt văn hóa và chính trị, đặt định chê độ quân sự và chính sách ngoại giao đô i với Kinh Châu. Ông kê t giao với triê u Tây Tâ n, ở phía Tây, kê t giao với triê u Bă c Lương, sai quân canh giữ ở Hạo Môn và Liêm Xuyên, thừa cơ tiê n

đánh Hậu Lương, khién cho quân đội Hậu Lương: "bá tánh không an tâm làm nông nghiệp, mệt mỏi vì công việc bận rộn", sau đó trong vòng 1, 2 năm đã chiếm giữ thành Cô Tàng, diệt vong Hậu Lương.

Nhưng, những kê sách sách lược này chưa kịp thực hiện thì ông phải nhận cái chết ngoài ý muốn. Ông vốn là người nghiện rượu, nếu một ngày không uống thì ông không chịu được. Một ngày tháng 8 năm 399 Thô c Phát Diểu Cô sau khi uống rượu say liền cuồng ngựa xuống, bị gãy xương, vết thương rất nghiêm trọng. Ít lâu sau, bệnh tình thêm nguy kịch, ông vội triệu tập quan thần để dặn dò: "Hôm nay thiên hạ vận chưa bình định, các khanh cần phải dốc lòng giúp đỡ tông thất cai quản thiên hạ". Nói xong, ông từ giã cõi đời.

Trong sử gọi Thô c Phát Diểu Cô là Vũ Uy Vương.

KHANG VƯƠNG (THÔ C PHÁT LỢI LỘC CÔ) (NAM LUƯƠNG)

Khang Vương, ông ta tên là Thô c Phát Lợi Lộc Cô (?-402). Ông là em trai của Nam Lương Vũ Uy Vương Thô c Phát Diểu Cô. Ông nên kế vị sau khi anh trai chết. Ông trị vì được 3 năm bị ôm chết. Mai táng ở Tây Bình Lăng.

*

Thô c Phát Lợi Lộc Cô được phong làm thái thú Lượng Châu. Sau khi Thô c Phát Diểu Cô chết, các quan thần tuân theo di chỉ của Vũ Uy Vương lập ông ta làm vua, gọi là Hà Tây Vương. Đặt niên hiệu là "Kiến Hòa" và ông cho dời đô đền Tây Bình (nay là thành phố Tây Ninh tỉnh Thanh Hải)".

Sau khi lên ngôi, ông tiếp tục thực hiện di chí và ý đồ của anh trai, quyết tâm tiêu diệt Hậu Lương. Ông tiếp tục chiêu nạp nhân tài, sửa đổi chính trị, dưỡng ngựa luyện binh, quan sát thời thế. Tháng 12 năm 399 ông biết tin Lã Quang chết, do vậy ông sai lính tiến đánh cửa ải Tùng Mạc (nay ở gần huyện Cổ Lăng tỉnh Cam Túc) chuẩn bị tiến xuống Hậu Lương. Lúc này, những người con của Lã Quang vì tranh giành nhau ngôi vị mà sát hại lẫn nhau. Sai khi Lã

Soạn cướp đoạt ngôi vị nhà Hậu Lương, tận mắt thấy cảnh đất nước ngày một suy vong, hơn nữa thế lực của triếu Nam Lương và triếu Bắc Lương ngày một hùng mạnh, do vậy Lã Soạn sai người tiến đánh triếu Nam Lương. Kế́t quả là bị quân Nam Lương đánh cho đại bại, tổn thất nghiêm trọng. Lã Soạn chuyển hướng tấn công sang đánh triếu Bắc Lương, chôp được thời cơ này Thốc Phát Lợi Lộc Cô sai em trai là Thốc Phát Nô Đán thống lĩnh đại quân tiến đánh Hậu Lương, đánh thắng vào đô thành Cô Tàng, bắt giữ được 8.000 hộ dân và di chuyển họ xuống phía Nam. Từ đó về sau, triếu Nam Lương nhiếu lấn xuất binh, bắt giữ được cư dân của triếu Hậu Lương, khiến cho dân số triếu Nam Lương ngày một tăng.

Trong nến chính trị của triếu Nam Lương, Thốc Phát Lợi Lộc Cô phân rõ nến chính trị của người Hô` và người Hán, tăng cường bắt giữ tù binh để lấy người khai khẩn và trống trọt, cung cấp lương thực cho quân đội, ông còn ra lệnh cho các dân cư trong tộc Thốc Phát phải luyện tập võ nghệ, trấn chiến để bổ sung lực lượng cho quân đội, ông cho mở trường dạy học, thúc đẩy nền giáo dục.

Tháng 3 năm 402, ông ta bị bệnh chết. Ông để lại di chiếu cho em trai Thốc Phát Nô Đán làm người kế́ nhiệm.

Sau khi ông ta chết đặt thụy hiệu là Khang Vương.

CẢNH VƯƠNG (THỐC PHÁT NÔ ĐÀN) (TRIẾU NAM LUƯƠNG)

Cảnh Vương, ông ta tên là Thốc Phát Nô Đàn (365-415). Ông là em trai của Nam Lương Khang Vương Thốc Phát Lợi Lộc Cô. Ông lên kế́ vị sau khi anh trai chết. Ông trị vì được 13 năm, ông đấu hàng quân Tây Tấn sau đó bị hạ độc chết, hưởng thọ 51 tuổi. Mai táng đâú không rõ.

*

Thời Thốc Phát Lợi Lộc Cô giao cho Thốc Phát Nô Đàn quản lý quân đội. Ông là một người có tài và dũng cảm, cha của ông thường nói với hai anh em: "Trong các con người có tài nhất là Nô Đàn". Lợi

Lộc Cô quyết định sẽ nhường ngôi cho em. Sau khi Nộ Đàm nên kế vị đổi niên hiệu là "Hoàng Xương". Ông tự xưng là Lương Vương. Ông cho dời đô về thành Lạc Đô.

Năm thứ hai sau khi Nộ Đàm lên ngôi, ông thay Diêu Hưng (người dân tộc Khương) thống lĩnh quân đội diệt vong nhà Hậu Lương, thế lực mạnh như vũ bão. Nộ Đàm sợ quá, đành phải bỏ niên hiệu và xá làm bệ tôi của Diêu Hưng, Nộ Đàm được Diêu Hưng phong cho làm tướng quân xa kỵ, Quảng Vũ Công. Năm đó, lại sứ của Lương Châu (triều Hận Tần) là Vương Thượng sai Tông Thưởng đến Quảng Vũ (nay là phía Nam huyện Vĩnh Đăng tỉnh Cam Túc) để kết giao. Nhận cơ hội này, Nộ Đàm xin phép được trấn giữ ở Lương Châu và biểu Diêu Hưng 3.000 con ngựa, 30.000 con dê. Tháng 6 năm 405 Diêu Hưng cho phép Nộ Đàm được trấn giữ Lương Châu và còn phong cho Nộ Đàm làm sứ thị tiết, đô đốc. Lại sứ Lương Châu. Nộ Đàm tức tốc đi đến thành Cô Tàng, bảo Vương Thưởng phòng thủ. Lúc này, Nộ Đàm không đánh mà thăng, thực hiện được di nguyện của cha con ông ta "đã từ năm nay" chiếm giữ được Lương Châu". Để chúc mừng thành công đó, ông sai mở yến tiệc thết đãi quan thัán tại điện Tuyên Đức - đô thành Cô Tàng và sai duyệt binh ở Phương Đình (phía Nam thành Cô Tàng)

Cuối năm 406, Nộ Đàm sai dời đô đến Cô Tàng ông cho di chuyển hơn 30.000 hộ dân cư người Khương đến sống tại 3 quận: Vũ Hưng, Phiên Yêu, Xương Tùng... nằm ở ngoại thành Cô Tàng để làm lâchânn cho thành Cô Tàng, để phòng sự tấn công của triều Bắc Lương và triều Tây Tần. Thế lực của Nam Lương đạt đến thời kỳ hưng thịnh.

Tháng 9 năm 407, triều Bắc Lương xuất quân đánh chiếm quận Tây của triều Nam Lương. Lúc này Hách Liên Bột Bột (chủ nước Hạ) muốn kết thông gia với Nộ Đàm. Sau khi bị cự tuyệt, Hách Liên Bột Bột đưa quân xuất ngang phía Nam, đột nhập vào Chi Dương (nay thuộc thành phố Lan Châu tỉnh Cam Túc), giết và làm bị thương 27.000 người dân triều Nam Lương, cướp đi 100.000 con súc vật, Nộ Đàm thống lĩnh quân đội chống trả, nhưng gặp phải sự phục kích của quân Hách Liên Bột Bột ở Dương Vũ (nay là phía Tây Bắc thành phố Lan Châu tỉnh Cam Túc), hơn 10.000 quân của Nộ

Đàn bị diệt vong, ông ta mang mà thoát thân được chạy về thành chạy về thành Cô Tàng. Để đê phòng quân của Hách Liên Bột Bột tấn công, ông ta ra lệnh cho dân cư ở trong vòng 300 dặm xung quanh thành Cô Tàng phải chuyển vào thành, để tăng cường lực lượng phòng vệ, nhưng ý định đó của ông không thực hiện được mà còn gây ra cuộc bạo động lớn trong dân chúng. Ông ta tức giận sai tấn áp cuộc bạo động này.

Sau khi dời đô về thành Cô Tàng, ông thay đổi lực lượng trong nước đã mạnh đủ sức chống đỡ với quân Hậu Tần, do đó ông không còn nghe lệnh của triều Hậu Tần và quay lưng lại với họ triều Hậu Tần phẫn nộ vô cùng nhưng chưa có cách gì loại bỏ, đầu năm 408 nhân cơ hội quân Nam Lương đại bại trong trận chiến ở Dương Vũ và trong nội bộ Nam Lương lại xảy ra bạo động, do vậy Diêu Hưng phái 30.000 quân tiến xuống Nam Lương, tấn công vào đô thành Cô Tàng. 5.000 người dân trong thành Cô Tàng bí mật liên kết với quân Hậu Tần, quyết lật đổ sự thống trị của Nộ Đàm. Không ngờ sự việc bị bại lộ, Nộ Đàm sai giết toàn bộ 5.000 người dân đó. Quân Hậu Tần không có cách gì tấn công được, đành lui quân.

Tháng 11 năm 408, Nộ Đàm làm lễ long trọng tại phía Nam thành Cô Tàng để xưng vương, ông cho đổi niên hiệu là Gia Bình. Ông cũng làm theo kiểu cách chế độ hành chính của nhà Hán là lập bá quan văn võ. Nhìn bê ngoài thay triều Nam Lương rât hưng thịnh nhưng thật ra bên trong đã bắt đầu suy thoái, lui bại.

Năm 410, Nộ Phát để rửa nhục trong trận chiến ở Dương Vũ, ông ta vào súc minh có 50.000 quân kị binh tinh nhuệ nên xuất phát tiến đánh triều Bắc Lương (mặc dù các hạ thán ra sức can gián), kết quả bị Từ Cử Móng Tôn (triều Bắc Lương) tiêu diệt sạch. Quân Bắc Lương thừa thắng đuổi theo, đuổi đến tận chân thành Cô Tàng. Nộ Đàm vội sai nhân dân trong thành tìm cách giữ thành không cho quân Bắc Lương tiến vào. Nhưng dân trong thành hận sự tàn bạo của ông nên người thì đênh đáu hàng quân Bắc Lương, người thì chạy trốn, người thì nổi loạn, thậm chí quân đội cũng phát sinh tư tưởng chán nản mâu n làm phản. Nộ Đàm đành phải dẫn lã quân văn võ trong triều chạy đến đô thành Lạc Đô. Sau khi quân Bắc Lương chiếm giữ được thành Cô Tàng lại tiếp tục đuổi đến đô

thành Lạc Đô, quân Bắc Lương dựng nhà có ý định bao vây lâu đài. Nộ Đàn đau lòng cho con trai là An Chu đến làm con tin tại triều Bắc Lương, lúc đó họ mới chịu rút quân.

Năm 414, đô thành Lạc Đô bị thiêu lương thực nhân dân đói khổ. Để làm an lòng quân dân trong thành, Nộ Đàn sai thái tử Thốc Phát Hố trấn giữ đô thành, còn mình dẫn 7.000 kị binh đến cướp bóc ở hai bộ lạc Ất Phật và Hi Khuất. Nhân cơ hội Nộ Đàn không có mặt trong thành quân Tây Tấn đã tiến đánh Lạc Đô. Thốc Phát Hố sợ những người Hán sống trong thành làm phản, vì vậy Thốc Phát Hố sai giam hãm những người Hán có chí khí có cơ mưu, do vậy cũng tự tưối bỏ đi lực lượng phòng vệ. Vài ngày sau, thành Lạc Đô bị thất thủ. Thốc Phát Hố Vương Hậu, bá quan và mọi người trong thành bị bắt giữ. Chỉ có Thốc Phát Phàn Ni (cháu của Thốc Phát Nộ Đàn) là chạy thoát, chạy được nửa đường Phàn Ni gặp thúc phụ quay về. Nộ Đàn biết được thành Lạc Đô thất thủ, dự định quay lại bộ lạc Ất Phật, cướp đi toàn bộ của cải của tộc Ất Phật để làm vật trao đổi với quân Tây Tấn, nhắm đổi lấy thái tử, vương hậu và bá quan văn võ. nhưng tướng sĩ tùy tùng đi theo Nộ Đàn biết tin thành Lạc Đô bị thất thủ nhụt ý chí, do vậy họ chạy trốn hết.

Nộ Đàn đi vào ngõ cụt đành phải sai Phàn Ni, trung tướng quân Hội Bột và hậu tướng quân Lạc Quãng đến xin đấu hàng quân Bắc lương để chọn con đường sống. Lúc này chỉ còn thụ lang Ám Lợi Lộc đi cùng Nộ Đàn. Ông ta dự định đi đấu hàng Khất Phục Xí Bàn, ông nói với Am Lợi Lộc: "Trẫm tuổi đã cao, trẫm định đi đấu hàng quân Xí Bàn, để cùng chết với vương hậu. Để tránh nguy hiểm, mọi người đếu tìm một nơi an toàn mà đi, đây cũng là lẽ thường tình của cuộc đời con người. Cháu của trẫm đi rối, các tướng sĩ cùng bỏ đi hết. Chỉ còn lại một mình khanh ở bên trẫm, vậy khanh có đi cùng trẫm vào nơi nguy hiểm không?" Ám Lợi Lộc hứa sẽ tận trung với Nộ Đàn và đi với Nộ Đàn đến đích. Nộ Đàn thấy vậy vô cùng cảm động, liến cùng với Âm Lợi Lộc đi đến Tây Bình cù́u xin đấu hàng. Khất Phục Xí Bàn sai sứ giả ra ngoại thành đón tiếp, phong cho Nộ Bàn làm đại tướng quân phiêu kị. Ta Nam Công và còn phóng thích cho vợ của Nộ Đàn.

Tháng 7 năm 415, Xí Bàn lo lắng Nộ Đàn có dã tâm làm phản, nên giã vò mòi Nộ Đàn vào dự tiệc, đến giữa buổi tiệc sai người bỏ độc vào rượu. Nộ Đàn không nghi ngờ nên bị trúng độc. Thuộc hạ khuyên Nộ Đàn uống thuốc giải độc, nhưng ông biết khó có thể thoát khỏi bàn tay của Xí Bàn nên từ chối uống thuốc giải độc. Triều Nam Lương bị diệt vong.

Trong sử gọi Thốc Phát Nộ Đàn là Cảnh Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

TRIỀU BẮC LUƠNG
(401-439, tổng cộng 39 năm)

Triều Bắc Luơng có 5 đế vương, trong đó có 2 người bị bệnh chê tật, một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người làm mất nước đầu hàng Bắc Ngụy sau đó bị giết, một người làm mất nước, đi lưu lạc không rõ tình hình ra sao.

VŨ TUYÊN VƯƠNG (ÂN NGHIỆP)

Vũ Tuyên Vương, ông ta tên là Ân Nghiệp (?-401). Ông vẫn là thái thú ở Kiên Khang (triều Hậu Luơng) (nay thuộc phía Đông Nam huyện Thủ Tuyênn tỉnh Cam Túc) sau đó xây dựng triều Bắc Luơng và xưng là Luơng Vương. Ông trị vì được 5 năm, bị Tữ Cù Mông Tín tấn công và bắt làm tù binh, sau đó giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Giả Ân là người Kinh Diêu (phía Tây Bắc thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây). Höi đầu làm bộ tướng cho Hậu Luơng Thái Tổ Lã Quang, sau đó giành được chiến công trong cuộc chiến xuôi ng Tây Vực nên được phong là thái thú Kiên Khang. Tháng 5 năm 397 hai anh em Tữ Cù Mông Tôn và Tữ Cù Nam Thành vì muộn báo thù nhà, nên lập Giả Nghiệp làm sứ thị tiết đại đô đốc, trấn giữ Luơng Châu, thoát khỏi sự quản lý của triều hậu Luơng. Ít lâu sau, ông xưng là Kiên Khang Công, đặt niên hiệu là "Thần Ti", đặt đô ở Luơng Dạ (nay là huyện Truong Dạ tỉnh Cam Túc), xây dựng chính quyền, trong sứ gọi là Bắc Luơng. Tháng 2 năm 399 ông đổi gọi là Luơng Vương, ông đổi niên hiệu là "Thiên Ti"

Tháng 6 năm 401, thượng thư tôi tả thừa lã Tữ Cù Mông Tôn khởi binh cướp ngôi, tiến đánh thành Luơng Dạ. Bộ hạ của Ân Nghiệp là

Điên Thùa mở cửa thành đón quân của Tữ Cừ Mông Tôn vào thành Ân Nghiệp bị bắt giữ. Ân Nghiệp khóc cầu xin nói: "Tôi một thân một mình trôi dạt đến đây được các anh giúp lập làm vương, vô n là tạm thời ứng phó, bây giờ xin nhường ngôi lại cho các anh, chỉ cầu xin cho tôi một con đường sống cho tôi trở về quê đoàn tụ với vợ con, ơn này không bao giờ tôi quên". Tữ Cừ Mông Tôn quay sang cỗ động binh sĩ nói: "Anh ta thường ngày thích giết người và không biết thương xót ai, hôm nay cái chết ở trước mắt lại đòi hỏi người khác phải thương xót anh ta. Các anh em có tha thứ cho anh ta được không? Các tướng sĩ đều đồng thanh hô: "Giết, giết" và nhất tề xông đến chém chết Ân Nghiệp.

Trong sử gọi Ân Nghiệp là Vũ Tuyên Vương.

THÁI TÔ (TỮ CỪ MÔNG TÔN) (BẮC LUƠNG)

Thái Tổ, ông ta tên là Tữ Cừ Mông Tôn (368-433). Ông là người dân tộc Hô, ông vốn là Túc vệ của triều Hậu Lương, sau đó cướp đoạt ngôi vị của Bắc Lương. Ông trị vì được 33 năm bị bệnh chết, thọ 66 tuổi. Mai táng ở Nguyên Lãng.

*

Tữ Cừ Mông Tôn là người dân tộc Hô cư trú ở Lô Thủy (Lâm Tùng) nay thuộc phía Nam huyện Trương Dạ tỉnh Cam Túc), thời Hậu Lương ông được phong làm Túc vệ. Trước đây lã phụ của ông tên là Lặc Thủ bị Hậu Lương Thái Tổ Lã Quang giết, do đó năm 397, anh họ Tữ Cừ Nam Thành đã giúp Ân Nghiệp làm Kiên Khang Công, chiếm giữ vùng Trương Dạ nên Tữ Cừ Mông Tôn được phong là Thượng thư tả thừa. Ông bàn bạc với anh họ Tữ Cừ Nam Thành, chuẩn bị phát động binh biến làm phản. Tữ Cừ Nam Thành phản đổi chuyện làm phản, Tữ Cừ Nam Thành được cử đi làm thái thú ở Tây An. Mông Tôn muộn cùng đi với Nam Thành đến cúng tế ở núi Lan Môn. Ông ta âm thầm sai người báo với Ân Nghiệp là: Nam Thành sẽ hội họp với môn Tôn ở núi Lan Môn để liên kết tạo phản. Ngày hôm sau, Nam Thành đến triều đình xin nghỉ phép nói

muôn tới núi Lan Môn. Nghe vậy Ân Nghiệp liền bắt giữ Nam Thành và bắt ông ta tự sát.

Mông Tôn nghe tin Nam Thành bị giết liền triệu tập các thuộc hạ và khóc than nói: "Anh họ tôi một lòng trung quân hiếu quốc, giúp đỡ phò trợ Ân Nghiệp làm vua, vậy mà bị Ân Nghiệp giết chết, anh em chúng tôi cũng không bao giờ nghĩ chuyện tạo phản. Xin mọi người hãy giúp tôi báo thù cho anh họ, giúp tôi khởi binh giết tên hồn quân vô đạo". Các tướng sĩ đều kính trọng tài cán và đạo đức của Nam Thành và họ không biết được âm mưu của Mông Tôn để u nhât nhât phục tùng,тан công giết Ân Nghiệp.

Tháng 6 năm 401 Mông Tôn tự xưng là đại đô đốc, đại tướng quân chiếm giữ Lương Châu. Trương Dạ Công, ông cho đổi niên hiệu là "Huyền Thủy". Năm 418, ông ta sai sứ giả töi triều Đông Tân xin làm thuộc địa, triều đình Đông Tân phong cho ông ta làm lại sứ Lương Châu. Năm 431 ông ta tự xưng là Lương Vương, định đô ở thành Cô Tàng.

Trong thời gian trị vì, Mông Tôn đánh bại được triều Nam Lương, diệt vong triều Tây Lương, thống nhât toàn bộ vùng Lương Châu, ông còn sai sứ giả tới triệu kiênn Bắc Ngụy. Năm 431, triều Bắc Ngụy sá c phong cho Mông Tôn làm Lương Vương và Mông Tôn còn kết giao với bạn bè ở các thành lân cận. Tháng 4 năm 433 Mông Tôn tạ thế tại thành Cô Tàng, ông để lại di chiêu truyênn ngôi cho cháu là Mục Kiên.

Sau khi Tữ Cù Mông Tôn chết lập hiệu miếu là Thái Tổ.

AI VƯƠNG (TỮ CÙ MỤC KIÊN) (BẮC LUƯƠNG)

Ai Vương, ông ta tên là Tữ Cù Mục Kiên (?-477) Ông là con trai thứ 3 của em trai Tữ Cù Mông Tôn. Ông trị vì được 7 năm, mất nước triều Bắc Ngụy bắt làm tù binh và bị thác Bạt Đạo ép tự sát. Mai táng ở đâu không rõ.

Thời Tữ Cù Mông Tốn trị vì đã lập Tữ Cù Mục Kiên làm thái tử. Sau khi Mông Tốn chết, Mục Kiên lên kế́ vị. Ông đổi niên hiệu là "Thái Hòa".

Năm thứ 3 sau khi Mục Kiên lên ngôi, ông ta cṍng nạp cho Lưu Tống nhiếu đồ` vật quý báu (trong só đồ` vật đó có 154 cuốn sách quý). Quan hệ của hai bên rất tôt. Còn đối với triếu Bắc Ngụy. Mục Kiên tỏ thái độ lạnh nhạt, điếu đó khiến thái vú Đê` Tháo Bạt Đạo không hài lòng do đó vào tháng 9 năm 439 Thác Bạt Đạo phái binh tấn công triếu Bắc Lương, ép buộc Mục Kiên phải đấu hàng. Mục Kiên nhất định không hàng phục quân Bắc Triếu, kiên quyết cṍng thủ trong thành, nhưng cháu của Mục Kiên là Vạn Niên tạo phản mở cổng thành đón quân Bắc Ngụy tiến vào thành, Mục Kiên cùng đường đánh phái đấu hàng quân Bắc triếu. Vợ của Mục Kiên vốn là em gái của Thác Bạt Đạo, do đó Thác Bạt Đạo đối xử với Mục Kiên và thuộc hạ của Mục Kiên rất ưu đãi, Thác Bạt Đạo cho phép Mục Kiên, tó́ng thất và 100.000 hộ dân được chuyển đến cư trú ở đô thành Bình Thành (nay thuộc phía Đông Bắc tỉnh Sơn Tây), triếu Bắc Lương bị diệt vong.

Năm 477, Mục Kiên bị tó́ cáo là cất giấu thuộc độc có mưu đô` báo thù, hơn nữa lại còn có quan hệ bất chính với chị và em gái mình, Nghe được tin đó, Thác Bạt Đạo ép buộc Mục Kiên phải tự sát và còn giết vài trăm người thuộc họ hàng Tữ Cù.

Trong sử gọi Tữ Cù Mục Kiên là Ai Vương.

TƯU TUYÊ`N VƯƠNG (TỮ CÙ VÔ HÚY) (BẮC LUƯƠNG)

Tưu Tuyê`n Vương, ông ta tên là Tữ Cù Vô Húy (?-444).

Ông là con của thái tổ Tữ Cù Mông Tốn. Ai Vương Tữ Cù Mục Vương đấu hàng Bắc Ngụy thì Vô Húy cũng đấu hàng Bắc Ngụy, Lưu Tống và xưng vương. Ông trị vì được 4 năm bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

Thời Mục Kiên trị vì đã phong cho Vô Húy làm thái thú Tứ
Tuyê`n. năm 439 triê`u Bă`c Lương bị triê`u Bă`c Ngụy đánh bại, Vô
Húy thu thập tàn quân chiê`m giữ Tứ Tuyê`n. Một thời gian sau bị
quân Bă`c Ngụy bao vây ông ta đành đâ`u hàng, ông ta được triê`u
đình Bă`c Ngụy phong cho làm đại tướng quân kiêm chức vụ Tứ
Tuyê`n Vương. Năm 442, ông ta phản bội lại triê`u Ngụy do vậy bị
quân Ngụy vây đánh. Sau khi Vô Húy cạn kiệt lương thảo ông sai em
trai là Tữ Cù An Chu đi đánh chiê`m hai tòa thành ở Thiện và Cao
Xương (nay thuộc huyện Nhược Khương và huyện thô` Lỗ Phiên thuộc
khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương) sau đó xin làm sứ thâ`n
ở nước Tô`ng (thuộc Nam triê`u), ông ta được sâ`c phong làm đại
tướng quân, lại sứ Hà Châu, Hà Tây Vương, đô đô`c quân sự ở 3 châu:
Lương Châu, Hà Châu, Sa Châu. Năm 443, ông đổi niên hiệu là "Thùa
Bình"

Mùa hè năm 444, ông bị bệnh mâ`t tại thành Cao Xương trong sứ
gọi Tữ Cù Vô Húy là Tứ Tuyê`n Vương.

HÀ TÂY VƯƠNG (TỮ CÙ AN CHU) (BĂ`C LUƯƠNG)

Hà Tây Vương, ông ta tên là Tữ Cù An Chu, năm sinh và năm mâ`t
không biê`t rõ. Ông là con trai của Tữ Cù Mông Tô`n và là em trai
của Tữ Cù Vô Húy. Cũng nên kê` vì sau khi anh trai mâ`t, ông trị vì
được 20 năm, sau đó bị nhà triê`u Nhiên tâ`n công, ông lưu lạc ở đâu
không rõ.

*

Thời Mục Kiên trị vị, An Chu được phong làm thái thú Lạc Đô. Sau
khi triê`u Bă`c Lương bị diệt vong, ông đã theo anh trai là Vô Húy
chạy xuô`ng phía Tây. Năm 444 Vô Húy bị ô`m chê`t, ông lên kế
nhiệm chức vụ của anh trai. Ông sai sứ giả tới cô`ng tiê`n đô`c vật quý
cho nước Tô`ng, nhưng vẫn chỉ được phong là Hà Tây Vương. Năm
463 ông bị triê`u Nhiên đánh bại, phải bỏ đi tha phuơng, tình hình cũ
thể vê` sau ra sao không biê`t rõ.

Trong sứ gọi ông là Hà Tây Vương.

THẬP LỤC QUỐC (MƯỜI SÁU NUỚC)

TRIỀU TÂY LUƠNG
(400-421, tổng cộng 22 năm)

Triều Tây Lương có 3 đế vương, trong đó một người bị bệnh chêt, một người chêt trong chiến trận, một người mất nước nên tự sát.

*

THÁI TỔ (LÝ HIỆU)
(TÂY LUƠNG)

Thái tổ, ông ta tên là Quý Hiệu (351-4170 tên tự của ông là Huyền Thịnh, ông vốn làm thái thú ở Đôn Hoàng, sau đó ông tự xưng là Lương Công. Ông trị vì 18 năm, bị bệnh chêt, hưởng thọ 67 tuổi. Mai táng ở Kiên Thành Lãng.

*

Quý hiệu quê ở Dịch Đạo (ở Lũng Tây) (nay thuộc phía Nam làm thao tỉnh Cam Túc). Ông là cháu đời thứ 16 của đại tướng Quý Quang (người Hán), dân dân các đời đã lập nên một đại tộc ở Lũng Tây. Từ nhỏ Quý Hiệu đã ham học hỏi, sau khi trưởng thành ông lại thích học võ. Thời Ân Nghiệp (triều Bắc Lương), trị vì ông được thái thú ở Đôn Hoàng là Mạnh Mẫn sai làm hiệu Cố c lệnh, sau khi Mạnh Mẫn chết, các thuộc hạ tôn Quý hiệu làm thái thú Đôn Hoàng. Tháng 11 năm 400 ông xưng là Lương Công, đặt niên hiệu là "Canh Tử", đặt đô ở Đôn Hoàng. Được một thời gian, ông dời đô về Thủ Tuyênn (nay thuộc huyện Thủ Tuyênn tỉnh Cam Túc), trong sử gọi là Tây Lương.

Trong những năm trị vì, ông cho khai thông con đường giao thông ở Hà Tây, khôi phục nền kinh tế, văn hóa phong kiền, xây dựng

đô`n đie`n ở Ngọc Môn. Dương Quan và sai sứ giả đê`n triê`u Đông Tâ`n cõ`ng hiê`n đô` vật quý giá.

Tháng 2 năm 417, ông bị ô`m nặng, ông sai triệu tập bạn thân của mình là đại thâ`n Tô`ng Dao đê`n nhò vả và dặn dò mọi chuyện vê sau: "Tôi trải qua gian khổ, trong loạn lạc được cử làm thủ lĩnh, sức lực và tài năng của tôi chưa đủ thô`ng nhâ`t một vùng Hà Thạch (một tên gọi khác của vùng Hà Tây). Bây giờ tôi sã`p phải từ giã cõi đời, tôi chỉ hận chí lớn chưa thực hiện được. Phàm là những người làm thủ lĩnh thường phải lâm vào những chỗ nguy hiểm. Sau khi tôi chê`t, anh hãy coi thái tử giô`ng như con trai anh, anh hãy tận lực giúp đỡ nó. Anh hãy nói cho nó biê`t tâm nguyện và lý tưởng trị quô`c của tôi, đừng để cho nó nghĩ ră`ng ở trên đâ`u muôn dân thì có thể hung bạo chuyên quyê`n. Tâ`t cả việc đại sự trong nước đê`u phải nhờ anh giúp đỡ, anh hãy tận tâm tận lực quản lý việc nước nhà!". Sau đó ông ta sai gọi thái tử Quý Tâm vào căn dặn: "Mỗi một lâ`n dùng binh, câ`t phải xem xét kỹ thời cơ, suy nghĩ kỹ càng rõ`i hãy đưa ra quyê`t định, đây là cách tô`t nhâ`t để bảo toàn lòng dân". Ít lâu sau, ông mấ`t tại điện thái Đức cung Tứu Tuyê`n.

Sau khi ông chê`t đặt thụy hiệu là Thái Tổ.

HẬU CHỦ (QUÝ TÂM) (TÂY LUƠNG)

Hậu chủ, ông ta tên là Quý Tâm (?-420), tên tự của ông là Sĩ Nghiệp. Ông là con trai thứ hai của thái tổ Quý Hiệu, ông lên kê` vị sau khi cha chê`t. Ông trị vị được 4 năm, ông bị chê`t trong cuộc giao chiê`n với Tữ Cù Mông Tô`n. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Quý Hiệu trị vì đã lập Quý Tâm làm thái tử. Tháng 2 năm 417 Quý Hiệu bị bệnh chê`t, Quý Tâm lên kê` vị, ông cho đổi niên hiệu là "Gia Hưng". Năm 420, thái tổ Tữ Cù Mông Tô`n (triê`u Bă`c Lương) đem quân đánh Khâ`t Phục Xí Bàn (Tây Tâ`n). Nhân cơ hội đó, Quý Tâm tiê`n công vào đô thành Trương Nghiệp (triê`u Bă`c Lương). Mẹ của ông là thái hậu Doãn dẫn ra di huâ`n của Quý Hiệu để khuyên

con: "Chúng ta là một nước nhỏ mới lập, đã tít ít dân thưa; Tữ Cù Mông Tôn là người dũng mãnh, con chưa phải là đô i thủ của ông ta, con còn phải rèn binh luyện võ, chưa càn phải lây chuyện xuất quân làm trọng. Tông Dao cũng ra sức can gián; nhưng Quý Tâm nhất định không nghe. Tông Dao thở dài nói: "Đại sự xong rồi, thà n chỉ nhìn thày các anh xuất quân mà không nhìn thày chiê n thay trờ vê". Quý Tâm vẫn lòng một dạ xuất quân, thô ng lĩnh 30.000 binh mã tiê n vê thành Trương Dạ, quả nhiên bị quân của Mông Tôn đánh cho đại bại. Các thuộc hạ khuyên ông nên thu quân quay về, nhưng ông thở dài nói: "Trẫm đã làm trái ý nguyện của thái hậu, đường xa xa xôi tới đây, tự đă c cho ră ng có thể chiê n thay trờ vê, không nghĩ là rơi vào tình cảnh này. Do đó, nê u không giê t được Mông Tôn, trẫm nhất định không quay vê gấp thái hậu", một lâ n nữa ông ta lại cự tuyệt lời can gián của thuộc hạ, mang quân đi đánh trận với Mông Tôn, và ông phải bỏ mạng trong trận hỗn chiê n ở Liễu Tuyê n.

Trong sử gọi Quý Tâm là Hậu Chủ.

QUÂN QUÂN HÂU (QUÝ TUẤN) (TÂY LUƠNG)

Quân Quân Hâu, ông ta tên là Quý Tuấn (?-421) Ông là em trai của Quý Tâm. Sau khi Quý Tâm tử trận, ông lên kế vị, Ông trị vì được 2 năm, bị Tữ Cù Mông Tôn diệt, sau đó ông tự sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 420, Quý Tâm bị tử trận, Quý Tuấn đang trâ n giữ ở Đôn Hoàng, tháng 9 năm 420 ông tự xưng là quán quân tướng quân, lại sử Lương Châu, ông cho đổi niên hiệu là Vĩnh Kiê n".

Đầu năm 421, sau khi tiêu diệt Quý Tâm, Mông Tôn đã thừa thay sai con trai là Tữ Cù Đức Chính thô ng lĩnh đại quân tiê n đánh Đôn Hoàng Quý Tuấn đóng cửa phòng thủ, hai bên canh chừng nhau nhiều ngày. Mông Tôn đích thân dẫn 20.000 quân đê n, ra lệnh cho binh lính đă p đê dẫn nước vào trong thàn. Quý Tuấn sai

người đi đầu hàng Mông Tông nhưng bị Mông Tông từ chối. Tháng 3, thuộc hạ của Quý Tuần là Tông Thừa làm phản mở cổng thành đón quân Bắc Lương vào. Hai bên giao chiến ác liệt, Quý Tuần còn lại một thân một mình nên đã tự sát. Triều Tây Lương bị diệt vong.

Trong lịch sử gọi Quý Tuần là Quán quân Hầu.

TIỀN TÂN

(350-394, tổng cộng 45 năm)

Trong 16 nước có Tiê`n tâ`n, Hậu Tâ`n, Tây Tâ`n. Triê`u Tiê`n Tâ`n do dòng họ phù xây dựng, sau đó bị triê`u Hậu Tâ`n diệt vong. Triê`u Hậu Tâ`n do Diêu Trường (người dân tộc Khương) xây dựng, bị Lưu Dục (triê`u Đông Tán) diệt vong. Triê`u Tây Tâ`n do Khâ`t Phục Xí Bàn (người dân tộc Tiên Ti ở Lũng Tây) tạo dựng bị nhà Hạ diệt vong.

Triê`u Tiên Tâ`n có 7 đế` vương, trong đó một người bị bệnh chê`t, hai người bị giê`t khi bị bă`t làm tù binh, hai người chê`t trong giao chiê`n, một người bị chê`t trong nội chiê`n, một người bị hạ độc chê`t.

HUỆ VŨ ĐÊ` (PHÙ HÔ`NG)

(TIỀN TÂN)

Huệ Vũ Đê`, ông ta tên là Phù Hô`ng (285-350) tên tự của ông là Quảng Thê`. Ông là minh chủ của thị tộc, ông là lại sứ ở Kí Châu, sau đó ông xưng vương, sáng tạo ra cơ nghiệp cho triê`u Tiê`n Tâ`n. Ông bị thuộc hạ hại độc chê`t, thọ 66 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Phù Hô`ng quê ở Lâm Vị (Lược Dương) (nay thuộc phía Tây huyện Thiên Thủy tỉnh Cam Túc). Ông là người thị tộc. Sau khi bô` ông mâ`t, người trong thị tộc tôn ông làm minh chủ, lúc đâ`u ông đi theo Tâ`n Vương Lưu Tuyển (triê`u Tiê`n Triệu), nên được phong làm Thị Vương. Sau đó ông đâ`u hàng Thạch Hổ, nên được phong là Đô Đô`c Lưu Nhân, tướng quân, ông cư trú ở Phương Đâ`u (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Năm 349, ông giúp Thạch Hổ trâ`n áp khởi nghĩa Lương Độc, do có công nên ông được phong làm đại tướng quân Đông Kì. Lược Dương Công, ông có 100.000 quân. Sau khi Thạch Hổ chê`t, ông dựa vào triê`u Đông Tâ`n, ông lại được phong là đại tướng

quân chinh bắc, lại sứ kí Châu, đô đốc quân sự ở Hà Bắc. Tháng 2 năm 350 ông tự xưng là đại tướng quân, đại đòn vự. Tam Tấn Vương.

Năm 350, quân sư Ma Thu (vốn là thuộc hạ cũ của Thạch Hố) có mưu đốc cướp đoạt ngôi vị của Phù Hống, Ma Thu mở tiệc rượu mời Phù Hống và lén lút bỏ độc vào rượu. Sau khi biết chuyện con trai Phù Hống là Phù Kiện đã bắt giữ và giết Ma Thu, dẹp yên phản loạn.

Sau khi Phù Kiện xưng đế đã đổi thụy hiệu cho Phù Hống là Huệ Vũ Đế.

CAO TÔ (PHÙ KIÊN)

(TIÊ`N TÂ`N)

Cao Tô, ông ta tên là Phù Kiện (317-355) tên tự của ông là Kiến Nghiệp. Ông là con trai thứ 3 của Huệ Vũ Đế Phù Hống. Ông lên kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 5 năm, bị bệnh chết, hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở Nguyên Lãng.

*

Phù Kiện sau khi lên ngôi đã bỏ đi danh hiệu Tam Tấn Vương và xin làm thuộc hạ cho triếu Đông Tấn, ông tự nhận làm đại tướng quân chính tây, lại sứ Ung Châu, thống lĩnh đại quân tiếng xuống phía Tây, chiếm cứ khu vực Quan Lung. Năm 351, ông lợi dụng cơ hội triếu Hậu triệu bị diệt vong nên chiếm cứ những vùng đất phì nhiêu, ông tự xưng là Thiên Vương. Đại Đon Vu, đặt quốc hiệu là "Tấn" trong sử gọi là Tiến Tấn, đặt đô ở Trường An, đặt niêm hiệu là "Hoàng Thủy". Năm thứ hai, ông xưng làm đế vương.

Trong thời gian trị vì, ông sử dụng chiến thuật "vườn không nhà trống" để đánh lui quân của Hắng Ôm. Ông tôn sùng nho học, miễn giảm tô thuế, làm dịu mâu thuẫn giữa người Hán và người Hố, khiến cho thế lực ngày càng được củng cố vững chắc.

Tháng 6 năm 355, Phù Kiện bị ngã bệnh tại Đông Dạ Môn. Cháu ông là Phù Thanh có ý đốc cướp ngôi, do đó dẫn quân đột nhập vào

cung định giết thái tử Phù Sinh. Thái tử ở Đông Dạ Môn chăm sóc vua cha, vài ngày chưa quay về cung. Phù Thanh không thấy Phù Sinh quay về nên cho rằng Phù Kiện đã chết, anh ta chuyển hướng tấn công sang Đông Dạ môn, rải rao hoàng thượng đã băng hà. Còn thái tử là người tàn bạo không xứng được kế vị, cần phải phế bỏ thái tử. Phù Kiện tuy bị ôm nhưng vẫn cố gắng đi đến Đoan Môn chỉ huy cảm vệ quân tìm cách đánh Phù Thanh. Quân phản loạn nhìn thấy Phù Kiện ngồi ở Đoan Môn đều hoảng sợ bỏ chạy hết. Phù Kiện sai bắt giữ Phù Thanh và khép vào tội chết.

Vài ngày sau bệnh tình của Phù Kiện rất nguy kịch. Ông cho Vũ An Vương Phù An (là chú của Phù Kiện) làm đại tướng quân nắm giữ binh quyền. Đông thời ông tuyên triệu thừa tướng Lôi Nhuược Nhi, thái phụ Mao Quý, và thủy úy Ngu Tôn... đến nghe di lệnh. Ba ngày sau ông mất tại điện Thái Cáp thành trường An.

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Thê Tông, sau đó đã đổi lại là Cao Tổ, đặt thụy hiệu là Minh Đế.

LÊ VƯƠNG (PHÙ SINH)

(TIỀN TÂM)

Lê Vương, ông ta tên là Phù Sinh (335-357) tên tự của ông là Trường Sinh. Ông là cháu của Huệ Vũ Đế Phù Hỗng, và là con trai thứ 3 của Cao Tổ Phù Kiện. Ông lên kế vị sau khi Phù Kiện chết. Ông trị vì được 3 năm, thì bị Phù Kiện giết. Hướng dương 22 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Từ nhỏ Phù Sinh đã là một tên vô lại, tính tình hung ác. Phù Kiện cho rằng sau này Phù Sinh dễ gây ra loạn chiên, do đó nhiều lần định trừ bỏ Phù Sinh, nhưng ý định đó của ông đều bị các đại thần can gián. Sau khi Phù Sinh trưởng thành, ông ta có sức khỏe phi thường, ưa thích chuyện chém giết, ông ta có thể vật nhau tay không với mãnh thú, và có thể chạy đua với một con ngựa tốt, ông ta cũng giỏi cưỡi ngựa bắn tên, đao kiếm... do đó lập được nhiều chiến công trong trận chiến khiêm Phù Kiện lập ông làm thái tử.

Tháng 6 năm 355 Phù Kiện bị bệnh ché́t, ông lên kế́ vị và cho đổi niên hiệu là "Thọ Quang".

Sau khi Phù Sinh lên ngôi, ông ta hung bạo vô cùng, tàn sát vô tội vạ. Có một lấn, đại thấn Thượng Tấn tấu trính: "Gấn đây thin tượng không được sáng lắm, do vậy bệ hạ cấn tu sửa đạo đức để tránh diệt vong". Sau khi nghe xong, ông ta cho rắng: mình và hoàng hậu là bậc tôn quý nhất trong thiên hạ, thiên tượng không sáng báo hiệu sấp có họa lớn, chỉ cấn hoàng hậu ché́t thì ông ta sẽ bình yên vô sự. Do vậy ông sai người vào cung chém ché́t hoàng hậu, sau đó ông còn lấn lượt sai giết hậu phi, đại thấn và hơn 500 cận thị. Ông ta hoang dâm vô độ luôn tìm mọi cách làm nhục các cung nữ.

Khanh sử trung thừa tướng Lương Bình Lão tận mắt chứng kiế́n sự tàn bạo của Phù Sinh, nế u sống tàn bạo hung ác như vậy tết sẽ gây ra cảnh nước mây tan, do đó bàn bạc với Phù Kiên (là cháu của Phù Kiện): "Hoàng thượng thất đức, người trong nước đếu có tư tưởng làm phản, nước yên và nước tấn đang nhăm nhe tấn công, trước mắt phải đối diện với khó khăn cả bên trong lẫn bên ngoài, vận mệnh quốc gia coi như hỏng, điện hạ nhanh nghĩ cách giải cứu". Phù Kiên cũng chung cảm nghĩ với Lương Bình Lão, nhưng chỉ vì Phù Sinh tàn ác nên không dám ra tay. Lúc này, có một cung nữ đến báo: tôtí qua trong lúc uống rượu Phù Sinh nói hở ra: anh em Hà PháP (chỉ Thanh Hà Vương Phù PháP) cũng không đáng tin cậy phải trừ bỏ. Phù Kiên lập tức sai người mật báo cho Phù PháP biết. Hà Thanh Vương Phù PháP, Lương Bình Lão, Cường Chú... dẫn vài trăm tân binh đột nhập vào cung, còn Phù Kiên và thị trung thượng thư Lã Bà Lâu cùng dẫn hơn 500 tân binh, la hét xông vào hoàng cung. Cấm vệ quân liên tiếp đấu hàng. Lúc này, Phù Sinh vẫn đang say rượu, nghe tiếng gọi nhưng vẫn hỏi giọng của ma men: "Ai vào hoàng cung vậy?" Thuộc hạ trả lời là "dân đen vào hoàng cung". Phù Sinh hét lên: "Là dân đen, tại sao thấy trẫm không quỳ xuống bái chào trẫm". Tả hữu và binh lính của Phù Kiên đếu không nhịn được cười. Phù Kiên sai lính áp giải Phù Sinh đến Biệt Thất, phế Phù Sinh làm Việt Vương.

Sau khi tỉnh rượu, Phù Sinh mới biết mình bị tước bỏ đi ngôi vị và mây tự do, ông ta rất buốn chán nhưng không biết làm cách gì,

đành ngô`i uô`ng rượu giải sâ`u.

Ít lâu sau, Phù Kiên xưng đê`. Phù Kiên sai người ép Phù Sinh tự sát, nhưng Phù Sinh uô`ng rượu say mê`m vẫn bâ`t tinh nhân sự, do đó các tướng sĩ chém chê`t ông ta.

Sau khi Phù Sinh chê`t, Phù kiên đặt thụy hiệu cho Phù Sinh là Lê Vương

THÊ` TÔ (PHÙ KIÊN) (TIỀ`N TÂ`N)

Thê` Tô, ông ta tên là Phù Kiên (338-385) tên tự của ông là Vĩnh Cô`. Ông là cháu của Phù kiện là anh em họ với Phù Sinh. Sau khi giê`t Phù Sinh ông được lập làm vua. Ông trị vì được 29 năm. Sau khi thâ`t bại trong trận chiê`n phì thủy bị Diêu Trường bă`t làm tù binh và giê`t chê`t. Hưởng thọ 48 tuổi, mai táng ở đâu không rõ.

*

Phù Kiên được phong làm Đông Hải Vương. Ông hợp sức cùng Phù Pháp giê`t bỏ Phù Sinh và được thuộc hạ lập làm quô`c quân, tước bô vương hiệu đê`, ông xưng là Đại Tâ`n Tiên Vương, đổi niên hiệu là "Vĩnh Hung".

Sau khi Phù Kiên lên ngôi, ông cho chiêu nạp nhân tài. Ông nghe nói ở phương Bă`c có một người tên là Vương Mãnh, Vương Mãnh là một cự sĩ bâ`n hàn râ`t cơ mưu lược, ông ta thường sô`ng ẩn cư ít khi xuâ`t hiện ở chỗ đông người. Phù Kiên liê`n sai người đi tìm và mời Vương Mãnh vê` trợ giúp, trong một năm đã tăng cho Vương Mãnh lên 5 câ`p. Dưới sự trợ giúp của Vương Mãnh, Phù Kiên đánh bại được các đô`i thủ mạnh hơn mình, xây dựng được vương quyê`n, chính đô`n kỷ luật quân sự và thê` chê` chính trị, điê`u đó làm cho nê`n kinh tế` và văn hóa của triê`u Tiề`n Tâ`n được khôi phục và phát triển, quô`c thái dân an, thê` lực ngày một mạnh. Từ năm 375 trở đi, triê`u Tiề`n Tâ`n diệt vong được các triê`u: Tiề`n Yên, Tiề`n Lương, Đại Quô`c và chiê`m lĩnh 2 châu: Lương Châu và Ích Châu của triê`u đình Đông Tâ`n, thu phục được các tộc Di ở gâ`n đó và Phù Kiên còn

sai Lã Quang tiến quân xuống Tây vực thống nhất được lưu vực sông Hoàng Hà (bao gồ́m các tỉnh: Hà Bắc, Sơn Tây, Sơn Đông, Thiêm Tây, Cam Túc, Hà Nam, Tứ Xuyên...) và toàn bộ khu tự trị Duy Ngô Nhĩ (ở Tân Cương), và một phấn các tỉnh: Liêu Ninh, Giang Tô, An Huy, Hố Bắc..., thế lực của ông vang vọng đến các tỉnh Vân và Quý Châu; chỉ có ở miến Nam là thuộc phạm vi của triếu Đông Tấn, nhưng triếu Đông Tấn cũng bị coi là mục tiêu của triếu Tiến Tấn. Phù Kiên rất kính trọng Vương Mãng, đem sánh ông ta và Quản Trọng, Từ Sản. Năm 375 Vương Mãng bị bệnh chết, Phù Kiên đau khổ vô cùng, thương tiếc mãi không thôi và than khóc "Ông trời ơi, tại sao ông lại nhẫn tâm cướp đoạt Vương Mãng của tôi".

Vương Mãng trước lúc lâm chung có nói với Phù Kiên: "Triếu Đông Tấn tuy ngăn cách chúng ta bởi cùng Giang Nam, nhưng dù sao cũng là một vương triếu chính thống, lòng dân đếu hướng về Đông Tấn. Sau khi thấn chết, bộ hạ đùng sốt ruột mà tấn công triếu Đông Tấn ngay, điếu trước mắt là phải chỉnh đốn tình hình trong nước, sau đó mới nghĩ chuyện giao chié́n". Nhưng Phù Kiên một lòng muốn khống chế toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc, ông ta ý vào sức nước hùng hậu, chuyện tiêu diệt triếu Đông Tấn thì dễ như trở bàn tay. Tháng 8 năm 383, Phù Kiên bất chấp sự can gián của em trai là Phù Dung và các hạ thấn, ông ta tự mình thống lĩnh 970.000 quân tinh nhuệ, chia ra đường bộ và đường thủy tấn công triếu Đông Tấn đại quân đi trống dong cờ mở. Quân Đông Tấn dưới sự chỉ huy của tể tướng Tạ An (ông ta là một người văn võ kiêm toàn), đếu đống lòng, đoàn kêt với nhau quyết tâm đánh bại quân Tiến Tấn.

Cuộc đại chié́n bắt đấu, Phù Dung thống lĩnh 250.000 kị binh làm tiên phong, đã chié́m được thọ Dương (đây là một cứ điểm quân sự quan trọng của triếu Đông Tấn) (nay thuộc huyện thọ tỉnh An Huy). Phù Kiên hiếu chié́n, không đủ sức nhẫn耐 đợi quân của Hậu Tục kéo đến, ông ta đích thân thống lĩnh 8.000 cát m vệ quân và kị binh từ Cống Thành (nay thuộc huyện Cống Thành tỉnh Hà Nam) đuổi đến Thọ Dương đống thời còn sai thuộc hạ là Chu Tự đếu khuyên triếu Đông Tấn đấu hàng. Chu Tự vốn là tướng quân của triếu Đông Tấn, 4 năm trước ông ta thua trận trong trận đánh ở Tương Dương nên bị bắt làm tù binh và phải đấu hàng quân

Tiê`n Tâ`n. Chu Tự đang muô`n lập công để quay vê` triê`u Tâ`n, do vậy khi đê`n doanh trại của quân Tâ`n, ông ta không khuyên nhủ đâ`u hàng, ngược lại ông ta còn nói cho tướng quân Tạ Thạch biê`t tình hình của quân Tiê`n Tâ`n: nói rõ lòng quân đang ly tán, không còn sức chiê`n đâ`u; Chu Tự đưa ra ý kiê`n: nhân cơ hội đại quân của Tiê`n Tâ`n chưa đê`n kịp, vây hãy tâ`n công đánh bại quân tiên phong của Phù Kiên, nhă`m làm nhụt đi nhựa khí của quân Tiê`n Tâ`n, đô`ng thời Chu Tự còn hứa sẽ làm nội ứng cho quân Tâ`n. Tạ Thạch đô`ng ý với kê` hoạch của Chu Tự đưa ra, ông phái 5.000 quân tinh nhuệ trong đêm tô`i vượt qua sông Lạc Giản tâ`n công quân Tiê`n Tâ`n, giê`t được tướng Lương Thành, đánh tan tác 15.000 quân tiên phong của Tiê`n Tâ`n, một mạch xông thẳng đê`n chân núi Bát Công ở bờ đông của sông Phì Thủy, chỉ ngăn cách quân Tiê`n Tâ`n một bờ sông.

Phù Kiên nhận được tin báo, vội vàng lên thành Thọ Xương xem xét tình hình, ông ta thâ`y quân Tâ`n bày thê` trận chỉnh tê`, cờ quạt xê`p như rừng, thâ`y vậy ông ta kinh hãi vô cùng hô`i hận vì coi thường quân Tâ`n. Trong cơn hoảng loạn, ông ta nhìn cây cỏ trên núi Bát Công cũng thành quân Đông Tâ`n, đây chính là lai lịch của câu thành ngữ: "Thâ`n hô`n nát thâ`n tính" (trông cây cỏ đê`u tưởng là địch).

Vài ngày sau, Tạ Thạch sai người đưa cho Phù Kiên một bức thư nói rõ: "Quân đội hai bên ngăn cách nhau một bờ sông, không có cách gì giao chiê`n, nê`u như anh lui xuô`ng vài dặm để dọn chỗ làm bãi chiê`n trường, quân đội tôi sẽ vượt qua sông quyê`t chiê`n một tận. Không biê`t anh có gan làm chuyện này không". Phù Kiên xem xong thư râ`t vui vẻ, quyê`t định lui xuô`ng 5 dặm, ông ta hi vọng nhân cơ hội quân Tâ`n vượt sông sẽ dùng quân kị binh tinh nhuệ đánh cho quân Tâ`n tan tác.

Hôm quyê`t chiê`n, Phù Kiên ra lệnh cho quân đội lui xuô`ng 5 dặm. Đại đa số` tướng lĩnh và binh sĩ trong quân đội Tiê`n Tâ`n, là dân cư của các dân tộc thiểu số` bị bă`t ép đi đánh trận trong sô` đó nhiê`u nhâ`t là dân tộc Tiên Ti và dân tộc Khương, dân tộc Hán cũng có khá nhiê`u, tâ`t cả bọn họ đê`u mang quân Tiê`n Tâ`n bị thua trận, đê` họ dễ dàng thoát khỏi sự thô`ng trị của quý tộc thị tộc. Do đó

vừa mới nghe lệnh lui quân, họ ào đi như vỡ đê. Lúc này 8.000 quân Tấn dưới sự chỉ huy của tướng Tạ Huyến vượt qua sông Phì Thủy. Chu Tự nhân cơ hội đó đứng trước ba quân hô lớn: "Quân Tấn bại trận rõ i". Nghe vậy, lòng quân Tấn bị dao động và thi nhau bỏ chạy, chẳng mấy chốc quân Tấn tan tác hé t. Phù Dung vội vàng rút kiêm chém vài binh sĩ, hy vọng sẽ trán áp họ để họ không bỏ chạy. Nhưng quân lính Tiến Tấn đông như thác đổ, họ cứ trèo lên nhau chạy trôn và Phù Kiên bị đẩy ngã xuống ngựa, quân Tấn đuổi đê n và chém chết Phù Dung. Còn Phù Kiên cưỡi con ngựa bị thương, điên cuồng chạy trôn trên đường đi ông nghe thâ y tiê ng chim kêu và tiê ng gió thổi, ông ta cứ nghĩ ră ng đó là tiê ng hò reo của quân Tấn chạy đuổi theo ông ta. Đây chính là lai lịch của câu thành ngữ "Thâ n hô n nát thâ n tính". Ông ta chạy về được Trường An thâ y 900.000 đại quân nay chỉ còn hơn 100.000

Trong trận Phì Thủy, quân Tấn lâ y ít thă ng nhiê u, đánh bại quân Tiến Tấn, bảo vệ được giang sơn. Còn quân Tiến Tấn sau trận chiến này, thê lực suy vong, thủ lĩnh các dân tộc thiểu số liên tiếp khởi binh phản lại Tấn khôi phục bộ lạc, chiếm cứ một phương, miê n Bă c lại roi vào tình trạng hỗn chiến tranh giành nhau. Quân Đông Tấn thừa cơ đánh xuống phương Bă c, thu hô i lại nhiê u vùng đâ t, hình thành nên cục diện 2 miê n Nam Bă c đô i nghịch nhau.

Năm 385 Mộ Dung Xung (triê u Tiê n Yên) bao vây thành Trường An. Phù Kiên thâ y thành Trường An khó lòng giữ được nên sai Phù Hoă ng ở lại giữ thành, còn ông ta dẫn vào trăm kị binh chạy vào núi Tướng Sơn. Thái Tổ Diêu Trường (triê u Hậu Tâ n) (ông ta là người dân tộc Khương) sai quân bao vây núi Trường Sơn và sai bă t giữ Phù Kiên, giải Phù Kiên về giam ở miê u Phật tại Tân Bình,

Sau đó Diêu Trường sai người tới chở Phù Kiên lâ y â n ngọc và ép Phù Kiên phải nhường ngôi, nhưng đê u bị Phù Kiên cự tuyệt. Diêu Trường liền bă t ép Phù Kiên tự sát, trước khi tự sát Phù Kiên nói với vợ là Trương Thị: "Không thể để cho người Khương làm nhục con gái của chúng ta". Nói xong ông ta thă t cổ tự tử. Trương Thị cũng tự vẫn theo chô ng và con gái.

Sau khi Phù Kiên ché́t Diêu Trường đặt hiệu cho Phù Kiên là Liệt Thiên Vương. Vé́ sau Phù Phi lên ngôi đổi thụy hiệu cho Phù Kiên là Tuyên Chiêu Đế́ và đặt hiệu miếu là Thế Tô.

AI BÌNH ĐẾ (PHÙ PHI)

(TIÊ`N TÂ`N)

i Bình Đế, ông ta tên là Phù Phi (?-386). Ông là con trai cả (vợ lẽ) của Phù Kiên. Ông lên kế vị sau khi cha ché́t. Ông trị vì được 2 năm, ông ché́t trong cuộc giao chié́n với triếu Đông Tấn. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Phù Phi được phong làm Trường Lạc Công. Khi thánh Trường An bị quân Tiến yên bao vây, ông dẫn 30.000 người chạy tới Nghiệp Thành, rối thống lĩnh 60.000 người đi tó́i Lộ Châú, nhưng ông được đại tướng quân Trương Hào và lại sứ ở Tĩnh Châú là Vương Đắng đón về Tấn Dương. Lại sứ ở Ung Châú là Vương Vĩnh (Vương Vĩnh là con trai Vương Mãnh) dẫn 10.000 bị bắt đến Tấn Châú bảo cho Phù Phi bié́t tên Phù Kiên đã ché́t, vào tháng 8 bọn họ lập Phù Phi làm đế, đổi niên hiệu là Thái An.

Năm 386, Phù Phi dẫn quân đánh nhau với Mộ Dung Túc Vĩnh (Tiến Yên), nhưng ông bị đại bại trong trận chié́n ở Tương Lãng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lam Phấn tỉnh Sơn Đông). Thuộc hạ của ông ta là Phù Soái thừa cơ tạo phản, ông đành dẫn vài nghìn kị binh chạy xuống phía Đông và dự định cư trú ở Đông Hắng (nay thuộc huyện Tân tỉnh Hà Nam) tướng quân của triếu Đông Tấn là Mã Cai bié́t tin liến đến tấn công Phù Phi khiến Phù Phi bị đại bại. Phù Phi vội vàng chạy trốn, do không có ngựa nên phải chạy bộ, sau đó mệt quá nắm ngã ra đất. Mã Cai đuổi đến liến chém ché́t ông ta và chặt đấu mang vế thành Kiến Khang.

Trong sử gọi Phù Phi là Ai Bình Đế.

THÁI TÔNG (PHÙ ĐĂNG)

(TIÊ`N TÂ`N)

Thái Tông, ông có tên là Phù Đăng (343-394) tên tự của ông là Văn Cao. Ông là cháu trong bộ tộc của Phù Kiên. Ông trị vì được 9 năm, và bị chết trong một cuộc giao chié́n. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Phù Đăng được phong làm Nam An Vương. Ông dũng cảm mưu trí nên dấn dấn được làm những chức vụ như: thượng tướng quân, thái an lệnh... Vé́ sau ông vi phạm quân lệnh bị giáng xuống làm: Địch Đạo Trưởng. Sau khi thành Quang Trung bị bao vây, ông chạy xuống phía tây. Năm 386 ông được giúp làm đại tướng quân, đô đốc quân sự, ông quản lý 2 châu: Ung Châu, Hà Châu và gọi là Lược Dương Công. Sau này ông còn tấn công chié́m giữ được vùng Nam An, do đó Ai Bình Đế Phù Phi phong cho Phù Đăng làm Nam An Vương. Năm 386, ông đánh bại Diêu Trường trong trận chié́n ở Tấn Châu (nay thuộc phía Đông Nam huyện Lũng Tây tỉnh Cam Túc). Năm 386 Phù Phi bị triề́u Đông Tấn đánh bại và gié́t chết, nên vào tháng 11 Phù Đăng xưng đế́ ở Lũng Tây, đổi niên hiệu là "Thái Sơ".

Sau khi đăng quang, Phù Đăng một lòng một dạ muốn báo thù cho Phù Kiên, do vậy ông sai lập bài vị cho Phù Kiên ngay trong doanh trại quân đội. Nhiếu lấn ông giao chié́n với Diêu Trường, đại đa số́ giành được chié́n thắ́ng.

Năm 394, ông nghe tin Diêu Trường bị bệnh chết và con trai của Diêu Trường là Diêu Hưng lên kế vị, ông liến sai tấn công triề́u Hậu Tấn, dự định đánh chié́m thành Trường An. Diêu Hưng phái Doãn Vĩ mang quân chống trả, trong trận đánh đấu tiên Doãn Vĩ chié́m cứ được cấu Phế Kiếu khống chế được sông Thủy Nguyên, khiến cho Phù Đăng bị đại bại. Sau đó Diêu Hưng còn dẫn quân bao vây Phù Đăng ở núi Mã mao thuộc Bình lương (nay thuộc huyện Bình Lương tỉnh Cam Túc). Phù Đăng rơi vào tình thế́ khó khăn đành phải sai con trai là Phù Sùng đột phá vòng vây chạy đến Tây Tấn nhờ cứu viện còn bản thân Phù Đăng thì xông ra khỏi núi tiếp ứng. Nhưng đoàn quân kéo đến không phải là quân cứu viện

mà là quân lính Hậu Tâ`n. Hai bên đánh trận không lâu thì quân của Phù Đãng bị tiêu diệt sạch chỉ còn mỗi mình Phù Đãng, ông ta bị quân lính của Diêu Hưng chém chê`t.

Sau khi ông ta chê`t đã đặt hiệu miê`u là Thái Tông.

HẬU CHỦ (PHÙ SÙNG)

Hậu Chủ, ông ta tên là Phù Sùng (?-394). Ông là con trai của Thái Tông Phù Đãng. Ông lên kế` vị sau khi cha chê`t. Ông trị vì được 2 tháng, bị quân Tây Tâ`n giê`t, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Phù Đãng trị vì đã lập Phù Sùng làm thái tử. Năm 394 sau khi Phù Đãng chê`t trận, Phù Sùng đã lên kế` nhiệm. Ông cho đổi niên hiệu là "Diên Sơ".

Sau khi xung đê` , Phù Sùng câ`u xin nhờ vả Khâ`t Phục Cán Quy (triê`u Tây Tâ`n) giúp đỡ. Khâ`t Phục Cán Quy vô`n định cho quân đi cứu trợ quân Tiê`n Tâ`n nhưng khi nghe tin Phù Đãng chê`t, ông ta giở mặt cự tuyệt không đi tiê`p viện.

Phù Sùng đánh đâ`u hàng Dương Định (là vua ở Lũng Tây), Dương Định sai triệu tập 20.000 kị binh và bộ binh, cùng với Phù Sùng khởi binh đánh Khâ`t Phục Cán Quy. Nhưng cả Dương Định và Phù Sùng đê`u bị bại trận và chê`t. Trong lịch sử gọi Phù Sùng là Hậu Chủ. Triê`u Tiê`n Tâ`n bị diệt vong.

HẬU TÂN

(384-417, tổng cộng 34 năm)

Hậu Tân có 3 đế vương trong đó có một người bị giết khi mât nước nhà tan, hai người bị bệnh chết.

Trong đó có phụ chú thêm về : Diêu Dặc Trọng và Diêu Tương. Diêu Dặc Trọng bị bệnh chết, còn Diêu Tương bị giết.

DIÊU DẶC TRỌNG

(HẬU TÂN)

Diêu Dặc Trọng (280-352). Ông là thủ lĩnh dân tộc Khương, ông là một trong những người xây dựng nên triều Hậu Tân. Ông bị bệnh chết, thọ 73 tuổi. Mai táng ở Cô Bàn.

Diêu Dặc Trọng là thủ lĩnh dân tộc Khương ở Xích ĐÌnh (thuộc Nam An) (nay thuộc phía Tây huyện Lũng Tây tỉnh Cam Túc). Vé sau ông dẫn 10.000 người đi xuyên qua phía Đông và cư trú ở Du Mi (nay thuộc phía Đông huyện Thiên Dương tỉnh Thiểm Tây) và ông tự xưng là hiệu uy Hộ Tây Khương, lại sử Ung Châu, Phục Phong Công... Tuy vậy ông vẫn phụ thuộc vào triều Tiền Triệu và Hậu Triệu, ông tham gia trấn áp cuộc khởi nghĩa của Lương Độc nên được phong làm quận công ở Tây Bình. Sau khi Thái tổ Thạch Hổ chết, ông lại giúp đỡ con Thạch Hổ là Thạch Kỳ tấn công Nhiễm Mẫn. Sau khi triều Hậu bị diệt vong, ông đã quay sang dựa vào triều Đông Tân. Và được triều Đông Tân phong cho làm: đại đô đốc ở tộc Di, đại tướng quân và Đại Đơn Vu.

Năm 352, Diêu Dặc Trọng bị ôm nặng, ông cho triệu tập 42 người con nói: "Vì triều Tân đại loạn nên cha phải dẫn quân tới phía tây, nhà họ Thạch đồng悲哀 với cha rất thương, cha định giúp họ tiêu trừ kẻ địch để báo đáp ân tình. Nhưng hôm nay nhà họ Thạch đã diệt vong, vùng Trung Nguyên không có chủ, sau khi cha chết, các con hãy quy phục nhà Tân, làm một quân thần trung hiếu đừng có làm gì gây

chuyện ác độc để tránh diệt vong". Mấy hôm sau ông ra đi. Con trai của ông là Diêu Tương bí mật không phát tang, mang linh cữu của cha đi theo bên mình, dẫn quân tấn công triề`u Tiê`n Tâ`n. Nhưng Diêu Tương thua trận bị bắt làm tù binh, linh cữu của Diêu Dặc Trọng bị quân của Phù Kiên cướp đoạt. Phù Kiên đã lấy linh cữu của Diêu Dặc Trọng để ép buộc Diêu Trường đấu hàng (Diêu Trường là con trai của Diêu Dặc Trọng). Sau khi Diêu Trường đấu hàng Phù Kiên sai chôn cát Diêu Dặc Trọng tại Cô Bàn.

DIÊU TUƯƠNG (HẬU TÂ`N)

Diêu Tương (331-357). Tên tự của ông là Cảnh Quốc. Ông là con trai thứ 5 của Diêu Dặc Trọng. Ông là một trong những người gây dựng nên triề`u Hậu Tâ`n. Ông bị gié́t khi quân Tiê`n Tâ`n bắt làm tù binh. Hướng dương 27 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Hô`i đấu Diêu Tương theo cha đi làm đại thâ`n của triề`u Hậu Triệu, được phong làm tướng quân Phiêu ki, và được phong làm Tân Xương Công. Vê` sau ông quy phục triề`u Tâ`n nên được phong là tướng quân ở Bắc Bình, kiêm đô đốc ở tinh Châu. Sau khi Diêu Dặc Trọng ché́t, ông được kế nhiệm chức vụ thủ lĩnh của cha, trong trận chié`n đánh nhau với Phù Kiện ông bị thất bại và phải bỏ chạy khỏi triề`u Đông Tâ`n. Năm 356, tướng Ân Hạo (triề`u Đông Tâ`n) mang quân xuống phương Bắc dẹp phản loạn, ông nhân cơ hội đó chạy về` phương Bắc. Năm 356, Hă`ng Ôn xuống phía Bắc tấn công Diêu Tương và đánh cho Diêu Tương đại bại, Diêu Tương phải tụ tập 50.000 dân lui xuống cư trú ở Hoàng Lạc (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây)

Tháng 4 năm 357, Phù Kiên (triề`u Tiê`n Tâ`n) dẫn quân tấn công và vây đánh thành Hoàng Lạc. Diêu Tương cố thủ không ra đánh. Phù Kiên bèn sai quân lính đứng trước cửa thành chửi bới nhục mạ, nghe bọn lính nhục mạ khích báo Diêu Tương không kìm được nóng giận nên dốc toàn bộ quân lính ra đánh trận. Quân Tiê`n Tâ`n vừa đánh vừa lui như Diêu Tương Tam Nguyên, ở đó có quân mai

phục săn nhất tê` xông ra tấn công Diêu Tương, bao vây Diêu Tương đứng giữa. Diêu Tương ngô`i trên ngựa định đột phá vòng vây chạy trô`n, bỗng nhiên con ngựa chiê`n hất ông ta ngã xuô`ng đâ`t, quân Tiê`n Tâ`n xông đê`n bắt giữ Diêu Tương và giải ông ta đê`n gặp Phù Kiên. Phù Kiên biê`t tính Diêu Tương râ`t hiên ngang khó lòng thu phục được liê`n sai lính chém chê`t.

THÁI TÔ (DIÊU TRƯỜNG) (HẬU TÂ`N)

Thái Tô, ông ta tên là Diêu Trường (330-393). Ông ta tên là Cảnh mậu. Ông là con trai thứ 24 của Diêu Dặc Trọng. Sau khi Diêu Tương chê`t, Diêu Trường được các quâ`n thâ`n trong tộc Khương giúp lên kê` vị, sau đó ông ta xung đê` . Ông trị vị được 10 năm, bị bệnh chê`t hưởng thọ 64 tuổi. Mai táng ở Nguyên Lãng. (nay thuộc huyện Trường An tỉnh Thiểm Tây).

*

Sau khi Diêu Tương bị giê`t, linh cữu của Diêu Dặc Trọng bị Phù Kiên (triê`u Tiê`n Tâ`n) cướp đoạt, Diêu Trường bị Phù Kiên dùng linh cữu cha đê` ép buộc đâ`u hàng, do đó Diêu Trường phải quy phục Phù Kiên và đi theo ông ta đánh trận, trong chiê`n trận Diêu Trường lập được nhiê`u công lớn nên được phong làm tướng quân ở Long Tương. Sau trận chiê`n ở Phì Thủy, Mô Dung dâ`y binh đánh Tiê`n Tâ`n, Diêu Trường và Phù Nhuệ đi nghênh chiê`n nhưng quân của Diêu Trường và Phù Nhuệ bị đánh cho đại bại. Phù Kiên sai sứ giả bắt Diêu Trường về` kinh nhưng Diêu Trường đã chạy trô`n đê`n Vị Bă`c. Năm 384, một sô` người cư trú ở Tây Châu, Doãn Tường (là quý tộc ở dân tộc Khương, Triệu Diệu. Sài Quảng và Doãn Vĩ... đã dẫn 50.000 hộ dân ủng hộ Diêu Trường làm chủ nhân, ông xưng là đại tướng quân, đại đơn vự, Tâ`n Vương, ông cho đổi niên hiệu là "Bách Tước", tiê`n đê`n cư trú ở phía Bă`c (nay thuộc phía Đông Nam huyện Diêu tỉnh Thiểm Tây), ông cho xây dựng chính quyê`n, trong sử gọi là Hậu Tâ`n. Năm 385, ông giê`t Phù Kiên. Tháng 4 năm 386 ông xung đê` , và sai đặt đó ở Trường An, vẫn để quô`c hiệu là "Đại Tâ`n" và đổi niên hiệu là "Kiê`n Sô".

Sau khi xưng đế, Diêu Trùờng luôn đố i chọi với Phù Đãng (triệu Tiết Tần) ở khu vực Quan Long. Năm 292, Diêu Trùờng xuất quân đi đánh Phù Đãng. Nhưng trên đường hành quân đế n Tân Chi, chẳng mang Diêu Trùờng bị ngã bệnh, đêm đê n ông ta mơ thấy Phù Kiên dẫn sứ giả ở thiên quan và vài trăm ma quỷ xông vào doanh trại, ông ta sợ quá chạy vào cung. Người trong cung rất mê tín, liền chuyển ông ta ra khỏi chỗ có ma quỷ, nhưng bệnh tình của ông ta lại chuyển ra nguy kịch, ông vội triệu tập thái úy Diêu Dân, thượng thư Doãn Vĩ đê n tiê p nhận di lệnh, sau đó sai gọi thái tử Diêu Hưng đê n căn dặn: "Những đại thần Diêu Nhân, Doãn Vĩ... đê u là những người giúp trẫm trong lúc hoạn nạn, nê u ai đó nói xâ u bọn họ, con không được tin những lời bịa đặt đó. Con đố i với cô t nhục phải thân ái, đô i xử với quâ n thâ n phải tín nghĩa, có chuyện gì quan trọng phải bàn bạc chọn lực phuong pháp tôt nhất câ n phải ban ơn cho bà con trãm họ. Nê u con làm được 4 điê u đó thì sẽ gãy dựng được cảnh quô c thái dân an, trãm có chê t cũng an lòng". Vài ngày sau, ông ta băng hà.

Sau khi Diêu Trùờng chê t đặt hiệu miê u là Thái Tổ.

CAO TÔ (DIÊU HƯNG) (HẬU TÂ N)

Cao Tổ, ông ta tên là Diêu Hưng (366-416). Tên tự của ông là Tử Lược. Ông là con trưởng của Diêu Trùờng. Ông lên kế vị sau khi cha mât, trị vì được 23 năm, trong lúc bị bệnh thì con trai ông là Diêu Âm đã làm loạn và cướp ngôi, do vậy ông sợ quá mà chê t, hưởng thọ 51 tuổi. Mai táng ở Ngụy Lãng.

*

Năm 393 Diêu Trùờng bị bệnh chê t. Diêu Hưng đã lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Hoàng Sơ".

Sau khi lên ngôi, Diêu Hưng lâ n lượt diệt vong triều Tiết Tần, triều Hậu Lương và thu phục được Tây Tần, còn trong nội bộ quô c gia ông sai giê t các cường hào dân tộc Khuong và dân tộc Hán, phóng thích các nô tù, ông huân luyện và dạy dỗ các quan coi ngục ở

các quận huyện phải thận trọng trong việc sử dụng các hình phạt; ông còn cho mới cao tăng Cưu Ma Lặc Kê` và sai ông ta dịch kinh Phật thành tiê` ng Hán, sao chép thành nhiê` u quyển, việc đó giúp Phật giáo lưu hành rộng rãi ở miê` n Bă` c. Diêu Hưng sai lập Diêu Hoă` ng làm thái tử, nhưng các con của Diêu Hưng lại tranh giành nhau quyê` n lực. Tháng 2 năm 416 Diêu Hưng dẫn quân xuô` ng phía nam trên đường đi ông bị bệnh, do đó thuộc hạ phải đưa ông quay về Trường An, bệnh tình của ông mỗi lúc một nguy kịch. Em gái ông biê` t tin vội vàng vào cung thăm hỏi, nhưng ông cũng không còn sức trả lời, những câu hỏi của em gái, mọi người trong cung thâ` y vậy họ đoán ông să` p chê` t nên vô cùng hoang mang. Con trai nhỏ của ông là Diêu Canh nghe thâ` y tin đó vội vàng chạy tới chỗ anh trai là Diêu Âm nói: "Phụ Vương să` p băng hà, anh hãy nhanh chóng câ` m nă` m ngôi vị đi". Lúc đó thái tử Diêu Hoă` ng đang chăm sóc vua cha. Diêu Âm sai tập hợp các tay chân là Sán Xung và Diêu Vũ Bôi... đánh thăng vào Đoan Môn, quân phản loạn còn trèo tường xông thăng vào Mā Đạo. Diêu Hoă` ng vội sai các tướng sĩ trong cung trâ` n giữ những chỗ quan trọng và kho vũ khí, Diêu Âm không làm cách nào đột nhập vào trong cung nên đành ra lệnh bao vây ở Đoan Môn. Người trong cung sợ hãi chạy náo loạn và đã làm kinh động đê` n Diêu Hưng, ông vội sai thị vệ dùi ra khỏi cung, điê` u đó làm cho dũng khí của cả m` v`e quân thêm phâ` n khởi, còn quân phản loạn nhìn thâ` y ông thì chạy tan tác, Diêu Âm phải chạy trô` n. Diêu Hưng ra lệnh xử tội chê` t con trai ông là Diêu Bật (Diêu Bật đã mā` y lâ` n làm phản để cướp đoạt ngôi vị) nhă` m làm gương cho những người con khác. Sau việc đó Diêu Hưng bị tổn hại nghiêm trọng vê` tinh thâ` n, vài ngày sau ông mā` t tại cung trong thành Trường An.

Sau khi ông mā` t, đặt hiệu miê` u là Cao Tô và thụy hiệu là Hă` ng Đê` .

HẬU CHỦ (DIÊU HOĂ` NG) (HẬU TÂ` N)

Hậu Chủ, ông ta tên là Diêu Hoă` ng (388-417). Tên tự của ông là Nguyễn Tử, ông là con trai cả của Cao Tô Diêu Hưng. Ông lên kế` vi sau khi cha mā` t, ông trị vì được 2 năm, sau đó bị Lưu Dục triê` u

Đông Tấn diệt vong nên phải đấu hàng cuối cùng bị giết. Thọ 30 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Diêu Hưng trị vì đã lập Diêu Hoắng làm thái tử. Sau khi Diêu Hưng mấ́t, Diêu Hoắng kế́ nhiệm, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Hòa".

Diêu Hoắng thích bàn luận về` học thuật, đặc biệt ông rất thích thơ ca. Sau khi lên ngôi, ông bị các em là: Diêu Âm, Diêu Tê` , Diêu Khôi... thay nhau nỗi loạn cướp đoạt ngôi vị. Ông phải mấ́t 4 lấn diê`u binh mới dẹp yên, bình định được nội chiến.

Năm 417, Lưu Dục (triê`u Đông Tấn) đem quân chinh phạt phương Bắc, sai các tướng lĩnh Trấm Điê`n, Phó Hoắng đánh phá Vũ Quan, chiếm giữ Thanh Ni... thê` địch rất mạnh khiến Diêu Hoắng phải đích thân dẫn vài vạn quân ra nghênh chiến. Từ nhỏ đến lớn Diêu Hoắng chưa bao giờ phải trải qua một trận chiến với quy mô lớn, lấn này quân Tấn chỉ có 1.000 người la hét khiêu khích, khiến Diêu Hoắng phẫn nộ quất ngựa đuổi đánh, vài vạn quân cũng đê`u bỏ chạy. Quân Tấn thừa cơ xông vào thành Trường An, Diêu Hoắng đơn thương độc mã đành phải xin đấu hàng. Lúc này con trai ông là Diêu Niệm Phật (chỉ có 11 tuổi) đã khóc và khuyên can cha: "Nế u bệ hạ đấu hàng, người Tấn sẽ thừa cơ lấn tới, chắc gì họ tha mạng cho chúng ta, như vậy khác gì đào huyệt tự chôn sống mình". Diêu Hoắng trấm tư không nói gì, thấy vậy Diêu Niệm Phật liê`n trèo lên tường thành nhảy xuống tự vẫn. Diêu Hoắng dẫn gia tộc và quấn thấn tới doanh trại quân Tấn xin đấu hàng, quả nhiên bị Lưu Dục giải vê` Kiến An và sai người chém chết.

Trong lịch sử gọi Diêu Hoắng là Hậu Chủ. Triê`u Hậu Tấn bị diệt vong.

TÂY TÂN

(Năm 385-431, tổng cộng 47 năm)

Triệu Tông Tây Tần có 4 đế vương, trong đó có hai người bị bệnh chết, một người mất nước đầu hàng nên bị giết, một người bị giết trong cuộc nội chiến.

LIỆT TỔ (KHÁT PHỤC QUỐC NHÂN) (TÂY TÂN)

Liệt Tổ, ông ta tên là Khát Phục Quốc Nhân (?-388) Ông là thủ lĩnh bộ lạc dân tộc Tiên Ti, về sau ông tự xưng vương. Ông trị vì được 4 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Khát Phục Quốc Nhân là người dân tộc Tiên Ti ở Lũng Tây. Cha của ông là Khát Phục Ti Phòen là thủ lĩnh bộ lạc dân tộc Tiên Ti và đã quy phục triều Tiên Tần. Sau khi Ty Phòen chết, Quốc Nhân kế nhiệm chức vị. Sau trận chiến ở Phi Thủy, Quốc Nhân đã quay về Lũng Tây chiếm một phuong. Tháng 9 năm 385 ông tự xưng là đại đô đốc, đại tướng quân, đại đơn vu, thống lĩnh 2 châu: Tân Châu và Hà Châu, ông sai định đô ở thành Dũng Sĩ (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Du Trung tỉnh Cam Túc), ông đặt niên hiệu là "Kiến Nghĩa". Trong lịch sử gọi là Tây Tần. Sau khi ông gây dựng chính quyền đã xin làm đại thần cho triều Tiên Tần và đã được thái tông Phù Đăng phong làm Uyển Xuyên Vương. Tháng 6 năm 388, ông bị bệnh mất tại thành Dũng Sĩ.

Sau khi ông chết, lập hiệu miếu là Liệt Tổ, và còn gọi là Tuyên Liệt Vương.

CAO TỔ (KHÁT PHỤC CÀN QUY) (TÂY TÂN)

Cao Tồ, ông ta tên là Khất Phục Càn Quy (?-412). Ông là em trai của Khất Phục Quốc Nhân. Sau khi anh trai chết, ông được tôn làm chủ nhân. Ông trị vì 25 năm, sau đó bị cháu là Khất Phục Công Phủ giết hại. Mai táng ở Nguyên Bình Lãng.

*

Tháng 6 năm 388 Khất Phục Quốc Nhân bị ốm chết, những người trong bộ lạc tôn Khất Phục Càn Quy làm chủ nhân, sau khi kế vị ông đổi niên hiệu là "Thái Sơ". Và cho dời đô đến Kim Thành.

Phù Đãng (triếu Tiến Tấn) phong cho ông làm Hà Nam Vương, Kim Thành Vương. Năm 400 ông được gọi là Tây Tấn Vương. Tháng 7 ông đấu hàng Thốc Phát Lợi Lộc Cô (triếu Nam Lương). Tháng 8 ông lại quy hàng triếu Hậu Tấn. Tháng 7 năm 409 ông xưng vương và cho đổi niên hiệu là "Canh Thủy".

Trong thời gian trị vì, ông đã chiếm lĩnh toàn bộ vùng Lũng Tây. Tháng 6 năm 412 Càn Quy đi du lịch ở Ngũ Khê. Buổi tôt hôm đó, cháu ông là Khất Phục Công Phủ vì hận ông được kế́ vị còn bắn thân anh ta là con trai của Quốc Nhân mà không được làm vua, do vậy lợi dụng thời cơ Càn Quy ngủ trong vườn thượng uyển nên anh ta cùng thuộc hạ xông vào đó sát hại Càn Quy, sau đó chạy về triếu để lấy lại ngôi vị nhưng bị con trưởng của Càn Quy là Khất Phục Xí Bàn giết chết.

Sau khi Càn Quy chết, lập miếu đặt hiệu là Cao Tồ, đặt thụy hiệu là Vũ Nguyên Vương.

THÁI TÔ (KHẤT PHỤC XÍ BÀN) (TÂY TẤN)

Thái Tồ, ông ta tên là: Khất Phục Xí Bàn (?-428) Ông là con trai cả của Cao Tồ Khất Phục Càn Quy. Sau khi Càn Quy bị Khất Phục Công Phủ sát hại, Xí Bàn giết Công Phủ và lên kế́ vị. Ông trị vì 17 năm bị bệnh chết. Mai táng ở Vũ Bình Lãng.

*

Thời Khất Phục Càn Quy trị vì đã lập Xí Bàn làm thái tử, Xí Bàn từng theo cha đấu hàng Hậu Tấn và được phong làm tướng quân, thái thú Hưng Tấn. Tháng 7 năm 409, triều Hậu Tấn suy bại ông theo cha quay về Uyển Châu (nay thuộc huyện Du Trung tỉnh Cam Túc). Cha của ông được phục hồi chức vị Tây Tấn Vương, còn ông được phong làm tướng quân trấn giữ miến Tây, tá hiến vương. Bình Xương Công. Tháng 6 năm 412 ông giết Khất Phục Công Phủ và dẹp yên được nội loạn, ông lên ngôi kế́ vị và cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Khang". Tháng 5 năm 428 Xí Bàn chết, ông để lại di chiếu cho thái tử Mộ Mạt kế́ vị.

Sau khi Xí Bàn chết đặt hiệu miếu là Thái Tô, đặt thụy hiệu là Chiêu Vương.

HÂU CHỦ (KHẤT PHỤC MỘ MẠT) (TÂY TẤN)

âu Chủ, ông ta tên là Khất Phục Mộ Mạt (?-431), tên tự của ông là An Thạch. Ông là con trai thứ hai của Thái Tô Khất Phục Xí Bàn. Ông kế́ vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 4 năm, sau đó quy hàng nước Hạ và bị giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 6 năm 428 Xí Bàn bị bệnh chết, Mộ Mạt lên kế́ vị, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Hoắng". Sau khi Mộ Mạt lên ngôi, ông ta liên tiếp đi chính phạt triều Tiến Lương, khiến cho quố́c gia bị hao tổn nặng nề́ về́ người và của, thế nước dấn yếu, ông dùng hình phạt rất nghiêm khắc và tàn bạo khiến cho dân chúng nổi loạn. Sau đó ông bị Hách Liên Định (triều Hạ) vây đánh và cuối cùng phải quy hàng triều Bắc Ngụy. Triều Bắc Ngụy sai lính đón ông ta về́ Bình Dương, ông ta phá bỏ thành ấp tiêu hủy ấn ngọc và dẫn 15.000 hộ dân đi xuống phía Đông. Đi đến được Thượng Quy (nay thuộc phía Đông Nam huyện Du Lâm tỉnh Thiểm Tây) thì bị Hách Liên Định đột kích do đó phải lui về́ Nam An (nay thuộc phía Đông Nam huyện Lũng Tây tỉnh Cam Túc). Hách Liên Định phái thúc phụ là Hách Liên Vi dẫn quân bao vây thành Nam An. Ông cố thủ không ra đánh trả, sau đó trong thành cạn kiệt lương thực, không còn cách

nào khác Mộ Mạt đành phải ngậm ngọc bích cởi trâ`n, trói hai tay đê`n đâ`u hàng. Sau đó bị giải đê`n Thượng Khúc và bị chém chê`t cùng với hơn 500 tông thâ`t.

Trong sử gọi Khâ`t Phục Mộ Mạt là Hậu Chủ. Triê`u Tây Tâ`n bị diệt vong.

ĐẠI QUỐC

(Năm 315-376, tổng cộng 62 năm)

Triều Đại Quốc có 7 đế vương, trong đó có 2 người bị ôm chét; 3 người bị giết trong nội chiến, một người chết do phiền muộn, một người không rõ ra sao.

*

ĐẠI VƯƠNG (THÁC BẠT PHỐ CĂN) (ĐẠI QUỐC)

Thác Bạt Phố Căn (?-316). Ông là cháu của Thác Bạt Y Lộ. Sau khi Thác Bạt Y Lộ bị con trai của Thác Bạt Lục Tu hãm hại chém, Phố Căn đã khởi binh sát hại con trai của Lục Tu và Phố Căn tự xưng vương. Được vài tháng thì ôm chém. Mai táng ở đâu không rõ.

*

ĐẠI VƯƠNG (THÁC BẠT UẬT LUẬT) (ĐẠI QUỐC)

Thác Bạt Uất Luật (?-320). Ông là cháu Thác Bạt Y Lộ. Ông lên kế vị sau khi Thác Bạt Phố Căn ôm chém. Ông trị vì được 5 năm, sau đó bị vợ của Thác Bạt Y Lộ hại chém. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thác Bạt Uất Luật là em họ của Thác Bạt Phố Căn, sau khi Phố Căn chém, Uất Luật lên kế vị.

Trong thời gian Phố Căn trị vì, ông đánh bại Lưu Hỗ và thu phục được em họ của Lưu Hỗ là Lưu Lộ, tiến xung phía Tây và đoạt được vùng đất Ó Tôn, tiến xung phía Đông chiếm được quận Cát Tây, dàn dàn ông có binh hùng tướng mạnh và một thời xưng

hùng ở phương Bắc. Ông từ chối kế thừa giao với triều Hậu Triệu và Đông Tân.

Năm 320 vợ của Thác Bạt Y Lộ là Duy Thị muôn lập con trai mình là Thác Bạt Hạ Nộ làm vua, do đó bà ta đã âm thầm chiêu nạp binh sĩ và tướng lĩnh, thừa cơ phát động chính biến. Unterstützer Luật là con người chính nghĩa hào phóng do đó ông không để phòng nên bị giết chết cùng mấy mươi tướng lĩnh thân tín.

Lúc này, con của Thác Bạt Unterstützer Luật tên là Thác Bạt Thập Dực Kiện vốn chỉ là một đứa trẻ mới lọt lòng nên được mẹ giữ ở trong áo. Duy Thị thấy vợ của Unterstützer Luật chỉ có một thân một mình nên đã thả cho cô ta đi, do đó Thập Dực Kiện đã bảo toàn được tính mạng theo mẹ và anh trai là Dực Hòe di ẩn cư tại Hạ Lan Bộ.

ĐẠI VƯƠNG (THÁC BẠT HẠ NỘ) (ĐẠI QUỐC)

Thác Bạt Hạ Nộ (?-324). Ông là con trai của Thác Bạt Y Lộ. Mẹ của ông ta giết Thác Bạt Unterstützer Luật và lập Hạ Nộ làm vương. Ông trị vì được 4 năm, do người trong bộ lạc không phục sự thống trị của ông ta, do vậy ông ta sinh bệnh buồn rầu mà chết, ông mất tại Đông Mục Căn. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thác Bạt Hạ Nộ được mẹ đẻ giúp lập làm vua sau khi bà ta giết hại Thác Bạt Unterstützer Luật, tuy Hạ Nộ làm vua nhưng mẹ ông ta thường chê p chính và rát chuyên quyền.

Năm 324, Hạ Nộ chính thức tự giải quyết công việc triều chính. Ông ta tính tình nhu nhược, không có đủ tài trí để cai trị báu vật trăm họ, vì vậy có tù trưởng bộ lạc đều không trung thành và không phục đô i với Họ Nộ. Điều đó khiến Hạ Nộ sinh ra chán nản và buồn phiền, ông đi đến núi Đông Mục Căn dựng một tòa thánh để sống qua ngày. Tuy sống ở chỗ mới nhưng ông luôn lo sợ các tù trưởng đén ép buộc nên đã sinh bệnh trầm uất và băng hà tại nơi đó.

ĐẠI VƯƠNG (THỐ C BẠT HỢP NÁ)

Thố c Bạt Hợp Ná năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Thố c Bạt Y Lộ và là em trai của Thố c Bạt Hạ Nộ. Ông lên kế́ nhiệm sau khi anh trai mất. Ông trị vì được 6 năm, bị Thố c Bạt Dực Hòe đánh bại phải chạy đến đất Yên. Chuyện vế sau ra sao không rõ.

*

Sau khi Thố c Đạt Hạ Nộ chết. Thố c Đạt Hợp á tiếp nhận ngôi vị.

Hợp Ná là một người kiên cường dũng mãnh, vì vậy sau khi đăng quang ông thu phục được các tù trưởng. Từ lâu ông ta biết con cái của Thố c Phát Uất Nộ ẩn trốn trong Hạ Lan Bộ. Ông ta liến đi dò hỏi tù trưởng Cát Đấu (tù trưởng Cát Đấu là cậu của Dực Hòe và Thập Dực Kiện), khi Hạ Nộ hỏi đến anh em nhà Dực Hòe, tù trưởng Cát Đấu từ chối không biết gì về` tin tức của Dực Hòe, sau đó Cát Đấu đi đến triếu Hậu Triệu nhờ giúp đỡ mang quân tới tấn công Hạ Nộ và lập Dực Hòe làm vương. Sau đó, Cát Đấu ý vào công lao nên đã làm càn, khiến Dực Hòe đành phải giết ông ta, do vậy gây nên cuộc nội chiến. Hợp Ná cũng chớp thời cơ để tạo phản. Năm 330 Dực Hòe phải chạy đến Nghiệp Thành nhờ Thạch Hồ (triếu Hậu Triệu) giúp đỡ, Dực Hòe phải mang em trai là Thập Dực Kiện làm con tin ở triếu Hậu Triệu. Sau khi có con tin, Thạch Hồ mới dẫn quân giúp Dực Hòe tấn công Hợp Ná. Hai bên đánh nhau trong vài tháng, nhưng các tù trưởng bộ lạc của Hợp Ná liên tiếp chạy trốn, ông ta không có cách gì chống trả được nên chạy tới đất Yên, chuyện vế sau ra sao không rõ lắm.

ĐẠI VƯƠNG (THỐ C PHÁT DỰC HÒE) (ĐẠI QUỐ́C)

Thố c Phát Dực Hòe (?-338). Ông là con trai của Thố c Phát Uất Luật, sau khi ông đánh bại Thố c Phát Hợp Ná và đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được 9 năm bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi xưng vương Thốc Phát Dực Hòe cho dựng đô ở Thịnh Lạc.

Năm 388 Dực Hòe bị bệnh, ông sai gọi hai em trai là Thốc Phát Khuất và Thốc Phát Cô (hai người này là em cùng cha khác mẹ với Dực Hòe) đến dặn dò: "Quả nhân khó lòng sống được. Hai khanh đếu không phải người tài có thể trị được quốc gia, xem ra chỉ có Thốc Phát Thập Dực Kiện có thể gánh vác trách nhiệm này, hãy đi đón Thập Dực Kiện về` kê` vị, có làm như thế mới có thể bảo tô`n được quốc gia và giúp cho Đại Quốc tô`n tại lâu dài".

Sau khi Dực Hòe chết, Thốc Phát Khuất muốn cướp quyến đoạt vĩ do đó các tù trưởng phải giết Thốc Phát Khuất và Lập Thốc Phát Cô lên ngôi. Nhưng Thốc Phát Cô một mực chối từ, ông nhất định tuân theo di chiếu của anh trưởng, ông vội vàng đi đến triếu Hậu Triệu vận động Thạch Hổ thả con tin, đón Thập Dực Kiện về` kê` vị.

ĐẠI VƯƠNG (THỐC PHÁT THẬP DỰC KIÊN) (ĐẠI QUỐC)

Đại Vương, ông ta tên là Thốc Phát Thập Dực Kiện (320-376). Ông là con trai của Thốc Phát Uất Luật. Sau khi Thốc Phát Dực Hòe chết, Thốc Phát Cô đã đến triếu Hậu Triệu đón ông ta về` Đại Quốc và đế Thập Dực Kiện tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được 39 năm, Đại Quốc bị Phù Kiên (triê`u Tiê`n Tâ`n) diệt vong và bị con giết chết. Ông thọ 57 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 338 Thốc Phát Dực Hòe chết, Thốc Phát Cô chối từ kêt nhiệm ngôi vị và Thốc Phát Cô đi đến triếu Hậu Triệu đón Thốc Phát Thập Dực Kiện về` . Tháng 11 năm 338, Thập Dực Kiện làm lễ đăng quang ngôi vị ở phía Bắc thành Phô`n Trĩ (nay thuộc phía Tây huyện Hỗn Nguyên tỉnh Sơn Tây), đặt niên hiệu là "Kiê`n Quốc". Sau đó ông dời đô đến Thịnh Lạc.

Từ nhỏ Thập Dực Kiện phải đi làm con tin ở Trương Quốc (triều Hậu Triệu) (nay thuộc huyện Hình Trị tỉnh Hà Bắc), do đó ông tiếp thu được nhiều ảnh hưởng của nền văn hóa dân tộc Hán và học được rất nhiều ché độ điền chưởng của vùng Trung Nguyên. Sau khi lên ngôi. Ông trọng dụng những văn nhân người Hán như: Yên Phụng, Hứa Liêm... Ông dựa vào ché độ của triều Tần cũng phân bổ bá quan văn võ đặt ra hình pháp, ổn định được cục diện của dân tộc. Ông ta nhiều lần đánh các bộ lạc lân cận để mở rộng thêm lực, chiếm cứ được phần phía Nam của khu vực Nội Mông Cổ và phía Bắc tỉnh Sơn Tây. Khiến cho dân số trong nước do ông cai trị tăng đến 100.000 người. Đây là thời kỳ hưng thịnh của Đại Quốc.

Tháng 11 năm 376, Phù Kiên (triều Tiên Tần) thô ng lĩnh 300.000 quân lính tấn công Đại Quốc. Quân của Thập Dực Kiện liên tiếp bị thất bại, còn bản thân Thập Dực Kiện cũng bị ôm, ông đánh phải chạy trốn đến phía Bắc của Âm Sơn (nay thuộc phía Bắc thành phố Bao Đầu khu Nội Mông Cổ). Sau đó bị quân Cao Xa chặn đánh, ông lại phải quay về Mạc Nam, cư trú ở Vân Trung (nay thuộc khu vực Nội Mông Cổ). Con trai thứ của ông cho r้าง phụ vương muôn giờ tò mò để lập con của Mộ Dung Phi làm người kế vị, cho nên anh ta đã triệu tập thuộc hạ xông vào doanh trại của phụ vương, đầu tiên giờ tò mò chém em cùng cha khác mẹ lúc này đang canh giữ ở ngoài cửa trại, sau đó xông vào bên trong định ép buộc phụ vương, nhưng Thập Dực Kiện bị quân phản loạn chém chết. Quân Tiên Tần thừa cơ tiến đến tấn công thành Vân Trung và giờ tò mò chém đứa con phản nghịch của Thập Dực Kiện và thôn tính được toàn bộ Đại Quốc khiến cho Đại Quốc bị diệt vong.

Có một thuyết khác nói: Thập Dực Kiện bị Phù Kiên bắt làm tù binh giải đến Trường An cho ông vào Thái Học để học lễ nghĩa.

ĐẠI HẠ

(Năm 407-431, tổng cộng 25 năm)

Đại Hạ có 3 đế vương, trong đó một người bị bệnh ché t, hai người bị gié t khi bị bă t làm tù binh.

THÁI TÔ (HÁCH LIÊN BỘT BỘT) (ĐẠI HẠ)

Thê Tô, ông ta tên là Hách Liên Bột Bột (381-425) tên tự của ông là Khuâ t Tử. Ông là người dân tộc Hung Nô. Ông được triệ u Hậu Tâ n phong làm Ngũ Nguyên Công, sau đó ông tự xung đê . Ông trị vì được 19 năm bị bệnh ché t. Hướng thọ 45 tuổi. Mai táng ở Gia Bình Lãng.

*

Hách Liên Bột Bột là người bộ lạc Thiê t Phâ t thuộc tộc Hung Nô. Cha của ông là Hách Liên Lưu Vệ được Phù Kiên (Tiê n Tâ n) phong làm Tây Đơn Vu, quản lý bộ lạc ở vùng Hà Tây. Sau này Hách Liên Lưu Vệ bị ché t trong cuộc chiê n đánh nhau với bộ tộc của dòng họ Thô c Phát; Hách Liên Bột Bột phải dẫn dân trong bộ lạc chạy xuô ng phía Nam để dựa dẫm vào Diêu Hưng (triê u hậu Tâ n) và được Diêu Hưng phong cho làm Ngũ Nguyên Công. Năm 407 ông chiêu tập quâ n chúng và tự lập xưng là Thiên Vương, đại đon vu, ông đặt quô c hiệu là "Đại Hạ", đặt niên hiệu là "Long Biê n". Trong sử gọi là Hạ. Năm 413 ông chiê m lĩnh được thành Thô ng Vạn (nay thuộc huyện tĩnh, Biên tĩnh Thiểm Tây) Ông định chọn nơi đó làm đô thành, nhưng vê sau triê u Đông Tâ n diệt vong triê u Hậu Tâ n, ông đánh bại triê u Đông Tâ n, đánh chiê m được Quang Trung, chiê m cứ Trường An, tháng 11 năm 418 ông xung đê và đổi niên hiệu là "Xương Vũ". Ở Trường An ông sai bô trí xây một Nam Đài, cho thái tử Hách Liên Quý quản lý vùng Ung Châu, thượng thư quản lý ở Nam Đài. Còn ông quay vê thành Thô ng Vạn. Được một thời gian ông nghi ngờ thái tử Hách Liên Quý không trung hiê u, ông

lên phế bỏ địa vị của Hách Liên Quý. Bị cha phế bỏ địa vị Hách Liên Quý oán hận cha nên khởi binh tấn công Hách Liên Bột Bột nhưng bị em trai là Hách Liên Xương đánh bại và giết chết. Hách Liên Bột Bột lại lập Hách Liên Xương làm thái tử.

Trong những năm Hách Liên Bột Bột trị vì, ông ta tàn sát hung bạo, tự cao tự đại quá độ, sát hại bách tính ở vùng Quang Trung.

Tháng 8 năm 425, ông ta tạ thế bại điện Vĩnh An đô thành Thống Vạn.

Sau khi ông ta chết lập miếu đặt hiệu là Thê Tổ.

PHẾ CHỦ (HÁCH LIÊN XƯƠNG) (ĐẠI HẠ)

hết Chủ, ông ta tên là Hách Liên Xương (?-431) tên tự của ông là Hoàn Quốc. Ông là con trai thứ hai của Hách Liên Bột Bột. Sau khi cha chết, ông tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được 4 năm, bị Bắc Ngụy bắt giữ và giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 425 Hách Liên Bột Bột ôm chết, Hách Liên Xương tiếp nhận ngôi vị, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Quang" (có một thuyết khác nói là "Thừa Quang").

Tháng 5 năm 428, Thống Phát Đạo (triều Bắc Ngụy) chiếm được thành Thống Vạn và chiếm thành áp khác của Hách Liên Xương. Hách Liên Xương dẫn quân phản kích, trong lúc chiến đấu con ngựa của ông bị thương ở chân trước nên Hách Liên Bột Bột bị quân địch bắt giữ và giải đến Bình Thành (nay thuộc thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây). Thống Phát Đạo thả Hách Liên Xương là người tài giỏi có nghĩa khí lại tinh thông về cưỡi ngựa bắn cung do đó đã thu phục và gả em gái là công chúa Thủy Bình, cho ông ta sống ở Tây Quan Môn. Một thời gian sau lại phong cho làm Xương Tán Vương và thường dẫn ông đi săn bắn.

Năm 431, Hách Liên Xương có ý đồ phục quốc tìm cơ chạy khỏi thành Bình Thành, chạy xuông phía Tây chiêu nạp quân lính. Nhưng đênen Hà Tây bị chặn đánh và ông ta bị chết trận.

Trong sử gọi ông ta là Phê Chu.

HẬU CHỦ (HÁCH LIÊN ĐỊNH) (ĐẠI HẠ)

Hậu Chu, ông ta tên là Hách Liên Định (?-431). Ông là con trai thứ 5 của Hách Liên Bột Bột và là em trai của Hách Liên Xương. Sau khi anh trai bị bắt giữ. Hách Liên Định đã tự xưng đế. Ông trị vì được 4 năm, bị Thổ Cốc Hỗn bắt làm tù binh, bị Thổ Cốc Phát Đạo giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Hách Liên Định được phong làm Bình Nguyên Vương. Năm 428 Hách Liên Xương bị triều Bắc Ngụy bắt làm tù binh nên vào tháng 2 năm 428 Hách Liên Định làm lễ đăng quang và lên ngôi vương tại Bình Nguyên, ông đổi niên hiệu là "Thắng Quang".

Sau khi Hách Liên Định lên ngôi, Thổ Cốc Phát Đạo đã mang quân vây đánh, Thổ Cốc Phát Đạo sai bao vây những cứ điểm quan trọng ở Bình Nguyên. Hách Liên Định dẫn quân đi giải cứu, đi được nửa đường bị quân Bắc Ngụy bao vây. Lúc đột phá được vòng vây thì lại bị tướng quân Khâu Quyền Lan chặn đánh. Ông ta một thân một mình tìm cách thoát thân sau đó lại tìm cách thu thập tàn quân và chạy đênen Thượng Quy.

Tháng 1 năm 431 Hách Liên Định dẫn 10.000 quân tấn công Nam An, tấn công và thu phục được Khát Phục Mộ Mạt (triều Tây Tần). Ông giải Mộ Mạt về thành Thượng Quy khiến triều Tây Tần bị diệt vong.

Tháng 6 năm 431 Hách Liên Định lại ép buộc bách bách dẫn 100.000 người xuông tấn công triều Bắc Lương, ông ta định lâylý triều Bắc Lương làm bàn đạp. Ông đênen được Trị Thành (nay phía Tây Hoàng Hà tỉnh Cam Túc) định qua sông Hoàng Hà thì bị Thổ

Cốc Hỗn (là đô`ng minh của triê`u Bắc Ngụy) dẫn 30.000 quân đánh úp, quân của Đại Hạ ché́t quá 1/2. Hách Liên Định vượt qua sông chạy được lên bờ tìm đường chạy trốn, nhưng cũng bị Thô Cốc Hỗn tóm bắt áp giải về` thành Bình Thành của triê`u Bắc Ngụy và bị Thốc Phát Đạo giết ché́t.

Trong sử gọi ông là Hậu Chủ.

Triê`u Đại Hạ bị diệt vong.

NHU NHIÊN

(402-555, tổng cộng 154 năm)

Nhu Nhiên có 18 Kha Hān (Kha Hān là danh từ để chỉ giai cά p thô ng trị cao nhâ t trong bộ tộc của dân tộc: Tiên Ti, Đột Quyê t, Hô i Hột, Mông Cổ...) trong đó 7 Kha Hān bị bệnh ché t, 2 Kha Hān do làm mā t nước chạy đê n triê u Tây Ngụy, sau đó bị Đột Quyê t chém ché t, 1 Kha Hān bị bại trận bă t làm tù binh và bị giê t, 1 Kha Hān thâ t trận nên tự sát, 1 Kha Hān bị thuộc hạ giê t, 5 Kha Hān ché t trong nội chiê n, 1 Kha Hān ché t vì buô n râ u.

*

KHA HĀN KHÂU ĐẬU ĐẠI (UÂ T CŨU LƯ XÃ LUẬN) (NHU NHIÊN)

Kha Hān Khâu Đậu Đại, ông ta tên là Uâ t Cũu Lư Xã Luận (? -410). Ông là cháu đời thứ 6 của Mục Cô t Lư, sau này ông ta tự xung là Kha Hān. Ông trị vì được 9 năm, bị chiê n bại trong tay quân Bă c Ngụy bị bệnh ché t trên đường rút quân vê . Mai táng ở đâu không rõ.

*

Kha Hān Khâu Đậu Đại, ông ta tên là Uâ t Cũu Lư Xã Luận. Ông là cháu đời thứ 6 của Mục Cô t Lư.

Mục Cô t Lư vô n là một đứa trẻ (không biê t họ tên) được quân của Đại Quô c bă t được tên đường đi đánh trận (thô i Thô c Phát Y Lộ) và bị xung làm nô lệ, được đặt tên là: Mục Cô t Lư (có nghĩa là Hói đâ u). Sau khi trưởng thành Mục Cô t Lư được bãi miễn thân phận nô lệ và được xung vào quân kị binh. Vì vi phạm pháp lệnh nên bị khép vào tội ché t, do đó Mục Cô t Lư đã bỏ trô n. Ông ta rủ rê được hơn 100 người cùng chạy trô n và họ cư trú ở Quảng Mô (nay thuộc Đại Sa Mô ở cao nguyên Mông Cổ), một thời gian sau chạy đê n bộ tộc Hột Quyê t. Sau khi ông ta ché t, con trai của ông ta là Xa Lộc

Hội đã tự lập ra một bộ tộc, gọi là Nhu Nhiên, còn Thô c Phát Đạo triều Bă c Ngụy gọi là "Nhu Nhu" (tức là nhúch nhích), trong lịch sử lai gọi là: "Nhu Nhu". Con cháu ông ta là y biê n âm của Mộc Cô t Lư làm họ là: Uâ t Cữu Lư. Sau khi Xa Lộc Hội chê t thì con trai là Thô Nô Khôi nên tiê p nhận chức vị. Thô Nô Khôi chê t thì con trai là Bạt Đê nê thay. Bạt Đê chê t thì con trai là Địa Túc Ai nê kê nhiệm. Sau khi Địa Túc Ai Chê t, bộ lạc Nhu Nhiên chia làm hai bộ: Con trưởng của ông ta là Phát Hâ u Bạt thô ng lĩnh bộ lạc ở phía Đông còn con thứ là Uẩn Hột Đê thô ng lĩnh bộ lạc ở phía Tây sau này bị triều Bă c Ngụy đánh bại và thu phục được đưa đê n cư trú ở Vân Trung. Một thời gian sau con của Uẩn Hột Đê là Khát Đa Hân làm phản nên bị triều Bă c Ngụy đánh bại và giê t chê t. Cháu của Khát Đa Hân là Uâ t Cữu Lư Xã Luận và Uâ t Cữu Lư Học Luật đã dẫn hơn 100 thị dân chạy đê n chỗ Thâ t Hâ u Đê , Thâ t Hâ u Đê thu nhận họ nhưng sai lính giám sát.

Uâ t Cữu Lư Xã Luận là một người dũng mãnh và có mưu lược, ông ta lãnh đạo người trong bộ lạc giê t Thâ t Hâ u Đê , chinh phục được bộ tộc Cao Xa và bộ tộc Hung Nô, khô ng chê được một vùng rộng lớn xung hùng ở vùng Mô Bă c. Tháng 1 năm 402 ông ta tự xưng là Khâu Đại Kha Hân, ông cho xây dựng vương triều ở Nhược Lạc Thủy, học theo chê độ quân pháp của tộc Hán, cho binh lính học tập và rèn luyện cách bài binh bô trận, huâ n luyện quân sĩ "sẵn sàng tử vì quô c gia vì dân tộc". Ông đã đặt nê n móng cho một quô c gia có chê độ nô lệ.

Sau khi ông ta xưng làm Kha Hân, ông thâ y thê lực của triều Bă c Ngụy ở vùng Trung Nguyên râ t mạnh, do đó ông đã kêt giao với các chính quyê n ở Trung Nguyên, tập trung lực lượng chinh phạt các bộ lạc ở vùng Mô Bă c và đã thuâ n phục được nhiê u bộ lạc ở lân cận, trên thực tế đã nhâ t nhâ t được vùng Bă c Mô.

Vào những năm cuô i đời, 2 em trai của ông ta là Uâ t Cữu Lư Duyệt Đại và Uâ t Cữu Lư Đại Ná có ý đô làm loạn, muô n cướp đoạt ngôi vị Kha Hân nhưng sự việc bị Uâ t Cữu Lư Xã Luận biê t, hai em của ông ta phải chạy đê n triều Bă c Ngụy và được phong làm quan.

Năm 410, triều Bắc Ngụy tân công triều Nhu Nhiên, triều Nhu Nhiên bị thua trận. Tháng 5, ông đã mất trên đường rút quân.

KHA HAN CÁT KHỒ CÁI (UẬT CỨU LƯ HỘC LUẬT) (NHU NHIỄM)

Kha Hân Cát Khồ Cái, ông ta tên là Uất Cữu Lư Học Luật (?-414). Ông là em trai của Uất Cữu Lư Xã Luận. Ông lên kế vị sau khi anh trai mất. Ông trị vì được 4 năm, bị hạ thành đưa đến triều Bắc Yên, sau đó bị Mã Bạt giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 5 năm 410 Uất Cữu Lư Xã Luận bị ôm chết vì con trai ông còn nhỏ tuổi, nên lên ngôi không lòng được dân trong bộ tộc tin phục, do đó Xã Luận đã để di chiêu cho Uất Cữu Lư Hội Luật làm Kha Hân, dân chúng gọi ông là Cát Khồ Cái (tức ý ám chỉ vị vua có tư chất tốt đẹp)

Sau khi Học Luật kế vị, ông duy trì những quóc sách do Xã Luận đặt ra từ trước, ông dẫn quân đi chinh phục được một số tiểu quoc, ông còn kết tình thân giao với Phùng Bạt (Bắc Yên), năm 411 ông xin Phùng Bạt gả công chúa Nữ Lạc Lãng và gửi 3.000 con ngựa tót làm lễ vật cầu hôn.

Tháng 5 năm 418, Phùng Bạt đồng ý gả công chúa cho Học Luật và xin cưới con gái của Học Luật làm vợ. Cháu của Học Luật là Uất Cữu Lư Bộ Lộc Chân muôn cướp ngôi nên đi rêu rao và nói với đại thần Thụ Lê: "Kha Hân ra lệnh cho con gái làm thị nữ và sai cô ta đi cùng công chúa tới nước yên". Thụ Lê nghe xong, phẫn nộ vô cùng, ông ta hạ lệnh cho một số tay chân thân tín buổi tối mai phục ngoài doanh trại của Kha Hân, đợi Học Luật đi ra ngoài sẽ bắt giữ, đem hai cha con Học Luật đến thành Hòa Long, giao cho Phùng Bạt. Mã Bạt lây lẽ nghĩa để đối với cha con họ, phong cho Học Luật làm thượng Cốc Hầu còn con gái của Học Luật làm Tả Chiêu Nghĩa (đây là một đẳng cấp trong các cấp của phi tần)

Cũng vào năm đó, Học Luật biết tin quoc gia của ông có biến loạn nên muôn đem quân đi dẹp bỏ, lần lượt ông đi cầu xin Phùng

Bạt cho phép ông quay về nước hội ngộ với thuộc hạ lâ y lại ngôi vị. Phùng Bạt đành hạ lệnh cho bộ tướng là Vạn Lãng dẫn 300 binh sĩ hộ tống Hộc Luật trở về. Nào ngờ Vạn Lãng lo lắng nêu tiê n vào biên giới Nhu Nhiêm sẽ bị quy tội đột nhập trái phép, khi đi đến núi Hắc Sơn, ông ta âm thầm giế t chê t Uâ t Cữu Luật.

KHA HÃN UÂ T CŨU LU BỘ LỘC CHÂN (NHU NHIÊM)

Uâ t Cữu Lư Bộ Lộc Chân (?-414). Ông ta là cháu của Uâ t Cữu Lư Hộc Luật, ông ta âm mưu cướp ngôi của Hộc Luật. Nhưng Bộ Lộc Chân trị vì chưa được một năm thì bị Uâ t Cữu Lư Đại Đàn hâm hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 5 năm 414 Uâ t Cữu Lư Bộ Lộc Chân xúi giục đại thâ n Thụ Lê mang thúc phụ Uâ t Cữu Lư Hộc Luật giải đê n triề u Bă c Yên, sau đó Bộ Lộc Chân kê nhiệm ngôi vị Kha Hân và ủy thác cho Thụ Lê đảm trách công việc triề u chính.

Ít lâu sau thuộc hạ là Sâ t Lạc hâ u phát động chính biê n, lật đổ Bộ Lộc Chân và lập em họ của Bộ Lộc Chân là Uâ t Cữu Lư Đại Đàn làm Kha Hân, tay chân của Sâ t Lạc Hâ u đã mật báo chuyện này cho Bộ Lộc Chân biê t. Ông ta liê n phái 8.000 lính bao vây nhà Sâ t Lạc Hâ u, Sâ t Lạc Hâ u không có cách gì chô ng đỡ đành tiêu hủy gia tài rô i tự sát. Sau khi tiêu diệt Sâ t Lạc Hâ u, Bộ Lộc Chân dẫn đại quân tâ n công Đại Đán nhưng thua trận bị bă t làm tù binh sau đó bị Đại Đàn giê t.

KHA HÃN MÂU HÃN HỘT THĂNG CÁI (UÂ T CŨU LU ĐẠI ĐÀN) (NHU NHIÊM)

Mâu Hân Hột Thăng Cái Kha Hân, ông ta tên là Uâ t Cữu Lư Đại Đàn (?-429). Ông là con của Kha Hân Uâ t Cữu Lư Hộc Luật và là cháu của Kha Hân Uâ t Cữu Lư Hộc Luật. Ông tiê p nhận ngôi vị sau khi Bộ Lộc Chân chê t. Ông trị vì được 15 năm, bị bệnh chê t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Uất Cũu Lư Đại Đàn từng thống lĩnh quân đội đi trấn thủ ở Tây Giới được dân tin phục. Năm 417 sau khi giế́t Bộ Lộc Chân, ông được phong làm Kha Hãn và gọi là Kha Hãn Mâu Hãn Hột Thăng Cái (có ý nghĩa là vị vua của thắng lợi).

Trong những năm Đại Đàn trị vì, triếu Bắc Ngụy muốn thống nhất 2 miến Nam Bắc, họ liên tiếp dẫn quân tấn công triếu Nhu Nhiễm, hai bên đánh nhau đếu có lúc thắng lúc thua.

Năm 429, thái vụ Đế Thác Bạt Đạo (triếu Bắc Ngụy) đích thân dẫn đấu cuộc chinh phạt, chia ra làm hai cánh quân tiến công triếu Nhu Nhiễm, muốn đánh chiếm lại đô thành Thịnh Lạc (thành Thịnh Lạc trước đây là của triếu Bắc Ngụy nhưng bị bộ lạc Nhu Nhiễm chiếm giữ). Đại Đàn dẫn quân nghênh chiến, bao vây Thác Bạt Đạo. Quân của Thác Bạt Đạo liếu chết chiến đấu, Thác Bạt Đạo bắn chết đại tướng của triếu Nhu Nhiễm là Bộ Càn, khiến quân Nhu Nhiễm hoảng sợ bỏ chạy tán loạn. (có một thuyết khác nói: Đại Đàn ra lệnh cho Bộ Càn làm thống sứ, nhưng cha của Bộ Càn đã đấu hàng quân Bắc Ngụy, do đó các thuộc hạ và binh lính không tin tưởng Bộ Càn nên họ phát động binh biến khiên Đại Đàn phải lui quân). Thác Bạt Đạo thừa thắng tấn công, lúc này nhân dân các bộ tộc trước đây bị triếu Nhu Nhiễm thu phục cũng đống loạt nổi dậy khởi nghĩa, điếu đó làm cho chính quyến Nhu Nhiễm mắc kẹt ở giữa "nội công ngoại kích", thế lực của triếu Nhu Nhiễm bị gọt bỏ. Điếu đó khiến Đại Đàn sinh ra trấm uất, tháng 7 ông ta băng hà.

KHA HÃN SẮC LIÊN (UẤT CŨU LƯ NGÔ ĐẾ) (NHU NHIỄM)

Sắc Liên Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cũu Lư Ngô Đế (?-444). Ông là con trai của Kha Hãn Uất Cũu Lư Đại Đàn, kế́ nhiệm sau khi cha chết. Ông trị vì được 15 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 7 năm 429 Đại Đàn bị bệnh ché́t, Ngô Đếp nhận ngôi vị, và được gọi là Kha Hán Sắc Liên (có ý nghĩa là vị vua của thấn thánh).

Sau khi lên ngôi, Ngô Đếp biế́t lực lượng của mình yếu kém và suy yếu, do đó ông ta chủ động cầ́u hòa với triếu Bắc Ngụy. Còn triếu Bắc Ngụy do liên tiếp đi đánh trận súc lực quân lính bị hao tổn nhiếu nên cũng muốn nghỉ ngơi, họ cũng đống ý với yêu cầ́u của Ngô Đếp. Năm 431, hai mươi thuộc hạ của Ngô Đếp du nhập vào biên giới của Bắc Ngụy và bị bắt làm tù binh. Thác Bạt Đạo biế́t tin liến sai thá họ để biếu lộ tình cảm bạn bè gắn bó. Ngô Đếp vô cùng cảm động sai sứ giả cṍng tiến cho triếu Bắc Ngụy nhiếu đồ́ vật quý. Tháng 2 năm 432 Ngô Đếp gả em gái mình cho Thác Bạt Đạo, Thác Bạt Đạo phong cô ta làm Tả Chiêu Nghĩa, Ngô Đếp biế́t tin liến sai anh trai dẫn vài trăm người tới gặp mặt Thác Bạt Đạo để cảm tạ. Sau chuyện này, hai bên duy trì được mối quan hệ hữu hảo trong một khoảng thời gian.

Tháng 9 năm 444 Ngô Đếp bị bệnh ché́t.

KHA HÃN SỦ LA (UẤT CŨU LƯ THỔ HẠ CHÂN) (NHU NHIỄM)

Sử La Kha Hán, ông ta tên là Uất Cữu Lư Thổ Hạ Chân (?-464). Ông là con trai của Uất Cữu Lư Ngô Đếp. Ông kế́ vị sau khi cha ché́t, trị vì 19 năm, bị bệnh ché́t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 9 năm 444 Ngô Đếp bị bệnh ché́t. Thổ Hạ Chân tiếp nhận ngôi vị, gọi là Kha Hán Sử La (có ý nghĩa là vị vua duy nhất). Trong những năm trị vì, quan hệ giao hữu giữa Bắc Ngụy và Nhu Nhiêm bị rạn nứt. Năm 449 triếu Bắc Ngụy phát động cuộc chiến với quy mô lớn tấn công Nhu Nhiêm. Thổ Hạ Chân sợ hãi dẫn dân trong tộc chạy trốn. Tháng 9 lai bị vua Cao Xa tấn công, Thổ Hạ Chân tập hợp toàn bộ quân tinh nhuệ, bao vây quân của vua Cao Xa. Quân Cao Xa cṍ thủ trường kỳ, hai bên đè chừng nhau vài ngày, Thổ Hạ Chân thấu khiêu khích mắng mỏ mà quân Cao Xa không nói gì, ông ta

nghi ngờ quân Cao Xa có chủ ý gì đó, chắc chắn đợi đại quân đế́n tiếp viện giúp phá vỡ vòng vây. Vì vậy, ông ta ra lệnh: trong đêm tối phải dẫn vòng vây lui ra xa. Quân Cao Xa vội vàng đuổi theo, cứ đuổi nhau như vậy mãi 9 ngày 9 đêm, cuối cùng quân Cao Xa cũng đuổi được quân Nhu Nhiễm. Năm 458 quân Bắc Ngụy lại tiếp nỗ lực đánh khiến quân Nhu Nhiễm đại bại tốn thất nghiêm trọng về người và của. Thổ Hạ Chân đành dẫn quân đội chạy đi xa, lực lượng trong nước lại bị tước bỏ và suy yếu.

Tháng 7 năm 464 Thổ Hạ Chân bị bệnh chết.

KHA HÃN ÁI LA BỘ CHÂN (UẤT CŨU LÚ MÂU THÀNH) (NHU NHIỄM)

Ái La Bộ Chân Kha Hän, ông ta tên là Uất Cữu Lư Mâu Thành). Ông là con trai của Uất Cữu Lư Thổ Hạ Chân. Ông tiếp nhận ngôi vị sau khi cha mất. Ông trị vì 21 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 7 năm 464 Uất Cữu Lư Thổ Hạ Chân ốm chết, con trai ông ta là Uất Cữu Lư Mâu Thành đứng ra tiếp nhận ngôi vị, đặt niên hiệu là "Vĩnh Khang" và được gọi là: Kha Hän Ái La Bộ Chân (có nghĩa là vị vua nhân ai và trí tuệ).

Ông muốn gây dựng lại tình bạn thân ái với triều Bắc Ngụy do vậy vài lần tới triều Bắc Ngụy xin cưới hôn (vì những chuyện xưa nên không đạt được ý nguyện)

Năm 485, Mâu Thành bị ốm chết.

KHA HÃN PHỤC DANH ĐÔN (UẤT CŨU LÚ ĐẬU LUẬN) (NHU NHIỄM)

Phục Danh Đôn Kha Hän, ông ta tên là Uất Cữu Lư Đậu Luận (? -492). Ông là con trai của Uất Cữu Lư Mâu Thành. Ông lên kế vị sau khi cha chết. Trị vì được 7 năm thì bị dân chúng sát hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi cha chết, Đậu Luận đứng ra tiếp nhận ngôi vị, ông đổi niên hiệu là "Thái Bình" và gọi là Kha Hân Phục Danh Đôn (có ý nghĩa là vị vua vĩnh hắng).

Đậu Luân là một người hung ác, ông ta yêu thích sự chém giết, các hạ thấn: Hấu Y, Thạch Lạc Hấu... nhiếu lấn can gián xin ông ta hãy kêt giao bạn bè với những láng giếng, không nên tấn công trung nguyên để bảo toàn sự yên ổn. Ông ta phẫn nộ, sai ghép Thạch Lạc Hấu vào tội mưu phản giết Thạch Lạc hấu và cho chu di tam tộc. Quân chúng thấy Đậu Luân là 1 kẻ bất nhân, họ đếu vô cùng bất bình và tỏ thái độ phản đối. Tháng 8 năm 492 thuộc hạ của ông ta là A Phục Chí La dẫn 100.000 dân xuống phía Tây và xung vuong ở đó. Đậu Luận thống lĩnh quân đội xuất phát từ phía Tây Bắc đuổi đánh, xuất phát từ phía Tây Nam do thúc phụ của ông ta Ná Cái thống lĩnh quân đội đuổi theo A Phục Chí La. Ná Cái nhiếu lấn đánh trận, trận nào cũng cấm chắc phấn thắng, do vậy các thuộc hạ không muốn ông ta dẫn quân đi đánh A Phục Chí La, họ đếu muốn lập Ná Cái làm Kha Hân nhưng ông nhất định chối từ, các binh lính và dân chúng đành phải giết mẹ con Đậu Luân ép Ná Cái tiếp nhận ngôi vị.

KHA HÂN HẬU KỲ PHỤC ĐẠI KHỐ GIẢ (UẤT CŨU LÚNÁ CÁI) (NHU NHIỄM)

Hậu kỳ phục đại khố giả Kha Hân, ông ta tên là Uất Cữu Lư Ná Cái (?-506). Ông là em trai của Uất Cữu Lư Mâu Thành và là chú của Uất Cữu Lư Đậu Luân. Ông lên ngôi sau khi Đậu Luận bị giết. Ông trị vì được 15 năm. Bị bệnh chết, mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Uất Cữu Lư Đậu Luân trị vì, dân chúng muốn phế bỏ Đậu Luân và lập Uất Cữu Lư Ná Cái làm Kha Hân nhưng ông ta chối từ. Họ đành giết Đậu Luân ép buộc Ná Cái tiếp vị, không còn cách nào khác ông miễn cưỡng lên ngôi, ông đổi niên hiệu là "Thái An" và được gọi là: Kha Hân hậu kỳ phục đại khố giả (có ý nghĩa là vị vua vui vẻ)

Tháng 10 năm 506 ông bị ôm chê t.

ĐÀ HÃN KHA HÃN
(UẤT CŨU LU PHỤ ĐÔ`)

Đà Hân Kha Hân, ông ta tên là Uất Cữu Lư Phục Đô` (?-508). Ông là con trai của Uất Cữu Lư Ná Cái. Ông lên kế vị sau khi cha chê t. Ông trị vì được 2 năm, bị vua Cao Xa bắt làm tù binh và gié́t hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi cha mât, Uất Cữu Lư Phục Đô` đứng ra tiếp nhận ngôi vị, ông đổi niên hiệu là "Thủy Bình" và được gọi là: Kha Hân Đà Hân (có ý là vị vua quản lý việc nước phân minh).

Năm 508, ông mang quân xuống phía Tây chinh phạt nước Cao Xa nhưng đại bại và bị cua Cao Xa bắt làm tù binh, vua Cao Xa chặt đấu Phục Đô` gửi đến triếu Bắc Ngụy.

KHA HÃN ĐẬU LA PHỤC BẠT ĐẬU ĐẠI (UẤT CŨU LU SƯU
NÔ)
(NHU NHIỄM)

Đậu La Phục Bạt Đậu Đại Kha Hân. Ông ta tên là Uất Cữu Lư Sưu Nô (?-520). Ông là con trai của Kha Hân Uất Cữu Lư Phục Đô`. Cha của ông ta bị vua Cao Xa gié́t vì vật ông đã tiếp nhận ngôi báu. Ông trị vì được 12 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 508 Uất Cữu Lư Phục Đô` bị vua Cao Xa gié́t hại, Uất Cữu Lư Sưu Nô lên kế vị, đổi niên hiệu là "Kiến Xương", và ông được gọi là Kha Hân Đậu La Phục Bạt Đậu Đại (có ý là vị vua uy danh vang dội)

Sưu Nô rất giỏi dùng binh. Năm 493 dời đô đến Lạc Dương, chiến tranh giữa Nhu Nhiêm và Bắc Ngụy cũng giảm bớt đi, cuộc chiến giữa dân tộc Sắc Lặc và triếu Nhu Nhiêm cũng đi vào giai đoạn chót. Ông muốn báo thù cho cha nên dẫn quân xuống phía

tây, đánh bại Cao Xa và giế́t ché́t vua Cao Xa. Trong thời gian trị vì, thế lực trong nước dấn dấn được khôi phục.

Sửu Nô rất mê tín và tin vào bói toán. Mẹ của ông ta vốn là vợ của Uất Cữu Lư Đậu Luận, sau khi Đậu Luận ché́t, bà ta được gả cho Uất Cữu Lư Phục Đô` và đã sinh được 6 người con: Tô Huệ, Sửu Nô, A Ná Quê` ... Sau khi Sửu Nô kêt` vị, đột nhiên Tô Huệ bị mât tích. Ông sai người đi tìm khắp nơi nhưng đếu không có tin tức. Thuộc hạ của Sửu Nô liến dẫn ông đi gặp một bà bói tên là Khuong Địa Vạn, cô ta khoảng 20 tuổi nhưng hành nghê` bói toán từ rất lâu rô`i, cô ta nói Tô Huệ đã đi lên trời, chỉ có cô ta là người duy nhất có thể gọi Tô Huệ quay về` trấn gian. Sửu Nô nhờ cô ta làm phép thuật quả nhiên thấy Tô Huệ xuất hiện ở nhà. Sửu Nô hỏi chuyện Tô Huệ lên trời làm gì, Tô Huệ nói rõ chân tướng sự việc: hóa ra Tô Huệ không lên trời, mà bị Khuong Địa Vạn cṍ tình giả́u gié́m bắt nhốt ở trong mật thất. Sửu Nô không tin lời nói của Tô Huệ. Địa Vạn thấy Tô Huệ vạch trấn chân tướng, lo lắng chuyện đó sẽ ảnh hưởng cho mọi chuyện vê` sau, do vậy cô ta dùng lời lẽ mê từ khích bác Sửu Nô giế́t Tô Huệ, nên mẹ của ông ta vô cùng ghét bỏ Sửu Nô.

Năm 520, bộ lạc A Chí Mẽ tấn công Nhu Nhiễm Sửu Nô phải mang quân đi dẹp, nhưng bị tộc A Chí Mẽ đánh cho đại bại và phải lui quân vê` . Mẹ của ông bàn bạc với các đại thấn và cuối cùng giế́t ché́t Sửu Nô.

KHA HÃN LIÊN ĐÂ`U BINH ĐẬU ĐẠI (UẤT CỦU LU` A NÀ QUÊ`) (NHU NHIỄM)

Liên Đâ`u Binh Đậu Đại Kha Hân, ông ta tên là Uất Cữu Lư A Nà Quê` (?-552). Ông ta là em trai của Uất Cữu Lư Sửu Nô, ông lên kế visau khi anh trai ché́t. Trị vì 32 năm, sau đó bị tộc Đột Quyết đánh bại và tự sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 520 Uất Cữu Nô bị mẹ giế́t, do vậy tháng 9 năm 520 Uất Cữu Lư A Nà Quê` được lập làm Kha Hân.

A Nà Quê lên ngôi được 10 ngày thì bị Kỳ Lực Phát Thị Phát huy động binh lính để tranh đoạt ngôi vị. A Ná Cái bị đánh bại và chạy đến Lạc Dương để u hàng triều Băc Ngụy, được Hiếu Minh đế Nguyên Hử phong làm quận công ở phương Bắc. Tháng 12 năm 520, Nguyên Hử lại chiêu u theo yêu cầu của A Nà Quê giúp đỡ A Nà Quê quay về Mô Băc - khôi phục lại sự thống trị. Năm 525, Nguyên Hử A Nà Cái mượn 10.000 lính của triều Băc Ngụy đi đàn áp cuộc khởi nghĩa của Lục Hán Bạt Lãng (người dân tộc Hung Nô), chiếm giữ được biên giới cũ của triều Băc Ngụy. Ông ta cũng áp dụng nền chính quyền gióng như tộc Hán, phân bổ các chức quan lại, xây dựng và khôi phục lại chính quyền Nhu Nhiễm. Sau khi chính quyền Băc Ngụy bị phân chia, triều Đông Ngụy và Tây Ngụy đều tích cực ủng hộ A Nà Quê, A Nà Quê cũng ra sức loidụng lực lượng của 2 nước đó và kế tinh thâm giao với 2 nước, khiến cho nền kinh tế và văn hóa của Mô Băc và Trung Nguyên được giao lưu mật thiết. Triều Nhu Nhiễm lại bước vào thời hưng thịnh.

Năm 552, thủ lĩnh dân tộc Đột Quyết là Thổ Môn hàng phục được mây vạn dân của tộc Sắc Lặc, ông ta khởi binh tấn công Nhu Nhiễm, triều Nhu Nhiễm bị đánh đại bại, A Nà Quê phải tự sát.

DI NGU KHẨ XÃ CÂU KHA HÃN (UẤT CỬU LU BÀ LA MÔN) (NUH NHIỄM)

Di Ngu Khả Xã Câu Kha Hän, ông ta tên là Uất Cửu Lu Bà La Môn (?-542). Ông là anh họ của Kha Hän Uất Cửu Lu A Na Quê. Khi A Nà Quê chạy đến triều Băc Ngụy nên Bà La Môn được lập làm Kha Hän. Ông ta trị vì được 4 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 520, A Nà Quê bị Kỳ Lực Phát Thị Phát đánh bại phải chạy đến triều Băc Ngụy, do đó Uất Cửu Lu Bà La Môn thõng lĩnh 100.000 dân giết chết Kỳ Lực Phát Thị Phát. Bà La Môn được các thị dân lập làm Kha Hän, gọi là Kha Hän Di Ngu Khả Xã Câu (tức là vị vua an ninh). Triều Băc Ngụy biết tin liền sai sứ giả tới gặp Bà La Môn, yêu cầu ông trả lại ngôi vị cho A Nà Quê. Ông ta không cam

tâm tình nguyệt trả lại ngôi vị nhưng lại sợ đắc tội với triề́u Bắc Ngụy, ông đành phái hai đại thấn: Mệ Hà Khú Phấn và Kỳ Cán Khâu Đấu... thống lĩnh 2.000 người đi đón A Nà Quế về triề́u. A Nà Quế trên đường quay về nước, ông biết Bà La Môn không muốn nhường lại ngôi vị mà có ý đố mưu phản, A Nà Quế sợ hãi không dám đi tiếp, ông ta định quay về triề́u Bắc Ngụy. Lúc này đại quân của nước Cao Xa đánh vào triề́u Nhu Nhiễm, Bà La Môn không chống đỡ được bị thua liềng xiềng, do đó chạy đến Lương Châu quy phục triề́u Bắc Ngụy, nhờ vậy A Nà Quế khôi phục được quyến lực. Về sau A nà Quế bị tộc Đột Quyết đánh cho đại bại phải tự sát.

Sau chuyện này Bà La Môn chuyển đến cư trú ở Lạc Dương và bị bệnh chết tại Lạc Dương.

KHA HÃN THIẾT ĐẠI (UẤT CỦU LÚ THIẾT ĐẠI) (NHU NHIỄM)

Thiết Đại Kha Hãn, ông ta tên là Uất Cửu Lư Thiết Đại (?-553). Ông ta là cháu họ của Uất Cửu Lư A Nà Quế.

A Nà Quế bị tộc Đột Quyết đánh bại nên tự sát, con trai của A Nà Quế chạy đến triề́u Bắc Tế. Do đó Thiết Đại được lập làm Kha Hãn. Ông trị vì được 1 năm bị người của dân tộc Khiết Đan giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Uất Cửu Lư A Nà Quế tự sát, con trai của ông ta thống lĩnh những người trong bộ tộc chạy đến đấu hàng triề́u Bắc Tế, còn những thị dân ở lại đã lập Uất Cửu Lư Thiết Đại làm Kha Hãn.

Tháng 2 năm 553, Thiết Đại bị người trong tộc Khiết Đan hãm hại.

KHA HÃN DĂNG CHÚ (UẤT CỦU LÚ DĂNG KỲ LỢI) (NHU NHIỄM)

Đăng Chú Kha Hān, ông ta tên là Uất Cửu Lư Đăng Chú Kỳ Lợi (? -553). Cha ông ta là Uất Cửu Lư Thiết Đại. Cha của ông bị hại chết, nên những người trong tộc lập ông làm Kha Hān. Ông ở ngôi chưa được 1 tháng thì bị thuộc hạ giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 2 năm 553 Uất Cửu Lư Thiết Đại bị người trong bộ tộc Khiết Đan hại chết, thị dân lập Uất Cửu Lư Đăng Chú Kỳ Lợi làm Kha Hān.

Được mười mây ngày thì ông bị đại thấn là A Phú sát hại

KHA HĀN KHỐ ĐÊ` (UẤT CỬU LƯ KHỐ ĐÊ`) (NHU NHIỄM)

Khố Đê` Kha Hān, ông ta tên là Uất Cửu Lư Khố Đê`. Năm sinh và năm mây t không rõ. Ông ta là con trai của Uất Cửu Đăng Chú Kỳ Lợi. Ông lên kế́ vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 9 tháng, bị triều đình Bắc tế phế truất, chuyện vế sau ra sao không rõ.

*

Tháng 2 năm 553 Uất Cửu Lư Đăng Chú Kỳ Lợi bị đại thấn giết chết nên Uất Cửu Lư Khố Đê` đứng ra tiếp nhận ngôi vị.

Cũng vào năm 553, dân tộc Đột Quyết lại tấn công triều Nhu Nhiêm, Khố Đê` dẫn dân trong tộc chạy đến triều Bắc Tê`. Văn Tuyên Đê` Cao Dương (triều Bắc Tê`) dẫn quân tới phuong Bắc đánh bại tộc Đột Quyết, tiếp nhận triều Nhu Nhiêm. Tháng 11, triều Bắc Tê` phế truất Khố Đê` và cho con trai của Uất Cửu Lư A Nà Quế làm Kha Hān. Chuyện của Khố Đê` vế sau ra sao không rõ.

KHA HĀN AM LA THÌN (UẤT CỬU LƯ AM LA THÌN) (NHU NHIỄM)

Am La Thìn Kha Hān, ông ta tên là Uất Cửu Lư Am La Thìn ? -555). Ông là con trai của Uất Cửu Lư A Nà Cái và là em họ của Uất

Cửu Lư Khố Đế. Sau khi triề́ u Bắ c Tế phế truấ t Khố Đế đã lập Am La Thìn làm Kha Hᾶn. Ông trị vì được một năm, bị tộc Đột Quyế t chém chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 552, Uấ t Cửu Lư A Nà Cái bị tộc Đột Quyế t đánh cho đại bại và dẫn đế n tự sát, con trai ông ta là A La Thìn dẫn đám tàn quân chạy đế n triề́ u Bắ c Tế. Tháng 11 năm 553, triề́ u Bắ c Tế phế truấ t Khố Đế và lập Am La Thìn làm Kha Hᾶn và sǎ́ p xế p cho bộ tộc của ông ta cư trú ở Mã Ấ p Xuyên (nay thuộc tỉnh Sơn Đông) và còn cung cấ p cho lương thực, vải vóc... Tháng 3 năm 554, Am La Thìn phản lại triề́ u Bắ c Tế, chạy về` Mô Bắ c.

Năm 555, Am La Thìn nhiế u lấ n tấ n công dân tộc Đột Quyế t nhưng không giành thắ ng lợi do vậy khó giữ vững nế n thố ng trị. Ông ta đành dẫn 1.000 hộ dân chạy đế n Quan Trung quy phục Tây Ngụy. Thời kỳ này tộc Đột Quyế t rấ t hưng thịnh và còn kêt tình bạn bè với triề́ u Tây Ngụy, tộc Đột Quyế t phái sứ giả đế n triề́ u Tây Ngụy yêu cầ́ u giế t hế t những người ở triề́ u Nhu Nhiễm. Cung Đế Nguyên Khoách (triề́ u Tây Ngụy) để bảo tố n ngôi vị và bị áp lực của triề́ u Đột Quyế t nên đã giao cả nhà Am La Thìn và 3.000 thị dân Nhu Nhiễm cho sứ giả của Đột Quyế t; sau đó tấ t cả bọn họ bị chém ở ngoại thành Thanh Môn đô thành Trường An.

KHA HᾶN ĐĂNG THÚC TỬ (UẤ T CỦU LU ĐĂNG THÚC TỬ) (NHU NHIỄM)

Đặng Thúc Tử Kha Hᾶn, ông tên là Uấ t Cửu Lư Đặng Thúc Tử (?) -555). Ông là chú của Kha Hᾶn Uấ t Cửu Lư A Nà Quế được một tộc khác của triề́ u Nhu Nhiễm lập làm Kha Hᾶn. Ông trị vì được 2 năm, bị tộc Đột Quyế t chém chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 3 năm 555. Uấ t Cửu Lư Đặng Thúc Tử được một tộc khác của triề́ u Nhu Nhiễm lập làm Kha Hᾶn.

Năm 555, tộc Đột Quyết tâ n công Đặng Thúc Tử, ông phải chạy đê n triêu Tây Ngụy và cũng bị chém chết với Am La Thìn và các thị dân khác ở ngoại thành Thanh Môn đô thành Trường An.

Triệu Nhu Nhiễm bị diệt vong.

NAM BẮC TRIỀU

(Năm 420-589, tổng cộng 170 năm)

Năm 420 đại tướng Lưu Dụu triều Đông Tấn đứng ra phế bỏ hoàng đế́ Đông Tấn và tự xưng làm hoàng đế́. Trong vòng 170 năm, miến Nam Trung Quốc lấn lượt trải qua các triề́u đại: Tống, Tế, Lương, Trấn, trong lịch sử gọi là Nam triề́u. Triề́u Bắc Ngụy của miến Bắc Trung Quốc vào năm 439 đã thống nhất được miến Bắc Trung Quốc phân chia ra hai triề́u: Đông Ngụy và Tây Ngụy. Vế sau triề́u Đông Ngụy bị Cao Dương cướp ngôi và tạo dựng ra triề́u Bắc Tế, triề́u Tây Ngụy bị Vũ Hán Thái cướp ngôi tạo dựng triề́u Bắc Chu. Cá 5 triề́u đại này trong sử gọi là Nam Triề́u. Nam triề́u và Bắc triề́u hội hợp thành Nam Bắc triề́u.

Thời kỳ Nam Bắc triề́u là thời kỳ sau của triề́u Đông Tấn và 16 nước chia rẽ, và đã hình thành chính quyến Nam Bắc đối nghịch nhau, đây cũng là thời kỳ dung hợp các dân tộc.

BẢNG BIỂU PHÂN CHIA CỦA CHÍNH QUYỀN NAM BẮC TRIỀU

Đông Ngụy - Bắc Tề

Bắc triều: Bắc Ngụy

Bắc Chu

Nam Ngụy - Bắc Chu

Tùy

Nam triều: Tống

Tề

Lương

Trân

NAM TRIỀU

(Năm 420-589, tổng cộng 170 năm)

TRIỀU TÔNG

(Năm 420-479, tổng cộng 60 năm)

Triệu Tông có 8 đệ vương, trong đó có 3 người bị bệnh chét, một người do mất nước bị phế truất và bị hại chét, bốn người chết trong cuộc nội chiến.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về thái tử Lưu Thiệu. Ông ta bị chết trong nội chiến.

VŨ ĐẾ (LUU DU) (TÔNG)

Vũ đế, ông ta tên là Lưu Du (363-422) tên tự của ông là: Kỳ Nô. Ông xuất thân trong một gia đình nghèo nàn. Thời Đông Tấn do ông lập được nhiều chiến công nên được phong làm Tông Vương, sau đó ông diệt vong nhà Tán tạo lập ra nhà Tông, mở ra sự đổi mới nghịch với triều Bắc Ngụy. Ông trị vì được 3 năm, bị bệnh chết. Hướng thọ 60 tuổi. Mai táng ở Sơ Ninh Lăng (nay ở núi Bắc Cường phía đông huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô)

*

Lưu Du là người ở Bành Thành (Tô Tịch) (nay thuộc thành phố Từ Châu tỉnh Giang Tô), sau đó ông dời đến cư trú ở Kinh Khẩu (nay thuộc thành phố Trà Vinh Giang tỉnh Giang Tô). Vì nhỏ ông phải bán giày cỏ làm kế sinh nhai, gia cảnh rât bần hàn. Sau khi gia nhập quân đội, lúc đầu chỉ làm nhiệm vụ nhỏ bé trong quân đội của triều đình Đông Tấn, sau khi đàn áp được cuộc khởi nghĩa của Tôn Tu và Lư Tuân ông được phong làm thái thú ở Hạ Phi. Năm 405, ông đánh bại được Hạng Huyễn (người định đoạt ngôi của triều Tán), ông nắm được quyền lực trong triều đình. Năm 409 ông diệt vong triều Nam Yên và đánh bại được Lư Tuân. Năm 412 ông thu phục được nước Ba Thục. Năm 417 đánh vào thành Trường An diệt vong triều Hậu Tán và được phong làm Tông Vương. Ngày Đinh Mão tháng 6 năm 420 ông diệt vong triều Tán và tạo dựng triều Tông, ông sai đặt đô ở Kiến Khang, đặt niên hiệu là "Vĩnh Sơ". Trong lịch sử gọi là "Lưu Tông". Đây là mở màn cho Nam triều và luôn đổi mới nghịch với Bắc triều.

Trong những năm Lưu Dụ trị vì, ông đã thực hiện chế độ "Phổ Đoán" (tức là biên chế hộ khẩu ở các quận huyện). Cưỡng chế thôn tính các cường hào địa chủ, giảm nhẹ tô thuế, phỏng thích nô lệ và cho binh lính giải ngũ về quê. Trong sinh hoạt hàng ngày, ông cũng tiết kiệm, không xa hoa, không thích hào hoa và cũng có ít phi tần. Một viên quan ở Nin Châu đã cõng tiềng cho ông một cái gối bao ngỗng hổ phách, đây là một bảo vật vô giá, ông cũng ít khi nhìn thấy. Thờiitan công triều Hậu Tần, có người nói hổ phách có thể chữa trị được vết thương, ông liền sai người đem chặt cái gối hổ phách đó ra làm nhiều mảnh và phân phát cho tướng lĩnh để làm thuốc chữa thương. Sau khi bình định được vùng Quan Trung, ông lấy được một cô gái rất đẹp, họ cô ta là Diêu, ông rất sủng ái cô gái đó. Hạ thần Tạ Höi can gián ông không nên vì nữ sáu mà hủy hoại danh vọng, ông liền đuổi cô gái ra khỏi cung. Khi bị bệnh các quan thần khuyên ông đi cầu Thanh Phật phù hộ độ trì chi tai qua nạn khói, ông đã chối từ lời khuyên đó ta ra lệnh cho thái y tìm cách chữa trị, tự mình tĩnh tâm điều dưỡng. Qua đó thấy được Lưu Dụ là một hoàng đế thông minh.

Tháng 5 năm 422, Lưu Dụ bị bệnh nặng, ông sai gọi thái túy Lưu Nghĩa đến dặn dò: "Đại thần Đàm Đạc Tề tuy là người có võ nghệ mưu lược, nhưng không phải là người có trí lớn. Đại thần Từ Tiễn Chi và Phó Lượng đã đi theo trẫm nhiều năm rồi, hai người đó đều trung thành. Có đại thần Tạ Höi đã nhiều lần theo trẫm đi chinh chiến, ông ta có khả năng tùy cơ ứng biến, nếu sau có biến loạn, con nhà tịnh định nhờ vả vào bọn họ. Sau khi con tiếp nhận ngôi vị, con phái Tạ Höi đến quận Giang Châu để phòng ngừa có biến". Và Lưu Dụ viết di chiến ra lệnh: "Triều đình không cần phân bổ lại bộ máy quan lại, để tướng kiêm chỉ huy ở Dương Châu chỉ huy quân lính. Các đại thần phàm là những người có chức tước đều được nhận lính làm hộ vệ (những binh lính này là y trong đội Cảnh vệ quân). Nếu như có chiến sự thì binh lính trong quân đội cần phải kết hợp với Cảnh vệ quân, sau khi chiến sự kết thúc lại cho các binh lính Cảnh vệ quân quay về phục vụ các đại thần. Con cháu về sau nếu có ai đăng quang thì mọi chuyện triều chính đều ủy thác cho Tể tướng. Đội quân Nghi Lượng không được phép vào cửa Đài điện,

các chức quan lại quan trọng có thể được phép nhận hộ vệ nhiều hơn những người khác".

Lưu Dụ m^át ngày Quý Hợi tháng 5 năm 422 tại thành Kiêⁿ Khang.

Sau khi ông chết lập miếu là Cao Tô, thụy hiệu là Vũ Đế[’].

THIÊ[’] U ĐÊ[’] (LUU NGHIA PHU) (TÔ[’] NG)

Thiê[’] u Đê[’], ông ta tên là Lưu Nghĩa Phù (400-424), tên tự của ông là Xa Bình. Ông là con trai cả của Tô[’] ng Vũ Đê[’]. Sau khi cha m^át ông tiếp[’] nhận ngôi báu. Ông trị được 2 năm, bị hạ thâⁿ phê[’] truất sau đó bị hại chết. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lưu Nghĩa Phù được Vũ đế[’] lập làm thái tử. Ngày Quý Hợi tháng 5 năm 422 Vũ Đế[’] chết, cũng vào ngày đó Lưu Nghĩa Phù đăng quang ngôi hoàng đế[’]. Ông cho đổi niên hiệu là "Cảnh Bình".

Sau khi Lưu Nghĩa Phù lên ngôi, ông sa vào cảnh ăn chơi hưởng lạc, các đại thâⁿ can gián kiê[’] gì ông ta cũng bỏ ngoài tai.

Tháng 5 năm 424 các đại thâⁿ: Từ Tiễn Chi, Phó Lượng, Tạ Hô[’]i quyết định phế[’] truất Lưu Nghĩa Phù và lập một người khác lên thay thế[’] ông ta. Họ liên kết với các tướng lĩnh và quan lại như: Đàm Đạc Tê[’], lại sứ ở Giang Châu là Vương Ho[’]ng, trung thư Hình An Thái... và chuẩn bị phát động binh biến[’]. Ngày Giáp Thân tháng 6 năm 424 Lưu Nghĩa Phù ngồi[’] trong vườn thượng uyển mở tiệc rượu đùa cợt với các phi tâⁿ. Đến[’] buổi chiêu[’] ông ta lại ngồi[’] thuyền rô[’]ng đi du lâm ở đâ^m Thiên Uyên và ngủ ngay tại thuyền rô[’]ng. Sáng hôm sau (ngày Ất Dậu), Đàm Đạc Tê[’] dẫn quân xông thăng vào hoàng cung, Từ Tiễn Chi, Phó Lượng, Tạ Hô[’]i... cũng nhập vào đoàn quân. Còn Cả[’] m vệ quân do Hình An Thái và Phiên Thịnh chỉ huy, lúc này cũng kết hợp với đội quân của Đàm Đạc Tê[’]. Họ xông thăng đén[’] đâ^m Thiên Uyên và bắt giữ Lưu Nghĩa Phù, lôi ông ta đền

Đông Các và thu lại ngọc á́n của ông ta. Từ Tiễn Chi sai triệu tập bá quan văn võ tuyên đọc chiếu thư của Thái hậu, phế truá́t Lưu Nghĩa Phù và giáng xuống làm Doanh Dương Vương và sai Hình An Thái áp giải Lưu Nghĩa Phù đến cù trú ở ngoại ô.

Ngày Quý Sửu, Hình An Thái áp giải Lưu Nghĩa Phù đến đình Kim Xương (đất này nắm trong địa phận của quận Ngô), ông ta theo mật lệnh của Từ Tiễn Chi sai quân lính vây đình Kim Xương, sau đó rút dao chém Lưu Nghĩa Phù. Lưu Nghĩa Phù tré khoe lại dũng cảm nên vừa đánh trả vừa chạy, đột phá vòng vây. Hình An Thái đuổi theo Lưu Nghĩa Phù và chém chết.

Trong sử gọi Lưu Nghĩa Phù là Thiếu Đế hoặc là Doanh Dương Vương.

VĂN ĐẾ (LUU NGHĨA LONG) (TÔNG)

Văn Đế, ông ta tên là Lưu Nghĩa Long (407-453). Tên tự của ông là Xa Nhi. Ông là con trai thứ 3 của Tô ng Vũ Đế và là em trai của Thiếu Đế. Ông kế́ vị sau khi Thiếu Đế chết. Ông trị vì được 30 năm, bị con là Lưu Thiệu mưu sát, hưởng thọ 47 tuổi. Mai táng ở trường Ninh Lăng (nay thuộc núi Tưởng Sơn phía Đông Bắc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Lưu Nghĩa Long được phong làm Nghị Đô Vương kiêm lại sứ Kinh Châu. Tháng 5 năm 422 Thiếu Đế bị giết, lúc này ông đang trấn thủ ở Giang Lăng và được đại thấn: Từ Tiễn Chi, Tạ Hô... đón về Kiến Khang và vào ngày Định Dậu tháng 8 năm 422 làm lễ đăng quang, ông cho đổi niên hiệu là "Nguyên Gia".

Sau khi lên ngôi, ông thanh trừ những đại thấn chuyên quyến như: Từ Tiễn Chi, Phó Lượng, Tạ Hô... duy trì chính sách tập quyến trung ương do Vũ Đế đặt ra, thôn tính bọn cường hào địa chủ, thanh lý hộ tịch, miễn giảm tô thuế, khuyến khích nghệ` nông và trống dân, đế cao Nho học... Tất cả các biện pháp đó giúp cho nến kinh tế` và văn hóa phát triển và được các nhà sử gia gọi là "sự

thô` ng trị của Nguyên Gia". Vê` sau vì phòng ngự toàn bộ đê tâ` n công triê` u Bă` c Ngụy làm tổn hao sức lực của dân chúng khiê` n cho thê` lực của quô` c gia dâ` n dâ` n suy yê` u.

Con trai ông là thái tử Lưu Thiệu, anh ta tính tình ác độc xảo trá, anh luôn mong mỏi Lưu Nghĩa Long chê` t sớm để được kê` vị. Vào tháng 2 năm 453 Lưu Nghĩa Long bí mật bàn bạc với thượng thư Từ Kỳ Chi chuẩn bị phê` truâ` t thái tử. Lưu Nghĩa Long râ` t sủng ái phi tâ` n Phiên Thúc, cô ta nghe lén biê` t được ý đồ` của ông ta nên đã sai người báo cho Lưu Thiệu biê` t chuyện. Lưu Thiệu lập tức tập hợp 2.000 dũng sĩ, quyê` t định làm phản.

Buổi sáng hôm sau, Lưu Thiệu khoác áo hô` ng bào bên ngoài áo giáp, ngô` i xe với em trai tiê` n vào cửa Xuân Môn, đi sau ông ta là đội dũng sĩ. Lưu Thiệu còn ngụy tạo chiê` u thư nói được phép mang lính vào thành. Sau đó chỉ huy Trương Siêu Chi dẫn mâ` y mươi dũng sĩ bao vây hợp điện của Lưu Nghĩa Long. Lưu Nghĩa Long và Từ Kỳ Chi đêm qua còn bàn bạc việc phê` truâ` t thái tử, vừa mới nă` m nghỉ được một lát, và bên ngoài cửa vệ binh còn đang ngủ say, Trương Siêu Chi xông vào hợp điện (điện Hàm Chương) bă` t giữ Lưu Nghĩa Long. Lưu Nghĩa Long choàng tỉnh dậy, tức giận ném vỡ mâ` y cái chén, ông ta bị Trương Siêu Chi chặt đứt bàn tay. Sau đó Trương Siêu Chi chém chê` t Lưu Nghĩa Long.

Sau khi ông chê` t lập hiệu miê` u là Trung Tông, đặt thụy hiệu là Văn Đê` .

THÁI TỬ (LUU THIEU)

Lưu Thiệu (?-453) tên tự của ông là Hưu Nguyễn. Ông là con trai cả của Tô` ng Văn Đê` . Sau khi giê` t cha, ông ta đã xưng làm hoàng đê` . Ông trị vì được 3 tháng, bị em trai là Lưu Tuâ` n đánh bại và bị đại thâ` n giê` t hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Văn Đê` trị vì đã lập Lưu Thiệu làm thái tử. Ông ta tính tình độc ác và luôn mong mỏi sớm được làm hoàng đê` , suô` t ngày cù` u xin vào thâ` n thánh cho vua cha chê` t sớm. Sau khi Văn Đê` biê` t

chuyện liê`n chuẩn bị phê` truâ`t ngôi thái tử của Lưu Thiệu. Không ngờ, Lưu biê`t được ý đồ` của vua cha, ông ta liê`n phát động binh biê`n làm phản, tháng 2 năm 453 sai người giê`t hại vua cha và thôn tính triê`u đình, sau đó tự đăng quang ngôi vị.

Tháng 5 năm 453, em trai của Lưu Thiệu tên là Lưu Tuâ`n khởi binh tâ`n công Lưu Thiệu. Còn phâ`n Lưu Thiệu sau khi giê`t cha đoạt ngôi nên các đại thâ`n không tôn trọng không tin phục, bọn họ nghe tin Lưu Tuâ`n tiê`n đánh nên có người thì đâ`u hàng, có người trô`n đi... Không còn ai ở lại giúp Lưu Thiệu. Ông ta biê`t mình bị cô lập khôn ai giúp đỡ, đành chạy trô`n. Nhưng ông ta chưa kịp trô`n chạy thì đoàn quân của Lưu Tuâ`n đã tiê`n vào thành và tâ`n công hoàng cung. Lưu Thiệu sai lính đào rãnh xung quanh tường phía Tây, và trô`n vào giê`ng ở kho vũ khí, nhưng đã bị tướng lĩnh của Lưu Tuâ`n bă`t giữ và áp giải đi gặp Lưu Tuâ`n. Đi nửa đường gặp những đại thâ`n mà trước đây bị ông ta hâm hại, họ đê`u vạch tội của Lưu Thiệu và đòi giê`t Lưu Thiệu. Nam Bình Vương Lưu Sóc chém chê`t Lưu Thiệu chặt đâ`u treo lên cho dân chúng xem.

Trong sử gọi Lưu Thiệu là thái tử Lưu Thiệu.

HIÊ`U VŨ ĐÊ` (LUUU TUÂ`N) (Hoàng đê` Hiê`u Vũ - Tô`ng)

Hiê`u Vũ Đê`, ông ta tên là Lưu Tuâ`n (430-464) tên tự của ông ta là Hưu Long, hô`i nhỏ tên tự của ông ta là Đạo Dân. Ông là con trai thứ 3 của Tô`ng Văn Đê`, là em trai của Lưu Thiệu. Ông giê`t Lưu Thiệu và được lập làm hoàng đê`. Ông trị vì được 11 năm bị bệnh chê`t. Hướng thọ 35 tuổi. Mai táng ở Cảnh Ninh Lăng (nay thuộc huyện Ninh Giang tỉnh Giang Tô).

*

Lưu Tuâ`n, ông ta được phong làm Vu Lăng Vương. Tháng 2 năm 453 Văn Đê` bị thái tử Lưu Thiệu sát hại lúc này Lưu Tuâ`n đang trâ`n giữ ở Giang Châu. Dưới sự thúc giục của các đại thâ`n, vào ngày Kỷ Tị tháng 4 năm 453 ông xưng đê`, kêu gọi tiêu diệt thảo nghịch. Do vậy, ông nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của các tướng lĩnh và

quan lại, ông nhanh chóng tiến quân về` Kiến Khang giết Lưu Thiệu. Sau đó ông đổi niên hiệu là "Hiếu Khang".

Sau khi lên ngôi, ông ta hoang dâm vô độ, ăn chơi trác táng. Ông ta si mê một cô em họ liến phong cho cô gái đó là tấn phi để bít tai bít mắt người khác ông ta đổi họ cho cô em họ thành Ân. Ông ta thích đánh bạc uống rượu và rất tham lam, luôn nghi kỵ các đại thấn và không thích nghe những lời can gián trung thực. Ông ta thích thú với việc nhục mạ các đại thấn, luôn dựa vào đặc điểm của diện mạo để gán ghép các biệt hiệu. Lúc thiết triếu ông ra lệnh cho dũng sĩ Hỗn Luận Nô (người được ông ta sủng ái nhất) đứng hấu bên cạnh, nếu đại thấn nào có lời tấu trình không hợp ý ông ta, lập tức dũng sĩ Hỗn Luận Nô sẽ ra tay đánh họ.

Tháng 4 năm 460, cô em họ của ông ta bị bệnh chết. Ông ta buốn rấu thương tiếc quá độ nên cũng sinh bệnh, từ đó ít khi quản lý việc triếu chính. Ông mả́t ngày Canh Thân tháng 5 năm 464.

Sau khi ông chết đặt thụy hiệu là Hiếu Vũ Đế, đặt hiệu miếu là Thế Tô.

TIẾN PHẾ ĐẾ (LUU TỬ NGHIỆP) (TỐNG)

Tiến Phế Đế, ông ta tên là Lưu Tử Nghiệp (449-456), hối nhỏ ông ta tên là Pháp Sư. Ông là con trai cả của Hiếu Vũ Đế. Ông kế́ vị sau khi cha mả́t, trị vì được nửa năm thì bị hạ thấn hại chết, hưởng dương 17 tuổi. Mai táng ở núi Long Sơn huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô.

*

Thời Hiếu Vũ Đế trị vì đã lập Lưu Tử Nghiệp làm thái tử. Ngày Canh Thân tháng 5 năm 464 Hiếu Vũ Đế bị bệnh chết, cùng ngày hôm đó Lưu Tử Nghiệp tiếp nhận ngôi báu, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Quang".

Sau khi lên ngôi, ông ta đại nghịch vô đạo, lại thêm tính tình thích tàn sát, thường vin vào những lý do không đâu để giết hại đại thấn

và cung nữ, trong cung người người đê`u oán hận, thúc phục của ông ta là Lưu Uất thường bị ông ta lăng nhục, vài lâ`n suýt chê`t dưới tay ông ta. Tháng 11 năm 465 Lưu Uất bí mật cho mời các đại thâ`n: Nguyễn Tiê`n Phu, Vương Đạc Long, Quý Hạo Nhi... để cùng nhau bàn bạc tìm cách phê` truâ`t Lưu Tử Nghiệp; bọn họ còm tìm cách câu kẽ`t với thị tùng của Lưu Tử Nghiệp như: Thọ Thục Chi, Khương Sản Chi... để những thị tùng đó làm nội ứng trong cung.

Lưu Tử Nghiệp tin vào bói toán, cho ră`ng trong điện Hoa Lâm thường có quỷ, đê`n nửa đêm bọn quỷ thường xuâ`t hiện khóc lóc, j do vậy vào đêm ngày 29 (ngày Mậu Ngọ) ông ta dẫn mâ`y trăm người đê`n điện Hoa Lâm, chỉ huy thị vệ, ông ta đích thân câ`m cung tên đê` bă`n quỷ. Sau chuyện này ông ta cho mở tiệc chúc mừng. Đúng lúc đó một đoàn người câ`m dao đi vào chỗ bày yê`n tiệc, trong đoàn người đó có: Thọ Thục Chi, Khương Sản Chi. Lưu Tử Nghiệp biê`t có biê`n, ông ta giương cung bă`n nhưng không trúng ai đành phải quay người bỏ chạy. Thọ Thục Chi đuổi theo chém một nhát vào lưng Lưu Tử Nghiệp, sau đó chém thêm một nhát kẽ`t liễu cuộc đời của Lưu Tử Nghiệp.

Trong lịch sử gọi Lưu Tử Nghiệp là Phê` Đê` hoặc Tiê`n Phê` Đê`.

MINH ĐÊ` (LUU UẤT) (TÔ`NG)

Minh Đê`, ông ta tên là Lưu Uất (439-472) tên tự của ông là Hữu Cảnh. Ông là con trai thứ 11 của Văn Đê` và là chú của Tiê`n Phê` Đê`. Sau khi các đại thâ`n giê`t Tiê`n Phê` Đê` đã lập Lưu Uất làm hoàng đê`. Ông trị vì được 8 năm,

*

Lưu Uất được phong làm Hoài Dương Vương, sau đó lại được phong làm Tương Đông Vương. Sau khi Tiê`n Phê` Đê` lên ngôi, luôn coi Lưu Uất là một cái gai trong mă`t, nhiê`u lâ`n tìm cách loại bỏ Lưu Uất nhưng không thực hiện được. Lưu Uất râ`t béo tô`t, vì vậy Tiê`n Phê` Đê` thường gọi Lưu Uất là "Tru Vương" (tức là vua lợn", Lưu Tử Nghiệp đào một cái hô` xê`p gạch ngói xung quanh bă`t

Lưu Uất cởi bỏ quấn áo và nhốt ông ta vào chuống. Sau đó để các loại rau vào máng gỗ và ra lệnh cho Lưu Uất ăn giống như một con lợn. Tiến Phế Đế đứng bên cạnh xem và cười khoái chí. Lưu Uất không chịu đựng được sự lăng nhục nên nói xấu sau lưng Lưu Tử Nghiệp. Không ngờ Lưu Tử Nghiệp nghe được. Ông ta lập tức ra lệnh cho thuộc hạ cởi bỏ quấn áo và trói chân tay Lưu Uất khênh xuống nhà bếp để giết Lưu Uất. May thay lúc đó Kiến An Dương Lưu Hưu Nhân nhanh trí nói: "Cái đấu lợn này chưa cấn giết, đợi đến sinh nhật của bê hả, giết lấy đấu làm lễ vật chúc mừng". Nghe Lưu Hưu Nhân tấu trình như vậy, Lưu Tử Nghiệp đống ý tạm thời tha chết cho Lưu Uất. Lưu Uất âm thấm liên kêt với các đại thấn: Thọ Thục Chi, Nguyễn Điến Phu... để tìm cách lật đổ Lưu Tử Nghiệp. Ít lâu sau trong đô thành Kiến Khang xuất hiện lời đốn: "Ở thành Tương xuất hiện thiên tử", Lưu Tử Nghiệp càng giận Lưu Uất, ông ta quyết tâm giết chết Lưu Uất. Vì vậy ông ta chuẩn bị đi đến điện Hoa Lâm bắn quỷ sau đó sẽ giết Lưu Uất. Không ngờ đến ngày Mậu Ngọ tháng 11 năm 465, Lưu Tử Nghiệp bắn quỷ ở cung điện Hoa Lâm cho mở yến tiệc và đã bị Thọ Thục Chi chém chết. Tháng 12 năm 465, Lưu Uất được các đại thấn lập làm hoàng đế́, ông cho đổi niên hiệu là "Thái Thủy".

Sau khi Lưu Uất tiếp nhận đôi báu, ông ta đốkị cốt nhục, tàn sát tông thất, con trai thứ 14 của Hiếu Văn Đế và Kiến An Vương Lưu Hưu Nhân (người đã cấu xin tha mạng sống cho ông ta) cũng bị ông ta vô cớ giết hại.

Tháng 1 năm 472, Lưu Uất bị ốm. Đến tháng 4 bệnh chuyển ra nguy kịch ông cho truyến gọi: Quế Dương Vương Lưu Hưu Phạm, Lưu Diễn... dặn dò họ giúp đỡ thái tử và Lưu Uất viết di chiếu nói: "Nếu như sức lực của dân chúng quá mệt mỏi, bà con trăm họ không thể yên ổn thì cấn giảm nhẹ tô thuế́, giảm bớt hình chế pháp luật, đếlấy lòng dân chúng".

Đến ngày Kỉ Hợi thì Lưu Uất băng hà.

Sau khi ông ta chết đặt hiệu miếu là Thái Tông và thụy hiệu là Minh Đế.

HẬU PHẾ ĐẾ (LUU DUC) (TỐ NG)

Hậu Phế Đế, ông ta tên là Lưu Dục (463-477), tên tự của ông ta là Đức Dung. Ông là con trai cả của Minh Đế, bị đại thấn giết chết. Hướng dương 15 tuổi, mai táng ở Đản Tây huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô.

*

Thời Minh Đế trị vì đã lập Lưu Dục làm thái tử. Tháng 4 năm 472 Minh Đế ôm chết. Ngày Canh Tí tháng 4 ông làm lễ đăng quang lên ngôi hoàng đế́.

Lên 10 tuổi Lưu Dục đã làm hoàng đế́ vì vậy Nguyễn Điến Phu rất lộng hành. Nhưng Lưu Dục là người tính tình tàn nhẫn đa sát - Chỉ cấn thuộc hạ không làm vừa ý ông ta lập tức kẻ đó bị giết chết. Một ngày ông ta không giết người thì ông ta cảm thấy không yên ổn và rối trí. Bình thường ông ta thích dẫn lính đi ta ngoài từ sáng đến tôt, nhìn thấy gia súc ông ta liến hạ lệnh cho lính chém, làm cho bà con trăm họ kinh sợ không yên, những nhà thương nhân không dám đi buôn, các cửa hàng đóng chặt cửa, ít người dám ra đường.

Có một năm vào mùa hè, Lưu Dục âm thấm đột nhập vào phủ lĩnh quân. Lúc này tướng quân Tiêu Đạc Thành đang cởi trấn ngủ trên giường. Lưu Dục nhìn thấy lỗ rốn của Tiêu Đạc Thành rất lớn liến nói: "Ô` trông giống như một cái bia bắn tên". Nghĩ vậy, ông ta thích chí gọi Tiêu Đạc Thành dậy, bắt đứng thẳng để ông ta luyện tập bắn tên dùng bụng của Đạc Thành làm bia, còn rốn làm tâm. Tiêu Đạc Thành nói: "Lão thấn không có tội", may thay đội trưởng đội vệ binh là Vương Thiên Ân đứng đó vội vàng can gián: "Bụng của Tiêu Đạc Thành rất to, thực tại có một cái rốn đẹp, nếu hôm nay dùng tên bắn chết anh ta thì ngày sau không còn một cái rốn nào đẹp như vậy. Chi bắng dùng tên giả luyện tập, đỡ phải làm tổn thương tới cái rốn của anh ta". Lưu Dục nghe lời can gán và sai lấy tên giả để ông ta luện tập. Từ đó Tiêu Đạc Thành ôm hận trong lòng, không biết bao giờ mình bị bắn chết. Sau đó, Tiêu Đạc Thành nghe người trong cung nói: Lưu Dục mài giũa vũ khí chuẩn bị giết

Tiêu Đạc Thành - Nghe đồn vậy Tiêu Đạc Thành càng không yên tâm, ông ta quyết định làm phản lật đổ Lưu Dục. Tiêu Đạc Thành bàn bạc với tướng quân Vương Kính Tả c với 25 thị tòng của Lưu Dục như Dương Ngọc Phu và Dương Vạn Hiên và tìm thời cơ để hành động.

Đêm 7 tháng 7 năm 477 (ngày Mậu Tí) Lưu Dục đi chơi ở miếu Thanh Viên Ni, ông ta lại đe n chùa Tân An ăn trộm chó. Ông ta giết thịt chó rồi ngô i uống rượu ăn thịt chó với đạo nhân Đàm Độ. Sau khi uống say túy túy Lưu Dục mới quay về điện Nhân Thọ. Lúc nã m trên giường ông ta còn nói nhảm: "Tôi nay là ngày Chức Nữ qua sông gặp Ngu Lang, các ngươi hãy ngô i đợi bao giờ thây Chức Nữ đê n thì gọi trẫm dậy. Nếu làm lỡ việc, ngày mai trẫm sẽ lây cái mạng chó của các ngươi". Nửa đêm Dương Ngọc Phu và Dương Vạn Hiên đột nhập vào điện Nhân Thọ lợi dụng lúc Lưu Dục đang ngủ say chặt đầu của Lưu Dục - Sau chuyện này, thái hậu hạ chiêu chỉ phê Lưu Dục làm Thương Ngô Vương.

Trong sử gọi Lưu Dục là Hậu Phê Đê.

THUẬN ĐÊ (LUU HOÀI) (TÔNG)

Thuận Đê, tên ông ta là Lưu Hoài (467-479), tên tự của ông là Trang Mưu. Ông là con trai thứ 3 của Minh Đê là em trai của Hậu Phê Đê. Sau khi Tiêu Đạc Thành mưu sát Hậu Phê Đê và lập Lưu Hoài làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm thì bị Tiêu Đạc Thành phế bỏ và giết hại, hưởng dương 13 tuổi. Mai táng ở Toại Ninh Lăng (nay thuộc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Lưu Hoài được phong làm An Thành Vương. Tháng 7 năm 477 Tiêu Đạc Thành phế bỏ và mưu hại Hậu Phê Đê và lập Lưu Hoài làm hoàng đế, lễ đăng quang tổ chức vào ngày Nhâm Thìn, ông cho đổi niên hiệu là "Thăng Minh".

Lưu Hoài làm hoàng đế lúc đó chỉ có 10 tuổi, do vậy Tiêu Đạc Thành rất chuyên quyền. Tiêu Đạc Thành qua nhiều năm trù

hoạch tìm cơ hội phế Lưu Hoài. Cuối cùng thời cơ đã đến nên vào ngày Tân Mão tháng 4 năm 479 Tiêu Đạc Thành ép Lưu Hoài phải thoái vị. Ngày hôm đó, Tiêu Đạc Thành yêu cầu Lưu Hoài đến điện để cử hành nghi lễ nhường ngôi. Lưu Hoài sợ gặp nguy hiểm không dám đi liền trốn vào vỏ của bức tượng Phật. Tiêu Đạc Thành tức tốc sai Vương Kính Tặc mang lính vào điện tìm kiém Lưu Hoài, bọn chúng tìm ngược tìm xuôi cuối cùng cũng tìm được ông ta và chúng lôi Lưu Hoài đến gặp Tiêu Đạc Thành. Tiêu Đạc Thành phong Lưu Hoài làm Nhữ Âm Vương và bắt ông đến sinh sống tại Đon Dương, sai lính quản thúc và giám sát.

Ngày Kỉ Mùi tháng 5 những binh lính giám sát Lưu Hoài bỗng nhiên nghe tiếng ngựa phi tiếng hỗn loạn, bọn chúng cho rằng có biến loạn liền chém chết Lưu Hoài. Sau đó loan báo Lưu Hoài bị ôm chết.

Sau khi ông ta chết đặt thụy hiệu là Thuận Đế.

TRIỀU TÊ

(Năm 479-502, tổng cộng 24 năm)

Triệu Tê có 7 đế vương, trong đó có 3 người bị bệnh chết, 2 người chết trong nội chiến, hai người bị hạ bệ sau đó bị mưu giết.

CAO ĐẾ (TIÊU ĐẠO THÀNH) (TÊ)

Cao Đế, ông ta tên là Tiêu Đạo Thành (477-482), tên tự của ông ta là thiệu Bá, thời nhỏ ông có tên tự là Đầu Tương. Ông vốn là tướng quân của triều Tông, sau đó ông phế truất Thuận Đế. Ông trị vì được 4 năm, bị bệnh chết. Hưởng thọ 56 tuổi, mai táng ở Thái An Lãng (nay thuộc huyện Giang Âm tỉnh Giang Tô).

Tổ tiên của Tiêu Đạo Thành là người ở Lan Lãng - Đông Hải (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Táo Trang tỉnh Sơn Đông) về sau dời đến cư trú ở Nam Lan Lãng (nay thuộc phía Tây Bắc thành phố Thường Châu tỉnh Giang Tô).

Những năm cuối của triều Tông, Tiêu Đạo Thành được giữ chức Kiến Nghiệp Lệnh và Trung quân tướng quân, ông lợi dụng cơ hội những người trong hoàng thất tàn sát lẫn nhau để nắm chắc lực lượng quân sự. Năm 477, sau khi mưu sát Lưu Dục và lập Lưu Hoài làm hoàng đế Tiêu Đạo Thành giữ những chức vụ như: Thị trung, Tư không, Thái úy, ông ráo ralent hành trong triều đình Tông. Năm 479, ông ta tự phong làm tướng quân, Tê vương. Ngày Tân Mão tháng 4, ông ép buộc Lưu Hoài phải nhường ngôi, ông cho đổi quân hiệu là "Tê", đặt đô ở Kiến Khang, sau cải niên hiệu là "Kiến Nguyên", trong lịch sử gọi là Nam Tê.

Sau khi đứng ra tiếp nhận ngôi báu, ông lo lắng tìm cách củng cố địa vị, cầu mong cho dòng họ trị vì thiên hạ được lâu bền và vững chắc, ông đã nhờ nhà Nho học Lưu Hoàn chỉ bảo cho con đường trị quốc. Lưu Hoàn nói: "Dòng họ Lưu Tông bị diệt vong bởi

họ đố i với trăm họ quá hà khă c và lại anh lại tàn sát lẫn nhau". Tiêu Đạo Thành cảm tạ Lưu Hoàn và cũng râ t tán đô ng ý kiê n đó, Tiêu Đạo Thành nỗ lực sửa đổi chính sách tàn bạo của dòng họ Lưu Tô ng, miễn giảm tô thuế , hạn chế người trong hoàng tộc kinh doanh mua bán, tổ chức thi cử, chỉnh đô n hộ tịch... Ông thường lâ y mình làm gương cho thiên hạ sô ng râ t tiê t kiệm. Ông hô hào mọi người tiê t kiệm. Lễ phục của hoàng đế phải đính một vật trang sức gọi là "Ngọc Giới Đạo", ông cho râ ng việc này không câ n thiê t và râ t phung phí, vì thế sai người chặt nhỏ vật đó ra, từ lâ n sau không được phép dùng.

Đô dùng trong cung cũng râ t đơn giản. Ông nói: "Để trăm tri vì thiên hạ trong 10 năm thì nhâ t định trăm sẽ làm cho vàng bạc và đâ t đai nhiê u như nhau". Ông còn dạy dỗ con cháu phải yêu thương giúp đỡ nhau, đô ng lòng phụ giúp triê u đình, sô ng phải để đức cho con cháu, bảo vệ giang sơn.

Tháng 2 năm 482 Tiêu Đạo Thành bị ô m, tháng 3 bệnh ông chuyển sang nguy kịch, ông sai gọi các đại thâ n đê n tiê p nhận di chiê u và nhờ vả giúp đỡ thái tử Tiêu Trách. Ông dặn dò Tiêu Trách: "Nê u như dòng họ Lưu anh em cháu không tàn sát nhau thì trăm cũng không có được thiên hạ. Con phải nhớ rõ điều này. Sau khi trăm chê t, con phải yêu thương anh em cháu chă t, nê u họ thái quá con phải nghiêm khă c giáo huâ n, không được sát hại họ. Quy tắc này con phải nhớ cho kỹ: nê u cõ t nhục tương tàn ă t thiên hạ sẽ loạn và rơi vào tay kẻ khác".

Ông băng hà vào ngày Nhâm Tuâ t.

Sau khi ông chê t lập hiệu miê u là Thê Tô và đặt thụy hiệu là Cao Đê .

VŨ ĐÊ (TIÊU TRÁCH) (TÊ)

Vũ Đê , ông ta tên là Tiêu Trách (440-493), tên tự của ông là Tuyên Nguyễn, hó i nhỏ có tên tự là Long Nhi. Ông là con cả của Cao Đê . Ông tiê p nhận ngôi vị sau khi Cao Đê chê t. Ông trị vì được 11

năm bị bệnh ché́t, hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Cảnh An Lăng (nay thuộc huyện Đơn Dương tỉnh Giang Tô).

*

Thời Cao Đế́ trị vì đã lập Tiêu Trách làm thái tử. Ngày Nhâm Tuất tháng 3 năm 482 Cao Đế́ bị bệnh ché́t, cùng ngày cùng tháng đó Tiêu Trách tiếp nhận ngôi báu, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Minh".

Sau khi Tiêu Trách lên kế vị, ông luôn tuân theo di huấn của phụ hoàng, thực hiện chính sách tiết kiệm, không tàn sát anh em, do vậy tình hình trong nước tương đố́i ổn định.

Tháng 7 năm 493 Tiêu Trách bị bệnh, vào ngày Mậu Dấn ông lập chiếu thư cho phép Hoàng Thái Tôn Tiêu Chiêu Nghiệp được kế vị và sai các đại thấn bá quan phải tận tâm phục vụ triếu đình, việc tang lễ phải làm thật đơn giản tiết kiệm. Ông chọn nơi chôn chất cho mình và lấy tên bia mộ là: Cảnh An Lăng, ông không đống ý cho việc xuất gia làm tăng ni, không phê chuẩn việc xây dựng chùa miếu và tháp, và sai Tiêu Chân thống lĩnh Cấm vệ quân. Cũng vào hôm đó ông băng hà.

Sau khi ông mât đặt hiệu miếu là Thế Tô và thụy hiệu là Vũ Đế.

UẤT LÂM VƯƠNG (TIÊU CHIÊU NGHIỆP) (TẾ)

Uất Lâm Vương, ông ta tên là Tiêu Chiêu Nghiệp (472-494), tên tự của ông là Nguyên Thuượng, hò́i nhỏ tên tự của ông là Pháp Thân. Ông là cháu đích tôn của Vũ Đế. Sau khi Vũ Đế ché́t, ông được thúc phụ là Tiêu Loan giúp đỡ lập làm hoàng đế́. Ông trị vì được 1 năm thì bị thúc phụ Tiêu Loan giết hại. Hưởng dương 21 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Bố của Tiêu Chiêu Nghiệp là thái tử Tiêu Trường Mậu và được phong làm Nam Quận Vương. Nhưng bố ông ta ché́t sớm vì thế

Ông được lập làm thái tôn. Văn Đế ché t, trung thư Lang Vương Dung lập thúc phụ của Tiêu Chiêu Nghịệp là Tiêu Tư Lãng làm hoàng đế, nhưng một người chú khác của Tiêu Chiêu Nghịệp là Tây Xương Hầu Tiêu Loan lại lập Tiêu Chiêu Nghịệp làm hoàng đế. Ông cho đổi niên hiệu là "Long Xương".

Sau khi Chiêu Nghịệp đăng cơ, ông ta chi tiêu rát hoang phí. Lúc Vũ Đế ché t, quôc khô (ngân quỹ) của trung nguyên có 800 tỉ vây mà ông ta chi tiêu vô độ, thậm chí còn dồn các cung phi tới nhà kho, sai thuộc hạ lây các đồ vật quý báu cung tặng cho các cung phi. Ông ta không hiểu việc triều chính, mọi việc đều do Tiêu Loan giải quyết. Về sau ông ta thấy Tiêu Loan có tham vọng làm đế liên có ý loại trừ Tiêu Loan, nhưng Tiêu Loan có ý mưu phản và tìm cách phế bỏ Chiêu Nghịệp.

Vào một buổi sáng tháng 7 năm 494, Tiêu Loan sai những thuộc hạ thân tín là: Tiêu Châm, Tiêu Thản... dẫn lính xông vào cung giết những tướng quân thân tín của Chiêu Nghịệp như Tào Đạt Cương, Chu Long... tiếp đó Tiêu Loan đích thân chỉ huy lính chiếm giữ cửa Vân Long, sau đó ông ta xông vào điện Thọ Xương. Lúc này, Chiêu Nghịệp đang đùa giỡn với Từ Cơ (cô ta vô n dĩ mang họ Lôi, cô ta làm phi tử của cha Chiêu Nghịệp, đáng lý Chiêu Nghịệp phải gọi cô ta bằng mẹ ghê), thấy có biến Chiêu Nghịệp sai thị vệ đóng cửa điện. Tiêu Châm dẫn lính xông vào cung chấn ở điện Thọ Xương và quát nạt thị vệ: "Chúng tôi đê n bắt người, hà tát gì các người phỗng đóng cửa". Bình thường túc vệ quân rát giận Tiêu Chiêu Nghịệp hoang dâm và ác độc lúc này nghe thấy quát vậy, họ liền khoanh tay đứng nhìn. Tiêu Chiêu Nghịệp cướp kiêm trong tay Từ Cơ định tự sát nhưng bị Từ Cơ cản lại nên chỉ bị thương vào cổ. Tiêu Châm tiến vào, Tiêu Chiêu Nghịệp đành phải dùng lụa băng vết thương và đi theo Tiêu Châm. Hai người đi đến chái phía Tây bên cạnh điện Diên Đức, Tiêu Cơ giật miếng lụa ở cổ Tiêu Chiêu Nghịệp để xiết cổ Tiêu Chiêu Nghịệp. Sau khi ông ta ché t còn bị thái hậu phê truất làm Uất Lâm Vương.

Trong sử gọi Tiêu Chiêu Nghịệp là Uất Lâm Vương.

HẢI LĂNG VƯƠNG (TIÊU CHIÊU VĂN) (TÊ`)

Hải Lăng Vương, ông ta tên là Tiêu Chiêu Văn (480-494) tên tự của ông là Quý Thượng. Ông là cháu của Quý Thượng, em trai của Uất Lâm Vương. Tiêu Loan sau khi giết Uất Lâm Vương đã lập Tiêu Chiêu Văn làm hoàng đế́. Ông ta trị vì chưa được 3 tháng thì bị Tiêu Loan phế truất và giết hại. Hưởng dương 15 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tiêu Chiêu Văn hối đấu được phong là Lâm Nhữ Công vế sau được phong là Tân An Vương. Tháng 7 năm 494 Uất Lâm Vương Tiêu Chiêu Nghiệp bị Tiêu Loan giết, ngày Đinh Dậu tháng 7 Tiêu Chiêu Văn được Tiêu Loan lập làm hoàng đế́, ông đổi niên hiệu là "Diên Hưng".

Tiêu Chiêu Văn tiếp nhận ngôi báu lúc đó ông mới có 15 tuổi, mọi công việc trong triếu đình đếu nghe theo Tiêu Loan, thậm chí ăn món gì ăn rau gì cũng phải đợi Tiêu Loan đống ý. Có một hôm, ông muốn ăn cá, nhà bếp trả lời không có sự cho phép của Tiêu Loan thì họ không dám làm.

Ngày Tân Hợi tháng 10 năm 494, Tiêu Loan mượn danh nghĩa thái hậu để phế truất Tiêu Chiêu Văn, giáng ông ta làm Hải Lăng Vương. Tháng 11, Tiêu Loanvin cớ Tiêu Chiêu Văn bị bệnh nặng đã sai thái y giết Tiêu Chiêu Văn ở trong cung Kiến Khang.

Trong sử gọi Tiêu Chiêu Văn là Hải Lăng Vương hoặc Cung Vương.

MINH ĐẾ (TIÊU LOAN) (TÊ`)

Minh Đế, ông ta tên là Tiêu Loan (452-498) ông là cháu của Tống Cao Đế và là chú của Hải Lăng Vương. Tên tự của ông là Cảnh Tê, hối nhỏ ông có tên tự là Huyến Độ. Sau phế truất Hải Lăng Vương, ông tự xưng làm hoàng đế́. Ông trị vì được 5 năm bị bệnh

chết, hưởng thọ 47 tuổi. Mai táng ở Hưng An Lăng (nay thuộc huyện Đan Dương tỉnh Giang Tô).

*

Bố của Tiêu Loan tên là Tiêu Đạo Sinh. Höi đàu Tiêu Lan được phong là Tây Xương Hầu, về sau được phong làm Tuyên Thành Vương. Từ thời Tiêu Chiêu Nghiệp cho đến thời Tiêu Chiêu Văn ông luôn nắm giữ quyền lực trong triều đình. Tháng 10 năm 494 ông phế bỏ Hải Lăng Vương, ngày Quý Hợi tháng 11 ông tự xưng làm hoàng đế và cho đổi niên hiệu là "Kiến Vũ".

Để cướp đoạt và bảo vệ ngôi báu, Tiêu Loan đã ra tay sát hại Công chúa. Ông ta luôn lo sợ bị cướp đoạt ngôi báu, do vậy ông đã sai gọi tất cả con cháu của Cao Đế và Vũ Đế vào hoàng cung, ngay cả một đứa trẻ mới lọt lòng cũng sai vú mẫu bê đê n, sau đó ra lệnh cho thái y rang hai nồi hạt tiêu (có độc) và sai làm 10 cổ quan tài, chuẩn bị đợi đê n đêm rọi sê hạ độc bọn họ. Nhưng nhờ sự can gián của các đại thần nên Tiêu Loan mới tha mạng sống cho con cháu của Cao Đế và Vũ Đế.

Tháng 3 năm 498, Tiêu Loan bị bệnh, ông sai gọi thái tử Tiêu Bảo Quyển đê n dặn dò: "Làm bất cứ việc gì cũng không để cho người khác giật dây". Tiêu Loan băng hà vào ngày Kỉ Dậu tháng 7 tại cung điện Chính Phúc.

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Cao Tông và đặt thụy là Minh Đế.

ĐÔNG HỒN HÀU (TIÊU BẢO QUYỀN) (TÊ)

Đông Hồn Hầu, ông ta tên là Tiêu Bảo Quyền (483-501) tên tự của ông là Trí Tàng. Ông là con thứ của Tề Minh Đế. Sau khi Minh Đế chết, ông tiếp nhận ngôi báu. Ông trị vì được 2 năm bị đại thần hại chết. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở huyện Đan Dương tỉnh Giang Tô.

*

Tiêu Bảo Quyển được Minh Đế lập làm thái tử. Tháng 3 Minh Đế bị bệnh, Tiêu Bảo Quyển cùng vào tháng đó đứng ra tiếp nhận ngôi báu. Ông cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Nguyên".

Từ nhỏ Tiêu Bảo Quyển ham chơi không thích đọc sách, thậm chí ông ta còn thích thức thâu đêm để bắt chuột. Sau khi Minh Đế chết, ông ta cũng không động lòng thương tiếc. Các đại thần khuyên ông quỳ trước linh cữu khóc lóc, ông ta chối từ nói bị đau đớn không thể quỳ phục trước linh cữu. Tiêu Bảo Quyển thay đại phu Dương Xiển quỳ trước linh cữu gào khóc than vẫn để lộ ra cái đau hói, Tiêu Bảo Quyển cười nhạo, nói: "Chim tọa sơn điêu đê n khóc than".

Sau khi lên triều, Tiêu Bảo Quyển buông lỏng việc triều chính không thích thiết triều, có thời gian vài tháng không phê chuẩn tâu chương, tâu chương xé p hàng chô ng hàng đê n mức các nội thị mang ra gói thịt gói cá. Cũng may, trước khi chết Tiêu Loan đã ủy thác và nhờ vả 6 vị đại thần trông coi và phụ giúp Tiêu Bảo Quyển (6 vị đại thần đó gồm có: thượng thư Tạ Giang Hữu, Lại sứ ở Dương Châu là Tiêu Dao Quang, lĩnh quân tướng quân Lưu Tuyên...), 6 vị đại thần này rất có uy lực và năng lực. Họ tận tâm can thiệp lúc đó mới làm cho cục diện chính trị và kinh tế tạm thời ổn định.

Thời Tiêu Ngọc Quyển làm thái tử, ông ta rất thích xem xiếc. Sau khi làm hoàng đế lại càng yêu thích trò xiếc.

Ông có thể phân tích, mổ xẻ, nhận xét... đói với những tiết mục xiếc đã xem qua và có thể nghĩ ra các tiết mục xiếc mới mẻ. Ông ta cậy mình có sức khỏe hơn người, có thể vác cái phuoron dài 15,5m, quay tít cây phuoron và sau đó giữ cho cờ phuoron không bay. Ông dùng răng để giữ cán phuoron khiêm cho răng của ông ta bị gãy máu chảy đầy mồm, vậy mà vẫn không từ bỏ ý dùng răng để giữ cây phuoron. Quả thật, sự kiên trì của ông ta cũng giành được kết quả, sáng tạo ra tiết mục múa rối "con ngựa gỗ". Con ngựa gỗ không có chân chỉ có đầu và thân, còn 4 chân của nó do hai người diễn viên điều khiển, tiết mục diễn như thật và tự nhiên trông giống như ngựa thật. Có lúc còn

có một người ngồi trên ngựa, làm những động tác gây cười, do vậy rất được nhiều người yêu thích xem trò đó.

Tiêu Bảo Quyền làm một diễn viên xiếc, ông tự thiết kế và làm một bộ trang phục biếu diễn: mũ chóp nhọn màu vàng, áo chẽn ông tay áo ngắn, phía sau lưng may vải màu hổng, toàn bộ thân áo đính vàng và ngọc quý. Tiêu Bảo Quyền làm chiếc áo này và sai các quý phi, đại thần cũng phải mặc như vậy, chỉ có điều không màu sắc khác nhau. Ở hậu cung luôn luôn náo nhiệt, chướng khí mù mịt. Để làm ra các đạo cụ và phục trang, ông ta bắt dân chúng phải nộp da gấu, lông chim... Ông ta còn tu sửa cung điện lâu các. Bọn tham quan thừa cơ vét kinh đô của dân chúng không người phải bán nhà gá vợ, gia cảnh tan nát.

Giang Hữu thấy Tiêu Bảo Quyền lộng hành, gây ra cảnh náo loạn trong triều nên không khuyên can nhưng để u vô ích. Tháng 8 năm 499, Giang Hữu liên kết với thị trung Giang Tê chuẩn bị phát động chính biến để phế truất Tiêu Bảo Quyền lập vua mới. Giang Hữu muốn lập Giang Hạ Vương Tiêu Bảo Huyền làm hoàng đế, còn Giang Tự lại muốn lập Tiêu Dao Quang, hai người bất đồng ý kiến không ai chịu ai, cuối cùng sự việc bại lộ. Cuối cùng, Tiêu Bảo Quyền sai giết chết cả nhà Giang Hữu. Cũng vào tháng đó, Tiêu Dao Quang đã ý binh cướp ngôi và bị hữu tướng quân Tiêu Thản dẹp yên. Và cũng bị Tiêu Bảo Quyền giết hại, chỉ trong vòng 3 tháng Tiêu Bảo Quyền đã giết các đại thần: Tiêu Thản Chi, Lưu Tuyên. Từ đó về sau tháng nào ông ta cũng giết người, ngay cả em trai của ông ta là Tiêu Bảo Huyền cũng bị ông ta hại trở thành quỷ không đầu. Bà con trăm họ li tán, lực nước bị suy bại, nơi nơi đều vang tiếng oán than. Tiêu Bảo Quyền trở thành một con quỷ trong mắt dân chúng.

Năm 550, Tiêu Diễn dẫn quân chinh phạt Tiêu Bảo Quyền. Tháng 3 năm 501, Tiêu Diễn ủng hộ và lập con trai thứ 8 của Tiêu Loan làm hoàng đế (ông ta tên là Tiêu Bảo Dung), nghi lễ đăng quang tổ chức tại Kinh Châu (nay thuộc thành phố Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc), tuyên bố phế truất Tiêu Bảo Quyền và giáng Tiêu Bảo Quyền làm伯 i Lăng Vương. Tháng 10 năm 501, Tiêu Diễn bao vây đô thành Kiến Khang. Lúc này trong thành có 70.000 tinh nhuệ, nhưng Tiêu Bảo Quyền lại không tin vào nhân lực mà đi tin vào thần thánh, ông

ta cúng tết thâ`n thánh với hi vọng thâ`n thánh sẽ giúp ông ta đánh tan quân địch. Thậm chí quân địch bao vây ở chân thành ông ta vẫn thản nhiên ngồi i xem xiê`c. Có đại thâ`n nêu ý kiê`n: nên có phâ`n thưởng cho những chiê`n sĩ có công, làm thê` sê`c cổ vũ cho tinh thâ`n binh lính, ông ta thản nhiên trả lời: "Trẫm còn để tiê`n xây dựng cung điện", kêt quả là dân chúng li tán. Ngày Bính Dâ`n tháng 12, lại sứ ở Ung Châu là Vương Trân Quô`c, thị trung Trương Tă`c đã đô`ng ý chạy theo Tiêu Diễm, họ tình nguyện làm nội ứng trong hoàng cung, nửa đêm họ dẫn lính xông vào hoàng cung. Và được Tiê`n Cường và Phong Dũng dẫn vào điện Hàm Đức, nơi đây là nơi Tiêu Bảo Quyển tổ chức dạ tiệc, sau khi ăn uô`ng no say cung tâ`n của ông ta đã quay vê` cung, chỉ còn một mình ông ta ngồi i lại uô`ng say mèm. Nghe tiê`ng náo loạn, ông ta vội vàng bật dậy chạy ra cửa phía Bă`c định trô`n vào lâ`u các Thanh Diệu, nhưng đột nhiên hoạn quan Hoàng Thái vung dao chém chê`t Tiêu Bảo Quyển, tiê`p đó có một người khác chặt đâ`u Tiêu Bảo Quyển mang dâng cho Tiêu Diễn để lập công.

Sau khi ông ta chê`t lập thụy hiệu là Đông Hỗn Hâ`u.

HÒA ĐÊ` (TIÊU BẢO DUNG) (TÊ`)

Hòa Đê`, ông ta tên là Tiêu Bảo Dung (488-502), tên tự của ông ta là Trí Chiêu. Ông là con thứ 8 của Tê` Minh Đê`. Là em trai của Đông Hỗn Hâ`u Tiêu Bảo Quyển. Ông được Tiêu Diễn lập làm hoàng đê`, trị vì được một năm thì bị Tiêu Diễn phê` truâ`t và sát hại. Hướng dương 15 tuổi. Mai táng ở cung An Lăng (nay thuộc thành phô` Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

*

Tiêu Bảo Dung được phong làm Vĩnh Khang Vương. Nhờ sự giúp đỡ của Tiêu Diễn do đó vào tháng 3 năm 501 Tiêu Bảo Dung tổ chức lễ đăng quang ở Kinh Châu, ông đổi niên hiệu là "Trung Hưng".

Đâ`u năm 502 Tiêu Diễn muô`n cướp ngôi đoạt vị nên trả vê` mòi Tiêu Bảo Dung đê`n thành Cô Thục (nay thuộc thành phô` Tô Châu tỉnh Giang Tô) bị Tiêu Diễn sai thuộc hạ bă`t giữ. Ngày Bính Thân.,

Ông bị Tiêu Diễn ép buộc phải thô i vị và nhường lại ngôi báu. Tiêu Diễn có ý định đổi quận Nam Hải thành nước Ba Lăng và cho Tiêu Bảo Dung đê n đó trị lý. Nhưng các đại thâ n đã can gián Tiêu Diễn: "Không nên nhân từ mà để lại hậu họa", tháng 4 ngàu Mậu Thìn tiêu Diễn sai Trịnh Bá Câ m đê n thành Cô thục để bắt ép Tiêu Bảo Dung uô ng hàn tín tự vẫn. Tiêu Bảo Dung thở dài nói: "Tôi không muôn dùng thủy ngân, cho tôi một bình rượu là đủ". Trịnh Bá Câ m cho Tiêu Bảo Dung uô ng đê n say mềm sau đó chém chê t ông ta. Còn vê phâ n Tiêu Diễn, ông ta ngụy tạo nói Tiêu Bảo Dung bị cảm đột ngọt đã qua đời, và tôn Tiêu Bảo Dung làm Hòa Đê .

Triê u Nam Tê` bị diệt vong.

TRIỀU LƯƠNG

(502-557, tổng cộng 56 năm)

Triệu Lương có 8 đế vương, trong đó có một người bị chém đói trong cuộc nội chiến, 2 người bị đè chém, một người bị giết, một người bị dìm chém, một người bị thả tảng đá chém, một người bị phế truất sau đó bị mưu sát.

VŨ ĐẾ (TIÊU DIỄN) (LƯƠNG)

Vũ Đế, ông ta tên là Tiêu Diễn (464-549), tên tự của ông là Thúc Đạt. Ông là chi dưới của Cao Đế Tiêu Đạo Thành (triều Nam Tề). Giữ chức lại sứ ở Ung Châu. Ông mưu hại Đông Hỗn Hầu, Hòa Đế để xưng làm hoàng đế. Ông diệt vong triều Nam Tề và tạo dựng nên triều Lương. Ông trị vì 48 năm, ông bị tướng lĩnh của triều Đông Ngụy bao vây và bị chém đói, hưởng thọ 86 tuổi. Mai táng ở Tu Lăng (nay thuộc huyện Đơn Dương tỉnh Giang Tô).

*

Tiêu Diễn quê ở Nam Lan Lăng, ông thuộc chi dưới của Cao Đạo Thành. Cảnh Lăng Vương Tiêu Tử Lăng (người trong hoàng tộc Nam Tề) cho mở một hội văn học, ông tham gia vào đó và có cơ hội giao du với các văn sĩ Trầm Hội, Tạ Diểu. Sau khi Tiêu Diễn nhận chức lại sứ ở Ung Châu ông trấn thủ ở Tương Dương. Năm 501 lợi dụng việc hoàng tộc triều Nam Tề tàn sát lẫn nhau, ông bao vây thành Kiến Khang giết Đông Hỗn Hầu và lập Hòa Đế làm hoàng đế. Năm 502 ông phế bỏ và mưu sát Hòa Đế, ngày Bính Dần tháng 4 năm 502 ông tự xưng làm hoàng đế, sai đặt quốc hiệu là "Lương" và đặt đô ở Kiến Khang, đổi niên hiệu là "Thiên Lâm", trong sử gọi là Tiêu Lương.

Trong những năm trị vì, ông đế xướng Phật Giáo. Ra vẻ là nhân từ để lừa đảo các nhân sĩ nhằm thu hút sự ủng hộ của họ. Ông thường

ăn chay, tay lâ`n chuỗi hạt và đọc kinh Phật, những lúc hành hình gié`t người ông ta thường khóc và miệng nói: "A Di Đà Phật". Ông ta cho xây dựng chùa chiê`n, mỗi ngày vào buổi tô`i và buổi sáng đê`u đi tới chùa Đô`ng Thái để lễ Phật niệm kinh và thường nói sẽ tích đức thay bà con trăm họ.

Vào những năm cuô`i đời, có một hôm Tiêu Diễn đi tới chùa Đô`ng Thái và không quay vê` cung, ông ta còn cao giọng nói không muô`n làm hoàng đê` mà muô`n xuâ`t gia làm tăng tử, đây gọi là "xả thân". Các đại thâ`n nghe ông ta nói vậy họ đê`u hoảng hô`n, ngày nào bọn họ cũng đê`n chùa câ`u xin ông ta trở vê` cung, một thời gian sau, ông lại đê`n chùa Đô`ng Thái để xả thân, ông gợi ý các đại thâ`n dùng 100.000 quan tiê`n để "chuộc thân" cho ông ta, đón ông ta vê` cung. Được ít lâu ông lại đi "xả thân". Ông muô`n các quô`c sĩ - quan viên đê`u xả thân vì Phật Tổ. Các đại thâ`n lại phải xuâ`t 200.000 quan tiê`n để "chuộc thân" cho ông ta. Một buổi tô`i tháp Phật trong chùa Đô`ng Thái bị bô`c cháy, Tiêu Diễn đoán định do ma quỷ gây ra, câ`n phải xây tháp để trâ`n áp, ông hạ chiê`u nói: "Pháp Phật càng cao thì ma quỷ càng ít, lúc làm việc thiện bị ma quỷ cản trở, câ`n phải xây lại chùa Pháp Phật, hơn nữa phải xây cao hơn trước kia, như thế mới trâ`n áp được ma quỷ". Ông ta mâ`t vài năm mới xây xong tòa tháp cao 12 tâ`ng. Một năm sau, ông ta lại xả thân, các đại thâ`n lại mâ`t 100.000 quan tiê`n để giúp ông ta "chuộc thân". Tổng cộng ông ta 3 lâ`n "xả thân" mâ`t 400.000 quan tiê`n để "chuộc thân", những điê`u này đỗ hế`t lên đâ`u bà con trăm họ, công việc trong triê`u lại hồn độn.

Một buổi tô`i tháng 1 năm 547 - Tiêu Diễn mơ thâ`y quân Ngụy liên tiê`p đê`n đâ`u hàng ông ta. Ông ta cho ră`ng đó là điê`m lành nên vô cùng phâ`n khởi. Tháng 3, phản tướng của triê`u Đông Ngụy là Hâ`u Cảnh đê`n xin đâ`u hàng. Hâ`u Cảnh là tướng của triê`u Đông Ngụy, anh ta phản bội lại Đông Ngụy và chạy đê`n đâ`u hàng triê`u Tây Ngụy. Triê`u Đông Ngụy sai lính truy kích anh ta. Còn triê`u Tây Ngụy nghi anh ta làm nội gián nên không tiê`p nhận, anh ta cùng đường đành phải đê`n đâ`u hàng triê`u Lương. Các đại thàn lo lă`ng nê`u tiê`p nhận Hâ`u Cảnh sẽ đă`c tội với triê`u Đông Ngụy, bọn họ ra sức phản đô`i việc thu nhận Hâ`u Cảnh, còn Tiêu Diễn cho ră`ng điê`u này linh ứng với giâ`c mơ của ông ta nên phong Hâ`u

Cảnh làm Hà Nam Vương, sai anh ta đánh chiế m vùng Nam Bắc của sông Hoàng Hà. Hấ u Cảnh không đánh chiế m được, Tiêu Diễn sai quân đế n tiế p ứng cho Hấ u Cảnh nhưng bị quân Đông Ngụy đánh cho đại bại, ông ta đành cù́ u hòa với triế u Đông Ngụy và chuẩn bị giao trả Cảnh Hấ u. Cảnh Hấ u liế n dẫn 800 tàn quân phản lại triế u Lương, chạy xuố ng phía Nam. Anh ta tìm cách câu kêt với con nuôi của Tiêu Diễn là Tiêu Chính Đức, hai bọn họ tiế n quân bao vây thành Kiế n Khang, mở ra cuộc tạo phản kéo dài 4 năm khiế n cho nế n kinh tế́ và xã hội của miế n Nam bị phá hoại nghiêm trọng.

Tháng 10 năm 548, Cảnh Hấ u được Tiêu Chính Đức giúp đỡ đã bao vây thành Kiế n Khang. Vố n dĩ Tiêu Chính Đức được Tiêu Diễn lập làm thái tử, nhưng sau đó Tiêu Diễn lại có con vì thế phế bỏ Tiêu Chính Đức, điế u đó khiế n Tiêu Chính Đức ôm hận trong lòng. Thành Kiế n Khang có 3 phấ n: Đài thành, thành Thạch Đấ u và Đông Phủ, trong đó Đài Thành nắ m ở giữa:

- + Đài Thành là nơi Tiêu Diễn ở.
- + Phía Tây là thành Thạch Đấ u để cho Cấ m vệ quân trấ n giữ.
- + Phía Đông là Đông Phủ nơi các quan lại cư trú.

Hấ u Cảnh bao vây Đài Thành, và cắ t đứt mọi liên hệ với hai thành ở hai mặt Đông, Tây với Đài thành. Sau đó Hấ u Cảnh tấ n công Đài thành phóng lửa đố t cửa Đông Hoa và cửa Tây Hoa. Quân dân trong thành đào hang tránh khói đầy lùi được đợt tấ n công của Hấ u Cảnh. Được vài hôm Hấ u Cảnh lại tấ n công chiế m giữ được phủ Công Đông và cung Đông Cung. Đế n tối, Hấ u Cảnh tổ chức tiệc rượu ở Đông quan thì thái tử Tiêu Cuong phóng hỏa đố t cung Đông Quan khiế n cho vài trăm bộ đố thư bị cháy rụi.

Vài hôm sau, Hấ u Cảnh lại sáng chế ra con lạc đà bắ ng gỗ có thể đi được, trong bụng lạc đà có thể chứa được vài binh lính, một hàng lạc đà gố m vài trăm con tiế n thăng vào Đài thành, nhưng quân dân trong thành dùng lửa và gạch đá đánh cho tan tác. Hấ u Cảnh lại làm một cái thang dài hơn 10 trượng để trèo vào thành,

nhưng cũng không tấn công được. Cuối cùng Hấu Cảnh ép buộc thợ thủ công ở thành phía Đông và thành phía Tây đến bắt họ dựng núi đất để tìm cách vào Đài thành, quân dân trong thành cũng đắp đài cao để đối phó. Hai bên đối nghịch nhau đến hơn 130 ngày, trong thành có mươi mây vạn dân và hơn 30.000 lính, người thì chết đói, người thì chết trận, người thì chết bệnh, tính ra còn sót lại 4.000 lính phòng thủ. Mấy mươi vạn lính đến cứu viện cho Đài thành - họ muốn bảo toàn thực lực nên cũng án binh bất động.

Ngày Đinh Mão tháng 3 năm 549, quân lính của Hấu Cảnh lợi dụng trời mưa to, núi đất ở Đài thành bị đổ, nên tấn công tiến vào Đài thành, Hấu Cảnh sai lính trấn giữ cửa cung không cho Tiêu Diễn ra ngoài và không cho mang lương thực vào. Tiêu Diễn bị ốm liệt trên giường, Hấu Cảnh cũng không cho phép thái y vào chữa trị. Ngày Bính Thìn tháng 5, Tiêu Diễn đã băng hà vì đói và bệnh tật.

Sau khi Tiêu Diễn chết lập hiệu miếu là Cao Tổ và đặt Thụy Hiệu là VŨ ĐẾ.

LÂM HẠ VƯƠNG (TIÊU CHÍNH ĐỨC) (LƯƠNG)

Lâm Hạ Vương, ông ta tên là Tiêu Chính Đức (? - 548) tên tự của ông ta là Công Hòa. Ông là con nuôi của Lương Vũ Đế. Sau khi Hấu Cảnh bao vây Vũ Đế đã lập Tiêu Chính Đức làm hoàng đế. Ông trị vì được nửa năm thì bị Hấu Cảnh gié́t hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tiêu Chính Đức là cháu của Vũ Đế, bố của Tiêu Chính Đức là Lâm Xuyên Vương Tiêu Hoắng. Vũ Đế không có con nên nhận Chính Đức làm con nuôi và lập làm thái tử. Sau đó Vũ Đế lại sinh được một người con trai vì thế́ đã phế bỏ địa vị thái tử của Chính Đức. Điếu đó làm cho Chính Đức sinh oán hận Vũ Đế và luôn tìm cách đoạt ngôi báu.

Tháng 10 năm 548, Hấu Cảnh làm phản dẫn quân đội tới bờ Bắc sông Trường Giang để phòng thủ, bảo vệ đô thành Kiến Khang. Hấu Cảnh lập Chính Đức làm hoàng đế để mối chài Chính Đức

ủng hộ mình và Tiêu Chính Đức bị Hầu Cảnh mê hoặc và bị ngôi vị hoàng đế làm cho mờ mắt nên cho quân của Hầu Cảnh mượn mây chục chiếc thuyền để vượt sông Trường Giang và còn đích thân dẫn bọn họ qua sông Hoài Hà. Vũ Đê sai thái tử Tiêu Cương đi đánh chặn quân của Hầu Cảnh, Tiêu Cương không biết lòng phản trắc của Tiêu Chính Đức do đó sai Chính Đức trấn giữ cửa Tuyên Dương. Quân Hầu Cảnh tiến đến, Chính Đức vội mở cửa Tuyên Dương đón Hầu Cảnh và binh lính vào thành.

Ngày Kỉ Mùi tháng 11 (lúc đó Vũ Đê vẫn còn sống) vậy mà Tiêu Chính Đức được Hầu Cảnh lập làm hoàng đế và đổi niên hiệu là "Chính Bình". Và Chính Đức phong Hầu Cảnh làm tể tướng và còn gả con gái cho Hầu Cảnh, Chính Đức lập con trai là Tiêu Chính Lý làm thái tử. Ông ta cùng Hầu Cảnh bàn định: "Sau khi công kích được thành Kiên Khang thì phải giết Vũ Đê và thái tử Tiêu Cương". Nhưng sau khi chiếm giữ được đài thành, Hầu Cảnh lại vi phạm quy ước, ông ta ngăn cản Chính Đức giết hại Vũ Đê và Tiêu Cương. Để làm an lòng dân chúng, Hầu Cảnh sai áp giải thái tử Tiêu Cương và cho thái tử Tiêu Cương làm chư hầu, khôi phục niên hiệu của Vũ Đê. Thừa nhận Vũ Đê vẫn là thiên tử, phong cho Tiêu Chính Đức làm thị trung. Đại Tư Mã Chính Đức vào điện gặp mặt Vũ Đê. Ông ta vô cùng hối hận và ăn năn, cú quỳ phục trước mặt Vũ Đê khóc mãi không thôi. Vũ Đê an ủi nói: "Con đừng khóc nữa, bây giờ con mới hối hận thì cũng muộn rồi". Chính Đức quyết tâm giết Hầu Cảnh, nhưng thấy mình không phải là đối thủ của Hầu Cảnh do vậy ông viết một bức mật thư sai người gửi cho Tiêu Khiết, hẹn Tiêu Khiết dẫn quân bao vây Kiên Khang và nhận sẽ làm nội ứng, cùng nhau giết Hầu Cảnh, không ngờ bức thư rơi vào tay Hầu Cảnh, do đó vào tháng 5 năm 549, Hầu Cảnh mượn danh nghĩa Vũ Đê sai giết Chính Đức.

Trong sử gọi Chính Đức là Lâm Hạ Vương.

GIẢN VĂN ĐÊ (TIÊU CƯƠNG) (LUƯƠNG)

Giản Văn Đê, ông ta tên là Tiêu Cương (503 - 551) tên tự của ông là Thê Tân, hối nhở tên tự của ông ta là Lục Thông. Ông là con thứ

3 của Vũ Đế'. Sau khi Hầu Cảnh giam hãm cho Vũ Đế' ché t đói, và lập Tiêu Cương làm hoàng đế'. Ông trị vì được 2 năm thì bị Hầu Cảnh sát hại. Hưởng thọ 49 tuổi, mai táng ở Trang Lăng (nay thuộc huyện Đơn Dương tỉnh Giang Tô).

*

Tiêu Cương được phong làm Tân An Vương. Năm 531 ông được lập làm thái tử. Ngày Bính Thìn tháng 5 năm 549 Vũ Đế' bị ché t, ngày Tân Tỵ Tiêu Cương làm lễ đăng cơ tiếp nhận ngôi báu.

Sau khi Tiêu Cương làm hoàng đế', Hầu Cảnh rã t chuyên quyề n, mọi việc lớn nhỏ trong triều đế' do Hầu Cảnh quyề t đoán và giải quyề t. Tiêu Cương không dám triệu tập các chư vương để loại bỏ Hầu Cảnh, ông chỉ dám ngồi khóc thả m và phó tác số mệnh cho ông trời.

Tháng 8 năm 551 Hầu Cảnh muô n cướp đoạt ngôi báu nên sai Bánh Tuân dẫn quân vào cung giê t hơn 20 tông thâ t của Tiêu Cương trong đó có cả thái tử Tiêu Đại Khí. Hầu Cảnh còn sai mang Tiêu Cương đê n tỉnh Vĩnh Phú và phế truâ t làm Tân An Vương, Hầu Cảnh lại lập Tiêu Đông làm hoàng đế'. Hầu Cảnh phái Lữ Quý Lược đê n ép Tiêu Cương viê t chiê u nhường ngôi. Tiêu Cương cám bút mà lòng đau như că t, nước mă t chảy đâ m đìa đê n nỗi không viê t được. Lữ Quý Lược không biê t làm cách nào đành phải cáo lui. Hai tháng sau Hầu Cảnh quyề t định giê t hại Tiêu Cương, ông ta sai Vương Vĩ, Bành Tuân. Vương Tu Soạn đi thi hành nhiệm vụ.

Ngày Nhâm Dần tháng 10, bọn họ đê n chở Tiêu Cương chúc rượu, bọn họ trả vò nói: "Tể tướng vì chuyện của bệ hạ mà sinh ra u â t buôn râu, ông ta sai chúng thán đê n đây chúc thọ bệ hạ". Tiêu Cương biê t mình khó lòng thoát khỏi cái ché t, ông cười nhạt nói: "Tôi đã thoái vị, tại sao các anh còn gọi tôi là bệ hạ". Xem ra bình rượu chúc thọ này có â n ý bên trong". Nói xong, liê n rót rượu ra cô c nói: "tôi vô n sô ng cũng không vui vẻ, chỉ bă ng chọn kêt cục này". Ông ta uông đê n say mèm rồi thiê p đi. Bành Tuân lây một chiê c áo đê vào mặt Tiêu Cương, và sai Vương Tu Soạn cưỡi lên người Tiêu Cương và đê cho ông ta ché t ngọt. Sau đó bọn họ lâ y cửa

sở đóng thành một cỗ quan tài đặt thi thể Tiêu Cương vào đó và chuyển đê n kho rượu ở phía Bắc thành, và mai táng ông ta ở Trang Lăng.

Sau khi ông ta chết đặt hiệu miếu là Thái Tông và đặt Thụy Hiệu là Giản Văn Đế.

Thời Tiêu Cương còn sống ông ta rất thích thơ văn. Hö i còn làm thái tử, ông kết giao với nhiều văn nhân, ông dùng lời văn tiếng thơ để miêu tả cuộc sống trong cung đình, và được sưu tập thành tập thơ: "Quan thế thi". Thời gian ông bị giam cầm, ông cũng viết khá nhiều thơ ở trên các bức tường để nói rõ mình là con người trung thực trước sau như một và nói rõ kết cục thê lương của đời mình. Những bài thơ này được thu thập lại, người ở đời Minh có cuốn "Lương Giản Văn Đế tập" (tập thơ của Giản Văn Đế).

DỰ CHƯƠNG VƯƠNG (TIÊU ĐÔNG) (LUƠNG)

Dự Chương Vương, ông ta tên là Tiêu Đông (? - 532), tên tự của ông là Nguyên Cát. Ông là cháu của Lương Vũ Đế và là cháu của Chiêu Minh thái tử Tiêu Thống. Hầu Cảnh sau khi giết Tiêu Cương đã lập Tiêu Đông làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 tháng thì bị Hầu Cảnh phế truất, về sau bị Nguyên Đế Tiêu Dịch sai người dìm chết trên sông. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tiêu Đông là con trưởng của Dự Chương Vương Tiêu Hoan, ông được phong làm Dự Chương Vương. Sau khi cha chết, gia cảnh dần dần đi xuống, ông ăn không ngói rô i ở phủ đệ nên thường cùng phi tử cuộ c đâ t. Tháng 10 năm 551 Hầu Cảnh mưu hại Tiêu Cương và lập Tiêu Đông làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Thiên Chính".

Tháng 11 năm 551 Hầu Cảnh tự xưng làm hoàng đế và phế truất Lưu Đông, giáng ông làm Hoài Dương Vương, giam ông và hai em là Tiêu Kiêu và Tiêu Cưu ở trong mật thất. Năm sau, Hầu Cảnh bị Tương Đông Vương Tiêu Nghi đánh bại, ba anh em Tiêu Đông mới được thả ra. Hầu Cảnh bị giết chết, hoàng thái u Lương lại

đòi được ngôi vị và tiếp tục tàn sát lẫn nhau. Tháng 3 năm 552 Tiêu Dịch sai đại tướng Vương Tăng Biện đi sát hại Tiêu Đông. Nhưng Vương Tăng Biện nói: "Nếu như luận tội thì sẽ đổ hết vào đầu họ thัnn. Chuyện hành thích hạ thần không dám làm, xin bệ hạ sai người khác". Tiêu Dịch đánh sai tướng Chu Thực đi làm chuyện đó. Sau khi Chu Thực chuôc cho Tiêu Đông uống rượu say liền sai lính khênh Tiêu Đông vứt xuống sông. Hai em trai ông cũng bị chung số phận giông ông.

Trong sử gọi Tiêu Đông là Dự Chương Vương.

VŨ LĂNG VƯƠNG (TIÊU KỈ) (LUƯƠNG)

Vũ Lăng Vương, ông ta tên là Tiêu Kỉ (? - 553), tên tự của ông là Thê Tuân. Ông là con thứ 8 của Lương Vũ Đế.

Sau khi Hầu Cảnh chết, Tiêu Kỉ tự xưng đế. Ông trị vì được 2 năm, bị thuộc hạ của Tiêu Dịch hại chết. Mai táng ở đâu không rõ. Tiêu Kỉ được phong làm lại sứ ở Ích Châu, sau khi Hầu Cảnh bị giết, ông ta thấy thiên hạ không có chủ, do đó vào ngày Ất Mùi tháng 4 năm 552 ông xưng đế tại Thành Đô, ông vẫn đặt niên hiệu là "Thiên Chính".

Tháng 8 năm đó Tiêu Kỉ thôeng lĩnh đại quân tiến xuống phía Đông, chuẩn bị tiêu diệt huynh trưởng là Tiêu Dịch. (Tiêu Dịch cũng xung đê ở Giang Lăng), bị em trai vây đánh Tiêu Dịch phải nhờ triều Tây Ngụy dẫn đại quân xông đê n Thành Đô. Tiêu Kỉ thà rãng mât đi Thành Đô chứ không chịu từ bỏ ý định của mình, đại quân vẫn tiếp tục vượt sông Trường Giang tiến xuống phía Đông. Các tướng sĩ đêu là người Tứ Xuyên, đêu ngóng vọng về quê hương nơi bị quân địch giàn xéo. Tiêu Kỉ ra lệnh đúc 10000 thỏi vàng, mỗi thỏi nặng 1/2 kg và đúc 50000 thỏi bạc, mỗi thỏi nặng 1/2 kg, sau đó phân thưởng, nếu ai có công sẽ được thưởng vàng bạc. Nhưng trên đường đi, các tướng sĩ đánh thăng vài trận nhưng ông ta đêu thất hứa không trao phần thưởng gây ra sự phẫn nộ trong đám binh sĩ, ai ai cũng muôn làm phản. Tiêu Kỉ biết mình không có sức đánh bại Tiêu Dịch ở vùng Giang Lăng, đành phải sai thuộc hạ là thượng thư

Lạc Phụng Nghiệp đê`n cù`u hòa với Tiêu Dịch. Lạc Phụng Nghiệp gặp mặt Tiêu Dịch lại nói ngược lại những gì mà Tiêu Kỉ dặn dò.

"Quân lính của Tiêu Kỉ bị thiê`u lương thực, binh lính bị chê`t và bị thương cũng khá nhiê`u. Muô`n đánh bại Tiêu Kỉ là một điê`u dẽ dàng". Tiêu Dịch nghe Lạc Phụng Nghiệp nói vậy, nên đã từ chô`i việc cù`u hòa.

Tháng 7 năm 553, Tiêu Dịch sai lính phản công đánh lại Tiêu Kỉ, tướng lĩnh phòng thủ ở 14 thành tại hai bờ Trường Giang liên tiê`p quay lưng lại với Tiêu Kỉ, mở cổng thành đâ`u hàng. Tiêu Dịch còn sai tướng lĩnh là Phàn Mãnh chặn đường quay vê` của Tiêu Kỉ và còn dùng thuyê`n chiê`n quây thành thê` trận hình tròn, thuyê`n rô`ng của Tiêu Kỉ bị vây ở giữa. Phàn Mành nhảy lên thuyê`n rô`ng của Tiêu Kỉ, cù`m cái dáo đuổi theo Tiêu Kỉ, Tiêu Kỉ sợ quá vội rút ra một thỏi vàng đưa cho Phàn Mãnh và nói: "Xin tặng thỏi vàng này co tướng quân, chỉ cù`u xin tướng quân cho tôi đi gấp Tiêu Dịch". Phàn Mãnh quát to: "Thiên tử làm sao có thể tùy tiện gặp mặt: tâ`t cả chõ vàng này đê`u thuộc vê` tôi nê`u như tôi giê`t chê`t anh". Nói xong, Phàn Mãnh dùng cây dáo giê`t chê`t Tiêu Kỉ.

Thái tử Tiêu Viên thâ`y phụ thân bị bao vây, vội vàng nhảy sang thuyê`n của cha để giúp đỡ, và thái tử cũng bị giê`t chê`t. Toàn bộ vùng Ích Châu bị quân Tây Ngụy chiê`m giũ.

Trong sử gọi Tiêu Kỉ là Vũ Lăng Vương, sau khi ông ta chê`t bị Tiêu Dịch khai trừ ra khỏi dòng họ và đổi họ của Tiêu Kỉ thành họ Thao Thiê`t (tức là kẻ tham ăn).

NGUYÊN ĐÊ` (TIÊU DỊCH) (LUƯƠNG)

Nguyên Đê`, ông ta tên là Tiêu Dịch (508 - 554), tên tự của ông là Thê` Thành, hó`i nhỏ tên tự của ông là Thâ`t Phù. Ông là con trai thứ 7 của Lương Vũ Đê`. Sau khi Tiêu Dịch dẹp yên Hâ`u Cảnh, ông tự xưng làm hoàng đế`. Ông trị vì được 3 năm, bị Tiêu Xoa đè chê`t, hưởng thọ 47 tuổi. Đâ`u tiên mai táng ở Giang Lăng (nay thuộc huyện Giang Lăng tỉnh Hồ` Bă`c). Vê` sau cải táng ở ngoại thành Kiê`n Khang (nay thuộc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tiêu Dịch từng được phong làm Tương Đông Vương, sau đó làm lại sứ Kinh Châu, đô đốc quân sự. Sau khi ông đánh bại Hầu Cảnh, ông mượn tay triều Tây Ngụy để tiêu diệt thế lực của Tiêu Luân, Tiêu Ki. Tiếp đó ông hạ lệnh cho đại tướng quân Vương Tăng Biệp, Trần Bá Tiên, đi dẹp yên Hầu Cảnh. Ngày Bính Tí tháng 11 năm 552, Tiêu Dịch tự xưng đế ở Giang Lăng, ông đổi niên hiệu là: "Thừa Thánh".

Được một thời gian cháu của ông ta làm lại sứ ở Ung Châu tên là Tiêu Xoa khởi binh để tranh đoạt ngôi vị. Binh lực của Tiêu Xoa không đủ nên cũng học theo cách làm của chú, tới năm 554 Vũ Văn Thái sai Vu Cẩn thôeng lĩnh 50000 đại quân, kết hợp với Tiêu Xoa tiến qua đê Giang Lăng. Tháng 11, bọn họ bao vây đô thành và đốt cháy hàng rào bảo vệ thành. Ngày Tân Hợi, bọn chúng tấn công vào thành ráo rứt dữ dội, Nguyên Đế phải đích thân chỉ huy binh lính chống trả, nhưng quân Lương vẫn bị đánh bại, tướng quân Hồ Tăng Hữu chết trận, thuộc hạ của Tiêu Dịch có kẻ phản bội dẫn lính Tây Ngụy vào thành. Tiêu Dịch phải mang thái tử Tiêu Nguyên Thiện chạy trốn. Tiêu Dịch ráo rứt ham học hỏi, trong điện Cách Trúc có cả tám 140000 cuốn đồ thư. Bình thường, ông đọc bao nhiêu sách, học hỏi được nhiều điều vậy mà vẫn bị mất nước. Ông không muôn số sách quý đó rơi vào tay kẻ địch vì thế sai người đốt hết chỗ sách đó và ông cũng muôn nhảy vào đó tự vẫn, nhưng các quan thần đã can gián và giữ ông ta lại. Đại thần Tạ Đáp Nhân hứa hẹn với Tiêu Dịch sẽ thu thập tân binh tiếp tục bảo vệ hộ giá hoàng thượng. Cảm kích trước tâm lòng của Tạ Đáp Nhân, Tiêu Dịch phong ông ta làm đại đô đốc và gả con gái cho anh ta nhằm cỗ vũ lòng tận trung. Nhưng khi Tạ Đáp Nhân đi xép công việc chỉnh lý quân đội thì Tiêu Dịch lại nghe lời xàm tâu của Vương Bao, ông ta không ý cho thái tử và Vương Bao đi làm con tin và xin cầu hòa. Tạ Đáp Nhân nghe được tin đó, ông ta oán hận Tiêu Dịch đã nghe lời nịnh thần. Tạ Đáp Nhân tức quá thồ máu và chết.

Vu Cẩn (triều Tây Ngụy) tiếp nhận chiêu thư đầu hàng và sai Vương Bao dẫn Tiêu Dịch đến gặp mặt. Tiêu Dịch mặc áo màu tro, cưỡi ngựa trắng, lúc ra khỏi cung ông ta than thở: "Tiêu Thê Thành

oi, Tiêu Thê` Thành, tại sao ta lại rơi vào nông nỗi này". Ông ta đi vào doanh trại của triề` u Tây Ngụy bị Vu Câ` n bă` t quỳ lạy và bị Tiêu Xoa nhục mạ. Và bị giải đi.

Ngày hôm sau, Tiêu Dịch thì thâ` m với Trường Tôn Kiêm: "Anh là quản giáo tôi là phạm nhân, tôi xin nói thực với anh, tôi chôn râ` t nhiê` u vàng ở trong thành. Anh dẫn tôi vào thành tôi sẽ chỉ chỗ chôn vàng cho anh, anh hãy đào nên và mang hê` t đi". Nghe Tiêu Dịch dụ dỗ, Trường Tôn Kiêm tin tưởng và vô cùng vui vẻ đô` ng ý dẫn Tiêu Dịch vào thành đào vàng. Vào trong thành Tiêu Dịch nói: "Tôi chỉ trả vò anh vậy thôi, làm gì có chuyện thiên tử mà lại tự tay đào hố` chôn vàng bạc. Chẳng qua tôi chỉ muô` n cách xa chỗ Tiêu Xoa một chút, để ông ta đỡ đê` n nhục mạ tôi". Trường Tôn Kiêm giận tím mà tím mặt và giam Tiêu Dịch vào kho chứa quâ` n áo. Tiêu Dịch không nói nhiê` u chỉ ngô` i uô` ng rượu với quân Ngụy, vừa uô` ng rượu vừa ngâm thơ và chỉ nói những lời ai oán.

Tiêu Xoa ra sức khuyên Vu Câ` n loại bỏ Tiêu Dịch vì thê` vào ngày Tân Mùi tháng 12, Vu Câ` n sai thượng thư Phó Hoài đi giê` t Tiêu Dịch. Tiêu Dịch cho Phó Hoài xem những bài thơ ông ta viê` t trong thời gian ngô` i tù. Phó Hoài vừa đọc vừa khóc, nhưng cũng không dám trái lệnh chủ nhân, ông đành sai lính lâ` y áo chụp vào mặt Tiêu Dịch đè cho Tiêu Dịch ngạt thở. Phó Hoài lâ` y vải bô` quâ` n thi thể của Tiêu Dịch, quâ` n chiê` u bên ngoài thi thể, và dùng dây buộc chặt, sau đó mang xác ra ngoài ngoại thành mai táng.

Tiêu Dịch viê` t được khá nhiê` u thơ văn, người đời sau thu thập thành cuô` n "tuyển tập của Lương Nguyên Đê` ".

Sau khi Tiêu Dịch chê` t lập hiệu miê` u là Thê` Tô và đặt Thụy Hiệu là Nguyên Đê` .

MÃN ĐÊ` (TIÊU UYÊN MINH) (LƯƠNG)

Mẫn Đê` , ông ta tên là Tiêu Uyên Minh (? - 556). Ông là cháu của Lương Vũ Đê` . Sau khi Nguyên Đê` bị Tiêu Xoa bức hại, Vương Tă` ng Biện lập Tiêu Uyên Minh làm hoàng

đế'. Ông trị vì không được 6 tháng, bị Trân Bá Tiên phế truất và giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tiêu Uyên Minh được phong làm Kiến An Công. Vũ Đế thu nhận phân tướng của triều Đông Ngụy là Hầu Cảnh và Vũ Đế bị triều Đông Ngụy vây đánh. Tiêu Uyên Minh dẫn 50000 người tiến lên phía Bắc để tiếp ứng và bị triều Đông Ngụy bắt làm tù binh. Vũ Đế định dùng Hầu Cảnh để trao đổi lấy Tiêu Uyên Minh nhưng Hầu Cảnh bị bắt được nơi chạy xuông phía Nam và gây ra "cuộc tạo phản của Hầu Cảnh". Năm 554 Nguyên Đế Tiêu Dịch bị giết, do vậy tháng 3 năm 554 triều Bắc Tề (thời này triều Đông Ngụy đã chuyển thành triều Bắc Tề) sai người hộ tống Tiêu Uyên Minh về đô thành của triều Lương để tiếp nhận ngôi vị và gấp phải sự cản trở của thái thú ở Ngô Hưng là Bùi Chi Hoành. Tháng 5 năm 555 Vương Tắc ng Biện dẫn Tiêu Uyên Minh về Kien Khang, ngày Bính Ngọ lập Uyên Minh làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Thiên Thành".

Tháng 9, Tư Không Trân Bá Tiên phát động binh biến để phản đối chuyện Vương Tắc ng Biện lập Uyên Minh làm hoàng đế, Trân Bá mang quân vây đánh thành Kien Khang giết Vương Tắc ng Biện, phế Uyên Minh và giáng xuông làm Tư Đô Kien An Công.

Ngày Quý Mùi tháng 5 năm 556, Uyên Minh bị Trân Bá Tiên giết hại.

Sau khi ông ta chết đặt Thụy Hiệu là Mẫn Đế.

KÍNH ĐẾ (TIÊU PHƯƠNG TRÍ) (LƯƠNG)

Kính Đế ông ta tên là Tiêu Phương Trí (543 - 558), tên tự của ông là Huệ Tương, hõi nhỏ ông có tên tự là Pháp Chân. Ông là con trai thứ 9 của Lương Nguyên Đế. Khi Nguyên Đế chết ông đã được Vương Tắc ng Biện và Trân Bá Tiên giúp lên ngôi hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm, bị Trân Bá Tiên phế truất và giết hại. Hướng dương 16 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tiêu Phương Trí được phong làm Tán An Vương. Tháng 10 năm 554 Nguyên Đế bị Tiêu Xoa hại chết, tháng 11 năm 554 Vương Tả Ngang Biện và Trấn Bá Tiên đã lập Tiêu Phương Trí làm hoàng đế, còn Tiêu Xoa lại được triều Tây Ngụy giúp tiếp nhận ngôi báu, hai bên đối nghịch nhau.

Tháng 5 năm 555 Vương Tả Ngang Biện đồng tình với yêu cầu của triều Bắc Cố Tề đón Tiêu Uyên Minh lên ngôi báu, phê truất Tiêu Phương Trí, đổi Tiêu Phương làm thái tử. Tháng 9 Tư Không Trấn Bá Tiên đã giết Vương Tả Ngang Biện và vào ngày Bính Ngọ cùng tháng lại lập Tiêu Phương Trí làm hoàng đế, ông cho đổi niên hiệu là "Thiệu Thái".

Tiêu Phương Trí phong Trấn Bá Tiên làm thống sứ, đổi kháng với triều Bắc Cố Tề. Hôm đây Trấn Bá Tiên được phong làm Trấn Quốc Công. Ông ta nắm giữ mọi quyền lực trong triều.

Ngày Tân Mùi tháng 10 năm 557 Trấn Bá Tiên phê Tiêu Phương Trí và giáng xuống làm Giang Âm Vương (vùng Giang Âm nay thuộc huyện Giang Âm tỉnh Giang Tô), Trấn Bá Tiên sai thuộc hạ áp giải và tống tiễn Tiêu Phương Trí đến một nơi khác.

Năm 558, Tiêu Phương Trí bị Trấn Bá Tiên sai thuộc hạ giết. Sau khi Tiêu Phương Trí chết được đặt Thụy Hiệu là Kính Đế.

TRIỀU HẬU LUÔNG (Năm 555 - 587, tổng cộng 33 năm)

Triều Lương có 3 hoàng đế, trong đó có hai người bị bệnh chết, một người bị phế bỏ sau đó bị bệnh chết.

TUYÊN ĐẾ (TIÊU XOA) (HẬU LUÔNG)

Tuyên Đế, ông ta tên là Tiêu Xoa (519 - 562). Ông là cháu trưởng của Lương Vũ Đế và là con trai của thái tử Tiêu Thống. Sau khi giết hại Nguyên Đế, Tiêu Xoa được triều Bắc Ngụy giúp tiếp

nhận ngôi báu. Ông trị vì được 7 năm bị bệnh chết, hưởng thọ 45 tuổi. Mai táng ở Bình Lăng (nay thuộc núi Kỉ Sơn huyện Giang Lăng tỉnh Hô` Bă`c).

*

Tiêu Xoa từng được phong làm Nhạc Dương Vương và nhận chức lại sứ ở Ung Châu. Sau khi dẹp yên cuộc làm loạn của Hâ`u Cảnh, Tiêu Xoa khởi binh để cùng các tông thất khác tranh giành nhau ngôi vị, ông ta tới triề́u Tây Ngụy mượn binh để đánh lại Nguyên Đế. Đại thấn Doãn Đức Nghị ra sức can gián ông không nén "rước voi dâ`y mô", ông nhất định không nghe vẫn dẫn quân Tây Ngụy đánh vào vùng Giang Lăng giết Nguyên Đế. Tháng 1 năm 555 triề́u Tây Ngụy lập ông ta làm hoàng đế. Và chọn Giang Lăng làm đô thành triề́u Tây Ngụy chỉ cắt cho ông ta 300 dặm đất ở Kinh Châu. Triề́u Tây Ngụy sai lính trấn giữ ở Giang Lăng, tuy trên danh nghĩa là trợ giúp nhưng trên thực tế là giám sát. Toàn bộ của cải vàng bạc châu báu cũng bị triề́u Tây Ngụy vơ vét hết, rất nhiếu vương công quý tộc và dân chúng bị cướp tới Trường An làm nô lệ, những người già yếu đếu bị giết, chỉ giữ lại 300 hộ dân. Tiêu Xoa tống tiễn quân Tây Ngụy về, quay về thành nhìn thấy cảnh hoang tàn xơ xác, ông ta vô cùng ân hận và thốt lên: "Trẫm thật hối hận vì không nghe lời can gián của Doãn Đức Nghị". Ông đổi hiệu là "Đại Định", xây dựng lên một triề́u đình nhỏ, trong sử gọi là Hậu Lương. Triề́u Tây Ngụy bị triề́u Bă`c Chu thôn tính. Tiêu Xoa lại đến dựa dẫm vào triề́u Bă`c Chu.

Tiêu Xoa mất vào tháng 2 năm 562.

Sau khi ông mất được đặt Thụy Hiệu là Tuyên Đế.

MINH ĐẾ (TIÊU KHUY) (HẬU LUƯƠNG)

Minh Đế, ông ta tên là Tiêu Khuy (? - 585). Ông là con trai của Lương Tuyên Đế. Ông kế́ vị sau khi cha mất. Ông trị vì được 24 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở Hiển Lăng (nay thuộc núi Kỉ Sơn huyện Giang Lăng tỉnh Hô` Bă`c).

*

Thời Tuyên Đế trị vì đã phong cho Tiêu Khuy làm thái tử. Tháng 7 năm 567 Tuyên Đế bị bệnh chê t, cũng vào tháng đó Tiêu Khuy đứng ra tiếp nhận ngôi vị, ông đổi niên hiệu là "Thiên Bảo".

Ông sống rât tiết kiệm và hay thu nạp ý kiến của quan thânn, do đó mâu thuẫn giai cấp tương đối ổn định cuộc sống của nhân dân luôn bình an, sản xuất được khôi phục và phát triển. Vào những năm cuối đời của ông ta, lúc này triều Tùy được kiêm lập, ông xin phục tùng triều Tùy, hàng năm đều có ng tiễn cho triều Tùy những báu vật quý. Nhiều lần Tùy Văn Đế Dương Kiên tặng cho ông đồ vật và còn đứng ra làm媒 i gả con gái của Lương Minh Đế cho con trai của Tân Vương Dương Quang (sau này là Tùy Dạng Đế).

HẬU CHỦ (TIÊU TÔNG) (HẬU LUƯƠNG)

Hậu Chủ, ông ta tên là Tiêu Tông. Năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Lương Minh Đế, ông lên kế vị sau khi Minh Đế chê t. Ông trị vì được 2 năm. Bị bắt nước, Tùy Văn Đế Dương Kiên tuyên triệu vào thành Trường An giam lỏng và bị ôm chê t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 5 năm 585 Minh Đế ôm chê t, cũng vào tháng đó Tiêu Tông đứng ra tiếp nhận ngôi báu. Ông cho đổi niên hiệu là "Quảng Vận".

Tháng 9 năm 587, Tùy Văn Đế Dương Kiên bình định vùng Tây Bắc và chuẩn bị tiêu diệt các chính quyền ở vùng Đông Nam và gọi Tiêu Tông vào Trường Giang gặp mặt. Tiêu Tông biết đợt này đi "lành ít dữ nhiê u", nhưng ông cũng không dám trái lệnh, ông đành dẫn hơn 200 quan thânn đi tới Trường An. Lúc sắp khởi hành, các phụ lão ở đât Giang Lăng đênn tiễn biệt ông lên thuyền, các phụ lão đều khóc và nói: "Bệ hạ đi không biết bao giờ mới trở về". Dương Kiên ra lệnh cho quân Tùy trấn thủ ở vùng Giang Lăng. Thúc phụ

của Tiêu Tông là Tiêu Nham lo lắ ng quân Tùy sẽ tiêu diệt triề́ u Lương, Tiêu Nham âm thấ m liên kế t với triề́ u Trấ n hứa hẹn sẽ quy phục triề́ u Trấ n. Triề́ u Trấ n xuấ t binh tiế p ứng. Tiêu Nham dẫn bá quan văn võ và 100000 dân chạy tới phía Đông với triề́ u Trấ n. Đại tướng Cao Quǎn được Dương Kiên giao nhiệm vụ dẫn quân đi đánh quân Trấ n. Dương Kiên sai giữ Tiêu Tông ở thành Trường An và đem nhập vùng Giang Lăng vào bản đồ` đất đai của triề́ u Tùy, phân chia vùng Giang Lăng thành các quận huyện và cử người tới trông coi quản lý vê` dân sô` kinh tế` chính trị. Triề́ u Hậu Lương bị diệt vong.

Tiêu Tông bị phế truất và được phong làm Doanh Quốc Công (đất Doanh nay thuộc tỉnh Sơn Đông) và cư trú tại Trường An. Sau này ông ốm chết.

Trong sử gọi ông ta là Hậu Chủ.

TRIỀU TRẦN

(Năm 557 - 589, tổng cộng 33 năm)

Triệu Trân có 5 đế vương, trong đó có 31 người bị ôm chê t, một người làm mât nước bị bắt làm tù binh sau đó ôm chê t, một người trong cuộc nội chiến bị phế truất và ôm chê t.

VŨ ĐẾ (TRÂN BÁ TIÊN) (TRÂN)

Vũ Đế, ông ta tên là Trân Bá Tiên (503 - 559). Tên tự của ông là Hưng Quốc, hối nhở tên tự của ông là Pháp Sinh. Hồi đầu ông làm tướng quân ở triều Lương sau đó phế bỏ Lương kính Đế và tự xưng làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm bị bệnh chê t. Hưởng thọ 57 tuổi. Mai táng ở Vạn An Lăng (nay thuộc Thạch Mã Xông huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Trân Bá Tiên quê ở Trường Thành thuộc Ngô Hưng (nay thuộc huyện Ngô Hưng tỉnh Triết Giang). Ông có công trong việc trấn áp được cuộc khởi nghĩa nông dân ở Giao Châu nên được phong làm thái thú ở Cao Yêu. Năm 549 ông tụ tập binh lính tại đất Quảng Châu, bị Tương Đông Vương Tiêu Dịch khống chế, Trân Bá Tiên đã cùng Vương Tạng Biện tiêu diệt Hầu Cảnh, Trân Bá Tiên được phong làm tướng quân.

Năm 554 Tiêu Dịch bị giétr, Trân Bá Tiên cùng với Vương Tạng Biện phụ giúp và lập Tiêu Phượng Trí làm thái tử, cũng năm đó Trân Bá Tiên lại giétr Vương Tạng Biện và lập Tiêu Phượng Trí làm hoàng đế. Cũng năm đó, ông đẩy lùi cuộc tấn công của triều Bắc Tề, tháng 10 Trân Bá Tiên được phong làm Trân Vương. Năm 557 ông phế truất Kính Vương Tiêu Phượng Trí và tự xưng làm hoàng đế, ông tạo dựng lên "Triều Trân" và đặt đô ở Kiến Khang, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Định".

Trâ`n Bá Tiên tạ thê` ngày Bính Ngọ tháng 6 năm 559.

Sau khi ông chê`t đã được lập hiệu miê`u là Cao Tổ và đặt Thụy
Hiệu là Vũ Đê`.

VĂN ĐÊ` (TRÂ`N KIÊ`N) (TRÂ`N)

Văn Đê`, ông ta tên là Tiêu Kiê`n (? - 566), tên tự của ông là Tử Hoa. Ông là cháu của Trâ`n Vũ Đê`, ông tiê`p nhận ngôi vị sau khi Vũ Đê` chê`t. Ông trị vì được 7 năm bị bệnh chê`t. Mai táng ở Vĩnh Ninh Lăng (nay thuộc huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Tiêu Kiê`n là con trai cả của Chiêu Liệt Vương Trâ`n Đạo Tào. Tiêu Kiê`n vô`n chỉ là cháu của Vũ Đê`. Sau đó được Vũ Đê` nhận làm con nuôi và được phong làm Lâm Xuyên Vương. Tháng 6 năm 559 Vũ Đê` ô`m chê`t, ngày Giáp Dâ`n tháng 6 ông tiê`p nhận ngôi báu. Ông đổi niên hiệu là "Thiên Gia".

Ông lên ngôi được một thời gian, những thê` lực của dòng họ Tiêu (triê`u Lương) liên kêt với triê`u Bă`c Tê` tiê`n công thành Kiê`n Khang. Ông lãnh đạo quân và dân đẩy lui quân địch và thà`ng thu hõ`i hai châu, đó là: Giang Châu (nay thuộc thành phô` Cửu Giang tỉnh Giang Tây) và Sính Châu (nay thuộc thành phô` Vũ Hán tỉnh Hô` Bă`c). Quân Bă`c Chu tâ`n công, ông lại tiê`p tục lãnh đạo dân kiên cường đánh lui quân địch. Uy danh của ông vang vọng trong nước. Tháng 4 năm 466, ông bị ô`m nặng, ông viê`t di chiê`u nói: "Trẫm mang trọng bệnh nên râ`t mệt mỏi, mọi thuô`c thang chữa trị đê`u vô`nhiệu. Sô` mệnh của con người là do ông trời quyê`t định, trẫm không có gì để thă`c mă`c. Nhưng, từ khi kê` vi đê`n nay, mọi việc trong nước râ`t khó khăn, mă`y năm liê`n phải dụng binh liên tiê`p khiê`n bà`n con trãm họ phải vâ`t và cực nhọc, trước mă`t tuy đã tạm thời ổn định nhưng cách tính vẫn phải giáo hóa. Trãm không đợi được thời cơ đã phải vịnh biệt nhân dân, thực tê` trãm râ`t hô`i hận, vì chưa làm hê`t bốn phận với dân. Mong muô`n các quâ`n thâ`n hãy hê`t lòng trợ giúp thái tử, quản lý tôt công việc quô`c gia. Việc làm tang cho trãm, cũng phải làm tiê`t kiệm, tránh xa hoa lăng phí".

Ông mā́t ngày Quý Dậu.

Sau khi ông mā́t đặt hiệu miếu là Thế Tô và đặt Thụy Hiệu là Văn Đế.

PHẾ ĐẾ (TRÂ`N BÁ TÔNG) (TRÂ`N)

Phế Đế, ông ta tên là Trâ`n Bá Tông (552 - 570), tên tự của ông là Dược Vương. Ông là con trưởng của Trâ`n Văn Đế, ông được tiếp vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 2 năm, bị phế truất và ốm chết. Hướng dương 19 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Văn Đế trị vì đã lập Trâ`n Bá Tông làm thái tử. Ngày Quý Sửu tháng 4 năm 566 Văn Đế bị bệnh chết và cũng vào ngày đó Trâ`n Bá Tông lên kế́ vị. Ông cho đổi niên hiệu là "Quang Đại".

Tháng 11 năm 568, Thành An Vương Trâ`n Tu viễn lý do Trâ`n Bá Tông tính cách nhu nhược không quản lý được quốc gia, vì thế Trâ`n Tu tạo phản và mượn danh nghĩa thái hậu để phế truất Trâ`n Bá Tông, giáng xuống làm quận vương Lâm Hải và bắt Trâ`n Bá Tông dời đến cư trú ở Phiên Đề.

Ông mā́t ngày Ất Mão tháng 4 năm 570.

Trong sử gọi ông là Phế Đế hoặc Lâm Hải Vương.

TUYÊN ĐẾ (TRÂ`N TU)

Tuyên Đế, ông ta tên là Trâ`n Tu (530 - 582), tên tự của ông ta là Thiệu thế, hó̄i nhô̄i ông có tên tự là Sư Lợi. Ông đã phế truất Trâ`n Bá Tông và đứng ra tiếp nhận ngôi báu. Ông trị vì 14 năm, bị ốm chết. Hướng thọ 53 tuổi. Mai táng ở Hiển Ninh Lăng (nay thuộc hướng Tây Bắc cùn Ngưu Đấu huyện Giang Ninh tỉnh Giang Tô).

*

Trần Tu là con thứ của Chiêu Liệt Vương Quý Đạo Tào ông là em trai của Văn Đê và là chú của Phê Đê. Ông kế nhiệm chức vị Chiêu Liệt Vương, sau đó lại được phong làm An Thành Vương. Năm 568 ông phế bỏ Phê Đê, vào ngày Giáp Sửu tháng 1 năm 569 ông đứng ra tiếp nhận ngôi vị và cho đổi niên hiệu là "Thái Khang".

Năm 573, Trần Tu mang quân đi đánh triều Bắc c Tề nhưng bị quân Bắc c Tề đánh cho đại bại ở Lã Lương (nay thuộc huyện Đô ng Sơn tỉnh Giang Tô), ông chiếm được vùng Hoài Nam. Nell ông thua thảm tân công có khi lại tiêu diệt được triều Bắc c Tề và thô ng nhât Trung Quốc. Nhưng Trần Tu chỉ trấn thủ ở sông Hoài Hà và bỏ lỡ mất cơ hội đó. Tạo điều kiện cho họ Vũ Văn (triều Bắc Chu), đoạt mất việc khống chế triều Bắc c Tề. Năm 576, triều Bắc c Chu tân công và diệt vong triều Bắc c Tề thô ng nhât miên Bắc c, sau đó tiến xuông phía Nam tân công triều Trần. Do quân Trần bị quân Bắc c Chu đánh cho đại bại trong trận chiến ở Lã Lương, 30000 quân chỉ còn lại vài nghìn kị binh đột phá vòng vây chạy thoát, triều Trần bị lung lay cả về chính trị lẫn kinh tế.

Tháng 1 năm 582 Tuyên Đê bị ôm nặng. Ông viết di chúc nhường ngôi cho thái tử Trần Thúc Bảo và căn dặn quan thần phải trợ giúp thái tử, việc tang lễ làm đơn giản không được dùng bạc vàng châu báu và đồ vật quý chôn theo thi thể đồ vật đựng đồ cúng tế chỉ dùng chát liệu băng ngà. Ông mất ngày Giáp Dần.

Sau khi ông mất đã lấy hiệu miếu là Cao Tông và Thụy Hiệu là Tuyên Đê.

HẬU CHỦ (TRẦN THÚC BẢO) (TRẦN)

Hậu Chủ, ông ta tên là Trần Thúc Bảo (553 - 604), tên tự của ông là Nguyên Tú, hõi nhỏ tên tự của ông là Hoàng Nô. Ông là con trưởng của Trần Tuyên Đê. Tuyên Đê bị ôm chết, ông được tiếp nhận ngôi vị, mất nước bị bắt làm tù binh. Sau này ôm chết, hưởng thọ 52 tuổi. Mai táng ở núi Vong Sơn thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

Trân Thúc Bảo được sinh tại Giang Lăng. Thời Tuyên Đế trị vì đã lập Thúc Bảo làm thái tử. Sau khi Tuyên Đế mất, em trai của Thúc Bảo là Thúc Lăng đã tranh quyền đoạt vị với anh.

Một ngày trước ngày Tuyên Đế mất, Thúc Lăng chuẩn bị để loại bỏ Thúc Bảo, Thúc Lăng sai thái y mang tất cả các loại dao dùng để thái thuốc đê n. Hôm sau, Tuyên Đế vừa tắt thở, Thúc Lăng quát to: "Hãy mang kiêm ra đây" các tả hữu nghe quát vậy, cho rã ng ông ta muôn cử hành nghi lễ để tiễn biệt tiên vương liền vội vàng đi lây triều phục và cẩn kiêm gỗ. Ông ta tức giận đuổi mọi người thô i lui.

Buổi sáng hôm sau nữa, vừa mới khâm liệm cho Tuyên Đế xong, Trân Thúc Bảo phủ phục trước linh cữu khóc lóc. Trân Thúc Lăng đột nhiên vung dao thái thuốc định chém ngang lưng Thúc Bảo, nhưng lại chém vào cổ. Thúc Bảo kêu lên một tiếng, ngã hôn mê bất tỉnh. Hoàng hậu (vợ của Tuyên Đế) vội vàng can ngăn cũng bị Thúc Lăng chém cho vài nhát, nhũ mẫu của Thúc Bảo vội vàng ôm ngang lưng Thúc Lăng giữ chặt tay cầm dao của Thúc Lăng, lúc đó hoàng hậu mới thoát thân. Trân Thúc Bảo tỉnh lại và liều mạng chạy khỏi linh đường, em trai thứ tư của Thúc Bảo tên là Thúc Kiên vội vàng chạy đê n cướp con dao, lây dây lưng trói Thúc Bảo vào cột, sau đó chạy đuổi theo Thúc Bảo hỏi xem nên xử lý Thúc Lăng ra sao? Thúc Lăng nhân cơ hội cởi bỏ dây trói và chạy về phủ, dẫn vài trăm gia binh xông ra khỏi kinh thành định đê n đâ u hàng triều Tùy, nhưng đi được nửa đường bị Thúc Kiên dẫn lính đuổi theo giết chết.

Ngày Đinh Tị tháng 1 năm 582 Thúc Bảo làm lễ đăng quang, ông cho đổi niên hiệu là "Chí Đức".

Sau khi ông ta lên trị vì, ông luôn coi các trung thần là thù địch, coi dân chúng như cõi rác, ngang ngược hung ác, đê ra các hình phạt rât nghiêm khắc và tàn ác; cuộc sống của ông ta cực kỳ xa xỉ, suốt ngày chìm đắm trong nữ sáu, tiệc tùng du lâm, và thường uống đê n say mèm không biết trời đất. Lâu các cung điện, ông dùng gỗ thơm để xây dựng 3 tòa lâu các: Lâm Xuân, Kết Kìu, Vọng Tiên, mỗi tòa lâu cao 10 trượng và dùng vàng bạc châu báu trang trí xung quanh các tòa lâu. Ngựa cảnh của ông ta cũng nhiều vô kể, một ngày phải tốn rất nhiều lương thực cho số ngựa đó trong khi dân

chúng không đủ ăn. Có một điệu *u râ* t hoang đường, những lúc ông ta mở tiệc thường sai nịnh thâ n và mĩ nữ ngồi bên cạnh cùng uống rượu xem kịch, đàm hát. Những bài thơ phù sáng tác các cuộc rượu chè trai gái này, đại đa số là những bài thơ khô khan cứng nhă c hời hợt. Nhưng ông ta lại cho rằng đó là những bài thơ hay giàu tình thi vị, ông ta sai nhạc công ghép thành nhạc rồi sai các cung nữ hát múa. Có lúc ông ta còn đích thân đánh đàm biểu diễn, vừa hát vừa lắc lư trông như một kẻ điên.

Tháng 10 năm 588 Tùy Văn Đê Dương Kiê n phái 500000 đại quân tiến xuô ng phía Nam tiêu diệt triều Trâ n. Trâ n Thúc Bảo sai triệu tập các đại thâ n và hỏi bọn họ xem đê i phó sao, thượng thư Không Phạm Tâ u nói: "Từ Cố đê n nay Trường Giang là nơi ngăn cách hai miê n Nam Bă c, quân Tùy chẳng lẽ mọc cánh để bay qua sông? Thâ n cho rằng đây chỉ là những tin báo cáo láo của các tướng sĩ trâ n thủ ở biên cương muô n lừa bê hạ để lập công mà thôi, xin bê hạ giê t vài người trong bọn họ thì không có ai dám báo cáo láo". Thúc Bảo liê n nói: "Thành Kiê n Khang từ xưa đã là kinh đô của Đê Vương, trẫm phụng mệnh lên ngôi hoàng đê , sợ cái gì! từ xưa đê n nay quân Bă c Tê ba lâ n tâ n công đê u bị thâ t bại, quân Bă c Chu hai lâ n xâm lược đê n gấp phải cản trở. Hôm nay một Dương Kiên nhỏ bé như vậy, làm sao có thể đánh bại trẫm". Ông ta vẫn tiếp tục cả ngày uống rượu nghe đàm hát, sô ng chê t ra sao không câ n quan tâm.

Tháng 1 năm 589, quân Tùy chia làm hai cánh quân do Hạ Nhuoc Bật và Hàn Li Hổ thô ng lính, vượt qua sông Trường Giang và vây đánh thành Kiê n Khang. Trong thành Kiê n Khang có mười mây vạn quân trâ n thủ. Thúc Bảo sai đại tướng Tiêu Ma Hà và Nhâm Trọng dẫn quân ra đánh trả. Nhưng quân Trâ n từ lâu rô i không chịu tập luyện, từ tướng cho đê n quân đê u lười nhác do đó vừa ra trận đã bị đánh cho đại bại. Nhâm Trọng đâ u hang quân địch và dẫn quân của Hàn Li Hổ chiê m giữ cửa Chu Tước và hét to "Thủ lĩnh của các ngươi đã u hàng rô i, các ngươi còn đánh trả làm gì". Binh lính giữ thành thâ y vậy đê u chạy tan tác. Hạ Nhuoc Bật cũng bắt giữ Tiêu Ma Hà và từ cửa phía Bă c xông vào đô thành. Bá quan văn võ trong triê u bỏ chạy hê t.

Lúc này, Thúc Bảo đang ngồi trên điện đợi tướng lĩnh đê'n. Ông ta nghe tin đô thành bị thâ't thủ, ông biết mọi chuyện đã hỏng, ông vội vàng mang theo Trương Quý Phi và Không Quý Tâ'n (hai người được ông sủng ái nhất) chạy khỏi hoàng cung. Lúc chạy đê'n giê'ng Cảnh Dương (giê'ng này nă'm trong điện Cảnh Dương), bỗng nghe thâ'y tiê'ng hò hét, ông và hai phi tử nhảy xuô'ng giê'ng ẩn trô'n. Buổi tôt'i, quân Tùy chiê'm giữ được hoàng cung, họ nghe người trong cung nói Thúc Bảo đang trô'n ở dưới giê'ng, họ liê'n đê'n đó gọi Thúc Bảo đâ'u hàng. Thúc Bảo không đáp lại, binh lính lâ'y gạch đá ném xuô'ng giê'ng, Thúc Bảo sợ quá kêu to, các tướng sĩ liê'n lâ'y thửng thả xuô'ng đáy giê'ng bảo Thúc Bảo nám lâ'y, rô'i kéo lên, họ kéo thâ'y râ't nặng. Đợi đê'n khi qua khỏi miệng giê'ng mới biê't là ba người. Binh lính bức mình quát to: "Nê'u không hoang dâm thì làm sao bị mât nước?".

Trung tuâ'n tháng 3 Thúc Bảo bị áp giải về Trường An. Tùy Văn Đê' thâ'y Thúc Bảo là một kẻ bâ't tài, không có trí lớn chỉ thích hưởng lạc.

Ông ta bă't Thúc Bảo cư trú tại Trường An và sai lính quản lý. Vé sau lại bă't Thúc Bảo đê'n Lạc Dương sinh sô'ng.

Thúc Bảo mât ngày Nhâm Tị tháng 11 năm 604.

Trong sử gọi Thúc Bảo là Hậu Chủ.

BẮC TRIỀU

(386 - 581, tổng cộng 195 năm)

BẮC NGUY

(386 - 534, tổng cộng 149 năm)

Bắc Triệu có 5 vương triều: Bắc Ngụy, Đông Ngụy, Tây Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu. Triều Bắc Ngụy do Thác Bạt Khuê tạo dựng, ông ta đặt quốc hiệu là Ngụy trong sử gọi là Bắc Ngụy hay còn gọi là Hậu Ngụy. Triều Đông Ngụy, Tây Ngụy là do triều Bắc Ngụy phân chia. Về sau triều Đông Ngụy bị triều Bắc Tề thôn tính, triều Tây Ngụy bị triều Bắc Chu thôn tính.

Triều Bắc Ngụy có 15 đế vương, trong đó 4 người bị bệnh chết, một người làm mất nước và bị hại độc chết, 4 người bị chết trong cuộc nội chiến, một người bị dìm chết, 3 người bị hại độc, một người bị phế sau đó tình hình ra sao không biết rõ, một người bị thất cổ chết.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về thái hậu Phùng (bà ta bị ôm chết) và thái hậu Hồ (bà ta bị dìm chết).

ĐẠO VŨ THÀNH (THÁC BẠT KHUÊ) (BẮC NGUY)

Đạo Vũ Thành ông ta tên là Thác Bạt Khuê (371 - 409). Tên tự của ông ta là Thiệp Giai. Ông là người ở bộ lạc Thác Bạt dân tộc Tiên Ti. Là cháu của Thập Dực Kiện (triều đại 16 nước) (có một thuyết khác nói là con trai của Thập Dực Kiện). Sau khi triều Tiên bị suy yếu ông đã khôi phục lại vương triều và tự xưng đế. Ông trị vì 24 năm bị con trai là Thác Bạt Thiệu giết hại. Hưởng thọ 39 tuổi, mai táng ở Kim Lăng (gần thành phố Đại Đô ng tỉnh Sơn Tây).

*

Năm 376, Tiết Tần Phù Kiên diệt vong Đại Quốc, ông ta muôn trừ bỏ toàn bộ vương tộc của đại quốc. Đại thัnn của Đại Quốc là Yên Phụng đã lừa được Phù Kiên bảo vệ được tính mạng cho Thác Bạt Khuê (lúc đó còn rất nhỏ tuổi), Yên Phụng đem gửi Thác Bạt Khuê tới bộ lạc Độc Cô, Hạ Lan. Trong trận chiến Phì Thủy, triều Tiết Tần bị suy yếu, Thác Bạt Khuê triệu tập thuộc hạ cũ nhằm phục hưng Đại Quốc, ngày Mậu Thân tháng 1 năm 386 đã chính thức lập lại Đại Quốc ở Ngưu Xuyên (nay thuộc khu vực Nội Mông Cổ). Tháng 4 ông cho đổi quốc hiệu là "Ngụy" và đặt niên hiệu là "Đảng Quốc", trong sử gọi là Bá c Ngụy hay gọi là "Hậu Ngụy", Thác Bạt, Ngụy, Nguyên Ngụy. Ông tiêu diệt các bộ lạc: độc cô, Hạ Lan, thế lực trong nước ngày càng mạnh. Năm 397, trong chiến dịch ở Tham Hợp Bì (nay nằm ở giữa hai huyện Phong Tranh và Lương Thành ở Nội Mông Cổ) đánh cho quân của Mộ Dung Bảo (triều Hậu Yên) thua liềng xiềng và thừa thắng đánh chiếm luôn đô thành Trung Sơn của triều Hậu Yên, (nay thuộc huyện Định Tỉnh Hà Bắc), diệt vong triều Hậu Yên. Năm 398, Thác Bạt Khuê sai đặt đô ở Bình Thành (nay là thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây) và xưng làm hoàng đế.

Ông thực hiện chính sách "phân chia đất đai để định cư" phát triển nông nghiệp, trọng dụng các sĩ nhân người Hán, tiếp thu nền văn hóa của tộc Hán khiêm cho nên chính trị, kinh tế, văn hóa đều phát triển, thúc đẩy tộc Thác Bạt bước vào chế độ phong kiến.

Vào những năm cuối đời, Thác Bạt Khuê thay đổi tính nết tính tình nóng nảy, tinh thần thất thường. Ngày 13 tháng 10 năm 409, vợ ông ta tên là Hạ cãi nhau với ông ta, ông ta giận dữ khép vợ vào tội ché t. Hôm đó vì trời tối, ông sai người giam vợ vào phòng đợi sáng hôm sau sẽ hành hình. Bà ta sai thuộc hạ đi nói rõ sự việc cho con trai Thác Bạt Thiệu muôn con trai đê n cầu xin tha mạng giúp mình. Thác Bạt Thiệu nghe tin cấp báo, anh ta triệu tập thuộc hạ thân tín và hoạn quan ngay đêm hôm đó trèo tường vào nội cung đi đến điện Thiên An. Thác Bạt Khuê đang nghỉ ngơi ở điện Thiên An, cận vệ của ông ta thấy quân phản loạn xông đê n lién hô "có giặc đê n," Thác Bạt Khuê chạy vội ra lâ y cung tên nhưng tìm không thấy cung tên đâu cả. Thác Bạt Thiệu dẫn quân xông vào và Thác Bạt Khuê bị chém chết bởi làn dao loạn.

Sau khi ông ché t đã đặt Thụy Hiệu là Tuyên Vũ Đế, vê sau lại đổi thành Đạo Vũ Đế, và lập hiệu miê u là Thái Tổ.

MINH NGUYÊN ĐẾ (THÁC BẠT TỰ) (BẮC NGUYỄN)

Minh Nguyên Đế, ông ta tên là Thác Bạt Tự (392 - 423). Ông là con trưởng của Đạo Vũ Thành. Sau khi Đạo Vũ Thành bị con trai là Thác Bạt Thiệu gié t ché t. Thác Bạt Tự được tiê p nhận ngôi vị. Ông trị vì 15 năm, bị bệnh ché t, hưởng thọ 32 tuổi. Mai táng ở Kim Lăng.

*

Thác Bạt Tự từng được phong làm Tê` Vương, được bái làm tướng quô c và đại tướng quân. Tháng 10 năm 409 Đạo Vũ Thành bị Thác Bạt Thiệu gié t ché t. Ông biê t tin liê n lánh vào núi tạm trô n và sai Bă c Tân Hâ u An Đô ng bă t giữ mẹ con Thác Bạt Thiệu. Thác Bạt Thiệu gié t cha và xông vào phòng phόng thích cho mẹ, tiê p đó Thác Bạt Thiệu ra lệnh cho vệ binh tâ n công vào Đông Cung nhưng các vệ binh không ai hưởng ứng lời kêu gọi của ông ta. Đại Đô ng sau khi tiê p nhận mệnh lệnh của Thác Bạt Tự, ông thô ng lĩnh quân đội tiê n vào cung, bă t giữ và gié t hại Thác Bạt Thiệu nghênh đón Thác Bạt Tự hô i cung. Ngày Nhâm Thân tháng 10 Thác Bạt Tự đứng ra tiê p nhận ngôi báu và cho đổi niên hiệu là "Vĩnh Hưng".

Sau khi lên ngôi, ông thu nạp ý kiê n của các đại thâ n nhă m cung cô và phát triển quyê n lực của triê u Bă c Nguy.

Ông thu nạp hiê n tài ở khă p mọi miê n, những ai có tài năng đê u có thể nhập cung và căn cứ vào tài năng để phân bổ chức vụ. Ông còn cho mở trường thái học và cho lôi kéo giai câ p địa chủ thuộc dân tộc Hán. Trong thượng thư sử kí ghi chép: "ông chiêu nạp các nho sinh, có tài năng đê u trọng dụng", điê u đó làm nê n tảng vững chă c cho sự mở rộng nê n thô ng trị. Ông khuyê n khích nông nghiệp và cổ vũ nghệ dệt lụa, ông còn đích thân cày ruộng. Ông sai các đại thâ n hoặc bản thân ông đi vi hành hỏi han rõ i thô ng khổ của dân chúng, an ủi và trợ giúp vật châ t cho những hộ nghèo hoặc những người bị thương bị ché t vì công việc chung, mở kho cứu tê

cho các hoạn dân, miễn giảm tô thuế... tất cả những điều đó làm dịu đi mâu thuẫn giai cấp.

Ông đích thân ra trận hoặc phái tướng lĩnh giỏi đi dẹp các cuộc tấn công của triều Nhu Nhiêm. Ông còn nhiều lần công triều Bắc Yên, triều Lưu Tông, năm 423 chiếm giữ được Lạc Dương. Đến những năm cuối đời của ông ta, các quốc gia trong 16 nước chỉ còn lại 4 nước đó là: triều Hạ, triều Tây Tần, triều Bắc Yên, triều Bắc Lương, nhưng 4 nước này đều bị lung lay: nước thì thê lực bị đòn phuong độc mã, nước thì nội chiến liên miên nước thì yên phận ở một chỗ. Duy nhất chỉ có triều Bắc Ngụy trở thành một quốc gia hưng thịnh nhất ở lưu vực sông Hoàng Hà.

Thác Bạt Tự mất ngày Kỉ Tị tháng 11 năm 423 tại cung phía Tây - đô thành Bình Thành.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Thái Tông và Thụy Hiệu là Nguyên Minh Đế.

THÁI VŨ ĐẾ (THÁC BẠT ĐẠO) (BẮC NGỤY)

Thái Vũ Đế, ông ta tên là Thác Bạt Đạo (408 - 452), tên tự của ông là Phất Li. Ông là con trưởng của Minh Nguyên

*

Thác Bạt Đạo được phong làm Thái Bình Vương. Lúc Nguyên Minh Đế bị ôm nặng đã sai ông đứng ra quản lý và lo liệu công việc triều chính. Tháng 11 năm 423 Nguyên Minh Đế mất, vào ngày Nhâm Thân tháng 11 Thác Bạt Đạo đứng ra tiếp vị, ông cho đổi niên hiệu là "Thủy Quang".

Thác Bạt Đạo là người nhanh nhẹn dũng cảm, ông cho mở rộng thêm lãnh thổ và sự nghiệp của tổ tiên. Trải qua hơn 10 năm nam chinh bắc chiến cuối cùng ông tiêu diệt được triều Hạ, triều Tây Tần, triều Bắc Yên. Bắc Lương và làm tan rã triều Nhu Nhiêm. Năm 439 ông đã kết thúc được cục diện cát cứ của 16 nước, thống nhất lĩnh vực sông Hoàng Hà, điều đó làm cho triều Bắc Ngụy và

triều Lưu Tông (ở miền Nam) hình thành cục diện đô i nghịch 2 miền Nam Bắc.

Vào những năm cuối đời của Thác Bạt Đạo, ông cho phép con trai là Thác Bạt Hoảng tham dự vào công việc triều chính, Thác Bạt Hoảng là người thông minh và có tài nhưng anh ta lại bất hòa với trung thường thị Tông Ái. Tông Ái inh ra căm ghét thái tử và tìm cách đẩy thái tử vào chỗ chết, Tông Ái vu cáo cho thái tử cùng many mươi quan lại khác có ý đồ cướp đoạt ngôi vị. Thác Bạt Đạo tin lời xàm tâu không chịu điều tra rõ ràng, khép tội chết cho many mươi quan lại. Thái tử nghe tin đó sinh ra buồn rầu và đau ôm được một thời gian thì qua đời. Sau chuyện này Thác Bạt Đạo điều tra rõ ngọn nguồn, biết được thái tử và many mươi quan lại đó đều vô tội, ông rất đau lòng và hối hận, ông cho đổi Thụy Hiệu của thái tử thành thái tử Cảnh Mục để tỏ sự trung hiếu của thái tử. Tông Ái thấy Thác Bạt Đạo hối hận nên rất lo lắng Thác Bạt Đạo sẽ truy cứu tội vu cáo, vì thế Tông Ái quyết định mưu sát mưu sát hoàng đế.

Ngày Giáp Dần tháng 3 năm 452, Thác Bạt Đạo uống rượu giải sầu, uống đến khi không còn biết trời đất là gì ông nằm một mình ở cung Vĩnh An. Tông Ái thừa cơ lén vào giết chết Thác Bạt Đạo.

Sau khi ông ta chết, đặt Thụy Hiệu là Thái Vũ Đế.

NAM AN VƯƠNG (THÁC BẠT DU) (BẮC NGUY)

Nam An Vương, ông ta tên là Thác Bạt Dư (? - 452). Ông là con thứ 6 của Thái Vũ Đế. Sau khi Thái Vũ Đế bị nịnh quan Tông Ái giết hại, Thác Bạt Dư được tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được 7 năm lại bị Tông Ái giết hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thác Bạt Dư từng được phong làm Ngô Vương, sau đó lại được phong làm Nam An Vương. Tháng 3 năm 452 Tông Ái giết Thái Vũ Đế, ông ta bí mật không phát tang, ông ta dẫn đồng đảng giết chết con trai của thái Vũ Đế đang sống tại đô thành và đón Thác

Bạt Dư vê` cung điện, Tông Ái nguy tạo tôn chỉ của hoàng hậu đã lập Thác Bạt Dư làm hoàng đế` , ông đổi niên hiệu là "Thùa Bình".

Sau khi lên kê` vị Thác Bạt Dư phong cho Tông Ái làm đại tư mã, đại tướng quân, thái sư. Thác Bạt Dư e ngại mình tuổi tác còn nhỏ đứng ra tiê` p vị thì các quâ`n thâ`n không phục, ông ta đem tài sản quô`c gia tặng cho các quan lại trong triê`u, không đê`n một tháng thì quô`c khô`c khô`cạn kiệt. Ông ta còn chìm đă`m trong tảo sǎ`c, tỉnh say say tĩnh. Được một thời gian Thác Bạt Dư không còn chịu đựng nổi sự chuyên quyê`n của Tông Ái, ông quyê`t tâm loại bỏ quyê`n lực của Tông Ái. Tông Ái biê`t Thác Bạt Dư sẽ trừ bỏ mình vì thê` Tông Ái quyê`t định ra tay trước.

Ngày Bính Sửu tháng 10 năm 452 Thác Bạt Dư phải đi cúng tê` ở Đông Miê`u, Tông Ái đi theo hâ`u ông ta lợi dụng Thác Bạt Dư không chú ý đã sai thuộc hạ dùng kiê`m đâm chê`t Thác Bạt Dư.

Trong sử gọi Thác Bạt Dư là Nam An Vương.

VĂN THÀNH ĐÊ` (THÁC BẠT TUÂ`N) (BÃ`C NGUY)

Văn Thành Đê` , ông ta tên là Thác Bạt Tuâ`n (440 - 465). Ông là cháu trưởng của Thái Vũ Đê` và là cháu của Nam An Vương. Nam An Vương bị Tông Ái giê`t, các quâ`n thâ`n đã giê`t Tông Ái và lập Thác Bạt Tuâ`n làm hoàng đế` . Ông trị vì 14 năm, bị ô`m chê`t, hưởng dương 26 tuổi. Mai táng ở Kim Lăng.

*

Thác Bạt Tuâ`n là con trưởng của thái tử Cảnh Mục. Thác Bạt Hoảng bị vu oan giá họa nên râ`t uâ`t hận sinh bệnh và bị chê`t, Thái Vũ Đê` vô cùng hô`i hận và đã phong cho Thác Bạt Tuâ`n làm Cao Dương Vương; luôn cho Thác Bạt Tuâ`n ở kê`cận bên cạnh và yêu quý coi như bùa hộ mệnh. Tháng 3 năm 452 Nam an Vương bị nịnh quan Tông Ái giê`t hại, các đại thâ`n như: thượng thư Hạ Nguyên, Lưu Đô`n Lê, Trương Tôn Cát Hâ`u... kêu gọi câ`m vệ quân đón Thác Bạt Tuâ`n vào cung, giê`t chê`t Tông Ái. Ngày Mậu Thân tháng 3

Thác Bạt Tuân làm lễ đăng quang tiếp nhận ngôi báu, ông cho đổi niên hiệu là "Hưng An".

Ngày Quý Mão tháng 5 năm 465 Thác Bạt Tuân mạt tại điện Thái Hoa - đô thành Bình Thành.

Sau khi ông mạt đặt Thụy Hiệu là Văn Thành Đế.

HIỆN VĂN ĐẾ (THÁC BẠT HOÀNG) (BẮC NGUY)

Hiện Văn Đế, ông ta tên là Thác Bạt Hoảng (454 - 476). Ông là con trưởng của Văn Thành Đế. Ông kế vị sau khi cha mạt, trị vì được 6 năm thì bị thái hậu Phùng giết hại. Hưởng thọ 23 tuổi. Mai táng ở Kim Lăng.

*

Thời Văn Thành Đế trị vì đã lập Thác Bạt Hoảng làm thái tử. Tháng 5 năm 465 Văn Vũ Đế ôm chét, ngày Giáp Thìn tháng 5 Thác Bạt Hoảng đứng ra tiếp nhận ngôi vị, ông đổi niên hiệu thành "Thiên An".

Ngày Kỷ Dậu tháng 8 năm 471 Thác Bạt Hoảng nhường ngôi cho thái tử Thác Bạt Hồng, còn mình tự xưng là thái thượng hoàng và ông dời đền cư trú ở cung Sùng Quang. Vì thái tử còn nhỏ tuổi nên ông vẫn dẫn quân đi chinh chiến.

Năm 476 lại sử ở Tương Châu tên là Quý Hân ăn đút lót bao che cho kẻ có tội, chuyện đó đền tai Thác Bạt Hồng, ông cho người điều tra và giam giữ Quý Hân, đợi ngày xét xử, phạt tội chết. Quý Hân muốn thoát khỏi cái chết nên tố cáo thượng thư Quý Cửu, Quý Khiết (là em trai của Quý Hân) và thái hậu Phùng, bọn họ ngầm ngầm thông gian với nhau. Thác Bạt Hồng tức giận sai giết chết Quý Cửu và Quý Khiết. Được một thời gian, Phùng thái hậu sai thuộc hạ bỏ độc vào thức ăn của Thác Bạt Hồng. Bị trúng độc, máu trào ra lỗ mũi và mồm. Ông ta chết tại cung điện Vĩnh An.

Sau khi ông ché t lập hiệu miê u là Hiển tổ và đặt Thụy Hiệu là Hiê n Văn Đê .

PHÙNG THÁI HẬU (BĂ C NGUY)

Phùng thái hậu (442 - 490), bà ta là hoàng hậu của Văn Thành Đê . Sau khi Văn Thành Đê ché t, bà ta lộng hành được 25 năm. Bà ta bị ô m ché t, thọ 49 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Cô Lăng (nay thuộc thành phô Đại Đô ng tỉnh Sơn Tây).

*

Thái hậu Phùng quê ở Tín Đô (Trường Lạc). Văn Thành Đê ché t, Hiê n Văn Đê đứng ra tiê p nhận ngôi vị. Thừa tướng Â t Hỗn chuyên quyê n có ý đô mưu phản. Bà ta tập hợp lực lượng, bă t giữ và giê t hại Â t Hỗn bà ta tự lâm triê u nhiê p chính. Hiê n Văn Đê bị hại độc ché t, Hiê u Văn Đê còn nhỏ tuổi bà ta lâ y danh nghĩa thái hậu để tiê p tục nhiê p chính.

Lúc này nê n tài chính quô c gia râ t túng bâ n, nhân dân phản kháng đâ u tranh mãi không dứt, bà ta phải đô i mặt với những nguy cơ nghiêm trọng của xã hội. Bà ta thi hành một loạt biện pháp cải cách nhă m thay đổi bộ mặt xã hội, thực hiện ché độ phân chia bồng lộc, cho các quan lại từ chức vị nhỏ đê n chức vị lớn đê u được lĩnh bồng lộc, ban hành ché độ ruộng đâ t, ché độ tô thuế , tiê n một bước trong duy trì và thúc đẩy phong kiê n hóa, củng cố được sự thô ng trị của triê u Bă c Nguy.

Thái hậu Phùng mât vào tháng 9 năm 490 tại điện Thái Hòa trong cung Lạc Dương.

Sau khi bà ta ché t đặt Thụy Hiệu là Văn Minh.

HIÊ U VĂN ĐÊ (NGUYÊN HÔ NG) (BĂ C NGUY)

Hiê u Văn Đê , ông ta tên là Nguyên Hô ng (467 - 499). Ông là con trưởng của Hiê n Văn Đê . Hiê n Văn Đê trong thời gian trị vì

đã nhường ngôi cho Nguyên Hô`ng. Từ đó trở đi Nguyên Hô`ng đổi thành họ Hán. Ông trị vì được 29 năm, trên đường đi chinh chiế`n bị bệnh chê`t. Hướng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Trường Lăng (nay gâ`n thành phô` Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Thời Hiê`n Văn Đê` trị vì đã lập Nguyên Hô`ng làm thái tử, một thời gian sau Hiê`n Văn Đê` nhường ngôi cho Nguyên Hô`ng, ông đổi niên hiệu là "Đinh Hưng". Lên 5 tuổi ông đã làm hoàng đê` , do tuổi tác của ông còn nhỏ nên thái hậu Phùng nă` m quyê`n nhiê`p chính. Tháng 9 năm 490 thái hậu Phùng ô`m chê`t, Nguyên Hô`ng chính thức điê`u hành công việc triê`u chính.

Ông hiểu rõ muô`n đưa triê`u Bă`c Ngụy đi lên trở thành một nước hùng mạnh thì câ`n tiê`p tục thực hiện công cuộc cải cách, đặc biệt phải lâ`y được lòng dân tiê`p thu nê`n văn hóa của dân tộc Hán, mở rộng mô`i quan hệ với dân tộc Hán. Vì vậy, ngoài việc tiê`p tục chỉnh đô`n nê`n chính trị thúc tiê`n chê` độ ruộng đâ`t ông còn dời đô vê` Lạc Dương. Giai câ`p quý tộc cũ phản đô`i chuyện dời đô xuô`ng miê`n Nam, vì thế Nguyên Hô`ng không thể công bô` chúc thúc kê` hoạch dời đô, mùa thu năm 493 ông đích thân thô`ng lĩnh 300000 vạn bộ binh và kị binh tiê`n xuô`ng miê`n Nam nói là đi tiê`n công triê`u Nam Tâ` . Đê`n Lạc Dương, gặp phải thời tiê`t mưa thu, mưa liên miên đê`n 1 tháng trời, đường trơn lâ`y lội, xe ngựa đi lại râ`t khó khăn. Nguyên Hô`ng không chùn bước vẫn tiê`p tục đi xuô`ng miê`n Nam. Các đại thâ`n còn nhớ bài học: Thái Vũ Đê` xuô`ng miê`n Nam tâ`n công triê`u Lưu Tô`ng và bị thua trận phải quay vê` đô, do đó bọn họ đê`u quỳ xuô`ng trước mặt Nguyên Hô`ng câ`u xin ông hãy đình chỉ quyê`t định tiê`n xuô`ng miê`n Nam. Nguyên Hô`ng nói: "Cuộc nam chinh lâ`n này có sự ảnh hưởng to lớn đô`i với quâ`n chúng, chưa lập được công tích gì mà chúng ta đã quay vê` , vậy còn ra thể thô`ng gì. Nê`u các khanh không muô`n tiê`n xuô`ng phía Nam, chi bă`ng chúng ta dời đô đê`n Lạc Dương, đợi chờ thời cơ sẽ tâ`n công triê`u Nam Tâ` để thô`ng nhâ`t toàn quô`c" Thâ`y các đại thâ`n còn do dự, Nguyên Hô`ng ra lệnh nói: "Ai đô`ng ý dời đô thì đứng sang bên trái, ai không đô`ng ý dời đô thì đứng sang bên phải". Nam An Vương Thác Bạt Trinh vội vàng đáp: "Chỉ câ`n bê`

hạ định chỉ việc tiến xuống phía Nam, chúng thấn nhất định tán thành chuyện dời đô".

Năm sau, Nguyên Hô`ng lại đích thân quay về` Bình Thành thuyết phục các quý tộc đô`ng ý chuyện dời đô đến Lạc Dương.

Tiếp đó, ông cải cách toàn diện phong tục tập quán của dân tộc Tiên Ti và quy định lấy phục trang của người Hán thay thế` phục trang của dân tộc Tiên Ti. Lấy ngôn ngữ Hán thay thế` ngôn ngữ Tiên Ti, những người dân tộc Tiên Ti dời đô đến Lạc Dương đê u lấy Lạc Dương làm quê quán, khi chết không được quay về` Bình Thành chôn cát, đổi họ Tiên Ti thành họ Hán (ví dụ: họ Thác Bạt thành họ Nguyên), khích lệ người Tiên Ti kết hôn với người Hán, sử dụng các điển chương của tộc Hán, bình định được các môn đệ sĩ tộc, từ đó tăng thêm sự quan hệ thô`ng trị của các quý tộc dân tộc Tiên Ti với các sĩ tộc dân tộc Hán, thúc tiến sự dung hợp dân tộc ở miê`n Bắc. Mặc dù công cuộc cải cách vấp phải sự phản đốí của thái tử và một số` quý tộc cũ (thái tử câ`m đâ`u công cuộc phản đốí chính sách cải cách của vua cha). Bọn họ từng làm loạn để phản đốí triề`u đình, phân chia triề`u Bắc Ngụy. Nhưng cuộc tạo phản đã bị Nguyên Hô`ng dẹp yên, ông còn sai gié́t thái tử. Nguyên Hô`ng là một nhà chính trị gia có thành tích đáng nể.

Tháng 4 năm 499, trên đường tiến xuống phía Nam thì Nguyên Hô`ng ô`m chết. Các đại thấn mang linh cữu quay về` Lạc Dương bọn họ đi đến Lỗ Nam (nay thuộc huyện Lỗ Nam tỉnh Hà Nam) mới thông báo phát tang.

Sau khi ông chết, lập hiệu miê`u là Cao Tô, Thụy Hiệu là Hiê`u Văn Đê`.

Vợ của Nguyên Đê` là hoàng hậu Phượng có tư tình với nịnh quan, vê` sau bị Nguyên Đê` phát hiện nên bă`t hoàng hậu sô`ng trong lanh cung. Lúc Nguyên Đê` să`p chết đã hạ di chiê`u bă`t hoàng hậu phải chết.

TUYÊN VŨ ĐÊ` (NGUYÊN KHÁC)
(BẮC NGỤY)

Tuyên Vũ Đế[‘], ông ta tên là Nguyên Khác (483 - 515). Ông là con thứ của Hiếu Văn Đế[‘]. Ông tiếp[‘]p nhận ngôi vị sau khi Hiếu Văn Đế[‘] chết. Ông trị vì được 16 năm, bị ôm chết, hưởng thọ 33 tuổi. Mai táng ở Cảnh Lăng (nay thuộc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Nguyên Khác được lập làm thái tử từ khi Hiếu Văn Đế[‘] còn sống. Tháng 4 năm 499 Hiếu Văn Đế[‘] ôm chết, lễ đăng cơ tổ chức vào ngày Đinh Tị tháng 4. Ông cho đổi niên hiệu là "Cảnh Minh".

Trong thời gian ông trị vì, triều[‘]u đình trải qua việc dời đô được mây[‘] chục năm đã dâ[‘]n ổn định kinh tế[‘] phô[‘]n vinh, thương nghiệp phát triển. Con cháu hoàng tộc đang từ cuộc sống du mục chuyển thành cuộc sống an nhàn ngồi[‘]i trên lụa là gá[‘]m vóc, an nhàn hưởng lạc mà những của cải đó là rút ra từ tô thuế[‘] của nông dân, bọn họ dâ[‘]n sinh ra hư đốn[‘]. Trong sử ký ghi chép: "Nguyên Khác suốt[‘]t ngày dạo chơi trong vườn thượng uyển, an nhàn xem múa hát, không lâm triều[‘]u xem xét việc quốc gia". Ông đế[‘] cao Phật Giáo ông cho xây dựng chùa Vĩnh Minh ở Lạc Dương, ngôi chùa này có vô số[‘] phòng và có hơn 3000 tăng ni ở Tây Tạng đê[‘]n đó cư trú, ông còn cho xây chùa Nhàn cư ở Hạc Sơn (nay thuộc huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam) ngôi chùa này có quy mô hùng vĩ, ông đế[‘] cao phật giáo khiêm[‘]n cho Phật giáo ở thời đại đó vô cùng hưng thịnh, trong nước có 13000 ngôi chùa. Tất cả những điều đó đã hé[‘]t vào đầu[‘]u nhân dân, tăng thêm gánh nặng cho nhân dân khiêm[‘]n cho mâu thuẫn xã hội càng thêm gay gắt, khởi nghĩa nông dân xảy ra liên tiếp.

Tuyên Vũ Đế[‘] mất[‘]t ngày Đinh Tị tháng 1 năm 515 tại điện Thức Càn.

Sau khi ông chết, lập miếu[‘]u đặt hiệu là Thế[‘] Tông, thụy hiệu là Tuyên Vũ Đế[‘].

HIẾU MINH ĐẾ[‘] (NGUYÊN HÚA)
(BẮC NGUY)

Hiếu Minh Đế, ông ta tên là Nguyên Húa (510 - 528), ông là con thứ của Tuyên Vũ Đế. Ông kế vị khi Tuyên Vũ Đế chê t. Ông trị vì 14 năm, bị thái hậu Hồ hại độc, hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở Định Lăng.

*

Nguyên Húa được Tuyên Vũ Đế lập làm thái tử. Tháng 1 năm 515 Tuyên Vũ Đế ôm chê t, ngày Ất Hợi tháng 1 Nguyên Húa làm lễ đăng cơ. Ông đổi niên hiệu là "Hi Bình".

Lúc này Nguyên Húa mới có 5 tuổi, mọi công việc triều chính do mẹ đẻ của ông ta là thái hậu Hồ lâm triều giải quyết. Thái hậu Hồ hoang dâm, hung bạo, bà ta coi vàng bạc như đát, quôc khô bị bà ta làm tiêu hạn cạn kiệt. Bà ta sùng tín Phật Giáo, chuyên dùng vàng bạc để tu sửa chùa Phật. Do đó mọi gánh nặng đều đổ vào đầu dân chúng khiến cho các cuộc khởi nghĩa liên tiếp nổ ra.

Khi Nguyên Húa trưởng thành có thể tự giải quyết mọi công việc triều đình, thái hậu Hồ sợ ông ta biết mọi việc làm xâ u xa của bà ta, liền tìm cách giết hại những tay chân thân tín của Nguyên Húa, thật ra những tay chân thân tín của ông đều đi khỏi đô thành. Từ đó hai mẹ con bất hòa. Năm 520, Nguyên Húa mượn cớ thái hậu Hồ và con thứ của Hiếu Văn Đế (em trai của Tuyên Vũ Đế) tư thông tình cảm với nhau, ông ta tên là Thanh Hà Vương Nguyên Trách, Nguyên Húa triệu tập em rể của thái hậu Hồ là Nguyên Nghĩa và nịnh quan Lưu Đăng để phát động chính biến giết chết Nguyên Trách và giam thái hậu Hồ ở cung Băc. Nhưng năm 526, thái hậu Hồ lại lâm triều nhiếp chính bả ta sai giết Nguyên Nghĩa và Lưu Đăng, bà ta không ngần ngại triệu tập các đô ng đáng vây cánh và ra tay giết hại những ai dám chống đối bà ta nhằm cô lập Nguyên Húa. Tháng 1 năm 528 Nguyên Húa viết chiêu thư gửi đại tướng Nhi Chu Vinh bảo ông ta dẫn quân loại bỏ thế lực của thái hậu Hồ, đó là những thuộc hạ của bà ta như: Trịnh Sản, Từ Khất, Sản Bình...

Nhi Chu Vinh vốn là tộc trưởng của một bộ lạc sinh sống ở huyện Tú Túc (Sơn Tây) (nay ở phía Tây Bắc huyện Sơn Tây) ông có công trong việc trấn áp cuộc khởi nghĩa của Cát Vinh nên được

triết Bác Ngụy tin tưởng. Nhi Chu Vinh thấy triết u đình hồn đòn ông ta nảy ra ý định tạo phản và cướp đoạt ngôi vị, do đó khi nhận được chiết u thư ông ta lập tức dẫn quân tiến về Lạc Dương.

Hô thái hậu thấy Nhi Chu Vinh tấn công vây cánh của mình, bà ta nghe lời xúi giục của Trịnh Sản và Từ Khát dùng rượu độc hại chết Nguyên Hứa.

Sau khi Nguyên Hứa chết lập hiệu miếu là Tuệ Tông, và Thụy Hiệu là Hiếu Minh Đế.

ÂU CHỦ (NGUYÊN CHIẾU) (BẮC NGUYỄN)

Âu Chủ, ông ta tên là Nguyên Chiêu (526 - 528). Ông ta là chắt của Hiếu Văn Đế. Thái hậu Hô sau khi hại độc Hiếu Minh Đế đã lập Nguyên Chiêu làm hoàng đế. Ông trị vì được 1 tháng, thì bị Nhi Chu Vinh dìm chết trên sông Hoàng Hà. Hưởng dương 3 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Đầu năm 528 thái hậu Hô hại độc giết chết Hiếu Minh Đế để làm an lòng dân bà ta đã lập hoàng tử Thứ Nữ làm hoàng đế. Thứ Nữ đăng cơ được một tháng lại bị thái hậu Hô phế bỏ. Ngày Ất Mão tháng 3, bà ta lập Nguyên Chiêu làm hoàng đế.

Nhi Chu Vinh biết có biến loạn ở Lạc Dương, ông ta đã lâ'y danh nghĩa là trừng phạt thái hậu, chỉ huy quân lính vượt qua sông Hoàng Hà tiến thẳng vào kinh. Thái hậu Hô ráng lo lắng và hoang mang, bà ta rời bỏ cung điện cắt tóc xin vào chùa làm ni cô.

Tháng 4, Nhi Chu Vinh bắt đầu tiến vào kinh thành, bắt giữ thái hậu Hô và Nguyên Chiêu, bắt giải đến Hà Dương (nay thuộc phía Đông huyện Mân Tân tỉnh Hà Nam). Thái hậu Hô khóc lóc cầu xin và bà ta đỗ lỗi cho các hoạn quan, nói rằng các hoạn quan đã lừa dối bà ta để che đậy những việc làm của họ. Nguyên Chiêu cũng khóc lóc. Ngày Ất Mão, Nhi Chu Vinh sai dìm chết thái hậu Hô và Nguyên Chiêu ở trên sông Hoàng Hà và còn sai giết hơn

2000 tông thất và công khanh của triếu Bắc Ngụy, trong sự gọi cuộc nội chiến này là: "Cuộc nội chiến ở Lạc Dương".

HÔ` THÁI HẬU (HÔ` SUNG HOA) (BẮC NGỤY)

Thái hậu Hô`, bà ta tên là Hô` Sung Hoa (? - 528). Bà ta là quý phi của Tuyên Vũ Đế và là mẹ đẻ của Hiếu Minh Đế sau khi Tuyên Vũ Đế chết bà ta được lập làm thái hậu, được phép nhiếp chính cai quản công việc triếu chính. Bà ta chấp chính được 13 năm. Bị Nhi Chu Vinh dìm chết ở sông Hoàng Hà.

*

Hô` Sung Hoa là quý phi của Tuyên Vũ Đế. Theo quy định của triếu Bắc Ngụy, đế vương sau khi tuyển chọn được thái tử, cần phải giết chết mẹ đẻ của thái tử để phòng biến loạn. Nhưng Tuyên Vũ Đế đã phá bỏ quy tắc này nên không giết chết Hô` Sung Hoa. Tháng 1 năm 518, Tuyên Vũ Đế bị bệnh chết, Hiếu Minh Đế lên tiếp nhận ngôi vị, hoàng hậu của Tuyên Vũ Đế là Cao Thị Dục vẫn dựa theo quy chế của tờ tông muốn giết chết Hô` Sung Hoa. Hoàng hậu Cao Thị Dục sai Lưu Đắng và Hấu Cương đi giết Hô` Sung Hoa nhưng Vu Trọng và Thôi Quang biết tin, hai người đó đem Hô` Sung Hoa trốn đi và sai lính bảo vệ, nhờ đó Hô` Sung Hoa mới thoát khỏi cái chết. Tháng 2, Hô` Sung Hoa được Hiếu Minh Đế tôn làm thái phi, còn Cao Thị Dục bị bắt vào chùa cư trú và làm ni cô. Tháng 8, Hô` Sung Hoa được tôn làm thái hậu, lâm triếu chấp chính. Trong thời gian chấp chính, bà ta rất hoang dâm hung bạo, bà ta cho xây chùa Phật, áp bức dân chúng, tô thuê nặng nề́, do đó dẫn đến cuộc khởi nghĩa ở 6 trấn. Tháng 1 năm 528, bà ta hạ độc giết Hiếu Minh Đế. Nhi Chu Vinh vịn có muốn báo thù cho Hiếu Minh Đế để dấy binh làm loạn, dẫn quân vào Lạc Dương bắt giữ thái hậu Hô` và Ấu Chủ, tháng 4 sai người dìm thái hậu Hô` và Ấu Chủ trên sông Hoàng Hà.

Trong sự gọi Hô` Sung Hoa là Hô` thái hậu và còn gọi là Linh Thái Hậu.

HIỆ́ U TRANG ĐẾ (NGUYÊN TỬ DU) (BẮC NGUY)

Hiế u Trang Đế , ông ta tên là Nguyên Tử Du (507 - 530). Ông là cháu của Hiế n Văn Đế . Sau khi Nhi Chu Vinh giế t Hậu Chu đã lập Nguyên Tử Du làm hoàng đế . Ông trị vì được 3 năm thì cũng bị Nhi Chu Diêu giế t hại, hưởng dương 24 tuổi. Mai táng ở Tĩnh Lăng.

*

Nguyên Tử Du là con trai thứ 3 Bành Thành Vương, Nguyên Tử Du được phong làm Trường Lạc Vương. Tháng 4 năm 528 Nhi Chu Vinh giế t thái hậu Hô` , Â`u Chủ và muốn xưng hoàng đế , Nhi Chu Vinh thấy lòng dân không phục, tạm thời ông ta lập Nguyên Chu Du làm hoàng đế , lễ đăng cơ tổ chức vào ngày Mậu Tuất tháng 4 và đổi niên hiệu là "Kiến Nghĩa". Sau khi Nguyên Tử Du lên ngôi, Nhi Chu Vinh trắng trọng chém giết lồng hành không kiêng nể ai, điếu đó làm cho kinh thành luôn buốn thảm, chính quyến tan rã, chính quyến Bắc Ngụy chỉ tò́n tại trên danh nghĩa mà thôi. Vì Nhi Chu Vinh giết hại khá nhiếu quan lại và tông thất khiến nhân dân oán hận đến tận xương tận tủy, họ không dám ở lại kinh thành Lạc Dương. Nhi Chu Vinh sống ở Tấn Dương, một mảnh ông trấn áp cuộc khởi nghĩa của nông dân, mặt khác ông ta tìm cách khống chê thành Lạc Dương. Chuẩn bị cơ hội cướp đoạt chính quyến.

Nhi Chu Vinh không can tâm làm một hoàng đế bù nhìn. Ông tìm cách liên kế́t với Thành Dương Vương Nguyên Vi, thị trung Quý Đặc... họ cùng nhau vạch kế́ hoạch loại trừ bỏ Nhi Chu Vinh. Tháng 9 năm 530, Nguyên Tử Du trả vò sinh hạ được thái tử và cho mời Nguyên Tử Du vào kinh thành Nhi Chu Vinh không biết đấy là tin tức lừa đảo, ông ta vội vàng vào kinh tới điện Minh Quang triệu kiến hoàng đế . Lúc này, Nguyên Tử Du sai phái tướng lĩnh nấp ở cửa phía Đông để bắt giữ Nhi Chu Vinh. Thấy có biến Nhi Chu Vinh vội xông thẳng tới chỗ Nguyên Tử Du. Nguyên Tử Du cầm dao và chém vào tay, sau đó giết chết Nhi Chu Vinh.

Đêm đó người nhà Nhi Chu Vinh tìm cách báo thù, vợ của Nhi Chu Vinh chỉ huy quân lính bao vây cửa Tây Âm tiến vào kinh thành, kêu

gọi binh lính tấn công thành Lạc Dương. Em trai của Nhi Chu Vinh là Nhi Chu Thế Phùng cũng phái Nhi Chu Phất Luật dẫn kị binh xông vào thành Lạc Dương, nói muốn đòi lại thi thể Nhi Chu Vinh. Nguyên Tử Du sợ hãi vội mang của cải bày ra ở cửa phía Tây, chiêu mộ được 10000 chiến sĩ cảm tử và quyết tâm đánh thắng Nhi Chu Phất Luật, Nguyên Tử Du còn sai tướng quân Quý Miêu đốt cháy cát bắc qua sông thiêu ché́t vô số quân địch. Nhi Chu Phất Luật liến thay đổi chiến thuật, tụ tập tàn quân cùng nhau đột kích khiến cho Quý Miêu cùng đường, không có nơi chạy trốn đành phải nhảy xuống sông tự vẫn. Tiếp đó, Nhi Chu Thế Phùng dẫn Đông Hải Vương Nguyên Nghiệp làm hoàng đế́ và tấn công vào Lạc Dương.

Tháng 12 năm đó, cháu của Nhi Chu Vinh là Nhi Chu Diêu và Nhi Chu Độ Luật đã lên tiếng đòi báo thù cho chú, bọn họ dẫn quân xông thăng vào Lạc Dương. Quân lính ở thành Lạc Dương canh phòng lơ là, điếu đó giúp quân phản loạn nhanh chóng chiếm giữ được cửa thành và xông thăng vào hoàng cung. Cấm vệ quân nghe tin kinh thành thất thủ đếu hoảng hốn bỏ chạy, có một số ít bắn tên đếcản quân địch, nhưng thật đen đui lúc đó trời lại nổi gió lớn khiến tên bắn ra đếu bay tan tác hết. Nguyên Tử Du chạy trốn theo lối cửa Vân Long bị mây mươi kị binh của Nhi Chu Diêu bắt giữ, bọn họ nhốt ông ta ở tháp chùa Vĩnh Hinh. Bị giam giữ Nguyên Tử Du định thắt cổ tự vẫn nhưng ý định của ông ta không thực hiện được. Một thời gian sau ông ta bị áp giải đến thành Tấn Dương (nay là thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây). Lại sử ở Tấn Châu là Cao Hoan trên đường áp giải Nguyên Tử Du gửi bản tấu trình cho Nhi Chu Diêu phân tích mặt lợi hại và khuyên đừng nên giết Nguyên Tử Du. Nhi Chu Diêu phẫn nộ, vứt thư đi, ông ta hạ lệnh áp giải Nguyên Tử Du đến Tịnh Châu giam ở chùa (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây), ngày Giáp Tí tháng 12 sai giết Nguyên Tử Du.

Sau khi Nguyên Tử Du ché́t lập miếu đặt hiệu là Kính Tông, và đặt Thụy Hiệu là Hiếu Trang Đế.

TRƯỜNG QUẢNG VƯƠNG (NGUYÊN NGHIỆP)
(BẮC NGUY)

Trường Quảng Vương, ông ta tên là Nguyên Nghiệp, năm sinh và năm mả́t không rõ. Ông là cháu của Thái Vũ Đế́, Nhi Chu Diêu giết Hiếu Trang Đế́ đã lập Nguyên Nghiệp làm đế́. Ông trị vì được 3 tháng thì bị Nhi Chu Thế Phùng phế truất, ông lưu lạc ở đâu không rõ.

*

Nguyên Nghiệp là cháu của thái tử Thát Bạt Hoảng là cháu của Trung Sơn Vương Thác Bạt Anh, Nguyên Nghiệp được phong làm Quảng Bình Vương, ông nhận chức thái thú ở Thái Nguyên và quản lý mọi chuyện trong châu. Tháng 12 năm 530, Nhi Chu Diêu giết Hiếu Trang Đế́ và dẫn quân tới Thái Nguyên, phục lập Nguyên Nghiệp kế́ vị, đổi niên hiệu là "Kiến Minh".

Sau khi Nguyên Nghiệp kế́ vị, Nhi Chu Diêu tiến quân vào kinh, cướp bóc của cải và còn giết các chư vương và quan lại của triều Bắc Ngụy, sau đó Nhi Chu Diêu quay về Tấn Dương ra lệnh cho Nhi Chu Thế Phùng và Nhi Chu Độ trấn giữ ở Lạc Dương. Nhi Chu Thế Phùng tính tình tàn ác, dân chúng ở Lạc Dương hận ông ta tới tận xương tật túy.

Nguyên Nghiệp bị Nhi Chu Thế Phùng khống chế, cả ngày hoảng loạn không yên.

Ngày Kỉ Tị tháng 2 năm 531 Nhi Chu Thế Phùng phế truất Nguyên Nghiệp, phong Nguyên Nghiệp làm Đông Hải Vương. Chuyện vế sau ra sao không rõ.

TIẾT MÃN ĐẾ (NGUYÊN CUNG) (BẮC NGỤY)

Tiết Mẫn Đế, ông ta tên là Nguyên Cung (498 - 532), tên tự của ông ta là Tu Nghiệp. Ông là cháu của Văn Thành Đế́. Nhi Chu Thế Phùng phế bỏ Nguyên Nghiệp và lập Nguyên Cung làm hoàng đế́. Ông trị vì được 2 năm, bị Cao Hoan phế bỏ và hạ độc. Hưởng thọ 35 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Nguyên Cung là con trai của Quảng Lăng Vương Nguyên Vũ. Ngày Kỉ Tị tháng 2 năm 531 Nguyên Nghiệp bị phế bỏ và cũng cùng ngày đó Nguyên Cung được lập làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Phổ Thái".

Tháng 4 năm 532, Cao Hoan lập An Định Vương Nguyên Lăng làm đế và dẫn Nguyên Lăng vào thành Lạc Dương, giết chết Nhi Chu Thê Phùng giam Nguyên Cung trong chùa Sùng Huân. Ngày Tân Tỵ phế bỏ Nguyên Cung. Những bài thơ phú của Nguyên Cung làm đã nói lên tâm trạng ai oán của ông. Những bài thơ đó phản ánh được tình cảnh tàn nhẫn mà ông phải chịu đựng, nói lên ông muốn thoát khỏi nhân gian. Ngày Giáp Thân, Cao Hoan sai người hạ độc giết chết Nguyên Cung.

Sau khi Nguyên Cung chết lập hiệu miếu là Tiết Mẫn Đế và Thụy Hiệu là Tiết Phê Đế.

AN ĐỊNH VƯƠNG (NGUYÊN LĂNG) (BẮC NGUY)

An Định Vương, ông ta tên là Nguyên Lăng (513 - 532). Ông là con trai thứ 3 của Chương Vũ Vương (một người trong hoàng tộc của triều Bắc Ngụy). Ông là em họ của Tiết Mẫn Đế. Ông được Cao Hoan giúp lên ngôi hoàng đế. Ông trị vì được 2 năm, bị Cao Hoan phế truất và hạ độc. Hưởng dương 20 tuổi. Mai táng ở ngoại thành Thành Nghiệp (nay thuộc huyện An Dương tỉnh Hà Nam).

*

Ngày Nhâm Dần tháng 10 năm 531 Nguyên Lăng được Cao Hoan lập làm hoàng đế, đối nghịch với Tiết Mẫn Đế đang bị giam lỏng trong tay Nhi Chu Thê Phùng. Nguyên Lăng sau khi đăng cơ đã đổi niên hiệu là "Trung Hưng".

Tháng 4 năm 532 Cao Hoan tấn công vào Lạc Dương Nguyên Lăng cũng bị đi theo Cao Hoan vào thành Lạc Dương. Cao Hoan diệt bỏ dòng họ Nhi Chu. Cao Hoan nhận thấy thế hệ của Nguyên Lăng quá xa với dòng tộc vương thất vì thế ngày Tân Tỵ tháng 4 năm 532 Cao Hoan vừa phế bỏ Nguyên Cung vừa phế bỏ Nguyên Lăng, giáng Nguyên Lăng làm An định Vương. Được một thời gian, Cao

Hoan dẫn Nguyên Lãng ra khỏi Lạc Dương và ép Nguyên Lãng uống rượu độc chết.

Trong sử gọi Nguyên Lãng là hậu phế đế và còn gọi là An Định Vương.

HIỆU VŨ ĐẾ (NGUYÊN TU) (BẮC NGUY)

Hiệu Vũ Đế, ông ta tên là Nguyên Tu (510 - 534), tên tự của ông là Quý Tắc. Ông là cháu của Hiệu Văn Đế. Cao Hoan phế bỏ Nguyên Lãng và lập Nguyên Tu làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm bị Vũ Văn Thái hại độc, hưởng dương 25 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Nguyên Tu là con trai thứ 3 của Quảng Bình Vương Nguyên Hoài. Nguyên Tu được phong làm Bình Dương Vương. Tháng 4 năm 532 Cao Hoan phế truất Nguyên Lãng. Ngày Mậu Tí tháng 4 đã lập Nguyên Tu lên kế vị, đổi niên hiệu là "Thái Xương".

Sau khi Nguyên Tu đăng cơ, quyền uy của Cao Hoan vang dội và gây ảnh hưởng đến quyền lực của Nguyên Tu. Ông ngày đêm nung nấu tìm cách loại trừ Cao Hoan, nhưng ông lực vô đơn chí không thể thực hiện được quyết tâm của mình. Năm 534, Nguyên Tu chạy khỏi Lạc Dương và chạy xuống Trường An dựa dẫm vào đại tướng Vũ Văn Thái.

Ngày Quý Tị tháng 12 năm 534. Nguyên Tu tụ tập dân tộc Cao Xa, điều động binh mã quay về cung. Đột nhiên con ngựa của ông ta chồm lên chạy điên cuồng, các thuộc hạ của ông ta không làm sao giữ con ngựa đó lại, con ngựa lồng lên một lúc thì quy ngã chết. Nguyên Tu đổi một con ngựa khác và quay về cung, sau khi ăn tối được một lúc, đột nhiên ông ta đau bụng dữ dội và lăn ra chết. Hóa ra Vũ Văn Thái sai hoạn quan bỏ độc vào thức ăn giết chết Nguyên Tu.

BẮC TRIỀU

TRIỀU ĐÔNG NGUYỄN
(534 - 550, tổng cộng 17 năm)

Triều Đông Nguyễn chỉ có một hoàng đế, nước mạt bị phế bỏ, sau đó bị hại độc chết.

HIẾU TĨNH ĐẾ (NGUYÊN THIỆN KIỀN)
(Hoàng đế Hiếu Tĩnh)
(ĐÔNG NGUYỄN)

Hiếu Tĩnh Đế, ông ta tên là Nguyên Thiện Kiền (525 - 552). Ông là chắt của Tiết Mẫn đế (triều Bắc Nguyễn). Sau khi Hiếu Vũ Đế chạy trốn. Cao Hoan lại lập Nguyên Thiện Kiền làm hoàng đế. Ông trị vì được 17 năm, bị Cao Dương phế truất và hại độc chết. Hưởng dương 28 tuổi. Mai táng ở huyện Lâm Chương tỉnh Hà Bắc.

*

Bố của Nguyên Thiện Kiền là Thanh Hà Vương Nguyên Đảm (Kiều Bắc Nguyễn). Sau khi Hiếu Vũ Đế Nguyên Tu chạy trốn khỏi thành Trường An, ngày Bính Dần tháng 10 năm 534 Cao Hoan lập Nguyên Thiện Kiền làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Thiên Bình". Tháng 12 năm 535 dời đô đền thành Nghiệp (nay thuộc phía Nam huyện Từ Bình Hà Bắc), thành Nghiệp nay ở phía Đông thành Trường An nên trong sử gọi là Đông Nguyễn.

Khi đăng cơ, Nguyên Thiện Kiền mới lên 11 tuổi do vậy Cao Hoan rát lòng hành. Sau khi Cao Hoan chết con trai của ông ta là Cao Đăng lại chuyên quyền hơn cả cha mình, điều đó khiên Nguyên Thiện Kiền càng thêm xỉ nhục. Cao Đăng sai thuộc hạ thân tín là Thôi Quý Sá giám sát Nguyên Thiện Kiền. Có một lần, Nguyên Thiện Kiền nói vào câu oán hận bất mãn. Thôi Quý Sá liền báo cáo lại với Cao Đăng. Cao Đăng vào cung cẩn vặn Nguyên Thiện Kiền, Nguyên Thiện Kiền đành trả lời vui vẻ mở yến tiệc chiêu đãi Cao

Đăng. Trong lúc uống rượu, Cao Đăng chúc Nguyên Thiện Kiên một bát rượu to tướng Nguyên Thiện Kiên chói từ không uống. Cao Đăng giở mặt nói: "Thân chúc bệ hạ rượu, tại sao bệ hạ lại chói từ Nguyên Thiện Kiên không còn giữ được sự nhẫn耐, ông ta quát to: "Từ trước đến nay, không bị mắng nước, vậy mà trẫm đến cô c ruou cũng không làm chủ được mình, sống làm gì!" Cao Đăng trợn mắng quát to: "Trẫm cái gì mà Trẫm! đô chó săn". Cao Đăng sai Thôi Quý Sá "Hãy thay ta dạy cho hắn một bài học". Thôi Quý Sá đã m cho Nguyên Thiện Kiên ba đấm. Nguyên Thiện Kiên không chói ng đõ được, đành phải nuốt hận.

Về sau, Cao Đăng bị thuộc hạ giết chết, Nguyên Thiện Kiên mới trút được một gánh nặng, ông ta nói với thuộc hạ: "Đây là ý trời, quyết lực lại thuộc về tay trẫm". Đúng vào lúc này, em trai của Cao Đăng là Cao Dương dẫn 200 người vào cung, vẻ mặt sát khí đáng sợ nói với Nguyên Thiện Kiên "Nhà thân có việc phải quay về Tân Dương". Nói xong, không đợi Nguyên Thiện Kiên trả lời, ông ta đã bỏ đi, Thiện Kiên lại thấy xuất hiện thêm một đại thần ngang ngược, ông ta không ngăn được hai dòng nước mắt thở dài nói: "Người này không dễ gì tha mạng cho trẫm, không biết trẫm chết vào ngày nào đây?".

Tháng 5 năm 550 Cao Dương ép Thiện Kiên phải thoái vị và chuyển đến sống ở phía Bắc Thành, phong cho làm Trung Sơn Vương.

Ngày Kỉ Dậu tháng 12 năm 552, Cao Dương sai đem rượu độc ép Thiện Kiên phải uống.

Sau khi ông ta chết lập hiệu miếu là Hiếu Tĩnh Đế.

BẮC TRIỀU

TRIỀU TÂY NGUY

(Năm 535 - 557, tổng cộng 22 năm)

Triều Tây Ngụy có 3 đế vương: trong đó một người bị bệnh ché t, 2 người bị phế và hại độc ché t.

VĂN ĐÊ (NGUYỄN BẢO CỰ) (TÂY NGUY)

Văn Đê, ông ta tên là Nguyễn Bảo Cự (507 - 551). Ông là cháu của Tiết Mẫn Đê (triều Bắc Ngụy). Vũ Văn Thái giết Hiếu Vũ Đê và lập Nguyễn Bảo Cự làm hoàng đế. Ông trị vì được 17 năm bị bệnh ché t. Hưởng thọ 45 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Nguyễn Bảo Cự là con trai của Kinh Diêu Vương Nguyễn Du. Nguyễn Bảo Cự được phong làm Nam Dương Vương. Năm 534 Vũ Văn Thái giết Hiếu Vũ Đê, tháng 7 năm 535 Vũ Văn Thái lập Nguyễn Bảo Cự làm hoàng đế, đặt đô ở Trường An, ông cho đổi niên hiệu là "Đại Thống" (vì đô thành nằm ở phía Tây thành Nghiệp, nên sử gọi là Tây Ngụy) đối nghịch với Cao Hoan đang khống chế triều Đông Ngụy.

Trong những năm Nguyễn Bảo Cự trị vì. Vũ Văn Thái rất chuyên quyền và lộng hành.

Tháng 3 năm 551, Nguyễn Bảo Cự bị bệnh ché t tại điện Côn An trong cung Trường An.

Sau khi ông ché t lập hiệu miếu là Văn Đê.

PHẾ ĐÊ (NGUYỄN KHÂM) (TÂY NGUY)

Phế Đế, ông ta tên là Nguyên Khâm (? - 554). Ông là con trai của Văn Đế (triều u Tây Ngụy). Văn Đế ché́t, Nguyên Khâm đứng ra tié́p nhận ngôi báu. Ông trị vì được 3 năm. Bị Vũ Văn Thái phế truất và hạ độc. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm tây).

*

Thời Văn Đế trị vì đã lập Nguyên Khâm làm thái tử. Tháng 3 năm 551, Văn Đế ốm ché́t, cùng tháng đó Nguyên Khâm lên kế vị. Ông không lập niên hiệu, ông lấy năm 552 là năm đấu tiên lên trị vì.

Sau khi lên trị vì, Nguyên Khâm một lòng một dạ muốn trừ bỏ Vũ Văn Thái. Lâm Hoài Vương Nguyên Dục và Quảng Bình Vương Nguyên Thán thấy thế ực của Vũ Văn Thái rất rộng nên bọn họ đã can gián Nguyên Khâm hãy quên chuyện loại bỏ Vũ Văn Thái tránh mang họa vào thân, thậm chí bọn họ còn khóc lóc để khuyên giải Nguyên Khâm. Nguyên Khâm không hế rung động trước hành vi và tình cảm của bọn họ, ông ta vẫn quyết tâm bày mưu tính kế́ dẹp thế lực của Vũ Văn Thái. Không ngờ tin tức bị bại lộ và đến tai Vũ Văn Thái, tháng 1 năm 554 Vũ Văn Thái phế bỏ Nguyên Khâm và bắt Nguyên Khâm dời đến cư trú tại Ung Châu (nay thuộc thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây). Tháng 4 Vũ Văn Thái lại sai thuộc hạ thân tín mang rượu độc ép buộc Nguyên Khâm phải uống.

Trong sử gọi Nguyên Khâm là Phế Đế.

CUNG ĐẾ (THÁC BẠT KHOÁCH) (TÂY NGUY)

Cung Đế ông ta tên là Thác Bạt Khoách (? - 557), ông khôi phục dòng của tộc Tiên Ti (không đổi thành họ Nguyên). Ông là em trai của Phế Đế. Vũ Văn Thái phế bỏ Phế Đế và lập Thác Bạt Khoách làm hoàng đế. Ông trị vì được 3 năm, bị Vũ Văn Giác phế truất và hại độc ché́t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thác Bạt Khoách từng được phong làm Tê` Vương. Tháng 1 năm 554 Vũ Văn Thái phê` bỏ Phê` Đê` và cũng vào tháng 1 lại lập Thác Bạt Khoách làm hoàng đế` . Ông không lập niên hiệu và chọn năm 554 là năm đầu tiên. Vũ Văn Thái bă`t ông ta phải khôi phục lại họ Thác Bạt.

Năm 556 Vũ Văn Thái bị ô`m chê`t, con trai của ông ta là Vũ Văn Giác thay cha tiê`p nhận chức vị và cũng lộng hành không kém gì cha. Đầu năm 557 Vũ Văn Giác xưng đế` , ông ta ép Thác Bạt Khoảnh phải nhường ngôi và phong cho Thác Bạt Khoảnh làm Tô`ng Công và Thác Bạt Khoảnh phải dời đê`n ở tại phủ của Vũ Văn Hộ ở Trường An. Được một thời gian, Vũ Văn Giác sai chú mình là Vũ Văn Hộ bă`t Thác Bạt Khoảnh uống rượu độc sau đó công bố` với dân chúng ră`ng Thác Bạt Khoảnh chê`t do bị cảm đột xuâ`t.

Sau khi Thác Bạt Khoảnh chê`t lập thụy hiệu là Cung Đê` .

BẮC TRIỀU

TRIỀU BẮC TẾ

(Năm 550 - 577, tổng cộng 28 năm)

Triều Bắc Tế có 8 đế vương, trong đó có 3 người bị bệnh chết, 3 người bị giết khi làm mật nước, 1 người bị chết trong cuộc nội chiến, 1 người bị ôm chết khi làm mật nước.

VĂN TUYÊN ĐẾ (CAO DƯƠNG) (BẮC TẾ)

Văn Tuyên Đế, ông ta tên là Cao Dương (520 - 559), tên tự của ông ta là Tử Tiễn. Ông là con trai thứ 2 của Cao Hoan (triều Đông Ngụy), ông ta học theo cha và anh trai rát lòng hành trong triều Đông Ngụy, sau đó ông ta phế bỏ Hiếu Tĩnh Đế và tự xưng hoàng đế. Ông trị vì được 10 năm, bị ôm chết. Hưởng thọ 31 tuổi, mai táng ở Vũ Hình Lăng (nay thuộc núi Nam Cổ huyện Lâm Chương tỉnh Hà Nam).

Tổ tiên của Cao Dương vốn sinh sống ở Bột Hải Điện (nay thuộc huyện Cảnh Tỉnh Hà Bắc) và sau chuyển đến cư trú ở thị trấn Hoài Sóc (nay thuộc phía Đông Bắc thành phố Bao Đầu thuộc Nội Mông Cổ). Ông ta học theo bố và anh trai rát lòng hành trong triều đình Đông Ngụy. Năm 547 ông ta được tân phong làm Tế Vương. Ngày Mậu Sứu tháng 5 năm 550 ông ta phế bỏ Hiếu Tĩnh Đế (triều Đông Ngụy) và tự xưng làm hoàng đế, ông đặt quốc hiệu là "Tế", đặt đô ở Nghiệp Thành, đặt niên hiệu là "Thiên Bảo". Trong sử gọi là Bắc Tế hay còn gọi là Cao Tế.

Trong những năm trị vì Cao Dương liên tiếp đi đánh dân tộc Đột Quyết, triều Nhu Nhiệm, chiếm được vùng Hoài Nam.

Vào những năm cuối đời, Cao Dương sống rát sa đọa ăn chơi trác tráng, cả ngày chỉ uống rượu nghe đàn hát, có lúc còn húi trọc đầu, mặc những trang phục quái dị có lúc còn cởi bỏ quần áo bôi vẽ bột phấn lên người trông giống như người điên, ông ta thường đi du

lâm tùy tùng đi theo ông ta thường phá hoại tài sản của nhân dân làm nhục phụ nữ. Cao Dương tính tình tàn bạo hung ác, ông dùng hình phạt rắn tàn nhẫn. Ông ta giết hơn 3000 vương thất (triệu Ngụy) (bao gồm cả già trẻ trai gái) và ném xác xuống sông Chương Hà làm mồi cho cá. Các ngư dân đánh bắt được cá, họ mổ bụng cá để tìm thấy ngón tay, ngón chân... để nỗi họ sợ hãi vài tháng liền không dám bắt cá. Ông ta coi rượu như mạng sống của mình, khi uống xong thì cả mạng người như cỏ rác, không có trời đất pháp luật gì. Một lần uống say, ông ta rút cây dáo và đâm chết một vị đô đốc ngồi bên cạnh để làm trò tiêu khiển. Lúc đó khanh tướng Quý Tập cũng có mặt với vàng can gián: "Bệ hạ giết người như vậy thì tàn ác kém gì vua Kiệt và vua Trụ". Nghe Quý Tập nói vậy, Cao Dương phẫn nộ sai thuộc hạ dìm Quý Tập ở trong nước. Đợi khi Quý Tập sặc nước mới từ từ lôi ra khỏi mặt nước, cứ vài lần như vậy ép buộc Quý Tập phải nhận mình đã nói sai. Nhưng Quý Tập nhất định không chối bỏ những điều ông ta đã nói Cao Dương không làm gì được đành phải thả Quý Tập.

Một năm trước khi Cao Dương chết, ông ta vì uống rượu nên ruột và dạ dày đều bị bệnh, không thể ăn được thức ăn. Bị bệnh như vậy nhưng ông ta hàng ngày vẫn uống rượu vài lần. Ngày Quý Sửu tháng 10 năm 559 ông ta bị ôm liệt giường và đã sai gọi hoàng hậu Quý và em trai thứ 6 là Thường Sơn Vương Cao Diễn vào phòng, ông ta khóc, thở dài nói với hoàng hậu: "Đời người ai cũng phải chết, trăm làm hoàng đế được 10 năm, có chết đi cũng không có gì đáng tiếc. Chỉ lo cho thái tử tuổi còn quá nhỏ, nếu kê vị sợ lòng người không phục và bị người khác đoạt mất ngôi vị". Và ông ta nói với Cao Diễn: "Khanh muốn cướp đoạt ngôi vị, đây là tùy ý của khanh, nhưng trăm xin khanh một điều đừng giết con trai trăm". Cao Diễn bị nói trúng tim đen, mặt mày thất sưng vùngh cáo biệt lui ra ngoài. Cao Dương triệu tập thượng thư lệnh Dương Âm. Bình Tân Vương Cao Quy Ngạn, thị trung Hi Tứ Hiền... dặn dò bọn họ phải dốc lòng giúp đỡ thái tử. sau khi săp xếp xong mọi chuyện Cao Dương mới yên tâm từ giã cõi đời.

Sau khi ông ta chết lập hiệu miếu là Hiển Tổ và đổi niên hiệu Văn Tuyên Đế.

PHÊ ĐÊ (CAO ÂN) (BẮC TẾ)

Phê Đê, ông ta tên là Cao Ân (545 - 561), tên tự của ông ta là Từ Đạo. Ông là con trưởng của Văn Tuyên đế, kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 1 năm bị Cao Diễn phế truất và hại chết. Hưởng dương 17 tuổi. Mai táng ở Vũ Hình Lăng (ở phía Tây Bắc của lăng mộ Văn Tuyên Đế).

Thời Văn Tuyên Đế trị vì đã lập Cao Ân làm thái tử. Cao Ân rất chuộng Nho học điệu u đó làm Văn Tuyên Đế không hài lòng. Một lần Văn Tuyên Đế sai Cao Ân phải tự tay giết chết một phạm nhân, Cao Ân trù trừ không dám ra tay. Văn Tuyên Đế phẫn nộ dùng roi ngựa đánh Cao Ân một trận khiến cho Cao Ân thảm kinh hoàng loạn bị ôm một thời gian dài. Văn Tuyên Đế nêu lẩn muôn phế bỏ chức vị thái tử của Cao Ân nhưng nhờ có Dương Âm khuyên giải nên Văn Tuyên Đế mới từ bỏ ý định đó. Tháng 10 năm 559 Văn Tuyên Đế chết, ngày Quý Mão của tháng Cao Ân lên tiếp nhận ngôi vị. Ông cho đổi niên hiệu là "Càn Minh".

Ngày Nhâm Sửu tháng 8 năm 560, được sự giúp đỡ của thái hoàng thái hậu, Cao Diễn đã phế truất Cao Ân và phong Cao Ân làm Tề Nam Vương và bắt Cao Ân phải dời bỏ hoàng cung. Thái hoàng thái hậu căm dận Cao Diễn không được giết hại Cao Ân. Cao Diễn lo lắng nêu để Cao Ân sống thì sẽ mang tai họa, do vậy tháng 9 năm 561, Cao Diễn giấu điêm thái hậu đã sai Cao Quy Ngạn đén chổ Cao Ân và ép Cao Ân phải uống rượu độc. Cao Ân cự tuyệt không uống nên bị Cao Quy Ngạn bóp cổ chết. Sau chuyện này, Cao Diễn giả vờ Cao Ân vẫn còn sống nhưng đi lưu lạc.

Trong sử gọi Cao Ân là phế đế và còn gọi là Tề Nam Vương.

HIÊU CHIÊU ĐÊ (CAO DIỄN) (Hoàng đế Hiếu Chiêu) (BẮC TẾ)

Hiếu Chiêu Đế, ông ta tên là Cao Diễn (536 - 561), tên tự của ông ta là Diên An. Ông là con trai thứ 6 của Cao Hoan, ông là em trai của Văn Tuyên Đế. Ông phế bỏ Phế Đế và tự xưng làm hoàng

đế'. Ông trị vì được 2 năm, bị ngã ngựa và chê' t. Hưởng dương 27 tuổi. Mai táng ở Văn Tĩnh Lăng.

*

Thời Văn Tuyên Đế' trị vì Cao Diễn được phong làm Thường Sơn Vương. Ông ta ôm á' p việc cướp đoạt ngôi vị từ lâu nên khi Văn Tuyên Đế' chê' t. Cao Diễn giê' t những ai dám phản đố' i chuyện ông ta cướp ngôi, Cao Diễn dời đô đế' n Tân Dương. Tháng 8 năm 560 ông ta phê' truâ' t Cao Ân và tự lập làm hoàng đế', ông cho đổi niên hiệu là "Hoàng Kiê' n". sau đó ông mưu sát Cao Ân.

Thời Cao Ân trị vì, đã cùng hẹn ước với Cao Diễn sẽ cùng giúp đỡ lẫn nhau chứ không được loại bỏ nhau. Sau khi Cao Diễn sai giê' t Cao Ân, trong lòng hoảng loạn không yên, tinh thâ` n bâ` t an. Một lâ` n, ông ta ra ngoại thành săn bă` n, đột nhiên có 1 con thỏ chạy qua mặt con ngựa, con ngựa lô` ng lên. Cao Diễn ngô` i không vững liê` n bị con ngựa hâ` t ngã, bị gãy xương, ông ta đau thâ` u trời thâ` u đâ` t, mọi phương pháp chữa trị đê` u vô hiệu. Thái hậu Lâu đê` n thăm ông ta, dăm lâ` n 7 lượt hỏi ông ta chuyện Tê` Nam Vương Cao Ân lưu lạc ở đâu, thâ` y Cao Diễn trâ` m mặc không nói bà ta quát â` m lên và mă` ng chửi ông ta: "không câ` n phải nói, Tê` n Nam Vương đã bị người hại chê' t rô` i, người phải nhận báo ứng là đúng thôi, chê' t là đáng đòn!" Nói xong bà ta bỏ đi không thèm nhìn Cao Diễn.

Tháng 11 năm 561 Cao Diễn biê' t bệnh của ông ta vô phương cứu chữa nên lập di chiê' u để cho em trai là Cao Trạm kế' vị. Ông sợ Cao Trạm hại con trai mình là Cao Bách Hiên, nên ông căn dặn Cao Trạm: "Khanh hãy să` p xê` p một nơi ở cho vợ con tránh đố' i xử tó' t với bọn họ đừng giê' t hại bọn họ". Được vài hôm ông ta băng hà.

Sau khi ông chê' t đặt Thụy Hiệu là Hiê' u Chiêu Đế' .

VŨ THÀNH ĐẾ' (CAO TRẠM) (BĂ` C TÊ`)

Vũ Thành Đế' , ông ta tên là Cao Trạm (534 - 565), ông là con thứ 9 của Cao Hoan và là em của Hiê' u Chiêu Đế' . Sau khi Hiê' u Chiêu Đế' chê' t Cao Trạm được kế' vị. Ông trị vì được 5 năm thì nhường

ngôi cho thái tử, ông ôm chê t. Hướng thọ 32 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Bình Lăng.

*

Cao Trạm được phong làm Trường Quảng Vương và phái trấn giữ ở Nghiệp Thành. Tháng 11 năm 561 Cao Dân chê t, quân thâ n tuân theo di chiê u của Cao Dân đón Cao Trạm về Tân Dương và ngày Quý Sửu tháng 11 đã lập ông ta làm đế . Ông đổi niên hiệu là "Đại Ninh".

Ông cho dời đô đế n Nghiệp Thành. Ba năm sau, ông ta giê t con của Hiê u Chiêu Đê là Cao Bách Niên. Để tránh cho kẻ khác cướp ngôi và giê t chê t con trai mình do đó ngày Bính Tí tháng 4 năm 565 ông nhường ngôi cho thái tử Cao Vĩ còn mình tự xưng là Thái Thượng Hoàng, ông ta làm vậy cốt để dạy cho con trai cách làm hoàng đế ra sao và nhã m bảo vệ được ngôi báu lâu dài.

Ngày Tân Mùi tháng 12 năm 565 ông ta bị ôm chê t.

Sau khi ông ta chê t lập Thụy Hiệu là Vũ Thành Đế .

HẬU CHỦ (CAO VĨ) (BẮC TẾ)

Hậu Chủ, ông ta tên là Cao Vĩ (557 - 578), tên tự của ông ta là Nhân Cương. Ông là con trưởng của Vũ Thành Đế . Thời Vũ Thành Đế trị vì đã nhường ngôi cho Cao Vĩ. Ông trị vì 13 năm và nhường ngôi cho thái tử. Trên đường đi xuô ng Nam Diêu. Ông bị quân lính triều Bắc Chu bắt làm tù binh, về sau bị sặc ót chê t. Hướng dương 23 tuổi. Mai táng ở sông Hô ng Độc (nay thuộc gò Hô ng Độc bờ bắc sông Vị thành phố Thẩm Dương tỉnh Thiểm Tây).

Cao Vĩ được phụ hoàng nhường ngôi cho từ khi ông ta mới lên 10 tuổi. Ông đổi niên hiệu là "Thiên thô ng".

Tháng 1 năm 577 đại quân triều Bắc Chu tấn công triều Bắc Tề . Ngày Ất Hợi Cao Vĩ nhường ngôi cho thái tử Cao Hăng (lúc đó mới lên 8 tuổi) còn mình tự xưng là thái thượng hoàng. Tiết p đó ông

rời bỏ đô thành và đi đến Nam Diêu. Trên đường đi, ông lại ra lệnh cho á́u chủ Cao Hắng nhường ngôi cho Nhậm Thành Vương Cao Giai, Cao Vĩ xưng là Vô thượng hoàng còn Á́u Chủ gọi là Tông Quốc Thiên Vương.

Sau đó tiếp tục đi đến Nam Diêu. Đi đến Thanh Châu đại thấn Cao Hình Cung lén lút đấu hàng quân Bắc Chu dự định bắt Cao Vĩ làm lễ vật đấu hàng. Anh ta nói với Cao Vĩ quân Bắc Chu còn cách xa nơi bọn họ rất nhiếu anh ta đã sai lính trấn giữ cẩn thận, không có gì nguy hiểm. Tin lời anh ta Cao Vĩ cho dựng trại tạm nghỉ ngoi. Đến khi quân Bắc Chu chỉ cách Thanh Châu 10 dặm, Cao Vĩ mới biết tin. Ông vội gói ghém vàng bạc dẫn hậu phi cùng Á́u Chủ và mươi mây thuộc hạ chạy trốn. Bọn họ chạy đến thôn Nam Đặng (nay thuộc huyện Ích Châu tỉnh Sơn Đông) thì quân Bắc Chu bắt giữ và áp giải về Trường An. Vũ Đế Vũ Văn Ung phong cho Cao Vĩ làm Ôn Quốc Công, triếu Bắc Tê` diệt vong.

Một lấn Vũ Đế Vũ Văn Ung (TRIỀ́U BẮC CHU) cho mở yến tiệc thết đai quấn thấn và ông ta cũng cho mời Cao Vĩ và các vương công triếu Bắc Tê` đến dự. Đến giữa buổi tiệc Vũ Đế Vũ Văn Ung sai Cao Vĩ đứng dậy nhảy múa mua vui cho mọi người. Cao Vĩ không biết liêm sī hoan hỉ đứng dậy nhảy múa. Tháng 10 năm 578 có người vu cáo Cao Vĩ câu kẽ́t với lại sứ ở Nghị Châu (nay thuộc tỉnh Thiểm Tây) để làm phản, hơn nữa các vương thất triếu Bắc Chu đếu tham gia vào cuộc tạo phản này. Vũ Đế Ung sai gọi Cao Vĩ và lại sứ ở Nghị Châu đến đối chất, Cao Vĩ một mực chối bỏ. Vũ Văn Đế không tin, ông ta sai nhét ót bột vào mṍm Cao Vĩ và mây mươi vương thất triếu Bắc Tê` khiến bọn họ bị chết sặc.

Trong sử gọi Cao Vĩ là Hậu Chủ.

AN ĐỨC VƯƠNG (CAO ĐÌNH TÔN) (BẮC TÊ`)

An Đức Vương, ông ta tên là Cao Đình Tôn (? - 578), ông là con trai thứ 5 của Vũ Thành Đế và là em trai của Hậu Chủ. Hậu Chủ chạy đến Nam Diêu. Cao Đình Tôn ở lại trấn giữ thành Tấn Dương và được các thuộc hạ lập làm hoàng đế́. Ông trị vì được 2 ngày bị Vũ

Đế Vũ Văn Ung bắt giữ, sau đó bị chết sặc vì ót bột. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Cao Đinh Tôn từng được phong làm An Đức Vương. Năm 577 quân Bắc Chu dốn ép khiến Cao Vĩ phải chạy đến Diêu Nam và Cao Vĩ sao Cao Đinh Tôn ở lại giữ thành Tấn Dương. Ngày Mậu Ngọ tháng 11 các thuộc hạ lập Đinh Tôn làm đế, ông đổi niên hiệu là "Đức Xương".

Tối hôm sau quân Bắc Chu chiếm được cửa phía Tây thành Tấn Dương và bọn chúng xông vào thành đốt phá chùa Phật. Cao Đinh Tôn chỉ huy quân lính quyết chiến với quân địch, bọn chúng bị đẩy lui ra ngoài thành. Quân Bắc Tê` thấy đánh lui được địch rất lấy làm hả hê, bọn họ lợi lỏng việc phòng vệ uống rượu chúc mừng thắng lợi, từ tướng lĩnh cho đến binh lính đếu say túy lúy. Quân Bắc Chu thừa cơ tấn công đánh chiếm được kinh thành. Cao Đinh Tôn phải đột phá vòng vây chạy trốn, nhưng bị quân Bắc Chu bắt giữ và áp giải đi gặp Vũ Đế (TRIỀ́U BẮC CHU). Vũ Đế lấy lẽ nghĩa đẻ đối đãi với Đinh Tôn và dẫn Đinh Tôn về` Trường An.

Trong buổi yến tiệc của Vũ Đế (TRIỀ́U BẮC CHU) mời chiêu đãi, Cao Đinh Tôn thấy anh trai bị nhục mạ nhảy múa mua vui cho mọi người, Đinh Tôn thấy vô cùng đau lòng và xót thương cho số phận của triếu Bắc Tê`, quay vê` phủ ông định uống thuốc tự tử, nhưng bị các tì nǚ ngăn cản. Mùa đông năm 578, các tông thất triếu Bắc Tê` bị vu cáo làm phản, mọi người đếu một mực chối bỏ, chỉ mình Cao Đinh Tôn ngẩng cao đấu tuyên bố đấy là có của triếu Bắc Chu để tiêu diệt triếu Bắc Tê`, ông mặc nhiên không xin tha mạng tinh thấn rất hiên ngang. Vê` sau ông bị Võ Đế Vũ Văn Ung sai người nhét ót bột vào mốm giết chết.

Trong sử gọi ông là An Đức Vương.

ẤU CHỦ (CAO HĂ`NG)
(BẮC TÊ`)

Ấu Chủ, ông ta tên là Cao Hă`ng (570 - 578). Ông là con trưởng của Hậu Chủ Cao Vĩ. Ông được Hậu Chủ nhường ngôi. Ông trị vì được 1 tháng, bị bắt giữ làm tù binh và bị áp giải đến Trường An cùng với Hậu Chủ. Được một thời gian bị nhét ọt bột vào mõm và sặc ché́t. Hưởng dương 9 tuổi. Mai táng ở gò Hô`ng Độc bờ bắc sông Vị thành phố Thẩm Dương tỉnh Thiểm Tây.

*

Thời hậu chủ trị vì đã phong Cao Hă`ng làm thái tử, vê` sau được hậu chủ nhường ngôi, ông cho đổi niên hiệu là "Thừa Quang".

Lên 8 tuổi Cao Hă`ng đã làm hoàng đế́, vừa mới đăng cơ thì Cao Vĩ đã mang ông đến Nam Diêu, trên đường đi lại bị bắt nhường ngôi cho Nhậm Thành Vương Cao Giai còn ông được gọi là Tống, Quốc Thiên Vương. Ít lâu sau quân Bắc Chu bắt ông và giải vê` Trường An.

Năm 572 bị ché́t vì sặc ọt bột.

Trong sử gọi Cao Hă`ng là Ấu Chủ.

PHẠM DƯƠNG VƯƠNG (CAO THIỆU NGHĨA) (BẮC TẾ)

Phạm Dương Vương, ông ta tên là Cao Thiệu Nghĩa, năm sinh và năm mất không biết rõ. Ông là con trai thứ 3 của Văn Tuyên Đế́. Hậu Chủ đi đến Nam Diêu vì thế Thiệu Nghĩa chạy đến tộc Đột Quyết và được giúp làm đế́. Ông trị vì được 3 năm bị triê`u Bắc Chu bắt giữ và lưu lạc ở Tứ Xuyên, bị ốm ché́t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Đấu tiên Cao Thiệu Nghĩa được phong làm Quảng Dương Vương vê` sau được phong làm Phạm Dương Vương. Năm 577 Cao Vĩ chạy đến Nam Diêu, phong cho Thiệu Nghĩa làm Thượng thư lệnh và làm lại sứ ở Định Châu. Được ít lâu ông bị quân Bắc Chu tấn công do đó phải chạy tới tộc Đột Quyết. Kha Hân của tộc Đột Quyết thông cảm

với cảnh ngộ của ông ta, nên cho ông ta đất đai và quân lính giúp ông ta lập chính phủ lưu vong và xưng làm hoàng đế'. Ông đổi niên hiệu là "Vũ Bình".

Năm 580, triề`u Bắc Chu muốn diệt trừ tận gốc mọi hậu họa do vậy sai sứ giả tới tộc Đột Quyết dùng vàng bạc đổi lấy Cao Thiệu Nghĩa. Được ít lâu, kha hán của tộc Đột Quyết trả vò mòi Cao Thiệu Nghĩa đến biên giới phía Nam (gấn triề`u Bắc Chu) để gặp mặt cùng đi săn và dẫn Cao Thiệu Nghĩa vào chỗ quân Bắc Chu đã mai phục để quân Bắc Chu bắt giữ, Thiệu Nghĩa bị giải đến đất Thục. Sau đó ốm chết ở đó.

Trong sử gọi Cao Thiệu Nghĩa là Phạm Dương Vương.

BẮC TRIỀU

TRIỀU BẮC CHU

(Năm 557 - 581, tổng cộng 25 năm)

Triều Bắc Chu có 5 đế vương: trong đó có 2 người bị ôm chét, một người làm mất nước bị phế bỏ và bị giết, hai người bị phế truất trong cuộc nội chiến bị hại độc chét.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về Vũ Văn Thái. Ông ta bị ôm chét.

VĂN ĐÊ (VŨ VĂN THÁI)
(BẮC CHU)

Văn Đê, ông ta tên là Vũ Văn Thái (505 - 556), tên tự của ông ta là Hắc Lạt. Ông là người dân tộc Tiên Ti, là thừa tướng triều Tây Ngụy, ông là người tạo dựng lên triều Bắc Chu. Ông bị bệnh chét, hưởng thọ 52 tuổi. Mai táng ở Thành Lăng.

*

Vũ Văn Thái quê ở Vũ Xuyên - quận Đại (nay thuộc phía Tây Vũ Xuyên ở Nội Mông Cổ). Ông xuất thân trong gia cảnh nghèo khó, ông từng tham gia vào quân khởi nghĩa của Tu Lễ ở dân tộc Tiên Ti, được một thời gian ông lại quay về đàu làng tham gia vào quân khởi nghĩa của Cát Vinh. Cuối cùng ông đầu hàng đại tướng quân Bắc Ngụy là Nhi Chu Vinh ông cùng với Nhi Chu Vinh đi chinh chiến đánh đồng dẹp bắc và theo Hạ Bạt Nhạc và trấn áp quân khởi nghĩa của Mặc Kỳ (tộc Sửu Hô). Năm 534 Hạ Bạt Nhạc chết, Vũ Văn Thái được thuộc hạ giúp làm Chủ Sư chiêm giữ ở Quan Trung và theo hưu Hiếu Vũ Đê (triều Bắc Ngụy). Được ít lâu, ông hại độc Hiếu Vũ Đê và lập Nguyên Bảo Cự làm đế, xây dựng lên triều Tây Ngụy. Vũ Văn Thái được phong làm thừa tướng. Thượng thư lệnh, ông ta rất lồng hành trong triều đình Tây Ngụy, sau đó được phong làm Chu Công.

Trong thời gian chấp chính, ông ta trọng dụng nhân tài, đặt định ra chế độ hộ tịch chính đốn chính trị, giảm bớt quan lại, mở mang đốn điến, thúc đẩy chế độ ruộng đất và chế độ binh phủ... dấn dấn thế lực của quốc gia ngày một mạnh. Ông còn xuất binh xuống miến Đông chiếm giữ được Thành Đô. Giang Lăng và lập chính quyến nhỏ của triếu Hậu Lương, thế lực của ông ta mở rộng đến lĩnh vực Giang Hán, đây là cơ sở tạo dựng lên triếu Bắc Chu.

Tháng 9 năm 556 ông ta bị ốm. Tháng 10, ông ta băng hà tại Trường An.

Sau khi con trai ông là Vũ Văn Giác xung đế nên lập Thụy Hiệu cho Vũ Văn Thái là Văn Đế.

HIẾU MÃN ĐẾ (VŨ VĂN GIÁC) (TRIỀ́U BẮC CHU)

Hiếu Mẫn Đế, ông ta tên là Vũ Văn Giác (542 - 557) tên tự của ông là: Đà La Ni. Ông là con trai thứ 3 của Văn Đế Vũ Văn Thái. Vũ Văn Thái chết, Vũ Văn Giác tiếp nhận chức vị của cha, vế sau ông phế bỏ Cung Đế (triếu Tây Ngụy) và tự xung đế, trong sử gọi là triếu Bắc Chu. Ông trị vì không được 6 tháng thì bị chú là Vũ Văn Hộ phế truất và mưu hại. Hưởng dương 16 tuổi. Mai táng ở Tĩnh Lăng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Khi Vũ Văn Thái chết, Vũ Văn Giác thay cha tiếp nhận các chức vị Thái sự Chu Công. Tháng 12 năm 556 Vũ Văn Giác phế truất Cung Đế Thác Bạt Khoách (triếu Tây Ngụy) và tự xung làm hoàng đế, ông không lập niên hiệu và lấy năm 556 là năm đấu tiên ông đặt đô ở Trường An. Trong sử gọi là triếu Bắc Chu hay còn gọi là triếu Vũ Văn Chu.

Sau khi Vũ Văn Giác xung đế, chú ông ta là Vũ Văn Hộ nắm giữ mọi quyến hành trong triếu và vô cùng ngang ngược. Vũ Văn Giác không hài lòng với hành vi và thái độ của chú. Tháng 4 năm 557 ông liên kêt với đại thấn Quý thực, định mở yến tiệc mời Vũ Văn Hộ tới dự và sẽ nhân dịp đó bắt giữ Vũ Văn Hộ. Nào ngờ, sự việc bị bại lộ,

Vũ Văn Hộ sai người khô` ng chê` , ông ta câ` u kêt với tướng lĩnh của Câ` m Vệ Quân, bọn họ bă` t giữ những tay chân thân tín của Vũ Văn Giác trong đó có cả Quý Thực. Tiê` p đó bọn tay chân của Vũ Văn Hộ xông vào đại điện bă` t Vũ Văn Giác phải nhường ngôi và bọn chúng giải Vũ Văn Giác cùng hoàng hậu tới sô` ng ở Lâm Câ` m, Vũ Văn Giác bị giáng làm Lược Dương Công. Tháng 5 Vũ Văn Hộ sai người giê` t Vũ Văn Giác.

Thụy Hiệu của Vũ Văn Giác sau khi chê` t là Hiê` u Mẫn Đê` .

MINH ĐÊ` (VŨ VĂN DỤC)
(TRIỀ` U BĂ` C CHU)

Minh Đê` , ông ta tên là Vũ Văn Dục (534 - 560). Tên tự hô` i nhỏ của ông là: Thô` ng Vạn Đột. Ông là con trưởng của Văn Đê` (TRIỀ` U BĂ` C CHU). Vũ Văn Hộ phê` truâ` t và trừ bỏ Vũ Văn Giác, lập Vũ Văn Dục làm hoàng đê` . Ông trị vì được 2 năm lại bị Vũ Văn Hộ mưu hại. Hướng dương 27 tuổi. Mai táng ở Chiêu Lăng.

*

Vũ Văn Dục từng được phong làm Ninh Đô Công. Tháng 5 năm 557 Vũ Văn Hộ phê` truâ` t và mưu hại Vũ Văn Giác, ông ta đón Vũ Văn Dục từ Chi Châu về` thành Trường An, tháng 9 cùng năm Vũ Văn Dục được lập làm hoàng đê` . Tháng 8 năm 559 ông bă` t đâ` u đặt niên hiệu là: "Vũ Thành".

Sau khi Vũ Văn Dục kê` vị, Vũ Văn Hộ vẫn lộng hành và chuyên quyê` n. Vũ Văn Hộ thâ` y Vũ Văn Dục thông minh có ý khí, khó có thể khô` ng chê` . Năm 559, Vũ Văn Hộ trả vò quy thuận Vũ Văn Dục để thăm dò tình hình. Chẳng ngờ, Vũ Văn Dục thành tâm thành ý thu nhận sự hô` i cải của Vũ Văn Hộ và phong Vũ Văn Hộ làm thái sư quản lý ở Ung Châu. Vũ Văn Hộ ôm hận trong lòng quyê` t tâm chờ cơ hội phê` truâ` t Vũ Văn Dục.

Tháng 4 năm 560 Vũ Văn Hộ sai thuộc hạ bỏ độc vào bánh ngọt mang vào cung dâng cho Vũ Văn Dục ăn. Vũ Văn Dục không hề` nghi ngờ lòng tôt của bọn họ do đó đã ăn bánh. Ăn được vài miê` ng, ông ta thâ` y ruột gan đau quặn ông biê` t mình trúng độc vô phương cứu

chưa, ông cắn răng chịu đau gọi người vào lập di chiếu nói rõ: "Con trai mình còn ít tuổi chưa gánh vác được việc quốc gia, do đó em trai ông là Vũ Văn Ung sẽ kế́ vị. Việc tang lễ phải làm đơn giản tiết kiệm, không được dùng vàng bạc và đồ` dùng quý mai táng theo ông ta xuống mộ` , chỉ cầ́n dùng đồ` làm bă`ng gạch ngói là được, mộ` mả phải đặt ở nơi đất nông dân làm nơi đặt mộ. Sau đó ông triệu tập bá quan văn võ dặn dò bọn phái một lòng một dạ phục vụ vua mới. Sắp xế́p xong mọi chuyện thì ông băng hà.

Hiệu miếu của ông là Thế Tông và Thụy Hiệu là Minh Đế.

VŨ ĐẾ (VŨ VĂN UNG) (BẮ́C CHU)

Vũ Đế, ông ta tên là Vũ Văn Ung (543 - 578), tên tự của ông là Di La Đột. Ông là con trai thứ 4 của Văn Đế và là con trai của Minh Đế. Ông kế́ vị Minh Đế. Ông trị vì 18 năm bị bệnh chết trên đường đi chinh phạt tộc Đột Quyết. Huống thỏ 36 tuổi. Mai táng ở Hiếu Lăng.

*

Tháng 4 năm 560, Minh Đế bị Vũ Văn Hộ hại chết, nên cũng vào tháng đó Vũ Văn Ung lên kế́ vị. Ông đổi niên hiệu là "Bảo Định".

tuy Vũ Văn Ung kế́ vị nhưng công việc trong triếu vẫn do Vũ Văn Hộ thao túng. Năm 572 ông giết Vũ Văn Hộ và tự mình điếu hành công việc trong triếu. Năm 573, gặp phải thiên tai, xã hội bạo động, nhân dân đói kém, ông quyết định thực hiện cải cách, ôngниếu lấnh hạ chiếu phóng thích nô lệ và cho họ làm thú dân. Ông chiêu nạp những nông dân của tộc Hán vào quân đội, dùng hình phạt thích đáng đối với bọn cường hào và tham quan vô lại. Ông thống nhất đơn vị đo lường...

Trong thời gian thực hiện cải cách, điếu ông nung ná́u nhất là loại bỏ Phật Giáo. Lúc đó có hơn 10000 ngôi chùa Phật và 2000000 tăng ni, bọn họ không lao động mà vẫn ăn sung mặc sướng an nhàn. Còn chiếm giữ nhíếu ruộng đất, điếu đó dẫn đến, mâu thuẫn

giai cát p vô cùng gay gắt. Ông tuyên bố phê bỏ đạo Phật có tăng ni đe dọa nói: "Cảm Phật giáo có nghĩa là tự đào hố chôn mình". Ông kiên quyết tuyên bố: "Chỉ cần trăm họ được yên ổn, trăm châp nhận những thiệt thòi về mình". Ông ra lệnh phá bỏ chùa chiêng, bắt ép các hòa thượng và tăng ni hoàn tục, thu giữ đai đai và tài sản trong chùa chiêng, làm công quỹ để ban phát cho người nghèo, và xung vào công quỹ. Ông sai láy tượng đồng và chuông đồng để đúc tiền và vũ khí, ông chia cho các tăng ni đai đai để cày ruộng sinh sống và thu nhận các tráng đinh vào quân đội. Điều này làm tăng thêm tiền của cho chính phủ, giúp đỡ sản xuất phát triển, làm giảm dị gánh nặng cho nhân dân diêu hòa mâu thuẫn giai cấp... tất cả những việc đó giúp cho quốc gia ngày một giàu mạnh "quốc thái dân an". Năm 577 (là năm ông bãi bỏ Phật Giáo) triều Bắc Chu tiêu diệt triều Bắc Tề thô ng nhát miết Bắc. Tiếp đó ông đánh chiếm được vùng Giang Bắc, Hoài Nam, bắn đạn đai đai được mở rộng đến bờ bắc sông Trường Giang.

Tháng 5 năm 578 ông thống lĩnh đại quân tiến đánh tộc Đột Quyết, trên đường đi ông bị ngã bệnh. Tháng 6 bệnh tình của ông nguy kịch, ông đành ra lệnh thu quân về triều, trên đường về cung ông đã băng hà. Ông để lại di chiêu nói: "Trẫm định thực hiện chí lớn của tổ tiên, thu phục lòng dân thô ng nhát thiến hạ. Tiết thay, hôm nay trẫm mang trọng bệnh chưa thực hiện được tâm nguyện của tổ tông giao phó". Ông truyền ngôi cho thái tử Vũ Văn Vượng và nói rõ việc tang lễ phải làm đơn giản tiết kiệm.

Hiệu miếu của ông được đặt là Cao Tổ và Thụy Hiệu là Vũ Đế.

TUYÊN ĐẾ (VŨ VĂN VƯNG) (BẮC CHU)

Tuyên Đế, ông ta tên là Vũ Văn Vượng (559 - 580) tên tự của ông là Càn Bá. Ông là con trưởng của Vũ Đế. Ông kế vị sau khi Vũ Đế chết. Ông trị vì được 1 năm thì nhường ngôi cho thái tử. Bị ôm chết, hưởng dương 22 tuổi. Mai táng ở Định Lăng.

Thời Vũ Đế trị vì đã lập Vũ Văn Vượng làm thái tử. Tháng 5 năm 578 Vũ Đế chết, cùng tháng đó Vũ Văn Vượng lên kế́ vị. Ông đổi niên hiệu là "Đại Thành".

Sau khi kế́ vị, ông ta đam mê tưu sá́c, trốn tránh công việc triề́u chính. Tháng 2 năm 579 ông nhường ngôi cho thái tử (lúc đó con trai ông ta mới 7 tuổi).

Tháng 5 năm 580, thời tiết nóng bức ông không hứng thú với thời tiết đó sinh ra khó chịu nên đi ra ngoại thành là mây t. Buổi tối i ông bị sốt, hôm sau thì thấy đấu đau nhức nhối, ông vội vàng quay về cung và tuyên gọi các đại thấn đến dặn dò mọi chuyện. Nhưng khi các đại thấn vào yết kiến, ông ta đã bị cấm khẩu bọn họ đành phải lui ra. Một lúc sau, ông ta băng hà.

Sau khi ông ta chết lập Thụy Hiệu là Tuyên Đế.

TĨNH ĐẾ (VŨ VĂN DIỄN) (TRIỀU BẮC CHU)

Tĩnh Đế, ông ta tên là Vũ Văn Diễn (573 - 581). Ông là con trưởng của Tuyên Đế. Ông kế́ vị Tuyên Đế. Ông trị vì 3 năm bị Tùy Văn Đế Dương Kiên phế truất, được một thời gian thì bị Tùy Văn Đế Dương Kiên giết. Hưởng dương 9 tuổi. Mai táng ở Cung Lăng.

*

Thời Tuyên Đế trị vì đã lập Vũ Văn Diễn làm thái tử. Sau đó được Tuyên Đế nhường ngôi cho, ông đổi niên hiệu là "Đại Tượng".

Sau khi Tuyên Đế chết, mọi công việc trong triề́u đếu do quốc truong Dương Kiên giải quyé́t. Tháng 2 năm 581, Dương Kiên xưng đế và phế truất Vũ Văn Diễn, phong cho Diễn làm Giới Quốc Công, triề́u Bắc Chu bị diệt vong. Tháng 5 Dương Kiên sai giết hết tông thất triề́u Bắc Chu. Vũ Văn Diễn cũng bị giết hại.

Vũ Văn Diễn sau khi chết được lập Thụy Hiệu là Tĩnh Đế.

TRIỀU TÙY

(Năm 581 - 618, tổng cộng 38 năm)

Triệu Tùy kêt thúc cục diện phân chia lãnh thổ ở Trung Quốc, thống nhất được lưu vực sông Hoàng Hà và Trường Giang, thời kỳ này đưa lịch sử Trung Quốc tiến tới một bước mới và là một điều kiện quan trọng cho triều Đường vê sau phát triển hưng thịnh.

Triệu Tùy có 5 đế vương trong đó một người bị giết trong nội chiến, một người bị thuộc hạ giết hại, một người bị bắt có chết, một người bị hại độc chết, một người bị mưu sát.

VĂN ĐÊ (DƯƠNG KIÊN) (TRIỀU TÙY)

Văn Đê, ông ta tên là Dương Kiên (541 - 604). Ông là tùy vương của triều Bắc Chu, sau đó ông phế bỏ Tĩnh Đế (Bắc Chu) và tự xưng đế, tạo dựng lên triều Tùy. Ông trị vì được 24 năm bị Dương Quảng mưu sát. Hưởng thọ 64 tuổi. Mai táng ở Thái Lăng (nay ở phía Đông Nam huyện Vũ Công tỉnh Thiểm Tây).

*

Dương Kiên quê ở Hoa Âm (nay thuộc huyện Hoa Âm tỉnh Thiểm Tây), ông là con trai của Dương Trọng (một đại quý tộc triều Bắc Chu), ông thay cha tiếp nhận chức vị Tùy Quốc Công, con gái của Dương Kiên là hoàng hậu của Tuyên Đế Vũ Văn Vụng (triều Bắc Chu). Năm 580, Tuyên Đế chết. Dương Kiên được các sĩ tộc giúp đỡ lâ'y danh là ông ngoại để vào triều giúp đỡ cháu, nhận chức thừa tướng, lộng hành trong triều đình Bắc Chu và được tấn phong làm Tùy Vương. Ngày Giáp Tí tháng 2 năm 581, ông phế truất Tĩnh Đế Vũ Văn Diễn (triều Bắc Chu) và tự xưng làm hoàng đế, đặt quốc hiệu là "Tùy", đặt đô ở Đại Hưng, sau đó đổi về Trường An (nay là thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây), ông đặt niên hiệu "Khai Hoàng".

Sau khi Dương Kiên xưng đế, năm 587 ông diệt vong triều Hậu Lương, năm 589 ông tiêu diệt triều Trân thô ng nhất toàn quốc, kết thúc cục diện phân chia lãnh thổ kéo dài gần 300 năm (kể từ những năm cuối triều Tây Tần).

Dương Kiên xây dựng lên triều Tùy. Ông ta thấy mình đoạt được quốc gia quá dễ dàng sinh ra lòng dân không phục vì thế ông cảnh giới chặt chẽ, nỗ lực tìm biện pháp bảo vệ vương triều nhà Tùy. Ông ta học hỏi ở tiên nhân hai kinh nghiệm quan trọng:

+ Điều thứ nhất là tiết kiệm. Ông giáo huấn thái tử Dương Dũng: "Từ xưa đến nay nếu bậc đế vương nào mà sống xa xỉ thì không bao giờ giữ được ngôi báu, con nhất định phải học tính tiết kiệm". Ông luôn để xướng việc sinh hoạt tiết kiệm, việc đó trở thành một phong trào, phục triều của các sĩ tộc cũng chỉ may váng vải lụa chứ không dùng gấm vóc, dây lưng dùng đồ thiêc trang trí, chứ không dùng vàng ngọc. Một lần ông ta bị bệnh lị a-míp, phải uống thuốc kiết lỵ, phương thuốc này có hai loại hophan, tìm mãi trong cung không thấy loại hophan đó. Một lần khác, ông ta cần một chiếc cổ áo, vậy mà trong cung cũng không có. Tính tiết kiệm trở thành một điều kiện cơ bản trong cải cách chính trị của ông ta.

+ Kinh nghiệm thứ hai là phải giết bọn tham quan vô lại. Triệu Chiêu tin nói với Dương Kiên: "Tương lai anh sẽ xưng đế, nhưng cần phải giết hết bọn tham quan như vậy mới củng cố được chính quyền mới". Ông vẫn nhớ như in câu nói đó, vì thế ông cho chỉnh đốn thể chế chính trị, lập ra chế độ thi cử đỗ i với quan lại, ông treo giải thưởng cho những người có công, ông trừ bỏ hết bọn tham quan vô lại, sai thuộc hạ giám sát hành vi của các quan lại, có lúc ông còn sai người trả vò đút lót cho quan lại, vị quan nào nhận của đút lót sẽ bị xử tội chết. Ông thực hiện pháp luật rất nghiêm minh. Một lần ông phát hiện được con trai ông là Dương Tuân sống rất xa xỉ, ông phẫn nộ và cùng sai giam giữ Dương Tuân. Đại thần Dương Tô can gián ông: nếu phạt Dương Tuân như vậy thì quá nặng tay. Ông đáp lại: "Hoàng tử và bà con trăm họ đều chung một thể chế pháp luật, nếu không xử tội hoàng tử, thì khác gì thiết lập một thể chế pháp luật riêng rẽ cho hoàng tử". Hành động đó của ông khiến

cho bọn cường hào không dám làm điều ác chèn ép trăm họ, bọn tham quan vô lại chỉ tốn tại rất ít.

Dương Kiên rất quan tâm tới nỗi thô ng khổ của dân chúng, trong lịch sử các đế vương cũng ít thay đổi các hoàng đế quan tâm tới nỗi khổ của dân.

Năm 594 vùng Quan Trung bị mất mùa, ông sai người thăm hỏi tình hình của dân chúng, ông biết họ phải ăn cơm độn (gạo với đậu trộn lẫn với nhau). Ông đưa cơm độn cho các quan thay đổi bảo họ ăn thử xem có ăn được không vậy mà muôn dân phải ăn những loại thức ăn đó, ông khóc cho sự bất tài của mình vì không lo cho dân chúng được cơm lợ áo ám, ông sai đầu bê p khẩu trừ khẩu phán thức ăn hàng ngày của ông không uống rượu không ăn thịt. Ông đến đón những người dân bị mất mùa về Lạc Dương nhận lương thực và cầm thị vệ không được phép hành hung chửi mắng dân. Đi đường gặp các cụ già hoặc các em nhỏ ông nói năng rát lễ phép từ tốn và thường xuyên ngựa nhường đường. Gặp những đoạn đường khó đi ông sai binh lính để giúp dân tị nạn thông đường. Năm 600 ở Tề Châu có một viên quan, ông ta tên là Vương Gia, ông ta phải áp giải 70 phạm nhân về kinh thành, bọn họ đi đến Huỳnh Dương, Vương Gia nói với các phạm nhân: "Các ngươi phạm quôc pháp, bị trách tội là điều dĩ nhiên. Hãy nhìn các dân phu áp giải các ngươi, trên đường đi bọn họ vô cùng vất vả các ngươi có cam lòng không?". Tất cả các phạm nhân đều cúi đầu tạ tội. Vương Gia cho phép các dân phu về nhà và phóng thích tất cả các phạm nhân và hẹn các phạm nhân đúng hẹn phải có mặt ở kinh thành, trước khi thả bọn họ ông nói: "Nếu như các ngươi thất hẹn thì tôi sẽ bị tội ché tay thay các ngươi". Đến kỳ hẹn 70 phạm nhân đều đến. Dương Kiên nghe được câu chuyện này, ông ta vô cùng cảm động, ông sai triệu tập vợ con của các phạm nhân về kinh mở yến tiệc thết đãi bọn họ, tuyên bố miễn tội cho các phạm nhân đó. Ông còn viết một chiê u thư, bô với trăm quan: những quan lại có lòng nhân từ đều được phép thay mặt hoàng đế dạy dỗ bà con trăm họ. Các quan lại nên học đức tính của Vương Gia.

Một lần, viên quan Tân Đảm may một chiếc quan màu hông, và nói có thể mặc thế yết triều. Dương Kiên cho rằng: Tân Đảm

dùng phép thuật tà ma để mê hoặc mọi người, vì thế ông ráo rít tức giận và sai xử tội chém Tân Đảm. Đại thần chịu trách nhiệm về pháp luật là Triệu Xước vội can ngăn: "Nếu u căn cứ vào pháp luật, tội của Tân Đảm không bị khép vào tội chém, hạ thần không dám tuân chỉ. Xin bệ hạ minh xét". Dương Kiên bức quá quyết lên: "Trẫm xem ra khanh chỉ thương xét cho Tân Đảm mà không biết thương xót cho bản thân khanh". Dương Kiên sai chém cả Tân Đảm và Triệu Xước. Lúc sắp hành hình, Dương Kiên hỏi Triệu Xước còn muôn nói gì không, Triệu Xước đáp: "Thần một lòng vì quốc gia để bảo vệ cho sự nghiêm minh của pháp luật, thần không dám xin tha tội chém, chỉ mong bệ hạ tha tội chém cho Tân Đảm", Dương Kiên tức giận phất tay áo bỏ đi. Nhưng ông đổi lại cách suy nghĩ của mình: ông nghĩ ra Triệu Xước là lý cái chém để bảo vệ cho sự công minh của pháp luật, như vậy ráo rít đáng khen, ông lập tức thả Triệu Xước và miễn tội chém cho Tân Đảm, hôm sau ông còn ban thưởng cho Triệu Xước.

Trong thời gian Dương Kiên trị vì, ông tiếp tục duy trì chế độ ruộng đất, giúp đỡ những người dân nghèo khổ, sắp xếp lại hộ tịch, tăng thêm thuế thân, bảo đảm sự thu nhập của quốc gia, loại bỏ bớt thế lực của bọn cường hào, dân dân nê n kinh tế ngày một phồn vinh và xã hội ngày càng ổn định. Ông cho sửa đổi lại chế độ quan lại: ở các địa phương ông cho giảm bớt cơ quan hành chính. Ông mở ra chế độ khoa cử, lấy việc thi cử để chọn học sĩ. Một số biện pháp này tăng cường chế độ tập quyền trung ương khiêm vương triều Tùy được củng cố và cường thịnh. Vì vậy trong lịch sử các đế vương, Dương Kiên là một nhà chính trị có tài.

Tháng 7 năm 604 Dương Kiên bị bệnh, ông phải nằm ở điện Đại Bảo cung Nhân Thọ thành Trường An. Ngày Giáp Thìn ông biết mình khó lòng sống được nên sai triệu tập quan thần khóc và từ biệt bọn họ. Ngày Đinh Mùi, con thứ của ông là Dương Quang, đại thần Dương Tô, Trương Hoành, Vũ Văn Thuật... Lợi dụng cơ hội ông bị ôm liệt giường nên phát động binh biến, bọn họ dẫn lính bao vây cung Nhân Thọ, đuổi đánh các binh lính và người hầu ở đó rồi xông vào điện Đại Bảo giết Dương Kiên.

Thụy Hiệu của Dương Kiên sau khi chém được đặt là Văn Đέ.

DẠNG ĐẾ (DƯƠNG QUẢNG) (TRIỀU TÙY)

Dạng Đế, ông ta tên là Dương Quảng (569 - 618). Ông là con thứ của Tùy Văn Đế. Ông gié́t bố và anh trai là Dương Dũng rối tự kết vị. Ông trị vì được 14 năm, trong cuộc khởi nghĩa nông dân, ông bị vây hãm ở Giang Đô (nay thuộc thành phố Dương Châu tỉnh Giang Tô) bị thuộc hạ là Vũ Văn Hóa có phát động binh biến và ép ông chết, hưởng thọ 50 tuổi. Mai táng ở phía Tây Bắc thành phố Dương Châu tỉnh Giang Tô.

*

Năm 581 Dương Quảng được phong làm Tấn Vương. Ông có công trong việc tiêu diệt triều Trấn ở miề́n Nam và chinh phục tộc Đột Quyết, ông ta lôi kéo được một loạt hộ dân, ông ta muốn cướp đoạt địa vị của thái tử Dương Dũng (Dương Dũng là anh trai của ông). Do ăn chơi xa xỉ nên Dương Dũng bị Tùy Văn Đế ghét bỏ không còn yêu quý như trước kia. Dương Quảng biết Tùy Văn Đế thích tiết kiệm nên đã đón ý cha, ông ta trả vò sống một cuộc sống đơn giản và tiết kiệm, không có gì là một kẻ ưa thanh sǎ́c. Mỗi lấn Tùy Văn Đế đến thăm, ông ta sai nhốt hết gái đẹp và cất đố đặc quý vào trong phòng rối khóa cửa lại, trong phủ chỉ còn lại vài lão già và vài phụ nữ xấu xí, mặc quấn áo bắng vải thô. Ông ta còn cõi tình làm hỏng dây đàn đem cây đàn đó phủ đấy bụi lên rối đặt ở một chỗ dẽ gây sự chú ý của mọi người. Tùy Văn Đế thấy Dương Quảng sống giống như phong cách của mình nên rất yêu quý. Một lấn Dương Quảng ra ngoại thành săn bắn gặp đúng lúc trời mưa to. Thị vệ đưa cho ông ta một cái áo mưa nhưng ông ta từ chối, nói: "Các binh sĩ đếu đội mưa, một mình tôi làm sao dám mặc áo mưa được?" Tùy Văn Đế nghe thấy Dương Quảng đối đáp như vậy, cho rắng Dương Quảng còn có lòng nhân từ sau này có thể làm được việc lớn, do vậy càng yêu quý Dương Quảng. Bế ngoài Dương Quảng giả nhân giả nghĩa, nhưng thực ra ông ta luôn tìm cách hại Dương Dũng, ông ta câu kết với Việt Quốc Công Dương Tố (Dương Tố vốn bất hòa với Dương Dũng), xúi bẩy Dương Tố bôi nhọ Dương Dũng với Tùy Văn Đế và hoàng hậu. Lúc Tùy Văn Đế bị ốm nặng, Dương Quảng vu cáo Dương Dũng nói Dương Dũng muốn phụ hoàng chóng chết.

Văn Đê sai bắt giữ Dương Dũng, năm 600 phế Dương Dũng làm thứ dân, và đổi lập làm thái tử. Ý định đoạt ngôi của Dương Quảng đã thành công được bước đầu.

Tháng 7 năm 604, Văn Đê nấm mì liệt giường, Dương Quảng cho rảnh thời cơ đăng cơ đã đê n. Dương Quảng viết thư cho Dương Tô nhở chỉ giáo xem nên lo liệu việc hậu sự của Văn Đê như thế nào. Không ngờ người đưa thư lại mang thư trả lời của Dương Tô đưa cho Văn Đê xem, đọc xong thư Văn Đê giận dữ và sai gọi Dương Quảng vào cung vặn hỏi tình hình. Vừa hay, phi tần của Văn Đê chạy vào phòng, khóc lóc tố cáo với Văn Đê về Dương Quảng lợi dụng lúc cô ta thay quần áo để trọc ghẹo cô ta, điêu u đó làm cho Văn Đê nhận ra bộ mặt giả dối của Dương Quảng. Văn Đê bức quá quát lên: "Thú vật cũng không vô lễ như vậy, ngươi đúng là một tên cùm thú, ngươi làm sao có thể gánh vác được công việc quốc gia, hoàng hậu đã lo liệu cho trăm mọi việc rồi, không cần đê n mặt ngươi". Văn Đê sai gọi đại thần Khanh Thuật, Nguyên Nham thảo chiêu thư phế truất ngôi vị thái tử của Dương Quảng và khôi phục ngôi vị thái tử cho Dương Dũng. Dương Quảng nhận được tin báo ông ta triệu tập Dương Tô, hai bọn họ bàn bạc với nhau, quyết định nguy tạo chiêu thư bao vây hoàng cung bắt giữ Khanh Thuật và Nguyên Nham, mưu sát Văn Đê. Dương Quảng sai người giả truyền thánh chỉ của Văn Đê muôn Dương Dũng tự sát. Dương Dũng còn chưa kịp trả lời đã bị bọn họ mang đi giết.

Dương Quảng dùng thủ đoạn giết chết phụ hoàng và huynh trưởng để cướp đoạt ngôi vị. Sau khi đăng cơ, Dương Quảng cho đổi niên hiệu là "Đại Nghiệp".

Dương Quảng vừa lên ngôi đã bộc lộ bản tính là hoang dâm sô ng xa xỉ, sát hại muôn dân trở thành một hòn quân nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc.

Tội ác của Dương Quảng chủ yếu thể hiện mà ý đê u như dưới đây:

+ Lạm dụng sức dân:

Ông ta đăng cơ được một năm thì quyết định dời đô về Lạc Dương. Mỗi tháng ông ta điêu 2000000 dân đi xây dựng cung điện ở Lạc Dương. Và còn sai l่าย những đá nhẹ và gỗ quý chuyển về Lạc Dương. Để chuyển một cây gỗ lớn từ Giang Tây về Lạc Dương, ông ta phải sai 2000 dân tính ra mât mây mươi vạn nhân công. Nông dân bị ép buộc đi vận chuyển nguyên liệu, họ phải đi lại vất vả rất nhiều người bị chết vì mệt. Ông sai dựng một vườn thượng uyển, vườn này được đặt tên là Tây Uyển ở ngoại thành phía Tây thành Lạc Dương, chiếm hơn 200 mẫu ruộng của nông dân, trong vườn có đào hồ trong cao hơn 100 thó n. Trên đào lại xây đình đài lầu các, trông vô cùng tráng lệ. Phía bắc hồ có suối, có tạc con rồng và con lân, nước trong suối chảy uốn khúc chạy vào hồ. Men theo bờ suối có dựng 16 cái chòi nhỏ, trông vô cùng đẹp. Mỗi một chòi lại có một phi tử quản lý. Trong vườn có dùng lụa tết thành hoa cỏ của 4 mùa xuân hạ thu đông treo lên cành cây. Mùa đông nước trong suối đóng băng lại, ông sai dùng lụa màu cát thành hoa sen rồi bày lên mặt băng. Trong vườn còn nuôi các loại chim thú kỳ lạ và quý hiếm để phục vụ cho thú vui đi săn và đi du lâm của ông ta. Buổi tối Lạc Dương thường đem vài nghìn cung nữ đến vườn "Tây Uyển" để du lâm và mờ dạ tiệc.

Cũng vào năm đó, để phục vụ những thú vui và tăng cường sự thống trị đô i với miền Nam, ông ta điêu hơn 1000000 dân công, tính theo lịch khoảng 6 năm để đào con sông Đại Vận, con sông này chảy từ quận Trác (nay là huyện Trác tỉnh Hà Bắc) đến Du Hàng (nay là thành phố Hàng Châu tỉnh Triết Giang), con sông này dài hơn 4000 dặm. Hai bên bờ sông mỏ những đường cái lớn, bên đường trồng cây du và cây liễu, cứ cách hai trạm dịch lại xây một hành quán để nghỉ ngơi. Từ Lạc Dương đến Giang Đô (nay là thành phố Dương Châu tỉnh Giang Tô) tổng cộng có hơn 40 dịch quán. Đào con sông Đại Vận tính ra phải mât 150000000 nhân công, tính ra mỗi hộ dân mât khoảng 20 nhân công, còn có rất nhiều dân phu bị chết vì mệt và đói trong quá trình đào sông. Dương Quảng trong quá trình đi khảo sát đã phát hiện có một đoạn sông đào hơi nông, ông ta sai chôn sống viên quan trông coi và 50000 dân công đào đoạn sông đó. Về mặt khách quan mà nói: Việc đào con sông Đại Vận tuy tốn rất nhiều máu và nước mât của nhân dân lao động nhưng nó lại có tác dụng

quan trọng góp phần thuận tiện cho việc đi lại giữa hai miền Nam Bắc và thúc đẩy giao lưu văn hóa kinh tế giữa hai miền, có vai trò tích cực trong việc thống nhất quốc gia.

+ Vui chơi:

Từ năm 605 trở đi, Dương Quang 3 lần đến Giang Đô du lâm, cả 3 lần đó ông ta đều đi bằng đường sông thuyền rồng của ông ta dài 2 trăm thước, cao 4 tấc ngang và còn có vài nghìn chiếc thuyền của các phi tần, vương công đại thần tăng ni đạo sĩ đi theo thuyền ông ra, đoàn thuyền cứ nối đuôi nhau đi tính ra phải dài hơn 200 dặm, dân phu chèo thuyền khoảng hơn 80000 người. Hai bên đường còn có quân kị binh hộ tống cờ xí rợp trời, náo nhiệt vô cùng. Đến đêm, đèn đuốc sáng trưng trời nghe nhạc gỗ vang trời. Trên thuyền, Dương Quang sai múa hát ông ta ngồi iuông rượu và ngắm phong cảnh hai bên đường. Bà con trăm họ ở 4500 dặm bị cướp bóc lương thực. Thức ăn ăn không hết, ông ta sai đào hố chôn xuông đất. Rất nhiều người bị khuynh bại gia sản.

Có một năm, trên đường đi đến miền Bắc, ông ta dẫn theo 500000 đại quân, điêu uân công ở mười mấy quận để đào núi ngũ hành sơn, tu sửa con đường lớn. Ông còn điêu u hơn 1000000 dân và hạn định cho họ trong vòng 20 ngày phải tu sửa Trường Thành để bảo vệ cho sự an toàn của ông ta. Đến miền Bắc không có hành quân, ông sai thợ thi công Vũ Văn Khai tạo dựng một cung điện sống động gọi là "quan phong hành điện", trên mặt chúa được vài trăm người, mặt lầu này có thể tùy cơ mà gấp vào hoặc mở ra, dưới chân có thể chuyển dời được.

+ Dùng vũ lực xâm lược.

Dương Quang ba lần phát động chiênh tranh tấn công tộc Cao Lệ. Trước khi xuất binh, ông ta điêu u động một loạt thợ thủ công phải ngâm mình trong nước làm việc rátt vất vả - đến nỗi từ phía bụng trở xuông sinh ra dòi bọ, 3/4 số họ bị chết vì mệt và đói. Ông ta cẩn điêu u động dân công và thuyền để chở lương thực ở kho Lê Dương và kho Lạc khẩu chuyên sống lương thực đó đến quận Trác, các thuyền phải nối đuôi nhau mà đi, tính ra đoàn thuyền đó phải dài

hơn 1000 dặm. Trên đường đi các dân phu và binh lấy có mươi mây vạn người chạy trốn. Rất nhiều người bị chết trên đường đi, xác thối rữa không đếm xué.

Năm 612, quân Tùy gṍm có 100.000 người chia làm hai cánh quân đi theo lối đường thủy và đường bộ tấn công tộc Cao Lệ, nhưng bị tộc Cao Lệ đánh cho đại bại, bọn họ chết trận chỉ còn sót lại 2700 người quay về́đô thành. Dương Quảng còn 2 lấn khởi binh tiến đánh tộc Cao Lệ, cả hai đếu thua trận.

+ Khoe khoang uy lực.

Để giương oai và khoe khoang thế lực nên Dương Quảng cho phép sứ giả và thương nhân ở Tây Vực được nhập cung, báo hại cho quan lại ở các quận huyện phải đón tiếp bọn họ trên đường bọn họ vào cung. Năm 610, sứ giả và thương nhân ở các nước Tây Vực đã tế tựu đông đủ ở Lạc Dương. Từ ngày 15 tháng 1 năm 610, Dương Quảng sai dựng một sân khấu ở trên phố lớn, sân khấu này nhắm phục vụ cho người Tây Vực biểu diễn các loại hình ca kịch, sân khấu này rộng 500 bô, và có 18000 nhạc công phục vụ cho các chương trình ca kịch, những người dân sống cách đó mây mây mươi dặm cũng có thể nghe tiếng nhạc diễn tấu đèn đuốc thấp sáng như ban ngày. Chương trình này biểu diễn kéo dài cho đến hêt tháng. Người Tây Vực đến phía Đông Đông thành phố Lạc Dương để mở thị trường giao dịch. Để ra oai Dương Quảng hạ lệnh cho các thương nhân ở thành phố này phải mở rộng thị trường, tích lũy các loại hàng hóa quý hiếm, điếu quan trọng là các thương nhân phải ăn mặc đẹp đẽ, thậm chí một người bán rau cũng phải trải chiếu hoa đếngối. Người Tây Vực đi qua các cửa hàng ăn, chủ hiệu phải chạy đến mời bọn họ vào ăn uống no say, không cấn phải có mối giao văn hóa, các chủ hiệu phải ca ngợi triếu Tùy giàu có, các thương nhân Tây Vực cứ việc ăn uống thoải mái không phải trả tiến. Cây cối trong thành phố cũng dùng lụa là gấm vóc trang trí để tỏ ra có sự giàu sang. Người Tây Vực hỏi: "Triếu Tùy của các anh vẫn còn có người nghèo, họ không có quấn áo mặc, tại sao các anh không dùng số lụa này may quấn áo cho họ, còn cành cây cấn gì phải trang trí?" Những người trong thành phố đó không biết trả lời ra sao. Thời Tùy Văn Đế tích lũy bao nhiêu của cải và nhân lực thì đến đời Dương Quảng bị phá

tán hế́t. Hơn nữa, trong các trận chié́n khiến hàng nghìn hàng vạn nông dân phải rời bỏ cửa nhà ruộng đất bỏ tang hoang bị tàn phá. Rất nhiếu nông dân không có cách gì kiếm sống, họ đành phải ăn vỏ cây lá cây, thậm chí còn phát sinh nạn dịch người ăn thịt người.

Sự thống trị của Dương Quảng vô cùng tàn bạo, nên vào năm 611 đã xảy ra cuộc khởi nghĩa nông dân. Vậy mà Dương Quảng vẫn chứng nào tật á́y không chịu nghe lời can gián của các đại thấn. Ông ta cho mình là người có tài năng kiệt xuá́t thông minh lanh lợi, ông đối đáp lại với các đại thấn: "Mọi người đếu cho rắng trẫm không xứng đáng kế vị tổ nghiệp của tiên đế", thật ra so sánh tài năng của trẫm với các học sĩ thì trẫm xứng đáng làm hoàng đế́". Ông ta còn nói: "Trẫm vốn dĩ không thích nghe lời can gián của người khác. Nếu đã làm quan rối lại muốn dùng lời can gián để́ đạt được thanh danh, trẫm không thể́ tha thứ cho họ. Nếu như là người có địa vị hèn mọn, trẫm còn có thể́ tha thứ cho họ. Nhưng quyết không để́ cho bọn họ dùng đấu lưỡi làm lung lạc trẫm". Những trọng thấn khai quốc như: Cao Dĩnh và Hạ Nhược... không hài lòng với lối sống xa xỉ của Dương Quảng, bị Dương Quảng khép tội chết. Năm 616, ông ta không kể́ sự an nguy của triếu Tùy, lại du lâm xuống Giang Đô. Lúc sá́p khởi hành, viên quan Thôi Dân Tượng đưa ra lời can gián Dương Quảng bức bối sai người chém chết Thôi Dân Tượng. Bọn họ đi đến sông Tị Thủy (nay thuộc tỉnh Hà Nam) viên quan Vương Ái Nhân lại đứng ra khuyên can Dương Quảng không nên đến Giang Đô, Dương Quảng lại sai người chém chết Vương Ái Nhân, ông ta tiếp tục cho khởi hành về́ Giang Đô. Đến được Lương Đô (nay thuộc thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam), có người chặn đường đưa thư, trong bức thư đó nói: nếu ông ta có tình đi đến Giang Đô thì thiên hạ sẽ không thuộc về́ ông ta. Ông ta phẫn nộ sai giết chết người đưa thư. Cuối cùng ông ta cũng đến được Giang Đô.

Dương Quảng là người bất tín. Năm 615 ông ta lại đi du lâm ở biên giới miến Bắc, bị mười mây vạn quân kị binh Đột Quyết vây hãm ở Nhạn Môn (nay thuộc huyện Đại Lộc tỉnh Sơn Tây). Ông ta chỉ biết ôm đúra con trai nhỏ là Dương Cảo, than khóc không có cách gì chống đỡ. Cuối cùng đại thấn Tô Uy đưa ra kiến nghị, ông đành viết chié́u thư hứa sẽ không xuá́t binh đánh tộc Cao Lệ và treo giải thưởng cho binh lính. Các huyện lệnh nhận được chié́u thư liên tiếp

mang quân đê`n cứu viện, nhờ vậy ông ta mới được giải vây. Về` đê`n Lạc Dương, ông ta lật lọng không đưa phâ`n thưởng cho tướng sĩ và tiê`p tục ra lệnh tâ`n công tộc Cao Lé.

Ngày càng có nhiê`u các cuộc khởi nghĩa nông dân ông ta biê`t mình să`p đê`n ngày tàn, tinh thâ`n bâ`t ổn không yên. Buổi tô`i không bao giờ ông ta ngủ yên giâ`c, trong mơ thường nghe tiê`ng hét "có địch đê`n", ông ta câ`n vài cung nữ ôm â`p ru ngủ ông ta như ru một đứa trẻ, có vậy ông ta mới chìm vào giâ`c ngủ được. Một lâ`n, điện Đại Nghiệp bô`c cháy, ông ta cho ră`ng đó là do nông dân đê`n đô`t cung điện nên hoảng sợ bỏ chạy vào vườn "Tây Uyển" trô`n nâ`p trong bụi cỏ, mãi đê`n khi dập tă`t lửa ông ta mới dám chui ra. Sau khi đê`n được Giang Đô ông ta càng hoang dâm vô độ, trong cung ông ta xây dựng hơn 100 phòng điện, ở đó có râ`t nhiê`u thiê`u nữ đẹp, mỗi ngày ông ta luân chuyển một phòng để nghe ca hát, ông dẫn hơn 100 hậu phi và thị nữ tới uô`ng rượu nghe nhạc cả ngày bình rượu không rời khỏi miệng ông ta, ngày đêm say túy lúy. Ông ta không thích nghe những tin tức bâ`t lợi nhưng cũng không loại bỏ được sự lo sợ trong lòng, ông ta nói với hoàng hậu Tiêu: "Bên ngoài có râ`t nhiê`u người muô`n tính sổ với trẫm, nhưng trẫm không quan tâm tới chuyện đó, hãy uô`ng rượu đi".

Một lâ`n ông ta soi nguong râ`t lâu rô`i nói với hoàng hậu Tiêu: "Cái đâ`u của trẫm không biê`t sẽ bị ai chặt đứt đây?" Hoàng hậu Tiêu hoảng hô`t hỏi ông ta tại sao lại nói vậy, ông ta cười ngạo nghẽ nói: "Bâ`t luận là khổ cực hay vui vẻ đê`u không thể biê`t trước được, chuyện mât đâ`u cũng không dự đoán được". Tận mă`t nhìn cảnh đâ`t đai của triê`u Tùy bị quân khởi nghĩa chiê`m giữ quân Tùy chỉ còn phòng thủ vài tòa thành ở Lạc Dương và Giang Đô, ông sợ Giang Đô cũng không chă`c giữ được, nên chuẩn bị dời đô đê`n Đơn Dương (nay thuộc thành phô` Nam Kinh tỉnh Giang Tô). Đơn Dương nă`m ở phía Nam sông Tường Giang, ông bă`t dân chúng phải tu sửa lại cung điện ở thành Đơn Dương. Tướng sĩ trong đội cám vệ quân đê`u là người Quan Trung, họ râ`t hận việc Dương Quảng cư trú lâu dài tại Giang Đô, họ hận việc Dương Quảng hoang dâm không quan tâm tới nỗi khổ của dân. Bây giờ họ nghe tin sẽ dời đô xuô`ng phía Nam, họ càng nhớ quê hương da diê`t, ai cũng muô`n tìm cách bỏ chạy về` quê nhà, lòng quân dao động, quâ`n thâ`n li tán.

Ngày 3 tháng 3 năm 618 (ngày Bính Thìn), tướng tư mã Đức Kỳ và Vũ Văn Trí... đã tôn đại tướng Vũ Văn Hóa Cập làm chủ soái, bọn họ phát động binh biến. Lợi dụng buổi tối đã đột cung điện và trấn giữ cửa Huyện Vũ Dương Quảng biến có biến loạn, ông ta thay đổi phục trang dẫn hoàng hậu trốn ở Lâu Tây Các. Các tướng phản loạn Nguyên Lễ, Mã Văn Cử... được các cung nữ cho biến nơi ẩn trốn của Dương Quảng, họ dẫn lính tới Lâu Tây Các. Thủ y Dương Quảng và hoàng hậu đang ngồi i đó khóc than, Dương Quảng vặn hỏi các tướng phản loạn: "Trẫm mắng tội gì, tại sao các khanh đói xử với trẫm như vậy?" Các tướng phản loạn trả lời: "Bệ hạ dùng vũ lực xâm lược, du lâm thỏa thích, chơi bời xa xỉ, hoang dâm vô độ, bất tín với thiên hạ, giết hại trung thần... Làm cho nam giới phải bỏ xác ngoài chiến trận, phụ nữ và trẻ em phải phiêu dạt chết không có chỗ chôn, nhân dân mất đi chỗ kiêng sốt, thiên hạ đại loạn... Vậy bệ hạ còn nói không có tội ư?". Dương Quảng đáp: "Trẫm thật có lỗi với muôn dân. Nhưng các người đi theo trẫm hưởng vinh hoa phú quý, trẫm đâu có lỗi gì đói với các người. Chuyện tạo phản này do ai cầm đầu?" Ông ta nhận được câu trả lời:

"Người trong thiên hạ coi bệ hạ là một hòn quân họ hận bệ hạ tới tận xương tận cốt, đều mồi của cuộc tạo phản do bệ hạ tự gây ra! Bệ hạ không trách ai được?" Nói xong bọn họ lôi Dương Quảng đi. Vừa hay lúc đó có một viên tướng mang một lệnh của Vũ Văn Hóa Cập đến: "Không cần phải dẫn tên hòn quân này đi gặp Vũ Văn Hóa Cập, nhanh chóng kể tóm thúc cuộc đời hắn đi!".

Hoàng hậu Tiêu cung xin: "Hoàng thượng quả thật là một vị vua không tốt, nhưng đói với các người cũng không tội, tôi cầu xin các người hãy tha cho ông ấy một con đường sống, để ông ấy nhường lại ngôi vị giáng làm Tam Công".

Bọn họ không đáp trả cả đều muộn lây đàu Dương Quảng, Dương Quảng than khóc nói: "Các người đừng hạ thủ, hãy để cho ta uống rượu độc tự vẫn". Bọn họ không đồng ý nói: "Rượu độc mà công hơn dùng dao" Dương Quảng lại cầu xin: "Dù sao tôi cũng là thiên tử, hãy để cho tôi chết toàn thây". Nói xong ông ta dùng dây đai yêu cầu được thả tảng. Các tướng sĩ lây dây đai ác treo cổ ông ta lên xà nhà.

Hoàng hậu Tiêu sai cung nữ tháo giường đóng thành một cỗ quan tài để khâm liệm Dương Quảng. Được vài hôm Vũ Văn Hóa Cập và các tướng lĩnh mai táng Dương Quảng ở chân đài Ngô Công (nay ở phía Tây đô thành Giang Đô). Vài sau triều Đường được tạo lập đã chuyển thi hài Dương Quảng về Lôi Đường.

Thụy hiệu của Dương Quảng là Dạng Đế.

CUNG ĐẾ^ˊ (DUƠNG HỰU) (TRIỀU TÙY)

Cung Đế^ˊ, ông ta tên là Dương Hựu (605-619). Ông là cháu của Tùy Dạng Đế^ˊ. Lý Uyên tân công thành Trường đã lập Dương Hựu làm hoàng đế^ˊ. Ông trị vì được nửa năm lại bị Lý Uyên phế truất, sau đó giết hại. Hướng dương 15 tuổi. Mai táng ở Dương Hông huyện Càn tỉnh Thiểm Tây.

*

Dương Hựu là con trai thứ ba của Dương Chiêu (Dương Chiêu là con trưởng của Dạng Đế^ˊ). Höi đầu Dương Hựu được phong làm Trấn Vương về sau ông được đổi lại phong làm Đại Vương. Vào những năm cuối đời Dạng Đế^ˊ thường đi du lâm nên sai Dương Hựu trấn giữ ở thành Trường An. Tháng 10 năm 617, Lý Uyên dẫn quân đánh vào thành Trường An, vào ngày Nhâm Tuất đã làm lễ đăng cơ lập Dương Hựu làm hoàng đế^ˊ, ông đổi niên hiệu là "Nghĩa Ninh" và suy tôn Dạng Đế^ˊ làm Thái thượng hoàng.

Tuy Dương Dạng làm hoàng đế^ˊ nhưng thật ra chỉ là một con rối trong tay Lý Uyên. Tháng 3 năm 618 Dạng Đế^ˊ bị giết ở Giang Đô, triều Tùy bị diệt vong. Tin tức đó truyền đến Lạc Dương, Lý Uyên thấy Dương Hựu không còn tác dụng nên ngày Mậu Ngọ tháng 5 đã bắt ép Dương Hựu phải thoái vị và Lý Uyên tự xưng làm hoàng đế^ˊ. Dương Hựu bị phong làm Hi Quốc Công và sống ở Trường An. Tháng 5 năm 619 bị ngộ sát (cụ thể bị giết ra sao không rõ). Sau khi ông ta chết đặt thụy hiệu là Cung Đế^ˊ.

TẤN VƯƠNG (DUƠNG HAO) (TRIỀU TÙY)

Tâ`n Vương, ông ta tên là Dương Hạo (? - 618). Ông là cháu của Tùy Văn Đê` và là con trai của Tâ`n Vương Dương Tuâ`n. Sau khi giê`t Tùy Dạng Đê`, Vũ Văn Hóa Cập đã lập Dương Hạo làm hoàng đê`. Ông trị vì được nửa năm, bị Vũ Văn Hóa Cập hại độc chê`t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Dương Hạo thay cha kế` nhiệm chức vụ Tâ`n Vương. Tháng 3 năm 618 Vũ Văn Hóa cung giê`t Dạng Đê`, ông ta còn sai người giê`t Yên Vương Dương Đàm. Lúc này Dương Hạo cũng làm quan và cư trú ở Giang Đô, do Dương Hạo có mõ`i quan hệ bạn bè thân thiê`t với Vũ Văn Trí (em trai của Vũ Văn Hóa Cập) nhờ vậy Dương Hạo mới được miễn tội chê`t. Tháng 3 Vũ Văn Hóa Cập lâ`y danh nghĩa của hoàn thái hậu đã lập Dương Hạo làm hoàng đê`.

Sau khi Dương Hạo lên tiê`p vị, mọi công việc trong triê`u đình đê`u do Vũ Văn Hóa Cập thao túng. Được một thời gian, Vũ Văn Hóa Cập thô`ng lĩnh 10 vạn lính quay về` thành

Trường An, Dương Hạo cũng bị ép buộc đi theo. Vũ Văn Hóa Cập đi đê`n huyện Cung bị Quý Mật đánh bại, quân lính của Vũ Văn Hóa Cập chỉ còn lại 20.000 lính chạy về` huyện Ngụy (nay thuộc phia Tây huyện Đại Danh tỉnh Hà Bă`c).

Ngày Tân Mùi tháng 9 năm 618 Vũ Văn Hóa Cập xưng đê` ở huyện Ngụy, ông ta sai người hại độc Dương Hạo.

VIỆT VƯƠNG (DUƠNG ĐÔ`NG) (TRIỀ`U TÙY)

Việt Vương, ông ta tên là Dương Đô`ng (? - 619). Ông là cháu của Tùy Dạng Đê`. Tùy Dạng Đê` chê`t, Dương Đô`ng xung đê` ở Đông Đô. Ông ở ngôi chưa được một năm thì bị Vương Thê` Sung phê` truâ`t và hâm hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Dương Đô`ng là con trai của Dương Chiêu (Dương Chiêu là con trưởng của Dạng Đế`), Dương Đô`ng được phong làm Việt Vương. Năm 617 Dạng Đế` đi du lâm ở Giang Đô. Dạng Đế` sai đại thâ`n Đoàn Đạt Phụ giúp Dương Đô`ng, cùng trâ`n thủ ở Đông Đô (nay là thành phô` Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Dương Đô`ng chọn Đông Đô làm cứ điểm để khiêu chié`n với lính của Ngõa Cương. Tin tức về` cái chê`t của Dạng Đế` truyê`n đê`n Lạc Dương, các quan lại ở Đông Đô gô`m những người như: Đoài: Vương Thê` Sung đã tôn Dương Đô`ng làm hoàng đê` : lễ` đăng cơ được tổ chức vào ngày Canh Ngọ tháng 5 năm 618, ông đổi niên hiệu là "Hoàng Thái".

Tuy Dương Đô`ng làm hoàng đê` , nhưng mọi quyê`n lực quân sự đê`u nă`m trong tay Vương Thê` Sung. Tháng 4 năm 619 Vương Thê` Sung xung đê` và phê` Dương Đô`ng làm Lộ Quô`c Công, giam lỏng Dương Đô`ng ở điện Hàm Kinh. Tháng 5 thuộc hạ của Vương Thê` Sung là hai cha con Bô`i Nhân Cơ, Bô`i Hành Sơn định mưu giê`t Vương Thê` Sung và khôi phục ngôi vị hoàng đê` cho Dương Đô`ng. Sự việc bại lộ, Vương Thê` Sung giê`t hai cha con họ Bô`i. Ông ta lo ngại nê`u đê` Dương Đô`ng sô`ng sót dễ sinh ra tai họa, vì vậy tháng 6 ông đã sai cháu là Vương Hành Bản đi ép Dương Đô`ng uô`ng rượu độc chê`t. Vương Hành Bản gấp Dương Đô`ng, đặt bình rượu độc trước mặt và nói: "Thâ`n đê`n mòi bệ hạ uô`ng rượu giải sâ`u". Dương Đô`ng biê`t đâ`y không phải là ý tó`t của anh ta, biê`t mình khó lòng thoát chê`t, liê`n nói Vương Thê` Bản cho ông đi gấp mặt mẹ lâ`n cuô`i cùng. Vương Thê` Bản không đô`ng ý. Dương Đô`ng là người theo Phật, ông ta trải chié`u đô`t hương và câ`u khâ`n thâ`n Phật: "Tù kiê`p này trở đi ông ta không bao giờ muô`n đâ`u thai vào dòng họ đê` vương". Câ`u khâ`n xong, ông ta câ`m bình rượu uô`ng cạn. Vương Thê` Bản thâ`y Dương Đô`ng uô`ng rượu nhưng chưa chê`t ngay, anh ta còn nóng lòng muô`n quay vê` báo cáo tình hình nên đã dùng dây thít cổ Dương Đô`ng.

Trang sử gọi Dương Đô`ng là Hoàng Thái Đê` .

TRIỀU ĐƯỜNG

(Năm 618 - 907, tổng cộng 290 năm)

Triều Đường là một vương triều phát triển huy hoàng trong lịch sử Trung Quốc. Ở thời đại này thế lực quân sự gia hùng mạnh, kinh tế phồn vinh, văn hóa sáng滥, là triều đại chiếm được ngôi vị cao trong lịch sử phát triển xã hội phong kiến Trung Quốc. Thời này Trung Quốc chịu ảnh hưởng cao độ về văn hóa và chính trị của các quốc gia và khu vực lân cận. Ví dụ: Nhật Bản, Triều Tiên... trở thành một quốc gia hùng mạnh trên thế giới.

Triều Đường có 22 hoàng đế: trong đó có 12 bị bệnh chết, 3 người bị hại độc trong cuộc nội chiến, 2 người bị giết, 1 người chết vì kinh hãi trong cuộc tạo phản, 2 người bị chết do bệnh dịch, 1 người không rõ ra sao, 1 người bị giam lỏng rồi chết.

CAO TÔ (LÍ UYÊN) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Cao Tổ, ông ta tên là Lí Uyên (566-639). Tên tự của ông là Thúc Đức. Ông là quan lại của triều Tùy, nhận nhiệm vụ trấn thủ ở Thái Nguyên, ông phản lại triều Tùy tấn công vào Trường An. Tùy Dạng Đế bị giết, Lí Uyên xưng đế ở Trường An. Ông trị vì được 9 năm thì phải nhường ngôi cho Đường Thái Tông Lý Thế Dân. Ông bị ôm chết, hưởng thọ 70 tuổi. Mai táng ở Hiền Lăng (nay thuộc thôn Đường Chu).

*

Lí Uyên quê gốc ở Thành Kỷ thuộc Loãng Tây (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Tân An tỉnh Cam Túc). Ông nội của ông ta là một trong những đại thần có công lao to lớn với triều Tây Ngụy, ông nội của ông ta là Lí Hổ. Cha của Lí Uyên làm tổng quản ở An Châu (triều Bắc Chu). Lí Uyên làm quan ở triều Tùy năm 617 được phân công trấn thủ ở Thái Nguyên.

Ở thời đại nhà Tùy cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra liên tiếp, đã làm cho nhà Tùy tan rã sụp đổ. Ông được con trai Lý Thê Dân và thực lady Lưu Văn Tĩnh ủng hộ việc làm phản triều Tùy. Tháng 11 ông tấn công thành Trường An và lập Đại Vương Dương Hựu làm hoàng đế, suy tôn Tùy Dạng Đế làm thái thượng hoàng. Lí Uyên làm vây để bịt mặt thiên hạ. Ngày Giáp Tí tháng 5 năm 618, ông phế truất Dương Hựu và tự xưng đế, ông đặt quốc hiệu là "Đường", đặt niên hiệu là "Vũ Đức" và định đô ở Trường An.

Lí Uyên ham mê tinh săc, hoang đường bất tài, không có chí hướng sáng lập sự nghiệp và cũng không có tài cán sáng lập sự nghiệp. Kể từ khi khởi binh ở Thái Nguyên cho đến khi tạo lập triều Đường, bình định được các cuộc khởi nghĩa, hầu như ông ta đều dựa vào mưu lược và tài chinh chiến của con trai thứ hai của ông là Lý Thê Dân. Sau khi xưng đế, ông ta trọng dụng nịnh thần, ghen ghét các công thần có công với nước. Bô i Tịch làm quản lý cho Tân Dương (Triều Tây). Bô i Tịch là một tên nịnh thần, hắn là bạn nhậu của Lí Uyên, hắn thường mang gái đẹp cung hiến cho Lí Uyên và thường cùng Lí Uyên chén tạc chén thù suốt đêm, hoang dâm vô độ. Khi Tân Dương khởi binh, Bô i Tịch lại công tặng cho Lí Uyên 500 mĩ nữ để Lí Uyên mang các cô gái đó đi theo giải buôn trên đường hành quân. Sau khi Lí Uyên xưng đế, ông ta cho rằng Bô i Tịch có công lao to lớn vì vậy đã thưởng cho Bô i Tịch nhiều vàng bạc phong chức vị và coi là một thuộc hạ thân tín. Tân Dương vốn là một đại thần khai quốc của triều Đường, ông ta vốn dĩ cùng với Lưu Văn Tĩnh và Lý Thê Dân vạch ra những sách lược chiến tranh, nam chinh bắc chiến, vì bị Lí Uyên ghen ghét và đố ky ghép cho tội mưu phản và phải chịu chết chém.

Con trưởng của Lí Uyên tên là Lí Kiến Thành, anh ta cũng là người đam mê tinh săc, thích cờ bạc sống xa xỉ và tính tình rất hung bạo. Vậy mà Lý Thê Dân lại lập anh ta làm thái tử. Còn đế i với Lý Thê Dân (là một người có công lao to lớn) thì ông ta lại không ưa, Lí Uyên thay thế lực của Lý Thê Dân ngày một bành trướng, ông sinh ra đế i kị với con trai, suốt ngày súi bầy Lí Đạo Thành hãm hại Lý Thê Dân, nhưng do chiến tranh chưa chấm dứt cần phải nhờ cậy vào tài cán của Thê Dân nên Lí Uyên chưa dám đi tới kết cục cuối cùng là trừ bỏ Thê Dân. Một lần, Lí Uyên tin vào lời vu cáo

của Lí Đạo Thành và những ái phi của mình, bọn họ nói Thế Dân có ý định đoạt ngôi vị. Ông ta sai gọi Thế Dân đế́n giáo huấn: "Thiên tử, ngôi vị là do thượng đế́ chỉ định, con đừng giở thủ đoạn để đoạt được ngôi vị. Trẫm chưa chết, con hà́t tát gì phải vội vàng!". Thế Dân dăm lấn bảy lượt thanh minh, Lí Uyên không tin và còn cao giọng quát mắng Thế Dân. Lúc đó sứ giả đế́n cár p báo tộc Đột Quyết lại xâm lược, Lí Uyên đổi ngay thái độ, ông ta mếm mỏng nói với Thế Dân: "Được rô`i, được rô`i, bây giờ chúng ta phải bàn tính xem xử lý ra sao với việc xâm lăng của tộc Đột Quyết".

Tháng 6 năm 625 Lí Thế Dân phát động "cuộc chính biến ở của Huyến Vũ" giết chết huynh trưởng Lí Kiến Thành và tú đế Lí Nguyên Cát; Thế Dân nắm chắc quyến hành trong triếu. Ngày Giáp Tí tháng 2 Thế Dân ép Lí Uyên nhường ngôi và Lí Uyên làm Thái thượng hoàng. Ngày Canh Dấn tháng 10 năm 635 Lí Uyên băng hà.

Hiện miếu của ông ta được đặt là Cao Tổ.

THÁI TÔNG (LÝ THẾ DÂN) (TRIỀ́U ĐƯỜNG)

Thái Tông, ông ta tên là Lí Thế Dân (599-649). Ông là con thứ hai của Đường Cao Tổ. Thế Dân giết thái tử và ép Cao Tổ nhường ngôi. Ông trị vì 23 năm, bị bệnh chết. Hưởng thọ 51 tuổi. Mai táng ở Chiêu Lăng (nay thuộc núi Cửu Tong cách 50 km về phía Đông Bắc huyện Lễ Tuyến tỉnh Thiểm Tây).

*

Năm 617 Lí Thế Dân và Lưu Văn Tĩnh giúp Lí Uyên khởi binh phản lại triếu Tùy, tấn công vào Quan Trung. Sau khi Lí Uyên xung đế tạo dựng ra triếu Đường, phong Lí Thế Dân làm Tấn Vương, nhận chức vụ thượng thư lệnh. Làm thống sứ ông dẫn quân Nam chinh Bắc chiến, tiêu diệt những thế lực cát cứ của: Lưu Vũ Chu, Vương Thế Sung... trấn áp những cuộc khởi nghĩa nông dân của: Lưu Hắc Thất, Độc Kiến Đức... dấn dấn thống nhất được Trung Quốc, trong thực tế́ ông là người tạo dựng lên vương triếu Đường

Lí Thế Dân không những có công dẹp loạn trong thiền hạ mà còn có công chiêu tập hàng loạt nhân tài, những danh tướng có tài nghệ song toàn như: Tấn Thúc Bảo, Du Thế Tích, Kính Đức... những học sĩ tài ba như: Đỗ Như Hối, Phùng Huyến Lĩnh... Nhờ có nhân tài trợ giúp và những tài năng của mình Thế Dân đứng ra mở cuộc đà́u tranh quyết liệt để tranh giành ngôi vị hoàng đế́ với huynh trưởng Lí Kiến Thành.

Lí Kiến Thành có địa vị thái tử hợp pháp nên được sự ủng hộ và giúp đỡ của hoàng thân quố́c thích. Tuy trấn thủ ở Quan Trung nhưng Thế Dân lại có cơ sở vững chắc ở đô thành Trường An, thậm chí cᾶ́m vế quân cũng bị Thế Dân khống chế.

Kiến Thành luôn coi Thế Dân là một cái gai trong mắt, hai phi tử được Cao Tổ sủng ái nhất là: Trương Tiệc Dư và Doãn Đức cũng hòa theo Kiến Thành luôn tìm cách bôi nhọ Thế Dân. Kiến Thành lợi dụng tình thế nhiếu lấn muốn trừ bỏ Thế Dân để tạo điếu kiện thuận lợi cho việc kế vị duy trì ngôi báu. Một lấn vào buổi tôtí, Lí Kiến Thành mời Thế Dân đến phủ uống rượu và lén bỏ độc vào rượu. Thế Dân không đế phòng nên đã uống cạn chén rượu, uống xong ông cảm thấy ruột gan đau quặn. Chú của ông là Hoài An Vương Lí Thấn Thông lúc đó cũng có mặt tại tiệc rượu vội cõng Thế Dân về` Tây Cung... Thế Dân nôn thóc nôn tháo, nôn ra rất nhiếu máu, lúc này mới biêt bị Kiến Thành hạ độc. Ông vội vàng sai thái y cho uống thuốc giải, dấn dà khôi phục lại sức khỏe. Sau chuyện này Kiến Thành cᾶ́u kết với túđệ của mình là Tê` Vương Lí Nguyên Cát, bọn họ tăng cường mọi hoạt động tìm cách loại bỏ Thế Dân. Bọn họ dùng vàng bạc mua chuộc tướng lĩnh trong phủ của Thế Dân, nhưng đếu bị cự tuyệt Kiến Thành lại nghĩ ra mưu kế phải đày hết tâm phúc trong phủ của Thế Dân đi xa. Tháng 5 năm 626, tộc Đột Quyết lại xâm phạm Trung Nguyên, Kiến Thành tận dụng ngay thời cơ này, ông ta xin Cao Tổ cho Lí Nguyên Cát làm chủ soái dẫn quân đánh dẹp quân địch, yêu cầ́u đó được Cao Tổ chấp nhận, Lí Nguyên Cát yêu cầ́u ba tướng quân dũng mãnh là: Tấn Thúc Bảo, Kính Đức, Trình Giao Kim... làm phó soái trợ giúp đánh địch và điếu quân tinh nhuệ trong phủ của Thế Dân ra trận, bọn họ làm vậy với ý đố tước bỏ bớt binh quyến của Thế Dân sau đó sẽ giết chết Thế Dân. Lí Thế Dân lâm vào tình thế nguy hiểm, ông triệu tập Vô

Kị (là cháu trưởng của cậu vợ Thế Dân) và Kính Đức để bàn bạc tìm đồ i sách ứng phó. Hai người đó khuyên Thế Dân hãy phát động binh biến, Thế Dân do dự nói: "Huynh đệ tàn sát lẫn nhau, làm như thế không tốt đẹp một chút nào cả. Chi bắng đợi họ động thủ trước chúng ta hãy tấn công". Hai người sốt ruột nói: nếu không động thủ, hạ thấn không cam tâm nhìn cái ché́t treo trên đấu. Điếu đó khiến Thế Dân hạ quyết tâm ra tay hạ thủ huynh đệ.

Ngày 3 tháng 6 Thế Dân yết triếu vạch tội của Kiến Thành và Nguyên Cát, tấu trình bọn họ có hành vi đen tố́i và có quan hệ nhấng với Trương Tiệc Dư và Doãn Đức. Lí Uyên thất kinh hỏi: "Bọn họ dám làm chuyện động trời như vậy sao?" Thế Dân nói: "Bọn họ nhiếu lấn hâm hại con, nhưng nhờ có sự đế phòng nên con thoát nạn nếu không con đã không nhìn mặt được phụ hoàng". Ông vừa nói vừa khóc. Cao Tô thấy sự việc rất nghiêm trọng, ông muốn sáng hôm sau ba người phải có mặt trong buổi thượng triếu để đối chất, tìm cách xử lý mâu thuẫn giữa anh em họ.

Sáng hôm sau, Thế Dân đích thân thống lĩnh quân đội chỉ huy binh lính mai phục và bao vây ở cửa Huyến Vũ. Tướng trấn giữ ở cửa Huyến Vũ vốn là thuộc hạ tâm phúc của Kiến Thành, bây giờ cũng bị Thế Dân sai người mua chuộc. Trương Tiệc Dư nghe tin có biến vội sai người báo cho Kiến Thành biết. Kiến Thành và Nguyên Cát bàn bạc với nhau, Nguyên Cát nói: "Chúng ta nhanh chóng bố trí binh mã, cáo bệnh không yết triếu, quan sát động tĩnh rõ i hãy nói". Kiến Thành đáp: "Chúng ta không việc gì phải lo, trong cung có Trương Tiệc Dư và Doãn Đức làm nội ứng, tướng trấn giữ cửa Huyến Vũ là người của chúng ta, Thế Dân làm sao hại được chúng ta?".

Kiến Thành và Nguyên Cát cùng nhau lên triếu gặp Cao Tô. Thuộc hạ khuyên Kiến Thành dẫn quân đội vào triếu để đế phòng bất trắc. Kiến Thành chối từ, vẫn quyết định cùng Nguyên Cát cưỡi ngựa tiến vào cửa Huyến Vũ. Hai người cưỡi ngựa đi đến điện Lâm Hà, họ cảm thấy không khí khác thường liến thúc ngựa quay đấu bỏ chạy. Đột nhiên nghe tiếng quát to: "Thái tử điện hạ, Tế Vương tại sao hai người không vào triếu bái kiến hoàng thượng". Nguyên Cát quay đấu lại nhìn thấy Thế Dân, ông ta giương cung

bắn vào Thế Dân ba mũi nhưng đếu không trúng Thế Dân bắn ché́t Kiến Thành. Nguyên Cát thúc ngựa chạy về phía Tây cửa hoàng cung, ngựa mặt lén thấy Kính Đức dẫn hơn 70 kị binh chắn trước mặt, ông ta vội quay ngựa bỏ chạy. Một trận mưa tên lại bắn đến, ông ta ngã khỏi lưng ngựa lăn vào một lùm cây, vừa hay gặp lại Thế Dân. Hai người vật nhau, Nguyên Cát cuối lên người Thế Dân cướp cung tên, đập vào đấu Thế Dân. May thay Kính Đức đuổi đến và bắn ché́t Nguyên Cát.

Tướng sĩ ở Đông Quan và phủ Tê` Vương biết có biến ở cửa Huyến Vũ, lập tức bọn họ tụ tập hơn 20.000 người tấn công phủ Tấn Vương. Thế Dân chỉ hay thuộc hạ đánh chặn mặt khác sai Kính Đức vào cung tấu trình sự việc. Lúc này Cao Tổ, quý phi và các đại thấn đang bơi thuyền du lăm, Kính Đức vội tấu: "Thái tử và Tê` Vương là phản, Tấn Vương sợ làm kinh động tới bệ hạ nói sai thấn tới đây bảo vệ bệ hạ!". Cao Tổ thất kinh, vội hỏi: "Thái tử và Tê` Vương hiện giờ ra sao?" Kính Đức đáp: "Hai người đó đã ché́t rối". Cao Tổ vội sai cho thuyền cập bến, lên bờ hỏi các đại thấn xem giải quyết sự việc ra sao. Tê` tướng vội đáp: "Tấn Vương có công đức to lớn rất được lòng dân. Bây giờ thái tử và Tê` Vương đã ché́t xin bệ hạ lập Tấn Vương làm thái tử". Kính Đức tiếp lời: "Bên ngoài chưa hoàn toàn bình ổn, xin bệ hạ giáng chỉ, cho phép quân đội chịu sự chỉ huy của Tấn Vương". Cao Tổ đành hạ thánh chỉ cho phép Tấn Vương khống ché́ quân đội. Ba ngày sau, Cao Tổ chính thức phong Thế Dân làm thái tử, nắm giữ công việc triề́u chính. Trong sử gọi là cuộc biến này là: "Cuộc biến ở cửa Huyến Vũ".

Các học giả có những cách nhớ khác nhau về cuộc chiến biến ở Huyến Vũ. Mấy năm gấn đây trong bộ phim "Tấn Vương Lí Thế Dân" đã chỉ ra: Lí Uyên không phải là người già nua lầm cảm và Kiến Thành cũng không phải là người không cải tà quy chính. Cuộc chiến giữa Thế Dân và Kiến Thành thực ra là cuộc tàn sát lẫn nhau giữa các hoàng tử để giành nhau ngôi báu. Bộ phim này và các tác phẩm văn học khác đếu có cách nhìn khác nhau về cuộc biến ở cửa Huyến Vũ, hạ thấp Lí Uyên và Lí Kiến Thành, đế cao Lí Thế Dân.

Ngày Giáp Tí tháng 8 năm 628, Thế Dân ép Cao Tổ nhường ngôi và Thế Dân được làm hoàng đế́. Ông đổi niên hiệu là: "Chính Quán".

Sau khi đăng cơ Thế Dân trở thành một nhà chính trị kiệt xuất trong lịch sử các đế́ vương, được coi là một điểm phạm vế minh quân tài đức trong giai cã́p thống trị phong kiến. Chủ yếu biểu hiện ở mây mặt dưới đây:

+ Thu nạp lời can gián

Lời can gián là nghe những ý kiến khác nhau của các đại thấn, phải phân biệt rõ đúng sai, sau đó nhận lấy ý kiến sang suốt nhất. Đường Thái Tông từng nói với đại thấn Tiêu Vũ: "Tù nhở trãm đã thích bắn tên, cùng một lúc trãm có mười mây chiếc cung, trãm tự mãn cho rắng không cã́n cái cung nào tôt hơn. Nấy hôm trước, trãm cám những cái cung để đưa cho thợ thủ công xem, bọn họ nói chẳng có cái cung nào tôt cả. Trãm hỏi bọn họ tại sao, các thợ thủ công bảo: tâm gỗ không thẳng, gân gỗ bị nghiêng, tuy cây cung chắc nhưng khi bắn tên thì nó không thể bay thẳng được. Trãm mới biêt sự giám định phân biệt trước đây của mình chưa chính xác. Trãm nghĩ chuyện bình định thiên hạ cũng giống như cung tên ưu điểm và khuyết điểm của cung tên trãm còn chưa phân biệt được, huống hố chuyện trong thiên hạ trãm làm sao có thể hiểu hết được?".

Một lấn Thế Dân hỏi Ngụy Vi: "Quân vương làm cách gì để phân biệt sự sáng suốt và sự đen tôt? Ngụy Vi đáp: "Phải nghe cả lời sáng suốt lẫn lời nói đen tôt?" Thế Dân rất tán đống ý kiến của Ngụy Vi. Thế Dân khích lệ bá quan đưa ra những suy nghĩ của mình.

Năm 630 Thế Dân tu sửa cung điện Lạc Dương để chuẩn bị cho việc ông ta đi du lâm. Nhưng sự việc này bị đại thấn Trương Huyến Tố can ngăn: "Chiến tranh vừa mới kêt thúc, xã hội chưa khôi phục kinh tế́, vậy mà bệ hạ lại sai tu sửa cung điện Lạc Dương, nếu bệ hạ không rút lại quyết định đó, thấn e rắng bệ hạ sẽ có kêt cục giống như: Tùy Dạng Đế, vua Kiệt, vua Trụ..." Thế Dân nghe ông ta nói thếnhưng không hế nổi giận mà còn ngãm nghĩ và cuối

cùng thấ y ý kiế n đó rấ t có lý. Thế Dân không cho tu sửa cung điện Lạc Dương và thưởng cho Trương Huyê`n Tô`.

Trong các đại khảo có Ngụy Vi là người luôn đưa ra ý kiế n sáng suốt nhất, ông ta thường đói co với Thế Dân thậm chí nhiê`u lúc Thế Dân nổi giận đúng đùng. Ngụy Vi vẫn một mực bảo vệ chính kiế n của mình. Năm 626, Thế Dân hạ chiê`u trung binh, quy định nam giới chưa đủ 18 tuổi nhưng thân hình cao to thì cũng có thể thu nạp vào quân đội. Ngụy Vi không đô`ng ý với ý kiế n đó, kiên quyết không phát chiê`u thư, Thế Dân thúc giục nhiê`u lâ`n, Ngụy Vi vẫn không làm. Thế Dân nổi giận truyê`n gọi Ngụy Vi để khỏi trách tội kháng chỉ, Ngụy Vi bình tĩnh đáp: Thâ`n nghe nói tát cạn nước bă`t cá thì lâ`n sau sẽ không còn cá để mà bă`t. Bệ hạ thu nạp những nam giới chưa đủ 18 tuổi nhưng có sức khỏe vào quân đội. Lâ`n sau sẽ lâ`y ai để đi lính? Hơn nữa, thuê` má của quô`c gia sẽ do ai gánh vác? Huô`ng hô` trước đây bệ hạ từng tuyên bố: nam giới tới 18 tuổi trở nên mới phải đi lính. Bây giờ bệ hạ viê`t chiê`u thư này, thâ`n e ră`ng sẽ thâ`t tín với thiên hạ! Thế Dân nghe vậy, lặng thinh không nói gì, ông suy nghĩ hô`i lâu rô`i cũng nhận ra sai lâ`m của mình, ông sai hủy bỏ chiê`u thư và phong Ngụy Vi làm thái sư cho thái tử.

Một hôm, Thế Dân đang dạy dỗ một con chim diê`u hâu nhỏ, thâ`y Ngụy Vi đi đê`n, Thế Dân sợ ông ta quở trách vội vàng giâ`u con chim vào ô`ng tay áo. Ngụy Vi trả vò không nhìn thâ`y, tâ`u trình chuyện trò với Thế Dân, có ý kéo dài thời gian. Đợi khi Ngụy Vi đi khỏi, con diê`u hâu đã bị chê`t ngạt. Một lâ`n khác, Thế Dân bã`i triê`u quay vê` cung, thái độ vô cùng tức giận nói: "Hôm nay, trãm chỉ muô`n giê`t chê`t lão già đó". Hoàng hậu Trường Tôn hỏi Thế Dân muô`n giê`t ai. Thế Dân nói: "Ngụy Vi thường nên mặt dày dỗ, làm trãm khó xử vô cùng, tức chê`t đi được". Hoàng hậu Trường Tôn khuyên giải "Quân vương sáng suô`t thì hạ thâ`n mới dám đưa ra những lời nói trung thực, Ngụy Vi có làm vậy chứng tỏ bệ hạ là một minh quân sáng suô`t". Nghe hoàng hậu nói có lý, con phẫn nộ của Thế Dân mới dâ`n nguôi đi.

Trung kỳ niêm giám Chinh Quán, tình hình quô`c gia đã hưng thịnh "quô`c thái dân an", các đại thâ`n ra sức ca ngợi Thế Dân, chỉ duy nhâ`t có Ngụy Vi vẫn duy trì chính kiê`n, vạch ra 10 khuyê`t

điểm của Thế Dân, muốn Thế Dân phải cảnh giác. Thế Dân trịnh trọng đặt hai khuyết điểm đó ở trên tấm bình phong, sáng tố́i đếu đọc rút ra bài học cho mình và nói với Ngụy Vi: "Trẫm thấy mình chưa thật toàn mĩ, còn phải học hỏi nhiếu, nếu không chăng có mặt mũi nào nhìn mặt khanh".

Năm 643 Ngụy Vi ốm chết. Thế Dân đau lòng và thương tiếc vô cùng, ông nói: "Người ta dùng gương để ngắm bản thân mình xem quấn áo mũ mắ có chỉnh tế hay không, dùng lịch sử làm gương soi có thể biết được nguyên nhân suy vong hoặc hưng thịnh của triếu đại, dùng người làm gương có thể phát hiện được ưu điểm và khuyết điểm của mình. Ngụy Vi chết đi, trẫm mắt đi một tấm gương".

Do Thế Dân hay thu nạp lời can gián nên trong quân sự rất ít khi vấp phải sai lấm.

+ Trọng dụng nhân tài.

Thế Dân từng nói với Ngụy Vi: :Tuyển chọn quan lại, không thể qua loa đại khái, chọn được một người tôt thì sẽ có nhiếu người tôt đến, chọn phải kẻ xấu tất sẽ có kẻ xấu kéo đến". Thế Dân sai Phong Đức Di tuyển chọn người hiến tài, đại thấn Phong Đức Di nói: "Đại thấn cũng chú ý chuyện này có điếu chưa tìm được người kỳ tài mà thôi". Thế Dân không bắng lòng với cách suy nghĩ của Phong Đức Di, ông bảo: "Dùng người cũng giống như dùng đồ` vật, cᾶ́n phải lâu dài. Thời cổ các triếu đại hưng thịnh thái bình, lẽ nào hiến tài thời đó đếu từ thời đại khác gửi đến ư? khanh chưa đủ tri thức làm sao đoán định được hôm nay chưa có người kỳ tài". Thế Dân tin tưởng trong quốc gia có rất nhiếu hiến tài, trong bất kỳ tấng lớp nào cũng có thể chọn ra được nhiếu kẻ hiến tài. Thế Dân rất trọng mảnh tướng Kính Đức, trước đây Kính Đức là thuộc hạ của Lưu Vũ Chu (một kẻ địch không đội trời chung với Thế Dân), sau đó Thế Dân đánh bại Lưu Vũ Chu, Kính Đức và tướng nhà Tùy là Tấm Tương cùng nhau đấu hàng phục triếu Đường. Được một thời gian Tấm Tương phản lại nhà Đường, thuộc hạ của Thế Dân định giết bỏ Kính Đức để trừ hậu họa. Thế Dân xin lại ý định đó và phóng thích cho Kính Đức, còn mời Kính Đức về` phủ của mình chung

số ng. Thế Dân nói với Kính Đức: "Đại trượng phu tính khí hợp nhau, một lòng trung thành phục vụ quốc gia, một số chuyện nhỏ không cầ́n để ý làm gì, tôi quyế́t không nghe lời xàm tấu mà hăm hại người tốt. Nói xong, ông mang rất nhiếu vàng bạc tặng cho Kính Đức khiến Kính Đức vô cùng cảm động vẻ chân tình của Thế Dân. Từ đó Kính Đức dốc lòng phò trợ Thế Dân, cho dù Lý Đạc Thành dùng vàng mua chuộc hoặc sai người hành thích, Kính Đức không hế dao động lòng trung kiên, trước sau như một đi theo bảo vệ Thế Dân, trở thành một trợ thủ đắc lực của Thế Dân. Trong "cuộc biến ở cửa Huyến Vũ" Kính Đức lập được nhiếu công lao và được phong làm Ngô Quốc Công.

Ngụy Vi vốn là mưu sĩ của Lí Kiến Thành, ông ta nhiếu lấn khuyên Kiến Thành trừ bỏ Thế Dân. Sau "cuộc biến ở cửa Huyến Vũ" có người mới phát hiện được chuyện này họ tó́ cáo với Thế Dân. Lí Thế Dân sai người tìm Ngụy Vi đến, ông giận dữ vặn hỏi: "Hà tất gì, người lại li gián tình cảm của anh em chúng tôi?" Ngụy Vi trả lời một cách thản nhiên: "Lúc đó thấn là mưu sĩ cho thái tử, đương nhiên phải vạch ra kế sách cho thái tử. Chỉ tiếc rắng thái tử không nghe lời thấn, nếu không, cũng chẳng rơi vào tình cảnh này!". Mọi người đoán chắc rắng: Thế Dân sẽ chém chết thuộc hạ của kẻ địch cho hả giận, bọn họ đã đoán nhấm, Lí Thế dân thấy Ngụy Vi trả lời thản nhiên, hành vi chính trực, rất có chính kiến, quả là nhân tài Thế Dân không trách tội Ngụy Vi mà còn phong cho làm đại phu trung thực và cho ông ta chuyên môn phụ trách ý kiến của các đại thấn khác nêu ra.

Năm 629, Thế Dân hạ chiếu cho phép các đại thấn bàn luận về kế lớn của đất nước được đưa ra các kiến nghị Trung Lang tướng Thường Hà đưa ra 20 kiến nghị, các kiến nghị của ông ta nêu ra rất hợp tính hợp lý và rất mạch lạc rõ ràng. Thế Dân biết Thường Hà là một võ tướng rất ít khi đọc sách, làm sao có thể viết được lối văn trau chuốt và muợt mà như vậy. Thế Dân vặn hỏi, hóa ra bạn của Thường Hà là Mã Chu viết hộ. Mã Chu là một văn nhân, ông ta xuất thân thấp kém. Thế Dân không quan tâm tới thân thế của Mã Chu, lập tức sai người đi mời Mã Chu tới, đợi hối lâu chưa thấy Mã Chu tới Thế Dân bốn lấn giục thuộc hạ đi đến nhà Mã Chu. Qua một hối trò chuyện, Thế Dân phát hiện được Mã Chu

là một nhân tài trị quố́c vì vậy phong cho Mã Chu làm chức vụ giám sát khanh sứ, vế sau lại phong cho làm chức Trung Thư Lệnh, chủ trì triề́u chính.

Thế Dân phản đối chuyện dựa vào quan hệ thân thích để thăng tiến. Ông thường nói với các hạ thấn: "Quân vương cᾶ́n phải chí công vô tư, như vậy mới làm cho thiên hạ tâm phục. Quan lại cho dù làm chức vụ lớn hay chức vụ nhỏ đếu cᾶ́n dựa vào tài năng, không được lấy quan hệ xa gấn hoặc tư cách đếđặt định ra chức vụ lớn nhỏ. Năm 627, Thế Dân đã luận công để ban thưởng. Ông phong cho những người như: Phòng Huyến Lĩnh, Vô Kị, Đỗ Như Hối... làm cống thấn, nghe được tin này chú của Thế Dân là Hoài An Vương Lí Thấn Thông không bắng lòng, ông ta tranh luận nói: "Từ lúc khởi binh ở Thái Nguyên, thấn là người hướng ứng đấu tiên, nêu năm nay thấn một lòng một dạ phục vụ triề́u đình, không được tính công lao. Còn Phòng Huyến Lĩnh, Đỗ Như Hối, hai người đó không trải qua khó khăn vất và không trải qua trận mạc, bây giờ bệ hạ bình luận công lao lại phong cho họ có nêu công tích hơn thấn, chức vị cao hơn thấn, đối với thấn quả thật không công bắng". Lí Thế Dân đáp: Thúc phụ là chí thân của quố́c gia, trẫm làm sao không tin dùng thúc phụ được! Nhưng việc trị lí quố́c gia không thể lấy tư phế công. Phải lấy việc công làm đấu. Lí Thấn Thông nghe Thế Dân lí giải thấu tình đạt lý nên im lặng không nói gì.

Có một số́ người vốn là tướng sĩ ở phủ Tấn Vương, sau khi Thế Dân đăng cơ, bọn họ vẫn ở nguyên chức vụ cũ không được thăng quan, trong số́ họ có người nêu ra nỗi uất úc: "Chúng thấn đếu vào sinh ra tử với bệ hạ nhưng chẳng được tính công lao gì, nêu hôm nay là Lí Kiến Thành đăng cơ thì chúng thấn đã thăng quan tiến chức rṍi". Thái Tông nói: "Lựa chọn nhân tài không thể căn cứ vào người cũ người mới hoặc người đến trước người đến sau, nêu người đến sau thông minh lanh lợi còn người đến trước ngốc nghếch. Trẫm chỉ có thể chọn người mới, không thể trọng dụng người cũ. Trước đây trẫm là Tấn Vương, bây giờ cũng chỉ là quân vương của một nước mà thôi. Các khanh có nghĩ đến quố́c gia hay không mà lại nói những lời oán hận vậy?".

Cách lựa chọn nhân tài của Thế Dân rất được lòng dân, những nhân tài ưu tú của mọi miê`n đê`u đê`n quy thuận Thế Dân, khiê`n triê`u Đường ngày một hưng thịnh quốc thái dân an, thế nước hùng mạnh.

Năm 643 đê khen ngợi công lao của các đại thâ`n Thế Dân đã sai họa sĩ vẽ chân dung của 24 công thâ`n ở lâ`u các Lãng Yên, trang sữ gọi là "Lãng Yên Các Họa tượng" (tranh chân dung ở Lâ`u Lãng Yên"). Ông ta thường xuyên khen thưởng các công thâ`n để khuyê`n khích bọn họ một lòng phục vụ quốc gia.

+ Tin tưởng vào sức lực hùng mạnh của dân tộc. Thế Dân đích thân tham gia vào cuộc chiê`n phản lại triê`u Tùy, ông tận mắt chứng kiến vương triê`u Tùy hùng mạnh bị khởi nghĩa nông dân lật đổ. Vì vậy sau khi xung đê` , ông lâ`y bài học của triê`u Tùy làm gương, ông rất cẩn thận trong việc trị lý quốc gia, luôn câ`u hòa đê làm giảm bớt mâu thuẫn giai câ`p, tránh làm bùng nổ các việc khởi nghĩa. Ông thường căn dặn các đại thâ`n: "Người làm vua dựa vào quốc gia, còn quốc gia dựa vào nhân dân. Đô`i xử hà khă`c với nhân dân đê nuôi dưỡng người làm vua chẳng khác gì că`t thịt ở thân mình làm thịt ăn nuôi sô`ng cơ thể, bụng tâ`t nhiên là no nhưng thân thì không còn; người làm vua tâ`t nhiên là giàu có nhưng quốc gia bị tiêu vong. Do vậy cái họa của quân vương không phải do khách quan đưa tới mà do chính mình tạo ra. Nói như quân vương tham lam, tiêu hoang phí tiê`n của, tăng thuế má sẽ dẫn đê`n kêt cục nhân dân đói khổ, quốc gia gặp nguy hiểm. Tâ`t nhiên quân vương đó sẽ bị diệt vong. "Trẫm luôn nghĩ đê`n đạo lý đó, nên không dám thao túng triê`u chính". Ông còn nói:

"Mỗi khi trẫm thiê`t triê`u, mỗi một câu nói trẫm phải suy nghĩ đi suy nghĩ lại mới dám nói ra, trẫm sợ nói bừa sẽ hại tới nhân dân, vì vậy không dám nói liê`u nói nhiê`u". Ông thường xuyên giáo huâ`n thái tử Lý Trị. Ví dụ như lúc ăn cơm, ông thường khuyên răn thái tử: "Con nên biê`t ră`ng: Muô`n có cơm ăn thì người nông dân phải cày ruộng râ`t vâ`t vả".

Lúc cưỡi ngựa ông thường nói: "Con nên biê`t: con ngựa phải chịu cực khổ nên thể lực của nó bị tiêu hao râ`t nhiê`u năng lượng". Lúc

bởi thuyê`n ông thường nói: "Nước có thể đầy thuyê`n đi nhưng cũng có thể nhâ`n chìm thuyê`n, trăm họ cũng giô`ng như nước, quân vương giô`ng như con thuyê`n". Làm một quân vương phải biê`t phân biệt đúng sai. Làm việc phải quang minh chính đại thì mới giành được sự ủng hộ của nhân dân. Làm việc đen tó`i mờ ám tâ`t bị trăm họ lật đổ".

Thê` Dân luôn lâ`y dân làm gó`c, ông cho giảm nhẹ hình phạt, giảm bớt tô thuế` , duy trì chê` độ quân điê`n giảm nhẹ sự áp chê` đô`i với nhân dân. Về` mặt đô`i ngoại ông sử dụng phương châm: "Quô`c gia bình an, dân tộc thiểu số` tự thuâ`n phục", ông ít khi dụng binh nhưng đô`i với sự xâm lược của giai cấ`p thô`ng trị dân tộc thiểu số` ông thường kiên quyết đánh trả hoặc tìm cách thuâ`n phục". Năm 641, ông gả công chúa Văn Thành cho đại vương của tộc Thơ Phiêm nhă`m tăng cường mô`i quan hệ mật thiê`t giữa hai tộc Hàn - Tạng. Cách làm của Thê` Dân dâ`n dẹp yên xã hội, trật tự xã hội được ổn định, kinh tế` phô`n vinh, sức nước hùng mạnh, điê`u đó làm cho Trung Quô`c trở thành một quô`c gia phong kiê`n giàu có và hùng mạnh nhâ`t trên thế` giới thời bâ` y giờ.

Nhưng vào những năm cuô`i đời, Thê` Dân sô`ng râ`t xa xỉ. Ông khởi công xây dựng các công trình, tăng cường việc đi chinh chiê`n, dùng bút liên tiê`p... những việc đó làm cho mâu thuẫn giai cấ`p phát triển mạnh.

Tháng 3 năm 649 Thê` Dân bị ô`m nǎng, mọi thuô`c thang chữa trị đê`u vô hiệu, ông sao thái tử quản lý việc nước. Tháng năm bệnh của ông chuyển ra nguy kịch, ông sao gọi thái tử và phi tâ`n vào dặn dò, và nhờ vô Kì, Chu Toại Thực phụ giúp thái tử, sai Chu Toại Thực thảo di chiê`u. Ngày Quý Tị ông băng hà tại điện Hàm Phong.

Hiệu miê`u của ông sau khi chê`t được đặt là: Thái Tông.

CAO TÔNG (LÝ TRỊ) (TRIỀ`U ĐƯỜNG)

Cao Tông, ông ta tên là Lý Trị (628-683). Ông là con thứ chín của Đường Thái Tông. Ông kế` vị sau khi Thái Tông chê`t. Ông trị vì ba

mươi bốn năm, bị ôm chết. Hưởng thọ 56 tuổi. Mai táng ở Càn Lăng (nay thuộc núi Lương Sơn huyện Càn tỉnh Thiểm Tây).

*

Lý Trị được phong làm Tần Vương. Năm 643 Thái Tông phê truất thái tử Lý Thừa Càn và lập Lý Trị làm thái tử. Tháng 5 năm 649 Thái Tông chết, tháng sáu Lý Trị được đón vào cung, ngày Giáp Tuất làm lễ đăng cơ. Ông đổi niên hiệu là Vĩnh Huy".

Lý Trị là một kẻ vô dụng bát tài, sau khi kế vị không đảm đương được việc quản gia đại sự, thường phải trưng cầu ý kiến của tể tướng. Thời gian đầu, mọi công việc triều chính đều do Võ Kị, Chu Toại Thực giúp đỡ, hai người đó tuân theo di huấn của Thái Tông: vẫn cho duy trì chế độ ruộng đất, chú trọng khai hoang, tiếp tục phát triển chế độ khoa cử, dân số gia tăng, trật tự xã hội ổn định. Về mặt đối ngoại đã mở rộng thế lực du nhập vào Trung Á. Năm 654 Lý Trị đón Võ Tắc Thiên đang cư trú ở am Ni Cô về cung (Võ Tắc Thiên là nàng hachu của Đường Thái Tông) và vô cùng sủng ái cô ta. Võ Tắc Thiên là một phụ nữ mạnh mẽ lầm mưu nhanh kẽ, năm 655 cô ta đã giành giật cướp đoạt ngôi vị hoàng hậu và công khai tham dự vào công việc triều đình. Được một thời gian Lý Trị bị ôm, suýt ngày thây hoa mà tết nhức đầu, có lúc còn không ngủ được, do vậy mọi công việc trong triều đều nằm trong tay Võ Tắc Thiên. Sau khi nắm giữ được quyền lực Võ Tắc Thiên ráo coi thường Lý Trị khiêm Lý Trị chỉ còn là một hoàng đế trên danh nghĩa mà thôi. Lý Trị thay đổi hoàn toàn như đã chết, không ai nghe lời nên vô cùng đau khổ và uất hận. Ông bàn bạc với tể tướng Thượng Quan Nghĩa tìm cách phê truất Võ Tắc Thiên và ông sai Thượng Quan Nghĩa thảo chiêu thư. Thái giám của Lý Trị đã tố cáo chuyện này với Võ Tắc Thiên. Nghe tin báo Võ Tắc Thiên đi tới thư phòng của Lý Trị và thay đổi hoàn toàn như đã chết, không ai nghe lời nên vô cùng đau khổ và uất hận. Ông bàn bạc với tể tướng Thượng Quan Nghĩa tìm cách phê truất Võ Tắc Thiên và ông sai Thượng Quan Nghĩa thảo chiêu thư. Thái giám của Lý Trị đã tố cáo chuyện này với Võ Tắc Thiên. Nghe tin báo Võ Tắc Thiên đi tới thư phòng của Lý Trị và thay đổi hoàn toàn như đã chết, không ai nghe lời nên vô cùng đau khổ và uất hận. Ông bàn bạc với tể tướng Thượng Quan Nghĩa tìm cách phê truất Võ Tắc Thiên và ông sai Thượng Quan Nghĩa thảo chiêu thư. Thái giám của Lý Trị đã tố cáo chuyện này với Võ Tắc Thiên. Nghe tin báo Võ Tắc Thiên đi tới thư phòng của Lý Trị và thay đổi hoàn toàn như đã chết, không ai nghe lời nên vô cùng đau khổ và uất hận. Ông bàn bạc với tể tướng Thượng Quan Nghĩa tìm cách phê truất Võ Tắc Thiên và ông sai Thượng Quan Nghĩa thảo chiêu thư. Thái giám của Lý Trị đã tố cáo chuyện này với Võ Tắc Thiên. Nghe tin báo Võ Tắc Thiên đi tới thư phòng của Lý Trị và thay đổi hoàn toàn như đã chết, không ai nghe lời nên vô

bị hạ thâ`n gọi là "Nhị Thánh". Lý Trị e ngại giang sơn nhà họ Lý bị rơi vào tay Võ Tă`c Thiên, ông truyê`n ngôi cho thái tử Lý Hoă`ng (vô`n là con trưởng do Võ Tă`c Thiên sinh). Võ Tă`c Thiên tự tay hại độc giê`t Lý Hoă`ng và lập con thứ là Lý Hiê`n làm thái tử, được một thời gian bà ta phê` Lý Hiê`n làm thứ dân. Lý Trị đê`u biê`t mọi hành động của Võ Tă`c Thiên nhưng ông ta bâ`t lực không làm gì được.

Ngày Đinh Tị tháng 12 năm 683, bệnh của ông khó lòng qua khỏi, ông gọi thái tử Lý Hiê`n vào cung dặn dò mọi chuyện và sai đại thâ`n Bô`i Mễ phụ giúp thái tử. Hôm đó ông băng hà tại cung Trường An.

VÕ CHU THÁNH THÂ`N HOÀNG ĐÊ` (VÕ TĂ`C THIỀN) (TRIỀ`U ĐƯỜNG) (Hoàng đê` Võ Chu Thánh Thâ`n)

Thánh Thâ`n hoàng đê`, bà ta tên là Võ Tă`c Thiên (624-705), bà là hoàng hậu của Đường Cao Tông, sau đó bà xưng đê`. Bà trị vì 16 năm, trong thực tế bà ta châ`p chính gâ`n nửa thế kỷ. Bà ta là nữ hoàng đê` duy nhâ`t trong lịch sử Trung Quô`c. Bà bị ô`m chê`t, thọ 82 tuổi. Mai táng ở Càn Lăng (gâ`n lăng mộ của Cao Tông)

*

Sau khi xung đê` Võ Tă`c Thiên đổi tên thành Chiê`u, bà ta quê ở Văn Thủy thuộc Tịnh Châu (nay là Văn Thủy thuộc Sơn Tây). Mười bô`n tuổi Võ Tă`c Thiên được tuyển chọn vào cung làm tài nhân cho Đường Thái Tông. Sau khi Thái Tông chê`t, chiê`u theo quy định triề`u đình bà ta bị tô`ng tiễn vào am Ni Cô làm ni cô. Thời Cao Tông làm thái tử có gặp mặt Võ Tă`c Thiên vài lâ`n, ông râ`t thích vẻ đẹp và tính cách của Tă`c Thiên do vậy sau khi đăng cơ ông đón Tă`c Thiên về` cung phong làm Chiêu Nghĩa.

Võ Tă`c Thiên tính cách kiên cường, hô`i mới nhập cung Thái Tông dẫn cái phi tử đi xem con ngựa có tên gọi là "sư tử", tính cách của con ngựa này râ`t hung dữ và nóng nảy, ông hỏi các phi tử: "Trong các khanh ai có bản lĩnh thuâ`n phục con ngựa này?" Các phi tử không ai trả lời, chỉ có Võ Tă`c Thiên nói: "Bệ hạ, thâ`n thiê`p có bản lĩnh". Thái Tông ngạc nhiên hỏi bà ta có bản lĩnh gì; Tă`c Thiên

đáp: "Xin bệ hạ cho thâ`n thiê`p ba vật: roi să`t, chùy să`t và đòn kiê`m, thâ`n thiê`p sẽ thu phục được nó". Đâ`u tiên thâ`n thiê`p sẽ dùng roi să`t că`m vào da nó, nê`u nó không phục thâ`n sẽ dùng chùy să`t đập vào đâ`u rô`i dùng đòn kiê`m chặt đứt cơ nó ra". Vê`cung, bà ta dùng thủ đoạn này để bă`t đâ`u cuộc đâ`u tranh thâu tóm quyê`n lực. Sau khi được Cao Tông đón ở am Ni Cô vê`, bà ta dùng mọi thủ đoạn để lâ`y lòng Cao Tông và trở thành phi tử được Cao Tông sủng ái. Được một thời gian. Tă`c Thiên sinh được một bé gái. Hoàng hậu Vương vô`n không có con nên râ`t thích chơi đùa với đứa bé gái do Tă`c Thiên sinh hạ. Một hôm hoàng hậu vừa đi khỏi. Tă`c Thiên liê`n bóp ché`t đứa trẻ rô`i phủ chăn lên. Cao Tông đê`n thăm con gái, ông mở chăn ra thâ`y con gái ché`t tự bao giờ, ông giận dữ quát hỏi: "Ai vừa đê`n thăm đứa nhỏ?" Võ Tă`c Thiên giả vờ khóc lóc nói: "Chỉ có mỗi mình hoàng hậu đê`n chơi với đứa nhỏ". Cao Tông cho ră`ng hoàng hậu Vương giê`t đứa bé, ông một mực đòi phê` truâ`t hoàng hậu, nhưng nhờ sự can gián của Vô Kị và Chư Toại Thực nên hoàng hậu Vương vẫn giữ được ngôi vị. Võ Tă`c Thiên lại dùng mọi thủ đoạn để hâm hại hoàng hậu, mùa đông năm 655 Cao Tông phê` truâ`t hoàng hậu Vương và lập Võ Tă`c Thiên làm hoàng hậu, bà ta chính thức tham dự vào công việc triê`u chính.

Cao Tông ô`m ché`t, thái tử Lý Hiê`n kế` vị và gọi là Trung Tông. Võ Tă`c Thiên lâ`y danh nghĩa hoàng thái hậu để lâm triê`u nghe việc chính sự. Bà ta không hài lòng với việc Trung Tông trọng dụng họ hàng nhà vợ, do vậy lại phê` truâ`t Trung Tông và đổi lập con trai thứ tư của mình là Lý Đán làm hoàng đế` : gọi là Dực Tông. Bà ta cᾶ`m Dực Tông tham gia vào công việc triê`u chính, tâ`t cả mọi công việc do bà ta quyê`t định.

Từ khi Võ Tă`c Thiên lên ngôi hoàng hậu bà ta dùng quyê`n lực để trâ`n áp triê`u đình, bà đuổi Chư Thoại Thánh ra khỏi kinh thành và ép Vô Kị tự sát đô`ng thời còn bã`i miễn chức vụ của hai mươi đại thâ`n (trước đây dám phản đô`i việc lên ngôi của bà ta). Sau khi phê` bỏ Trung Tông, bà ta sai tướng lĩnh dẫn quân đi hỏi tội Dư Kính Nghiệp (Dư Kính Nghiệp vô`n có mô`i quan hệ thân thiê`t với tể tướng Bô`i Mễ) và đại tướng Trình Phục Diên và Bô`i Mễ. Bà ta tuyên bô` với quâ`n thâ`n: "Trong các khanh có ai dám cúng đâ`u cúng cỗ đô`i với trãm, có ai dám chiêu nạp tướng sĩ làm phản chô`ng lại

triều đình..., ba người đó dám đối địch với trẫm, trẫm buộc lòng phải giết bọn họ. Các khanh không muốn chết như họ thì đừng có chém đói trẫm". Các đại thần nghe bà ta tuyên bố đều không dám nói gì.

Năm 690, Võ Tắc Thiên lại phế truất Duệ Tông, bà ta đổi quốc hiệu là "Chu", trong lịch sử gọi là "Võ Chu" và tự xưng là "Thánh Thanh nhoáng đế" (hoàng đế Thánh Thanh n) đổi niên hiệu là "Thiên Thy", bà trở thành nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử Trung Quốc. Lúc bà ta lên ngôi đã 67 tuổi vì thế bà là hoàng đế lớn tuổi nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Sau khi xưng đế, nhầm phòng trừ sự phản kháng của các đại thần, bà ta trọng dụng những viên quan lại độc ác như Sách Nguyên Lễ, Chu Hưng, Lai Tuân Thành... bà ta dùng các hình phạt tàn khốc để mưu sát tông thất triều Đường và các đại thần trong triều. Đông thời nhầm bảo vệ thế lực và mở rộng quyền uy bà đã ra tay chiêu mộ hàng loạt nhân tài. Để chiêu nạp nhân tài bà cho mở khoa thi ở điện Lạc Dương, bà mở ra chế độ "Điện Thí" (kỳ thi cuối cùng ở cung điện do nhà vua đích thân chủ trì). Bà còn thường xuyên mở hội thi võ, để tuyển chọn những quan lại có võ nghệ cao cường, cho phép quan lại và nhân dân tự tiễn cử mình. Mặc khác, bà lâ ý việc mài dũa sách vở làm danh. Chiêu nạp rộng rãi các văn nhân có tài tiến cung nhầm giúp đỡ triều đình, bọn họ có trách nhiệm vạch ra các mưu lược, xử lý tâu chương, giúp đỡ tể tướng, gọi hội đó là "Bắc Môn học sĩ". Bà trọng dụng nhân tài không cần phải trói buộc vào tính cách và thân phận, vì thế trong thời gian trị vì, nhân tài tụ tập xung quanh triều đình nhiều vô kể, không kém gì niên giám Trịnh Quán. Ví dụ như: Lý Chiêu Đức, Tô Thực Tự, Diêu Sùng... bọn họ đều là những "trí tuường" nổi tiếng. Nêu phát hiện thấy quan lại nào lơ là công việc bà ta lập tức bãi miễn chức vụ, giáng chức thậm chí giết chết họ.

Bà chú ý giám sát những kẻ tham tín, không cho phép họ nắm quyền lực trong triều để đề phòng chuyện hỗn loạn trong triều đình. Bà rất yêu quý công chúa Thái Bình (cô ta rất tài giỏi, mưu lược không thua kém mẹ), bà quản lý cô ta chặt chẽ và dạy dỗ nghiêm khắc, nhờ vậy công chúa luôn tự kiểm điểm không phạm pháp.

Võ Thừa Tự là cháu của bà ta được phong làm tể tướng, năm 692 Lý Chiêu Đức nhả c nhở bà nên đê phòng quyề n lực của Võ Thừa Tự, tránh rơi vào mō i họa bị cướp ngôi. Bà lập tức bãi miễn chức vụ tể tướng của Võ Thừa Tự. Bị Lý Chiêu Đức làm cho mā t mặt và mā t chức vị, Võ Thừa Tự vô cùng cay cú, ông ta vu cáo Lý Chiêu Đức nhưng Võ Tă c Thiên không tin bà ta còn trách mă ng cháu: "Trẫm râ t tin vào tài năng của Lý Chiêu Đức, ông ta giúp trẫm giải quyết công việc triệ u chính, tài năng của khanh làm sao có thể sánh với ông ta được".

Tiê t Hoái Nghĩa là nội thị của Võ Tă c Thiên được bà ta sủng ái vì vậy hă n ý thê chủ nhân nên hậm hĩnh ngang ngược, nhiê u quan lại phải luôn cúi nịnh hót hă n. Một hôm hă n đi đê n cửa Nam Nha, nơi này chỉ có tể tướng mới được phép đê n, tể tướng Tô Thực Tự thâ y hă n ngang nhiên đi lại coi thường phép tă c, ông ta sai thuộc hạ tát cho Tiê t Hoái Nghĩa mười mā y cái. Hă n uâ t úc chạy về cung khóc lóc với Võ Tă c Thiên đòi Võ Tă c Thiên rửa nhục cho hă n, không ngờ Võ Tă c Thiên mă ng cho một trận: "Cửa Nam Nha là nơi tể tướng đi ra đi vào, đúng lý khanh phải đi lô i cửa Bă c, bị đánh còn oan úc gì nữa".

Võ Tă c Thiên nă m giữ triệ u chính khoảng nửa thê ky, bà ta khuyê n khích nông nghiệp phát triển, trọng dụng nhân tài, khuyê n khích thi cử... do vậy duy trì được sự yên ổn trong xã hội, củng cố được thành quả trong sự của "niên giám Trinh Quán", kinh tế xã hội ngày càng phát đạt. Bà ta đê xướng Phật giáo, tu sửa chùa chiê n, mọi gánh nặng đó lại đổ vào đâ u bà con trăm họ khiê n mâu thuẫn giai câ p có cơ hội phát triển. Có học giả cho ră ng: Võ Tă c Thiên vì muô n củng cố quyề n lực nên đã mưu gié t người đô i lập, bà phục hưng Phật giáo làm dày lên tác dụng tiêu cực trong việc bình ổn sự phát triển kinh tế xã hội.

Võ Tă c Thiên định nhường ngôi cho cháu mình là Võ Thừa Tự - nhưng bà ta thâ y quâ n thâ n không phục, do vậy năm 699 bà lập con trai thứ bảy của Đường Cao Tông là Lý Hiê n làm hoàng thái tử, gạt bỏ đỉ danh hiệu hoàng tự của Duệ Tông. Võ Thừa Tự buô n bức vì không được kê ngôi nên ôm hận chê t.

Tháng 1 năm 705, Võ Tắc Thiên bị bệnh, các bá quan văn võ trong triều đã giết nội thị của Võ Tắc Thiên: Trương Xương Tông, Trương Di Chi, bọn họ lập Đường Trung Tông làm hoàng đế, khôi phục lại quốc hiệu và chế độ của triều Đường và gọi Võ Tắc Thiên là Đại Thánh hoàng đế. Tháng 11, Võ Tắc Thiên bị ôm nặng. Trung Tông đến thăm bà ta, bà ta khóc nói: "Khanh phải bảo toàn cho gia tộc dòng họ Võ, Trẫm đã sống được 82 tuổi rồi có những chuyện người khác không làm được nhưng trẫm làm được, chẳng có điều gì phải hối tiếc nữa, nghĩ lại những chuyện trước đây, thật giờ ng như một giấc mơ. Từ giờ, không cần gọi trẫm là hoàng đế, vẫn cứ để trẫm là thái hậu và gọi là đại thành hoàng hậu Tắc Thiên". Bà ta xin Trung Tông tha thứ cho bà ta vì đã giết: hậu phi, Chư Toại Thực, Hàn Ái... Bà gọi công chúa Thái Bình đến dặn dò: "Con là người được ta cung chiêu nhận, con thông minh giỏi ng trẫm, nhưng con đừng lâ ý sự thông minh để gây nê họa". Bà ta mất ngày Nhâm Dần tại cung điện Tường An.

Võ Tắc Thiên dự đoán: hậu thế sẽ không tha thứ cho bà ta, sẽ bình luận đánh giá về bà ta. Vì vậy họ còn sống bà ta đã dặn dò: sau khi bà ta chết, trên mộ chí của bà không cần viết tên tự, do vậy bia mộ của bà trở thành "Võ Tự Bia" (Bia không có tên tự).

TRUNG TÔNG (LÝ HIỀN) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Trung Tông, ông ta tên là Lý Hiển (656-710). Ông là con trai thứ bảy của Đường Cao Tông. Ông kế vị khi Đường Cao Tông chết. Ông hai lần được lập làm hoàng đế, tổng cộng trị vì được sáu năm. Ông bị hoàng hậu Vi hâm hại chết. Hưởng thọ 55 tuổi, mai táng ở Định Lăng (nay thuộc núi Long Tuyễn cách 15 km về phía Tây Bắc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Lý Hiển đầu tiên được phong làm Chu Vương, sau đổi lại phong làm Anh Vương. Sau khi Võ Tắc Thiên phế truất anh trai ông là Lý Hiển (thái tử Chương Hoài) và bà ta lập ông làm thái tử.

Tháng 12 năm 683 Cao Tông ché t, ngày Giáp Tí tháng 12 ông lên kê vị. Ông đổi niên hiệu là "Tự Thánh".

Lý Hiển còn nhu nhược bát tài hơn Cao Tông, sau khi được lập làm hoàng đế, mọi công việc trong triều vẫn do Võ Tắc Thiên điều hành. Ông trọng dụng họ hàng nhà vợ là hoàng hậu Vi, ông làm vậy cốt tạo dựng phe cánh cho mình, vì lý do đó nên Võ Tắc Thiên đã không dung thứ cho ông. Tháng 2 năm 684 ông bị Võ Tắc Thiên phế xuôi làm Lư Lãng Vương, bị đuổi ra khỏi Trường An, đầu tiên ông bị giam lỏng ở Quận Châu (nay thuộc huyện Quận tỉnh Hô Băc) sau đó bị chuyển đến Phòng Châu (nay thuộc huyện Phòng tỉnh Hô Băc), tổng cộng là mười bốn năm, trong những năm bị giam lỏng chỉ có phi tử Vi làm bạn đồng hành với ông, hai người dựa vào nhau sinh sôi ng, ném m đủ chua cay mặn chát trên thời gian. Mỗi lần nghe tin Võ Tắc Thiên sai người đến thăm, ông lại sợ họ ép ông tự sát. Nhưng lúc đó vợ ông thường an ủi vỗ về: "Họa phúc vô thường không nhất định phải ché t, việc gì phải sợ hãi". Chính nhờ an ủi vỗ về giúp đỡ của vợ nên không tin tưởng vào tương lai, trung kiên duy trì cuộc sống hiện tại. Vì vậy, Lý Hiển và Vi thị là một đôi vợ chồng hoạn nạn có nhau, tình cảm giữa hai người vô cùng sâu đậm. Ông thời thô t hứa hẹn với vợ: "Có một ngày nào đó, anh khôi phục được ngôi vị, anh nhất định đáp ứng mọi yêu cầu của em". Năm 699, quả nhiên Lý Hiển được Võ Tắc Thiên gọi về kinh lập làm thái tử.

Năm 705, Võ Tắc Thiên đã 82 tuổi, tuổi tác đã cao lại có bệnh. Ngày Bính Ngọ tháng 1 các quan thần như: Trương Giản Chi, đại tướng quân Lý Đa Tộ... đã dẫn lính xông vào cửa Huyễn Vũ lập Lý Hiển làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Thân Lang". Tháng 2 ông khôi phục lại quốc hiệu nhà Đường.

Sau khi khôi phục ngôi vị, ông phong Vi thị làm hoàng hậu và không để m Xia gì lời can ngăn của các đại thần, ông phong cho bộ vợ làm Vương và cho phép hoàng hậu Vi tham dự vào công việc triều chính, đồng với các công thần có công lao giúp ông khôi phục địa vị và ngôi báu ông không quan tâm đến họ và bỏ ngoài tai mọi lời can gián của họ. Công chúa An Lạc (con gái của hoàng hậu Vi) là con dâu của Võ Tam Tự, vì thế hoàng hậu Vi rất trọng dụng Võ Tam Tự, hai

bọn họ câu kẽ t bè đảng với nhau nắ m giữ thế lực trong triề́ u. Đại thấ n Trương Giản Chi tận mắ t chứng kiế n sự lộng hành của Võ Tắ c Thiên, ông sợ lại xuấ t hiện Võ Tắ c Thiên thứ hai cướp đoạt ngôi báu nhà Đường nên ra sức can gián Lý Hiển trừ bỏ Võ Tam Tự. Võ Tam Tự và hoàng hậu Vi vu cáo cho Trương Giản Chi có mưu đồ làm loạn, họ xúi bẩy Lý Hiển khiế n Lý Hiển nghe lời họ sắ c phong cho Trương Giản Chi làm vương và đuổi khỏi kinh thành. Võ Tam Tự sai thích khách giế t chế t Trương Giản Chi.

Công chúa An Lạc là một kẻ có dã tâm xấ u xa. Cô ta muốn tái diễn cảnh tượng của Võ Tắ c Thiên. Cô ta muốn Lý Hiển phế truất thái tử Lý Trọng Tuấn (Lý Trọng Tuấn là con đẻ của hoàng hậu Vi) để lập cô ta làm hoàng thái nữ. Năm 707, Lý Trọng Tuấn cùng với Lý Đa Tộ phát động ba trăm quân Vũ Lâm giế t chế t cha con Võ Tam Tự và bọn họ tiế n vào cung định giế t hoàng hậu Vi và công chúa An Lạc. Do chênh lệch lực lượng nên Lý Trọng Tuấn và Lý Đa Tộ bị giế t. Nhân cơ hội đó thái hậu Vi vu cáo tể tướng Ngụy Nguyên Trọng câu kẽ́ t với thái tử làm loạn, bà ta đuổi Ngụy Nguyên Trọng ra khỏi kinh thành, độc lâm quyến hành trong triề́ u. Mọi ý kiế n và nguyện vọng của hoàng hậu Vi đế u được Lý Hiển đáp ứng. Có thời kỳ, công chúa An Lạc tự thảo chiế u thư, ngang nhiên đưa cho Lý Hiển đóng dấ u, Trung Tông chẳng buốn xem bên trong viết gì lấy ấn ngọc đóng dấ u cho cô ta. Lý Hiển nghe lời hai mẹ con hoàng hậu mặc cho bọn họ thao túng triề́ u đình, còn bản thân ông ta chỉ biết ăn chơi xa xỉ.

Có một năm vào tết Nguyên Tiêu, để chiế u lòng hoàng hậu Vi, ông ta dẫn hoàng hậu, công chúa và khá nhiế u cung nữ, bọn họ cải trang thành dân thường để đi xem lễ đố́t đèn. Bọn họ đi đế n nửa đêm mới quay về cung, sau khi về cung ông ta kiểm tra lại số cung nữ thấy thiế u mấ́t 50%. Nế u làm to chuyện sẽ mấ́t thể diện, do vậy ông ta lờ bịt chuyện này đi coi như không có gì xảy ra.

Một lấn khác, Lý Hiển sai triệu kiế n bá quan vào cung và ra lệnh những quan lại thuộc hàng tam phẩm trở lên phải biểu diễn ném bóng và kéo co. Đa số́ các đại thấn là quan văn, bọn họ không thích vui chơi, phải phai bày khuyết điểm của mình, bọn họ lại là những người súc yế u, vài năm nay không rèn luyện, do vậy lúc kéo co bọn họ bị

ngã lăn ra đất. Hơn nữa lúc đứng dậy còn run lẩy bẩy trông giống như chim mới tập bay. Lý Hiển và hoàng hậu Vi thấy đáng vê của bọn họ như vậy đếu lấy làm thích thú cười phá lên. Tháng 5 năm 710, một viên quan địa phương tên là Yên Khâm Dung đã viết thư chỉ trích hoàng hậu Vi hoang dâm và can dự vào công việc triếu chính. Lý Hiển đích thân triệu Yên Khâm Dung vào kinh hỏi rõ tình hình, hoàng hậu Vi muốn bịt đấu mṍi nên sai vệ sĩ chém chết Yên Khâm Dung ngay trước mặt đám quân thấn. Nhìn thấy cảnh tượng đó, Lý Hiển lộ vẻ mặt không vui. Hoàng hậu Vi sợ Lý Hiển tra cứu chuyện hoang dâm của bà ta, còn công chúa An Lạc hy vọng hai mẹ con có thể lâm triếu nhiếp chính. Cô ta sẽ được tôn làm hoàng thái nữ, học hỏi theo cách làm của Võ Tắc Thiên, do vậy hai mẹ con bọn họ bàn mưu hại chết Lý Hiển. Hoàng hậu Vi biết Lý Hiển rất thích ăn bánh, bà ta sai thái y làm thuốc độc, bà ta đích thân trộn thuốc độc vào bột làm bánh, sau đó sai cung nữ mang vào điện Thấn Long dâng cho Lý Hiển. Lúc này Trung Tông đang xem xét tấu chương, thấy bánh mang đến ông ta tiện tay lấy bánh ăn, vừa ăn vừa khen ngon. Một lúc sau, ông thấy ruột gan đau quặn bò lăn bò lộn trên mặt đất. Thái giám vội đi bẩm báo với hoàng hậu Vi tình hình cụ thể. Bà ta cố tình chấn chừ một hối lâu mới đến điện Thấn Long. Nhìn thấy đáng vê đau đớn của Lý Hiển, bà ta còn giả vờ hỏi ông bị làm sao? Lúc này Lý Hiển đã bị cấm khẩu, ông dùng tay chỉ vào mṍi mṍi rối khóc thút thít. Một lúc sau ông ta tắt thở.

Hiệu miếu của ông được đặt là Trung Tông.

VI HẬU (hoàng hậu Vi) (TRIẾU ĐƯỜNG)

Vi hậu (?-710), bà ta là hoàng hậu của Đường Trung Tông. Bà ta thao túng triếu chính được sáu năm thì bị Lý Long Cơ giết chết tại cung Trường An. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Vi thị, không biết rõ tên bà ta là gì, chỉ biết bà ta họ Vi quê ở Vạn Hiên thuộc Kinh Diêu (nay là thành phố Tây An tỉnh Thiểm Tây). Bà ta là phi tử của Lý Hiển. Năm 683, Lý Hiển kế vị ngôi báu

và lập bà ta làm hoàng hậu. Trung Tông là người nhu nhược, triều chính do Võ Tắc Thiên nắm giữ. Hoàng hậu Vi là người có tính cách mạnh mẽ và thông minh. Trung Tông muốn dựa các họ hàng nhà vợ để giành lại quyền lực, nhưng không ngờ bị Võ Tắc Thiên phê truất giam lỏng ở Quận Châu và Phòng Châu. Hoàng hậu Vi làm bạn đồng hành đồng cam chịu khổ với Trung Tông 14 năm. Tháng 1 năm 705 Trung Tông khôi phục địa vị hoàng đế và Vi Thị lại giành lại được địa vị cũ của mình, bà ta được phép can dự vào công việc triều chính. Từ đó về sau, bà ta cảm ứt với thông gia là Võ Tam Tư, trọng dụng những người thân thuộc, cho anh trai của bà là Vi Ôn nắm giữ quyền hành, hâm hại những trung thần, bà ta giết trọng thần Trương Giản Chí và thái tử Lí Trọng Tuân, dung túng cho con gái là công chúa An Lạc bán quan tước, xây dựng chùa viện miếu mạo, áp bức trăm họ.

Tháng 5 năm 710, bà ta hại độc Trung Tông và lập Lí Trọng Mậu làm hoàng đế còn bà ta lâm triều nhiếp chính.

Tháng 6 năm 710, Lí Long Cơ phát động binh biến, xông vào hoàng cung giết chết Vi hậu.

THƯƠNG ĐẾ (LÍ TRỌNG MẬU) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Thương Đế, ông ta tên là Lí Trọng Mậu. Năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con thợ của Trung Tông. Hoàng hậu Vi hại độc Trung Tông và nguy tac di chiêu lập Lí Trọng Mậu làm hoàng đế. Ông ở ngôi chưa được một tháng thì bị công chúa Thái Bình và Lí Long Cơ phế truất. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Thương Đế chọn ông làm Ôn Vương. Tháng 5 năm 710 hoàng hậu Vi hại độc giới Trung Tông, bà ta bí mật không phát tan nguy tạo di chiêu lập ông làm thái tử. Bà ngày sau lập ông làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Đường Lang". mọi công việc triều chính do thái hậu Vi chấp nhận điều hành và cử thêm Tương Vương Lí Đán trợ giúp. Tháng 6 năm 710 Lí Long Cơ giết chết thái hậu Vi, ông ta cùng

công chúa Thái Bình vạch kẽ hoạch để lập Lí Đán làm hoàng đế, Lí Trọng Mậu không hề biết gì về chuyện đó. Ngày Giáp Thìn, Lí Trọng Mậu thiết triều từ sớm, đợi khi các đại thần đến đông đủ, công chúa Thái Bình bước ra và nói: "Xin bệ hạ hãy nhường ngôi cho thúc phụ (chỉ Lý Đán), các đại thần thấy ý kiêng này ra sao?" Các đại thần hôm trước đã được công chúa Thái Bình mời tới bàn bạc, họ nhất loạt tán thành chuyện nhường ngôi. Công chúa Thái Bình đi đến trước mặt Trọng Mậu và cao giọng nói: "Lòng người đều quy thuận Tương Vương, chỗ này không còn là chỗ ngồi của một đứa trẻ như cháu, cháu hãy nhanh nhanh đứng dậy đi". Trọng Mậu mặc nhiên vẫn ngồi đó, không biết mình đã phạm phải lỗi lầm gì. Công chúa Thái Bình tiến đến kéo Trọng Mậu ra khỏi ngai vàng. Lý Đán tiến đến ngai vàng và ngồi xuống, Trọng Mậu đành phải cúi đầu đứng cạnh và bị giáng làm Ôn Vương, về sau lại phong làm Sở Vương. Trong lịch sử gọi ông là Thương Đế hay còn gọi là Thiệu Đế.

Được một thời gian, anh trai của Dạng Đế là Tiêu Vương Lí Trọng Phú khởi binh và cư trú ở Lạc Dương, Trọng Phù không phục chuyện Lí Đán tự lên ngôi nên đã phong cho Dạng Đế làm hoàng thái đệ. Được ít lâu, Trọng Phù bị bại trận chết, tình hình của Thương Đế ra sao không rõ.

DUỆ TÔNG (LÍ ĐÁN) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Duệ Tông, ông ta tên là Lí Đán (662-716) ông còn có tên là Lí Luân. Ông là con trai thứ 8 của Đường Cao Tông. Ông hai lần được lập làm hoàng đế. Tống cộng trị vì được 2 năm, sau đó nhường ngôi cho Huyễn Tông Lí Long Cơ, ông bị ôm chết. Hưởng thọ 55 tuổi. Mai táng ở Kiêu Lăng (nay thuộc núi Phong tinh Thiểm Tây)

Lí Đán là con trai của Võ Tắc Thiên. Khi đầu ông được phong làm Án Vương, rồi đổi thành Dụ Vương, tiếp đó lại phong làm Tương Vương. Tháng 2 năm 684 Võ Tắc Thiên phế truất Trung Tông, ngày Kỉ Mùi tháng 2 lập Lí Đán làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Văn Minh". Sau khi tiếp nhận ngôi báu, Võ Tắc Thiên ra lệnh cho ông phải sống trong thâm cung, không được phép can dự vào công

việc triều chính, mọi việc quố́c gia đại sự do Võ Tắc Thiên xử lý. Ngày Ấ́t Dậu tháng 2 năm 690, Võ Tắc Thiên tự xưng làm hoàng đế và phế truất Lí Đán, phong cho ông ta làm Hoàng tự, đổi họ của ông thành họ Võ. Năm 705 Trung Tông khôi phục lại ngôi vị hoàng đế nên phong cho Lí Đán làm Tương Vương và lập làm thái tử. Năm 710, Trung Tông bị hại chết, con trai của Lí Đán là Lý Long Cơ dẫn quân Vũ Lâm xông vào cung giết hoàng hậu Vi. Ngày Giáp Thìn tháng 6 Lí Long Cơ giúp Lí Đán lây lại ngôi báu, phế truất Thương Đế, và ông cho đổi niên hiệu là "Cảnh Vân".

Lí Đán là một kẻ bá́t tài. Sau khi phục vị, ông lập Lý Long Cơ làm thái tử và cho phép công chúa Thái Bình tham dự triều chính. Đây chính là đấu mối của cuộc đấu tranh giữa công chúa Thái Bình và thái tử. Công chúa Thái Bình một lòng một dạ muôn trù bỏ thái tử, có quá nửa là tay chân của công chúa Thái Bình, vì thế tạo ra cục diện không ổn định, triều đình hỗn loạn.

Ngày Ấ́t Sửu tháng 7 năm 712, Lí Đán nhường ngôi cho thái tử Lý Long Cơ và tự xưng là Thái Thượng hoàng.

Tháng 6 năm 716 ông mất tại điện Bách Phúc cung Trường An.

Hiệu miêu của ông là Duệ Tông.

HUYỀN TÔNG (ĐƯỜNG MINH HOÀNG) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Huyến Tông, ông ta tên là Lý Long Cơ (685-762) ông là con trai thứ ba của Đường Duệ Tông. Ông được cha nhường ngôi. Ông trị vì 44 năm. Ông nhường ngôi ôm rô i ôm ché t. Mai táng ở Thái Lăng (nay thuộc núi Kim Túc tỉnh Thiểm Tây).

Lí Long Cơ lúc đấu được phong là Sở Vương. Về sau được đổi lại phong làm Tư, Lâm Vương. Ông bị hoàng hậu Vi vu cáo hãm hại, do đó năm 710 ông cáo từ làm quan quay về kinh thành sô ng nhàn cư không màng chuyện triều chính. Tận mắt nhìn cảnh hoàng hậu Vi lộng hành thâu tóm triều đình, ông biết sớm muộn gì bà ta cũng đoạt ngôi báu do vậy đành ra tay cứu vớt quố́c gia, ông tích cực vận động và triệu tập các dũng sĩ, đặc biệt ông còn giao lưu kết thân với

các mảnh tướng trong đội quân Vũ Lâm. Được một thời gian hoàng hậu Vi bộc lộ bản chất và dã tâm của mình, bà ta sát hại Trung Tông, bí mật không phát tang, bà ra lệnh cho anh em nhà họ Vi và thuộc hạ dẫn 50.000 binh lính trấn giữ kinh thành. Chuẩn bị lên ngôi hoàng đế. Lí Long Cơ không đợi bà ta xưng đế, ông dẫn quân Vũ Lâm xông vào cung giết hoàng hậu Vi và công chúa An lạc, tiếp đó diệt hết những người trong dòng họ Vi và dòng họ Võ. Nhờ sự hiện diện của công chúa Thái bình, giúp Duệ Tông lây lại ngôi vị hoàng đế. Lí Long Cơ được tấn phong là Bình Vương và được phong làm hoàng thái tử. Ngày Canh Tí tháng 8 năm 712 Duệ Tông nhường ngôi cho Lí Long Cơ, ông đổi niên hiệu là "Tiên Thiên".

Việc ông tiếp nhận ngôi báu khiêm công chúa Thái Bình vô cùng tức tối, định giờ nanh vuốt ra hại chết Long Cơ, nhưng ý định đã bị Long Cơ cảnh giác cao độ. Năm 710 công chúa Thái Bình phát động binh biến hòng lật đổ Long Cơ. Nhận được mật báo, Lí Long Cơ hạ chiếu giết công chúa Thái Bình và vây cánh của cô ta, bình ổn được cục diện chính trị.

Giai đoạn đầu Lí Long Cơ là một minh quân nhưng đến cuối i đời lại là một hòn quân. Khi mới đăng cơ, ông hăng hái lo việc trị nước an dân, quyết tâm khôi phục sự nghiệp do Đường Thái Tông xây dựng. Ông luôn quan tâm tới việc trọng dụng nhân tài và thu nạp lời trung tín. Ở trong kinh thành ông tuyển chọn những người có tài cán phái bọn họ ra ngoại tỉnh làm đô đốc làm lại sứ, đồng thời cũng chọn những người kiệt xuất trong đám đô đốc, lại sứ ở các địa phương, cho bọn họ vào kinh giữ những chức vụ quan trọng. Đôi i với những quan lại bất tài, ông kiên quyết bãi chức của bọn họ. Năm 716, ông cho tổ chức cuộc thi ở cung điện để chọn ra các huyện lệnh có tài và ông đuổi cổ hơn 40 viên huyện lệnh bất tài về nhà. Ông trọng dụng những người như: Diêu Sùng, Trương Gia Trinh, Trương Thuyết, Hàn Hữu, Trương Cửu Linh... làm tể tướng. Những người này đều có sở trường riêng, bọn họ trung thực hiền lương, xử lý công việc triều chính có tình có lý. Trong bọn họ người có nhiều công lao nhất phải kể đến Diêu Sùng, Lí Long Cơ triệu tập gọi Diêu Sùng về kinh, cho làm tể tướng, Diêu Sùng nêu ra mười điều kiện; ví dụ ông ta muốn Lí Long Cơ phải lâ y nhân nghĩa làm điều xử lý công việc, bãi binh không đi xâm lược, không cho phép hoàng thân

quốc thích và thái giám can dự vào công việc triều đình, cho phép quan tham được bày tỏ ý kiến. Lí Long Cơ đáp ứng và hứa sẽ làm theo mười điều kiện của Diêu Sùng đưa ra. Sau khi Diêu Sùng nhận chức vị tể tướng, đã sai áp chém bọn cường hào, giảm bớt tăng ni, ngăn chặn và khắc phục hậu quả thiên tai, Diêu Sùng còn giúp đỡ Lí Long Cơ chỉnh đốn cục diện hỗn loạn trong triều còn sót lại từ thời Trung Tông, Diêu Tông được dân chúng tin yêu và gọi là "tể tướng cứu tinh".

Thời gian này, Lí Long Cơ rất chịu khó thu nạp lời can gián. Đại thần Hàn Huru và đại thần Tiêu Tung cùng nhau nắm giữ công việc trong triều, Hàn là người thẳng thắn trung thực, nhưng thay Lý Long Cơ có lỗi có khuyên điểm đê u thẳng thắn vạch ra, còn Tiêu Tung tương phản hoàn toàn với Hàn Huru, ông đê u chiêu theo mọi ý kiến của Lí Long Cơ. Một lần, Lí Long Cơ soi gương mặt lộ vẻ buồn rầu thay vì vậy Nội thị của Long Cơ nói: "Từ khi Hàn Huru làm tướng, bệ hạ gầy đi nhiều, chỉ bãng bãm miễn chức vụ của Hàn Huru đi". Huyễn Tông trả lời một cách nghiêm túc: "Khi Tiêu Tung tâu trình công việc, nhất loạt đê u theo ý trẫm, khi ông ta đi khỏi, trẫm không thay yên tâm". Hàn Huru thường cùng trẫm tranh luận, ông ta đi khỏi, trẫm thay tâm lý thoái mái và ráo tay yên tâm, ngủ cũng ráng giấc. Trẫm trọng dụng Hàn Huru là để giúp trẫm xử lý công việc quốc gia".

Do Lí Long Cơ trọng dụng hiền tài, cố vũ sai xuất, cải cách bộ máy quan lại, bình ổn mâu thuẫn xã hội, nhờ vậy nên kinh tế và nền văn hóa phát triển đỉnh cao.

Nhưng, khi giành được một số thành quả đáng kể, Lí Long Cơ cho rằng thiên hạ đã thái bình, dân đã ấm no, ông ta đã đánh mất bản chất của mình sinh ra kiêu căng ngạo mạn và chạy theo thói hưởng lạc đời thường. Những lời can gián trung thực không còn làm Long Cơ quan tâm, ngược lại ông cho rằng đó là sự áp chế, ông chọn dùng những kẻ luôn tuân theo ý chỉ của ông ta. Lí Lâm Phù là một kẻ bát tài vô học, không có tài cán gì chỉ biết luồn cúi nịnh hót. Lí Lâm Phù câu thông với một số phi tử và hoạn quan trong cung nhờ họ chú ý xem xét ý kiến và sở thích của Lí Long Cơ, sau đó ông ta rầm rập chiêu theo. Lí Long Cơ bàn bạc chuyện gì đó với Lí Lâm Phù thì không bao giờ Lâm Phù đưa ra ý kiến của riêng mình

mà thường đón ý Long Cơ, điêu u đó khiê n Long Cơ rá t vui thích, vì vậy Lí Long Cơ bã miễn chức tể tướng của Trương Cửu Linh và phong Lí Lâm Phù làm tể tướng. Lí Lâm Phù là kẻ lòng lang dạ sói, miệng nam mô bụng bỗng gãm, ông ta nhận chức vụ tể tướng vào năm thứ 19 (kể từ khi Long Cơ lên ngôi), Lâm Phù bài trừ các đại thâ n trung trực và có tài, h n trọng dụng tiểu nhân vô dụng, phong tỏa mọi tin tức không cho Long Cơ biê t, dẫn đê n cảnh triê u đình hồn loạn.

Năm Lí Long Cơ 61 tuổi, ông ta đã gặp được Dương quý phi và vô cùng sủng ái cô ta, ông phong cho hai anh trai của cô ta làm quan và phong cho hai chị gái cô ta làm phu nhân. Cả ngày Long Cơ cùng cô ta nghe kịch uô ng rượu, lười nhác thiê t triê u - còn tìm mọi cách đáp ứng những yêu cầ u xa xỉ của cô ta. Một lâ n, Dương Quý Phi muô n ăn vải còn tươi nguyên, Lý Long Cơ sai quan viên ở Lĩnh Nam (thuộc Quản Đông và Quảng Tây) ngày đêm phi ngựa đi không mệt mỏi mang vê kinh thành dâng cho quý phi. Dương Quý Phi am hiểu âm nhạc giỏi vê ca vũ nên Lí Long Cơ sai gọi đại thi nhân Lí Bạch vào cung để ông ta làm thơ ca ngợi Quý Phi.

Được vài hôm Lí Bạch chán ngán cảnh nhục bại trong cung, bị đăc tội với Dương Quý Phi nên Lí Long Cơ đã trực xuâ t Lí Bạch ra khỏi kinh thành.

Lí Lâm Phù chê t, Dương Quô c Trung tiê p nhận ngôi vị tể tướng. H n cũng là kẻ tiểu nhân, chỉ vì ân oán cá nhân mà sẵn sàng hại người trung thực. Thời Lí Long Phù còn đương chức, An Lộc Sơn (người Hô) được Lí Long Cơ sai làm tiê t độ sứ ở: Phạm Dương (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Bắ c Kinh), Bình Lư (nay thuộc huyện Triê u Dương tỉnh Liêu Ninh) và Hà Đông (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây), An Lộc Sơn râ t được trọng dụng, ông ta thân hình béo túi bụng phệ. Một lâ n Lí Long Cơ hỏi đùa ông ta; "Bụng khanh to như vậy, bên trong chứa cái gì vậy?". An Lộc Sơn trả lời: "Bụng của thâ n chỉ chứa đựng lòng trung thành đô i với bệ hạ". Nghe vậy, Lí Long Cơ râ t vui, liê n phong cho An Lộc Sơn làm quan chủ chô t ở trong thành và cho phép Dương Quý Phi nhận An Lộc Sơn làm dường tử. Dương Quô c Trung và An Lộc Sơn tranh giành nhau quyê n lực, hai người bọn họ coi thường lẫn nhau, mâu thuẫn giữa họ ngày càng gay gá t. An Lộc Sơn thường đi ra

đi vào kinh thành Trường An, thấy binh lực ở kinh thành không
nhiếu mà phòng bị lại lỏng lẻo, vì vậy nảy sinh ý định đoạt ngôi. Ông
ta về Lạc Dương chiêu binh mua ngựa, sǎ́m sanh vũ khí, tích trữ
lương thảo, chuẩn bị cướp đoạt giang sơn của nhà Đường. Các hạ
thấn tấu trình An Lộc Sơn có mưu đồ tạo phản nhưng Lí Long Cơ
nhất định không tin. Mãi đến khi An Lộc Sơn bãí miến 32 danh
tướng ở Phạm Dương và cự tuyệt lời tuyên hiệu của Long Cơ, lúc đó Lí
Long Cơ mới bã́t đấu nghi ngờ An Lộc Sơn nhưng cũng không đế
phòng.

Năm 755, An Lộc Sơn lấy danh nghĩa chinh phạt Dương Quốc
Trung, đã thống lĩnh 150.000 quân làm loạn ở Phạm Dương và tiến
xuống phía Nam. Tin tức truyến đến kinh thành lúc đấu Lí Long
Cơ không tin, đến khi bọn An Lộc Sơn đến sát kinh thành Lí Long
Cơ mới hoảng hốt tìm cách chống đỡ, nhưng đành bó tay bất lực.
Dương Quốc Trung lo ngại các tướng lĩnh lập công thì sẽ bất lợi cho
bản thân mình, vì thế́ xúi bấy Lí Long Cơ cứ nhắm mắt làm bùa
khiến quân Đường bị thua trận, bọn phản loạn chiếm được vùng
Lạc Trung và Đống Quan, tiến thăng tới Trường An. Lí Long Cơ
nghe lời khuyên của Dương Quốc Trung nên dẫn Dương Quý Phi
chạy tới Tứ Xuyên và sai người đi thông báo cho quan lại chuẩn bị
tiếp đón. Không ngờ mới đi đến cung Vọng Hiến Thành Hán
Dương, thì huyện lệnh chạy trốn hết, không có người cung cấ́p
lương thực. Huyến Tông ra lệnh cho bà con trăm họ cống tiến
lương thực nhân dân dâng tiến cao lương, bánh mán thấu, ông
miễn cuồng ăn phải miếng ngói cứ ngối khóc. Có một ông già râu
tóc bạc phơ đến trước xe và xin cấu kiến: "An Lộc Sơn ôm trong
lòng ý định đoạt ngôi, bệ hạ bị ông ta lừa gạt do đó mới dẫn đến kêt
cục ngày hôm nay. Trước kia Tống Cảnh làm tể tướng nhiếu lấn can
gián nói những lời trung thực, bệ hạ đếu thu nhận ý kiến của ông ta
thiên hạ thái bình. Mấy năm qua, triếu đìn không có trung thấn
chỉ toàn là tiểu nhân vô lại nắm giữ triếu chính, bệ hạ bị bọn họ che
mắt chụp mū, không hiểu hết tình hình trong thiên hạ. Chúng
thấn là thường dân cư trú ở thôn xóm nhưng cũng biết thiên hạ đại
loạn, tiếc rắng không có cách gì gấp mặt bệ hạ để tấu trình việc
trong thiên hạ". Lí Long Cơ thở dài nói: "Trẫm thật hốđố hôm nay
có hối hận cũng quá muộn rối".

Đoàn quân vừa đi vừa nghỉ, ngày thứ ba đi đến trạm dịch Mã Ngôn (nay thuộc phía Tây huyện Hưng Bình tỉnh Thiểm Tây), tướng lính và quân lính đều mệt và đói, nghỉ để n sự lộng hành và sự ngu dốt của Dương Quốc Trung khiến bọn họ khổ sở. Càng nghĩ ngợi người càng hận Dương quốc Trung, Trân Huyễn Lễ dẫn đầu quân lính đến túm lá y đê u ngựa của Quốc Trung luận tội Dương Quốc Trung về việc quân lương, thừa cơ ông ta đang hoảng hốt lôi ông ta xuông ngựa và chém chết, Thi thể của Dương Quốc Trung bị chặt thành nhiêu đoạn còn thủ cấp bị treo lên trước cửa trạm cho ba quân xem. Bọn họ hùng hổ kéo đến bao vây địch quán nơi Dương Quý Phi và Lí Long Cơ đang nghỉ ngơi, hò hét đòi giết người. Lí Long Cơ sai Cao Lực Sĩ đi thăm dò tình hình, biết được binh lính làm loạn còn Dương Quốc Trung bị giết, Lí Long Cơ hoảng hồn sai triệu tập: khanh sứ Ngụy Phương Tiễn và Vi Kiến Trung để tìm cách khuyên giải quân lính. Quân lính phẫn nộ giết chết Ngụy Phương Tiễn và đánh bị thương Vi Kiến Trung. Cao Lực Sĩ tâu trình Lí Long Cơ nên đích thân ra khuyên giải quân lính. Lí Đăng Cơ đành phải bước ra khỏi địch quán cúi đầu trước ba quân nói một thôi một hồi. Nhưng binh sĩ kiên quyết đòi về nhà, Lí Đăng Cơ sai Cao Lực Sĩ đi hỏi Trân Huyễn Lễ xem quân sĩ có yêu cầu gì. Trân Huyễn Lễ đáp: "Dương Quốc Trung mưu phản đã bị giết, Dương Quý Phi cũng không đáng được sống, xin bệ hạ trừu trị cô ta" Cao Lực Sĩ nói: "Chuyện này tôi không dám bẩm báo". Binh sĩ tức giận hét lên: "Không giết Quý Phi, chúng tôi không hộ giá", và tiến đến vây đánh Cao Lực Sĩ. Cao Lực Sĩ hoảng hốt chạy về bẩm báo, Huyễn Tông mặt mày thất sẩy nói: "Quý Phi suốt ngày sống trong cung, không bao giờ can dự vào công việc triều chính, tại sao bị khép vào tội chết". Cao Lực Sĩ nói: "Quý Phi vô tội, nhưng các tướng sĩ đã giết Dương Quốc Trung, giữ lại Dương Quý Phi liệu cô ta có yên tâm không". Xin bệ hạ phê chuẩn nguyện vọng của tướng sĩ. Lòng tướng sĩ có an thì bệ hạ mới gặp an toàn". Huyễn Tông bàng hoàng không nói lên lời. Hộ vệ Tư Lạc Vị đứng cạnh đó cũng quỳ xuống nói: "Lòng quân phẫn nộ, sự an nguy còn đang ở trước mắt, xin bệ hạ hãy mau chóng quyết định". Ông ta vừa nói vừa dập đầu xuống đết, khiến trán bị chảy be bét máu. Bên ngoài tướng sĩ hô to đòi giết quý phi, Cao Lực Sĩ nói: "Binh sĩ tiến đến rõ rệt, bệ hạ không quyết đoán, họ sẽ giết Quý phi". Lí Long Cơ đành gạt nước mắt nói:

"Trẫm không giữ được cô ấy rồi, hãy truyề`n thánh chỉ của trẫm cho cô ấy tự sát".

Dương Quý Phi nhận được thánh chỉ, kinh hãi ngã lăn ra đâ` t. Một lúc sau, cô ta khóc và câ`u xin được gặp mặt Lí Long Cơ. Cao Lực Sĩ dẫn cô ta đê`n trước mặt Huyê`n Tông, cô ta khóc quỳ lạy nói: "Xin bệ hạ bảo trọng". Lí Long Cơ không nhẫn tâm nhìn vẻ mặt đau thương của Quý Phi liê`n lâ`y ô`ng tay áo che mặt khóc. Cao Lực Sĩ sợ binh lính xông vào, vội dẫn Quý Phi tới trước phật điện đợi cô ta lễ phát tố, rô`i đưa cô ta đê`n gô`c cây bên ngoài điện, lâ`y ra một dải lụa tră`ng treo lên cành cây, quý phi quay vê` hướng bă`c vái ba vái rô`i nói: "Xin vĩnh biệt bệ hạ". Sau đó tự treo cổ chê`t.

Thời gian gâ`n đây, hậu thê` khảo chứng nói: Quý Phi không chê`t, cô ta chạy trô`n bên nữ đạo sĩ. Nữ đạo sĩ thừa, làm kỉ nữ, còn kĩ viện thường đội danh am quán. Sau khi chạy vào am quán, đợi khi bình an được phản loạn, cô ta cũng không mặt mũi nào đi gặp Huyê`n Tông. Cũng có thuyê`t nói: Dương Quý Phi sau khi thoát thân đã chạy đê`n Nhật Bản.

Vê` phâ`n các tướng sĩ nghe Quý Phi đã chê`t, họ hoan hô vang trời, quyê`t tâm bảo vệ Huyê`n Tông chạy đê`n phía Tây. Thái tử Lí Hanh được dân chúng giữ lại chủ trì công việc triê`u chính. Lí Hanh thu thập tân quân tiê`n lên phía Bă`c, đi đê`n Linh Vũ (nay thuộc phía Tây Nam huyện Linh Vũ) Lí Hanh được lập làm hoàng đê` và Lí Đăng Cơ được tôn là Thái thượng hoàng.

Sau khi dẹp yên được loạn An Sú, tháng 12 năm 757 Lí Long Cơ quay vê` Trường An, sô`ng nhàn cư ở điện Cam Lộ. Ông hoài niệm vê` những ngày phô`n vinh, nghĩ đê`n cảnh thê` lương trước mă`t, ông lại thở dài, buô`n râ`u u uâ`t, lâu dâ`n thành bệnh. Tháng 4 năm 762 bệnh của ông chuyển ra nghiêm trọng, ông suô`t ngày tưởng nhớ Dương Quý Phi. Truyề`n thuyê`t nói ông còn mời phuơng sĩ đê`n làm phép, để chờ triệu linh hô`n Dương Quý Phi vê` gặp mặt. Một ngày trước khi chê`t, ông ta mới thổi sáo âm điệu râ`t thê` lương buô`n thảm, sau đó sai gọi cung nữ đê`n giúp ông ta tă`m rửa thay quâ`n áo. Tô`i hôm đó, trong phòng ông còn vang ra tiê`ng cười.

Sáng hôm sau (ngày Giáp Dâ`n) cung nǚ vào phòng đánh thức ông dậy đã thâ`y ông băng hà, chân tay cứng đờ.

Huyê`n Tông có nhiề`u đóng góp quan trọng đô`i với sự phát triển của: âm nhạc, ca vũ và Hí khúc. Từ nhỏ ông đã râ`t thích ca vũ hí kịch, có một lâ`n, bà ngoại của ông là Võ Tă`c Thiên cho mở yê`n tiệc, ông liê`n đứng lên biểu diễn: "Trường Mệnh Nữ" mua vui cho quâ`n thâ`n, được quẩn thâ`n hoan nghênh nhiệt liệt vê` tài cán của ông. Ông giao du với các nghệ nhân, nỗ lực nghiên cứu quy luật của hí khúc, dò tìm âm luật. Sau khi lên ngôi hoàng đế`, ông cho thành lập trung tâm biểu diễn hí khúc, tuyển định Lê viên làm nơi đặt trung tâm. Vì vậy, các nghệ nhân hí khúc thường tôn Huyê`n Tông làm tổ thâ`n của rạp hát hoặc thánh nhân của hí khúc.

Hiệu miê`u của ông được đặt là Huyê`n Tông, thụy hiệu là Minh Hoàng.

TÚC TÔNG (LÍ HANH) (TRIỀ`U ĐƯỜNG)

Túc Tông, ông ta tên là Lí Hanh (711-762). Ông là con trai thứ ba của Đường Huyê`n Tông, sau cuộc binh biê`n ở trạm Mã Ngôi, Huyê`n Tông chạy xuô`ng phía Tây và nhường ngôi cho Lí Hanh. Lí Hanh trị vì được 6 năm thì chê`t trong cuộc binh biê`n ở cung đình. Mai táng ở Kiê`n Lăng (nay thuộc Vũ Tường tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Hanh từng được phong làm Trọng Vương. Năm 738 ông được lập làm thái tử. Trong cuộc binh biê`n ở trạm Mã Ngôi, ông được Huyê`n Tông cho làm: "nguyên sư binh mã trong thiên hạ", ông làm tiê`t độ sứ ở: Hà Tây, Bình Lư, Sóc Lương, phụ trách việc dẹp yên phản loạn. Huyê`n Tông tiê`p tục chạy xuô`ng phía Tây còn Lí Hanh ở lại dẫn tàn quân tiê`n lên phía Bă`c. Ngày Giáp Tí tháng 7 năm 756 Lí Hanh xung đê` ở Linh Vũ và tôn Huyê`n Tông làm thái thượng hoàng, ông đổi niên hiệu là "Chí Đức".

Sau khi xung đê`, ông trọng dụng danh tướng Quách Tử Nghĩa, ông mượn lính của Hời Ngật, tháng 6 năm 757 ông lâ`y lại thành Tây

Kinh ở Trường An, tháng 10 năm 757 ông lấy được thành Đông Kinh ở Lạc Dương. Ông hẹn với quân Hồi Ngật: "Nế u lấy được thành trì thì đất đai, nhân sĩ thuộc vê` nhà Đường còn vàng bạc và phụ nữ thuộc vê` Hồi Ngật. Khi lấy lại được Lạc Dương thì đô thành này đã bị phá hoại nghiêm trọng. Thời kỳ dẹp yên phản loạn, ông tin dùng hoạn quan Ngu Triê`u Ân, cho phép thắng lính đại quân, khiến cho thế lực của bọn hoạn quan được dịp ngóc lên. Ông còn trọng dụng hoạn quan Lí Phụ Quốc, cho phép Lí Phụ Quốc thao túng chính quyến, điếu đó làm cho thế lực của bọn hoạn quan ngày càng vững mạnh. Lí Hanh rất sủng ái hoàng hậu Trương dung túng cho bà ta can dự vào việc triê`u chính. Thời gian đấu hoàng hậu Trương và hoạn quan Lí Phụ Quốc cát kêt với nhau, vê` sau hoàng hậu Trương mưu lập Việt vương Lí Hệ làm người kế́ vị ngôi báu. Túc Tông cũng đống ý với ý kiến của hoàng hậu. Lí Hệ hận sự chuyên quyến của Lí Phụ Quốc, do vậy quan hệ thân tình của hoàng hậu và Lí Phụ Quốc bị đổ vỡ.

Năm 762, Lí Hanh bị ốm nặng, vài tháng liến không thể thiết triê`u. Tháng 4, Huyến Tông chết, Lí Hanh thương tiếc cha do đó bệnh càng thêm nặng. Hoàng hậu Trương triệu kiến thái tử vào điện và nói: "Lí Phụ Quốc nắm giữ binh quyến, thế lực rất lớn, ông ta chỉ e ngại hại mẹ con ta. Bây giờ bệ hạ đang ốm nặng, Lí Phụ Quốc cát kêt với Trình Nguyên Chấn, bọn họ có mưu đồ` làm phản chúng ta phải loại bỏ bọn họ". Thái tử khóc và nói: "Phụ hoàng đang ốm nặng, không nên để phụ hoàng biết chuyện. Nế u chúng ta ra tay trừ bỏ Lí Phụ Quốc, con e rắng phụ hoàng sẽ kinh hãi mà tốn tại tới ngọc thể. Con nghĩ chuyện này tạm thời không bàn đến". Sau khi thái tử ra vê`, hoàng hậu Trương lập tức sai gọi con thứ của Lí Hanh là Việt Vương Lí Hệ để cùng bàn bạc. Lí Hệ lập tức sai hoạn quan Ân Hắng Tuấn chọn ra 200 thái giám khỏe mạnh và phát binh khí cho những thái giám đó, chuẩn bị động thủ. Trong các thái giám có người đi tấu trình cho Lí Phụ Quốc biết chuyện, Lí Phụ Quốc và Trình Nguyên Chấn sai thuộc hạ đi nghe ngóng tin tức, vừa hay bọn họ gặp thái tử đi vào cung thăm phụ hoàng. Lí Phụ Quốc trả vò thái tử trong cung có biến để cản trở thái tử vào đó và sai thuộc hạ bắt thái tử giam ở điện Phi Long. Lí Phụ Quốc giả truyến mệnh lệnh của thái tử cỗ động cấm vệ quân xông vào cung bắt giữ

Lí Hé và Ân Hă`ng Tuâ`n, rô`i giam hai người vào ngục. Hoàng hậu Trương biê`t tin có biê`n bà ta biê`t ý đô` của mình bị bại lộ liê`n chạy tới chỗ Lí Hanh ản trô`n. Lí Phụ Quô`c sai lính xông vào đó bă`t giữ hoàng hậu, hoàng hậu Trương nhâ`t định không chịu, bà khéo than và và câ`u Lí Hanh cứu giúp. Lí Hanh thâ`t kinh nói không ra câu. Lí Phụ Quô`c thừa cơ lôi hoàng hậu đi, do kinh hãi nên bệnh của Lí Hanh càng nguy kịch, thêm vào đó không có người thăm hỏi, nên ngay ngày hôm đó ông băng hà tại điện Trường Sinh.

Hiệu miê`u của Lí Hanh được đặt là Túc Tông.

ĐẠI TÔNG (LÍ DỰ) (TRIỀ`U ĐƯỜNG)

Đại Tông, ông ta tên là Lí Dự (726-779). Ông là con trưởng của Đường Túc Tông. Ông kế` vị sau khi Túc Tông chê`t. Ông trị vì 17 năm bị ô`m chê`t. Hưởng thọ 53 tuổi Mai táng ở Nguyên Lãng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

Lí Dự được phong làm Quảng Bình Vương, rô`i được tâ`n phong làm Sở Vương. Sau cuộc biê`n của trạm dịch Mã Ngôn ông hộ tô`ng Túc Tông tiê`n lên phía Bă`c và được phong làm "Nguyên Sư binh mã", thô`ng lĩnh chủ tướng thu hố`i thành Đông Kinh và Tây Kinh. Năm 758 ông được phong làm hoàng thái tử. Tháng 4 năm 762 Túc Tông chê`t, ngày Quý Tị tháng 4 Lí Phụ Quô`c lập ông làm hoàng đê`, đổi niên hiệu là "Bảo Úng".

Lí Dự tiê`p nhận ngôi báu, Lí Phụ Quô`c râ`t lộng hành và thường nói với Lí Dự: "Bệ hạ cứ việc nghỉ ngơi trong cung, mọi việc bên ngoài cứ để thâ`n lo liệu". Lí Dự tuy không bă`ng lòng nhưng binh quyê`n lại trong tay Phụ Quô`c ông đành phải câ`u toàn và gọi Lí Phụ Quô`c làm thượng phụ, mọi chuyện to nhỏ ông đê`u phải thông qua Lí Phụ Quô`c rô`i mới dám quyê`t định.

Năm 763, triê`u đìn dẹp yên được loạn An Sử. Nhưng di chứng của nó để lại râ`t nghiêm trọng, nguyên khí quô`c gia bị hao tổn, đang từ một vương triê`u hưng thịnh trở thành một vương triê`u suy

yêu. Phía Đông có phiên trấn cát cứ, phía Tây bị tộc Thổ Phiên gây nhiễu, phía Bắc bị tộc Hồi Ngặt dùng ngựa để đồi lụa là.

Lí Dục lại mê tín tin Phật Giáo, ông ta chiêm mộng thấy ruộng vườn và nhà cửa của nhân dân đều lây chay chùa chiêng, nên kinh tế tài chính của quốc gia ngày càng đi xuống.

Ngày Tân Dậu tháng 5 năm 779, Lí Dụ ôm nặng, ông sai triệu thái tử Lí Thích giám sát việc nước tuyên triều Quách Tử Nghĩa vào cung nhiếp chính. Tới hôm đó ông mất tại cung Trường An.

Hiệu miếu của ông được đặt là Đại Tông.

ĐỨC TÔNG (LÍ THÍCH) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Lí Thích (742-805). Ông là con trưởng của Đường Đại Tông. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì 26 năm, sau đó do thương xót thái tử (bị bệnh câm điếc) nên sinh bệnh mà chết. Hưởng thọ 64 tuổi, mai táng ở Sùng Lãng (nay thuộc huyện Kinh Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Năm 764 Lí Thích được lập làm thái tử, tháng 5 năm 779 Đại Tông chết, ngày Quý Hợi tháng 5 Lí Thích làm lễ đăng cơ, ông đổi niên hiệu là "Kiến Trung".

Trong thời gian trị vì, ông cho điều chỉnh chế độ tông thuỷ, ông có ý định chặt bỏ thế lực cát cứ Phiên Trấn, tăng cường chế độ tập quyền trung ương. Nhưng do sáp nhập không thỏa đáng, nghi kị tướng lĩnh vì vậy không đạt được thành quả mong muốn. Tháng 10 năm 783 tiết độ sứ ở Kinh Nguyên đã dẫn 5000 lính làm phản chiêm lĩnh Trường An. Lí Thích hoảng hốt chạy đến Phụng Thiên (nay thuộc huyện Càn tỉnh Thiểm Tây). Tháng 2 năm 784 tiết độ sứ ở Sóc Phương (nay thuộc phía Tây huyện Linh Vũ tỉnh Thiểm Tây) là Lí Hoài Quang tạo phản, Lí Thích lại phải chạy về Hán Trung, tháng 7 mới quay về Trường An. Từ đó ông nhân nhượng đói với Phiên Trấn. Về sau ông trọng hiền thanh Lí tát làm tể tướng, bắt tay

hòa bình với Hói Ngạt, tạm thời ổn định cục diện. Nhưng Lí Thích lại chọn dùng hoạn quan làm thô`ng sư, mở rộng c`âm quân, b`át các quan địa phương c`ô`ng tiê`n tài của và vật châ`t, thu thuê` chè... tăng áp lực với nhân dân khiê`n cho mâu thuẫn xã hội ngày một gay gă`t.

Mẹ đẻ của Lí Thích là Thẩm Thị vô`n cư trú trong cung Lạc Dương, trong cuộc loạn An Sử, bà ta lưu lạc ở đâu không rõ. Sau khi Lí Thích tiê`p nhận ngôi báu đã tôn bà ta làm thái hậu và sai người đi khă`p nơi tìm kiê`m bà ta. Một thời gian có Lão phu nhân tự xưng là thái hậu, những cung nǚ và hoạn quan trước đây phục vụ Thẩm Thị được vời đê`n cung để nhận mặt Thẩm Thị. Trong sô` các cung nǚ có một người tên là Lí Thận, trước đây cô ta từng hâ`u hạ k`ê` cận bên Thẩm Thị, cô ta nhớ có lâ`n Thẩm Thị chặt thịt đẻ nâ`u cháo cho Lí Thích, nhưng chẳng may bà ta phải chặt phải ngón tay út bên trái. Cô ta thâ`y bà lão giô`ng y hệt Thẩm Thị tuổi tác cũng trạc tuổi Thẩm Thị và ngón út tay trái cũng bị mâ`t, cô ta nhận định đây là Thẩm Thị. Liê`n nghênh đón bà lão vào cung và báo cho Lí Thích biê`t chuyện. Lí Thích vui mừng phong bà ta làm thái hậu. Nhưng được vài hôm con nuôi của Cao Lực Sĩ là Cao Thùa Thuyê`t mật báo với Lí Thích: bà lão đó không phải là Thẩm Thị mà là chị gái của anh ta, anh ta sợ chuyện liên lụy đê`n mình và bị rước họa vào thân nên đã tó` cáo sự thật với Lí Thích. Lí Thích sai cháu nuôi của Cao Lực Sĩ đi nhận mặt quả nhiên đúng là bà cô của anh ta và là con gái nuôi của Cao Lực Sĩ, lúc này lão phu nhân hoảng hâ`n xin nhận tội. Hóa ra thời trẻ bà ta thường sô`ng trong cung với Thẩm Thị, tướng mạo của hai người khá giô`ng nhau và tuổi tác giô`ng nhau, ngón út bên tay trái bị đứt do bà ta b`ổ dura không cẩn thận. Thâ`y hoàng hậu mong mỏi tìm mẫu thân, bà ta ham vinh hoa phú quý nên dựng lên màn kịch xâ`u xa đó. Cháu của bà ta trung thực b`ẩm báo xin tha tội cho lão phu nhân. Đức Tông cười đáp: "Trẫm vô`n dĩ bị mă`c lừa n`hiê`u lâ`n nhưng vẫn hy vọng có một lâ`n là sự thật, để thỏa mãn nguyện vọng. Nê`u trẫm trùng phạt lão phu nhân thì lâ`n sau có ai dám báo cáo chuyện thái hậu lưu lạc". Sau đó ông hạ lệnh phóng thích lão phu nhân, không hỏi han tội trạng, nhưng vẫn không tìm kiê`m được thái hậu Thẩm.

Tháng 1 năm 805 thái tử Lí Tụng bị trúng gió nên bị câm, Lí Thích thương xót cho sô` phận của con trai nên sô`t bệnh. Ngày Quý Tị ông

máy tại điện Hội Ninh. Hiệu miếu của ông được đặt là Đức Tông.

THUẬN TÔNG (LÍ TỤNG) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Thuận Tông, ông ta tên là Lí Tụng (761-806). Ông là con trưởng của Đường Đức Tông. Ông kế vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 8 tháng thì bị hoạn quan ép phải thoái vị, sau đó ôm chết. Hưởng thọ 46 tuổi. Mai táng ở Phong Lăng (nay thuộc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Tụng được phong làm Tuyên Vương. Năm 779 được lập làm thái tử. Ông không hài lòng với sự chuyên quyền của hoạn quan nên thường bàn bạc với Vương Thúc Văn và Vương Phê vạch kế hoạch cải cách triều chính và chú trọng chọn dùng nhân tài. Tháng 1 năm 805 Lí Tụng trúng gió nên bị câm. Đức Tông thương xót sô phận hẩm hiu của Lí Tụng nên bị ôm chết. Ngày Bính Thân tháng 1 ông lên tiêp nhận ngôi báu.

Sau khi đăng cơ, ông trọng dụng những học sĩ trong viện Hàn Lâm, ví dụ như: Vương Thúc Văn, Vương Phê, ông cho thực hiện cải cách và dùng những phương pháp cải cách của: Hàn Thái, Hàn Hoa. Liễu Tông Nguyên, Trần Gián, Trình Di... ông trừng phạt bọn tham quan... trong lịch sử gọi là "cuộc cách tân của Vĩnh Trinh". Nhưng cuộc cải cách này xâm phạm đến quyền lợi và lợi ích của bọn hoạn quan do đó Câu Văn Trần đã cảm thấy bọn hoạn quan và mượn danh nghĩa của Lí Tụng đã phê bỏ chức vị học sĩ Hàn Lâm của Vương Thúc Văn. Vương Thúc Văn lại cùng Lí Tụng vạch kế hoạch để thu hồi binh quyền của bọn hoạn quan, phái lão tướng Phạm Hi Triều đi tiếp quản quân Cảm vệ quân. Tướng lĩnh đại đô của cảm vệ quân lại là tay chân thân tín của hoạn quan nên ông ta từ chối giao quân đội. Tháng 8 năm 805, Lí Tụng lại bị trúng gió. Ngày Canh Tý, Câu Văn Trần liên kết với thế lực Phiên Trần, phản đối i công cuộc cải cách, bọn chúng lây Lí Tụng bị câm không thể quyết định mọi công việc nên đã ép Lí Tụng thoái vị và tôn ông làm thái thượng hoàng, đổi niên hiệu là "Vĩnh Trinh" và lập thái tử Lí Thuần lên kế

vị ngôi báu và trừng phạt phái cải cách của Vương Thúc Văn. Ngày Giáp Thân tháng 1 năm 806, Lí Tụng ôm ché t.

Hiệu miếu của Lí Tụng được đặt là Thuận Tông.

HIỆU TÔNG (LÍ THUẬN) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Hiệu Tông, ông ta tên là Lí Thuận (778-820). Ông ta là Đường Thuận Tông. Các hoạn quan ép Thuận Tông kê vị và lập Lí Thuận làm hoàng đế. Ông trị vì được 12 năm bị bọn hoạn quan hại độc ché t. Hưởng thọ 42 tuổi. Mai táng ở Cảnh Lăng (nay thuộc núi Kim Xí cách 13 km về phía Tây Bắc huyện Bố Thành tỉnh Thiểm Tây).

Lí Thuận được phong làm Quảng Lăng Vương. Thời Thuận Tông trị vì đã lập công làm thái tử. Tháng 8 năm 805 hoạn quan Câu Văn Trân ép Thuận Tông thoái vị, lập Lí Thuận làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Nguyên Hòa".

Sau khi Lí Thuận tiếp nhận ngôi báu, ông mưu cầu tước bá cát cứ Phiên Trấn, khôi phục sự thống nhất ở triều Đường. Hồi đầu, ông lợi dụng mâu thuẫn giữa Phiên Trấn để dẹp yên phản loạn của Lưu Tịch ở Tứ Xuyên và Lí Kỳ ở Giang Nam, chính đòn tài của và tông thuỷ ở vùng Giang Hoài chiêu hàng tiết độ sứ của Phiên Trấn ở vùng Hà Bắc là Điền Hoàng Chính, trọng dụng tướng Lí Sóc... tiêu diệt lực lượng của tiết độ sứ ở Hoài Tây là Ngô Nguyên Tê khién cho các tướng lĩnh ở Phiên Trấn liên tiếp đe n quy hàng, Trung Quốc tạm thời được thống toàn bộ. Nhưng trong cuộc chiến của Phiên Trấn ông ta lại tin tưởng hoạn quan, ông cho thái giám Thổ Đột Thừa Thôi làm chỉ huy cầm vệ quân. Thừa Thôi còn được phụ trách đạo hành doanh binh mã ở Hà Trung, Hà Dương Triết Tây..., các hoạn quan được dẫn binh đi chinh chiến, điều đó làm cho thế lực của bọn hoạn quan ngày một lớn mạnh. Các đại thần đều trình Lí Thuận nên phòng trừ thế lực của bọn hoạn quan, ông ta nhả định không nghe và trả lời một cách tự tin. "Thổ Đột Thừa Thôi chẳng qua cũng chỉ là một gia nô, cho dù thế lực của anh ta lớn như thế nào trẫm cũng không trừ bỏ anh ta, làm vậy khác gì nhô đi râu tóc của mình".

Sau khi giành được một số thành tựu, Lí Thuân cho rảnh mình lập được không ít chiêu công đồ i với thiên hạ, ông muốn tìm thuở c trường sinh bát lão để hưởng thụ mọi thú vui trong cuộc đời. Năm 818, ông hạ chiêu tìm kiếm phuơng sỹ. Tể tướng Hoàng Phụ Bác dẫn tới triều trình một tiên nhân tên là Liễu Tát và nói rảnh vì tiên nhân này có thể tìm ra phuơng thuở c trường sinh. Năm sau Lí Thuân bắt đầu dùng "thuở c trường sinh", tính tình ông đán hung ác và quái vật, thường trách mắng hoặc giết hại các hoạn quan. Bọn hoạn quan chia làm hai phái: phái của Thổ Đột Thừa Thôi muốn lập Lí Uẩn làm thái tử còn phái của Lương Thủ Hiền và Vương Thủ Đăng lại muốn giúp Lí Hanning kê vị ngôi báu.

Đêm ngày Canh Tí tháng 1 năm 820 hoạn quan Vương Thủ Đăng và Trân Chí Hoảng muôn ép Lí Hanning làm hoàng đế nên bọn họ vào tắm cung giết Lí Thuân sau đó chôn giữ ở cửa cung, không cho quan thảm vào bọn họ nói: "hoàng thượng uông thuở c trường sinh độc phát ra" và họ giả truyề u lập Lí Hanning lên ngôi, sau đó giết chết Thổ Đột Thừa Thôi.

Từ đó trở đi, chuyện lập hoặc phế bỏ hoàng đế thời triều Đường đế u do bọn hoạn quan thao túng. Hiệu miêu của Lí Thuân được đặt là Hiền Tông.

*

MỤC TÔNG (LÍ HĂNG) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Mục Tông, ông ta tên là Lí Hanning (792-824). Ông là con trai thứ ba của Hiền Tông. Bọn hoạn quan trong triều giết Hiền Tông và lập Mục Tông lên kế vị ngôi báu. Ông trị vì được 4 năm, ông sử dụng kim thạch nên bị chém. Hưởng thọ 33 tuổi. Mai táng ở Quang Lăng (nay thuộc huyện Bố Thành tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Hanning được phong là Kiến An Vương, sau đó được tân phong là Tùy Vương. Tháng 1 năm 820 Vương Thủ Đăng và Trân Chí

Hoă`ng giết Hiến Tông và ngày Bính Ngọ cùng tháng cùng năm đã lập Lí Hă`ng làm hoàng đế́. Ông đổi niên hiệu là "Trường Khanh".

Sau khi đứng ra tiếp nhận ngôi báu, ông ta ăn chơi trác táng sinh hoạt xa xỉ, đặc biệt ông rất thích xem kịch. Có một lấn, ông đến cung Hoa Thanh ông dẫn cá́m vê` quân đi săn, sau đó quay vê` cung ông lại cưỡi ngựa chơi cấu với các thái giám, lúc đó đột nhiên có một người ngã từ lưng ngựa xuống đất, con ngựa lao thẳng đến chỗ Lí Hă`ng, may mà có bọn thuộc hạ cứu giúp nên Lí Hă`ng không bị thương. Nhưng từ hôm đó Lí Hă`ng sinh ra sợ hãi, hai chân luôn bị co giật không thể đi lại được. Ông thường xuyên dùng kim thạch. Các đại thấn nhiếu lấn can gián ông đừng dùng, ông bê` ngoài nói không nhưng thực tế́ vẫn âm thấm dùng thuốc, và dùng liên tiếp do vậy dẫn đến thân thể bị thương tồn. Ông mấ́t ngày Nhâm Thân tháng 1 năm 828 tại điện Thanh Tư cung Trường An.

Hiệu miếu của ông là Mục Tông.

KÍNH TÔNG (LÍ TRẠM) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Kính Tông, ông ta tên là Lí Trạm (810-827). Ông là con trưởng của Đường Mục Tông. Ông tiếp vị sau khi Mục Tông chết. Ông trị vì được 2 năm thì bị hoạn quan mưu giết. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở Trang Lăng (nay thuộc thôn Hô` cách 30 vê` phía Đông Bắc huyện Tam Nguyên tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Trạm hô`i đấu được phong làm Ngạc Vương, vê` sau được đổi lại phong làm Cảnh Vương. Thời Mục Tông trị vì năm 824 đã lập: Lí Trạm làm hoàng thái tử. Tháng 1 năm 824, Mục Tông chết, ngày Bính Tí cùng tháng cùng năm Lí Mục đã làm lễ đăng cơ. Ông đổi niên hiệu là "Bảo Lịch".

Lúc Lí Trạm đứng ra tiếp nhận ngôi báu, ông ta mới có 16 tuổi. Bên trong triếu ông bị hoạn quan Vương Thủ Đăng và Lương Thủ Liêm độc quyến chèn ép, bên ngoài ông bị đại thấn Lí Phùng Cát, Ngưu Tă`ng Nác chuyên quyến lộng hành Lí Trạm chỉ là một công

cụ thuâ`n phục của bọn hoạn quan và triê`u thâ`n. Bản thân Lí Trạm lại hài lòng với cuộc sô`ng như vậy, ông thích sự hưởng lạc xa hoa phỏng túng, không quan tâm tới việc triê`u chính, hàng ngày thiê`t triê`u chỉ là hình thức mà thôi, ông lên thiê`t triê`u râ`t muộn và ngày nào cũng bă`t các đại thâ`n đợi chờ râ`t lâu. Một hôm có đại thâ`n khuyên ông nên chăm chỉ hơn vào công việc triê`u chính, không nên để cho bọn hoạn quan nă`m quyê`n. Vị đại thâ`n vừa nói được vài câu, Lí Trạm đã nổi giận đùng đùng sai người lôi đại thâ`n đó đi. Triê`u chính hỗn loạn, tướng lĩnh tiê`t độ sứ Phiên Trâ`n : Thành Đức, Ưng Châu, Ngụy Phó thuộc Hà Bă`c quay lưng với triê`u đình và tự chiê`m cứ một phuong. Nhân dân cũng phát sinh sự phản kháng. Công nân ở phuong nhuộm trong thành Trường An là Trương Thiê`u và một công nhân khác là Tô Huyê`n Minh, hai người đó liên kêt`t hơn 100 công nhân trong phuong nhuộm cùng nhau nổi dậy. Một hôm, Trương Thiê`u và Tô Huyê`n Minh hóa trang thành người trở cùi, họ mang cùi vào cung cho nhà bê`p, hơn 100 người trô`n trong xe cùi đó, tiê`n vê` cửa Ngân Đài. Binh lính thâ`y đô`ng cùi có vẻ khác lạ, sinh nghi liê`n đi đê`n kiểm tra, Trương Thiệu rút dao chém bọn lính. Quân khởi nghĩa chui ra khỏi đóng cùi câ`m vũ khí la hét xông vào triê`u điện. Lí Trạm và thái giám đang chơi câ`u trong điện Thanh Tư, ông ta vội vàng chạy trô`n trong cung của câ`m vệ quân. Cuô`i cùng, quân khởi nghĩa bị câ`m vệ quân bao vây, toàn bộ quân khởi nghĩa bị hy sinh hê`t. Cuô`i cùng, Lí Trạm vẫn chứng nào tật â`y ham chơi mãi uô`ng rượu.

Bình thường Lí Trạm râ`t thích chơi bóng và đâ`u vật, các thái giám thân hình mêm yê`u, thường bị thua cuộc, Lí Trạm không hài lòng ông ta cho chiêu nạp lực sĩ. Ông ta còn thích nửa đêm đi bă`t cóc lực sĩ nào không phục vụ ông ta sẽ bị đâ`y ải ra biên cương gia thuộc cũng bị liên lụy. Tiểu thái giám có lỗi lâ`m Lí Trạm ra tay đánh họ khiê`n họ máu me đâ`y mình bò lê`bò lê`t. Các hoạn quan và lực sĩ hận Lí Trạm vô cùng.

Ngày Tân Sửu tháng 12 năm 827, Lí Trạm đi săn cáo quay vê` cung, Lí Trạm cùng hoạn quan Lưu Khă`c Minh, Điê`n Phục Đáng, Hứa Văn Đoạn đi uô`ng rượu với Vương Gia Hiê`n, Thạch Tùng Khoan, Vương Duy Chân, Tô Tả Minh... uô`ng đê`n nửa buổi, Lí Trạm quay vê` phòng thay quâ`n áo Lưu Khă`c Thành thổi tă`t đèn,

Tô Tả Minh trốn trong phòng chém ché́t Lí Trạm, bọn họ loan báo Lí Trạm bị cảm đột ngột và đã qua đời.

Hiệu miếu của Lí Trạm được đặt là Kính Tông.

VĂN TÔNG (LÍ NGANG) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Văn Tông, ông ta tên là Lí Ngang (809-840). Ông là con trai thứ hai của Mục Tông và là em trai của Kính Tông. Bọn hoạn quan sau khi gié́t Kính Tông đã lập Lí Ngang làm hoàng đế́. Ông trị vì 14 năm bị hoạn quan giam lỏng nên uất úc mà ché́t. Hưởng thọ 32 tuổi. Mai táng ở Chương Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Ngang được phong làm Giang Vương. Ngày Tân Sửu tháng 12 năm 827 Kính Tông bị bọn hoạn quan gié́t ché́t, bọn chúng ngụy tạo di chié́u đón con trai của Hiến Tông là Lí Ngộ vào cung và tôn làm hoàng đế́. Hai hôm sau hoạn quan Vương Thủ Đăng và Lương Thọ Liêm chỉ huy cấm vệ quân xông vào cung gié́t Lí Ngộ, ngày Ấ́t Tị. Lập Lí Ngang làm hoàng đế́, ông đổi niên hiệu là "Thái Hòa".

Trong thời gian Lí Ngang trị vì, các triề́u thấn câu kết vây cánh, chính quyến do bọn hoạn quan thao túng sự sống ché́t của hoàng đế́ hoặc lập hoàng đế́ phế hoàng đế́ đếu do bọn hoạn quan quyết định. Lí Ngang một lòng muốn thanh trừ thế lực của hoạn quan, giành lại chính quyến, ông đếu bạt: Trịnh Chú làm khanh sứ và cho Lí Huấn làm tể tướng, ông vô cùng tin cẩn hai người đó. Theo lời khuyên của Trịnh Chú, ông cho thuộc hạ của Vương Thủ Đăng là Cữu Sĩ Thực làm trung úy của cấm vệ quân, quản lý một số cấm vệ quân nhấm tước đi quyến lực của Vương thủ Đăng trong quân đội. Lúc này Trịnh Chú được cử làm tiết đột sứ ở Phụng Tường, Lí Ngang cho phép Trịnh Chú lựa chọn vài trăm tân binh nhân cơ hội các hoạn quan đi đưa ma Vương Thủ Đăng và ra tay gié́t các hoạn quan. Để cướp công, Lí Huấn nhân cơ hội Trịnh Chú đi Phụng Tường

chiêu minh, nên vạch kẽ hoạch cho Lí Ngang, đầu tiên ra tay giết bọn hoạn quan sau đó đuổi theo Trịnh Chú.

Một ngày vào năm 835, Lí Ngang thiết triều. Lí Huân giơ tay chỉ cho các quan viên thây hoa trên cây thạch lựu Lí Huân nói đó là điêm lành, ông ta cùng bá quan văn võ chúc mừng hoàng thượng. Lí Ngang sai Lí Huân dẫn bá quan đi khảo sát tình hình cụ thể, Lí Huân quay về nói hoa bông đó không phải là thật. Lí Ngang cô ý tỏ ra ngạc nhiên, sai Cửu Sĩ Thực và Ngư Hoảng dẫn các hoạn quan ra xem xét lại tình hình. Lí Huân đã sai người mai phục sẵn. Thuộc hạ của Lí Huân là Hàn Uớc cũng đi trong đám hoạn quan, do biết trước tình hình nên đi gần đền chô mai phục Hàn Uớc mặt mày tái mét. Điều đó khiến Cửu Sĩ Thực sinh nghi, vừa hay một trận gió thổi đến, làm bay những cánh áo của quân mai phục, Cửu Sĩ Thực biết có chuyện liền quay người bỏ chạy, quay ra túm lấy Lí Ngang đang ngồi trên kiệu. Lí Huân vội túm lấy kiệu không thả ra nên bị bọn hoạn quan đẩy ngã lăn ra đất. Cửu Sĩ Thực sai người khênh kiệu vào cung, Lí Huân thây mưu kế bị bại lộ vội vàng chạy trốn khỏi kinh thành. Cửu Sĩ Thực chỉ huy cầm vệ quân bắt giữ và giết hại 1000 quan viên và đuổi theo Lí Huân giết chết Lí Huân ở núi Nam Sơn. Trịnh Chú nghe tin có biết vội dẫn quân quay về Phụng Tường và cũng bị giết chết.

Sau chuyện này Lí Ngang bị bọn hoạn quan giam lỏng cả ngày uống rượu làm thơ để quên nỗi sầu, than vãn cho số phận.

Tháng 1 năm 840, do quá uất nên Lí Ngang sinh bệnh, nầm liệt giường, ông sai gọi thuốc hạ thân tín để đỡ đỡ phải một lòng phụ giúp thái tử. Cửu Sĩ Thực và Ngư Hoảng chí biết tin, ngay đêm hôm đó bọn họ ngụy tạo di chiêu phế thái tử là Trân Vương và lập Lí Thiện làm hoàng thái đệ phụ trách việc xử lý việc quân và ép Lí Thiện thiết triều gấp một bá quan. Lí Ngang biết tin nhưng bó tay đành chịu quan thânh cũng không có ai dám phản đối.

Lí Ngang mất ngày Tân Tị tháng 1 840 tại điện Thái Hòa cung Trường An.

Hiệu miếu của Lí Ngang được đặt là Văn Đέ.

VŨ TÔNG (LÍ VIÊM) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Vũ Tông, ông ta tên là Lí Viêm (814-846). Ông là con trai thứ năm của Mục Tông, em trai của Văn Tông. Sau khi Văn Tông chê t, bọn hoạn quan nguy tạo di chiêu lập Lí Viêm làm hoàng đế. Ông trị vì được 6 năm bị bệnh chê t. Hưởng thọ 33 tuổi. Mai táng ở Doan Lăng (nay thuộc thôn Đăng Trương cách 30 km về phía Đông Bắc huyện Tam Nguyên tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Viêm được phong làm Dĩnh Vương. Thời Văn Tông bị bệnh nặng, Cửu Sĩ Thực nguy tạo chiêu lập Lí Viêm làm hoàng thái đệ. Ngày Tân Tị tháng 1 năm 840 Văn Tông chê t, Lí Viêm đứng ra tiếp vị. Ông đổi niên hiệu "Hội Xương".

Lí Mễ nghe lời xàm tâu của Cửu Sĩ Thực nên ra lệnh giết thái tử Lí Thành Mĩ và em trai là An Vương Lí dung... nhầm cung cô ngõi vị. Ông ta phong Lí Đức Dục làm tể tướng, ông kìm né sú ức chê đô i với hoạn quan và Phiên Trân, chiêu phục nghĩa quân, chặn đứng sự mở rộng cát cứ của tiết độ sứ ở Đông Dương. Thời đó, thế lực của tăng ni trong Phật Giáo rát bành trướng, năm 845, Lí Mễ hạ chiêu "phê trừ phật pháp", tháo dỡ 44600 ngôi chùa, bắt ép hơn 260.000 tăng ni quay về hoàn tục, ruộng đất của nhà chùa được xung vào quỹ của quốc gia. Điều này là một đòn chí tử đánh vào thế lực phật giáo, trong lịch sử gọi là "Hội xương diệt Phật". Nhưng, Lí Viêm lại mê tín vào đạo giáo, thường uống kim thạch, sống hoang dâm vô độ, năm 32 tuổi bị bệnh thân hình tiêu tụy. Ông mất ngày Giáp Tí tháng 3 năm 846 tại cung Đại Minh thành Trường An.

Sau khi ông chê t lập hiệu miêu là Vũ Tông.

TUYÊN TÔNG (LÍ THÂM) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Tuyên Tông, ông ta tên là Lí Thâm (810-859). Ông là con trai thứ 13 của Hiền Tông và là chú của Vũ Tông. Vũ Tông chê t, Lí Thâm được bọn hoạn quan lập làm hoàng đế. Ông trị vì 14 năm, ông bị

bệnh do dùng kim thạch. Hưởng thọ 50 tuổi, mai táng ở Chinh Lăng (nay thuộc huyện Kinh Dương tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Thâ`m được phong làm Quang Vương, ngày Giáp Tí tháng 3 năm 846 Vũ Tông ô`m chê`t, hoạn quan Mã Nguyên Chí, ngay ngày hôm đó đón Lí Thâ`m vê` cung lập làm hoàng đế` . Ông đổi niên hiệu là "Đại Trung".

Sau khi lên tiê`p vị, Lí Thâ`m cho phục hưng Phật giáo xây dựng lại những ngôi chùa mà trước đây bị Vũ Tông cho tháo dỡ, tăng ni được quay vê` chùa chiê`n, thời này thê` lực của tộc Hô`i Ngật, Thổ Phiên đã bị suy vi, thu lại được vùng Sa Châu, nhưng mâu thuẫn trong nội bộ triê`u Đường vẫn không giảm bớt.

Năm 859, Lí Thâ`m tròn 50 tuổi, sức khỏe ông ta ngày một suy yê`u, ông nghe lời Phương sĩ Lí Nguyên Bá nêu dùng Thạch kim. Thời gian đâ`u ông thâ`y sức khỏe được bình phục, nhưng được một thời gian (khoảng tháng 8) thuô`c bă`t đâ`u phát tác, lung ông mọc đâ`y mụn nhọt nă`m liệt giường không dậy được. Ngày Quý Tị, ông bị bệnh mâ`t tại điện Hàm Ninh cung Trường An.

Hiệu miê`u của Lí Thâ`m được đặt là Tuyên Tông.

NGHỊ TÔNG (LÍ THÔI) (TRIỀ`U ĐƯỜNG)

Nghị Tông, ông ta tên là Lí Thôi (828-874) Ông là con trưởng của Đường Tuyên Tông. Tuyên Tông chê`t, các hoạn quan lập Lí Thôi làm hoàng đế` . Ông trị vì 14 năm bị bệnh chê`t. Hưởng thọ 47 tuổi. Mai táng ở Giản Lăng huyện Phú Bình tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Thôi được phong làm Vận Vương. Vào những năm cuô`i đời Tuyên Tông râ`t thích con trai thứ ba của mình là Lí Từ, Tuyên Tông định lập Lí từ làm thái tử. Nhưng nê`u phê` trưởng lập thứ là chuyện khó châ`p nhận. Ông ta lo nê`u làm vậy sẽ gây ra nội chiê`n, do vậy

mặc dù yêu quý con thứ nhưng không dám đưa ra quyết định. Lúc lâm chung Tuyên Tông sai gọi ba đại thần thân tín, ví dụ Vương Tông Thực vào tắm cung dặn bọn họ lập Lí Từ làm thái tử, nhưng chưa kịp viết di chiêu thì đã qua đời. Hoạn quan Vương Tông Thực và Vương Quy Trưởng bất hòa với nhau, vì thế Vương Quy Trưởng đón Lí Thôi vào cung và lập làm thái tử. Ngày Quý Tị tháng 8 năm 860 Lí Thôi lên ngôi hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Hàm Thông". Lí Thôi thích du lâm và mổ tiệc tùng, trong nội cung ông ta nuôi dưỡng 500 nhạc công. Mỗi tháng phải đền mười mây lanh mỏ yến tiệc, sơn hào hải vị đều được bày ra trong bàn tiệc, lúc đi ra ngoài du lâm, tùy tùng theo hàng hơn 10.000 người, hao tốn nhiều tiền của. Nhạc công Lí Hà Cập nhờ có tài đàn ca nên được Lí Thôi sủng ái, Lí Thôi phong Lí Hà Cập làm tướng quân. Đại thần Lưu Thoái Thượng ra sức can ngăn chuyện lập Lí Hà Cập làm tướng quân nên bị Lí Thôi phế làm Hoa Âm lệnh. Công chúa bị ôm nặng, Lí Thôi ra lệnh cho 20 đại phu thay phiên nhau chữa trị, nhưng đều không có hiệu quả. Công chúa ôm chết. Lí Thôi sai giết 20 đại phu đó và giam hơn 300 người thân thuộc của các đại phu đó vào đại lao. Lúc đưa ma công chúa đội hộ tang kéo dài mươi dặm, ông ta sai khắc vàng ở cửa mộ, vàng bạc châu báu tuẫn táng phải đền 120 xe. Cứ ở một đoạn đường lại có vài trăm người dùng châu báu rải dọc đường, bà con trăm họ nhặt được vô số.

Năm 874, ông bị bệnh nặng, mọi phương pháp chữa trị đều vô hiệu. Ông mất ngày Tân Tỵ tháng 7 tại điện Hâm Ninh cung Trường An.

Hiệu miếu của ông được đặt là Nghị Tông.

HI TÔNG (LÍ HUYÊN) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Hi Tông, ông ta tên tự là Lí Huyên (862-888). Ông là con trai thứ năm của Đường Nghị Tông. Nghị Tông chết các hoạn quan nguy tạo di chiêu lập Lí Huyên làm hoàng đế. Ông trị vì được 15 năm, bị bệnh chết, hưởng dương 27 tuổi. Mai táng ở Tĩnh Lăng (nay thuộc huyện Càn tỉnh Thiểm Tây).

*

Lí Huyên được phong làm Tán Vương. Lúc Nghị Tông bị ôm nặng, hoạn quan Lưu Hành Thân và Hàn Văn Uớc đã nguy tạo di chiêu lập Lí Huyên làm thái tử. Ngày Tân Tị tháng 7 năm 874 Nghị Tông chết, cùng ngày hôm đó bọn họ lập Lí Huyên làm hoàng đế và đổi niên hiệu là "Cần Phù".

Sau khi đăng cơ, Lí Huyên để cho hoạn quan Đién Lệnh Tôn thao túng triều chính. Đầu tay bị bọn cường hào địa chủ thôn tính. Một nửa nông dân trong nước không có ruộng và phải đi lưu vong, mặt hàng gì cũng bị đánh thuế má, tập đoàn giai cấp thô ng trị sô ng xa hoa, thêm vào đó thiên tai xảy ra liên miên, khiến cho mâu thuẫn giai cấp ngày càng trầm trọng, do vậy dẫn đến khởi nghĩa nông dân.

Tháng 11 năm 880, quân khởi nghĩa của Hoàng Sào tiến vào Trường An, Lí Huyên hoảng hốt chạy đến Tứ Xuyên, tháng 3 năm 885 ông ta mới quay về Trường An. Được một thời gian lại bị quân phản loạn đánh khiến ông ta quay về kinh. Triều Đường lâm vào cảnh suy tàn.

Ngày Quý Mão tháng 3 năm 888, Lí Huyên mất tại điện Vũ Đức cung Trường An.

Hiệu miếu của ông được đặt là Hi Tông.

CHIÊU TÔNG (LÍ NGHIỆP) (TRIỀU ĐƯỜNG)

Chiêu Tông, ông ta tên là Lí Nghịệp (867-904) Ông là con trai thứ bảy của Nghị Tông và là em trai của Hi Tông. Ông kế vị sau khi Hi Tông chết. Ông trị vì 16 năm thì bị Chu Ôn giết hại. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Hòa Lăng (nay thuộc huyện Yên Sơ tỉnh Hà Nam).

*

Lí Nghịệp được phong làm Thọ Vương. Vài lần Hi Tông đuổi Lí Nghịệp đi, nhưng Lí Nghịệp đều đi theo bạn thuộc hạ nên lại được

coi trọng. Hi Tông ăn năn, con trai của Hi Tông tuổi còn quá nhỏ, không thể kế vị. Do vậy đại thần Dương Phụ Cung đề nghị lập Thọ Vương làm hoàng đế. Hi Tông chấp nhận lời đề nghị và hạ chiếu thư phong Lí Nghiệp làm hoàng thái đệ, được phép quản lý việc nước và sai hoạn quan trung úy Lưu Quý Thuật đón Lí Nghiệp vào cung. Hai hôm sau Hi Tông chết. Ngày Ất Tị tháng 3 năm 888, Lí Nghiệp được tiết phán nhận ngôi báu, ông đổi niên hiệu là "Long kỉ".

Trong thời gian Lí Nghiệp trị vì: phe phái của hoạn quan, triều thần và phiên trấn đê u đâ u đá lẩn nhau nhầm tranh giành quyền khống chế chính phủ trung ương, đâ u tranh gay gắt, phiên trấn dâ i trên gạt dưới, chiên loạn không ngừng, hoàng quyền bị lung lay.

Năm 900, bốn hoạn quan được mệnh danh là "Tứ quý" gồm có: Lưu Quý Thuật, Vương Trọng Tiên, Vương Ngan Phạm, Tề Thất hợp nhau phê truất Lí Nghiệp. Một hôm Lí Nghiệp bị say rượu, bọn họ dẫn cám vệ quân xông vào hoàng cung bắt và nhốt Lí Nghiệp, lập con của Lí Nghiệp là Lí Dục làm hoàng đế. Lúc này Chu Ôn là người mạnh nhất phiên trấn, anh ta sớm có ý định đoạt giang sơn của triều Đường. Anh ta thấy Lí Dục làm hoàng đế nên sai thuộc hạ thân tín là Tương Huyễn Quân bí mật đột nhập vào Trường An câu kết với tể tướng, năm 901 định phát động Cảm vệ quân giết bốn hoạn quan "Tứ quý" và giúp Lí Nghiệp khôi phục ngôi vị. Nhưng bọn hoạn quan biết chuyện đã dẫn Lí Nghiệp đến Phụng Tường (nay là huyện Phụng Tường tỉnh Thiểm Tây), đâ u hàng tiết độ sứ Lí Đặc Trinh. Chu Ôn dẫn quân bao vây Phụng Tường, khiến trong thành cạn kiệt lương thực, quân trong thành lại gấp phải thời tiết mưa tuyết lạnh buốt, nên bị chêết đói và chêết công. Lí Đặc Trinh đành đồng ý điều kiện của Chu Ôn đưa ra: giết hết số hoạn quan đã hàng phục, trao trả Lí Nghiệp. Từ đó Chu Ôn mượn danh thiền tử để trị vì thiên hạ, khống chế chính quyền trung ương.

Năm 904, Chu Ôn hộ tống Lí Nghiệp dời đô về Lạc Dương. Đến Thiểm Châu (nay là huyện Thiểm tỉnh Thiểm Tây), Chu Ôn sai giết hết hơn 200 tùy tùng của Lí Nghiệp và thay người của mình vào vị trí đó. Lí Nghiệp âm thầm sai người đưa thư tới phiên trấn ở bốn phương mong bọn họ cứu giúp. Lúc Lí Nghiệp đi qua Hoa Châu

(nay là huyện Hoa tinh Thiểm Tây) bà con trăm họ nhìn thấy ông, họ đếu hô "Vạn tuế", Lí Nghiệp đã khóc và đáp: "Mọi người không cầ́n phải tung hô "Vạn tuế", tôi không còn là thiên tử nữa rối". Ông nói tiếp: "Lấn phiêu dạt này, không biết bao giờ mới có cơ hội quay về Trường An". Nói xong ông lại khóc rất đau khổ. Đến Lạc Dương, Lí Nghiệp bị giám sát nghiêm ngặt, không khác gì chim bị nhốt trong lống. Lúc này, bốn tướng lính ở Phiên Trấn là Lí Khắc Dụng, Lí Đặc Trinh, Vương Kiến, Dương Hành Mật đếu nhận được mật thư của Lí Nghiệp, bọn họ đếu phát binh phô trương thanh thế phản đồ́i Chu Ôn và giương cao khẩu hiệu sẽ trợ giúp Lí Nghiệp. Chu Ôn thấy giữ lại Lí Nghiệp là điếu không có lợi liến sai người đến Lạc Dương tìm cách giết Lí Nghiệp.

Ngày Nhâm Dấn tháng 8 năm 904, Lí Nghiệp cư trú ở điện Tiêu. Tương Huyến Quân và Sư Thái đang đêm dẫn hơn 100 người vào cung, trả vò nói có việc quân quan trọng cầ́n bẩm báo cho hoàng thượng. Quân lính giữ cửa không nghi ngờ liến mở cửa cung cho Tương Huyến Quân. Bọn chúng xông vào hậu cung, Tương Huyến Quân tìm thấy Lí Nghiệp ở phòng của Chiêu Nghĩa Lí Triết Vinh. Lí Nghiệp thấy có biến liến chạy trốn, nhưng bị vấp phải Sư Thái Lí Triết Vinh thân đỡ cho Lí Nghiệp, Sư Thái chém Lí Triết Vinh và Lí Nghiệp chết. Chu Ôn trả vò không biết chuyện, quỳ trước linh cữu khóc lóc vật vã.

Lí Nghiệp chết, đặt hiệu miếu là Chiêu Tông.

AI ĐẾ (LÍ XỨ) (TRIẾU ĐƯỜNG)

Ai Đế, ông ta tên là Lí Xử (892-908). Ông là con trai thứ chín của Đường Chiêu Tông. Chu Ôn giết chết Chiêu Tông và lập Lí Xử làm hoàng đế́. Ông trị vì được 3 năm, bị Chu Ôn phế truất và hạ độc. Hưởng thọ 17 tuổi. Mai táng ở Ôn Lăng (nay thuộc huyện Hà Trạch tỉnh Sơn Đông).

*

Lí Xử được phong làm Huy Vương. Tháng 8 năm 904 Chu Ôn sát hại Chiêu Tông và ngày Bính Ngọ cùng tháng đã lập Lí Xử làm hoàng đế.

Lúc Lí Xử đăng cơ, ông ta mới có 13 tuổi, do đó Chu Ôn ráo t chuyên quyền. Lí Xử không dám đổi niên hiệu vẫn dùng niên hiệu cũ của Chiêu Tông.

Năm 907, Chu Ôn tàn sát tông thất nhà Đường sau đó lại giết thái hậu Hà. Ngày Giáp Tí tháng 4 Chu Ôn ép Lí Xử thoái vị và phế xuông làm Tề Âm Vương, áp giải Lí Xử đến cù trú tại Tào Châu (nay là huyện Tào tỉnh Sơn Đông) và sai lính giám sát. Tháng 2 năm 908 Chu Ôn sai người đến Tào Châu hại độc giết Lí Xử.

Hiệu miếu của Lí Xử là Ai Đế, về sau, hậu đường Minh Tông đã đổi lại hiệu miếu cho Lí Xử là Chiêu Tuyên Đế.

Triều Đường bị diệt vong.

TRIỀU THỔ PHIÊN

(Năm 629-846, tổng cộng 218 năm)

Phố Phiên do dân tộc Tạng tạo dựng lên. Thời kỳ hưng thịnh đã chiêm cù được vùng đất khu tự trị dân tộc Tạng ngày nay, thế lực mở rộng đênh: khu tự trị Duy Ngô Nhĩ (Tân Cương) và tỉnh Thanh Hải - phía tây tỉnh Tứ Xuyên. Tùng Tân Can Bô đã kết hôn với công chúa Văn Thành (triều Đường) và khi Diệt Tô kết hôn với công chúa Kim Thành, đây là điều kiện tốt để tạo môi giao lưu văn hóa kinh tế giữa triều Đường và triều Thổ Phiên. Thổ Phiên đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển môi giao lưu văn hóa giữa hai tộc Hán - Tạng.

Vương triều Thổ Phiên có 11 đại vương trong đó có hai người chết trong nội chiến, hai người bị giết chết, một người bị ép chết, một người bị bắt chết, 5 người bị bệnh chết.

ĐẠI VƯƠNG LĂNG NHẬT LUẬN (LUẬN TÁN LỘNG TƯƠNG) (TRIỀU THỔ PHIÊN)

Tù trưởng Lăng Nhật Luận ông ta tên là Luận Tán Lộng Tương (? - 629). Ông vốn là thủ lĩnh của tộc Thổ Phiên về sau ông thống nhât Cao nguyên Tây Tạng và được tôn làm đại vương. Ông trị vì 11 năm, bị bọn quý tộc cũ hại độc chết. Mai táng ở Đôn Khả Đạt Cõng Nhật Lăng.

*

Luận Tán Lộng Tương được kế vị chức vị thủ lĩnh tộc Thổ Phiên, chức vị này do cha ông truyền lại. Thời ông làm thủ lĩnh, thế lực hùng mạnh, tư tưởng nhạy bén, háng hái lo toan việc nước việc dân, năm 620 ông tân công tiêu diệt tộc Tô Tì, thống nhât cao nguyên Tây Tạng và được tôn là tù trưởng Lăng Nhật.

Sau khi thống nhât cao nguyên Tây Tạng, ông trọng dụng những tông lop quý tộc mới gây ra sự thù hận của giai cấp quý tộc cũ. Một

buổi tối, giai cấp quý tộc cũ nổi loạn và thừa cơ giết Luận Tán Lộng Tương, triều Thổ Phiên lại rơi vào tình trạng phân chia.

TÙ TRƯỞNG KHÍ TÔNG LỘNG (TÙNG TÁN CÁN BỘ́) (THỔ PHIÊN)

Tù trưởng Khí Tông Lộng ông ta tên là Tùng Tán Cán Bố (617-650). Ông là con trai của tù trưởng Lăng Nhật Luận sau khi Lăng Nhật chết, Tùng Tán Cán Bố lên kế vị. Ông trị vì 22 năm, bị bệnh chết hưởng thọ 34 tuổi. Mai táng ở Á Long Kinh Bảo Lăng.

*

13 tuổi, Tùng Tán Cán Bố đã tinh thông việc cưỡi ngựa bắn cung và đấu kiếm, đặc biệt ông thích thơ ca, ông giỏi làm thơ và được dân trong bộ tộc yêu quý. Tù trưởng Lăng Nhật Luận bị giết hại, Tùng Tán Cán Bố lên kế vị, ông dựa vào những quý tộc hạng nhỏ và hạng trung, vận dụng trí tuệ và sự dũng cảm của mình, đấu trí không ngừng cuối cùng cũng trừng phạt được kẻ giết cha mình và bình định phản loạn duy trì và bảo vệ sự thống nhất của vương triều Thổ Phiên. Sau khi dời đô đền La Ta (nay thuộc thành phố Lạp Tát khu tự trị Tây Tạng), đặt định chế độ quan lại và pháp luật xây dựng lên một chính quyền nô lệ hùng mạnh, sáng lập ra vương triều Thổ Phiên.

Thời gian này là niên giám Trịnh Quán (thời hoàng đế Đường Thái Tông), Tùng Tán Cán Bố ước ao được tiếp tục với nền văn minh của nhà Đường, ông muốn kết nối thâm giao với triều đình Đường. Từ năm 634 trở đi, ông nhiều lần phái sứ giả tới triều Đường cầu hôn. Năm 640 ông lại phái đại tướng Lục Đông Tán (chức vị đại tướng ở triều Thổ Phiên tương đương với chức tể tướng ở triều Đường) đền Trường An xin cầu hôn. Đường Thái Tông quyết định mở một cuộc thi để thử tài và trí thông minh của bọn họ, nhằm chọn ra một người tài giỏi nhất trong bọn họ rồi mới quyết định chuyện hôn nhân. Đường Thái Tông sai đem ra một viên minh châu và một sợi tơ rô i sai họ luồn sợi tơ qua viên minh châu. Lục Đông Tán xin cho một con kiê n và một sợi lông đuôi ngựa, ông lồng sợi lông ngựa

qua viên minh châu rô`i cho con kiê`n kéo sợi tơ bò trên sợi lông đuôi ngựa đó. Quả nhiên sợi tơ lô`ng quan được viên minh châu.

Đường Thái Tông lại muô`n các sứ thâ`n phân biệt mô`i quan hệ mẹ con của một trăm con ngựa mẹ và một trăm con ngựa con theo từng cặp một. Lục Đông Tán đem bỏ đói những chú ngựa con đó một ngày, sau đó mới dẫn đi gặp ngựa mẹ, vừa nhìn thâ`y ngựa mẹ các chú ngựa con dào dào chạy đê`n mẹ mình để bú sữa, do vậy ông ta chẳng cầ`n mâ`t công bao lâu đã phân biệt được mô`i quan hệ mẹ con giữa những chú ngựa.

Tô`i hôm đó, Đường Thái Tông triệu tập các sứ thâ`n vào xem kịch. Sau khi xem xong, Đường Thái Tông muô`n các sứ thâ`n tự tìm đường vê` kí túc, xem ai tìm được đâ`u tiên. Lúc đi vào hoàng cung, Lục Đông Tán nghĩ mình mới đê`n Trường An lâ`n đâ`u còn chưa quen đường xá, vì vậy ông ta sai tùy tùng lâ`y một cuộn chỉ hô`ng để đánh dâ`u đường đi, do đó ông ta lâ`n theo dâ`u chỉ vê` nhà một cách nhanh chóng, còn bô`n sứ thâ`n kia mãi đê`n gâ`n sáng mới tìm được đường vê`.

Cuô`i cùng, Đường Thái Tông muô`n các sứ thâ`n phải tìm được công chúa Văn Thành trong 2500 cô gái trẻ đẹp Lục Đông Tán lại nhờ vào tài trí của mình đã tìm ra công chúa Văn Thành trong sô` họ.

Đường Thái Tông nêu ra năm vâ`n đê` khó khăn, nhưng những vâ`n đê` đó đê`u bị Lục Đông Tán dùng tài trí để gỡ bỏ và giải đáp. Đường Thái Tông râ`t vui bởi ông ta nghĩ sứ giả tài trí thông minh như vậy thì quân vương của họ nhâ`t định sẽ anh minh, do đó Đường Thái Tông quyê`t định gọi công chúa cho Tùng Tân Cán Bô`.

Công chúa Văn Thành là con gái của hoàng tộc lúc đó đã 24 tuổi. Cô ta thông minh xinh đẹp, cô ta được râ`t nhiê`u sách nên râ`t tài hoa. Đường Thái Tông cho cô ta của hó`i môn râ`t nhiê`u, trong đó có các vật dụng hàng ngày, vàng bạc châu báu, lụa là gâ`m vóc, ngoài ra còn có các sách vê` lịch sử văn học, y học, thực vật, khoa học kỹ thuật và sách lịch pháp thiên văn... Năm 641 công chúa Văn Thành mang theo cung nữ, quan lại của hó`i môn đê`n triê`u Thổ Phiên. Tùng Tân Cán Bô` đích thân dẫn quân đội đi đón công chúa và tổ

chức hôn lễ rất long trọng. Sau khi tổ chức hôn lễ Tùng Tán Cán Bố dẫn công chúa về`đô thành La ta. Trên đường đi, nhân dân triê`u Thổ Phiên nhiệt tình chào đón công chúa, lúc đi đến Thúc Ngọc thuộc Thanh Hải (nay thuộc Châu tự trị tộc Tạng của Ngọc Thúc thuộc Thanh Hải, công chúa đã dạy cho dân cư ở đó cách cày ruộng trô`ng lúa phát triển sản xuất, ngày nay ở Ba Đường thuộc phía Nam Ngọc Thúc vẫn còn tò`n tại di tượng của công chúa Văn Thành. Lúc đến thành La Ta nhân dân ở đó mặc quâ`n áo ngày lễ đến chào đón công chúa.

Đông Tán Cán Bố cảm động nói: "Đời cha ông của tôi, không có cơ hội tạo lập mới quan hệ hôn nhân với Thượng Quốc, hôm nay tôi có thể nghênh đón công chúa đại đường về` làm vợ, quả thật là một niê`m vinh hạnh. Tôi muốn xây tặng nàng một tòa thành để làm kỉ niệm, cho con cháu muôn dân đê`u biết". Ông ta phỏng theo phong cách kiến trúc của nhà đường xây tặng công chúa Văn Thành một cung điện nguy nga tráng lệ. Ngày nay ở thành phố Lạp Tất vẫn bảo tô`n di chỉ động phòng và tượng chân dung của hai người đó.

Công chúa Văn Thành giúp nhân dân Thổ Phiên cách dùng lịch pháp, dạy phụ nữ dệt vải. Nê`n văn hóa tiên tiến của triê`u Đường đã thúc tiến sự phát triển của xã hội Thổ Phiên.

Công chúa Văn Thành và Tùng Tán Can Bố có vai trò quan trọng trong việc phát triển mô`i quan hệ văn hóa giữa hai tộc Hán - Tạng.

Thành ý của Tùng Tán Cán Bố là kết bạn đối với công chúa nhă`m thiết lập mô`i quan hệ hữu hảo giữa hai tộc Hán Tạng. Năm 648, sứ thâ`n của triê`u Đường là Vương Huyê`n Sách xuất sứ sang Thiên trúc (nay là Á`n Độ) sứ giả các nước đê`u tặng đô` vật cho Vương Huyê`n Sách. Trên đường trở về` Vương Quyê`n Sách bị cướp và chạy vào Thổ Phiên. Tùng Tán Can Bố phái 1200 quân tinh nhuệ, 7000 kị binh, đi đánh bọn cướp sau đó giao trả lại cho Vương Huyê`n Sách mang vê` Trường An.

Năm 649 Đường Huyê`n Tông mất, Cao Tông lên kế vị Tùng Tán Cán Bố gửi thư cho Tể tướng võ kỵ nói: "Thiên tử mới lên ngôi, nê`u có đại thâ`n nào bâ`t trung, tôi sẽ mang quân loại bỏ họ". Ông

còn mang 15 loại vàng bạc châu báu để cúng tế Đường Thái Tông. Cao Tông thấy ông ta có thành ý tốt đẹp nên phong làm Bình Vương.

Tháng 5 năm 650, ông bị ôm chết tại đô thành La Ta triều Đường sai sứ thần mang chiếu thư chia buồn của hoàng đế đến thành La Ta đọc trước linh cữu.

Năm 680, công chúa Văn Thành chết. Nhân dân Thổ Phiên để tưởng nhớ công chúa nên chọn hai ngày để làm lễ kỉ niệm. Một ngày là ngày 15 tháng 10, đây là ngày sinh nhật của công chúa, ngày này tất cả người đều tới chùa cầu phúc. Một ngày là ngày 7 tháng 5, các cô gái đều đội hoa nhảy múa, ca ngợi công đức của công chúa.

ĐẠI VƯƠNG KHÍ MANG LUẬN MANG (TRIỀU THỔ PHIÊN)

Đại vương Khí Mang Luận Mang (? - 676). Ông là cháu của Tùng Tân cán Bộ, ông kế vị sau khi Tùng Tân Cán Bộ chết. Ông trị vì 26 năm, thì ôm chết. Mai táng ở Nga Tây Thi Bảo Lăng.

Cha của Khí Mang Luận Mang chết sớm, ông ngoại là Tùng Tân Cán Bộ mang về nuôi dưỡng. Tháng 5 năm 650 ông ngoại chết, Khí Mang Luận Mang được lên kế vị.

Do còn nhỏ tuổi, nên công việc triều chính đều do cha con đại tướng Lục Đông Tán nắm giữ. Cha con họ độc đoán triều đình, hoàn thiện nội tổ chức chính quyền của vương triều và vạch định ra điều giới, thực hiện cải cách, khiến cho sức lực quốc gia đại hùng mạnh, chinh phạt tộc Tây Tạng, và đánh tranh với triều giành quyền thôn tính bộn trấn ở An Tây tần công Ba Thục, chiếm lĩnh 12 châu vùng biên giới của triều Đường nơi dân tộc Khương cư trú, đây là thời kỳ hưng thịnh trong mặt quân sự của triều Thổ Phiên.

Năm 676, Khí Mang Luận Mang ôm chết.

Ông ta còn có tên là Mang Tùng Mang.

ĐẠI VƯƠNG ĐÔ TÙNG MANG BÔ` KÊ` T (TRIỀ` U NHU NHIỄN THỒ PHIÊN)

Đô Tùng Mang Bô` Kê` t (? - 704). Ông còn có tên là Khí Đô Tùng. Ông là con của Khí Mang Luận Mang. Ông tiếp vⁱ sau khi Khí Mang Luận Mang chê` t. Ông trị vⁱ đ^u được 28 n^{ăm}, bị bệnh chê` t trên đ^uờng đi hành quân xuô` ng ph^{ía} Nam. Mai táng ở La Nhật Lăng.

*

Trong thời gian Đô Tùng Mang Bô` Kê` t trị vⁱ, con trai của đại tướng Lục Đông Tán (thời Tùng Tán Cán Bô` trị vⁱ) là Luân Khâm Lăng có thê` lực bành trướng, quyê`n lực của Luận Khâm Lăng bao trùm khă` p triề` u đ^unh.

Năm 698, Đô Tùng Mang Bô` Kê` t lâ` y danh nghĩa đ^u săn đ^uễn quân đi chinh phạt vùng Thanh Hải. Ông nhân cơ hội Luận Khâm Lăng ra ngoài chinh chiê`n n^{ên} tiêu diệt 2000 vây cánh của Luận Khâm Lăng. Luận Khâm Lăng khởi binh phản kháng nhưng bị đánh bại và phải tự sát ở Tông Khách (nay thuộc huyện Hoàng Trung tỉnh Thanh Hải). Từ đó gia tộc b^ộ Lục tuy^{ên} bô` k^{ết} thúc cục diện khô` ng chê` vương triề` u Thổ Phiê`n.

Đô Tùng Mang Bô` Kê` t phái quân đi chinh phạt vùng Nhĩ Hải (nay thuộc huyện Nhĩ Hải tỉnh Vân Nam), thu phục các bộ lạc. V^en sau triề` u Đường lợi dụng thời cơ các quý tộc ở Thổ Phiên mâu thuẫn với Đô Tùng Mang Bô` Kê` t đ^ể tránh cướp viêc chinh phạt các bộ tộc ở Nhĩ Hải. năm 703 Đô Tùng Mang Bô` Kê` t lại thô` ng lĩnh quân đội xâm chiê`m địa khu Nhĩ Hải. Năm 704 ông m^at trên đ^uờng hành quân ở Tương Vực (nay là nơi nào kh^ông khảo sát rõ).

ĐẠI VƯƠNG KHÍ DIỆT TÔ (TRIỀ` U THỒ PHIÊN)

Khí Diệt Tô (697-755). Ông là con trai Đô Tùng Mang Bô` Kê` t. Ông kế` vⁱ sau khi Đô Tùng Mang Bô` Kê` t chê` t. Ông trị vⁱ 51 n^{ăm}, bị hạ thâ`n hại chê` t, hưởng thọ 58 tuổi. Mai táng ở La Nhật Chu Ngang Lăng.

*

Sau khi Đô Tùng Mang Bô` Kê`t chê`t, Khí Diệt Tô được đứng ra
kê` vị, lúc đó ông mới lên 7 tuổi.

Trong thời gian Khí Diệt Tô trị vì, ông đê`n triê`u Đường xin câ`u
hôn với Đường Trung Tông gả công chúa Kim Thành cho Khí Diệt Tô.
Năm 730 Đường Huyê`n Tông sai Hoàng Phổ Duy Minh đê`n triê`u
Thổ Phiên, biê`t tin Khí Diệt Tô râ`t vui mừng ông sai lâ`y văn thư
của hoàng đê` triê`u Đường (từ niên giám Trinh Quân) cho Hoàng
Phổ Duy Minh xem, ông nhờ Hoàng Phổ Duy Minh chuyển lời cảm
 ơn của ông tới Đường Huyê`n Tông:

"Trước đây Tùng Tán Cán Bô` được tiên hoàng gả công chúa Văn
Thành, hôm nay tôi lại được bệ hạ gả công chúa Kim Thành, tình hữu
hảo giữa triê`u Đường và triê`u Thổ Phiên gă`n bó như tay với chân,
bách tính trong thiên hạ có thể an cư lạc nghiệp". Sau đó hai bên giao
kèo chung sô`ng hòa bình, phân chia danh giới, hẹn ước không xâm
phạm lẫn nhau, tiê`n một bước trong mõ`i quan hệ hữu hảo giữa hai
tộc Hán Tạng.

Khí Diệt Tô cho tiê`n hành công cuộc cải cách khiê`n cho lực nước
dâ`n được phát triển. Năm 750, ông sâ`c phong cho Nam Chiêu
Vương Cao La Phụn Lâm" tông thâ`t của triê`u Thổ Phiên và còn kê`t
liên minh với tộc Nam Chiêu. Năm 755 hai đại thâ`n của Khí Diệt Tô
là Lang và Mạt có dã tâm đoạt vị, bọn họ mưu phản đã giê`t hại Khí
Diệt Tô ở thành Kiê`n Sát (nay thuộc nơi nào không khảo sát rõ).

ĐẠI VƯƠNG XÍCH TÙNG ĐỨC (TRIỀ`U THỔ PHIÊN)

Xích Tùng Đức (742-797), ông còn có tên là Khí Tùng Đức. Ông là
con trai Khí Diệt Tô. Ông lên tiê`p nhận ngôi vị sau khi Khí Diệt Tô bị
sát hại. Ông trị vì 42 năm thì nhường ngôi cho con trai, bị bệnh chê`t.
Ông trị vì 56 năm, mai táng ở Sở Nhật Chu Ngan Lăng (và còn gọi là
Tê` Kiên Kim Lăng) (nay thuộc nơi nào không khảo sát rõ.)

*

Năm 755 cha của Xích Tùng Đức là Khí Địệt Tô bị hại chém, cũng vào năm đó Xích Tùng Đức đứng ra tiếp vị và nhờ sự giúp đỡ của Đạt Trát bộ Cung nên dẹp yên phản loạn của hai đại thần Lang và Mạt.

Trong thời gian Xích Tùng Đức trị vì, triều Đường phát sinh "Loại An Sử" nói ông ta lợi dụng cơ hội tiến quân vào Phụng Tường lây Hạ khu phía Tây. Tháng 10 năm 763, quân Thổ Phiên đánh vào Trường An chiếm cứ được 15 ngày thì bị Quách Tử Nghĩa đánh lui.

Sau đó xâm nhập phía Tây tân công vào Đại Thực (nay là Iran) và xâm nhập phía Nam đánh vào Thiên Trúc (nay là Afghanistan). Năm 783 hai triều: Đường - Thổ Phiên họp đại hội liên minh ở Thanh Thủy (nay thuộc huyện Thanh Thủy tỉnh Cam Túc). Năm 787 lại họp đại hội liên minh ở Bình Lương (nay thuộc huyện Bình Lương tỉnh Cam Túc). Do Xích Tùng Đức bắt ép dân chúng đi binh dịch, chiến tranh liên miên, và gây thù oán với lân bang, cộng thêm vào đó thiên tai xảy ra liên tiếp, do vậy các cuộc khởi nghĩa nổ ra liên tục, xã hội loạn lạc, vương triều Thổ Phiên đi tới chấm suy thoái.

Để chống chép thê lực quý tộc, làm dịu mâu thuẫn giai cấp, cũng cô vương quyến, trấn áp bản giáo (tôn giáo bản địa), ông đã đề cao Phật Giáo, cho đèn các tăng ni nổi tiếng từ Ấn Độ và tăng ni ở tộc Hán vào Thổ Phiên xây dựng ngôi chùa Tang Da (đây là ngôi chùa đầu tiên ở Tây Tạng), còn cho tăng ni Phật Giáo làm tướng lĩnh, cho phép tăng ni can dự vào công việc triều chính.

Về sau, ông nhường ngôi cho con trai là Mâu Ni và lui về ở ẩn ở cung Mã Khả. Năm 797 ông ôm chết.

ĐẠI VƯƠNG MÂU NI (TRIỀU THỔ PHIÊN)

Đại vương Mâu Ni (775 - 798). Ông là con trưởng của Khí Tùng Đức. Ông kế vị sau khi Khí Tùng Đức chém. Ông trị vì được 1 năm 7 tháng, bị mẹ hại độc chém, hưởng dương 24 tuổi. Mai táng La Nhật Đăng Bảo Lăng (nay là nơi nào không khảo sát rõ).

Năm 797 cha của Mâu Ni ôm chê t, tháng 4 năm đó ông chính thức lên tiê p nhận ngôi báu.

Sau khi lên kế vị, ông tiếp tục duy trì những chính sách của phu vương, ông bắt các hạ thấn phải cṓng tiến của cho chùa chiến. Ông 3 lấn hạ lệnh chia tài của theo đấu hạ thấn để bắt họ cṓng hiến cho nhà chùa ông làm vậy cṓt làm dịu đi mâu thuẫn giai cấp giàu nghèo, nhưng việc làm của ông gấp phải sự phản đối mãnh liệt của giai cấp quý tộc, mà người dẫn đấu cuộc phản đối đó là mẹ ông.

Thời Khí Tùng Đức thối vị lui vê` ở ẩn, ông ta đã mang vương hậu Phao Dung Nữ tặng cho Mâu Ni. Trong thời gian tang lễ của Khí Tùng Đức. Phao Dung Nữ ăn mặc rất rực rỡ, tình cảm không hê` bi thương đau khổ. Điê`u này làm cho mẹ của Mâu Ni rất tức giận. Bà ta muốn phái thích khách gié́t chết Phao Dung Nữ, nhưng điê`u đó bị Mâu Ni ngăn cản.

Mẹ của Mâu Ni càng thêm hận Mâu Ni. Tháng 11 năm 798 bà ta sai thuộc hạ hại độc chết Mâu Ni tại cung Ung Bố đô thành La Ta.

ĐẠI VƯƠNG MÂU NHU (TRIỀ`U THÔ PHIÊN)

Đại vương Mâu Nhu (? - 798). Ông là con trai thứ 2 của Khí Tùng Đức và là em trai của Mâu Ni. Ông kế vị sau khi Mâu Ni bị hại chết. Được một thời gian ông bị hại chết. Mai táng ở Giang Nhật Giang Đăng Lăng (nay là nơi nào không khảo sát rõ).

*

Tháng 11 Mâu Ni bị mẹ hại chết, vì vậy Mâu Nhu được tiếp nhận ngôi vị. Thời Khí Tùng Đức trị vì, Mâu Nhu vô tình hại chết. Vì thế tháng 12 năm 798 Mâu Nhu bị kẻ thù hại chết. Ông trị vì được 1 tháng. Mai táng ở Giang Nhật Giang Đăng Lăng.

ĐẠI VƯƠNG XÍCH ĐỨC TÙNG (TRIỀ`U THÔ PHIÊN)

Xích Đức Tùng (? - 818). Ông là con trai thứ ba của Khí Tùng Đức và là em trai của Mâu Nhu. Mâu Nhu bị hại chém, ông được lên kế vị. Ông trị vì 16 năm, ôm chém. Mai táng ở Đô'n Khả Đạt Kiệt Nhật Lăng (nay là nơi nào không khảo sát rõ).

*

Sau khi Mâu Nhu bị kẻ thù sát hại, Xích Đức Tùng đã lên kế vị.

Sau khi ông kế vị, kẻ thù lại có ý định mưu giết Xích Đức Tùng. Nhờ sự giúp đỡ của Bát Xiển Bô, ông thoát chém. Từ đó ông trọng dụng Bát Xiển Bô và đê cao địa vị của Phật Giáo, tăng lữ dần trở thành một thế lực chính trị quan trọng. Năm 818 ông ôm chém.

ĐẠI VƯƠNG KHẢ LÊ KHẨA TÚC (TRIỀU THỔ PHIÊN)

Khả Lê Khả Túc (806 - 841). Ông còn có tên là Khí Túc Đức, Xích Tỗ Đức... Ông là con trai của Xích Đức Tùng, ông kế vị sau khi cha chém. Ông trị vì 27 năm, ông bị phái diệt Phật Giáo giết. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Thô'n Đinh Mang Nhật Lăng (nay ở nơi nào không khảo sát rõ).

*

Năm 818 Xích Đức Tùng chém, cũng năm đó Khả Lê Khả Túc lên kế vị, ông đặt niên hiệu là "Lân Thái".

Trong thời gian ông trị vì vương triều Thổ Phiên phân chia, sức nước cạn kiệt. Năm 821 ông tham gia đại hội liên minh với triều Đường ở phía Tây thành Trường An, năm 822 lại tham gia đại hội liên minh với triều Đường ở vương Triết Duy phía Tây thành La Ta. Năm 823, ông xây dựng "Tia liên minh Đường - Thổ Phiên"

trong tâm bia đó viết: "Hai triều Thổ Phiên. Đường đã bàn bạc thương lượng với nhau, hi vọng thiên hạ thống nhất, sẽ cùng với triều Đường kí hiệp ước liên minh. Đường Thổ Phiên sẽ cùng chung hoạn nạn, giúp đỡ lẫn nhau, kế tinh báng hữu, không xâm phạm lẫn nhau". Tâm bia này nay vẫn đặt trước cửa chùa Đại Chiêu

thành phố Lạp Tát, trở thành một chứng cứ quan trọng trong việc kết tình bắng hữu và mối thâm giao đoàn kết thân ái giữa 2 tộc Hán - Tang.

Khả Lê Khả Túc nâng đỡ Đạo Phật, đưa đạo Phật lên tới đỉnh cao. Ông ta quy định một người xuất gia làm tăng ni phải do 7 hộ gia đình nuôi dưỡng.

Ai dám lấy tay chỉ tăng nhân thì người đó sẽ bị chặt tay, ai dám trừng mắt nhìn tăng, nhân thì người đó bị khoét mắt. Ông cho mở rộng việc xây dựng chùa miếu. Trong thời gian bị bệnh, ông giao công việc triếu chính cho tăng nhân Bát Xiển Bố quản lí. Một số biện pháp này làm khuấy động thêm mối thù hận của những người ghét bỏ Phật Giáo. Họ đã mượn cớ hành vi tư thù giữa Bát Xiển Bố và Vương hậu để loại bỏ Bát Xiển Bố. Năm 841, bọn quý tộc diệt Phật nhân cơ hội Khả Lê Khả Túc uống rượu say lên chúng lén vào cung dùng dây đai thắt cổ ông ta ché́t.

ĐẠT MÃ (TRIỀU THỔ PHIÊN)

Đạt Mã (809 - 846). Ông là con trai của Khả Lê Khả Túc. Sau khi phái quý tộc diệt Phật, giết hại Khả Lê Khả Túc đã lập Đạt Mã làm đại vương. Ông trị vì được 5 năm thì bị phái quý tộc sùng Phật giết ché́t. Hướng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Tắng Hoàn Lăng.

*

Năm 841 phái quý tộc diệt Phật sát hại Khả Lê Khả Túc, cùng năm đó bọn họ lập Đạt Mã làm đại vương.

Sau khi đăng cơ, ông ta không đi theo con đường của Khả Lê Khả Túc, Đạt Mã lại tín dùng bản giáo và ra sức trấn áp Phật Giáo. Ông cám thấn dân thờ Phật, đốt bỏ kinh Phật, đóng cửa chùa Phật và bắt các tăng ni hoàn tục. Điều đó gây ra sự phản đố i mãnh liệt của các tăng ni.

Năm 846 phái tín Phật do La Long Kiến Đức dẫn đầu đã xông vào thành tìm Đạt Mã. Lúc này Đạt Mã đang đọc văn bia, La Long

Kiê̄n Đức đê̄n trước mặt Đạt Mã bái kiê̄n, mô̄m lâ̄m râ̄m đọc Kinh Phật. Ông vái thứ nhâ̄t thì rút cung tên ra, vái thứ 2 xong thì lén dây cung, vái thứ ba thì bă̄n Đạt Mã, mũi tên că̄m vào trán Đạt Mã. Đạt Mã vội lâ̄y tay nhô̄ mũi tên ra, máu chảy ròng ròng một lúc sau ông ta chê̄t. Đạt Mã chỉ có con câ̄u tự. Quý trợ chia làm 2 phái, một phái muô̄n lập con câ̄u tự của Đạt Mã làm đại vương, một phái muô̄n lập con nuôi của Đạt Mã làm đại vương. Cuộc chiê̄n của hai phái cứ xảy ra liên miên, tranh đoạt nhau quyê̄n kê̄ vị ngôi báu. Cuô̄i cùng vương triê̄u Thổ Phiên bị diệt vong.

TRIỀU NAM CHIẾU

(Năm 649 - 902, tổng cộng 254 năm)

Triệu¹ Đường chọn tộc Ô Man làm chủ trì trong vương triều Nam Chiêu², xây dựng lên chính quyền ở vùng biên cương. Triều¹ Nam Chiêu² bao gồm khu vực: toàn bộ tỉnh Vân Nam, toàn bộ tỉnh Tứ Xuyên, phía Tây tỉnh Quý Châu. Triều¹ Nam Chiêu² và triều¹ Đường có mối quan hệ mật thiếp³, triều¹ Nam Chiêu² có 13 vị vương, thì 10 người nhận sắc phong của triều¹ Đường, dùng hệ thống chính trị giáng triều¹ Đường, tập đoàn thống trị thông thạo Hán văn, nhiều lần cho con cháu quý tộc đê⁴n Thành Đô và Trường An đê⁴ học. Chính quyền⁵ Nam Chiêu² và Đại Lí đã thúc đẩy sự dung hợp giữa các tộc thiểu số⁶ ở Vân Nam, duy trì gọi phát triển xã hội ở địa khu Tây Nam của Trung Quốc⁷, đồng thời có vai trò tích cực trong việc tăng cường mối quan hệ giữa địa khu Tây Nam của Trung Quốc⁷ vùng Trung Nguyên Trung Quốc⁷.

Triều¹ Nam Chiêu² có 13 quốc vương, trong đó có 3 người bị giết³, 10 người bị chém³.

CAO TÔ (TÊ¹ NÔ LA) (TRIỀU¹ NAM CHIẾU²)

Cao Tô, ông ta tên là Tê¹ Nô La (617 - 674). Ông ta họ Mông và còn có tên là Long Độc La. Ông là người dân tộc Ô Man. Ông vốn là tín trưởng của tộc Mông Sả, sau đó xưng vương. Ông trị vì 26 năm. Bệnh chém³, hưởng thọ 58 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

Cha của Tê¹ Nô La tên là Sả Long. Gia đình ông vốn cư trú ở Ai Khiên (nay thuộc huyện Bảo Sơn tỉnh Vân Nam) sau đó vì chạy trốn kẻ thù, do đó đã dời đê⁴n định cư ở Mông Sả Chiêu² (là một bộ lạc ở huyện Ngụy Sơn tỉnh Vân Nam).

Những năm đầu⁸ thời Đường, một Dau Nhĩ Hải phía Tây Bắc⁹ c¹⁰ tỉnh Vân Nam có 6 tộc lạc tương đố¹¹i lớn và được gọi là "Lục Chiêu²"

(nơi đây là tổ tiên của tộc Di và tộc Bạch). Trong đó có tộc Mông Sả là gã`n mặt phía Nam của Lục Chiê`u, vì vậy gọi là Nam Chiê`u. Thời Đường Thái Tông, tộc trưởng của tộc Mông Sả là Trương Lạc Tiê`n đã nhường ngôi cho Tê` Nô La. Năm 649 Tê` Nô La xưng vương ở Nam Chiê`u và chọn Ngụy Sơn làm đô phủ.

Tê` Nô La râ`t kính phục nê`n văn minh của triê`u Đường, vì thế` năm 653 sai La Thịnh Viêm đê`n Trường An triệu kiê`n Cao Tông để` tỏ ý quy phục triê`u Đường. Đường Cao Tông phong Tê` Hô La làm lại sứ ở Ngụy Châu, từ đó triê`u Nam Chiêu chịu sự chỉ đạo của triê`u Đường. Năm 674 Tê` Nô La chê`t.

Sau khi ông ta chê`t lâ`y Thụy Hiệu là Kì Gia Vương và được tôn làm Cao Tổ.

THÊ` TÔNG (LA THỊNH VIÊM) (TRIỀ`U NAM CHIÊ`U)

Thê` Tông, ông ta tên là La Thịnh Viêm (634 - 712). Ông là con trai của Cao Tổ Tê` Nô La. Ông kế` vị sau khi cha chê`t. Trị vì 38 năm. Hướng thọ 79 tuổi. Năm 712 bị ô`m chê`t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi ông ta chê`t lâ`y Thụy Hiệu là Hưng Tông Vương và được tôn làm Thê` Tông.

THÁI TÔNG (THỊNH LA BÍ) (TRIỀ`U NAM CHIÊ`U)

Thái tông, ông ta tên là Thịnh La Bí (673 - 728). Ông là con trai của Thê` Tông La Thịnh Viêm. Ông kế` vị sau khi cha chê`t. Ông trị vì 16 năm, bị ô`m chê`t. Hướng thọ 56 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi ông chê`t lập Thụy Hiệu là Uy Thành Vương và được tôn là Thái Tông.

VÂN NAM VƯƠNG (BÍ LA CÁC) (NAM CHIỀU U)

Vân Nam Vương, ông ta tên là Bí La Các (697 - 748). Ông là con của Thái Tông Thịnh La Bì. Ông kế vị khi cha chê t. Ông trị vì 20 năm, bị ô m chê t. Hưởng thọ 52 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

Bí La Các là người thông minh và có sức khỏe hơn người. Thời Thịnh La Bí trị vì, ông được phong làm quận vương ở Đài Đăng và được phép tham gia vào công việc triều chính. Sau khi ông lên kế vị, ông vẫn duy trì mối quan hệ hữu hảo với triều Đường. Năm 738 ông được Đường Huyênn Tông phong làm Việc Quốc Công Bí La Các thô ng nhát Lục Chiêu u nên Đường Huyênn Tông phong cho ông làm Văn Nam Vương.

Năm 739 Bí La Các dời đô đê n thành Đại Hòa (nay thuộc phía tây thôn Thái Hòa huyện Đại Lí tỉnh Vân Nam). Năm 745 Bí La Các yêu t kiênn Đường Huyênn Tông và được Đường Huyênn Tông tiêp đón long trọng ban thưởng cho nhiều đồ vật quý.

Năm 748, ông bị ô m chê t.

Trong sử gọi ông là Vân Nam Vương hay còn gọi là Nam Chiêu u Vương.

THÂN VŨ VƯƠNG (CÁC LA PHỤNG) (TRIỀU NAM CHIỀU U)

Thân Vũ Vương, ông ta tên là Các La Phụng (712 - 779). Ông còn có tên là Giáo Lạc Phụng. Ông là con trai của Bí La Các. Ông kế vị sau khi cha chê t. Ông trị vì 33 năm, bị bệnh chê t. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi cha chê t, Các La Phụng đứng ra tiếp nhận ngôi vị.

Thời gian Các La Phụng trị vì, ông nhiều lần bị thái thú ở Vân Nam (triều Đường) là Trương Hổ nhục mạ, vì vậy đã dẫn đến xung

đột vũ trang với triều Đường. Năm 752, ông quay sang xưng thà`n với triều Thổ Phiên và được quô`c vương của Thổ Phiên sǎ`c phong làm "Tán Phổ chủng nam quả đại chiê`u) đại vương của Nam triều trong triều Thổ Phiên" đưa cho Các La Phụng á`n vàng và đặt danh hiệu là Tây Đê` . "Chủng" theo tiê`ng địa phương có nghĩa là "em" dân cư thời đó gọi Các La Phụng là "Tán Phổ Chủng" (em của đại vương). Các La Phụng tự lập hiệu là Đại Mông.

Được một thời gian, triều Đường xảy ra loạn An Sử, Nhân cơ hội đó Các La Phụng tiêu diệt các bộ lạc Việt Tích, Vu Tặng, Tâ`n Truyê`n, Phiêu... ông còn chiê`m cứ vùng Hâ`p Châu (của triều Đường nay thuộc huyện Tây Xuyên tỉnh Tứ Xuyên), thô`ng nhâ`t được một khu vực rộng lớn ở Tây Nam ở vùng đâ`t đó. Ông cho mở đường, xây dựng thành â`p, thiê`t lập cơ cù`u chính trị, thúc đẩy sự khai hoang ở vùng đâ`t này.

Năm 769, Các La Phụng đặt niên hiệu là "Trường Thọ". Thời kỳ Các La Phụng đánh chiê`m vùng Hâ`p Châu, ông ta đã bă`t được huyện lệnh ở Tây Hộ (nay thuộc huyện Tây Xương tỉnh Tứ Xuyên), viên huyện lệnh này tên là Trịnh Hô`i, Các La Phụng dẫn Trịnh Hô`i quay về` triều Nam Chiê`u.

Các La Phụng thâ`y Trịnh Hô`i là một tiê`n sĩ có tài và hiếu biê`t, ông phong cho Trịnh Hô`i danh hiệu "Man Lợi" và sai Trịnh Hô`i dạy con em trong vương thâ`t học hành, cho phép Trịnh Hô`i được trách mă`ng và đánh các học trò nê`u bọn chúng lười học, vê` sau lại trọng dụng Trịnh Hô`i làm "quan Thanh Bình" (tức là tể tướng).

Trịnh Hô`i quả là một nhân tài, ông ta dựa vào chê`đô của tộc Hán để xây dựng các chê`đô ở triều Nam Chiê`u, thúc tiê`n sự phát triển văn hóa kinh tế` xã hội ở triều Nam Chiê`u, khiê`n cho triều Nam Chiê`u trở thành một chính quyê`n dân tộc thiểu số` lớn mạnh ở vùng Tây Nam Trung Quô`c.

Các La Phụng phản triều Đường và phải dựa dẫm vào triều Thổ Phiên, đây chỉ là bă`t đă`c dĩ mà thôi, ông hi vọng có cơ hội quy thuận triều Đường. Vì vậy ông sai Trịnh Hô`i viê`t một tâ`m bia, gọi tâ`m bia đó là "Bia Đức hóa" và dựng tâ`m bia đó trước cửa cung. Đại

ý của lời văn tạc trên bia là: "Tổ tiên của triều Nam Chiêu luôn tôn vương triều ở Trung Nguyên làm chủ, ngày hôm nay vì bất đắc dĩ nên chúng tôi phải quy thuận triều Thổ Phiên. Nêu mai sau con cháu của chúng tôi có cơ hội quy thuận triều Đường chúng tôi dùng tâm bia này để tỏ rõ lòng trung hiếu của chúng tôi".

Thời Các La Phụng trị vì, ông phong cho con trai là Phụng Gia Dị làm lại sứ ở Dương Cô Châu (nay là khu tự trị của tộc Bạch ở Đại Lí tỉnh Vân Nam) và chọn anh ta làm người kế vị. Vé sau Phụng Gia Dị chết yếu, Các La Phụng đành chọn Dị Mâu Tâm làm người kế vị.

Năm 779, Các La Phụng bị ôm chét.

Sau khi ông ta chết, lập thụy hiệu là Thành Vũ Vương.

HIẾU HÀNG VƯƠNG (DỊ MÂU TÂM) (TRIỀU NAM CHIÊU)

Hiếu Hàng Vương, ông ta tên là Dị Mâu Tâm (754 - 808). Ông ta là cháu của Các La Phụng và là con trai của Phụng Gia Dị. Ông kế vị sau khi Các La Phụng chết. Ông trị vì 29 năm, bị bệnh chết. Hướng thọ 55 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Ông nội của Dị Mâu Tâm là Các La Phụng bị bệnh chết vào năm 778, do vậy cùng năm đó ông ta lên tiếp nhận ngôi vị của ông nội. Năm 779, ông đổi niên hiệu là "Kiến Long". Ông ta đổi quốc hiệu là "Đại Lí", nhưng được một thời gian lại khôi phục quốc hiệu là "Đại Mông".

Dị Mâu Tâm là người có mưu trí, ông giỏi về chuyện đoàn kết dân tộc, có sự tu dưỡng văn hóa nhất định. Trong thời gian trị vì, ông vẫn cho Trịnh Höi làm tể tướng. Lúc này, triều Thổ Phiên ráo kìm kẹp và tác quái với triều Nam Chiêu, triều Thổ Phiên còn cho lính trấn giữ những cửa ải quan trọng của triều Nam Chiêu. Dị Mâu Tâm ráo ráo bức mình với những chuyện đó. Trịnh Höi đưa ra ý kiến: "Triều Đường là lý lẽ nghĩa để đối đãi với bang giao, nếu đại vương quy thuận triều Đường, thì sẽ có lợi ráo rieu với triều

Nam Chiế u". Thấ y lý lẽ của Trịnh Hố i rấ t có lý, Dị Mâu Tấ m thu nạp ý kiế n đó và thực hiện chính sách từ bỏ triế u Thổ Phiên, quy phục triế u Đường. Ông ta đánh bại triế u Thổ Phiên và bỏ đi danh hiệu đế́ do triế u Thổ Phiên phong cho, ông phái 3 sứ giả tới Thành Đô xin quy phục triế u Đường. Tháng 6 năm 794, Đường Đức Tông chấ p nhận sự quy phục của Dị Mâu Tấ m, Đường Đức Tông phái sứ giả tới triế u Nam Chiế u, hai bên mở đại hội liên minh ở núi Điểm Thương, trong đại hội đã tuyên bố : "Hai triế u Đường, Nam Chiế u cùng cho quân trấ n giữ biên cương, không xâm phạm lỗn nhau, bảo tố n quan hệ hữu hảo". Từ đó hai bên đố i đai với nhau rấ t tôt.

Được một thời gian, Đường Đức Tông sắ c phong cho Dị Mâu Tấ m làm Nam Chiêu Vương và đưa ban tặng Kim Ấ n (ấ n vàng) có khắ c chữ: "Trinh Nguyên Sắ c Nam Chiế u ấ n" (tức ý là niêm giám Trinh Nguyên phong tặng ấ n cho triế u Nam Chiế u". Dị Mâu Tấ m cảm động nói: "Con cháu của triế u Nam Chiế u, nguyện đời đời làm quấ n thấ n cho triế u Đường". Ông còn cho rấ t nhiế u con cháu quý tộc của triế u Nam Chiế u đế n thành Đô để học tập văn hóa điển chương của triế u Trung Nguyên, nhắ m thúc đẩy mố i quan hệ với triế u Đường".

Vế sau Dị Mâu Tấ m thôn tính các bộ lạc xung quanh thố ng nhấ t được: toàn bộ tỉnh Vân Nam, phía nam tỉnh Tứ Xuyên và phía Tây tỉnh Quý Châu, điế u này giúp cho triế u Nam Chiế u bước vào thời kì hưng thịnh.

Năm 808, Dị Mâu Tấ m chế t. Đường Hiế n Tông phái sứ thấ n tới tham dự tang lễ của Dị Mâu Tấ m.

Sau khi Dị Mâu Tấ m chế t đặt thụy hiệu là Hiế u Tuyên Vương.

HIẾ U HUÊ VƯƠNG (TẤ M CÁC QUYẾ N) (TRIẾ U NAM CHIẾ U)

Hiế u Huệ Vương, ông ta tên là Tấ m Các Quyế n (778 - 809), ông ta còn có tên là Tân Giáo Quyế n. Ông là con trai của Dị Mâu Tấ m. Ông kế vị sau khi cha chế t, ông trị vì được 2 năm thì chế t. Hưởng thọ 32 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi cha của Tấm Các Quyến bị ốm chết do đó năm 808 ông lên kế́ vị. Năm 809, ông đổi niên hiệu là "Úng Đạo", tự xưng là "Phiêu Tín" (theo tiếng địa phương có nghĩa là quân vương).

Đường Hiến Tông phong cho Tấm Các Quyến làm Vân Nam Vương và trao tặng ấn chương có chữ "Nguyên Hòa".

Năm 809 Tấm Các Quyến chết.

Sau khi mất, ông được đặt Thụy Hiệu là: Hiếu Huệ Vương.

U VƯƠNG (QUYẾN LONG DẶC) (NAM CHIỀ́U)

U Vương, ông ta tên là Quyến Long Đặc (798 - 816). Ông là con trai của Tấm Các Quyến. Ông kế́ vị sau khi cha chết. Ông trị vì được 7 năm thì bị giết. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 809 Tấm Các Quyến ốm chết, Quyến Long Đặc được lên kế́ vị. Năm 810 ông đổi niên hiệu là "Long Hưng". Sau khi Quyến Long Đặc tiếp nhận ngôi vị, ông ta hoang dâm vô độ, quấn thấn và dân chúng đếu hận ông ta. Năm 816, ông ta bị tiết độ sứ ở Lộng Đông (nay thuộc huyện Diêu An tỉnh Vân Nam) là Biệt Diên giết chết.

Sau khi ông ta chết lập Thụy Hiệu là U Vương.

TĨNH VƯƠNG (QUYẾN LỢI DẶC) (TRIỀ́U NAM CHIỀ́U)

Tĩnh Vương, ông ta tên là Quyến Lợi Đặc (802 - 823). Ông là con trai của Tấm Các Quyến và là em trai của Quyến Long Đặc. Ông kế́ vị sau khi Quyến Long Đặc bị giết chết. Ông trị vì được 7 năm, bị ốm chết. Hưởng thọ 22 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 816, Biệt Diên giết Quyền Long Đặc và lập Quyền Lợi Đặc lên ngôi báu. Ông đổi niên hiệu là "Toán Nghĩa".

Đường Hiền Tông sai thiêu phủ triều Lâm Quý Hiền đê n triều Nam Chiêu, sắc phong cho Quyền Lợi Đặc làm Văn Nam Vương, năm 823, Đường Mục Tông tặng ân vàng Quyền Lợi Đặc.

Sau khi nhận ngôi vị, Quyền Lợi Đặc trọng thưởng cho Biệt Diên và sắc phong Biệt Diên làm huynh trưởng.

Năm 823, Quyền Lợi Đặc chết.

Thụy hiệu của Quyền Lợi Đặc là Tĩnh Vương.

CHIÊU THÀNH VƯƠNG (QUYỀN PHONG HỰU) (TRIỀU NAM CHIỀU)

Chiêu Thành Vương, ông ta tên là Quyền Phong Hựu (817 - 859), ông là em trai của Quyền Lợi Đặc. Ông kế vị sau khi anh trai chết. Ông trị vì 36 năm bị chết. Hưởng thọ 34 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 823, anh của Quyền Phong Hựu là Quyền Lợi Đặc ôm chết, do đó ông đã lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Bảo Hòa". Đường Mục Tông phái sứ thần đê n triều Nam Chiêu phong Quyền Phong Hựu làm Văn Nam Vương. Quyền Long Đặc lại phái các đại thần đê n triều Đường tạ ơn.

Lúc ông lên kế vị, ông mới có 7 tuổi. Sau khi trưởng thành ông rất dũng mãnh, ông biết cách dùng người và rất ham mê văn hóa của dân tộc Hán. Năm 829, Biệt Diên dẫn quân vào Thành Đô và bắt được mây vạn thợ thủ công tộc Hán về triều Nam Chiêu, nhờ vậy ngành thủ công nghiệp của triều Nam Chiêu nhanh chóng phát triển, ngành dệt lụa còn đạt trình độ ngang với lụa ở Tứ Xuyên.

Năm 859 ông bị ôm chết.

Sau khi ông chết đặt Thụy Hiệu là Chiêu Thành Vương.

HIỀU TRANG ĐẾ (THÊ LONG) (TRIỀU NAM CHIỀU)

Hiếu Trang Đế, ông ta tên là Thê Long (844 - 877). Ông là con trai của Quyền Phong Hựu. Ông kế vị sau khi Quyền Phong Hựu ôm chết. Ông trị vì 18 năm, thì ôm chết. Hướng thọ 34 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 859 cha của Thê Long là Quyền Phong Hựu ôm chết, do đó Thê Long đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Ông đổi quốc hiệu là "Đại Lễ" và tự xưng làm hoàng đế ông đặt niên hiệu là "Kiến Cáp".

Trong thời gian trị vì, ông ta luôn thích chém giết, không dân nào làm mà lòng ông ta đều bị ông ta giết chết. Thậm chí người nghiệp chính triều đình là Biệt cũng bị ông ta sai dùng tướng giết chết. Thê Long nhiều lần gây xung đột vũ trang với triều Đường, nhiều năm liên dẫn binh chinh chiến không có kết quả và binh lực bị hao tổn nhân dân bị khổn khổ. Có lần ông ta đi đánh chiếm vùng Tứ Xuyên, ông ta bắt ép nam giới từ 15 tuổi trở lên phải xung quân đi đánh trận, công việc đống áng do phụ nữ đảm nhận, thu hoạch phải nộp cho triều đình, làm cho dân chúng không đủ ăn, đâu đâu cũng thù hận ông ta.

Về sau, Thê Long không có cách gì duy trì nền pháp luật và hệ thống chính trị, do đó ông sai tể tướng Triệu Tông dẫn 30 người đến triều Đường xin cầu hòa, muốn làm anh em với triều Đường. Triều Đường không yên tâm do đó đã liên kết với triều Thổ Phiên sai lính trấn giữ những cửa ải hiểm yếu, để đe dọa phòng Thê Long xâm lược. Thê Long xin cầu hòa nhưng không thành mâu thuẫn trong triều không làm dịu đi được, ông sinh ra uất và phát thành bệnh. Năm 877 ông băng hà.

Thụy hiệu của ông là Hiếu Trang Đế.

TUYÊN VŨ ĐẾ (LONG THUÁ́N) (TRIỀ́U NAM CHIỀ́U)

Tuyên Vũ Đế, ông ta tên là Long Thuá́n (? - 897). Ông là con trai của Thế Long. Ông kế́ vị sau khi cha chết. Ông trị vì 20 năm, bị giết ở thành Thiệ́m. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 877, Thế Long ố m chết, con trai của ông ta là Long Thuá́n lên kế́ vị. Long Thuá́n đổi quốc hiệu là Đại Phong Dân. Năm 878 ông đổi niên hiệu là "Trinh Minh".

Hối còn nhỏ tuổi, ông đã lên kế́ vị, ông rất thích đi du lăm. Trong thời gian trị vì, ông vài lần phái sứ giả tới triề́u Đường xin cátu hòa, gây dựng lại mối quan hệ từ xưa. Đường Hỉ Tông gả công chúa An Hóa cho Long Thuá́n, nhưng chuyện này bị tướng Cao Tịnh cản trở nên không thành.

Năm 897, tể tướng triề́u Nam Chiề́u là Trịnh Thực Tự giết chết Long Thuá́n.

Thụy Hiệu của ông là Thánh Minh Văn Vũ Đế.

HIẾU AI ĐẾ (THUÁ́N HÓA TRINH) (TRIỀ́U NAM CHIỀ́U)

Hiếu Ai Đế, ông ta tên là Thuá́n Hóa Trinh (877 - 902). Ông là con của Long Thuá́n. Ông kế́ vị sau khi Long Thuá́n bị giết. Ông trị vì được 5 năm thì bị giết. Hưởng thọ 26 tuổi. Bị má́t nước. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Cha của Thuá́n Hóa Trinh là Long Thuá́n bị giết, ông lên tiếp vị, ông đổi niên hiệu là "Trung Hưng".

Sau khi lên kế́ vị, ông liên tiếp sai sứ giả tới triề́u Đường xin nối lại tình bắng hữu. Lúc đó Đường Chiêu Tông lo thân chưa xong nên không trả lời yêu cátu của ông ta. Một thời gian, ở Trung Nguyên

phát sinh biến loạn tiếp đó lại bước vào thời kỳ phân chia Ngũ Đại Thập Quốc, do đó mối quan hệ với triều Nam Chiêu bị đứt đoạn.

Năm 902, Thuận Hóa Trinh lại bị tể tướng Trịnh Thực Tự giết, chính quyền Nam Chiêu bị diệt vong và dòng họ Trịnh thiêng lập triều đại Đại Trường Hòa.

Trong sử gọi Thuận Hóa Trinh là Trung Hưng Đế hay gọi là Hiếu Ai Đế.

TRIỀU ĐẠI ĐẠI TRƯỜNG HÒA

(Năm 902 - 927, tổng cộng 27 năm)

Triều đại Đại Trường Hòa có 3 quốc vương, trong đó có 2 người bị chém, 1 người bị giết do làm mất nước.

HÀNG ĐẾ (TRỊNH THỰC TỰ)
(TRIỀU ĐẠI TRƯỜNG HÒA)

Hàng Đế, ông ta tên là Trịnh Thực Tự (? - 909). Ông ta giết tướngh Hán Hóa Trinh và tự xưng làm quốc Vương. Ông trị vì 7 năm bị bệnh chém. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trịnh Thực Hòa là cháu đời thứ 7 của Trịnh Höi (tể tướng triều Nam Chiêu thời quốc vương Thanh Vũ. Thời Long Thuận trị vì. Trịnh Thực Tự được phong làm tể tướng ông ta rất chuyên quyền. Năm 897 ông sai thuộc hạ giết Long Thuận. Năm 902 ông lại giết tướngh Hán Hóa Trinh và hơn 800 tông thất triều Nam Chiêu, cướp đoạt chính quyền Nam Chiêu, ông xưng là Thánh Minh Văn Vũ Uy Đức Hàng Đế, ông đổi quốc hiệu là Đại Trường Hòa và lập niên hiệu là "An Quốc".

Tháng 8 năm 909, ông ta chém.

Trong sử gọi là Hàng Đế.

THÁI THƯỢNG ĐẾ (TRỊNH DÂN)
(TRIỀU ĐẠI TRƯỜNG HÒA)

Thái Thượng Đế, ông ta tên là Trịnh Dân (889 - 926). Ông còn có tên là Trịnh Nhân Dân. Ông là con trai của Trịnh Thực Tự. Ông kế vị sau khi cha chém. Ông trị vì 17 năm bị ôm chém. Huống thọ 38 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 909 Trịnh Thục Tự ô` m chê` t, Trịnh Dân lên kê` vị và ông xưng là Túc Văn Thái Thượng Đế` . Ông đổi niên hiệu là "Thủy Nguyên".

Năm 914 ông tâ` n công tộc Tiê` n Thục (nay cư trú ở: tỉnh Tứ Xuyên, phía Đông Nam tỉnh Cam Túc, phía Nam tỉnh Thiểm Tây, phía Tây tỉnh Hồ` Bă` c), nhưng bị Thục Chủ là Vượng Kiê` n đánh cho đại bại. Vê` sau Trịnh Dân tới tộc Nam Hán câ` u hôn (nay tộc này cư trú ở 2 tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây) và tộc Nam Hán đã gả công chúa Tăng Thành cho ông ta.

Tháng 8 năm 926, Trịnh Dân chê` t.

Trong sử gọi Trịnh Dân là Thái Thượng Đế` .

**CUNG HUỆ ĐÊ` (TRỊNH LONG ĐẨM)
(TRIỀ` U ĐẠI TRƯỜNG HÒA)**

Cung Huệ Đê` , ông ta tên là Trịnh Long Đẩm (? - 928). Ông là con của Trịnh Dân. Năm 926 Trịnh Dân chê` t, ông ta lên kê` vị. Năm 927 ông đổi niên hiệu là "Thiên Úng". Năm 928 Trịnh Long Đẩm bị Dương Cán Trinh giê` t chê` t. Ông trị vì được 2 năm triê` u Đại Trường Hòa bị diệt vong. Ông ta Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông ta là Cung Huệ Đê` .

NUỚC ĐẠI THIÊN HƯNG

(Năm 928 - 929, tổng cộng 2 năm)

Nước Đại Thiên Hưng chỉ có một quốc vương, ông ta bị phế truất. Vế sau ra sao không rõ.

**ĐIỀ́U KHANG ĐẾ (TRIỆU THIỆN CHÍNH)
NUỚC ĐẠI THIÊN HƯNG)**

Điếu Khang Đế, ông ta tên là Triệu Thiên Chính (? - 929). Ông là người dân tộc Bạch Man. Ông vốn là tể tướng của triếu Đại Trường Hòa. Năm 928, Dương Cán Trinh giết Trịnh Long Đảm và lập Triệu Thiên Chính làm Phiêu Tín (quốc vương), ông đổi quốc hiệu là Đại Thiên Hưng (hay còn gọi là nước Hưng Nguyên) ông lập niên hiệu là "Tôn Thánh". Năm 929, ông bị Dương Cán Trinh phế truất. Triệu Thiên Chính trị vì được 2 năm. Chuyện vế sau ra sao không rõ.

Sau khi ông ta chết, lập thụy hiệu là Điếu Khang Đế.

NUỚC ĐẠI NGHĨA NINH

(Năm 929 - 937, tổng cộng 9 năm)

Nước Đại Nghĩa Ninh có một quốc vương, mất nước bị giết, một thuyết khác nói mất nước nén vào chùa đi tu.

TÚC CUNG ĐẾ (DUƠNG CÁN TRINH) (NUỚC ĐẠI NGHĨA NINH)

Túc Cung Đế, ông ta tên là Dương Cán Trinh (? - 937). Ông là người dân tộc Bạch Man. Ông ta giết Trịnh Long và phế truất Triệu Thiện Chính sau đó ông ta tự xưng làm quốc vương. Sau đó bị giết (có thuyết nói là ông ta chạy trốn). Trị vì 8 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Dương Cán Trinh vốn là tiết độ sứ ở Kiếm Xuyên (nước Đại Hòa Quốc). Năm 927, ông giết Trịnh Long Đảm diệt vong nước Đại Trường Hòa. Năm 928, ông ta lại lập Triệu Thiện Chính làm đai vương, tạo dựng nước Đại Thiên Hưng. Năm 929 ông ta lại phế truất Triệu Thiện Chính và tự lập làm vương, đổi quốc hiệu là "Đại Nghĩa Ninh". Năm 930 ông đổi niên hiệu là "Hung Thành".

Trong thời gian trị vì, ông ta hung bạo ngang ngược, khiến cho thấn dân đếu oán hận. Tiết độ sứ ở Thông Hải là Ân Tư Bình khởi binh phản kháng, tháng 2 năm 937. Ân Tư Bình gây dựng triếu đại Lí, Dương Cán Trinh bị giết, một thuyết khác nói ông ta chạy trốn làm tăng ni.

Sau khi ông ta chết, lập thụy hiệu là Túc Cung Đế.

TRIỀU ĐẠI LÝ (TIỀN LÝ)

(Năm 937 - 1094, tổng cộng 158 năm)

Triều Đại Lý có 14 quốc vương, trong đó có: 1 người bị hạ thần giáng tể, 4 người chạy trốn làm tăng ni, 3 người bị phế truất, 6 người bị bệnh chết.

THÁI TÔ (GIẢ TƯ BÌNH) (TRIỀU ĐẠI LÝ)

Thái Tổ, ông ta tên là Giả Tư Bình (893 - 944). Ông là người dân tộc Bạch Man, ông tiêu diệt nước Đại Nghĩa Ninh và xây dựng triều Đại Lý. Ông trị vì được 8 năm, bị bệnh chết. Hướng thọ 52 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Cha của Giả Tư Bình là Giả Bảo Lập làm tể tướng ở nước Nam Chiêu. Vé sau gia đình rơi vào hoàn cảnh suy bại, Giả Tư Bình từ nhỏ phải sống cảnh nghèo khổ ông phải đi chăn dê ở trong núi, lúc đó triều đình Đại Nghĩa Ninh tàn bạo, do đó dân chúng tự họp ở khu vực Nhĩ Hải để phản kháng khởi nghĩa, ông ta cũng tham gia vào cuộc khởi nghĩa đó. Được một thời gian cuộc khởi nghĩa bị trấn áp, Dương Cán Trinh hạ lệnh bắt giữ Giả Tư Bình. Nhờ sự giúp đỡ của chú ông ta và bạn ông ta là Cao Phương Tô, ông ta mới thoát thân, ông ta mượn quân của 37 bộ lạc ở miền Đông và mở đại hội ở Thạch Thành (nay là huyện Cử Tĩnh tỉnh Vân Nam). Tháng 2 năm 937 ông ta dẫn quân tiến đánh Dương Cán Trinh, và tiến vào thành Thái Hòa diệt vong nước Đại Nghĩa Ninh, xây dựng nước Đại Lý. Ông đổi niên hiệu là "Văn Đức".

Sau khi lập quốc, ông thống nhất được toàn bộ tỉnh Vân Nam, phía Tây Nam tỉnh Tứ Xuyên và ông thực hiện chế độ phong kiến: ông cho lập 8 phủ, 4 quận 37 bộ; miễn lao dịch cho 37 bộ, họp đại hội liên minh thê chung sống hòa bình giúp đỡ lẫn nhau, điều đó giúp

cục diện của khu vực Nam Chiết u được ổn định. Ông ta nói Giả Kiếm Ngụy (người Hán) là tổ tiên của mình, do đó ông tích cực duy trì văn hóa của tộc Hán, điều đó góp phần thúc đẩy sự phát triển và thúc đẩy văn hóa xã hội ở khu vực Nam Chiết u.

Năm 944, ông ta mất tại thành Thái Hòa.

Thụy hiệu của ông ta là Thái Tổ Thành Văn Vũ Đế.

VĂN KINH ĐẾ (GIẢ TƯ ANH)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Văn Kinh Đế, ông ta tên là Giả Tư Anh, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Giả Tư Bình. Năm 944, Giả Tư Bình ôm chét, Giả Tư Anh lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Văn Kinh". Ông trị vì được 1 năm thì bị phế truất (nguyên nhân không rõ), sau đó xuất gia làm tăng. Chuyện về sau ra sao không rõ. Trong sử gọi ông là Văn Kinh Đế.

VĂN VŨ ĐẾ (GIẢ TƯ LUONG)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Thánh Tú Văn Vũ Đế, ông ta tên là Giả Tư Lương (? - 951). Ông là em của Giả Tư Bình. Năm 945 cháu ông là Giả Tư Anh bị phế truất, do đó Giả Tư Lương đã lên tiếp vị. Ông đổi niên hiệu là "Chí Trị". Năm 951 ông bị bệnh chét. Ông trị vì 6 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Thánh Tú Văn Vũ Đế.

QUẢNG TÙ ĐẾ (GIẢ TƯ THÔNG)
(TRIỀU ĐẠI LÍ)

Chí Đạo Quảng Tù Đế, ông ta tên là Giả Tư Thông (? - 968). Ông là con của Giả Tư Lương. Năm 951, Giả Tư Lương ôm chét, Giả Tư Thông đứng ra tiếp vị. Ông đổi niên hiệu là "Minh Đức". Ông trị vì 17 năm bị ôm chét. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Chí Đạo Quảng Từ Đế.

**ÚNG ĐẠO ĐẾ (GIẢ TỐ THUẬN)
(TRIỀ`U ĐẠI LÍ)**

Úng Đạo Đế, ông ta tên là Giả Tố Thuận (? - 985). Ông là con trai của Giả Tư Thông. Năm 968, Giả Tư Thông chế t, ông ta lên kế́ vị. Ông đổi niên hiệu là "Minh Chính". Ông bị bệnh chế t. Ông trị vì 17 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Úng Đạo Đế.

**CHIÊU MINH ĐẾ (GIẢ TỐ ANH)
(TRIỀ`U ĐẠI LÍ)**

Chiêu Minh Đế, ông ta tên là Giả Tư Anh (? - 1009). Ông là con trai của Giả Tố Thuận. Năm 985 Giả Tố Thuận chế t do đó Giả Tư Anh được kế́ vị. Ông đổi niên hiệu là "Quảng Minh". Ông bị ố m chế t. Ông trị vì 24 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Chiêu Minh Đế.

**TUYÊN TÚC ĐẾ (GIẢ TỐ LIÊM)
(TRIỀ`U ĐẠI LÍ)**

Tuyên Túc Đế, ông ta tên là Giả Tố Liêm (? - 1022). Ông là con trai của Liêm Tố Anh. Năm 1009, Giả Tư Anh bị bệnh chế t, Giả Tố Liêm đứng ra tiế p vị. Ông đổi niên hiệu là "Minh Khải". Ông ố m chế t, trị vì 13 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Tuyên Túc Đế.

BÌNH NGHĨA ĐẾ (GIẢ TỐ LONG) (TRIỀ́ U ĐẠI LÍ)

Bình Nghĩa Đế, ông ta tên là Giả Tố Long, năm sinh và năm
mất không rõ. Ông là cháu của Giả Tố Liêm. Năm 1022, Giả Tố
Liêm bị bệnh chết. Giả Tố Long đứng ra tiếp nhận ngôi báu. Ông
đổi niên hiệu là "Minh Thông". Ông trị vì được 4 năm. Năm 1026, ông
bị ép nhường ngôi cho Giả Tố Thận và xuất gia đi tu. Chuyện vế
sau ra sao không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Bình Nghĩa Đế.

THÁNH ĐỨC ĐẾ (GIẢ TỐ THẬN) (TRIỀ́ U ĐẠI LÍ)

Thánh Đức Đế, ông ta tên là Giả Tố Thận, năm sinh và năm
mất không rõ. Ông là cháu của Giả Tố Long. Năm 1026, Giả Tố
Long bị ép nhường ngôi cho Giả Tố Thận. Ông đổi niên hiệu là
"Chính Trị". Ông trị vì 15 năm. Năm 1041 ông bị ép nhường ngôi cho
cháu là Giả Tố Hưng và ông xuất gia đi tu. Chuyện vế sau ra sao
không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Thánh Đức Đế.

THIÊN MINH ĐẾ (GIẢ TỐ HƯNG) (TRIỀ́ U ĐẠI LÍ)

Thiên Minh Đế, ông ta tên là Giả Tố Hưng, năm sinh và năm
mất không rõ. Ông là cháu của Giả Tố Thận. Năm 1041, Giả Tố
Thận bị bắt ép nhường ngôi cho Giả Tố Hưng. Ông đổi niên hiệu là
"Thánh Minh". Ông trị vì được 3 năm thì bị nhân dân phế truất.
Chuyện vế sau ra sao không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Thiên Minh Đế.

HIỆ́ U ĐỨC ĐẾ (GIẢ TƯ LIÊM) (TRIỀ́ U ĐẠI LÍ)

Hưng Tông Hiế u Minh Đế , ông ta tên là Giả Tố Liêm năm sinh và năm mấ t không rõ. Năm 1044 Ân Tố Hưng bị phế truá́ t, Giả Tố Liêm được tiế p nhận ngôi vị. Ông đổi niên hiệu là "Bảo an". Ông trị vì 30 năm. Năm 1075 ông thố i vị và xuấ t gia đi tu. Chuyện vê` sau ra sao không rõ.

*

Hiệu miế u của ông được đặt là Hưng Tông và thụy hiệu là Hiế u Đức Đế .

THƯỢNG ĐỨC ĐẾ (GIẢ LIÊM NGHĨA) (TRIỀ́ U ĐẠI LÍ)

Thượng Đức Đế , ông ta tên là Giả Liêm Nghĩa (? - 1080). Ông là con của Ân Tư Liêm. Năm 1075 bố của Giả Liêm Nghĩa thố i vị và đi tu, ông lên tiế p nhận ngôi vị. Ông đổi niên hiệu là "Thượng Đức". Ông trị vì được 6 năm. Năm 1080, ông bị Hạ Thấ n Dương Nghĩa Thận gié́ t chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Thượng Đức Đế .

THƯỢNG MINH ĐẾ (GIẢ THỌ HUY) (TRIỀ́ U ĐẠI LÍ)

Thượng Minh Đế , ông ta tên là Giả Thọ Huy, năm sinh và năm mấ t không rõ, ông là cháu của Giả Liêm. Năm 1080, Dương Nghĩa Thận gié́ t Giả Liêm Nghĩa, sau đó tự xung là hoàng đế́ Quang An. Con trai của trọng thấ n Cao Trí Thăng là Cao Thăng Thái tập hợp 37 bộ binh và tiêu diệt Dương Nghĩa Thận và lập Giả Thọ Huy làm đai vương. Ông đổi niên hiệu là "Thượng Minh". Ông trị vì được 1 năm, năm 1081 ông nhường ngôi cho Giả Chính Minh. Chuyện vê` sau ra sao không rõ.

*

Trong sử gọi Giả Thọ Huy là Thượng Minh Đế.

BẢO ĐỊNH ĐẾ (GIẢ CHÍNH MINH) (TRIỀU ĐẠI LÍ)

Bảo Định Đế, ông ta tên là Giả Chính Minh, năm sinh và năm
mất không rõ. Ông là cháu của Ân Tư Liêm và là cháu họ của Giả
Thọ Huy. Năm 1081, Giả Thọ Huy nhường ngôi cho Ân Chính Minh.
Ông đổi niên hiệu là "Bảo Lập". Ông trị vì 12 năm, sau đó xuất gia đi
tu. Chuyện vê` sau ra sao không rõ.

*

Năm 1094, nhân dân bắt ép Giả Chính Minh nhường ngôi cho
Cao Thăng Thái. Ông ta không có cách gì chối từ đành phải thoái vị,
còn Cao Thăng Thái làm quốc vương. Nước Đại Lí bị diệt vong.

*

Trong sử gọi Giả Chính Minh là Bảo Định Đế.

NUỚC ĐẠI TRUNG

(Năm 1094 - 1096, tổng cộng là 2 năm)

Nước Đại Trung chỉ có 1 quốc vương, ông ta bị bệnh chết.

BIỂU CHÍNH ĐẾ (CAO THĂNG THÁI) (NUỚC ĐẠI QUỐC)

Biểu Chính Đế, ông ta tên là Cao Thăng Thái (? - 1096). Ông vốn là đại thấn nước Đại Lí. Năm 1094, Giả Chính Minh bị dân chúng ép nhường ngôi bọn họ lập Cao Thăng Thái làm quốc vương. Ông xưng là Phúc Hữu Thánh Đức Biểu Chính Đế. Ông lập quốc hiệu là Đại Trung và đặt quốc hiệu là "Thượng Trị". Dân chúng gọi ông ta là Cao Quốc Chủ. Ông bị ốm chết. Trị vì 2 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trước lúc lâm chung Cao Thăng Thái dặn dò con trai là Cao Thái Minh cát`n phải hoàn trả chính quyến cho nhà họ Giả. Trong sử gọi Cao Thăng Thái là Biểu Minh Đế.

TRIỀU HẬU LÍ

(Năm 1096 - 1254, tổng cộng 159 năm)

Triều Hậu Lí có 8 quốc vương. Trong đó một người làm mạt nước bị bắt làm tù binh, 4 người nhường ngôi và xuất gia đi tu, 3 người bị bệnh chết.

VĂN AN ĐÊ (GIẢ CHÍNH THUẬN) (TRIỀU HẬU LÍ)

Trung Tông Văn An Đê, ông ta tên là Giả Chính Thuận, năm sinh và năm mạt không rõ. Ông là em trai của Bảo Định Đế Chính Minh (triều Đại Lí). Sau khi Cao Thắng Thái chết, con trai của ông ta là Cao Thái Minh tuân theo lời di huấn của cha là trả lại ngôi vị cho dòng họ Giả. Năm 1096 Cao Thái Minh tìm được Giả Chính Thuận và lập Giả Chính Thuận làm quốc vương, ông đổi quốc hiệu là Hậu Lí, lập niên hiệu là "Thiên Thụ". Dòng họ Cao các đời đều được phong làm tể tướng. Ông trị vì 12 năm. Năm 1108, ông nhường ngôi cho con và xuất gia đi tu. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Hiệu miếu của Giả Chính Thuận là Trung Tông và thụy hiệu là Văn An Đê.

TUYÊN NHÂN ĐÊ (GIẢ HÒA ÍCH) (TRIỀU HẬU LÍ)

Hiền Tông tuyên Nhân Đê, ông ta tên là Giả Hòa Ích, năm sinh và năm mạt không rõ. Ông là con của Giả Chính Thuận. Năm 1108, Giả Chính Thuận nhường ngôi cho ông Giả Hòa Ích đổi niên hiệu là "Nhật Tân". Năm 1147, ông trốn đi làm tăng ni. Ông trị vì 39 năm. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Năm 1116 Giả Hòa Ích tới triều Bắc Tông xin làm sứ thần và được Tông phong làm "quốc vương ở nước Đại Lí".

Hiệu miếu của Giả Hòa Ích là Hiền Tông và thụy hiệu là Tuyên Nhân Đế.

CHÍNH KHANG ĐÊ (GIẢ CHÍNH HƯNG) (TRIỀU HẬU LÍ)

Cảnh Tông Chính Khang Đế, ông ta tên là Giả Chính Hưng ông còn có tên là Giả Nghĩa Trường. Năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Giả Hòa Ích. Giả Hòa Ích đi tu vì thế Giả Chính Hưng đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Trinh". Năm 1172 ông trốn đi làm tăng ni. Ông trị vì 25 năm. Chuyện về sau ra sao không rõ.

*

Hiệu miếu của ông là Cảnh Tông và thụy hiệu là Kiến Đế.

CUNG CỰC ĐÊ (GIẢ TRÍ HƯNG) (TRIỀU HẬU LÍ)

Tuyên Tông Cung Cực Đế, ông ta tên là Giả Trí Hưng (? - 1200). Ông là con trai Giả Chính Hưng. Năm 1172 Giả Chính Hưng đi tu, do đó Giả Trí Hưng đã được kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Lợi Trinh". Ông trị vì 29 năm, bị bệnh chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1173 Giả Trí Hưng sai 23 đại thần tới Áp Châu (nay thuộc phía Đông Bắc huyện Nghị Lương tỉnh Vân Nam) để bàn bạc với triều Tông chuyện mua bán ngựa và sai hạ thần tới triều Tông mua thư tịch nho học (những thư tịch này viết bằng chữ Hán).

Hiệu miếu của ông là Tuyên Tông và thụy hiệu là Cung Cực Đế.

HƯỚNG THIÊN ĐÊ (GIẢ TRÍ LIÊM) (TRIỀU HẬU LÍ)

Hưởng Thiên Đế́, ông ta tên là Giả Tố Liêm (? - 1205). Ông là con trai Giả Trí Hưng. Tháng 7 năm 1200 Giả Trí Hưng ố m chế t, tháng 8 Giả Tố Liêm đăng cơ. Ông đổi niên hiệu là "Phụng Lịch". Ông trị vì 5 năm, bệnh chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Hưởng Thiên Đế́.

THÂ`N TÔNG (GẢI TRÍ TUỜNG) (TRIỀ`U HẬU LÍ)

Thâ`n Tông, ông ta tên là Giả Trí Tường, năm sinh và năm mā́t không rõ. Ông là em trai Giả Tố Liêm. Năm 1205 ông kế́ vị sau khi anh trai chế t, ông đổi niên hiệu là "Thiên Khai". Ông trị vì 33 năm. Năm 1238 ông xuất gia đi tu. Chuyện vế sau ra sau không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Thâ`n Tông.

HIÊ`U NGHĨA ĐẾ (GIẢ TUỜNG HƯNG) (TRIỀ`U HẬU LÍ)

Hiế u Nghĩa Đế, ông ta tên là Giả Tường Hưng (? - 1251). Ông là con trai Giả Trí Tường. Ông đổi niên hiệu là "Đạo Long". Ông trị vì 13 năm thì ố m chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong sử gọi ông là Hiế u Nghĩa Đế.

THIÊN ĐỊNH THÀNH VƯƠNG (GIẢ HƯNG TRÍ) (TRIỀ`U HẬU LÍ)

Thiên Định Thành Vương, ông ta tên là Giả Hưng Trí, năm sinh và năm mā́t không rõ. Ông là con của Giả Tường Hưng. Năm 1251 Giả Tường Hưng ố m chế t, do đó Giả Hưng Trí đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Vế sau ông từ bỏ ngôi vị và ố m chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

Sau khi Giả Hưng Trí lên tri^ź vì đ^oi niêⁿn hi^u là "Thiên Đ^{inh}". Năm 1254 quân Nguyên tâⁿc công tri^źu Đại Lí, Giả Hưng Trí phái đâⁿ hàng, vêⁿsau tri^źu Đại Lí bị diệt vong.

Năm 1255, Giả Hưng Trí và th^uc ph^u là Giả Phú đi tri^źu kiêⁿ Nguyên HiêⁿTông Môⁿg Ca đ^ekính dâng b^an đôⁿ đâⁿt đai, đ^era việc bình định chư bộ và các biện pháp trị dân. Nguyên Hiêⁿtông Môⁿg Ca râ^t tán thành nh^ung việc đ^o và s^ac phong cho Giả Hưng Trí cho làm tổng quản ở Bát Phủ, ban tặng kim bia (bia vàng) và vẫn cho quản lí công việc chính trị ở nước Hậu Lí. Năm 1260 Giả Hưng Trí từ ch^uc, sau đó ô^m chê^t.

*

Trong sử gọi ông là Thiên Đ^{inh} Thành Vương.

TRIỀU HỒI HỒ

(Năm 647 - 846, tổng cộng 200 năm)

Hô`i Hô` vō`n có tên là Hô`i Khâ`t, là tên gọi cũ của dân tộc Duy Ngô Nhĩ. Năm thứ tư thời Đường Trinh Nguyên (788) Kha Hân của triều Hô`i Khâ`t là Vũ Nghĩa Thành Công, đã chờ hoàng đế nhà Đường đổi tên Hô`i Khâ`t thành Hô`i Hô` (có ý nghĩa là: "tộc Hô`i sẽ nhanh nhẹn như hổ báo"). Thời kỳ tộc Hô`i Hô` hưng thịnh nhất, những vùng đâ`t chiê`m cù` được gô`m có: phía Đông chạy đê`n núi Hưng An, phía Tây mở rộng đê`n địa vực của núi A Nhĩ thái. Tộc Hô`i Hô` có 22 Kha Hân thì 16 người được nhận sǎ`c phong của triều Đường, 3 người kẽ`t hôn với công chúa nhà Đường. Sứ giả của hai bên đê`u qua lại thăm hỏi nhau, có mô`i giao lưu kinh tế` mật thiê`t. Tộc Hô`i Hô` giúp triều Đường bình định được Loạn An Sử, khô`ng chê` sự xâm lược của tộc Đột Quyết. Triều Đường nhiê`u lâ`n trợ giúp tộc Hô`i Hô` lương thực và thực phẩm. Thi nhân người Hô` Hột là: Khảm Mạn Nhĩ từng nói: "Từ xưa đê`n nay người Hán luôn là thâ`y của chúng ta". Điều đó nói giữa dân Hán và dân Hô`i Hô` có tình cảm thân thiê`t.

Tộc Hô`i Hô` đã làm cho xã hội của địa khu biên giới phía Bắc Trung Quốc phát triển mạnh và có cõ`ng hiê`n quan trọng trong việc tinh đoàn kẽ`t thân ái giữa các dân tộc Trung Hoa.

Tộc Hô`i Hô` có 22 Kha Hân, trong đó có 13 người ô`m chê`t, một người mâ`t nước bị giê`t, một người làm mâ`t nước và chạy trô`n nên bị tể tướng giê`t, một người bị vợ giê`t, 2 người bị hạ thâ`n giê`t, một người tự sát do thâ`t bại trong chiê`n trận, một người bị giê`t khi bị đì đày, 2 người lưu lạc ở đâu không rõ.

Tộc Hô`i Hô` do Thổ Mê Tín xây dựng lên, trước đó trong các thủ lĩnh có 2 thủ lĩnh là: Kiện Tuâ`n Cân và Hiệt Lợi Phát, hai người này có nhiê`u đóng góp quan trọng trong việc xây dựng lên chính quyê`n của tộc Hô`i Hô`.

THỔ MÊ ĐỘ (TỘC HÔ`I HÔ`)

Thổ Mê Độ, ông ta tên là Dược La Cát. Ông là thủ lĩnh tộc Hô`i Hô`, vê` sau ông tự xưng làm Kha Hân. Ông trị vì được 1 năm thì bị phục kích hại chê` t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Đâ`u thời Đường, Thổ Mê Độ dẫn những cư dân trong bộ lạc đê`n sông Tiên Nga (nay ở hạ lưu sông Lăng Cách thuộc nội Mông Cổ) sô`ng một cuộc sô`ng của dân du mục. Năm 646, lợi dụng cơ hội cường quô`c ở phía Bă`c là Tiê`t Diên Đà (thời đó là chính quyê`n của tộc Thiê`t Lặc gây dựng nên, nay thuộc Mông Cổ) nội phản do đó Thổ Mê Độ đã phô`i hợp với quân lính nhà Đường tiêu diệt Tiê`t Diên Đà, chiê`m cứ đâ`t đai dân cư và Thổ Mê Độ tự xưng làm Kha Hân. Ông sai sứ đê`n triê`u Đường xin quy thuận. Năm 647 Đường Thái Tông đích thân đê`n Linh Châu (nay là huyện Linh Vũ tỉnh Cam Túc) để tiê`p nhận sự quy phục của Thổ Mê Độ và phong hiệu cho Thổ Mê Độ làm đại tướng quân Hoài Hóa Kiêm đô đô`c ở Bột Hải, thừa nhận Thổ Mê Độ là quan viên của triê`u Đường và Đường Thái Tông còn phong cho vài nghìn tộc trưởng của tộc Hô`i Hô` làm quan ở triê`u Đường. Từ đó, địa khu của tộc Hô`i Hô` chính thức chịu sự chỉ đạo của chính quyê`n trung ương nhà Đường. Trong nội bộ dân tộc Hô`i Hô`, Thổ Mê Độ vẫn làm Kha hân và ông ta vẫn dựa theo chê`độ của tộc Đột Quyê`t lập ra bộ máy quan lại xây dựng chính quyê`n riêng rẽ của tộc Hô`i Hô`.

Thổ Mê Độ lâ`y bài học của các tộc Hung Nô, Đột Quyê`t, Tiê`t Diên Đà... vì không quy thuận vương triê`u Trung Nguyên nên bị đánh bại và đi đê`n chỗ diệt vong. Nhờ vậy, ông rút kinh nghiệm cho bản thân mình: chỉ có duy trì mối quan hệ hữu hảo với triê`u Đường thì mới bảo tô`n được bộ tộc, cả hai cùng có lợi. Vì lí do đó, ông tạo lập quan hệ tô`t đẹp với triê`u Đường. Từ đó, hai bên có mô`i quan hệ giao lưu văn hóa và kinh tế` mật thiê`t, tộc Hô`i Hô` trở thành một chính quyê`n dân tộc thiểu số` có mô`i quan hệ thân ái nhâ`t với triê`u Đường, cũng nhò vây mà phát triển được xã hội Hô`i Hô` ngày một phô`n vinh.

Tháng 10 năm 648, cháu họ của Thổ Mê Đô là Ô Hột phản đồ i chú chuyện giao du kẽ t bạn với triều Đường, nên anh ta có ý định dẫn dân trong bộ tộc đâ u hàng nhạc phụ, (nhạc phụ của anh ta là Kha Hân Xa Tị của tộc Đột Quyết. Vào một đêm, Ô Hột dẫn quân tập kích gié t ché t Thổ Mê Đô. Đường Thái Tông biế t tin, đã phái thượng thư Thôi Quách Lễ đê n trước linh cữu đọc điêu văn, tỏ lời chia buô n và phong tặng Thổ Mê Đô làm đại tướng quân Tả Vệ.

BÁ NHUẬN (TỘC HÔ`I HỒ)

Bá Nhuận (? - 661), ông là con trai của Thổ Mê Đô. Năm 648 Thổ Mê Đô bị Ô Hột gié t, triều Đường gié t Ô Hột và cho Bá Nhuận kế vị cha. Ông trị vì 14 năm, bị ô m ché t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 10 năm 648 Thổ Mê Đô bị cháu là Ô Hột gié t hại, triều Đường gửi điêu văn chia buô n và ra tay trừ bỏ Hột. Để duy trì sự thống nhất của tộc Hô`i Hồ, Đường Thái Tông lập Bá Nhuận thủ lĩnh bộ tộc, và thay chức vị của cha làm đô đốc và được phong làm Đại tướng quân tà vệ.

Trong thời gian Bá Nhuận trị vì, ông vẫn duy trì mối quan hệ mật thiê t với triều Đường. Năm 651 ông cho quân đi trợ giúp triều Đường đánh tộc Đột Quyết, năm 657 ông đã giúp triều Đường diệt vong Kha Hân tộc Đột Quyết là Hạ Lỗ. Do lập được nhiều chiến công vì vậy ông giành được chức vị đại tướng quân hưu vệ.

Bá Nhuận mất năm 661.

TÂ T LẬT (TỘC HÔ`I HỒ)

Tâ t Lật, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Bá Nhuận (một thuyết khác nói là cháu họ). Ông kế vị sau khi Bá Nhuận ché t. Tâ t Lật ô m ché t. Ông trị vì được bao lâu thì không rõ lă m. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi Tất Lật lên kế vị, ông bị các quý tộc phản Đường bức ép do đó vi phạm vào hiệp ước, xâm phạm biên giới nhà Đường. Đường Cao Tông tuyên bố́ miễn tội cho những kẻ tòng phạm, chỉ trừng phạt những kẻ cản đấu. Nhân dân Hối Hối rất vui mừng, họ bắt giữ hơn 200 quý tộc phản Đường giao cho triếu đình Đường xử lý. Từ đó, mỗ́i quan hệ hữu hảo giữa triếu Đường và dân tộc Hối Hối vẫn gắn bó keo sơn, nhờ sự giúp đỡ của triếu Đường Tất Lật đã củng cố được nến thống trị.

ĐỘC GIẢI CHI (TỘC HỐI HỐ)

Độc Giải Chi (? - 715), ông là con của Tất Lật. Ông kế vị sau khi cha chết. Độc Giải Chi bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Trong thời gian Độc Giải Chi trị vì, tộc Đột Quyết ở phía Tây lại hưng thịnh và tấn công tộc Hối Hối. Tộc Hối Hối ra sức chống trả nhưng bị thất bại, địa bàn bị tộc Đột Quyết chiếm giữ. Độc Giải Chi thống lĩnh dân chúng và xin phép triếu Đường cho phép tộc Hối Hối được phép du nhập vào lãnh thổ nhà Đường, và cư trú ở Cam Túc - Lương Châu, triếu Đường cũng không nghi hoặc gì.

Độc Giải Chi mất năm 715.

PHỤC ĐẾ BẶC (TỘC HỐI HỐ)

Phục Đế Bặc (? - 716). Ông là con trai của Độc Giải Chi. Năm 715 Độc Giải Chi chết, Phục Đế Bặc đứng ra tiếp nhận ngôi vị. Ông trị vì được 1 năm, bị ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Phục Đế Bặc cùng phối hợp với quân nhà Đường tấn công và đánh bại tộc Đột Quyết ở phía Đông, nhờ vậy tăng cường thêm mỗ́i

quan hệ mật thiết với triếu Đường.

THÙA TÔNG (HÔ`I HỒ)

Thùa Tông, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Phục Đế Bặc. Ông tiếp nhận ngôi vị sau khi cha chết. Ông trị vì 11 năm, bị đi đày và ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 727, tiết độ sứ ở Hà Tây (triếu Đường) là Vương Quân Xước đã lấy ân oán cá nhân để đuổi những dân trong tộc Hô`i Hồ, những người dân này cư trú ở Cam Túc và Lương Châu. Vương Quân Xước còn vu cáo cho dân Hô`i Hồ là có ý đồ` mưu phản Đường Huyến Tông không chịu điề́u tra rõ ràng, nhẫn tâm ra lệnh đem Thùa Tông và những quý tộc có vai vế ở tộc Hô`i Hồ đi lưu đày ở Lĩnh Nam.

PHỤC ĐẾ NAN (HÔ`I HỒ)

Phục Đế Nam, dòng dõi và năm sinh năm mất đếu không rõ. Thùa Tông bị đi đày, những dân trong tộc Hô`i Hồ đã giết hại Vương Quân Xước và lập Phục Đế Nam làm kha hân. Phục Đế Nam đấu hàng tộc Đột Quyết. Chuyện vế sau ra sao không rõ.

KHA HÃN HOÀI NHÂN (TỘC HÔ`I HỒ) (Cốt Lực Bối La)

Kha Hân Hoài Nhân, ông ta tên là Cốt Lực Bối La (? - 747). Ông là con của Thùa Tông. Ông được lập làm Kha Hân, ông có công xây dựng lại triếu Hô`i Hồ. Ông trị vì được 7 năm thì ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 741 Cốt Lực Bối La được lập làm Kha Hân. Năm 744 ông thống nhất 9 bộ ở Hô`i Hồ. Đường Huyến Tông sá́c phong cho

ông ta làm Kha Hán và khôi phục lại mô’i quan hệ hữu hảo giữa 2 bên.

Trong thời gian trị vì, cương vực của tộc Hô`i Hồ được mở rộng: phía Đông chạy đê`n Thâ`t Vi (hiện nay ở thượng lưu sông Hă`c Long Giang), phía Tây chạy đê`n Kim Sơn (nay ở núi A Nhĩ Thái), phía Nam chạy đê`n Đại Mạc. Ông chié`m cứ được vùng đâ`t của tộc Đột Quyê`t. Do ông kêt` bạn với triê`u Đường nên việc quân sự ở biên cương được bình an vô sự.

KHA HÂN CÁT LẶC (MA DIÊN XUÊ`) (TỘC HÔ`I HỒ)

Kha Hán Cát Lặc ông ta tên là Ma Diên Xuê` (? - 759). Ông là con của Cô`t Lực Bô`i La. Ông kế` vị khi cha chê`t. Ma Diên Xuê` trị vì 12 năm thì ô`m chê`t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 747 Cô`t Lực Bô`i La ô`m chê`t, cũng vào năm đó Ma Diên Xuê` đứng ra tiê`p nhận ngôi vị. Ông lâ`y hiệu là Kha Hán Cát Lặc.

Ông râ`t giỏi dùng binh, hàng năm ông đê`u phái sứ giả tới yê`t kiê`n hoàng đê`nhà Đường. Ông hưởng ứng lời kêu gọi của Đường Túc Tông và phái quân kị binh kê`t hợp với tiê`t độ sứ ở Sóc Phương là Quách Tử Nghĩa đánh bại phản loạn An Sử, thu hô`i lại Tây kinh ở Trường An và thành Đông Kinh ở Lạc Dương. Đường Túc Tông gả công chúa Ninh Quô`c cho Ma Diên Xuê`.

Kha Hán Cát Lặc xây dựng một tòa thành nguy nga tráng lệ ở bên cạnh hô`Tiên Nga, trong tòa thành đó xây cát nhiê`u phòng thâ`t. Điê`u đó chứng tỏ tộc Hô`i Hồ chịu nhiê`u ảnh hưởng của nê`n văn hóa Trung Nguyên và theo đà đó phát triển nê`n kinh tế` xã hội và dâ`n chuyên hóa thành cuộc sô`ng bàn định cư.

KHA HÂN MÂU VŨ (DI ĐỊA KIÊN) (TỘC HÔ`I HỒ)

Kha Hãn Mâu Vũ, ông ta tên là Di Địa Kiện (? - 780). Ông là con trai của Kha Hán Cát Lặc. Ông kế vị khi cha chê t. Ông trị vì 20 năm. Ông bị tể tướng gié t do phản bội lại triều Đường. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Anh trai của Di Địa Kiện là Thập Hộ vì đã c tội với phụ thân là Kha Hán Cát Lặc nên bị xử tội chê t. Tháng 4 năm 759 Cát Lặc chê t, cùng tháng đó Di Địa Kiện lên kế vị, ông là y hiệu là Kha Hán Mâu Vũ hay còn gọi là Kha Hán Đăng Lí.

Năm 762 hưởng ứng lời kêu gọi của Đường Đại Tông, Mâu Vũ cho quân đi giúp triều Đường dẹp yên loạn chiê n.

Mâu Vũ chọn Mạt Hạ Đạt Cán làm tể tướng, ông cho tu sửa cung điện, xây dựng thê chê chính trị giô ng như thê chê chính trị của người Hán và chọn Minh Giáo làm quô c giáo. Ông ta cho ră ng có công với triều Đường nên sinh ra kiêu căng ngạo mạn, nhiê u lâ n xâm phạm biên giới nhà Đường. Năm 780, Đường Đại Tông chê t, Đường Đức Tông lên kế vị. Lợi dụng thời cơ đó, Mâu Ni lại xâm lâ n vùng biên giới giữa hai bên, Mạt Hạ Đạt Cán khuyên Mâu Ni bãi bỏ chiê n trận mà nghỉ ngơi dưỡng sức nhưng Mâu Ni không nghe nhâ định làm theo ý mình. Do vậy, nhờ sự giúp đỡ của dân cư Hồ i Hồ Mạt Hạ Đạt Cán đã dâ y binh gié t chê t Mâu Ni.

KHA HÃN VŨ NGHĨA THÀNH CÔNG (MẠT HẠ ĐẠT CÁN) (TỘC HỒ I HỒ)

Kha Hán Vũ Nghĩa Thành Công, ông ta tên là Mạt Hạ Đạt Cán (? - 789), ông là anh họ của Kha Hán Mâu Vũ. Ông gié t Mâu Vũ và tự lập làm Kha Hán. Ông trị vì được 9 năm thì chê t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Mâu Vũ trị vì đã lập Mạt Hạ Đạt Cán làm tể tướng. Mạt Hạ Đạt Cán luôn bảo tô n quan điểm duy trì mô i quan hệ thân ái với triều Đường. Khi Mâu Vũ có ý định tâ n công nhà Đường Mạt Hạ

Đạt Cán đã phản đối kịch liệt. Mâu Vũ nhát định làm theo ý kiê n của mình, do vậy Mạt Hạ Đạt Cán dẫn quân gié t Mâu Ni và hơn 2000 tay chân thân tín của Mâu Ni. Sau đó Mạt Hạ Đạt Cán tự xưng làm Kha Hân.

Sau khi đăng cơ, ông sai Trường Kiê n Đạt Cán làm sứ giả đi tới triều Đường xin khôi phục lại mô i quan hệ. Triệu Đường phong ông ta làm Kha Hân Vũ Nghĩa Thành Công và còn gả công chúa Uy An cho ông ta. Ông ta vô cùng cảm động về những ân điển mà triều Đường giành cho. Năm 788 ông viê t thư cảm tạ Đường Đức Tông: "Trước kia chúng ta là anh em kê t nghĩa, hôm nay thâ n lại là con rể của bệ hạ. Nê u bệ hạ lo lă ng tộc Nhung ở phía Tây xâm phạm biên giới lãnh thổ Trung Nguyên, thâ n sẽ xin mang quân dẹp bỏ mô i nguy hiểm đó". Và ông còn xin nhà Đường đổi tộc Hô i Hột thành tộc Hô i Hồ, có nghĩa là tộc Hô i sẽ dũng mãnh như hổ báo. Đường Đức Tông châ p nhận lời thỉnh cù u đó và còn phong cho làm Kha Hân Trường Thọ Thiên Tân.

Mạt Hạ Đạt Cán mât vào tháng 12 năm 789.

Kha Hân TRỌNG TRINH (ĐA LA TU) (TỘC HÔ I HÔ)

Kha Hân Trọng Trinh, ông ta tên là Đa La Tư (? - 790). Ông là con trai của Kha Hân Vũ Nghĩa Thành Công. Tháng 12 năm 789 cha chê t, cùng tháng đó ông lên kê vị. Triệu Đường sác phong cho ông làm Kha Hân Trọng Trinh. Năm 790, ông bị công chúa Thiê u Hà Quách Thập (cô ta là vợ ông) gié t chê t. Ông trị vì 1 năm. Mai táng ở đâu không rõ.

KHA HÂN PHỤNG THÀNH (A XUÊ) (TỘC HÔ I HÔ)

Kha Hân Phụng Thành, ông ta tên là A Xuê (?) - 795). Ông là con của Kha Hân Trọng Trinh. Ông trị vì được 5 năm thì chê t. Mai táng ở đâu không rõ.

Năm 790 Kha Hân Trọng Trinh bị vợ giết chết, em trai của ông ta tự lập làm Kha Hân nhưng thấn dân không tuân phục nên đã giết em trai của Kha Hân Trọng Trinh. Tháng 4 năm 790 dân chúng lập A Xuế làm Kha Hân.

Trong thời gian A Xuế trị vì, nội chiến và ngoại bang luôn đe dọa ông ta khiến thế lực của bộ tộc dấn suy yếu.

Năm 791 triê`u Đường să`c phong cho ông ta làm Kha Hân Phụng Thành.

KHA HÂN HOÀI TÍN (CỐT XUẤT LỤC) (TỘC HÔ`I HỒ)

Kha Hân Hoài Tín, ông ta tên là Cốt Xuất Lục (? - 805). Ông ta vốn dĩ mang họ: Hài Hài. Thời Phụng Thành làm Kha Hân đã phong Cốt Xuất Lục làm tể tướng. Kha Hân Phụng Thành không có con do đó khi Phụng Thành chết, dân chúng đã tôn Cốt Xuất Lục làm Kha Hân. Ông trị vì được 10 thì chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Từ nhỏ Cốt Xuất Lục đã mồ` côi cha mẹ, ông ta được thủ lĩnh bộ tộc nhận làm con nuôi. Sau khi trưởng thành Cốt Xuất Lục rất giỏi võ nghệ, tư tưởng nhạy bén. Thời Kha Hán Vũ Nghĩa Thành Công trị vì đã vài lấn sai Cốt Xuất Lục thống lĩnh quân đội đi chinh chiến. Đê`n thời Kha Hân Phụng Thành đã cử Cốt Xuất Lục làm tể tướng. Từ trưởng của các bộ tộc rất kính trọng Cốt Xuất Lục.

Tháng 4 năm 795 A Xuế chết, do A Xuế không có con nên dân chúng lập Cốt Xuất Lục làm Kha Hân, lễ đăng cơ tổ chức vào tháng 4 năm đó. Tháng 5 triê`u Đường să`c phong cho ông làm Kha Hân Hoài Tín.

KHA HÂN ĐĂ`NG LÍ DÃ HỢP CÂU (LỤC TẤT GIA) (TỘC HÔ`I HỒ)

Kha Hân Đăng Lí dã hợp câu lục tất gia (? - 808), ông ta không có tên tuổi rõ ràng. Ông là con trai của Kha Hân Hoài Tín. Ông kế` vị

sau khi cha chế t. Ông trị vì được 2 năm thì chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 11 năm 805 Kha Hãn Hoài Tín mất. Do đó con trai của Hoài Tín được tiếp nhận ngôi vị. Triệu Đường phong cho ông ta làm Kha Hãn Đăng Lí đã hợp câu tục bất gia.

KHA HÃN BẢO NGHĨA (TỘC HÔ`I HỒ)

Kha Hãn Bảo Nghĩa (? - 821). Không rõ gốc gác của ông ta. Ông kêt vị sau khi Kha Hãn Đăng Lí Dã Hợp Câu Lục Tát Gia chế t. Ông trị vì 13 năm thì chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 5 năm 808 triều Đường sáp c phong cho ông ta làm Kha Hãn Bảo Nghĩa.

Trong thời gian trị vì, có vài lấn Kha Hãn Bảo Nghĩa tới Trung Nguyên xin kêt hôn với công chúa nhà Đường. Đường Mục Tông đã đồng ý gả công chúa cho ông ta. Tháng 2 năm 821 Kha Hãn Bảo Nghĩa ôm chế t.

KHA HÃN SÙNG ĐỨC (TỘC HÔ`I HỒ)

Kha Hãn Sùng Đức (? - 824). Vế dòng dõi của ông ta không biết rõ. Ông kêt vị sau khi Kha Hãn Bảo Nghĩa chế t. Ông trị vì được 3 năm thì chế t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 2 năm 821 Kha Hãn Bảo Nghĩa chế t, Sùng Đức lên kêt vị. Tháng 4 Triệu Đường sáp c phong cho ông làm Kha Hãn Sùng Đức. Trong thời gian Sùng Đức trị vì, ông phái tướng quân Lí Nghĩa Tiết dẫn 3000 binh lính tới giúp triều Đường bình định vùng Hà Bắc. Hoàng đế nhà Đường cũng gả công chúa Thái Hòa cho Sùng Đức.

KHA HÃN CHIÊU LỄ (KHÁT TÁT ĐẶC LẶC) (TỘC HÔ`I HỒ)

Kha Hãn Chiêu Lễ, ông ta tên là Khát Tát Đặc Lặc (? - 832). Ông là em của Kha Hãn Sùng Đức. Ông kế vị sau khi anh chê t. Ông trị vì địa 8 năm, bị thuộc hạ giê t chê t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 824 Kha Hãn Sùng Đức chê t nên Khát Tát Đặc Lặc được lên kế vị. Triệu u Đường sá c phong cho ông ta làm Kha Hãn Chiêu Lễ.

KHA HÃN BÀNH TÍN (HÔ` ĐẶC LẶC) (TRIỀU HÔ`I HỒ)

Kha Hãn Bành Tín, ông ta tên là Hô` Đặc Lặc (? - 839). Ông là tùy tòng của Kha Hãn Chiêu Lễ. Chiêu Lễ chê t ông ta lên kế vị. Ông trị vì được 7 năm thì bị tể tướng ép tự sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 832 Kha Hãn Chiêu Lễ bị thuộc hạ giê t chê t. Hô` Đặc Lặc đứng ra tiê p nhận ngôi vị. Năm 833 triều u Đường sai sứ giả tới tộc Hô`i Hồ sá c phong ông ta làm Kha Hãn Bành Tín.

Năm 839, tể tướng An Xung Hợp câu kê t với đại thâ n Tử Cách mưu phản định tìm cách giê t chê t Bành Tín nhưng bị Bành Tín giê t hại. Cùng năm đó, tể tướng Khuâ t Đa Nhẫn Lại mưu phản mượn binh của Sa Đà tiê n đánh Bành Tín.

Bành Tín thua trận và tự sát chê t.

KHA HÃN KHÁI TÁT ĐẶC LẶC (NHÃN TÔ`N CÔNG) (TỘC HÔ`I HỒ)

Kha Hãn Khái Tát Đặc Lặc, ông ta tên là Nhẫn Tô`n Cung (? - 840). Không rõ lă m vê dòng dõi của ông ta. Kha Hãn Bành Tín chê t, dân chúng ở tộc Hô`i Hột đã lập Nhẫn Tô`n Công làm Kha Hãn. Ông trị vì được 1 năm thì bị tù trưởng của bộ tộc giê t hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 839 Kha Hân Bành Tín tự sát, dân chúng đã lập Nhãnh Tô`n Công làm Kha Hân. Sau khi ông ta lên ngôi, tộc Hô`i Hô`i gặp phải thiên tai do đó dân chúng chịu cảnh đói kém bệnh dịch... dân du mục chê`t râ`t nhiê`u, dân chúng lưu lạc, bộ tộc Hiệp Giáp Tư vô`n bị tộc Hô`i Hô`i thô`ng trị, nay cũng dâ`y binh giành độc lập. Do vậy tộc Hô`i Hô`i lâm vào hoàn cảnh bê` tă`c, gặp khó khăn cả bên trong lẫn bên ngoài.

Tháng 9 năm 840, do trả thù riêng nên tù trưởng của bộ tộc Câu Lục Mộ Hạ câu kêu`t với bộ tộc Hiệp Giáp Tư, hai bọn họ dẫn 100000 kỵ binh tâ`n công vào đô thành của tộc Hô`i Hô`i giê`t chê`t Nhãnh Tô`n Công và Khuâ`t La Nhãnh, đố`t phá đô thành cướp đi tiê`n của. Triê`u Hô`i Hô`i bị suy tàn.

KHA HÂN Ô GIỚI (Ô HI ĐẶC LẶC) (TỘC HÔ`I HÔ`I)

Kha Hân Ô Giới, ông ta tên là Ô Hi Đặc Lặc (? - 846). Ông là em trai của Kha Hân Chiêu Lễ và là chú của Kha Hân Bành Tín. Tộc Hô`i Hô`i bị phân tán, ông được một chi nhánh của tộc Hô`i Hô`i lập làm Kha Hân. Ông trị vì được 6 năm bị tể tướng giê`t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tộc Hô`i Hô`i bị bộ tộc Hiệp Giáp Tư đánh cho tan tác dân cư trong tộc chạy tan tác hê`t: một số` chạy xuô`ng phía Tây, một số` chạy xuô`ng phía Nam. Tháng 2 năm 841, 13 cư dân trong tộc Hô`i Hô`i đã lập Ô Hi Đặc Lặc làm Kha Hân, lâ`y hiệu là Kha Hân Ô Giới, ông ta dẫn dân chạy tới Châ`n Vũ và Thiên Đức, dân trong tội của ông ta tăng lên gâ`n 100000 người. Đây là một chi nhánh chủ yê`u.

Kha Hân Ô Giới được triê`u Đường giúp đỡ 20000 bao gạo, nhưng vẫn không có cách gì duy trì cuộc sô`ng của dân trong tộc và phải đê`n biên giới của triê`u Đường cướp bóc bị quân nhà Đường đánh lại. Trong nội bộ các quý tộc cũng phân chia, hàng loạt dân cư chạy về` quy phục triê`u Đường.

KHA HÃN ÁT NIỆM (HÔ`I HỒ)

Kha Hãn Át Niệm, năm sinh và năm mā́t không rõ. Ông là em trai của Kha Hãn Ô Giói. Sau khi Kha Hãn Ô Giói bị giế́t, ông ta được lên kế vị. Ông trị vì được 2 năm, chạy xuống phía Tây và lưu lạc ở đâu không rõ.

*

Kha Hãn Át Niệm lên kế vị, ông ta dẫn 5000 dân chạy đến bộ lạc Hḗ (nay thuộc phía Nam Nội Mông Cổ). Năm 848, tướng nhà Đường là Trương Trọng Vũ đánh bại bộ lạc Hḗ, Kha Hãn Át Hḗ dẫn hơn 500 quý tộc chạy tới bộ tộc Thất Vi (tên một bộ tộc thời đó, nay thuộc Nội Mông Cổ). Trương Trọng Vũ đã thông đống với bộ lạc Thất Vi, bọn họ liến đuỗi Át Niệm đi. Át Niệm đành dẫn vợ và 9 người con chạy tới phía Tây, lưu lạc ở đâu không rõ.

NGŨ ĐẠI THẬP QUỐC

(Năm 907 - 979, tổng cộng 73 năm)

Năm 907 Chu Ôn tiêu diệt nhà Đường lập nên nhà Lương, hơn 50 năm vè sau 5 triều đại: Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tần, Hậu Hán, ập Chu liên tiếp thay nhau thống trị lưu vực sông Hoàng Hà, 5 triều đại đó gọi là Ngũ Đại.

Cũng với thời gian đó, địa khu Sơn Tây ở miền Nam và miền Bắc đã lần lượt xuất hiện 10 chính quyền cát cứ: Ngô Nam Đường, Ngô Việt, sở, Mân, Nam Hán, Tiền Thục, Hậu Thục, Kinh Nam (Nam Bình), Bắc Hán. 10 chính quyền cát cứ này gọi là Thập Quốc. Trong lịch sử đem phân chia thời kỳ này là Ngũ Đại Thập Quốc.

NGŨ ĐẠI

(Năm 907 - 960, tổng cộng 54 năm)

TRIỀU HẬU LƯƠNG

(Năm 907 - 923, tổng cộng 17 năm)

Triều Hậu Lương có 3 đế vương, trong đó một người ché t trong nội chiê n, 2 người tự sát.

THÁI TÔ (CHU ÔN) (TRIỀU HẬU LƯƠNG)

Thái Tô, ông ta tên là Chu Ôn (852 - 912). Ông xuâ t thân trong gia cảnh bâ n hàn, vê sau nă m giữ binh quyê n nhà Đường, ông phê truâ t Chiêu Tuyên Đê và tự xung đê . Ông trị vì được 6 năm thì bị con trai giê t. Hướng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Tuyên Lăng (nay ở thôn Phạm phía Đông Nam thành phô Lạc Dương tỉnh Hà Nam), một thuyê t khác nói là ở phía Tây Nam huyện Y Xuyên tỉnh Hà Nam).

*

Chu Ôn quê ở Đăng Sơn thuộc Tô ng Châu (nay là huyện Đăng Sơn tỉnh An Huy), ông xuâ t thân trong gia cảnh bâ n hàn, từ nhỏ ông không phục vụ một nghê nghiệp chính đáng, là một tên du côn ở thôn xóm. Sau đó ông cùng với anh trai là Chu Tô n tham gia vào quân khởi nghĩa Hoàng Cân và được Hoàng Cân trọng dụng. Sau khi Hoàng Cân đánh vào Trường An và cho phép Chu Ôn phòng thủ tuyê n đường phía Tây. Chu Ôn nhiê u lâ n đánh nhau với tiê t độ sứ ở Hà Trung là Vương Trọng Vinh, nhưng người chịu thâ t bại và thua thiệt đê u là Chu Ôn, vì vậy ông thỉnh câ u Hoàng Cân tiê p viện nhưng Hoàng Cân tăng lờ không biê t. Tháng 9 năm 882 Hoàng Cân rơi vào tình thê nguy hiểm. Chu Ôn liê n dẫn quân đâ u hàng triều Đường và Đường Hỉ Tông phong ông ta làm Đại tướng quân Tả Kim Ngô Vệ. Năm 883, Chu Ôn lại được phong làm tiê t độ sứ ở Tuyên Vũ (nay thuộc thành phô Khai Phong tỉnh Hà Nam), Chu Ôn liên kêt với Lí Khă c Dụng trâ n áp quân khởi nghĩa Hoàng Cân, nhờ có công lao nên chức nghiệp của ông ngày một thăng cao. Sau

chuyện này Chu Ôn chọn vùng Hà Nam làm trung tâm khoa trương thê lực và hồn chiê n trường kì với cha con Lí Khă c Dụng, điê u đó gây ra nê n kinh tế xã hội ở hạ lưu Hoàng Hà bị tổn thâ t nghiêm trọng. Trong hồn chiê n Chu Ôn lâ n lượt thôn tính phiên trâ n Tâ n Tông Thúc, Chu Tuyên... Ông ta trở thành một thê lực cát cứ lớn nhâ t ở cuô i triê u Đường.

Năm 901, lợi dụng nhà Đường có loạn chiê m mâu thuẫn gay gă t, ông dẫn quân tiê n vào vùng Quan Trung, đánh bại tiê t độ sứ ở Phụng Tường là Lí Mậu Trinh cướp đoạt Đường Chiêu Tông, khô ng chê chính quyê n trung ương. Một thời gian, ông giê t sạch hoạn quan trong triê u đình. Năm 940, ông bă t ép Đường Chiêu Tông dời đô đê n Lạc Dương. Lúc chuẩn bị dời Trường An, ông còn ép buộc quan lại và dân chúng phải cùng dời xuô ng phía Đông, ông sai dỡ bỏ cung điện và nhà dân ở Trường An, đem nguyên vật liệu chuyển đê n miê n Bă c. Không lâu sau Chu Ôn sai người giê t Chiêu Tông và lập Lí Xử loàm đê (Chiêu Tuyên Đê). Vào một đêm, ông ta tập hợp 30 đại thâ n nhà Đường và giê t hê t bọn họ ném xác xuô ng sông Hoàng Hà.

Tháng 2 năm 907 ông ép Chiêu Tuyên Đê thô i vị và ông tự xưng làm hoàng đê , ông đặt quô c hiệu là Lương, đặt đô ở Biên, đặt niên hiệu là "Khai Bình". Trong sử gọi là Hậu Lương. Sau khi Chu Ôn xưng đê ông đổi tên là Chu Hoảng và cho sửa đổi một số pháp chê của nhà Đường. Nhưng do nhiê u năm đánh trận và lại giê t các công thâ n tướng sĩ nên gây ra mâu thuẫn gay gă t trong tập đoàn thô ng tri, những mâu thuẫn này ngày một gia tăng, chính quyê n không ổn định.

Năm 912, Chu Ôn đích thân thô ng lĩnh 500000 đại quân tâ n công thị trâ n thành Đức. Ông ta ngày đêm hành quân, lúc đi đê n Thị Luật Gia (nay là phía Đông Nam huyện Vũ Á p tỉnh Hà Bă c) quân thám báo tâ u trình nói. Đại quân của triê u Hậu Đường đã tiê n đê n, chỉ huy đại quân là Lí Tô n Tự (con trai của Lí Khă c). Chu Ôn vài lâ n bị Lí Tô n Tự đánh cho đại bại, ông ta nghe tin Lí Tô n Tự thô ng lĩnh đại quân, không chờ xem xét tình hình thật giả ông ta hoảng hô t chạy đê n Táo Cường (nay thuộc huyện Tác Cường tỉnh Hà Bă c), ông ta vội vàng đê n mức không kịp trại và cờ

trưởng. Lúc hoàng hôn buông xuô̄ng, Lí Tô̄n Tự sai 100 binh lính xông đê̄n doanh trại của Chu Ôn chém gié̄t lung tung, Chu Ôn cho ră̄ng đại quân của Lí Tô̄n Tự đã đuôi đê̄n, ông ta điên cuô̄ng chạy trô̄n và định chạy đê̄n Ký Châú, lương thực bị mấ̄t vô sô̄. Sau chuyện này Chu Ôn biê̄t chỉ có vài trăm quân lính của Lí Tô̄n Tự bao vây doanh trại, ông ta xâ̄u hổ vô cùng mà sinh ra bệnh tật. Quay về Lạc Dương, ông ta ô̄m liệt giường không dậy được. Ông khóc và nói với cận thâ̄n: "Trẫm să̄p chê̄t rȭi. Nê̄u trẫm chê̄t, các con trẫm không phải là đô̄i thủ của Lí Tô̄n Tự. Xem ra mành đâ̄t chôn thân cho trẫm cũng không có". Nói xong, ông ta khóc ngâ̄t đi, sô̄ng lại.

Chu Ôn đam mê nǚ să̄c, dâm ác như loài cā̄m thú, thậm chí các con gái của ông ta cũng bị ông ta bă̄t ép vào cung để làm trò tiêu khiển cho ông ta, còn các con trai cũng dựa vào có đó để tranh quyề̄n đoạt vị. Tháng 5 năm 912, trong lúc Chu Ôn đang bị bệnh nặng thì con dâu của ông ta là Vương Thị đê̄n yêu cā̄u ông nhường ngôi cho chô̄ng của cô ta (chô̄ng cô ta là con nuôi của ông ta, anh ta tên là Chu Hữu Văn). Con trai thứ 3 của Chu Ôn tên là Chu Hữu Giai và vợ là Trương Thị nghe được tin này vô cùng tức tố̄i, hai vợ chô̄ng họ quyề̄t định trừ bỏ Chu Ôn cướp đoạt ngôi vị.

Ngày Mậu Dâ̄n tháng 6, Chu Hữu Giai và gia tướng là Phùng Đình Ngạc dẫn 500 lính, giả vờ phụng mệnh của Chu Ôn nên phải nhập cung, và chia nhau mai phục hoàng cung. Đê̄n đêm khuya mọi người đã ngủ say quên lính của bọn họ tập chung lại, đột nhập vào tâm cung, nơi Chu Ôn ở. Tùy tùng thuộc hạ, vô̄n dĩ hận Chu Ôn hoang dâm ngang ngược, do đó bọn họ bỏ chạy hê̄t chỉ còn lại mỗi mình Chu Ôn nă̄m ở đó. Chu Ôn mở mă̄t thâ̄y Chu Hữu Giai dẫn lính xông vào, ông ta cao giọng quát con trai: "ta đã hoài nghi mi có dã tâm làm phản, ta hô̄i hận vì không trừ bỏ ngươi, đô̄ nghịch tử, ngươi muô̄n gié̄t ta, ngươi nhẫn tâm vậy ư? Trời đâ̄t sẽ không dung thứ cho hành động bâ̄t hiê̄u của ngươi?" Chu Hữu Giai cũng trừng mă̄t quát lại: "Ông là đô̄ dã thú, đáng ra ông bị băm vă̄m ra thành nhiê̄u mảnh rȭi!" Lúc này Phùng Đình Ngạc cā̄m dao chạy đê̄n bên giường định chém Chu Ôn, Chu Ôn hoảng hô̄n chạy ra khỏi giường và chạy vòng quanh cột trong phòng trô̄n chạy. Phùng Đình Ngạc chém 3 nhát nhưng Chu Ôn đê̄u tránh được. Chu Ôn đang bị

Ôm chạy được vài vòng thì ông ta thay hoa măt, xây xẩm mặt mày, ông ta ngã nhào vào giường. Phùng Đình Ngạc đi đén chém chét Chu Ôn.

Sau khi ông ta chết, đặt hiệu miếu Thái Tổ.

ÂNH VƯƠNG (CHU HỮU GIAI) (TRIỆU HẬU LUƠNG)

Ânh Vương, ông ta tên là Chu Hữu Giai (? - 913). Ông là con trai thứ 3 của Chu Ôn. Ông giết cha và tự lập làm hoàng đế. Ông trị vì được 8 tháng thì bị em trai đánh bại và Chu Hữu Giai sai bộ tướng giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

Tháng 5 năm 912 Chu Hữu Giai giết chết Chu Ôn, tháng 6 ông ta tự lập làm hoàng đế và cho đổi niên hiệu là "Phụng Lịch".

Sau khi Chu Hữu Giai đứng ra tiếp nhận ngôi vị, quân thành đều không phục. Con trai thứ 4 của Chu Ôn là Chu Hữu Trinh lúc này đang trấn thủ ở Đông Đô, biết tin anh trai giết phụ hoàng, anh ta mang quân chinh phạt anh trai,

tấn công vào kinh đô. Con rể của Chu Ôn là đô úy Triệu Nham làm nội ứng. Đến ngày Canh Dần tháng 2 năm 913 Triệu Nham mở cổng thành nghênh đón đại quân của Chu Hữu Trinh vào; anh ta còn thông đồng với hơn 1000 cảm vệ quân bao vây cung thành. Chu Hữu Giai vội vàng dẫn vợ và thuộc hạ tâm phúc là Phùng Đình Ngạc chạy đền chân thành phía Bắc, chuẩn bị vượt tường chạy trốn. Một loạt binh lính chạy đuổi theo hô to: "giết nghịch tặc". Chu Hữu Giai biết không còn thời gian để vượt tường chạy trốn, ông ta lại sợ roi vào tay địch sẽ bị chém thành nhiệu đoạn, do đó đã ra lệnh cho Phùng Đình Ngạc giết Trương Thị, sau đó chém chết mình. Phùng Đình Ngạc tuân lệnh chém chết vợ chồng Chu Hữu Giai, sau đó cũng tự sát.

Trong lịch sử gọi Chu Hữu Giai là Ânh Vương.

MẶT ĐẾ (CHU HỮU TRINH) (TRIỆU HẬU LUƠNG)

Mặt Đế, ông ta tên là Chu Hữu Trinh (888 - 923). Ông là con trai thứ 4 của Chu Ôn và là em của Chu Hữu Giai. Ông đánh bại anh trai và lên kế́ vị. Ông trị vì 11 năm, bị triề́ u Hậu Đường vây hãm lên đâ tự sát. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở gấn Tuyên Lăng (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Chu Hữu Trinh được phong làm Quân Vương. Tháng 2 năm 931 ông dẫn binh đánh bại Chu Hữu Giai và cùng tháng đó ông lên kế́ vị, ông đổi niên hiệu là "Càn Hóa", ông đổi tên mình thành: Hoàng.

Sau khi ông đăng cơ, Lí Tốn Tự(TRIỀ́ U HẬU ĐƯỜNG) muốn tiêu diệt triề́ u Hậu Lương, hai bên đánh trận nhiếu năm, hồn chiến liên miên. Chu Hữu Trinh trọng dụng Triệu Nham và Trương Hán Định. Trương Hán Kiệt (đế u là họ hàng nhà vợ ông ta). Ông coi trọng bọn họ đến nỗi: các đại tướng xuất binh đánh trận thì cũng sai 3 người đó chia nhau giám sát hành vi của các đại tướng 3 người đó lại thích khoa trương thanh thế, thao túng triề́ u đình, mua quan bán chức, coi nhẹ pháp luật thường phạt không nghiêm minh, những hành vi của 3 người đó khiến các trung thấn phải cáo từ chức vị, lòng người li tán, tướng lĩnh tàn sát lẫn nhau. Vì vậy, quân của triề́ u Hậu Lương thất bại nặng nế dưới tay quân lính nhà hậu Đường.

Tháng 10 năm 923, con nuôi của Lí Khắc Dụng(TRIỀ́ U HẬU ĐƯỜNG) là Lí Tự Nguyên thống lịnh đại quân tiến vào đô thành của triề́ u Hậu Lương. Quấn thấn của Chu Hữu Trinh thi nhau bỏ trốn, thậm chí cả ngọc á́n cũng bị lấy đi, lòng dân đếu muốn nổi loạn, quân lính phòng thủ hờ hững, do vậy Chu Hữu Trinh bất lực ngày đêm ngối khóc lóc. Ngày Mậu Dấn, biết không còn cơ hội cứu vãn ông ta nói với Hoàng Phụ Lan "Họ Lý là kẻ thù truyến kiếp của triề́ u Hậu Lương, trăm không thể đấu hàng họ Lí, nhưng cũng không muốn họ Lí đến giết trăm. Chi bắng Khanh hãy giết trăm đí".

Hoàng Phụ Lan hoảng hốt đáp: "Hạ thấn không thể tiếp nhận mệnh lệnh đó của hoàng thượng, làm sao thấn có thể ra tay giết hoàng thượng được". Chu Hữu Trinh nói: "Khanh không giết trăm,

lẽ nào khanh muốn giao nộp trẫm cho họ Lí". Hoàng Phụ Lan rút kiếm ra muốn tự sát trước mặt Chu Hữu Trinh để tỏ rõ lòng trung hiếu. Chu Hữu Trinh nói: "Vậy trẫm và khanh cùng chết". Nói xong ông ta giật kiếm trong tay Hoàng Phụ Lan và chém ngang cổ mình. Máu chảy ra lênh láng, một lúc sau ông ta chết. Hoàng Phụ Lan khóc như mưa rồ`i cũng tự vẫn.

Triệu Hậu Lương bị diệt vong.

Trong sử gọi Chu Hữu Trinh là Mạt Đế.

TRIỀU HẬU ĐƯỜNG

(Năm 923 - 936, tổng cộng 14 năm)

Triều Hậu Đường có 4 đế vương, trong đó một người chết trong nội chiến, một người ôm và kinh hãi khi thấy binh biến nên chết, một người bị bắt có chết, 1 người do làm mất nước lên đã tự thiêu rồi chết. Ngoài ra phụ chú thêm về thái tử Lí Khắc Dụng, ông ta ôm chết.

THÁI TỔ (LÍ KHẮC DỤNG) (TRIỀU HẬU ĐƯỜNG)

Thái Tổ, ông ta tên là Lí Khắc Dụng (856 - 908), ông còn có một hiệu khác là: Lí Nho Nhi. Do một mảnh bị chỏt nên ông ta còn có biệt hiệu là "độc nhãn long". Ông là người ở bộ Sa Đà (một bộ khác của tộc Đột Quyết của phía Tây). Thời triều Đường, ông được phong làm Tân Vương, và ông được tôn khiêm là người sáng lập ra triều Hậu Đường.

*

Cha của Lí Khắc Dụng làm tiết độ sứ ở Thanh Vũ (nay thuộc phía Tây Bắc ở Hòa Lâm Cát Nhĩ thuộc khu tự trị Nội Mông Cổ). Lí Khắc Dụng được trấn giữ ở Vân Trung (nay thuộc thành phố Đại Đồng tỉnh Sơn Tây). Năm 878, ông giết chết Đại Tướng Quân Giả Văn Sở và chiếm cứ ở Vân Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Tây), Lí Khắc Dụng xin phép Đường Hỉ Tông cho ông ta được lưu lại ở Vân Châu nhưng không được Đường Huyễn Tông chấp nhận mà bộ Đường Huyễn Tông xuất quân chinh phạt. Lí Khắc Dụng bị bại trận, ông ta cùng cha chạy tới Thát Đát (là tên gọi chung của dân tộc du mục ở phương Bắc Trung Quốc) nay cư trú ở phía Đông nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ và nội Mông Cổ). Hoàng Sào tân công Trường An, Lí Khắc Dụng dẫn quân nhờ Trấn Cảnh tiến cử làm lại sứ ở Đại Châu (nay thuộc huyện Đại Bình Sơn Tây) và tiết độ sứ ở Nhạn Môn. Ông dẫn quân kị binh của Sa Đà tiến vào Quan Trung đuổi quân

Hoàng Sào khôi Trường An và Lí Khắc Dụng được phong làm tiết độ sứ ở Hà Tây (nay ở thị trấn Bô` Châu huyện Vĩnh Tê` tỉnh Sơn Tây). Năm 884 ông lại đánh bại Hoàng Sào ở Trung Mâu (nay thuộc huyện Trung Mâu tỉnh Hà Nam), sau đó Lí Khắc Dụng được phong làm Tấn Vương. Sau chuyện này, ông cát cứ lâu dài ở Hà Tây. Sau cuộc chiến ở Trung Mâu, Lí Khắc Dụng quay về` đóng giữ ở Biện Châu. Chu Ôn thấy Lí Khắc Dụng dũng cảm và có cơ mưu, lo lắng sau này Lí Khắc Dụng trở thành kẻ địch của mình, do đó hạ quyết tâm giết chết Lí Khắc Dụng. Tô`i hôm đó, Chu Ôn cho mở yến tiệc, trả vò ăn khao chuyện Lí Khắc Dụng và ra lệnh cho các bộ tướng luân phiên nhau chuốc rượu, Lí Khắc Dụng bị chuốc rượu say túy lúy và phải dùi vê` phòng ngủ. Chu Ôn sai binh lính mai phục xung quanh. Mười mấy tay chân thân tín chỉ để lại mỗi mình Quách Cảnh Chu vào phòng gọi Lí Khắc Dụng dậy. Nhưng Lí Khắc Dụng do uống quá say nên gọi mãi cũng không tỉnh dậy. Quách Cảnh Chu lên lôi ông ta ra khỏi giường và phun nước vào mặt khiến ông ta tỉnh dậy. Lí Khắc Dụng với cả m cung tên và cùng tướng sĩ vượt tường chạy trốn. Từ đó, Lí Khắc Dụng và Chu Ôn có mõi thù không thể nào phân giải được. Lí Khắc Dụng được triếu Đường phong làm Tấn Vương, ông ta thế sê trung thành với triếu Đường. Thục Vương Vương Kiến từng viết thư hẹn với Lí Khắc Dụng: "Cả hai sẽ cùng chiếm cứ đất đai rô`i xung đế". Lí Khắc Dụng viết thư trả lời nói: "Nếu tôi còn sống thì nhất định không thất tiết" và kiên quyết chối từ lời đê` nghị của Thục Vương Vương Kiến. Năm 907, Chu Ôn mang quân tiến đánh Lí Khắc Dụng nhưng bị Lý Khắc Dụng chỉ huy quân lính quyết tâm chống đỡ. Hai bên đô`i nghịch nhau cho đến tháng 1 năm 907, Lý Khắc Dụng do lao lực quá độ ở lưng sinh ra các vê`t lở loét, bệnh tình ngày càng nguy hại, mọi phương pháp đê`u vô hiệu.

Ngày Ất Mão, ông triệu tập em trai là Lí Khắc Ninh, đại tướng quân Lí Tô`n Chương, giám quân Trương Thùa Nghiệp và Ngô Chất... ông tuyên bố` sê cho con trai là Lí Tô`n Húc được kế` thừa ngôi vị Tấn Vương và ông nói: "Con trai tôi có ý chí, nhất định nó kế` thừa được sự nghiệp và thực hiện được di nguyện của tôi, tôi hi vọng các anh giúp đỡ nó, tôi chết cũng yên tâm". Tiếp đó ông sai gọi Lí Tô`n Húc đến và căn dặn: "Đại tướng quân Lí Tự Chiêu đã bị

quân của triều Hậu Lương vây hãm ở Lộ Châu vài tháng nay rõ i, nhưng ông ta kiên quyết phòng thủ, cha chỉ hận không thể đích thân dẫn quân đi giải cứu cho ông ta, cha e ră ng không kịp nói lời vĩnh biệt với ông ta. Sau khi cha ché t, kêt thúc việc tang lễ, con phải nhanh chóng cùng đại tướng quân Đức Uy nhanh chóng đi giải cứu cho ông ta, đúng đắn ông ta gặp nguy hiểm". Ông sai tả hữu mang ra ô ng đựng tên (ô ng đựng tên này ông thường xuyên sử dụng) và rút ra 3 mũi tên.

Mũi tên thứ nhát ông giao cho Lí Tôn Húc và nói: "Cha và triều Hậu Lương là kẻ thù truyền kiếp, thê khônđ đợi trời chung, tiếc ră ng cha chưa tiêu diệt được triều Hậu Lương, thực tế cha rát hận chuyện này. Con nhát định phải thực hiện tâm nguyện của cha, tiêu diệt triều Hậu Lương". Ông lại giao cho Lí Tôn Húc mũi thứ hai và nói: "Lưu Thủ Quang quay lưng phản lại cha và chạy theo triều Hậu Lương, cha rát hận anh ta, con phải thay cha dẹp yên anh ta". Cuối cùng ông giao mũi tên thứ 3 cho Lí Tôn Húc và nói: "Tù trưởng tộc Khiết Đan đã kêt nghĩa anh em với cha, hẹn ước sẽ cùng tiêu diệt triều Hậu Lương. Vậy mà ông ta lại quay lưng với cha, vi phạm hẹn ước và đi theo triều Hậu Lương. Chuyện này cũng làm cha hận mà chưa rửa được. Con phải thay cha đuổi đánh tộc Khiết Đan". Lí Tôn Húc khóc và hứa thực hiện mọi di nguyện của cha. Lí Khắc Dụng lại quay sang nói với em trai: "Từ nay về sau, con trai anh cần em phải mât nhuệ u thời gian giáo huấn, em không được chói từ trách nhiệm này". Sau khi sấp xỉ p chu toàn mọi việc, ông từ trần tại Tân Dương.

Sau khi Lí Tôn Húc tạo dựng lên triều Hậu Đường đã đặt thụy hiệu cho cha là: Thái Tổ.

TRANG TÔNG (LÍ TÔN HÚC) (TRIỀU HẬU ĐƯỜNG)

Trang Tông, ông ta tên là Lí Tôn Húc (885 - 926), hô i nhỏ ông có tên là Á Tự. Ông là con trưởng của Lí Khắc Dụng. Sau khi cha ché t, ông đứng ra kế nhiệm ngôi vị Tân Vương sau đó ông tạo dựng lên triều Hậu Đường và xưng đế. Ông trị vì được 4 năm thì bị

chết trong cuộc tạo phản, binh lính. Hưởng thọ 42 tuổi. Mai táng ở Ung Lăng (nay thuộc huyện Tân An tỉnh Hà Nam).

*

Tù nhở Lí Tô`n Húc rất thích cưỡi ngựa bắn tên, chí khí hơn người, do vậy được Lí Khắc Dụng vô cùng sủng ái. Ông thường cùng cha đi đánh trận. Năm 11, Lí Tô`n Húc cùng cha đến Trường An yết kiến hoàng đế́ Đường để nhận phấn thưởng vì có công trạng, Đường Chiêu Tông thưởng cho Lí Tô`n Húc nhiếu bảo vật quý và còn vỗ vai nói: "Khanh quả thật có chí khí hơn người, vê` sau nhất định được hưởng phú quý, lúc đó đừng quên triếu Đường nhé". Tháng 1 năm 908 Lí Khắc Dụng chết, vì vậy Lí Tô`n Húc được kế́ nhiệm ngôi vị Tấn Vương. Sau khi lo chu tất việc tang lễ cho cha, ông vạch kế́ hoạch bắt gié́t thúc phụ là Lí Khắc Ninh, bởi chú ông ta có ý đố đoạt vị và Lí Tô`n Húc thống lĩnh đại quân đánh bại triếu Hậu Lương, giải cứu sự bao vây ở Lộ Châu (nay thuộc huyện Thượng Đảng tỉnh Sơn Tây). Chu Ôn kinh ngạc thốt lên "Đέ con phải đέ được một người giống như Lí Tô`n Húc. Anh ta lên tiếp vị, tuy Lí Khắc Dụng đã chết nhưng ở dưới suối vàng cũng mát lòng, nếu so sánh con trai ta với anh ta, quả thật khác xa một trời một vực". Sau chuyện này, Lí Tô`n Húc đã dùng tâm đê huấn luyện binh sĩ, chỉnh đốn kỉ luật quân đội, ông quy định: nếu quân kị binh không thấy địch thì không được bắn tên bừa bãi, nếu vi phạm quân lệnh sẽ bị chặt đấu. Ông mang 3 mũi tên của cha giao cho đặt cúng tế trong miếu đường, mỗi lấn dẫn quân đi chinh chiến, ông lại sai người đi lấy 3 mũi tên đó bỏ vào một túi lụa, rối đeo theo bên mình ra chiến trận, đánh thắng trận ông mới dám quay vê` miếu cúng tế. Ông rất thích xông pha vào những chỗ nguy hiểm, tuy dũng cảm mà lại thiếu mưu trí, ông thường xem chuyện chiến trận như trò đùa, thường đích thân xông pha vào trận mạc, vài lấn ông bị bao vây khốn khó, một chút nữa thì bị kẻ địch bắt giữ. Các bộ tướng khuyên ông ta đấu hàng, ông ta nói sẽ trừ bỏ được quân địch nhất định không nhụt chí. Năm 910, trong trận chiến ở Cao Ấp (huyện Cao Ấp tỉnh Hà Bắc), Lí Tô`n Húc đập tan 500000 đội quân của Chu Ôn. Tiếp đó, ông tấn công vào Đất Yên, khiến cho Lưu Thủ Quang phải chạy vê` Thái Nguyên. 9 năm sau, Lí Tô`n Húc tấn công

tộc Khiết Đan, tù trưởng của tộc Khiết Đan may mắn chạy trốn về phương Bắc.

Trải qua hơn 10 năm chinh chiến, cuối cùng ông cũng gặt hái được một số thành quả. năm 923, ông tiêu diệt triều Hậu Lương, thống nhât miền Bắc. Ngày Kỉ Tị tháng 4, ông xưng đế ở Ngụy Châu (nay thuộc phía Tây huyện Đại Danh tỉnh Hà Bắc), ông đặt quốc hiệu Là Đường. Được một thời gian, ông dời đô về Lạc Dương, đặt niên hiệu là "Đông Quang", trong sử gọi là Hậu Đường.

Trong chiến trường, Lý Tôn Húc là một mãnh tướng nhưng trong chính trị ông lại là một người ngu xuẩn hờ hững không biết gì. Sau khi xưng đế, ông cho rằng thù cha đã báo, trung nguyên đã ổn định, kẻ địch đã tiêu diệt hết, vì thế ông muốn an nhàn ngồi hưởng lạc. Từ nhỏ ông thích xem kịch diễn kịch. Do đó sau khi lên ngôi, ông thường xuyên hóa trang mặt mũi, mặc quần áo theo kiểu diễn viên, và tự lên đài biểu diễn, không quan tâm tới công việc triều chính. Ông tự lâng danh hiệu nghệ nhân là "Lí Thiên Hạ". Có một lần trong lúc lên sân khấu biểu diễn kịch, ông ta tự hô 2 câu "Lí Thiên Hạ", một người đào kép đứng bên cạnh tát cho ông ta vài cái tát tai, những người đứng xung quanh lạnh toát hết cả người, Lý Tôn Húc cũng không hiểu vì sao mình bị đánh. Lúc đó người đào kép cười và nói: Người tri vì thiên hạ chỉ có một mình hoàng đế, anh nói hai câu, vậy còn 1 người nữa là ai vậy?". Lý Tôn Húc nghe anh ta hỏi vặn như vậy thì rất vui mừng, và sai thưởng cho người đào kép đó. Các đào kép được sủng ái, họ được phép tự do đi ra đi vào cung và thường cùng hoàng đế nói chuyện, các triều thần nào không thích kịch thì bị họ lăng nhục, các triều thần phẫn nộ mà không dám kêu than. Những quan lại và phiên trấn muôn họ nói giúp với hoàng đế liên đem lễ vật để tặng và nhờ bọn họ giúp đỡ. Lý Tôn Húc còn sai bọn đào kép đó làm tai mèt, giám sát hành vi của quan thần. Trong bọn đào kép đó, có một người tên là Cảnh Tiễn, anh ta được Lý Tôn Húc sủng ái nhất. Chỉ cần Cảnh Tiễn nói ai có hành vi đúng cho dù người đó là ai, cũng đều bị trừng phạt. Quản thần thấy Cảnh Tiễn là một kẻ vô cùng lợi hại. Lý Tôn Húc còn phong cho hai người đào kép làm lại sứ, rất nhiều tướng sĩ lập được công lao trong chiến trận vậy mà không được làm đại quan, thay Lý Tôn Húc điều xử như vậy nên bọn họ vô cùng oán hận.

Ông còn sai gọi những thái giám nhập cung và sai bọn họ làm tâm phúc (những thái giám đó trước đây phục vụ cho triều Đường. Sau khi triều Đường tan rã bọn họ đã về quê sinh sống), ông sai các thái giám đó làm nhiệm vụ giám sát công việc triều chính, và ra lệnh cho bọn họ nhục mạ và kiểm soát hành vi của tướng lĩnh, người hiền tài không có đường tiễn thân. Tiếng oán than vang lên khắp nơi. Lí Tôn Húc sai các hoạn quan và bọn đào kép đi bắt bớ các dân nữ đưa về hoàng cung. Có một lần bọn chúng cướp được hơn 1000 phụ nữ, những phụ nữ này đều là vợ con của các tướng sĩ trấn giữ ở Ngụy Châu, điều này là một điều xỉ nhục đối với các tướng lĩnh và quân lính ở đó. Bọn họ hận Lí Tôn Húc thấu trời. Lí Tôn Húc tự đẩy mình vào thế cô lập, quân thách tạo phản người thân xa lìa.

Năm 926, Lí Tôn Húc nghe lời xàm tâu của hoạn quan đã giết chết đại tướng Quách Sùng Dao. Một đại tướng khác tên là Lí Tự Nguyên, anh ta có nhiều công lao nhất trong chiến trận nhưng vì bị Lí Tôn Húc nghi kị do vậy vài lần suýt bị giết. Tháng 3 năm 926 Lí Tự Nguyên được sự ủng hộ của các tướng sĩ, dẫn quân đội tiến vào Biện Kinh, chuẩn bị xưng làm hoàng đế. Lí Tôn Húc biết tin liền đem vàng bạc gấm góc thưởng cho tướng sĩ ở Lạc Dương, nhằm mua chuộc bọn họ. Các tướng lĩnh cảm nhận thưởng và mang mồ". Vợ con của chúng tôi chết rồi, những phần thưởng này chẳng còn ý nghĩa gì nữa". Lí Tôn Húc ép bọn họ đi đến Biện Kinh. "Đi đến huyện Trung Mâu, ông ta nghe nói Lí Tự Nguyên đã tiến vào Biện Kinh, các tướng sĩ lại liên tiếp ủng hộ Lí Tự Nguyên, Lí Tôn Húc biết thế lực của mình đã bị gạt bỏ ông ta buồn rầu nói với thuộc hạ". "Kết cục của đời trẫm đã hé trossi" và sai quay về Lạc Dương, trên đường quay về, binh sĩ chạy trốn hé trossi 1/2. Ông sợ số tướng sĩ còn lại có lòng phản trắc, vì thế đã dụ dỗ họ: "Về đến Lạc Dương, trẫm sẽ mang 50 vạn lượng vàng để tặng các khanh". Các tướng sĩ đều nói: "Bây giờ hối hận quá muộn rồi, không ai muốn cảm ơn lòng tốt của bệ hạ đâu".

Lí Tôn Húc về đến Lạc Dương vẫn có ý đồ phản kháng lại sọ tản công của Lí Tôn Húc. Tháng 4, tướng tiên phong của Lí Tự Nguyên là Thạch Kính Đường dẫn quân tiến vào cửa Tị Thủy (nay là thị trấn Tị Thủy tỉnh Hà Nam). Lí Tôn Húc nghe lời kiêng nghị của tể tướng và hoạn quan, do vậy quyết định dẫn quân chống giữ cửa ải

Ti Thủy. Ngày Đinh Hợi, quân kị binh và quân bộ binh đã cùng tiến vế cửa ải Tị Thủy. Lí Tốn Húc dậy từ sáng sớm đang dùng điểm tâm, đột nhiên nghe tiến vỹ khí va chạm loảng xoảng ở bên ngoài cửa Hưng Giáo. Ông vội dẫn thị vệ của quân kị binh đi đến đó xem có chuyện gì xảy ra, đi đến cửa Trung Tả thì thấy chỉ huy sứ Quách Tòng Khiêm đang chỉ huy quân lính chém gié́t. Hóa ra Quách Tòng Khiêm vốn là một đào kép anh ta nhận đại tướng Quách Sùng Dao làm thúc phụ. Sau khi Quách Sùng Dao bị Lí Tốn Húc gié́t, Quách Tòng Khiêm đứng ra kêu oan cho chú, chuyện này đến tai Lí Tốn Húc, ông sai gọi Quách Tòng Khiêm đến mắng cho một trận: "Tại sao khanh dám quay lưng lại với trẫm mà đi dựa vào Quách Sùng Dao, khanh muốn làm gì?" Quách Tòng Khiêm nghe vậy, vừa hận vừa sợ, anh ta càng tăng cường cổ vũ binh lính, đợi cơ hội tạo phản, thời cơ đó đã đến vì vậy mới xảy ra hỗn loạn ở ngoài cửa Trung Tả. May thay Lí Tốn Húc cưỡi ngựa dẫn đầu quân kị binh đi đến dẹp yên quân phản loạn và đuổi hé́t bọn chúng ra ngoài cửa rồ́i đóng cửa lớn lại. Quách Tòng Khiêm lại tập hợp thân tín và phóng lửa đốt cửa Hưng Giáo, nhân lúc lửa cháy, anh ta xông vào bên trong. Lí Tốn Húc và thị vệ liếu ché́t xông ra, đột nhiên một mũi tên bay đến bắn trúng vào ông ta, ông ta ngã lăn ra đất. Thiện Hữu dùi ông ta vào phòng và rút mũi tên ra, không thể cát máu được. Ông ta liên tục kêu khát. Hoàng hậu sai thuộc hạ mang sữa đến, ông ta uống hé́t mộc cốc sữa thì tắt thở. Thiện Hữu sợ quân phản loạn sẽ băm vắm thi thể của Lí Tốn Húc, do vậy Thiện Hữu đặt rất nhiếu nhạc khí ở thi thể và đem thiêu xác. Lí Tự Nguyên sau khi đánh chié́m Lạc Dương đã sai người tìm tàn tro của Lí Lặc và mai táng ở Ung Lăng.

Hiệu miếu của ông ta được đặt là Trang Tông.

MINH ĐẾ (LÍ TỰ NGUYÊN) (TRIỀ́U HẬU ĐƯỜNG)

Minh Đế, ông ta tên là Lí Tự Nguyên (867 - 933). Ông là con nuôi của Lí Khắc Dụng. Sau khi tấn công đánh bại Trang Tông, ông tự lên kế vị. Ông trị vì được 8 năm, trong lúc bị ốm nặng thì gấp phải sự tạo phản nên sợ hãi mà ché́t. Huống thọ 67 tuổi. Mai táng ở Vi Lăng (nay gấn thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Lí Tự Nguyên sinh ra ở một gia đình thường dân tộc Sa Đà tại Kim Thành thuộc Ứng Châu (nay thuộc huyện Ứng Tỉnh Sơn Tây). Ông không có họ, chỉ có tên là: Diện Cát Liệt. Ông giỏi về cưỡi ngựa bắn tên. Thời gian đầu ông thường theo Lí Khắc Dụng đi đánh trận và lập được nhiều chiến công hiển hách dấn danh ông là lần lượt được phong những chức vị như: Lại sứ ở Đại Châu, Lại sứ ở Tương Châu, tiết độ sứ quận Chiêu Đức, tiết độ sứ quân Thiên Bình, tổng quản quân bộ binh và kị binh. Việc Lí Tôn Húc giết Quách Sùng Dao làm quân thán không phục. Chỉ huy sứ trấn giữ ở Ngụy Châu tên là Triệu Tại Lễ khởi binh làm phản. Trang Tông phái Lí Tự Nguyên thống lĩnh quân đi dẹp loạn, đến dưới chân thành Ngụy Châu, nửa đêm quân lính đổi ý tôn lập Lí Tự Nguyên làm chủ. Triệu Tại Lễ mở cổng thành đánh tan binh lính nghênh đón Lí Tự Nguyên vào thành. Lí Tự Nguyên lại tìm cách chạy khỏi thành Ngụy Châu, triệu tập tàn quân, chuẩn bị dẹp yên phản loạn. Nhưng con rể ông là Thạch Kính Đường khuyên giải, muốn ông kết hợp quân phản loạn ở Ngụy Châu, thống lĩnh đại quân đánh vào Lạc Dương và được quân thán tên là Giám Quốc thuộc hạ của Lí Tự Nguyên sau khi giết chết con cháu của Lí Tôn Húc đã lập Lí Tự Nguyên làm hoàng đế, lễ đăng cơ tổ chức vào ngày Bính Ngọ. Tháng 4 năm 926, ông đổi niên hiệu là "Thiên Thành".

Sau khi lên ngôi, ông phê bỏ nên chính trị do Trang Tông đề ra, phế trừ những hình luật hà khắc và mưu hại những hoạn quan làm nhiệm vụ giám sát quân đội, các hoạn quan còn lại: có người chạy đênh sơn lâm, có người xuất gia làm tăng ni, giám bót người hù trong cung, và luôn quan tâm tới nỗi khổ của nông dân, trọng dụng các đại thần có năng lực. Trong thời gian trị vì, ông giám bót việc đi đánh trận, chú trọng sản xuất. Về sau, An Trọng Môi và Nhậm Viên luôn tìm cách đe dọa vu cáo nhau, Lí Tự Nguyên không đủ sáng suốt phân rõ đen trắng, trái phải vì vậy lần lượt giết chết An Trọng Môi và Nhậm Viên, vì vậy quân thán đe dọa phản tán tư tưởng và dao động tâm lý. Cuối năm đó ông ta ôm đau quặt queo, lúc này quân lính thì kiêu ngạo tướng lĩnh thì hổng hách, và luôn tìm cách tạo phản, ông có ý định dùng vàng bạc thưởng cho tướng sĩ nhằm

làm an lòng họ, kết quả vẫn cứ xảy ra tạo phản và binh lính càng thêm Lăng.

Tháng 11 năm 933 ông ta ố m nặng, ông sai gọi, con trai thứ 5 là Lí Tòng Hậu quay về kinh thành để tiếp nhận ngôi vị. Con trai thứ của ông là Lí Tòng Vinh nhân cơ hội Lí Tòng Hậu chưa về` đến kinh thành lên dấy binh làm phản, anh ta tấn công vào hoàng cung nhưng bị quân cấm vệ đánh cho đại bại và bị gié́t chết. Ngày Mậu Tuá́t Lí Tự Nguyên biết được sự việc nên kinh hãi mà chết. Lí Tự Nguyên biết được sự việc nên kinh hãi mà chết.

Hiệu miếu của ông đặt là Minh Tông.

MÃN TÔNG (LÍ TÒNG HẬU) (TRIỀ́U HẬU ĐƯỜNG)

Mẫn Tông, ông ta tên là Lí Tòng Hậu (914 - 934). Ông là con trai thứ 5 của Minh Tông. Ông kế́ vị sau khi cha chết. Ông ở ngôi trên 2 tháng thì bị con nuôi của Minh Tông là Lí Tòng Kha phế truất và hại độc chết. Hưởng dương 21 tuổi, mai táng ở Vi Lăng. Nay thuộc phía Đông Bắc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam).

*

Lí Tòng Hậu vốn được phong làm Tống Vương và trấn thủ ở Nghiệp Thành. Lúc Minh Tông sắp chết, ông ta sai hoạn quan Mảnh Hán Kinh đi truyến gọi Lí Tòng Hậu về kinh kế́ vị. Sau khi gặp mặt con trai, Minh Tông từ trấn. Ngày Quý Mão tháng 12 năm 933, Lí Tòng Hậu lên ngôi hoàng đế́, ông đổi niên hiệu là "Úng Thuận".

Lúc ông lên kế vị, Lí Tòng Kha và Thạch Kính Đường có thế lực rất lớn. Ông lo sợ hai người đó làm loạn triề́u đình, do đó ông phong Lí Tòng Kha làm tiết độ sứ ở Hà Đông còn Thạch Kính Đường làm tiết độ sứ ở Thành Đức. Trên đường đi nhận chức Lí Tòng Kha sợ bị hại chết do đó dẫn quân làm phản. Lí Tòng Hậu phái đại quân đi dẹp yên, không ngờ quân lính lại đấu hàng Lí Tòng Kha. Lí Tòng Kha lấy tiến của sẵn có ở trong thành Phụng Tường thưởng cho quân lính đấu hàng tháng 2 năm 934 dẫn quân tiến về` Lạc Dương.

Lí Tòng Hậu muốn tăng thêm tinh thấn chiến đấu của binh sĩ do đó mang tiến của thưởng cho bọn họ, ông hứa hẹn, mỗi trận thắng sẽ thưởng cho mỗi người 200 xâu tiến (mỗi xâu (mỗi xâu tiến là 1000 đô ng). Điều này làm cho binh sĩ càng thêm kiêu ngạo và bọn họ ngang nhiên đi đến Phụng Tường đấu hàng Lí Tòng Kha và lại lĩnh thưởng ở chò Lí Tòng Kha. Ké́t quả, vài cánh quân sai đi dẹp loạn đến đấu hàng Lí Tòng Kha. Các đại thấn của Lí Tòng Hậu thấy tình hình không yên bọn họ đếu bỏ mặc Lí Tòng Hậu để tìm cách thoát thân: người thì chạy trốn, người thì đấu hàng Lí Tòng Kha. Lí Tòng Hậu đành dẫn 50 kị binh chạy ra khỏi hoàng cung và chạy trốn đến Vệ Châu, giữa đường nghỉ ngơi tại dịch quán. Lúc này Thạch Kính Đường cũng đang ở Vệ Châu, Lí Tòng Hậu nhờ anh ta dẫn quân đánh dẹp Lí Tòng Kha nhưng anh ta quay lưng lại không giúp đỡ. Thuộc hạ của Lí Tòng Hậu là Sa Thủ Dung hận Thạch Kính Đường thấy chết mà không cứu nên rút dao định chém chết Thạch Kính Hấu, thuộc hạ của Thạch Kính Đường vội vung kiếm chống đõ. Chỉ huy sứ của Thạch Kính Đường là Lưu Trí Viễn biết tin, anh ta chạy đến dịch quán chém chết Sa Thủ Vinh và 50 vệ binh của Lí Tòng Hậu, chỉ chừa lại mạng cho mỗi mình Lí Tòng Hậu, Lí Tòng Hậu một thân một mình lùi thui trong dịch quán. Lại sù ở Vệ Châu là Vương Hoắng Thế thấy Lí Tòng Hậu thất thế vì thế cũng không quan tâm đế ý.

Tháng 4 năm 939 Lí Tòng Kha xưng đế, và tuyên bố phế Lí Tòng Hậu làm Ngạc Vương, sai Vương Hoàng Thế áp giải Lí Tòng Hậu về Châú Nha cư trú. Ngày Mậu Dấn, Lí Tòng Kha sai hai cha con Vương Hoàng Thế đi trừ bỏ Lí Tòng Hậu. Hai cha con họ ép Lí Tòng Hậu uống rượu độc nhưng ông ta một mực cự tuyệt vì thế bị bọn họ dùng lụa thất cổ chết.

Sau khi ông ta chết, lấy hiệu miếu là Mẫn Đế.

MẬT ĐẾ (LÍ TÒNG KHA) (TRIỀ́U HẬU ĐƯỜNG)

Mật Đế, ông ta tên là Lí Tòng Kha (886 - 936), ông là con nuôi của Minh Đế. Ông phế truất Mẫn Đế và lên kế́ vị. Ông trị vì được 3 năm, do bất lực không chống đõ được quân lính của Thạch Kính

Đường lên đã tự thiêu. Hưởng thọ 51 tuổi ở Vi Lăng. Lí Tòng Kha vô' n dĩ là họ Vương, quê ở Bình Sơn (Trâ`n Châu) (nay thuộc huyện Chính Định tỉnh Hà Bă`c). Ông thô' ng lĩnh quân đội tiê' n vào Lạc Dương và vào tháng 4 năm 934 phê' truâ' t Mᾶn Đê', ngày Kỉ Hợi tháng 4 làm lễ đăng cơ, đổi niên hiệu là "Thanh Tâ`n".

Thạch Kính Đường và Lí Tòng Kha vô' n dĩ bâ' t hòa với nhau, sau khi xung đê' Lí Tòng Kha phái mâ' y vạn đại quân đi tiê' n đánh Thạch Kính Đường, lúc này Thạch Kính Đường đang cư trú ở Tâ`n Dương. Thạch Kính Đường chô' ng giữ không nổi đành đâ`u hàng tộc Khiê' t Đan, dưới sự giúp đỡ của tộc Khiê' t Đan đã đánh bại sự vây hãm của quân Hậu Đường. Binh lực của Lí Tòng Kha râ' t mạnh, nhưng ý chí của ông ta lại tiêu tan, không dám dẫn quân đi đánh lại tộc Khiê' t đan, cả người ngô` i uô' ng rượu và khóc, lo không giữ được ngôi vị.

Năm 936, quân Hậu Đường bị đại bại trong trận đánh ở Bạch Mã, quân Khiê' t Đan và quân của Thạch Kính Đường tiê' n tới Lạc Dương. Tin báo truyê' n đê' n, tướng lĩnh liên tiê' p đâ`u hàng. Lí Tòng Kha ngửa mặt lên trời than thở: "Ta đã đê' n đường cùng rô` i". Ngày Tân Tị tháng 11 ông ta dẫn: thái hậu Tào, hoàng hậu Lưu và con trai thứ hai là Lí Trọng Mĩ cùng và chỉ huy sứ Tô' ng Trung Ngu... tâ' t cả bọn họ cùng nhau lên thành lâ`u ở cửa Huyê`n Vũ, chuẩn bị tự thiêu.

Hoàng hậu Lưu nhìn vê` cung điện và nói với Lí Tòng Kha: "Chúng ta phải tảng thân trong biển lửa, lẽ nào để lại cung điện cho kẻ địch hưởng lạc chi bă`ng chúng ta đô' t luôn cung điện". Lí Trọng Mĩ khuyên mẹ nói: "Thiên tử mới nhập vào cung thành, nê' u chúng ta đô' t hoàng cung, ông ta nhâ' t định bă' t xây lại những công trình thủy mộc mới. Lúc đó mọi gánh nặng đê`u đỗ vào đâ`u bà con trăm họ, chi bă`ng đừng đô' t cung điện", Lí Tòng Kha ra lệnh cho binh sĩ châ' t cùi ở dưới lâ`u cửa Huyê`n Vũ và châm lửa đô' t. Đợi một lúc, lửa cháy bùng bùng. Lí Tòng Kha và mọi người cùng nhảy vào biển lửa, toàn bộ bị chê' t thiêu. Triê' u Hậu Đường bị diệt vong. Sau khi Thạch Kính Đường tiê' n vào Lạc Dương, có người tìm được xương cô' t của Lí Tòng Kha, Thạch Kính Đường làm lễ mai táng cho Tòng Kha.

Sau khi Lí Tòng Kha chế t, người đời sau gọi ông là Mạt Đế hoặc Phế Đế.

HẬU TÂN

(936 - 947, tổng cộng 11 năm)

Triệu Hậu Tân có 2 đế vương, một người bị chém do buôn râu, một người chém khi bị bắt làm tù binh.

CAO TÔ (THẠCH KÍNH ĐƯỜNG) (TRIỆU HẬU TÂN)

Cao Tổ, ông ta tên là Thạch Kính Đường (892 - 942). Ông ta là người dân tộc Sa Đà, làm tiết độ sứ ở triều Hậu Đường, được tộc Khiết Đan giúp làm hoàng đế, sau đó thiết lập lên triều Hậu Tân. Ông trị vì được 7 năm, nhưng lâm bị tộc Khiết Đan nhục mạ vì thê vu buôn mà chém, hưởng thọ 51 tuổi, mai táng ở Hiền Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Nghị Dương tỉnh Hà Nam).

Thạch Kính Đường, quê ở Thái Nguyên (nay thuộc phía Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây), ông là người dân tộc Sa Đà. Thời Hậu Đường do Minh Tông thích sự thông minh của Thạch Kính Đường lên gả con gái cho. Trong trận binh biến ở Ngụy Châu, ông ra sức khuyên Minh Tông về Lạc Dương xung đế. Sau chuyện đó ông lần lượt nhận các chức vị: Bảo nghĩa quân, Tuyên Vũ Quân, tiết độ sứ trấn giữ ở Hà Đông, chỉ huy sứ quân cầm vệ. Sau khi Mạt Đế lên ngôi cử Thạch Kính Đường làm tiết độ sứ ở Thái Bình nhưng ông cự tuyệt không nhận. Mạt Đế sai lính vây hãm thành Tân Dương. Thạch Kính Đường thu nạp ý kiến của mưu sĩ Tang Duy Hàn đi cứu thủ lĩnh tộc Khiết Đan là Da Luật Đức Quang, Thạch Kính Đường phải nhận Da Luật Đức Quang làm ông nuôi và hứa sẽ cho tộc Khiết Đan 16 châu ở Yên Vân (nay thuộc địa khu phía Bắc tỉnh Sơn Tây và tỉnh Hà Bắc). Lập tức Da Luật Đức Quang phái 5 vạn quân tinh nhuệ đi giải phóng sự vây hãm cho ông ta. Thạch Kính Đường đích thân ra khỏi thành nghênh đón Da Luật Đức Quang, đón tiếp long trọng, thậm chí còn gọi con trai của Da Luật Đức Quang làm bô (mặc dù con trai của Da Luật Đức Quang nhỏ hơn ông ta 11 tuổi). Ngày Dinh Dậu tháng 11 năm 936, Da Luật Đức Quang tấn công vào Lạc Dương,

phong Thạch Kính Đường làm hoàng đế, đặt quốc hiệu là "Tân", định đô ở Đông Kinh (nay là thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam), đặt niên hiệu là "Thiên Phù" trong sử gọi là Hậu Tân.

Sau khi Thạch Kính Đường xưng đế, ông phải chịu theo các điều kiện đã hứa với tộc Khiết Đan là mang 16 châu ở Yên Vân cho tộc Khiết Đan, vì thế địa khu ở Trung Nguyên mà tịt đi một tam bình phong quan trọng. Mỗi năm phải cống cho tộc Khiết Đan 30 vạn tam lụa quý và còn gọi Da Luật Đức Quang làm phụ hoàng đế" (hoàng đế cha và bản thân mình tự xưng là "nhi hoàng đế") (hoàng đế con). Hàng năm Thạch Kính Đường còn phải tặng lễ vật cho quốc chủ, thái hậu, đại thần quý tộc của tộc Khiết Đan. Có một số việc tộc Khiết Đan không để ý họ liên sai người đén trách cứ, Thạch Kính Đường phải cung kính tặng lễ vật và xin nhận tội. Sứ giả của Hậu Tân đến Liêu (lúc đó tộc Khiết Đan đã đổi tên thành tộc Liêu), thường bị người tộc Liêu nhục mạ. Sứ giả quay về thành Biện Kinh lại thuật lại cho Thạch Kính Đường biết, các triều thần đều vô cùng hận những hành vi nhục mạ đó, chỉ duy nhất có Thạch Kính Đường không để ý quan tâm tới chuyện đó. Rất nhiều đại thần phản đối chuyện Thạch Kính Đường làm nô tài cho tộc Liêu khiêm chính quyền của Thạch Kính Đường không được ổn định.

Năm 942, tiết độ sứ ở Thành Đức là An Trọng Vinh khởi binh đánh tộc Liêu; Thạch Kính Đường sợ thê lực binh mã của An Trọng Vinh, hơn nữa vua Liêu dám lấn 7 lượt trách cứ Thạch Kính Đường, ông ta đành dựa vào quân Liêu để giáp An Trọng Vinh. Được một thời gian, tiết độ sứ ở Hà Đông là Lưu Trí Viễn không chịu quy phục Liêu, do vậy vua Liêu lại sai người đén hỏi tội. Thạch Kính Đường không dám dẫn quân chinh phạt Lưu Trí Viễn và thêm vào đó rât oán hận hoàng đế Liêu, thôi i toái lưỡng nan đê'u khó, do vậy buồn râu sinh bệnh. Ông mất ngày Ất Sửu tháng 6 tại điện Bảo Xương cung Nghiệp Thành.

Sau khi ông chết lập miếu đặt hiệu là Cao Tổ.

XUẤT ĐẾ (THẠCH TRỌNG QUÝ)
(TRIỀU HẬU TÂN)

Xuất Đế, ông ta tên là Thạch Trọng Quý (914 - 964). Ông là con nuôi của Thạch Kính Đường. Kê vị sau khi Thạch Kính Đường chết, ông trị vì được 4 năm, sau đó bị bắt làm tù binh rồi bị bệnh chết. Hướng thọ 51 tuổi. Mai táng ở huyện Khai Nguyên tỉnh Liêu Ninh.

*

Thạch Trọng Quý vẫn là cháu họ của Thạch Kính Đường, sau làm con nuôi của Thạch Kính Đường. Khi Thạch Kính Đường xung đế, ông ta trấn giữ ở Bắc Kinh (nay thuộc phía Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây), ông được phong làm Tề Vương. Tháng 6 năm 942 Thạch Kính Hầu ôm chết, cùng tháng đó Thạch Trọng Quý lên kế vị. Năm 944 ông đổi niên hiệu là "Khai Vận".

Sau khi lên ngôi, ông xin làm cháu của hoàng đế Liêu tuyệt nhiên không xưng thán mà chủ trương chông Liêu. Dưới sự giúp đỡ của quân dân, ông vài lần đẩy lui sự xâm phạm của quân Liêu. Năm 946, Thạch Trọng Quý sai đại tướng Đỗ Trọng Uy và lí Thủ Trinh thống lĩnh quân xuông phía Bắc đánh quân Liêu. Đỗ Trọng Uy một lòng một dạ muôn điều hàng triều Liêu và muôn làm hoàng đế, do đó ông ta ám binh bất động, sai người đi cầu kết với quân Liêu. Hoàng đế Liêu chấp nhận sự điều hàng của Đỗ Trọng Uy, đồng ý cho quân lính điều hàng vào triều Liêu, sau đó bọn họ cùng quân Liêu tấn công vào thành Biện Kinh. Thạch Trọng Quý nghe được tin báo bàng hoàng sững sốt và không có cách gì chông đỡ, ông ta định tự thiêu cùng với 10 hậu phi của mình, nhưng nhờ sự can gián của tướng lính nên ông từ bỏ ý định đó và xin điều hàng triều Liêu. Triều Hậu Tần bị diệt vong.

Thạch Trọng Quý bị hoàng đế Liêu phế truất làm Phụ Nghĩa Nghĩa Hầu và dời đền cư trú ở phủ Hoàng Long (nay thuộc huyện Liêu An tỉnh Cát Lâm), không lâu sau lại bị dời đền cư trú ở Liêu Dương (nay thuộc thành phố Liêu Dương tỉnh Liêu Ninh). Trên đường đi, lưu lạc cùng khổ n, khổ sở vô cùng. Các phi tử đi theo ông cũng bị tướng Liêu cưỡng chế, thậm chí hài nhi mới sinh cũng bị tướng Liêu là Ngột Dục cướp đi và Ngột Dục mang về cho vợ làm nô tỳ. Không lâu sau, Thạch Trọng Quý lại bị dời về Kiên Châu (nay thuộc phía Tây Nam huyện Triều Dương tỉnh Liêu Ninh) và quân

Liêu cho xây một phòng thất ở ngoại thành Kiến Châu rối cho Thạch Trọng Quý cư trú ở đó, và cho tùy tùng cày ruộng trống lương thực nhắm giải quyé́t vấn đê` lương thảo. Niên giám Hiến Đức (thời Hậu Chu), tùy tùng của ông ta có người từ triề́u Liêu trở về Trung Nguyên, lúc đó nhân dân Trung Nguyên mới biế́t Thạch Trọng Quý vẫn cư trú ở Kiên Châu, tùy tùng theo hấu ông ta chết đã quá nửa.

Thạch Trọng Quý mất năm 964. Trong sử gọi ông là Xuất Đế.

HẬU HÁN

(Năm 947 - 950), tổng cộng 4 năm)

Triều Hậu Hán có 3 đế vương, trong đó 1 người bị hại chém, một người ôm chém, một người bị phế truất và hại độc chém.

CAO TÔ (LUU TRI VIỄN) (TRIỀU HẬU HÁN)

Cao Tổ, ông ta tên là Lưu Tri Viễn (895 - 948), ông ta là người dân tộc Sa Đà, sau đó xưng đế. Ông là người tạo dựng lên triều Hậu Hán. Ông trị vì 2 năm, bị ôm chém, hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Duệ Lăng (nay thuộc phía Đông Nam huyện Đăng Phong tỉnh Hà Nam).

*

Lưu Tri Viễn, là người dân tộc Sa Đà ở Thái Nguyên (nay thuộc phía Nam thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây). Ông cùng với Thạch Kính Đường làm tướng lĩnh của Đế (hậu Đường), sau đó ông cùng tộc Khiết Đan phụ giúp Thạch Kính Đường lập nên triều Hậu Tần, ông được phong làm tiết độ sứ ở Hà Đông, trấn giữ ở Bắc Kinh (nay thuộc thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây). Sau khi Thạch Trọng Quý xưng đế, tân phong cho Lưu Tri Viễn làm Bắc Bình Vương và làm thư lệnh Bài Trung. Do Lưu Tri Viễn làm quan cao, công lao lớn thế lực mạnh, vì thế Thạch Trọng Quý ráo rắc kỵ.

Trong thời gian triều Tần và triều Liêu giao chiến, Lưu Tri Viễn cô thủ không ra giúp đỡ và chiêu nạp dũng sĩ, cũng cô thê lực. Lúc quân Liêu tiến vào thành Biện Kinh, ông ta sai thuộc hạ đền chúc mừng quân Liêu, ông ở thành Biện Kinh quan sát hình thế quân Liêu thấy rõ quân Liêu không được lòng dân. Không lâu sau, ông ta dâng cờ khởi nghĩa phục hưng triều Hậu Tần, quân sĩ nghênh đón ông về Tần Dương, và được sự hoan nghênh của các tướng sĩ. Ngày Tân Mùi tháng 7 năm 947, ông xưng đế ở Tần

Dương, đổi tên là Cảo, đặt quô`c hiệu là Hán, đặt niên hiệu là "Câ`n HỮU" trong sử gọi là Hậu Hán.

Lưu Tri Viễn sau khi xung đê` , để mua chuộc lòng dân ông ta dùng niên hiệu "Thiên Phú" của triề`u Hậu Tâ`n và lâ`y lòng của quan lại văn của triề`u Hậu Tâ`n. Ông hạ chiê`u thư an ủi các địa phương phát động vũ trang chô`ng Liêu, bảo vệ quê hương, ông ta không tiê`c tiê`n của để thưởng cho tướng sĩ, nhờ vậy giành được sự giúp đỡ của quân dân. Ông nhân cơ hội quân Liêu lui xuô`ng phía Bă`c và nhân cơ hội hoàng tộc triề`u Liêu tranh đoạt ngôi vị. Ông thô`ng lĩnh đại quân xuâ`t phát từ Tâ`n Dương, 21 ngày sau tiê`n vào Lạc Dương, 8 ngày sau nữa lại tiê`n vào Biện Kinh, chọn nơi đó làm đô thành. Tháng 12 năm đó, ông xót thương cho cái chê`t của thái tử Lưu Thừa Huâ`n vì thê` ông sinh bệnh, bệnh tình của ông chữa trị mãi mà không khỏi. Tháng 1 năm 948 ông biê`t bệnh mình không khỏi khó lòng sô`ng được, do đó sai gọi tể tướng Tô Phụng Cát, Đại thâ`n Dương Phận và Quách Uy nhò và bọn họ giúp đỡ con trai thứ là Lưu Thừa HỮU lên kê` vị và bí mật sai bọn họ trừ bỏ Đỗ Trọng Uy. Ông mấ`t ngày Đinh Mão tại Biện Kinh. Hiệu miê`u của ông là Cao Tô.

ÂN ĐÊ` (LUU THUA HUU) (TRIỀ`U HẬU HÁN)

Â`n Đê` , ông ta tên là Lưu Thừa HỮU (931 - 950). Ông là con trai thứ của Lưu Tri Viễn. Ông kế` vị sau khi Lưu Tri Viễn chê`t. Ông trị vì được 2 năm, bị Quách Vũ Lâm phản và đuổi đi, sau đó bị Cận thị giê`t chê`t. Hướng thọ 20 tuổi. Mai táng ở Dĩnh Lãng (nay thuộc tỉnh Hà Nam).

*

Năm 948 cha của Lưu Thừa HỮU là Lưu Tri Viễn bị ô`m chê`t, tể tướng Tô Phụng Cát bí mật không phát tang, và âm mưu giê`t Đỗ Trọng uy. Ngày Tân Tị tháng 2 năm đó được lên kê` vị, ông vẫn để niên hiệu là "Càn HỮU". Sau khi Lưu Thừa HỮU lên kê` vị, trong triề`u đình những đại thâ`n như: Dương Phâ`n, Quách Chương râ`t chuyên quyê`n, bên ngoài triề`u có Quách Uy làm loạn, uy thê` của

Quách Uy vang lừng. Có một lần Dương Phà`n lên triều nghị sự, Lưu Thừa Hữu nói: "Các khanh phải cân nhắc kỹ càng trước khi làm việc gì đó, đừng để mắc sai lầm, khiến người khác đàm tiếu". Dương Phà`n nói: "Có chúng tôi ở đây, không khiến bệ hạ phải can dự". Lưu Thừa Hữu không còn chịu nổi sự xâm lược đó, ông hạ lệnh giết chết Dương Phà`n và Vương Chương và sai sứ giả tới Ngụy Châu (nay thuộc phía Tây huyện Đại Danh tỉnh Hà Bắc) để giết chết Quách Uy. Quách Uy khởi binh làm phản, cuối tháng 11 năm 950 đã tấn công tới chân thành Biện Kinh. Lưu Thừa Hữu đứng trên núi ở ngoại thành quan sát trận chiến, do quân Hậu Hán bị thua trận nên sáng hôm sau ông ta chạy về thành. Không ngờ Lưu Ích đã chiếm cứ thành, anh ta đầu hàng Quách Uy, cự tuyệt không cho Lưu Thừa Hữu vào thành. Lưu Thừa Hữu đành dẫn Tô Phùng Cát và Quách Sùng Minh... chạy trốn về phía Tây Bắc. Đi đến thôn Triệu, ông ta thấy phía sau lưng bụi bay mù mịt, Lưu Thừa Hữu cho rằng có quân địch đuổi theo, ông ta hoảng hốt dừng ngựa, dự định trốn trong nhà dân.

Quách Sùng Minh thấy tình thế nguy kịch, anh ta muộn lây đánh Lưu Thừa Hữu làm lễ vật đầu hàng quân địch, anh ta tiến lên vài bước chân vung đao chém Lưu Thừa Hữu. Kỳ thật, phía sau không phải là quân địch mà là thuộc hạ của Lưu Thừa Hữu đuổi theo hộ giá. Quách Sùng Minh thấy tình thế khó thoát thân, lén dùng dao tự vẫn.

Hiệu miếu của ông đặt là Ân Đế`.

TƯƠNG ÂM CÔNG (LUU VAN) (TRIỀU HẬU HÁN)

Tương Âm Công, ông ta tên là Lưu Văn (? - 951). Ông là con nuôi của Lưu Tri Viễn. Ông kế vị sau khi Lưu Thừa Hữu bị giết. Nhưng chưa kịp làm lễ đăng cơ thì đã bị phế truất và hại độc. Mai táng ở đâu không rõ.

Lưu Văn vốn dĩ là cháu của Lưu Tri Viễn, về sau được Lưu Tri Viễn nhận làm con nuôi. Tháng 11 năm 950 Lưu Thừa Hữu bị giết chết, quân tham quyết định lập con của Lưu Tri Viễn là Lưu Thừa

Huân làm hoàng đế¹, nhưng lúc đó Lưu Thừa Huân ô²m liệt giường, bọn họ phải lập Lưu Vân làm hoàng đế³. Lưu Vân đang làm tiết độ sứ ở Từ Châu, nhận được chiêu⁴ chỉ, ông vội quay về kinh thành chuẩn bị tiếp⁵ nhận ngôi vị. Ông mới đi đến Tông⁶ng Châu thì Quách Uy đã vào kinh thành và ép buộc thái hậu họ chiêu⁷ u phong cho mình làm "giám quản⁸ c", cướp đoạt chính quyền, Quách Uy mượn danh nghĩa thái hậu phế⁹ truất Lưu Vân, và giáng xuống làm Tương Âm Công; Quách Uy sai bộ tướng Quách Sùng Uy đến Tông¹⁰ng Châu bắt giữ và giam lỏng Lưu Vân - Triệu¹¹ u Hậu Hán bị diệt vong.

Tháng 1 năm 951, cha đẻ của Lưu Vân là Lưu Sùng Văn (cha đẻ ông làm tiết độ sứ ở Hà Đông) biết tin Quách Uy đoạt ngôi vị hoàng đế¹², vì thế¹³ Lưu Sùng Văn xưng đế¹⁴ ở Tân Dương, đặt quốc hiệu là Bắc¹⁵ Hán, đô¹⁶ i nghịch với Quách Uy. Quách Uy lo lắng nêu¹⁷ u để lại mạng sống cho Lưu Vân sẽ sinh hậu họa, vì thế¹⁸ ngày Mậu Dần¹⁹ đã sai tiết độ sứ ở Tông²⁰ng Châu là Lý Hông Nghĩa hại độc chế²¹ t Lưu Vân.

HẬU CHU

(951 - 960, tổng cộng 10 năm)

Triệu Hậu Chu có 3 đế vương, có một người làm mait nước và bị phế truất nên sinh bệnh chết, 2 người ôm chết.

THÁI TÔ (QUÁCH UY)
(TRIỆU HẬU CHU)

Cao Tổ, ông ta tên là Quách Uy (904 - 954), tên tự của ông là Văn Trọng. Ông làm đại tướng của triều Hậu Hán và sau ông diệt vong triều Hậu Hán và xưng đế, ông xây dựng lên triều Hậu Chu. Ông trị vì được 4 năm bị bệnh chết.

Hưởng thọ 51 tuổi. Mai táng ở Cao Lăng (nay thuộc huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam).

*

Quách Uy quê ở Nghiêu Sơn (nay thuộc phía tây huyện Long Nghiêu tỉnh Hà Bắc). Thời nhỏ tuổi ông rất nghèo khổ và cô đơn. Sau khi trưởng thành ông được phong làm quân sử, thời Hậu Hán ông được phong làm phù sứ. Năm 948, ông nhận lệnh đi dẹp yên cuộc tạo phản của Lý Thư Trinh, nhờ có công lao nên ông được trấn giữ ở Nghiệp Đô và làm tiết độ sứ quân Thiên Hùng. Năm 950 Lưu Thủa Hữu đô kỵ tài năng của ông do đó sai sứ giả tới Ngụy Châu định mưu giết Quách Uy, Quách Uy khởi binh phản lại Hán và ra lệnh tấn công vào kinh thành, ông hạn định cho binh sĩ trong vòng 10 ngày phải cướp được kinh thành. 7 ngày sau ông đã chiếm được Biện Kinh và ép thái hậu phong cho ông làm "giám quốc", ngày định Mão tháng 1 năm 951 ông xưng đế và đặt quốc hiệu là "Chu", đặt đô ở Biện Kinh, đặt niên hiệu là "Quảng Thuận", trong sử gọi là Hậu Chu.

Ông vốn dĩ xuất thân không nghèo khổ và cũng đọc qua sách thánh hiền, ông rất thông cảm với nỗi thống khổ của nhân dân. Sau khi xưng đế, ông nói với tể tướng Vương Tân: "Trẫm vốn

sống trong nghèo khổ, may mà được lập làm hoàng đế́, vì thế́ trấm không dám áp bức bà con trăm họ để bản thân mình hưởng phú quý". Ông sinh hoạt tiết kiệm và cho giảm nhẹ tô thuế́ ở một số́ mặt hàng, bãi bỏ các hình pháp nghiêm khắc. Ông nói với các đại thấn: "Cuộc đời trẫm hấu như sống trong quân đội, vì thế́ học vấn của trẫm không cao, không biết đạo lý trị nước bình thiên hạ. Các khanh đếu là văn thấn võ tướng cho dù các khanh có ý kiến gì, chỉ cấn ý kiến đó có lợi cho lợi ích của quốc gia, thì có thể tấu trình với trẫm, có điếu lời lẽ phải sáng suốt trung thực". Các quấn thấn đóng góp được nhiếu ý kiến, ông đếu thu nạp sau đó suy nghĩ cân nhắc ý kiến đó có đúng hay không? Ông cũng rất chú trọng chiêu nạp nhân tài. Vì thế́ nhiếu người tài giỏi đến phục vụ ông, pháp luật nghiêm minh, quấn thấn đống lòng, dấn dấn bình ổn được cục diện hỗn loạn, điếu đó làm cho nến kinh tế́ văn hóa ở miến Bắc dấn dấn đi lên. Vì thế́ Quách uy được tôn là một minh quân trong thời kỳ Ngũ Đại Thập Quốc.

Tháng 1 năm 954 Quách Uy bị bệnh nặng. Ông biết bệnh tình của mình khó khôi phục, ông gọi con nuôi là Quách Vinh nói: "Trẫm khó lòng sống được, con hãy thay trẫm tu sửa lăng mộ, đừng để linh cữu lâu quá, không cấn phải sai quân lính giữ mộ, đừng bức hại cướp bóc của muôn dân, không cấn sai phái các thợ thủ công, không cấn phải tạc người đá và thú đá ở trước cửa lăng, chỉ cấn đốt một ít quấn áo giấy, dùng ngói lợp lăng mộ. Sau khi an táng, có thể chiêu tập 30 hộ gia đình đến cù trú gấn lăng mộ, bãi miễn lao dịch cho họ để họ trông coi lăng mộ, trước cửa mộ lập cho trẫm một tấm bia đá, trên đó khắc mâm y câu nói rõ thời còn sống trẫm sinh hoạt rất tiết kiệm, lúc lâm chung trẫm để lại di lệnh là lợp ngói ở trên nóc lăng mộ". Và ông lại bảo Quách Vinh: "Trước đây trẫm đi chinh chiến ở miến Tây, trẫm nhìn thấy cảnh 18 lăng tẩm của các hoàng đế́ nhà Đường bị người ta đào bới khai quật, điếu này do trong mộ có nhiếu vàng bạc châu báu, còn Hán Văn Đế sinh sống tiết kiệm, lăng mộ an táng đơn giản nên không bị đào bới. Mỗi năm vào tết hàn thực khanh hãy sai người quét mộ cho trẫm nếu như không phái được ai đến thì có thể tế vọng ở trong kinh thành. Nhưng con phải sai người chôn một kiếm ở phủ Hà (nay thuộc huyện Hà Giang tỉnh Hà Bắc) và phủ Ngụy (nay thuộc phía Đông Nam thành phố Đại Danh tỉnh

Hà Bắc), ở Đông Kinh chôn một chiếc áo long bào của Thiên Bình Quân. Những việc này con nhất định phải ghi nhớ. Tiếp đó, ông gọi các quấn thấn và ra lệnh cho Quách Vinh kế vị và nói: "Trẫm thấy Phạm Chất và Vương Phụ là những kẻ có tài, có thể chọn một trong hai người để làm tể tướng được bọn họ giúp đỡ con, trẫm chết cũng an tâm". Tối hôm đó (ngày Nhâm Thìn) ông băng hà tại điện Tứ Đức đô thành Biện Kinh.

Hiệu miếu của ông được đặt là Thái Tố.

THẾ TÔNG (SÀI VINH) (HẬU CHU)

Thế Tông, ông ta tên là Sài Vinh (921 - 959), ông còn có tên là Quách Vinh. Ông là con nuôi của Chu Thái Tổ Quách Uy. Ông kế vị sau khi Quách Uy chết. Ông trị vì được 5 năm bị ốm chết. Hưởng thọ 39 tuổi, mai táng ở Khánh Lăng (nay thuộc phía Bắc huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam).

*

Sài Vinh vốn là cháu họ của hoàng hậu Sài (bà ta là vợ của Chu Thái Tổ), sau đó được Quách Uy nhận làm con nuôi, Sài Vinh quê ở Long Cương thuộc Hình Châu (nay thuộc phía Tây Nam huyện Hình Đài tỉnh Hà Bắc). Từ nhỏ Sài Vinh đã lo liệu việc nhà giúp Quách Uy, ông thường ngược xuôi Nam Bắc mua bán trà. Lúc Quách Uy khởi binh tấn công thành Biện Kinh đã sai Sài Vinh trấn giữ Nghiệp Thành. Những năm đấu thời Hậu Chu, Sài Vinh được phong làm tiết độ sứ ở Thiên Châu làm Tấn Vương. Tháng 1 năm 954 Quách Uy bị bệnh chết. Ngày Bính Thân tháng 1 ông lên kế vị, dùng niên hiệu của Thái Tổ là "Hiển Đức".

Sài Vinh là một hoàng đế́ có thành tích nhất trong thời kỳ Ngũ Đại Thập Quốc. Ông tinh nhanh nă̄ng nă̄o, chí khí to lớn, quyết tâm thống nhất Trung Quốc. Sau khi lên kế vị sửa đổi những tệ nạn dài lâu ngày ở thời Thái Tổ, ông cho cải cách nến chính trị, quy định tô thuế, chỉnh đố́n cấm vệ quân, hạn định Phật giáo, khuyến khích nông nghiệp. Ông ta sai người điêu khắc một đôi vợ chống nông dân, đôi vợ chống nông dân này được điêu khắc bắng gỗ và

được đặt ở cung đình, ông làm vậy có tính nhã cáu n nhõ quâ`n thâ`n phái chú trọng vào nông nghiệp. Nhờ cải cách nêu quân lực và kinh tế chính trị của triề`u Hậu Chu đã phát triển mạnh. Trong Nam chinh Bă`c chiê`n, năm 954 trong trận chiê`n ở Cao Bình (nay thuộc huyện Cao Bình tỉnh Sơn Tây) ông đánh bại sự xâm lược của quân Bă`c Hán, năm 956 ông đích thân dẫn quân chinh phạt triề`u Nam Đường và chiê`m được 60 huyện 14 châu ở Giang Hoài; tiê`p đó ông lại tâ`n công xuô`ng phía Bă`c và đánh bại tộc Khiê`t Đan, thu phục 17 huyện 3 châu; sau đó chiê`m giữ được 4 châu: Giới, Thành, Tâ`n, Phụng... của nước Hậu Thục. Một số thành tựu này vê` sau đã đặt cơ sở cho triề`u Bă`c Tô`ng thô`ng nhâ`t khu vực Trung Nguyên.

Nhưng đúng lúc Sài Vinh chuẩn bị thô`ng nhâ`t Trung Quô`c, trên đường đi chiê`m đánh tộc Khiê`t Đan, ông phát bệnh, ông dẫn quân quay vê` thành Biện Kinh. Tháng 6 năm 959, bệnh tình của Sài Vinh chuyển ra nguy kịch. Ông sai triệu quâ`n thâ`n để sǎ`p xê`p mọi chuyện vê` sau, ông cho Ngụy Nhân Phụ làm tể tướng. Ông muô`n các văn thâ`n võ tướng phụ giúp công việc triề`u chinh, mục đíc`h muô`n bảo đảm sự ổn định của chính quyê`n Hậu Chu sau khi ông chê`t. Trước khi Sài Vinh tâ`n công tộc Khiê`t Đan nghe nói trong thành Biện Kinh có một tên nhảm nhí là "điểm kiểm làm thái tử". Lúc đó, tên điện tiê`n độ điểm kiểm đó là Trương Vĩnh Đức con rể của Sài Vinh. Trương Vĩnh Đức có nhiê`u công lao trong chiê`n trận được phép thô`ng lĩnh câ`m vệ quân. Sài Vinh nghi ngờ ră`ng tên nhảm nhí này có liên quan tới Trương Vĩnh Đức. Sài Vinh bèn bãi miễn chức vị chỉ huy câ`m vệ quân của anh ta và đổi làm tể tướng và phong cho tướng Triệu Khuông Dận làm điện tiê`n độ kiểm điểm, mặc dù trước đó Triệu Khuông Dận chỉ làm một chức vụ bé nhỏ trong quân đội, Sài Vinh cho ră`ng Triệu Khuông Dận sẽ cảm ơn ân huệ đó, và lại Triệu Khuông Dận không tham tài vọng như Trương Vĩnh Đức; Triệu Khuông Dận không dám cướp quyê`n đoạt vị. Ông không thể biê`t được, vê` sau chính Triệu Khuông Dận là người cướp đoạt ngôi vị tiêu diệt triề`u Hậu Chu. Phút lâm chung, Sài Vinh sai con trai thứ 4 là Sài Tông Huâ`n làm người kê` vị. Sài Vinh mâ`t ngày Quý Tị tại điện Từ Đức đô thành Biện Kinh.

Hiệu miê`u của ông được đặt là Thê` Tông, trong sử gọi là Chu Thê` Tông.

CUNG ĐẾ (SÀI TÔNG HUẤN) (TRIỀ́U HẬU CHU)

Cung Đế, ông ta tên là Sài Tông Huân (954 - 972) Ông là con trai thứ 4 của Chu Thế Tông Sài Vinh. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì được nửa năm thì bị Triệu Khuông Dận phế truá́t, vế sau ông ốm chết. Hưởng dương 18 tuổi. Mai táng ở Thuận Lăng (nay thuộc huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam).

*

Hối đấu Sài Tông Thuận được phong làm Lương Vương. Tháng 6 năm 959 Chu Thế Tông ốm chết. Ngày Giáp Ngọ cùng tháng Sài Tông Huân lên kế́ vị, ông vẫn dùng niên hiệu của Chu Thế Tô là "Hiển Đức". 7 tuổi, Sài Tông Thất đã làm hoàng đế́, do vậy công việc triề́u chính do thái hậu Trúc Lâm triề́u nhiếp chính, các đại thấn Phạm Chất, Vương Phó... phụ giúp việc quân sự. Trong thời gian trị vì, ông phong Lý Trọng Tiến làm tiết độ sứ ở Hoài Nam để chống sự xâm lược của quân Nam Đường; phong cho Hàn Thông làm tiết độ sứ ở Thiên Bình và trấn giữ ở phía Đông Bắc thành Khai Phong; còn Triệu Khuông Dận làm tiết độ sứ chỉ huy quân cấm vệ, trấn giữ ở phía đông thành Khai Phong. Tết Nguyên Đán năm 960, các quấn thấn đang chúc tụng Sài Tông Huân thì có người ở Trấn Châu (nay là huyện Chính Định tỉnh Hà Bắc) và Định Châu (nay thuộc huyện Định Bình tỉnh Hà Bắc) đến tấu báo: quân Liêu và quân Bắc Hán hợp binh với nhau tấn công triề́u đình. Sài Tông Huân hạ lệnh cho Triệu Khuông Dận thống lĩnh cấm quân tiến lên phía Bắc chặn địch. Quân cấm vệ đi đến trạm dịch ở Trấn Kiêu thì bọn chúng sinh ra lòng tạo phản và tôn Triệu Khuông Dận làm hoàng đế́. Triệu Khuông Dận quay vế thành Khai Phong, tạo lập triề́u Tống, ông ta phế truá́t Sài Tông Huân và giáng làm Trịnh Vương, triề́u Hậu Chu diệt vong.

Được một thời gian, Sài Tông Huân dời đến cư trú ở Phong Châu (nay thuộc huyện Bắc Phong tỉnh Hà Bắc).

Trong sử gọi Sài Tông Huân là Cung Đế.

THẬP QUỐC
(902 - 979, tổng cộng 78 năm)

TRIỀU NGÔ

(Năm 902 - 937, tổng cộng 36 năm)

Nước Ngô có 4 đế vương, trong đó một người bị ôm chê t, một người chê t trong cuộc nội chiến.

VŨ ĐẾ (DƯƠNG HÀNH MẬT) (NUỚC NGÔ)

Vũ Đế, ông ta tên là Dương Hành Mật (852 - 905). Hö i đâ u ông có tên là Hành Mẫn, tên tự của ông là Hóa Nguyên. Ông trị vì 4 năm bị bệnh chê t. Hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Hưng Lăng.

*

Dương Hành Mật, quê ở Hợp Phì (nay là thành phố Hợp Phì tỉnh An Huy). Những năm cuối đời Đường, ông theo quân khởi nghĩa của Hoàng Sào và bị triều đình bắt làm tù binh, sau đó được phóng thích và làm quan của triều Đường. Ông làm những chức vị như: tiết độ sứ ở Lư Châu; ông từng tranh đoạt vùng Giang Hoài với Tôn Nho, cuộc hỗn chiến xảy ra liên miên, do đó các châu phủ bị phá hoại nghiêm trọng. Năm 892, ông đánh bại Tôn Nho, tiến vào Dương Châu, ông nhận chức vị tiết độ sứ ở Giang Hoài, chiếm hữu vùng đất Giang Hoài, Giang Đông.

Trong thời gian trị vì, ông cho tuyển chọn nhân tài, triệu tập dân lưu vong định cư làm nông nghiệp, giảm nhẹ tô thuế, nhờ đó nền kinh tế xã hội ở dải Giang Hoài dần được khôi phục. Ông đánh bại đại quân của Chu Ôn, chặn được thế lực của Chu Ôn tràn xuống phía Nam. Năm 902, Đường Chiêu Tông phong ông làm Ngô Vương, ông xây dựng nước Ngô và vẫn dùng niên hiệu của triều Đường.

Dương Hành Mật mất vào tháng 11 năm 905 tại Dương Châu.

Sau khi ông chê t được tôn làm Vũ Đế.

CẢNH ĐẾ (DƯƠNG Ố C) (NUỚC NGÔ)

Cảnh Đế, ông ta tên là Dương Ố c (886 - 908), tên tự của ông là Thừa Thiên. Ông là con trưởng của Dương Hành Mật. Ông kế́ vị sau khi cha chế t. Ông trị vì được 3 năm bị hạ thấ n giế t. Hưởng dương 23 tuổi. Mai táng ở Chiêu Lăng.

*

Dương Ố c rấ t thích chơi bóng, uố ng rượu, ông từng làm quan sát sứ ở Tuyên Châu. Dương Hành Mật trong lúc ố m nặng cũng không hài lòng về những hành vi của Dương ố c, nhưng vì các con trai của Dương Hành Mật còn nhỏ tuổi, ông đành gọi Dương tiế t độ sứ tả nha và Trương Đế là tiế t độ sứ hữu nha phụ giúp Dương Ố c. Tháng 11 năm 905 Dương Hành Mật chế t, cùng tháng đó Dương Ố c lên kế́ vị, ông ta xưng là Hoắ ng Y Vương và vẫn dùng niên hiệu của triế u Đường.

Trong thời gian Dương Ố c trị vì, ông vẫn chìm đắ m trong rượu chè và chơi bóng, hoang dâm vô độ, thậm chí trong thời gian chịu tang ông ta vẫn không quên chơi bóng. Có lúc ông ta còn một thân một mình đi ra khỏi hoàng cung, đế n cả cận thị thân tín cũng không biế t ông ta đi đâu. Dội Từ Ôn, Trương Đế khuyên nhủ, ông ta lập tức phát khùng lên và nói: "Hai người các khanh biế t trãm là người bấ t tài vậy các khanh hãy giế t trãm đi, cho thỏa lòng của các khanh". Ông ta lo sợ hai người đó cùng nhau khởi binh làm phản do đó đã sai thuộc hạ thân tố c là Trấ n Phiên và Phạm Ngô thố ng lĩnh quân Đông Viện Mã, làm vậy cố t để tăng thêm sự phòng vệ cho ông ta. Sự nghi ngờ này đã là lý do thúc đẩy Từ Ôn và Trương Đế dấ y binh làm phản. Một ngày, nhân cơ hội Dương Ố c đang xem xét tấ u thương, bọn Từ Ôn và Trương Đế dẫn vài trăm nha binh đột nhập vào hoàng cung Dương Ố c sợ hãi hỏi: "Hai khanh định giế t trãm thật sao?" Hai người đó đáp: "Chúng thấ n không dám, có điế u thuộc hạ của đại vương có người dám làm loạn trong triế u, chúng thấ n cầ́ n trừ bỏ họ, trừ họa cho dân, như thế quố c gia mới được an toàn". Nói xong bọn họ giế t chế t Trấ n Phiên và Phạm Ngô, sau đó bọn họ nhận tội tấ u báo: chuyện này là bấ t đắ c dĩ mà thôi.

Dương Ô c không làm gì được đành tuyên bố Từ Ôn và Trương Đê` vô tội. Từ đó hai bọn họ nă m giữ quyê n lực trong quân đội. Dương Ô c và hai bọn họ luôn nghi kị nhau và tìm mọi cách để loại bỏ đô i phuong.

Sau khi bàn bạc kỹ lưỡng, tháng 5 năm 908, Dương Đê` chỉ huy quân bảo vệ xông vào tẩm cung của Dương Ô c và nói với ông ta: "Chúng thâ n phụng mệnh đê`n giê t bệ hạ". Dương Ô c hoảng hó t hơn: "Các khanh có khả năng làm phản tại sao lão đi loại bỏ Từ Ôn và truong Đê. Trẫm sê phong các khanh làm lại sứ" Bình lính nghe ông ta nói đê u dao động tư tưởng, chỉ có Kỉ Tường không mủi lòng và gio dao chém Dương Ô c. Bị chém Dương Ô c ngã nhào xuô ng đâ t. Kỉ Tường thâ y Dương Ô c vẫn còn thoi thóp nên dùng thùng siê t cỗ ông ta. Bọn Từ Ân và Trương Đê` loan các với dân chúng ră ng Dương Ô c bị ô m chê t.

Hiệu miê u của Dương Ô c đặt là Liệt Tổ còn thụy hiệu là Cảnh Đê`.

TUYÊN ĐÊ` (DƯƠNG LONG DIỄN) (NUỚC NGÔ)

Tuyên Đê` , ông ta tên là Dương Long Diễn (897 - 920). Ông là con trai thứ của Dương Hành Mật. Sau khi bọn Từ Ôn Trương Đê` giê t Dương Ô c đã lập Dương Long Diễn làm vương. Ông trị vì 12 năm bị Từ Ôn nhục mạ nên buô n râ u mà chê t. Ông hưởng dương 24 tuổi, mai táng ở Túc Lăng.

*

Tháng 5 năm 908, Từ Ôn và Trương Đê` giê t Dương Ô c lập Dương Long Diễn lên kê` vị. Ông ta được lập làm Hoả`ng Ý Vương. 12 tuổi, Dương Long Diễn đã lên ngôi. Một thời gian sau Từ Ôn giê t Trương Đê` , độc lâm quyê n hành trong triê u. Năm 917, Từ Ôn cho xây dựng tòa thành Kim Lăng tại Thăng Châu (nay thuộc thành phô Nam Kinh tỉnh Giang Tô), tòa thành râ t nguy nga tráng lệ và Từ Ôn cư trú tại đó, Từ Ôn sai con trai là Từ Tri Huâ n cư trú ở Dương Châu quản lý công việc trong triê u. Từ Tri Huâ n là kẻ hung bạo ngang

ngược, thường sỉ nhục Dương Long Diễn. Có 1 lần, Dương Long Diễn mờ yên tiệc và cho mời Từ Tri Huân tham dự trong buổi tiệc có tổ chức diễn kịch, Dương Long Diễn và Từ Tri Huân đều tham gia diễn vở kịch đó. Từ Tri Huân đòi đóng vai tướng quân còn Dương Long Diễn phải đóng vai nô bộc. Dương Long Diễn không dám cự tuyệt đành phải chấp thuận. Có 1 lần Dương Long Diễn và Từ Tri Huân cùng ngồi thiền đi du lâm ban đêm. Con thuyền vừa cập bờ, Dương Long Diễn lên bờ trước, Từ Tri Huân cho rằng như thế là bất kính với mình, ông ta dùng chày đánh Dương Long Diễn.

May mà vệ binh ngăn cản nên Dương Long Diễn không bị thương tổn. Tiếp đó bọn họ đến chùa Đơn Trí thưởng hoa, Từ Tri Huân vẫn chưa nguôi giận, ông ta dùng lời lẽ vô lễ để thóa mạ Dương Long Diễn. Dương Long Diễn bị thóa mạ nên nước mắt chảy ròng ròng, nhưng Từ Tri Huân vẫn không ngừng chửi bới. Các thị vệ không đành lòng nhìn ông ta bị thóa mạ nhân lúc Từ Tri Huân không chú ý đã âm thầm dẫn Dương Long Diễn lên thuyền về cung. Từ Tri Huân biết được càng thêm giận dữ ông ta cũng lên thuyền đuổi theo Dương Long Diễn và dùng câu liêm giết chết 1 thị vệ.

Năm 918, tướng Chu Cảnh ráo hận hành vi coi thường vua của Từ Tri Huân, ông ta lập mưu giết Từ Tri Huân, tiếp đó vào cung nói với Dương Long Diễn: "Hạ thần đã trừ bỏ mối nguy hiểm cho đại vương và dâng đầu của Từ Tri Huân cho Dương Long Diễn xem, hi vọng Dương Long Diễn lấy lại tư cách và chí khí. Không ngờ Dương Long Diễn sợ hãi quá đỗi, ông ta lây ông tay áo che mặt và nói: "Chuyện này trăm không dám quản", vừa nói vừa chạy vào trong phòng. Chu Cảnh đau khổ hét to: "Đứa trẻ này thật vô dụng, không thể cùng người bàn bạc việc đại sự". Anh ta lây thủ cấp của Từ Tri Huân vứt đi và quay về vương phủ, nhưng phủ của anh ta bị thuộc hạ của Từ Tri Huân bao vây, không còn cách gì chở ngõ đỡ anh ta tự sát.

Năm 917 nhăm đê cao địa vị của mình, vì thế Hậu Lý Từ Ôn đã ép Dương Long Diễn xưng đế, đặt hiệu là Ngô Quốc Vương, đặt niên hiệu là Vũ Nghĩa. Dương Long Diễn thường xuyên bị cha con Từ Ôn nhục mạ, không hề được hưởng lạc, gặp mặt bọn họ phải bát đũa dĩ mà tươi cười vui vẻ, về sau Dương Long Diễn mượn rượu giải sầu.

Sau khi xưng đế, ông ta lại bị triều Hậu Lương sai triều Ngô Việt công kích. Việc này càng làm ông thêm buồn rầu, cuối cùng sinh bệnh.

Tháng 5 năm 920, bệnh tình của ông rất nguy kịch ông bèn triệu con trai Dương Phó quay về kinh làm giám quân và sai con trai khác là Dương Mông Lam Đan Luyện Sứ ở Xã Châu, ông có ý đồ tước bỏ khí thế của Từ Ôn. Được ít lâu ông mất tại Dương Châu.

Sau khi chết, ông được truy phong là Tuyên Đế.

DUỆ ĐẾ (DƯƠNG PHÓ) (TRIỀU NGÔ)

Duệ Đế, ông ta tên là Dương Phó (901 - 938). Ông là con trai thứ 4 của Vũ Đế Dương Hành Mật. Dương Long Diễn chết nên Từ Ôn đã lập Dương Phó lên kế vị. Ông trị vì được 17 năm thì bị Từ Tri Cáo phế truất, do đó sinh giận mà chết. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Bình Lăng.

Tháng 5 năm 920, Dương Long Diễn chết, trong các quân thần có người muốn lập Từ Ôn lên kế vị. Nhưng trong triều có nhiều thuộc hạ cũ của Dương Hành Mật giúp đỡ chính quyền nhà họ Dương, vì vậy Từ Ôn không dám nhận ông ta còn giả vờ nói: "Tôi tuyệt đối không dám có ý định lên ngôi.

Dòng họ Dương truyền qua 3 đời con, giả sử họ Dương không có con trai nhưng có con gái thì người con gái đó cũng có thể nắm quyền. Ai dám đưa ra kiến nghị thay ngôi đồi chủ, người đó sẽ bị chém đầu. Có người nêu ý kiến cho con trai thứ 3 của Dương Hàng Mật là Dương Mông lên kế vị, bởi tuổi tác của Dương Mông cũng cứng cáp đủ sức cai trị triều chính. Còn Từ Ôn muốn thao túng công việc triều chính do vậy ông ta đòi lập Dương Phó lên ngôi, đổi niên hiệu là Thuận Nghĩa. Tháng 11 năm 927 Từ Ôn chết, công việc trong triều do cha con Từ Tri Cáo và Từ Cảnh Thông cai quản nắm giữ. Từ Hi Các lại ép Dương Phó làm đế và đổi niên hiệu là "Càn Trinh".

Tháng 10 năm 937, Từ Tri Cáo ép Dương Phó nhường ngôi cho ông ta. Dương Phó đành phải thuận theo Từ Tri Cáo và sai Dương Lan làm sá^c phong đem ngọc âⁿ giao cho Từ Tri Cáo. Nước Ngô bị diệt vong. Ít lâu sau Dương Phó bị bă^t đêⁿ cư trú ở cung Đơn Dương thuộc Thoại Châu (nay là thành phố Trâⁿ Giang tỉnh Giang Tô). Từ Tri Cáo sai lính đêⁿ giám sát không cho ông đi lại lung tung. Bị chèn ép quá đáng nên Dương Phó sinh bệnh. Năm 938 ông mấ^t. Thụy Hiệu của Dương Phó là Duệ Tông.

Năm 942 Từ Tri Cáo sai đem toàn bộ họ hàng thân thiê^t của Dương Phó dời đêⁿ cư trú ở Hải Lăng (nay là thành phố[^] Thái Châu tỉnh Giang Tô) và giam lỏng bọn họ ở cung Vĩnh Ninh. Cách biệt bọn họ với thế giới bên ngoài, nam nữ trong dòng tộc đành phải lâ^y lẩn nhau để duy trì nòi giô^{ng}. Năm 956 Chu Thê^t Tông Sài Vinh chinh phạt vùng Hoài Nam và phóng thích cho bọn họ. Nhưng Nguyên Tông Lý Cảnh Thiê^u Nam Đường) biê^t tin liêⁿ sai lính giê^t hê^t bọn họ, diệt vong hoàn toàn con cháu của Dương Hành Mật.

(Năm 907 - 978, tổng cộng 72 năm) Triê^u Ngô Việt có 5 đế[^] vương, trong đó 2 người bị ô^m chê^t, một người bị phê^t truâ^t và ô^m chê^t, một người bị chê^t do đô thành bị cháy, một người bị hại độc.

VŨ TÚC VƯƠNG (TIÊ^U LU^U) (TRIÊ^U NGÔ VIỆT)

Vũ Túc Vương, ông ta tên là Tiê^u Lưu (852 - 932) tên tự của ông là Cụ Mĩ. Ông quê ở Lâm An thuộc Tiê^u Đường (nay thuộc phía bắc huyện Lâm An tỉnh Chiết Giang). Ông làm tiê^t độ sứ ở cuối triê^u Đường, và là người xây dựng lên triê^u Ngô Việt. Ông trị vì 26 năm bị ô^m chê^t. Hưởng thọ 81 tuổi, mai táng ở núi Mao huyện Tiên Sơn tỉnh Chiết Giang.

Tù nhở Tiê^u Lưu là một kẻ vô lại, ông ta làm nghê^t buôn muôⁱ. Những năm cuối đời Đường ông theo từng nhà Đường là Trọng Xương làm chỉ huy sứ và tham gia vào việc trâⁿ áp quân khởi nghĩa Hoàng Sào. Năm 893 ông làm tiê^t độ sứ quân trâⁿ hải. Năm 896 ông đánh bại Trọng Xương chiê^m cứ vùng phía Nam của Tô Châu và

phía Đông phía Tây của Chiết Giang, hình thành thê lực cát cứ. Tháng 5 năm 907 được triều Hậu Lương phong làm Ngô Việt Vương và lập nước Ngô Việt, đặt đô ở Tiền Đường, và dùng niên hiệu của Đường Ai Đô là "Thiên Hữu", năm sau ông đặt niên hiệu "Thiên Bảo". Từ khi được phong làm tiết độ sứ, ông ta sinh sống rảnh xa hoa, ông cho xây một ngôi nhà ở quê hương lúc đi về đó thường cưỡi ngựa hoặc ngồi xe, có vệ binh hộ tống. Nhưng cha của ông ta là Tiễn Khoan lại trốn và không muốn gặp mặt ông. Có một lần, Tiễn Lưu đơn thân độc mã quay về quê, tìm gặp cha và hỏi lý do Tiễn Khoan nói: "Tổ tông chúng ta chỉ cày ruộng đánh cá không có ai là người có tài có thể như con. Ngày nay con trở thành chủ nhân của một phương, ở 3 mặt đều có kẻ thù (phía Nam có Man Quốc, phía Tây và phía Bắc có nước Việt), con còn phải đi tranh đoạt đất đai và quyền lực với bọn họ. Cha sợ con làm liên lụy đến dòng tộc, vì thế không muốn nhìn thấy con! Nghe cha nói vậy, ông rảnh xúc động, khóc và hứa với cha sẽ ghi nhớ lời giáo huấn của cha. Sau khi lập quốc, ông rảnh tắn thận, chỉ cần toàn bảo vệ địa bàn nơi ông quản lý. Trong mặt đất ngoại, ông tự biết nước Ngô Việt chỉ là một quốc gia nhỏ bé và thế lực yếu kém, dưới uy lực của nước Ngô ở miền Tây và miền Bắc, ông chung thủy hướng về những triều đình nhỏ ở miền Bắc như triều Hậu Lương, Hậu Đường... xưng王 và công nạp cho bọn họ, dựa vào đó để kiêm chế nước Ngô. Tuyên đường giao thông ở miền Bắc cũng bị nước Ngô cản trở, ông liền đục bã đá ở sông Tiền Đường, mở ra con đường biển từ sông Tiền Đường tới vùng Sơn Đông mỗi năm phải đi công nạp và buôn bán ở miền Bắc, rảnh ít thuyền bị phong ba làm đắm tàu. Ông còn sai phái các thuyền bè tới Nhật Bản buôn bán.

Về nội địa, Tiễn Lưu cho mở rộng xây dựng các công trình thủy lợi, tăng thêm ruộng đất, đặc biệt là đắp một con đê ở sông Tiền Đường, bảo vệ thành Hàng Châu, đồng với việc phát triển sản xuất ở khu vực này ở Hàng Châu, tu sửa các khu thăng cảnh, khiến thành Hàng Châu về sau này trở thành vùng đất nổi tiếng về danh lam thăng cảnh. Nhờ những biện pháp đó khiến nước Ngô Việt trở thành một địa khu có nền kinh tế phồn vinh rảnh tột tương đối ổn định trong ngũ đại thập quốc. Tiễn Lưu luôn luôn không quên

mô i nguy hiểm đe dọa biên cương nước Ngô Việt, luôn duy trì sự cảnh giác cao độ.

Ông ta thường gõ i đâ u bă ng một chiê c gõ i gỗ, lúc ngủ nê u có động thì có thể ném gõ i để đánh động cho binh lính. Ông còn đặt trong phòng một đĩa phâ n, đang đêm nghĩ ra điê u gì đó, lập tức ngõ i dậy và lâ y phâ n ghi lại. Ông sai thị nữ thức đêm để thường trực, nê u có người đê n báo cáo, thị nữ sẽ vào đánh thức ông dậy. Năm 919, quâ n thâ n của nước Ngô là Từ Ôn đã hẹn ước với nước Ngô Việt, hai nước bă t tay hòa bình không xâm phạm lẫn nhau. Tuy vậy Tiê n Lưu vẫn cảnh giác cao độ không hề lơ lỏng việc canh giữ biên cương. Ông ra lệnh cho tướng sĩ cũng phải đê cao cảnh giác. Một đêm, ông đi tuâ n đêm, thâ y binh sĩ ở doanh trại đang ngõ i dựa vào tường ngủ say sưa, ông ném vê phía họ nă m viên đạn khiê n họ tỉnh dậy, từ đó trở đi các binh lính không dám lơ là việc canh gác. Lại có một đêm khác, ông cải trang và đi ra cửa thành theo lô i cửa bă c. Lúc này Lúc này cửa thành đã đóng cửa, ông cao giọng quát: "Ta là người của đại vương phái đi. Phải ra ngoài thành có việc. Bây giờ có việc gâ p phải quay về thành." Quân lính giữ cửa cự tuyệt nói: "Đêm đã khuya rô i, anh đừng nói là người của đại vương phái đi, thậm chí cả đại vương nói cũng không mở cửa". Sáng hôm sau, ông sai gọi lính canh cửa và thưởng cho bọn họ. Phi tử Trịnh được Tiê n Lưu sủng ái, cha của cô ta phạm trọng tội có người câ u xin Tiê n Lưu tha tội cho ông ta nhưng Tiê n Lưu nói một cách phẫn nộ: "Lẽ nào có con gái gả cho trẫm thì có thể cho mình tư cách làm bại hoại pháp luật?" Sau đó ông sai người giê t phi tử Trịnh và bô cô ta.

Tiê n Lưu râ t tôn trọng văn nhân, chú ý chiêu nạp danh sĩ, những người như Bì Nhật Hữu, La Ân, Hô Nhạc... đê u đê n đâ u hàng Tiê n Lưu, ông đê u lâ y lễ tiê t để đô i đãi bọn họ. Những lời can gián của đại thâ n ông đê u tiê p nhận sau đó suy xét kĩ càng xem lời nói đó có hợp lí hợp tình hay không? Ông quy định mỗi ngư dân ở Tây Hô hàng ngày phải giao sô cá nhâ t định làm lương thực cho vương triê u. Ngư dân có lúc không bă t được cá, họ đành ra chợ mua cá vê giao nộp, tiê ng oán thán vang dội. Có một ngày, huyện lệnh huyện Tiê n Đường là La Ân phải vài cung gặp mặt Tiê n Lưu, Tiê n Lưu sai ông ta căn cứ vào bức tranh "Bàn Khê Thôi Diê u Đô" để làm một bài thơ. La Ân y lệnh làm một bài thơ:

"Lã vọng mỗi năm mở miê` u hoang
Trực tiê` p câu quô` c có đúng không?
Nê` u nhu sinh ở đâ` t Tây Hô`
Thì phải cúng tê` cả khu nhà ngư dân"

Bài thơ có ý trách móc Tiê` n Lưu, ông nghe xong không hê` tức giận mà còn trọng thưởng cho La Ân, và sai bã`i bỏ lệnh cõ`ng nộp cá. Nhưng trong thời gian ông trị vì, tình hình lao dịch râ`t nặng nê` . Ngoài việc ra lệnh xây thành ở Hàng Châu, ông còn ra lệnh xây dựng đình đài lâ`u các, ông ta xây cung phủ của mình đẹp như cung rô`ng. Quân dân oán thán về` việc lao dịch vâ`t và có người nửa đêm đã viê`t lên bức tường tră`ng của vương phủ: "không có ngày tháng, dậy từ sáng sớm đê`n lúc hoàng hôn buông xuô`ng mới được nghỉ ngơi". Câu đó cõ` ý trách cứ` ông ta đã quá lạm dụng sức dân, không quan tâm tới sự sô`ng chê`t của trăm họ. Ông ta nhìn thâ`y dòng chữ đó, ông không xóa đi mà còn cã`m bút sửa lại: "Không có ngày tháng, hê`t mùa xuân lại đê`n mùa đông" Câu đó biểu thị rã`ng bà con trăm họ vẫn phải phục tùng ý lệnh của ông đã ban ra. Ông thu thuế` râ`t nặng đô`i với thuế` ruộng, thuế` vải, thuế` vê` đô` lâm sản; thậm chí buôn gà, cá, trứng cũng bị thu thuế` ; những họ nghèo không đủ thuế` nộp sẽ bị bã`t đê`n phủ quan, xem mức độ thiê`u nhiê`u thiê`u ít để mà trách tội, trăm họ thô`ng khõ` kêu la vang trời.

Tháng 4 năm 932, ông ta ô` m nặng, ông sai gọi tướng lĩnh và thuộc hạ vào tắm cung, khóc và nói: "Các con của quả nhân đê`u ngu xuẩn nhu nhược, chỉ sợ bọn chúng khó lòng gánh vác được công việc triê`u chính. Sau khi quả nhân chê`t, các khanh hãy lựa chọn một người hiê`n tài mà lập lên ngôi." Thuộc lạ của ông có người đê`n nghĩ: "Nguyên Quân theo đại vương chinh chiê`n đã lâu, công lao lớn nhâ`t, các huynh đệ khác đê`u không theo kịp anh ta, có thể lập anh ta làm vương." Tiê`n Lưu đô`ng ý với ý kiê`n đó và sai gọi Tiê`n Nguyên Quân đê`n và giao cho anh ta â`n ngọc tiê`p đó dặn dò: "Các tướng sĩ đê`u nhâ`t loạt bâ`u khanh làm người kế` vị, khanh phải một lòng một dạ bảo vệ duy trì nước Ngô Việt, đời con đời cháu phải hê`t lòng phục vụ Trung Quô`c (chỉ vương triê`u Trung Nguyên), nê`u nhu vùng Trung Nguyên có thay ngôi đổi chủ cũng không được

thất lẽ, không được vong ân!" Mấy hôm sau ông băng hà tại Tiê`n Đường.

Trong sử gọi ông là Vũ Túc Vương. Do ông ta sống thọ, lại chú trọng xây dựng công trình thủy lợi nên trong dân gian gọi ông là "Hải Long Vương".

VĂN MỤC VƯƠNG (TIÊ`N NGUYÊN QUÁN) (TRIỀ`U NGÔ VIỆT)

Văn Mục Vương, ông ta tên là Tiê`n Nguyên Quán (887 - 941), tên tự của ông là Minh Bảo. Ông là con trai thứ 7 của Vũ Túc Vương Tiê`n Lưu. Ông kế` vị sau khi cha chê`t. Ông trị vì được 9 năm. Đô thành bị cháy nên ông buô`n râ`u mà chê`t. Hưởng thọ 55 tuổi. Mai táng ở núi Long huyện Tiêu Sơn tỉnh Chiê`t Giang.

*

Tiê`n Nguyên Quán thường theo cha đi đánh trận và lập được khá nhiê`u chiê`n công, ông từng làm tiê`t độ sứ quân Thanh Hải và tiê`t độ sứ quân Trâ`n Đông. Tháng 4 năm 932 Tiê`n Lưu chê`t, cũng vào tháng đó Tiê`n Nguyên Quán lên kế` vị, sau đó ông xung thâ`n với triê`u Hậu Đường và dùng niên hiệu của triê`u Nam Đường. Trong thời gian trị vì, ông tuân theo pháp chê` do cha đê` ra, nhưng ông, xây dựng các công trình thủy mộc xây dựng cung điện còn xa xỉ gâ` p mây lâ`n Tiê`n Lưu, mọi gánh nặng lại đổ vào đâ`u dân.

Năm 941 đô thành Hàng Châu đột nhiên bị bô`c cháy, cung điện kho phủ tiê`n của đê`u bị cháy rụi. Khi lửa bô`c lên, ông ta hoảng hô`t tìm chỗ ẩn nâ`p, nhưng ông ta trô`n ở nơi nào thì lửa liê`n cháy đê`n nơi đó. Có lẽ do dân chúng hận ông ta ép họ lao dịch năng nê`n nên cô` ý đô`t lửa thiêu cháy. Do vậy, ông hoảng loạn phát điên. Ông mây t ngày 24 tháng 9. Trong sử gọi ông là Văn Mục Vương. Hô`i còn sô`ng, ông ta râ`t chuộng Nho học, thích chiêu nạp văn sĩ, ông có nghìn bài thơ.

TRỌNG HIÊ`N VƯƠNG (TIÊ`N TẢ) (TRIỀ`U NGÔ VIỆT)

Trọng Hiê`n Vương, ông ta tên là Tiê`n Tả (929 - 947). Ông là con thứ 6 của Văn Mục Vương. Ông kế` vị khi cha chê` t. Ông trị vì được 6 năm thì ô` m chê` t. Hưởng dương 19 tuổi. Mai táng ở núi Long huyện Tiêu Sơn tỉnh Chiê`t Giang.

*

Tháng 9 năm 941 Tiê`n Nguyên Quán chê` t, cùng tháng đó Tiê`n Tả lên kế` vị. Ông dùng niên hiệu của triê`u Hậu Tâ` n. 13 tuổi, Tiê`n Tả lên kế` vị. Tướng sĩ đê` u coi thường ông là một đứa trẻ, nên không phục tùng. Ông liê`n dùng hình phạt nghiêm khă`c để trừng trị do đó bọn họ đê` u tuân phục.

Trong thời gian trị vì, để làm dịu cơn giận dữ của dân chúng ông ra lệnh bãi miễn 3 năm tô thuế cho dân chúng Tiê`n Hữu Tá có thể làm thơ Ngũ Ngôn. Thâ` t Ngôn thường cho mở yê`n tiệc và ông râ`t được lòng các nhân sĩ.

Ông mâ`t vào tháng 6 năm 947 tại Hàng Châu.

Trong sử gọi ông là Trọng Hiê`n Vương.

TRỌNG TỔN VƯƠNG (TIÊ`N TÔNG) (TRIỀ`U NGÔ VIỆT)

Trọng Tỗn Vương, ông ta tên là Tiê`n Tông. Năm sinh và năm mâ`t không rõ. Ông là con trai thứ 7 của Tiê`n Nguyên Quán và là em trai của Tiê`n Tả. Ông kế` vị sau khi anh trai chê` t. Ông trị vì chưa được một năm thì bị phê` truâ`t, sau đó ô`m chê` t. Mai táng ở núi Thái Vọng huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiê`t Giang.

*

Tháng 6 năm 947 Tiê`n Tả ô`m chê` t, cùng tháng đó Tiê`n Tông lên kế` vị. Sau khi ông lên kế` vị, ông bâ`t hòa với Hô` Tiê`n Tư. Cùng năm đó ông cho cử hành duyệt binh với quy mô lớn. Kê`t thúc duyệt binh, ông tổ chức lễ trao thưởng cho binh lính ở đình Bích Ba ở Tây Hô`. Hô` Tiê`n Tư cho ră`ng trọng thưởng quá hậu cho binh lính, do đó đã tiê`n đê`n can gián. Tiê`n Tông nhâ`t thời tức giận

quăng bút xuố ng đấ t và trách mắ ng: "Trẫm đem tiế n của tặng cho binh sĩ, trẫm đâu có chiế m hưu làm của riêng, làm như vậy có gì không đúng, có gì sai lấ m." Hô` Tiê` n Tư thấ t kinh vội lui xuố ng. Từ đó quan hệ giữa hai bên ngày càng căng thẳng.

Tế t xuân năm 948, họa sĩ đã tặng cho Tiê` n Tông bức "Chung Quỳ đánh quý". Tiê` n Tông đê` mây câu thơ lên mặt tranh, lời thơ có ý vì chuyện Thái Chung Quỳ đánh quý như chuyện trừ bỏ Hô` Tiê` n Tư và cho treo bức tranh đó ở trong cung. Hô` Tiê` n Tư ngẫu nhiên vào cung và nhìn thấ y bức tranh đó, ông ta mặt mày thấ t sǎ́ c quyế t định ra tay trừ bỏ Tiê` n Tông. Tố i hôm đó, Hô` Tiê` n Tư dẫn bộ hạ tiê` n vào cung.

Tiê` n Tông hỏi ông ta có chuyện gì, Hô` Tiê` n Tư và lũ thuộc hạ ra sức trách mắ ng Tiê` n Tông. Tiê` n Tông thấ y sự việc không đơn giản, liê` n chạy vào vườn Nghĩa Hòa và đóng cửa vườn lại. Hô` Tiê` n Tư lập tức khóa cổng vườn và giả truyê` n thánh chỉ, nói Tiê` n Tông đột nhiên bị ố m nặng không thể giải quyết công việc triê` u chính và ra lệnh truyê` n ngôi cho em trai Tiê` n Xúc. Sau đó Hô` Tiê` n Tư nghênh đón Tiê` n Xúc vào cung và giam lỏng Tiê` n Tông ở Đông Phủ. Hô` Tiê` n Tư nhiê` u lâ` n xúi bẩy Tiê` n Xúc giế t huynh trưởng để tránh hậu họa. Tiê` n Xúc nhấ t quyế t không nghe. Ông khóc và nói: "Nế u trẫm giế t huynh trưởng, thực tế́ trẫm không nhẫn tâm, nế u khanh cứ ép buộc trẫm, trẫm đành thoái vị để bảo vệ huynh trưởng." Hô` Tiê` n Tư đành từ bỏ ý định giế t Tiê` n Tông. Tiê` n Xúc sợ Hô` Tiê` n Tư giế t hại gia đình anh trưởng, do đó đã dời cả nhà Tiê` n Tông đê` n cư trú ở Việt Châú (nay thuộc thành phố Thiệu Hưng tỉnh Chiế t Giang) ban tặng nhiê` u tiê` n của, Tiê` n Xúc còn sai thuộc hạ tâm phúc của mình đi bảo vệ anh trai và dặn dò: "Trẫm sai khanh đi bảo vệ anh trai trẫm nế u gặp tình thế nguy hiểm, khanh phải liê` u chế t bảo vệ anh ấ y." Tiê` n Tông dời đê` n Việt Châú được 10 ngày thì Hô` Tiê` n Tư phái 2 thích khách đê` n đó, bọn họ trèo tường vào phủ, Tiê` n Tông nhìn thấ y bọn họ ông ta hò hét â` m ĩ. Diê` u đó làm cả nhà hoảng sợ kêu vang phủ. Thuộc hạ của Tiê` n Xúc vội dẫn lính vào giế t chế t 2 thích khách, thấ y thích khách bị giế t Tiê` n Tông dâ` n dâ` n nguôi cơn sợ hãi. Sau chuyện này Tiê` n Tông số ng được hơn 20 năm mới chế t.

Thụy hiệu của ông là Nhuượng Vương.

TRỌNG NGHỊ VƯƠNG (TIỀN XÚC) (TRIỀU NGÔ VIỆT)

Trọng Nghị Vương, ông ta tên là Tiền Xúc (929 - 988) tên tự của ông là Văn Đức. Ông là con thứ 9 của Tiền Nguyên Quán. Tiền Tông bị phế truất, Tiền Xúc được lập làm vương. Ông trị vì được 30 năm, ông quy phục nhà Tông, sau đó bị Tông Thái Tông nghi ngờ và hại độc chế t. Hưởng thọ 60 tuổi. Mai táng ở ngoại thành thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

*

Hô Tiết Tư phế truất Tiết Tông và lập Tiền Xúc làm vương. Ông căn cứ theo lời giáo huấn của tổ tiên và đê u hướng tối triều Hậu Hán và Hậu Chu để xung thâ n, ông từng theo Chu Thê Tông chinh phạt vùng Hoài Nam. Trong thời gian Tiền Xúc trị vì, Tông Thái Tông đã lập lên triều Tông. Ông liê n xung thâ n với triều Tông và nhiê u lâ n cõ ng tiê n cho triều Tông, sô đô vật cõ ng tiê n cũng gâ p 10 lâ n sô báu vật cõ ng cho các nước khác; nhâ m khô ng chê triều Nam Đường. Mùa đông năm 974, Tông Thái Tông quyết tâm dâ y binh đánh chiê m vùng Giang Nam và cho thu nạp các sách lược đánh chiê m. Đầu tiên Tông Thái Tông lợi dụng quân đội của nước Ngô Việt để đánh triều Nam Đường, phong Tiền Xúc làm đại Nguyên Sư binh mã thiêu hạ, Tông Thái Tông sai Tiền Xúc chinh đô n quân đội trợ giúp việc tiêu diệt triều Nam Đường. Hậu chủ của triều Nam Đường là Lí Dục Sợ hãi liê n vội viê t thư cho Tiền Xúc nói: "Nước Nam Đường là binh phong của nước Ngô Việt. Nê u hôm nay Nam Đường bị diệt vong, lẽ nào ngày mai Ngô Việt được bình yên? Đê n lúc đó, anh chỉ là 1 con dân bình thường trong thành Đại Lương (ngày nay là thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam).

Hậu chủ triều Nam Đường khuyên Tiền Xúc không nên trợ giúp triều Bă c Tông. Tiền Xúc không nghe lời khuyên giải của ông ta và muô n tò rõ lòng trung đô i với triều Tông nên ông mang bức thư đó dâng cho Tông Thái Tông. Tiết p đó Tiền Xúc phái lính đi

trợ giúp quân Tông và chiếm được Nhuận Châu và Kim Lăng. Triều Nam Đường bị diệt vong, năm 976 Tông Thái Tông sai gọi Tiết Xúc vào kinh và lâ'y lễ tiết đô'i đãi, sau đó thả Tiết Xúc về nước Ngô Việt. Lúc sá'p đi, Tông Thái Tông giao cho ông ta 1 bao thư, dặn ông ta đi đường hãy xem. Dọc đường đi ông mở thư xem, thấy trong thư nói: Các quan thâ'n muôn Tông Thái Tông giam giữ Tiết Xúc và thu hồi của cải của nước Ngô Việt." Xem xong thư ông tái mét mặt mày người toát mồ'hôi, từ đó ông càng sợ triều Tông và tăng cường cõng vật cho triều Tông.

Năm 978 Tiết Xúc nhận lệnh của Tông Thái Tông vào kinh bái yết và bị giam lỏng. Ông tận mă't thâ'y xu thế' phát triển của triều Tông, do cận tháng 5 ông dâng biểu nói muôn cõng cho triều Tông 13 châu. Nước Ngô Việt diệt vong. Sau chuyện này, Tiết Xúc bị giáng làm quốc vương Hoài Hải, tiếp đó bị đổi làm: quốc vương Hán Nam, quốc vương Nam Dương, Hứa Lượng, Đặng Vương...

Ngày 24 tháng 8 năm 988, Tiết Xúc làm lễ đại thọ 60 tuổi. Lúc này Lí Dục(Triều Nam Đường) Lưu Quang (Triều Nam Hán) đã chết, chỉ còn mỗi mình Tiết Xúc là một đại vương bị phế bỏ. Tông Thái Tông sai sứ giả tặng lễ vật, chúc thọ Tiết Xúc. Tiết Xúc mở tiệc tiếp đón sứ giả và đê'n tối mới tan tiệc. Ngay tối đó ông ta bị chết đột ngột tại Biện Kinh. Người đời sau hoài nghi Tông Thái Tông sai sứ giả hại độc.

SỞ

(Năm 907 - 951, tổng cộng 45 năm)

Nước Sở có 6 đế vương: trong đó 3 người bị bệnh ché t, một người bị thă t cổ ché t trong cuộc nội chiê n, 2 người làm mā t nước bị phē , vê sau ô m ché t.

VŨ MỤC VƯƠNG (MÃ ÂN) (NUỚC SỞ)

Vũ Mục Vương, ông ta tên là Mã Ân (852 - 930), tên tự của ông là Bá Đô . Ông trị vì được 4 năm, bị bệnh ché t tại phủ Trường Sa (nay thuộc thành phố Trường Sa tỉnh Hô` Nam). Hướng thọ 79 tuổi, mai táng gâ`n thành phố` Hành Dương tỉnh Hô` Nam.

Mã Ân quê ở Yên Lăng thuộc Hứa Châu (nay thuộc huyện Yên Lăng tỉnh Hà Nam), một thuyê t khác nói là: quê ở Phù Câu tỉnh Hà Nam. Hô`i nhỏ ông làm thợ mộc, vê` sau ông gia nhập vào quân đội, vê` sau ông theo bộ tướng của tướng Tâ`n Tông Quyê n (nhà Đường là Tôn Nho tiê n vào Dương Châu) ông cùng với Dương Hành Mật giao tranh với nhau. Tôn Nho thâ t bại và bị giê t. Mã Ân cùng với tướng Lưu Kiê n Phong (nhà Đường thu thập tàn quân chạy vào đâ`t Giang Tây, bọn họ lâ`y được Đàm Châu (nay thành phố` Trường Sa tỉnh Hô` Nam), chiê m cứ được Hô` Nam. Năm 896, Lưu Kiê n Phong bị thuộc hạ giê t ché t, Mã Ân được lập làm chủ tướng. Mã Ân lâ`n lượt được phong làm Lại Sứ ở Đàm Châu và làm tiê t độ sứ ở Vũ An. Ông chiê m lĩnh 7 châu: Đàm Châu, Hành Châu (nay thuộc thành phố` Hành Dương tỉnh Hô` Nam). Vê` sau ông lại chiê m được những vùng đâ`t như: Quê` Châu, Quản Châu và Ngũ Châu ở Lĩnh Nam (nay thuộc phía Tây Bă c khu tự trị tộc Choang ở Quảng Tây).

Năm 907 Mã Ân được Hă`ng Ôn (TRIÊ`U HẬU LUƯƠNG) phong làm Sở Vương. Tháng 7 năm 929, Mã Ân tạo dựng lên quô`c gia riêng đặt quô`c hiệu là Sở và chọn Đàm Châu làm đô thành, ông cho đổi

tên là Phủ Trưởng Sa và là y niêm hiệu của triều Hậu Đường. Trong thời gian trị vì, Mã Ân cung cấp nạp và xung tham với vương triều ở Trung Nguyên, ông cho trồng cây chè và bán đi khắp mọi nơi, ông cho đúc tiền sắt, ông thu được nhiều lợi nhuận từ cây chè. Ông giảm bớt chuyện đi chinh chiến, nên kinh tế xã hội phát triển, xã hội phồn vinh. Nhưng, ông ta sinh hoạt hoang dâm, các con trai của ông lại kiêu ngạo và tiêu pha rách hoang phí xa xỉ.

Tháng 11 năm 930, Mã Ân mất tại phủ Trưởng Sa, ông để lại di lệnh cho các con trai thực hiện chế độ anh chét thì em kế vị.

Trong sử gọi Mã Ân là Vũ Mục Vương.

HÀNH DƯƠNG VƯƠNG (MÃ HI THANH) (NUỚC SỞ)

Hành Dương Vương, ông ta tên là Mã Hi Thanh (? - 932) tên tự của ông là Nạp Nhược. Ông là con thứ của Mã Ân. Thời Mã Ân trị vì, Mã Hi Thanh đã nắm chắc thực quyền trong triều đình, sau khi Mã Ân chết, ông ta lên kế vị. Ông trị vì được 3 năm thì ôm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi Mã Ân xây dựng nước Sở và xưng vương, Mã Ân đã cho Mã Hi Thanh quản lý quân đội, nắm chắc binh quyền. Mưu thám của nước Sở là Cao Uất hé tinh trung thành với Mã Ân, điều đó làm cho quân thám của nước Nam Bình là Quý Hưng rãt hận do vậy phái người đi lật gián. Mã Ân không tin vào kẻ lật gián đó, còn Mã Hi Thanh một mực tin vào lời xàm tâu, ông ta cho răn Cao Uất ngày sau nhất định sẽ làm phản do vậy trước đoạt binh quyền của Cao Uất.

Cao Uất rãt hận, để giữ thanh danh Cao Uất đánh án cu để tránh tai họa. Mã Hi Thanh giả truyền ý chỉ của vua cha để giết Cao Uất. Mã An biết chuyện, ông khóc và nói: "Trẫm đã già rồi, chính trị đã không còn nắm giữ được nữa, đên một quân thám cũng không bảo vệ được". Lúc đó Mã Hi Thanh nắm chắc thực quyền trong triều chính. Tháng 11 năm 930 Mã Ân chết, con trưởng là Mã

Hi Thẩm lên nhiếp chính sau đó nhường chính quyền cho nhưng sợ Mã Hi Thanh, không thực hiện theo lời di huân của vua cha là anh chét em lên kế vị. Cùng tháng đó Mã Hi Thanh lên đăng cơ. Mã Hi Thanh bị triều Hậu Đường phong làm tiết độ sứ ở Vũ An và Tỉnh Giang và dùng niên hiệu nhà Hậu Đường.

Mã Hi Thanh rất thích uống máu gà, mỗi ngày giết 50 con gà để lấy tiết uống. Thậm chí lúc đưa linh cữu đi chôn, ông ta còn sai giết vài con gà lấy máu uống rồi mới đi theo linh cữu. Tháng 7 năm 932, Mã Hi Thanh ôm chết.

Trong sử gọi Mã Hi Thanh là Hành Dương Vương.

VĂN CHIÊU VƯƠNG (MÃ HI PHẠM) (NUỚC SỞ)

Văn Chiêu Vương, ông ta tên là Văn Chiêu Vương (899 - 947) tên tự của ông là Bảo Quy. Ông là con trai thứ 4 của Mã Ân. Ông kế vị sau khi Mã Hi Thanh chết. Ông trị vì 16 năm bị ôm chết, hưởng thọ 49 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 7 năm 932 Mã Hi Thanh ôm chết, cùng tháng đó Mã Hi Phạm lên kế vị. Ông lần lượt dùng niên hiệu của triều Hậu Đường, Hậu Tần và Hậu Hán. Trong thời gian Mã Hi Phạm trị vì, ông ta tiêu pha rát xa xỉ hoang phí, thuê má rát nặng nề, khién cho dân chúng phải đi lưu vong, mâu thuẫn giai cấp nặng nề. Học sĩ Thác Bạt Hăng khuyên Mã Hi Phạm nên giảm nhẹ tô thuế cho nhân dân, vì thế Mã Hi Phạm rát giận dữ và đuổi cổ Thác Bạt Hăng. Lúc đó nha tướng Đinh Tư Cản mượn quân Liêu đánh triều Hậu Tần và làm loạn ở Trung Nguyên, Đinh Tư Cản xuất binh tấn công vào Kinh Tương và tiến vào Biện Kinh không quan tâm đến việc trị vì và có ý hưởng lạc ăn chơi xa xỉ. Do vậy dẫn tới bệnh tật.

Tháng 4 năm 947 Mã Hi Phạm bị ôm nặng, lúc này ông ta mới thức tỉnh nhận ra những lỗi lầm của mình và thay Phác Bạt Hăng là trung thần, ông ta sai gọi Thác Bạt Hăng về cung, ủy thác Thác

Bạt Hă`ng trợ giúp con trai là Mã Hi Quảng làm vương. Không bao lâu Mã Hi Phạm ché` t.

Trong sử gọi Mã Hi Phạm là Chiêu Văn Vương.

PHÊ` VƯƠNG (MÃ HI QUẢNG) (NUỚC SỞ)

Phê` Vương, ông ta tên là Mã Hi Quảng (? - 950) tên tự của ông là Mã Phi. Ông là con trai thứ 5 của Vũ Mục Vương Mã Ân. Ông kế` vị sau khi Mã Hi Phạm ô`m ché` t. Mã Hi Quảng trị vì được 3 năm thì bị anh trai là Mã Hi Ngạc gié` t. Mai táng ở thành phô` Lưu Dương tỉnh Hô` Nam.

*

Tháng 4 năm 947 Mã Hi Phạm ô`m ché` t, Thác Bạt Hă`ng tuân theo di lệnh của Mã Hi Phạm lên lập Mã Hi Quảng làm vương. Nhưng Thác Bạt Hă`ng nghĩ đê`n anh trai của Mã Hi Quảng là Mã Hi Ngạc đang làm tiê`t độ sứ ở Lăng Châu (nay là thành phô` Thương Đức tỉnh Hô` Nam), lo lă`ng nê`u đê` Mã Hi Quảng làm vương sẽ gây ra nội chiê`n, vì thê` đã khuyên Mã Hi Quảng nhường ngôi cho Mã Hi Ngạc. Nhưng các quâ`n thâ`n khác đê`u kiên quyết tuân theo di chiê`u của Văn Chiêu Vương và lập Mã Hi Quảng lên kê` vị, sau khi Mã Hi Quảng lên ngôi vẫn dùng niên hiệu của triê`u Hậu Hán.

Quả nhiên theo dự đoán của Thác Bạt Hă`ng: Mã Hi Ngạc không phục việc lên ngôi của Mã Hi Quảng nên dâ`y binh để cướp đoạt ngôi vị. Mã Hi Quảng biê`t tin, ông thở dài nói với quâ`n thâ`n: "Mã Hi Ngạc là anh trai trẫm, trẫm không muô`n cùng với anh â`y tranh nhau ngôi vị, trẫm tình nguyện nhường ngôi cho anh â`y. Nhưng ý định của ông bị đại thâ`n Lưu Ngạn Dao ra sức khuyên can và còn xuâ`t binh đi đánh Lưu Hi Ngạc khiê`n Lưu Hi Ngạc thua đại bại. Nhìn thâ`y tướng lãnh bă`t được Lưu Hi Ngạc, Lưu Hi Quảng không đành lòng nên sai thuộc hạ không được phép làm tổn thương Lưu Hi Ngạc, thuộc hạ của ông ta đành thả Lưu Hi Ngạc.

Lưu Hi Ngạc không biê`t hô`i cải mà còn chạy đê`n triê`u Nam Đường xin trung chủ Lí Cảnh mang quân cứu viện. Lí Cảnh bèn sai lại

sứ ở Sở Châu là Hà Kính Chu mang quân giúp đỡ và bọn họ cùng nhau tiến đánh Mã Hi Quảng. Mã Hi Quảng thu nạp ý kiến của Lưu Ngạn Dao, ông tới triều Hậu Hán xin giúp đỡ nhưng không được đáp ứng. Mã Hi Quảng sai quân đánh thắng vào Lăng Châu và ý định chiếm giữ đất đai của Mã Hi Ngạc, kết quả bị Mã Hi Ngạc đánh cho bại trận. Mã Hi Quảng không có cách gì chống đỡ, cả ngày ngồi khóc lóc. Các đại thần báo cáo nói: "vương đệ Mã Hi Sùng và Mã Hi Ngạc cău kết với nhau, bây giờ Mã Hi Sùng đang ra sức tìm cách lật đổ Mã Hi Quảng, xin phép bệ hạ hãy giết Mã Hi Sùng để tránh an và làm yên lòng dân chúng".

Mã Hi Quảng khóc và nói rắng: "Nếu như trẫm giết anh em trẫm, trẫm còn mặt mũi nào gặp mặt tiên vương ở dưới suối vàng." Các tướng sĩ thấy Mã Hi Quảng cầm cái chén trong tay mà vẫn có lòng nhân từ, vì thế lòng quân rãt phân tán. Mã Hi Quảng liên tiếp thua trận, ông phải sứ giả tới chờ Mã Hi Ngạc xin cầu hòa. Mã Hi Ngạc đáp: "Anh em ta đã căt tình cát nghĩa, chỉ có gặp mặt nhau ở dưới suối vàng mà thôi" Mã Hi Ngạc xưng làm Thuận Nghĩa Vương và dâng binh tấn công vào đô thành. Mã Hi Quảng lại sai sứ giả tới triều Hậu Đường cầu cứu nhưng lúc đó nội bộ triều Hậu Đường cũng đang mâu thuẫn vì vậy không có cách gì cứu giúp Mã Hi Quảng.

Tháng 12 năm 950, Mã Hi Ngạc đánh chiếm đô thành ở Trường Sa, Mã Hi Quảng dẫn vợ con chạy trốn vào Từ Đường. Mã Hi Sùng dẫn quân vào Từ Đường lục soát và bắt cả nhà Mã Hi Quảng giải đền gấp Mã Hi Ngạc. Mã Hi Ngạc trách hỏi Mã Hi Quản "Ngươi và ta đều khen nghiệp sự nghiệp của tiên vương lẽ nào không biết phân chia ngôi thứ". Mã Hi Quảng khóc và đáp: "Thừa hưởng ngôi vị vương là không phải do em tự nhận, việc này do các tướng lĩnh đê xướng và phụ giúp, nhận lệnh của triều đình (chỉ triều Hậu Hán), em cũng chỉ bắt đắc dĩ mà thôi." Mã Hi Ngạc quay sang hỏi tá hữu: "Nên luận tội Mã Hi Quảng vào tội gì? Mã Hi Quảng chẳng qua cũng bị kẻ tiểu nhân ép buộc, do đó dẫn đền cảnh tình như ngày hôm nay". Tá hữu đêu nói giam ông ta vào cá m cung, không cần giết. Nhưng thuộc hạ của Mã Hi Ngạc là Chu Tiến Trong từng bị Mã Hi Quảng trừng phạt, anh ta vẫn còn mồi hận đó trong lòng, vì thế đã nêu ý kiến "Một nước không thể có hai vua, nên hôm nay không trừ bỏ ông ta, e rằng ngày sau hô hận đã muộn". Mã Hi Ngạc trảm ngâm

suy nghĩ rất lâu, cuối cùng sai lính thắt cỗ chết Mã Hi Quảng. Mã Hi Quảng là người theo Phật, ông luôn mṍm đọc kinh Phật, đến khi thắt cỗ chết mới thôi.

Trong sử gọi ông là Phế Vương.

CUNG HIẾ U VƯƠNG (MÃ HI NGAC) (NUỐC SỞ)

Cung Hiế u Vương, ông ta tên là Mã Hi Ngạc, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Vũ Mục Vương Mã Ân, ông giết em trai là Phế Vương Mã Hi Quảng và lên kế́ vị. Ông trị vì được 4 tháng, thì bị triề́u Nam Đường bắt làm tù binh, sau đó ốm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Sau khi Mã Hi Ngạc cướp đoạt ngôi vị vương, ông ta giết hết những quấn thấn cũ ở thời Mã Hi Quảng. Ông ta hoang dâm suốt ngày chìm đắm trong rượu chè, lạm dụng sức lực của dân, phó mặc việc triề́u chính cho em trai là Mã Hi Sùng, vì thế làm mất lòng tin của dân chúng. Vế phấn Mã Hi Sùng nắm giữ quyến hành trong tay, ông thấy anh trai hốđô mê muội bèn triệu tập thuộc hạ: Từ Uy, Lục Manh Tuấn, Lỗ Quân để tìm cơ hội đoạt ngôi. Một ngày tháng 4 năm 951, Mã Hi Ngạc cho mở yến tiệc tại của Đoan Dương để thết đãi các tướng lĩnh với quan lại. Từ Uy không được mời đến liến lợi dụng cơ hội đó để phát binh biến. Do Từ Uy và Mã Hi Sùng đã bàn bạc kĩ lưỡng vì thế Mã Hi Sùng lấy lí do sức khỏe không tố́t để chối từ đến tham gia yến tiệc, ngối tại phủ để phát động chỉ huy cuộc binh biến. Từ Uy dẫn đấu một toán lính và dắt theo mười mấy con ngựa, xông vào gây loạn trong buổi yến tiệc. Bọn chúng trở vế đi đuổi ngựa, xông vào phủ và mò kho lấy binh khí, sau đó xông tới bàn tiệc chém giết lung tung khiến cho vô số́ tướng sĩ bị chết oan. Mã Hi Ngạc chạy lung tung muốn trèo tường chạy thoát thân nhưng bị Từ Uy giữ lại giam giữ và dẫn đi gấp Mã Hi Sùng.

Mã Hi Sùng không muốn mang tiếng là giết anh, ông ta sai tướng Bành Sư Cảo áp giải Mã Hi Ngạc giam giữ ở huyện Hành Sơn

(nay thuộc thành phố Hành Dương tỉnh Hồ Nam) và giam lỏng tại đó. Mã Hi Sùng ra lệnh cho tướng lĩnh phải lựa cơ hội để giết bỏ Mã Hi Ngạc. Bành Sư Cảo áp giải Mã Hi Ngạc đến huyện Hành Sơn và thương lượng và chỉ huy sứ ở Hành Sơn là Liêu Yến, Bành Sư Cảo nói: "Tôi không muốn giết ông ta. Tôi thà lây đức phục hận chứ không muốn mang tiếng ác." Liêu Yến cũng đồng tình với ý kiến của Bành Sư Cảo. Hai bọn họ giúp lập Mã Hi Ngạc làm Hành Sơn Vương, đổi lập huyện Hành Sơn thành phủ Hành Sơn, xây dựng thành trại, và dùng trúc để làm thuyền chiến, chiêu mộ binh sĩ và là thế lực đối kháng với Mã Hi Sùng, bọn họ còn sai người từ triều Nam Đường nhờ giúp đỡ. Tháng 10 năm 951 triều Nam Đường lợi dụng cơ hội nước Sở mâu thuẫn nội bộ nên phái tướng Biên Cảo dẫn đại quân tiến đánh nước Sở chiếm phủ Tường Sa, bắt ép Mã Hi Sùng phải đầu hàng. Tiếp đó Biên Cảo lại sai tướng quân Lý Thừa Tiên dẫn vài vạn quân bao vây Hành Sơn bắt Mã Hi Ngạc và áp giải Mã Hi Ngạc đến Kim Lăng phong ông ta làm quan sát sứ ở tuyêng đường phía Tây ở Giang Nam, lấy hiệu Sở Vương, trấn giữ tại Hồ ng Châú.

Mã Hi Ngạc ôm chết, trong sử gọi ông là Cung Hiếu Vương, hay còn gọi là Cung Vương.

HẬU VƯƠNG (MÃ HI SÙNG) (NUỐC SỞ)

Hậu Vương, ông ta tên là Mã Hi Sùng, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là em trai của Cung Hiếu Vương Mã Hi Ngạc. Ông tạo phản để cướp ngôi của anh, nhưng trị vì được nửa năm thì bị tướng của triều Nam Đường bắt giam lỏng ở Kim Lăng, sau bị ôm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mã Hi Sùng từng được phong làm tả tư mã thiêm sanh của nước Sở. Ông ta là người nham hiểm thâm độc, sau khi Mã Hi Quảng lên kế vị, Mã Hi Sùng đã cău két với Mã Hi Ngạc và súi bầy Mã Hi Ngạc phát động binh biến để cướp ngôi. Mã Hi Ngạc cướp được ngôi vị đã để cho Mã Hi Sùng nắm giữ quyền hành và thao túng triều chính.

Vì thế Mã Hi Sùng lại lợi dụng thời cơ đó để lật đổ và giải Mã Hi Ngạc để n Hành Sơn tháng 4 năm 951 ông cướp đoạt ngôi vị vương anh. Được ít lâu, Mã Hi Ngạc được tướng lĩnh ủng hộ và trở thành lực lượng đối lập nghịch với Mã Hi Sùng, tướng phòng thủ ở Lăng Châu lại phát động binh biến để dựng thành trì cô thủ, điều đó làm cho Mã Hi Sùng phải lo lắng với 2 bên, ông không có cách gì chống đỡ, đành phái sứ giả tới triều Nam Đường nhà cứu giúp. Quốc vương triều Nam Đường phái Biên Cảo mang quân vào nước Sở bao vây phủ Trường Sa. Thuộc hạ Từ Uy thấy tình hình nguy cấp định mưu giết Mã Hi Sùng để làm lễ vật đầu hàng triều Nam Đường. Nhưng Từ Uy chưa kịp thực hiện ý định đã bị Mã Hi Sùng phát hiện, Mã Hi Sùng thấy cảnh trong ngoài đều có địch, do đó quyết định dẫn quân thัnnh đầu hàng. Trung Chủ Lí Cảnh bắt ép Mã Hi Sùng phải dặn cả gia tộc để n Kim Lăng. Thật lòng Mã Hi Sùng không muốn rời bỏ quê hương ông để n cầu xin Biên Cảo nói giúp cho mình được ở lại phủ Trường Sa.

Biên Cảo đáp: "Triều Nam Đường và triều Sở vốn dĩ có thù hận với nhau, mỗi thù đó tính đến nay đã gần 60 năm rồi, nhưng triều Nam Đường không có ý nghĩa sẽ trừ bỏ diệt vong triều Sở." Bây giờ anh em các anh lại tranh nhau ngôi vị quyết lực, anh cùng đường mới đầu hàng triều Nam Đường, đây cũng là ý trời. Nếu anh có hối hận, chỉ sợ thiên hạ không tin và giúp đỡ anh, trời cũng không giúp anh Mã Hi Sùng đành dẫn cả gia tộc và hơn 100 người, bọn họ gào khóc đau lòng bước lên thuyền và đi tới Kim Lăng. Nước Sở bị diệt vong. Mã Hi Sùng để n Kim Lăng bị phê làm tiết độ sứ quân Vĩnh An và sống nhàn cư ở Dương Châu. Về sau ông ta ôm chét. Trong sử gọi ông là Hậu Chủ, hay còn gọi là Vũ An Lưu Hậu.

NUỚC MÂN

(Năm 909 - 945, tổng cộng 47 năm)

Nước mân có 6 đế vương, trong đó một người ôm ché t, 2 người bị giết trong nội chiên, 1 người bị thả t cổ ché t, một người bị đánh ché t, một người mất nước đâm hàng địch, chuyện về sau ra sao không rõ.

THÁI TÔ (VƯƠNG THẨM TRI) (NUỚC MÂN)

Thái Tô, ông ta tên là Vương Thẩm Tri (862 - 925), tên tự của ông là Tín Thông, và tên hiệu là Bạch Mã Nhị Lãng. Ông xuất thân trong gia đình nông dân và làm tiết độ sứ ở thời Đường, về sau lập ra nước Mân. Ông trị vì được 17 năm, bị bệnh ché t, hưởng thọ 64 tuổi. Mai táng ở núi Liên Hoa thành phố Phúc Châu tỉnh Phúc Kiến.

Vương Thẩm tri quê ở Cố Thủy thuộc Quang Châu (nay thuộc huyện Cố Thủy tỉnh Hà Nam). Ông là tổ tiên vô n làm nghề nông. Sau cuộc khởi nghĩa của Hoàng Sào ông cùng với anh trai là Vương Triệu khôi binh (anh trai ông làm huyện lệnh ở triều Đường) đi theo Vương Tự. Sau này Vương Triệu giết Vương Tự và sai Vương Thẩm tri tiến công vào Phúc Kiến loại bỏ các thế lực cát cứ, chiếm giữ 5 châu ở Phúc Kiến. Vương Triệu được quan sát sứ ở Phúc Kiến là Trấn Nham tiến cử với triều Đường nên được phong làm lại sứ Tuyê`n Châu. Trấn Nham ché t, vương triều kê nhiệm chức vị Quan sát sứ ở Phúc Kiến, tiếp đó ông được thăng làm tiết độ sứ quân Uy Vũ, còn Vương Thẩm Tri làm phó quan sát sứ. Vương Triệu ché t nên Vương Thẩm Tri lâ`n lượt nhận những chức vị: quan sát sứ ở Phúc Kiến, tiết độ sứ quân Uy Vũ, Lang Nha Vương. Đến thời Hậu Lương, ông được tân phong làm: trung thư lệnh Mẫn Vương. Sau khi tạo dựng vương quốc riêng ông cho đặt đô ở Mẫn Châu (nay thuộc thành phố Phúc Châu tỉnh Phúc Kiến) và dùng niên hiệu của triều Hậu Lương. Ông tuyển dụng những văn sĩ lưu vong của triều Đường nhằm giúp ông công việc triều chính, ông

nói lỏng sự quản thúc lao dịch đố i với nhân dân, giảm hình phạt, giảm tô thuế, mở trường học, mở cửa khẩu, cho phép thương nhân tự do buôn bán, phát triển mậu dịch, khiê n cho nước Mân dâ n ổn định, văn hóa và kinh tế bă t đâ u có mạnh mới phát triển.

Tháng 12 năm 925, Vương Thẩm Tri mā t tại Mǎn Chāu.

Hiệu miê u của Vương Thẩm Tri được đặt là Thái Tô.

TƯ CHỦ (VƯƠNG ĐÌNH HÀN) (NUỐC MÂN)

Mǎn Quô c Chủ, ông ta tên là Vương Đình Hàn (? - 926), tên tự của ông là Tử Miễn. Ông là con trưởng của thái tổ Vương Thẩm Tri. Ông kế vị sau khi cha chê t. Ông trị vì được 1 năm thì bị em trai là Vương Đình Bẩm giê t hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 12 năm 925 Vương Thẩm Tri ô m chê t, cùng tháng đó Vương Đình hàn lên kê vị. Ông được triê u Hậu Đường phong làm tiê t độ sứ và dùng niên hiệu của triê u Hậu Đường. Năm 926 ông xưng là Mân Quô c Vương (vua nước Mân).

Ông ta râ t dâm đᾶng và tàn bạo, luôn phái lính đi bă t con gái nhà lành vê cung. Vợ của ông ta là Nham Thị vừa xâ u người vừa xâ u nê t, luôn đô kỵ với người khác. Chỉ trong 1 năm, bà ta hâm hại 84 cô gái trong cung. Nham Thị chê t, Vương Đình Hàn càng hoang dâm, công việc triê u chính càng hỗn độn. Em trai ông là Vương Đình Quán ra sức can ngăn anh hãy chú tâm vào công việc triê u chính, vì thê anh ta đang làm thượng thư bị giáng xuô ng làm lại sứ Tuyê n Châu.

Vương Đình Quân bàn bạc với con nuôi của Vương Thẩm Tri và Vương Đình Bẩm để tìm cách loại bỏ Vương Đình Hàn. Tháng 12 năm 926, Vương Đình Quân và Vương Đình Bẩm khởi binh đánh chiê m Phúc Châu. Quân đội của Vương Đình bẩm trong vòng 1 ngày đã tiê n vào Phúc Châu và xông thǎng vào nội cung. Lúc đó Vương Đình Hàn mới biê t có biê n loạn, ông ta vội trô n vào gâ m giường

nhưng vẫn bị Vương ĐÌnh BẨM phát hiện, sau đó Vương ĐÌnh BẨM sai lính trói lại và giải ra điện, liệt kê hàng loạt tội ác của Vương ĐÌnh HÀN rồi khép vào tội ché t.

Trong sử gọi Vương ĐÌnh HÀN là TỰ CHỦ hoặc MÃN QUỐC VƯƠNG.

THÁI TÔNG (VƯƠNG ĐÌNH QUÂN) (NUỚC MÂN)

Thái Tông, ông ta tên là Vương ĐÌnh Quân (? - 935), ông là con thứ của Vương Thẩm Tri. Sau khi Vương ĐÌnh HÀN bị giê t, Vương ĐÌnh Quân được lập làm vua bị con trai là Vương KÊ BẮNG giê t. Mai táng ở núi Liên Hoa thành phố Phúc Châu tỉnh Phúc Kiê n.

*

Tháng 12 năm 926 Vương ĐÌnh HÀN bị giê t ché t. Ngay ngày hôm sau Vương ĐÌnh Quân dẫn quân về đô và được thuộc hạ lập làm chủ, ông xưng là Uy Vũ Lưu Hậu. Năm 929, ông được triều Hậu Đường phong làm MÃN VƯƠNG. Năm 933 ông xưng đế và đặt niên hiệu là Long Khải. Sau khi lên kinh vị, ông ta cũng chẳng khác gì anh trai mình, hoang dâm vô độ, ngày đêm chìm đắm trong tuss sác, do đó dẫn đến bệnh tật. Hoàng hậu TRẦN Kim Phụng gian díu với kẻ khác.

Tháng 10 năm 935 con trai của Vương ĐÌnh Quân là KÊ BẮNG và hoàng thành sứ LÍ PHỎNG cùng nhau giê t ché t LÍ KHẨA ÂN là dâm phu của hoàng hậu. Điều đó làm cho hoàng hậu TRẦN Kim Phụng ôm hận trong lòng, nhân lúc Vương ĐÌnh HÀN hối hận bà ta tìm trăm phương nghìn kế để xúi giục. Vương ĐÌnh HÀN không phân rõ trắng đen, nhất thời tức giận ông ra lệnh thiê t triều và hỏi tội LÍ PHỎNG vì sao lại giê t LÍ KHẨA ÂN. LÍ PHỎNG không dám nói chuyện thông dâm của hoàng hậu, chỉ ậm ừ trả lời vài câu cho qua chuyện và nói để ông ta đi điều tra lại rồi bẩm báo sau. Tan buổi thiê t triều LÍ PHỎNG đi tìm LÍ KÊ BẮNG để bàn mưu tính kế.

Bọn họ quyết định dâ y binh làm phản và cho triệu tập binh lính trong hoàng thành rồi tiễn vào tẩm cung. Vương ĐÌnh Quân bị giáo đâm, máu chảy đầm đìa giường, ngã ra hôn mê bất tỉnh. Binh sĩ cho

ră`ng ông ta đã ché`t liê`n quay sang gié`t hoàng hậu. Sau khi bọn bỏ đi, vài cung nữ mới dám bò ra khỏi chỗ trô`n quay sang tìm Vương Đình Quân và hoàng hậu, lúc này Vương Đình Quân chưa ché`t, ông ta đau đớn vô cùng chỉ mong được ché`t, ông ta sai cung nữ că`t cuô`ng họng của ông ta giúp ông ta ché`t nhanh chóng.

Hiệu miê`u của Vương Đình Quân đặt là Thái Tông vê` sau gọi là Huệ Tông.

KHANG TÔNG (VƯƠNG VĨNH) (NUỚC MÂN)

Khang Tông, ông ta tên là Vương Vĩnh (? - 939), hô`i đâ`u ông có tên là Vương Kê` Bă`ng. Ông là con trưởng của Vương Đình Quân. Ông kê` vị sau khi Vương Đình Quân ché`t. Ông trị vì được 4 năm thì bị Vương Kê` Nghiệp bă`t làm tù binh và bị hại ché`t ở Đà Trang (nay thuộc ngoại thành Phúc Châu). Mai táng ở núi Yên Chi thành phô` Phúc Châu tỉnh Phúc Kiê`n.

*

Vương Vĩnh được phong làm Phúc Vương. Tháng 11 năm 935 ông cùng Lí Phỏng phát động binh biê`n gié`t ché`t Lương Đình Quân, hoàng hậu Trâ`n Kim Phụng và Vương Kê` Dao (là em hoàng thái hậu, ngay hôm đó Vương Vĩnh làm chức giám quô`c. Vài ngày sau ông gié`t Lí Phỏng, và đem mọi tội lỗi gié`t vua gié`t hoàng hậu đổ vào đâ`u Lí Phỏng. Cùng tháng đó ông lên kê` vị và cho đổi niên hiệu là "Thông Văn".

Sau khi đoạt ngôi, ông sủng ái hoàng hậu Lí Xuân Yên, ông ham mê rượu chè, không quản lý việc triê`u chính. Đã thê` ông ta lại mê tín, cho xây dựng công trình thồ mộc, xây chùa Bạch Long, điện Tam Thanh và còn dùng mả`y nghìn lạng vàng đúc tượng Ngọc Hoàng Thượng Đê` và tượng Thái Thượng Lão Quân, cho bày 2 bức tượng đó ở điện Tam Thanh, mỗi sáng đê`u tới đó cúng tế` . Ông sai thâ`y bói Lâm Hưng chủ trì điện Tam Thanh, tâ`t cả mọi việc trong triê`u đê` nhờ Lâm Hưng hỏi qua Thái Thượng Lão Quân rõ`i mới quyê`t, râ`t hoang đường. Lâm Hưng cũng dựa vào đó để trừ bỏ những người mà

ông ta không thích, ví dụ: chú của Vương Vĩnh là Vương Đình Vũ và Vương Đình Vọng đã bị Lâm Hưng dùng thủ đoạn bói toán để vu vạ và hai người đó bị giết chết. Một người chú khác của Vương Vĩnh là Vương Hi để tránh họa, đành giả vờ bị ôm nên tránh được cái chết nhưng Vương Hi bị đày tới Đạo quán ở núi Võ Di làm đạo sĩ. Tuy vậy Vương Vĩnh cũng không an tâm, ông lại triệu Vương Đình Hi về Phúc Kiến và giam lỏng. Vương Vĩnh coi vàng như đất, него không đủ tiền chi tiêu ông ta lại tăng thuê má của dân, điều đó làm cho dân oán thán, quân thán đe muôn làm phản lòng người ly tán.

Thời Vương Đình Quân trị vì có cho thiết lập 2 bộ cát m vệ quân, hai đội đó được gọi là: "Không Thành và Không Hạc Đô. Khi Vương Vĩnh lên kế vị, ông ta thiết lập thêm một đội vệ quân tâm phúc để bảo vệ ông ta và gọi đội quân đó là: Thành Vệ Đô, đội này có 2000 người và được ưu đãi hơn đội Không Thành Đô và Không Hạc Đô, điều đó gây ra sự oán hận của quân lính ở 2 đội Không Thành Đô và Không Hạc Đô. Vương Vĩnh sợ hai đội đó gây loạn nên đã điều động tướng lĩnh của 2 đội đi tuân giữ nơi khác lòng quân càng thêm bất an. Chỉ huy đội Không Thành là Chu Văn Tiễn, còn chỉ huy đội Không Hạc là Liên Trọng Ngộ, hai người đó bị Vương Vĩnh nhục mạ và trách mắng vì thế hai người cũng không bao giờ lòng về Vương Vĩnh. Một hôm, Cung Bác bị cháy, Vương Vĩnh sai Liên Trọng Ngộ dẫn lính dập tắt lửa và dọn dẹp đồ ngạch vụn, tuy vậy ông vẫn nghi ngờ Liên Trọng Ngộ phóng hỏa đốt và có ý đột giết Liên Trọng Ngộ. Nội học sĩ Trần Đàm lén báo tin đó cho Liên Trọng Ngộ biết, vì lí do đó Liên Trọng Ngộ quyết định phát động binh biến.

Tháng 7 năm 939, Liên Trọng Ngộ nhân cơ hội phái vào cung học đêm, ông kêu gọi quân của hai đội làm phản, vệ quân của hai đội đều hướng ứng, bọn chúng đốt cung Trường Xuân, cung này là nơi ở của Vương Vĩnh, bọn họ lập Vương Đình Hi làm vua. Tất cả cùng nhau tiến vào cung bắt Vương Vĩnh. Biết có biến, Vương Vĩnh hoảng hốt dẫn hoàng hậu, phi tần và các con chạy trốn. Cháu họ của Vương Đình Hi là Vương Kế Nghiệp dẫn lính đuổi theo bắt giữ, Vương Vĩnh trách hỏi Vương Kế Nghiệp: "Khanh làm quân thán, lẽ nào không hiểu lễ tiết của quân thán?" Vương Kế Nghiệp đáp: "Vua không có đức làm sao tìm được quân thán trung hiếu, hơn nữa Vương Đình Hi là chú của tôi, còn anh với tôi là anh em họ,

không cản hối cũng biết, ai thân tình hơn". "Vương Vĩnh cúng học không nói được điều gì. Vương Kế Nghiệp sai binh lính áp giải cả nhà Vương Vĩnh về Phúc Châu. Đi đến Đà Trang, Vương Kế Nghiệp chuộc cho Vương Vĩnh uống rượu say bí tỉ rồi dùng lụa thắt cổ Vương Vĩnh. Còn hoàng hậu, con trai và em trai của Vương Vĩnh là Vương Kế Cung cũng bị giết chết theo truyền thuyết, trên mộ của Vương Vĩnh và hoàng hậu mọc lên một cái cây, trên cây nở ra một loại hoa kì lạ nhìn giống như cái cổ con chim uyên ương vì thế mọi người gọi là cây uyên ương.

Hiệu miếu của Vương Vĩnh được đặt là Kiến Tông.

CÁNH TÔNG (VƯƠNG ĐÌNH HI) (HƯỚC MÂN)

Cánh Tông, ông ta tên là Vương Đình Hi (? - 944). Ông là con của thái tổ Vương Thẩm tri và là cháu của Kiên Tông Vương Vĩnh. Sau khi Liên Trọng Ngộ và Chu Văn Tiễn phát động binh biến, bọn họ lập Vương Đình Hi làm vua. Ông trị

*

Tháng 7 năm 939 Chu Văn Tiễn và Liên Trọng Ngộ phát động binh biến và lập Vương Đình Hi lên ngôi, ông đổi niên hiệu là "Vĩnh Long". Vương Đình Hi là kẻ tham lam ưa thích rượu chè, Hoàng hậu (vợ ông ta) là con gái Tư Không Lí Chân cũng thích uống rượu, hai vợ chồng bọn họ cả ngày ngồi ủng rượu, say sưa bét nhè ăn nói lung tung. Một hôm ông ta mở yến tiệc tại điện Cửu Long để thết đãi quan thânn, ông sai lâybêc to để uống rượu, lúc này anh ta không uống nổi, lợi dụng lúc mọi người không chú ý, anh ta đổ rượu vào bình, chẳng may bị Vương Đình Hi nhìn thấy. Vương Đình Hi tức giận, mắng Vương Kế Nhu dám kháng lệnh và sai lính chặt đầu. Quan thânn lânn lượt ra về, ở bàn tiệc chỉ còn lại học sĩ Hàn Lâm Chu Duy Nhạc. Vương Đình Hi say say tinh tinh hỏi Chu Duy Nhạc: "Người anh tháp bé tại sao uống được nhiều u rượu vậy?". Chu Duy Nhạc đáp: "Uống nhiều hay uống ít không căn cứ vào hình dáng thân thể mà là ở dạ dày và đường ruột. Vương Đình Hi sai người mở bụng Chu Duy Nhạc nghiên cứu ruột và dạ dày có gì khác so

với người khác, nhưng nhờ sự can gián của thuộc hạ nên Chu Duy Nhạc mới được miễn tội chém.

Vương Đình Hi vốn dĩ là kẻ tham lam. Lại sứ ở Tuyê`n Châu là Dư Diên Anh giả truyê`n ý chỉ đi cướp dân nữ về nhà. Chuyện này bị phát hiện, Vương Đình Hi giết chết Dư Diên Anh. Dư Diên Anh mang 10 vạn lạng bạc trả ng và gọi là "tiê`n mua tiệc" cô`ng cho Đình Hi để mua sự sô`ng. Vương Đình Hi nhận bạc và nói: "Tại sao không có tiê`n mua tiệc cho hoàng hậu?" Dư Diên Anh lại phải cộng thêm 10 lạng bạc, nhờ vậy ông ta được miễn tội chém. Vương Đình Hi có một phi tử tên là Thượng Thị, cô ta râ`t hung ác. Những lần Vương Đình Hi say rượu cô ta đê`u chủ trì công việc triê`u chính. Cô ta dựa vào sự sủng ái của Vương Đình Hi để gié`t hại đại thâ`n, triê`u đình hỗn loạn, tiê`ng ai oán vang lên khă`p nơi.

Em trai của Vương Đình Hi là Vương Đình Chính làm Lai sứ ở Kiê`n Châu (nay là tỉnh Phúc Kiê`n thâ`y anh trai sa đọa, nên nhiê`u lâ`n viê`t thư can gián. Vương Đình Hi không nhận ra khuyê`t điểm của mình mà ngược lại còn viê`t thư mă`ng mỏ em trai và sai thuộc hạ đê`n Kiê`n Châu giám sát em trai. Vương Đình Chính không né`n được sự giận dữ liê`n tạo phản, hai anh em họ đánh nhau 9 tháng liê`n, không phân thă`ng bại. Vương Đình Chính cũng xung đê` , tạo dựng lên nước Ân.

Do Liên Trọng Ngộ có công giúp Vương Đình Hi đăng quang nên được phong làm Cáp Môn Sử, việc quản lý 2 đội Khô`ng Thâ`n Đô và Khô`ng Hạc Đô đê`u do Ngụy Tô`ng Lăng chịu trách nhiệm. Được một thời gian, Tô`ng Ngụy Lăng bị Vương Đình Hi gié`t, đê`u này làm cho Liên Trọng Ngộ và Chu Văn Tiê`n không hài lòng. Một hôm, Vương Đình Hi mời hai người đó vào cung dự tiệc. Đê`n giữa buổi tiệc, đột nhiên Vương Đình Hi buông ra 2 câu thơ: "Lòng dạ con người khó suy đoán Tình cảnh trong gang tâ`c không thể ngờ".

Hai bọn họ biê`t ông ta có ý nhă`c nhở, họ quỳ xuô`ng hứa sẽ trung thành. Vương Đình Hi im lặng không nói, hai bọn họ rời bàn tiệc ra vê` mà lòng thâ`p thõm lo âu sợ tai họa sẽ đổ vào đâ`u, họ quyết tâm trừ bỏ Vương Đình Hi. Lúc đó hoàng hậu Lí cũng đô` kỵ với phi tử Thượng Thị, bà ta muô`n trừ bỏ Vương Đình Hi và muô`n

lập con trai là Vương Á Đăng làm đế, bà ta sai người cung kính với Liên Trọng Ngộ và Chu Văn Tiễn: "Hoàng thượng muôn sai người giết chết hai vị, hai vị hãy nhanh chóng nghĩ cách đi".

Tháng 3 năm 944, bộ của hoàng hậu ôm, Vương Đình Hi đền phủ hỏi thăm tình hình sức khỏe. Bộ vợ ông ta mở tiệc tiệp đón. Vương Đình Hi lại uống say mèm và bọn thuộc hạ phải dìu về cung. Bọn Liên Trọng Ngộ và Chu Văn Tiễn lợi dụng thời cơ đó giết chết Vương Đình Hi.

Sau khi ông ta chết, lây hiệu miêu là Cảnh Tông.

PHÚC CUNG NGHỊ VƯƠNG (VƯƠNG ĐÌNH CHÍNH) (NUỐC MÂN)

Phúc Cung Nghị Vương, ông ta tên là Vương Đình Chính năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con trai của Thái Tổ Vương Thẩm Tri và là em trai của Cảnh Tông Vương Đình Hi. Ông trị vì được 3 năm, làm mất nước bị bắt làm tù binh. Chuyện về sau ra sao không rõ.

Vương Đình Chính được phong làm Phú Sa Vương. Do bất hòa với anh trai là Cảnh Tông Vương Đình Hi vì thế năm 944 ông xưng đế ở Kiến Châu và đặt quốc hiệu là "Ân", đặt niên hiệu là "Thiên Đức". Tháng 3 năm 943 Vương Đình Hi bị giết, Chu Văn Tiễn tự lập làm Mẫn Vương và giết hơn 50 người con cháu của Vương Thẩm Tri. Được một thời gian các bộ tướng khởi binh trừ bỏ Chu Văn Tiễn và Liên Trọng Ngộ, bọn họ mời Vương Đình Chính về Phúc Châu và lập làm hoàng đế. Lúc đó Vương Đình Chính đang bị quân Nam Đường tấn công, vì thế ông sai con nuôi là Vương Kế Xương vào Phúc Châu trấn giữ. Đổi tên Phúc Châu thành Nam Đô và khôi phục lại quốc hiệu "Mân". Trong thời gian trị vì, ông tăng tô thuế, đúc tiền sắt, 1 tiền là 100 đồng.

Tháng 8 năm 945, trung chủ Lí Cảnh triều Nam Đường lại sai các tướng: Hà Kính Chu, Tô Toại Ân, Diêu Phùng... dẫn lính tấn công nước Mân, tiến vào Kiến Châu. Vương Đình Chính phái lính ra nghênh chiến nhưng bị thua trận đánh đóng cửa thành cô thủ. Ông điều động quân lính ở Tuyenne Châu và Phúc Châu để cứu

viện. Có đại thâ`n tâ`u báo: "Quân lính ở Phúc Châu xem ra có ý định làm phản". Vương Đình Chính không hỏi rõ sự thật đã vội vàng ra lệnh thu binh khí của họ và bă`t ép họ quay về` Phúc Châu, đoàn quân trên đường quay về` Phúc Châu bị phục kích, hơn 8000 tướng sĩ Phúc Châu đê`u chê`t, và thi thể phải mang về` Kiê`n Châu làm lương thực cho binh sĩ. Binh lính vô cùng hận sự tàn nhẫn của ông ta, lòng quân li tán. Quân Nam Đường tâ`n công thành, quân giữ thành bỏ chạy dáo dác. Vương Đình Chính không còn lô`i thoát, phải đê`n doanh trại địch xin đâ`u hàng. Ông ta bị giải về` Kim Lăng và phê` làm đại tướng quân Vũ Lâm. Chuyện về` sau ra sao không rõ.

Trong sử gọi ông là Phúc Cung Nghị Vương hay còn gọi là Thiên Đức Đê`.

TIỀN THỰC

(Năm 907 - 925, tổng cộng 23 năm)

Tiên Thục có 2 đế vương, trong đó một người ôm chét, một người bị bắt và bị giết.

CAO TÔ (VƯƠNG KIÊN) (NUỚC TIỀN THỰC)

Cao Tô, ông ta tên là Vương Kiênn (847 - 918), tên tự của ông là Quang Đô. Ông vốn dĩ là một tên vô lại, Thời Đường ông làm lại sứ ở Bích Châu, sau đó ông xưng đế. Ông trị vì 16 năm bị ôm chét. Hướng thọ 72 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên).

Vương Kiênn quê ở Vũ Dương thuộc Hứa Châu (nay thuộc phía Tây Bắc huyện Vũ Dương tỉnh Hà Nam), một thuyết khác nói ông quê ở Cõng Thành thuộc Trấn Châu (nay thuộc huyện Thẩm Khâu tỉnh Hà Nam). Thời nhỏ Vương Kiênn là một kẻ vô lại, ông làm nghề buôn muối, ở quê mọi người gọi ông là "giặc vương bát". Sau này ông đầu quân vào quân Trọng Vũ. Sau cuộc khởi nghĩa của Hoàng Sào ông theo Đường Hỉ Tông chạy đến Tứ Xuyên. Ông phục tùng Đỗ Thẩm Quyền trấn áp quân khởi nghĩa của Hoàng Sào, hoạn quan Điện Lệnh Tôn nhận ông làm con nuôi, sau đó nhận chức Lại sử ở Bích Châu (nay gần huyện Thông Giang tỉnh Tứ Xuyên), dần dần ông chiếm được Tứ Xuyên. Đông Xuyên và Hán Trung trở thành thế lực cát cứ. Năm 903 triều Đường phong ông làm Thực Vương. Năm 907 Chu Ân diệt triều Đường xây dựng triều Hậu Lương, tháng 9 năm đó Vương Kiênn xưng đế tại Thành Đô, đặt quốc hiệu là "Thực" trong sử gọi là Tiên Thục, ông đổi niên hiệu là Vũ Thành.

Vương Kiênn không biết chữ nhưng lại thích bàn luận thơ văn và các văn sĩ, ông rất ưu ái các văn sĩ. Ông tin dùng hoạn quan và nuôi dưỡng hàng loạt nghĩa sĩ. Vào những năm cuối đời ông đam mê nữ sắc. Mọi công việc triều chính ông giao cho hoạn quan Đường Văn

Dĩ. Ông tổ thái độ đô i lập với triều Hậu Lương và triều Hậu Đường, ông sai tướng Cẩm Kỳ Chân tiê n hành giao dịch buôn bán với dân miê n Bă c. Con trai của ông là Vương Tông Nghị râ t giỏi cung tên, buông thả không chịu khuâ t phục ai, anh ta thường nhục mạ Đường Đạo Lũng trước mặt các quâ n thâ n. Đường Đạo Lũng là đại thàn thân tín nhâ t của Vương Kiê n, có bâ t cù chuyện gì ông ta đê u bàn bạc với Đường Đạo Lũng. Do bị nhục mạ nên Đường Đạo Lũng vô cùng ghét Vương Tô ng Nghị, ông ta tìm cách vu cáo thái tử có ý đồ mưu phản và còn lâ y một sô quâ n thâ n hay bị thái tử nhục mạ đế bọn họ làm chứng cho lời nói của ông ta. Vương Kiê n cho Đường Đạo Lũng thô ng lĩnh câ m vệ quân. Thái tử sợ Đường Đạo ra tay trừ bỏ mình, anh ta bê n khỏi binh giê t Đường Đạo Lũng. Vương Kiê n sai tướng lĩnh đi bă t giữ thái tử, anh ta sợ quá trô n thuyê n tại đâ m Long. Hôm sau thái tử lên bờ lâ y lương thực, bị vệ binh phát hiện và bă t giữ. Vương Kiê n phê anh ta làm thứ dân và lập con trai thứ 11 của ông ta tên là Vương Tông Diễn làm thái tử. Tháng 6 năm 918 Vương Kiê n ô m, con nuôi ông ta là Vương Tông Bách Lợi lợi dụng cơ hội đó để giê t hoạn quan Đường Văn Hộ. Vương Kiê n thâ y tình hình không ổn, ông să p đặt mọi chuyện vê sau cho hoạn quan Tô ng Quang Tự thô ng lĩnh quân đội, nă m giữ triều chính. Được vài hôm ông ta chê t.

THUẬN CHÍNH CÔNG (VƯƠNG TÔNG DIỄN) (NUỚC TIỀN THỰC)

Thuận Chính Công, ông tên là Vương Tông Diễn (? - 926) tên tự của ông là Hóa Nguyên. Ông là con trai thứ 11 của Vương Kiê n. Ông kế vị khi Vương Kiê n chê t, trị vì 7 năm, mâ t nước nước đâ u hàng triều Hậu Đường, bị Lí Tôn Húc giê t hại. Mai táng ở thôn Tam Triệu huyện Trường An ngoại ô thành phô Tây An tỉnh Thiểm Tây.

Vương Tông Diễn được phong làm Trịnh Vương. Ông được Vương Kiê n lập làm thái tử. Tháng 6 năm 918 Vương Kiê n chê t, ông lên kế vị và cho đổi niên hiệu là Càn Đức. Sau khi Vương Tông Diễn hoang dâm vô độ, phó mặc công việc triều chính cho hoạn quan Tô ng Quang Tự, còn bản thân ông ta triệu tập một lũ nịnh thâ n ngô i uô ng rượu viê t thư pháp. Ông làm thơ nói: "uô ng rượu không say là kẻ điên". Một lâ n, ông ta đang cùng lũ nịnh thâ n đô i

âm thì con nuôi của Vương Kiê̄n là Vương Tông Thọ khóc và can gián xin ông hãy tinh ngộ chú tâm vào triề̄u chính, lũ nịnh thâ̄n xia xói nói Vương Tông Thọ bị điên.

Năm 925, Vương Tông Diễn quá sa đà vào rượu chè nǚ sǎ́c, Trang Tông Lí Tôn Húc (TRIỀU HẬU ĐƯỜNG) phái tướng lĩnh tấn công nước Tiê̄n Thục. Tháng 11, Vương Tông Bách tạo phản và bắt giữ Vương Tống Diễn giải về Tây Cung sao đó đón quân Hậu Đường vào thành. Không còn cách gì chống đỡ Vương Tống Diễn phải đấu hàng địch. Lí Tôn Húc phong

Ông ta làm Thuận Chính Công và ép ông ta dẫn tông thất và quan lại về Lạc Dương. Tháng 4 năm 926 Lí Tôn Húc sai người giết cả gia tộc Vương Tông Diễn và quan lại nước Tiê̄n Thục.

Nước Tiê̄n Thục bị diệt vong.

NUỚC HẬU THỰC

(Năm 933 - 965, tổng cộng 33 năm)

Hậu Thục có 2 đế vương: 1 người bị bệnh ché t, 1 người bị băt măt nước phê truá t và bị hại độc ché t.

CAO TỐ (MÃNH TRI TƯỜNG)
(NUỚC HẬU THỰC)

Cao Tố, ông ta tên là Mãnh Tri Tường (874 - 934). Ông là cháu rể họ của Thái Tổ Lí Khắc Dụng (TRIỀU HẬU ĐƯỜNG) ông là người tạo dựng nước Hậu Thục. Ông trị vì chưa được 1 năm thì ôm ché t tại Thành Đô (nay là thành phố Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên). Hướng tho 61 tuổi. Mai táng ở Hòa Lăng.

Mãnh Tri Tường quê ở Long Cương thuộc Hình Châu (nay thuộc huyện Hình Đài tỉnh Hà Bắc), ông là cháu rể họ của thái tổ Lí Khắc Dụng (TRIỀU HẬU ĐƯỜNG).

Vào những năm đầu của triều Hậu Đường, ông trán thủ tại Thái Nguyên (nay thuộc phía Nam Thái Nguyên ở Sơn Tây). Triều Hậu Đường diệt vong triều Tiết Thục, ông làm tiết độ phú đại sứ ở Kiến Tây. Khi đầu t Thục đã ổn định ông giữ giám quân của triều Hậu Đường là Lí Sản và dụng binh lập chính quyén cát cứ. Sau đó ông đánh bại tiết độ sứ ở Tây Xuyên là Đông Chương và chiếm lĩnh đất Đông Xuyên.

Năm 933 triều Hậu Đường phong ông làm Thục Vương. Tháng 1 năm 934 ông xung đế ở Thành Đô, đặt quốc hiệu là "Thục", trong sử gọi là Hậu Thục, và đặt niên hiệu là "Minh Đức".

Một ngày tháng 6 năm 934 Mãnh Tri Tường mở tiệc rượu thê t đai các bộ tướng. Trong buổi tiệc các bộ tướng đe dọa tới chúc rượu ông và chúc ông trường thọ. Ông với tay cầm cốc rượu của một bộ tướng dâng uống, đột nhiên thay ý cánh tay tê. Uống xong cốc rượu ông không thể cử động cánh tay. Sau khi tan tiệc, ông về phòng ông

nă`m trên giường và bị liệt toàn thân. Đến mùa thu ông mất tại Thành Đô.

Sau khi ông chết được đặt thụy hiệu là Cao Tồ.

SỞ CUNG HIỆ́ U VƯƠNG (MÃNH VĨNH) (NUỐC HẬU THỰC)

ở Cung Hiế u Vương, ông ta tên là Mãnh Vĩnh (919 - 965). Hȫ i nhỏ ông tên là Nhân Thán, ông có tên tự là Bảo Nguyên. Ông là con trai thứ 3 của Cao Tồ Mãnh Tri Tường. Ông kế́ vị sau khi cha chết. Ông trị vì 30 năm làm mā́t nước bị phế́ truá́t và Tống Thái Tống hại độc chết. Hưởng thọ 47 tuổi. Mai táng gấn thành phố́ Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

Mãnh Vĩnh được sinh ra ở Thái Nguyên. Ông được cha phong làm tiết độ hành quân tư mã ở Lưỡng Châu. Khi Mãnh Tri Tường ốm, Mãnh Vĩnh giúp cho cai quản công việc triếu chính. Tháng 7 năm 934 Mãnh Tri Tường chết.

Năm 947, tướng lĩnh ở 3 châu: Tân Châu (nay thuộc huyện Tân An tỉnh Cam Túc), Thành Châu (nay thuộc huyện Thành tỉnh Cam Túc) và Giới Châu (nay phía tây huyện Thành tỉnh Cam Túc) đếu xin quy hàng, 3 châu này trước kia thuộc triếu Hậu Tấn quản lý. Ông sai lính đánh chiếm Phùng Châu (nay thuộc phía Tây Nam thành phố́ Bảo Kê tỉnh Thiểm Tây), ông mở rộng cương vực đến gấn đất đai của triếu Tiến Thục và có ý định tiến quân vào Quan Trung.

Ông là một con người thích ăn chơi xa xỉ hoang dâm, thậm chí cái bô ông ta cũng dùng ngọc quý dát xung quanh vách bô. Công việc triếu chính vô cùng hỗn độn. Tháng 1 năm 965 quân Bắc Tống tiến vào Thành Đô, ông không chống cự được đành phải đấu hàng. Ông bị bắt ép dẫn cả gia đình tới Biện Kinh, và làm những chức vị: thái sư kiêm trung thư lệnh Tấn Quốc Công và phải cư trú ở Biện Kinh. Được một thời gian, Tống Thái Tông mời ông ta dự tiệc, đến nửa đêm mới về phủ. Hôm sau ông thấy ruột gan đau quặn, không ăn được bất kỳ 1 loại thức ăn gì, ông chữa trị nhưng không có hiệu

quả. Vài hôm sau ông mấ́t, vế sau có người hoài nghi là Tống Tháí Tông hại chết. Nước Hậu Thục bị diệt vong.

Trong sử gọi ông là Hậu Chủ hoặc Sở Cung Hiếu Vương.

TRIỀU NAM ĐƯỜNG

(Năm 937 - 975, tổng cộng 39 năm)

Triều Nam Đường có 3 đế vương, trong đó một người bị bệnh ché tay, một người làm mất nước bị hại độc ché tay, một người dùng Đơn Thạch dẫn đê n trúng độc mà ché tay.

LIỆT TỔ (LÍ TIỆN)

Liệt Tổ, ông ta tên là Lí Tiện (888 - 943) Hồi nhỏ tên ông ta là Từ Tri Hạo, tên tự là Chính Luân. Ông là con nuôi của đại thần Từ Ân nước Ngô. Ông vốn dĩ năm giữ triều chính của nước Ngô, sau đó ông tự xưng đế. Hưởng thọ 56 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc ngoại thành phía Nam thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

Lí Tiện quê ở Từ Châu (nay thuộc thành phố Từ Châu tỉnh Giang Tô) một thuyết khác nói ông quê ở Hải Châu (nay thuộc phía tây cảng Liên Vận tỉnh Giang Tô). Ông mô coi từ nhỏ vì vậy được Vũ Đế Dương Hành Mật(NƯỚC NGÔ) thu nhận, sau này được đại thần Từ Ôn rát chuyên quyền, Từ Tri Hạo được phong làm lại sứ ở Tiện Châu. Con của Từ Ôn là Từ Tri Huân bị tướng Chu Cản giết hại Dương Châu,

Lí Tiện dẫn quân vào Dương Châu và tham dự vào công việc chính sự. Trong thời gian năm giữ chính sự, ông cho cải cách phong tục tập quán cũ, tuyển dụng những người có tài và khiêm tốn, coi trọng sĩ nhân, cải cách thuế má, phát triển nông nghiệp, dân số dân hình thành thế lực mạnh nhất nước Ngô. Từ Ôn chết, ông được trấn giữ ở Kim Lăng (nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô) và được phong làm Tề Vương. Ông sai con trai là Cảnh thông nắm giữ việc chính sự ở Dương Châu. Tháng 10 năm 938 ông phế vua Ngô và xung đê, đổi quốc hiệu là Đại Tề, đặt niên hiệu là "Tiện Nguyên", đặt đô ở Kim Lăng. Ba năm sau ông đổi quốc hiệu là "Đường", trong sử gọi là Nam Đường.

Ông giảm bớt việc chinh chiến. Năm 941, nước Ngô Việt bị thiên tai, quân thám triều Nam Đường, đều tuân trình Lí Tiện nên lợi dụng thời cơ này để diệt vong nước Ngô Việt. Lí Tiện ra sức từ chối lời khuyên, ông cho rằng trăm họ cần phải nghỉ ngơi, chưa cần phát động chiến tranh, ông còn sai sứ giả tới nước Ngô Việt an ủi và tặng nhiều lễ vật.

Về nội, ông cho thực hiện cải cách, trong thời gian ông trị vì, triều nam Triệu luôn bảo tồn được sự ổn định và có lợi với phát triển sản xuất xã hội. Ông là một người tiết kiệm, không ham mê nữ sắc, cả ngày chuyên tâm lo việc trị nước. Ông muốn mình sống trường thọ vào những năm cuối đời, ông tin vào đạo thuật trường thọ nên đã dùng Đơn Thạch, vì vậy bị trúng độc.

Tháng 3 năm 943, ở sau lưng của ông mọc ra nhiều mụn nhọt, mọi phương pháp chữa trị đều vô hiệu. Một hôm, ông gọi con trưởng là Lí Cảnh (Lí Cảnh Thông), nắm tay con trai và nói: "Cha không sống được bao lâu, ở cung Đức Xương còn cái giá u ám binh khí, vàng bạc lụa là, tổng giá trị hơn 700 vạn, con hãy giữ gìn số của cải đó, phải kết bạn với bạn bè bên cạnh để đảm bảo an toàn cho quê hương." Ông nói tiếp: "Cha vì muốn kéo dài tuổi thọ nên đã dùng Đơn Thạch, cha không ngờ rằng chuyện đó lại dẫn đến kết cục như thế này. Con đừng học theo cha. Tình cảnh cảm động đến mức ông cầm tay Lí Cảnh chảy máu mà không biết. Cuối cùng ông khóc và nói: "Trước mặt quê hương không có gì nghiêm trọng, nhưng sau này ở biên giới phía Bắc dễ có biến động. Con nên cẩn thận đề phòng." Tôi hôm đó, ông băng hà tại Kim Lăng.

Hiệu miếu của ông là Liệt Tổ.

NGUYÊN TÔNG (LÍ CẢNH) (NAM ĐƯỜNG)

Nguyễn Tông, ông ta tên là Lí Cảnh (916 - 961),号 i nhỏ ông tên là Cảnh Thông. Ông là con trưởng của Liệt Tổ Lí Tiện. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 19 năm (nay thuộc ngoại thành phía Nam thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

*

Năm 931 Lí Tiện chuyển về trấn giữ ở Kim Lăng, ông sai Lí Cảnh quản lý công việc ở Dương Châu. Về sau, Lí Cảnh được phong làm Tề Vương. Tháng 3 năm 943 Lí Tiện chết, cùng tháng đó Lí Cảnh lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Bảo Đại".

Lí Cảnh tính tình hèn nhát, ông thích văn học, ưa thích được người khác ca ngợi. Ông trọng dụng 5 đại thần chuyên về văn học và chuyên về nịnh hót. Thời đó bọn họ gọi là "Ngũ Quý triều Nam Đường". Bọn họ sửa đổi quốc sách bảo toàn an dân do Liệt Tổ đế ra, ông dẫn quân đánh bại nước Mân và nước Sở. Điều đó làm tổn hại quốc lực của triều Nam Đường, và bị nhiều người căm ghét, triều Nam Đường bị suy vong.

Năm 955 Chu Thέ Tông Sài Vinh đánh triều Nam Triệu. Trải qua 3 năm chiến tranh, Lí Cảnh không chống đỡ nổi phải dâng 14 ở Giang Bắc và Hoài Nam làm lễ vật đầu hàng.

Năm 958 ông bị phế bỏ hiệu đế và phải xưng thần với triều Hậu Chu, quốc lực triều Nam Triệu bị suy yếu.

Lí Cảnh mất vào tháng 6 năm 961 tại Nam Đô (nay thuộc thành phố Nam Xương tỉnh Giang Tây).

Thụy hiệu của ông là Nguyên Tông hay còn gọi là Trung Chủ Huyền Tông.

HẬU CHỦ (LÍ NGỌC) (TRIỀU NAM ĐƯỜNG)

Hậu Chủ, ông ta tên là Lí Ngọc (937 - 978). Höi đầu ông ta tên là Tòng Gia, tên tự là Trọng Quang, tên hiệu là Trùng Ân. Ông là con trai thứ 6 của Lí Cảnh. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 14 năm, làm mất nước bị Tống Thái Tông Triệu Khuông Nghĩa sai người giết chết. Hưởng thọ 42 tuổi. Mai táng ở núi Nam Mang phía Bắc thành phố Lạc Dương tỉnh Hà Nam.

*

Lí Ngọc được phong làm An Định Công, Trịnh Vương, Ngô Vương. Nguyên Tông dời đô đến phía Nam và phong Lí Ngọc làm thái tử. Tháng 6 năm 961 Nguyên Tông chết, tháng 7 Lí Ngọc lên kế́ vị. Thời kỳ này triề́u Bắc Tống đã được tạo dựng, Lí Ngọc sờ uy thế của triề́u Bắc Tống nên dùng niên hiệu của Thái Tổ (triề́u Bắc Tống) là "Kiến Long". Lí Ngọc giỏi về thơ ca, ông vừa là thi sĩ vừa là họa sĩ.

Ông tinh thông âm luật là một văn sĩ cao cát p. Lời thơ của ông lấy thủ pháp Bạch Miêu làm chủ, đọc thơ ca của ông khiến người ta rất rung động. Thơ của ông viết nói về cuộc sống trong cung đình và nói về nỗi đau thương của một quân vương bị mây t nước. Sau này được thu thập thành quyển: "Nam Đường Nhị Chủ Từ".

Trong mặt chính trị, ông là một hòn quân, thời gian ông ta trị vì, triề́u Bắc Tống cho phát động chiến tranh thống nhất Trung Quốc, và triề́u Nam Đường cũng nắm trong đối tượng bị chinh phạt. Đối mặt với tình cảnh nguy hiểm, ông ta vẫn buông lỏng công việc triề́u chính, đam mê nữ sá́c, cả ngày điến thơ làm văn, ca ngợi Phật lí. Ông sủng ái một cung nữ tên là Yếu Nương. Cô gái đó có thân hình thon thả và có một vẻ đẹp dịu dàng, giỏi ca hát nhảy múa, cô ta dùng lụa bó chân khiến bàn chân cong như trăng mới mọc. Cô ta thường đứng nhảy múa trên tòa sen cao 6 thốn, tòa sen đó được đúc bắng vàng, múa may dập dờn trông giống như sóng nước. Việc nước gặp rất nhiếu rắc rắc, ông ta là kẻ tham sống sờ chết, hàng năm cống tiến cho triề́u Bắc Tống rất nhiếu vật báu nhắm giành lòng tin của Tống Thái Tổ, duy trì cục diện bình an. Về sau ông thấy Tống Thái Tổ liên tiếp tiêu diệt 3 chính quyến cát cứ ở xung quanh vì thế́ ông ta sợ hãi và phải bỏ đi quốc hiệu Nam Đường và đổi thành "Giang Nam Quốc Chủ" và hi vọng Tống Thái Tổ không chinh phạt mình.

Tháng 9 năm 974, Tống Thái Tổ phái quân tấn công triề́u Nam Đường. Cánh quân đi theo đường thủy tiến đến bờ Nam sông Trường Giang, cánh quân đi theo đường bộ tiến đến bờ Bắc sông Trường Giang. Lúc nghe tin cấp báo là lúc ông ta đang ở Kim Lăng uống rượu làm thơ với đám quấn thấn. Lí Ngọc hỏi bọn họ nên làm cách gì để chống đỡ?" Bọn họ nói: "Từ xưa đến nay, không có

đội quân nào có thể bắc cầu qua sông Trường Giang, quân Tống không thể vượt sông được". Hậu Chu cười ha hả nói: "Trẫm đã nói từ lâu: Quân Tống chỉ là đàn trẻ con chơi trò đánh trận. Ba hôm sau, bộ binh của nước Tống tiến vào lãnh thổ của Nam Đường, quân trấn thủ triều Nam Đường bỏ chạy tán loạn và có một số đầu hàng, 10 vạn quân Tống nhanh chóng tiến vào Kim Lăng.

Lí Hậu Chu đang ở trong cung đọc binh giảng đạo, ông hoàn toàn không biết tình hình đã cực kỳ nguy kịch. Một ngày, ông lên trên thành quan sát, thấy bên ngoài thành toàn là cờ phướn của quân Tống. Ông ta sợ hãi mặt mày tái mét và sai đại thần đến Biện Kinh xin Tống Thái Tổ tha mạng, vị đại thần đó ra và Tống Thái Tổ "Chủ nhân của thần rất hiếu lễ đối với bệ hạ, tình cảm đó thân tình như tình cảm cha con, xin bệ hạ tha tội đừng cho quân đi chinh phạt". Tống Thái Tổ hỏi vặn. Một tháng sau, Lí Hậu Chu phái sứ giả tới cầu triều Tống đừng đánh chiếm thành Kim Lăng.

Tống Thái Tổ tay nắm giữ cán kiếm và giận dữ nói: "Đừng có nói nhiều, Lí Ngọc phạm tội gì, nhưng hôm nay thiên hạ thô ng nhát, nhưng người Tống không muốn kẻ khác phá vỡ giấc ngủ", Lí Hậu Chu xin hàng nhưng bị từ chối, đành dẫn quân tới cứu viện thành Kim Lăng. Trên đường đi quân cứu viện bị quân Tống tập kích, quân Nam Đường vốn định phóng hỏa đốt quân Tống, không ngờ gặp phải gió Bắc cản trở, thành ra lại thành tự đốt chính mình. Quân Tống muốn Lí Hậu Chu đầu hàng ông ta không can tâm tình nguyện nhưng không còn đường nào khác đành mượn rượu làm thơ làm voi nỗi buồn. Đại thần Phiên Hữu ra sức can ngăn ông đừng có làm vậy, mà hãy lấy lại tinh thần để chống lại quân Tống, cứu nước nhà khỏi cảnh diệt vong. Lí Hậu Chu tức giận không nghe và tố Phiên Hữu và đại quân.

Tháng 11 năm 975, quân Tống công phá thành Kim Lăng, Lí Hậu Chu sai thuộc hạ chắt cùi lửa trong cung chuẩn bị tự thiêu, nhưng khi chuẩn bị châm lửa, ông ta lại nhặt ý chí không đủ can đảm, ông dẫn quân tham gia tới trại địch xin đầu hàng. Triều Nam Đường bị diệt vong. Ông ta bị giải về thành Khai Phong và được phong làm vi mệnh hầu, đại phu quang lục, thái phó... và bị cư trú tại Biện Kinh.

Năm sau, Tông Thái Tổ xưng đế và phong Lí Ngọc làm Đà Tây Công.

Mọi hành động của Lí Ngọc đều bị giám sát. Ông vô cùng hoài hận và ôm mô i ai oán trong lòng, suốt ngày than khóc, làm thơ nói lên nỗi lòng của mình và hoài niệm về cuộc sống xa hoa trước đây. Tình cảnh ai oán của Lí Ngọc làm Tông Thái Tông bức mình. Tháng 7 năm 978 Thái Tông sai người hại độc Lí Ngọc.

Trong sử gọi Lí Ngọc là Lí Hậu Chủ và còn gọi là Hậu Chủ triều Nam Đường.

TRIỀU NAM BÌNH

(Năm 924 - 963, tổng cộng 40 năm)

Triều Nam Bình có 5 đế vương: trong đó có 4 người ôm chét, một người làm mât nước sau đó cũng ôm chét.

VŨ HƯNG VƯƠNG (CAO QUÝ HƯNG) (TRIỀU NAM BÌNH)

Vũ Hưng Vương, ông ta tên là Cao Quý Hưng (858 - 928). Höi nhỏ ông có tên là Quý Xương. Thời hậu Lương, ông làm tiết độ sứ ở Kinh Nam, vê sau ông lập chính quyền cát cứ và xưng vương. Ông trị vì được 5 năm bị ôm chét. Hưởng thọ 71 tuổi. Mai táng ở Giang Lăng (nay thuộc núi Long Sơn huyện Giang Lăng tỉnh Hö Băc). Cao Quý Bình quê ở Hiệp Thạch. Từ nhỏ ông đi làm con nuôi của họ Lí, ông theo cha nuôi đi đêù hàng Chu Ôn và đổi thành họ Chu. Ông theo Chu Ôn tânn công Phụng Tường và ông nhận chức khanh sứ, ông lại đổi lại thành họ Cao. Ông trânn giữ ở Kinh Nam.

Năm 907, Chu Ôn phong Cao Quý Hưng làm tiết độ sứ ở Kinh Nam và còn cho 5000 lính, lương thực do triều Hậu Lương chu cấp. Khi nhận chức, Cao Quý Hưng chiêu nạp dân lưu vong, cỗ vũ làm nông nghiệp và thu nạp hiền tài, ông có ý định lập chính quyền cát cứ. Mật Đê
(TRIỀU HẬU LUÔNG) phong ông làm Bột Hải Vương.

Tháng 3 năm 924, Trang Tông Lí Tôn Húc (triều Hậu Đường) phong ông làm Nam Bình Vương và cho phép cư trú ở Giang Lăng (nay thuộc huyện Giang Lăng tỉnh Hö Băc. Nhân lúc triều Hậu Đường mải mê chinh phạt nước Thục, ông chiếm giữ Quy Châu, Hiệp Châu và Kinh Châu, là một chính quyền kém nhât và nhỏ nhât trong 10 nước. Trong thời gian trị vì, ông duy trì chính quyền bằng cách dựa vào thuế má và đi cướp đoạt của cải.

Ông mât vào tháng 12 năm 928 tại Giang Lăng.

Thụy hiệu của ông là Vũ Hưng Vương.

VĂN HIẾN VƯƠNG (CAO TÒNG HỐI) (TRIỀ́U NAM BÌNH)

Văn Hiến Vương, ông ta tên là Cao Tòng Hối (891 - 948), tên tự của ông là Tào Thánh. Ông là con trưởng của Vũ Hưng Vương Cao Quý Hung. Ông kế́ vị khi cha chết. Ông trị vì 20 năm, bị ốm chết. Hướng thọ 58 tuổi. Mai táng ở Giang Lăng (nay thuộc Long Sơn huyện Giang Lăng tỉnh Hố Bắc).

*

Tháng 12 năm 928 Cao Quý Hung chết, Cao Tùng Hối lên kế́ vị. Lúc đó, chính quyến cát cứ do ông quản lý chỉ làm một nước yếu và nhỏ bé vì thế ông lập tức quy phục triề́u Hậu Đường, năm 934 ông nhận chức phong Nam Bình Vương. Tiếp đó ông lấn lượt xung thấn với những chính quyến Hậu Tấn, Liêu, Hậu Hán, Ngô, Sở, Thục, Mân, Nam Hán. Ông chuyên sai lính đi cướp cṍng vật của các chính quyến, quốc gia bị tổn thất sẽ sai lính đi chinh phạt, lập tức đi hoàn trả cṍng vật và xin tha tội. Các chính quyến đếu coi ông là kẻ vô lại và gọi ông là: "tên vô lại họ Cao".

Ông mả́t vào tháng 10 năm 948 tại Giang Lăng.

Thụy hiệu của ông là Văn Hiến Vương.

TRINH NGHỊ VƯƠNG (CAO BẢO DUNG) (TRIỀ́U NAM BÌNH)

Trinh Nghị Vương, ông ta tên là Cao Bảo Dung (920 - 960), tên tự của ông là Đức Trưởng. Ông là con trai của Cao Hưng Vương, và là em trai Cao Tòng Hối. Ông kế́ vị khi anh trai chết. Ông trị vì 12 năm, ốm chết. Hướng thọ 41 tuổi. Mai táng ở Long Sơn huyện Giang Lăng tỉnh Hố Bắc.

*

Lúc Cao Tòng Hô*í* bị bệnh nặng đã sai Cao Bảo Dung quản lý công việc trong triều. Tháng 10 năm 948 Cao Tòng Hô*í* chết, cùng tháng đó ông lên kế vị, ông xưng thâ*n* với triều Hậu Hán và nhận chức phong tiết độ sứ ở Kinh Châu.

Tháng 8 năm 960, ông mất tại Giang Lăng.

Thụy hiệu của ông là Trinh Nghị Vương.

THỊ TRUNG (CAO BẢO HÚC)
(TRIỀU NAM BÌNH)

Cao Bảo Húc (924 - 962). Ông là con thứ 11 của Cao Tòng Hô*í* và là cháu củ Cao Bảo Dung. Kế vị khi chú chết. Ông trị vì 2 năm, ôm chết, hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 960 Cao Bảo Dung chết, cùng tháng đó Cao Bảo Húc kế vị. Tháng 11 năm 969 Cao Bảo Húc bệnh nặng, ông thu nạp kiê*n* nghị của tướng Lương Diên Tự là lập cháu Cao Kê*Xung* làm người kế vị. Vài hôm sau ông mất tại Giang Lăng.

THỊ TRUNG (CAO KÊ XUNG)
(TRIỀU NAM BÌNH)

Cao Kê*Xung* (943 - 973), tên tự của ông là Thái Bình tên tự của ông là Thành Hòa. Ông là con trưởng của Trinh Nghị Vương Cao Bảo Dung và là cháu họ của Cao Bảo Húc. Ông kế vị khi chú chết. Ông trị vì chưa được 6 tháng thì đâm hàng triều Tông, về sau bệnh chết, hưởng thọ 31 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Cao Kê*Xung* nhận chức phong làm Trinh Nghị Vương. Tháng 11 năm 962 Cao Bảo Húc chết cùng tháng đó ông lên kế vị.

Tháng 2 năm 963 Tông Thái Tổ sai lính tới Hà Nam chinh phạt các chính quyền cát cứ. Cao Kê*Xung* xin quy hàng, triều Nam Bình diệt vong, ông phụng mệnh của Tông Thái Tông dẫn 500 người

tới Biện Kinh và nhận chức phong làm tiết độ sứ ở Vũ Ninh. Năm 973 ông mất tại Biện Kinh.

NAM HÁN

(Năm 917 - 971, tổng cộng 55 năm)

Triệu Nam Hán có 4 đế: trong đó có một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người làm mật nước bị bệnh chết, một người hoang dâm quá độ nên dẫn tới cái chết, một người ôm chết.

Ngoài ra phụ chú thêm về Liệt Tông Lưu Ân, ông ta bị ôm chết.

LIỆT TÔNG (LUU ÂN) (TRIỆU NAM HÁN)

Liệt Tông, ông ta tên là Lưu Ân (874 - 911), hưởng thọ 38 tuổi, ông là người tạo lập ra triều Nam Hán, ông xưng vương được 5 năm, ôm chết ở Nam Hải (nay thuộc thành phố Quảng Châu tỉnh Quảng Đông). Mai táng ở Đức Lăng.

*

Lưu Ân quê ở Thượng Thái (nay thuộc huyện Thượng Thái tỉnh Hà Nam), một thuyết khác nói quê ông ta ở Bành Thành. Ông nội của ông ta là Lưu An Nhân làm nghề buôn bán do đó đem cả gia đình tới cư trú ở Nam Hải (nay thuộc thành phố Quảng Châu tỉnh Quảng Đông). Bộ ông ta tên là Lưu Khiêm làm lại sứ ở Phong Châu (triều Đường) (nay thuộc huyện Đức Khánh tỉnh Quảng Đông). Sau khi cha chết, Lưu Ân tiếp nhận chức vụ của cha, ông được tiết độ sứ ở Lĩnh Nam là Từ Ngạn Nhược tiễn cử nên ông nhận chức tiết độ phủ sứ ở Lĩnh Nam. Từ Ngạn Nhược chết, các bộ tướng đế bắt Lưu Ân làm tiết độ sứ. Năm 905 triều Đường phong Lưu Ân làm tiết độ sứ quân Thanh Hải (con đường phía Tây Lĩnh Nam). Năm 907, ông quy phục Thái Tổ Chu Ôn (TRIỀU HẬU LUÔNG) và nhận chức quân vương ở Bành Thành. Sau chuyện này, ông phái lính tới tiêu trừ thế lực cát cứ ở 2 con đường phía Tây và phía Đông thuộc Lĩnh Nam chiếm cứ Lĩnh Nam, xây dựng lên chính quyền Lưu Thị. Lĩnh Nam cách Trung Nguyên khá xa, nên văn sĩ đại thần của triều Đường

vì tránh họ nên tới chỗ ông ta lánh nạn, viên quan quản lý vùng Lĩnh Nam vô n là một quan lại chịu sự cai quản của triều Đường, nhưng vì chiê n loạn và bị triều Đường tiêu diệt nên anh ta chạy đê n chỗ ông, nhân tài ở chỗ ông râ t nhiê u. Ông lựa chọn tài năng của bọn họ để phân bổ những chức vị phù hợp nhâ m giúp ông tạo dựng chính quyê n.

Tháng 11 năm 911, ông mât tại Nam Hải.

Thụy hiệu của ông là Liệt Tông.

CAO TỒ (LUU YÊM)
(TRIỀU NAM HÁN)

Cao Tồ, ông ta tên là Lưu Yêm (889 - 942). Ông là em trai Liệt Tông Lưu Ân. Ông kế vị khi anh trai chê t. Ông trị vì 32 năm, ô m chê t. Hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Kiê n Lăng.

*

Thời kì Lưu Ân làm tiê t độ sứ ở Lĩnh Nam, ông đã phong Lưu Yêm làm phó sứ, ông tuân lệnh anh trai dẫn quân chinh phạt thê lực cát cứ ở phía Đông và phía Tây Lĩnh Nam. Lưu Ân chê t, ông tiê p nhận chức vụ của anh và nhận chức phong của triều Hậu Lương làm quận Vương Đại Bảo. Năm 917 ông xung đê tại Lĩnh Nam, lâ y quô c hiệu là "Đại Việt", năm sau ông đổi lại là Hán, trong sử gọi là Nam Hán, và ông lâ y niên hiệu là "Càn Hanh".

Sau khi xung đê ông cho văn nhân làm quan địa phương, không cho các vũ tướng kiêm chức vị Lại sứ. Vì vậy chính trị và xã hội tương đô i ổn định. Nhưng ông ta lại thích giê t người, ông đê ra nhiê u hình phạt hà khă c: că t máu, rút gân, că t lưỡi... Ông còn cho xây một nhà kho, trong đó ông sai thả ră n độc, nê u ai phạm tội sẽ bị nhô t vào trong nhà kho đó cho ră n độc că n chê t. Mỗi lâ n có phạm nhân nào bị xử tử, ông đê u đê n giám sát. Bản tính của ông ta là một người hoang tàn, thích tiêu pha xa xỉ, ông dùng châu báu đúc cung điện ngọc cung vàng; vào những năm cuô i đời ông cho tu sửa điện Nam Huân, cột trụ trong điện đê u dùng bạc dát đê dát vàng ngọc 4 bức tường đê u có lư hương, ngày đêm đê u sai đô t hương.

Ông ta dùng hình phạt hà khắc, bức ép dân chúng khién mọi người đê u hận.

Tháng 4 năm 942, ông bị bệnh, mọi biện pháp chữa trị đều vô hiệu. Ông sai gọi Vương Phiên đê n nói: "Trẫm có 19 người con trai, cho đê n hôm nay trẫm vẫn chưa lập thái tử.

Tất cả bọn chúng không có đứa nào đủ tài đủ đức, dẽ có cảnh anh em tàn sát lẫn nhau. Chuyện này xem ra khó lòng ngăn chặn". Ông ta nói xong thở không ra hơi. Vương Phiên khuyên ông lập Hoàng Xương làm thái tử nhưng Túc Ích cản trở nói: phê trưởng lập thứ là chuyện không hợp lí dẽ gây ra nội chiến, Lưu Yêm do dự không quyết định. Vài hôm sau, ông mất tại Nam Hải.

Hiệu miêu của ông là Cao Tổ, thụy hiệu là Thiên Hoàng Đại Đế.

DẠNG ĐẾ (LUU PHÂN) (TRIỀU NAM HÁN)

Dạng Đế, ông ta tên là Lưu Phân (920 - 943). Hö i nhỏ ông ta tên là Hoàng Đô. Ông là con của Cao tổ Lưu Yêm. Ông kế vị Lưu Yêm chête. Ông trị vì được 2 năm thì bị Lưu Hoàng Hi sai lực sĩ giết chête. Hướng dương 24 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lưu Phân được phong làm Tán Vương. Tháng 4 năm 942 Lưu Yêm chête. Cùng tháng đó Lưu Phân lên kế vị đổi niên hiệu là "Thiên Quang".

Sau khi đăng cơ, ông ta không màng công việc triều chính, ông ta ăn tiệc xa xỉ không kém gì cha, lại hoang dâm vô độ, nửa đêm thường cải trang ra ngoài tìm gái, thậm chí tùy tiện vào nhà dân cưỡng ép phụ nữ. Thuộc hạ nào dám khuyên can, lập tức bị ông ta giết. Em trai ông ta là Lưu Hoàng Hi vì muốn cướp đoạt ngôi vị nên cố ý ủng hộ việc làm anh trai: Lưu Phân thích đátu vật, Lưu Hoàng Hi sai thuộc hạ triệu tập 5 lực sĩ vào cung đình, 5 lực sĩ đó là: Lưu Tư Triệu, Đàm Lệnh Nhân, Lâm Thiếu Cương, Lâm Thiếu Lang, Hà Xương Diên... Bọn họ được huấn luyện trong phủ của Lưu Hoàng Hi rồi mới đưa

vào cung phục vụ Lưu Phân. Ông ta thấy 5 người đã tinh thông về đấu vật, ông ta rất vui mừng và cho làm thị vệ và thường sai bọn họ diễn đấu vật cho ông ta xem. 1 ngày tháng 3 năm 943, ông sai tập hợp các anh em đến cung Trường Xuân tham gia tiệc rượu và sai 5 lực sĩ biểu diễn đấu vật. Lưu Phân xem rất thích thú, uống say mèm. Lưu Hoàng Hi sai vệ sĩ Lưu Tư Triếu mai phục trong phòng nửa đêm bóp chết Lưu Phân.

Thụy hiệu của ông ta là Dạng Đế.

TRUNG TÔNG (LUU XUNG) (TRIỀU NAM HÁN)

Trung Tông, ông ta tên là Lưu Xưng (920 - 958). Hối nhỏ ông ta tên là Lưu Hoắng Hi. Ông là con thứ của Cao Tổ Lưu Yêm và là em trai Dạng Đế Lưu Phân. Ông ám hại anh trai và lên kế vị. Ông trị vì 16 năm, hoang dâm quá độ nên dẫn tới cái chết. Hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở Chiêu Lăng (nay thuộc phía bắc thành phố Quảng Châu tỉnh Quảng Đông).

*

Lưu Xưng nhận tước vị Tấn Vương, ông lén lút sai người gié́t anh và lên kế vị, đổi niên hiệu là "Úng Càn". Sau khi đoạt vị, ông ngăn chặn các đại thấn không được bàn luận về chuyện cướp đoạt ngôi vị, mặt khác còn sai gié́t chết mười mây người em, nhắm ngăn chặn bọn họ đoạt quyề́n cướp ngôi. Lợi dụng nước Sở có nội chiến, ông dấy binh chinh phạt nước Sở. Ông kiêu ngạo hoang tang dâm đãng, không lo liệu công việc triếu chính, dương dương tự đắc nói: "Chỉ cấn trãm tránh được hoạn nạn, mặc con cháu làm gì thì làm trãm không quản bọn họ".

Tháng 8 năm 958, Lưu Xưng vì hoang dâm vô độ nên dẫn tới bệnh. Một thời gian sau ông mây tại Nam Hải.

Hiệu miếu của ông là Trung Tông, thụy hiệu là Minh Đế.

NAM VIỆT VƯƠNG (LUU THUỐNG) (TRIỀU NAM HÁN)

Nam Việt Vương, ông ta tên là Lưu Thủ Đang (942 - 980) ông ta tên là Lưu Kế Nghịệp. Ông là con trưởng của Trung Tông Lưu Xung. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 14 năm làm mạt nước bị phế truất và ôm chết. Hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở núi Việt Vương huyện Khúc Giang tỉnh Quảng Đông.

*

Lưu Thủ Đang được phong làm Vệ Vương. Tháng 8 năm 958 Lưu Xung chết, cùng tháng đó ông lên kế vị, đổi niên hiệu là "Thái Bảo". 16 tuổi, ông đã lên kế vị. Ông là kẻ bát tài, hoang dâm vô độ, tăng thuế má, mẫu thuẫn giai cấp nghiêm trọng. Ông phó thác công việc triều chính cho bọn hoạn quan quản lý, vì thế triều chính càng thêm rối loạn.

Tháng 2 năm 971, đại quân triều Bắc Tống bao vây Quảng Châu, Lưu Thủ Đang không cách gì chống đỡ đành đầu hàng và bị áp giải đến Biện Kinh. Ông bị nhặt tước vị Vệ Công cư trú ở Biện Kinh. Triều Nam Hán diệt vong.

Ông mất ngày Kỉ Sửu tháng 3 năm 980 tại Biện Kinh.

Trong sử gọi ông là Nam Việt Vương và còn gọi là Hậu Chu.

BẮC HÁN

(Năm 951 - 979, tổng cộng 29 năm)

Bắc Hán có 4 đế vương, trong đó một người bị giết trong cuộc nội chiến, một người làm mất nước bị phế và ôm chết, 2 người chết do ưu buồn.

THÊ TÔ (LUU DÂN) (TRIỀU BẮC HÁN)

Thê Tô, ông ta tên là Lưu Dân (895 - 954). Ông là em họ của Cao Tổ Lưu Tri Viễn (triều Hậu Hán - Triều Hậu Hán bị diệt vong, ông xưng đế). Ông sáng lập ra triều Bắc Hán. Ông trị vì 4 năm, bị chết do sâu muộn. Hưởng thọ 60 tuổi. Mai táng ở Giao Lăng (nay thuộc huyện Giao Thành tỉnh Sơn Tây)

*

Từ nhỏ Lưu Dân đã là một kẻ vô lại, đi tòng quân theo Lưu Tri Viễn. Thời gian Lưu Tri Viễn trấn giữ ở Hà Đông, Lưu Dân làm chức vị chỉ huy sứ. Sau khi triều Hậu Hán được xây dựng, ông trấn giữ ở Thái Nguyên, tiết độ sứ ở Hà Đông là Quách Uy tiêu diệt triều Hậu Hán và xây dựng triều Hậu Chu. Ngày Mậu Dần tháng 1 năm 951, ông xưng đế ở Thái Nguyên, đặt quốc hiệu là Hán, trong sử gọi là Bắc Hán, ông vẫn dùng niên hiệu của triều Hậu Hán là "Càn Hữu".

Sau khi Lưu Dân đăng cơ, ông kế thừa tình cảm giao với nước Liêu, xưng là cháu của hoàng đế nhằm lây sự giúp đỡ của nước Liêu để chinh phục triều Hậu Chu.

Thời gian ông trị vì, các đại thần thỉnh cầu ông xây dựng tông miếu. Ông khẳng khái nói: "Vương triều của chúng tôi được xây dựng trên cơ sở của hoàng đế Cao Tổ, cơ nghiệp của Cao Tổ bị hư hỏng, trầm bát đát đã phải xưng đế, nhưng cũng chỉ tạm thời ở ngôi vị này thôi. Trầm không tính toán là thiên tử làm cái gì, các khanh cũng không cần tính là tướng quốc làm gì, tông miếu

không cần phải xây dựng. Đợi thu phục Trung Nguyên, lúc đó chúng ta xây tông miếu cũng không muộn". Dân sở ở triều Bắc Hán nghèo, đât đai lại chật hẹp, tiền của thu vào rất ít bồng lộc của quan lại cũng không đáng bao nhiêu, mỗi tháng tết tướng chỉ được 100 đồng, còn tiền tết độ sứ mỗi tháng được 30 đồng. Lưu Dân dựa vào binh lực của nước Liêu để tấn công triều Bắc Chu, nhưng bị triều Bắc Chu đánh cho đại bại.

Năm 954, lợi dụng lúc thái tổ triều Bắc Chu là Quách Uy bị ôm chết, Lưu Dân đền khẩn cầu nước Liêu xuất binh cùng nhau tiến đánh triều Bắc Chu. Nhưng bị Chu Thê Tông Sài Vinh đánh cho đại bại trong trận chiến ở Cao Bình (nay thuộc huyện Cao Bình tỉnh Sơn Tây). Lưu Dân đơn thương độc mã, hoảng hốt chạy trốn. Trên đường đi, ông không đón

HIỀU HÒA ĐÊ (LUU QUÂN)

Hiếu Hòa Đế, ông tên là Lưu Quân (926 - 968). Ông là con thứ của Thê Tổ Lưu Dân. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 13 năm, ông chết do buồn rầu. Hướng thọ 43 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Mùa đông năm 954 Lưu Dân chết, Lưu Quân thông cáo với nước Liêu về cái chết của cha, cùng tháng đó ông nhận sắc phong làm đế, tự xưng là con hoàng đế. Năm 957 ông đổi niên hiệu là "Thiên Hội" và cho xây dựng Tông Miếu.

Sau khi đăng cơ, ông cầu khẩn nước Liêu cho mượn quân để tiến đánh triều Hậu Chu, để báo thù trận chiến ở Cao Bình. Ông bị thua trận, ông biết sức mình khó thắng triều Hậu Chu, ông tạm thời hoãn binh chỉnh đốn nội bộ chiêu hiền nạp sĩ, điều đó giúp cho chính quyền Bắc Hán tạm thời ổn định.

Năm 968, chỉ vì một số chuyện nhỏ mà hoàng đế Liêu nêu lèn sai sứ giả tới trách mắng Lưu Quân. Ông nhận tội nói: "Phụ thân giúp con che giấu điệu xâu, hi vọng phụ vương miễn tội cho con". Hoàng đế Liêu không hài lòng. Lưu Dân mây lèn phái sứ giả

tới nước Liêu tạ tội, hoàng đế¹ Liêu giam giữ sứ giả. Lưu Quân biêt² t mình tài hèn sức mọn, không có cách gì làm nguôi cơn giận của hoàng đế¹ Liêu do đó ông buồn rầu sinh bệnh. Tháng 7 ông mất tại Thái Nguyên.

Thụy hiệu của ông là Hiếu Hòa Đế¹ hay còn gọi là Hòa Đế¹.

THIẾU CHU (LƯU KÊ ÂN)
(TRIỀU BẮC HÁN)

Thiếu Chu, ông ta tên là Lưu Kê Ân (935 - 968). Ông là con nuôi của Hiếu Hòa Đế¹ Lưu Quân. Ông kế² vị khi cha ché³ t. Ông trị vì được 2 tháng thì bị thuộc hạ sát hại. Hướng thọ 34 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 7 năm 968 Lưu Quân ché³ t, Lưu Kê Ân phát thông báo về¹ cái ché³ t của cha nuôi tới triều² Liêu và được hoàng đế¹ Liêu cho phép kế² vị chức vị của cha.

Tháng 9 năm 968, Lưu Kê Ân mở tiệc chiêu đãi quâ¹n thâ²n và tông thâ²t. Trong buổi tiệc ông ta râ¹t vui, uô¹ng say mềm, các thuộc hạ phải dùn vê¹ phòng nghỉ. Từ Không Quách Vô Vi vô¹n không để²ng ý với việc Lưu Kê Ân kế² vị, anh ta muô¹n đâ¹u hàng triều² Tô¹ng. Nhận cơ hội Lưu Kê Ân say rượu, anh ta đã sai Hầu Bá Vinh dẩn 10 tay chân xông vào phòng ngự của Lưu Kê Ân. Bọn họ đống kín cửa sổ và cửa ra vào, chuẩn bị sát hại Lưu Kê Ân. Lưu Kê Ân choàng tỉnh vội chạy khỏi giường và trô¹n đă¹ng sau tâ¹m bình phong. Hầu Bá Vinh vung dao chém ngang ngực Lưu Kê Ân. Quách Vô Vi nhận được tin báo bèn sai người dùng thang trèo qua tường, giết² Hầu Bá Vinh để diệt khẩu.

ANH VŨ ĐẾ¹ (LƯU KÊ NGUYÊN)
(TRIỀU BẮC HÁN)

Anh Vũ Đế¹, ông ta tên là Lưu Kê² Nguyên (? - 991). Ông là con nuôi của Hiếu Hòa Đế¹ Lưu Quân, là em trai của Thiếu Chu Lưu Kê² Ân. Sau khi Quách Vô Vi sát hại Lưu Quân, đã lập Lưu Kê

Nguyên làm đế. Ông trị vì 11 năm, māt nước đàu Triệu Tông, vê sau ôm ché t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lưu Kê Nguyên, vōn dī mang họ Hà. Tháng 9 năm 968 Lưu Kê Ân bị giết ché t, cùng tháng đó Quách Vô Vi lập Lưu Kê Nguyên lên kê vị. Năm 974 ông đổi niên hiệu là "Quang Vận". Năm 976, Tông Thái Tổ thay triều Băc Hán có nội chiê n, vì thế sai uân đà y lùi quân cứu viện của triều Liêu và sai đào cống dẫn nước vào thành Thái Nguyên. Lưu Kê Nguyên chỉ huy quân dân giữ thành và hoàng đế Liêu đê n cứu giúp,

Tông Thái Tổ đành ra lệnh lui quân.

Năm 979, Tông Thái Tổ đã thô ng nhât được các chính quyén cát cũ ở 2 miê n Nam-Băc và đem quân chinh phạt triều Băc Hán bao vây thành Thái Nguyên. Lúc này triều Liêu chịu áp lực của triều Băc Tông, nên miễn cưỡng mang quân đi cứu giúp Băc Hán, nhưng bị đại quân Băc Tông đánh cho tan tác. Trong thành Thái Nguyên quân lính đê u mệt mỏi và thiê u lương thực, các thuộc hạ tin Lưu Kê Nguyên đàu hàng. Ngày 5 tháng 5 Lưu Kê Nguyên dẫn quânn thàn tới trại địch xin hàng. Tông Thái Tông đứng trên đài cao tiê p nhận sự quy hàng của triều Băc Hán và phong Lưu Kê Nguyên làm Bành Thành Công. Triều Băc Hán diệt vong. Lưu Kê Nguyên māt năm 991.

Trong sử gọi ông là Anh Vũ Đê, hay còn gọi là Bành Thành Vương.

TRIỀU BẮC TỐNG

(Năm 960 - 1126, tổng cộng 167 năm)

Triều Bắc Tống là vương triều phồn vinh trong lịch sử Trung Quốc, nó kế thừa cục diện phân chia Ngũ Đại Thập Quốc (5 triều đại 10 nước), tăng cường chế độ tập quyền trung ương, trên cơ bản tiêu diệt cục diện chính quyền cát cứ. Nền kinh tế phát đạt, thương nghiệp hưng thịnh, khoa học tiên tiến, phát minh kỹ thuật in chép, làm chỉ nam và thuốc nổ. Ba thành quả khoa học kỹ thuật này là công hiến quan trọng cho nền văn minh thế giới. Trung Quốc trở thành 1 quốc gia tiên tiến trong thế giới.

*

Thời Bắc Tống có 9 hoàng đế: trong đó 5 người ôm chét, 1 người vì sao chét thì không rõ, 1 người chét do vết thương tái phát, 2 người làm mát nước bị quân Kim bắt sau đó bị hại chét.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về thái hậu Cao, bà ta ôm chét.

THÁI TÔ (TRIỀU KHUÔNG DẬN) (TRIỀU BẮC TỐNG)

Thái Tổ, ông ta tên là Triệu Khuông Dận (927 - 976), trong cuộc binh biến Trân Kiêu, ông được lập làm đế, và được tôn là người tạo dựng triều Bắc Tống. Ông vị trí 17 năm, ôm chét, người đời sau hoài nghi rắng: Triệu Khuông Dận bị ám hại, hưởng thọ 50. Mai táng ở Vĩnh Xương Lăng. (nay thuộc phía Tây Nam huyện Cửng tỉnh Hà Nam).

*

Triệu Khuông Dận quê ở Trác Châu (nay thuộc huyện Trác tỉnh Hà Bắc), cha của ông tên là Triệu Hoảng Ân dẫn cả gia đình tới Lạc Dương sinh sống, Triệu Khuông Dận sinh tại Lạc Dương. Cha của ông lần lượt làm quan ở các triều: Hậu Đường, Hậu Tần, Hậu

Hán... Thời gian đâ`u Triệu Khuông Dận đê`n đâ`u hàng đại tướng Quách Uy (triê`u Hậu Hán), Quách Uy râ`t coi trọng Triệu Khuông Dận bởi ông tinh thông võ nghệ. Vê` sau, ông lại ủng hộ và giúp đỡ Quách Uy làm hoàng đê` Hậu Chu, do đó được Quách Uy că`t cử làm nhiệm vụ trông coi câ`m quân. Thời Chu Thê` Tông Sài Vinh, do Triệu Khuông Dận lập nhiê`u chié`n công nên được phong làm kiêm điê`m bộ điện tiê`n (tướng lĩnh cao nhâ`t trong quân đội bảo vệ hoàng đê`), nă`m giữ binh lực của triê`u Hậu Chu, ông còn kiêm chức vụ tiê`t độ sứ quân Quy Đức ở Tô`ng Châu (nay thuộc phia Nam huyện Thương Khâu tỉnh Hà Nam), ông có trách nhiệm trâ`n giữ ở Biên Kinh. Chu Thê` Tông chê`t, con trai là Sài Tông Huâ`n lên kế vị, lúc đó chỉ có 7 tuổi. Triệu Khuông Dận và em trai bị Triệu Khuông Nghĩa cùng với bộ hạ Triệu Phổ cùng nhau mật bàn cướp đoạt ngôi vị hoàng đê`.

Tháng 1 năm 960, có người từ Trâ`n Châu (huyện Chính Định tỉnh Hà Bă`c) và Định Châu (nay thuộc huyện Định Bình tỉnh Hà Bă`c) đê`n Biên Kinh báo cáo: quân đội của triê`u Bă`c Hán và nước Liêu cấu kêt với nhau tiê`n xuô`ng phía Nam tâ`n công triê`u Hậu Chu. Thái hậu Phù và tể tướng Phạm Châ`t, Vương Phụ... không điê`u tra rõ ràng sự việc, bọn họ vội vàng phái Triệu Khuông Dận thô`ng lĩnh đại quân lên phía Bă`c chặn địch. Ngày Giáp Thìn, đại quân của Triệu Khuông Dận đi đê`n trạm dịch Trâ`n Kiê`u và nghỉ ngơi tại đó (nay thuộc phia Đông Bă`c thành phô` Khai Phong tỉnh Hà Nam). Sáng sớm hôm sau, xung quanh trạm dịch vang vọng tiê`ng hò reo của quân lính. Triệu Khuông Dận chạy ra khỏi phòng, nhìn thâ`y tướng lính và quân sĩ người người câ`m vũ khí, xê`p hàng đứng dưới dịch quán, tung hô Triệu Khuông Dận và Triệu Khuông Nghĩa làm chủ, bọn họ nói: "Chư tướng không có chủ, chúng thâ`n hi vọng điê`n kiển làm thiên tử". Quân sĩ và tướng lĩnh không đợi Triệu Khuông Dận trả lời, đã mang áo hoàng bào khoác lên người ông, sau đó bọn họ nhâ`t loạt quỳ xuô`ng tung hô "vạn tuê` ". Trong lịch sử gọi sự kiện này là binh biê`n ở Trâ`n Kiê`u". Không còn cách gì thoái thác Triệu Khuông Dận dẫn đại quân quay về` Biên Kinh. Đại thâ`n Hàn Thông nhận tin báo anh ta vội vàng tập hợp binh lực để đồ`i phó với Triệu Khuông Dận. Đi được nửa đường anh ta bị thuộc hạ của Triệu Khuông Dận giê`t chê`t. Tể tướng Phạm Châ`t, Vương Phó bị uy lực của Triệu

Khuông Dận uy hiếp, do đó đê u khuất phục. Buổi chiêu, ngày 5 tháng 1 Triệu Khuông Dận phế bỏ Sài Tông Huân và tự xung đê, đặt quê hiệu là Tông, đặt đô ở Biện Kinh, trong sử gọi là Bắc Tông, lâ y niên hiệu là "Kiến Long".

Sau khi xây dựng triều Bắc Tông, Triệu Khuông Dận thay đổi trong thiên hạ có rất nhiều thê lực cát cứ, ông nói với Triệu Phổ: "Trẫm ngủ không yên giấc, bởi vì thiên hạ đê u là địa bàn của nhiều người. Nhờ những mưu sách và kế hoạch của Triệu Phổ, Triều Tông cho chỉnh đốn nội bộ diệt trừ những thê lực phản kháng triều đình, sau đó dùng sách lược "tiên Nam hậu Bắc" (tức là: đầu tiên dẹp yên ở miền Nam sau đó tiến dẹp yên ở miền Bắc). Ông lần lượt tiêu diệt những chính quyền: Nam Bình, Hô Nam, Hậu Thục, Nam Hán, Nam Đường... và luôn đê phòng tộc Khiết Đan ở miền Bắc.

Để tăng cường thê lực của tập quyền trung ương, ông cho thực hiện nhiều biện pháp.

Một buổi tối mùa thu năm 961, Tông Thái Tổ cho bày yến tiệc chiêu đãi tướng lĩnh cầm vệ quân. Đến giữa buổi tiệc Tông Thái Tổ nói: "Nếu không có sự giúp đỡ của tướng sĩ thì trẫm không có ngày hôm nay, nhưng làm thiên tử, sống yên ổn một ngày cũng khó, không thoái mái bằng cuộc sống của một tiểu tộ sứ. Trẫm hả u như không có một ngày ngủ ngon giấc". Thạch Ninh Tín thay mặt quân cầm vệ hỏi: "Bệ hạ đã làm thiên tử, vậy bệ hạ còn nỗi sầu muộn gì?" Tông Thái Tổ đáp: "Trẫm ngồi i ở ngôi vị này, còn ai muôn ngồi không?" Thạch Bảo Tín không hiểu câu nói của Tông Thái Tổ nên vội trả lời: "Chỗ ngồi i của bệ hạ là do trời định, còn ai dám ngồi i đâu?" Tông Thái Tổ cười và đáp: "Tất nhiên các khanh không có dã tâm, nhưng giả sử có một bộ tướng nào đó mang áo hoàng bào khoác lên người các khanh, sợ rằng các khanh có chói từ cũng không được?" Thạch Ninh Hầu nghe thây vậy, anh ta mặt mày thê thảm với quỳ xuống khóc và nói: "Chúng thâ n rất ngu дần, không hề nghĩ đê u này, xin bệ hạ chỉ cho chúng thâ n con đường sống". Triệu Khuông Dận đáp: "Thợ mện của con người rất ngă n ngùi. Số sống ở trên đời không phải vì vinh hoa phú quý, hưởng lạc an nhàn. Trẫm vì các khanh mà dự liệu, chỉ bấy giờ khanh hãy giao

lại binh quyề́n đi làm quan ở địa phương khác, mua một chút ít lương thực và ruộng vườn, dựng nhà cửa, lưu lại cho con cháu một ít tiề́n của, bản thân khanh có thể ngày ngày ngồi i uống rượu mua vui, sống nhàn nhã 1 đời. Sau này chúng ta có thể gả con cái cho nhau. Làm được điếu đó thì giữa chúng ta không có điếu gì phải nghi kị nhau, trên dưới đếu bình an điếu đó chẳng phải là chuyện tôt đep đó sao?" Thạch Ninh Tín nghe những lời nói ân tình nhưng cũng đã y thị uy. Sáng hôm sau anh ta lấy lí do có bệnh và xin từ chức giao trả binh quyề́n. Đó chính là lịch sử câu chuyện "Mượn rượu lấy lại binh quyề́n". Một thời gian sau, Thái Tổ dùng thủ đoạn đó để đoạt lại binh quyề́n của tiề́t độ sứ Vương Ngạn Siêu, thu hò́i lại quyề́n hành chính và quyề́n tài chính vếtay tập quyề́n trung ương. Một số biện pháp này vế cơ bản đã kết thúc cục diện cát cứ ở các địa phương, mà cục diện này đã từng tôt n tại nhiếu lấn trong lịch sử Trung Quốc.

Triệu Khuông Dận coi trọng sản xuất nông nghiệp, chú ý xây dựng các công trình thủy lợi, giảm bớt lao dịch, thúc tiề́n sự phát triển của nến kinh tế́ xã hội. Triệu Khuông Dận là 1 đế́ vương có thành tích, nhưng ông "bên trong yên ổn, bên ngoài cảnh giới", trọng văn khinh võ, dẫn đến cục diện nước nhà yếu kém", bên trong coi trọng bên ngoài coi nhẹ. Ông mang một số lớn ruộng đất giao cho tướng lĩnh trong quân đội quản lí, đống thời tăng cường sự kiêm bị vếđất đai, làm cho mâu thuẫn giai cấ́p ngày một gay gắt, vì thế sau khi lập quốc không lâu đã xảy ra các cuộc khởi nghĩa nông dân.

Triệu Khuông Dận là 1 môt viên võ tướng nhưng ông ta rất thích đọc sách. Thời Chu Thế Tông trị vì, Triệu Khuông Dận cùng với Chu Thế Tông đi đến ngoại ô Bình Hoài (nay thuộc lĩnh vực sông Hoài Hà), có kẻ đã tâu cáo với Chu Thế Tông "Triệu Khuông Dận dùng mây chiếc xe chờ của cải cho riêng mình, bên trong toàn là bảo vật quý". Chu Thế Tông sai người đi điếu tra, hóa ra trên xe chỉ toàn là sách, có đến vài nghìn bộ thư tịch. Chu Thế Tông hỏi ông ta: "Khanh là võ tướng tại sao lại đọc nhiếu sách vậy!" Ông ta đáp: "Thấn chặng có mưu kế́ gì giúp đỡ bệ hạ, thấn chỉ có thể đọc nhiếu sách để mở mang kiến thức cho mình, tích lũy thêm tri thức".

Sau khi xưng đế, Triệu Khuông Dận ráo coi trọng các hiền sĩ. Một lần, ông gặp phải vấn đề khó giải quyết ông đi hỏi tể tướng Triệu Phổ nhưng Triệu Phổ cũng không giải đáp được. Triệu Khuông Dận lại đi hỏi các hiền sĩ, quả nhiên bọn họ giúp ông giải đáp "Nhân dịp đó, Triệu Khuông Dận nói: "Tể tướng cần phải học hỏi hiểu biết", đồng với các văn thần võ tướng không chịu đọc sách, Triệu Khuông Dận cỗ vũ bọn họ nên đọc nhiều sách đủ bù đắp vào chỗ thiếu khuyết, Triệu Phổ nhờ sự cỗ vũ của Triệu Khuông Dận nên trở thành một con mọt sách.

Triệu Khuông Dận dùng người không cần hỏi han lai lịch xuất thân. Ông sai các đại thần chú trọng tuyển chọn nhân tài, giả dụ bọn họ có lai lịch không tốt đẹp lắm nhưng nếu có tài đều có thể trọng dụng. Mặc khác, ông cũng tự quan sát các quan lại, thấy ai có sở trường và tài năng gì đó, ông đều ghi lại vào một quyển sổ. Mỗi khi có chức vị nào đó thiếu khuyết, ông lại giờ sổ ra để chọn một người phù hợp với vị trí đó. Điều đó làm cho các quan lại phải cõng trồ hết tài năng và đức độ giúp triều đình.

Triệu Khuông Dận ráo mưu trí. Hồi đầu khi mới xưng đế thê lực của các tiết độ sứ rất mạnh, ngang ngược khó khăn chê, thời đó gọi là "10 anh em". Một lần Triệu Khuông Dận sai gọi bọn họ đến, ông giao cho bọn họ mỗi người một thanh kiếm, một cây cung và một con ngựa, sau đó ông cũng đơn thương độc mã không dẫn theo vệ sĩ, mà cùng bọn họ đi quanh hoàng cung. Đi đến lùm cây ở cửa Cờ Tù, ông còn ngồi uống rượu với bọn họ. Uống được vài chén, đột nhiên Triệu Khuông Dận nói: "Chỗ này vẫn lặng không có người, trong các khanh ai muôn làm hoàng đế, thì hãy giết trăm rưỡi lên đăng cơ". "10 anh em" đều bị vẻ khí khái của ông trấn áp, tất cả nhát loạt quỳ xuống nói: "không dám", Triệu Khuông Dận hỏi đi hỏi lại bọn họ cúi đầu không nói. Triệu Khuông Dận bèn huấn thị bọn họ "Các khanh muôn trăm làm hoàng đế, vậy hãy từ bỏ thân phận, một lòng một dạ phục vụ triều đình, từ nay về sau không được ngang ngược, không được coi nhẹ thiên tử". Các tiết độ sứ đều tung hô vạn tuế biểu thị sự tuân phục.

Ông có sức chịu đựng vô bờ bến, ít khi giết hại quân thần. Một lần, ông mở tiệc chiêu đãi quân thần, trong số các quân thần là

học sĩ hàn lâm, anh ta tên là Vương Trứ, anh ta vô n dĩ là đại thâ n triê u Hậu Chu, lúc này rượu say anh ta luôn hoài niệm vê chủ cũ, nói ba loa trước mặt quâ n thâ n. Các đại thâ n ai nâ y đê u sợ hãi thâ t kinh đê u lo cho anh ta. Tô ng Thái Tô không hê trách tội mà sai người dùi vê phòng nghỉ ngoi. Vương Trứ nhâ t định không đi, cứ đứng sau tâ m bình phong khóc nức nở, các thuộc hạ phải khó khăn lă m mới lôi anh ta đi. Sáng hôm sau, trong buổi thiê t triê u có người nói Vương Chu dám tưởng nhớ Chu Thê Tông, cᾶ n phải xử phạt. Thái Tô nói: "Anh ta say rượu không biê t gì.

Thời Chu Thê Tông trãm và anh ta đê u là đại thâ n, trãm rã t hiểu tính cách anh ta. Anh ta chỉ là 1 thư sinh, khóc lóc nhớ vê chủ cũ không có vâ n đê gì đáng ngại. Hãy để anh ta đi đi".

Trong trận binh biê n ở Trâ n Kiê u, sau đó Triệu Khuông Dận quay vê Biên Kinh, lúc vào cung ông thâ y cung nữ bê một đứa nhỏ, ông có hỏi đứa nhỏ là con của ai và cung nữ đó nói: đó là con của Chu Thê Tông. Phạm Châ t, Triệu Phô và Phiên Mĩ đê u đứng cạnh ông ta, Triệu Khuông Dận hỏi nên giải quyê t việc này ra sao. Triệu Phô nói: "Tô t nhâ t là giê t nó đi, trừ hậu họa vê sau. Triệu Khuông Dận lă c đâ u đáp: "Trãm được mọi người lập làm thiên tử, chiê m được địa vị của cha nó, bây giờ lại giê t nó, quả thật không nhẫn tâm". Ông giao đứa trẻ cho Phiên Mĩ nhận làm con nuôi, từ đó vê sau không bao giờ nhã c lại chuyện đó, vê phâ n Phiên Mĩ anh ta không đả động tới đứa trẻ khi ở trước mặt Khuông Dận. Sau này đứa trẻ trưởng thành, đã lâ y tên là Hoài Cát, và làm đê n chúc lại sú. Có một lâ n, Triệu Khuông Dận có việc phải rời cung. Lúc đi qua câ u Đại Khé, đột nhiên một mũi tên bay đê n cã m vào lá cờ trước mặt ông ta. Đội cận vệ quân ai nâ y đê u tài mêt mặt mà, Thái Tô đặt tay ngang ngực nói: "Cám ơn ai đó đã dạy trãm cách bã n tên". Và không cho phép cã m vê đi tìm kẻ bã n tên. Những chuyện đó vê sau không bao giờ lặp lại. Trong chiê n dịch ở trạm Trâ n Kiê u, ở giữa Trâ n Kiê u và Phong Khâu. Lúc xảy ra cuộc binh biê n, quan trâ n giữ ở Trâ n Kiê u đóng cửa phòng thủ, không dám cho quân của Triệu Khuông Dận đi qua Triệu Khuông Dận đành đi qua con đường ở Phong Khâu, quan ở cửa Phong Khâu lập tức mở cửa cho ông vào. Sau khi đăng cơ ông lại tăng quan và thưởng cho quan ở Trâ n Kiê u,

khen anh ta là người trung thực, còn quan ở Phong Khâu bị ông ta căt chức và sai chặt đầu anh ta.

Ông rất thích bắn chim hạc. Một lần có 1 viên quan cẩn gặp mặt ông để bẩm báo gấp về việc quốc sự, Triệu Khuông Dận lập tức cho anh ta vào yết kinh, Triệu Khuông Dận xem qua tấu chương thấy rằng đó là 1 chuyện nhỏ hé lộ súc bình thường, ông bức bối trách hỏi anh ta tại sao lại nói dối. Anh ta trả lời: "Thần cho rằng 1 chuyện nhỏ cũng quan trọng hơn là chuyện bắn chim hạc". Triệu Khuông Dận phẫn nộ dùng cán rìu đánh vào mõm và làm gãy 2 chiếc răng của anh ta. Anh ta không hề kêu đau mà từ từ cúi gập người xuống tìm lại 2 chiếc răng và cắm vào miệng. Thái Tổ tức giận quát: "Bao giờ hai chiếc răng của khanh lấp lại nguyên vẹn, khanh mới được đi tö cáo trâm". Anh ta trả lời: "Thần không có quyền cáo tö bệ hạ, chỉ có quan sử ghi chép lại chuyện hôm nay vào sổ sách mà thôi". Thái Tổ nghe anh ta đáp, ông từ từ nguôi giận và thấy anh ta quả là người trung thực, ông ban thưởng cho anh ta.

Tháng 10 năm 976, Thái Tổ bị ôm, tắt cả mọi công việc trong triều để ủy thác cho Triệu Khuông Nghĩa xử lý và giải quyết. Ban ngày, Triệu Khuông Nghĩa lên triều giải quyết việc triều chính, tối đén lại đén viện Vạn Tuế thăm huynh trưởng. Sẩm tö i ngày Quý Sửu, Triệu Khuông Nghĩa đang ngồi trong phòng xem tấu chương. Một thái giám vội vàng chạy đén truyề n chỉ, nói Thái Tổ triệu ông ta đén điện Vạn Tuế có việc gấp. Ông ta chạy vội đén chỗ anh trai, thấy Thái Tổ đang thở dốc nói không ra hơi, mắt nhìn trùng trùng ra ngoài cửa, không biết có ý nghĩa gì. Triệu Khuông Nghĩa đuổi hết thái giám và thị vệ ra ngoài, thậm chí thái giám đứng canh cửa cũng bị đuổi đứng ra xa. Chỉ nghe thấy tiếng thì thào của hai anh em nhưng không nghe rõ ràng bọn họ nói gì. Một lúc sau, thấy đèn trong điện phút tắt, bên trong tö i om, hình như Triệu Khuông Nghĩa đang nấp ở trong làm cái gì đó. Tiếp đó có tiếng rìu chặt, tiếp đó là giọng nói của Thái Tổ: "Khanh hãy làm tö t vào". Tiếp đó, Triệu Khuông Nghĩa chạy ra cửa sai thái giám đi gọi hoàng hậu và hoàng tử đén. Lúc hoàng hậu và hoàng tử đén, Thái Tổ đã chết. Căn cứ vào chuyện đó, có người hoài nghi rằng: Triệu Khuông Nghĩa vào điện Vạn Tuế lợi dụng Thái Tổ đang hôn mê và đuổi hết các phi tử đi. Thái Tổ tỉnh dậy rất tức giận, liền

cảm rìu đánh Triệu Khuông Nghĩa, Triệu Khuông Nghĩa lánh trốn, chiêc rìu bị rơi xuông đất; có người nói Thái Tổ trong lúc hôn mê cứ nghĩ rắng có quý ở bên cạnh, Triệu Khuông Nghĩa giúp ông ta đuổi quỷ, vì vậy mà các thái giám nghe tiếng rìu rơi xuông đất; có người cho rắng Triệu Khuông Nghĩa giết Thái Tổ. Cho đến hôm nay vẫn còn nhiều nghi ngờ xung quanh tiếng rìu rơi trong phòng.

Sau khi Triệu Khuông Dận chết, lấy ý hiệu miếu là Thái Tổ.

THÁI TÔNG (TRIỆU KHUÔNG NGHĨA) (TRIỆU BẮC TÔNG)

Thái Tông, ông ta tên là Triệu Khuông Nghĩa (939 - 997). Ông là em trai của thái tử Triệu Khuông Dận. Ông kế vị khi anh trai chết. Ông trị vì 22 năm, bị chết do vết thương tái phát. Hưởng thọ 59 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Hi Lăng (nay thuộc phía Tây Nam huyện Cửng tỉnh Hà Nam).

Hồi nhỏ Triệu Khuông Nghĩa có tên là Triệu Quang Nghĩa, sau khi đăng cơ, ông đổi tên là Quán. Ông tham gia vào cuộc binh biến ở Trấn Kiều và ủng hộ anh trai xưng đế, ông làm khanh sứ phong thủ ở Mục Châu (nay thuộc phía Nam huyện Cửng tỉnh Hà Nam).

*

Đông huyện Kiến Đức tỉnh Chiết Giang). Vé sau ông làm trung thư lệnh và được phong làm Tần Vương. Thời Thái Tổ sủng ái phu nhân Kim Thành. Ông nhiều lần khuyên Thái Tổ xa rời nữ sáu chú trọng vào việc nước, Thái Tổ không nghe lời can gián của ông. Một hôm thái tử sai gọi Triệu Khuông Nghĩa vào vườn Thượng uyển tham gia yến tiệc, vừa uống rượu vừa ban cung. Thái Tổ cảm thấy rượu to và bảo Triệu Khuông Nghĩa uống hết, ông ta chỉ từ không uống và chỉ tay vào một bông hoa mới nở trong đám hoa và nói: "Nếu như phu nhân Kim Thành tự tay đem bông hoa đó về đây, khanh sẽ uống hết côc rượu này". Thái Tổ sai phu nhân Kim Thành đi ngặt bông hoa đó về. Lúc này Triệu Khuông Nghĩa đang cảm cung tên đang chuẩn bị ngã mìn 1 vật gì đó, đột nhiên ông quay người bắn chết phu nhân Kim Thành. Ông buông cung tên và quỳ xuống ôm chân Thái Tổ nói: "Bệ hạ vừa mới lên ngôi, cảm thấy

việc trị nước làm trọng". Thái Tổ thay ông ta trung thực và lại là em ruột của mình nên không trách tội. Tháng 10 năm 976 Thái Tổ chê' t, cùng tháng đó ông lên kế' vị đổi niên hiệu là "Thái Bình Hưng Quô' c".

Trong thời gian trị vì, ông tiếp tục duy trì chính sách thô' ng nhâ' t toàn quô' c, bắt Ngô Việt Vương Tiê' n Xúc trả đâ' t đai cho Triê' u Tô' ng, xuâ' t binh đánh tiêu diệt triê' u Bă' c Hán, nhiê' u lâ' n tâ' n công nước Liêu, có ý đô' thu phục 16 châu ở Yên Vân, nhưng vì chuẩn bị không kĩ, thời cơ chưa chín mìu nên gặp thâ' t bại, thành ra mô' i quan hệ với nước Liêu bị xâ' u đi. Tăng cường chê' độ trung ương tập quyê' n, ông cho phép các văn nhân tham gia vào chính sự điê' u đó giúp nho học có dịp ngẩng đâ' u. Ông chú ý cày ruộng làm nông nghiệp xây dựng công trình thủy lợi, tích cực cỗ vũ khai hoang, khiê' n nê' n kinh tế' xã hội phát triển, mâu thuẫn xã hội tạm thời ổn định. Vào những năm cuối đời, ông đàn áp đẫm máu cuộc khởi nghĩa của Vương Tiêu Ba, Lí Thuận.

Triệu Khuông Nghĩa rất thích đọc sách, ông coi trọng hiê' n sĩ. Những quâ' n thâ' n của triê' u Nam Đường Lí Dục Tiê' n Xúc (nước Ngô), những người này vì thương nhớ chủ cũ nên có những lời nói không phải và oán hận. Triệu Khuông Nghĩa không trách tội bọn họ mà còn trọng dụng, ông xây thư quán và để bọn họ ở đó biên tập những văn tịch: "Văn phạm nghệ hoa" "Thái Bình Quảng kí"... ông tạo cho bọn họ những điều kiện sinh hoạt thoải mái và hoàn cảnh làm việc tốt đẹp thuận lợi, điều đó làm cho bọn họ tận trung làm việc, đem hê' t kiê' n thức để viết sách. Năm 979, ông bị quân Liêu đánh bại trong trận chiến ở sông Cao Lương (nay thuộc phía Đông huyện Đại Hưng thành phố Bă' c Kinh) toàn quân bỏ chạy tan tác. Quân Liêu đuổi theo cõng đoạt của cải và các phi tử, may mắn ông chạy thoát thân, chân bị trúng 3 mũi tên. Từ đó hàng năm những vết thương đó đều tái phát. Mùa thu năm 996, vết thương của ông lại tái phát. Tháng 8 ông lập con trai thứ 3 làm thái tử và sai Lí Hàng và Lí Chí giúp thái tử. Ngày Quý Tị tháng 3 năm 997 Triệu Khuông Nghĩa mất tại Biện Kinh ở lâ' u tây điện Vạn Thọ. Thái tử theo lệnh cha lên kế' vị.

Thời còn sóng Khuông Nghĩa nuôi một con chó, khi ông ôm, con chó đó không chịu ăn uống, khi ông chê t, nó gào khóc, vê sau nó ôm và chê t theo ông. Mọi người gọi nó là con chó trung hiếu.

Hiệu miếu của ông đặt là Thái Tông.

CHÂN TÔNG (TRIỆU HĂNG) (TRIỀU BẮC TÔNG)

Chân Tông, ông ta tên là Triệu Hăng (968 - 1022), ông vốn có tên là Triệu Đức Xương, vê sau lại đổi tên là Nguyên Hưu. Ông là con trai thứ 3 của Thái Tông. Ông kế vị sau khi cha chê t. Ông trị vì 25 năm, ôm chê t. Hưởng thọ 55 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Định Lăng (nay thuộc Thái Gia Trang phía Đông Nam huyện Cửng tỉnh Hà Nam).

*

Triệu Hăng, ông lần lượt được phong làm: Cân Vương, Tương Vương, Thọ Vương. Vào những năm cuối đời Thái Tông mê tín tướng thuật, Thái Tông cho gọi một thây tướng số vào cung để xem tướng cho con cháu anh em. Thây tướng số đó xem cho 7 người con cháu của Thái Tông, chỉ có Triệu Hăng lúc đó đang ngủ nên không xem được. Thây tướng số nói: "Tôi xem mặt cho các vương, bản mệnh của họ đều không tốt bẩm Thọ Vương". Thái Tông nói: "Khanh chưa từng gặp Thọ Vương, tại sao lại nói mệnh của Thọ Vương là tốt nhất". Thây tướng đáp: "Tôi vừa nhìn thấy 3 nốt bộc đứng trước cửa phòng của Thọ Vương bọn họ đều có cách sau này sẽ trở thành tướng lĩnh. Người hưu có mệnh tốt như vậy, đương nhiên chủ nhân của họ sẽ rất cao quý".

Vì vậy Thái Tông lập Triệu Hăng làm thái tử. Tháng 3 năm 997 Thái Tông chê t, cùng tháng đó Triệu Hăng lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Hàm Bình".

Thời gian đầu khi mới lên ngôi, Triệu Hăng cho Lí Hăng làm tể tướng, ông chú ý việc tiết kiệm, nền chính trị tương đối ổn định. Năm 1004, thái hậu Túc (NUỚC LIÊU) cùng Thánh Tông thô ng lĩnh 20 vạn đại quân tiến xuông phía Nam, tiến sát chân thành Thiền Châu (nay thuộc

huyện Bộc Dương tỉnh Hà Nam) nhầm uy hiếp đô thành nước Tô ng. Trong một đêm, các thám báo 5 lâ n đưa tin đê n thành Đông Kinh, Triệu Hăng hỏi các đại thà n nên giải quyết chuyện này ra sao. Phó tể tướng muôn chạy trôn, tể tướng ra sức phản đối "Người nào dám đưa ra ý kiê n chạy trôn thì phải chém đâ u". Tể tướng nói: Nê u bỏ thành Biện Kinh để chạy trôn, điê u này dễ gây dao động lòng dân, kẻ địch cũng nhân cơ hội để tiê n tới, Quô c gia khó bảo toàn, nê u bệ hạ đích thân ra trận điê u đó sẽ làm tăng thêm chí khí cho quân sĩ, điê u đó nhâ t định đẩy lui quân địch". Triệu Hăng đồng ý với ý kiê n của tể tướng, ông sai tể tướng cùng chỉ huy quân đội. Đi đê n Vĩ Thành (nay thuộc phía Đông Nam huyện Cô t tỉnh Hà Nam), Triệu Hăng nghe nói binh lực của quân Liêu râ t mạnh, ông nhụt chí khí định lui quân. Tể tướng lại can gián: "Hôm nay quân địch đuổi đê n gâ n, tình hình râ t nguy cập, chúng ta chỉ có thể tiê n công, chứ không được phép lui quân. Quân đội của chúng ta ở Hà Bă c đang ngóng vọng bệ hạ, nê u chúng ta tiê n quân sẽ là một động cơ thúc đẩy mạnh mẽ cho chí khí của binh sĩ ở Hà Bă c; nê u lui quân điê u đó làm cho lòng quân xao động, dân chúng thâ t vọng, kẻ địch sẽ thừa cơ tâ n công chúng ta, lúc đó e ră ng đê n thành Kim Lăng bệ hạ cũng không giữ nổi. Triệu Hăng miễn cưỡng nghe theo lời khuyên của tể tướng, ông tiê p tục hành quân về phía trước, vượt sông tiê n vào thành Thiê n Châu. Quân Tô ng đóng quân ở các ngả đường nhìn thâ y cờ rô ng của hoàng đế bay phâ p phói, bọn họ đê u phâ n khởi, chí khí được cổ vũ mạnh mẽ, và đê u tung hô "Vạn Tuê ". Tể tướng chỉ huy quân lính ra trận, các binh lính ai nâ y đê u dũng cảm chiê n đâ u quên mình, giê t vô sô quân Liêu và giê t chê t chủ tướng Túc Đạt Lan. Thái hậu Túc lúc thâ y Triê u Tô ng hòa khí bùng bùng, khó lòng đánh bại, bà ta phải xin câ u hòa. Nhờ sự giúp đỡ của tể tướng và sứ giả, bọn họ đã đê n doanh trại quân Liêu để thảo luận các điê u kiện hòa bình. Tháng 10, hai bên đã thỏa thuận xong các điê u lệ mà đô i phương nêu ra: quân Tô ng tặng cho quân Liêu 10 vạn đô ng bạc 20 vạn tâ m lụa; đổi lại quân Liêu sẽ lui quân. Từ đó tiê n bă ng bạc trở thành một gánh nặng cho dân chúng.

Vê sau Triệu Hăng lại nghe lời xàm tâ u của phó tể tướng hận tể tướng súi bảy mìn xuâ t quân đê mang họa và ông bãi bỏ tước vị của tể tướng, trọng dụng phó tể tướng... Ông ngụy tạo "Thiên Thu", đê

cao phật giáo, đạo giáo, nho giáo, tin vào mê tín, mờ mang việc xây dựng cung điện, bức ép dân chúng nê`n chính trị suy bại, mâu thuẫn xã hội ngày một gay gă`t.

Năm 1021, Triệu Hă`ng ô`m, tháng 2 năm sau, bệnh của ông chuyển ra nguy kịch. Ngày Mậu Ngọ ông truyê`n ngôi cho thái tử. Được một thời gian ông mâ`t tại điện Diên Khánh cung Biện Kinh.

Hiệu miê`u của ông được đặt là Chân Tông.

NHÂN TÔNG (TRIỀU TRINH) (TRIỀU BĂ`C TÔ`NG)

Nhân Tông, ông ta tên là Triệu Trinh (1010 - 1063), ông vô`n dĩ có tên là Thụ Ich. Ông là con thứ 6 của Chân Tông. Ông kế` vị sự nghiệp của cha. Ông trị vì 42 năm, ô`m chê`t. Hướng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Chiêu Lăng (nay thuộc huyện Cửng tỉnh Hà Nam).

*

Triệu Trinh lâ`n lượt được phong làm Thọ Xương Vương, Thăng Vương. Trong lúc bệnh tình nguy kịch Chân Tông đã truyê`n ngôi cho ông, và ông cho đổi niên hiệu là "Thiên Thánh".

Trong thời gian ông trị vì, nê`n kinh tế` xã hội và khoa học kỹ thuật, văn hóa... đê`u có sự phát triển. Ông chi tiêu râ`t tiê`t kiệm.

Một hôm vào mùa thu, quan viên mang sò đê`n biê`u ông. Triệu Trinh hỏi chỗ sò đó mang từ đâu đê`n, các hạ thâ`n đáp: Lâ`y từ một nơi râ`t xa. Ông hỏi tiê`p chỗ sò đó đáng giá bao nhiêu tiê`n. Ông nhận được sự trả lời: tổng cộng: 28 con sò (mỗi con là 1000 đô`ng). Triệu Trinh nói: "Trẫm thường giáo huâ`n các khanh phải chi tiêu tiê`t kiệm, bây giờ chỉ ăn vài con sò vậy mà phải tiêu phí 28000 đô`ng, thật lãng phí trãm không ăn". Và ông cũng bỏ cơm không ăn.

Một lâ`n khác, buổi sáng sớm tinh dậy, ông nói với người hâ`u: "Tôi qua trãm râ`t đói, trãm không ngủ được, lúc đó trãm râ`t muô`n ăn thịt dê nướng".

Người hả u đáp: "Tại sao bệ hạ không sai hạ thâ n đi lâ y món ăn đó?" Triệu Trinh trả lời: "Nê u như trẫm hạ chỉ, tâ t nhiên các khanh phải tuân theo mệnh lệnh của trẫm nhưng lúc đó lại phải làm phiê n dân chúng, chi bă ng trẫm không ăn thì hơn".

Có lâ n Vương Tô khuyên Triệu Trinh câ n phải rời xa nữ sâ c, Triệu Trinh đáp lại: "Mâ y hôm trước, Vương Đức Dụng có tặng cho trẫm vài cô gái đẹp, hiện giờ các cô gái đó đang ở trong cung, trẫm râ t ứng mây cô đó, khanh để trẫm giữ lại một cô gái được không. Vương Tô nói: "Hôm nay thâ n nói những lời thật lòng, thâ n chỉ sợ bệ hạ vì nữ sâ c mà rơi vào cảnh truy lạc". Triệu Trinh vâng, tuy không vui vẻ nhưng vẫn ra lệnh cho thái giám: "Lí Đức Dụng có tặng thâ n mây mĩ nữ, nhưng mỗi người phải mua mây t 300 quan. Lập tức mang bọn họ dời khỏi lì cung, xong việc phải quay lại báo cáo trẫm". Nói xong, nước mây t ông chảy ròng ròng. Vương Tô lại nói tiê p: "Nê u bệ hạ thâ y những lời nói của thâ n là đúng, cũng không câ n phải giải quyết theo cách đó. Mĩ nữ đã mang vào cung, hay là cho bọn họ ở trong cung một thời gian rồi đuổi đi cũng được" Triệu Trinh trả lời: "Tuy làm hoàng đế, nhưng trẫm cũng trọng tình cảm. Để bọn họ ở đây một thời gian, sợ ră ng ân tình sâu nặng rõ i không muôn đuổi đi". Một hôm sau buổi thiê t triê u, Triệu Trinh quay vê tâ n cung, vì bị ngứa đâ u nên ông không cởi áo hoàng bào mà lột bỏ luôn mũ, lâ y lược đưa thái giám để bảo anh ta chải đâ u hộ. Lúc chải đâ u cho Triệu Trinh, thái giám thâ y ông có một bản tâ u câ t trong áo, liê n hỏi: "Bệ hạ nhận được bản tâ u vê vân đê gi vây?" Ông đáp đó là bản kiê n nghị của quâ n thâ n muôn gián bót cung nữ và thị tùng trong cung. Thái giám nói: "Trong nhà các đại thâ n đê u có vũ nữ để múa hát, khi bọn họ được thăng chức, ai nâ y đê u tăng thêm người hâ u và thê thiê p. Thị tùng phục vụ bệ hạ không phải là nhiê u, vậy mà họ còn đòi giảm bớt, quả thật râ t quá đáng!" Ông không tiê p lời anh ta. Thái giám lại hỏi: "Kiê n nghị của bọn họ, bệ hạ có phê chuẩn không?" Ông đáp lại: "Lời can gián của các đại thâ n trung thực đương nhiên phải thu nạp". Từ khi được phục vụ hoàng thượng, anh ta luôn được sủng ái, vì thế anh ta không bă ng lòng nên nói: "Nê u bệ hạ thu nạp, xin bệ hạ hãy bỏ nô tài". Nghe anh ta nói, ông đứng dậy sai gọi tổng quản thái giám vào phòng. Lâ y sổ sách kiểm tra, sau đó bãi miễn 29 cung nữ và viên thái giám

chải đấu cho ông, cho bọn họ rời hoàng cung... Sau chuyện này hoàng hậu chất vấn: "Thái giám chải đấu cho bệ hạ là người thân tình lâu năm, trong cung nhiếu người như vậy, tại sao lại bãi miễn anh ta mà không bãi miễn người khác?" Ông nói: "Anh ta khuyên trẫm cự tuyệt những lời can gián trung thực, làm sao trẫm có thể giữ một người như vậy ở bên cạnh".

Mặt khác, trong thời gian ông trị vì, việc thôn tính đất đai ngày một nghiêm trọng, quan lại, quân đội và đại phu ngày một nhiếu, ngân khố quốc gia trống rỗng. Tây Hạ và nước Liêu liên tiếp tấn công, ông chống đỡ không nổi nên xin cấu hòa. Việc cống tiến bạc cho triề́u Tây Hạ và Liêu ngày một nhiếu. Nội bộ tập đoàn thống trị mâu thuẫn gay gắt, khởi nghĩa nông dân nô ra liên tiếp. Để chống đỡ những nguy cơ nguy hiểm: ông cho Phạm Trọng Am làm phó thừa tướng, phụ trách công việc cải cách. Nhưng do sự phản đối gay gắt của hoàng thân quốc thích và quý tộc..., ông bãi miễn Phạm Trọng Am, công cuộc cải cách không thực hiện được, dấn hình thành cục diện nghèo nàn và suy thoái.

Ông mất ngày Tân Mùi tháng 3 năm 1063 tại điện Phúc Ninh cung Biện Kinh. Ông để lại di chiếu do thái Triệu Thự kế vị, phong hoàng hậu Tào làm thái hậu, việc tang lễ làm đơn giản.

Sau khi ông chết lấy hiệu miếu là Nhân Tông.

ANH TÔNG (TRIỆU THỰ) (TRIỀ́U BẮC TỐNG)

Anh Tông, ông tên là Triệu Thự (1032 - 1067) ông là con nuôi của Nhân Tông. Kế vị khi cha nuôi chết. Ông trị vì 6 năm, ốm chết. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Hậu Lăng (nay thuộc huyện Cửng tỉnh Hà Nam)

*

Triệu Thự, là cháu của Thái Tông Trọng và cũng là cháu của Thượng Cung Tĩnh Vương Triệu Nguyên Phấn. Triệu Thự là con trai thứ 13 của Bộc Dương Nghị Vương Triệu Sung Nhượng. Từ lúc nhỏ Triệu Thự được Nhân Tông đón vào hoàng cung làm con nuôi, đưọc 1;

2 năm lại quay về nhà. Lúc 5 tuổi Triệu Thự bị Nhân Tông đổi tên là Tông Bảo. Năm 1050 ông được cử làm liên sứ ở Nhạc Châu. Sau đó làm khanh sứ trấn giữ ở Tân Châu. Năm 1055 ông được lập làm thái tử. Tháng 3 năm 1055 Nhân Tông chê t, ngày Nhâm Thân tháng 4 ông lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Trị Bình".

Trong thời gian Triệu Thự trị vì ông trọng dụng các đại thần: Tăng Công Lượng, Hàn Kì, Văn Ngạn Phó... ông không có tư tưởng cải cách, ông không phát động chiến tranh với các nước Liêu, Tây Hạ... Tháng 11 năm 1066, Anh Tông bị ôm, ông sai gọi học sĩ Trương Văn Định đền. Lúc này tinh thần rãt suy sụp đau buồn ông nói với Trương Văn Định: "Có lẽ trẫm sắp vĩnh biệt khanh". Ông lại chỉ vào tờ giấy đặt trên giường. Trương Văn Định nhìn thấy trên mặt tờ giấy đó viết: "Ngày mai giáng chiêu lập hoàng thái tử". 8 chữ đó, không chỉ rõ hoàng thái tử là ai, Trương Văn Định biết Anh Tông muôn hỏi ý kiênn mình. Anh ta đành thay mặt Anh Tông lập con trưởng của hoàng đế là Triệu Tu làm hoàng thái tử. Anh Tông cũng rãt tán đồng với ý kiênn đó. Trương Văn Định đưa bút cho Triệu Thự viết, nhưng ông ta không còn sức lực để cầm bút. Ông ta đành cõng viết 3 chữ "Đại đại vương". Ngày Đinh Tị tháng 1 năm 1067 Triệu Thự mất tại điện Phúc Ninh cung Biện Kinh.

Sau khi ông chê t lập hiệu miêu là Anh Tông.

THÂN TÔNG (TRIỆU TU) (TRIỀU BẮC TÔNG)

Thân Tông, ông ta tên là Triệu Tu (1048 - 1085). Ông là con trưởng của Anh Tông. Ông kế vị khi cha chê t. Ông trị vì 18 năm, ôm chê t. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Dục Lăng (nay thuộc huyện Cửng tỉnh Hà Nam).

*

Thân Tông lânn lượt nhận những chức vị: Hoài Dương Vương, Dĩnh Vương. Lúc Anh Tông gặp bệnh tình nguy hiểm đã lập ông làm hoàng thái tử. Triệu Tu thích đọc cuốn "Hàn Phi Tử". Đọc xong cuốn sách đó ông nói: "chuyện khó trong thiên hạ rãt nhiều, nhât

thiết phải cải cách". Ngày Đinh kỉ tháng 1 năm 1067 ông lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Hi Hình".

Sau khi đăng cơ, phải đối diện với cục diện "tích nghèo tích yểu", để thực hiện mục tiêu nước giàu dân mạnh và làm dịu mâu thuẫn giai cấp... ông thực hiện 1 loạt chính sách như không xây dựng và không sửa sang cung thất, không đi du lịch, phê truất các nguyên lão, bắt đầu dùng biện pháp mới, biện pháp này do Vương An Thạch chủ trì. Sau hơn 10 năm thực hiện cải cách nền tài chính quốc gia có sự thu nhập đáng kể, lực lượng quân sự cũng tăng. Do biện pháp cải cách này động chạm đến lợi ích của bọn địa chủ nên vấp phải sự phản đối mãnh liệt của phái bảo thủ. Lúc đó, ở một địa phương bị động đất và phát sinh núi lửa, phái bảo thủ dựa vào đó để nói biện pháp Vương An Thạch không đúng nên làm ông trời tức giận. Năm 1073, địa khu Hà Bắc bị thiên tai, dân cư ở đó phải đi lưu vong, có một viên quan trong phái bảo thủ name ngay cơ hội đó, anh ta vẽ một bức tranh "Lưu dân đói" dâng cho Triệu Tu xem và nói: "Thiên tai là do biện pháp Vương An Thạch gây ra, chỉ cần đình chỉ biện pháp và bãi miễn chức vụ của Vương An Thạch,天堂 tin rằng ông trời sẽ ngưng trùng trì, không gây ra thiên tai". Thái hậu Tào và thái hậu Cao cũng khóc và xin Triệu Tu đình chỉ biện pháp để đỡ gây hoạn nạn do ông trời trùng phạt. Thủ Tông bị sức ép nên cũng dao động, Vương An Thạch hai lần bị ép từ quan. Sau khi Vương An Thạch từ quan, Triệu Tu bắt bãi bỏ hết những cải cách của mà đã duy trì hơn 10 năm.

Trong cuộc chiến tranh với Tây Hạ, thời gian đầu ông trọng dụng Vương Chiêu nên giành được thắng lợi trong chiến dịch Hi Hà, về sau ông lại tin dùng hoạn quan Lí Hiến, Lí Hiến là kẻ bất tài không biết chỉ huy trận mạc nên bị thua bại.

Tháng 1 năm 1085, Triệu Tu bị ôm, tháng 2 bệnh tình chuyển ra nguy kịch, tháng 3 ông lập Triệu Dung làm thái tử và cho phép Thái hậu Cao tham gia quản lý triều chính. Ngày Mậu Tuất ông mất tại điện Phúc Ninh cung Biện Kinh.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Thủ Tông.

THÁI HẬU CAO (THÁI HẬU TUYÊN NHÂN) (TRIỀU BẮC TÔNG)

Thái hậu Cao (1032 - 1093). Bà là hoàng hậu của Anh Tông. Là mẹ đẻ của Thân Tông. Bà nhiếp chính 9 năm, ôm chét, hưởng thọ 62 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Dục Lăng (cùng chỗ với Thái Tông).

*

Thái hậu Cao quê ở Gia Thành (nay thuộc huyện Gia Thành tỉnh An Huy), bà xuất thân trong gia đình quan lại quý tộc, bà là em họ của thái hậu Tào (hoàng hậu Nhân Tông). Năm 1065 bà được Anh Tông sắc phong làm hoàng hậu. Thân Tông chết, lúc đó Triết Tông còn nhỏ tuổi, bà đã lấy thân phận thái hoàng thái hậu để lâm triều nhiếp chính.

Trong thời gian chấp chính, bà trọng dùng những đại thần trong phái Bảo Thủ, ví dụ như: Tư Mã Quang, Lã Công Giả, Văn Ngạn Phó, và bài trừ biến pháp của Vương An Thach; bà còn giao nộp 4 vùng: An Cương, Nhũ Đê, Giả Lô, Mã Chi... cho triều Tây Hạ.

Mùa thu năm 1093 bà ôm nặng, bà triệu gọi: đại thần Lã Phòng, Phạm Thuận Nhân... và nói với bọn họ: "Sau khi ta chết, hoàng thượng (Triệu Tông) sẽ không trọng dụng các khanh. Hai khanh là người thông minh, hãy chủ động từ quan để hoàng thượng chọn dùng những người mà hoàng thượng thích, các khanh làm vậy mới tránh được họa".

Vài ngày sau bà mất tại Biện Kinh.

TRIẾT TÔNG (TRIỆU HÚC) (TRIỀU BẮC TÔNG)

Triết Tông, ông ta tên là Triệu Húc (1077 - 1100), ông vốn có tên là Nguyên Dung. Ông là con thứ 6 của Thân Tông. Ông kế vị khi cha chết. Ông trị vì 15 năm, ôm chết. Hưởng dương 24 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Thái Lăng (nay thuộc huyện Cửng tỉnh Hà Nam).

*

Triệu Húc được phong làm Đinh An quận vương. Trong lúc bệnh tình nguy kịch Thân Tông đã lập Triệu Húc làm thái tử. Ngày Mậu Tuất tháng 3 năm 1085 ông lên kế vị và đổi niên hiệu là "Nguyên Hựu".

9 tuổi, ông đã làm hoàng đế, một hôm để học nghi thức tiêp đón sứ giả tộc Khiết Đan. Đại thần Thái Thị Chính sợ Triệu Húc nhỏ tuổi, khi nhìn thấy dung mạo và phục trang của người Liêu mà sợ hãi, nên u vậy sẽ làm mất mặt bản quốc do đó anh ta dẫn Triệu Húc đi xem dung mạo và phục trang của tộc Khiết Đan, nói Triệu Húc không nên sợ, anh ta giảng đi giảng lại mấy mươi lần cho Triệu Húc hiểu. Triết Tông nghe anh ta nói xong và hỏi lại 1 cách nghiêm túc: "Sứ giả Khiết Đan là người có phải không?" Thái Thị Chính nói: "Đương nhiên anh ta là người" Triệu Húc vặn lại: "Nếu là người, việc gì trẫm phải sợ anh ta?" Thái Thị Chính không ngờ 1 đứa trẻ 9 tuổi lại có chính kiết n cứng rắn và kiên quyết, anh ta vội vàng thô thi lui.

Thái hậu Cao ché t, Triết Tông chính thức nắm quyền điều hành triều chính. Ông lại đổi niên hiệu là "Thiệu Thành" niên hiệu đó mang ý nghĩa sẽ kế tục cải cách của Thân Tông. Ông chọn dùng Tống Bô, bấy miến Lã Đại Phòng, Lưu Thủ... đoạt lại quyền hành của Tư Mã Quang, Lã Công Giả... khôi phục lại cải cách do Vương An Thạch đề ra; tăng cường phòng vệ ở phía Tây và phía Bắc, đẩy lui sự tấn công của Tây Hạ. Trong đô i nội và đô i ngoại ông đều làm theo cách thức trong biên pháp của Vương An Thạch.

Mùa đông 1099, ông bị ôm. Ngày Kỉ Mão tháng 1 năm 1100 ông mất tại Biện Kinh.

Sau khi ông ché t lập hiệu miêu là Triết Tông.

VI TÔNG (TRIỆU CÁT) (TRIẾT BẮC TÔNG)

Vì Tông, ông ta tên là Triệu Cát (1082 - 1135), ông là con thứ 11 của Thân Tông và là em của Triết Tông. Khi Triết Tông ché t thái hậu lập ông làm đế. Ông trị vì 25 năm, ông làm mất nước bị bắt

làm tù binh và bị giày vò mà chết. Hưởng thọ 54 tuổi, mai táng ở Vĩnh Hựu Lăng (nay thuộc huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Cát được phong làm Đoan Vương. Tháng 1 năm 1100 Triết Tông mất, do Triết Tông không có con nên thái hậu đã lập Triệu Cát làm hoàng đế, lễ đăng cơ tổ chức vào tháng 1, ông đổi niên hiệu là "Kiến Trung Tĩnh Quốc".

Lên ngôi không được bao lâu; ông trọng dụng 6 người: Thái Kinh, Vương Phụ, Đô Ng Quý, Lương Sư Thành. Lí Ngan, Chu Miễn. 6 người này được mệnh danh là "lục tặc". Ông lấy khẩu hiệu "Thiệu Thuật" (tiết kiệm cai cách).

Ông chi tiêu xa xỉ hoang phí, cùng với "lục tặc" gia tăng thuế má bức hại dân, xây dựng các công trình thủy mộc, tu sửa lâm viên cung điện. Ông sai Chu Miễn xây dựng Cục Ứng Phụng (nơi dâng đồ biếu xén) tại Hàng Châu và Tô Châu, chuyển các loại hoa cổ kỳ lạ và đá quý hiếm ở vùng Giang Nam đến, gọi là "Hoa Thạch Cương" đến Biện Kinh để tu sửa hoa viên, ngân khố của Triệu Tông dành dụm được bao nhiêu bây giờ bị ông ta tiêu tán hết "Hoa Thạch Cương" khiêm nhường gia đình bị mất mạng, gia sản bị tiêu tán. Nhà nào có hoa có đá sẽ bị tịch thu, Vương Miễn liền sai nha dịch đến niêm phong; nói đó là cửa cài của hoàng thượng không được động đến, sau đó bọn chúng phá tường để vận chuyển hoa đá, dùng thuyền mang về Biện Kinh. Một lần phải chuyển một phiến đá Thái Hồ, phiến đá này cao 4 trượng, trên đường đi bắt ép vài nghìn dân phu dùng thừng kéo thuyền, nếu gấp phải cầu gỗ hoặc trolley thành cản trở Vương Miễn đành ra lệnh phá bỏ chướng ngại vật. Có những hoa đá có diện tích lớn, nếu đi bằng đường sông thì không vận chuyển được, do đó Vương Miễn sai đi theo đường biển, chuyện đó làm vô số người mất mạng. Nhân dân bị bức ép, thống khổ vô cùng, nhường cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra, Triệu Cát lại phái binh lính đi tàn sát đẫm máu.

Triệu Cát rát sùng tín Đạo Giáo, cho xây nhiều đạo quan tự xung là giáo chủ đạo quân hoàng đế, ông thường mời đạo sĩ tới xem tướng

mệnh. Sinh nhật của ông vào ngày 5/5, đạo sĩ cho ră`ng đó không phải là điê`m tó`t, ông ta liê`n đổi lại ngày 10/10. Ông ta sinh vào ngày Tuâ`t vì thê` ông cát m dân trong thành Biện Kinh nuôi chó.

Ông còn là 1 nhà thư họa, ông thiên vê` vẽ tranh hoa điê`u. Tháng 10 năm 1125, đại quan nhà Kim tiê`n xuô`ng phía Nam xâm lược triê`u Tô`ng, đại tướng Quách Dược Sa chỉ huy cánh quân phía Đông tiê`n vào Biện Kinh. Nhận được tin báo, Triệu Cát vội sai dỡ bỏ Hoa Thạch Cương và viê`t chié`u nhận tội, thừa nhận những việc làm sai lâ`m của mình, muô`n lâ`y lại lòng dân. Đại quân Kim áp sát chân thành Biện Kinh. Vị Tông vừa sợ vừa lo lă`ng; Ông kéo tay một đại thâ`n nói: "Trẫm không nghĩ ră`ng quân Kim lại đô`i xử tệ với trẫm như vậy". Ông chưa nói hế`t câu đã tă`c nghẹn ở cổ, hận cho cảnh tượng triê`u Tô`ng. Một lúc sau, ông lâ`y giâ`y và bút viê`t vài chữ "truyê`n ngôi cho hoàng thái tử". Tháng 12, ông tuyên bố` thoái vị, tự xung là "thái thượng hoàng", ông nhường ngôi cho con trai là Triệu Hoàn, ông dẫn theo "lục tắc" mượn có là đi thă`p hương cát`u khẩn để chạy đê`n thành Mông thuộc An Huy. Tháng 4 năm sau đại quân nhà Kim bị Lí Cương đánh bại phải quay vê` phương Bă`c, lúc đó Triệu Cát mới dám vê` Biện Kinh.

Cuô`i tháng 11 năm 1126 quân Kim lại tâ`n công xuô`ng phía Nam, Ngày 15 tháng 12 thành Biện Kinh thâ`t thủ, hoàng đê` Kim phê` truâ`t Triệu Cát và Triệu Hoàn làm thứ dân. Cuô`i tháng 3 năm 1127 hoàng đê` Kim sai áp giải hai cha con Triệu Cát, các hậu phi, tông thâ`t quan lại. Các thợ thủ công, nhạc công vê` miê`n Bă`c, quân Kim còn cướp râ`t nhiê`u bảo vật quý, đô` dùng, tang thư của hoàng gia, bản đồ` các châu phủ... Mọi của cải quý báu ở thành Biện Kinh đê`u bị cướp hế`t, kinh thành xơ xác, điêu tàn. Triê`u Bă`c Tô`ng diệt vong. Vì sự việc phát sinh ở niên giám Tĩnh Khang, trong sử gọi là "cuộc biê`n năm Tĩnh Khang". Theo truyê`n thuyê`t, Triệu Cát nghe tin của cải và sách quý bị cướp đi, ông ta ngửa mặt lên trời mà than thở. Trên đường bị giải đê`n miê`n Bă`c, ông ta bị giày vò và bị nhục mạ. Đầu tiên là ái phi bị quân Kim làm nhục. Tiếp đó đê`n thành đô` nước Kim, Triệu Cát và Triệu Hoàn bị ép mặc áo tang và đi đê`n thái miê`u của quân Kim để cúng tế` hoàng đê` Kim, ép hai cha con ông ta làm vậy cát`t để báo cho tổ tiên biê`t đă`bă`t được tù binh. Hoàng đê` Kim giáng Triệu Cát làm Hỗn Đức Hâ`u và lại bị giải đê`n

Hàn Châu (nay thuộc huyện Xương Đô` tỉnh Liêu Hình) và sau lại bị giam lỏng ở thành Ngũ Quô`c (nay thuộc huyện Y Lan tỉnh Hă`c Long Giang). Trong thời gian bị giam lỏng, Triệu Cát luôn buô`n râ`u, đau khổ ông viê`t nhiê`u bài thơ oán hận, thê lương...

Nhưng nỗi hận của ông ta chỉ căn cứ vào lỗi lâ`m của các đại thâ`n nên dẫn tới cảnh giang sơn xã tă`c bị phá hoại, ông ta không hê` nhận thức đê`n sự ăn chơi xa xỉ của mình nên dẫn tới cảnh mâ`t nước và kêt`t cục mình bị giam lỏng. Tháng 7 năm 1127 Triệu Cát định phái đại thâ`n Tào Huân chạy về` Nam Tô`ng và viê`t vài dòng lên trên áo may ô của Tào Huân, trên chiê`c áo đó "Con (chỉ Triệu Cao Tông) hãy nhanh đê`n giải cứu cha mẹ". Triệu Cát cho các đại thâ`n khác xem, bọn họ đê`u khóc mãi không thôi. Triệu Cát khóc hu hu trước mặt Tào Huân, và nhă`n nhu với Cao tông "Đừng có quên nỗi thô`ng khổ của cha mẹ ở miê`n Bă`c" nói xong mâ`y câu đó ông lâ`y khăn tay màu tră`ng lau nước mắt, ông giao chiê`c khăn đó cho Tào Huân và nói: "Hãy để cho hoàng thượng (Cao Tông) biê`t ta luôn nhớ về`cô`quô`c và tình cảnh đau thương ở quê người".

Triệu Cát bị giam lỏng 9 năm. Ngày Giáp Tí tháng 4 năm 1135 ông mâ`t tại thành Ngô Quô`c do bị đau khổ vê`tinh thâ`n. Kim Hi Tông sai mai táng Triệu Cát ở Quảng Hình (Hà Nam) (nay gâ`n thành phô` Lạc Dương tỉnh Hà Nam). Ngày Ấ`t Dậu năm 1147 căn cứ vào hiệp ước của nước Tô`ng - Kim, do đó thi hài của Triệu Cát được chuyển vê` Lâm An (nay là thành phô` Hàng Châu tỉnh Triê`t Giang). Vì vậy thi hài Tô`ng Cao Tông mai táng ở Vĩnh Hựu Lăng, lập hiệu miê`u là Vi Tông.

KHÂM TÔNG (TRIỆU HOÀN)

Khâm Tông, ông ta tên là Triệu Hoàn (1100 - 1161), ông còn có tên là Tuyê`n. Ông là con trưởng của Vi Tông. Vì Tô`ng nhường ngôi cho ông. Ông trị vì 2 năm, mâ`t nước bị bă`t làm tù binh vì bị ngựa giẫm chê`t. Hưởng thọ 57 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Hiê`n Lăng (nay thuộc huyện Củng tỉnh Hà Nam).

Ngày Tân Dậu tháng 12 năm 1125 Vi Tông nhường ngôi cho Triệu Hoàn, ông đổi niên hiệu là "Tĩnh Khang"

Thời gian Triệu Hoàn trị vì, quân Kim bao vây thành Biện Kinh, ông nhát gan, định chạy xuôi ng phía Nam nhưng Lí Cương cản trở. Dưới sức ép của quân và dân nước Tô ng, ông ta đứng lên chống địch, ông đành ép Lí Cương chủ trì việc giữ thành, đẩy lui quân Kim. Nhưng ông ta đã dâng cho quân Kim 3 trấn: Thái Nguyên... và đê n mười mươi mươi vạn tiễn... nhằm xin cầu hòa, ông còn các quân ở các địa phương đê n cứu viện. Sau khi quân Kim quay về nước, ông bãi miễn Lí Cương đê ng thời phế truất Thái Kinh và giáng chức Đô ng Quý...

Cuối năm 1126, quân Kim nghe tin Lí Cương bị bãi miễn chức vụ, vì thế bọn chúng lại tấn công kinh thành Biện Kinh. Triệu Hoàn vừa lo vừa sợ ông ta dự định đánh đập hàng. Ông phái em trai là Triệu Câu đê n doanh trại địch đàm phán điều kiện cầu hòa. Tháng 11, địch bao vây thành Biện Kinh và đánh chiếm đập thành, lòng quân dân nước Tô ng phân tán, hơn 3 vạn cảm vệ quân chạy trốn chỉ còn lại 1/2. Triệu Hoàn bó tay chịu chém, không có biện pháp giải quyết. Lúc này trong thành Biện Kinh có 1 người tên là Quách Kinh, anh ta là 1 long binh nhưng có tài bói toán, nghe nói anh ta có thể thực hiện lục giáp pháp, chỉ cần dùng 7777 người có thể tóm bắt thô ng sứ quân Kim và đẩy lui sự xâm lược của bọn chúng, anh ta còn nói chọn ngày hoàng đạo để phái 300 giáp binh chạy đê n Âm Sơn (nay thuộc núi Đại Thanh - Hội Mông Cố) để chiếm được hòn đảo của nước Kim. Triệu Hoàn tin vào lời nói của anh ta, ông phong anh ta làm quan và đưa cho anh ta mươi mươi vạn vàng bạc, sai anh ta chiêu mộ 6 giáp pháp. Quách Kinh toàn chiêu nạp những tên vô lại và lập thành 1 đội quân. Đội quân đó vừa ra trận đã bị quân Kim đánh cho tan tác, Quách Kinh lợi dụng việc đó và chạy mạt tăm. Quân Kim lợi dụng lúc quân Tô ng không đánh kịp cổng thành nên bọn chúng xông vào thành Biện Kinh. Quân và dân Tô ng khẩn thiết yêu cầu hoàng đế chống địch, Triệu Hoàn không đê ng tình với ý kiến đó, ông phái tể tướng đê n trai địch xin cầu hòa. Chủ soái của quân Kim yêu cầu Triệu Hoàn đích thân đê n trại Kim. Triệu Hoàn vô phương báu víu khóc lóc dẫn đập đâm quan thán, quỳ gối i trước doanh trại địch. Chủ soái của quân Kim bắt Triệu Hoàn bối thường tiễn bạc, tiễn p

đó quân Kim vơ vét hết tài sản ở đô thành: 1000 vạn lạng vàng, 2000 vạn lạng bạc, 1000 vạn tám lụa... Triệu Hoàn dăm lần 7 lượt phái hoàng thân quan thích, quan sứ, tăng nhân, dân chúng tới giúp đỡ quân Kim chuyên tài sản cướp đoạt, việc vơ vét mãi hai mươi ngày. Vậy mà quân Kim vẫn chưa thỏa lòng, bọn chúng còn giết chết tám viên quan của triều Tống.

Mùa thu năm 1127, quân Kim lại bắt ép Triệu Hoàn phải đi đền doanh trại Kim. Triệu Hoàn vừa đến liền bị bọn chúng áp giải đi. Mười hôm sau Triệu Cát cũng bị giải đến doanh trại. Kim Thái Tông sai phế truất Triệu Cát và Triệu Hoàn làm thứ dân. Cuối tháng 3 bọn họ bị giải miên Bắc. Triệu Hoàn bị hạ nhục và được phong làm Trọng Hãn Hầu, về sau bị giam lỏng ở Hàn Châu, được một thời gian lại chuyển đến giam ở thành Ngũ Quang. Mười năm sau Triệu Hoàn phải dời đến cư trú tại Yên Kinh, tinh thần ông ta bị già vò. Năm 1161 hoàng đế Kim sai Triệu Hoàn làm đội trưởng đội kị binh, trong một trận giao chiến, Triệu Hoàn bị ngã ngựa và con ngựa đó giẫm chết ông ta. Sau khi ông ta chết, Kim Thái Tông sai mai táng Triệu Hoàn ở Củng. Về sau này Kim Thế Tông lại mang hài cốt của Triệu Hoàn về táng ở khu Lăng mộ các hoàng đế Bắc Tống tại huyện Củng tỉnh Hà Nam.

Hiệu miếu của Triệu Hoàn là: Khâm Tông.

TRIỀU NAM TỐNG

(Năm 1127 - 1279, tổng cộng 153 năm)

Triều Nam Tống là triều đại kế tiếp sự nghiệp triều Bắc Tống, triều đại này đặt kinh đô ở lưu vực sông Trường Giang, điều đó làm cho nền kinh tế xã hội tiếp tục phát triển, thể hiện sự phồn vinh.

*

Triều Nam Tống có 9 hoàng đế, trong đó 3 người bị ôm chết, 1 người làm mất nước nên nhảy xuống biển tự vẫn, 1 người chết do sợ hãi khi bị quân Nguyên truy kích, 1 người bị giết, 3 người sau khi thoái vị thì ôm chết.

Ngoài ra còn phụ chú về thái hậu Tạ, bà ta bị quân Nguyên bắt làm tù binh và sau ôm chết.

CAO TÔNG (TRIỀU CÂU) (TRIỀU NAM TỐNG)

Cao Tông, ông ta tên là Triệu Câu (1107 - 1187), tên tự của ông là Đức Cơ. Ông là con trai thứ 9 của Vi Tông và là em trai của Khâm Tông. Triều Bắc Tống bị diệt vong, ông chạy đến Nam Kinh và xưng đế. Ông trị vì 36 năm, bị ép nhường ngôi sau đó ôm chết. Hướng thọ 81 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Tư Lăng (nay thuộc núi Bảo cách 35 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Câu lân lượt nhận những tước vị: Quảng Bình Vương, Khang Vương. Năm 1126 - đại quân Kim xâm lược đô thành nước Bắc Tống, phụng mệnh của Khâm Tông do đó Triệu Câu và Trương Bang Xương cùng nhau đền nước Kim xin cầu hòa. Lúc đi qua Từ Châu (nay thuộc huyện Từ tỉnh Hà Bắc), quan Châu là Tông Trạch khuyên can nói: "Quân Kim muôn anh đi cầu hòa, đây chính là trò

kích lừa người, bọn họ đã mang quân tiến sát chân thành Biện Kinh, việc đi cầu hòa còn có lợi ích và tác dụng gì nữa đâu, anh đi đê' n nước Kim há chǎng phải tự chui đầu vào rọ đó sao". Dân chúng cũng giữ ngựa của Triệu Câu không cho ông đi. Triệu Câu sợ mình đê' n nước Kim sẽ bị giữ lại ở đó, ông bèn đóng giữ ở Tương Châu (nay là huyện An Dương tỉnh Hà Nam) và xưng là đại nguyên sư của binh mã ở Hà Bắc.

Năm 1127, quân Kim đánh chiếm thành Biện Kinh triều Bắc Tống bị diệt vong, Triệu Câu chạy đê' n Nam Kinh (nay thuộc phía Nam huyện Thương Khâu tỉnh Hà Nam) và xung đê' tại đó, ông đổi niên hiệu là "Kiến Viêm".

Sau khi xung đê' , dưới sự truy kích của quân Kim, ông liên tục chạy về phía Nam, sau đó định đô ở Lâm An (nay thuộc thành phố Hàng Châu tỉnh Chiết Giang). Theo truyền thuyết, một lần Triệu Câu ở bờ bắc sông Hoàng Hà bị quân Kim truy kích, chỉ có mình ông đơn thương độc mã chạy trốn. Về sau có con trai của một trung thần tên là Lí Mã liêu ché t cõng ông chạy qua sông, may thay lúc đó có một con thuyền đón ông do đó ông mới thoát nạn. Sau chuyện này đê' tảng bô' c cho bộ mặt thiên tử của chính mình, ông ta nói có thiên thần trợ giúp và bịa đặt ra câu chuyện "Ngựa đât qua sông đóng Khang Vương". Ông sợ Lí Mã vạch trần câu chuyện giả dối của mình, vì thế' cho Lí Mã uông thuở c cảm được ít lâu lại giết ché t Lí Mã.

Trong thời gian Triệu Câu trị vì, ông phong Lí Cương làm thừa tướng, phát động quân dân chống lại quân Kim, dũng khí vang lừng. Được ít lâu, ông bãi miễn chức vụ của Lí Cương và trọng dụng Uông Bá Ngạn, từ đó hình thế' cuộc kháng chiến bị xâ'u đi, khi chạy đê' n Lâm An, vì hình thế' của cuộc chiến bức ép sai lại sai Nhạc Phi, Hàn Thế' Trọng chủ trì cuộc kháng chiến chống Kim, nhưng hai người này đê' u hàng quân Kim Triệu Câu đành cho Tân Hội làm tể tướng, và xin cầu hòa với quân Kim, quỳ gối thỏa hiệp. Năm 1142, ông cùng Tân Hội cùng nhau bàn bạc sẽ qua sông Hoàng Hà, thừa thăng quân Kim truy kích bằng sư Nhạc Phi quay về triều, vạch kế' hoạch thu đoạt binh quyền của Nhạc Phi và Hàn Thế' Trọng. Được ít lâu, ông vu cáo giết Nhạc Phi, lây điệu kiện áp bức và nhục

nhã là căt đát nhường lãnh thổ và xung thán với triều Kim, ông cùng với triều Kim ký kết "Thiệu Hưng Hòa Nghĩa" (đàm phán hòa bình ở Thiệu Hưng). Triệu Câu ra sức trấn áp cuộc khởi nghĩa của Chung Tương và Dương Thái.

Năm 1161, triều Kim phá vỡ đàm phán hòa bình, bọn chúng lại xâm lược miền Nam. Cao Tông định chọn quốc sách chịu nhục để cầu an nhưng ý đồ này bị quân dân phản đối mãnh liệt, chuyện này khiến cho sự thô ngotrì của ông khó mà duy trì, sau khi bàn bạc kỹ lưỡng với tể tướng Trần Khang Bá, Triệu Câu lây lí do tuổi cao phiền chán chuyện chính sự và muôn ng "sông thanh bạch, tu dưỡng thán chí". Ngày Ất Hợi tháng 6 năm 1167 ông tuyên bố thoái vị, nhường ngôi cho thái tử Triệu Thận, còn ông ta xưng làm Thái Thượng hoàng dời đền cư trú ở cung Đức Thọ.

Sau khi thoái vị, Triệu Câu tuy miệng nói không tham dự vào công việc triều chính, nhưng kỳ thật ông vẫn nhúng tay vào một số việc. Một hôm, ông đến đình Lãnh Tuyênn chùa Linh Ân ngồi uống trà, có một hành giả (người đi tu hành chưa cắt tóc) lo liệu cho ông rát ân cần. Ông quan sát từ đầu đến chân vị hành giả rồi nói: "Tại hạ xem đáng đáp anh không giông một hành giả". Người hành giả đó khóc và kể lể: "Tôi vốn là một quận thư, vì đã c tội với giám tư - nên bị vu cáo hâm hại và bị giáng làm thứ dân. Để giữ im lặng tôi đành phải xa rời người thân và đến làm việc ở đây". Triệu Câu nói: "Ngày mai tại hạ đến gặp hoàng đế kêu oan giúp anh". Quay về cung, ông ta đi tìm hoàng đế và nói lại câu chuyện của người hành giả, ông muốn hoàng đế khôi phục lại chức vị cho anh ta. Vài hôm sau ông lại đến đình Lãnh Tuyênn, nhìn thấy vị hành giả vẫn ở đó phục dịch, Triệu Câu quay về cung tham dự yến tiệc nhưng vẻ mặt lộ vẻ bức bối. Hoàng đế Triệu Thận hỏi ông làm sao lại bức túc, Triệu Câu nói: "Ta già rồi, không còn ai nghe lời ta nữa, chuyện của người hành giả, vì có gì con không giải quyết chuyện đó" Triệu Thận đáp: "Hôm quay con đã nói chuyện của anh ta với tể tướng, ông ấy có sai người điều tra, quả thật anh ta ăn hối lộ phá kỉ cương, miễn tội chét cho anh ta là quá khoan dung, nếu phục lại chức vị cho anh ta quả là điều không thể". Triệu Câu 1 mực không tin như vậy, ông nói: "Vậy từ nay về sau ta làm sao dám gặp lại anh ta. Ta đã hứa giúp đỡ anh ta". Triệu Thận không còn cách gì, đành đi nói với tể tướng: "Thái

Thượng hoàng rất giận chúng ta, cho dù người hành giả kia có phạm tội mưu phản, trẫm cũng phải phục chức vị cho anh ta". Tể tướng bất đã́c dĩ làm theo yêu cầ́u của hoàng đế́.

Ngày Ất Hợi tháng 10 năm 1187, Cao Tông mất tại điện Đức Thọ cung Lâm An.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Cao Tông.

HIẾU TÔNG (TRIỆU THẬN) (TRIỀ́U NAM TỐNG)

Hiếu Tông, ông ta tên là Triệu Thận (1127 - 1194), tên tự của ông là Nguyên Vĩnh. Ông là con nuôi của Cao Tông.

Ông được cha nuôi nhường ngôi. Ông trị vì 27 năm bị ốm chết. Hưởng thọ 68 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Phụ Lăng (nay thuộc núi Bảo Sơn cách 35 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Thận là cháu đời thứ 7 của Cao Tổ, cháu đời thứ 6 của Thọ Vương Lí Đức Phương và là con trai của Tú Vương Triệu Tử Xung, Triệu Thận nhận tước vị quận vương ở Kiến An, ông sinh tại Tú Châu (nay thuộc thành phố Gia Hưng tỉnh Chiết Giang). Cao Tông không có con, nên nhận Triệu Thận làm con nuôi. Năm 1162 Cao Tông lập Triệu Thận làm hoàng thái tử. Ông đã từng viết thư gửi Cao Tông để phản đối chuyện cầ́u hòa với quân Kim. Vế sau Cao Tông thoái vị và nhường ngôi cho ông, khi đăng cơ ông cho đổi niên hiệu là "Long Hưng".

Sau khi lên ngôi, Triệu Thận quyết tâm sửa đổi quốc sách của Cao Tông đế ra là chịu nhục để cầ́u hòa với triếu Kim, ông có ý định xuất binh khôi phục Trung Nguyên. Ông dẹp yên phản loạn Nhạc Phi, để khởi xướng cuộc kháng chiến, ông sai tướng Trương Tuấn phát động chiến tranh chống Kim. Nhưng khi xuất binh ông bị quân Kim đánh bại ở Phù Li (nay thuộc huyện Xá tinh An Huy). Lòng quyết tâm của ông bị dao động, ông bãi miễn Trương

Tuân, ông trọng dụng vây cánh của Tần Hội là Thang Tư Thoái... ông phải xưng làm cháu họ của hoàng đế và căt nhượng lãnh thổ cho triều Kim, nhờ vào những điều kiện đó quân Kim mới đồng ý ký kết "đàm phán hòa bình Long Hưng". Sau chuyện này, cuộc chiến giữa 2 nước Tống - Kim tạm thời ngưng nghỉ, Triệu Thận lại sai Vương Hoài quản lí tài sản chuẩn bị chiến tranh.

Tháng 10 năm 1187 Cao Tông chết, trong thời gian chịu tang Triệu Thận cho phép thái tử Triệu Đôn tham dự vào công việc triều chính. Ngày Nhâm Tuất tháng 2 năm 1189 ông nhường ngôi cho thái tử còn mình xưng làm Thái Thượng hoàng, sống an nhàn tại cung Trọng Hoa, tiếp tục chịu tang Cao Tông. Triệu Đôn và Triệu Thận bắt tay, Triệu Đôn không chịu vào cung Trọng Hoa thăm cha. Vì vậy, Triệu Thận buồn rầu sinh bệnh ôm.

Ngày Mậu Tuất tháng 6 năm 1194, Triệu Thận mất tại điện Trọng Hoa trong cung Lâm An.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Hiếu Tông.

QUANG TÔNG (TRIỀU ĐÔN) (TRIỀU NAM TỐNG)

Quang Tông, ông ta tên là Triệu Đôn (1147 - 1200), ông là con trai thứ 3 của Hiếu Tông. Hiếu Tông thoái vị và nhường ngôi cho Triệu Đôn. Ông trị vì 5 năm thì thoái vị, sau đó ôm chết. Hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Sùng Lăng (nay thuộc núi Bảo cách 35 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Đôn được phong làm Cung Vương. Năm 1171 Hiếu Tông lập Triệu Đôn làm hoàng thái tử, làm phủ doãn Lâm An. Tháng 2 năm 1189 Hiếu Tông nhường ngôi cho ông, sau khi đăng cơ ông đổi niên hiệu là "Thiệu Hi"

Triệu Đôn sinh sống lâu dài ở thăm cung, ít khi quan tâm tới chuyện ngoài đời. Lúc lên ngôi, ông đã 43 tuổi, đầu tóc đã bạc. Đại thần cóng tặng cho ông 1 loại thuốc nhuộm tóc (còn gọi là Hà Thu

Mã), ông không dùng thuôc nhuộm và nói: "Đâ` u tóc trẫm đã bạc, trẫm muô` n nói cho thiên hạ biê` t trẫm là 1 người đã trưởng thành". Khi lập hoàng hậu, ông chọn hoàng hậu Lí làm tay chân thân tín, bãi miễn những người phải chủ chiê` n; luôn có những tư tưởng chiê` n tranh quân Kim như: Chu Tâ` t Đại, Tân Sung Tật, ông chọn Lưu Chính làm tể tướng, công việc triê` u chính do phái "Chủ hòa" thao túng (chủ hòa: tức là luôn mong muô` n "Câ` u hòa với quân Kim")

Mô` i quan hệ giữa Triệu Đô` n và Thái Thượng Hoàng Hiê` u Tông bâ` t hòa trong thời gian dài. Tháng 6 năm 1194 Hiê` u Tông ô` m nặng. Triệu Đô` n cự tuyệt không vào thăm cha. Khi Hiê` u Tông chê` t, ông ta nhâ` t định không để tang, do đó việc tang lễ không thể tiê` n hành và làm cho triê` u đình rô` i loạn. Các đại thâ` n thiê` t triê` u, bọn họ đê` nghị Thái hoàng thái hậu hạ chiê` u bă` t Triệu Đô` n thoái vị và truyê` n ngôi cho con trai là Triệu Khuyê` ch để Triệu Khuyê` ch chủ trì tang lễ của Hiê` u Tông. Thái hoàng thái hậu đô` ng ý với ý kiê` n của đại thâ` n, Triệu Đô` n phải thoái vị và xung làm Thái Thượng hoàng, sô` ng nhàn tản ở cung Thọ Khang. Mỗi lâ` n nhớ đê` n thời kỳ làm hoàng đê` , ông thường khóc hu hu, khóc râ` t đau khổ.

Mùa xuân năm 1200, hoàng đê` Triệu Khuyê` ch đi cúng tê` ở ngoại thành, lúc quay về` cung tiê` ng sáo nhạc â` m ī và vọng vào thâm cung. Triệu Đô` n hỏi có chuyện gì xảy ra, mā` y người hâ` u trả lời: trên phô` nhân dân đang tâ` u nhạc diễn kịch. Ông ta bức tức nói: "Mâ` y tên nô tài các người dám lừa dô` i chuyện đó với tau!" và ông giơ tay đuổi đánh bọn họ, vì đánh không trúng bọn họ ông mā` t đà ngã lăn ra đâ` t, từ đó ông ô` m không đi lại được. Ngày Tân Mão tháng 8 ông mā` t tại cung Thọ Khang ở Lâm An.

NINH TÔNG (TRIỆU KHUYÊ` CH) (TRIỀ` U NAM TÔ` NG)

Ninh Tông, ông ta tên là Triệu Khuê` ch (1168 - 1224). Ông là con thứ của Quang Tông. Quang Tông thoái vị và nhường ngôi cho ông. Ông trị vì 30 năm, bị ô` m chê` t. Hưởng thọ 57 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Dặc Lăng (nay cách 30 km về` phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiê` t Giang). Triệu Khuê` ch từng nhận những tước vị: Gia Vương, Bình Dương Vương. Thời Quang Tông trị vì ông được lập làm

hoàng thái tử. Khi Quang Tông thoái vị, ông lên tiếp nhận ngôi báu và cho đổi niên hiệu là "Khánh Quang". Lúc thái hoàng thái hậu tuyên bố, ông lên đăng cơ, ông luôn miệng nói: "Thân không làm được, thân không làm được". Thái hoàng thái hậu sai tả hữu: "Mang áo hoàng bào đến đây, ta đích thân mặc cho hoàng thượng. Ông vội tóm onto ng Tay áo của Hàn Thác Vị cùu cứu và còn chạy quanh cột trụ trong điện để tránh. Thái hoàng thái hậu ra lệnh cho ông đứng lại, bà khóc và giải thích cho ông biết: vương triều Tống không dễ gì kéo dài cho đến hôm nay". Hàn Thác Vị đứng cạnh đó cũng ra sức khuyên can. Ông biết ý định của thái hoàng thái hậu không thể thay đổi được, ông khoác hoàng bào, quỳ lạy thái hoàng thái hậu miệng vẫn nói lầm bầm: "thật không được, thật không được". Hàn Thác Vị phải dìu ông vào nội cung, lên đài làm lễ đăng cơ.

Sau khi lên ngôi, ông trọng dụng 2 đại thần là Triệu Nhữ Ngụ và Hàn Thác Vị. Về sau, Tào Thác Vị và Triệu Nhữ Ngụ mâu thuẫn gay gắt, Triệu Khuê ch bã miến Triệu Nhữ Ngụ còn trọng dụng Hàn Thác Vị, điều này làm cho Hàn Thác Vị rất lộng hành và chuyên quyền. Triệu Khuê ch cảm Đạo học, chọn Lí học làm Ngụy học. Năm 1204, ông thu nạp ý kiến của Hàn Thác Vị nén trung phong Nhạc Phi làm Ngạc Vương, bỏ tước vị của Tân Hội, ông đánh bại phái đầu hàng. Cũng vào năm đó, ông hạ chiêu chinh phạt triều Kim, do Hàn Thác Vị không biết dùng người nên cuộc chiến bị thất bại. Hoàng hậu Dương lợi dụng cơ hội đó để cầu kết với thủ lĩnh phái chủ hòa là Sử Trương Viễn, bọn họ giết Hàn Thác Vị và nắm giữ triều chính. Năm 1208, ông ký hiệp định "đàm phán hòa bình Gia Định" với triều Kim.

Ông thông cảm với nỗi thống khổ của dân chúng. Một năm vào tết Nguyên Tiêu, ông đốt nén ngô i 1 mình. Thái giám khuyên ông mở tiệc rượu đón tết để mua vui, ông nói: "Trẫm biết làm gì đây, trong khi bách tình không có cơm ăn trãm làm sao có thể yên tâm ngồi hưởng lạc".

Lúc về hậu cung, ông thường ra lệnh cho 2 thái giám đeo 2 cái biển ở sau lưng. Đi đâu, ông lại dựng tám biển lên, trên tám biển đó viết "thiết cơm rượu, sợ nôn ra", "thiều thức ăn, sợ bệnh

tật". Phi tử khuyên ông ăn thức ăn và uống rượu, ông lại chỉ vào 2 tay m biền cự tuyệt.

Ngày Đinh Dậu tháng 8 năm 1224 ông mất tại điện Phúc Ninh cung Lâm An.

Hiệu miếu của ông là Ninh Tông.

LÍ TÔNG (TRIỆU VÂN) (TRIỀU NAM TÔNG)

Lí Tông, ông tên là Triệu Vân (1205 - 1264). Ông là con nuôi của Ninh Tông. Ông kế vị khi cha nuôi chết. Ông trị vì 40 năm ôm chết, hưởng thọ 60 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Mục Lăng (nay thuộc núi Bảo cách 35 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Cát, là cháu đời thứ 10 của Thái Tổ, ông là con của Sơn Âm Uy Triệu Hi Cù. Ninh Tông lập Triệu Tuân làm thái tử, nhưng anh ta chết yếu.

(TRIỀU NAM TÔNG) lại lập con của một người trong thất làm thái tử, anh ta tên là Triệu Hoảng. Triệu Hoảng và đại thần Sử Trương Viễn bất hòa với nhau; do vậy Trương Viễn phế truất Triệu Hoảng. Sử Trương Viễn phòng thủ ở Chiết Đông và gặp gỡ được

Triệu Vân, ông dẫn Triệu Vân về cung lập làm thái tử. Tháng 8 năm 1224 Ninh Tông chết, cùng tháng đó Triệu Vân lên ngôi vị, ông đổi niên hiệu là "Bảo Khánh".

Sau khi lên ngôi, mọi việc trong triều vẫn do Sử Trương Viễn chuyên quyền, Triệu Vân chỉ biết chìm đắm trong tưu sảc và hưởng lạc. Năm 1233 Sử Trương Viễn chết Triệu Vân chính thức nắm giữ triều chính. Năm 1234 ông câu kết với quân Mông Cổ tiêu diệt nước Kim. Sau đó quân Mông Cổ nhanh chóng năm liên xâm lược miền Nam ông trọng dụng Mãnh Khủng và Du Gioi, hai người này luôn duy trì chính sách chống Mông Cổ. Về sau ông tin dùng Đinh Đại Toàn, Đỗ Ngôn Tân Cự bọn họ là những kẻ xu nịnh gian xảo, vào

những năm cuối đời ông ủy thác công việc triều chính cho gia tướng Cỗ Tự Đạo, còn bản thân Triệu Vân sùng Lí học, đam mê nữ sắc, dẫn đến nê n chí hồn loạn các trung thần bị hạ nhục, quân Mông Cổ tấn công liên tục, quốc gia gặp nguy hiểm.

Năm 1259 tháng 9 của quân Mông Cổ là Hốt Tất Liệt tấn công vào Ngạc Châu (nay thuộc thành phố Vũ Hán tỉnh Hồ Bắc), đúng lúc đó anh trai của Hốt Tất Liệt là Nguyên Hiện Tông chết, vì vậy ông ta vội dẫn quân quay về đoạt ngôi vị. Hốt Tất Liệt mạn đàm với thừa tướng Cỗ Tự Đạo. Cỗ Tự Đạo tự lậy danh nghĩa của Tông Lí Tông để xưng thán với nước Mông Cổ và bối thường tiễn bạc. Triệu Vân không biết điều đó, Cỗ Tự Đạo quay về triều còn được phong thêm tước vị.

Một lần, Triệu Vân sai gọi 1 đám kĩ nữ vào cung. Thị Lăng Mâu Tử Tài can ngăn nói: "Đây đều là Đô ng Tán Cự dẫn tới cho bệ hạ đó ư!" Triệu Vân không nghe lời can. Mâu Tử Tài lại vẽ bức "Cao lực sĩ thoát hoa đô" (Lực sĩ Cao cỏi ủng) và dâng cho Triệu Vân xem. Đô ng Tán Cự nhìn thấy bức tranh ông ta rất giận dữ, khóc và nói với Triệu Vân: "Mâu Tử Tài ví bệ hạ là Đường Minh Hoàng vu cho phi tử là Dương Quý Phi, còn thán là Cao lực sĩ, còn anh ta tự cho mình là Lí Bạch".

Từ đó Triệu Vân bài trừ Mâu Tử Tài. Tháng 10 năm 1264 Triệu Vân bị ôm, ông hạ chiêu để tìm thái y giỏi vào cung: nếu ai chưa khỏi bệnh cho ông sẽ được thưởng ruộng, lúa là chau báu và làm quan. Nhưng chẳng có ai đền theo lời trung áu của ông ta. Ngày Đinh Mão ông mất tại Lâm An.

Sau khi ông chết lập hiệu miếu là Lí Tông.

ĐỘ TÔNG (TRIỆU KÌ) (TRIỀU NAM TÔNG)

Độ Tông, ông ta tên là Triệu Kì (1240 - 1274). Höi nhỏ tên ông là Manh Khát. Ông là con nuôi của Lí Tông. Ông kế vị khi cha nuôi chết. Ông trị vì 10 năm, ôm chết, hưởng thọ 35 tuổi. Mai táng ở

Vĩnh Thiệu Lăng (nay thuộc núi Bảo cách 35 km về phía Đông Nam huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang).

*

Triệu Kì là cháu đời thứ 11 của Thái Tổ và là con trai của Tông Vương Triệu Dữ Nhuê. Triệu Kì được Lí Tông nhận làm con nuôi. Ông lần lượt nhận những tước vị: An Vương, Vĩnh Gia Vương, Trọng Vương. Năm 1264 Lí Tông lên ngôi hoàng đế, cùng tháng đó Triệu Kì lên tiếp nhận ngôi báu, ông đổi niên hiệu là "Hàm Thuân"

Sau khi đăng cơ, Triệu Kì còn hoang dâm trác táng hơn cha. Cá ngày chỉ nghe đàn hát uống rượu, ông phong Cố Tự Đạo làm thái sư, mọi công việc trong triều đều nhờ cậy Cố Tự Đạo. Cố Tự Đạo thấy Triệu Kì ngu xuẩn hờ hững vì thế anh ta chuyên quyền hung bạo, gặp chuyện gì không vừa ý anh ta bèn đòi từ quan. Triệu Kì sợ anh ta từ quan không còn ai giúp mình, vì vậy khóc và cầu xin Cố Tự Đạo hãy ở lại, ông còn sai cảm vệ quân canh phòng ở bên ngoài phủ của anh ta. Ông chỉ cần Cố Tự Đạo cách 3 ngày lại yết triều 1 lần, sau đó lại cho phép từ 6-10 ngày mới cần lên triều. Ông còn xây cho Cố Tự Đạo một tòa phủ độ ở cạnh Tây Hồ. Cố Tự Đạo đại nghịch ngang tàng, triều chính hỗn loạn. Vùng Sương Dương bị quân Nguyên bao vây 2 năm, tình hình rất khẩn cấp và nguy kịch. Anh ta trốn tránh không giúp và không sai binh đi cứu viện. Về sau Triệu Kì biết chuyện và hỏi Cố Tự Đạo anh ta vẫn che giấu sự việc và nói: "Quân Nguyên đã rút quân rồi, tin bịa đặt này do ai báo cáo với bệ hạ vậy?" Triệu Kì trả lời: đó là do một cung nữ nói cho ta biết, Cố Tự Đạo lập tức giết người cung nữ đó. Cho nên nê n thô ng trị của triều Tông càng đi vào ngõ cụt, dẫn tới cảnh đói diệt vong.

Ngày Quý Mùi tháng 7 năm 1274 Triệu Kì mất tại điện Phúc Ninh cung Lâm An, ông để lại di chiếu cho phép Triệu Hiền kế vị.

Hiệu miếu của ông là Độ Tông.

THÁI HẬU TẠ
(TRIỀU NAM TÔNG)

Thái hậu Tạ, bà ta tên là Đạo Thanh (1210 - 1283). Bà là mẹ đẻ của Cao Tông. Bà chủ trì công việc triều chính trong 2 năm, thì quân Nguyên bắt tới miê`n Bă`c, bị ô`m chê`t. Hướng thọ 74 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tạ Đạo Thanh quê ở Thiên Đài (nay thuộc huyện Thiên Đài tỉnh Chiết Giang). Năm 1227 Lí Tông phong bà làm hoàng hậu. Độ Tông lên ngôi, bà được tôn làm hoàng thái hậu. Năm 1274 tháng 7 Cung Đê`kê` vị ngôi báu và truy phong bà làm thái hoàng thái hậu. Do Cung Đê` còn nhỏ tuổi, bà buông màn nhiếp chính. Cùng năm đó, nịnh thâ`n Cố Tự Đạo thô`ng lĩnh quân đội đi chô`ng trả sự xâm lược của quân Nguyên nhưng bị đại bại, tể tướng Trâ`n Nghị Trung tâu cáo câ`n phải trị tội Cố Tự Đạo, bà không đô`ng ý và cho Cố Tự Đạo bãi quan vê`nhà. Trên đường vê`nhà Cố Tự Đạo bị quan hộ tống là Trịnh Hồ giê`t chê`t.

Cố Tự Đạo chê`t, thái hậu Tạ chủ trì công việc triều chính. Những đại thâ`n như: Trâ`n Nghị Viên, Vương Việt, Lưu Mộng Trung bọn h người thì già cả bệnh tật, người thì cơ thể suy nhược, vì thế` công việc trong triều gấp nhiê`u tră`c trỏ, quân Nguyên tâ`n công liên tục. Tháng 1 năm 1275, thừa tướng của triều Nguyên thô`ng lĩnh quân đội đánh vào thành Lâm An. Trâ`n Nghị Trung, Lưu Mộng Viên và văn võ bá quan: kẻ thì đâ`u hàng, kẻ thì chạy trô`n..., triều Tô`ng tan đàn xé nghé. Thái hậu Tạ đành sai sứ thâ`n đê`n doanh trại quân Nguyên xin câ`u hòa, nhưng thô`ng sứ quân Nguyên không đô`ng ý. Bà đành dâng ngọc â`n và sớ đâ`u hàng, thô`ng sứ của địch bă`t ép bà phải ra lệnh tướng lĩnh ở Dương Châu đâ`u hàng. Vài tháng sau, quân Nguyên áp giải bà đê`n Đại Đô (nay là thành phô` Bă`c Kinh) và bà bị giáng làm phu nhân quận Thọ Xuân.

Năm 1283, bà ô`m chê`t.

CUNG ĐÊ` (TRIỆU HIỀN) (TRIỀU NAM TÔ`NG)

Cung Đê`, ông ta tên là Triệu Hiển (1271 - 1323). Ông là con trai của Độ Tông. Ông kế` vị khi cha chê`t. Ông trị vì 2 năm bị quân

Nguyên bắt làm tù binh, vế sau bị đura đến

*

Triệu Hiển được phong làm Gia Quốc Công, lúc Độ Tông gặp bệnh nặng, Cố Tự Đạo phản đồ́i chuyện lập con trưởng của Dương Nhi là Triệu Thị lên kế́ vị. Độ Tông bất đắc dĩ chiếu theo ý kiến của Cố Tự Đạo. Triệu Hiển làm hoàng thái tử. Ngày Quý Mùi tháng 7 năm 1247 Độ Tông chết, cùng tháng đó Triệu Hiển lên kế́ vị, ông đổi niên hiệu là "Đức Hựu".

4 tuổi, Triệu Hiển lên ngôi hoàng đế́, mọi công việc trong triếu do thái hoàng thái hậu Tạ lâm triếu nhiếp chính, kỳ thật thời gian đấu vẫn do Cố Tự Đạo chuyên quyến. Quân Nguyên men theo bờ sông Hán Thủy tấn công quân Tống. Quân Nguyên tấn công đến đâú quân Tấn đấu hàng đến đó. Năm 1274, Cố Tự Đạo bị thua trận ở Đinh Gia Châu, quân Nguyên thế́ mạnh như thác đổ tiến vào Lâm An. Tháng 1 năm 1275 Triệu Hiển và thái hoàng thái hậu Tạ đấu hàng quân Nguyên. Tháng 2, ông và mẹ đẻ là thái hậu Toàn cùng với tùy tùng bị giải lên miến Bắc, tháng 5 bọn họ đến Đại Đại Đô. Nguyên Thế Tố Hốt Tất Liệt giáng Triệu Hiển làm Doanh Quốc Công. Tháng 12 năm 1282, Triệu Hiển phải dời đến cư trú ở Thượng Đô, trải qua tuổi thiếu niên. Tuổi tác ngày một lớn ông dấn nhận thức được địa vị của mình và hiểu nỗi nhục của một kẻ mây tước, tinh thấn ông rất xa sút thê lương. Đại thấn của triếu Nam Tống là Uông Thủy Vân được phỏng thích vế Giang Nam. Triệu Hiển làm thơ tiễn biệt anh ta. "Gửi lời vế cố quốc

*Hoa mai nở mây lấn
Hoàng kim noi đât khách
Hoàng kim noi đât khách
Mà không thể quay vế".*

Bài thơ nói lên tâm trạng của ông luôn nhớ vế quê hương, ông đau khổ vô cùng nhưng không có cách gì trở vế quê nhà.

Năm 1288, Triệu Hiển tròn 18 tuổi. Nguyên Thế Tố lo lắng nếu để mạng sống cho Triệu Hiển thì sẽ gây tai họa vế sau, ông ta chuẩn

bị trừ bỏ Triệu Hiển. Triệu Hiển biết tin đó, thỉnh cầu cho phép ông thoát li với cuộc sống tràn tục đê đi tu, việc đó cũng gạt bỏ mối hoài của Nguyên Thê Tô.

Nguyên Thê Tô phê chuẩn yêu cầu của ông, tháng 12 năm đó ông được tiễn đến Thổ Phiên để học Phật pháp. Từ đó là lý tên là Pháp sư Hợp Tôn, tên hiệu là giảng sư Mộc Ba, ông sống cuộc đời cô đơn vắng vẻ đau khổ ở chùa, đến tối lại lây ngọn đèn dâu làm bạn, ông miệt mài học Tạng Văn nghiên cứu Phật pháp. Trải qua nhiều năm mài dũa nghiệp học, cuối cùng ông đã thông thạo Tạng Văn, tinh thông Phật học, trở thành một tăng ni noi cửa Phật, ông trở thành người trụ trì ở chùa Tát Thát Đại. Ông dịch kinh Phật từ tiếng Tạng ra tiếng Hán, ông dịch được quyển kinh văn nổi tiếng như: "Bách pháp Minh Môn Luận" "Nguyên minh nhập chính lí luận". Ông được các nhà sử học Tạng liệt vào hàng ngũ đại sư phiên dịch.

Theo truyền thuyết, thời kỳ ông ở Tây Tạng làm tăng ni. Một lần Triệu Vương (một người trong hoàng tộc nhà Nguyên) đi qua chùa Việt, thấy Triệu Hiển già cả cô đơn, Triệu Vương rất thông cảm với hoàn cảnh của ông, nên đã sai một cô gái dân tộc Hồi ở lại làm bạn với Triệu Hiển. Năm 1320 cô gái đó sinh được một đứa con. Vừa hay Nguyên Minh Tông đi ngang qua, nhìn thấy đứa trẻ mới sinh ông ta rất thích nên muốn nhận nó làm con nuôi và đặt tên cho đứa trẻ là Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi (sau này đứa trẻ chính là Nguyên Thuận Đế). Truyền thuyết còn nói thêm: Minh Thành Tổ Nhi xem chân dung các đế vương, thấy mặt mũi của Nguyên Thuận Đế xanh xao giống như thái y, Minh Thành Tổ kinh ngạc nói: "Tại sao anh không giống liệt đế của triều Nguyên mà lại giống liệt đế của triều Tống!" Có điều, không ít học giả cho rằng truyền thuyết này không đáng tin cậy.

Năm 1323, Triệu Hiển vì thơ văn mà rước họa vào thân bị truy sát. Các nhà sử học Tạng rất thông cảm với cái chết oan của ông.

Tổng quan về cuộc đời của Triệu Hiển, từ địa vị của ông mà luận: Ông từ địa vị hoàng đế của triều Nam Tống giáng xuống làm thần tử của triều Nguyên, cuối cùng trở thành cao tăng noi cửa Phật ở Thổ Phiên, không thể không thấy lạ lùng, từ nơi cư trú của

ông mà luận. Ông từ vùng Giang Nam (một vùng có cảnh sǎ́c đẹp như vẽ) dời đến U Yên, sau đó dời đến cao nguyên Mông Cổ, cuối cùng dời đến cư trú lâu dài ở Tây Tạng, chuyện này quả thật là hiếm thấy. Từ dân tộc mà luận, anh xuất thân từ dân tộc Hàn, sau đó lại chung sống với dân tộc Mông Cổ, cuối cùng lại sống với dân tộc Tạng, quả thật là li kì. Cả cuộc đời của Triệu Hiển, trong hoàng đế́ cổ đại Trung Quốc là có rất ít. Hiển nhiên, từ bản thân của ông ta mà xem xét, cuộc đời long đong đã mang bất hạnh cho ông. Tuy nhiên, từ góc độ của lịch sử mà xét: ông có cṍng hiến nhất định đối với mối giao lưu.

ĐOAN TÔNG (TRIỆU CHÍNH) (TRIỀU NAM TÔNG)

Đoan Tông Triề́u Nam Tống, ông ta tên là Triệu Chính (1268 - 1278). Ông là con trưởng của Độ Tông, anh trai của Cung Tông, Cung Tông bị bắt làm tù binh, ở quê nhà Triệu Chính được thuộc hạ lập làm hoàng đế́. Ông trị vì 3 năm, bị quân Nguyên đuổi đánh, do vậy kinh hãi mà chết. Hưởng dương 11 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Phúc Lăng (nay thuộc phía Nam huyện Tân Hội tỉnh Quảng Đông)

*

Triệu Chính lấn lượt nhận những tước vị: Cát Vương, Ích Vương. Năm 1276 quân Nguyên tấn công vào Lâm An, ông chạy trốn tới Phúc Kiến. Tháng 3 ông chạy tới Phúc Châu, biết tin thành Lâm An thất thủ, Cung Đế bị bắt làm tù binh. Ngày Ấ́t Mùi tháng 5 những đại thấn: Lục Tú Phu, Trấn Nghị Trung, Trương Thế Kiệt... lập ông làm hoàng đế́ tại Phúc Châu, ông đổi niên hiệu là "Cảnh Viên".

8 tuổi, ông lên ngôi. Các đại thấn kiên trì chống lại quân Nguyên, có ý định khôi phục triề́u Tống, nhưng quân Nguyên truy kích gay gắt ông phải dựa vào đại tướng Trương Thế Kiệt để chạy tới miến Tây, mệt mỏi vì quá bận rộn. Tháng 3 năm 1278, ông bị tướng Lưu Thân (tướng nhà Nguyên) truy kích, ông lên thuyền chạy tới vịnh Quảng Châu. Một ngày đêm, ông không chống cự được với sóng gió nên bị ngã xuống biển, may mà thuộc hạ cứu vớt được, nhưng cũng bị uống khá nhiếu nước, từ đó ông sinh bệnh, vài năm liến

không nói ra lời. Vì quân Nguyên đuổi đê`n gâ`n, ông không muô`n bị quân Nguyên bă`t làm tù binh nên đã chạy tới Cương Châu (nay là vịnh Lôi Châu tỉnh Quảng Đông), trải qua phong ba bão táp vâ`t vả, thêm vào đó bệnh tinh càng nguy kịch. Do vậy ông mấ`t ngày Mậu Thìn tháng 4

Thụy hiệu của ông là Đoan Tông.

ĐÊ` BÍNH (TRIỆU BÍNH) (TRIỀ`U NAM TÔ`NG)

Đê` Bính, ông ta tên là Triệu Bính (1271 - 1279). Ông là con trai của Đô Tông và là em trai của Đoan Tông. Ông kế` vị khi Đoan Tông chê`t. Ông trị vì 2 năm, bị quân Nguyên truy đuổi, đại thâ`n Lục Tú Phu cõng ông nhảy xuô`ng biển. Hưởng dương 9 tuổi. Mộ táng tại thôn Xích Loan đặc khu Thâm Quyê`n Quảng Đông.

*

Triệu Bính lâ`n lượt nhận những tước vị: Tín Vương, Quang Vương, Vệ Vương. Lúc thành Lâm An bị quân Nguyên tâ`n công, ông cùng mẹ đẻ âm thâ`m chạy khỏi thành, chạy đê`n Tuyê`n Châu (nay thành phô` Tuyê`n Châu tỉnh Phúc Kiê`n). Tháng 4 năm 1278 Đoan Tông ô`m chê`t, ngày Canh Ngọ tháng 4 năm 1278 những đại thâ`n Lục Tú Phu, Trương Thê` Kiệt... đã lập Triệu Bính làm hoàng đế` tại Nao Châu, tháng 5 ông đổi niên hiệu là "Tường Hưng", không lâu sau dời đê`n Nha Sơn (nay thuộc phía Nam hội Tân Hội tỉnh Quảng Đông).

Vùng Nha Sơn quay mặt vào biển, địa thê` hiêm yê` u. Để đê` phòng sự tâ`n công của quân Nguyên do đó Trương Thê` Kiệt xé`p hơn 1000 chié`c thuyền theo thê` trận đuôi ră`n, và dùng thửng buộc những chié`c thuyền với nhau, xung quanh thuyền dựng thành lâ`u, trên thuyền châ`t bàn theo tâ`ng dâ`y đặc. Tháng 1 năm 1279, đại tướng nước Nguyên là Trương Hoă`ng Phạm thô`ng lĩnh quân đội bao vây Nha Sơn. Ông dùng thuyền nhỏ chở dâ`y cùi và đỗ dâ`u lên chỗ cùi đó sau đó châm lửa đô`t mượn sức gió đẩy thuyền tâ`n công thủy quân của quân Tô`ng. Nhưng nhờ có lớp bàn bảo vệ nên lửa không bén được vào thuyền, do đó hỏa công của quân

Nguyên bị thất bại. Trương Hoắng Phạm lại ngăn chặn nguốn nước của quân Tống, phong tỏa cửa biển. Quân Tống vừa đói vừa khát, tình cảnh vô cùng khó khăn. Trương Hoắng Phạm phái người đến khuyên quân Tống đấu hàng nhưng đếu bị Trương Thế Kiệt cự tuyệt. Ngày Quý Mùi tháng 2 quân Nguyên phát động tổng tiến công, lúc quân Tống đang liếu mạng chống trả, đột nhiên nghe thấy tiếng đàn nhạc vọng ra từ thuyến chỉ huy Trương Hoắng Phạm. Quân Tống cho rắng tướng lĩnh quân Nguyên đang mờ yến tiệc nên sự phòng vệ của quân Tống có lơi lỏng. Không ngờ, tiếng đàn nhạc là lời huấn thị cho quân Nguyên tiến đánh quân Tống, thuyến chỉ huy của Trương Hoắng Phạm lao thẳng đến, tên bắn như mưa. Quân Nguyên bắn tên và cướp được 7 chiến thuyến của quân Tống. Quân Nguyên từ mọi ngã đường nhất loạt xông đến, cuộc chiến đấu kéo dài từ trưa đến tối, cuộc chiến trên biển diễn ra vô cùng gay gắt. Đột nhiên, Trương Thế Kiệt nhìn thấy 1 chiếc thuyến treo cờ đấu hàng, dừng lại không đánh trả, các chiến thuyến khác cũng nhất loạt treo cờ đấu hàng, ông biết tình thế bất lợi nên vội vàng triệu tập quân tinh nhuệ, mặt khác phái 10 dũng sĩ đi thuyến đến đón Đế Bính, chuẩn bị đột phá vòng vây.

Lúc này Đế Bính đang được Lục Tú Phu bảo vệ, ngối trong 1 chiếc thuyến lớn. Chiếc thuyến nhỏ các dũng sĩ đến đón Đế Bính; Lục Tú Phu không biết đó là thuyến địch hay thuyến ta, hơn nữa ông lo lắng nếu không đột phát nổi vòng vây mà lại bị quân Nguyên bắt, vì thế ông nhất định cự tuyệt. Lục Tú Phu biết rõ vua tôi khó lòng thoát thân ông vội vàng nhảy vế thuyến của mình, cấm kiếm sai vợ con nhảy xuống biển tự vẫn. Sau đó, ông thay triếu phục quay lại thuyến lớn, quỳ lạy Đế Bính, khóc và nói: "Bệ hạ, quốc sự đã đến bước đường cùng, xin bệ hạ quên mình vì nước. Hoàng đế Đức Hựu (chỉ Cung Đế) bị bắt làm tù binh, đã khiến nước nhà chịu nỗi xỉ nhục lớn, hôm nay nhất định bệ hạ không được để cảnh đó lặp lại". Đế Bính cũng khóc theo ông ta. Lục Tú Phu nói xong, liến lấy quốc ấn và hoàng bào nhét vào bụng, cõng Đế Bính nhảy xuống biển, một lúc sau hai bọn họ chìm ngầm không thấy tăm hơi. Các đại thấn, cung nữ, tướng sĩ nghe được tin dữ họ khóc suốt một buổi sáng. Vài vạn người liên tiếp nhảy xuống biển chết theo hoàng đế. Trương Thế Kiệt thống lĩnh thủy quân đột

phát vòng vây, tôm hôm đó lại gấp phải phong ba bão táp, toàn bộ thuyền chiên bị đắm chìm trong biển.

Triều Nam Tống diệt vong, thi thể của Đế Binh lưu lạc ra sao, người đời sau có nhiều bàn luận sôi nổi. Truyền thuyết nói Đế Binh nhảy xuống biển, thi thể trôi dạt nowhere ngày cuối cùng trôi dến bờ biển ở thôn Xích Loan, mặt mũi đã thô i rữa, nhưng trên mình vẫn mặc hoàng bào. Ngày hôm đó, đòn nóc ở miếu Thiên Hậu đột nhiên bị đổ. Ông từ giữ miếu vội đi hỏi phụ lão và nhận được câu trả lời: "Thi thể trôi dến là xương cốt của Đế Binh, nên Thần miếu Thiên Hậu đã hiến đòn nóc để làm quan tài. Các phụ lão lạy những đòn nóc đó đóng thành một cổ quan tài rộng i khâm liệm Đế Binh, mai táng ở chân núi Sơn Tây gần miếu Thiên Hậu. Truyền thuyết này nói thần miếu hiển linh, đương nhiên chỉ là mê tín. Nhưng trong truyền thuyết thì nơi mai táng của Đế Binh được chứng thực. Năm 1963 vào trung tuần tháng 8 có 1 viên камп дуồng của quân đội lên núi Tây Sơn chặt củi, đột nhiên phát hiện thấy lăng mộ của Đế Binh thấp thoáng trong bụi trúc anh ta vội đi báo cáo cho cục văn hóa tỉnh Quảng Đông. Cục văn hóa tỉnh phái người xuống điều tra tỉ mỉ và viết báo cáo gửi ông Quách Mạc Nhược (lúc này Quách Mạc Nhược là huyện ủy). Sau vài lần điều tra do nowhere nguyên nhân, mãi đến năm 1982 do cục văn hóa lại phản ánh chuyện này với lãnh đạo có liên quan ở thành phố Thâm Quyến, viện bảo tàng của thành phố phái người xuống điều tra và thông qua sự khảo sát của các chuyên gia, cuối cùng chứng thực được ngôi mộ đó là mộ của Đế Binh.

TRIỀU LIÊU

Triều Liêu là chính quyề́n tộ́n tại ở thời thập đại ngũ quốc và thời Bắc Tống, do dân tộc Khiết Đan kiến lập ở biên cương Trung Quốc. Lãnh thổ của triều Liêu kéo từ cương vực Đông Bắc đến biển Nhật Bản ngày nay; phía Nam đến thành phố Thiên Tân, huyện Bá tỉnh Hà Bắc. Nhận Môn Quan tỉnh Sơn Tây: phía Bắc đến sông Sắc Lăng Cách và sông Thạch Lặc Khách. Sự có mặt của triều Liêu là một cṍng hié́n đối với sự phát triển xã hội miến Bắc và sự dung hợp dân tộc.

*

Triều Liêu có 9 đế́ vương: trong đó 6 người bị ốm chết, 1 người bị giết trong cuộc nội chiến, 1 người bị giết trong cuộc bạo động nô lệ; 1 người làm mā́t nước bị bắt làm tù binh và bị giết.

Ngoài ra còn phụ chú thêm vế: Úng Thiên Hậu, thái hậu Tiêu và Đông Đan Vương. Trong bọn họ: Úng Thiên Hậu và thái hậu Tiêu ốm chết; còn Đông Đan Vương bị thất bại trong nội chiến chạy đến triều Hậu Đường. Vế sau Lí Tòng Kha sai người giết.

THÁI TÔ (UẤT LUẬT A BẢO CƠ)

Thái Tô, ông ta tên là Uất Luật A Bảo Cơ (872 - 926). Hối nhỏ ông ta tên là Xuế Lí Chỉ, tên tiếng Hán của ông là: Khiết Đan và xưng đế. Bị ốm chết. Hưởng thọ 55 tuổi. Mai táng ở Tố Lăng (nay thuộc núi Mộc Diệp huyện Lâm Tây tỉnh Liêu Hin).

*

Uất Luật A Bảo Cơ là người của bộ lạc Tuyến Lai dân tộc Khiết Đan. Năm 901 ông nhận chức quán lí binh mā trong bộ tộc, ông lập nhiếu chiến công nên năm 906 ông được thăng chức nắm giữ quân liên minh bị lạc, năm 907 làm kha Hân Khiết Đan. Năm 912 ông dẹp yên phản loạn Uất Luật Lại Cát, thống nhất 8 bộ tộc Khiết Đan và khống chế tộc: Nữ Chân, tộc Thát Vi. Năm 916 ông

xưng làm Thiên Hoàng Vương, xây dựng chính quyề`n chủ nô lệ ở Khiê`t Đan, đặt đô ở Thượng Kinh (nay thuộc Nội Mông Cổ), đặt niên hiệu là "Thâ`n Sách"

Năm 923 ông chiê`m lĩnh các châu như: Doanh Châu (nay thuộc huyện Triê`u Dương tỉnh Liêu Hình). Trong thời gian trị vì, ông tin dùng Hàn Diên Vi (người dân tộc Hán), cải cách phong tục xây dựng thành Quách, đặt định văn tự Khiê`t

Đan, phát triển sản xuâ`t nông nghiệp, mở cửa thương nghiệp mẫu dịch, thúc đẩy duy trì phong kiê`n hóa của chính quyề`n Khiê`t Đan, trở thành một chính quyề`n hùng mạnh ở miê`n Bắc thời đó, gây sự uy hiê`p mạnh mẽ đô`i với các chính quyề`n Ngũ Đại và triê`u Tô`ng vê` sau này.

Tháng 1 năm 926, ông thô`ng lĩnh quân đội tiêu diệt nước Bột Hải và cải tên nước Bột Hải thành nước Đông Đan, và phái thái tử Uâ`t Luật Bội tới trâ`n giữ. Tháng 7, trên đường quay vê` nước Khiê`t Đan đi đê`n thành Phú Du (nay thuộc thành phô` Tứ Bình tỉnh Cát Lâm) ông bị ô`m. Ngày Tân Tị ông từ trâ`n.

Thụy hiệu của ông là Thái Tổ.

ỨNG THIÊN HẬU (THUẬT LUẬT BÌNH) (NUỐC LIÊU)

Ứng Thiên Hậu, bà ta tên là Thuật Luật Bình (879 - 953) hô`i nhỏ bà ta tên là Nhật Lí Đóa, là người bộ lạc Thuật Luật tộc Hô`i Hột. Bà là vợ của thái tử Uâ`t Luật A Bảo Cơ. Bà nhiê`p chính triê`u đình khi chô`ng chê`t. Bà quản lý được 2 năm ô`m chê`t, hưởng thọ 75 tuổi.

*

Năm 907 Uâ`t Luật A Bảo Cơ lập Thuật Luật Bình làm hoàng hậu. Năm 924 Thái Tổ dẫn quân đi chinh phạt ở miê`n Tây; bộ Thâ`t Vi lợi dụng cơ hội đó tiê`n đánh đô thành, Thuật Luật Bình đứng lên chỉ huy quân đội đánh bại bọn họ. Vê` sau phiên trâ`n U Châu (nay thuộc thành phô` Bắc Kinh) là Lưu Thủ Quang đã phái Hàn Diên Vi đê`n tộc Khiê`t Đan cầ`u hòa, bà ta khuyên Thái Tổ nên giữ và trọng

đãi Hán Đinh Vi. Khi Thái Tổ ché t, bà ta không ưa thích thái tử nên tự mình nă m giữ quô c quân. Năm sau, bà phê truá t thái tử và lập con thứ là Uâ t Luật Đức Quang làm đê (gọi là Liêu Thái Tông)

Uâ t Luật Đức Quang ché t, bà sai con trai thứ 3 Uâ t Luật Lí Hô khôi binh để tranh đoạt ngôi vị với Uâ t Luật Viên (con cả của thái tử Uâ t Luật Bội), nhờ sự khuyên giải của đại thâ n Uâ t Luật Thâ t Châ t, bà ta miễn cưỡng để Uâ t Luật Viên kế vị. Được ít lâu, bà ta có ý đồ phê truá t Uâ t Luật Viên, Uâ t Luật Viên bă t bà ta rời khỏi Thượng Kinh đê n cư trú tại Tô Châu. Năm 953 bà ta ché t.

Trong sử gọi Thuật Luật Bình là hoàng hậu Ứng Thiên.

ĐÔNG ĐAN VƯƠNG (UÂ T LUẬT BỘI) (NUỐC LIÊU)

Đông Đan Vương, ông ta tên là Uâ t Luật Bội (899 - 936). Ông là con trưởng của thái tổ Uâ t Luật A Bảo Cơ. Ông làm Đông Đan Vương được 5 năm, bị Lí Tòng Kha (triê u Hậu Đường giê t). Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Hiê n Lăng (nay thuộc huyện Bă c Trâ n tỉnh Liêu Hình).

*

Năm 916 Thái Tổ lập Uâ t Luật Bội làm thái tử.

Uâ t Luật Bội thích đọc sách, ông viê t thơ văn bă ng chữ Hán, ông thích âm nhạc và thiên vê hội họa, ông râ t sùng bái văn minh của tộc Hán, ông tin vào Nho học. Một lâ n Thái Tổ hỏi ông: "Nê u làm hoàng đế càn tê trùi cúng thâ n. Trẫm muô n lập miê u cúng tê nhũng người có công đức, trẫm không biê t nên cúng tê ai đâ u tiên". Ông ta trả lời: "Không Tử là đại thánh nhân, do đó càn phái cúng Không Tử trước". Thái Tổ đô ng ý, lập tức sai người xây miê u Không Tử, mỗi năm vào 2 mùa xuân, thu đê u đê n cúng tê .

Uâ t Luật Bội không những có sự tích lũy văn hóa của tộc Hán dâ y đặc mà còn là 1 chiê n tướng trong quân đội. Năm 919 ông đi theo Thái Tổ đi xâm chiê m Điê u Cổ, Đảng Hạng; ông làm tiên phong đô thô ng dẫn quân mở Đường; đánh đỗ quân Thiên Đức.

Năm 924, Thái Tổ dẫn quân chinh phạt miền Tây và sai ông trấn thủ tại Kinh Sư. Tháng 1 năm 926 cùng Thái Tổ tiêu diệt nước Bột Hải và đổi tên Bột Hải thành Đông Đan Quốc và cái tên của đô thành Hốt Hán thành Thiên Phúc. Tháng 2 Thái Tổ phong Uất Luật Bội làm Đông Đan Vương, ông xưng là "Nhân hoàng vương", đổi niên hiệu là "Cam Lộ", ông trấn thủ tại Đông Đan, do đó nước Đông Đan trở thành 1 bộ phận trong địa khu của tộc Liêu, ông xây dựng thể chế chính trị và bộ máy chính quyển theo mô hình của tộc Hán.

Tháng 7 năm 926 Thái Tổ chết, đáng lí ngôi vị do Uất Luật Bội kế vị, nhưng thái hậu Thuật Luật Bình không thích Uất Luật Bình, bà ta lập con thứ là Uất Luật Đạo Quang lên ngôi. Uất Luật Đức Quang lúc đó đang cư trú ở Đại Nguyên Sư, nầm giữ trọng binh, anh ta trấn áp một số quý tộc dám phản đối việc anh ta đăng cơ. Uất Luật Bội biết mình không có binh lực đối kháng, ông ngậm ngùi nói với thái hậu: "Đại Nguyên Sư được quân thần tin phục, đáng được kế vị". Đương nhiên thái hậu rất hài lòng, tháng 11 năm 927 Uất Luật Đức Quang làm lễ đăng cơ. Tuy ngồi ở ngôi vị hoàng đế nhưng Uất Luật Đức Quang vẫn sợ Uất Luật Bội tranh đoạt ngôi vị, vì vậy anh ta bắt Uất Luật Bội đền cư trú ở phủ Đông Bình (nay thuộc thành phố Liêu Dương tỉnh Liêu Hình) và sai người giám sát tộc Khiết Đan. Minh Tông Lý Tự Nguyên (triều Hậu Đường) biết hoàn cảnh của Uất Luật Bội, bèn sai người đền mồi Uất Luật Bội về Hậu Đường. Ông ta bàng lòng. Trước khi ra đi, ông còn làm bài thơ nói lên tâm trạng của mình khi rời bỏ quê hương:

*Núi nhỏ chèn núi lớn.
Núi lớn không có sức
Xấu hổ với cô hương
Đành chuyển dời nơi khác*

Ông khắc bài thơ lên bia gỗ và dựng ở bờ biển, sau đó ông lần trôn viên quan giám sát trèo lên thuyền chạy đến đô thành Lạc Dương. Lý Tự Nguyên nhiệt tình tiếp đãi ông cung cấp nhà ở và lương thực và còn cử làm tiếp độ sứ. Để tỏ lòng sùng kính văn hóa dân tộc Hán, ông đổi tên là: Lý Thân Hoa. Tháng 4 năm 936, Lý Tòng Kha (triều Hậu Đường) phát động binh biến chiếm lĩnh Lạc Dương, cướp đoạt ngôi vị hoàng đế, sai người mưu giết Mẫn Đế Lý

Tòng Hậu. Uất Luật Bội phản đối chuyện Lí Tòng Kha cướp đoạt ngôi vị, hơn nữa Uất Luật Bội muốn thu lợi cho cṍ quốc, ông bí mật sai người báo tin cho Uất Luật Đức Quang, đê` nghị Uất Luật Đức Quang nhanh chóng dẫn quân tấn công triề` u Hậu Đường.

Tháng 11 năm 936, tiết độ sứ tộc Khiết Đan là Thạch Kính Đường thống lĩnh đại quân tiến đánh Lí Tòng Kha. Lí Tòng Kha bại trận không còn đường thoát thân, quyé́t định tự sát... Đột nhiên Lí Tòng Kha nhó tới Uất Luật Bội, anh ta sai người triệu gọi Uất Luật Bội đến để cùng chết. Uất Luật Bội cự tuyệt không đến, Lí Tòng Kha sai lực sĩ đi giết Uất Luật Bội, thi thể của Uất Luật Bội được một hỏa thượng hỏa táng. Thạch Kính Đường tiến vào Lạc Dương, đê làm yên lòng dân Khiết Đan, vì thế đã để tang Uất Luật Bội, làm tang lễ long trọng ở ngoại thành Lạc Dương, tiếp đó Uất Luật Đức Quang mang xương cṍt vê` mai táng ở núi Y U Lư. Sau khi Thế Tông Uất Luật Viên lên ngôi, anh ta đặt tên mộ của Uất Luật Bội làm Hiển Lăng.

Trong sử gọi Uất Luật Bội là Đông Đan Vương hay còn gọi là Nhân Hoàng Vương.

THÁI TÔNG (UẤT LUẬT ĐỨC QUANG) (NUỚC LIÊU)

Thái Tông, ông ta tên là Uất Luật Đức Quang (902 - 947) tên tự của ông là Đức Cấn. Ông là con trai thứ của Thái Tổ Uất Luật A Bảo Cơ. Thái Tổ chết, Uất Luật Đức Quang được thái hậu giúp lên ngôi hoàng đế. Ông trị vì 21 năm, ốm chết, hưởng thọ 46 tuổi. Mai táng ở Hoài Lăng (nay thuộc huyện Lâm Tây tỉnh Liêu Hình).

*

Năm 922, Uất Luật Đức Quang nhận chức vị đại nguyên sư binh mã thiền hạ, ông thường theo Thái Tổ đánh chiến: Bình Châu và Doanh Châu, tiến xuống miến Đông và miến Tây thu phục tộc Khuyết và nước Bột Hải. Thái Tổ chết, Uất Luật Đức Quang lên ngôi hoàng đế. Ngày Nhâm Tuất tháng 11 năm 927 ông chính thức đăng cơ, năm 937 đổi niên hiệu là "Hội Đô`ng". Năm 947 đổi tên nước là Liêu.

Sau khi lên ngôi, ông không ngừng tấn công các địa khu của tộc Mãn để cướp đoạt của cải và nô lệ. Năm 936 - Tiết Độ sứ ở Hà Đông là Thạch Kính Đường (triều Hậu Đường) phản bội quay lưng chống triều Hậu Đường, nên bị lính triều đình vây hãm ở Thái Nguyên (nay thuộc thành phố Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây). Thạch Kính Đường xin tộc Khiết Đan cứu giúp, Uất Luật Đức Quang phái quân đội tới giải vây và đích thân giúp Thạch Kính Đường tiêu diệt triều Hậu Đường. Ông nói với Thạch Kính Đường: "Trẫm từ 3000 dặm xa xôi tiến binh xuông nam hạ, vừa đánh đã thắng, đây chính là ý trời. Trẫm thật ý khanh nên chiêm lĩnh đất đai ở miền Nam, đời đời làm thực quoc của trẫm". Ông đổi tên Hậu Đường thành Hậu Tần phong Thạch Kính Đường làm "Đại Phổ Hoàng Đế" và bắt triều Hậu Tần cất cho nước Liêu 16 châu ở Yên Vân. Uất Luật Đức Quang và xây dựng 2 bộ máy thống trị; bộ máy "bắc diện quan" quản lý tộc Khiết Đan và dân tộc du mục; bộ máy "nam diện quan" quản lý cư dân tộc Hán ở địa khu 16 châu ở Yên Vân.

Khi Thạch Kính Đường chết, cháu họ của ông ta là Thạch Trọng Quý tiếp nhận chức vụ của chú, anh ta có hiệu là Xuất Đế. Xuất Đế không chịu xưng thân với tộc Khiết Đan, chỉ xưng là cháu. Uất Luật Đức Quang rất phẫn nộ, xuất binh chinh phạt triều Hậu Tần. Năm 947 Uất Luật Đức Quang đích thân thống lĩnh quân đội chiêm thành Biện Kinh, tiêu diệt triều Hậu Tần.

Ở khu vực Trung Nguyên, quân Liêu bắt người cướp của khiên dân Trung Nguyên chịu nhiều tai họa. Quân dân Trung Nguyên kiên cường phản kích, đẩy lui được sự xâm lược của quân Liêu, cướp lại được những thành trì mà trước đó bị quân Liêu chiếm lĩnh, khiên quân Liêu không có chỗ trú chân. Uất Luật Đức Quang thở dài nói: "Trẫm không ngờ rằng người Hán phản kích mạnh mẽ như vậy!" - Tháng 4 năm đó đoàn quân hả hực quay về nước Liêu, trên đường đi do ám úc và tức giận nên Uất Luật Đức Quang sinh bệnh. Đi đến Loan Thành, bệnh tình ông chuyển ra nguy kịch, ông mất ngày Đinh Mão. Các thuộc hạ sợ thi thể của ông bỏ mùi hôi thối, bọn họ đành mở bụng ông móc hé tòi nội tạng rồi rửa sạch sẽ trong bụng, sau đó đỗ vài đầu muối vào, bọn họ nhanh chóng gắp rút quay về nước Liêu. Nhân dân Trung Nguyên đem châm biếm chuyện này và gọi ông ta là "Đế Ba"

Khi chuyển thi thể về nước Liêu, hoàng hậu Ứng Thiên không hē đau khổ mà bà ta râ t hận và nói: "Khanh cô tình làm trái ý nguyện của ta, để đi xâm lược Trung Nguyên, gây ra cảnh trong và ngoài triều đế không an, bây giờ phải đợi các bộ lạc thô ng nhât nê n an ninh, ta mới an táng cho khanh". Vé sau an táng ông ta tại Hoài Lăng.

Thụy hiệu của Uâ t Luật Đức Quang là Thái Tông.

THÊ TÔNG (UÂ T LUẬT VIÊN) (NUỐC LIÊU)

Thê Tông, ông ta tên là Uâ t Luật Viên (918 - 951). Ông là cháu nội của Thái Tổ và là cháu họ của Uâ t Luật Đức Quang, là con trưởng Uâ t Luật Bô i. Ông kế vị khi Thái Tông chê t. Ông trị vì 5 năm. Trên đường tién đánh Hậu Chu ông ta bị Yên Vương Uâ t Luật Sài Cát mưu sát. Hưởng thọ 34 tuổi. Mai táng ở Hiê n Lăng.

*

Uâ t Luật Viên được phong làm Vĩnh Khang Vương. Thái Tông chê t trên đường trở về nhà. Dưới sự giúp đỡ của đại thâ n Uâ t Luật An Chuyển, Uâ t Luật Khổng, Uâ t Luật Giai giúp Uâ t Luật Viên lên kế vị. Ngày Mậu Dâ n tháng 7 năm 947 ông làm lễ đăng cơ, đổi niên hiệu là "Vĩnh Lộc". Lên ngôi được một thời gian, ông bã t thái hậu Ứng Thiên và Uâ t Luật Lí Hô` giam lỏng ở Tô Châu, và giê t chê t đồ ng đăng của thái hậu. Năm thứ hai em rể của ông ta là Tiêu Hàn c`m đâ u một số quý tộc tạo phản, nhưng sự việc bại lộ và Uâ t Luật Viên dẹp yên cuộc phản loạn đó. Năm 947 Tiêu Hàn lại c`u kê t với Đông Đan Vương An Đoan cùng mưu phản, con trai của An Đoan là Sài Cát tố cáo, Uâ t Luật Viên giê t chê t Tiêu Hàn, còn An Đoan từ chức vê quê an dưỡng, Sài Cát kế nhiệm chức vụ của cha. Sài Cát thâ n lập mưu cướp ngôi vị hoàng đế, cũng đạt được dã tâm của Sài Cát nên họ dãn lâ n 7 lượt c`u xin Uâ t Luật Viên trừ bỏ Sài Cát, Uâ t Luật Viên một mực không tin và nói: "Sài Cát vạch trâ n tội trạng của cha anh ta, một người trung hiê u với trẫm như vậy, làm sao dám ăn ở 2 lòng". Ông phong Sài Cát làm Yên Vương và cực kì sủng ái anh ta.

Năm 951, Uất Luật Viện đáp ứng lời thỉnh cầu của hoàng đế Lưu Sùng (triều Bắc Hán), Uất Luật Viện họp tù trưởng các bộ lạc để xuất binh đánh triều Hậu Chu, giải vây triều Bắc Hán. Các tù trưởng quá mệt mỏi vì đi đánh trận, binh lực hao tổn mệt mỏi, do đó họ không muốn xuất quân xung xâm lược miền Nam. Uất Luật Viện nhất định ép họ dẫn quân đi trợ giúp, ông ta cũng đích thân đi đánh trận, tháng 9 bọn họ đến được núi Tường Cổ ở Châu Quy Hóa, đến nơi ông tạm thời ngủ ở điện Hoà Thành. Các tù trưởng bộ lạc cũng dẫn binh mã cư trú tại đó. Tới ngày Quý Hợi, Uất Luật Viện cùng tế vong linh của Thái Tông, rồi cho mở yến tiệc chiêu đãi quan thấn và các tù trưởng, ông uống rượu say mêm các thuộc hạ dùi ông về phòng nghỉ. Nửa đêm Yên Vương Uất Luật Sài Cát và Uất Luật Kha dẫn 1 nhóm tù trưởng xông vào phòng chém chết Uất Luật Viện.

Thụy hiệu của Uất Luật Viện là Thế Tông.

MỤC TÔNG (UấT LUẬT CẢNH)

Mục Tông, ông ta tên là Uất Luật Cảnh (931 - 969)号 i nhở ông tên là Thuật Luật. Ông là con trai của Thái Tông Uất Luật Đức Quang và là em họ của Uất Luật Viện. Ông kế vị sau khi Uất Luật Viện bị giết. Ông trị vì 19 năm, bị giết trong cuộc bạo động của nô lệ. Hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở Hoài Lăng.

*

Uất Luật Cảnh được phong làm Tho An Vương, tiếp đó được lập làm thái tử. Tháng 9 năm 951 Uất Luật Sài Cát giết Thế Tông, lúc này Uất Luật Cảnh cũng đang ở trong quân đội, ông vội chạy trốn tới Nam Sơn. Uất Luật Sài Cát muôn xung đế nhưng gặp sự phản đối của các tù trưởng. Lợi dụng thời cơ đó, Uất Luật Cảnh và đại thấn Uất Luật Thất chất dẫn binh bao vây Sài Cát. Sài Cát biêt mình sẽ bị diệt, anh ta dứt khoát trói các chư tướng đang bị bao vây cùng anh và nói với bọn họ "Trước khi ta chết, ta phải giết hết các anh", bộ tướng Uất Luật Địch Luật khuyên giải: "Nếu anh không trừ bỏ hoàng đế (Uất Luật Viện) Tho An Vương làm sao có cơ hội kế vị! Dựa vào lí do này, có lẽ Tho An Vương sẽ miễn tội cho anh" Sài Cát

cho ră`ng điê`u đó râ`t có lí, bèn sai Uâ`t Luật Địch Luật đê`n chỗ Uâ`t Luật Cảnh giải thích lí do. Uâ`t Luật Địch Luật thâ`y Uâ`t Luật Cảnh anh ta không gỡ tội cho Sài Cát mà còn bàn bạc kẽ` sách với Uâ`t Luật Cảnh, quay vê` doanh trại Uâ`t Luật Địch Luật trở vê` nơi Thọ An Vương đô`ng ý tha tội và cho mời Sa Cát đê`n gặp mặt. Sa Cát tin vào lời nói đó và đi gặp Uâ`t Luật Cảnh, Uâ`t Luật Cảnh sai em trai nâ`p vào một chỗ rô`i bâ`t thâ`n chém chê`t Sa Cát ngay tại chỗ, bình định cuộc phản loạn. Ngày Đinh Mão tháng 9 các đại thâ`n và tù trưởng đón Uâ`t Luật Cảnh từ điện Hỏa Thâ`n trở vê` U Châu và lập làm hoàng đế` , ông đổi niên hiệu là "Ứng Lịch".

Trong thời gian trị vì, ông 4 lâ`n trâ`n áp các cuộc chính biê`n. Vê` mặt đô`i ngoại: ông không có binh lực để phát động những cuộc chiê`n tranh có quy mô lớn, ông vì nể lời thỉnh câ`u của triê`u Bă`c Hán nên xuâ`t binh đi cứu viện, ngăn chặn triê`u Hậu Chu đi tâ`n công triê`u Bă`c Hán.

Để trâ`n áp cuộc phản kháng của nô lệ, ông đặt ra nhiê`u cực hình: ví dụ: bă`n tên, thiêu sô`ng, chặt chân tay, lăng chì, că`t lưỡi, nhổ răng, tùng xéo... chỉ vì những việc râ`t nhỏ ông cũng có thể ra tay giê`t nô lệ. Tháng 3 năm 965, cận thị Đông Nhi chỉ vì mang đũa và thìa cho ông ta chậm một chút, nên bị ông ta giê`t chê`t. Tháng 6 năm 967 ông ta lại giê`t 44 nô lệ ở Quản Lộc. Sự tàn sát dã man của ông ta khiê`n các nô lệ vô cùng hận. Ngày Kỉ Tị tháng 2 năm 969 sau khi đi sai ở Hoa Châu, ông quay vê` cung, bị 6 nô lệ: cận thi, đâ`u bê`p... giê`t chê`t.

Thụy hiệu của ông là Mục Tông.

CẢNH TÔNG (UÂ`T LUẬT HIÊ`N) (NUỐC LIÊU)

Cảnh Tông, ông ta tên là Uâ`t Luật Hiê`n (948 - 982). Tên tự của ông là Hiê`n Hình. Ông là con thứ của Thê` Tông Uâ`t Luật Viện, và là cháu họ của Uâ`t Luật Cảnh. Ông kế` vị sau khi Mục Tông chê`t. Ông trị vì 14, ô`m chê`t, hưởng thọ 35 tuổi. Mai táng ở Càn Lăng.

Tháng 2 năm 969 Uất Luật Hiê`n nghe tin Mục Tông bị giế́t, ông vội dẫn 1000 binh sĩ tới trước linh cữu của Mục Tông và cúng tế... Ngày Kỉ Tị ông tuyên bố kế vị, đổi niên hiệu là "Bảo Ninh".

Sau khi đăng cơ, ông ốm trong một thời gian dài, do đó mọi việc do hoàng hậu Tiêu Xước lâm triề́u giải quyé́t. Trong thời gian ông ta trị vì, Tống Thái Tông có ý định đòi lại 16 châu ở Yên Vân vì thế xuất binh đánh Liêu. Uất Luật Hiê`n phái đại tướng Uất Luật Hưu Ca nghênh chiến. Hai bên quyé́t chiến ở sông Cao Lương (nay thuộc phía Đông huyện Đại Hưng thành phố Bắc Kinh), quân Tống thua nặng nề́, trong sử gọi cuộc chiến này là: cuộc chiến ở sông Cao Lương hay còn gọi là: cuộc chiến ở U Châu.

Tháng 9 năm 982 ông đi du làm, ngày Nhâm Tí ông mất ở Vân Châu (nay thuộc thành phố Đại Đống tỉnh Sơn Tây). Ông lập di chiếu truyến ngôi cho thái tử Uất Luật Long Tự, đại thấn Hàn Đức Nhượng và Uất Luật Tà Chẩn phụ giúp công việc, việc quốc gia đại sự do hoàng hậu Tiêu quyé́t định.

Thụy hiệu của Uất Luật Hiê`n là Cảnh Tông.

TIÊU THÁI HẬU (TIÊU XƯỚC) (NUỚC LIÊU)

Thái hậu Tiêu, bà tên là Tiêu Xước (953 - 1009), hṍi nhỏ bà có tên là Yên Yên. Bà là hoàng hậu của Cảnh Tông Uất Luật Hiê`n và là mẹ của Thánh Tông Uất Luật Long Tự. Bà nhiếp chính 5 năm, ốm chết. Hướng thọ 57 tuổi. Mai táng ở Càn Lăng.

*

Năm 969 Cảnh Tông chọn Tiêu Xước làm quý phi, được một thời gian phong bà ta làm hoàng hậu. Bà thông thạo binh lược. Cảnh Tông ốm, bà ta lâm triề́u giải quyé́t chính sự. Lúc đó, nhân dân nước Liêu chỉ biết có hoàng hậu Tiêu mà không biết có Cảnh Tông.

Cảnh Tông chết, Thánh Tông kế vị, bà được tôn làm hoàng thái hậu, lâm triề́u nhiếp chính. Bà tin dùng đại thấn Uất Luật Tà Chẩn và Hàn Đức Nhượng, bà cho phép họ tham dự vào quyé́t sách

trong triều chính, bà phái Uất Luật Hưu Ca trấn giữ ở Yên, Năm 986, Tông Thái Tông chia quân làm 3 ngả tấn công vào nước Liêu - có ý định thu hồi 16 châu ở Yên Vân. Bà mang Thánh Tông cùng ra trận đúc thúc chiến trận và đẩy lui 3 cánh quân Tông. Năm 1004 bà cùng Thánh Tông thống lĩnh 20 vạn đại quân tiến xuống Nam hạ đánh vào thành Thiền Châu ở bờ sông Hoàng Hà (nay thuộc phía Tây Nam huyện Bộc Dương tỉnh Hà Nam) đe dọa đô thành nước Tông, gặp phải sự phản kích của quân Tông. Đầu năm 1005, quân Liêu và quân Tông ký kết "liên minh Thiền Uyên", bà mới lui quân về.

Bà mất năm 1009.

THÁNH TÔNG (UẤT LUẬT LONG TỰ) (NUỐC LIÊU)

hánh Tông, ông ta tên là Uất Luật Long Tự (971 - 1031). Ông là con trưởng của Cảnh Tông Uất Luật Hiền. Ông kế vị khi Cảnh Tông chết. Ông trị vì 50 năm, ôm chết. Hướng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Trang Lăng (nay thuộc khu tự trị Nội Mông Cổ).

*

Uất Luật Long Tự nhận tước vị Lương Vương. Thời Cảnh Tông trị vì đã lập Uất Luật Long Tự làm thái tử. Ngày Nhâm Tí tháng 9 năm 982 Cảnh Tông chết, ngày Quý Mão ông lên kế vị và đổi niên hiệu là "Thống Hồi".

12 tuổi, Uất Luật Long Tự đã làm hoàng đế, nhưng mọi việc do thái hậu nắm triều giải quyết. Ông chịu sự ảnh hưởng khá sâu đậm của nền văn hóa Hán và hướng tới văn minh phong kiến của tộc Hán, ông thích đọc các loại sách hán, ông biết chữ Hán và cũng thuộc thơ Hán.

Sau khi chính thức nắm quyền điều hành triều chính. Trong phương diện nội và ngoại ông làm được khá nhiều việc quan trọng. Về nội: ông ra sức tuyển chọn nhân tài, hiền sĩ, điều đó làm cho nội bộ tập đoàn thống trị tương đối ổn định. Ông cực kỳ coi trọng những quan viên người Hán có tài, dưới sự giúp đỡ

của bọn họ ông cho tiến hành hàng loạt cải cách, ví dụ: đế cao địa vị của nô lệ, địa vị của nô lệ và dân chúng ngang nhau, cấm chém giế́t nô tì. Một lấn, công chúa giế́t chết 1 nô tì vô tội, Uất Luật Long Tự biết chuyện, đã hạ lệnh giáng công chúa làm huyện chủ, phò mã cũng chịu xử phạt. Ông thực hiện chế độ tô thuế́, một mặt cho phép nô lệ nhận ruộng đất khoán cuối vụ nộp tô cho chủ; mặt khác giao nộp thuế́ cho chính phủ; tiến thuế́ có thể căn cứ vào thành quả lao động; thuế́ này gọi là "nhị thuế́ pháp", khiến nô lệ trở thành nông nô trong hệ thống sản xuất, thúc tiến và phát triển của kinh tế́ xã hội nước Liêu. Vếđối ngoại thông qua chiến tranh đã mở rộng được cương vực thống trị. Đã 3 lấn ông tiến quân xuống miến Nam đánh triếu Tống. 2 lấn đánh bại tộc Cao Lệ. Năm 1013 xuất binh chinh phạt Ô Cổ, năm 1028 tấn công tộc Hối ở Cam Châu (nay thuộc huyện Trương Dịch tỉnh Cam Túc). Thời gian ông ta trị vì là thời kỳ hưng thịnh của nước Liêu, người Liêu gọi ông là "Tiểu Ngu Thuấn".

Ngày Kỉ Mão tháng 6 năm 1031, ông mât tại bờ bắc sông Đại Phúc.

Thụy hiệu của ông là Thánh Tông.

HƯNG TÔNG (UẤT LUẬT TÔNG CHÂN) (NUỐC LIÊU)

Hưng Tông, ông ta tên là Uất Luật Tông Chân (1016 - 1055) hối nhỏ ông có tên tự là Chỉ Cốt. Ông là con trưởng của Thánh Tông Uất Luật Long Tự. Ông kế́ vị khi cha chết.

*

Uất Luật Tông Chân được phong làm Lương Vương. Năm 1021 Thánh Tông lập ông ta làm thái tử. Tháng 6 năm 1031 Thánh Tông chết, cùng tháng đó ông lên kế́ vị, đổi niên hiệu là "Cảnh Phúc".

Mẹ của Uất Luật Tông Chân là cung nữ, hoàng hậu của Thánh Tông (Tế Thiên Hậu) nhận nuôi dưỡng, mẹ đẻ ông được phong làm Nguyên Phi. 16 tuổi, ông được lập làm hoàng đế, Nguyên Phi tự lập làm hoàng thái hậu (Khâm Ai Hậu). Vì muốn cướp đoạt triếu chính

Khâm Ai Hậu tìm cách vu cáo hãm hại Tê` Thiên Hậu và muô`n Uâ`t Luật Tông Chân trừ bỏ Tê` Thiên Hậu. Uâ`t Luật Tông Chân nói: "Hoàng hậu theo hâ`u tiên đê` 40 năm, và còn giáo dục dạy dỗ con, đúng ra phải lập bà làm hoàng thái hậu, bâ`y giờ không tôn làm hoàng thái hậu mà còn ghép tội cho bà, như vậy không thể được!".

Khâm Ai Hậu nói: "Nê`u để bà ta sô`ng, sẽ gây mâm họa vê` sau". Uâ`t Luật Tông Chân nói: "Hoàng hậu tuổi cao mà lại không có con, tuy bà vẫn sô`ng khỏe mạnh nhưng cũng không có sức lực để gây tai họa". Khâm Ai Hậu thâ`y Uâ`t Luật Tông Chân không nghe lời, bà ta tự ý giam lỏng Tê` Thiên Hậu ở Thượng Kinh (năm sau bà ta hại chê`t Tê` Thiên Hậu) và mưu hại các đại thâ`n thân tín của hoàng hậu, sau đó lâm triê`u châ`p chính cướp đoạt hoàng quyê`n. Năm 1034 Khâm Ai Hậu lại bí mật phê` truâ`t Uâ`t Luật Tông Chân lập thiê`u tử Uâ`t Luật Trọng Nguyên. Nhưng ý định của bà ta bị Uâ`t Luật Trọng Nguyên tố` cáo với Uâ`t Luật Tông Chân, ông phê` bỏ Khâm Ai Hậu và giam lỏng bà ta ở Khánh Lăng (3 năm sau mới cho đón bà ta vê`cung).

Năm 1047 ông sai sứ giả trói triê`u Tô`ng đòi đâ`t đai, được tặng thêm lụa là vàng bạc mới quay vê`. Năm 1044, ông đích thân thô`ng lĩnh đại quân, chia quân làm mây ngả tâ`n công Tây Hạ, lúc thă`ng lúc bại, hai nước Liêu - Hạ đàm phán hòa bình.

Tháng 7 năm 1055 ông đi du lâm ở núi Thu Sơn, tạm trú ở phía Nam của núi, bị ô`m. Tháng 8 bệnh nguy kịch, ngày Kỉ Mão ông từ trâ`n.

Thụy hiệu của ông là Hưng Tông.

ĐẠO TÔNG (UÂ`T LUẬT HÔ`NG CƠ) (NUỐC LIÊU)

Đạo Tông, ông ta tên là Uâ`t Luật Hô`ng Cơ (1032 - 1101). Ông là con trưởng của Uâ`t Luật Tông Chân. Ông kế` vị khi Hưng Tông chê`t. Ông trị vì 46 năm, ô`m chê`t. Hướng thọ 70 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Phúc Lăng.

Uất Luật Hô`ng Cơ được phong làm Yên Vương. Năm 1052 nhận tước vị Đại Nguyên Sư binh mã thiêng hạ. Ngày Kỉ Mão tháng 6 năm 1031 Hưng Tông chết, cùng ngày đó Uất Luật Hô`ng Cơ lên kế́ vị, và đổi niên hiệu là "Thanh Ninh".

Sau khi đăng cơ, ông trọng dụng Uất Luật Trọng Nguyên, Uất Luật Ất Tân... dẫn tới cảnh nội bộ giao cấp thống trị đấu tranh gay gắt. Tháng 7 năm 1063 Uất Luật Trọng Nguyên trả vò bị ốm, muốn dẫn dụ Đạo Tông trên đường đi săn trở về` tiện đường ghé thăm, sau đó sẽ cùng con trai cõng đoạt ngôi vị. Cung nhân Uất Luật Lương phát hiện ra mưu đô`đen tối của Uất Luật Trọng Nguyên và đi báo lại với hoàng thái hậu (Nhân Nghị Hậu), bà nói lại với Uất Luật Hô`ng Cơ. Ông không tin, sai người đi gọi con trai của Uất Luật Trọng Nguyên về` triề́u, và dẫn lũ chó săn quay lại, sau đó dẫn binh đi dẹp phản loạn.

Năm 1075 Uất Luật Ất Tân mưu đoạt ngôi vị, tìm cách vu cáo hoàng hậu Nghị Đức và Triệu Hoài Nhất tư thông với nhau, Uất Luật Hô`ng Cơ không điếu tra rõ ràng đã sai giết hoàng hậu. Năm 1077 Uất Luật Ất Tân vu cáo thái tử có mưu đô`đoạt vị, Uất Luật Hô`ng Cơ không cho thái tử biện bạch đã giam lỏng thái tử lại. Được ít lâu, Uất Luật Ất Tân sai người mưu sát thái tử và giả vờ loan cáo thái tử ốm chết. Uất Luật Hô`ng Cơ triệu kiến vợ thái tử, nhưng Uất Luật Ất Tân lại giết vợ thái tử để diệt khẩu. Mai đến năm 1081 Uất Luật Hô`ng Cơ mới phát giác được chân tướng sự việc, ông phê` truất Uất Luật Ất Tân và bè lũ tay sai của hắn. Năm 1083 ông ta xử tội chết Uất Luật Ất Tân vì tội cát dấu vũ khí.

Uất Luật Hô`ng Cơ rất tin Phật Giáo, ông cho in kinh Phật và xây chùa tháp, làm hao tốn tiê`n của và sức lực của dân chúng, dẫn tới mâu thuẫn xã hội gay gắt, khiến nước Liêu đi tới bờ vực thẳm.

Tháng 12 năm 1100 ông bị ốm. Tháng 1 năm 1101 bệnh tình nguy kịch, ông cho phép cháu là Uất Luật Diên Hỉ kế́ vị. Ngày Giáp Tuất ông từ trâ`n.

Thụy hiệu của ông là Đạo Tông.

THIÊN ĐỘ TẾ (UẤT LUẬT DIÊN HỈ) (NUỚC LIÊU)

Thiên Độ Đế, ông ta tên là Uất Luật Diên Hỉ (1075 - 1128) tên tự của ông là Diên Ninh. Ông là cháu nội của Đạo Tông Uất Luật Hống Cơ. Ông kế́ vị khi Đạo Tông chết. Ông trị vì 25 năm, mất nước bị quân Kim bắt sau đó ốm chết (một thuyết nói bị hại chết).
Hưởng thọ 54 tuổi. Mai táng gấn Hiến Lăng.

*

Uất Luật Diên Hỉ là con trai của thái tử. Sau khi Uất Luật Ất Tân giết thái tử và có ý đô` mưu sát Uất Luật Diên Hỉ. Năm 1079 Đạo Tông đi săn, Uất Luật Ất Tân thỉnh cấu Đạo Tông để Uất Luật Diên Hỉ ở lại trong cung, định tìm cơ hội ra tay hạ thủ, các đại thấn nhấc nhớ Đạo Tông chú ý tới sự an toàn của cháu nội, Đạo Tông tinh ngộ và mang cháu cùng đi. Nhờ vậy, Uất Luật Diên Hỉ mới tránh được cái chết.

Đấu năm 1080 Đạo Tông lập Uất Luật Diên Hỉ làm Lương Vương và sai 6 dũng sĩ bảo vệ, Đạo Tông còn ra lệnh cho Tiêu Ngột Nạp dạy dỗ Uất Luật Diên Hỉ. Vài năm sau Uất Luật Diên Hỉ được phong làm Yên Vương. Năm 1091 ông được phong làm Đại Nguyên sư binh mã thiêん hạ. Làm thượng thư lệnh, đô`ng thời được chọn làm người kế́ vị. Tháng 1 năm 1100 Đạo Tông chết, cùng tháng đó Uất Luật Diên Hỉ lên kế́ vị, ông đổi niên hiệu là "Càn Thống".

Sau khi lên ngôi, ông rửa sạch nỗi oan cho bà nội là Tuyết Nghị Hậu và cha đẻ, dẹp loạn được cuộc tạo phản của bè lũ tay chân của Uất Luật Ất Tân. Vậy cánh của chúng bị giết chết. Nhưng trong thời gian trị vì ông lại trọng dụng nịnh thấn Tiêu Phùng Tiên, Tiêu Đức Lí Đê, mặt khác ông ta thích du lâm ăn chơi sa đọa, hoang dâm tột cùng không màng quản lí triếu chính, dẫn tới cảnh các quý tộc tông thất đấu tranh giành giật quyến lợi, khởi nghĩa nông dân bùng nổ, thủ lĩnh các bộ tộc cũng dấy binh phản Liêu, nến thống trị của Liêu trượt xuống dốc rồi vào suy bại. Năm 1115, quân Kim tấn công vào phủ hoàng long (nay thuộc huyện Nông An tỉnh Cát Lâm), Uất Luật Diên Hỉ đích thân thống lĩnh đại quân đi chặn địch,

kết quả ông bị thua trận, những vùng khác cũng liên tiếp bị quân Kim chiếm lĩnh.

Năm 1121, phó đô làm thống binh quân đội là Uất Luật Dư Mục có ý đồ phê truất Uất Luật Diên Hỉ và định lập con thứ của Uất Luật Diên Hỉ là Tần Vương Uất Luật Phóng Lỗ Tà kế vị. Sự việc bại lộ. Uất Luật Dư Mục phản Liêu đầu hàng quân Kim. Năm sau, Uất Luật Dư Mục dẫn quân Kim bao vây Uất Luật Diên Hỉ, Tiêu Phùng Tiên hiền khen nói: "Dư Mục tiến quân vây đánh cũng chỉ muôn cướp đoạt Tần Vương, chi bằng bệ hạ đem giết Tần Vương, Dư Mục tất đau khổ và tự ý lui quân". Nghe lời xám tú nên Uất Luật Diên Hỉ giết Tần Vương, điều đó làm các quý tộc kinh hãi, bọn họ liên tiếp có ý đồ phản bội triều Liêu. Uất Luật Dư Mục không chịu lui quân mà còn chỉ huy quân Kim xông thẳng vào cung điện của Uất Luật Diên Hỉ. Uất Luật Diên Hỉ thõng lĩnh 5000 người chạy đến Vân Trung (nay thuộc thành phố Đại Đô, tỉnh Sơn Tây). Tháng 3 quân Kim đánh vào Vân Trung, ông ta lại chạy đến Giáp Sơn, Nam Kinh (nay là thành phố Bắc Kinh).

Mùa đông năm 1124, Uất Luật Diên Hỉ không nghe lời của Uất Luật Đại Thạch và dẫn tàn quân rời Giáp Sơn tiến xuôi ng Vũ Châu (nay thuộc Thanh Chí tỉnh Sơn Tây) có ý đồ thu lại huyện Tây Châu thuộc Phục Sơn, ông lại bị quân Kim đánh bại, nhiều huyện thuộc hạ của ông phải đầu hàng quân Kim. Tháng 1 năm 1125, ông dẫn quân đi qua sa mạc thảo chạy về hướng Tây, trên đường đi lương thực và nước ngọt đều cạn kiệt, phải nuốt băng tuyết để cầm cơn đói khát.

Tháng 2 ông chạy đến phía Đông thành Châu Tân (nay thuộc phía Tây huyện Hoài Nhân tỉnh Sơn Tây), bị tướng lĩnh quân Kim bắt làm tù binh, Kim Thái Tổ phong ông ta làm Hải Tân Vương. Được ít lâu, người Kim giết chết ông ta, thi thể của ông ta bị đâm ngựa giãm thành một đống thịt. (một thuyết khác nói ông ta ôm chết năm 1128). Triều Liêu diệt vong.

Thụy hiệu của ông ta là Thiên Tộ Đế.

TRIỀU BẮC LIÊU

(Năm 1122 - 1123, tổng cộng 2 năm)

Triều Bắc Liêu có 4 đế vương (bao gồm cả Tiêu Đức Phi) trong đó 2 người ôm chét, 2 người bị giết trong nội chiến.

TUYÊN TÔNG (UẬT LUẬT THUẬN) (BẮC LIÊU)

Tuyên Tông, ông ta tên là Uất Luật Thuận (1063 - 1192). Ông là cha của Liêu Hưng Uất Luật Tông Chân. Thiên Tộ Đế bại trận chạy về Giáp Sơn; tể tướng Uất Luật Đại Thạch ôn làm hoàng đế. Ông ôm chét, Mai táng ở Vĩnh An Lăng (nay thuộc Hương Sơn thành phố Bắc Kinh)

*

Cha của Uất Luật Thuận là Tông Ngụy Vương Uất Luật Hòa Lỗ Tà; Uất Luật Thuận được phong làm quận vương và nhận chức vụ tiết độ sứ. Năm 1101 ông được phong làm Trịnh Vương, tiếp đó phong làm Việt Vương. Năm 1106 làm tể tướng phủ Nam đô Ngụy Vương. Cha của Uất Luật Thuận chết, ông kế nhiệm nhiệm vụ trấn giữ ở Nam Kinh (nay là thành phố Bắc Kinh). Năm 1115, Thiên Tộ Đế bại trận ở miền Đông, đại thần Uất Luật Chương Nô có ý định phế truất Thiên Tộ Đế và muôn lập Uất Luật Thuận làm đế, Uất Luật Chương Nô phái em vợ của Uất Luật Thuận là Tiêu Dịch Lí đi thông báo cho anh rể. Uất Luật Thuận nhát định cự tuyệt và giết chết em rể, ông đi báo cáo âm mưu đó cho Thiên Tộ Đế, dẹp yên chính biến và được phong làm Tân Tân Quốc Vương. Năm 1122, triều Kim vây đánh triều Liêu, Thiên Tộ Đế chạy đến Giáp Sơn, mọi tin tức đều bị phong tỏa. Tể tướng Lí Xú Ôn, đại thần Uất Luật Đại Thạch, Khé Vương Hô Lí Bảo... mang áo hoàng bào đeo và lập Uất Luật Thuận làm đế, đặt hiệu là Thiên Tích hoàng đế, đặt niên hiệu là "Kiến Phúc", giáng Thiên Tộ Đế là Tương Âm Vương. Uất Luật Thuận thống trị 3 châu: Yên Châu,

Vân Châu, Bình Châu... và Liêu Tây, Thượng Kinh, Đông Kinh... trở thành một chính quyề́n của triề́u Liêu. Trong sử gọi là Bắc Liêu.

Sau khi đăng cơ, ông cho Hố Lí Bảo làm mật sứ ở viện bắc, còn Uất Luật Đại Thạch thống lĩnh binh mã. Vế đối ngoại: ông sai sứ đến triề́u Bắc Tống nói: "cho phép triề́u Liêu không cṍng bạc và kí kẽ́t hòa ước. Triề́u Bắc Tống không đống ý và xuất binh đi chinh phạt. Uất Luật Thuấn quay sang triề́u Kim và cấu xin làm đệ tử cho nước Kim và nhờ triề́u Kim bao che. Triề́u Kim không đống ý, tháng 6 năm 1122 Uất Luật Thuấn chết ở Yên. Lúc lâm chung ông nói muốn con thứ của Thiên Tộ Đế làm người kế́ vị, đại thấn Lí Xú Ôn trợ giúp. Tiêu Đức Phi làm thái hậu, duy trì quân quốc đại sự.

Thụy hiệu của Uất Luật Thuấn là Tuyên Tông.

TIÊU ĐỨC PHI (BẮC LIÊU)

Tiêu Đức Phi (? - 1123), bà là hoàng hậu của Tuyên Tông Uất Luật Thuấn. Tuyên Tông chết, bà chủ trì công việc triề́u chính. Bà chấp chính 2 năm. Thành Yên Kinh bị thất thủ, bà chạy theo Thiên Tộ Đế và bị Thiên Tộ Đế giết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tuyên Tông chết, Tiêu Đức Phi được tôn làm thái hậu, chủ trì công việc triề́u chính và lập con thứ của Thiên Tộ Đế là Uất Luật Định làm đế, đổi niên hiệu là "Đức Hưng"

Khi Tiêu Đức Phi chấp chính, quân Tống tiến vào Yên Kinh, quân Liêu chết trận rất nhiếu, quân Tống mới rút quân không lâu, đại thấn nước Liêu là Lí Xú Ôn bí mật câu kẽ́t với đại thấn Bắc Tống là Trọng Quý, ông ta dự định bắt Tiêu Đức Phi làm lě vật đấu hàng. Đấu năm 1123 quân Kim tấn công triề́u Liêu. Tiêu Đức Phi vié́t sớ tấu trình mong triề́u Kim lập Tấn Vương Uất Luật Định làm đế, quân Kim không đống ý và chié́m giữ Yên Kinh. Tiêu Đức Phi hoảng hó́t chạy trốn và tìm cách để lập Uất Luật Định làm đế, thấy Thiên Tộ Đế không đến nỗi giáng tội, vì vậy quyề́t định

chạy đến chỗ ông ta, Thiên Tộ Đế rất hận Uất Luật Thuấn tự xung đế và phế mình làm Tương Âm Vương, do đó ông ta sai thuộc hạ trói và giế́t chết Tiêu Đức Phi, phế Uất Luật Thuấn làm thứ dân.

LUÔNG VƯƠNG (UẤT LUẬN NHÃ LÍ) (TRIỀ`U BẮC LIÊU)

Lương Vương, ông ta tên là Uất Luật Nhã Lí (1094 - 1123). Ông là con của Thiên Tộ Đế. Ông trị vì 5 tháng, ốm chết. Hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Uất Luật Nhã Lí từng được phong làm Lương Vương. Tháng 10 năm 1123, ông ta và anh em bị quân Kim bao vây ở trại Thanh Gia, Tấn Vương Uất Luật Định, Hứa Vương Uất Luật Ninh bị bắt làm tù binh, ông được Đặc Mẫu Ca bảo vệ cứu giúp chạy thoát thân, và chạy đến hội hợp Thiên Tộ Đế, Thiên Tộ Đế chạy đến Tây Hạ. Các thuộc hạ như Uất Luật Định Liệt tận lực can ngăn nhưng không có hiệu quả, Đặc Mẫu Ca và Uất Luật Định Liệt cướp đoạt Uất Luật Nhã Lí chạy về phía Bắc. Tháng 5 chạy đến Sa Lanh; Uất Luật Định Liệt lập Uất Luật Nhã Lí làm đế, đổi niên hiệu là "Thấn Lịch".

Tháng 10 năm đó, Uất Luật Nhã Lí đi du lâm và săn bắn ở núi Tra lại, trong 1 ngày săn được 40 con dê vàng, 21 con cáo; do quá mệt mỏi ông bị ốm, vài hôm sau ông từ trấn.

UẤT LUẬT THUẬT LIỆT (TRIỀ`U BẮC LIÊU)

Uất Luật Thuật Liệt (? - 1123) ông là cháu ở Hưng Tông. Tháng 10 năm 1123 Lương Vương Uất Luật Nhã Lí ốm chết, Uất Luật Thuật Liệt được Uất Luật Định Liệt lập làm hoàng đế. Tháng 11 thuộc hạ của Uất Luật Định Liệt phát động binh biến giế́t chết ông ta, còn Uất Luật Thuật Liệt cũng bị loạn binh giế́t. Ông trị vì được 20 ngày. Mai táng ở đâu không rõ.

TÂY LIÊU

(Năm 1124 - 1218, tổng cộng 95 năm)

Triều Tây Liêu có 6 đế (bao gồm cả: Càn Thiên Hậu và Thừa Thiên Hậu) trong đó 2 người ôm chét, một người chét trong nội chién, 1 người bị phế truất sau đó ôm chét, một người làm mait nước bị quân Mông Cổ giết, 1 người không rõ chuyện.

ĐỨC TÔNG (UẬT LUẬT ĐẠI THẠCH) (TRIỀU TÂY LIÊU)

Đức Tông, ông ta tên là Uất Luật Đại Thạch (1087 - 1143). Tên tự của ông là Trọng Đức. Ông là cháu đời thứ 8 của Thái Tổ Uất Luật A Bảo Cơ. Ông trị vì 20 năm, ôm chét, hưởng thọ 56 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

Vào niên giám Liêu Thiên Khánh, Uất Luật Đại Thạch đỗ tiến sĩ, ông thông thạo hán văn, Khiết Đan văn, ông giỏi về cưỡi ngựa và bắn tên. Ông được cử làm thừa chỉ Hàn Lâm (chức vị Lâm Nha ở tộc Khiết Đan), vì vậy ông ta còn được gọi là Đại Thạch Lâm Nha. Về sau ông được phong làm Lại sứ, tiết độ sứ.

Năm 1122 Thiên Tộ Đế chạy đê n Giáp Sơn; Uất Luật Đại Thạch và Hồi Lí Bảo lập Uất Luật Thuân làm hoàng đế, Uất Luật Đại Thạch nắm chắc binh quyển... Quân Kim tấn công triều Liêu, ông ta lúc đó cư trú ở Dung Quan và bị bắt làm tù binh. Tháng 9 năm 1123 ông dẫn quân chạy thoát và đầu hàng Thiên Tộ Đế. Thiên Tộ Đế trách tội ông ta tại sao dám coi thường thiên tử, dám lập Uất Luật Thuân làm đế, ông ta đáp: "Bệ hạ lâ ý lực lượng của toàn quốc nhưng không thể chống lại kẻ địch, bỏ nước chạy trốn, khiến trăm họ gặp tai họa, cho dù có lập 10 người như Uất Luật Thuân cũng đê u là con cháu của Thái Tổ, còn hơn là cầu xin kẻ địch tha mạng". Thiên Tộ Đế không nói gì, đành phải miễn tội cho Đức Tông.

Năm 1124, Thiên Tộ Đê muôn xuông núi phu phục các châu ở Yên Vân, Uất Luật Đại Thạch khuyên can nói: "Tình cảnh quoc gia đênen nông nỗi này, điệu cốt yết bầy giờ là phải luyện binh, đợi có thời cơ thích hợp hãy xuất binh đi đánh tuyệt đói không thể khinh xuất làm xã ng". Thiên Tộ Đê không nghe, Uất Luật Đại Thạch tận thay nước Liêu bị hủy diệt trong tay Thiên Tộ Đê, Uất Luật Đại Thạch kiên quyết giết Tiêu Át Tiết, thống lĩnh 200 kị binh chạy về phía Tây, tháng 2 năm đó ông tự lập làm vương. Ông tiến vào Tây Vực triệu tập quân chúng ở 18 bộ 7 châu thuộc nước Liêu nói: "Nước Kim ép bức nước ta, tàn sát dân chúng xâm lược chiếm giữ Thành Áp, buộc hoàng đế Thiên Tộ phải chạy ra ngoài. Hôm nay tôi vì trượng nghĩa mà đênen đây, mượn lực lượng của mọi người để đánh bại kẻ địch, giải cứu cho nỗi khổn khổ của quân chúng, khôi phục lãnh thổ, không biết mọi người có ủng hộ không?" Các bộ tộc đều xuất binh giao nộp cho ông chỉ huy tổng cộng có hơn 1 vạn quân tinh nhuệ, xây dựng thành 1 đội quân.

Tháng 2 năm 1125 Thiên Tộ Đê bị quân Kim bắt làm tù binh quân Liêu bị diệt vong. Uất Luật Đại Thạch tuân theo chủ trương nhát quán, tích lũy lực lượng, chờ đợi thời cơ, không coi thường kẻ địch, ông tiến quân về phía Tây xây dựng lực lượng. Năm 1131 (một thuyết khác nói là năm 1132), Uất Luật Đại Thạch xưng là hoàng đế Thiên Hựu, theo phong tục cũ của tộc Đột Quyết xưng là Cát Nhi Hãn (một cách gọi khác là: Cỗ Nhi Hãn) ông đặt niên hiệu là "Diên Khánh", trong sử gọi là Tây Liêu, do vì sùng tú màu đen nên gọi là "Hắc Khiết Đan". Năm 1134, ông cho xây dựng đô thành ở Hô Tư Tà Nhĩ Đóa (theo ngôn ngữ Khiết Đan có nghĩa là: cung thành hùng mạnh). Quân Tây Liêu thực hiện chế độ lễ nghĩa, hứa như tương đồng với triều Liêu.

Sau khi xưng đế, Uất Luật Đại Thạch dẫn toàn bộ lực lượng đánh xuông miền Tây, đánh bại được liên quân của: Hoa lai Từ Nộ, Hốt Nhĩ Sách... ông chia quân chiếm lĩnh ở Hà Thủ Hợp Nhi... khiến cương vực của Tây Liêu được mở rộng, trở thành 1 vương triều hùng mạnh ở Tây Bắc tương đương với triều Nam Tống, Kim, Tây Hạ...

Sau khi đặt đô ở Hô Tư Tà Nhĩ Đóa, ông phái 7 vạn kị binh đánh xuông phía Tây, có ý đồ phục hưng triều Liêu, vì phải đi qua sa

mặc nên có rất nhiê`u người và ngựa bị chết, việc đó cản trở cho việc tiến quân vê` phía trước, ông đành phải rút binh.

Uất Luật Đại Thạch mất năm 1143.

Sau khi ông ta chết, vẫn chiếu theo chế độ lễ tang của tộc Hán. Lập hiệu miê`u là: Đức Tông.

CẨM THIÊN HẬU (THÁP BẤT YÊN) (TRIỀ`U TÂY LIÊU)

Hoàng hậu Cảm Thiên, bà ta tên là Tháp Bất Yên, bà là hoàng hậu của Đức Tông, năm sinh và năm mất không rõ. Đức Tông Uất Luật Đại Thạch chết, con trai của ông ta là Uất Luật Di Liệt còn nhỏ tuổi, bà ta chấp chính và cho đổi niên hiệu là "Cảm Tinh". Bà chấp chính 7 năm, năm 1150 hoàn trả lại ngôi vị cho con trai. Chuyện vê sau ra sao không rõ.

NHÂN TÔNG (UẤT LIỆT DI LIỆT) (TRIỀ`U BÃ́C LIÊU)

Nhân Tông, ông ta tên là Uất Luật Di Liệt, năm sinh và năm mất không rõ. Ông là con của Đức Tông Uất Luật Đại Thạch. Năm 1150 hoàng hậu Cảm Thiên trả lại ngôi vị cho ông. Ông chính thức nắm quyê`n và cho đổi niên hiệu là "Thiệu Hưng".

Năm 1163, Uất Luật Di Liệt ốm chết. Ông trị vì 13 năm. Lúc lâm chung ông sai em gái là Uất Luật Phổ Tốc Hoàn trông coi việc triê`u chính.

THÙA THIÊN HẬU (UẤT LUẬT PHỔ TỐC HOÀN)

Thùa Thiên Hậu, bà ta tên là Uất Luật Phổ Tốc Hoàn, năm sinh và năm mất không rõ. Bà là con gái của Uất Luật Đại Thạch và là em gái của Nhân Tông Uất Luật Di Liệt. Bà chấp chính khi anh trai chết - tự xưng là Thùa Thiên thái hậu, bà cho đổi niên hiệu là "Sùng Phúc". Bà chấp chính 14 năm.

Năm 1177, Thùa Thiên Hậu dan díu với Phô c Cồ Chi Sa Lí, bà ta giáng chô ng xuô ng làm Đông Bình Vương, được ít lâu bà ta lại giê t chô ng. Bô chô ng của bà ta râ t hận con dâu, ông dẫn lính vào cung giê t Thùa Thiên Hậu và tên gian phu.

MAT CHỦ (UÂ T LUẬT CHÂN LỒ CÔ) (TRIỀ U TÂY LIÊU)

Mạt Chủ, ông ta tên là Uâ t Luật Chân Lồ Cô (?-1213). Ông là con thứ của Nhân Tông Uâ t Luật Di Liệt. Nhân Tông chê t. Mọi việc trong triê u do Thùa Thiên Hậu giải quyê t. Uâ t Luật Chân Lồ Cô kê v vị khi Thùa Thiên Hậu bị giê t. Ông trị vì 34 năm, bị ép buộc nhường ngôi, sau đó ô m chê t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Khi Nhân Tông chê t, Uâ t Liệt Chân Lồ Cô vẫn còn nhỏ tuổi, do đó Thùa Thiên Hậu lên nhíp chính. Năm 1177, Thùa Thiên Hậu bị giê t ông lên kê v vị và đổi niên hiệu là "Thiên Hỉ", xưng là Cô Nhi Hãn.

Trong thời gian trị vì, ông thích đi du lâm vui chơi, không quan tâm đê n triê u chính, dẫn tới cảnh xã hội suy đô i, mâu thuẫn xã hội gay gă t. Được một thời gian, Hoa Lại Tử Mạt và Tản Mã Nhi Can... làm theo lời kêu gọi của Khuâ t Xuâ t Luật tiê n đánh Tây Liêu... Nội bộ triê u Tây Liêu lục đục mâu thuẫn với nhau. Năm 1211 Uâ t Luật Chân Lồ Cô đi du lâm bị Khuâ t Xuâ t Luật mai phục và bă t giữ, ép phải thoái vị và được gọi là Thái thượng hoàng, phải sô ng ở biệt cung.

Năm 1213, Uâ t Luật Chân Lồ Cô chê t.

Trong sử gọi ông là Mạt Chủ.

KHUÂ T XUÂ T LUẬT (CÔ XUÂ T LỒ KHĂ C) (TRIỀ U LIÊU)

Khuâ t Xuâ t Luật (?-1218), Mạt Chủ Uâ t Luật Chân Lồ Cô làm Kha Hãn. Vê sau Khuâ t Xuâ t Luật ép Mạt Chủ thoái vị. Ông trị vì 7

năm, bị quân Mông Cổ truy sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Khuát Xuát Luật hay còn gọi là Cồ Xuát Lỗ Khắc, ông là con trai của Kha Hân Thái Dương thuộc hệ Nãi Man.

Năm 1204 bộ của Khuát Xuát Luật bị Nguyên Thá Tô bắt giữ và sát hại. Khuát Xuát Luật dẫn tàn quân chạy trốn, năm 1208 chạy đến triều Tây Liêu và được Uất Luật Chân Lỗ Cồ giữ lại, vẫn là ý hiệu Kha Hân, thế lực dần dà nhung mạnh. Được một thời gian, ông thấy nênh thô ng trị của triều Tây Liêu bị lung lay, Hoa Lại Tử Mô đang âm i chuẩn bị tấn công triều Tây Liêu, hòn nữa Khuát Xuát Luật biết dân tộc Nãi Man vẫn sống rải rác ở trong núi, do đó ông định đến phía Tây thu thập tàn quân, có ý định đoạt ngôi của nhà Tây Liêu. Ông nói với Mạt Chu: "Th่าน xa rời bộ lạc và dân chúng của thán đã lâu rồi, nghe nói dân chúng và quân đội vẫn sống tản mạn ở Diệp Mật và Hải Giáp... Nếu bạn họ biết thán còn sống, ta sẽ tập trung lại để chống kẻ địch, xin bệ hạ cho phép thán đi tập hợp bạn họ. Chỉ cần thán còn sống nhât định không quên ơn của bệ hạ và sẽ trung thành với bệ hạ". Mạt Chu đồng ý và còn gả con gái cho Khuát Xuát Luật.

Khuát Xuát Luật tu họp dân chúng, thiết lập quân đội. Ông ta cùng với Hoa Lại Tử Mạt chia quân làm hai ngả tấn công Tây Liêu, nhân cơ hội nội bộ triều Tây Liêu lục đục đã bắt giữ Mạt Chu, vẫn dùng quôc hiệu của Tây Liêu.

Sau khi đoạt vị, Khuát Xuát Luật dùng vũ lực ép dân chúng triều Tây Liêu từ bỏ Hồi Giáo và đi theo Phật Giáo. Cái cách phục trang của tộc Khiết Đan, mỗi một hộ dân có một người lính canh giữ. Điều đó gây ra sự phản kháng mãnh liệt của nhân dân, chính quyền bị mất ổn định.,

Năm 1218, quân Mông Cổ tiến vào cương vực của triều Tây Liêu, Khuát Xuát Luật hoảng hốt chạy khỏi kinh thành. Sau khi quân Mông Cổ chiếm đô thành triều Tây Liêu đã cho phép dân chúng ở các địa phương duy trì tín ngưỡng tôn giáo của chính mình. Dân tộc

Hô`i cũng giúp đỡ ủng hộ quân Mông Cổ. Họ cùng nhau giế́t ché́t lính Tây Liêu canh giữ ở các hộ gia đình. Nhiếu quan lại triề́u Tây Liêu cũng đã́u hàng địch. Còn có người dẫn đường cho quân Mông Cổ đi truy bắt Khuất Xuất Luật. Cuối cùng ông ta bị giế́t ở Sơn Cốc. Triề́u Tây Liêu diệt vong.

TRIỀU KIM

(Năm 1115-1234, tổng cộng 120 năm)

Triều Kim do tộc Nữ Chân ở vùng biên cương Trung Quốc xây dựng lên từ thời Lưỡng Tông. Cương vực của tộc Liêu: phía Đông Bắc có đê biển Nhật Bản; phía Nam đê biển Hoài Hà, Tát Lãnh; phía Tây đê tỉnh Cam Túc, phía Bắc đê núi Huy An. Triều Kim có vai trò quan trọng trong việc phát triển xã hội ở miền Bắc và sự dung hợp dân tộc.

Triều Kim có 10 đế vương (bao gồm Hoàn Nhân Thừa Lan) trong đó có 5 người ôm chét, 3 người bị tàn sát trong nội chiến, 1 người làm mất nước tự thắt cổ chét, 1 người làm mất nước và bị giết trong cuộc binh loạn.

THÁI TÔ (HOÀN NHÂN A CÔ T ĐẢ) (TRIỀU KIM)

Thái Tổ, ông ta tên là Hoàn Nhan A Cốt Đả (1068-1123). Ông là tù trưởng của tộc Nữ Chân, được tôn là người xây dựng nên triều Kim. Ông trị vì 9 năm, ôm chét. Hướng thọ 56 tuổi. Mai táng ở Duệ Lăng (nay thuộc huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

*

Hoàn Nhan A Cốt Đả là người bộ lạc Hoàn Nhan Tộc Nữ Chân. Ông nội làm tù trưởng bộ lạc. Tháng 10 năm 1113 anh trai của Hoàn Nhan A Cốt Đả chết, ông lên kế nhiệm chức vị, gọi là Đô Bột Cáp Liệt (tể tướng). Thời đó tộc Nữ Chân phái nhờ vào nước Liêu giúp đỡ, ông được triều Liêu phong quan, năm sau lại được phong làm Tiết độ sứ.

Ông dùng vũ lực dàn dà thô lanh các bộ lạc ở Nữ Chân, tiếp đó ông chỉ đạo tộc Nữ Chân đứng dậy phất cờ chôn lại nước Liêu. Tháng 6 năm 1114 ông chiêu nạp binh mã các bộ lạc thề quyết chiến với quân Liêu, ông cầm cây gậy gỗ và cao giọng nói:

- Các anh cát nô đòn đánh tâm hiệp lực đánh quân Liêu, có cô gái ng thì chúng ta mới phá bỏ ách kìm kẹp nô lệ, nô lệ có thể làm bình dân, bình dân có thể làm quan, có quan tước rõ i dân cô gái ng có thể thăng quan. Nếu ai phản bội lời thê , sẽ bị chém, thậm chí cả người thân cũng không thể dung thứ". Năm sau, ông dẫn 2.500 quân lính tiễn vào lãnh thổ nước Liêu và giành được thắng lợi huy hoàng.

Tháng 11, 10 vạn quân Liêu tiễn đánh tộc Nữ Chân, A Cát Đả dẫn đầu 3.700 lính nghênh chiến. Quân Liêu định vượt sông Áp Tử (nay thuộc sông Tùng Hoa phía Bắc huyện Phù Dư tỉnh Cát Lâm). Quân Liêu và quân Nữ Chân đánh nhau ở bờ sông. Lúc đó gió lớn thổi đê n, bụi bay mù mịt. Quân Nữ Chân dũng cảm xông đê n chém giết kẻ địch, đập tan cuộc tiến công của quân Liêu, bắt được vô số quân Liêu, A Cát Đả xung sục tù binh đó vào quân đội khiên số lượng binh sĩ tăng đê n 1 vạn. Cuộc chiến này được liệt vào cuộc chiến lẫy lừng nhất - đây cũng là một chiến dịch mang tính quyết định cho quân Nữ Chân về sau này diệt vong nước Liêu trong sử gọi là "Cuộc chiến sông Áp Tử". Quân Nữ Chân thừa thắng công kích chiếm đai của nước Liêu.

Tết Nguyên Đán năm 1115, nhờ sự giúp đỡ của Ngô Khát Thực, các tướng lĩnh... A Cát Đả tuyên bố lập quốc, cư trú ở bộ Hoàn Nhan (nay thuộc phía Nam huyện A Thành tỉnh Hồ Bắc Long Giang) lấy quốc hiệu là Đại Kim, đặt niên hiệu là "Thu Quốc".

Tháng 1 năm 1115. Ông thống lĩnh 2 vạn quân tấn công triều Liêu, tháng 9 chiếm phủ hoàng long và đánh bại 10 vạn đại quân do Thiên Tộ Đê thống lĩnh. Năm 1123 ông cầu kêt với triều Bắc Tống cùng nhau đánh bại nước Liêu.

Trong thời gian trị vì, ông đặt định ra các chế độ, thiết lập hình pháp, đê ra các loại văn tự, tăng cường hoàng quyến, đặt nê n tang vững chắc cho triều Kim.

Tháng 8 năm 1123, A Cát Đả đánh chiếm vùng Yên Kinh (nay là thành phố Bắc Kinh) của triều Bắc Liêu, tiếp đó ông ký kết hiệp định với triều Bắc Tống, trả lại triều Bắc Tống 6 châu ở

Yên Kinh, và thống lĩnh quân đội quay về` Thượng Kinh (nay thuộc Nội Mông Cổ). Ngày Mậu Thân hành quân đến Bộ Đồ Lạc (nay thuộc thành Bắc Khắc huyện Khắc Đông tỉnh Hắc Long Giang) ông ốm ché́t. Lúc đấu mai táng ở phía Đông Nam của Thượng Kinh, vê` sau cải táng ở Hòa Lăng (sau đổi tên thành Duệ Lăng). Vê` sau Hải Lăng Vương Hoàn Nhan Lượng lên kế vị, đã cho dời hài cốt đến núi Đại Phòng (nay thuộc phía Tây Nam thành phố Bắc Kinh) và vẫn lấy tên là Duệ Lăng.

Khi Hoàn Nhan A Cốt Đả ché́t, lấy thụy hiệu là Hoàn Nguyên Đế, thụy hiệu là Thế Tô.

THÁI TÔNG (HOÀN NHAN THÀNH) (TRIỀU KIM)

Thái Tông, ông ta tên là Hoàn Nhan Thành (1075-1135). Hối nhỏ ông tên là Ngô Khất Thực. Ông là em trai của Thái Tổ Hoàn Nhan A Cốt Đả. Ông kế vị khi anh trai ché́t. Ông trị vì 13 năm, bệnh ché́t. Hướng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Cung Lăng (nay thuộc huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1115 Hoàn Nhan Thành được phong làm Đại tể tướng. Khi Thái Tổ thống lĩnh đại quân đánh triề́u Liêu, Hoàn Nhan Thành nhận nhiệm vụ giữ đô thành và được chủ trì công việc triề́u chính. Tháng 8 năm 1123 Thái Tổ ché́t. Ngày Bính Thìn tháng 9 năm 1123 Hoàn Nhan Thành lên ngôi kế vị, ông đổi niên hiệu là "Thiên Hội".

Ông xây dựng đô thành và đặt tên là Phủ Hội Ninh (nay thuộc phía Nam huyện A Thành tỉnh Hắc Long Giang).

Năm 1125 Hoàn Nhan Thành bắt được Thiên Tô Đế, diệt vong triề́u Liêu. Trong quá trình tấn công triề́u Liêu, Hoàn Nhan Thành thấy nên thống trị triề́u Bắc Tống thối rữa, phòng bị lơi là, do đó mùa đông năm đó ông tấn công triề́u Bắc Tống. Năm 1127 đánh úp đô thành Biện Kinh của triề́u Bắc Tống, bắt giữ Tống Vi Tông, Tống Khâm Tông. Triề́u Bắc Tống diệt vong. Sau chuyện này ông lại tấn công triề́u Nam Tống, lấn lượt chiế́m các

vùng: Hà Nam, Thiểm Tây, Sơn Đông... đặt định được cương vực của triều Kim, xác lập sự thống trị của triều Kim đối với vùng Trung Nguyên.

Sau khi lên ngôi, Hoàn Nhan Thành sử dụng chế độ chính trị của triều Hán và tôn định quy mô của triều Kim. Vào những năm cuối đời ông còn sửa đổi chế độ: anh ché t em kế vị; ông lập cháu nội của Thái Tổ là Hoàn Nhan Thiện làm người kế vị.

Năm 1135 ngày Kỷ Tị tháng 1 Hoàn Nhan Thành mất tại cung Minh Đức. Mai táng ở Hoa Lăng (về sau đổi thành Cung Lăng. Thủ Hải Lăng Vương trị vì đã cho dời hài cốt tới núi Đại Phòng và vẫn gọi là Cung Lăng.

Sau khi Hoàn Nhan Thành ché t lâ y thụy hiệu là Văn Liệt Đế và hiệu miê u là Thái Tông.

HI TÔNG (HOÀN NHAN THIỆ N) (TRIỀU KIM)

Hi Tông, ông ta tên là Hoàn Nhan Thiện (1119-1149). Ông là cháu nội của Thái Tổ Hoàn Nhan A Cốt Đả và là cháu họ của Thái Tông Hoàn Nhan Thành. Hoàn Nhan Thiện kế vị khi chú ché t. Ông trị vì 14 năm, bị Hoàn Nhan Lương gié t. Hướng thọ 31 tuổi. Mai táng ở Tư Lăng (nay thuộc huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

*

Hoàn Nhan Thiện là con trai của Hoàn Nhan Thắng Lượng. Từ nhỏ ông đã theo văn nhân Hàn Phương (người dân tộc Hán) học văn hóa Hán, ông có thể làm thơ viết văn bằng chữ Hán. Nghiêm nhiên ông trở thành 1 thiều u niên tộc Hán. Năm 1130 lúc đó ông mới 13 tuổi đã nhận chức vị Đại tể tướng, và được chọn làm người kế vị. Ngày Kỷ Tị tháng 1 năm 1135 Thái Tông ché t, ngày Canh Ngọ cùng tháng ông lên đăng cơ và vẫn dùng niên hiệu của Thái Tông, năm 1138 ông đổi niên hiệu là "Thiên Quyền". 16 tuổi, ông đã lên ngôi, mọi công việc trong triều do đại thần Hoàn Nhan Tông Bật nắm giữ quyết hành. Năm 1148 Hoàn Nhan Tông Bật ché t, Hoàn Nhan Thiện mới đích thân nắm giữ công việc trong triều. Trong thời gian trị vì, ông

sử dụng thể chế chính trị của tộc Hán, tiến hành 1 loạt cải cách, bãi bỏ tục lệ thô ng trị cao nhât, đặt định chế độ cha truyền con nối i. Các bè phái trong triều đấu tranh mãnh liệt. Hoàn Nhan Thiện và hoàng hậu cũng mâu thuẫn trầm trọng (hoàng hậu luôn can dự vào công việc của triều chính), trên thực tế ông không chế được chính quyền.

Hoàn Nhan Thiện tàn bạo và xa xỉ. Tháng 9 năm 1149, ở Hà Nam có binh sĩ tên là Tôn Tiễn cầm đầu quânn chúng khởi nghĩa, tự xưng là "Hoàng đế án sát đại vương", Hoàn Nhan Thiện hoài nghi "Hoàng đế" là em trai Hoàn Nhan Thường Thắng, vì thế ông ta giết chết Hoàn Nhan Thường Thắng và một người em trai khác tên là Hoàn Nhan Thường. Tháng 11 Hoàn Nhan Thiện lại giết hoàng hậu và nhiều phi tử khác. Ông còn giết các đại thần, tông thất, điều đó làm cho các đại thần và tông thất rât hoảng loạn, mọi người đều có ý định làm phản.

Tháng 12 năm 1149. Hoàn Nhan Lượng cùu kết với rât nhiênu đại thần và binh sĩ trong triều để mưu đồ tạo phản lật đổ Hoàn Nhan Thiện. Ngày Đinh Ty, Hoàn Nhan Lượng sai đội trưởng cận thị là Đại Hưng Quốc vào canh 2 phải mở cửa thành, giả truyềnn thành chỉ nói hoàng thượng truyềnn gọi Hoàn Nhan Lượng vào cung bàn việc. Bọn Cận thị và 1 số đại thần đã phục sẵn ở cửa, cùng nhau cầm dao tiễn vào cung. Bọn họ phá cửa và không chế lính bảo vệ. Hoàn Nhan Lượng vung dao chém Hoàn Nhan Thiện. Thi thể của ông ta đều tiên được mai táng cùng mộ hoàng hậu, không lâu sau hài cốt bị chuyển đến núi Đại Phòng và gọi là Tu Lăng.

Sau khi ông chết lần lượt lấy thụy hiệu là Linh Đế, Hiếu Thành Đế, và hiệu miếu được đặt là Mẫn Đế, Hi Tông.

HẢI LĂNG VƯƠNG (HOÀN NHAN LUỢNG) (TRIỀU KIM)

Hải Lăng Vương, ông ta tên là Hoàn Nhan Lượng (1127-1161), tên tự của ông là Nguyên Công. Ông là cháu của Thái Tổ Hoàn Nhan A Cát Đả. Ông giết Hoàn Nhan Thiện và tự lên kế vị. Ông trị vì 13 năm. Bị đô tướng Nguyên Nhan Nguyên Nghị giết. Ông trị vì 40

năm. Mai táng ở ngoại thành Yên Đô (nay cách 40km về phía Tây Nam huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

*

Hoàn Nhan Lượng là con thứ của Liêu Vương Nguyên Nhan Tông Can. Năm 1140, ông hành quân vạn hộ, vai trấn thủ ở Trung Kinh (nay thuộc phía Tây Nam, Ninh Thành Nội Mông Cổ) và được thăng làm thượng thư tả thừa, hữu thừa tướng Thái Bảo.

Hoàn Nhan Lượng tính tình đâm ky, tàn sát. Ông cho rằng cha mình là con trưởng của Thái Tổ, mình cũng là cháu nội của Thái Tổ, ông không hài lòng với việc cháu trưởng của Thái Tổ là Hi Tông lên kế vị, Hoàn Nhan Lượng bèn kêu tạt nạp đâm đảng có ý đâm đoạt vị. Nhưng về bên ngoài ông có vẻ trung thành với Hi Tông. Có một lần, Hi Tông triệu ông ta đến nói chuyện, và có nói đến sự việc xây dựng triều chính vô cùng gian khổ của Thái Tổ, Hoàn Nhan Lượng giả vờ đau khổ khóc lóc, khiêm tốn Hi Tông rất tin ông ta. Hoàn Nhan Lượng có mối quan hệ mật thiết với hoàng hậu của Hi Tông. Năm 1149, Hoàn Nhan Lượng tổ chức sinh nhật, Hi Tông sai Đại Hưng Quốc đi tặng quà cho Hoàn Nhan Lượng, hoàng hậu cũng nhờ chuyển lễ vật cho Hoàn Nhan Lượng. Hi Tông biết chuyện rật không bàng lòng, liền lấy lại lễ vật của hoàng hậu về và khiển trách Đại Hưng Quốc. Từ đó Hoàn Nhan Lượng cảm thấy không yên tâm, ông cho rằng Hi Tông đoán được dự tâm đoạt vị của mình.

Thái học sĩ viện Hàn lâm là Trương Quân bị xử tội chết, có đại thần vạch ra tội trạng của Trương Quân là do Hoàn Nhan Lượng chỉ đạo, Hi Tông bức bối sai Hoàn Nhan Lượng đến nhận chức ở Biện Kinh. Lúc đến Trung Kinh (nay thuộc thành phố Bắc Kinh), ông bàn bạc câu kêu với quan trấn giữ ở Trung Kinh là Tiêu Dục, có ý định khởi binh làm phản ở Hà Nam, đoạt quyền. Được ít lâu, ông lại đến Lương Hương (nay thuộc thị trấn Lương Hương ngoại thành Bắc Kinh), đột nhiên Hi Tông lại triệu ông về Thượng Kinh, phong ông Bình Chương chính sự. Ông lại cùng với Diêm Thích Biện và Ô Đô i mật bàn chuyện mưu phản. Diêm Thích Biện làm và Ô Đô i từng chủ trương phê truất Hi Tông và lập em của Hi Tông là Nguyên Nhan Thừa Thanh hoặc Trịnh Vương Tử Hoàn Nhan A Lãnh

làm hoàng đế. Hoàn Nhan Lượng không bao giờ lập hai người đó! Vừa may lúc đó Tôn Tiết cầm đầu cuộc khởi nghĩa của binh sĩ ở Hà Nam, Tôn Tiết tự xưng là "hoàng đế". Hoàn Nhan Lượng liền lợi dụng chuyện đó để giải truyền tin nhảm nhí đó, khiến Hi Tông càng nghi ngờ những tông thất có tư cách thừa nhận ngôi vị vương ví dụ như: Nguyên Nhan Thùa Thắng và Hoàn Nhan A Lãnh... Hoàn Nhan Lượng và Đường Thiết Biện tích cực chuẩn bị mưu đồ mưu phản, ý đồ của bọn họ bị tướng quân hộ vệ là Hoàn Nhan Đặc Ý nghi ngờ và báo cáo với hoàng hậu, hoàng hậu lại tâu cáo chuyện đó với Hi Tông. Hi Tông gọi Đường Thiết Biện đến đánh cho anh ta một trận. Hoàn Nhan Lượng vu cáo Hoàn Nhan Đặc Ý và Hoàn Nhan Thường Thắng kết bè phái với nhau, Hi Tông lại giết chết Hoàn Nhan Đặc Ý.

Tháng 12 năm đó, Hoàn Nhan Lượng chính thức phát động chính biến, giết chết Hi Tông, Hoàn Nhan Lượng giả truyền thánh chỉ gọi đại thánh thân tín của Hi Tông là Hoàn Nhan Tông Mẫn vào hoàng cung và giết chết. Tôi hôm đó, Hoàn Nhan Lượng tự xưng làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Thiên Đức".

Sau khi đăng cơ, để phòng trừ những kẻ khác tranh quyền đoạt vị với mình, Hoàn Nhan Lượng giết chết hơn 70 người con cháu của Hi Tông và hàng loạt quý tộc. Tiếp đó ông ban bố "chiết cáu ngôn", tuyên bố dù cho là ai bất kỳ giai cấp nào đều có thể viết thư đưa ra kiến nghị. Rất nhiều người nêu ý kiến: Thượng Kinh xa xôi cách trở, vậy thư từ nên gửi về Yên Kinh. Hoàn Nhan Lượng đồng ý với kiến nghị đó, năm 1151 ông sai Hữu thừa tướng Trương Hạc chủ trì việc tu sửa ở Yên Kinh. Có người căn cứ theo Âm Dương Ngũ Hành để quy hoạch hoàng cung Yên Kinh, ông không tin vào điều đó khiến trách nói: "Sự cát hung của quoc gia là phụ thuộc vào đức chứ không căn cứ vào đất, nếu hoàng đế không tốt thì bôc quẻ thiện cũng có tác dụng gì!". Năm 1153 dời đô về Yên Kinh và đổi tên là Trung Đô và dời tổ Lăng dời đền núi Đại Phong. Và ra lệnh phá bỏ cung điện cũ ở Thượng Kinh và bãi bỏ đi vương túc quý tộc. Một số biện pháp này đánh vào thế lực bảo thủ, có lợi cho tộc Nữ Chân tiếp thu văn hóa tộc Hán và hướng tới chế độ phong kiến.

Năm 1158, ông lại ra lệnh cho Trương Hạc phụ trách việc sửa chữa thành Biện Kinh, chuẩn bị dời đô thành đê n đó và tâ n công triê u Nam Tô ng. Râ t nhiê u đại thâ n phản đô i, cho ră ng "người Tô ng vô tội, xuâ t quân vô có", thậm chí thái hậu đê n cũng cản kịch liệt. Ý định của Hoàn Nhan Lượng trở nên cô lập, ông xử tội chê t, cám tuyệt mọi lời dị nghị, dời đô xuô ng biện kinh, chuẩn bị xâm lược triê u Nam Tô ng.

Tháng 9 năm 1161, Hoàn Nhan Lượng cưỡng ép dân chúng các tộc tiê n xuô ng phía Nam tâ n công triê u Tô ng, ông thô ng lĩnh đại quân vượt sông Hoài Thủy, tiê n binh vào Lộ Châu. Cũng vào ngày hôm đó, Hoàn Nhan Ung lưu giữ ở Đông Kinh (nay thuộc thành phô Liêu Dương, tỉnh Liêu Ninh) được lập làm đê (gọi là Kim Thê Tông) còn Hoàn Nhan Lượng bị làm thú dân ở Hải Lăng, và phái binh mã ngăn cản Hoàn Nhan Lượng trên đường quay về, Hoàn Nhan Lượng không chú ý vẫn tiê p tục tiê n quân, và sai tổng quản Vũ Bình là A Lân Tiên vượt sông Trường Giang, quân Tô ng bị đánh bại ở Thái Thạch Cơ (nay thuộc tỉnh An Huy).

Ngày 26 tháng 11, Hoàn Nhan Lượng tập trung binh lực, bă t ép các tướng sĩ ngày ngày hôm sau phải từ bờ Qua Châu (nay thuộc phía Tây Nam thành phô Dương Châu tỉnh Giang Tô) vượt sông Trường Giang, làm không tròn nhiệm vụ giả quân pháp tòng sự. Quân Tô ng vừa thă ng trận, khí thê khoa trương, bày sẵn thê trận chờ địch. Quân Kim vượt sông một cách vô vọng, mà Hoàn Nhan Lượng nhâ t định dùng hình phạt nghiêm khă c, khiê n tướng sĩ Kim tiê n thoái lưỡng nan. Bọn họ biê t Hoàn Nhan Ung xung đê ở Liêu Dương và Hoàn Nhan Lượng bị phê làm thú dân, do vậy người người đê u có tư tưởng tạo phản. Thượng thư bộ binh kiêm đô thông chê binh mã ở tuyê n đường phía Tây là Uâ t Luật Nguyên Nghị thừa cơ vạch kẽ hoạch khởi binh làm phản, sáng sớm ngày 27 Uâ t Luật Nguyên Nghị thô ng lĩnh quân Kim hò hét xông thẳng vào doanh trại của Hoàn Nhan Lượng ở núi Quy Sơn. Hoàn Nhan Lượng cứ nghĩ ră ng đó là quân Tô ng vượt sông đuổi đánh, ông vội sai nhô trại đê n gâ n núi Đại Khánh để triệu tập binh sĩ nghênh chiê n. Lúc đó một mũi tên bay vào trong trại, Hoàn Nhan Lượng thâ t kinh kêu to: "Đây là tên của quân ta". Ông ta lập tức nhô mũi tên đó vứt ra ngoài, ông ta bị một mũi tên bă n vào lưng và ngã lăn ra đâ t. Tướng sĩ làm phản

tiết n vào trại lại dùng dao chém ông ta liên tiếp, rồi dùng thừng siết cổ ông ta, dùng áo khoác bọc thi thể và đốt cháy. Về sau, Hoàn Nhan Ung phong ông ta làm quân vương ở Hải Lăng, đặt thụy hiệu là Dang đê, mai táng ở khu mộ chư vương Lộc Mân Cốc núi Đại Phòng. Quản thám dân dâng biểu nói: "Hoàn Nhan Lượng tội ác滔天, không thể phong vương, và cũng không thể mai táng ở khu mộ của các chư vương". Hoàn Nhan Lượng lại bị phế xuống làm thú dân, cải táng ở ngoại thành cách 40km về phía Tây Nam của khu mộ.

THẾ TÔNG (HOÀN NHAN UNG) (TRIỀU KIM)

Thế Tông, ông ta tên là Hoàn Nhan Ung (1123-1189). Ông là cháu của Thái Tổ Nguyên Nhan A Cốt Đả. Thời Hải Lăng Vương chinh phạt nước Tống, Hoàn Nhan Ung được cử trấn giữ ở Đông Đô, về sau được lập làm hoàng đế. Ông trị vì 29 năm, ôm chét, hưởng thọ 67 tuổi. Mai táng ở Hưng

*

Bố của Hoàn Nhan Ung là Hoàn Nhan Tông Phụ. Hoàn Nhan Ung lần lượt được nhận những tước vị như: Cát Vương, Tào Quốc Công, Triệu Vương, Trịnh Quốc Công, Vệ Quốc Công. Năm 1161, Hải Lăng Vương tấn công triều Tống và sai Hoàn Nhan Ung trấn thủ Đông Đô. Tháng 10 - thuộc hạ của Hải Lăng Vương là Hoàn Nhan Phúc Thọ, Cao Trọng Kiến và Hoàn Nhan Muru Diễn... trên đường đi vây đánh triều Tống bọn họ đã quay về Liêu Dương giết chết Cao Tôn Phúc, người mà Hải Lăng Vương sai ở lại giám sát Hoàn Nhan Ung. Ngày 8 tháng 10 bọn họ lập Hoàn Nhan Ung làm hoàng đế, đổi niên hiệu là "Đại Định".

Sau khi đăng cơ, Hoàn Nhan Ung liệt kê hàng loạt tội trạng và phế Hải Lăng Vương làm thú dân, chặn đường quay về của Hải Lăng Vương và tiến tới định cư ở Trung Đô. Về sau: Hoàn Nhan Ung nghị hòa việc bãi binh với triều Nam Tống, về đồi nội: ông trọng dụng nhân sĩ các dân tộc làm quan, khiêm nội bộ tập đoàn giai cấp thống trị ổn định, mâu thuẫn xã hội cũng tương đối yên ổn.

Ông còn chú ý khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, coi trọng những sự nghiệp văn hóa như: thi cử, trường học... khiêm kinh tế xã hội và văn hóa của triều Kim dần phô nvinh, trở thành thời kỳ toàn thịnh của triều Kim, trên cơ bản tộc Nữ Chân dần bỏ rơi chế độ nô lệ và đi tới chế độ phong kiênn.

Ngày Quý Ty tháng 1 năm 1189 mât tại điện Phúc An cung Trung Đô, nhiều người khóc thương ông.

Sau khi Hoàn Nhan Ung chết lập hiệu miếu là Thê Tông và lấy thụy hiệu là Nhân Hiếu hoàng đế.

CHƯƠNG TÔNG (HOÀN NHAN CẢNH) (TRIỀU KIM)

Chương Tông, ông ta tên là Hoàn Nhan Cảnh (1168-1208). Höi nhỏ ông có tên tự là Ma Đại Cát. Ông là cháu của Thê Tông Hoàn Nhan Ung. Ông kế vị khi Thê Tông chết. Ông trị vì 19 năm, ôm chết. Hưởng thọ 41 tuổi. Mai táng ở Đạc Lăng (nay thuộc phía Đông Bắc núi Đại Phòng huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh).

*

Hoàn Nhan Cảnh rất thích văn học Hán, có thể viết thư pháp, vẽ tranh, ông lần lượt nhận những chức vị như: Quận Vương ở Kim Nguyên, Nguyên Vương thượng thư tả thừa tướng. Thái tử của Thê Tông là Hoàn Nhan Sung Cung chết yểu, do đó Hoàn han Cảnh được lập làm thái tôn. Ngày Quý Ty tháng 1 năm 1189 Thê Tông chết, cùng ngày hôm đó Hoàn Nhan Cảnh lên kế vị và cho đổi niên hiệu là "Minh Xương".

Sau khi Hoàn Nhan Cảnh làm hoàng đế, ông học theo lễ nghĩa của tộc Hán là để tang cha mẹ, ông để xướng việc kết hôn giữa người Hán và người Nữ Chân, thúc đẩy sự dung hợp dân tộc. Ông sai quân chinh phạt các bộ lạc ở Mạt Bắc, ông cho tu sửa vùng sát biên giới. Năm 1206 Hàn Thác Vị (triều Tống) phái binh chinh phạt nước Kim, Hoàn Nhan Cảnh phái Hoàn Nhan Khuông đánh bại quân Tống, ép buộc triều Tống giết Hàn Thác Vị để nghị hòa.

Ngày Ất Mão tháng 11 năm 1208, Hoàn Nhan Cảnh ôm, ngày Bính Thìn ông băng hà. Ông để lại di chiêu nói: "Trẫm chưa có con, phi tử Đỗ và phi tử Phạm đang mang thai, nêú trong hai người đó ai sinh con trai thì lập người con đó làm hoàng đế".

Sau khi ôm chê t lây thụy hiệu là Anh Đức hoàng đế và đặt hiệu miếu là Chương Tông.

VỆ THIỀU VƯƠNG (HOÀN NHAN VĨNH TẾ) (TRIỀU KIM)

Vệ Thiều Vương, ông ta tên là Hoàn Nhan Vĩnh Tế (?-1213). Hồi nhỏ ông tên là Hưng Thắng. Ông là con trai thứ 7 của Thế Tông Hoàn Nhan Ung và là chú của Chương Tông. Ông được lập làm hoàng đế khi Chương Tông chê t. Ông trị vì 5 năm bị Hô Sa Hồ phê truất và hạ độc. Mai táng ở huyện Phòng Sơn thành phố Bắc Kinh.

*

Hoàn Nhan Vĩnh Tế lần lượt được phong những tước vị như: Lộ Vương, Hàn Vương, Vệ Thiệu Vương. Tháng 11 năm 1208 Chương Tông chê t, lúc đó Chương Tông chưa có con. Đỗ Phi và Phạm phi vẫn đang mang thai, do đó Nguyên phi, hoạn quan Lý Tân Hỉ - Hoàn Nhan Khuông cùng nhau bàn bạc và lập Hoàn Nhan Vĩnh Tế làm hoàng đế. Ông đổi niên hiệu là "Đại An".

Sau khi đăng cơ, để bảo toàn ngôi vị, ông sai giết chê t Đỗ phi và bắt ép Phạm phi phải hủy thai, ra lệnh cho Phạm phi cắt tóc đi tu.

Trong thời gian ông ta trị vì, Nguyên Thái Tổ Thành Cát Tư Hãn thô ng lĩnh quân Mông Cổ tiến đánh triều Kim. Tháng 12 năm 1211, quân Mông Cổ bao vây Trung Đô, Hoàn Nhan Vĩnh Tế thu nạp kiênn nghị của triều thán: kiên quyết chống địch bảo vệ kinh thành, đánh bại quân Mông Cổ.

Tháng 8 năm 1213 Thành Cát Tư Hãn lại thô ng lĩnh đại quân tiến đánh Trung Đô. Lúc đó Hữu Phó Nguyên Sư Hô Sa Hồ phụ trách bảo vệ phía Bắc thành Trung Đô, hai năm trước quân Mông Cổ

tiết xuông Nam hạ, anh ta lâm trận bỏ chạy, không bảo vệ Tây Kinh (nay thành phố Đại Đô`ng tỉnh Sơn Tây) mà chạy về Trung Đô. Hoàn Nhan Vĩnh Tê` không những không trị tội mà còn trọng dụng anh ta làm tướng. Lúc quân Mông Cổ tiến sát doanh trại, anh ta vẫn ham vui chơi du lâm không màng việc đê` phòng trá`n giữ kẻ địch. Hoàn Nhan Vĩnh tê` sai đại thâ`n đê`n doanh trại đô`c thúc, Hô` Sa Hô` lại cát giận. Ngày 25 tháng 8, Hô` Sa Hô` câu kêt với Hoàn Nhan Sưu Hô, tướng quân Phó Sát Lục Cân... tạo phản, bọn họ từ cửa Thông Huyê`n xông thẳng vào cửa Đông Hoa và chiê`m lĩnh hoàng cung. Sáng hôm sau bă`t Hoàn Nhan Vĩnh Tê` xuâ`t cung. Được ít lâu, sai hoạn quan Lý Tư Trung bă`t Hoàn Nhan Vĩnh Tê` uô`ng rượu độc.

Thụy hiệu của Hoàn Nhan Vĩnh Tê` là Vệ Thiệu Vương.

TUYÊN TÔNG (HOÀN NHAN TUẤN) (KIM)

Tuyên Tông (1163-1223). Ông là cháu trưởng của Thê` Tông Hoàn Nhan Ung và là cháu họ của Vệ Thiệu Vương. Hô` Sa Hô` hại độc Vệ Thiệu Vương và đã lập Hoàn Nhan Tuâ`n làm hoàng đế`. Ông trị vì 11 năm, ô`m chê`t. Hưởng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Đức Lăng (nay thuộc phía Đông Bă`c núi Đại Phòng huyện Phòng Sơn thành phô` Bă`c Kinh).

Hoàn Nhan Tuâ`n là con trưởng của Hoàn Nhan Sung Cung. Ông lâ`n lượt nhận những tước vị: Ôn Quô`c Công, Phong Vương, Hình Vương... Tháng 8 năm 1213 Hô` Sa Hô` hạ độc giê`t Vệ Thiệu Vương, tháng 9 Hô` Sa Hô` Hoàn Nhan Tuâ`n từ Bành Đức về` Trung Đô, ngày Giáp Thìn tại điện Đại An đã tổ chức lễ đăng cơ cho Hoàn Nhan Tuâ`n, đổi niên hiệu là "Chính Hựu".

Tháng 3 năm 1214, Thành Cát Tư Hãn lại đem đại quân bao vây phía Bă`c thành Trung Đô. Hoàn Nhan Tuâ`n sai người đê`n cát`u hòa, và cõ`ng cho quân Nguyên 500 trai tân gái tân, 3.000 chiê`c áo lụa, 3.000 con tuâ`n mã và nhiê`u vàng bạc châu báu, ông còn cõ`ng con gái của Vệ Thiệu Vương là công chúa Kỳ Quô`c cho Thành Cát Tư Hãn, cho nên Thành Cát Tư Hãn mới rút quân. Sau khi quân Mông

Cỗ lui quân, Hoàn Nhan Tuân sợ quân Mông Cổ lại tấn công một lần nữa, ông ta bất chấp mọi lời khuyên can của các đại thần đã cho dời đô thành về Nam Kinh (nay thuộc thành phố Khai Phong tỉnh Hà Nam). Vì sự sụp đổ của ông ta mà phải chạy xuống phía Nam khiến lòng quân dân bị dao động, hàng loạt tướng lĩnh, quan sứ, phủ hộ liên tiếp đầu hàng quân Mông Cổ, thành Trung Đô, Liêu Đông, Liêu Tây liên tiếp bị thất thủ. Hoàn Nhan Tuân lại có ý đồ chạy xuống miền Nam để mở rộng đất đai để lập quốc, tiến xuống đó xâm lược triều Nam Tống, nhưng ý định đó của ông ta bị quân Nam Tống dập tắt và triều Tống cho quân phản kích, vì thế quân Kim lâm vào tình trạng diệt vong.

Tháng 12 năm 1223, Hoàn Nhan Tuân ôm nặng, ngày Canh Dần ông mất tại Nam Kinh.

AI TÔNG (HOÀN NHAN THỦ TỰ) (KIM)

Ai Tông, ông ta tên là Hoàn Nhan Thủ Tự (1198-1234),号 i nhỏ ông ta tên là Thủ Lễ. Ông là con trai thứ 3 của Tuyên Tông Hoàn Nhan Tuân. Hoàn Nhan Thủ Tự kế vị khi Tuyên Tông chết. Ông trị vì 11 năm, quốc gia bị phá hoại nên ông tự treo cổ chết, hưởng thọ 37 tuổi. Mai táng ở Nhữ Nam (nay thuộc huyện Nhữ Nam tỉnh Hà Nam).

*

Hoàn Nhan Thủ Tự tự nhận tước hiệu Toại Vương và làm những chức vị: Mật thư giám, Khu mật sứ. Năm 1216 được lập làm thái tử.

Ngày Canh Dần tháng 12 năm 1223 Tuyên Tông ôm chết, con thứ của Tuyên Tông là Anh Vương Hoàn Nhan Thủ Thuận định vào hoàng cung cướp đoạt ngôi vị. Hoàn Nhan Thủ Tự nhận được cáo phó, ngày hôm sau (ngày Tân Mão) mới quay về biện kinh. Ông lập tức ra lệnh cho khu Mật Viện Quan và 30.000 quân lính ở Đông Quang trấn thủ trên phố lớn ở cửa Đông Hoa và sai 4 thị vệ giam lỏng Hoàn Nhan Thủ Thuận ở ngôi chùa gần đó, tiếp đó Hoàn Nhan Thủ Tự làm lễ đăng cơ, ông cho đổi niên hiệu là "Chính Đại".

Sau khi lên ngôi, ông thu nạp một loạt các biện pháp để chố́ng lại quân Mông Cổ, nhắm cứu vãn nước Kim ra khỏi tình trạng diệt vong. Về mặt đối ngoại, ông cát́m việc tấn công triề́u Nam Tống và nghị hòa với triề́u Tây Hạ, nhắm tập trung binh lực đối phó quân Mông Cổ. Về mặt đối nội, ông trọng dụng những tướng lĩnh có công. Ông từng đánh bại quân Mông Cổ ở Hà Đông, Thiểm Tây, khôi phục lại nhiếu vùng đất mà trước đây bị quân Mông Cổ chiế́m lĩnh.

Năm 1231, Nguyên Thái Tông chia quân làm 3 ngả tấn công triề́u im. Năm sau, quân Kim bị đại bại ở núi Tam Lãnh (nay thuộc tỉnh Hà Nam), chủ lực tổn thất nặng nề́. Quân Mông Cổ thùa thắng bao vây thành Biện Kinh. Trong thành lưu hành bệnh truyến nhiễm cấp tính, quân dân bị bệnh chết mâm y mươi vạn, thêm vào đó lương thảo cạn kiệt, không có cách gì bảo vệ thành trì, Hoàn Nhan Thủ Tự đành bỏ thành chạy đến Thái Châu (nay thuộc huyện Nhữ Nam tỉnh Hà Nam). Tháng 9 năm 1233, Mông Cổ và Nam Tống liên kêt với nhau vây đánh thành Thái Châu. Vào tết Trùng Cửu, sau khi cúng tết hơi đất, Hoàn Nhan Thủ Tự nói với các đại thấn:

"Từ khi triề́u Kim lập quốc đến nay, đã nuôi dưỡng các khanh hơn 100 năm. Trong số́ các khanh: người thì vì tổ tiên mà lập công, người thì vì bạn thân mình mà lập công... Các khanh được trọng dụng khá nhiếu năm rối. Hôm nay quốc gia nguy cấp, các khanh cùng trẫm gánh vác vào hoạn nạn, có thể gọi là những trung thấn. Quân Mông Cổ muốn tấn công và chiế́m lĩnh đô thành, đây là lúc các khanh lập công báo quốc, cho dù có phải hy sinh, cũng nên làm đại thấn trung hiếu".

Sau đó ông ban rượu cho quấn thấn. Nhờ sự cỗ vũ của ông nên các thuộc hạ kiên cường giữ thành, sống chết vì quốc gia, quân Mông Cổ và quân Nam Tống nhiếu lấn mở cuộc tiến công vào thành nhưng đếu bị đẩy lui. Tuy nhiên, hoàn cảnh trong thành ngày một khó khăn, ngày Giáp Ngọ tháng 12 Hoàn Nhan Thủ Tự nghe lời khuyên của các đại thấn, do đó nửa đêm ông dẫn binh lính đột phá vòng vây., Ông ăn mặc quấn áo bình thường cải tranh thành một binh lính, đến dưới lếu trại của quân Mông Cổ bị phát hiện và gấp phải sự phản kích ngăn cản của quân Mông Cổ, ông đành quay về

thành. Lúc này lương thảo đã cạn kiệt, ông sai giết 150 con ngựa chiến và 50 con tuấn mă... để làm lương thực cho binh lính, cỗ động mọi người tiếp tục kiên trì giữ thành.

Ngày 9 tháng 1 năm 1234, quân Mông Cổ đào 5 cửa ở Tây Thành để đột nhập vào thành. Đại tướng Hoàn Nhan Trọng Đức chỉ huy binh lính, trải qua sự quyết chiến mãnh liệt tạm thời đẩy lui quân Mông Cổ. Hoàn Nhan Thủ Tự tận mắt thấy Thái Châu khó lòng trấn thủ, khóc và nói với cận thị:

"Trẫm vì triếu Kim và làm hoàng đế́ đã được 10 năm, tự thấy rắng mình không làm gì bất kínđối với thiên hạ, dấu trẫm có chết cũng không ân hận. Chỉ hận rắng sự nghiệp và đất nước của tổ tông giữ được 100 năm truyến lại cho trẫm đến trẫm lại bị diệt vong, kẽ́t cục của trẫm cũng giống như một hôn quân hoang dâm tàn bạo, thực tế́ trẫm rất đau khổ. Từ cỗ đến nay không có quốc gia bị diệt vong mà chỉ có vua bị mắt nước, bị roi vào chổ giam cấn hoặc bị bắt làm tù binh, trong những vị vua bị mắt nước có người bị nhục mạ, có người trở thành nô tài, trẫm quyết không như vậy, không làm nhục đến tổ tông, các khanh hãy đợi mà xem!". Tối hôm đó, ông triệu thống sư Hoàn Nhan Thừa Lân nói: "Trẫm muốn nhuờng ngôi cho khanh". Hoàn Nhan Thừa Lân cảm ơn và chối từ. Hoàn Nhan Thủ Tự nói: "Đây là chuyện bất đắc dĩ phải làm. Trẫm nhìn thấy đô thành chuẩn bị thất thủ, tự thấy thân thể gấy yếu, lại không giỏi vế cưỡi ngựa bắn tên, chỉ có thể lấy thân tuẫn quốc. Khanh rất dũng cảm mưu trí và có mưu lược, nếu đột phá vòng vây thoát thân, thì có thể kéo dài vận mệnh quốc gia, dấu chết trẫm cũng an tâm". Hoàn Nhan Thừa Lân đành phải phụng mệnh. Sáng hôm sau, Hoàn Nhan Thủ Tự tuyên bố́ nhuờng ngôi. Lúc đang cử hành nghi lễ nhuờng ngôi, quân Tống đã tiến vào cửa phía Nam tiếp đó quân Mông Cổ tiến vào cửa thành phía tây, quân Kim bị đẩy lùi, cả quân Tống và quân Mông Cổ đếu tiến vào thành khắp nơi vang tiếng hò hét, quân Kim trấn thủ đào một đường hấm. Hoàn Nhan Thừa Lân chỉ huy quân lính rời cung và bọn họ đi vào đường hấm ẩn trốn.

Buổi trưa Hoàn Nhan Thủ Tự thấy nước Kim roi vào tình cảnh diệt vong, tiến đố tuyệt vọng, ông dùng lụa thắt cỗ chết. Cận thi

của ông tuân theo di lệnh đã mang hỏa thiêu thi thể, xương cốt ở bờ sông Như Thủy. Một thuyết khác nói tướng quân Mông Cổ và tướng quân Tống thay Hoàn Nhan Thủ Tự đã chết, do đó mang đất xác và chia đôi tàn tro mang về lập công.

Thụy hiệu của ông sau khi chết là Ai Tông.

MẠT ĐẾ (HOÀN NHAN THÙA LÂN) (TRIỀU KIM)

Mạt Đế, ông ta tên là Hoàn Nhan Thùa Lân (?-1234). Ông làm thủ tướng sư của quân Kim. Trong lúc tình hình đất nước đang gặp nguy hiểm. Ai Tông đã nhường ngôi cho ông. Ông trị vì được nửa ngày, trong lịch đại đế vương thì ông là hoàng đế có thời gian ngắn nhất. Trong đường hầm, ông bị chết trận. Thi thể lưu lạc ra sao không rõ.

*

Lúc thành Thái Châu bị bao vây, ông từ chức vị của một đô úy được thăng làm Nguyên sư ở mặt phía Đông của thành. Phụ trách việc phòng thủ ở mặt thành phía Đông. Được vài hôm được phong làm Thủ tướng sư. Ngày 9 tháng 1 năm 1234, trong lúc vận nước đang gặp nguy hiểm, Hoàn Nhan Thủ Tự nhường ngôi cho Hoàn Nhan Thùa Lân.

Trong lúc cử hành lễ đăng cơ, quân Nguyên và quân Tống đã tiến vào thành. Ông hoảng hốt thóng lịnh binh sĩ đào đường hầm, vì quân số ít và mỏi mệt hơn kẻ địch, ông đành thối lui về Tử Thành (thành nhỏ). Ông biết tin Hoàn Nhan Thủ Tự tự vẫn, Hoàn Nhan Thùa Lân đau khổ thóng lịnh quan thán khóc than và cúng tế, đặt thụy hiệu cho Hoàn Nhan Thủ Tự là Ai Đê. Sau khi việc cúng tế hoàn tất, thành nhỏ bị phá hoại, kẻ địch thừa thảng xông vào chém giết lung tung. Ông và binh sĩ rơi vào cuộc hỗn chiến và bị loạn binh giết chết.

Triều Kim bị diệt vong.

TÂY HẠ

(Năm 1038-1227, tổng cộng 190 năm)

Mộc Đảng Hạng đã lập nên chính quyền Tây Hạ vào thời Lưỡng Tông, triều Tây Hạ chiếm cứ ở những vùng: khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ, phía Bắc tỉnh Thiểm Tây, phía Tây Bắc tỉnh Cam Túc, phía Đông Bắc tỉnh Thanh Hải và 1 phần khu tự trị Nội Mông Cổ... triều Tây Hạ có vai trò phát triển xã hội và hợp tác dân tộc ở khu vực Tây Bắc.

Triều Tây Hạ có 17 hoàng đế, một người bị kẻ địch bắt chém, 6 người ôm chém, 1 người bị giết trong nội chiến, 2 người bị phế truất và mưu sát chém, 1 người chết do kinh hãi, 1 người bị quân Mông Cổ giết.

THÁI TÔ (LÝ KÊ THIỀN) (TÂY HẠ)

Thái Tổ, ông ta tên là Lý Kê Thiên (903-1004). Ông là người dân tộc Đảng Hạng, thời Bắc Tông ông làm Tiết độ sứ, ông là người lập nên triều Tây Hạ. Ông trị vì 14 năm, bị trúng tên chém. Hưởng thọ 42 tuổi. Mai táng ở Dục Lăng (nay thuộc gò Bình Khương núi Hạ Lan tỉnh Ninh Hạ).

*

Lý Kê Thiên quê ở Ngân Châu (phía Nam huyện Du Lâm tỉnh Thiểm Tây). Tổ tiên của ông ta mang họ Thác Bạt. Thời Đường, do tham dự vào cuộc tranh áp của khởi nghĩa Hoàng Sào nên đổi thành họ Lý.

Năm 982, anh trai của ông ta là Lý Kê Phụng chiếm lĩnh đất đai quy phục triều Bắc Tông. Lý Kê Thiên không muôn nhân nhượng, bèn dẫn tay chân thân tín và mươi gia thuộc chạy đến tộc Đảng Hạng cư trú ở Càn Trạch thuộc Hạ Châu (nay ở phía Đông Bắc tộc Ngạc Thác Khắc - thuộc Nội Mông Cổ), bảo toàn lực lượng

chuẩn bị khởi sự. Năm 985, ông mai phục và giết tướng Tào Quang Thực (triệu Tô ng) chiếm lĩnh Ngân Châu. Năm 986 triều Tô ng phái đại quân chinh phạt ông, ông bỏ chạy khỏi Ngân Châu và chạy đến Khiết Đan. Tộc Khiết Đan gả công chúa và còn giúp ông khuêch trương lực lượng. Năm 990, tộc Khiết Đan phong ông làm Hạ Quốc Vương, chiếm lĩnh Ngân Châu và Tuy Châu.

Năm 991, ông đầu hàng triều Bắc Tô ng, Tô ng Thái Tông phong ông làm quan sát sứ ở Ngân Châu và đặt tên cho ông là Triệu Bảo Cát. Năm 997 lại nhận chức Tiết độ sứ quân Định Hàn quản lý 5 châu: Hạ Châu, Ngân Châu, Tuy Châu, Tĩnh Châu, Hựu Châu. Năm 1002 ông chiếm giữ ở Linh Châu (nay thuộc phía Nam huyện Linh Vũ khu tự trị dân tộc Hồi ở Ninh Hạ) và đổi tên vùng đó thành: phủ Tây Bình, đặt và sáp nhập chung với chung tước quân đội, về sau ông được tôn khiêm là người lập nên triều Tây Hạ.

Năm 1003, Lý Kế Thiên đánh thăng triều Tô ng và quay sang tấn công triều Hồi Hố và Thổ Phiên. Tháng 11 chiếm phủ Tây Kinh (nay thuộc huyện Vũ Uy tỉnh Cam Túc). Lúc này từ trưởng bộ lạc Lục Cốc tộc Thổ Phiên La Chi được triều Tô ng phong làm Tiết độ sứ ở Sóc Phương kiêm chức vị Tuân kiêm sứ mặt Tây của Linh Châu. Phiên La Chi câu kết với quân Tô ng công kích và chiếm giữ phủ Tây Kinh (TRIỀU TÂY HẠ), và còn giả vờ quy phục Lý Kế Thiên, dẫn bộ lạc xép hàng ở hiện đường để Lý Kế Thiên kiểm duyệt. Lúc kiểm duyệt, Phiên La Chi nhân lúc Lý Kế Thiên không để phòng đã bắn tên vào mặt trái của Lý Kế Thiên. Quân Thổ Phiên nham nhở loạt vung dao xông đến, thuộc hạ của Lý Kế Thiên phân tán lực lượng không đánh mà phải lui quân và chạy về Linh Châu, trên đường chạy trốn, do con người bị tên bắn hỏng, ông rã tết đau đớn. Ngày 2 tháng 1 năm 1004, ông tử trận.

Sau khi cháu của Lý Kế Thiên là Lý Nguyên Hiệu xưng đế, đã đặt thụy hiệu cho Lý Kế Thiên là Thái Tổ.

THÁI ÔNG (LÝ ĐỨC MINH)
(TRIỀU TÂY HẠ)

Thái Tông, ông ta tên là Lý Đức Minh (997-1031). Hồi nhỏ ông ta có tên tự là A Dịch. Ông là con trưởng của Thái Tổ Lý Kế Thiên. Ông kế vị khi Thái Tổ chê t. Ông trị vì 28 năm, ôm chê t, hưởng thọ 53 tuổi. Mai táng ở Gia Lăng (nay cách 5km về phía Tây Bắc cù gò Bình Quang núi Hạ Lan tỉnh Ninh Hạ).

*

Tháng 1 năm 1004 Thái Tổ bị tên bắn thương mà chê t, cùng tháng đó Lý Đức Minh lên kế vị.

Sau khi lên kế vị, tuân theo di lệnh của Thái Tổ, Lý Đức Minh sai sứ thần tới dâng biểu xin cầu hòa với triều Bắc Tống và xin triều Liêu phong hiệu. Triều Tống và triều Liêu đều phong ông làm Bình Tây Vương. Năm 1006, triều Tống phong Lý Đức Minh làm Tiết độ sứ quân Định Nán. Năm 1010 tộc Khiết Đan săc phong cho ông làm Phục Quốc Vương. Ông và triều Tống triều Liêu ký kết hòa bình, mở rộng giao lưu mậu dịch qua lại lẫn nhau, thúc đẩy xã hội tộc Đảng Đảng tiến tới ché độ phong kiến. Năm 1020, Lý Đức Minh lập đô ở Hưng Châu (nay là thành phố Ngân Châu tỉnh Ninh Hạ). Năm 1028, ông phỏng theo ché độ triều Tống để lập con trai là Nguyên Hiệu làm thái tử, một lòng một dạ muôn xung đê lập quốc.

Năm 1031, Lý Đức Minh chưa kịp xung đê thì đã bệnh chê t tại Hưng Châu.

Sau khi con trai ông là Lý Nguyên Hiệu xung đê đã đặt thụy hiệu cho Lý Đức Minh là Thái Tông.

CẢNH TÔNG (LÝ NGUYÊN HIỆU) (TÂY HẠ)

Cảnh Tông, ông ta là Lý Nguyên Hiệu (1003-1048). Ông là con trai của Thái Tông Lý Đức Minh. Ông kế vị khi Thái Tông chê t về sau xung đê. Ông trị vì 11 năm, bị con trai là Ninh Ninh Ca mưu sát (một thuyết khác nói bị Lăng Liệt mưu sát), hưởng thọ 46 tuổi. Mai táng ở Tân Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc cù gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Sau khi Lý Nguyên Hiệu xưng đế, ông ta phế bỏ đi họ của triều Đường và triều Tông ban cho, ông đổi họ thành họ "Ngô" theo tộc Đảng Hạng.

Ông có võ nghệ cao cường, tinh thông Hán văn, thông thuộc pháp luật và binh thư của triều Tông, ông còn có thể vẽ tranh, là một người văn võ kiêm toàn.

Năm 1028, ông phụng mệnh tấn công phủ Tây Kinh vì có nhiều công lao nên được Thái Tông lập làm Thái Tử. Năm 1031, Thái Tông ôm chê t, năm sau ông được kế nhiệm chức vụ của cha là Hạ Quốc Vương, triều Tông phong Lý Nguyên Hiệu làm Tây Bình Vương. Ông đặt niên hiệu là "Hiển Đạo" chuẩn bị thiết lập quốc gia. Một số quý tộc cũ phản đối chuyện ông xưng đế lập quốc, bọn họ trù hoạch chính biến, nhưng bị Nguyên Hiệu trấn áp. Năm 1038, ông xưng là "Thủy Văn Anh Vũ Hưng Pháp Kiến Lễ Nhân hiệu hoàng đế", đổi niên hiệu là "Thiên Thủ Lễ Pháp Đinh Tộ", lấy quốc hiệu là "Đại Hạ" (trong sử gọi là Tây Hạ), định đô ở phủ Hưng Khánh (nay thuộc Ngân Châu thuộc Ninh Hạ). Ông lại phế bỏ tước hiệu của triều Tông phong cho là "Tây Bình Vương", theo ngôn ngữ tộc Đảng Hạng, ông tự xưng là "Ô Chủ", người Tông làm "Ngô Tố", (ý nghĩa là con của trời xanh).

Trong thời gian trị vì, ông đặt định ra chế độ quan lại, chế độ quân đội, chế độ pháp luật, mở rộng binh lính tới hơn 40 vạn người, sáng tạo ra văn tự Tây Tạng, in ấn thư tịch, và còn ngăn chặn cuộc tấn công của triều Tông và triều Liêu. Cương vực thống trị ở: tỉnh Cam Túc, khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ, tỉnh Thanh Hải và tỉnh Thiểm Tây, một phần địa khu của khu tự trị Nội Mông Cổ - trở thành một chính quyền lớn mạnh ở phương Tây Bắc.

Lý Nguyên Hiệu giỏi dùng binh. Năm 1041 ông thống lĩnh quân đội xâm phạm miền Nam, triều Tông cho phép Đại tướng Nhâm Phúc dẫn 1 vạn binh mã nghênh chiến. Nguyên hiệu đem 10 vạn đại quân mai phục ở cửa sông Hảo Thủy (nay thuộc phía Bắc huyện Long Đức khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ), ông còn nhốt hơn 100 con

chim bô` câu nhô` t trong chiê` c hộp làm bă` ng bùn đâ` t, đặt ở hai bên đường lớn, sau đó dẫn vài người giả vờ chạy về` phía Tây, dụ Nhâm Phúc đuổi theo. Nhâm Phúc đuổi đê` n cửa sông Hảo Thủy, thâ` y hai bên đường có nhiê` u hộp, sai người mở ra xem, lũ chim bô` câu bay dáo dác, bay trên đâ` u quân Tô` ng, đây chính là tín hiệu xuâ` t kích. Đại quân Tây Hạ căn cứ vào phương vị của lũ chim bô` câu để đánh úp quân Tô` ng, giành thă` ng lợi to lớn, giê` t chê` t Nhâm Phúc.

Lý Nguyên Hiệu tôn sùng võ nghệ, chán ghét Nho học, ngược lại con trưởng của ông là Lý Ninh Minh lại chuộng Nho học. Một hôm;, Nguyên Hiệu hỏi Ninh Minh: "Cái gì là Đạo Lý Dưỡng Sinh?". Lý Ninh Minh trả lời: "Không được giê` t người". Ông lại hỏi: "Cái gì là đạo lý trị quô` c?". Lý Ninh Minh đáp: "Không nên nhân từ quá". Lý Nguyên Hiệu phẫn nộ hét lên: "Khanh đúng là tên tiểu tử ăn ní không ra làm sao, không thể trở thành nhân tài kế` tục bá nghiệp của tổ tiên". Ông không ưa Ninh Minh. Được ít lâu Ninh Minh ô` m chê` t - Nguyên Hiệu lập một người con khác của mình là Ninh Ninh Ca làm thái tử.

Nguyên Hiệu râ` t dâm đãng, ông còn cưỡng đoạt vợ của Ninh Ninh Ca vê` lập làm hoàng hậu, phê` truâ` t hoàng hậu Dã Lợi. Ninh Ninh Ca ôm hận trong lòng;. Dã Lợi cũng đau khổ buô` n râ` u, hai mẹ con họ tìm cách trút giận. Năm 1048, Nguyên Hiệu đi du lịch. Một hôm vào tháng 1, Ninh Ninh Ca đeo kiê` m đi theo hộ tống. Đến lúc tùy tùng tản mác Ninh Ninh Ca rút kiê` m chém Nguyên Hiệu, ông ta tránh nhưng không kịp bị chém đứt mũi. Ông ôm mặt hô hào cứu giúp, bọn tùy tòng nghe tiê` ng hét vội chạy đê` n. Ninh Ninh Ca đành bỏ chạy. Lũ thuộc hạ đưa Nguyên Hiệu vê` cung, hôm sau ông từ trâ` n. Một thuyê` t khác nói: Lãng Liệt là người dân tộc Dã Lợi và Ninh Ninh Ca xông vào cung giê` t Nguyên Hiệu.

Sau khi Nguyên Hiệu chê` t đặt thụy hiệu là Cảnh Tông.

NGHỊ VƯƠNG (LÝ LUỢNG TỘ)
(TÂY HẠ)

Nghị Vương, ông ta tên là Lý Lượng Tộ (1047-1067). Hồi nhỏ ông có tên tự là Ninh Lệnh Ca. Ông là con trai của Cảnh Tông Lý Nguyên Hiệu. Cảnh Tông bị thái tử Ninh Ninh Ca giết. Tướng quốc cai lại giết Ninh Ninh Ca và lập Lý Lượng Tộ làm đế. Ông trị vì 20 năm, ôm chê t, hưởng dương 24 tuổi. Mai táng ở An Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc cùa Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Lý Nguyên Hiệu bị Ninh Ninh Ca và dã Lợi giết chết. Tướng quốc không những không bao che cho tội trạng của bọn họ mà còn bắt giữ xử tội hai mẹ con bọn họ, sau đó cùng đại tướng Nhược Dịch Đảng Đô đi nghênh đón Lý Lượng Tộ vào cung lập làm hoàng đế và đổi niên hiệu là "Đình Tự Ninh Quoc".

2 tuổi, Lý Lượng Tộ đã làm hoàng đế, mọi việc do mẹ là Môi Tàng thái hậu và tướng quốc Mã Tàng Hóa Lũng chấp chính. Năm 1061 cha con Hóa Lũng âm mưu giết chết Lý Lượng Tộ để đoạt ngôi vị. Con dâu của Hóa Lũng là Lương thị đã tố cáo chuyện đó với Lý Lượng Tộ - Nhờ sự giúp đỡ của đại tướng Mẫn Dương Chi nên Lý Lượng Tộ giết chết cha con Hóa Lũng và ông tự mình nắm giữ triều chính. Ông lập Lương thị làm hoàng hậu, cho em trai của hoàng hậu là Lương Ất Mai làm tướng.

Sau khi nắm giữ triều chính, Lý Lượng Tộ tăng cường việc trọng dụng văn nhân người Hán, thực hiện cải cách những phong tục hủ lậu cũ kỹ của tộc Đảng Hạng, duy trì lễ nghĩa theo người Hán, vạch định phân chia biên giới với triều Tống, mở mang mậu dịch và tiến xuất sang phía Tây nam công triều Thổ Phiên, tháng 9 năm 1066 ông bắt hòa với triều Tống, ông thô ng lĩnh vài vạn quân vây đánh vùng Khánh Châu của triều Tống (nay thuộc huyện Khánh Dương tỉnh Cam Túc), ông bị trúng tên nên phải lui binh. Tháng 12 năm 1067 ông ôm chê t.

Thụy hiệu của Lý Lượng Tộ là Nghị Tông.

HUỆ TÔNG (LÝ BÌNH THƯỜNG)
(TÂY HẠ)

Huệ Tông, ông ta tên là Lý Bình Thường (1061-1086). Ông là con trưởng của Nghị Tông Lý Lượng Tộ. Ông kế vị khi Nghị Tông chê t., Ông trị vì 19 năm, ô m chê t, hưởng dương 26 tuổi. Mai táng Hiển Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc c gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Tháng 12 năm 1067, Nghị Tông chê t, cùng tháng đó Lý Bình Thường lên kế vị. Ông đổi niên hiệu là "Càn Đạo".

8 tuổi, ông đã được kế vị, mọi việc trong triều do thái hậu Lương châp chính. Lương Ât Mai được cử làm tướng quôc.

Năm 1076, Lý Bình Thường tròn 16 tuổi, ông đích thân năm giữ triều chính. Năm 1080, thái hậu và Lương Ât Mai giam lỏng Lý Bình Thường ở Mộc Trại cách Cố Cung khoảng 5km. Tháng 6 năm 1083 bị các tướng lĩnh phản đói thái hậu Lương phải phục hồi lại ngôi vị cho Lý Bình Thường.

Ngày Ât Mão tháng 7 năm 1086 Lý Bình Thường ôm chê t.

Sau khi Lý Bình Thường chê t, đặt thụy hiệu là Huệ Tông.

SÙNG TÔNG (LÝ CÀN THUẬN) (TÂY HẠ)

Sùng Tông, ông ta tên là Lý Càn Thuận (1083-1139). Ông là con trưởng của Huệ Tông Lý Bình Thường. Lý Càn Thuận kế vị khi Huệ Tông chê t. Ông trị vì 54 năm, ôm chê t. Hưởng thọ 57 tuổi. Mai táng ở Hiển Lăng (nay thuộc Tây Bắc c gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Tháng 7 năm 1086 Huệ Tông chê t, cùng tháng đó Lý Càn Thuận lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Thiên Nghĩa Trị Bình".

3 tuổi, Lý Càn Thuận lên kế vị, thái hậu Lương và Luông Ât Bô châp chính. Tháng 1 năm 1099, thái hậu Lương bị nước Liêu hại độc

chết, Lý Càn Thuận đế́n mắi giữ triề́u chính.

Sau khi Lý Càn Thuận nắm giữ triề́u chính. Vẽ́ mặt đối ngoại vẫn duy trì phương châm hòa giải với triề́u Tống và triề́u Liêu; vẽ́ mặt đối nội ông tiếm trù thế lực của bọn quý tộc, củng cố́ hoàng vị, ông ra sức đế xuong văn hóa tộc Hán, chọn Hán học làm quốc học. Nước Kim hưng thịnh, Lý Càn Thuận quy phục triề́u Kim, mượn lực của Kim tấn công triề́u Tống, ra sức mở rộng địa bàn, khiến cương vực của Tây Hạ đạt đến giai đoạn hưng thịnh nhất. Ngày 4 tháng 6 năm 1139 Lý Càn Thuận chết.

Sau khi ông ta chết, lấy thụy hiệu là Sùng Tông.

NHÂN TÔNG (LÝ NHÂN HIẾU) (TÂY HẠ)

Nhân Tông, ông ta tên là Lý Nhân Hiếu (1124-1193). Ông là con trai trưởng của Sùng Tông Lý Càn Thuận. Lý Nhân Hiếu kế́ vị khi Sùng Tông chết. Ông trị vì 54 năm, ốm chết. Hướng thọ 70 tuổi. Ma táng ở Thọ Lăng (nay thuộc núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hối ở tỉnh Ninh Hạ).

Tháng 6 năm 1139 Sùng Tông chết, cùng tháng đó Lý Nhân hiếu lên kế́ vị. Ông đổi niên hiệu là "Đại Khánh".

Trong thời gian ông trị vì, quyến lực của triề́u đình được củng cố́, lĩnh vực thống trị mở rộng 22 châu. Tập đoàn thống trị cưỡng đoạt được vô số tiến của trong xã hội, vì thế ông ta chìm đắm trong xa hoa kiêu ngạo, khiến cho mâu thuẫn xã hội ngày một gay gắt, xuất hiện các cuộc khởi nghĩa nông dân, ví dụ cuộc khởi nghĩa của Đa Nga... Lúc này triề́u Kim ra sức tiêu diệt triề́u Tống, khiến cho an ninh triề́u Tây Hạ sống tương đố́i an toàn, sản xuất xã hội và văn hóa phát triển mạnh, bước vào xã hội gay gắt.

Lý Nhân Hiếu tôn sùng Nho thuật, không trọng dũng sĩ, điếu đó làm cho tập đoàn thống trị dấn đánh mât đi khí thế sùng võ, rơi vào nho nhã yếu ót và bảo thủ.

Tháng 5 năm 1170, tướng quốc là Nhâm Đắc Kính rất chuyên quyến, trước khi làm tướng quốc anh ta đã làm thống binh 20 năm, anh ta ép Lý Nhân Đức chia đôi giang sơn, chia cho anh ta một nửa và gọi là nước Sở. Vế sau nhờ triề́u Kim giúp đỡ nên Lý Nhân Hiếu mới giết được Nhâm Đắc Kính, dẹp yên cục diện "phân quốc".

Lý Nhân Hiếu mất ngày 20 tháng 9 năm 1193.

Thụy hiệu của ông ta là Nhân Tông.

HĂ`NG TÔNG (LÝ THUÂ`N HƯU) (TÂY HẠ)

Hă`ng Tông, ông ta tên là Lý Thuâ`n Hựu (1177-1206). Ông là con trưởng của Nhân Tông Lý Nhân Hiếu. Ông kế́ vị khi Nhân Tông chết. Ông trị vì 13 năm bị em họ Lý Toàn phế truất và sát hại. Hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở Trang Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hô`i ở Ninh Hạt).

*

Tháng 9 năm 1193 Nhân Tông chết, cùng tháng đó Lý Thuâ`n Hựu lên kế́ vị, ông đổi niên hiệu là "Thiên Khánh".

Thời gian Lý Thuâ`n Hựu trị vì, thế lực tộc Mông Cổ đã hưng thịnh, quân Mông Cổ tiến vào Tây Hạ cướp bóc, 1 tháng sau chúng mới chịu lui binh. Vì tộc Tây Hạ bị nguy kịch một lấn do đó Lý Thuâ`n Hựu đổi tên phủ Hưng Khánh thành phủ Trung Hưng.

Em họ Lý Thuâ`n Hựu là Lý An Toàn chỉ được phong làm quận vương Trấn Di nên rất ấm úc, sinh hận anh họ. Nhờ sự giúp đỡ của La thái hậu, ngày 20 tháng 1 năm 1260 Lý An Toàn đã phế truất và cướp đoạt ngôi vị của Lý Thuâ`n Hựu. 3 tháng sau, Lý Thuâ`n Hựu đột nhiên ốm chết. Thời đó mọi người nói Lý Thuâ`n Hựu bị Lý An Toàn mưu sát.

Thụy hiệu của Lý Thuâ`n Hựu là Hă`ng Tông.

TƯƠNG TÔNG (LÝ AN TOÀN) (TÂY HẠ)

Tương Tông, ông ta tên là Lý An Toàn (?-1211). Ông là cháu của Sùng Tông Lý Càn Thuận, và là em họ của Hạng Tông Lý Thuận Hựu. Lý An Toàn phế truất và đoạt vị của Hạng Tông. Ông trị vì 6 năm, bị Lý Tân Húc phế truất đoạt vị và mưu hại. Mai táng ở Nguyên Lăng (nay thuộc phía Tây Bắc cù lao Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Lý An Toàn là con trai của Việt Vương Lý Hiếu Nhân Hữu, Lý An Toàn được phong là Quận vương Trấn Di. Ông phát động chính biến, phế truất cướp đoạt ngôi vị của Hạng Tông, Lý An Toàn cho đổi niên hiệu là "Úng Thiên".

Sau khi lên ngôi, Lý An Toàn dựa dẫm vào triều Kim, chô ng lại quân Mông Cổ, bị triều Kim phong làm Phục Quốc Vương. Trong thời gian ông ta trị vì, quân Mông Cổ nhanh lẹ nhanh công và cướp bóc triều Tây Hạ. Tháng 7 năm 1209 quân Mông Cổ bao vây phủ Trung Hưng, Lý An Toàn đích thân chỉ huy binh sĩ kiên quyết chô ng lại địch. Tháng 9 mưa liên miên, nước sông dâng cao, quân Mông Cổ dẫn nước vào thành, nhảy chìm nhiều nơi cư trú của dân chúng, tình hình vô cùng nguy hiểm. Lý An Toàn phái người đột phá vòng vây để tìm cách cứu quân Kim, triều Kim chôn i từ không xuất binh cứu giúp. Tháng 12, đê sông bị vỡ, đành mang con gái cô ng cho Thành Cát Tư Hãn để cầu hòa, quân Mông Cổ lui binh.

Ngày 3 tháng 7 năm 1211 Tề Vương Lý Tôn Húc phát động chính biến, phế truất và đoạt ngôi vị của Lý An Toàn. Ngày 5 tháng 8 Lý An Toàn chết bất đắc kỳ tử. Mọi người cho rằng ông ta bị Lý Tôn Húc giết hại.

Thụy hiệu của Lý An Toàn là Tương Tông.

THẦN TÔNG (LÝ TÔN HÚC) (TÂY HẠ)

Thân Tông, ông ta tên là Lý Tôn Húc (1163-1226), ông ta là cháu của Sùng Tông Lý Càn Thuận. Thời Tương Tông trị vì đã cho Lý Tôn Húc nắm giữ binh quyền. Lý Tôn Húc phê truất và đoạt vị của Tương Tông. Ông trị vì 13 năm, ôm chét. Hướng thọ 64 tuổi. Mai táng ở phía Tây Bắc cù gò Bình Khương núi Hạ Lan khu tự trị tộc Hồi ở Ninh Hạ).

*

Lý Tôn Húc là con trai của Tề Trung Vũ Vương Lý Ngạn Tông. Thời nhỏ ông chăm chỉ học tập. Về sau tham gia thi cử và đỗ tiến sĩ (đỗ trạng nguyên).

Lý Tôn Thúc được phong làm Tề Vương, về sau được tăng làm thống lĩnh binh mã đại đô đốc. Ông văn võ kiêm toàn và có uy lực danh tiếng trong triều. Năm 1211, ông tròn 49 tuổi và đã cướp đoạt hoàng vị của Tương Tông, đổi niên hiệu là "Quang Định".

Sau khi lên ngôi, do nước Kim chói từ không giúp đỡ trong cuộc chiến chống quân Mông Cổ nên ông thay đổi quốc sách, từ bỏ Kim và quay sang dựa dẫm quân Mông Cổ, để mượn binh của Mông Cổ đánh Kim. Từ năm 1212 trở đi Lý Tôn Húc liên tiếp tiến đánh triều Kim khiến lực lượng trong nước bị hao tổn và suy yếu. Năm 1217 do Lý Tôn Húc cự tuyệt quân Mông Cổ nên bị triều Mông Cổ đem quân bao vây phủ Trung Hưng; Lý Tôn Húc hoảng hốt chạy trốn. Năm 1223 Thành Cát Tư Hãn ra lệnh phải diệt vong triều Tây Hạ. Điều đó làm cho quốc sách của Lý Tôn Húc là mượn Mông diệt Kim bị thất bại. Tháng 12, Lý Tôn Húc tuyên cáo thoái vị truyền ngôi cho con thứ là Lý Đức Vượng, tự xưng là "Thượng hoàng".

Tháng 5 năm 1226, đúng lúc quân Mông Cổ bao vây thành Chu của triều Tây Hạ, thì Lý Tôn Húc chết.

Thụy hiệu của ông ta là Thân Tông.

HIỆN TÔNG (LÝ ĐỨC VƯỢNG)
(TÂY HÀ)

Hiến Tông, ông ta tên là Lý Đức Vượng (1181-1226). Ông là con thứ của Thấn Tông Lý Tôn Húc. Lý Đức Vượng được Thấn Tông nhường ngôi. Ông trị vì 4 năm. Do mâu tước nên ông hoảng hồn mà sinh bệnh. Hưởng thọ 46 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

Lý Đức Vượng là con thứ của Thấn Tông. Thấn Tông vô nỗ lực lập con trưởng là Lý Đức Nhậm làm thái tử, vê sau thái tử phản đồi i chuyện thân Mông chô ng Kim, Lý Đức Nhậm chủ trương liên kết với quân Kim chô ng đồi i quân Mông và cự tuyệt việc dẫn quân đánh Kim, do đó bị Thấn Tông phê truất giam lỏng. Thấn Tông thoái vị liê n nhường ngôi cho Lý Đức Vượng, cùng năm đó ông đổi niên hiệu là "Càn Định".

Lý Đức Vượng lên ngôi, ông sửa đổi quôc sách: câu kêt quân Kim chô ng đồi i quân Mông. Quân Mông Cổ khởi binh tiê n đánh Tây Hạ, trên đường đi bọn chúng đánh chiê m và cướp bóc nhiê u thành â p, triê u Tây Hạ bị tổn thâ t nghiêm trọng.

Tháng 7 năm 1226, Lý Đức Vượng chứng kiê n cảnh giang sơn bị đại họa mâu tước, ông kinh hãi sinh bệnh mà chê t.

Thụy hiệu của Lý Đức Vượng là Hiến Tông.

MẠT CHỦ (LÝ HIỀN) (TÂY HẠ)

Mạt Chủ, ông ta tên là Lý Hiển (?-1227), ông là cháu của Thấn Tông Lý Tôn Húc, và là cháu họ của Hiến Tông. Lý Hiển kế vị khi Hiến Tông chê t. Ông trị vì 2 năm, mâu tước, vê sau bị quân Mông Cổ giê t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Lý Hiển là con trai của quận vương Thanh Bình. Tháng 7 năm 1226 Hiến Tông chê t, cùng tháng đó các quan lại và tông thâ t lập Lý Hiển lên kế vị, ông đổi niên hiệu là "Bảo Nghĩa".

Khi lên ngôi, Lý Hiển phải đõi mặt với nguy cơ mâu tước. Sau khi kế vị, ông thô ng lĩnh quân dân mở một cuộc đâ u tranh cuô i

cùng chống lại quân Mông Cổ cứu đất nước khỏi nguy cơ diệt vong, nhưng không có cách gì ngăn cản và chống đỡ được cuộc tấn công mãnh liệt của Thành Cát Tư Hãn. Mùa xuân năm 1227 quân Mông Cổ bao vây phủ Trung Hưng, Lý Hiển kiên quyết phòng thủ được hơn nửa năm, vì trong thành cạn kiệt lương thực, quân dân sinh bệnh hàng loạt, hơn nữa lại gặp thiên tai hạn hán động đất - tháng 6 Lý Hiển đành dâng châu báu cho quân Mông Cổ xin đấu hàng và hứa 1 tháng sau xin cống thành trì. Tháng 7 Thành Cát Tư Hãn chết. Vài ngày sau Lý Hiển xuống thành đấu hàng, bị quân Mông Cổ giết. Quân Mông Cổ tràn vào thành tàn sát dân chúng. Triệu Tây Hạ diệt vong.

TRIỀU NGUYÊN

(Năm 1206-1368, từ khi Thành Cát Tư Hãn dựng lên nước Mông Cổ, tổng cộng 63 năm; năm 1271-1368, từ khi Thế Tô Hö́t Tất Liệt đặt quốc hiệu, tổng cộng 98 năm)

*

Tộc Mông Cổ tạo lập nên triều Nguyên, đây là vương triều có cương vực bao la rộng rãi nhất trong lịch sử Trung Quốc, phía Đông và phía Nam chạy dến biển, bao gồm cả Đài Loan, phía Tây chạy dến khu tự trị Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương, phía Tây Nam bao gồm khu tự trị Tây Tạng và tỉnh Vân Nam. Triều Nguyên có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy việc Trung Quốc thô̄ng nhât quoc gia đa dân tộc.

Triều Nguyên có 18 hoàng đế (bao gồm hoàng hậu Nai Ma Chân và hoàng hậu Hải Mê Thất), trong đó 13 người ôm ché́t, 2 người bị gié́t trong cuộc nội chié́n, 1 người bị hại độc ché́t, 1 người lưu lạc ở đâu không rõ, 1 người bị trọng thương mà ché́t.

THÁI TÔ (THÀNH CÁT TƯ HÃN) (TRIỀU NGUYÊN)

Thành Cát Tư Hãn, ông ta tên là Thiết Mộc Chân (1162-1227). Ông là con trưởng của tù trưởng Mông Cổ, vê sau Thiết Mộc Chân thô̄n nhât Mông Cổ, lập nên nước Mông Cổ. Ông trị vì 22 năm, ôm ché́t, hưởng thọ 66 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cố c (nay thuộc khu tự trị Nội Mông Cổ).

Thiết Mộc Chân là con trai của tù trưởng bộ lạc Bội Nhi Chỉ Cân tộc là Mông Cổ, cha của Thiết Mộc Chân tên là Dã Tốc Cai. Dã Tốc Cai bị người của bộ lạc Tác Ta Rơ hạ độc ché́t, từ đó bộ lạc Bội Nhi Chỉ Cân đi tới suy bại, Lúc đó Thiết Mộc Chân còn nhỏ tuổi đã gặp phải bất hạnh, vê sau được bộ lạc Khắc Liệt và bộ lạc Trất Đáp Lai giúp đỡ và khôi phục lại bộ lạc cũ. Năm 1206 Thiết Mộc Chân thô̄ng

nhất toàn bộ các tộc ở Mông Cổ, ông tổ chức đại hội ở đê u ngô n sông Tà Nan (nay thuộc nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ) và được tôn làm Đại Kha Hän, tôn xưng là Thành Cát Tư Hän (có ý là thủ lĩnh hùng mạnh nhất và cao nhất ở bờ biển), kiêm lập nước Mông Cổ - chính quyề n đê u tiên ở Mông Cổ).

Sau khi lập quô c, Thành Cát Tư Hän lập định: chê độ hành chính chia đâ t, nhận phong tước, chê độ quân sự vàu pháp luật thành văn sơ bộ "trật tản hă c", sử dụng ngôn ngữ Mông Cổ, trên cơ sở đó hình thành nên dân tộc Mông Cổ, khiê n dân Mông Cổ đi từ xã hội nô lệ hướng tới xã hội phong kiê n.

Sau khi đăng cơ, Thành Cát Tư Hän phát động cuộc viễn chinh quân sự với qui mô lớn. Từ năm 1207-1218, ông thô ng lĩnh quân đội lâ n lượt diệt vong bộ lạc Vị Ngột Nhi và triê u Tây Liêu, tâ n công triê u Tây Ha và nước Kim, tiên phong xông thẳng đê n bờ Bă c sông Hoàng Hà và còn chiê m lín được trung bộ nước Kim (nay là thành phô Bă c Kinh). Năm 1219-1225 ông phát động Tây chinh tâ n công Á n Độ. Ông còn phái tướng lĩnh tâ n công các địa khu Đột Hà, đánh bại liên quân Tả La Tư (tộc Nga - dân tộc thiểu số ở miê n Tân Cương). Năm 1226 quay về đô, lại đánh triê u Tây Hän, khiê n bắn đô chính quyề n Mông Cổ mở rộng đê n Trung Á và địa khu tộc Nga.

Mùa hè năm 1227, Thành Cát Tư Hän thô ng lĩnh quân đội tiê n đánh đô thành Tây Hạ. Tháng 7, đúng lúc triê u Tây Hạ bị diệt vong, Thành Cát Tư Hän ô m nặng, lúc lạnh lúc nóng thở khò khè không ngừng. Ông dặn dò chư thâ n là lập con trai thứ ba làm Kha Hän và bă ng bâ t cứ giá nào cũng diệt vong triê u Tây Hạ, nước Kim. Ngày 25 tháng 8 năm 1227 Thành Cát Tư Hän mât ở An Thịnh Lũy Hành (nay thuộc huyện Thanh Thủy Chân núi Lục Bàn tỉnh Cam Túc). Suô t đời Thành Cát Tư Hän đi chinh chiê n. Ông ta thô ng nhâ t bộ lạc Mông Cổ, khiê n tộc Mông Cổ đăng quang trên vĩ đài lịch sử Trung Quô c và thê giới; ông tiêu diệt chính quyề n Tây Hạ, Tây Liêu ở miê n Bă c Trung Quô c, vê sau này làm cơ sở trong việc kiê n lập cương vực và mở rộng triê u Nguyên. Ông ta có vai trò quan trọng trong việc phát triển lịch sử Trung Quô c. Tuy nhiên, trong quá

trình Tây chinh và Nam tiến, ông cũng cho lính chém giết cướp đoạt khiến nhân dân gặp những tai họa nghiêm trọng.

Sau khi Thành Cát Tư Hãn chết, thuộc hạ chiếu theo di lệnh của ta bí mật không phát tang, hộ tống linh cữu quay về` đất Mông Cổ. Không ngờ tin tức về` cái chết của ông ta truyến đi - tướng sĩ đi theo hộ tống linh cữu, trên đường đi gặp ai đê` u giết sạch để bảo toàn bí mật. Sau khi mai táng Thành Cát Tư Hãn, thuộc hạ liến trô` ng cây xung quanh mộ, khu mộ trở thành một rừng cây rậm rạp khó mà tìm ra lăng mộ. Căn cứ theo ghi chép "Nguyên su - Thái Tô ký" chỉ biết ră`ng ngôi mộ mai táng ở Khởi Liên Cốc, mà không ai có cách gì biết được Khởi Liên Cốc nă`m ở đâu. Vê` sau, hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn cũng chôn trong khu rừng này. Con cháu của ông ta không có thói quen cúng tế mộ, bọn họ chỉ dùng lê` u ni màu tră`ng (bát bạch thất) có 8 phòng mà ông ta sử dụng thời còn sống để làm vật tượng trưng cho lăng mộ, con cháu cát giữ cúng tế râ`t long trọng.

"Bát Bạch Thất" từng được đặt ở Ngọc Đặc Khắc tại phía Bắc núi A Nhĩ Thái và phía Nam núi Khản Đặc. Do tộc Mông Cổ là 1 dân tộc du mục thường hay đổi chỗ ở, nên "Bát Bạch Thất" cũng di dời theo họ. Niên giám Thiên Khải (TRIỀU MINH), bộ lạc Ngạc Nhi Đa Tư tộc Mông Cổ để bảo vệ gìn giữ "Bát Bạch Thất" nên đã chuyển lê` u ni đó đê`n cao nguyên Ngạc Nhi Đa Tư ở khu tự trị Nội Mông Cổ, vê` sau lại chuyển đê`n thảo nguyên Cam Đức Lợi, đê`n ngày nay đã hơn 300 năm. Sau giải phóng, Chính phủ cho trùng tu "Bát Bạch Thất", khiến nó trở thành một di tích cổ.

Vê` sau Hốt Tất Liệt đổi quốc hiệu là "Nguyên" và đổi thụy hiệu cho Thành Cát Tư Hãn là Nguyên Thái Tô.

DUÊ TÔNG (ĐÀ LÔI) (TRIỀU NGUYÊN)

Đà Lôi (1193-1232), ông ta là con trai thứ 4 của Thành Cát Tư Hãn, Thành Cát Tư Hãn ô`m chết, Đà Lôi giám sát mọi việc trong

triết. Ông giám quốc được 2 năm, ôm chết. Hưởng thọ 40 tuổi.
Mai táng ở đâu không rõ.

*

Từ nhỏ Đà Lôi đã theo cha là Thành Cát Tư Hãn đi chinh chiến. Năm 1213 chiến m được phủ Đức Hưng của nước Kim (nay thuộc huyện Trác Lộc tỉnh Hà Bắc), về sau theo cha đi chinh chiến các châu bộ ở Hà Bắc và các châu bộ ở Sơn Đông. Năm 1219, Lôi Đà tham gia vào cuộc chinh phạt ở miền Tây, chiến theo thói quen lệ cũ là con út được kế vị sự nghiệp của cha, nhận đầu t phong ở Mông Cổ, Thành Cát Tư Hãn chết, Đà Lôi giám quốc.

Năm 1229, Lôi Đà và các chư vương nghênh đón anh trai là Oa Khoát Đài lên kế vị.

Năm 1230 Đà Lôi và Oa Khoát Đài chia quân tiến đánh nước Kim. Đà Lôi theo lời di huấn của Thành Cát Tư Hãn: dùng vũ lực tấn công Tống. Mùa đông năm 1231, Đà Lôi đánh bại quân Kim ở núi Tam Lãnh thuộc Quận Châu (nay thuộc tỉnh Hà Nam) diệt vong quân chủ lực của triều Kim, thừa thắng tấn công các châu quận ở Hà Nam.

Mùa hè năm 1232 do thời tiết nóng nực, Đà Lôi dẫn quân quay về kinh đô, trên đường trở về ông ôm chết.

Thụy hiệu của Đà Lôi là Duệ Tông.

THÁI TÔNG (OA KHOÁT ĐÀI) (TRIẾT NGUYÊN)

Thái Tông, ông ta là Oa Khoát Đài (1186-1241). Là con trai thứ 3 của Thành Cát Tư Hãn. Ông kế vị khi Thành Cát Tư Hãn chết. Ông trị vì 13 năm, do nát rượu mà dẫm tới cái chết. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Oa Khoát Đài thường theo cha là Thành Cát Tư Hãn đi chinh chiến ở miền Tây và chinh phạt nước Kim. Năm 1229, Đà Lôi và các

chư vương ủng hộ lập Oa Khoát Đài làm Đại Kha Hãn.

Năm 1220-1345 Oa Khoát Đài diệt vong nước Kim, thống nhất miến Bắc Trung Quốc. Năm 1236 ông phát lệnh tiến đánh vào Trung Âu.

Trong thời gian trị vì, Oa Khoát Đài trọng dụng Uất Luật Sở Tài làm trung thư lệnh, sử dụng hình ché́ pháp luật nhà Hán đặt ra ché́ độ thuế má, mở khoa thi chọn hiến sỹ, trọng dụng văn nhân, xây dựng thành Hòa Lâm (nay thuộc phía Tây Nam Ulanbato, nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ) và chọn nơi đó làm đô thành, tôn định cu mô quốc gia phong kiến triếu Nguyên. Xây dựng các trạm dịch, tăng thêm mối quan hệ giữa bản địa và các nước chư hãn.

Vào những năm cuối đời, Oa Khoát Đài chìm mặc trong tưu sá́c, đặc biệt thích rượu chè, thường uống rượu đến nửa đêm. Uất Luật Sở Tài nhiếu lấn khuyên can nhưng dếu không có kêt quả, một lấn Sở Tài nắp chai rượu bắng sắt và nói: "Cái nắp chai này còn bị men rượu găm lấm tấm, nội tang của con người không cứng rắn bắng sắt, bệ hạ cứ uống rượu suốt ngày như vậy thấn sợ rắng ngọc thể sóm muộn gì cũng bị phá hủy". Oa Khoát Đài nhất quyết không nghe lời khuyên. Có 1 lấn ông ta uống say khuót không đi nổi, mãi vế sau mới tỉnh lại.

Ngày 11 năm 1241 Oa Khoát Đài đi du lâm. 5 hôm sau trên đường quay về cung có đi qua núi Ngọc Đặc Cố Hô Lan quan sứ ở đó dâng rượu cho ông ta. Oa Khoát Đài vế trại uống rượu đến gấn sáng mới thôi. Ngày hôm sau (ngày Tân Mão) thuộc hạ thấy ông ta mãi không ngủ dậy liến vào đó gọi dậy. Ông ta đã bị ngã bệnh không nói ra lời, được ít lâu thì từ trấn.

Hiệu miếu của Oa Khoát Đài là Thái Tông. Theo phong tục của người Mông Cổ, hoàng đế́ ché́t không được dùng quan tài để đặt thi thể mà dùng 1 cây gỗ nguyên, khoét rỗng ở trong đặt thi thể vào đó, sau khi quét sơn, mang đến núi Khôn Đặc, chôn trong hang sâu, phủ đất kín lại sau đó cho binh sĩ chia nhau phong tỏa, đợi đến khi cỏ mọc cao ngút đấu người, không nhận ra chỗ chôn cất. Vì vậy hậu thế khó nhận ra di tích chôn dấu.

CHIÊU UNG HOÀNG HẬU (NÃI MÃ CHÂN THỊ) (TRIỀU NGUYỄN)

Nãi Mã Chân Thị còn có tên khác là Thuyết Liệt Ca Na (?-1248). Bà là hoàng hậu của Oa Khoát Đài. Oa Khoát Đài chết, bà ta không chết triều chính 4 năm, ôm chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Oa Khoát Đài ôm chết, con trai của ông ta là Quý Do đang bận chinh chiến bên ngoài, còn con trai nhỏ của Oa Khoát Đài là Liệt Môn chưa có năng lực quản lý điều hành chuyện quốc sự. Hoàng hậu Nãi Mã Chân Thị tự quản lý triều chính từ mùa xuân năm 1242.

Sau khi châp chính, bà ta bài xích Uất Luật Sở Tài, trọng dụng Ác Đô Lai Hợp Man do đó dẫn tới bộ i cảnh triều chính bại hoại, pháp luật hỗn loạn, dân chúng khổ n khổ. Bà ta còn phát binh chinh phạt triều Nam Tống.

Năm 1246 bà ta giao trả công việc triều chính cho Quý Do nhưng vẫn chủ trì công việc triều chính. Vài tháng sau bà ta ôm chết.

Trang sử gọi Nãi Mã Chân Thị là hoàng hậu Chiêu Ung.

ĐỊNH TÔNG (QUÝ DO) (TRIỀU NGUYỄN)

Định Tông, ông ta tên là Quý Do (1206-1248). Ông ta là con trưởng của Oa Khoát Đài. Ông chính thức điều hành công việc triều chính khi Nãi Mã Chân Thị chết. Ông trị vì 3 năm, ôm chết, hưởng thọ 43 tuổi. Mai táng Khối Liên Lăng.

*

Quý Do nhận chỉ lệnh của phụ hoàng đi tần công triều Kim, sau đó lại theo em họ là Phát Đô đi chinh chiến ở miền tây, xâm lược nước A Tô c. Tháng 7 năm 1246 ở Hồi Lý Càn Đài ông được thừa nhận làm Đại Kha Hãn, vì thế Nãi Mã Chân Thị đành hoàn trả triều

chính cho Quý Do, công việc triều chính do Trân Hải chuyên quyền. Năm 1247 chinh phạt Triều Tiên.

Mùa Thu năm 1248, em họ của Quý Do là Phát Đô không thừa nhận địa vị Kha Hãn của Quý Do, nên anh ta xuất quân chinh phạt Phát Đô nhưng trên đường đi bị ôm chết. Một thuyết khác nói Quý Do bị bệnh lở loét chân tay, ông đi du lâm ở bên ngoài, ông đi đến Hoành Tương Ất Nhi, thấy khí hậu ở đó khí hậu ám áp nên ở đó dưỡng bệnh. Được ít lâu ông ta mất tại đó.

Sau khi Quý Do chết đã lập hiệu miếu là Định Tông.

HOÀNG HẬU HẢI MÊ THÂ T (TRIỀU NGUYỄN)

Hoàng hậu Hải Mê Thâ t (?-1251). Bà ta là hoàng hậu của Định Tông Quý Do. Quý Do chết, bà ta chấp chính 2 năm, về sau bị Đại Kha Hãn Mông Ca giết chết. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Quý Do chết, hoàng hậu Hải Mê Thâ t bí mật không phát tang, bà ta vội vã quay về Hòa Lâm, dựng lập con nhỏ của Oa Khoát Đài Tát Liệt Môn để châp chính.

Tháng 6 năm 1261 con trưởng của Duệ Tông Đà Lôi là Mông Ca được tiễn lập làm Đại Kha Hãn. Hoàng hậu Hải Mê Thâ t không chịu thừa nhận địa vị Đại Kha Hãn của Mông Ca, nhờ sự giúp đỡ của Phát Đô nên Mông Ca tiễn quân về Hòa Lâm và sai thuộc hạ vào cung bắt giữ Hải Mê Thâ t, dùng hình phạt bắt ép bà ta phải thừa nhận địa vị của Kha Hãn của Mông Ca, sau đó giết chết bà ta.

HIÊ N TÔNG (MÔNG CA) (TRIỀU NGUYỄN)

Hiến Tông, ông ta tên là Mông Ca (1208-1259). Ông là cháu nội của Thành Cát Tư Hãn và là con trưởng của Duệ Tông Đà Lôi. Mông Ca được Phát Đô giúp lập làm Kha Hãn. Ông trị vì 9 năm, một thuyết nói bị trúng tên chết, một thuyết nói bị đá ném trúng mà

chết, một thuyền nói bị ôm chết. Hưởng thọ 52 tuổi;. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Mông Ca thường theo Phát Đô đi chinh chiến ở miền Tây và xâm lược vào Tà La Tư, Khâm Sát... Năm 1251 Phát Đô giúp lập Mông Ca làm Đại Kha Hãn.

Sau khi đăng cơ, Mông Ca dẫn binh đánh Hòa Lâm trấn áp những đại thần cũ Quý Do, và còn giết hoàng hậu Thủ tật Hải Môn và Thủ tật Liệt Môn. Thủ thiếp và con cái của Quý Do cũng bị dẫn đánh Hòa Lâm giam lỏng.

Năm 1253 Mông Ca sai em trai đi chinh phạt miền tây đánh chiếm quốc gia Iran, Mông Ca còn sai em trai là Hốt Tất Liệt đi qua Tứ Xuyên tiến vào Vân Nam, tiêu diệt nước Đại Lý và ép tộc Thổ Phiên đầu hàng. Năm 1257 Mông Ca sai đại tướng Ngột Lãng Đài chinh phạt nước An Nam.

Mông Ca trâm tinh kiêm quyết, không thích rượu chè, hậu phi của ông ta cũng không nhuộm. Vì vậy mọi mệnh lệnh đều do ông ta khởi sự, suy đi tính lại kỹ càng. Ông ta giỏi cưỡi ngựa bắn tên, thích du lịch và đặc biệt ông ta rất mê tín.

Năm 1258, Mông Ca cùng Hốt Tất Liệt và Ngột Lãng Đài chia làm 3 ngã tiến đánh triều Tống. Mông Ca dẫn đại quân tiến vào Tứ Xuyên. Năm thứ hai Mông Ca tấn công thành Điện Ngưu thuộc Hợp Châu (nay là Hợp Châu tỉnh Tứ Xuyên). Đầu tiên ông ta phái tướng Phổ Quốc Bảo vào thành khuyên Vương Kiên đầu hàng. Vương Kiên giận dữ chém chết Phổ Quốc Bảo, thong lĩnh tướng sĩ cùng tuyên thệ sống chết bảo vệ thành Điện Ngưu. Mông Ca chỉ huy đại quân tấn công mãnh liệt nhưng đều bị Vương Kiên đẩy lui, hai bên đánh nhau đến 6 tháng. Tháng 7 năm 1259 Mông Ca bị trúng tên ở dưới chân thành Điện Ngưu, 1 thuyền khác nói bị đá ném trúng, ngày Quý Hợi ông mất tại doang trại. Một thuyền khác nói Mông Ca thay đổi quân bị thất trận nhiều mãnh tướng chết trận, quân tinh nhuệ bị thương vong khá nhiều, do đó buôn râu đau

khổ sinh bệnh trâ`m uâ`t, ô`m chê`t ở dưới chân thành Đîê`u Ngư. Thuộc hạ dùng ngựa chở thi thể của Mông Ca vê` kinh đô.

Hiệu miê`u của Mông Ca là Hiê`n Tông.

THÊ` TÔ (HÔ`T TÂ`T LIỆT) (TRIỀ`U NGUYÊN)

Thê` Tô, ông ta tên là Hô`t Tâ`t Liệt (1215-1294). Ông ta là con trai thứ 4 của Duệ Tông Đà Lôi và là em trai của Mông Ca. Hô`t Tâ`t Liệt kế` vị khi Mông Ca chê`t. Ông trị vì 35 năm, ô`m chê`t. Huống thọ 80 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cô`c.

*

Sau khi Mông Ca đăng cơ đã giao cho Hô`t Tâ`t Liệt quản lý vùng Mạt Nam (đâ`t Hán). Hô`t Tâ`t Liệt chịu ảnh hưởng của những người như Dương Hoài Trung, Diêu Khu, Lưu Canh Trọng, Hách Kinh, do đó đã sử dụng nê`n pháp luật Hán, mở đô`n điê`n, phát triển sản xuâ`t. Ông nhận chiê`u chỉ của anh trai đi diệt nước Đại Lý, ép tộc Thổ Phiên đâ`u hàng.

Năm 1256 Hô`t Tâ`t Liệt dựng doanh trại ở Khai Bình. Lúc Mông Ca băng hà tại Hợp Châu, là lúc Hô`t Tâ`t Liệt ra lệnh đánh vào vùng Ngạc Châu thuộc triê`u Nam Tô`ng (nay là thành phô` Vũ Hán tỉnh Hồ`Bă`c) tin tức về` cái chê`t của anh trai truyê`n đê`n. Hô`t Tâ`t Liệt thu nạp kê` sách của Hách Kinh là nhận chôn cát linh cữu của Mông Ca và cướp đoạt â`n ngọc. Năm 1260 ông phê` bỏ chê` độ chọn người kế` vị chức vụ Đại Kha Hân, mà tự mình lên kê` vị, xưng là "Tiê`t Thiê`t Hân", lập niên hiệu là "Trung Thô`ng". Hô`t Tâ`t Liệt lên ngôi chưa được 1 tháng thì em trai là A Lý Bâ`t Ca (người được Mông Ca sai trâ`n giữ ở Hòa Lâm) cũng xưng là Đại Kha Hân. Năm 1261, Hô`t Tâ`t Liệt thô`ng lĩnh đại quân đi đánh A Lý Bâ`t Ca. Năm 1264 thu phục được A Lý Bâ`t Ca.

Năm 1267 Hô`t Tâ`t Liệt cho xây dựng thành â`p ở thành Đại Đô` (nay là thành phô` Bă`c Kinh) và dời đô vê` đó. Năm 1271 đổi quô`c hiệu là Nguyên. Năm 1279 tiêu diệt triê`u Nam Tô`ng, thô`ng nhâ`t toàn bộ lãnh thổ Trung Quô`c. Trong thời gian trị vì, Hô`t Tâ`t Liệt

xây dựng các ché́ độ hành chính, quân sự, ché́ độ tō thué́, chú trọng nông nghiệp, xây dựng các công trình thủy lợi, dẹp yên các cuộc tạo phản của Lý Đản, Hai Đô và Hải Nhan; tăng cường việc quản lý các địa khu ở biên cương, có vai trò tích cực trong việc củng cố phát triển thống nhất các quốc gia đa dân tộc ở Trung Quốc. Nhưng vũ lực trấn áp và tư tưởng khống ché́ của ông ta trong giai cát p thống trị đã làm cho mâu thuẫn giai cát p và mâu thuẫn dân tộc ngày càng thêm gay gắt, các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra liên tié́p.

Hốt Tất Liệt vốn trọng dụng Tang Ca. Tang Ca chuyên quyến hung ác, mua quan bán tước, do đó việc triề́u chính vô cùng hỗn loạn. Một lấn Hốt Tất Liệt ra ngoại thành săn bắn - đại thấn Triệt Lý nhân cơ hội Tang Ca không có mặt ở đó, nên tấu cáo với Hốt Tất Liệt mọi hành vi của Tang Ca. Hốt Tất Liệt không tin, cho rắng Triệt Lý có ký định miệt thị đại thấn, do đó sai vệ sĩ đấm Triệt Lý 2 quả, đấm đến nỗi máu mũi chảy ròng ròng ngã lăn ra đất. Nhưng Triệt Lý vẫn cao giọng nói:

- Thấn và Tang Ca không có thù oán cá nhân. Có điếu vì quốc gia thấn mới dám to gan vạch trấn sự thật, hy vọng bệ hạ trừ bỏ nịnh thấn. Hôm nay xin bệ hạ nghe lời thấn giết ché́t Tang Ca, ngày mai hãy giết thấn. Được vậy có ché́t thấn cũng không dám oán hận". Hốt Tất Liệt nghe vậy rất cảm động, liến bí mật điếu tra, quả nhiên tra xét được nhiếu hành vi bất lương của Tang Ca. Hốt Tất Liệt ra lệnh cách chức, thu nhà và giết Tang Ca. Hốt Tất Liệt nói: "Tang Ca cậy được trẫm sủng ái nên làm việc bất lương đã được 4 năm, các đại thấn đếu biết, vậy mà không ai dám tố cáo". Ông còn miễn chức của hàng loạt đại thấn, tuyển dụng các đại thấn trung hiếu trọng nghĩa... Nhờ vậy triề́u chính được yên ổn và trong sạch.

Năm 1285 có 1 khánh sứ xin Hốt Tất Liệt nhường ngôi cho thái tử Chân Kim. Lại có người tó cáo thái tử có âm mưu đoạt vị, Hốt Tất Liệt rất phẫn nộ. Thực tế thái tử rất hiếu thuận vì thến nghe được lời bài xích sinh ra rất hận mà ché́t. Hốt Tất Liệt vô cùng đau khổ.

Tết Nguyên Đán năm 1294. Hốt Tất Liệt bị ôm. Hơn 10 ngày sau bệnh tình chuyển ra nguy kịch, ông sai gọi thừa tướng Bá Nhan và Bát Nhã Thuật vào cung nhận di lệnh, cho hoàng thái tôn Thiết Mục Nhĩ kế vị. Ngày Quý Dậu (ngày 21) ông băng hà.

Hiệu miếu của Hốt Tất Liệt là Thái Tổ, và thụy hiệu là Thành Đức Th่าน Công Văn Võ Hoàng Đế.

THÀNH TÔNG (THIẾT MỤC NHĨ) (TRIỀU NGUYỄN)

Thành Tông, ông ta tên là Thiết Mục Nhĩ (1265-1307). Ông là cháu của Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Ông kế vị khi ông nội chết. Ông trị vì 13 năm, ôm chết, hưởng thọ 43 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Lăng.

*

Thiết Mục Nhĩ là con trai của thái tử Chân Kim. Thái tử Chân Kim bị vu oan sinh ra uất hận mà chết. Năm 1293, Hốt Tất Liệt sai Thiết Mục Nhĩ và thừa tướng Bá Nhan trấn thủ ở Thượng Đô. Tháng 1 năm 1294 Hốt Tất Liệt chết, Bá Nhan tuân theo di chúc của Hốt Tất Liệt, nên đã phái sứ giả tới Thượng Đô đón Thiết Mục Nhĩ về cung. Đi được nửa đường, hữu thừa tướng Trương Cửu Tư dâng 1 chiếc ân ngọc - chiếc ân bị lưu lạc từ lâu, nghe nói đó là chiếc ân ngọc từ thời Tần, nghe nói con cháu dân tộc Trung Hoa vì gia cảnh suy sụp nên phải bán đi. Thiết Mục Nhĩ nhận lấy chiếc ân đó và đem về cung, ngày Giáp Sửu tháng 4 Thiết Mục Nhĩ lên kế vị và xưng là Hoàn Trạch Đô c Hãn. Ông đổi niên hiệu là "Nguyên Trinh".

Sau khi kế vị Thiết Mục Nhĩ thiêu vét giữ thành. Về cơ bản vẫn tuân theo chế độ pháp luật mà Hốt Tất Liệt đã đề ra. Năm 1301 ông dụng binh ở Tây Nam, nổi lên các cuộc khởi nghĩa nông dân của dân tộc thiểu số ở Tây Nam như Tô Long Tê, Sà Tiết... Lúc này trong hoàng tộc có nhiều người mê tín, mẹ đẻ của Thiết Mục Nhĩ là Hoàng Cát Lại Thị cưỡng bức 1 số lượng lớn dân công đi tu sửa chùa Phật Đài Sơn ở Thành Ngũ (nay là phía Tây Bắc huyện Ngũ Đài tỉnh Sơn Tây) trong quá trình đốn gỗ và vận chuyển gỗ, có 1 vạn dân công

bị gõ đè ché t. Cuô i năm đó Thiê t Mục Nhĩ ô m, công việc triê u chính do các đại thâ n xử lý, triê u chính dâ n dâ n suy bại.

Năm 1306 Thiê t Mục Nhĩ lập con trai của hoàng hậu thứ 2 là Đức Thọ làm hoàng thái tử. Vài tháng sau đột nhiên Đức Thọ ché t, theo truyê n thuyê t Đức Thọ bị con trai của hoàng hậu thứ nhâ t là Bá Nhạc Ngô hại ché t. Mùa đông năm đó Thiê t Mục Nhĩ ô m nặng, ngày Quý Dậu tháng 1 năm 1307 ông băng hà.

Sau khi ông ché t lâ y hiệu miê u là Thành Tông.

VŨ TÔNG (HẢI SƠN) (TRIỀU NGUYÊN)

Vũ Tông, ông ta tên là Hải Sơn (1281-1311). Ông là cháu của Thê Tô Hô t Tâ t Liệt, em trai của Thành Tông Thiê t Mục Nhĩ. Ông lê vị khi Thành Tông ché t. Ông trị vì 4 năm, ô m ché t, hưởng thọ 31 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Lăng.

*

Hải Sơn là con trai của Đáp Lại Na Bát Lại, Hải Sơn được phong làm Hoài Hình Vương. Tháng 1 năm 1307 Thành Tông ché t, lúc đó Hải Sơn vẫn trâ n giữ ở Thanh Hải. Em trai của Hải Sơn biê t tin Thành Tông ché t và nhờ sự giúp đỡ của hữu thừa tướng Hợp Lại Hợp Tôn, vội dẫn mẹ về kinh. Có ý đồ ép hoàng hậu của Thành Tông là Ba Nhạc Ngô, khô ng ché tả thừa tướng A Hô t Đài. Tháng 5 ngày 21;, em trai của Hải Sơn đã đón Hải Sơn về kinh và lập làm hoàng đế , xưng là Cử Luật Hân. Ông đổi niên hiệu là "Chí Đại".

Sau khi đăng cơ, Hải Sơn ép Bá Nhạc Ngô tự sát là lập em trai làm hoàng thái tử.

Hải Sơn sa đọa trong hưởng lạc, tôn thờ các tăng ni Tây Tạng dẫn tới cảnh các tăng ni làm xă ng bậy, tồn tại bách tính. Một lâ n, có một vương phi gấp tăng ni Cung Kha trên đường đi, vì muô n tranh nhau lô i đi nên bọn thuộc hạ của Cung Kha kéo vương phi xuô ng xe, trói tay chân lại và đánh cho bà ta một trận. Tùy tùng nói: "Đây là vương phi, các anh dám đánh ư?". Cung Kha đáp: "Đừng nói là vương

phi, kể cả hoàng đế chung tôi cũng quản giáo". Nói xong bọn chúng bỏ đi. Vương phi tố cáo chuyện này lên viện Tuyên chính, nhưng nhận được câu trả lời là phụng mệnh của hoàng đế cần bảo vệ nghiêm ngặt tăng ni Tây Tạng; người chửi mắng tăng ni sẽ bị trừng phạt, người đánh tăng ni sẽ bị chặt tay. Vương phi đành nhận tự mình bị rủi ro.

Hải Sơn tùy ý trọng dụng tiểu nhân. Thiếu úy đê triều Nam Tô ng bị bắt đền phương Bắc làm tù binh. Trong đám tùy tùng có 1 thái giám tên là Lý Bang Ninh, về sau Lý Ban Ninh làm thái giám ở trong cung điện nhà Nguyên. Lý Bang Ninh giả vờ quan sát màu sắc, a dua nịnh nọt được Vũ Tông vô cùng sủng ái, và sau được Vũ Tông phong làm Đại Tư Đô kiêm tả thừa tướng.

Tháng 1 năm 1311. Hải Sơn ôm Ngày Canh Thìn, Hải Sơn mất tại điện Ngọc Đức cung thành Đại Đô. Hiệu miếu của Hải Sơn là Vũ Tông.

NHÂN TÔNG (ÁI DỤC LÊ BẠT LỰC BÁT ĐẠT) (TRIỀU NGUYỄN)

Nhân Tông, ông ta tên là Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt (1285-1320). Ông ta là em của Vũ Tông Hải Sơn. Ông kế vị khi Vũ Tông ôm chết. Ông trị vì 9 năm, bị bệnh chết. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt là con trai thứ của Đáp Lại Na Bát Lại, ông nhận tước phong làm Hoài Hình Vương, trấn giữ ở biên giới phía Bắc. Khi Vũ Tông lên tiếp nhận ngôi báu đã phong Ái Dục Lê Bát Lực Bát Đạt làm thái tử. Tháng 1 năm 1311 Vũ Tông chết, ngày Canh Dần tháng 3 năm đó, ông lên kế vị bá xưng là Phổ Nhan Đô c Hãn, và đổi niên hiệu là "Hoàng Khanh".

Trong thời gian trị vì Ái Dục Lê Bạt Lực Bát Đạt trong thời gian trị vì ông ta rất tôn sùng Khổng Tử, đế cao Nho học. Sai Lý Bang Ninh giám sát công việc xây dựng miếu Khổng Tử, mở trường dạy học, quy định lối kinh điển của các học gia làm sách khoa học chủ yếu, mở

khoa thi chọn người tài, đê` cao địa vị của văn nhân. Có một lâ`n ông tin thờ Phật giáo; ở đâ`u giường thường đặt một bộ "Duy Ma Kinh", bâ`t cứ lúc nào cũng có thể lâ`y xem. Ông còn dự định nhường ngôi cho thái tử, còn mình có thời gian vân du bô`n biển. Nhưng đại thâ`n ra sức khuyên can nói: "Bệ hạ hàng năm đê`u tạo phúc cho dân cho nước, dân giàu nước mạnh.

Ví dụ như Đường Huyê`n Tông và Tô`ng Vi Tông vì bâ`t đă`c dĩ mà nhường ngôi, xin bệ hạ đừng có ý nghĩ nhường ngôi cho thái tử". Nhân Tông nghe được râ`t xúc động, ông không những bỏ đi ý định thoái vị nhường ngôi, mà ông còn thu thập kinh Phật, không ngừng học hỏi và ra sức quản lý triề`u chính giúp dân giúp nước.

Mẹ của Nhân Tông là Đáp Kỷ là một kẻ đại diện cho quý tộc, bị sự hám lợi làm đen lòng người. Bà ta râ`t tôn sùng phái giáo Lạt Ma, ngoan cõ` phản đô`i văn hóa dân tộc Hán. Bà ta cậy mình là hoàng thái hậu để câu kẽ`t với những phâ`n tử xâ`u trong hoàng thân quô`c thích: Thiê`t Mộc Diệt Nhi, Thâ`t Liệt Môn... để làm càn. Nhưng Nhân Tông lại hiê`u thuận với mẹ đê`n mức mê muội. Ông nghe lời mẹ nên trọng dụng Thiê`t Mộc Diệt Nhi, dẫn tới cảnh hủy hoại triề`u chính bức hại dân chúng. Hơn 40 đại thâ`n ký tên dâng biểu vạch tội ác của Thiê`t Mộc Diệt Nhi. Nhân Tông đang định thiê`t triề`u xử lý tội trạng của Thiê`t Mộc Diệt Nhi nhưng nghe lời xúi giục của mẹ, Nhân Tông đã tha bổng cho kẻ nịnh thâ`n và còn phong cho hă`n làm thái sư.

Nhân Tông vô`n dĩ định truyê`n ngôi cho con trai của Vũ Tông Hải Sơn là Hòa Thê` Lạt. Nhưng Đáp Kỉ cho ră`ng con của Nhân Tông là Thạc Đức Bát Thích còn nhỏ tuổi lại nhu nhược nên dễ khô`ng chê`. Vì thế` bọn họ khoa môi múa mép, xúi giục Nhân Tông thay đổi chủ ý, lập Thạc Đức Bát Thích làm hoàng thái tử còn phong Hòa Thê` Lợi làm Chu Vương và phái đi Vân Nam canh giữ biên cương.

Tháng 1 năm 1320 Ái Dục Lê Bạt Lực Bát đạt bị ô`m. Ngày Tân Sửu (ngày 21) ông mâ`t tại cung Quang Thiên thành Đại Đô.

Hiệu miê`u của ông là Nhân Tông.

ANH TÔNG (THẠC ĐỨC BÁT THÍCH) (TRIỀU NGUYÊN)

Anh Tông, ông ta tên là Thạc Đức Bát Thích (1303 - 1323). Ông là con trai của Nguyên Nhân Tông. Ông kế vị khi Nhân Tông chê t. Ông trị vì 3 năm bị hạ thán giết hại. Hưởng dương 21 tuổi. Mai táng ở Khởi Nguyên Cố c.

*

Tù nhở Thạc Đức Bát Thích đã bái nho sinh người dân tộc Hän làm thày giáo, học tập kinh sử. Năm 1315 ông được lập làm hoàng thái tử. Tháng 1 năm 1320 Nhân Tông chê t, ngày 11 tháng 3 Thạc Đức Bát Thích lên kế vị, lây hiệu là Cách Kiên Hän và đổi niên hiệu là "Chí Trị".

Sau khi đăng cơ, Thạc Đức Bát Thích không băng lòng vê sự ngang ngược chuyên quyền của hữu thừa tướng Thiết Mộc Diệt Nhi người được thái hậu Đáp Kỉ dung túng, hai bên đâu tranh rát mãnh liệt gay gắt. Thiết Mộc Diệt Nhi sai Hắc Lư hành thích Thạc Đức Bát Thích nhưng bị "nho sinh Mông Cổ" là Báu Trú biết và bẩm báo với Thạc Đức Bát Thích. Hắc Lư lập tức bị xử chê t còn Báu Trú được nhận chức Tả thừa tướng. Thạc Đức Bát Thích trọng dụng những nho sinh như: Trương Quê, Ngô Tập..., bọn họ đêđê nghị thực hiện nênn pháp luật mới, bãi miễn các quan lại vô dụng, giảm bớt lao dịch, tô thuế, công bô chê độ thông tri của triều Đại Nguyên... Những hành vi và biện pháp đó của Thạc Đức Bát Thích đã gây mô i tư thù cho bè cánh của Thiết Mộc Diệt Nhi và khanh sư đại phu Thiết Thủ. Bọn họ phát động binh bién, định lập Ngã Tôn Thiết Mộc Nhi lên tiêp vị.

Tháng 5 năm 1323, Thạc Đức Bát Thích và Báu Trú từ Thượng Đô quay về Đại Đô, trong đoàn tùy tùng có Thiết Thủ cùng đi nghỉ đêm tại Nam Ba Điện. Tối hôm đó, Thiết Thủ Âm thân sai Đang Đô trấn giữ ngoài cửa lều, tự Thiết Thủ dẫn binh lính cầm dao xông vào trại. Báu Trú đang muôn cởi quan áo để đi ngủ, nghe nói có bién, liền cầm cây nê n ra ngoài xem xét tình hình. Em trai của Thiết Thủ là Tô Nặc Thuật dẫn đầu đoàn binh mã đi đê n, Báu

Trú nghiêm giọng hỏi: "Các ngươi muốn làm gì?" Tố Nặc Thuật vác dao chém đứt cánh tay phải của Bá Trú, lũ phản binh trận vào và Bá Trú bị chết bởi làn dao loạn, Thiết Thất xông thẳng vào chỗ của Thạc Đức Bát Thích. Nghe có tiếng hò hét lộn xộn, Thạc Đức Bát Thích vội mặc áo bò ra khỏi giường, bọn Thiết Thất đã xông đến giường ông ta. Thạch Đức Bát lại hò hét hô gọi vệ binh nhưng lũ vệ binh đã bị khống chết. Thiết Thất tự tay chém chết Thạc Đức Bát Thích. Trong sự gọi cuộc biến là "cuộc biến của Nam Ba".

Hiệu miếu của Thạc Đức Bát Thích được đặt là Anh Tông.

THÁI ĐỊNH ĐẾ (NGÃ TÔN THIẾT MỤC NHĨ) (TRIỀ́U NGUYÊN)

Thái Định Đế, ông ta tên là Ngã Tôn Thiết Mục Nhĩ (1276 - 1328). Ông là chắt của Thế Tô Hốt Tất Liệt. Ông kế́ vị Anh Tông chất. Hưởng thọ 53 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Ngã Tôn Thiết Mục Nhĩ là con trưởng của Phổ Vương Can Mã Thích, ông kế́ nhiệm chức vị của cha làm Phổ Vương và nhận trấn thủ ở biên cương phía Bắc. Tháng 5 năm 1323 Anh Tông bị giết. Ngày Quý Tị tháng 9 đại thấn Thôi An Thế Bất Hoa và Ngã Tiên Thiết Mộc Nhi... đã lập Ngã Tôn Thiết Thất Nhĩ lên ngôi hoàng đế́ nghi lễ đăng quang được tổ chức ở gấn bờ sông Long Cư (nay là sông Khắc Lỗ Luân thuộc Nội Mông Cổ). Ông cho đổi niên hiệu là "Thái Định".

Sau khi đăng cơ, ông sai bắt giết Thiết Thất và những kẻ dối trên gạt dưới như Ngã Tôn Thiết Mục Nhĩ. Ông đế cao Phật Giáo và ra lệnh xây 216 tòa tháp ở các vùng duyên hải. Nhân dân gặp thiến tai, ông không mở kho phát chuẩn mà lại sai các tăng ni đọc kinh lễ Phật, và nói rắng có thể thanh trừ thiến tai. Để kéo dài tuổi thọ, ông còn đích thân tiếp nhận lễ thụ giới, vì thế́ triề́u chính bị lãng phí tiến bạc.

Năm 1328, ông bị cảm mạo trong một chuyến đi săn du làm nhưng vẫn cṍ vui chơi đến mùa hè hơn nữa ông ta còn chìm đắm

trong tửu sǎ́c, do vậy dẫn đến bệnh tật. Ngày Canh Ngọ tháng 7 năm đó ông mấ́t tại Thượng Đô. Trong sử gọi Ngã Tôn Thiết Mục Nhĩ là Thái Định Đế.

THIÊN THUẬN ĐẾ (A TỐ C CÁT BÁT) (TRIỀ́ U NGUYÊN)

Thiên Thuận Đế, ông ta tên là A Tố c Cát Bát (1320 - 1928). Ông là con trai của Thái Định Đế Ngã Tôn Thiết Mục Nhĩ. A Tố c Cát Bát kế vị phá hoại trong một cuộc nội chiến, ông lưu lạc ở đâu không rõ (một thuyết khác nói bị mưu sát) hưởng thọ 9 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Tháng 7 năm 1328 Thái Định Đế chết, tháng 9 năm đó đại thấn Đảo Thích Sa lập A Tố c Cát Bát làm hoàng đế, ông đổi niên hiệu là "Thiên Thuận".

9 tuổi, A Tố c Cát Bát đã lên ngôi hoàng đế, do hoàng đế còn nhỏ tuổi nên Đảo Thích Sa rất chuyên quyến. Tháng 10 năm đó, Hoài Vương Đố Thiệp Mục Nhĩ xung đế tại Đại Đô và xuất binh tiến đánh thành Thượng Đô. Đảo Thích Sa thấy tình hình nguy cấp do đó đã mở cửa thành đón tiếp đại quân của Hoài Vương, lữ thuộc hạ của Hoài Vương xông vào lĩnh cung điện, bọn chúng tìm mãi không thấy A Tố c Cát Bát, không biết lưu lạc ở đâu, (một thuyết khác nói bị giết).

Trong sử gọi A Tố c Cát Bát là Thiên Thuận Đế.

VĂN TÔNG (ĐỐ THIỆP MỤC NHĨ) (TRIỀ́ U NGUYÊN)

Văn Tông, ông ta tên là Đố Thiệp Mục Nhĩ (1304 - 1332), ông là con thứ của Vũ Tông Hải sơn. Thái Định Đế ốm chết. A Tố c Cát Bát lên kế vị, Đố Thiệp Mục Nhĩ được đại tướng khác lập làm hoàng đế, ông đăng cơ hai lấn, tổng cộng trị vì 5 năm, ốm chết, hưởng dương 29 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cốc.

*

Đô` Thiệp Mục Nhĩ là em họ của Anh Tông, thời Anh Tông trị vì đã ép Đô` Thiệp Mục Nhĩ đi đày ở Kinh Châu - Hải Nam (nay thuộc huyện Kinh Sơn tỉnh Quảng Đông). Về sau một người anh họ khác của Đô` Thiệp Mục Nhĩ là Thái Định Đê` lên kế vị đã sai gọi Đô` Thiệp Mục Nhĩ về cung, phong làm Hoài Vương, trá`n giữ ở Giang Lăng (nay thuộc huyện Giang Lăng tỉnh Hồ` Bă`c). Tháng 7 năm 1328 Thái Định Đê` ché`t, A Tô`c Cát Bát ở Thượng Đô` được Đảo Thích Sa lập làm hoàng đế`. Tháng 9 đại tướng Yên Thiệp Mục Nhĩ trá`n giữ ở Kinh Đô` đã đón Đô` Thiệp Mục Nhĩ về` Đại Đô, ngày Nhâm Thân (ngày 13) lập Đô` Thiệp Mục Nhĩ làm hoàng đế`, lâ`y hiệu là Lễ Nha Đô`c Hãn đổi niên hiệu là: "Thiên Lịch", ông tuyên bô` sê đợi anh cùng cha khác mẹ là Hòa Thê` Lạt từ Mạc Bă`c quay về` , ông sê nhường ngôi cho anh.

Sau khi Đô` Thiệp Mục Nhĩ đăng cơ liê`n phái lính công chiê`m thành Thượng Đô, loại trừ chính quyê`n của A Tô`c Cát Bát. Đô`ng thời còn sai sứ giả đi đê`n Mạc Bă`c đón anh trai trở về` . Tháng 1 năm 1329 Hòa Thê` Lạt xưng đế` ở Hòa Ninh (nay thuộc phía Tây Nam của Khô` Lận thuộc nước cộng hòa nhân dân Mông Cổ), Đô` Thiệp Mục Nhĩ tuyên bô` thoái vị. Ít lâu sau ông lại được phong làm hoàng thái đế, và được chọn làm người kế` vị ngôi báu, tháng 8 ông nghe lời xúi bẩy của Yên Thiệp Mộc Nhĩ, hai người bàn mưu giê`t Hòa Thê` Lạp. Ngày Ấ`t Hợi tháng 8 ông lại làm lễ` đăng cơ tại Thượng Đô, và đổi niên hiệu là "Chí Thuận".

Ngày Kỉ Dậu tháng 8 năm 1332, Đô` Thiệp Mục Nhĩ ô`m nặng. Ông vô cùng hối hận vì giê`t anh trai, liê`n ra lệnh lập con trai của Hòa Thê` Lạp làm người kế` vị. Cùng ngày hôm đó ô`ng băng hà tại Chung Đại Đô.

Trong sử gọi ông là Văn Tông.

MINH TÔNG (HÒA THÊ` LẠP)
(TRIỀ`U NGUYÊN)

Minh Tông, ông ta tên là Hòa Thế Lạp (1300 - 1329). Ông là con trưởng của Vũ Tông Hải Sơn. Thái Định Đế́ ố m ché́ t. Đố Thiệp Mục Nhĩ được lập làm hoàng đế́. Ông trị vì 8 tháng, bị em của Đố Thiệp Mục Nhĩ hại độc ché́ t. Mai táng ở Cố́ c Khởi.

*

Thời Nhân Tông trị vì, trong hội nghị các hoàng tộc đã quyế t định lập Hòa Thế Lạp làm hoàng thái tử. Vế sau Nhân Tông nghe lời của thái hậu Đáp Kỉ, nên Nhân Tông đã đổi lập con đẻ của mình là Thạc Đức Bát Thích làm hoàng thái tử, còn phong Hòa Thế Lạp làm Chu Vương và phải đi canh giữ ở biên cương Vân Nam, Hòa Thế Lạp không phục, chạy xuố ng Thiểm Tây, Hòa Thế Lạp liế n câu kẽ́ t với thuộc hạ cũ của vũ Tông cùng nhau khởi binh làm phản, đánh chiế m Đố ng Quan chiế m lĩnh phủ Hà Trung (nay thuộc thị trấ n Bố Châu huyện Vĩnh Tế tỉnh Sơn Tây) tạm thời đánh bại quân của Nhân Tông và chạy đế n Mạc Bắ c (nay là phía tây núi A Nhi Thái). Được ít lâu, Thái Hợp Đài Hậu Vương thố ng lĩnh bộ hạ đế n dựa dãm Hòa Thế Lạp liế n trú chân ở Mạc Bắ c, thố ng trị các bộ lạc.

Tháng 7 năm 1328 Thái Định Đế́ ché́ t, em trai của Hòa Thế Lạp là Đố Thiệp Mục Nhĩ lên kế́ vị và phái lính giế t hại A Tố c Cát Bát. Tháng 1 năm 1329 Đố Thiệp Mục Nhĩ lại nhường ngôi cho Hòa Thế Lạp lấ y hiệu là Hộ Đô Đố c Hân, còn Đố Thiệp Mục Nhĩ tuyên bố́ thoái vị.

Đấ u tháng 8 năm đó, Hòa Thế Lạp từ Mạt Bắ c trở về́ Đại Đô, em trai Đố Thiệp Mục Nhĩ ra nghênh đón. Hai anh em gặp nhau vui mừng khôn xié́ t, vì thế suố t ngày cho mở dạ tiệc. Đêm 5 tháng 8 Thái sư Yên Thiệp Mộc Nhĩ ra sức xúi bầy Đố Thiệp Mục Nhĩ trừ bỏ Hòa Thế Lạp để giành lại ngôi vị. Đố Thiệp Mục Nhĩ âm thấ m bỏ độc vào rượu hại anh trai. Sa khi tan tiệc Hòa Thế Lạp quay về́ doanh trại, đế n trưa hôm sau vẫn chưa ngủ dậy. Hoàng hậu Bát Bấ t Sa vào doanh trại gọi chố ng nhưng thấ y ông ta bị ộc máu mũi máu mố m và đã ché́ t.

Hiệu miế u của Hòa Thế Lạp là Minh Tông.

NINH TÔNG (NGHỊ LÂN CHÂT BANG) (TRIỀU NGUYÊN)

Minh Tông, ông ta tên là Nghị Lân Chât Bang (1326 - 1332) ông là con thứ của Minh Tông Hòa Thê Lạp và là cháu họ của Văn Tông Đô Thiệp Mục Nhĩ. Nghị Lân Chât Bang kế vị khi Văn Tông chê t. Ông trị vì 2 tháng, ôm chê t. Hưởng thọ 7 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cô c.

*

Nghị Lân Chât Bang được phong làm Phu Vương. Tháng 8 năm 1332 Văn Tông chê t, các quan thần tuân theo di chiêu, nên ngày Canh Tí tháng 10 cùng năm đã lập Nghị Lân Chât Bang lên kế vị, nghi lễ đăng quang tổ chức tại điện Đại Minh.

Năm đó, Nghị Lân Chât Bang mới lên 7 tuổi, do đó mọi công việc trong triều do thái sư Yên Thiệp Mục Nhĩ và Thái phụ Bá Nhan đăng triều giải quyết. Sau khi đăng cơ Nghị Lân Chât Bang lập hoàng hậu, hoàng hậu cũng chỉ 6 hoặc 7 tuổi. Cá hoàng đế hoàng hậu cả ngày chỉ biết chơi đùa trong cung, trong lịch sử triều Nguyên đây là một câu chuyện thú vị.

Tháng 11 năm đó, Nghị Lân Chât Bang mắc bệnh và mất tại cung Đại Đô.

Hiệu miếu của Nghị Lân Chât Bang là Ninh Tông.

THUẬN ĐÊ (THỎA HOAN THIỆP MỤC NHI) (TRIỀU NGUYÊN)

Thuận Đê, ông ta tên là Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi (1320 - 1370). Ông là con trưởng của Minh Tông Hòa Thê Lạp và là anh trai của Ninh Tông Nghị Lân Chât Bang. Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi kế vị khi Ninh Tông chê t. Ông trị vì 36 năm, quê gốc bị phá hoại ông chạy trốn rõ móm chê t, hưởng thọ 51 tuổi. Mai táng ở Khởi Liên Cô c.

*

Văn Tông mưu hại phụ thân của Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi là Minh Tông. Văn Tông sợ ră`ng Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi sẽ gây ra hậu họa nên ép Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi đê`n cư trú tại Cao Lệ, tiê`p đó bị dời đê`n cư trú ở Tĩnh Giang (Quảng Tây). Tháng 11 năm 1332 Ninh Tông chê`t, Thái hậu sai Hà Nam Bình Chương Bá Nhan đón Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi về` Đại Đô để lập làm hoàng đế`. Nhưng ý định của Thái hậu bị Bá Nhan phản đố`i, Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi sô`ng nhàn cư ở cung 3 tháng. Bá Nhan ô`m chê`t, ngày Kỉ Tị tháng 6 năm 1333 Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi làm lễ đăng quang lâ`y hiệu là Ngột Hợp Đô`c Hãn, đổi niên hiệu là "Nguyên Thô`ng".

Trong thời gian trị vì, ông ta đê` Thuyê`t Thuyê`t Hợp Ma lũng đoạn triê`u đình, chính phủ nhục bại, triê`u đình tiêu phí xa xỉ, nạn hô`ng thủy xảy ra nghiêm trọng, mâu thuẫn xã hội gay gă`t. Năm 1350 thực hiện "Biển sao" (thay đổi tịch thu), phát hành lệnh tịch thu đô` vật quý, khiê`n vật giá tăng lên. Năm 1351 khởi xướng việc tri lí sông Hoàng Hà, dẫn tới các cuộc khởi nghĩa nông dân. Vê` sau giữa các đại tướng lại nổ` ra các cuộc tranh giành quyê`n lực, hoàng thái tử lại muô`n giành quyê`n lực và ngôi vị. Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi bâ`t lực không điê`u hành được triê`u đình.

Tháng 1 năm 1368, Chu Nguyên Chương thiê`t lập triê`u Minh. Tháng 7 Chu Nguyên Chương sai đại tướng tâ`n công thành Đại Đô. Tháng 8 Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi hoảng hô`t sai Hoài Vương Thiệp Mục Nhi Bâ`t Hóa làm giám quô`c và thừa tướng Khánh Đô`ng ở lại trâ`n giữ thành Đại Đô, còn bản thân Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi và hậu phi cùng thái tử chạy đê`n phủ Khai Bình (nay thuộc Nội Mông Cổ), triê`u Nguyên bị diệt vong. Năm 1369 quan Minh tâ`n công phủ Khai Bình, ông ta đành chạy đê`n Hòa Lâm. Năm 1370 quân Minh lại tiê`n công miê`n Bă`c, ông chạy đê`n Üng Xương, ít lâu sau thì băng hà.

Hiệu miê`u của Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi được đặt là Huệ Tông. Minh Thái Tổ cho ră`ng: Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi biê`t được ý trời nên tự giác đi sang thê` giới bên kia. Do đó Minh Thái Tổ còn đặt hiệu cho Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi là Thuận Đê`.

BẮC NGUYÊN

(Năm 1369 - 1402, tổng cộng 34 năm)

Triều Bắc Nguyên có 10 hoàng đế (Kha Hân) trong đó 1 người ôm chét, 7 người bị giết trong nội chiến, 2 người không rõ vì sau bị chết.

CHIỀU TÔNG (ÁI DU TRÍ LÍ ĐẠT LẠP) (BẮC NGUYÊN)

Chiêu Tông, ông ta tên là Ái Du Trí Lí Đạt Lạp (1338 - 1378). Ông là con trưởng của Nguyên Thuận Đế. Ông tiếp vị khi Nguyên Thuận Đế chết. Ông trị vì 9 năm, ôm chét, hưởng thọ 41 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1353 Ái Du Trí Lí Đạt Lạp được lập làm hoàng thái tử. Vé sau Thuận Tông sô ng buông thả hoang dâm nên Ái Du Trí Lí Đạt Lạp muôn cướp đoạt ngai vàng. Bên trong ông dựa vào sự giúp đỡ của thừa tướng Sóc Tư Giám và hoạn quan Bôc Bá Hoa bên ngoài ông nhờ Khuêch Khoách Mục Nhi ứng cứu, còn Thuận Đế lại dựa vào Bội La Thiệp Mục Nhi, hai bên đều tranh mâu liệt. Năm 1364 Ái Du Trí Lí Đạt Lạp bãi bỏ chức quan của Bội La Mục Nhi và trấn thủ tại Đại Đô ng. Năm 1365 ông tiếp quản vê kinh sư, Bội La Thiệp Mục Nhi chết, Ái Du Trí Đạt Lạp vừa Khuêch Khoách Mục Nhi cùng nhau điệu hành triều chính. Năm 1367 ông làm tổng quân binh mã thiền hạ. Năm 1368 triều Minh được tạo dựng, quân Minh đánh vào Đại Đô, ông theo Thuận Tông chạy đến Thượng Đô, tiếp đó chạy đến Ứng Xương. Năm 1370 Thuận Đế ôm chết, cùng năm đó ông lên kế vị và xưng là Tát Lực Khắc Đế Hân, đổi niên hiệu là "Tuyên Quang". Lúc này triều Nguyên đã diệt vong, chỉ sót lại một lực tàn quân còn thoi thóp ở phương Bắc, trong sử gọi là Bắc Nguyên.

Ái Du Trí Lí Đạt Lạt kế vị không lâu thì bị tướng triề́ u Minh là Lí Văn Trọng dẫn binh tấ n công thành Ứng Xương. Ông bỏ thành chạy trố n, dẫn lũ tàn quân chạy đế n Hòa Lâm (nay thuộc nước cộng hòa nhân dân Mông Cổ). Năm 1373 ông cử Khuế ch Khoách Thiệp Mục Nhi làm thừa tướng, lập doanh trại ở Kim Sơn (nay là núi A Nhi Thái), Khuế ch Khoách Thiệp Mục Nhi trấ n giữ biên cương.

Tháng 4 năm 1378, Ái Du Trí Lí Đạt Lạp chế t.

Hiệu miế u của ông được đặt là Chiêu Tông.

ĐẠI NGUYÊN HOÀNG ĐẾ́ (THUYẾ T CÔ TƯ THIỆP MỤC NHI) (BẮC NGUYÊN)

Đại Nguyên hoàng đế́, ông ta tên là Thuyế t Cô Tư Thiệp Mục Nhi (1342 - 1388), ông là con trai của Nguyên Thuận Tông Thỏa Hoan Thiệp Mục Nhi và là em trai của Chiêu Tông Ái Du Trí Lí Đạt Lạp. Thuyế t Cô Tư Thiệp Mục Nhi kế vị khi Chiêu Tông chế t. Ông trị vì 10 năm, bị thuộc hạ thắ t cổ chế t. Hưởng thọ 47 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thuyế t Cô Tư Thiệp Mục Nhi là con trai của Nguyên Thuận Đế́. Tháng 4 năm 1378 Chiêu Tông chế t, cùng tháng đó ông lên kế vị và gọi là Ô Tát Hợp Nhi Hãn và còn xưng là Đại Nguyên hoàng đế́, đổi niên hiệu là "Thiên Nguyên", cư trú ở Hòa Lân.

Năm 1388 Minh Thái Tổ sai Lam Ngọc làm đại tướng quân, thố ng lĩnh 15 vạn quân chinh phạt miế n Bắc, Thuyế t Cô Tư Thiệp Mục Nhi bị bại trận, ông ta phải cùng thái tử và vài kị binh chạy đế n sông Thổ La (nay là sông Đô La), bị các bộ tướng thắ t cổ chế t, các bộ hạ li tán hế t.

Trong sử gọi Thuyế t Cô Tư Thiệp Mục Nhi là Ô Tát Hợp Nhi Hãn.

ÂN KHẮC TRÁC LÍ KHẮC ĐỐ (TRIỀ́ U BẮC NGUYÊN)

Ân Khắc Trác Lí Khắc Đố (1359 - 1392), ông là con trưởng của Đại Nguyên hoàng đế Thuyết Cố Tư Thiệp Mục Nhi. Ông kế vị khi Đại Nguyên hoàng đế ché t. Ông trị vì 4 năm, hưởng thọ 35 tuổi, vì sao bị ché t và Mai táng ở đâu đê u không rõ.

*

Năm 1388, Đại Nguyên hoàng đế bị thuộc hạ gié t, năm 1389 Ân Khắc Trác Lí Khắc Đố lên kế vị. Ông trị vì được 4 năm, năm 1392, ché t nhưng vì sao bị ché t không rõ. Căn cứ theo sử thư ông ghi chép, vì phụ thân của ta là đại Nguyên hoàng đế bị gié t triều đình Bắc Nguyên xảy ra nội chiê n. Do đó, ông ta bị gié t trong cuộc nội chiê n.

NGẠCH LẶC BÁ KHẮC (BẮC NGUYÊN)

Ngạch Lặc Bá Khắc (1361 - 1399). Ông là con thứ của Đại Nguyên hoàng đế Thuyết Cố Tư Thiệp Mục Nhi, là em trai của Ân Khắc Trác Lí Khắc Đố. Ngạch Lặc Bá Khắc kế vị khi anh trai ché t. Ông trị vì 7 năm bị gié t. Hưởng thọ 39 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1393 Ngạch Lặc Bá Khắc len kế vị. Được gọi là Ni Khắc Phù Tô Khắc Tê Hãn. Để đê phòng những người anh em khác tranh quyền đoạt vị, do đó ông ta lệnh gié t em trai là Hợp Nhi Cố Sở Khắc và chiê m đoạt em dâu. Năm 1399, ông ta bị vệ binh gié t ché t.

THẨM THIỆP MỤC NHI (BẮC NGUYÊN)

Thẩm Thiệp Mục Nhi (1377 - 1402), ông là con trưởng của Ngạch Lặc Bá Khắc. Sau khi cha ché t, năm 1400 ông lên kế vị. Ông trị vì trong 3 năm.

*

Năm 1402 ông ta bị em trai là Quý Lực Xích giế́t, hưởng thọ 26 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1402 ông ta bị em trai là Quý Lực Xích giế́t, hưởng thọ 26 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

QUÝ LỰC XÍCH (BẮC NGUYÊN)

Quý Lực Xích (1379 - 1450), ông là con thứ của Ngạch Lặc Bá Khắc và là em trai của Thầm Thiệp Mục Nhi. Quý Lực Xích giế́t anh đoạt vị. Ông trị vì 3 năm, bị thuộc hạ giế́t, hưởng dương 27 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1403 Quý Lực Xích lên kế́ vị. Trong sách sử gọi là "ông ta đoạt vị", có khả năng thông qua chính biến để cướp đoạt ngôi vị. Sau khi đoạt ngôi vị, ông ta tước bỏ quốc hiệu Đại Nguyên, đổi gọi là Tác Đa (Thát Đát). Từ đó quý tộc Nguyên chính thức phán thành 2 bộ phạn Thát Đát và Ngõa Lạt. Triệu Bắ́c Nguyên bị diệt vong. Nhưng quý tộc Nguyên vẫn có một lực lượng nhất định.

Năm 1405, Ngụy Lực Xích bị các tướng lĩnh của bộ Ngõa Lạt giế́t.

BẢN HÙNG THẤT LÍ (BẮC NGUYÊN)

Bản Hùng Thất Lí (? - 1411). Ông là em họ của Quý Lực Xích. Quý Lực Xích nên Bản Hùng Thất Lí được giúp lên kế́ vị. Ông trị vì được 7 năm bị tù trưởng tộc Ngõa Lạt sát hại. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Bản Hùng Thất Lí là cháu nội của Thuyết Cố Tư Thiệp Mục Nhi khi bố của Bản Hùng Thất Lí là Hợp Nhi Cố Sở Cách bị anh trai Ngạch Lặc Bá Khắc giế́t, lúc đó Bản Hùng Thất Lí vẫn ở trong

bụng mẹ. Năm 1405 Quý Lực Xích chết, quyến thấn A Lỗ Đài Lập Bản Hùng Thất Lí làm Kha Hãn.

Năm 1409, ông nghe tin Minh Thành Tô chuẩn bị dẫn quân chinh phạt, do đó Bản Hùng Thất Lí thống lịnh bộ lạc chạy xuống miến tây còn A Lỗ Đài chạy đến miến Đông. Vế sau quân thấn mỗi người một bộ lạc. Minh Thành Tô đuổi đến sông Tà Han, lúc đó Bản Hùng Thất Lí chỉ còn 7 người thuộc hạ cùng chạy trốn.

Năm 1411 tù trưởng tộc Ngõa Lạt câu kết với quân Minh đánh Bản Hùng Thất Lí. Ông bị thua trận và bị giết hại.

THUYẾT THUYẾT BẤT HOA (BÃ́C NGUYÊN)

Thuyết Thuyết Bất Hoa (1422 - 1451), không rõ vế dòng dõi gia tộc. Bản Hùng Thất Lí bị giết nên Thuyết Thuyết Bất Hoa được lập làm Kha Hãn. Ông trị vì 17 năm, bị tù trưởng tộc Ngõa Lạt giết. Hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1436, tù trưởng tộc Ngõa Lạt là Thuyết Hoan giết A Lỗ Đài và thôn tính các bộ tộc, định lập làm Kha Hãn. Nhưng các thị dân trong bộ tộc không phục, ông ta đành lập Thuyết Thuyết Bất Hoa làm Ma Hãn còn tự mình xưng làm thừa tướng.

Sau khi lên ngôi, hàng năm Thuyết Thuyết Bất Hoa phải cống tiến cho triếu Minh. Triếu Minh cũng tặng lễ vật cho ông ta và gọi ông ta là Đạt Đạt Kha Hãn.

Năm 1439, thừa tướng Thuyết Hoan chết, con trai ông ta là Ngã Tiên kế́tiếp chức vụ của cha. Năm 1451, Thuyết Bất Hoa bị Ngã Tiên giết.

A CÁT BA NHI TẾ (TRIỀ́U BÃ́C NGUYÊN)

Cát Ba Nhi Tế (1423 - 1452). Không rõ vế dòng dõi gia tộc của ông ta. Ông là em trai của Thuyết Thuyết Bất Hoa. Ông kế́ vị khi

anh trai ché́t. Ông trị vì chưa được một năm bị Ngã Tiên gié́t, hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1451 Thuyết Thuyết Bất Hoa bị Ngã Tiên gié́t, anh ta định tự lên ngôi Kha Hãn. Nhưng bị dân trong thị tộc phản đố́i, Ngã Tiên đành tạm thời lập A Cát Ba Nhi Tế làm Kha Hãn. Ông trị vì chưa được 1 năm, năm 1652 bị Ngã Tiên gié́t.

NGÃ TIÊN (BẮT NGUYÊN)

Ngã Tiên (? - 1455) ông là con trai của thừa tướng Thuyết Hoan. Ngã Tiên gié́t A Cát Ba Nhi Tế và tự lập làm Kha Hãn. Ông trị vì 4 năm bị thuộc hạ gié́t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Năm 1439 Ngã Tiên kế́ nhiệm chức vụ của cha và tự xưng là Thái Sư Hoài Vương. Ông ta lại hàng phục các chư bộ Mông Cổ ở Mạc Bắc, liên kêt với các chư bộ ở Sa Châu, Xích Cân, uy hiếp Triệu Tiên, hình thành một lực lượng, uy hiếp ở biên cương triều Minh. Lúc đầu, ông được triều Minh phong thưởng, vê sau lại quay lưng với triều Minh. Năm 1449 ông chia quân làm 4 ngã tiến vào biên giới của triều Minh. Được ít lâu ông đánh bại quân Minh, bắt giữ Minh Anh Tông, áp giải Anh Tông vào Bắc Kinh, tié́p đó bị bại trận phải quay vê phương Bắc. Năm sau ông ta lại tống tiễn Anh Tông vê kinh nhận trọng thưởng. Năm 1451 ông gié́t Thuyết Thuyết Bất Hoa tự lập làm Đại Kha Hãn, đặt niên hiệu là "Thiên Nguyên".

Ngã Tiên tự lập làm Kha Hãn nhưng các thuộc hạ không phục. Năm 1455, Tri Viện Lạt khởi binh gié́t ông ta. Từ đó các chư bộ Mông Cổ lại phân chia, lực lượng bị suy yếu.

TRIỀU MINH

(Năm 1368 - 1644, tổng cộng 277 năm)

Triều Minh là một vương triều hùng thịnh trong lịch sử Trung Quốc, quốc lực hùng hậu kinh tế phồn vinh (vào trung kì và hậu kỳ triều Minh đã ở một số địa phương vùng Giang Nam đã xuất hiện thia thớt, manh nha của chủ nghĩa tư bản), mậu dịch với nước ngoài đã phát đạt. Triều Minh cũng là thời kỳ quốc gia do dân tộc thiểu số phát triển và thống nhất. Thời kỳ này cũng tăng cường vụ quản lý đối với các dân tộc thiểu số ở vùng biên cương, lĩnh vực rộng lớn, lúc này Trung Quốc trở thành một quốc gia hùng mạnh trên thế giới.

Triều Minh có 16 hoàng đế, trong đó có 13 người bị ôm chết, 1 người làm mất nước tự thả cổ tự tử, 1 người bị thất bại trong nội chiến và sau lưu lạc ở đâu không rõ, 1 người bị phế truất, sinh túc giận mà chết.

MINH TÔ (CHU NGUYÊN CHƯƠNG)

Minh Tô, ông ta tên là Chu Nguyên Chương (1328 - 1398),号 i nhỏ ông tên là Trọng Bát, về sau đổi tên là Hưng Tông, tên tự là Quốc Đoan. Ông trị vì 31 năm, ôm chết, hưởng thọ 71 tuổi. Mai táng ở Ứng Thiên Hiếu Lăng (nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô).

*

Chu Nguyên Chương quê ở Trọng Lí thuộc Hào Châu (nay thuộc phía Đông huyện Phụng Dương tỉnh An Huy). Ông xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo khổ. Từ nhỏ ông làm mục đồng cho gia đình địa chủ. Năm 1344 gặp thiên tai, bệnh dịch, không còn lô i thoát, ông đành đến chùa Hoàng Giác xin làm hòa thượng, từng đi vân du ở Hoài Tây. Đúng lúc đó nổ ra cuộc khởi nghĩa của quân khẩn hoảng, năm 1352 ông ta chạy theo cuộc khởi nghĩa của Quách Tử

Hưng ở Hào Châu. Vì dũng cảm mưu trí nên được Quách Tử Nghĩa chú ý và thu nhận làm tàn binh được trông nom ngựa. Về sau, ông ta mở rộng quân đội, dẫn binh xuôi ngang miền Nam, vào năm 1355 được chính quyền Tống của Hàn Lâm Nhi phong làm tá phó nguyên sứ. Năm 1356 lại tấn công vào vùng Tập Khánh và đổi tên vùng đất đó thành phủ Ứng Thiên (nay thuộc thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô), ông lại được triều Tống phong làm bình chưởng hành tinh ở Giang Nam, và ông tự xưng là Ngô Quốc Công. Sau chuyện này, ông đánh bại Trần Hữu Lượng và xưng làm Ngô Vương. Tiếp đó, ông tiêu diệt Trương Sĩ Thành và âm thầm mưu sát Hàn Lâm Nhi, lực lượng của Chu Nguyên Chương trở thành một lực lượng chủ đạo bành phạt Trung Nguyên. Ngày Ất Hợi tháng 1 năm 1368 ông làm lễ xung đê tại điện Phụng Thiên phủ Ứng Thiên, lấy quốc hiệu là Đại Minh, đặt niên hiệu là "Hồng Vũ". Chọn phủ Ứng Thiên làm Kinh Đô.

Tháng 8 năm 1368 quân Minh công kích thành Đại Đô của triều Nguyên (nay là thành phố Bắc Kinh), diệt vong triều Nguyên. Sau đó, Chu Nguyên Chương phải mất hơn 10 năm để bình định toàn Trung Quốc.

Trong thời gian trị vì, ông cho rà soát lại hộ tịch, đo đạc đất đai, xây dựng các công trình thủy lợi, phát triển rộng đô thị điền, khuyến khích canh nông, khôi phục phát triển sản xuất xã hội, ngoài việc sai các chư tử trấn giữ ở những cửa ái và thị trấn quan trọng và đặt định ra các hang mục chè đỗ, ông còn thực hành thống trị đặc vụ đỗ i với trăm quan, xây những nhà ngục lớn, lạm dụng văn thân võ tướng. Ông ta phái Kiểm Hiệu đi giám sát hành vi và lời nói của các quan lại, thiết lập cảm y vệ, tra tấn để tra hỏi phạm nhân. Có một lần văn thần Tiết Tề bài triều quay về nhà, thuận miệng ngâm một bài thơ:

"Mùa đông lạnh lẽo mặc áo len.
Buổi trưa triệu kiê n vẫn chưa hài lòng.
Tùy lúc tùy thời điền viên lạc,
Ngủ đê n nhân gian cõm chín rõ i".

Không ngờ bị Kiểm Hiệu nghe được và báo cáo cho Chu Nguyên Chương. Ngay hôm sau, Chu Nguyên Chương nói với Tiết Tề "Hôm

qua khanh làm một bài thơ, có điê`u trãm không thích chữ "hài lòng", khanh đổi lại bã`ng chữ "ưu sâ`u", khanh thâ`y ý kiê`n đó ra sao? Nghe Chu Nguyên Chương nói vậy. Tiê`n Tể toàn thân lạnh toát, vội vàng cúi đâ`u tạ tội.

Kiêm Hiệu còn được phép phụ trách việc giám sát lời nói hành vi của quan lại và gia thuộc. Một lâ`n, Kiêm Hiệu nghe được tin có một nữ tăng dẫn vợ của Tú Hoa Cao và Hô` Đại Hải thờ phụng Tây Tạng (tăng ni Tây Tạng) hành pháp: "Kim thiên giáo", Chu Nguyên Chương bèn ra lệnh vứt hai người phụ nữ và nữ tăng xuô`ng hô`, Kiêm Hiệu còn là cao ở các nha môn.

Có lúc Chu Nguyên Chương cải trang thành thường dân đi ra ngoài vi hành nghe ngóng. Một hôm, ông ta đột nhiên đi đê`n nhà học sĩ La Phục Nhân. Ở ngoài phủ của La Phục Nhân có đào cái rãnh nhỏ, thời gian gâ`n đây bị phá nát, căn nhà cứ đỗ xiêu đỗ vẹo. Lúc này La Phục Nhân đang bò ở trên thang để sửa lại vách tường, nhìn thâ`y hoàng thượng đê`n, anh ta thâ`t kinh vội gọi mang một chiê`c ghê`đê`n mời hoàng thượng ngồi. Chu Nguyên Chương thâ`y nơi ở của anh ta đơn giản tiêu điê`u. Chu Nguyên Chương liê`n nói: "Người trong sạch mới có thể sô`ng ở một căn nhà rách nát như vậy!" và thưởng cho La Phục Nhân một căn nhà lớn ở trong thành.

Chu Nguyên Chương giê`t công thâ`n, ông ta là người lợi hại nhâ`t trong lịch sử các đê` vuong. Ông xây nhiê`u nhà ngục lớn trong đó có hai vụ án lớn nhâ`t đó là vụ án Hô` Vương và Lam Ngọc.

Hô` Duy Đường là tá thừa tướng, năm 1380 bị tô` cáo là mưu phản lộng hành. Chu Nguyên Chương không chỉ giê`t Hô` Duy Đường mà còn giê`t hơn một vạn người có mô`i quan hệ dây mơ rẽ má. Nhận cơ hội này Chu Nguyên Chương tước bỏ tỉnh Trung Thu và không lập thừa tướng, mọi việc do hoàng đê` quản lí chính sự.

Lam Ngọc là đại tướng có công lao hiển hách, được phong làm Lương Quô`c Công. Năm 1393, quan viên Cảm Y Vệ cáo phát anh ta mưu phản, Chu Nguyên Chương cũng giê`t nô`t anh ta và hơn 15.000 có liên quan. Những quan tướng dũng cảm võ nghệ cao cường có liên quan trong vụ án này cũng bị giê`t.

Tù Đạt là một công thâ`n khai quô`c, anh ta râ`t cẩn thận từng hành động nhỏ đóng cửa không ra ngoài khiê`n Chu Nguyên Chương tìm không được chứng cứ loại bỏ anh ta. Năm 1385, ở lưng của Tù Đạt mọc râ`t nhiê`u mụn nhọt. Nghe nói căn bệnh này không được ăn thịt vịt quay, lợi dụng cơ hội đó Chu Nguyên Chương liê`n sai sứ thâ`n mang vịt quay đê`n bă`t Tù Đạt ăn. Tù Đạt ăn mà nước mă`t chảy ròng ròng, được ít lâu anh ta chê`t. Đê`n cuô`i năm, hâ`u như những công thâ`n khai quô`c đã bị Chu Nguyên Chương giê`t chê`t.

Chu Nguyên Chương còn dùng những hình phạt nghiêm khă`c để trừng trị các quan lại vi phạm pháp lệnh. Năm 1358 Chu Nguyên Chương đánh Kim Hoa, do lương thảo thiê`u thô`n nên ông ra lệnh cấm uô`ng rượu. Con trai của đại tướng Hô` Đại Hải lại vi phạm cấm lệnh vẫn uô`ng rượu, Chu Nguyên Chương ra lệnh giê`t anh ta. Đô sự Vương Khải can ngăn nói: "Hô` Đại Hải đang thô`ng lĩnh quân đội bao vây ở Thiệu Hưng, nê`u giê`t con trai anh ta quả là điê`u không nên làm, xin bệ hạ tha tội cho anh ta một lâ`n". Thái Tổ phẫn nộ quát "Thà để Hô` Đại Hải làm phản, còn hơn đạp đổ hiệu lệnh của Trẫm!". Chu Nguyên Chương còn đích thân giê`t chê`t con trai Hô` Đại Hải.

Sau khi xung đê`, sự trừng trị của các quan lại vi phạm pháp luật càng nghiêm trọng, người bị giê`t lên tới con sô` vài vạn, không một hình phạt tàn ác nào là không thâ`y qua. Ngoài các hình pháp: chặt đâ`u, chu di... còn có những hình phạt: rút gân, khoét mă`t, đóng cọc, vạc dâ`u, ném đá... Ông ta còn sai đặt người cả ở các nha môn, quan lại nào ở nha môn phạm tội tham ô sẽ bị xử tội chê`t, sau đó bị lột da khoác lên người cỏ đó, để vị quan lại nào đê`n tiê`p nhận chức vị lâ`y đó làm tâ`m gương. Những danh mục các hình này sinh râ`t nhiê`u, tạo ra không khí sợ hãi trong đám quâ`n thâ`n, do đó mọi người đê`u một lòng gánh vác nhiệm vụ. Theo truyền thuyê`t lúc thiê`t triê`u, Chu Nguyên Chương đeo dây ngọc ở ngang bụng, là ông ta tuyên bố` giê`t người thì các văn thâ`n võ tướng đê`u mặt mày tái mét run ẩy bảy, còn đeo dây ngọc ở trước ngực, tức là ông ta không giê`t người. Hàng ngày các quan lại đê`n yê`t triê`u, trước khi ra đi đê`u phải cáo biệt vợ con dặn dò mọi chuyện, nê`u ngày hôm đó bình an trở về` thì cả nhà chúc mừng vui vẻ, đoán biê`t sẽ được sô`ng thêm một ngày.

Chu Nguyên Chương còn đại hưng án văn học, mượn cớ để trấn áp những văn nhân không hài lòng với sự thô ng trị của ông ta. Ví dụ Lâm Nguyên Lượng dạy học ở phủ học Triết đã thay mặt các học sĩ ở phủ viết biểu tạ ơn; trong bản biểu có một câu: "tác tặc c thô hién" (tự mình làm gương buông lỏng hién pháp), Chu Nguyên Chương nhát quyết cho rằng: "Tặc c chính là mă ng ông ta làm giặc; Tướng Trấn dạy học ở học phủ Thường Châu vì lợi ích của các học sĩ trong phủ mà viết biểu chức mừng: "Duệ tính sinh tri" (chỉ có thư sinh mới có bản tính nhìn xa trông rộng", Chu Nguyên Chương coi chữ "sinh" là chữ "tăng" và cho rằng lời lẽ đó có ý ám chỉ ông ta đã từng làm hòa thượng, do đó đã sai người giết chết Lâm Nguyên Lượng và Tướng Trấn.

Chu Nguyên Chương cho rằng dùng thủ đoạn lợi hại để trấn áp các đại thần, chính đố n chính trị, đây là một điều tâ t yê u trong việc trị quốc, nhưng đây chỉ là kê thích nghi tạm thời, không thể suốt đời sử dụng chiêu thức đó. Vì vậy vào những năm cuối i đời, ông ta đã hạ lệnh cho con cháu phải noi theo.

Chu Nguyên Chương xuất thân trong nghèo khổ, sau khi xung đê sinh hoạt ông ta cũng tương đối tiết kiệm, ông không thích rượu chè. Quan lại ở hành phủ Giang Nam mang chiếc giường chạm vàng của Trấn Hữu Lượng dâng tặng Chu Nguyên Chương, ông ta tức giận nói: "Chiếc giường này và thắt bão của Mạnh Sướng bị chìm đầm có gì khác biệt?" và sai người phá vỡ chiếc giường đó. Ông ta muốn các đại thần viết sớ tâu báo phải viết lời lẽ ngắn gọn xúc tích. Chủ sự của bộ hình là La Nhu Thái Tô dâng tích thư, Chu Nguyên Chương sai người đọc xong 6370 chữ mà vẫn không hiểu được kiêm nghị cụ thể, toàn là những lời sáo rỗng, ông ta nhát thời tức giận sai người gọi Nhu Thái Tô vào cung và đánh cho anh ta một trận. Tới hôm sau, Chu Nguyên Chương lại sai người đọc tiếp bản tâu chương, đọc đến 16500 mới đến cập tới vấn đề, nêu ra 5 kiêm nghị, trong đó có 4 kiêm nghị mà ông ta cho rằng có thể thu nạp được nên ra lệnh thực thi. Đúng thời ông ta còn chỉ ra rằng: bản tâu này chỉ cần dùng hơn 500 chữ là có thể thâu tóm được vấn đề, nhưng ngược lại viết rườm rà như vậy mà bản thân mình cũng không nghe đọc những lời văn thừa thãi mà lại đánh Nhu Thái Tô,

quả là chuyện không đúng không hợp lẽ, ông tán thưởng Như Thái Tô` là trung thâ`n.

Chu Nguyên Chương tự biê`t bản thân mình hô`i nhỏ không có sức lực học hành, vì vậy mà lúc thu phục thiên hạ và ở thời kỳ đâ`u mới lập ông râ`t trọng dụng những văn nhân có học vâ`n, ví dụ Lí Thiện Trường, Lưu Cơ, Chu Thăng... Đô`ng thời ông cũng coi trọng việc dạy dỗ giáo dục con cái, ông cho mời những học giả danh tiê`ng nhâ`t đã dạy học, yêu câ`u bọn họ dùng tâm dùng đức dạy dỗ cho lũ trẻ. Ông nói với các thâ`y giáo: "Một khô`i vàng ròng phải tìm được thợ hoàn cao thủ để tạc tạo, một khô`i ngọc quý câ`n có thợ thủ công tài ba để điêu khă`c thành sản phẩm. Học trò tô`t mà không tìm được thâ`y giỏi, há chă`ng phải không trọng học trò bă`ng ngọc quý sao? Sự phụ tô`t phải là một tâ`m gương tô`t cho học trò noi theo, vì tài năng mà truyền thụ kiê`n thức, bô`i dưỡng cho lớp trẻ. Các con trai của trẫm sau này sẽ là những minh quân trị quô`c quản lí triê`u đìn, còn con em của các công thâ`n cũng làm quan phụ giúp triê`u đìn.

Phương pháp giáo dục, điê`u cô`t yê`u là phải chính tâm, lòng dạ có trong sạch ngay thẳng thì không làm được trò trô`ng gì. Các khanh phải dùng thực lực của mình để dạy học trò, nê`u chỉ khoa trương sự học mà không có cô`t lõi thì quả thật không có ích lợi gì?" Nhờ sự giáo dục nghiêm khă`c của Chu Nguyên Chương, nên các vương tôn công tử đê`u râ`t tài giỏi, biê`t cách làm việc, có người giỏi vê`văn, có người giỏi vê`võ, có người văn võ song toàn. Đô`i với vài người con không chịu thua kém, ông liê`n nghiêm khă`c giáo huâ`n chỉ trích, đê`n chê`t cũng không nhân nhượng. Con trai thứ hai của Tâ`n Vương do mă`c nhiê`u sai lâ`m nên khi anh ta chê`t, Chu Nguyên Chương đích thân đặt thụy hiệu cho anh ta là "Mẫn" (thương xót).

Con trai thứ 10 của Lỗ Kim dùng Kim Thạch để mong tìm được sự trường sinh bâ`t lão, độc hát ra làm mù hai mă`t, sau khi anh ta chê`t, Chu Nguyên Chương cũng đặt thụy hiệu cho anh ta là "hoàng" (hoang đường), để biểu thị sự trùng phạt, Chu Nguyên Chương lâ`y bài học ở tiê`n kỳ triê`u Nguyên để làm gương: vì không lập thái tử mà tạo ra nhiê`u cuộc chính biê`n ở cung đìn, thời làm Ngô Vương, ông ta lập con trưởng là Chu Tiêu làm thê` tử, sau khi xưng đê` ông cải lập làm thái tử. Chiêu nạp ăn nhân nổi tiê`ng và các trọng thâ`n trong triê`u để dạy dỗ thái tử. Sau khi thái tử trưởng thành liê`n cho

phép thái tử tham gia vào chính sự học tập việc trị quố c: và thường khuyên thái tử phải có 4 đức tính: Nhân hậu, anh minh, cảm mẫn và độc đoán. Có được 4 điều đó mới duy trì được thiên hạ. Nhưng Chu Tiêu thái độ cùi chỉ tao nhã lịch sự nghiêm nhiên là một nho sinh. Anh ta tính tình trung hậu, không tán đố ng việc cha giế́t hàng loạt công thấn. Mỗi lấn Chu Nguyên Chương giế́t vị công thấn nào đó, Chu Tiêu đếu ra sức can ngăn, muốn cho lấy nhân từ làm gốc rẽ chú ý đến tình nghĩa thân thích và anh em bắng hữu. Do đó cha con thường phát sinh xung đột. Theo truyến thuyết: một lấn Chu Nguyên Chương trùng phạt thấy giáo của thái tử, Chu Tiêu khóc lóc cấu xin phụ hoàng tha mạng cho thấy, Chu Nguyên Chương bức bối nói: "Đợi khanh kim hoàng đế thì tha tội cho ông ta". Thái tử nghe được rất sợ hãi, do đó nhảy xuống sông tự vẫn, ma mà bọn thuộc hạ cứu được thái tử.

Một lấn khác Chu Tiêu can ngăn Phụ hoàng: "Bệ hạ giế́t người quá nhiếu, con e rắng sẽ tổn hại tới hòa khí". Chu Nguyên Chương không nói gì, hôm sau Chu Nguyên Chương có ý vứt một cái roi làm thận cây táo ở trên mặt đất và bảo Chu Tiêu cấm lên. Chu Tiêu cho rắng cây gậy đó có gai, ngấn ngừa không dám cấm lên. Chu Nguyên Chương nói: "Con sọ gai nhọn mà không dám cấm, để trẫm bê hé́t gai rối đưa cho con, há không phải là tôt cho con sao". Chu Tiêu nói: "Trên có quân vương Ngu Thuấn, dưới có thái dân của Ngu Thuấn". Câu nói đó ám chỉ rắng: Trên có vua nhân từ, dưới có dân lương thiện. Chu Nguyên Chương nghe xong phẫn nộ vô cùng, liến lột bỏ tước vị thái tử, giam Chu Tiêu vào nội thất, từ đó Chu Tiêu kinh hãi buốn phiến sinh ra bệnh tật mà chết.

Từ nhỏ Chu Nguyên Chương sống trong cảnh nghèo khổ, qua tuổi 40 ông cả ngày bận việc nước, do đó đến tuổi 50 thể lực ông suy sụp, nhịp tim đập nhanh hơn so với người thường, ông thường xuyên bị sốt cao, luôn nhớ về tuổi ấu thơ, có lúc lại buốn vui thất thường. Sau cái chết của thái tử, ông đau buốn cực độ sức khỏe ngày một giảm sút, râu tóc bạc trắng. Ông lập con trai của Chu Tiêu là Chu Doãn Văn. Lúc đó anh ta mới có 16 tuổi làm thái tôn, thậm chí Phó Hữu Đức và Phùng Thắng cũng bị ông ta tìm cớ giế́t hại, mặc dù hai người này là những đại thấn khai quốc còn sót lại. Chu Nguyên Chương sợ các con trai của mình tranh đoạt ngôi vàng với thái tôn, do

đó ông ta biên tập hai cuốn sách: "Vĩnh giám lục" và "hoàng minh tờ luân" muôn các con tôn sùng pháp ché, và quy định răn: nếu ai sửa đổi pháp ché của tổ tông thì sẽ bị pháp luật định tội, mong muôn các đại thần hét lòng hét dạ phục vụ hoàng đế nhỏ, bảo vệ sự bình an trường kì của vương triều họ Chu.

Tháng 5 năm 1398, Chu Nguyên Chương bị đau tim và sinh bệnh. Ngày Quý Mùi bệnh tình nguy kịch. Ông lập di chiêu u nói ông xưng đế đã 31 năm mọi ưu áu buồn lo đều tích tụ trong tim, lâu ngày thành bệnh không chữa trị được". Câu nói đó ám chỉ cả đời ông sống vất vả cực nhọc và cõi lòng ông luôn nghĩ tới cách khống chế những cuộc đấu tranh gay gắt trong nội bộ giai cấp thô ng trí. Trong bản di chiêu u còn nói: cho phép thần tôn Chu Doãn Văn kế vị, còn các chư tử trán giữ ở phiên quốc, không cần về kinh chịu tang, để phòng tránh có biến loạn. Ông mất ngày Ất Dậu tại Tây Cung ở thành Lương Đô.

Sau khi ông mất, lâ'y thụy hiệu là Cao Hoàng Đế và lâ'y hiệu miếu là Thái Tổ.

Sinh thời ông ta sai gọi nhiều họa sĩ đẽn cung vẽ tranh chân dung cho ông ta. Những bức tranh đó vẽ rất giống thật. Do tướng mạo của Chu Nguyên Chương bát nhã, vẽ càng giống thật ông ta càng không hài lòng. Về sau có một họa sĩ nam bút tâm lí của Chu Nguyên Chương nêu anh vẽ diện mạo có một chút hòa khí, xem tranh trông Chu Nguyên Chương rất nhìn từ. Điều đó làm Chu Nguyên Chương rất hài lòng, ra lệnh tô ra nhiều bức và ban tặng cho các chư tử. Vì thế tranh chân dung của Thái Tổ có hai loại: một loại là tranh chân dung tả diện mạo thật của ông ta, một loại khác là có mĩ hòa đôi chút. Mộ của Chu Nguyên Chương chôn ở một cái gò dưới chân núi Chung Sơn ở Nam Kinh. Theo truyền thuyết sinh thời ông ta đã chọn nơi này làm chỗ đặt mộ bởi địa thế nơi đó rất đẹp: "phía bắc dựa vào núi Trọng Sơn, phía Tây là Hồ Huyễn Vũ, địa thế phi phàm trông giống như một con rồng ôm lên ngọc quý. Chỉ tiếc rằng ở phía Nam là mộ của Tôn Quyền cản đường vào mộ của tộc Chu. Các đại thần kiến nghị đào mộ Tôn Quyền dời đi, để thuận cho phong thủy. Chu Nguyên Chương nói: "Đừng đào, Tôn Quyền cũng là một hảo hán, hãy để ông ta và trẫm cùng chung một vùng! Vì

vậy đường cái nọ của Chu Nguyên Chương không phải là chính Nam chinh Đông mà là quay hướng Đông Tây.

HUỆ ĐẾ (KIẾ N VĂN HOÀNG ĐẾ - CHU DOĀN VĂN) (MINH)

Huệ Đế, ông ta tên là Chu Doãn Văn (1377 - ?). Ông là cháu trưởng của Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Chu Doãn Văn kế́ vị khi Thái Tổ ché́t. Ông trị vì 4 năm, kinh thành bị chú ông là Chu Đệ phá hoại, kết cục cuộc đời của Chu Doãn Văn ra sao không rõ (có một thuyết nói kinh thành bị phá nên ông nhảy vào lửa tự vẫn, có một thuyết nói ông cải trang làm tăng ni chạy tới Vân Nam và đi lưu lạc ở các địa phương).

Bố của Chu Doãn Văn là Chu Tiêu. Khi Chu Tiêu ché́t, Chu Doãn Văn được lập làm hoàng thái tôn. Tháng 5 năm 1398 Thái Tổ ốm ché́t, ngày Tân Mão cùng tháng Chu Doãn Văn lên kế́ vị. Ông đổi niên hiệu là "Kiến Văn".

Sau khi lên ngôi hoàng đế́, tận mắt thấy thế lực các phiên vương (các chú của ông) của các trấn rất lớn mạnh, ông lo sế tạo thành tai họa "loạn 7 nước" ở thời Hán, nhờ những ý kiến đóng góp của binh bộ thượng thư Tế thái và thái thượng khanh hoàng tử Đăng nên Chu Doãn Văn hạ lệnh tước bỏ các phiên quốc", lấn lượt phế truất Chu Vương Chu Tốc và Tế Vương Chu Phúc làm thứ dân, thế lực của Yên Vương Chu Đệ là mạnh nhất. Tháng 7 năm 1399 Chu Đệ khởi binh tại Bình Bắc (nay thuộc thành phố Bắc Kinh) phản đối Chu Doãn Văn, lấy hiệu là "thống sứ của Tĩnh Nan). Trải qua 4 năm chiến trận, tháng 6 năm 1402. Quân Tĩnh Nan vượt sông Trường Giang, xông thẳng vào kinh thành, người người ở kinh đô hoảng hốt sợ hãi. Tế Thái, Hoàng Tử Đăng mượn có quân đội yếu kém nên bộ kinh đô chạy đến Quảng Đức và Tô Châu. Tả đô đốc Từ Tắng Thọ bí mật câu két với Chu Đệ và anh ta nhận làm nội ứng cho Từ Tống Thọ, chuyện này bị Chu Doãn Văn biết, do đó anh ta bị Chu Doãn Văn giết ché́t.

Ngày Ấ́t Dậu tháng 6. Cốc Vương Chu Huệ và đại thấn Lí Cảnh Long tự động mở cửa Kim Xuyên đón quân Tĩnh Nam vào thành. Chu

Doãn Văn nhận được tin báo, ông khóc và nói: "Trẫm chưa từng ngược đai, Chu Huệ và Lí Cảnh Long, vậy mà họ nỡ lòng quay lưng với trẫm". Khanh sứ Liên Doanh trả vò đâ` u hàng Chu Đệ. Lợi dụng thời cơ để hành thích Chu Đệ nhưng bị Chu Đệ hại ché` t. Nghe tin dữ Chu Doãn Văn òa khóc: "Một trung thâ` n như vậy mà trẫm lại không trọng dụng, đây quả là một sai lâ` m của trẫm. Bây giờ hô` i hận cũng quá muộn, chỉ bă` ng trẫm ché` t đi để chuộc lỗi với lê` dân". Nói xong ông định dùng dao tự sát, may mà lũ thuộc hạ kịp thời ngăn cản. Chu Doãn Văn không còn cách gì, và lại nghe tin bọn thám báo đưa đê` n, ông đành hạ lệnh đô` t hoàng cung. Chu Đệ tiê` n vào hoàng cung, tìm kiê` m ngay liên tiê` p mà không thâ` y Chu Doãn Văn. Hỏi các nội thị bọn họ cũng không biê` t Chu Doãn Văn còn sô` ng nhay đã ché` t, chỉ biê` t ră` ng sau khi ông sai đô` t cung điện thì cũng không thâ` y bóng dáng đâu. Mã hoàng hậu và nhiê` u phi tử cũng bị ché` t thiêu, bọn nội thị sợ Chu Đệ không tin liê` n đem tàn cô` t của hoàng hậu Mã đê` n và nói đó là tàn tro của Chu Doãn Văn. Chu Đệ sai người tìm trong đô` ng thi thể bị thiêu cháy, nhưng không thể tìm được đâ` y đủ một thi thể nào cả bởi toàn thân bị cháy vụn không phân biệt nam nữ. Chu Đệ đành ra lệnh dùng nghi lễ của thiên tử để làm lễ mai táng.

Có một thuyê` t khác nói: Sau khi Kiê` n Văn Đệ hạ lệnh đô` t hoàng cung, ông cùng với nhiê` u tùy tùng chạy vào địa đạo để lẩn trô` n, rô` i trèo lên một con thuyê` n chạy đê` n Vân Nam, că` t tóc cài trang làm tăng ni, lâ` y hiệu là Ứng Văn và đi lang bạt ở các địa phương. Chu Đệ hỏi dò tin tức: một mục cho ră` ng Chu Doãn Văn vẫn còn sô` ng và sô` ng lưu vong ở hải ngoại, do đó Chu Đệ lo ră` ng: Chu Doãn Văn sẽ trở thành mô` i hậu họa, ông liê` n sai Thái Giám Trịnh Hòa chỉ huy một đội thuyê` n đi đê` n Tây Dương tìm kiê` m tung tích Chu Doãn Văn, đô` ng thời mượn có tuyên dương quô` c thích, mở đường giao thông với các nước, kê` t quả không tìm thâ` y tăm hơi của Chu Doãn Văn.

Trong quyển: "Minh Sử kí sự bản mạt" có nói: sau khi Chu Doãn Văn thoát thân, ông đã chọn vùng Vân Nam làm nơi cư trú, rô` i đi đê` n các vùng: Xuyên, Tương, Mân, Thiê` n, Chiê` t... dựng các chùa chiê` n, thu nạp tín đồ` . Ông lưu lạc 39 năm. Mai đê` n năm thứ 2 Anh Tông chính thô` ng (năm 1440) ông mới ở chung với một hòa thượng và viê` t thơ văn nói rõ gia thê` của bản thân mình, tri phủ Lĩnh Anh ở

phủ Tư Ân (nay là huyện Vũ Đê`u khu ty trị tộc Choang ở Quảng Tây) biê`t chuyện, nên đã bă`t giữ vị hòa thượng và Chu Doãn Văn, áp giải về` kinh. Thái giám của Chu Doãn Văn nhận ra. Anh Tông bèn să`p đặt Chu Doãn Văn sô`ng trong nội cung.

Trong quyển "Trường An khách hoa". Vê` già Chu Doãn Văn chê`t ở cung Vĩnh An, mai táng ở Tây Sơn. Hiện nay ở phía ngoài núi Kim ở ngoại thành Bă`c Kinh vẫn còn tó`n tại một cái gò nhỏ và một tâ`m bia, trên tâ`m bia đó khă`c "Thiên Hạ Đại Sư mô" tượng truyê`n đó là mộ của Chu Doãn Văn.

Trong sử gọi Chu Doãn Văn là Kiê`n Văn Đê`. Đê`n niên giám Càn Long (triê`u Thanh). Chu Doãn Văn mới được đổi thụy hiệu là Cung Mẫn Huệ hoàng đê`.

THÀNH TÔ (VĨNH LẠC HOÀNG ĐÊ` - CHU ĐÊ) (MINH)

Thành Tô, ông ta tên là Chu Đệ (1360 - 1424). Ông là con trai thứ 4 của Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Ông đánh bại Chu Doãn Văn và đoạt ngôi vị. Ông trị vì 22 năm, trên đường tâ`n công Mạc Bă`c, ông bị ô`m chê`t (nay thuộc Thập Tam Lăng huyện Xương Bình thuộc phía Bă`c thành phô` Bă`c Kinh).

*

Chu Đệ được phong làm Yên Vương, trâ`n giữ ở Bă`c Bình (theo tư liệu khảo cổ học trong mây năm gâ`n đây thì mẹ đẻ của Chu Đệ là công phi người Cao Lộ, vì muô`n cướp đoạt hoàng vị nên ông ta tự xưng là con của hoàng hậu). Năm 1390, Chu Đệ xuâ`t binh chinh phạt thê` lực của triê`u Nguyên còn sót lại, giành được thă`ng lợi huy hoàng nên được Thái Tổ trọng thưởng và phong làm tié`t chê` quân binh mây trâ`n giữ biên cương miê`n Bă`c, nhiê`u lâ`n Thái Tổ sai Chu Đệ làm thô`ng sứ xông ra trận mạc, uy danh lẫy lừng.

Một lâ`n, Thái Tổ sai thái tôn Chu Doãn Văn trả lời một vê` đô`i, câu đó là: "Phong Xuy Mã Vĩ Thiên Đê`u tuyê`n" (Gió thổi một túm lông đuôi ngựa), Chu Doãn Văn đô`i lại là "Vũ Đả Dương Mao nhâ`t phiê`n thiện" (Mưa tạo ra mùi gáy của túm lông dê"). Thái Tổ không

hài lòng với vế đố i đó, sǎ́c mặt rất khó coi. Lúc đó Chu Đệ đứng lên và xin đố i là "Nhật Chiế u Long Lân Vạn Điểm Kim" (Ánh mặt trời chiế u sáng vào những con rống con lân làm điểm thêm ánh vàng), Thái Tô rất vui và thưởng cho Chu Đệ vì có vế đố i hay, từ đó Thái Tô coi Chu Đệ là một người văn võ kiêm toàn và càng thêm sủng ái, Thái Tô không muốn lập Chu Doãn Văn làm người kế vị. Nhưng nhờ sự can gián của các đại thấn, để duy trì chế độ tòng pháp và phòng ngừa nội chiế n. Thái Tô đành miễn cưỡng lập Chu Doãn Văn làm thái tôn. Thái Tô bệnh chế t, Kiế n Văn Đế kế vị và ra lệnh cho các Phiên Vương không cù́n vế kinh chịu tang. Chu Đệ tung hoành ở miến Nam, Kiế n Văn Đế sai sứ giả đến ngăn cản, Chu Đệ đành chạy xuống phía Bắc. Từ đó Chu Đệ và Chu Doãn Văn nảy sinh hiếm khích, Kiế n Văn Đế hạ lệnh tước bỏ Phiên Quốc, Chu Đệ cực lực phản đối. Lúc Chu Đệ gặp nguy hiểm ông ta đã dấn ra lời di huấn của Thái Tô: "Nế u ai làm trái pháp chế tôt tiên, sẽ bị các đại thấn luận tội", lấy lí do bài trừ Tế Thái Hoàng Thái Đăng... để khởi binh "Tĩnh Nan". Sau khi tiến vào Nam Kinh. Ông đã cướp đoạt ngôi vị vào tháng 6 năm 1402 và đổi niên hiệu là "Vĩnh Lạc".

Sau khi xung đế, Chu Đệ ra lệnh trong 3 ngày phải thanh trù hoàng cung, giết hại một số lượng lớn những cung nhân, nữ quân và thái giám trong hoàng cung. Tiếp đó ông ra lệnh giết những đại thấn tận trung với Kiế n Văn Đế. Tế Thái và Hoàng Tử Đăng cũng bị ông ta giết chết. Binh bộ thượng thư Thiết Huyến bị áp giải vế kinh thành, nhìn thấy Chu Đệ ngối lên ngai vàng anh ta nhất định không chịu hàng phục. Chu Đệ tức giận sai người cắt tai cắt mũi của anh ta, sau đó lén bắt anh ta ăn, hỏi "mùi vị ra sao? Thiết Huyến cao giọng nói: "Thịt của trung thấn đương nhiên rất ngon". Chu Đệ lại tiếp tục sai người dùng dao chém nhát mót, Thiết Huyến cho đến lúc chết vẫn không ngót lời chửi rủa, Chu Đệ còn sai người vứt thi thể của Thiết Huyến vào vạc dấu nấu thành cao. Tiến sĩ văn học Phuơng Hiếu Nho đã mặc áo tang, khóc lóc đi vào cung, bị Chu Đệ giam vào đại lao. Vài hôm sau, Chu Đệ sai anh ta thảo chiếu thư để nói việc Chu Đệ lên ngôi, Phuơng Hiếu Nho ném bát xuống đất và gào khóc "Giết ta thì hãy giết đi, ta không bao giờ viết chiếu thư" Chu Đệ nói: "Dĩ nhiên khanh không sợ chết, lẽ nào khanh không sợ làm liên lụy tới cửu tộc nhà khanh?" Phuơng

Hiế u Đệ cao giọng nói: "Cho dù có chu di 10 tộc, ta cũng không sợ". Nói xong anh ta cấ m bút vié́ t mây chữ lớn và đưa cho Chu Đệ xem, đọc được 4 chữ "Yên Tặc đoạt vị" (giặc Yên đoạt ngôi), Chu Đệ tức giận đập người bèn sai người giữ Phương Hiế u Nho, tự tay ông ta cắ t mô`m, Phương Hiế u Nho cắ t đế n mang tai và sai người nhố t Phương Hiế u Nho vào nhà lao. Chu Đệ lại sai bắ t giữ 10 tộc của Phương Hiế u Nho tổng cộng 873 người và áp giải đế n cho Phương Hiế u Nho xem. Phương Hiế u Nho trước sau như một, quyết tâm không thay đổi, Chu Đệ bèn sai gié́ t Phương Hiế u Nho và chu di 10 tộc. Khiế n Văn Đế có một người con trai vừa mới ra đời, Chu Đệ sai giam hăm 55 năm khiế n anh ta trở thành một kẻ ngu ngố c.

Đố i với những đại thấ n ở thời Kiế n Văn Đế, nế u ai có ý định hàng phục, ông ta không trách tội xưa mà còn cẩn cứ vào tài năng của bọn họ để xé́ p đặt chức vị. Lúc tấ n công vào thành Nam kinh có thu được hàng loạt của đám quân thấ n dâng cho Kiế n Văn Đế, lũ thuộc hạ cấ m đế n cho ông ta xem, ông ta từ chố i nói: "Những quan viên này vì Kiế n Văn Đế và đưa ra những sách lược, ta không cấ n xem", và sai đem đố t những bản số đó, rấ t nhiế u đại thấ n quy phục ông ta đế u gạt bỏ được mố i lo ngại.

Tuy Chu Đệ tàn nhẫn trấ n áp kẻ địch của ông ta, nhưng ông ta lại có khả năng bài trừ binh quyế n của Phiên Vương và củng cố́ được chính quyế n trung ương. Ông sai Trịnh Hòa đế n Tây Dương, cho phép mở cửa thông thường và trao đổi mậu dịch với hơn 300 quố c gia. Ông còn xé́ p đặt người quản lí ở vùng cửa sông Hắ c Long Giang, Ô Tô Lí, Đông Ô Đệ... 5 lấ n chinh chié́ n ở mạn Bắ c, giải trừ mố i nguy hiểm, loại bỏ thế lực phục Nguyên. Ông xây dựng thành Bắ c Kinh và dời đô về́ đó, chú trọng trị thủy ở sông Trường Giang, chủ trì việc biên tập cuố n diển tịch "Vĩnh Lạc đại diển" có một vai trò quan trọng đố i với sự phát triển của Trung Quố c. Đố ng thời, ông còn trọng dụng hoạn quan, khiế n bọn hoạn quan bắ t đấ u can dự vào chính sự của triề́ u Minh và đàn áp nông dân trấ m trọng, dẫn tới cuộc khởi nghĩa nông dân của Đường Trại Nhi.

Hoàng hậu của Chu Đệ là trưởng nữ của công thấ n khai quố c Từ Đạt. Từ hoàng hậu ố m chế t, Chu Đệ muố n triệu em gái bà ta là Từ Sa Cẩm làm hoàng hậu, nhưng bị Từ Sa Cẩm chố i từ. Chu Đệ sai

cung nữ tới thúc dục, cô ta đê` u cự tuyệt không gấp. Vê` sau cung nữ phụng chỉ gọi cô ta vào cung, cô ta trả lời: "Tôi không có dung hạnh, không xứng làm quô` c mẫu, xin hãy lập một phụ nữ khác làm hoàng hậu". Các thị nữ quay vê` cung để nói lại chuyện đó với Chu Đệ, Từ Sa Cẩm liê` n că` t tóc đi tu. Điê` u đó làm Chu Đệ râ` t chán nản, mãi vê` sau ông ta mới lập hoàng hậu.

Năm 1474 ông lại xuâ` t binh chinh phạt phương Bă` c, tìm mãi không thâ` y dâ` u vê` t của quân Thát Đát, ông đành quay vê` kinh. Đi được nửa đường bị ô` m. Bệnh tình chưa trị mãi mà không thuyền giảm và ông mâ` t vào tháng 7 tại Mộc Xuyên (nay thuộc phía Tây Bă` c huyện Đa Luân khu ty trị Nội Mông Cổ). Phút lâm chung ông sai gọi Anh quô` c công Trương Phụ vào dặn dò hậu sự và ra lệnh truyê` n ngôi cho thái tử Cao Xí Mộc tang lễ làm theo pháp chê` của tổ tiên.

Sau khi Chu Đệ chê` t, lâ` y thụy hiệu là Hiê` u Văn hoàng đê` , và lâ` y hiệu miê` u là Thái Tông. Năm 1538, hoàng đê` Gia Tĩnh đổi hiệu miê` u của Chu Đệ là Thành Tổ, trong lịch sử còn gọi là hoàng đê` Vĩnh Lạc.

Khi Chu Đệ chê` t có 30 cung nữ bị tuẫn táng theo. Đâ` u tiên những cung nữ này được tham gia tiệc rượu, tiê` p đó được dẫn đê` n một đường thâ` t, tiê` ng khóc vang khă` p cung điện bọn họ bị bă` t đứng ở trên một chiê` c giường bă` ng gỗ, dùng lụa buộc vào cổ và lũ hoạn quan đạp đổ những chiê` c giường đó đi, các cung nữ bị treo cổ chê` t. Những cô gái này được giai câ` p thô` ng tri` gọi là "Đâ` u hoàn tuẫn chủ" (treo cổ tự tử vì chủ).

NHÂN TÔNG (CHU CAO XÍ) (TRIỀ` U MINH)

Nhân Tông, ông ta tên là Chu Cao Xí (1378 - 1425), ông là con trưởng Thành Tổ Chu Đệ. Chu Cao Xí kế` vị khi Thành Tổ chê` t. Ông trị vì được một năm, bị ô` m chê` t, hưởng thọ 48 tuổi. Mai táng ở Hiê` n Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phô` Bă` c Kinh).

Năm 1395 Chu Cao Xí được lập làm Yên Thế Tử. Khi Thành Tổ lập quân Tĩnh Nam đã sai Chu Cao Xí trấn thủ ở Bắc bình, ông đoàn kêt các thuộc hạ, đẩy lui sự bao vây 5 vạn đại quân của đại tướng Lí Cảnh Long - một đại tướng thời Kiến Văn Đế, bảo vệ được thành trì. Năm 1404 Chu Cao Xí được lập làm hoàng thái tử.

Thành Tổ nhiế u lấn chinh phạt phương Bắc đã sai Chu Cao Xí giám sát việc nước ông giải quyết mọi việc trong triếu rất hợp tình hợp lí. Nhưng Thành Tổ lại sủng ái em của Chu Cao Xí là Chu Cao Húc và Chu Cao Toại và Thành Tổ có ý định thay đổi ngôi vị thái tử. Chu Cao Húc và Chu Toại thông đống với hoạn quan có ý định đoạt địa vị của thái tử. Vế sau bị thị lang Hố Anh tó́ cáo với Thành Tổ, nên Thành Tổ mới gạt bỏ ý định phế truất thái tử. Tháng 7 năm 1424 Thành Tổ chết, ngày Đinh Tị tháng 7 năm đó Chu Cao Xí lên kế́ vị và cho đổi niên hiệu là Hống Hi. Sau khi lên ngôi hoàng đế́, Chu Cao Xí ra lệnh bãi miễn cho những đại thấn cũ thời Kiến Văn Đế (bọn họ bị Thành Tổ lưu đày ra vùng biên cương), Chu Cao Xí cho bọn họ phục hồi chức vị cũ và phá bỏ tù ngục, khôi phục chức vụ cho một số đại thấn, từ đó làm dịu đi mâu thuẫn trong nội bộ tập đoàn thống trị. Ông trọng dụng Dương Vinh, Dương Sĩ Kì, Dương Phó... (trong sử gọi là Tam Dương) cho phép dân chúng nghỉ ngơi không phải đi lao dịch và tham gia trận mạc, sửa đổi kỉ cương pháp luật, khiến cho xã hội hiện rõ cách thanh bình. Chu Cao Xí còn mở quân Hoắng Văn ở ngoài cửa Tư Thiện, thường xuyên cùng các nho thấn đàm luận kinh sử, bị mệt mỏi rã rời. Ông nói: "Trẫm và các chư khanh bàn luận cảm thấy rất thích thú; nhưng khi vế hậu cung nói chuyện với nội thị cung nhân chẳng còn thú vị gì". Hoàng hậu Trương cũng rất hiến hậu, bà đối với Chu Cao Xí rất tương thân tương ái, Tào Phi cũng là một người phụ nữ nhân từ hiến thực.

Tháng 5 năm 1425 Chu Cao Xí bị bệnh, ông mả́t ngày Tân Tị tại điện Khâm An.

Sau khi ông chết đã lấy thụy hiệu là Hiếu Chiêu Hoàng Đế, lấy hiệu miếu là Nhân Tông. Tào Phi tự thắt cổ tuẫn tiết, bà ta được đặt thụy hiệu là Chiêu Dung Cung Hỉ Thuận Phi.

TUYÊN TÔNG (CHU THIÊM CƠ) (MINH)

Tuyên Tông, ông ta tên là Chu Thiêm Cơ (1398 - 1435), ông là con trưởng của Nhân Tông Chu Cao Xí. Nhân Tông ché t ông lên kế vị. Ông trị vì 10 năm, bị ôm ché t, hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Cảnh Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1411 Chu Thiêm Cơ được Thành Tổ lập làm hoàng thái tôn. Nhân Tông lên kế vị, Chu Thiêm Cơ vẫn được lập làm hoàng thái tôn. Khi ở Nam kinh xảy ra động đất. Nhân Tông sai ông đến đó trấn giữ. Nhân Tông bị bệnh vội triệu gọi ông về kinh. Sứ giả vừa đến Nam kinh, Nhân Tông đã băng hà. Ngày hôm đó ông quay về kinh thì nghe nói thúc phụ của ông ta là Hán Vương Chu Cao Húc chặn đường về của ông ta. Thuộc hạ khuyên Chu Thiêm Cơ chỉnh đốn binh mã để phòng, hoặc giả vòng theo con đường nhỏ để quay về Bắc Kinh, nhưng ông nói: "Linh cữu Phụ hoàng vẫn chưa mai táng, ai dám to gan làm bậy!" Và ông vẫn tiến thẳng về phía trước. Đến Lương Sơn thì gặp thái giám Dương Anh và thượng thư Phục Nguyên Cát mang chiêu thư của Nhân Tông đến và đón Chu Thiêm Cơ về cung phát tang. Ngày Canh Ngọ tháng 6 ông làm lễ đăng cơ. Ông đổi niên hiệu là "Tuyên Đức".

Trong thời gian trị vì, Chu Thiêm Cơ vẫn trọng dụng "Tam Dương" phụ giúp triều chính. Thời gian này xã hội tương đối ổn định, trăm họ an cư lạc nghiệp. Tháng 8 ở thành Lạc An (nay thuộc huyện Quảng Nghiêng tỉnh Sơn Đông), Chu Thiêm Cơ đích thân thống lĩnh đại quân tiến đánh thành Lạc An, truy đuổi Chu Cao Húc và Chu Cao Húc phải đầu hàng. Quản thán đe u khuyên Chu Thiêm Cơ trùng trọng Chu Cao Húc theo pháp luật nhưng Chu Thiêm Cơ niệm tình ông ta là Phiên Vương nên miễn tội ché t phế làm thú dân và giam lỏng tại thành Tiêu Dao. Vài năm sau có người viết sớ xin miễn tội cho Chu Cao Húc nhưng bị Chu Thiêm Cơ bác bỏ, điều đó càng làm tăng thêm nỗi oán hận của Chu Cao Húc.

Một hôm Chu Thiêm Cơ đích thân đê n thăm ông ta Chu Cao Húc vẫn thản nhiên ngồi mà không đứng dậy làm lễ tiê p đón, Chu Thiêm Cơ trách mă ng ông ta vài câu sau đó quay người bỏ đi. Chu Cao Húc đột nhiên cám câu liêm móc chân Chu Thiêm Cơ khiê n ông ngã lăn ra đâ t. Chu Thiêm Cơ nhâ t thời tức giận, sai binh sĩ mang một cái âu đô ng 300 cân chụp lên người Chu Cao Húc, Chu Cao Húc có súc khỏe phi thường cõng cả cái âu đó chạy, nhưng chạy được vài bước không có cách gì thoát thân. Chu Thiêm Cơ sai người đốt cháy ông ta trong cái âu đô ng đó.

Đê n 30 tuổi mà Chu Thiêm Cơ vẫn chưa có con với hoàng hậu. Tôn Quý Phi (người được ông sủng ái) rá t có mưu kẽ , bà ta đã từng nói dối là mang thai. Đê n ngày sinh nở bà ta cướp đoạt con trai của một cung nữ, trả vờ là con đẻ của mình. Chu Thiêm Cơ rá t vui mừng, 4 tháng sau phong đúra trẻ đó làm hoàng thái tử (về sau đúra trẻ đó trở thành hoàng đế Anh Tông). Được ít lâu, ông phê truất hoàng hậu và lập Tôn Quý Phi làm hoàng hậu.

Tháng 1 năm 1435 Chu Thiêm Cơ đột nhiên bị ô m. Ngày Quý Dậu, bệnh tình của ông chuyển ra nguy kịch, ông sai thảo chiê u thư và cho thái tử kế vị ngôi báu, mọi việc quô c gia đại sự phải thông qua thái hậu xem xét rõ i mới quyết định. Ngày Ất Hợi ông mất tại cung Càn Đức thành Bă c Kinh.

Sau khi Chu Thiêm Cơ chết, đã lâ y thụy hiệu là Hiê u Chương hoàng đế và hiệu miê u là Tuyên Tông, trong sử gọi ông là Tuyên Đức Đế .

ANH TÔNG (CHU KỲ TRÂ N) (MINH)

Anh Tông, ông ta tên là Chu Kỳ Trâ n (1427 - 1464). Ông là con trưởng của Tuyên Tông Chu Thiêm Cơ. Ông kế vị khi Tuyên Tông chết. Ông hai lâ n đăng cơ, tổng cộng 22 năm, ô m chết. Hướng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Dương Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phô Bă c Kinh).

Theo truyền thuyết Chu Kỳ Trân là con trai của cung nữ, được Tuyên Tông lập làm hoàng thái tử. Tháng 1 năm 1453 Tuyên Tông chết, ngày Nhâm Ngọ cùng tháng Chu Kỳ Trân lên kế vị và đổi niên hiệu là "Chính Thống".

9 tuổi, Kì Trân đã lên ngôi hoàng đế, mọi việc trong triều do "Tam Dương", Trương Phụ và Hồ Doanh phụ giúp, tình hình quốc gia tương đối ổn định kinh tế xã hội cũng phát triển. Nhưng Chu Kỳ Trân còn ham chơi, rất sùng ái tin dùng thái giám Vương Trân. Sau khi hoàng thái hậu và Tam Dương chết, Vương Trân bắt đầu lộng hành, giam hãm các đại thần, triều chính bắt đầu rối loạn, đặc biệt bị thôn tính, khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi. Năm 1449 bộ tộc Ngõa Lạt (TRIỀU BẮC NGUYÊN) xâm nhập vào vùng biên cương, Vương Trân xúi bậy Chu Kỳ Trân thân chinh trận mạc. Vương Trân không am hiểu quân sự, vậy mà dám thô lỗ lĩnh 50 vạn đại quân, anh ta chỉ huy trận mạc vô cùng hỗn loạn, khiêng quân chết trận nhiều vô kể. Tháng 7 quân Minh bị thua trận ở Thổ Mộc (nay thuộc huyện Hoàn Lai tỉnh Hà Bắc). Chu Kỳ Trân bị bao vây, tướng sĩ ra sức chiến đấu nhưng đành bất lực không phá vỡ nổi vòng vây, tướng quân hộ vệ Phàn Trọng uất hận trách mắng Vương Trân: "Hoàng thượng gặp phải nguy nan này, tướng sĩ thương vong, dân gặp tai họa... tất cả đều do một mình Vương Trân gây ra, hôm nay ta thay mặt dân chúng trừ bỏ tên nghịch tặc này!" Nói xong, anh ta lấy chùy ném chết Vương Trân. Sau đó, anh ta mời Chu Kỳ Trân lên ngựa, Phàn Trọng đích thân chỉ huy quân kị binh mở đường máu rút lui. Quan Ngõa Lạt bao vây dày đặc, vô phương đột phá, Phàn Trọng tử trận, Chu Kỳ Trân bị bắt làm tù binh. Đây chính là "cuộc biến Thổ Mộc" trong lịch sử. Thành Vương Chi Kì Ngọc phụng mệnh Chu Kỳ Trân trấn giữ tại Bắc Kinh, nghe tin Chu Kỳ Trân bị bắt giữ nên anh ta tự lập và gọi là Đại Tông. Năm 1450 Chu Kỳ Trân được quân Ngõa Lạt phóng thích, Chu Kì Ngọc tôn Chu Kỳ Trân làm thái thượng hoàng và để ông sống nhàn cư ở Nam cung.

Tháng 1 năm 1457, Chu Kì Ngọc ngã bệnh. Đại tướng Thạch Thuần, đại thần Từ Hữu Trinh và hoạn quan Tào Cát Tường... thừa cơ phát động binh biến, trong một ngày đêm bọn họ dẫn tay chân xông vào Nam cung và đưa Chu Kỳ Trân đến điện Phụng Thiên, gõ

chiêng trống, triệu gọi bá quan văn võ, tuyên bố́ phục vị và đổi niên hiệu là "Thiên Thuận". Trong lịch sử gọi là: "cuộc biến ở Đoạt Môn" hay còn gọi là: cuộc biến ở Nam Cung".

Chu Kỳ Trấn sau khi phục vị đã ghép tội chết cho công thấn Vu Khiêm và đại học sĩ Vương Văn... lập cho Vương Trấn một nhà thờ "Tinh Trọng" (nhà thờ trung hiếu), cúng tế anh ta, Chu Kỳ Trấn còn trọng dụng Thạch Thuấn, Tào Cát Tường... dẫn tới cảnh Thạch Thuấn ngang ngược hung bạo, Tào Cát Tường mưu phản, tạo thành nội chiến.

Tháng 1 năm 1464 Chu Kỳ Trấn mắc bệnh, ngày Canh Ngọ bệnh tình chuyển ra nguy kịch. Ông hạ chiếu lập thái tử lên kế́ vị cấm chỉ tuần táng các phi tử. Triếu Minh đã cấm chỉ một phong tục hủ lâu là việc tuần táng sống theo người chết. Cũng ngày hôm đó Chu Kỳ Trấn mắt tại điện Văn Hoa cung đô Bắc Kinh.

Hiệu miếu của Chu Kỳ Trấn là Anh Tông.

ĐẠI TÔNG (CHU KÌ NGỌC) (TRIỀ́U MINH)

Đại Tông, ông ta tên là Chu Kì Ngọc (1428 - 1457), ông là con trai của Tuyên Tông Chu Thiêm Cơ và là em trai của Anh Tông Chu Kỳ Trấn. Chu Kì Ngọc kế́ vị khi Chu Kỳ Trấn bị quân Ngõa Lạt bắt giữ. Ông trị vì 8 năm, bị bệnh nên Anh Tông đã phục vị, nên ông bị phế́ truất giam lỏng, rối uất hận mà chết. Huống thọ 30 tuổi. Mai táng ở Kim Sơn Khâu - Khu mộ của các chư vương của triếu Minh.

*

Thời Anh Tông trị vì đã phong Chu Kì Ngọc làm Thành Vương. Sau "cuộc chiến ở Thổ Mộc", Anh Tông bị quân Ngõa Lạt bắt làm tù binh, Chu Kì Ngọc phụng mệnh của hoàng thái hậu làm giám quốc. Đối mặt với cục diện quân Ngõa Lạt đé dọa kinh thành do đó Chu Kì Ngọc thăng chức cho binh bộ thị lang Vu Liêm làm binh bộ thượng thư và sai anh ta bảo vệ Kinh Thành. Ngày Quý Mùi tháng 9 ông tôn Anh Tông làm thái thượng hoàng. Được ít lâu Vu Liêm đánh bại quân

Ngõa Lạt ở ngoại thành, duy trì và bảo vệ được sự thô[’] ng trị của vương tri[’] ệu Minh. Sau khi Chu Kì Ngọc lên ngôi cho đổi niên hiệu là "Cảnh Thái".

Tháng 1 năm 1457 Chu Kì Ngọc ô[’] m, đột nhiên nghe tiê[’] ng trô[’] ng gõ liên hô[’] i trong cung điện, ông cho ră[’] ng Vu Liêm có việc quân khẩn cᾶ p cᾶ n tâ[’] u báo, vội sai thái giám đi hỏi han tình hình. Kê[’] t quả là việc Anh Tông phục vị, nghe tin đó Chu Kì Ngọc tức giận quá đổi liê[’] n hét "Được! Được! Được!". Nói xong 3 chữ đó, ông bị câ[’] m khẩu. Hôm sau bị giáng xuô[’] ng làm Thành Vương, bị giam lỏng ở Tây Nội. Ngày Quý Sửu do quá tức giận nên ông mấ[’] t tại cung Vĩnh An. Trước đây ông xây sẵn lăng một cho mình và đặt là Thọ Lăng nhưng khi bị phê[’] truâ[’] t, Anh Tông đã sai phá bỏ lăng mộ.

Sau khi Chu Kì Ngọc chê[’] t, mãi đê[’] n năm 1475 ông mới được khôi phục danh hiệu đê[’], lâ[’] y thụy hiệu là Cảnh Đê[’] và hiệu miê[’] u là Đại Tông.

HIÊ[’] N TÔNG (CHU KIÊ[’] N THÂM) (MINH)

Hiê[’] n Tông, hô[’]i đâ[’] u ông có tên là Chu Kiê[’]n Tuâ[’]n, vê[’] sau đổi tên là Chu Kiê[’]n Thâm (1447 - 1487). Ông là con trưởng của Anh Tông Chu Kỳ Trâ[’]n. Chu Kiê[’]n Thâm kế[’] vị khi Anh Tông chê[’] t. Ông trị vì 23 năm, ông chê[’] t do quá buô[’]n râ[’] u vê[’] cái chê[’] t của ái phi. Ông hưởng thọ 41 tuổi. Mai táng ở Mậu Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phô[’] Bă[’]c Kinh).

*

Năm 1449 Anh Tông đi chinh phạt ở phương Bă[’]c, Chu Kiê[’]n Thâm phụng mệnh của hoàng thái hậu nhận ngôi vị hoàng thái tử. Thời Đại Tông trị vì, Chu Kiê[’]n Thâm bị phê[’] làm Nghi Vương. Khi Anh Tông phục vị, Chu Kiê[’]n Thâm lại được phục lập làm hoàng thái tử. Ngày Canh Ngọ tháng 1 năm 1464 Anh Tông chê[’] t, ngày Ấ[’]t Hợi cùng tháng Chu Kiê[’]n Thâm lên kế[’] vị và cho đổi niên hiệu là "Thành Hóa".

Sau khi lên ngôi hoàng đế, ông làm sáng tỏ vụ án oan của Vu Liêm và khôi phục lại quan chức cho con trai của Vu Liêm và khôi phục danh hiệu đế và trùng tu lăng tẩm cho Đại Đế Tông, điều chỉnh mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ giai cấp thô ng trị. Nhưng ông lại sủng ái Vạn Quý Phi, trọng dụng hoạn quan Uông Trực, ông cho xây dựng Lâu các, dung túng cho quan lại hoành hành khiê n dân chúng cực khổ, do đó nổ ra nhiê u cuộc khởi nghĩa.

Thời Chu Kiê n Thâm làm hoàng tử, mẫu hậu sai một cung nữ họ Vạn đê n phục dịch ông. Khi ông 18 tuổi được lập làm hoàng đế, cung nữ Vạn đã 35 tuổi, cô ta khéo léo quý quyết nên trở thành phi tử của ông, dâ n dà cô ta xúi bẩy ông phê truâ t Ngô hoàng hậu. Năm sau, Vạn Phi sinh được một đứa con trai nên cô ta được tâ n phong làm quý phi, được một thời gian, đứa nhỏ chê t yếu, từ đó cô ta cũng không sinh đẻ được. Từ đó, phàm là phi tâ n hay cung nữ mang thai. Vạn Phi tìm trăm phương nghìn kế khiê n bọn họ bị sẩy thai, thậm chí cô ta còn giê t hại họ. Vì thế, đê n tuổi trung niên Chu Kiê n Thâm vẫn chưa có con. Một hôm, trong lúc ngô i chải đâ u ông thở dài nói: "Trẫm đã già rô i, vậy mà vẫn chưa có con nô i dõi". Viên thái giám chải đâ u là Trương Mẫn nghe được vội quỳ xuô ng đâ t nói: "Bệ hạ đã có con rô i ạ!". Chu Kiê n Thâm vô cùng kinh ngạc vội hỏi rõ ngọn ngành, Trương Mẫn mới nói ra chân tướng sự việc. Hóa ra, mây năm trước quân Minh đi chinh phạt ở Quảng Tây và có bắt được con gái của Kỉ Thô Từ, và dẫn cô ta về cung giao cho việc trông nom thư viện. Chu Kiê n Thâm ngự giá tới đó, ông thâ y cô ta dung mạo đoan trang tư châ t thông minh, vì vậy ông ở lại đó một đêm. Sau chuyện này cô gái mang thai, không ngờ Vạn Quý Phi biê t chuyện nên sai một cung nữ tới ép Kỉ cung nữ phá thai, cung nữ đó thông cảm với hoàn cảnh của Kỉ cung nữ, vê nói dô i là bị u. Vạn Quý Nhân vẫn không yên tâm nên đã nhô t Kỉ cung nữ trong lanh cung "an lạc đường". Kỉ cung nữ sinh hạ một hoàng tử trong lanh cung (đứa trẻ này vê sau là Minh Hiê u Tông). Nhưng chuyện này đã bị Vạn Quý Phi phát hiện, bà ta ra lệnh cho Trương Mẫn giê t hại đứa trẻ đó, Trương Mẫn không nhẫn tâm nên giúp Kỉ cung nữ nuôi dưỡng đứa trẻ. Ngô hoàng hậu cũng giúp đỡ nuôi và bảo vệ nó. Vạn Quý Phi nhiê u lâ n điê u tra nhưng đê u vô hiệu. Hiện nay hoàng tử đã 6 tuổi. Nghe xong, Chu Kiê n Thâm vui mừng khôn xiê t, lập tức

ra lệnh đi đón hoàng tử. Hoàng tử mặc áo hô`ng bào do sô`ng trong cung câ`m lâu ngày, nên tóc dài sát đâ`t, thâ`y Chu Kiê`n Thâm đê`n, cậu bé giơ tay chạy đê`n. Ông ôm cậu vào lòng ngă`m nghĩa râ`t lâu, quả thật thâ`y đứa trẻ râ`t giô`ng mình, do đó phong cậu bé làm thái tử và phong Kỉ cung nữ làm Thục Phi. Được ít lâu, Thục Phi và và Trương Mẫn bị bạo bệnh mà chê`t. Thái hậu đích thân nuôi dưỡng thái tử bởi bà lo Vạn Quý Phi sẽ hạ độc thái tử. Nhờ vậy thái tử được sô`ng an toàn ở trong cung trong sự đùm bọc và che chở của thái hậu.

Tháng 8 năm 1487 Chu Kiê`n Thâm bị bệnh nặng và sai thái tử xử lí việc nước. Ngày Kỉ Mão, Chu Kiê`n Thâm băng hà.

Sau khi ông mâ`t đặt hiệu miê`u là Hiê`n Tông.

HIÊ`U TÔNG (CHU HỰU ĐƯỜNG) (MINH)

Hiê`u Tông, ông ta tên là Chu Hựu Đường (1470 - 1505). Ông là con trai thứ 3 của Hiê`n Tông Chu Kiê`n Thâm. Ông kế` vị khi Hiê`n Tông chê`t. Ông trị vì 18 năm thì ô`m chê`t. Hưởng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Thái Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố` Bă`c Kinh).

*

Năm 1475 Chu Hựu Đường được lập làm hoàng thái tử. Tháng 8 năm 1487 Hiê`n Tông ô`m chê`t. Ngày Nhâm Dâ`n tháng 9 Chu Hựu Đường lên kế` vị, ông đổi niên hiệu là "Hoă`ng Tri".

Sau khi lên ngôi hoàng đê`, ông đuổi hê`t lũ thái giám và ngoại thích thời Hiê`n Tông, sô`ng người bị đưa đi đày lên tới hàng nghìn. Ông trọng dùng những hiê`n thâ`n như: Từ Phó, Lưu Kiện, Tạ Khiên, Lí Đông Dương... và xây nhà thờ để thờ cúng các công thâ`n, câ`m chỉ các quan lại và tông thâ`t nhận đô` biê`u xén, giám bót cô`ng phẩm, đình chỉ lao dịch và sai trị thủy ở sông Tê` Thủy. Thời kì này triê`u Đinh ổn định xã hội thanh bình.

Cũng có thời kì Chu Hựu Đường sủng ái hoạn quan Lí Quảng và ông râ`t mê tín thâ`n tiên. Lí Quảng sợ tội nên đã tự sát, Chu Hựu

Đường cho ră`ng trong nhà Lí Quảng có sách trời nên sai người đê`n tìm kiê`m, ngược lại sách trời không thâ`y mà chỉ thâ`y một quyển sách liệt kê những đồ` vật tham ô đút lót. Lúc này Chu Hựu Đường tinh ngộ, ông loại bỏ bọn nịnh thâ`n và trọng dụng hiê`n thâ`n.

Tháng 4 năm 1505 Chu Hựu Đường bị ô`m. Tháng 5 bệnh chuyển ra nguy kịch. Ông triệu tập Lưu Kiện, Lí Đông Dương và Tạ Thiên... vào cung Càn Thanh để bọn họ tiê`p nhận di lệnh, sai truyê`n ngôi cho thái tử Chu Quách Chiêu, ông dặn dọ các khanh tướng: "Thái tử râ`t thông minh, nhưng tuổi còn nhỏ. Lại ham vui chơi các khanh hãy hê`t lòng phụ giúp thái tử, để thái tử nhìn nhận ra trọng trách lớn lao trầm chê`t cũng an lòng".

Ngày hôm sau, ông gọi thái tử vào dặn dò phải trọng các hiê`n thâ`n. Ngày Tân Mão, Chu Hựu Đường băng hà.

Sau khi ông mả`t lâ`y hiệu miê`u là Hiê`u Tông.

VŨ TÔNG (CHÍNH ĐỨC HOÀNG ĐÊ` - CHU HẬU CHIÊ`U) (MINH)

Vũ Tông, ông ta tên là Chu Hậu Chiê`u (1491 - 1521). Ông là con trưởng của Hiê`u Tông Chu Hựu Đường. Ông kế` vị khi Hiê`u Tông chê`t. Ông trị vì 16 năm, ông chê`t do hoang dâm quá độ. Hưởng thọ 30 tuổi. Mai táng ở Khang Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phô` Bă`c Kinh).

*

Năm 1492 Chu Hậu Chiê`u được lập làm hoàng thái tử. Tháng 5 năm 1505 Hiê`u Tông chê`t, ngày Nhâm Dâ`n cùng tháng Chu Hậu Chiê`u lên kế` vị và cho đổi niên hiệu là "Chính Đức".

Trong thời gian trị vì, ông trọng dụng ví dụ như hoạn quan Lưu Cẩm, ông cho phép bọn họ chỉ định các chức vị quan lại, bọn họ vô cùng lộng hành ngang ngược. Chu Hậu Chiê`u còn tin dùng nịnh thâ`n: Tiê`n Tự, Giang Bân... Ông ta còn có đê`n 100 người con nuôi, bọn họ đê`u lâ`y họ Chu, dung túng bọn họ cướp đoạt ruộng đâ`t xây dựng khu trang trại hơn 300 km, điê`u đó dẫn đê`n việc nổ ra các

cuộc khởi nghĩa nông dân của Lưu Lục và Lưu Thủ... Còn có cuộc phản loạn của An Hóa Vương Chu Trị Phiên ở Ninh Hạ, và Ninh Vương Chu Thành Hòa cũng làm phản ở Giang Tây. Một số điều này hình thành nguy cơ nguy hiểm đối với sự thống trị của triều Minh.

Chu Hậu Chiêu rất nổi danh trong thiên hạ bởi sự hoang dâm và sự hoang đường của chính bản thân ông ta. Ông không thỏa lòng với việc hoàng cung có vạn nhà vạn hộ, ông còn xây một khu cung điện riêng biệt ở cửa Tây Hoa và bí mật xây cả 1 gian 2 chái (gọi là: Báo Phòng), trong phòng đó có giáu gái đẹp, ngày đêm hưởng lạc. Tháng 1 năm 1514, cung Càn Thanh bị cháy. Lúc đó ông ta đang ở "Báo Phòng" quay về thấy đèn đuôi sáng trung trời, ông ta không hề đau khổ mà còn ngửa mặt lên trời than: "Đúng là một căn nhà chứa đầy biển lửa". Ông còn thích cải trang làm thường dân và cùng Giang Bân đi tìm hoa ghẹo nguyệt. Thường xuyên lẻn vào nhà dân chúng cưỡng ép phụ nữ, gấp được ý trung nhân thì lôi về cung, khién nhân dân vô cùng oán hận. Tri phủ Vĩnh Bình là Mao Tư Nghĩa vì nỗi khổ của dân chúng mà dâng biểu can gián: "Từ nay về sau không có quan phủ văn thư nào, ai dám xung hoang thượng đế làm bậy, mượn có mưu hại bà con trăm họ, tội ác đó không thể dung tha". Tờ sớ đó khiến Chu Hậu Chiêu phẫn nộ, bắt giam Mao Tư Nghĩa.

Một lần Vũ Tông lẫy danh là tổng đốc quân vũ uy kiêm đại tướng quân tổng binh quản Chu Thọ để đền Tuyên Phủ Đại Đôeng. Tuan Tra tình hình biên giới, vừa hay tiểu vương tử quân Thát Đát mang 5 vạn đại quân tiến xuống xâm lấn miền Nam. Vũ Tuyên Hóa tâm huyết trào dâng, đích thân dẫn quân đền Úng Châu để nghênh chiến. Lúc đó tiểu vương tử đã lui binh. Vũ Tuyên Hóa vẫn đốc thúc binh lính đuổi theo nên gặp đội quân tiếp viện của tiểu vương tử, tuy Vũ Tuyên Hóa giết được 16 binh lính Thát Đát nhưng ngược lại binh lính của ông ta chết và bị thương tới hàng trăm. Ngược lại ông cho rằng mình đã thua trận, khua chiêng gõ trống, ca khúc khải hoàn quay về kinh, mặt mày vênh vao nói với trăm quan. Các khanh có biết chuyện trăm đánh được kẻ địch. Vũ Tông sai sứ bộ tần phong Chu Thọ làm thái sư, và ra lệnh cho bộ lễ phải Chu Thọ đền Kinh Giao và Sơn Đông tuân tra. Quando thay ông ta càn quét như vậy làm mất thế thống do đó hơn 100

người cùng kí tên dâng biểu can gián Vũ Tông tức giận họ lệnh cho binh lính chiế u theo tên tả trên giấ́ y mà bắ t giữ bọn họ: người thì bị giế t, người thì giáng quan, người thì bãi quan, người thì giam hầm.

Năm 1519 Ninh Vương Chu Trấ n Hào khởi binh làm phản ở Nam Xương. Vũ Tông thân chinh đi đánh dẹp, tiế n xuố ng Nam Kinh. Trên đường đi ông bức hại dân chúng, tùy tiện vui chơi. Một lấ n, ông ta lấ y thuyế n chài ra sông bắ t cá chǎng may ngã xuố ng hố , suýt chế t. Thuộc hạ lôi ông ta lên hố p hố i lâu mới tỉnh lại, từ đó ông ta ngã bệnh. Nhưng ông không rút kinh nghiệm cho bản thân mình vẫn vui chơi hưởng lạc hoang dâm, sức khỏe ngày một suy sụp. Tháng 12 năm 1520 ông quay về` triê` u, để chúc mừng cho việc dẹp yên phản loạn Chu Trấ n Hào nên ngày Đinh Dậu tháng 12 ông ra ngoại thành làm chủ trì buổi lễ cúng tế` trời đấ t. Ông vừa quỳ xuố ng lề bái đột nhiên hoa mắ t chóng mà, nôn ra một đầm máu tươi, từ đó nă` m liệt giường không dậy.

Tháng 3 năm 1521 ông nói với thái giám Trâ` n Kính và Tô Tiế n: "Từ nay vê` sau việc quố c sự do thái hậu và các đại thâ` n bàn bạc giải quyế t. Mọi việc trước đây đê` u do lỗi lâ` m của trẫm gây ra, các khanh không có liên quan. Từ giờ trở đi các khanh câ` n cù chăm chỉ khiêm tố n, không được ngông cuô` ng". Ngày Bính Dâ` n, bệnh tình chuyển ra nguy kịch, ông chỉ biế t khóc và nhìn thái hậu không nói nên lời, và mấ t tại Báo Phòng.

Sau khi ông chế t, lấ y hiệu miế u là Vũ Tông và thụy hiệu là Chính Đức hoàng đê` .

THẾ TÔNG (GIA TĨNH HOÀNG ĐÊ` - CHU HẬU THÔNG) (MINH)

Thế Tông, ông ta tên là Chu Hậu Thông (1507 - 1566). Ông là cháu của Hiế n Tông Chu Kiế n Thâm và là em họ của Vũ Tông Chu Hậu Chiế u. Vũ Tông chế t, không có con nên Chu Hậu Thông lên kế` vị. Ông trị vì 45 năm, chế t do dùng kim thạch. Hưởng thọ 60 tuổi. Mai táng ở Vĩnh Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phô` Bắ c Kinh).

*

Chu Hậu Thông là con trưởng của Hưng Hiến Vương Chu Hựu Nguyên. Tháng 3 năm 1521 Vũ Tông chết, do Vũ Tông không có con nên để lại di chiếu cho thái hậu và các đại thấn nghị luận chính sự, sau khi bàn bạc thái hậu đón Chu Hậu Thông vào cung lập làm hoàng đế́. Lễ đăng cơ tổ chức vào ngày Quý Mão và đổi niên hiệu là "Gia Tĩnh".

Thời gian đấu mới lên ngôi, ông hạ chiếu phế bỏ nến chính trị hà khắc của Vũ Tông và mưu sát bọn nịnh thấn: Tiên Hình, Giang Bân... khiến triếu chính bước sang một thời kỳ mới. Được ít lâu, Chu Hậu Thông định lập cha đẻ làm hoàng khảo, nhiếu đại thấn ra sức can gián và khuyên nên lập Hiếu Tông làm hoàng khảo. Ông ta phẫn nộ bắt giữ giam cấm hoặc giết hại những đại thấn đó, dẫn tới việc các đại thấn chính trực trung hiếu đếu li tan hết, còn lũ nịnh thấn thừa cơ nhảy vào nắm giữ triếu chính, triếu Đình lại rơi vào cục diện đen tő́i. Sự kiện này trong lịch sử gọi là "cuộc chiến tranh đại lễ́ nghĩa".

Chu Hậu Thông lại sùng bái thuật thấn tiên đạo lão muốn tìm sự trường sinh bất lão. Trong cuộc đời hoàng đế của mình tính ra có khoảng 20 năm không thiết triếu, sùng bái quyến lực là 17 năm buông lỏng kỉ cương, tài chính túng thiếu, nạn trộm cướp nhanh nhản, khởi nghĩa nông dân nổ ra liên tiếp, nguy cơ xã hội trấm trọng. Ông nghe lời nói nhảm của phuơng sĩ. Ông hạ lệnh tuyển 300 đồng tì nữ tuổi 14, 160 đồng nữ tuổi 10 vào cung để làm vật thí nghiệm. Không biết những đồng nữ này dùng đòn thuốc gì mà bị các cung nữ ghét cay ghét đắng. Ngày 21 tháng 12 năm 1542 cung nữ Dương Kim Anh dẫn đấu mười mây cung nữ mò vào tắm cung thừa cơ Chu Hậu Thông đang ngủ say dây lụa buộc vào cổ ông ta, đang chuẩn bị kết liễu đòn ông ta, chẳng may bị tì nữ phát giác chạy báo cho hoàng hậu, hoàng hậu dẫn thị tùng đến gọi thái y cứu chữa, nhờ vậy ông ta mới thoát chết.

Thời đó tri huyện Thuấn An là Hải Thụy được thăng chức làm chủ sự bộ hộ. Anh ta thấy Chu Hậu Thông dùng thuốc như vậy không khác gì tự đào hố́ chôn mình, do đó anh ta từ biệt vợ con, liếu chết

can gián Chu Hậu Thông. Chu Hậu Thông quá mê muội không chịu tĩnh ngộ, giam hãm Hai Thụy vào ngục.

Mùa đông năm 1565 Chu Hậu Thông bị bệnh do dùng đan thạch quá lâu. Tháng 1 năm 1666 bệnh tuy nguy kịch, vậy mà ông vẫn muôn dùng thuốc trường sinh bát lão bát châp lời can gián của tể tướng. Ngày Canh Tí tháng 12, ông ta băng hà. Để lại di chiêu u lập con trai thứ 3 là Dục Vương lên kế vị.

Sau khi Chu Hậu Thông chết lây hiệu miếu là Thê Tông, trong sử gọi ông là Gia Tĩnh hoàng đế.

MỤC TÔNG (CHU TÁI HẬU) (MINH)

Mục Tông, ông ta tên là Chu Tái Hậu (1537 - 1572). Ông là con trai thứ 3 Thê Tông Chu Hậu Thông, Chu Tái Hậu kế vị khi Thê Tông chết. Ông trị vì 6 năm, ôm chết. Hướng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Chiêu Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Năm 1539 Chu Tái Hậu được phong làm Dục Vương. Tháng 12 năm 1566 Thê Tông chết. Ngày Nhâm Tí tháng 12 Chu Tái Hậu lên kế vị ông đổi niên hiệu là "Long Khánh".

Sau khi lên ngôi hoàng đế, ông trừng phạt phuơng sĩ, hủy bỏ những chính sách hà khắc, thu nạp những kiênn nghị của các đại học sĩ trong nội các như: Cao Cung, Trương Cư Chính... đàm phán hòa bình với tộc Mông Cổ, phong Kha Hãn tộc Mông Cổ làm Thuận Nghĩa Vương, mở một chợ buôn bán ngựa ở vùng biên giới, tăng cường mồi đoàn kết giữa 2 tộc Hán - Mông.

Tháng 3 năm 1572, Chu Tái Hậu bị ôm. Ông nghỉ ngơi hai tháng sau đó lại thiết triều giải quyết việc quốc gia đại sự, do đó lại bị hoa mắt chóng mặt, thị vệ phải dìu ông về cung. Ông bịt bệnh tình của mình khó lòng chữa trị, ngày Canh Tuất tháng 5 ông gọi Cao Cung và Trương Cư Chính vào cung. Đến nửa đêm bệnh tình

phát ra nguy kịch, ông dặn Cao Cung, Trương Cư Chính và Cao Nghị phụ giúp thái tử quản lí triều đình.

Sau khi ông chết lâ'y thụy hiệu là Trang Tông và hiệu miếu là Mục Tông.

THÂN TÔNG (VẠN LỊCH HOÀNG ĐẾ - CHU DỊ QUÂN) (MINH)

Thân Tông, ông ta tên là Chu Dị Quân (1563 - 1620). Ông là con trai thứ 3 của Mục Tông Chu Tái Hậu. Ông kế vị khi Mục Tông chết. Châu Dị Quân trị vì 48 năm, ôm chết. Hưởng thọ 58 tuổi. Mai táng ở Định Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Từ nhỏ Châu Dị Quân đã thông minh nhanh nhẹn. Lên 6 tuổi, ông thâ'y Mục Tông cưỡi ngựa bắn tên, liền chạy lên phía trước nói: "Phụ vương là chủ thiên hạ, đơn thương độc mã, ngựa phi như gió, nêu như lợp qua quýt, như vậy thật không được". Mục Tông vui mừng, xuôi ngựa và sai lập Châu Dị Quân làm thái tử. Tháng 3 năm 1572 Mục Tông chết. Ngày Giáp Tí tháng 6 Châu Dị Quân lên kế vị và đổi niên hiệu là "Vạn Lịch".

10 tuổi, ông đã lên ngôi hoàng đế, mọi việc trong triều do 3 đại thần Cao Cung, Trương Cư Chính, Cao Nghị phụ giúp. Được ít lâu dài thán Trương Cư Chính lên châp chính, đo đạc ruộng đất trong cả nước, chỉnh đổi lại trị - trị thủy sông Hoàng Hà, điều hòa nguy cơ của giai cấp thô ng trị.

Đến tuổi trưởng thành, Châu Dị Quân lên nắm chính sự, không thường xuyên thiết triều, xây dựng các công trình thủy lợi, xây dựng cung điện vườn thượng uyển. Trương Cư Chính vừa chết, Châu Dị Quân đã sai phế bỏ cải cách, triều chính lại rơi vào cục diện hỗn độn. Ông ta lại hám tiề'n của luôn bị tiề'n vàng làm lóa mắt, ngang nhiên bắt ép hoạn quan đóng thuế, khép nơi lâm than. Các bè phái trong tập đoàn thô ng trị tranh nhau quyết lực.

Tháng 7 năm 1620, Châu Dị Quân bị ôm, hơn nửa tháng không ăn được gì. Một hôm, ông sai gọi Anh Quốc Công Trương Duy Hiển, dặn dò quan thái nửn dùng tâm dùng đức phụ giúp thái tử. Ngày Bính Thân tháng 9 ông bắn hà. Ông đế lại di chiêu nói: dùng vàng bạc thưởng cho tướng sĩ ở biên giới, bãi bỏ thuế cho thái giám.

Sau khi ông chết lây hiệu miếu là Thành Tông và thụy hiệu là Vạn Lịch hoàng đế.

QUANG TÔNG (CHU THƯỜNG LẠC) (MINH)

Quang Tông, ông ta tên là Chu Thường Lạc (1585 - 1620). Ông là con trưởng của Thành Tông Châu Dị Quân. Chu Thường Lạc kế vị khi Thành Tông chết. Ông trị vì được 1 tháng, chết do hoang dâm vô độ. Hướng thọ 36 tuổi. Mai táng ở Khánh Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phố Bắc Kinh).

*

Mẹ của Chu Thường Lạc là cung nữ Vương thị, nhờ sinh được con trai nên bà ta được phong làm Cung phi. Về sau Thành Tông sủng ái quý phi Trịnh và sinh được một người con tên là Thường Tuân Các triều thái hậu nhanh lanh xin Thành Tông lập một trong hai người con đó làm thái tử, vì thế giữa hai bà mẹ xảy ra cuộc đấu tranh quyết liệt kéo dài hơn 10 năm, mãi đến năm 1600 mới lập Thường Lạc làm thái tử. Sự kiện này trong lịch sử gọi là "Tranh Quốc Bản".

Năm 1615 Nam Tử Trương Biệt đột nhập vào cung Từ Khánh - nơi ở của thái tử và đánh bị thương thái giám canh cửa. Sau khi bị bắt, Trương Biệt trả vò bị điên, về sau anh ta một mực cung khai là làm theo lời dẫn dụ của hai thái giám của Trịnh Quý Phi là Sủng Bảo và Lưu Thành. Mọi người đều tin rằng Trịnh Quý Phi muốn mưu hại thái tử, triều đình rối loạn. Thành Tông và thái tử không muốn truy cứu sự việc, chỉ cho rằng Trương Biệt bị bệnh điên nên Sủng Bảo và Lưu Thành không bị giết. Tháng 8 năm 1620 Thành Tông chết, ngày Bính Ngọ, Thường Lạc lên kế vị và cho đổi niên hiệu là "Thái Xương".

Sau khi lên ngôi hoàng đế[‘], ông ta ăn chơi trác táng, chưa được một tháng thì ngã bệnh. Ngụy y cho Thường Lạc dùng thuốc tẩy trong một ngày một đêm, ông ta đi ngoài 43 lâⁿ, vì thế[‘] ông ta không dám dùng thuốc. Tháng 9 Lí Khả Hòa đưa Thường Lạc một viên Hô^{ng} Hoàn, quả nhiên thấy khí huyê[‘]t lưu thông bệnh tình tạm thời qua khỏi. Thường Lạc lại dùng một viên nữa, sáng hôm sau đã thâ[‘]y ông ta tă[‘]t thở. Có người nói Trịnh Quý Phi xin Thường Lạc phong cho làm hoàng thái hậu bút không được phê chuẩn, do vậy bà ta sai Lí Khả Hòa hạ độc. Trong sử gọi là vụ án Hô^{ng} Hoàn.

Hiệu miê[‘]u của ông là Quang Tông.

HI TÔNG (CHU DO HIỆU) (MINH)

Hi Tông, ông ta tên là Chu Do Hiệu (1605 - 1627). Ông là con trưởng của Quang Tông Chu Thường Lạc. Chu Do Hiệu kế[‘]vị khi Quang Tông chê[‘]t. Ông trị vì 7 năm, bị ô[‘]m do vui chơi quá độ, dùng thuốc tiên nên bị ô[‘]m chê[‘]t. Hưởng dương 23 tuổi. Mai táng ở Đức Lăng.

*

Tháng 9 năm 1620 Quang Tông chê[‘]t, Chu Do Hiệu lên kế[‘]vị. Lí Tuyền Thị (người chăm lo sức khỏe cho Chu Do Hiệu) là hoạn quan Ngụy Tiê[‘]n Trọng (về[‘]sau đổi tên là Ngụy Trung Hiê[‘]n) mới lợi dụng Chu Do Hiệu còn nhỏ tuổi chưa biê[‘]t gì nên bọn chúng thao túng triê[‘]u Đinh, hai người đó sô[‘]ng luôn ở cung Càn Thanh với hoàng đế[‘]. Triê[‘]u thâⁿ Dương Liễn và Tả Quang Đâ[‘]u không đô[‘]ng ý để Lí Tuyền Thị sô[‘]ng chung với Chu Do Hiệu, nên đuổi bà ta về[‘]cung Hủy Loan, ngày Canh Thìn tháng 9 Chu Do Hiệu lên kế[‘]vị và đổi niên hiệu là "Thiên Khải". Trong sử gọi sự kiện này là: "Di Cung Án". Sau khi Chu Do Hiệu lên ngôi hoàng đế[‘], nhữ[‘]mẫu Khách Thị và hoạn quan Ngụy Trung Hiê[‘]n nă[‘]m giữ triê[‘]u chính. Ông ta thích xây dựng các công trình thủy mộc thường ở trong cung làm mô hình. Ông đã từng làm mô hình cung Càn Thanh và mô hình điện Tựu Viên... thu nhỏ, trông râ[‘]t lung linh kì[‘]ảo và tinh xảo. Chính vì niê[‘]m say mê đó mà ông bỏ bê công việc quô[‘]c gia. Ngụy Trung Hiê[‘]n

thường lợi dụng sở thích của Chu Do Hiệu để thao túng triều chính, toàn đưa tâ` u chương vào những lúc Chu Do Hiệu đang say mê tạo dựng mô hình, những lúc đó Chu Do Hiệu lạ kêu "Trẫm biê` t rô` i, khanh xem tâ` u chương rô` i tự mình giải quyé` t là được". Ngay Trung Hiê` n thường phạt lung tung, đặt ra các hình phạt, khiê` n cho bọn hoạn quan càng được dịp chuyên quyé` n lộng hành. Phàm là những đại thâ` n chính trực, đê` u bị khép vào tội danh mưu phản, chính trị vô cùng đen tô` i. Lúc này, ở trong nước còn bùng nổ cuộc khởi nghĩa nông dân, ở biên cương bị quân triề` u Hậu Kim quâ` y nhiễu. Triề` u Kim rơi vào tình cảnh suy bại.

Chu Do Hiệu không bỏ lỡ những dịp vui chơi. Vào mùa hạ, ông ta vẫn nă` m trên giường, mô phỏng mơ màng cảnh Minh Thái Tổ đi tuâ` n trong đêm đông giá rét, có lúc lại đóng giả Tô` ng Thái Tổ lên sân khâ` u diễn kịch. Vì vui chơi quá độ, nên sinh bệnh, mặt mày nhợt nhạt, sức khỏe suy sụp. Năm 1627, ông đi du thuyền ở "Tây Uyên", chẳng may bị ngã xuô` ng nước. Lũ thuộc hạ vớt ông lên nhưng cũng từ đó bị ô` m, chữa trị mãi không khỏi bệnh. Thượng thư Hoă` c Duy Hoa dâng liê` n một loại "thuô` c tiên", anh ta nói uô` ng loại thuô` c này có thể phục hô` i sức khỏe, sô` ng lâu. Chu Do Hiệu uô` ng thuô` c đó vào, quả nhiên ăn uô` ng thâ` y ngon miệng, mỗi ngày ông dùng một viên. Vài tháng sau, ông mă` c bệnh đường ruột, cả ngày nă` m bệt trên giường, ông gọi em trai là Chu Do Kiếm vào dặn dọ mọi chuyện và ra lệnh cho anh ta lên kê` vị. Ông mă` t ngày Â` t Mão tháng 8.

Hiệu miê` u của Chu Do Hiệu là Hi Tông.

TU TÔNG (SÙNG TRINH HOÀNG ĐÊ` - CHU DO KIÊM) (MINH)

Tu Tông, ông ta tên là Chu Do Kiếm (1611 - 1644). Ông là con trai thứ 5 của Quang Tông Chu Thường Lạc và là em trai của Hi Tông Chu Do Hiệu. Chu Do Kiếm kế` vị khi Hi Tông chê` t. Ông trị vì 17 năm, ông tự sát chê` t khi quân khởi nghĩa Lí Tự Thành tâ` n công vào thành Bă` c Kinh. Hưởng thọ 34 tuổi. Mai táng ở Tư Lăng (nay thuộc Thập Tam Lăng thành phô` Bă` c Kinh).

*

Năm 1622 Chu Do Kiêm được phong làm Tín Vương. Tháng 8 năm 1627 Hi Tông chê t, do Hi Tông không có con nên Chu Do Kiêm được lên kế vị, lễ đăng cơ được cử hành vào ngày Đinh Tị, sau khi lên ngôi ông đổi niên hiệu là "Sùng Trinh".

Sau khi đăng cơ, ông sai giे́t Ngụy Trung Hiê`n và loại trừ vây cánh của Ngụy Trung Hiê`n, hăng hái lo toan việc trị nước yên dân. Ở biên cương, quân Hậu Kim liên tié`p quâ`y nhiều còn trong nước luôn bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của nông dân đám quâ`n thâ`n giành nhau quyê`n lực. Ông còn tăng thuế mà; tăng cường điê`u binh để trâ`n áp quân khởi nghĩa, trọng dụng hàng loạt hoạn quan do đó dẫn tới cảnh vương triê`u Minh đô`i diện với nguy cơ diệt vong.

Sáng ngày 19 tháng 3 năm 1644, quân khởi nghĩa của Lí Tự Thành tiê`n vào thành Bă`c Kinh. Nhận được tin báo, Chu Do Kiêm vội vàng cùng thái giám Vương Thùa An trèo lên núi Vạn Thọ Sơn (nay là núi Cảnh Sơn thành phô` Bă`c Kinh) xem xét tình hình bên ngoài. Tiê`p đó ông cuô`ng quýt quay về` cung Càn Thanh viê`t chiê`u thư, ra lệnh cho Thành Quô`c Chu Thuâ`n Cự thô`ng lĩnh chư quân và phụ giúp thái tử. Ông còn gọi hoàng hậu, quý phi và 3 người con trai vào cung, dặn dò các con vài câu, rô`i ai thái giám dẫn các con trô`n chạy. Ông khóc và nói với hoàng hậu "Khanh là quô`c mẫu câ`n phải chê`t vì quô`c gia". Hoàng hậu của khóc và đáp: "Thiê`p theo bệ hạ đã 18 năm, vậy mà bệ hạ không hê` nghe thiê`p khuyên giải, do đó mới dẫn đê`n kê`t cục ngày hôm nay. Bây giờ bệ hạ bảo thiê`p chê`t, thiê`p đâu dám trái lời!". Nói xong bà thă`t cổ tự vẫn. Chu Do Kiêm quay sang nói với quý phi: "Khanh hãy đi theo hoàng hậu đi". Quý phi khóc cáo biệt rô`i cũng tự vẫn. Chu Do Kiêm gọi con gái lớn (lúc đó công chúa mới 15 tuổi), ông khóc nói với con gái: "Con thật bâ`t hạnh khi sinh ra đã phải làm công chúa", nói xong ông lâ`y ô`ng tay trái gạt nước mă`t, tay phải dùng dao chặt đứt tay trái công chúa, tiê`p đó bỗ` vào vai phải cô ta, công chúa hôn mê rô`i chê`t. Ông còn chém chê`t nhiê`u phi tâ`n và sai thuộc hạ đi giục phi tử Trương tự vẫn. Cô ta hoài vọng về` phía hoàng đế` rô`i cũng treo cổ chê`t. Tiê`p đó ông că`n máu ở tay viê`t một bức huyê`t thư gửi cho Lí Tự Thành, nói rõ mình có kê`t cục như ngày hôm nay là do lỗi lâ`m của quâ`n thâ`n,

cô ché́t cũng không có mặt mũi nào đi gặp tổ tiên, chỉ có từ bỏ ngôi vị hoàng đế́ lấy tóc che mặt đế Lí Tự Thành phanh thây, hi vọng Lí Tự Thành không sát hại bà con trăm họ. Ông cát bức huyé́t thư vào ống tay áo, trèo lên núi Vạn Thọ Sơn, tự vẫn ở đình Thọ Hoàng Vương Thừa Ân cũng treo cổ ở cái cây đố́i diện.

Triếu Minh diệt vong.

Lúc ché́t quả nhiên ông lấy tóc che mặt, mặc một áo màu xanh. Sau khi Lí Tự Thành tiến vào thành, đã đưa thi thể của Do Kiểm tới cửa Đông Hoa, lấy được bức huyé́t thư, mai táng ông ở Châu Xương Bình. Dân chúng ở nơi đó lại mang ông táng chung với mộ của Quý Phi. Sau khi quân Thanh vào thành đã dời hài cốt của ông tới Tư Lăng, đặt thụy hiệu là Hoài Tông, vế sau đổi là Trang Liệt Đế́. Chính quyến Nam Minh đặt thụy hiệu cho ông là Tư Tông, trong sử gọi ông là Sùng Trinh hoàng đế́.

TRIỀU NAM MINH

(Năm 1644 - 1664, tổng cộng 21 năm)

Sau khi triều Minh diệt vong, có một số ít người chạy xuôi ngang miền Nam thiêng lập chính quyền và gọi là triều Nam Minh. Triều Nam Minh có 6 hoàng đế: trong đó có 3 người bị giết, 2 người tự sát khi bị bắt làm tù binh, 1 người vì sao bị chết thì không rõ lắm.

HOÀNG QUANG ĐẾ (PHÚC VƯƠNG - CHU DO TUNG) (NAM MINH)

Hoàng Quang đế, ông ta tên là Chu Do Tung (? - 1646). Ông là cháu nội của Thành Tông Châu Dị Quân. Sùng Trinh tự vẫn ở Bắc Kinh nên Chu Do Tung được lập làm đế ở Nam Kinh. Chu Do Tung trị vì được 2 năm, phản tướng hàng quân Thanh nên ông tự sát. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Chu Do Tung là con trưởng của Phúc Vương Chu Thường Tuân. Năm 1641 Lí Tự Thành tấn công vào Lạc Dương giết chết Chu Thường Tuân, còn Chu Do Tung chạy thoát và sống lưu lạc ở Giang Hoài. Năm 1643 Chu Do Tung được phục lại tước vị Phúc Vương. Sau khi quân Thanh tiến vào đô thành, ông chạy đến Hoài An (nay thuộc huyện Hoài An tỉnh Giang Tô). Nhờ sự giúp đỡ của tổng đốc Phong Dương là Mã Sĩ Anh và tổng binh Cao Kiệt, Lưu Trạch Thanh, Hoàng Đắc Công..., nên vào tháng 5 năm 1644 Chu Do Tung được lập làm giám quốc ở Nam Kinh, ngày Nhâm Dần ông xưng đế và đổi niên hiệu là "Hoàng Quang".

Sau khi Chu Do Tung xưng đế, ông muốn nghị hòa với quân Thành và coi quân khởi nghĩa là kẻ địch. Phải đối đầu với khó khăn, vậy mà vẫn ăn chơi, không màng việc chính sự, đắm chìm trong tửu sắc, cưỡng ép dân nữ vào cung, để chính quyền cho lũ nịnh thâng: Mã Sĩ Anh, Nguyễn Đại Thành, bài trừ phái chòng

Thanh như: Cao Hoă`ng Đô` , Sứ Khả Pháp... dẫn tới đâ` u tranh nội bộ, vê` mặt đô` i ngoại không chịu phòng bị chô` ng quân Thanh... Tháng 5 năm 1645 quân Thanh đánh vào Nam Kinh. Quân thám báo truyê`n tin đê`n, ông ta còn say sưa hưởng lạc rượu chè. Ông ta vội vàng thu gọn hành trang, nửa đêm ngày Ất Tị ông âm thâ`m dẫn ái phi chạy trô`n. Hai người chạy trô`n vào quân đội của Hoàng Đă`c Công. Ngày hôm sau, quân Thanh lại đuổi đê`n Chu Do Tung và quý phi lại phải trô`n trên thuyền của Hoàng Đă`c Công. Quân đội của Hoàng Đă`c Công và quân Thanh đánh nhau trên sông, chăng may Hoàng Đă`c Công bị trúng tên chê`t. Bộ tướng Điê`n Duy thừa cơ làm phản bă`t trói Chu Do Tung và ái phi, giải đê`n doanh trại quân Thanh. Ngày 25 tháng 5 bị áp giải vê` Nam Kinh. Tháng 9 bị tó`ng tiễn đê`n Bă`c Kinh. Năm sau, Chu Do Tung băng hà tại Bă`c Kinh.

Trong sử gọi ông ta là Hoă`ng Quang Đê` hay còn gọi là Phúc Vương.

LONG VŨ ĐÊ` (ĐƯỜNG TÔNG - CHU LUẬT KIÊN) (NAM MINH)

Long Vũ Đê` , ông ta tên là Chu Luật Kiện (1602 - 1646). Ông là cháu đời thứ 8 của Đường Vương Chu Xung Hoă`ng Quang Đê` bị bă`t làm tù binh nên Chu Luật Kiện được lập làm đê`. Ông trị vì 2 năm, bị quân Thanh bă`t làm tù binh, tuyệt thực và chê`t. Hưởng thọ 45 tuổi. Mai táng ở núi La Hán (Phúc Châu).

*

Chu Luật Kiện là cháu đời thứ tám của Đường Vương Chu Xung. Chu Xung là con thứ 23 của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Năm 1632 Chu Luật Kiện được phong làm Đường Vương. Sau khi nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân ở cuô`i đời Minh, Chu Luật Kiện xin mượn 3000 binh lính của triê`u ĐÌnh để đi trâ`n áp cuộc khởi nghĩa, nhưng triê`u Minh lo ngại phiên vương sẽ lợi dụng cơ hội đó để đoạt vị nên đã chô`i từ. Chu Do Kiện tự thân chiêu nạp được 1000 binh lính tại Nam Dương (nay thành phô` Nam Dương tỉnh Hà Nam), đi tìm quân khởi nghĩa để gây chiê`n, bị quân khởi nghĩa đánh cho đại bại. Triê`u ĐÌnh khép ông vào tội vi phạm quô`c pháp nên phê` ông làm thứ dân

và giam lỏng tại Phụng Dương. Khi Chu Do Tung xưng đế́ đã phóng thích cho Chu Luật Kiện, vì lo ngại có chuyện cướp đoạt ngôi vị do đó Chu Do Tung bắt ông đến cư trú tại phủ Bình Lạc Quảng Tây (nay thuộc phía Nam thành phố Quế Lâm tỉnh Giang Tây) được ít lâu ông sống lưu vong ở Phúc Kiến. Tháng 5 năm 1645 Chu Do Tung bị bắt làm tù binh, nhờ sự giúp đỡ của Hoàng Đạo Chu, Trịnh Chi Long... vào ngày Đinh Mùi tháng 6 Chu Luật Kiện lên ngôi nghi lễ đăng cơ tổ chức ở Phúc Châu và ông cho đổi niên hiệu là "Long Vũ".

Sau khi xưng đế́, ông một lòng một dạ muôn khôi phục Giang Sơn nhà Minh. Ông sống một cuộc sống đơn giản và tiết kiệm, ông chỉ có một người vợ đó là hoàng hậu Tăng Thị, bà là người am hiểu đạo lí thường trợ giúp và an ủi chồng trong những lúc gặp khó khăn. Ông trọng dụng những người trong phái chồng Thanh như: Kim Thanh, Dương Đình Lân, Hà Đắc Ngao... thu nạp bộ tướng của quân khởi nghĩa Lí Đạo Thành nhiệt tình định dẫn quân xung miên Bắc, thu hồi những vùng đất: Ninh Quốc, Tĩnh Đức vô nỗ lực dựa vào binh lực của cha con: Trịnh Chi Long, Trịnh Thành Công, mà Trịnh Chi Long lại muôn bảo tồn lực lượng nên đã chối từ việc cung cấp lương thực và giúp đỡ quân lực do đó ý định tiến công miên Bắc bị hủy bỏ. Chính quyết của Triết Đông Lỗ Vương Chu Dĩ Hải muôn tranh đoạt địa vị nên thường xuyên phát động chiến tranh với ông, chính quyết không ổn định.

Năm 1646 quân Thanh tiến vào Phúc Kiến. Chu Luật Kiện biết mình không có binh lực, ông sai đại học sĩ Hoàng Đạo Chu ra ngoài mượn binh. Đi nửa đường Hoàng Đạo Chu bị bắt giữ. Chu Luật Kiện đành chạy từ Phúc Châu về Diên Bình, định bát cháp nguy hiểm chạy đến Hô Nam, nhưng ý đồ đó bị Trịnh Chi Long cản trở. Không lâu sau, Trịnh Chi Long đánh hàng quân Thanh, bọn chúng chiếm giữ Kiến Ninh và tiến thẳng vào Diên Bình. Ngày 21 tháng 8 Chu Luật Kiện chạy khỏi Diên Bình đi đến ngoại thành Thịnh Châu thì bị quân Thanh đuổi kịp. Ông dẫn hoàng hậu và Chu Chi Phiên trốn vào miếu Quan Đê. Binh lính Thanh đứng bên ngoài gào thét: "Chu Luật Kiện ra đây", đột nhiên có một người cầm dao xông ra khỏi miếu và hét to: "Ta chính là Long Vũ Đê" và xông thẳng về phía quân Thanh, bọn chúng hoảng hốt giương cung bắn chết người đó. Hóa ra người cầm dao đó là Chu Chi Phiên, anh ta

liê`u thân bảo vệ cho Chu Luật Kiện. Quân Thanh nghi ngờ đó không phải là Chu Luật Kiện do đó xông vào miê`u lục soát. Bọn chúng thâ`y cửa sau mở toang, trong miê`u không có ai, biê`t Chu Luật Kiện và hoàng hậu đã chạy vào Thinh Châu. Chủ soái quân Thanh sai binh lính đóng giả làm quân Minh và giương cờ hiệu nhà Minh chạy đê`n cửa thành. Lính phòng thủ nghĩ ră`ng đó là đám quân Minh bị thua trận quay vê` nên đã mở cửa thành đón bọn chúng vào. Sau khi chiê`m được thành binh lính Thanh bă`t giữ Chu Luật Kiện và hoàng hậu, tó`ng hai người vào 2 chiê`c xe tù để giải vê` Phúc Châu. Đê`n bờ sông Mân Giang dừng lại nghỉ ngơi, đột nhiên hoàng hậu nhảy ra khỏi xe, khóc và hét: "Bệ hạ hãy chê`t vì nước thiê`p xin đi trước" và đám đâ`u xuô`ng sông tự tử. Có vài lâ`n Chu Luật Kiện định tự vẫn nhưng ý định đê`u không thành bởi binh lính Thanh giám sát nghiêm ngặt. Ông tuyệt thực và chê`t ở Phúc Châu.

Trong sử gọi ông là Long Vũ Đê` hay còn gọi là Đường Vương.

CHIÊU VŨ ĐÊ` (CHU LUẬT THIÊ`T) (NAM MINH)

Chiệu Vũ Đê`, ông ta tên là Chu Luật Thiê`t (? - 1647). Ông là em trai của Long Vũ Đê` Chu Luật Kiện. Long Vũ Đê` bị bă`t giữ nên Chu Luật Thiê`t được lập làm đê`. Ông trị vì 40 ngày, bị quân Thanh bă`t giữ và tự thă`t cổ chê`t. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Tháng 8 năm 1646 Chu Luật Kiện bị quân Thanh bă`t làm tù binh, Chu Luật Thiê`t chạy từ Phúc Kiê`n vê` Quảng Châu. Tháng 11 đại học sĩ Tô Quan sinh và Cô` Nguyên Kính, Lâm Sát... giúp đỡ và ủng hộ Chu Luật Thiê`t lên ngôi hoàng đê` ông cho đổi niên hiệu "Thiệu Vũ".

Lúc lên ngôi, ông ta vô cùng phô trương lãng phí. Để chuẩn bị cho nghi lễ, ông sai thuộc hạ chăng đèn kê`t hoa, "ban đêm mà đèn đuô`c sáng trưng như ban ngày". Trong vòng 10 ngày sau khi đăng cơ, ông đã phong chức cho vài nghìn quan sú, muô`n bọn họ mặc triê`u phục vào cung yê`t triê`u. Các quan lại không có triê`u phục, đành phải

mượn phục trang của đoàn kịch, chuyện này trở thành một câu chuyện cười trong thiên hạ.

Cùng vào thời gian Chu Luật Thiết xung đế thì Quê Vương cũng xung đế ở Quảng Đông, hai bọn họ tranh nhau địa vị chính thống và đánh nhau mãi không dứt. Chu Luật Thiết, còn thu nạp bọn hải tặc nhầm cũng có thêm lực lượng. Ở Triệu Châu có một kẻ vô lại tên là Dương Minh Cảnh, anh ta đi đế n Quảng Châu và nói phét "có 10 quân binh nhuệ ở Triệu Châu và Huệ Châu", quả nhiên Chu Kiện Thiết phong anh ta làm "tuân phủ ở Triệu Châu và Huệ Châu và cho phép anh ta phân bổ quản lí các quan, phát cho anh ta đại á n. Dương Minh Cảnh quay về quê và rao bán chức quan.

Lợi dụng cơ hội Chu Luật Thiết và Quê Vương tàn sát lẫn nhau, từ tháng 12 tướng Thanh là Lí Thành Đông tiến quân từ Phúc Kiến vào Triệu Châu và Huệ Châu. Lúc này bọn người mua tước quan đê u đê n đã u hàng quân Thanh, Lí Thành Đông ra lệnh cho bọn họ vẫn phải báo cáo với Chu Kiện Thiết t về tình hình dân sự, coi như không có chuyện gì xảy ra. Chu Kiện Thiết không hề biết vùng Triệu Châu và Huệ Châu đã rơi vào tay quân Thanh. Tiếp đó Lí Thành Đông vẫn tiến quân vào Quảng Châu. Ngày 25 tháng 12 Chu Luật Kiện và Tô Quan Sinh đang định đi kiểm tra tình hình luyện binh, đột nhiên nghe tin cấp báo quân Thanh đã tiến gần cửa thành, Tô Quan Sinh còn hét: "Nói láo". Quân chủ lực của Chu Luật Thiết đã bị diệu u đi đánh nhau với Quê Vương, do đó trong thành không có lực lượng để đối phó quân Thanh, ông ta chạy đê n trốn trong phủ của đại thần Vương Ứng Hoa. Trung Lương Hông đã u hàng quân Thanh và lừa đảo Tô Quan Sinh ép anh ta tự vẫn, sau đó dẫn quân Thanh đi bắt và áp giải Chu Kiện Thiết về Đông Thái Viện. Quân Thanh mang lương thực đê n, Chu Kiện Thiết từ chối và nói: "Nếu tôi ăn thức ăn của các khanh thì tôi có mặt mũi nào đi gặp mặt tổ tiên". Đêm đó, lợi dụng lúc quân Thanh không chú ý, ông ta tự treo cổ chết. Sau khi ông ta chết, quân Thanh đã giết 24 người trong hoàng tộc nhà Minh ở Quảng Châu.

Trong sử gọi ông ta là Thiệu Vũ Đế.

LỖ VƯƠNG (CHU DĨ HẢI) (NAM MINH)

Lỗ Vương, ông ta tên là Chu Dĩ Hải (1618 - 1662). Ông là cháu đời thứ 9 của Lỗ Vương Chu Thiê`m. Quân Thanh chiê`m đôi thành, Chu Dĩ Hải được cử làm giám quô`c. Ông làm giám quô`c được 9 năm thì ô`m chê`t (có một thuyê`t khác nói ông bị Trịnh Thành Công dìm chê`t ở biển). Hưởng thọ 45 tuổi.

*

Chu Dĩ Hải là cháu đời thứ 9 của Lỗ Vương Chu Thiê`m - Chu Thiê`m là con thứ 13 của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương. Năm 1644 Chu Dĩ Hải được phong làm Lỗ Vương. Sau khi quân Thanh chiê`m được đô thành, ông ta chạy đê`n Đài Châu (nay thuộc huyện Lâm Hải tỉnh Chiê`t Giang). Tháng 5 năm 1645 Hoă`ng Quang Đê` bị bă`t làm tù binh. Các đại thâ`n Trương Quô`c Duy, Trương Hoàng Ngôn, Tiê`n Tiêu Lạc giúp lập Chu Dĩ Hải làm "giám quô`c" ở Thiệu Hưng.

Vừa mới làm giám quô`c, ông ta và Long Vũ Đê` Chu Luật Kiện tranh giành nhau chính quyê`n. Năm 1646 Thanh Bô`i Lặc (đây là hiệu của quý tộc Mãn Thanh) Phó Lặc vượt sông Tiê`n Đường đánh cho Trương Quý Duy đại bại thân vong. Ninh Thâ`n của Hoă`ng Quang Đê` là Mã Sĩ Anh và Nguyên Đại Thành (hai người này đã`u hàng Chu Dĩ Hải) thừa cơ các bộ tướng đang rô`i loạn nên hai bọn họ cướp Chu Dĩ Hải và đi hàng quân Thanh. Chu Dĩ Hải phát hiện được chuyện đó ông đon thương độc mã chạy đê`n Thạch Phụ và gặp được Định Tây Hâ`u Trương Danh Trâ`n. Dưới sự bảo vệ của Trương Danh Trâ`n, ông lên thuyê`n chạy ra biển và định cư ở đảo Nam Sô. Năm 1649 ông chạy về` Châu Sơn, bàn bạc với Trương Hoàng Ngôn việc khôi phục triê`u Minh. Năm 1651 quân Thanh chiê`m được Châu Sơn. Ông ta lại cùng Trương Danh Trâ`n và Trương Hoàng Ngôn đê`n dựa dẫm vào Trịnh Thành Công và tự tước bỏ địa vị giám quô`c. Trịnh Thành Công là một người có chính kiê`n luôn ủng hộ chính quyê`n của Long Vũ Đê` nên anh ta không muô`n ch a`p Chu Dĩ Hải, nhưng nghĩ đê`n Chu Dĩ Hải là tông thâ`t nhà Minh do đó

anh ta phải dùng lễ tiếp đai và thu xếp cho Chu Dĩ Hải sống ở Kim Môn (nay thuộc Kim Môn tỉnh Phúc Kiến).

Năm 1662 Chu Dĩ Hải muốn quay về` đảo Nam Áo để xây dựng lực lượng. Trịnh Thành Công bèn sai người dìm chết ông ta ở trên biển (một thuyết nói bị ốm chết).

Trong sử gọi Chu Dĩ Hải là Lỗ Vương.

VĨNH LỊCH ĐẾ (QUẾ VƯƠNG - CHU DO LANG) (NAM NINH)

Vĩnh Lịch Đế, ông ta tên là Chu Do Lang (1623 - 1662). Ông là cháu của Thấn Tông Châu Dị Quân. Quân Thanh tiến vào kinh đô nên Chu Do Lang xung đế ở Quảng Đông. Ông trị vì 15 năm, bị quân Thanh truy đuổi nên ông chạy đến Miến Điện. Vê` sau bị Ngô Tam Quế treo cổ chết, Chu Do Lang hưởng thọ 40 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Chu Do Lang là con trai của Quế Vương Chu Thường Thắng, ông được kế́ nhiệm tước vị Quế Vương. Niên giám Sùng Trinh, ông được phong làm Vĩnh Minh Vương. Khi quân thanh tiến vào Kinh, ông chạy đến Quảng Tây và cư trú ở Ngô Châu. Tháng 1 năm 1646 các đại thấn Quắc Thức Tú, Đinh Sở Khôi, Trấn Tử Trang... đã lập Chu Do Lang làm giám quốc. Ông xung đế ở Quảng Đông và đổi niên hiệu là "Vĩnh Lịch".

Sau khi Chu Do Lang lên ngôi, ông lấn lượt dựa vào các cuộc khởi nghĩa của Tôn Khả Vọng, Lí Định Quốc và các tướng lĩnh chống Thanh, Chu Do Lang bị quân Thanh truy đuổi mười mấy năm, ông sống lưu vong ở Quảng Đông, Quảng Tây, Hố Nam, Quý Châu, Vân Nam, Tứ Xuyên, Giang Tây... Chính cục tạm thời ổn định, duy trì cục diện cấu an. Nhưng đám quấn thấn suốt ngày tranh nhau quyến lực, các tướng lĩnh lại coi thường lực lượng của quân khởi nghĩa chống Thanh dẫn tới cục diện nguy kịch. Năm 1658 Tôn Khả Vọng đấu hàng Thanh vùng Quý Châu và Quảng Tây đếu bị quân Thanh chiếm lĩnh, khiến cho Chu Do Lang bị thu hẹp địa bàn. Năm 1659,

Triệu Thanh chia quân làm 3 ngả tiến đánh, Chu Do Lang bắt lực, tháng 12 chạy đến Miền Điện, bị người Miền Điện giải trừ lực lượng vũ trang và săp xép cho ông cư trú ở trong một ngôi nhà cũ, tình cảnh của ông vô cùng khổn khổ. Lí Định Quốc nhiệt ủ lâu liên lạc định đón ông về nước nhưng đều bị quốc vương Miền Điện cự tuyệt.

Năm 1662 Ngô Tam Quê tân công và Miền Điện và xin quốc vương Miền Điện giết hại Chu Do Lang. Quốc vương Miền Điện vừa giết anh trai để đoạt vị, tình hình trong nước mâu thuẫn định, do đó đành đồng ý với yêu cầu của Ngô Tam Quê. Quốc vương Miền Điện dẫn 3000 lính bao vây nơi ở của Chu Do Lang và trả vò muôn kết nghĩa với Chu Do Lang. Tùy tùng của ông ta ra khỏi nhà đi lâ'y nước, đều bị giết, tổng cộng 42 người, Chu Do Lang biết mình khó thoát thân nên đã viết thư gửi Ngô Tam Quê, trách cứ Ngô Tam Quê phản mình giết Thanh vong ân bội nghĩa. Cuối cùng ông nói: "hôm nay tôi súc tàn binh yểu, đành giao phó số mệnh vào tay anh, nêu anh tha cho tôi một con đường sống, tôi nguyện đưa cho anh tất cả những gì mà tôi có". Ngô Tam Quê không đồng ý và ra sức thúc giục quốc vương Miền Điện treo cổ Chu Do Lang. Quốc vương Miền Điện sai người dẫn Chu Do Lang và 25 tùy tùng của Ngô Tam Quê đến doanh trại của Ngô Tam Quê. Chu Do Lang bị giải về Vân Nam giam lỏng ở Nam Minh. Ngô Tam Quê lo lắng nêu giải ông ta về Bắc Kinh, e rằng trên đường đi sẽ bị phái chém Thanh cướp ngục. Được sự đồng ý của hoàng đế Khang Hi nên vào ngày 14 tháng 4 Chu Do Lang và 25 tùy tùng đều bị treo cổ chết.

Trong sử gọi Chu Do Lang là Quê Vương hoặc Vĩnh Lịch Đế.

ĐỊNH VŨ ĐẾ (HÀN VƯƠNG - CHU BẢN HUYỀN) (NAM MINH)

Định Vũ Đế, ông ta tên là Chu Bản Huyễn (? - 1664). Ông là cháu họ của Minh Đế. Ông được bộ tướng của Lí Tự Thành lập làm đế. Ông trị vì 18 năm. Năm 1664 chết, vì sao bị chết và Mai táng ở đâu đều không rõ.

*

Chu Bản Huyê`n được kê` nhiệm tước vị của Hán Vương. Năm 1646 bộ tướng của Lí Tự Thành là Châu Vĩnh Trung liên kê`t với quân chô`ng Thanh để` lập Chu Bản Huyê`n làm đê` và cho đổi niên hiệu là "Định Vũ".

Chính quyê`n của Chu Bản Huyê`n luôn dựa vào quân khởi nghĩa, lĩnh vực hoạt động của bọn họ chủ yê`u ở: Hồ` Nam, Hồ` Bă`c, Quảng Tây, Tú Xuyên... Năm 1663 quân khởi nghĩa tâ`n công vùng Vu Sơn (Tú Xuyên) nhưng bị đại bại Châu Vĩnh Trung bị bă`t làm tù binh. Năm sau Chu Bản Huyê`n chê`t. Vì sao bị chê`t thì không rõ.

Triê`u Nam Minh diệt vong.

Trong sử gọi Chu Bản Huyê`n là Định Vũ Đê` hay còn gọi là Hán Vương.

TRIỀU THANH

(Năm 1644 - 1911, tổng cộng 267 năm)

Tộc Mãn tự dựng nên vương triều Thanh, quốc lực của triều Thanh cường thịnh, cương vực rộng lớn. Cuối thế kỷ 18, dân số đạt 1,3 tỉ người, là một quốc gia phong kiến mạnh nhất ở phía Tây của Châu Á. Sau cuộc chiến tranh nha phiến, chủ nghĩa tư bản phương Tây xâm nhập vào Trung Quốc khiến Trung Quốc bước vào một chênh độ nửa thực dân nửa phong kiến.

Triều Thanh cũng là triều đại cuối cùng trong lịch sử Trung Quốc, vương triều này bị cuộc cách mạng Tân Hợi lật đổ. Từ đó kết thúc chênh độ chuyên chế quân chủ phong kiến kéo dài ở Trung Quốc suốt 2000 năm.

Triều Thanh chiêm giữ được kinh đô có 12 hoàng đế, trong đó 10 người ôm chết, một người bị ám sát, một người bị thương rõ i chết.

Ngoài ra còn phụ chú thêm về thái hậu Từ Hi (trên thực tế bà ta là người nắm giữ công việc triều chính) hoàng hậu Long Dụ và Đa Nhĩ Cổn. Từ Hi và Đa Nhĩ Cổn bị ôm chết, Thái hậu Long Dụ ôm chết do bệnh chướng bụng.

THÁI TỔ (NỘI NHĨ CÁP XÍCH) (THANH)

Thái Tổ, ông ta tên là Ái Tân Giác La. Nội Nhĩ Cáp Xích (1559 - 1626), ông là người dân tộc Mãn. Ông là tướng quân Long Hồ ở triều Minh. Ông là người dựng lập nên nước Kim (THANH), trị vì 11 năm. Trong một trận chiến bị lửa đốt dẫn tới bị thương rõ i chết (một thuyền khác nói bị bệnh rõ i chết). Huống thọ 68 tuổi. Mai táng ở Phúc Lăng, Thẩm Dương (nay thuộc núi Thiên Trụ cách 30 km về phía Đông Bắc thành phố Thẩm Dương tỉnh Liêu Ninh).

Tổ tiên của Nội Nhĩ Cáp Xích được triều đình Minh phong làm chỉ huy sứ Tả vệ ở Kinh Châu. Nội Nhĩ Cáp Xích làm những chức vụ như: đô đốc kiêm sứ, tướng quân Long Hồ. Từ năm 1583 trở đi, mãi khoảng thời gian là hai 30 năm, ông thống nhất các tộc Mãn và sáng lập ra chế độ bát kỳ hợp nhất quân đội và chính trị, đê ra Mãn văn. Ngày Nhâm Thân tháng 1 năm 1616 ông xưng làm Kha Hãn, lấy quốc hiệu là Kim, đặt đô ở Hắc Đô A Vị (nay là thành cũ ở phía Tây huyện Tân Bình tỉnh Liêu Ninh). Lấy niên hiệu là "Thiên Mệnh". Trong sử gọi là "Hậu Kim". Đây là chính quyền chủ nô lệ của tộc Mãn. Từ năm 1618 trở đi, ông thống lĩnh quân đội tiến công vào vùng Liêu Đông, giành nhiều đai rộng lớn ở lưu vực Liêu Đông. Năm 1625 dời đô về Thẩm Dương.

Vào những năm cuối đời, Nội Nhĩ Cáp Xích thấy các con của ông không ai có năng lực trị lý việc quốc gia đại sự do đó ông không chỉ định người kế vị chính xác, công việc triều chính do 8 vị hòa Thạc Bố Lặc cùng nhau giải quyết (Bố i Lặc là ngôn ngữ tộc Mãn. Võn là lối xưng hiệu của quý tộc Mãn. Phân lớn con của Bố i Lặc được gọi là Hòa Thạc Bố i Lặc).

Đầu năm 1626, Nội Nhĩ Cáp Xích thống lĩnh đại quân đánh chiếm vùng Ninh Viễn (nay thuộc huyện Hưng Thành tỉnh Liêu Ninh). Tướng trấn thủ thành Ninh Viễn là Viên Sùng Hoan quyết tâm chống đỡ, bảo vệ thành trì, nhưng lần đầu lui được sự công kích của quân Mãn châu, quân Mãn châu bị chém và thương khá nhiều. Nhìn thấy tình hình như vậy, Nội Nhĩ Cáp Xích vừa tức vừa hận, ông sai quân lính đào hang chui qua tường thành. Viên Sùng Hoan phát hiện được, anh ta sai đốt lửa. Nội Nhĩ Cáp Xích bị lửa đốt làm bị thương nên hoảng hốt lui binh. Tháng 7 năm đó, vết thương của Nội Nhĩ Cáp Xích tái phát, ông đến suối nước nóng ở Thanh Hà để dưỡng thương. Tháng 8 vết thương chuyển ra nguy kịch, ông đi thuyền về Thẩm Dương. Trên đường đi, ông biết mình sắp chết nên ra lệnh cho đại phi của mình thắt cổ chết. Ngày Canh Tuất tháng 8 vết thương của Nội Nhĩ Cáp Xích bị nhiễm trùng, ông mất tại Lô cốt Ái Kê (nay là phía nam thành phố Thẩm Dương tỉnh Liêu Ninh).

Hoàng Thái Cực lập nên triều Thanh đã lấy thụy hiệu của Nội Nhĩ Cáp Xích là Thái Tổ.

THÁI TÔNG (HOÀNG THÁI CỰC) (THANH)

Thái Tông, ông ta tên là Ái Tân Giác La. Hoàng Thái Cực (1592 - 1643). Ông là con trai thứ 8 của Nội Nhĩ Cáp Xích. Thái Tổ chết, Hoàng Thái Cực được lập làm Kha Hãn. Ông trị vì 17 năm, bị ôm chết, hỏa táng, một đặt tại Chiêu Lăng thuộc Thẩm Dương (nay núi Long Nghiệp cách 10 km về phía Tây Bắc thành phố Thẩm Dương tỉnh Liêu Ninh).

*

Ngày Canh Tuất tháng 8 năm 1626 Nội Nhĩ Cáp Xích băng hà, ngày Canh Ngọ Hoàng Thái Cực được lập làm Kha Hãn. (Trong quyển "Đông Hoa Lục" có nói: sau khi ép đại phi chết, Nội Nhĩ Cáp Xích cũng băng hà, nên Hoàng Thái Cực đã cướp đoạt địa vị Kha Hãn của em trai là Đa Nhĩ Cỗn). Sau khi đăng cơ Hoàng Thái Cực cho đổi niên hiệu là "Thiên Thông", đổi tên tộc Nữ Chân thành tộc Mãn châu (sau cuộc cách mạng Tân Hợi gọi là tộc Mãn). Năm 1636 ông xưng đế, đổi quốc hiệu là "Thanh" lấy niên hiệu là "Sùng Đức".

Trong thời gian Hoàng Thái Cực trị vì, ông tích cực thu nạp nền văn hóa tộc Hán, phỏng theo chế độ quan lại của triều Minh, tăng cường nền thống trị chuyên chế. Xác lập chế độ phong kiến nông nô khiênn tộc Mãn bước vào xã hội phong kiến, thời cuối i chính quyền Hậu Kim cũng từ chính quyền chủ nô lệ chuyển sang chính quyền phong kiến. Ông kế tục di chí của Nội Nhĩ Cáp Xích, thống nhát Đông Bắc, kế thừa toàn bộ bản đồ đất đai của triều Minh, nhiều lần tấn công quân Minh, chuẩn bị vào đô thành đoạt chính quyền.

Trong chính sự ông giải quyết rất rõ ràng cẩn thận, dũng cảm trong chiến trận. Do ông phải làm việc căng thẳng trong thời gian dài nên đã tổn hại tới sức khỏe. Lâu ngày thành bệnh. Từ năm 1640 trở đi, ông luôn bị ôm vặt. Tháng 9 năm 1641 quý phi của ông bị ôm chết, ông vô cùng thương tiếc bà ta, tuy chán nản, quên ăn quên

ngủ, còn bị hôn mê bất tỉnh, bệnh tinh của ông ngày càng nguy kịch, giờ Hợi ngày 9 tháng 8 năm 1863 (khoảng 9h - 10h) ông đang ngồi trong tâm cung, cung Thanh Ninh, hoàng cung Thẩm Dương, bị trúng gió chết.

Sau khi ông chết lấy hiệu miếu là Thái Tông.

THÀNH TÔNG NGHĨA HOÀNG ĐỀ́ (ĐA NHĨ CỐN) (THANH)

Thành Tông Nghĩa hoàng đế́, ông ta tên là Ái Tân Giác La. Đa Nhĩ Cỗn (1612 - 1651), ông là con trai thứ 14 của Thái Tổ Nộ Nhĩ Cáp Xích. Ông chấp chính 7 năm ở tiến kì Thuận Trị. Ông bị ốm chết. Hướng thọ 40 tuổi. Mai táng ở đâu không rõ.

*

Thời Thái Tổ trị vì, Đa Nhĩ Cỗn được phong làm Hòa Thạc Đức Tân Vương. Năm 1643 hoàng đế́ Thuận Trị lên kế́ vị ngôi báu, lúc đó Thuận Trị có 6 tuổi. Đa Nhĩ Cỗn đã lấy thân phận là hoàng thân quốc thích để nhiếp chính, độc lâm đại quyến. Năm 1644, ông thống lĩnh quân Thanh và tiến vào đô thành dưới sự dẫn đường của Ngô Tam Quế, chiếm lĩnh Bắc Kinh, ông lợi dụng tài năng của những quan lại địa chủ tộc Hán, dùng vũ lực trấn áp quân khởi nghĩa nông dân và quân khởi nghĩa kháng Thanh, và đặt định ra các trọng mục trong nến thống trị của triếu Thanh, ông được tôn định là người thực hiện sự thống trị của triếu Thanh đối với toàn quốc. Ông phong thêm danh hiệu hoàng phụ nhiếp chính vương.

Tháng 1 năm 1651, Đa Nhĩ Cỗn ốm chết. Sau khi ông ta chết được truy phong danh hiệu Thành Tông Nghĩa hoàng đế́. Nhưng Thuận Trị không hài lòng về ông ta, do đó khi đích thân nắm giữ công việc triếu chính, Thuận Trị đã gán ghép tội danh đại nghịch vô đạo để đoạt đi tước hiệu của Đa Nhĩ Cỗn. Mãi đến thời Càn Long mới khôi phục danh hiệu Hòa Thạc Duệ Tân Vương cho Đa Nhĩ Cỗn.

THẾ TÔ (THUẬN TRỊ HOÀNG ĐỀ́ - PHÚC LÂM) (THANH)

Thế Tô, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Phúc Lâm (1638 - 1661). Ông là con trai thứ 9 của Thái Tông Hoàng Thái Cực. Phúc Lâm kế́ vị khi Hoàng Thái Cực bị ố m chế t. Phúc Lâm trị vì 18 năm, ông buốn rấu quá độ nên dẫn tới cái chế t. Hưởng dương 24 tuổi. Hòa táng. Mộ táng ở Hiế u Lăng thuộc Hà Bắc.

*

Ngày 9 tháng 8 năm 1643 Hoàng Thái Cực ố m chế t, ngày Canh Ngọ Phúc Lâm lên kế́ vị và cho đổi niên hiệu là "Thuận Trị".

6 tuổi, Thuận Trị đã lên ngôi hoàng đế́. Do vậy chú của ông là Đa Nhĩ Cổn chấp chính (thay mặt hoàng đế́ giải quyé́t và xử lí công việc triề́u chính). Năm 1651 Đa Nhĩ Cổn chết Phúc Lâm chính thức nắm giữ công việc triề́u đình. Ngày 22 tháng 4 năm 1644, Ngô Tam Quế dẫn đường đưa quân Thanh tiến vào Sơn Hải Quan, đánh bại quân khởi nghĩa của Lí Tự Thành. Đầu tháng 10 Phúc Lâm dời đô về Bắc Kinh, ông là vị hoàng đế́ đầu tiên khi quân Thanh tiến vào kinh đô. Sau khi định đô ông ra lệnh cao tốc, rào đất ban bố "Luật Đại Thanh", cấm các văn nhân tổ chức đoàn thể, đồng thời phái binh xuống phía Đông và phía Nam trấn áp quân khởi nghĩa nông dân, diệt trừ chính quyé́n Nam Minh, hấu như không chế toàn bộ lãnh thổ Trung Quố́c, đặt nến tảng cơ bản cho vương triề́u Thanh.

Phúc Lâm thích hội họa, ông thiên về tranh nhân vật. Một lấn ông gặp Thịnh Tế Tư, đột nhiên ông sai Thịnh Tế Tư quỳ xuống. Thịnh Tế Tư không hiểu chuyện gì xảy ra nên toàn thân lạnh toát. Phúc Lâm ngắm nhìn anh ta hố i lâu rố i lấy bút vẽ một bức chân dung nhỏ cho Thịnh Tế Tư và truyến tay cho các quyé́n thấn cùng xem. Thịnh Tế Tư vui mừng khôn siết, quỳ lạy xin Phúc Lâm ban tặng bức tranh Phúc Lâm chỉ cười mà không đáp, tiện tay đốt bức tranh đó đi.

Ngày Tân Hợi tháng 1 năm 1661 thiết triề́u sớm, nhìn thấn thái ông vẫn bình thường, thân thể vẫn khỏe mạnh. Sáng sớm hôm sau, đột nhiên ở điện Dưỡng Tâm Loan bảo tin ông băng hà. Đến khi mai táng mà các quấn thấn không nhìn thấy di thể của ông. Ông chỉ để

lại một tờ di chiế u lập Huyế n Diệp làm hoàng thái tử. Huyế n Diệp chịu tang 27 ngày rố i mới lên đăng cơ, do đại thấ n phụ giúp. Vé́ sau lưu truyế n một thuyế t nói: nhiế u năm qua Phúc Lâm chán ghét cõi trấ n. Mùa thu năm 1660, hoàng phi là được ông ta sủng ái) bị ố m chế t, ông thương tiế c vô cùng, ông bỏ làm ngôi vị hoàng đế́ và đi đế n Ngũ Đài Sơn làm tăng ni. Vé́ sau Khang Hi còn bí mật đi thăm ông. Cũng có người nói, chuyện ông xuấ t gia đi tu và Đố ng Tiế u Uyển có mố i quan hệ với nhau. Đố ng Tiế u Uyển vố n là vợ bé của Mạc Bích Cương, cô ta bị Hố ng Thừa Thọ cướp đoạt và cố ng tiế n cho Phúc Lâm, cô ta đổi tên thành Đố ng Ngạc Thị và nhận tước phong quý phi nương nương. Vé́ sau bị hoàng thái hậu và hoàng hậu hại chế t, do đó Thuận Trị buố n rấ u xuấ t gia làm tăng ni.

Trong lúc di chiế u, ông còn nêu ra lỗi lấ m của mình ở 14 phương diện:

- Trong 18 năm ông ta trị vì "chỉ nhởn nhơ, làm qua loa cho xong chuyện", khiế n thiên hạ không ổn định, nhân dân không an cư lạc nghiệp.

- Sắ p xế p chức vị và tài năng của các đại thấ n tộc Mãn không phù hợp, khiế n một số́ người có tài mà không phát huy được sở trường; có những đại thấ n có tài năng mà không được sắ p xế p chức vị, những người không có năng lực vậy mà vẫn không bãí miễn chức quan.

- Tuy số ng trong hoàng cung, nhưng rấ t ít khi tiế p xúc với các đại thấ n, khiế n tình cảm quấ n thấ n không mặn mà.

- Cơ cấ u triế u đình cố ng kê` nh, tiêu pha hoang phí, xây dựng các cung điện, làm vũ khí... lãng phí vô cùng.

- Tự cho mình là thông minh, không nghe lời can gián của quấ n thấ n, khiế n các quấ n thấ n bảo thủ, không dám dâng tấ u lời trung thực.

- Tự biế t mình mắ c lỗi, nhưng không quyế t tâm sửa đổi lỗi lấ m, khiế n lỗi lấ m ngày càng nhiế u và nghiêm trọng.

Trong bản di chúc đó, ông không nêu công đức sự nghiệp của mình cũng không vì sao giã từ cõi đời mà biểu lộ sự sợ hãi bi thương mà là tâm tâm niệm niệm nhớ tới triều đình, tổng kết bài học của mình cho hậu thế. Ông là một người đáng quý trong các đế vương phong kiến.

Hiệu miếu của Lâm Phúc là Thê Tô, trong sử gọi là Thuận Trị hoàng đế.

THÁNH TÔ (KHANG HI HOÀNG ĐẾ - HUYỀN DIỆP) (THANH)

Thánh Tô, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Huyễn Diệp (1654 - 1722). Ông là con trai thứ 3 của Thuận Trị hoàng đế. Huyễn Diệp kế vị khi Thuận Trị chết. Ông trị vì 61 năm, ông là vị hoàng đế trị vì lâu nhất trong lịch sử triều Thanh. Bị ôm chết (một thuyết nói bị đại thần Long Khoa Đa hại chết). Huống thọ 69 tuổi. Mai táng ở Cảnh Lăng (nay thuộc tỉnh Hà Bắc).

*

Tháng 1 năm 1661 Thuận Trị ôm chết, ngày Tân Hợi Huyễn Diệp lên kế vị và đổi niên hiệu là "Khang Hi".

8 tuổi, Huyễn Diệp đã lên ngôi hoàng đế, công việc triều chính do 4 vị đại thần cùng giải quyết. Năm 16 tuổi Khang Hi chính thức nắm giữ công việc triều chính, ông vạch kế hoạch bắt giết Ngao Bá (Ngao Bá là một trong bốn vị đại thần, ông ta rất lộng hành), bình định được phản loạn Tam Phiên, hàng phục được cháu nội của Trịnh Thành Công là Trịnh Khắc Sảng (anh ta chống ché Đài Loan), khiêm Trung Quốc một lần nữa được thống nhất làm một, ngăn chặn được sự xâm lược của quân Sa hoàng và cùng với nước Nga sa hoàng kết đồng minh, vạch định giới tuyến biên giới Nga - Trung, bình định cuộc phản loạn của tộc Hồi, tộc Chuẩn Cát Nhĩ... định chỉ việc rào đât, khuyễn khích canh nông, liên kết với các giai cấp địa chủ tộc Hán, đoàn kết các phan tử tri thức tộc Hán; ông tổ chức biên tập các cuốn sách: "cỗ kim đồ thư tập thành", "Khang Hi tự điển", ông ra sức để xướng khoa học tự nhiên, vẽ bức "hoàng triều kim lam đồ"... Một số biện pháp này có vai trò quan trọng

trong việc củng cố và tăng cường sự thống nhất các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc, khiến Trung Quốc trở thành một quốc gia hùng mạnh phồn vinh trên thế giới thời bấy giờ. Ông là một nhà chính trị gia có tiếng, nhưng ông nghiệp vụ là đại hưng ân văn học, trân trọng tài bạo với các cuộc khởi nghĩa nông dân, áp bức nghiêm trọng đối với bà con trăm họ.

Huyền Diệp thông minh tài trí, ông trọng dụng trung thành và không ra nịnh thânn. Vào những năm cuối đời của Khang Hi, tổng đốc vùng Giang Nam là Cát Lễ, anh ta là kẻ tham ô và ngang ngược thích vu oan giáo họa cho người khác. Thời đó tri phủ Tô Châu là Trần Bằng Niên vốn là một vị quan thanh liêm, thẳng thắn trung thực, là một người độc lập với Cát Lễ. Cát Lễ luôn đố kị trong lòng tìm cơ hội để hãm hại, xúi giục hoàng đế cho Trần Bằng Niên xung quân đền Hắc Long Giang. Huyền Diệp không đồng ý và thay Trần Bằng Niên là một người có tri thức nên đã điều anh ta vào kinh để anh ta tham gia biên tập đồ thư. Cát Lễ vẫn chưa từ bỏ ý đồ vu cáo Trần Bằng Niên nên đã bí mật tâu cáo với Huyền Diệp, nói Trần Bằng Niên có làm bài thơ "Du Hồ Khâu", bài thơ nói nên sự không hài lòng về Huyền Diệp, anh ta còn dâng bài thơ đó cho Huyền Diệp xem. Ông đọc kỹ bài thơ đó, không hề thay tâm tư oán hận của Trần Bằng Niên đói với mình, ông đọc kỹ bản tấu cáo của Cát Lễ thay lời lẽ hoàn toàn có ý vu cáo người khác, hãm hại hiền tài. Huyền Diệp cho triệu tập quan thânn và tuyên bố: Cát Lễ là người thích chọc gậy bánh xe, tri phủ Trần Bằng Niên có một chút vinh quang, vậy mà Cát Lễ đã tìm cách vu cáo, có ý nói bài thơ của Trần Bằng Niên có ý từ không tốt. Sau khi trẫm đọc kỹ bài thơ đó thay hoàn toàn không giogn như ý đố của Cát Lễ đơm đặt. Phàm là những kẻ tiểu nhân đê tiện hèn hạ, Cát Lễ dùng thủ đoạn lừa dối bênh trên, đương nhiên trẫm không thể mặc lừa kẻ tiểu nhân? Nói xong ông đọc bài thơ của Trần Bằng Niên và bản tấu cáo của Cát Lễ cho quan thânn xem, đê các đại thần nhận định. Cát Lễ lâm vào tình cảnh khó xử.

Huyền Diệp giáng một đòn cho Cát Lễ khiến một số quan thânn có lòng dạ đen tối, thích đố kị vu cáo người khác không dám giở trò lừa gạt bênh trên.

Mùa xuân năm 1722, Huyê`n Diệp gâ`n 70 tuổi, ông muô`n biếu thị sự kính lão nên cho phép những quan lại tộc Mân và tộc Mân từ 65 tuổi trở lên được cáo lão về quê, còn những đại thâ`n bị giam giữ cũng được thả về nhà, trước khi cho bọn họ cáo chức và phỏng thích, ông còn bày yê`n tiệc ở cung Càn Thanh, uô`ng rượu đô`i âm, buổi tiệc kéo dài đê`n hoàng hôn mới tan, tham dự buổi tiệc này có hơn 1000 người. Huyê`n Diệp có 35 người con trai, vì thê` bọn họ tranh giành nhau địa vị, tự kêt` bè`kết` phái, âm thâ`m chô`ng phá nhau. Ông vô cùng đau đâ`u nhức óc về chuyện chọn người kế` vị. 14 năm sau khi lên ngôi hoàng đê`, ông đã lập con trưởng củ vợ là Doãn Nhưng làm hoàng thái tử, 3 năm sau ông thâ`y không thích hợp nên phê` bỏ địa vị của Doãn Nhưng. Hai tháng sau, lại khôi phục địa vị cho Doãn Nhưng, 24 năm sau ông thâ`y quyết`n lực của thái tử lớn mạnh, ảnh hưởng trực tiê`p đê`n hoàng quyê`n của mình. Vì vậy ông lại phê` truâ`t Doãn Nhưng. Trước lúc lâm chung ông để` lại một bản di chiê`u, âm thâ`m lập người kế` vị. Vào những năm cuô`i đời, người ông quan tâm và yêu mè`n là con trai thứ 14 Dận Đê`, ông ta cho Dận Đê` làm đại tướng quân và phái ra biên thùy để` chỉnh đô`n cục diện ở vùng Tây Bă`c, ông muô`n Dận Đê` lập nhiê`u công tích, để` có uy lực, nhă`m tạo điê`u kiện thuận lợi kê` thừa ngôi vị hoàng đê`.

Ngày 8 tháng 11 năm 1722, Huyê`n Diệp bị cảm toàn thân nóng rực, ngự y chữa trị cho ông nên bệnh tình cũng đỡ đi phâ`n nào, ông liê`n ra vườn Suong Xuân tĩnh dưỡng. Theo lúc đó Huyê`n Diệp đích thân viê`t di chiê`u chọn Dận Đê` làm người kế` vị. Người duy nhâ`t biê`t chuyện chỉ có đại thâ`n Long Khoa Đa, anh ta phụ trách quân bộ binh cảnh vệ trâ`n giữ ở kinh sư. Long Khoa Đa là cậu ruột của Dận Trinh (con trai thứ 4 của Huyê`n Diệp), anh ta một lòng một dạ muô`n Dận Trinh lên kê` vị. Ngược lại Huyê`n Diệp lại không chọn Dận Trinh. Long Khoa Đa bạo gan sửa đổi tờ di chúc chữ "thập" thành chữ "vu" tức "truyê`n ngôi con trai thứ 14" thành "truyê`n ngôi cho con trai thứ 4". Ngày 13 tháng 11 Huyê`n Diệp đột nhiên bị chê`t. Mọi người nghi ngờ ră`ng ông bị Long Khoa Đa hại chê`t.

Cũng có một số` học giả cho ră`ng, trong lúc bệnh tình nguy kịch Huyê`n Diệp đích thân tuyên gọi các chư tử đê`n và công khai đọc di chiê`u, chỉ có Dận Đê` đang trâ`n giữ ở Tây Bă`c và Doãn Nhưng bại

cảm chỉ đê n, còn đâu tát cả các hoàng tử đế u có mặt di chiêu không thể bị sửa đổi, hơn nữa di chiêu viết bằng chữ Mãn nên việc sửa chữa "thập" thành chữ "vu" là chuyện tào lao. Cũng có học giả cho rằng Huyê n Diệp ché t đột tử nên không kịp lập di chiêu.

Cũng có thuyết nói rằng: Dận Trinh vốn dĩ được Huyê n Diệp sủng ái, lên 8 tuổi đã đi theo Huyê n Diệp tuân tra, lên 10 tuổi được phong làm Bô i tử, 30 tuổi được tân phong làm tân vương, Dận Trinh từng phụng mệnh quản lí việc quân sự tìn bạc lương thảo. Các hoàng tử tranh giành nhau địa vị, đùa đá nhau không ngừng. Dận Trinh âm thầm tranh chép với các anh em, nhưng vẻ bên ngoài lại tỏ ra không quan tâm tới địa vị do đó Huyê n Diệp vô cùng thích anh ta, ông phân vân lựa chọn Dận Đê hoặc Dận Trinh làm người kế vị, cuối cùng ông quyết định chọn Dận Trinh.

Hiệu miếu của Huyê n Diệp là Thánh Tổ và trong lịch sử gọi ông là Khang Hi hoàng đế.

THẾ TÔNG (UNG CHÍNH HOÀNG ĐỀ - DẬN TRINH)

Thế Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Dận Trinh (1678 - 1735), ông là con trai thứ 4 của hoàng đế Khang Hi. Dận Trinh kế vị khi Khang Hi ché t. Ông trị vì 13 năm bị Lữ Tú Nương hại ché t, hưởng thọ 58 tuổi, một thuyết nói dùng thuốc Đan nên bị ché t, một thuyết nói ché t bệnh ở Thái Lăng - Hà Bắc (nay ở núi Vĩnh Ninh thị trấn Thái Ninh cách 50 km về phía Tây huyện Dị tỉnh Hà Bắc).

*

Thời Khang Hi trị vì đã lập Dận Trinh làm Ung Tân Vương. Tháng 11 năm 1722 Khang Hi ôm ché t, đại tướng quân Niên Canh Nghiêu và Long Khoa Đa đã giúp lập Dận Trinh làm hoàng đế, lễ đăng cơ tổ chức vào ngày Tân Sửu tháng 11. Dận Trinh cho đổi niên hiệu là Ung Chính.

Sau khi lên kế vị Dận Trinh ra sức trấn áp các anh em của mình nhằm ngăn chặn việc bọn họ tranh đoạt ngôi vị, giam lỏng Dận Đê, hại ché t Doãn Nhung và Doãn Đường. Mượn cớ bài xích và giết hại Long Khoa Đa và Niên Canh Nghiêu. Để đồi phó với những người

thù địch trong triều chính, ông thực hiện chính sách đặc vụ tống trị, cũng với tục làm ché tao ra một loại vũ khí giết người gọi là "Huyệt trích tử" bên ngoài làm túi da, bên trong cát được vài con dao nhỏ. Muốn giết người một cách lén lút vụng trộm thì đem chụp cái túi đó vào đầu kẻ địch siết chặt miệng túi, vang trán sẽ bị bóp chặt trong túi khiên những con dao đó cứa vào đầu.

Trong thời gian trị vì, Dận Trinh cho thực hiện một số biện pháp "cải thổ qui lưu" (sửa đổi đất đai và thu về triều đình) đồng với một số khu vực dân tộc thiểu số ở vùng Tây Nam bình định được một số cuộc phản loạn của một số quý tộc ở Thanh Hải và Thạc Đặc... phản kích sự chiếm giữ của quý tộc ở Chuẩn Cát Nhĩ, ký kết hiệp ước với hoàng đế Nga, quy định biên giới Trung - Nga.

Dận Trinh cũng đại hưng Án văn tự, nghiêm khắc trấn áp tư tưởng bất mãn của các phan tú tri thức, ra sức làm cho mạnh mẽ ché độ chuyên ché quân chủ.

Trước thời Dận Trinh, giai cấp quý tộc dân tộc Mãn không có lệ xác định truyền vị, vì vậy sau khi Nội Nhĩ Cáp Xích và Khang Hi ché t, có hai lần giai cấp quý tộc Mãn nổ ra cuộc tranh giành ngôi vị hoàng đế, nhìn vào tam gương đó Dận Trinh rút cho bài học cho chính bản thân mình nên ông cho rằng lập hoàng thái tử là một kế sách bảo tồn quốc gia, đương nhiên trong chuyện chính trị cũng vậy không thể để các đại thần quyết định bộ máy chính trị mà phải do hoàng đế độc quyết định. Nhưng rất công khai lập hoàng thái tử dễ gây ra cuộc tranh giành địa vị giữa các anh em, tát ruốc họa. Do đó ông cát chiêu thư lập hoàng thái tử vào một cái tráp bọc gác và bí mật cát đắng sau bức hoành ghi chữ chính đại quang minh treo ở cung Càn Thanh. Sau khi hoàng đế ché t thì thái giám tổng quản sẽ lây ra và tuyên đọc trước bá quan văn võ.

Ngày 23 tháng 8 năm 1735, thái giám thay đê n lúc hoàng hôn mà Dận Trinh vẫn chưa tỉnh dậy và cũng không thay y có tiếng động sau bức tường, anh ta thay y nghỉ ngơi nên vội đi gọi hoàng hậu, nghe nói hoàng hậu đê n vén màn gọi, hoàng hậu thì thay Dận Trinh đã ché t tự bao giờ. Chân tướng của sự việc về cái ché t của Ung Chính, trong nội cung giấu kín như bưng, không ai dám nói. Về sau mới

dâ`n dâ`n tiê`t lộ. Hóa ra trong thời gian Dận Trinh trị vì. Ở vùng Chiết Giang có một văn nhân tên là Lữ Lưu Lang ẩn cư không chịu ra làm quan, anh ta có nhiều tác phẩm nổi tiếng. Sau khi anh ta chết có người tố cáo trong tác phẩm của anh ta có tư tưởng phản Thanh. Dận Trinh hạ lệnh bắt nộp quan tài của anh ta và đốt hết chỗ sách còn con cháu và thân tộc của anh ta bị giết chết, có người bị đày đến Hắc Long Giang, phụ nữ bị đưa vào cung. Lữ Lưu Lang có một người cháu gái tên là Lữ Tú Nương cô ta cũng biết võ nghệ. Cô gái biết triều đình muốn diệt gia tộc mình vì thế nghe lời mẹ nên cô ấy chạy khỏi quê hương, giả út để mị họ tên, lang bạt trên giang hồ, lập chí muôn báo thù nhà. Bảy năm sau, vào một buổi tối cô ta trèo tường vào trong hoàng cung, đột nhập vào phòng của hoàng đế và giết chết Dận Trinh.

Có người cho rằng Dận Trinh bị ôm, bệnh tình ngày một nghiêm trọng nên dẫn tới cái chết. Qua 3 tháng triều đình mới công bố cái chết của ông ta.

Mấy năm gần đây, ở hải ngoại có học giả cho rằng Dận Trinh muốn tìm sự trường sinh bất lão nên đã dùng thuốc Đan vì thế bị trúng độc mà chết.

Hiệu miếu của Dận Trinh được đặt là Thê Tông. Trong sử gọi là Ung Chính hoàng đế.

CAO TÔNG (CÀN LONG HOÀNG ĐẾ - HOĂNG LỊCH)

Cao Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Hoăng Lịch (1711 - 1799) ông là con trai thứ 4 của hoàng đế Ung Chính. Hoăng Lịch kế vị khi Ung Chính chết. Ông trị vì 60 năm, ôm chết, hưởng thọ 89 tuổi. Mai táng ở Dụ Lăng - Hà Bắc (nay thuộc tỉnh Hà Bắc).

*

Thời Ung Chính trị vì đã lập Hoăng Lịch làm Bảo Tân Vương, tháng 8 năm 1735 Ung Chính chết, quân thัnn giục thái giám tổng quản lây hộp kín ở sau bức trướng xuong xem, tuyên đọc di chiếu trong bản di chiếu đó viết: "Lập con trai thứ 4 là Hoăng Lịch làm

người kế vị". Cùng tháng đó Hoàng Lịch lên kế vị và đổi niên hiệu là "Càn Long".

Tương truyền mẫu hậu của Vạn Lịch là Vương Phi của Ung Chính sinh hạ một người con gái. Cùng tháng đó phu nhân của Hải Ninh Trân Các Lão sinh con gái sẽ không được lòng của Ung Chính nên bà ta trả vò là đã sinh hạ con trai và bí mật sai người đền nhà của Trân Các Lão bê bé trai vào cung còn đưa con gái mình cho nhà họ Trân nuôi dưỡng. Trân Các Lão đành phải chấp thuận và cũng không dám tâu cáo với hoàng đế. Truyền thuyết nói Hoàng Lịch 6 lần xuông vùng Giang nam và âm thầm đi thăm mẹ.

Trong thời gian Hoàng Lịch trị vì, bình định được bộ tộc Chuẩn Cát Nhĩ, tiêu diệt thế lực của tiều hòa Trác Lộ mọc ở Thiên Sơn Nam Lễ tăng cường sự quản lý của chính phủ trung ương đối với khu vực biên cương, nghiêm ngặt cự tuyệt yêu cầu mang tính xâm lược của đặc sứ nước Anh. Thời bình định ở Thiên Sơn Nam Lộ, quân Thanh bắt được một phi tử của tiều hòa Trác Lộ, cô ta là một góa nhân tuyệt sắc, thân thể toát ra một mùi hương kì lạ, mọi người gọi cô ta là Hương Phi. Vạn Lịch vô cùng say đắm cô ta, muốn lẫy cô ta làm phi tử và ra lệnh dẫn cô ta nhập cung. Ông còn cho phép cô ta và tùy tùng ăn mặc theo kiểu Hồi giáo và xây dựng một căn phòng và lễ đường theo kiểu kiến trúc Hồi Giáo ở Tây Uyển... Mặc dù ông đối xử tốt với cô ta như vậy, nhưng cô ta không mấy may động lòng, kiên quyết không chịu khuất phục. Một hôm, cung nữ phụng mệnh của Hoàng Lịch đền khuyên giải Hương Phi, cô ta rút ra một con dao găm khién các cung nữ trốn chạy ẩn nấp. Thái hậu sợ Vạn Lịch gấp bắt trả c, nhân lúc Hoàng Lịch đi cúng tế đã sai gọi Hương Phi đền hỏi cô ta có dự định gì. Hương Phi đáp: "Nguyễn lẫy cái chết để tỏ lòng thanh bạch". Thái hậu đồng ý và cho cô ta tự sát. Về cung bít chuyện Hoàng Lịch bị ôm một trận. Sau chuyện này ông ra lệnh mang thi thể Hương Phi về Tân Cương chôn cất mai táng và xây mộ cho cô ta. Mấy năm gần đây, các chuyên gia qua khảo sát của thực ra Hương Phi là sủng phi của Vạn Lịch, cô ta người dân tộc Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương, cô ta và gia tộc từng tham gia vào cuộc bình định phản động của quý tộc, để thúc đẩy dân tộc đoàn kết và duy trì sự thống nhất của tổ quốc nên cô ta đồng ý tiến vào cung nhà Thanh và nhận được sự sủng ái của Vạn Lịch và thái hậu, cô ta

được phong làm phi tâ`n. Cô ta ăn mặc theo kiểu dân tộc mình và tung theo Hoă`ng Lịch chu du khă`p địa phương. Cô ta sô`ng trong cung 28 năm, đê`n 55 tuổi bị ô`m chê`t và mai táng ở Đông Lăng, trên nă`p quan tài có "Kính Khả Lan" chép theo văn Ả Rập. Cô ta lưu lại một giai thoại cho dân tộc Trung Hoa.

Cô 6 lâ`n Vạn Lịch đi du lăm ở vùng Giang Nam. Đi ra ngoài râ`t phô trương lăng phí, nhiễu hại dân chúng.

Vạn Lịch còn đại hùng án văn tự, nê`u tính trong lịch sử triê`u Thanh là cô` sô` lượng lớn nhâ`t. Có một văn nhân tên là Hô` Trung Tảo, trong một bài thơ của mình anh ta có viê`t một câu: "Đem tâm can luận bàn đục thanh", Hoă`ng Lịch cho ră`ng câu này có ý phi báng nhà Thanh do đó đã sai thiêu chê`t cả gia tộc nhà Hô` Trung Tảo. Một lâ`n khác Hoă`ng Lịch nhàn rỗi đi dạo đê`n thư quán và nơi biên tập ngũ khô` toàn thư quô`c: "hoàng triê`u văn hiê`n thông khảo", "Tục văn hiê`n thông khảo", tổng biên tập thư quán là Kỉ Vân - là một người béo lùn, do thời tiê`t oi bức nên anh ta quâ`n bím tóc quanh đâ`u - cởi trâ`n ngô`i xem sách, thâ`y Hoă`ng Lịch đi đê`n, anh ta không kịp mặc áo đành chui xuô`ng gâ`m ghê`. Hoă`ng Lịch trả vò không biê`t, đê`n ngô`i trên ghê` của Kỉ Vân. Kỉ Vân đợi râ`t lâu, người toát đâ`y mô` hôi. Anh ta thâ`y trong phòng tĩnh lặng không có tiê`ng ai liê`n thò đâ`u hỏi: "Lão già đã đi chưa", hỏi xong câu đó mới thâ`y Hoă`ng Lịch vẫn đang ngô`i trên ghê`, anh ta tái mét mặt mà vội chui ra khỏi ghê` mặc áo và quỳ lạy xin nhận tội. Hoă`ng Lịch hỏi: "Tại sao khanh gọi trẫm là lão già? Hãy giải thích xem, nê`u nói hợp lý trẫm sẽ miễn tội chê`t cho khanh, nê`u nói không đúng trẫm sẽ định khanh tội chê`t". Kỉ Vân từ tô`n đáp: Từ "lão già" là cách gọi của quâ`n dân đô`i với hoàng đế` chứ không phải do thâ`n tự nghĩ ra. Hoàng đế` vạn tuồi, không bao giờ già, hoàng đế` luôn sô`ng trong lòng dân chúng, là thiên tử của muôn dân". Hoă`ng Lịch nghe giải thích râ`t hài lòng và nói với Kỉ Vân: "Khanh quả có tài biện bạch, trẫm miễn tội cho khanh". Từ đó ngày càng ưu đãi Kỉ Vân, liên tiê`p thăng chức cho ông ta.

Vào những năm cuô`i của cuô`i đời, Hoă`ng Lịch lại trọng dụng Hòa Thân. Hòa Thân là vị quan tham lớn nhâ`t trong lịch sử, trong

20 năm anh ta được Hoă`ng Lịch sủng ái anh ta đã tham ô vô sô` của cải, chính trị nhục bại, khởi nghĩa nông dân nổ ra liên tục.

9 lâ`n Hoă`ng Lịch đê`n Khúc Phụ du lăm. Lâ`n thứ hai đê`n Khúc Phụ, ông sô`ng tại đâ`m Cỗ Phán (hô` nước hình bâ`u dục nă`m ở phía Nam thành phô` Khúc Phụ), cảnh đẹp ở đó làm mê hoặc lòng người, nơi ở của ông đô`i diện với phong cảnh Nã Dị nhân ông thuận miệng đọc 1 câu thơ: Ông ghi nhớ trong sách đã từng nói: Vào thời Minh thành Khúc Phụ là thành cũ ở Đông Giao dời đê`n, vậy thì, vậy thì nơi này làm sao có đâ`m Cỗ Phán, một di tích của nước Lỗ được? Đâ`m Cỗ Phán đương nhiên thuộc thành cũ. Do đó ông ta đê` hát vié`t 1 câu:

*"Thập Lí Đông Giao Cựu Lỗ Thành
Tân Thành An Đă`c Phàn Trí Danh".*

Một sô` bài thơ này đê`u được khă`c lên bia đá và dựng ở bên bờ đâ`m Cỗ Phán. Lâ`n thứ 4 Hoă`ng Lịch đê`n Khúc Phụ, ông có kiểm tra một sô` sách sử và phát hiện thâ`y thành cũ vô`n dĩ đặt tại nơi đây, đê`n thời Thô`ng dời đê`n Đông Giao, thời Minh lại quay về chô`n cũ, vì vậy thành Cỗ Phán đúng là đặt tại nơi đây. Lúc này ông mới biê`t những bài thơ do mình làm có kê`t luận sau ông xâ`u hổ vô cùng. Ông lại vié`t một bài thơ:

*"Đâ`t này vô cùng nổi danh
Thành mới là thành cũ
Quán tro ngày nay vẫn lưu tô`n
Sông Đâ`m vẫn ở triề`u Thanh".*

Vié`t xong bài thơ đó ông mới cảm thâ`y đỡ xâ`u hổ, tự trách mình đọc sách không kĩ, chỉ biê`t một mà không biê`t hai không xem xét kỹ đã vội đưa ra kê`t luận. Để cáo lỗi với hậu thê`, ông ta đem sai lâ`m của mình vié`t thành một bài văn và cho khă`c là bia đá rô`i dựng ở bên bờ đâ`m Cỗ Phán, cho đê`n hôm nay vẫn tô`n tại di tích đó.

Cuô`i năm 1795, Hoă`ng Lịch quyê`t định nhường ngôi cho hoàng thái tử. Ông hạ chiê`u nói: "Trẫm lên ngôi từ năm 25 tuổi, lúc

đó trãm từng thê` với trời đâ` t, nê` u trãm trị vì được 60 năm, thì sẽ truyê`n ngôi cho hoàng thái tử, không dám ở ngôi bã`ng sô` năm của hoàng tổ (chỉ Khang Hi). Bây giờ trãm trị vì đã 60 năm, không dám vi phạm lời thê`, trãm quyê`t định nhường ngôi cho con trai thứ 15 là Ưng Diễn. Tạm thời Ưng Diễn chưa đủ sức quản lí việc quô`c sự. Trãm sẽ chỉ dạy cho Ưng Diễn". Đại thâ`n Hòa Thân ra sức ngăn cản nhưng Hoă`ng Lịch không nghe ngày Mậu Thân tháng 1 năm 1796 đã tổ chức đại lễ nhường ngôi tại điện Thái Cáp, Hoă`ng Lịch xưng là thái thượng hoàng, nhưng vẫn nă`m giữ quyê`n lực trong triê`u.

Tháng 1 năm 1799, Hoă`ng Lịch bị ô`m, râ`t nhiê`u ngụy y được gọi đê`n chữa trị cho ông ta nhưng không có kêt quả. Ông mấ`t ngày Nhâm Tuâ`t tại điện Dưỡng Tâm.

Hiệu miê`u của Hoă`ng Lịch là Cao Tông, trong sử gọi là Càn Long hoàng đê`.

NHÂN TÔNG (GIA KHÁNH HOÀNG ĐÊ` - ƯNG DIỄN)

Nhân Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Ưng Diễn (1760 - 1820). Ông là con trai thứ 15 của hoàng đê` Càn Long. Ông được Càn Long nhường ngôi và lên kê` vị. Ưng Diễn trị vì 25 năm ô`m chê`t, hưởng thọ 61 tuổi. Mai táng ở Xương Lăng (nay thuộc núi Vĩnh Ninh thị trâ`n Thái Ninh cách 50 km về` phía Tây huyện Dị tỉnh Hà Bă`c).

*

Thời Càn Long trị vì đã lập Ưng Diễn làm Gia Tân Vương. Năm 1796 Càn Long nhường ngôi cho Ưng Diễn và cho đổi niên hiệu là "Gia Khánh".

Sau khi Ưng Diễn lên kê` vị, việc quô`c gia đại sự vẫn do thái thượng hoàng Càn Long quyê`t định. Năm 1799 Càn Long chê`t, Ưng Diễn mới đích thân chủ trì quô`c sự. Được 6 ngày sau khi tự thân điê`u hành triê`u chính ông ra lệnh bã`t giữ Hòa Thân, tịch thu tài sản ước tính khoảng 1 tỉ lạng bạc tră`ng, tương đương với tổng thu nhập tài chính của triê`u đình Thanh khoảng 20 năm. Được ít lâu Hòa Thân bị xử tội chê`t.

Trong thời gian Ưng Diễn trị vì, hấ u như đấ t đai tập chung vào tay quan lại và địa chủ, nông dân bị phá sản và phải số ng lưu vong, chính trị nhục bại, khởi nghĩa nông dân bùng nổ liên tiế p, ví dụ phái Bạch Liên Giáo và Thiên Lí Giáo. Vương triế u Thanh đi vào tình trạng suy bại.

Ngày 20 tháng 2 năm 1803, Ưng Diễn từ vườn Viên Minh quay về Đại Nội, đi đế n cửa Thuận Trinh, đột nhiên có một hán tử xông ra hành thích, 100 vệ binh đi theo bảo vệ Ưng Diễn, ai ná́ y đế u kinh hãi, may thay có vài Tân Vương hét bọn chúng đánh thích khách bảo vệ hoàng đế , bắ t được thích khách. Hóa ra thích khách tên là Trấ n Đức, anh ta vố n là một dân thường vì nghèo khổ cùng cực hận sự đàn áp của giai cấ́ p địa chủ nên mới xả thân vào hoàng cung, định hành thích hoàng đế . Sau chuyện này, cả nhà Trấ n Đức bị giế t sạch.

Tháng 9 năm 1813 Ưng Diễn rời cung đi săn ở Mộc Lan. Lúc này một nhánh quân khởi nghĩa Lí Thiên Giáo, quyế t định chiế m giữ hoàng cung trong lúc vương công đại thấ n ra ngoại thành đón Ưng Diễn, trong cung không có ai, nhắ m lật đổ triế u Thanh. Ngày 14 tháng 9 quân khởi nghĩa cải trang thành thương nhân, cấ t giấ u vũ khí và trà trộn vào kinh thành, sau khi liên kế t với một số́ thái giám trong hoàng cung, trưa ngày 15 phát động khởi nghĩa, xông vào cửa Tây Hoa, men theo hoàng đạo tiế n đế n cửa Long Tông. Quân cấ m vệ vội vàng đóng cửa lớn. Quân khởi nghĩa vòng cửa Dưỡng Tâm trố n vào những lùm cây và trèo lên tường, chẳng may bị hoàng tử thứ hai sai lính đố t lửa đánh bại. Sau chuyện này Ưng Diễn lo lắ ng trong lòng lên sai chặt bỏ cây. Các hoàng đế đời sau cũng lấ y đó làm bài học nên không dám trố ng cây.

Ngày Nhâm Thân tháng 7 năm 1820 Ưng Diễn lại đi săn ở Lan Mộc và tạm trú ở sơn trang. Ngày Kỉ Mão ông thấ y đau đấ u, người nông như lửa, ông cho rắ ng trời nắ ng nóng nên không đế phòng. Không ngờ, bệnh tình ngày một nghiêm trọng, ông biế t khó lòng qua khỏi nên tuyên gọi các đại thấ n vào dặn dò. Chiế u theo gia pháp ông đã bí mật lập con trai thứ hai là Dân Ninh làm hoàng thái tử. Hiện Dân Ninh đang đi theo hấ u trẫm, tuyên bố́ lập Dân Ninh làm người kế́ vị. Ngày 25 ông băng hà.

Hiệu miêu của ông là Nhân Tông và trong sử gọi ông là Gia Khánh hoàng đế.

TUYÊN TÔNG (ĐẠO QUANG HOÀNG ĐẾ - DÂN NINH) (THANH)

Tuyên Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Dân Ninh (1782 - 1850). Ông là con trai thứ 2 của hoàng đế Gia Khánh. Dân Ninh kế vị khi Gia Khánh mất. Ông trị vì 30 năm, ôm chê t, hưởng thọ 69 tuổi. Mai táng ở Mộ Lăng (nay thuộc núi Vĩnh Ninh thị trấn Thái Ninh cách 50 km về phía Tây huyện Dị tỉnh Hà Bắc).

*

Ngày 25 tháng 7 năm 1820 Gia Khánh ôm chê t, cùng ngày hôm đó Dân Ninh lên kế vị và đổi niên hiệu là "Đạo Quang".

Trong thời gian Dân Ninh trị vì, đã nổ ra cuộc chiến tranh Nha Phiên. Ông do dự ngần ngại lúc đánh lúc hòa, cuối cùng thực hiện chính sách phản động "Muốn chung ngoại xâm trước tiên cần làm yên ổn nội bộ". Về đối nội ông trấn áp nhân dân, áp ché phái kháng chiến như: Lâm Tắc Từ, Đặng Đình Trinh, Dương Phương trọng dụng những người trong phái đầu hàng như: Mục Chương Hà, Kì Thiện, Dịch Sơn, Dịch Kinh... Về đối ngoại ông thỏa hiệp đầu hàng và cùng với phương Tây ký kết một loạt điều ước làm nhục quốc thể và tổn hại tới chính quyền, ví dụ như "điều ước Nam Kinh", khiến Trung Quốc rơi vào một xã hội nửa thực dân.

Vào những năm cuối đời Dân Ninh định lập con trai thứ 4 là Dĩnh Chủ làm hoàng thái tử, nhưng sau lại thích con trai thứ 6 là Dịch Tân. Vì nhu cầu chuyện rắc rối nên chưa hạ quyết tâm. Thủ y giáo của Dĩnh Chủ là người Tân Châu, ông ta là đại học sĩ Đỗ Thụ Diện, rất mong muốn Dĩnh Chủ lên kế vị. Một hôm Dịch Chủ phụng mệnh của Dân Ninh đi săn ở Nam Uyển. Đỗ Thụ Diện nói với Dịch Chủ: "Con đã đền Nam Uyển, chỉ cần ngồi xem các anh em cưỡi ngựa săn bắn, tự mình nhất định không được làm thay cho kẻ khác, hơn nữa cũng đừng để tùy tùng của con đi săn. Nếu hoàng thượng có hỏi, con chỉ cần trả lời theo kiểu này, nhất định giành được lòng tin của hoàng đế". Và Đỗ Thụ Diện còn dặn đi dặn lại Dịch Chủ "Việc

này có quan hệ tới vinh hoa phú quý của cuộc đời con, con nhất định phải làm theo cách làm của thấy". Đến bắi săn quả nhiên Chu Dĩnh không săn bắn và còn cát m thuộc hạ của mình không được bắn sinh vật, mặc cho các anh em huynh đệ đua nhau đi săn: Các anh em hỏi Dĩnh Chủ tại sao không đi săn, Chu Dĩnh trả lời vì sức khỏe không tôt nên không đi, cuối chiếu khi hoàng hôn các hoàng tử đếu về cung báo cáo chiến lợi phẩm đi săn của mình. Trong các hoàng tử có Dĩnh Tâm là săn được nhiếu nhất, trong khi đó Dĩnh Chủ chẳng có một con vật gì. Dân Ninh bức bối trách mắng Dĩnh Chủ "Tại sao con đi săn cả ngày mà không được một con thú nào vậy?" Dĩnh Chủ từ tốn trả lời: "Nhi thấn tuy vô nă̄ng, nhưng nếu thấn ra tay nhất định sē săn được thú, con nghĩ rắng mùa xuân vừa đến, chim thú vừa mói mang thai, nhi thấn không nỡ tay sát hại và cũng không muốn cùng anh em tranh giành tài nă̄ng". Dân Ninh nghe xong, rất vui mừng và nói: "Được được,xem ra con là người đại ân đại đức, tương lai nhất định là một minh quân, trị lí tôt việc trong thiên hạ". Dân Ninh bí mật lập Dĩnh Chủ làm người kế́ vị và cát di chiếu vào trong hộp kín đặt ở sau bức trướng chính đại quang minh.

Ngày Bính Ngọ tháng 1 năm 1849, Dân Ninh ốm do buốn rấu vế việc chính sự, thời gian đấu ông miễn cưỡng lâm triếu giải quyé́t việc chính sự, ngày Đinh Mùi tháng 1 năm 1850 bệnh tình của ông chuyển ra nghiêm trọng. Ông biết không còn hi vọng phục hôi sức khỏe, gọi vội vàng triệu tập Tài Thuyên ở phủ Tông Nhân, đại thấn Tái Viên, Hoa Đoan, Tăng Cách Lân Tất, đại thấn quân co Mục Bành Hà, Trại Thượng Hà... đại thấn phủ nội vụ là Văn Khánh... sai bọn họ và thái giám tổng quản đi lấy hộp kín ở cung Càn Thanh để tuyên đọc chiếu thư. Chiếu thư chỉ có 5 chữ: "Con thứ 4 Dĩnh Chủ". Buổi trưa, Dân Ninh băng hà.

Hiệu miếu của Dân Ninh là Tuyên Tông. Trong sử gọi ông là Dao Quang hoàng đế.

VĂN TÔNG (HÀM PHONG HOÀNG ĐẾ - DĨNH CHỦ) (THANH)

Văn Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Dĩnh Chủ (1831 - 1861). Ông là con trai thứ 4 của Đạo Quang hoàng đế. Dĩnh Chủ kế́ vị khi

Đạo Quang ché́t. Ông trị vì 11 năm, bị ốm ché́t. Hưởng thọ 31 tuổi. Mai táng ở Định Lăng - Hà Bắc (nay ở núi Xương Đoan cách 70 km về` phía Tây Bắc huyện Tôn Hóa tỉnh Hà Bắc).

*

Ngày Đinh Mùi tháng 1 năm 1850 Đạo Quang ché́t, ngày Kỉ Mùi Dĩnh Chủ lên kế vị và đổi niên hiệu là "Hàm Phong".

Trong thời gian Dĩnh Chủ trị vì, lấn lượt bùng nổ cuộc khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc và cuộc chié́n tranh nha phié́m lấn thứ 2. Ông dựa vào địa chủ tộc Hán và sự cứu viện của bọn người phuong Tây xâm lược vào Trung Quốc để đàn áp đẫm máu quân Thái Bình. Quân Thái Bình không chịu tập chung lực lượng để tié́n hành Bắc Phật và phát sinh "Thiên kinh sự biến". Khiến quân Thanh có cơ hội nghỉ ngơi. Hàm phong thỏa hiệp cù́u hòa với quân Anh, Pháp, Nga, ông ta còn bối dưỡng thêm khí thế́ cho quân xâm lược, kí kế́t các đié́u ước bán nước, ví dụ: đié́u ước "Thiên Tân", "đié́u ước Bắc Kinh", khiến Trung Quốc bước thêm một bước vào ché́ độ nửa thực dân.

Cuộc sống của Dĩnh Chủ hoang dâm hơn so với cha ông tổ tiên. Năm thứ hai sau khi lên ngôi, ông ra lệnh tuyển chọn các mĩ nữ vế cung, người được ông ta sủng ái là Lan Nhi (vê` sau này trở thành thái hậu Từ Hi). Ông vài lấn cùng gia nhân và hoạn quan tuyển chọn các cô gái dân tộc Mãn và dân tộc Mông, phá hoại quy tắc tổ tông, chọn phụ nữ tộc Hán vào cung. Trong đó có 4 người được sủng ái nhất là: Mẫu đơn xuân, võ lâm xuân, hải đường xuân, hạnh hoa xuân, người thời đó gọi là "Tứ xuân nương nương", các cô gái đó cư trú ở vườn Viên Minh. Một lấn có một đoàn thiếu nữ bị xếp hàng ngoài cửa cung Khôn Ninh để Dĩnh Chủ tuyển chọn. Các thiếu nữ nghĩ đến tình cảnh pải li biệt người thân nên đếu không ngăn được dòng nước mắt, ở bên ngoài cung Khôn Ninh vang lên tiếng khóc than. Tổng quản thái giám to tiếng quát nạt bọn họ: "Hoàng thượng sắp đến nếu các cô không nín khóc. Hoàng thượng mà nhìn thấy các cô nước mắt ngắn nước mắt dài, ắt hăn các cô sẽ bị đòn". Có một thiếu nữ không sợ những lời đe dọa nạt đó, cô ta bước đến trước mặt tổng quản thái giám và mắng chửi: "chúng tôi phải lìa xa bố mẹ

và người thân, tiến vào cung để đợi xé́p hàng tuyển chọn, kỳ thật là không có cách gì; bị chọn đến đây rồ́i cũng bị giam lỏng suốt đời, chẳng khác gì tội phạm. Ai mà chẳng đau khổ, nghĩ đến cha mẹ vất và cả đời nuôi chúng tôi trưởng thành, vậy mà chúng tôi không báo đáp được công ơn cha mẹ, sống mà li biệt cha mẹ thì còn đau khổ hơn là ché́t. Böyle giờ thiên hạ đại loạn. Hoàng thượng không hạ chiếu lựa chọn nhân tài, tích lũy lương thực, bảo vệ giang sơn, chỉ biết đắm chìm trong nũ sǎ́c, cưỡng ép con gái nhà lành, khiến họ cả đời không nhìn thấy ánh mặt trời, thử hỏi xem các anh minh quân chủ có ai như vậy không?" Các thái giám nghe vậy, ai nã́y đếu thất kinh. Lúc này, Dĩnh Chủ đi đến, thái giám hoảng hồn trói cô gái đó và giải đến trước mặt Dĩnh Chủ, bọn họ muốn cô gái quỳ xuống nhận tội. Cô gái không cự khống quỳ vẫn cao giọng nói: "Hôm nay tôi quyết định chọn cái ché́t, nhất quyết không quỳ". Dĩnh Chủ nói: "Những lời khanh vừa nói! Trẫm chỉ nghe được một nửa, khanh hãy nói lại cho trẫm nghe". Cô gái đó lại mắng chửi Dĩnh Chủ một lấn nữa. Dĩnh Chủ nói: "Khanh quả thật không sợ ché́t à!" Cô gái đáp: "Tôi ché́t rồ́i, ngàn đời vẫn lưu danh tên tuổi của tôi, ngược lại ông là hoàng thượng mà lại tự tách mình ra như thế́?". Nói xong, cô gái lao mình định đập đấu vào cột đá, may thay thái giám giữ cô ta lại được. Dĩnh Chủ thấy cô ta không sợ ché́t, nếu giế́t cô ta sẽ tự hủy hoại thanh danh của mình, do đó ông ta nhốt cô gái vào cung.

Tháng 9 năm 1860 liên quân Anh Pháp tiến gấn Bắc Kinh. Dĩnh Chủ vội vàng dẫn hoàng hậu và Ná Nạp Thị (về sau này là thái hậu Từ Hi), "tứ xuân nương nương" và hơn 100 nữ hấu... chạy đến Nhiệt Hà. Được ít lâu liên quân Anh Pháp tiến hǎn vào Bắc Kinh, đốt cháy vườn Viên Minh. Sau chuyện này, Dĩnh Chủ phái Cung Tân Vương Dĩnh Tâm đi đàm phán với quân xâm lược, cắt đất cấu hòa. Nhưng Dĩnh Chủ vẫn không dám quay về Bắc Kinh. Tháng 7 năm 1861, Dĩnh Chủ sinh bệnh. Ngày Nhâm Dấn, ông thấy bệnh tình của mình chuyển ra nguy kịch, ông tuyên gọi các đại thấn: Tái Viên, Đoan Hoa, Túc Thuận, Cảnh Thọ, Khuông Nguyên, Đỗ Hàn, Mục Ân, Tiêu Hựu Thắng để tiếp nhận di lệnh. Ông hạ lệnh lập con trai lớn là Tái Thuấn làm hoàng thái tử. Vì hoàng thái tử còn nhỏ do đó ông hi vọng 8 vị đại thấn hết lòng trợ giúp. Ngày hôm sau (ngày Quý Mão) ông mả́t tại tẩm cung ở sơn trang Tị Thủ.

Hiệu miêu của Dĩnh Chủ là Văn Tông. Trong sử gọi ông là Hàm Phong hoàng đế.

MỤC TÔNG (THUẬN TRỊ HOÀNG ĐẾ - THÁI THUẬN) (THANH)

Mục Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Tái Thuân (1856 - 1875). Ông là con trưởng của hoàng đế Hàm Phong. Ông kế vị khi Hàm Phong chết. Ông trị vì 13 năm, bị chết vì bệnh giang mai. Hưởng thọ 19 tuổi. Mai táng ở Huệ Lăng (na ở núi Xương Đoan cách 70 km về phía Tây Bắc huyện Tôn Hoa tỉnh Hà Bắc).

*

Mẹ đẻ của Tái Thuân là Từ Hi. Ngày Quý Mão tháng 7 năm 1861 Hàm Phong chết, cùng ngày hôm đó Tái Thuân lên kế vị và đổi niên hiệu là "Kì Tường".

6 tuổi, Tái Thuân đã lên ngôi hoàng đế, do 8 đại thần phụ giúp công việc triều chính. Tháng 10 năm đó, mẹ đẻ của Tái Thuân là Từ Hi và Dĩnh Tâm hợp mưu phát động binh biến cung đình, hai bọn họ lợi dụng hoàng thái tут chuyển từ Nhiệt Hà về Bắc Kinh, nên đã loại bỏ 8 vị đại thần cướp đoạt chính quyền và cho đổi niên hiệu là "Đông Trị". Lấy năm sau là năm Đông Trị đầu tiên. Trong lịch sử gọi cuộc chính biến này là "cuộc biến Kì Tường". Từ đó Thái hậu Từ Hi bắt đầu nắm giữ triều chính, đi tới con đường câu kết với bọn xâm lược. Chính phủ Thanh thực hiện chính sách mượn lính phuong Tây để đàn áp khởi nghĩa", trấn áp các cuộc khởi nghĩa: thái bình thiên quốc, dân Miên, dân Hồi,... tạm thời làm dịu mô hình hiểm đe dọa sự thống trị vương triều Thanh. Vì vậy, niên giám Đông Trị trị vì, giai cấp thống trị Thanh bị thổi phồng là "Đông Trị trung hưng".

Tái Thuân hoang dâm vô cùng ông ta còn hơn cha đẻ là Hàm Phong rát nhiều. Ông ta có nhiều hậu phi, nhưng vẫn dẫn hai thái giám và cải trang làm dân thường đi ra khỏi cung điện khu kí nữ ở thành nam để tìm hoa ghẹo nguyệt nửa đêm vẫn chưa về cung.

Theo truyền thuyết trong một thời gian dài ông ta bị bệnh giang mai. Lúc đầu, ông ta cảm thấy toàn thân nóng ran, miệng khát, lưng đau. Ngay không đoán được là bệnh gì, nên đành chữa trị theo bệnh cảm mạo thông thường. Liên tiếp vài ngày, còn sót vẫn không dứt toàn thân nọc ra những nốt đỏ, khi vào giai đoạn cuối phán đàu và phán mặt đê'u đỏ ô'i, những nốt đỏ ở má bên trái bị vỡ những nốt mụn đỏ máu chảy, hai bên má đê'u bị thương, lợi xin màu đen, giọng khản phải khó khăn lầm mówi nói ra lời. Thái hậu Từ Hi sợ Tái Thuận soi gương sẽ nhìn thấy dung nhan xấu xí, do đó bà ta ra lệnh cho thái giám cát hét gương ở điện Dưỡng Tâm. Tái Thuận đòi soi gương, hoàng hậu viện lí do người bệnh không được soi gương để nhảm cản trở ông ta.

Để bảo vệ sự uy nghi của một đế vương, nên không dám công bố Tái Thuận bị bệnh giang mai mà chỉ nói là bị bệnh đàu mùa. Một hôm hoàng hậu của Tái Thuận đi tới điện Dưỡng Tâm thăm ông và nói với Tái Thuận: thái hậu Từ Hi hơi một tí là mắng cô ta mặc dù chỉ là những chuyện không đâu, và cô ta còn khóc nãc lên từng hồi. Thái hậu Từ Hi vô nãm không thích có con dâu đó, bà ta còn sai người giám sát theo dõi. Ngày hôm đó Từ Hi nghe nói hoàng hậu đi thăm hoàng đế, Từ Hi bèn đứng ngoài lầu các Đông Noãn điện Dưỡng Tâm để nghe trộm cuộc chuyện trò giữa hai người. Bà ta nghe hoàng hậu nói xáu mình, nhất thời tức giận dùng dùng đi ra khỏi chỗ nãp, xông thẳng vào chỗ hoàng hậu túm tóc và tát túi bụi cô ta, gọi thái giám đén chuẩn bị trừng phạt hoàng hậu. Tái Thuận thay cảnh đó, liền hôn mê bất tỉnh, Từ Hi mới không dùng hình đói với hoàng hậu. Bệnh tình của Tái Thuận ngày càng trầm trọng, ngày Giáp Tuất tháng 12 năm 1874 ông ta băng hà. Không ít học giả cho rằng, Tái Thuận chết vì bệnh đậu mùa chứ không phải vì bệnh giang mai.

Hiệu miếu của Tái Thuận là Mục Tông. Trong sử gọi là Đô ng Trị hoàng đế.

Vì cái chết của Tái Thuận mà hoàng hậu bị Từ Hi quy tội. Hôm mà Tái Thuận chết, hoàng hậu định ngâm oan tự sát, may mà có người phát hiện được cứu sống cô ta. Lúc này Tái Thuận chưa có con, nhưng hoàng hậu đã mang thai. Từ Hi bắt chán sự phản đói

của các đại thê`n liê`n nhận con trai của em gái mình làm con nuôi (cậu bé tên là Tái Điê`n mà chỉ lên 4 tuổi), và cho cậu bé làm hoàng đế` (Quang Tự).

Đê`n lúc này thê` hệ hoàng đế` cha chê`t con kẽ` vị đã bị đứt đoạn. Từ Hi lo lă`ng, vê` sau hoàng hậu của Tái Thuâ`n sẽ sinh con trai, lúc đó hoàng hậu sẽ trở thành hoàng thái hậu và ảnh hưởng đê`n địa vị của Từ Hi, do đó bà ta hạ mật lệnh că`t đứt nguô`n lương thực của hoàng hậu. Hoàng hậu chỉ còn biê`t dựa vào cha mẹ đê`xin lương thực nhă`m duy trì sự sô`ng và hỏi cách xử sự nên là thê` nào: Cha cô ta gửi thư và một ít lương thực đê`n, trong bức thư chỉ có 4 chữ: "hoàng hậu thánh minh", ý nói không ai cứu được con, chỉ có bản thân con quyê`t định được chuyện của mình. Hoàng hậu tuyệt vọng, đê`n canh ba đêm 20 tháng 2 năm 1875 cô ta thă`t cổ tự vẫn.

ĐỨC TÔNG (QUANG TỰ HOÀNG ĐẾ` - TÁI ĐIÊ`N) (THANH)

Đức Tông, ông ta tên là Ái Tân Giáo La. Tái Điê`n (1871 - 1908). Ông là cháu của thái hậu Từ Hi. Tái Điê`n kẽ` vị khi hoàng đế` Đô`ng Trị chê`t. Ông trị vì 38 năm, một thuyê`t nói bị Từ Hi hoặc Viên Thê` Khải hại độc chê`t, một thuyê`t nói bị ô`m chê`t. Hưởng thọ 38 tuổi. Mai táng ở Tông Lăng (nay ở núi Vĩnh Ninh thị trâ`n Thái Ninh cách 50 km vê` phía Tây huyện Dị tỉnh Hà Bă`c).

*

Tái Điê`n là con trai của Thuâ`n Tân Vương Dĩnh Xuyên, và là cháu ruột của Từ Hi. Đô`ng Trị chê`t không có con, Từ Hi quyê`t định lập Tái Điê`n lên kẽ` vị. Râ`t nhiê`u đại thâ`n phản đố`i. Khanh sứ Ngô Khả Độc quyê`t định lâ`y cái chê`t để can gián. Ông ta nuô`t thuô`c phiện sau đó đi gặp Từ Hi. Ông không sợ chặt đâ`u nên cao giọng nói: "Thái hậu có biê`t Tái Điê`n không phải là người kẽ` vị mang dòng phái chính thô`ng. Thái hậu chọn anh ta chỉ vì anh ta là con ruột của em gái thái hậu, nê`u anh ta lên kẽ` vị thái hậu có thể tiê`p tục lâm triê`u nghe việc chính sự, nă`m giữ đại quyê`n. Các hạ thâ`n đê`u phản đố`i cách làm đó của thái hậu. Anh em ruột của tiên hoàng (chỉ Đô`ng Trị) là Phó Luân Tân Vương có thể là người kẽ` vị.

Hôm nay thâ`n can đàm nói những lời nói này, thâ`n biê`t thái hậu nhâ`t định dùng hình với thâ`n. Nhưng thâ`n đã nuô`t thuô`c phiện rô`i, să`p giã từ cõi trâ`n rô`i, trước lúc chê`t, thâ`n nhâ`t định nói rõ với thái hậu, thái hậu chọn Tái Điê`n làm người kế` vị sẽ làm cho thiên hạ phỉ nhổ, hận thù. Nói xong, ông ta chạy đê`n trước môt Đô`ng Trị và chê`t ở đó. Từ Hi vẫn nhâ`t quyê`t bảo vệ ý định của mình. Ngày Ấ`t Hợi tháng 12 năm 1874 bà ta lập Tái Điê`n làm hoàng đê` và đổi niên hiệu là "Quang Tự".

Lên 5 tuổi, Tái Điê`n lên kế` vị. Từ Hi râ`t chuyên quyê`n. Năm 17 tuổi Tái Điê`n bă`t đâ`u nă`m chính sự, ông tận mă`t thâ`y cuộc chiê`n tranh Giáp Ngọ mang đê`n nỗi khổ và sự nhục nhã cho các đại thâ`n, ông một lòng một dạ muô`n làm nên nghiệp lớn, đê` cao địa vị của Trung Quô`c trên thị trường quô`c tế` . Từ năm 1895 đê`n năm 1898, ông hung khời vẫn động Duy Tân. Ông muô`n giành được sự giúp đỡ của phái Duy Tân, chính trực nă`m giữ chính quyê`n, nên phát sinh mâu thuẫn với Từ Hi. Cuộc cách mạng Duy Tân chỉ diễn ra 100 ngày, ông ban bô` một số` chiê`u lệnh có lợi cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, và đã gây ra sự báo thù của phái Bảo thủ. Từ Hi đã bàn bạc với đại thâ`n của phái Thủ Cựu là Vinh Lộc, trong lúc Từ Hi và Quang Tự đi Thiên Tân kiểm duyệt quân đội thì Vinh Lộc ở nhà sẽ phát động chính biê`n phê` truâ`t Tái Điê`n. Tái Điê`n được tin vội thông báo cho các đại thâ`n trong phái Duy Tân như: Khang Hữu Vi, Lương Khải Tân ủy thác nhiệm vụ trọng đại cho Viên Thê` Khải, bọn họ phái Đàn tự Đô`ng đan đêm hôm khuya phải đi gặp Viên Thê` Khải, muô`n anh ta trong lúc duyệt binh phát động binh biê`n giê`t chê`t Vinh Lộc, giam giữ Từ Hi, phụ giúp Tái Điê`n duy trì chính quyê`n mới. Viên Thê` Khải cũng hứa sẽ trung thành với hoàng đê`, nhâ`t định làm theo kế` hoạch của mọi người. Nhưng sau khi Đàn Tự Đô`ng cáo biệt ra vê` , anh ta lại đi báo cáo với Vinh Lộc, bà tay quay vê` Tử Câ`m Thành. Tái Điê`n biê`t sự tình bị bại lộ, họa lớn să`p đổ xuô`ng lên vội sai người đi báo với những người trong phái Duy Tân và bảo bọn họ chạy trô`n. Tái Điê`n bị Từ Hi gọi đê`n lễ đường Nghĩa Chính bị ép viê`t chiê`u thoái vị và giao â`n ngọc cho Từ Hi, sau đó bị giải đê`n Doanh Đài ở Nam Hải, cách biệt với thế` giới bên ngoài, thậm chí Chân Phi là bạn tri âm tri kỉ của ông ta cũng bị giam giữ ở chỗ khác. Trong phái Duy Tân chỉ có Khang Hữu Vi và Lương Khải

Siêu là chạy trốn ra nước ngoài, còn 6 người khác như: Đàn Tự Đô`ng... đê`u bị giê`t. Ngày Mậu Tuâ`t biê`n pháp Duy Tân tuyên bô` bị thâ`t bại.

Tái Điê`n bị giam giữ ở Doanh Đài và do 4 thái giám thân tín của Từ Hi giám sát. Ông ta có lúc ngô`i trên Bá Đài khoanh hai tay trước ngực, ưu tư buô`n râ`u, có lúc lại nă`m trên giường đau khổ nghỉ ngơi. Lúc thái giám buông lỏng không chú ý, ông ta lại lén lút viê`t nhật kí. Ông bị giam lỏng gâ`n 2 năm. Năm 1900 liên quân 8 nước tiê`n vào Bă`c Kinh Tái Điê`n bị Từ Hi dẫn chạy đê`n Tây An. Lúc să`p đi Từ Hi sai thái giám Lí Liên Anh đầy Chân Phi xuô`ng giê`ng ở trong Đông Hoa Môn. Tháng 1 năm 1902 Tái Điê`n bị Từ Hi dẫn quay về` Bă`c Kinh và vẫn bị giam lỏng ở Doanh Đài.

Tháng 10 năm 1908 Tái Điê`n bị ô`m, lúc này Từ Hi cũng bị ô`m. Trong nhật kí của Quang Tự có đoạn viê`t: "Hiện giờ bệnh tình của tôi râ`t nghiêm trọng, nhưng tôi nghĩ ră`ng lão phật giao (chỉ Từ Hi) sẽ chê`t trước tôi. Nê`u đúng như vậy, tôi sẽ ra lệnh chém chê`t Viên Thê` Khải và Lí Liên Anh". Không ngờ đoạn nhật kí này bị Lí Liên Anh đọc được, anh ta báo cáo với Từ Hi và nói: "Hoàng thượng muô`n chê`t sau lão phật gia". Từ Hi nghe xong giận dữ nói: "Ta không thể chê`t trước Tái Điê`n!" Ngày hôm đó (ngày Quý Dậu) bà ra lệnh cho Lí Liên Anh phục vụ cơm nước và thuô`c thang cho Quang Tự. Chiê`u hôm đó bệnh của Tái Điê`n chuyển ra nguy kịch, được lúc lâu thì chê`t. Có thuyê`t nói Từ Hi hại độc chê`t Quang Phổ. Có học giả cho ră`ng, do Viên Thê` Khải phản bội lại phái Duy Tân khiê`n Từ Hi trâ`n áp cuộc vận động Duy Tân. Khiê`n cuộc vận động đó chỉ kéo dài 100 ngày. Viên Thê` Khải lo nê`u Từ Hi chê`t, Tái Điê`n khôi phục ngôi vị sẽ hỏi tội anh ta, do đó anh ta cầu kêt với Khánh Tân Vương Dĩnh Khuông, định phê` truâ`t Tái Điê`n và lập con của Dĩnh Khuông lên kế` vị, nhưng việc không thành, đành ra tay hạ độc Tái Điê`n. Mâ`y năm gâ`n đây các nhà sử học căn cứ vào những tài liệu có liên quan tới những vụ án trong cung đình Thanh cho ră`ng Tái Điê`n bị ô`m chê`t. Từ nhỏ Tái Điê`n đã ô`m yê`u. Sau khi trưởng thành lại thêm tinh thâ`n bị đau khổ khiê`n cho bệnh tình thêm nghiêm trọng. Bị dô`n nén vê` tinh thâ`n cộng thêm vào đó là ô`m đau vặt do đó dẫn tới cái chê`t. Thuyê`t này được nhiê`u học giả tiê`p nhận.

Hiệu miêu của Tái Địch là Đức Tông. Trong sử gọi là Quang Tự hoàng đế.

TÙ HI THÁI HẬU (DIỆP HÁCH NÀ LẠP) (THANH)

Tù Hi bà ta tên là Diệp Hách Nà Lạp (1835 - 1908), bà ta là người dân tộc Mân, bà ta xuất thân là một tú nữ ở trong cung, bà là mẹ đẻ của hoàng đế Đỗ Ng Tri, bà là Ý Quý Phi của hoàng đế Hàm Phong. Hàm Phong chết, bà ta che rèm nghiệp chính. Năm giữ quyến hành trong triều 48 năm, về sau ôm chết, hưởng thọ 74 tuổi. Mai táng ở Định Lăng (nay là huyện Tôn Hoa tỉnh Hà Bắc).

*

Cha đẻ của Tù Hi là Đạo Viên, về sau gia cảnh bị suy bại. Tháng 5 năm 1851 Tù Hi bị tuyển chọn làm tú nữ về sau giành được sự sủng ái của Hàm Phong nên được phong làm quý nhân. Tháng 2 năm 1855 được phong làm Ý tânn. Tháng 3 năm 1856 sinh hạ được một người con trai (Đỗ Ng Tri) cùng vào tháng đó được tân phong làm Ý phi. Năm sau lại được phong làm Ý Quý Phi, dần dần địa vị ngày một nâng cao, bà ta một lòng muôn thâu tóm triều chính. Thời Hàm Phong còn sống đã phòng bị bà ta. Tháng 7 năm 1861 trước lúc lâm chung Hàm Phong đã từng đòi gặp tất cả các hậu phi chỉ trừ có bà ta là không cho vào gặp. Hàm Phong còn viết một di chiêu giao cho hoàng hậu (chính là thái hậu Từ An), nói: "nếu một ngày nào đó Từ Hi muôn lật đổ triều chính thì tuyển đọc chiêu thư để phế bỏ Từ Hi". Sau khi Hàm Phong chết, Từ Hi nghiệp lâm lừa gạt để lây lòng tin của Từ An khiênn Từ An đột bức di chiêu đó, sau đó Từ Hi cùng Cung Tân Vương Dĩnh Tâm hợp mưu phát động "chính biến kỉ tướng", giết chết công mệnh đại thần, cướp đoạt đại quyền. Trong thời gian Đỗ Ng Tri và Quang Phổ trị vì bà ta đã thâu tóm quyền hành và trấn áp cuộc cách mạng Duy Tân, bà ta 3 lần buông rèm châp chính, trở thành người thống trị trong vương triều Thanh ở niên giám Đỗ Ng Tri và Quang Tự.

Trước khi bị tiễn vào cung, bà ta đã yêu thôeng lĩnh của cả m vệ quân là Vinh Lộc. Sau khi nghiệp bà ta giúp Vinh Lộc có binh

lực và địa vị. Trong những cuộc đàu tranh trong cung đình, bà ta đe`u dựa vào lực lượng của Vinh Lộc nên giành được thê` thă`ng.

Trong thời gian Đô`ng Trị trị vì, bà ta xưng là làm thái hậu Từ Hi và gọi là "Tây Thái hậu". "Ná Lập Thái hụ". Có một lâ`n vùng Đông ă`c bị hạn hán, Từ Hi đe`n cửa Phật cầ`u mưa. Ba ngày sau quả nhiên mưa lớn. Thái giám Lí Liên Anh thừa cơ xúi giục bà ta:

Thái hậu quả là tài giỏi đe`n trời phạt cũng nghe lời thái hậu. Thái hậu quả thật giô`ng Lão Phật Gia. Từ đó Từ Hi xưng là Lão Phật Gia.

Trong thời gian Từ Hi nhiê`p chính bà ta dựa vào thê` lực phản động trong và ngoài Trung Quô`c để trâ`n áp quân thái bình thiên quô`c và khởi nghĩa nông dân ở các địa phương duy trì cuộc vận động Dương vự kí kêt` một loạt địe`u ước làm nhục quô`c với bọn xâm lược. Lợi dụng vào đó trâ`n áp vận động nghĩa hòa đoàn, phân hòa và trâ`n áp phái cách mạng giai cấ`p tư sản. Bà ta là đại biểu cho giai cấ`p thô`ng trị phong kiê`n trong xã hội nửa thực dân nửa phong kiê`n để dựa vào chủ nghĩa đói quô`c, là một công cụ tội ác của chủ nghĩa đói quô`c để thô`ng trị nhân dân Trung Quô`c.

Từ Hi cũng là một người phụ nữ có thê` lực phi thường mãnh liệt. Để bảo vệ sự tôn nghiêm và quyề`n uy của mình, bâ`t luận là thân thích ruột thịt hoàng thân quô`c thích, nê`u thuận theo bà ta thì sô`ng, không thuận thì chê`t. Bà ta còn lừa cả thái hậu Từ An để Từ An tiêu hủy di chiê`u sau đó dùng độc hại chê`t Từ An, để duy trì và bảo vệ quyề`n lực, bà ta đã ép hoàng hậu của Đô`ng Trị và sát hại Chân Phi.

Thái hậu Từ Hi tàn nhẫn đa nghi, tính khí thâ`t thường. Không vừa ý liê`n ra lệnh giê`t thái giám nô tì. Vì thê` , do chủ là ai nê`u đã vê` phe Từ Hi đe`u phải đe` cao cảnh giác. Chẳng may bị họa lớn rơi vào đâ`u. Thậm chí một sô` thái giám tâm phúc của bà ta đe`u thê` hiện sự khom lưng quỳ gô`i, phục tùng suô`t đời, từ đáy lòng của họ vẫn có dự định khác. Ví dụ tổng quản thái giám Lí Liên Anh là kẻ tâm phúc và thân tín nhâ`t của Từ Hi, vậy mà phút lâm chung Từ Hi sai gọi anh ta đe`n, nhưng anh ta viện cớ nói: "Tôi vô cùng sùng kính lão phật gia, không bao giờ tôi quên được dung mạo và tiê`ng nói của

người, tôi không đành lòng nhìn bà già từ cuộc sống và kiên quyết t
không đi. Từ Hi vừa chết. Anh ta là "y vô số" của cải châu báu và
chạy trốn. Rất nhiều năm sau, anh ta mới quay về Bắc Kinh và
chết tại đó.

Cuộc sống của Từ Hi rất xa xỉ, ăn một bữa cơm thì phải tiêu phí
vô số bạc. Bình thường bà ta thích ăn những thực vật có mỡ béo, đặc
biệt thích ăn vịt béo, thường tham ăn làm bùa, khiến vị bị hủy
hoại. Vào những năm cuối đời bệnh tật nhưng không giữ gìn vậy mà
ăn uống tùy tiện. Năm 1904 Vinh Lộc bị ôm chết, tinh thần bà ta
bị tổn hại nghiêm trọng.

Ngày 13 tháng 10 năm 1908 bà ta tròn 74 tuổi, trong cung mổ
ý trong tiệc chúc thọ. Bà ta ăn nhiều hơn mọi ngày, đến ngày thứ 5 thì
bị bệnh, cộng thêm vào đó bà ta lại dùng thuốc phiện nên bệnh tình
vô phương cứu chữa, bà ta trở thành một bà già hom hem. Ngày 20
lập Phỗ Nghi làm người kế vị. Ngày 21 Quang Tự băng hà. Buổi trưa
ngày 23, Từ Hi thay chóng mặt, hôn mê lúc tỉnh dậy bà ta lập tức
tuyên triều hoàng hậu của Quang Tự, nghiệp p chính vương Tài Phong
và các đại thần quân cờ... vào tắm cung và dặn: "Bệnh của ta khó
lòng qua khỏi, từ nay việc quốc sự do nghiệp p chính vương xử lý". Nói
xong bà ta sai đại thần quân cờ lập di chúc. Tôi hôm đó, qua một
cơn hôn mê bà ta tỉnh lại và dặn các đại thần "Từ hôm nay về sau,
không cho phép phụ nữ tham gia vào công việc triều chính việc này
nhất định phải nghiêm khắc cấm đoán, nhất thiết phòng bị. Đặc
biệt không cho phép thái giám tham gia vào công việc triều chính,
chỉ vì thái giám tham dự vào công việc triều chính nên mới dẫn tới
cơ sự này". Nói xong, bà ta băng hà.

LONG DỤ THÁI HẬU (DIỆP HÁCH NÀ LẠP) (THANH)

Thái hậu Long Dụ, bà ta tên là Diệp Hách Nà Lạp (1868 - 1913) bà
ta là hoàng hậu của Quang Tự, thời Tuyên Thống, bà ta tự phong
làm thái hậu. Thái hậu Từ Hi ôm chết, Long Dụ lâm triều nhiếp
chính. Bà ta nắm quyền được 4 năm, bị chết vì bệnh đường ruột.
Hưởng thọ 46 tuổi. Mai táng ở Sùng Lăng.

*

Long Dụ là cháu gái họ của Từ Hi. Năm Quang Tự 17 tuổi. Từ Hi đã chọn bà ta làm hoàng hậu. Để không chế Quang Tự và cũng để tộc Nã Lạp lại có một người làm hoàng hậu, nên Từ Hi quyết định chọn Long Dụ làm hoàng hậu của Quang Phổ.

Trước khi được chọn làm hoàng hậu, thường đi lại trong cung. Quang Tự sớm quen biết bà ta hơn nữa còn rất ghét bà ta. Long Dụ cũng rất miệt thị sự nhu nhược của Quang Tự. Quang Tự nghe nói Long Dụ sẽ trở thành hoàng hậu của mình, ông ta nói với Từ Hi: "ý chỉ của thái hậu, nhi thấn đương phải tôn lệnh, nhưng nhi thấn không sao thích được cô ta". Từ Hi vẫn kiên quyết lập Long Dụ làm hoàng hậu. Ngày đầu tiên khi kết hôn, Quang Tự đã lạnh lùng với bà ta, đến lúc chế t vẫn không coi bà ta là vợ. Từ Hi và Long Dụ cũng vì vậy mà rất hận Quang Tự.

Tháng 10 năm 1908 Quang Tự và Từ Hi lần lượt băng hà, Long Dụ thừa nhận ý chỉ của Từ Hi đã phong Phổ Nghi làm hoàng đế và Long Dụ tự xưng làm thái hậu, buông rèm nhiếp chính và để Tài Phong làm nhiếp chính vương.

Trong thời gian Long Dụ buông rèm đã lấy thực hành chính quyết mới làm danh, gia tăng thuế má, vì vậy nô ra các phong trào: chống giặc nộp lương thực, và cướp gạo cướp muối của thị dân..., bà ta còn lấy đường săt quôc hưu làm danh, đem tuyên đường săt giao nộp cho chủ nghĩa đói quôc; bà ta trọng dụng hoàng tộc, bài trừ người Hán, mở rộng quân sát..., dẫn tới sự phân hòa trong giai cấp thống trị, nên chính trị rơi vào thếcô lập.

Sau khi bùng nổ cuộc cách mạng Tân Hợi. Tháng 10 năm 1911, Viên Thế Khai được sự giúp đỡ của chủ nghĩa đói quôc đã ép Long Dụ và tập đoàn hoàng tộc Thanh phải giao nộp chính quyết, ngày 12 tháng 2 năm 1912 hoàng đế Thanh tuyên bố thoái vị. Nghe nói, Long Dụ thấy giang sơn đại Thanh bị lũng đoạn bởi bàn tay bà ta do đó đã tự sát nhưng được thuộc hạ cứu. Sau chuyện này là ta sốt buôn râu ở Tử Cấm Thành, dần dần bị bệnh trướng bụng nên chết. Bà ta mất ngày 17 tháng 1 năm 1913 tại Tử Cấm Thành.

TÔN ĐẾ (TUYÊN THÔNG HOÀNG ĐẾ - PHỐ NGHI)

Tôn Đế, ông ta tên là Ái Tân Giáo La, Phổ Nghi (1906 - 1967), ông là chắt của hoàng đế Đạo Quang và là con trai của Thuần Tân Vương Tài Phong. Phổ Nghi kế vị khi Quang Tự chết. Ông trị vì 3 năm, sau cuộc cách mạng Tân Hợi thì thoái vị, ông là vị hoàng đế cuối cùng của triều Thanh và cũng là vị hoàng đế cuối cùng trong lịch sử Trung Quốc. Sau khi nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập, ông đi cải tạo và trở thành một công dân của nước Trung Hoa mới. Ông chết vì bệnh thận. Hướng thọ 62 tuổi. Hỏa táng, hài cốt mai táng ở công mộ cách mạng núi Bát Bảo thành phố Bắc Kinh.

*

Tháng 10 năm 1908, ngày thứ 10 kể từ khi Từ Hi bị ngã bệnh đột nhiên quyết định lập Phổ Nghi làm hoàng đế. Tiếp đó Quang Phổ và Từ Hi khen nhau bằng hà. Hơn nửa tháng sau, lúc đó Phổ Nghi mới 3 tuổi đã làm lễ đăng cơ tại điện Thái Hòa do thái hậu Long Dụ và Tài Phong nêu chính. Cho đổi niên hiệu là "Tuyên Thống".

Năm 1911 cuộc cách mạng Tân Hợi bùng nổ. Ngày 12 tháng 2 năm 1912 thái hậu Long Dụ bị ép buộc thay Phổ Nghi tuyên bố "chiêu thư thoái vị", sau khi thoái vị Phổ Nghi cư trú tại điện Dưỡng Tâm trong Tử Cấm Thành, tuyên cáo sự diệt vong của vương triều Thanh và kế thừa chê độ phong kiến kéo dài hơn 2000 năm.

Tháng 6 năm 1917 Trương Huân dẫn quân về kinh và cùng với bè đảng phái bảo vệ hoàng quyết như Khang Hữu Vi, ngày 1 tháng 7 tuyên bố phục vị cho Phổ Nghi. Tháng 12 trong tiếng phê phán của mọi người Phổ Nghi lại tuyên cáo thoái vị.

Ngày 3 tháng 11 năm 1924 Phùng Bảo Tường phái Lộc Chủng Lân dẫn quân vào Tử Cấm Thành bắt Phổ Nghi rời cung. Phổ Nghi chạy về Bắc Phủ (nơi cư trú ở phủ của cha đẻ Phổ Nghi), tiếp đó Phổ Nghi chạy đến đại sứ quán Nhật Bản. Ít lâu sau đại sứ quán Nhật Bản tố ng(tiễn) ông ta đến Thiên Tân.

Ngày 1 tháng 3 năm 1934 chủ nghĩa đới quốc Nhật Bản giúp Phổ Nghi lập chính quyến "nước Mãn Châu", đặt niên hiệu là "Đại Đô`ng". Năm 1934 đổi quốc hiệu là "Đới quốc Mãn Châu" và xung là "hoàng đế́", đổi niên hiệu là "Khang Đức".

Tháng 8 năm 1945, Nhật Bản thua trận đấu hàng. Ngày 17 tháng 8 Phổ Nghi bị Hô`ng Quân Liên Xô bắt giữ tại Thấn Dương và giải đến Liên Xô. Đấu tháng 8 năm 1950 bị áp giải về` Trung Quốc và bị đưa đến trại cải tạo để học tập. Ngày 4 tháng 12 năm 1959 nhận được đặc cách của chủ tịch Mao Trạch Đông nói: "Ông ta cải tạo đã 10 năm, trong thời gian cải tạo, qua sự cải tạo lao động và giáo dục tư tưởng, đã thấy tiê`n bộ, bỏ tà quy chính, do đó cho phép ông ta được tự do". Từ đó người đại diện cuối cùng cho giai cấp phong kiến đã trở thành một con người mới, một công dân của nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Tháng 3 năm 1960 Phổ Nghi được điê`u đến viện thực vật Bắc Kinh. Năm 1964 ông được làm chuyên viên việc làm tư liệu của ủy ban nghiên cứu tư liệu văn sử hiệp thương chính trị và phụ trách ủy viên hội nghị hiệp thương chính trị tổ chức lâ`n thứ 4.

Năm 1967, Phổ Nghi bị bệnh. Thủ tướng Chu Ân Lai biết tin liê`n đích thân gọi điện cho nhân viên làm việc ở hiệp thương chính trị: "nhất định phải chữa trị khỏi bệnh cho Phổ Nghi". Sau đó ra chỉ thị đưa Phổ Nghi đến bệnh viện thủ đô để chữa bệnh theo phương pháp Trung Tây kêt hợp. Trong lúc bệnh tình nguy hiểm nhất, thủ tướng Chu Ân Lai phái một bác sĩ nổi tiê`ng đến chữa bệnh cho Phổ Nghi và chuyển lời hỏi thăm của thủ tướng tới Phổ Nghi. Nhưng bệnh tình của ông quá nặng, y học cũng đành bó tay. Ông từ trâ`n ngày 16 tháng 10 năm 1967 tro cốt mai táng tại công nợ cách mạng núi Bát Bảo.

Trong sử gọi Phổ Nghi là Tôn Đế hay còn gọi là Tuyên Thô`ng hoàng đế́.

Phổ Nghi là người có kêt cục tôt đẹp nhất trong các hoàng đế́ cuối cùng ở các triê`u đại và ông cũng là một hoàng đế́ cuối cùng may mắn nhất so với các hoàng đế́ cuối cùng ở các nước trên thê`

giới (hoàng đế Pháp bị chém chết trong cuộc đại cách mạng; hoàng đế Anh bị giết...).

NHỮNG CÁI NHẤT CỦA CÁC ĐẾ VƯƠNG TRUNG QUỐC

Trong các triều đại thì triều Thương là triều đại có nhiều đế vương nhất: 30 người (kể từ Thang cho đến Trụ), còn triều đại ít đế vương nhất phải kể đến 5 triều đại: Tân triều, Đông Ngụy của Bắc c Thá và Đại Thiên Hưng, Đại Nghĩa Ninh và Đại Tung của Nam Chiêu... chỉ có mỗi một đế vương.

Trong các triều đại nêu trên tính bình quân tuổi thọ dài nhất của các bậc đế vương thì phải nói đến triều Nam Đường ở thời Ngũ Đại Thập Quốc, bình quân mỗi người khoảng 54 tuổi, còn tuổi thọ ngắn nhất phải kể đến triều Bắc Chu ở thời Nam Bắc c Triều, mỗi người khoảng 22 tuổi.

Trong lịch đại đế vương, người thọ nhất là Thạch Cao Tông (hoàng đế Càn Long), ông ta hưởng thọ 89 tuổi.

Thọ ngắn nhất là Đông Hán Thương Đế Lưu Lang, ông ta tròn 2 tuổi.

Trong các triều đại, vương triều tồn tại lâu nhất là vương triều Đông Chu, kéo dài 513 năm, còn vương triều tồn tại ngắn nhất là 3 vương triều: Đại Thiên Hưng, Đại Trung, Bắc c Liêu... chỉ tồn tại hơn một năm.

Trong các triều đại, vương triều có đế vương tính trung bình sô năm trị vì lâu nhất là triều Thanh, tính trung bình mỗi người khoảng 27 năm; còn tính trung bình vương triều có sô năm trị vì ngắn nhất là triều Bắc c Liêu, mỗi người khoảng 5 tháng.

Trong các triều đại người có số tuổi lớn nhất mới là trị vì là Võ Tắc Thiên, bà ta 67 tuổi mới chính thức trị vì thiên hạ người đứng thứ 2 là Tông Vũ Đế Lưu Dụ ở Nam triều, ông ta 67 tuổi thì lên trị vì, còn người ít tuổi nhất mà đã lên ngôi là Đông Hán Thương Đế Lưu Lang, lúc lên ngôi mới có 100 ngày.

Trong lịch sử Trung Quốc, người trị vì lâu nhất là Thánh Tổ triều Thanh (hoàng đế Khang Hi) ông ta trị vì 61 năm; còn người trị vì ngắn nhất là Hoàn Nhan Thùa Lân triều Kim, ông ta trị vì có nửa ngày.

Trong lịch sử Trung Quốc, triều đại có kết cục tö'i tàn nhất là triều Tây Yên ở thời Thập Lục Quốc và triều Lương và triều Tùy ở Nam Triều. Triều Tây Yên có 7 đế vương, thì 6 người bị giết trong cuộc nội chiến, 1 người làm mất nước bị giết; triều Lương có 8 hoàng đế thì đế'u bị giết trong nội chiến; triều Tùy có 5 người thì 1 người bị giết trong nội chiến, 4 người bị giết khi làm mất nước.

Trong lịch sử Trung Quốc người có kết cục hoang đường nhất là Đông Tán Vũ Đế Tư Mã... chỉ vì lời nói đùa trong lúc rượu say lên bị phi tử hại chết, còn người có kết cục tö'i đẹp nhất là Phổ Nghi (hoàng đế Tuyên Thống).

Trong lịch sử Trung Quốc người có ng hién cho nghệ thuật nghiệp nhất là Đường Minh Hoàng (Huyền Tông) Lí Long Cơ.

Người có nghiệp thơ ca nhất là Ngụy Văn Đế Tào Phi thời Tam Quốc.

Người tinh thông thi họa nhất là Tông Vi Tông Triệu Cát (Triều Bắc Tông), ông thiên về vẽ tranh hoa điêu.

Trong lịch sử Trung Quốc, nữ hoàng đế duy nhất là Võ Tắc Thiên (bà ta là hoàng hậu của Đường Cao Tông).

Unfaithful là bộ phim nổi tiếng của Mỹ về khung hoảng hôn nhân. Nội dung phim nói về vợ chồng Edward và Connie, tuy yêu nhau nhưng đời sống hôn nhân đã dần giết chết những lãng mạn tinh tế buổi ban đầu. Điều này đã khiến Connie xiêu lòng và rơi vào một cuộc tình vụng trộm với một gã đàn ông đào hoa lật mặt. Bộ phim đã giúp Diane Lane – người đóng vai Connie được đề cử giải Oscar cho Nữ diễn viên chính xuất sắc nhất năm 2003.

Là bộ phim được chuyển thể từ cuốn tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Kaui Hart Hemmings. Từng giành được 44 giải thưởng lớn nhỏ, trong đó có giải Phim tâm lý xuất sắc và Kịch bản chuyển thể xuất sắc.

Tạm biệt tình yêu của anh, tạm biệt người bạn của anh. Nỗi đau của anh. Niềm vui của anh. Tạm biệt!

Cưỡng cơn giá bắc của tác giả Daniel Glattauer

(1). Xê-rét: rượu nho Tây Ban Nha.

(1). Sean Connery: ngôi sao điện ảnh kì cựu của Hollywood, nổi tiếng với vai diễn siêu điệp viên James Bond - 007.

(2). Johnny Depp: ngôi sao điện ảnh Mỹ.

(3). David Beckham: ngôi sao bóng đá Anh, đồng thời nổi tiếng vì vẻ đẹp ngoại hình.

(4). Cary Grant: tên thật là Archibald Leach, người Anh, là một nam tài tử điện ảnh nổi tiếng, từng vinh dự nhận tượng vàng Oscar.

(5). Hugh Grant: sinh năm 1960, người Anh, là diễn viên điện ảnh nổi tiếng, được mệnh danh là “Ông hoàng của phim lãng mạn.”

(6). Russell Grant: sinh năm 1951, người Anh, là một nhân vật nổi tiếng trong ngành truyền thông. Ông có ngoại hình rất béo.

(7). Jim Royle: một nhân vật trong serie phim hài của Anh là “Gia đình Royle”, có ngoại hình béo, lùn và hàng râu quai nón.

(8). Johnny Vegas: diễn viên hài người Anh, có chất giọng khàn và ngoại hình rất béo.

(1).Thần Cupid: thần tình yêu trong thần thoại La Mã. Trong thần thoại Hy Lạp, vị thần này có tên là Eros.

(1). Soap-on-a-rope: bánh xà phòng có dây treo.

(1). Sparta: một thành bang nổi tiếng của Hy Lạp thời cổ đại.

(1). Mozzarella: một loại pho-mát được làm từ nguyên liệu đặc trưng sữa bò, xuất xứ Newzealand.

- (2). Parmesan: một loại pho-mát nguyên miếng của vùng Parma (Ý) thường được làm từ đậu nành.
- (3). Spaghetti: một loại mì nổi tiếng của Ý.
- (4). Núi lửa Vesuvius: nằm ở phía nam thành phố Naples, nước Ý. Được xem là ngọn núi lửa nguy hiểm nhất thế giới.
- (1). Adrenaline: một chất nội tiết có tác dụng gây hưng phấn tinh thần.
- (1). Cotton: bông.
- (2). Kashmir: một bang của Ấn Độ, nơi nổi tiếng về các sản phẩm dệt lụa, dệt len.
- (3). Đồng thau: đồng pha thiếc.
- (4). Ritz: một khách sạn nổi tiếng và đặc biệt sang trọng ở Paris, Pháp.
- (5). SanFranciso: thành phố thuộc bang California, nước Mỹ.
- (6). Cầu Cổng Vàng: cây cầu treo dây võng dài nhất thế giới, bắc qua eo biển giữa vịnh San Francisco và Thái Bình Dương.
- (7). The Platinum News: Tin tức Bạch kim.
- (8). Brandy: tên gọi chung của các loại rượu mạnh được chế biến bằng cách chưng cất trái cây.
- (9). Whisky: loại rượu có nguồn gốc từ nước Anh, được sản xuất bằng cách lên men và chưng cất.
- (1). Hamburgers: loại bánh được làm từ bột mì, bơ, trứng sữa, vụng và một số gia vị khác.
- (2). Elvis Presley: ca sĩ, diễn viên người Mỹ, được mệnh danh là vua nhạc rock and roll.
- (3). Flisnttones: tên bộ phim hoạt hình nhiều tập của Mỹ kéo dài từ năm 1960 – 1966.
- (1). The full monty: Những chàng trai bụi đời.
- (2). Kèn túi: một loại nhạc cụ hơi của người Scotland, có phần bầu kèn là một chiếc túi da.
- (3). You can leave your hat on: Anh hãy bỏ mũ ra.
- (1). Spa: thẩm mỹ viện.
- (2). Eurostar: tàu điện cao tốc lớn nhất của Pháp.
- (3). Transpennine Express: tàu tốc hành của Newcastle vùng Đông Bắc nước Anh.
- (4). Orient Express: tàu tốc hành của Pháp.

(1). Hat-trick: thuật ngữ của môn bóng đá, chỉ thành tích ghi bàn đặc biệt của một cầu thủ, ba lần sút tung lưới đối phương trong một trận đấu.

(2). Phòng Bầu Dục: phòng làm việc của tổng thống, nằm trong Nhà Trắng, phủ tổng thống của nước Mỹ.

(1). Odysseus (Ô-đi-xê): một người anh hùng trong truyền thuyết Hy Lạp cổ đại, nhân vật chính trong trường ca Odysseus của Hô-me.

(2). Trojan (Tơ-roa): thành bang thuộc Hy Lạp cổ đại, nơi xảy ra cuộc chiến tranh nổi tiếng được mô tả trong trường ca I-li-át.

(3). Paris Match: tạp chí tuần của Pháp đăng tin trong nước và quốc tế về cuộc sống của các ngôi sao nổi tiếng.

(1). I love you! : Anh yêu em!

(2). Download: tải xuống từ Internet.

(1). Paul McCartney: ca sĩ, nhạc sĩ nổi tiếng người Anh, thành viên ban nhạc lừng danh The Beatles.

(2). Maca: tên gọi thân mật của Paul McCartney.

(1). Christian Dior: nhà thiết kế thời trang của Pháp, người tạo nên thương hiệu thời trang nổi tiếng mang tên ông.

(2). Giorgio Armani: nhà thiết kế thời trang nổi tiếng của Ý. Thương hiệu Armani do ông xây dựng được coi là một trong bốn thương hiệu thời trang sang trọng nhất nước Ý.

(3). Ralph Lauren: nhà thiết kế thời trang của Mỹ, người tạo nên thương hiệu thời trang nổi tiếng thế giới.

(4). Alexander McQueen: nhà thiết kế thời trang nổi tiếng nước Anh.

(1). Observer: người quan sát.

(2). Honolulu: thủ phủ của bang Hawai(Hoa Kỳ), một địa điểm du lịch nổi tiếng.

Mượn ý thơ của chị Nguyễn Thiên Ngân

Olga Fyodorovna Berggolts (sinh ngày 16 tháng 5 năm 1910, mất ngày 13 tháng 11 năm 1975) là nữ nhà thơ, nhà văn Liên Xô. Bà nổi tiếng nhất với những tác phẩm sáng tác trong thời kì Leningrad bị bao vây.

Marai Sandor: Sándor Marai (tên khai sinh: Sándor Károly Henrik Grosschmid de Mara, tên tiếng Anh: Alexander Marai) - 11/04/1900 – 21/02/1989, là một nhà văn và nhà báo Hungary.

1. Zisel: Vở balet kể về những cô gái trinh bị phụ tình, cứ đêm đêm hiện lên bên đầm lầy, nhảy một điệu múa ma. Nếu khi ấy có người

đàn ông nào lạc đến đó sẽ bị cuốn vào điệu nhảy cho đèn sáng, kiệt sức mà chết.

2. Ôp: Viết tắt của từ ký túc xá (tiếng Nga), cũng có nghĩa là nơi ở tập trung của những người Việt Nam ở Nga, sau này Ôp còn mang nghĩa là trung tâm buôn bán của người Việt.

3. Na-dat: Quay lại.

4. Xanh: Từ lóng chỉ đô la Mỹ.

5. Đỏ: Từ lóng chỉ vàng.

6. Đôm: Nhà, được dùng với nghĩa Trung tâm chợ, buôn bán của người Việt

7. Nhianhia: Nhũ mẫu, người trông trẻ

8. Papka: File đựng giấy tờ

Trạm thu phát gốc (hay còn gọi là trạm gốc): là một phần của mạng thông tin di động GSM, chịu trách nhiệm truyền và giao tiếp giữa điện thoại di động và hệ thống chuyển mạch. Trạm gốc thực hiện việc truyền các kênh thoại đã mã hoá, cấp phát các kênh sóng cho máy điện thoại di động, quản lý chất lượng truyền và nhận thông qua giao tiếp bằng sóng cao tần và thực hiện nhiều việc khác liên quan tới mạng truyền dẫn bằng sóng radio.

Ngũ Lương Dịch là nhãn hiệu rượu nổi tiếng Trung Quốc, giá khá cao. Đây là loại rượu mạnh, từ năm mươi độ trở lên.

Thanh nhất sắc là thuật ngữ chơi mạt chược.

Chính hiệp là cơ quan tương tự Mặt trận Tổ quốc của Việt Nam.

Kim cương vương lão ngũ chỉ những người đàn ông hoàn hảo: trẻ tuổi, giàu có, đẹp trai, có học.

Weibo là mạng xã hội lớn ở Trung Quốc, tương tự facebook.